LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

SỐ 1723
(QUYỂN 11 →20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1723

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Sa-môn Khuy Cơ soạn tại chùa Đại Từ Ân

QUYỂN 6
(PHẦN ĐẦU)

- Kinh: "Bấy giờ Phật muốn nói lại nghĩa này cho đến có một ngôi nhà lớn."

- Tán: Đây là phần tụng, gồm một trăm sáu mươi lăm hàng tụng, chia làm hai:

1. Tám mươi bốn hàng tụng rưỡi, tụng lại pháp dụ ở trước.

2. Phật bảo Xá-lợi-phất: "Các thầy đều là con của ta, ta là cha của các thầy". Tám mươi hàng rưỡi tụng này là đoạn lớn thứ ba, khuyên tin hiểu kinh này, vui mừng sẽ thành tựu được trí Phật.

Phần đầu có ba:

1. Sáu mươi lăm hàng rưỡi, tụng lời thí dụ trên.

2. Mười tám hàng tụng phần hợp nói trên.

3. Một hàng tụng kết nói trước. Đó là nhân duyên thật cầu trong mười phương, chẳng có thừa nào khác trừ Phật phương tiện.

- Trong sáu mươi lăm hàng rưỡi đầu, tụng phần dụ nói lại chia làm hai:

1. Năm mươi ba hàng rưỡi tụng về thí dụ quyền trước kia.

2. Mười hai hàng tụng về pháp thật ngày nay. Trong năm mươi ba hàng rưỡi lại chia làm bốn:

1. Nửa hàng tụng về dụ ba cõi Phật có.

2. Ba mươi hai hàng rưỡi, là tụng dụ nguy ách của năm đường.

3. Mười bốn hàng là tụng về dụ: Thấy lập quyền phương tiện.

4. Sáu hàng tụng: Dụ y theo lời dạy mà thoát nạn.

Nữa hàng tụng dụ ở văn xuôi có sáu ý nay chỉ có hai ý là chủ nhà và tướng nhà:

Trước nói có nhiều nhà ruộng, trong đây có một nhà lớn, là ba giải thích ở trên.

- Kinh: “Nhà đó đã lâu cho đến nền móng đều mục nát.”

- Tán: Đây là phần thứ hai có ba mươi hai hàng rưỡi tụng, về thí dụ sự nguy ách trong năm đường. Trong Văn xuôi có bốn, đây chia ra làm ba:

1. Ba hàng tụng về sự hư nát của ngôi nhà.

2. Nửa hàng tụng nói các rất nhiều người .

3. Hai mươi chín hàng, tụng tai ách xảy ra khắp nơi.

Đây không tụng phần thứ tư nói các việc các con vui chơi.

Trong phần một nói nhà cửa hư mục lại chia làm hai:

- Bảy câu tụng nói chung về ngũ ấm vô thường trong ba cõi.

- Năm câu nói riêng về nghĩa sắc thân vô thường, vô ngã bất tịnh.

- Nói nhà đã lâu cũ, nói theo chiều dọc thì thức uẩn từ vô thỉ niệm niệm đều sanh diệt, cũng như sự huyễn gọi là lâu cũ. Nếu nói theo chiều ngang cũng thành tệ hại, chẳng phải dần dần mất. Xấu xa là mục nát, Tệ là hủ bại.

- Nhà phòng cao nguy là chỉ cho sắc uẩn vô thường. Vì lầu gác cao thì dễ sụp đổ. Nguy tất là không an, cũng như bọt nước không lấy gì làm chắc chắn. Các cột trụ đều gãy mục là chỉ cho hành uẩn vô thường, niệm niệm đều dời đổi hư hoại, khi nghiệp dứt thì chết là gọi là gãy mục, như cây chuối.

- Kèo cột nghiêng ngã: Là thọ uẩn vô thường, đã mất sự chánh thọ thì làm sao an ổn, giống như bọt nước.

- Nền móng nát rã: Cũng tức là hành uẩn nghiệp tư gọi là nền móng, vì để an trụ mạng căn . Hành nhiếp gồm nhiều pháp. Nghiệp quả cả hai đều khác nhau nên chia làm hai câu.

- Kinh: “Tường vách sụp đổ cho đến tạp uế rơi đầy khắp.”

- Tán: Đây là nói về tường vách sụp đổ là chỉ cho tưởng uẩn vô thường.

Bảy câu trên nói chung về năm uẩn vô thường ở ba cõi tùy theo nơi có mà đều như thế.

Năm câu dưới là nói riêng về nghĩa sắc thân vô thường. Ba câu nói về vô thường, một câu nói vô ngã, một câu nói về bất tịnh. Do đó mà thành ra không. Bùn trát là dụ cho thịt.

Trong Du-già quyển mười chín trích dẫn bài tụng kinh chép: Có thành lấy xương cốt làm thành. Lấy gân cốt làm đồ tô điểm. Trong đó có tham nhuế, mạn phú, được nhậm trì. Từ Thị giải thích: Thành gọi là bát thức, đầy xương cốt gạch đá. Gân cốt là dây, thịt làm đồ tô điểm hình hài làm thành, có rào vây quanh. Trong thành này có bốn thứ ác pháp được gìn giữ, hai pháp do chúng tại gia khởi và tham, sân. Hai pháp do chúng ngoại đạo khởi là Mạn (kiêu mạn) và phú (che). Tại gia thì do tham đắm dục tương ưng với hành ác. Ở trong chánh pháp còn không tin thọ, huống chi là có thể tu thiện. Nếu có người khuyên can liền sanh sân giận, ngoại đạo cậy theo ác nói pháp mà sanh kiêu mạn, không thể tự nhiên hướng về ngôi Tam bảo. Do che giấu không phát lộ ra các ác pháp, huống là có thể tin hiểu mà tu các pháp thiện. Hai thứ tâm này thành còn không thể vào huống là giữ lấy.

Kinh Niết-bàn cũng nói: Thân như là thành, có các thứ máu thịt xương cốt da ở trong đó, tay chân dùng để cầm dao mộc đối địch. Mắt là các lỗ khiếu. Đầu là giảng đường, tâm vương ở giữa cho nên lấy thịt làm đất bùn trét thành, da làm mái tranh, gân cốt làm cột xà. Trên là nói các pháp sắc thân vô thường.

"Bốn bề đầu cong gãy" câu này dụ nói vô ngã. Trong nhà chung quanh có chướng ngại, uốn khúc khó vượt qua. Biết rõ là vô ngã. Nếu có ngã thì thuân nhất không có uốn khúc, cũng không có chương ngại. Tạp uế khắp nơi là dụ cho bất tịnh. Như ba mươi sáu vật đầy khắp trong thân Cõi Dục. Do ba nghĩa này, nên cũng thành không.

- Kinh: "Có năm trăm người ở trong nhà đó."

- Tán: Tụng nói mọi người rất nhiều.

- Kinh: "Chim xí, hiu, điêu, thú... cho đến... cùng bay nhanh đi."

- Tán: Đoạn thứ ba có hai mươi chín hàng tụng. Tai nạn nổi lên các nơi, chia ra làm ba:

1. Mười bảy hàng rưỡi tụng nói chung về tướng các loài quỷ trùng cùng biến hóa ra.

2. Mười hàng rưỡi tụng nguyên nhân trùng quỷ tạp uế khởi lên.

3. Một hàng tụng kết thành các nạn trên. Nói chung các biến quái là tổng tướng của mười phiền não. Riêng nói khởi lên tức tướng hoặc trong Ba cõi.

- Văn xuôi nói tai họa nổi lên chỉ nói lửa đốt. Nay thêm loại trùng

quỷ để nói các điều ác, muốn khiến cho chúng sanh nhàm chán sâu xa, như tam độc cho đến chê trách nên lập các thứ trên.

Trong mười bảy hàng rưỡi lại chia làm ba:

1. Sáu hàng tụng về các thứ trùng độc chim quái. Có sự trì độn cho nên lấy làm dụ cho năm sử như tham v.v...

2. Mười hàng tụng nói về linh thần dị quỷ: Hơi nhanh nhẹn nên dụ cho ngũ kiến.

3. Một hàng tụng rưỡi là kết lại hai phần này.

Trong phần một này lại chia làm hai: Năm hàng rưỡi nêu riêng, nửa hàng kết ý nêu ra. Năm hàng rưỡi có năm ý:

a. Nửa hàng dụ cho tham.

b. Một hàng rưỡi dụ cho sân.

c. Một hàng tụng dụ cho si.

d. Một hàng tụng dụ cho nghi.

e. Một hàng rưỡi tụng dụ cho mạn.

Đây là nói hai phần đầu.

Trong đây không phụ thuộc vào văn biệt giáo, chỉ có tương ưng các hành tướng tức là nghĩa phối hợp nhau. Thuận theo kinh xưa thì như vậy. Trong luận bổn không giải thích, vì lý chưa hẳn vậy, nghĩa phù hợp thì chưa hẳn là không đúng.

Tham ái có bốn:

1. Hiện hữu ái.

2. Hậu hữu ái.

3. Tham hỷ câu hành ái.

4. Hỷ, lạc mỗi thứ đều ái.

Ở đây đều căn cứ vào hành tướng riêng. Vì hiện có thể thấy. Chim xí, hiêu, điêu, thứu, như thứ lớp là bốn ái phẩm thượng: Các thứ quạ, chim thước, cưu, cáp như thứ lớp là bốn ái phẩm hạ. Hoặc tham tánh độn, tham hiện quái, tham đại lực, tham động thân, tham phi pháp, tham phát ngữ, tham thấp hèn, tham nặng về dâm, lần lượt hiện ra như thế. Tám thứ chim này lần lượt hiện ra các tham này, cho nên nêu ra làm thí dụ.

Dụ cho sân có mười một loại:

1. Ngoan: Âm là ngoan. Kinh Di Giáo giải thích là loại rắn ngắn màu đen. Trong Hán thư gọi là Huyền ngoan. Vĩ Chiêu giải thích là Huyền hắc, là loại rắn làm thuốc, là kỳ nhông, thằn lằn. Con lớn dài ba thước. Sắc màu đen tía, khéo mê hoặc người. Gồm có bốn tên khác là: Vinh nguyên (kỳ nhông), Tích dịch (thằn lằn), Yển diên (tắc-kè), Thủ

cung. Trong Ngọc thiên đều gọi là xà y (rắn thuốc), ở trong nhà là thủ cung. Ở dưới đầm trạch thì gọi là yển diên... Theo đây thì trong kinh Di giáo gọi là Hắc ngoan, mượn làm chữ xà. Nay giải chữ Ngoan có hai nghĩa:

1. Tích dịch.

2. Hắc đoản xà.

Thế nên trong kinh Di giáo nói: Rắn ngủ đã ra, mới có thể ngủ yên. Do đó kia nói không lầm, chỉ gọi là Hắc ngoan mà không gọi là Vinh ngoan. Có người nói loài trùng nước ác tánh, hoặc nói là long (rồng), thật ra thì không đúng. Kia vốn là chữ long chứ không phải là chữ ngoan.

2. Xà: Ngoài trên ra là bao gồm các loài rắn.

3. Phúc: Phúc xà: Loại rắn này dài ba tấc, đầu lớn bằng cánh tay, vùng Giang nam gọi trùng là phúc, có răng rất độc, trên mũi có kim. Còn gọi là phản tỷ xà, màu sắc như lụa hoa, dài khoảng bảy tám thước. Nếu cắn tay thì phải chặt tay. Loại này có nhiều ở vùng Lãnh nam.

4. Yết: Bò cạp.

5. Ngô công: Rít, có khi bắt rắn, thân sanh chân đỏ là loại lành.

6. Do diên: Một loài côn trùng chân dài có sừng. Ở Giang Nam thường gọi là Ngô công.

7. Thủ công: Thiểm Tây gọi là Bích cung. Trét máu vào tay của người nữ có tư tình, thì rửa không sạch, có thể dùng giữ cung nữ, nên đặt tên. Cũng có khi nói loài ở đá thì gọi là Tích dịch, ở đầm thì gọi là Yển diên, ở trong nhà thì gọi là Thủ cung. Gọi chung là Vinh nguyên.

8. Bách túc: Trăm chân.

9. Dứu: Chồn sóc (như loài chuột) cũng gọi là Sanh thử.

10. Ly: Là loài giả mèo: chồn, mèo hoang.

11. Hề thử: Trong Nói văn gọi là Tiểu thử (chuột nhắt). Trong Ngọc thiên nói có loài Thích độc ăn thịt người và các loài chim thú. Tuy đến chết mà vẫn không biết không đau. Trong Xuân thu gọi là loài ăn ngoài sừng trâu. Nay gọi là Cam khẩu thử. Các loài này phần nhiều độc hại, nên lấy đó để dụ cho sân. Tướng chung của sân duyên với mười việc mà được sanh:

1. Thân mình.

2. Sở ái hữu tình.

3. Phi ái hữu tình.

4. Oán thân ở Quá khứ.

5. Oán thân ở Vị lai.

6. Ở oán thân hiện tại.
7. Cảnh không vừa ý.
8. Ganh ghét.
9. Thói quen trước kia.
10. Người thấy.

Tóm lại thì có một sân, mà biệt hành nêu ra có mười, phối hợp thành mười một. Năm thứ như phẫn hận v.v... trong tùy phiền não gọi là các thứ ác trùng. Gặp duyên sanh khởi thì gọi là ngang dọc xen đuổi chạy. Lại có các thứ: Mảnh lợi sân, Bỉ não sân, Báo oán sân, Hiện tướng sân, Sân độc hại, Sân bất đoạn, Sân ganh ghét, Sân phiền não, Sân tư thiết, Sân tổn sát, Sân tiềm kế. Như thứ lớp phối hợp, ngang dọc đuổi chạy là kết thúc phần sân ở trên.

- Kinh: "Nơi phân tiểu nhờm gớm cho đến mà nhóm họp trên đó."

- Tán: Đây là dụ cho Si. Có ba mươi sáu thứ như phẩn uế v.v... Si tăng thượng nên các báu vật mặc vào thân như các loài bọ hung cùng bu lại chỗ hôi thối mà không biết đó là bất tịnh. Đam mê ngu si sanh tử ở trong ba cõi mà khởi ra bảy mươi chín thứ gọi là trùng. Các loài này chẳng phải một, cho nên trong Luận Du-già quyển chín chép: Nơi hôi thối đó không thể ưa thích, đáng nhàm chán ghê tởm. Xú nghĩa là ác khí, nghĩa là hơi thở, mùi hôi.

- Kinh: "Cáo, sói cùng dã can cho đến Xương thịt văng bừa bãi."

- Tán: Đây là dụ cho nghi.

Hồ (cáo): Trong Ngọc Thiên nói là loài quỷ tà, yêu thú nương vào cáo có ba đức. Màu sắc nó trung hòa. Trước nhỏ sau lớn. Khi chết sẽ giữ lấy đất.

- Dã can có màu vàng sanh như loài chó, chúng đi cả bầy cất tiếng kêu vang trong đêm, âm thanh như chó sói, ở trong hang động nơi núi sâu, hoặc cây cao lớn, thân hình loài cáo thì hơi lớn, dã can thì nhỏ. Hai hình thù lớn nhỏ khác nhau, cho nên trong Thiền kinh có nói: Thấy con dã hồ, lại thấy dã can, loài sói có thể phân biệt lo. Đây là vì những người nghi Tam bảo, Ba đời, Ba cõi, cho nên nêu ba đường này để thí dụ. Cắn thì gọi là tước. Dùng chân đạp thì gọi là tiễn đạp. Gân cốt thì gọi là tề, làm tổn thương da thịt thì gọi là thiết... Do đây mà xương cốt rời rã nát tan. Nghi phát ra ở miệng cũng như là liếm nhai. Tâm nghi đế lý như chân đạp. Nghi vào nhuyễn pháp của khổ tập như cắn chỉ đến răng. Nghi kiến pháp diệt đạo như cắn bị thương da thịt. Do đây mà cửa sanh tử nhiễu nhương đầy dẫy.

- Kinh: "Do đó mà bầy chó cho đến biến trạng như thế."

- Tán: Một hàng rưỡi tụng về kết thúc. Mạn có bảy thứ chín thứ gọi là bầy chó, thường do nghi sanh ra nên gọi là "Do đó. Chữ phược có nghĩa là đánh. Toát là nắm giữ. Bác là dùng tay đánh. Ngọc thiên gọi là phạ, là phủ. Toát là dùng tay nắm giữ, giải thích là toát tốt, nghĩa là tạm nắm giữ hết. Trong Ngọc thiên và Tứ khuê đều gọi là toát. Nghĩa là ba ngón tay chụm lại, ở đây không phải nghĩa đó. Giơ tay lên cao đánh người thì gọi là bác. Mong người thuận theo mình thì gọi là toát. Ty liệt mạn là cho mình không bằng người như là gầy yếu đói khát. Tâm tuy cao ngạo mà run sợ thì gọi là sợ sệt, tiếp xúc đủ các việc sanh ra gọi là "nơi nơi". Tâm thường không thấy đủ như tìm thức ăn uống, đều là tướng ty mạn. Tâm khinh mạn người thì gọi là cấu xé. Thân khởi khinh mạn thì gọi là giành giựt. Nghĩa là năm ngón tay xòe ra chụp lấy. Ngọc thiên nói năm ngón giựt lấy.

- Kinh: "Nơi nơi đều có cho đến ăn thịt người..".

- Tán: Gồm mười hàng tụng nói về các thứ linh thần dị quỷ, dụ cho năm kiến, ở đây chia ra làm năm:

- Ba hàng rưỡi dụ cho tà kiến.
- Hai hàng tụng rưỡi dụ cho giới thủ.
- Một hàng rưỡi dụ cho thân kiến.
- Nửa hàng dụ cho kiến thủ.
- Hai hàng dụ cho biên kiến.

Trong phần đầu lại chia làm hai:

Một hàng dụ chung về tự thể của tà kiến.

Hai hàng rưỡi dụ về hành tướng sai khác.

Ly, mị trong Ngọc thiên gọi là lão vật tinh (loài vật tinh khôn). Thông tục thì cho các loài tinh quái, ở sơn trạch thì gọi là ly mị. Trương Bình Tử ở Tây kinh có bài phú: Loài sơn thần hình cọp thì gọi là ly. Thần trư ở ao đầm có đầu như người, có đuôi thì gọi là mị.

Võng, lượng là loại biến quái ở trong cây đá. Trong Xuân thu và Ngọc thiên đều gọi là thần. Thêm Dạ-xoa, ác quỷ thì có năm thứ. Dụ cho tà kiến duyên bác bỏ ngũ môn. Duyên bát bỏ năm pháp, tâm tâm sở v.v... thì có năm hành tướng: nghĩa là chê bai nhân quả, tác dụng, thực sự và phi tứ kiến, các tà kiến khác làm tổn thương thiện pháp. Hủy hoại ruộng tốt không thể sanh trưởng, thì gọi là nơi nơi có tổn hại như ăn thịt người.

- Kinh: "Thuộc loại trùng độc... đều tự giấu gìn giữ."

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng về hành tướng khác nhau. Trong đó chia

làm hai:

- Một hàng do tà kiến sanh ra độn phiền não, lại do phiền não sanh ra tà kiến.

- Một hàng rưỡi tụng: Do tà kiến sanh ra các ác kiến và các pháp bất thiện. Các thứ phiền não khác gọi là trùng thú phu nghĩa là tín. Trong Ngọc thiên gọi là lão phục, là trứng nứt ra, là sanh, là loại trứng hóa ra gọi là phu. Trong Quảng nhã gọi là phu sanh. Có nơi gọi là trứng gà ấp mà chưa nở.

- Nhũ: nghĩa là nuôi con. Ngọc thiên gọi là sanh sản tăng tiến, sanh dưỡng tạo nên. Do vật biến hóa ra thì gọi là sanh, sản cũng gọi là sanh. Chim ấp trứng thì gọi là phu, thú nuôi con thì gọi là nhũ. Do tà kiến nên thêm lớn phiền não như bú mớm. Sanh ra các phiền não thì cũng như là sanh sản tà kiến bác bỏ ngũ môn. Phiền não nên sanh trưởng riêng thì gọi là mỗi mỗi gìn giữ nghĩa là tư dưỡng. Hoặc thuộc các thứ trùng thú tà kiến, sanh trưởng phiền não thì gọi là tự giấu gìn giữ.

- Kinh: "Dạ-xoa đua nhau đến cho đến thật đáng sợ."

- Tán: Nói rõ do tà kiến sanh ra các ác kiến và hành bất thiện. Các thứ ác kiến như là Dạ-xoa, ngày ngày thêm lớn gọi là đua nhau đến. Do khởi ra phiền não sanh ra các hành ác gọi là tranh giành nhau. Ăn nghĩa là nuôi lớn, cho nên thân hành ác đầy khắp thì gọi là ăn đã no. Tà kiến càng nhiều thì gọi là tâm ác càng mạnh, phát ra lời nói thành ra đấu tranh cãi vã. Ba nghiệp tà kiến hành ác, thêm lớn làm tổn hại nhiều thì gọi là thật đáng sợ. Cho nên do tà kiến mà sanh ra ba hành ác. Chẳng phải do tà kiến mà sanh ra thân ngữ. Nhân nơi thế lực sanh ra từ xa, cho nên gọi là nói.

- Kinh: "Quỷ Cưu-bàn-trà cho đến chơi đùa phóng dật."

- Tán: Đây gồm hai hàng rưỡi, tụng về giới thủ. Trong đây chia làm hai:

- Một hàng rưỡi dụ hành tướng cho chung.

- Một hàng tụng dụ cho hành tướng riêng.

Nhưng các vị cổ sư trước không theo chánh văn, phần nhiều lấy theo Tiểu thừa để giải thích giới tướng. Nay theo nghĩa Đại thừa tân văn mà giải thích.

- Cưu-bàn-trà nghĩa là đáng sợ. Quỷ là chỉ cho giới thủ, là chấp nặng thuận theo vào các kiến giới, sanh ra không duyên các pháp khác. Như ngồi trên đất cứng. Nếu chỉ chấp vào giới làm nhân trên hết, mà sanh ra thủ gọi là cách đất một thước. Hoặc chấp thuận theo giới cấm là nhân tốt như một thước. Lại chấp làm nhân như hai thước. Giới thủ

phải có đủ hai tướng này. Nếu không thì thuộc về tà kiến. Không cần riêng phối hai thủ ở thượng giới, mà không nói các hoặc khác chung cả thượng giới. Tuy chấp vào ham Thích Cầu diệt quả xuất thế mà trở lại sanh vào trời người thì gọi là "qua". Lại rơi vào đường ác thì gọi là "lại". Thường đắm chìm trong sanh tử hư công khổ hạnh thì gọi là "dạo đi". Chấp cho đó là trên hết trái với chánh đạo thì gọi là "buông lung". Chấp làm chánh nhân nhiễm đắm sanh tử thì gọi là đùa giỡn.

- Kinh: "Nắm hai chân của chó cho đến làm cho chó để vui."

- Tán: Đây nói riêng hành tướng.

Hàng ngoại đạo cầu Niết-bàn giải thoát, chẳng phải pháp thật thù thắng. Sanh tử đáng ghét, dụ như là loài chó. Đắc giới cấm kia thì dụ như hai chân, Niết-bàn, như chân chó, giới cấm khác nhau nên có hai. Hoặc chấp là thắng là nhân nên gọi là hai. Chấp vào giới cấm như nắm chân chó, chấp hành thuận với mình như nắm chân chó dốc ngược. Tuyên dương khổ hạnh về Niết-bàn kia để khai thị chúng sanh cũng như đánh chó kêu thất thanh. Mê đắm hoặc là giới hoặc là cấm có thể đưa đến Niết-bàn, như lấy chân chèn cổ chó vậy, lấy sự an xứ này mà tu khổ hạnh để cầu Niết-bàn, nghĩa cũng giống như mê đắm vui chơi không xả bỏ. Tuy khổ mà cho là vui, lấy đó mà tự vui chơi nên gọi tự lạc.

- Kinh: "Lại có các quỷ cho đến kêu gào đòi ăn."

- Tán: Đây là dụ cho thân kiến. Thân kiến câu sanh thường hành từ vô thỉ, nên gọi là "cao lớn". Phân biệt khởi lên cùng với tánh bất thiện vô tàm vô quý. Dụ như lõa hình. Chữ khỏa có nghĩa là lộ, là không có xấu hổ. Bị vô minh che lấp thì gọi là đen xấu. Cố chấp vào năm uẩn không hề tạm lìa thì gọi là "thường ở trong đó." Các phiền não nhân đó mà khởi ngã ngữ thủ nhân đây mà sanh thì gọi là "phát hung ác". Nơi nơi rộng khởi ngã kiến thấm nhuần thêm lớn gọi là "Kêu la tìm thức ăn".

- Kinh: "Lại có các loài quỷ cho đến cổ họng nhỏ như kim."

- Tán: Dụ cho kiến thủ.

Đầu nó to như núi, cổ họng lại nhỏ như kim nên không thể ăn uống. Kiến thủ cũng vậy, chấp vào các tự kiến là nhân là trên hết nên gọi là lớn như núi, không chấp nhận ý kiến người khác dụ như kim cực nhỏ.

- Kinh: "Lại có loài quỷ cho đến hoặc lại ăn thịt chó "

- Tán: Hai hàng tụng dưới dụ cho biên kiến.

Ở đây chia làm hai:

- Một hàng tụng dụ cho hành tướng chung.

- Một hàng tụng dụ cho hành tướng riêng.

Đầu nó như đầu trâu, đầu có hai sừng. Tức trong biên kiến bao gồm cả thường kiến, chấp đoạn.

Thường đoạn này nương vào ngã kiến mà khởi sau. Như y theo đầu trâu có hai sừng. Hoặc ăn thịt người là dụ cho chấp đoạn; tổn hoại gốc lành, do chấp đoạn hoàn toàn không chịu tu như ăn thịt người. Hoặc lại ăn chó là dụ cho thường kiến, không ngăn ngại sanh thiện, mà tổn hại ít nên dụ như ăn thịt chó.

- Kinh: "Đầu tóc rối loạn cho đến kêu gào bỏ chạy."

- Tán: Dụ cho hành tướng riêng.

Do biên kiến này mà sanh ra bốn mươi bảy kiến trong sáu mươi hai kiến như tóc rối loạn. Do nơi kiến này mà làm điều trái pháp như ngoại đạo làm các việc tàn hại hung hiểm. Vọng kiến của ngoại đạo gọi là hung hiểm, là hung ác hiểm trở. Không lấy việc ăn chánh giáo và uống chánh lý để nuôi dưỡng tâm trí, như kẻ đói khát ép ngặt. Nội tâm đã vậy, ngoài phát ra lời chấp đắm như kêu la, thân gấp rút hành như "rong chạy".

- Kinh: "Dạ-xoa ngạ quỷ cho đến sợ hãi vô lượng."

- Tán: Đây là kết thúc hoàn thành. Ngoại đạo khởi lên các thứ phiền não luống dối điên đảo, như loại Dạ-xoa ngạ quỷ, ở chỗ thế tục khởi lên phiền não mê đắm vào vô trí như các loài ác điểu đường ác.

Đây nói lại phần ở trên. Do khởi phiền não không đạt đến chánh lý, bần cùng không có trí tuệ, như đói khát bức ngặt. Tại thế tục khắp sanh bốn vị: sanh, già, bệnh chết. Nơi nơi đều gặp ác duyên vì đó mà hoặc sanh ra, như đói chạy gấp trong bốn hướng. Ngoại đạo không thể nhìn đúng cửa chánh nhân Niết-bàn, vọng hành trì khổ hạnh mà quán xét chánh lý, như nhìn qua song cửa không thể hành đúng. Các ác nạn sợ hãi như thế có vô lượng. Đây là nói lược về khổ hoặc. Các nạn còn như vậy, huống chi các nghiệp ác, theo lý thì thí dụ đâu thể hết. Chữ khuy là nhìn là thấy chút ít.

- Kinh: "Nhà đó hư mục cho đến lửa phát cháy hừng hực".

- Tán: Mười hàng tụng rưỡi nói lý do tạp nghiệp khởi dậy của loài quỷ trùng. Đây có ba:

1. Hai hàng tụng nói chủ ở nhà đó không xảy ra tại họa.
2. Một bài nói lý do lửa phát cháy, nhà cửa hư sụp.
3. Bảy hàng tụng rưỡi nói sự nhiễu nhương phát tán của loài trùng quỷ.

Phần đầu. Ý nói nhân vị của Bồ-tát tại nhà và thành Phật tại thế

gian, làm lợi vật thì phiền não sanh tử tai nạn đều dứt, Phật nhập Niết-bàn, Bồ-tát ẩn mất. Từ đó các tai nạn phiền não sanh ra, cũng do chủ ở tại nhà mà nghiêm trị khuyên bảo con cái để cho tai nạn không sanh ra. Chủ nếu rời nhà thì không có người tu bổ nhà cửa, không dạy bảo khiến con cái buông lung nên tai nạn khởi lên làm cho nhà cửa sụp đỗ. Nhà Ba cõi khi Phật còn hiện tiền thì tai nạn không sanh ra. Do Phật không có ở đời nên tai họa dấy khởi, tức phụ thuộc ở một người. Đấy chính là dụ Phật, Bồ-tát vậy. Không do ngoại đạo mà chỉ do có Phật pháp nên nói một người. Lại thuộc có nghĩa là nhiếp thuộc, Ba cõi đều là sở hữu của Phật. Nói Phật là Giáo chủ, tất cả đều thuộc về Phật, Phật sắp nhập Niết-bàn, ẩn lìa cõi Ba cõi, nên gọi là vừa mới ra như ngôi nhà không có chủ. Hốt nhiên lửa nổi lên. Đây dụ cho các thứ phiền não làm tổn hại thân khí thế gian. Như lửa phá nhà, nên dùng chữ thuộc. Không có nguyên nhân mà có, tức là hốt nhiên lửa nổi lên. Từ sanh cho đến chết đều khởi các xúc nên gọi là bốn phía nhất thời. Do đây mà phát sanh ra vô lượng ác nghiệp, nên gọi là "Lửa phát cháy hừng hực).

- Kinh: "Rui mèn cây cột... tường vách đều nghiêng đổ."

- Tán: Do lửa nổi lên thiêu đốt mà nhà cửa cháy rụi. Đòn tay là thọ uẩn rui mè là sắc uẩn. Bộc thanh (tiếng nổ) là dụ cho sanh khổ, chữ bộc là cháy dữ dội.

- Rung chuyển rã nát là dụ cho lão khổ. Chấn là rung chuyển lão khổ ở tại thân như sấm sét làm cho kinh động, thật là đáng sợ.

- Nát gãy là dụ cho bệnh khổ. Gãy tàn phá thân mạng, làm suy tàn sức lực trẻ trung.

- Rơi rớt là dụ cho tử khổ, phá hoại sự tuổi thọ. Sanh già bệnh chết và cột trụ hợp là hành uẩn vô thường, nó ở sau ba uẩn và trước tưởng uẩn.

- Nói bốn tướng đó là ý nói sanh già bệnh chết biến khắp năm uẩn. Tường vách xiêu đổ dụ cho tưởng uẩn trong ngoài vô thường. Trên là bốn uẩn vô thường: Thọ, sắc, hành, tưởng, Thức uẩn tức ở nhà. Trong văn trước đã nói trong nhà có lửa phát lên là nói chung năm uẩn có sanh già bệnh chết vô thường bại hoại, thật sâu xa có thể nhàm chán.

Hỏi: Trong nhà có nạn lửa, đều là phiền não. Vì sao có lúc nói là lửa, lúc nói là trùng quỷ?

Đáp: Ép ngặt thiêu đốt thân tâm nên dụ là lửa. Không biết được sự tổn hại nên thí dụ là trùng quỷ. Đều muốn kinh sợ nhàm chán, nên nêu ra các thí dụ. Thức là sở y, dụ đó là nhà. Phiền não y theo đó mà khởi lên dụ là lửa trùng, bốn uẩn đều là năng y nên nói do lửa đốt mà

gãy đổ rơi rớt, không thể nói trùng quỷ cũng y theo lửa mà chơi.

- Kinh: "Các thứ quỷ thần cho đến không thể tự đi ra cho đến"

- Tán: Bảy hàng rưỡi tụng về sự nhiễu nhương của trùng quỷ. Có ba: Một hàng rưỡi dụ cho tai họa trong Cõi Dục. Ba hàng rưỡi dụ cho tai họa ở Cõi Sắc. Hai hàng tụng rưỡi dụ cho tai họa ở Vô sắc. Phần đầu nơi các quỷ thần đó là dụ cho các chúng ngoại đạo, xuất gia. Tại gia người thế tục ở Cõi Dục bị các khổ ép ngặt bèn cất tiếng kêu lớn cũng như các loài trùng thú. Cho nên trong Luận Thập Địa chép:

- Ngoại đạo biết sanh già bệnh chết mà sanh nhàm chán, cho nên cất tiếng kêu lớn. Nay có cả tại gia. Lại ở tại gia mà khởi lên tham, sân, si... tranh đấu. Ngoại đạo khởi lên các tà kiến rồi tranh đấu, cất tiếng kêu lớn. Đây là câu tổng kết. Do đó mà khởi ra các độn phiền não như tham... như các loài chim điêu, chim thứu v.v... Do khởi ra tà kiến mà phát ra lợi sử phiền não như Cưu-bàn-trà... đây là câu biệt. Tuy bị khổ ép ngặt kêu to, mà tục nhân tại gia do si ái mà sanh ra phiền não. Hàng xuất gia ngoại đạo lấy khổ muốn xả khổ. Đây đều gọi là bị bao vây trong vòng lo lắng sợ hãi không thể ra được. "Sảng sốt" có nghĩa là hoảng hốt bất an. Có lo sợ nên lo lắng, có lo lắng nên muộn phiền. Bố có nghĩa là kinh sợ, là kinh sợ ép ngặt vậy. Đây là y theo câu "Cất tiếng kêu to" mà giải thích. Nếu y theo cách giải thích sau giải thích thì thế tục và ngoại đạo khởi ra hoặc lợi độn đấu tranh. Vì đây mà vội vàng đến nơi sanh tử này mà lo sợ ngày đêm. Đâu biết là do lửa hoặc thiêu đốt, các loài trùng đáng làm thương hại, mà cầu mong ra khỏi. Nếu có muốn ra cũng không thể được.

- Kinh: "Đường ác độc trùng cho đến cũng ở trong hang đó.

- Tán: Ba hàng tụng rưỡi dụ cho tai họa Cõi Sắc. Ở đây có ba:

- Một hàng tụng dụ cho người tục ngoại đạo cùng sanh về cõi kia.

- Một hàng tụng dụ: Tuy là có cõi Tịnh định chiết phục phiền não mà phiền não cũng khởi trở lại.

- Một hàng tụng rưỡi dụ: Cầu lìA-dục mà chấp vào cõi kia là trên hết, mà phiền não lại sanh .

Đây là phần đầu: Định sâu trong cõi Sắc dụ như hang sâu. Người thế tục sanh về cõi kia như trùng. Hàng ngoại đạo, quỷ cũng sanh vào đó, nên nói là cũng trụ,

- Kinh: "Bạc phước đức cho đến uống máu ăn thịt."

- Tán: Đây là dụ: Tuy có tịnh định chiết phục phiền não, nhưng phiền não lại khởi. Bậc Thánh có tịnh định nên phiền não không sanh.

Kia tuy có tịnh định mà không có phước tuệ chân thật nên gọi là phước đức kém. Lại bị các phiền não tham, sân, si, mạn, thân, kiến, biên kiến thiêu đốt, nên gọi là bị lửa đốt ép ngặt. Vì không thể diệt trừ các phiền não này, nên kiến thủ, phiền não vẫn đều khởi lên trái khuấy bài xích nhau nên gọi là tàn hại lẫn nhau. Chấp cho là đạo mình hơn như là uống máu duyên vào các kiến nhỏ nhiệm. Khởi ra giới thủ chấp chặt như là ăn thịt, duyên vào các sự thô.

- Kinh: "Thuộc loại dã can... bốn mặt đầy khắp."

- Tán: Tuy cầu lìA-dục mà chấp kia cho là thù thắng, nên phiền não lại sanh ra. Loài dã can là thuộc phiền não nghi ở cõi Dục.

- Đều đã chết đó: Trước tiên là phục đoạn, do lấy định là cao quý, mà ở trong Cõi Sắc khởi ra các thứ phiền não là ái, kiến mạn nghi... gọi là đại đường ác. Các loài này lần lượt thêm lớn như tranh nhau đến ăn. Hoặc do lửa đã phát cháy cùng khắp. Từ định sanh ra hoặc nên không thể yêu thích như khói tanh. Biến sanh trong tứ định, không chỗ nào không có, nên nói phủ biét bốn bề.

- Kinh: "Loài ngô công do diên... liền bắt lấy mà ăn."

- Tán: Hai hàng tụng rưỡi dụ tai họa Cõi vô Sắc.

- Một hàng tụng rưỡi tụng về hoặc trong ba địa.

- Một hàng tụng dụ sanh hoặc của địa Hữu đảnh. Các thứ Ngô công là dụ cho hàng phàm phubị lửa hoặc Cõi Sắc thiêu đốt, cầu sanh về Vô sắc như ra khỏi hang huyệt. Chúng sanh trong ba cõi dưới... như quỷ Cưu-bàn-trà là dụ cho chúng ngoại đạo kia. Ngoại đạo phần nhiều chấp vào hai địa trên cho đó là cảnh Niết-bàn, bác bỏ phàm phu không chấp làm Niết-bàn diệu thắng, do như phàm phu khởi ra tà hoặc như quỷ trông thấy loài trùng liền tùy ý bắt ăn. Ăn đây có nghĩa là nuôi lớn, đuổi theo kia sanh nghiệp thêm lớn.

- Kinh: "Lại có các ngạ quỷ... sảng sốt chạy quàng lên."

- Tán: Đây là dụ cho phiền não Hữu đảnh. Sanh vào ngoại đạo kia thì gọi là ngạ quỷ, Tam hữu đảnh thì gọi là "trên đầu". Phiền não sanh lại gọi là lửa cháy. Không ăn theo chánh giáo, pháp nước... thì gọi là đói khát. Phiền não ép ngặt như là nóng bức. Thường không được an ổn gọi là sảng sốt. Chu chương có nghĩa là trôi khắp, chìm vào năm cõi thú gọi là chạy quàng lên, buồn bã.

- Kinh: "Nhà lửa như thế... các nạn chẳng là một".

- Tán: Văn này kết nói các nạn ba ở trên.

- Kinh: "Chủ nhà lúc đó, đang đứng ngoài cửa."

- Tán: Đoạn lớn thứ ba có mười bốn hàng tụng, là dụ thấy thiết

lập quyền phương tiện. Văn xuôi có bốn: Trong đây cũng vậy. Ba hàng tụng đầu là dụ thấy khổ sanh lòng bi. Năm hàng tụng kế dụ không cầu Đại thừa. Ba hàng tụng tiếp suy nghĩ tìm cách cứu khổ. Ba hàng tụng sau là chánh nói về Ba thừa.

Văn đầu có hai:

- Hai hàng tụng thấy khổ.
- Một hàng tụng sanh lòng bi.

Trong phần thấy khổ, hai cầu đầu là dụ cho Phật ra đời trong ba cõi. Một hàng tụng rưỡi nói lại nghe chúng sanh có nạn khổ càng khởi lòng từ bi.

Chủ đó nghĩa là thân vậy, là thượng là điển, là cảnh là thủ. Môn có hai thứ: Một là giáo môn, hai là hành môn. Phật trụ trong quả đã ra ngoài nhân môn. Tức là vị ở diệu lý, cũng là lý ra ngoài giáo môn, tức môn Nhất thừa. Cho nên nói ngoài cửa. Do trong Văn xuôi nói: "Ta tuy có thể từ cửa của nhà bị cháy mà ra an ổn...".

Nay nói đứng ở ngoài có bốn nghĩa:

1. Đứng đó tự như đợi con ra khỏi nhà.

2. Tựa như sắp đi. Sắp đi vào cứu con nên gọi là đứng ở ngoài cửa.

3. Đứng: Là tướng không đi, tức đợi căn cơ thuần thục mà vì cứu giúp nên chưa đi ngay.

4. Đứng: Có nghĩa là khởi thành tựu chúng sanh ở trong sanh tử chưa khởi chưa thành Phật nên như là ngồi. Phật đã khởi mà lại thành, cho nên nói đứng.

- Kinh: "Nghe có người nói... ưa thích mê đắm."
- Tán: Đây là nghe chúng sanh ở nơi các nạn.

Phần Văn xuôi nói: "Trưởng giả thấy lửa cháy lớn." Trong phẩm phương tiện nói: Ta dùng Phật nhãn quán xét. Nay, nói nghe người nói có hai nghĩa: Một là: Nói rõ về tự tha ảnh hưởng không chỉ thấy chúng sanh chìm trong cảnh khổ, mà cũng nghe Chư Phật ba đời đều truyền nói về các tướng thân sơ. Hai là: Mắt thấy khổ sanh gần gũi, cho nên gọi kiến pháp đợi căn cơ. Vì cứu giúp xa nên gọi là "nghe nói". Từ vô thỉ, đến nay do buông lung buông lung mà khởi ra phiền não phân biệt nên nói: Trước đây vì dạo chơi mà chịu khổ quả trong Ba cõi, gọi là: "Lại trở vào nhà lửa này." Do hoặc nghiệp từ vô thỉ đến nay, cảm nơi thức v.v... Trái với lý chân thật gọi là "vào đến". Nhập có nghĩa là xứ, chẳng phải trước đã ra, nay mới gọi là vào, kia đã tu giải thoát phần tức là ra do vì không tu nên gọi là vào. Chủng tánh Ba thừa chưa phát ra

hiện hành. Nếu có phát đại tâm mà thoái cầu tiểu quả gọi là thơ bé là ấu trĩ là ấu nhược (nhỏ bé). Ngu si che lấp thì gọi là vô trí. Khổ quả ở đây là do phóng dật lục tình, gọi là ham vui, tham nhiễm các cảnh thì gọi là ưa đắm.

- Kinh: "Trưởng giả nghe rồi... khiến không bị thiêu hại."

- Tán: Tụng này là dụ sanh lòng bi. Vì khởi lờng từ bi vào nhà cứu thì gọi là kinh. Thuận theo sanh tử gọi là vào nhà lửa. Do vào trong nhà này nên sau đó cùng con tìm cách thoát ra. Ra vào cứu khổ không nghĩ khó khăn thì gọi tùy nghi cứu tế, ứng thời cứu khổ.

- Kinh: "Dụ bảo các con... nối tiếp không dứt."

- Tán: Năm hàng tụng: không cầu pháp Đại thừa.

Đây có hai:

- Bốn hàng tụng, thầm nói về các sự khổ để trao pháp Đại thừa.

-. Một hàng tụng không sợ giữ Đại thừa.

Bốn hàng lại chia ra hai:

- Một hàng rưỡi tụng: Nói chung: hoặc khổ hoàn sanh lại.

- Hai hàng rưỡi tụng về ác xứ khiến cho nhàm chán. Phần đầu nói các thứ hoạn nạn là: nhà hư nát bị lửa cháy. Các thứ trùng quỷ nhiễu nhương bấn loạn. Ác quỷ là chỉ các kiến hoặc của ngoại đạo. Độc trùng là chỉ các dư hoặc của bạch y. Hai thứ này là duyên vào tất cả phiền não sanh ra họa lửa cháy mãi không dứt.

- Man diên là chỉ cho dáng mạo liên tục cũng như cỏ man kéo dài liên tục không dứt. Do từ nhà lửa sanh ra nên gọi là man diên. Nhân nơi nhà lửa bị hủy hoại nên gọi là khổ. Thứ lớp liên tục không dứt. Ý này nói rõ nhân nơi hoặc sanh ra khổ. Trong duyên sanh vô minh duyên hành mà sau có năm thức... ái, thủ, hữu duyên mà saucó sanh lão tử. Nhân khổ mà sanh ra hoặc, sanh tử nối tiếp không đoạn tuyệt. Do xúc thọ mà sau có ái thủ. Do lão tử mà sau lại hoàn có vô minh. Cho nên gọi sanh tử là luân chuyển.

- Kinh: "Loại độc xà nguyên phức... huống chi là lửa lớn."

- Tán: Đây là nói riêng.

Độc xà là chỉ cho sân, Dạ-xoa là ác nghiệp. Cưu-bàn-trà là giới thủ vậy. Dã can là chỉ cho nghi. Cẩu chỉ cho mạn. Điêu thứ là tham ái. Các thứ trăm chân như thế là chỉ cho các thứ phiền não. Đã thiếu pháp thực, đói khát nên sanh phiền não. Não đưa đến phân loạn thật là đáng sợ, đều là do hoặc tướng này. Đây là xứ sở khổ nạn cực ác. Đã không có gì là vui. Huống chi nhân của đại hỏa cảm lấy quả cháy nhà, ngày đêm ép ngặt, thì sao còn tham muốn. Hoặc lại có các phiền não như thế, các

loài trùng quỷ nhiễu nhương. Khổ về tướng ác đã là nạn xứ. Huống chi đây là tổn hại về thiêu đốt. Trùng quỷ tức là lửa, sao lại khác nhau.

Nạn xứ có hai nghĩa:

1. Nơi khó có thể an, Kinh Thi nói: Chẳng phải nơi ta ở nhàn cư là an ổn vậy.

2. Xứ sở khổ nạn.

- Kinh: “Các con không biết... vui chơi mãi không thôi.”

- Tán: Bài tụng này nói không mong cầu Đại thừa.

- Kinh: “Bấy giờ, trưởng giả... ta cùng sầu não cho đến”

- Tán: Đoạn thứ ba có ba hàng tụng. Nghĩ đến phương cách cứu khổ có hai: Một hàng tụng: Tâm từ bi càng chuyển sanh.

Hai hàng tụng sau là chánh suy nghĩ cứu khổ.

Hàng đầu: Chúng sanh do chịu khổ mà phiền não thêm lớn, Bồ-tát càng chuyển tâm từ bi.

- Kinh: “Nay nhà này... lập ra các phương tiện.”

- Tán: Chánh suy nghĩ cứu khổ.

Đạm có nghĩa là đam mê vui chơi.

Miến là say loạn.

Hỷ hý là buông thả.

Các điều khác có thể biết.

- Kinh: “Bảo với các con rằng... các thứ xe diệu báu.”

- Tán; Ba hàng tụng của đoạn thứ tư, chánh nói về Ba thừa. Dụ chia làm ba:

- Một hàng tụng nói chung về việc cho xe.

- Một hàng tụng nêu các thứ xe ở ngoài.

- Một hàng tụng nói tùy theo xe cho.

- Kinh: “Xe dê xe hươu... các con mau ra.”

- Tán: Nêu các thứ xe đang ở ngoài.

Quả ở ngoài cửa nhân, lý vượt ngoài giáo. Cho nên nói: Ra ngoài cửa. Thể xe vô lậu không ràng buộc gọi là ngoài. Hoặc lìa Ba cõi không có chỗ thi hóa, ở ngoài môn Ba thừa. Phật đang trụ ở ngoài nhà, nên gọi con ra, nghĩa như trước đã giải thích.

- Kinh: “Cha chính vì các con... có thể dạo chơi.

- Tán: nói chỗ tùy theo của xe.

Đảo châu báu Niết-bàn là vô vi. Trước đã có, không nói là ta làm, xe là Bồ-đề, thể là hữu vi cho nên nói làm. Làm có nghĩa là khởi, xe trâu là chủng trí, do giáo hạnh sanh nên nói là làm. Hai xe trâu dê là giáo phương tiện lập ra. cũng nói là ta làm. Tuy đều cùng làm mà xe

trâu là Thể, xe dê nai là danh. Cho nên đều là làm. Tùy căn cơ mà cứu gọi là “Tùy ý các con ưa thích.”

- Kinh: “Các con nghe nói... lìa hết khổ nạn.”

- Tán: Đoạn thứ tư có sáu hàng tụng rưỡi. Tụng y theo cha nói mà tránh nạn chia ra hai:

1. Một hàng tụng rưỡi nói các con tránh nạn.

2. Năm hàng nói tâm cha an ổn. Phần đầu, liền tranh nhau chạy ra. Đây là khuyến khích nỗ lực.

Chạy mau ra là tinh tấn dũng mãnh.

Đến chỗ đất trống đó là tùy theo sở ứng, lìa tam chướng, ở nơi đất nhị không. Tức là người Nhị thừa vô học và nhập Sơ địa, ra khỏi khổ nạn phần đoạn sanh tử vậy, là không sanh lại. Ác quả gọi là khổ, ác nhân gọi là nạn.

- Kinh: “Trưởng giả thấy con... ta nay rất vui mừng.”

- Tán: Năm hàng tụng. Tâm cha an ổn. Chia ra có hai:

Một hàng tụng rưỡi thấy rồi thì tự vui mừng.

Ba hàng tụng rưỡi: Lòng cha vui mừng bảo với mọi người.

Ngã tư đường là dụ cho lý là chỉ cho tứ đế. Con đã ra khỏi đang trụ ngã tư đường, cha bèn ngồi vào tòa Sư tử, đắc vô úy. Đây là tiêu biểu cho tâm an. Do đây mà tiếp nói: Các con biết cha an tọa tòa Sư tử. Cho nên biết tòa Sư tử là chỗ cha ngồi. Cha rất thích ý nên nói rất vui mừng. Tức nói xưa đã đắc quả Bồ-đề. Sau sanh ra vẫn còn ở trong nhân nói pháp độ sanh. Nói về sắp cứu giúp. Nghĩa này cũng đồng với việc sắp cứu độ mà đợi các con. Cho nên nói đứng. Nay quả con đầy đủ đã ra khỏi nhà lửa. Cha không đứng đợi, tâm an ổn ngồi vào tòa.

- Kinh: “Các người con này... bốn phía cùng khởi lên.”

- Tán: Ba hàng tụng rưỡi vui mừng bảo với mọi người. Chia làm hai:

1. Hai hàng tụng nói các con xưa ở trong khó khăn.

2. Một hàng tụng rưỡi, Ta nay cứu xong nên được an tâm.

Gốc lành khó khởi thì gọi là sanh nuôi khó. Nuôi là nuôi lớn, vô minh lớn che mà thì gốc lành không có Đại thừa nên gọi là nhỏ dại không hiểu, chìm đắm trong Ba cõi thì gọi là vào nhà hiểm nạn. Hoặc xưa từng được giáo hóa mà nay đã quên, nên gọi là Tiểu thừa vào nhà lửa. Bôn ba trong thế tục như nhiều loài trùng độc. Bọn ngoại đạo tà học như ly mị đáng sợ. Phiền não xí thạnh như lửa dữ gặp duyên thì phát cháy, bốn phía đều cùng khởi.

- Kinh: “Mà các con này... ta nay vui mừng.”

- Tán: đây nói: Ta nay cứu được các con nên được xứng tâm, vui mừng. Lại bảo mọi người biết ý mình rất vui.

- Kinh: "Bấy giờ các con... ba thứ xe báu lạ.

- Tán: Trên có năm mươi ba hàng rưỡi tụng ở trên. Xưa nói quyền phương tiện, từ đây trở xuống. Mười hai hàng tụng nay nói thật. Phần Văn xuôi có bốn: Nay đây cũng như vậy.

- Ba hàng tụng đầu nói các con xin ba xe.

- Một hàng rưỡi tụng giải thích chí của cha thành tựu.

- Sáu hàng tụng: Cha chỉ cho một xe.

- Một hàng rưỡi cuối: Vượt hơn ý của con. Trước sau đều khác nhau.

Ba hàng đầu lại chia làm hai:

- Một hàng tụng rưỡi nêu việc xin ba xe.

- Một hàng tụng rưỡi nói lại cha trước đã hứa cho.

Hiểu được ý của cha không còn lo lắng. Cho nên nói: Biết cha an tọa.

- Kinh: "Như trước cha đã hứa... xin nguyện cấp cho."

- Tán: Nói lại lời hứa của cha, nên dám trông mong cha. Người học đương cơ nguyện Phật ban cho. Chữ Duy là cúi mong. Cúi mong lời cha, dùng cầu Ba thừa.

- Kinh: "Trưởng giả giàu có lớn... tạo ra các xe lớn."

- Tán: Phần thứ hai: giải thích thành tựu chí của cha, trưởng giả giàu có rất nhiều của báu hữu vi vô vi, chu cấp cho một nước dùng cũng không hết, huống chi là các con, cho nên lấy trân báu làm thành một xe lớn. Dạy các con tu tập quả đầy đủ cả đời.

Tóm lại: Tất cả vô lậu chủng trí năm uẩn là tướng của xe này. Bỏ sắc uẩn vô thường thì đắc được thường sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Nếu nói chân như là thể của xe này thì đó chính là đảo châu báu. Vì sao lại nói làm. Hóa thành lập ra cũng có thể nói là ta hóa làm. Há nói đảo châu báu cũng là làm? Xe trâu đã làm là nói rõ thể Bồ-đề.

- Kinh: "Tu sức trang nghiêm... các nơi đều rủ xuống."

- Tán: Đoạn thứ hai có sáu hàng tụng: Cha chỉ cho một xe. Đây chia làm bốn:

1. Bốn hàng tụng các tô điểm.
2. Một hàng rưỡi tụng tướng trâu.
3. Nửa hàng tụng người tùy theo.
4. Nửa hàng tụng nêu chung cho xe.

Phần một có chín món trang nghiêm.

Trong đây có sáu:

1. Tổng nghiêm.
2. Lan thuẫn: Chấn song, lan can.
3. Phong đạc (phong linh).
4. Giao lạc (dây vàng xen thắt lại).
5. Man cái (lưới mành kết châu báu)
6. Hoa anh: Dùng hoa vàng làm tua để tô điểm, nên gọi là hoa vàng các chuỗi...

- Kinh: "Các màu tô điểm đẹp... để che ở trên."

- Tán: Đây có ba thứ trang nghiêm. Các lụa mền mại, đệm cỏ lấy cỏ đệm thành hoa hoặc lấy cỏ làm đệm. Trong Ngọc thiên gọi là y thân (thân áo). Và lót ngồi tức thay thế gối đỏ. Văn xuôi lấy diệt định làm chỗ dựa nghỉ mệt, đây dùng khéo léo trí dụng khắp mạng trên đệm cỏ, nên dụ là lót ngồi, nghĩa tùy chỗ đối đãi có khác mà cũng không mâu thuẫn nhau.

Các thứ này có sáu đức:

1. Thần dụng vô phương nên gọi là thượng diệu.
2. Nhỏ nhiệm thâm mật khó biết thì gọi là tế.
3. Tích công chứa hạnh dùng làm nhân hoa tu tập thành tựu thì gọi là điệp.

Điệp là loại vải dệt bằng lông nhỏ. Nay thì lấy điệp hoa dệt làm vải.

4. Vượt xa tất cả thần đức khó nghĩ bàn gọi là giá trị nghìn ức.
5. Tự tánh lắng đọng rõ ràng thì gọi là trắng mới.
6. Thể lìa hai chướng gọi là tịnh khiết. Dùng sáu đức trên làm trí diệu dụng ở sau, trùm khắp trong tịnh mạng gọi là trải trùm trên nệm.

- Kinh: "Có trâu trắng to lớn cho đến để kéo xe báu.

- Tán: Tướng trâu có bốn đức.

1. Trâu trắng.
2. Mập khỏe tức da dẻ sung mãn.
3. Sức lực.
4. Đẽp đẽ.

- Kinh: "Nhiều người đi theo cho đến đồng ban cho các con."

- Tán: Nửa hàng trên tụng về khách theo.

Nửa hàng dưới là nói cho. Trong Ngọc thiên nói là dẫn đường. Ra tiếp khách thì gọi là tân. Vào tán lễ thì gọi là tướng. Lại nói là tân tiến (tiếp khách) là trần (trình bày). Nay dẫn đầu gọi là tân, tùy theo sau thì gọi là tùng, tướng mạo của xe này cũng đồng như Văn xuôi.

- Kinh: "Các con lúc ấy... tự tại vô ngại."

- Tán: Đoạn thứ tư nói vượt xa ý muốn các con.

Dạo chơi bốn phương là dụ cho việc hóa độ tứ sanh, đắc trí giác, cho nên hớn hở, đắc diệt lý cho nên rất vui, đắc thần thông cho nên tự tại, lìa các chướng nên không ngăn ngại. Hoặc tự tại có mười: 1. Tài; 2. Tâm; 3. Thọ; 4. Nghiệp; 5. Sanh; 6. Thắng giải; 7. Nguyện; 8. Thần lực; 9. Pháp; 10. trí.

Như các chỗ khác nói thì có bốn tự tại: 1. Tướng; 2. Độ (cõi, đất); 3. Trí; 4. Nghiệp. Các nghĩa này đều giải thích được.

- Kinh: "Bảo với Xá-lợi-phất cho đến là cha của thế gian."

- Tán: Sáu mươi lăm hàng rưỡi ở trên là tụng về phần dụ nói. Từ đây trở xuống mười tám hàng tụng là hợp nói. Y theo trước thì có hai:

1. Mười một hàng tụng hợp với quyền trước.

2. Bảy hàng tụng hợp với thật pháp nay.

Hợp quyền xưa có bốn phần:

1. Một hàng tụng, hợp nói Ba cõi, Phật có.

2. Ba hàng tụng năm đường nguy vọng.

3. Năm hàng tụng rưỡi là hợp nói : Thấy khổ thiết lập phương tiện.

4. Một hàng rưỡi tụng hợp theo lời cha nói mà thoát.

- Kinh: "Tất cả chúng sanh... không có tuệ tâm."

- Tán: Phần hai có ba hàng tụng. Hợp năm đường nguy vong. Lại chia làm ba:

1. Một hàng tụng hợp nói mọi người rất nhiều, các con chơi giỡn trong đó.

Vô chủng tánh: Tuy không phải là con thật thì cũng là con nuôi.

2. Một hàng tụng nói nhà có nguy cơ sụp đổ.

3. Một hàng tụng nói tai họa xảy ra khắp nơi.

- Phần đấu nói: Tham đắm vui thế gian rất sâu dày, khởi ra nghiệp ác cũng sâu dầy. Cũng có bổn ghi là đắm sâu năm dục nhưng đây dùng nghĩa đầu làm chánh, chung cả ba cõi, thì không có tuệ tâm, không có thiện ý.

- Kinh: "Ba cõi không an... lửa cháy không dứt."

- Tán: Một hàng đầu tụng nhà lửa nguy cơ sụp đổ. Năm uẩn đều bị ép ngặt bởi bốn khổ, thay đổi biến dời. Một hàng sau tụng tai nạn nổi lên khắp nơi, trong sanh già bệnh chết, đều có lửa phiền não thiêu đốt dữ dội.

- Kinh: "Như-lai đã lìa xa... an ổn ở trong rừng."

- Tán: Năm hàng tụng rưỡi, hợp nói "Thấy khổ mà lập phương tiện". Đây lại chia làm ba:

1. Ba hàng tụng đầu hợp thấy khổ lòng bi sanh khởi.

2. Một hàng tụng khai thị pháp Đại thừa mà chúng chẳng mong.

3. Một hàng tụng rưỡi hợp chánh nói về pháp Ba thừa, không còn suy nghĩ phương cách cứu giúp.

Ba hàng đầu có ba ý:

1. Một hàng tụng nói tự ra khỏi nhà lửa.

2. Một hàng tụng nói nhà phụ thuộc mình ta.

3. Một hàng tụng nói: Đã có năng lực.

Hàng đầu nói: Chứng Niết-bàn cho nên được vắng lặng. Ra khỏi sanh tử cho nên thong thả an ổn. Thường ở trong định, yên tịnh an xứ trong rừng. Định là rừng công đức, như có bài tụng:

"Voi đầu đàn chỗ vắng vẻ
Tâm phóng khóang vô ưu
Người trí ở núi rừng
Tiêu diêu vui vắng lặng.

- Kinh: "Nay Ba cõi này cho đến đều là con ta."

- Tán: Nhà thuộc nơi ta, chúng sanh đều là con ta.

- Kinh: "Mà nay nơi chỗ này cho đến có thể cứu hộ."

- Tán: Đã có năng lực, chẳng phải khả năng khác.

- Kinh: "Tuy lại dạy bảo cho đến tham đắm sâu xa."

- Tán: Một hàng tụng hợp nói không cầu Đại thừa. Giáo có nghĩa dạy bảo. Tuy có dạy bảo mà không tin Đại thừa, tham đắm sâu xa.

Hoặc nói là giáo chiếu. Chiếu có nghĩa là Huấn dụ. Đây là nói rõ sự dẫn dụ.

- Kinh: "Bởi thế nên phương tiện cho đến các đạo xuất thế.

- Tán: Hợp chánh nói về Ba thừa.

- Kinh: "Các người con đó thảy... hoặc bất thoái Bồ-tát.

- Tán: Hợp nói nghe lời cha mà tránh nạn. Tâm chắc chắn đó là không nghi tứ đế, được chứng chân đế. Đầy đủ lục thông thì đắc quả A-la-hán. Hai quả khác cũng có thể biết. Luận nói bất thoái là trụ Sơ địa trở lên, vượt ngoài phần đoạn sanh tử.

Ba minh là Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh. Theo thứ lớp đây có thể biết việc quá khứ, hiện tại, vị lai một cách thù thắng, không ngu ở ba đời.

- Kinh: "Xá-lợi-phất... đắc thành Phật đạo."

- Tán: Bảy hàng tụng hợp nói thật pháp ngày nay. Chia ra hai:

Hai hàng tụng hợp nói cha chỉ cho một xe.

Năm hàng tụng sau khen ngợi công đức cao quý của Phật thừa. Kinh: "Thừa này mầu nhiệm cho đến không còn pháp nào trên."

- Tán: Tức năm hàng tụng khen ngợi công đức cao quý của thừa. Ở đây chia làm bốn:

- Một hàng tụng khen ngợi bốn đức của thừa.
- Một hàng tụng nói bậc Thánh khen ngởi thừa này.
- Một hàng tụng là nói công cụ để vui chơi.
- Hai hàng tụng nói vui nhất thừa.

Hàng đầu nói bốn đức:

a. Thanh tịnh lìa chướng.

c. Đệ nhất trên hết.

d. Vô thượng chẳng pháp nào hơn.

- Kinh: "Thừa ấy, Phật vui ưa... lễ bái cúng dường."

- Tán: Là pháp mà các Thánh khen ngợi. Không chỉ Phật vui mừng mà còn đáng được khen ngợi. Cũng để cho ba nghiệp của chúng sanh đều quy kính.

- Kinh: "Vô lượng ức ngàn cho đến và pháp khác của Phật."

- Tán: Tụng về các điều ưa thích của Phật.

- Kinh: "Chứng được thừa như thế cho đến mà thẳng đến đạo tràng"

Tán: Tụng vui bậc Nhất ngày đêm kiếp số thường được dạo chơi Ba thừa đều lên ngôi vị từ Sơ địa trở lên, nương theo chủng trí Nhất thừa này, trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp mới đến quả vị Phật.

Nếu Nhị thừa nương vào giáo vô lậu và thừa hữu lậu. Trải qua một đại a-tăng-kỳ kiếp mới nhập vào Sơ địa. Như vậy thì gọi là ngày đêm kiếp số, ba thứ ý sanh thân. Nương theo xe vô lậu Nhất thừa, thẳng đến Đạo tràng quả vị Phật. Bồ-đề, Niết-bàn là nơi sanh đạo gọi là Đạo tràng. Hoặc nương theo nhân thừa của chủng trí, thì đến quả Đạo tràng Đại Niết-bàn của quả Phật vậy. Hoặc đến Đạo tràng chân như của Phật quả. Đây là nhân thừa, mới đến được quả thừa. Do đó mà ở trên nói chung về Giáo, Lý, Hạnh, Quả đều là thể của thừa.

- Kinh: "Vì nhân duyên cho đến trừ Phật dùng phương tiện."

- Tán: Tụng lại đoạn lớn thứ ba trong phần Văn xuôi, kết lại lời văn đáp.

Nên biết chư Phật dùng năng lực phương tiện , đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Ở trên nói theo lí , trong mười phương mà cầu đế lý lại không có tự thể của Nhị thừa, trừ khi Phật dùng phương

tiện giáo nói có ba, càng không có ba thể cực quả, trừ khi nói đó là nhân phương tiện có ba.

- Kinh: "Bảo với Xá-lợi-phất cho đến khiến ra khỏi Ba cõi."

- Tán: Chính là dụ về hóa độ. Trong đoạn văn lớn có ba: Trên là tổng lược yếu chỉ, đáp về lý do hứa cho, và chánh nói về pháp dụ khiến cho người khai tỏ. Từ đây trở xuống có tám mươi hàng tụng rưỡi, khuyên tin hiểu kinh này, ưa thích trí Phật ở đương lai. Đây chia làm hai phần:

1. Mười bốn hàng tụng rưỡi, nói pháp có quyền thật, khiến xả quyền mà giữ thật.

2. Sáu mươi sáu hàng tụng nói về thị phi của người, khiến cho người học trừ lỗi.

Trong phần đầu lại có hai:

a. Hai hàng tụng nói cha con tình sâu thấy khổ liền cứu nạn.

b. Mười hai hàng tụng rưỡi chính là nói quyền thật, để cho người giữ và bỏ.

- Kinh: "Ta tuy trước đã nói cho đến chỉ có trí tuệ Phật."

- Tán: Mười hai hàng tụng rưỡi chính là nói về quyền thật, khiến cho bỏ quyền giữ thật. Trong đây lại có hai:

- Một hàng tụng rưỡi, nói chung về xưa quyền nay thật.

- Mười một hàng tụng riêng về nay thật xưa quyền.

- Hàng rưỡi đầu: Ta tuy trước nói các thầy tuy diệt độ nhưng chỉ diệt phần đoạn sanh tử. Vì đắc quả Niết-bàn, hữu sau vì không có nối tiếp, nên Biến dịch sanh tử không thể chiêu biệt nghiệp, không chướng ngại vô học nhập vào vô dư. Đây Phật ẩn ý không nói ra là: Các thầy tuy đã diệt độ mà thật là chưa phải cảnh thật đại Niết-bàn diệt độ. Các thầy phải tu tập thêm, chỉ có tánh trí tuệ Phật làm pháp thân. Tướng là đại tuệ, là trí chứng lý. Hai chướng không sanh ra, liền được giải thoát, gọi là Đại Niết-bàn, ba việc đều đầy đủ.

- Kinh: "Nếu có Bồ-tát cho đến đều là Bồ-tát."

- Tán: Mười một hàng tụng nói. Nay thật mà xưa quyền. Trong đây có hai:

- Chín hàng tụng rưỡi tụng về: Nay thật xưa quyền.

- Một hàng rưỡi là: Kết luận.

Chín hàng rưỡi đầu lại chia hai:

- Hai hàng tụng nói về thật pháp ngày nay.

- Bảy hàng tụng rưỡi nêu xưa quyền phương tiện.

- Kinh: "Nếu người tiểu trí cho đến chân thật không khác nhau"

- Tán: Bảy hàng tụng rưỡi nêu xưa thật. Trong đây lại có hai:
- Sáu hàng tụng nói quyền pháp Tứ đế.
- Một hàng tụng rưỡi giải thích được được quyền xứ.

Sáu hàng trên lại chia làm bốn phần nhỏ:
- Hai hàng tụng nói về khổ đế.
- Một hàng rưỡi tụng nói tập đế.
- Một hàng rưỡi tụng nói diệt đế.
- Một hàng tụng nói về đạo đế.

Đầu tiên là nói: Mê đắm sâu ái dục tức ái nhiễm nội thân, ham muốn cảnh ngoài đều là khổ đế. Hàng tụng đầu nói khổ đế mà ý không bỏ thế đế để vào chân đế. Hàng tụng sau nói chúng sanh vui mừng, nên nhập vào quả Thánh được pháp chưa hề có. Sự chân thật không khác giải thích là đế. Đế nghĩa là thật. Trong kinh Di giáo nói: Phật nói khổ đế là nói rõ sự thật về khổ không có gì là vui.

- Kinh: “Nếu có chúng sanh cho đến phương tiện nói đạo.”
- Tán: Đây là tập đế.
- Nhân khổ là nghiệp phiền não tập đế. Đạo là nghĩa nhân, tức là thể của tập đế, là nhân của khổ đế. Lại nói đạo đế là đoạn ở nơi tập.
- Kinh: “Nguyên nhân có các khổ... gọi là đế thứ ba.
- Tán: Đây là diệt đế.

Tham là gốc khổ. Gốc còn thì khổ sanh. Nếu diệt gốc tham thì quả khổ liền diệt. Chỗ sở y đó là thân là khổ quả, vì diệt tập khổ mà nói diệt đế.

- Kinh: “Vì diệt đế cho đến gọi là đắc giải thoát.”
- Tán: Đây Trung đạo đế vậy. Do đạo đế mà chứng diệt lìa hết khổ phược gọi là chứng Niết-bàn được giải thoát.
- Kinh: “Người đó nơi pháp gì... tất cả được giải thoát.”
- Tán: Giải thích được được quyền xứ. Hai câu đầu là hỏi, bốn câu sau là đáp. Chỉ lìa mọi phiền não luống dối, nghiệp khổ của phần đoạn sanh tử thì gọi là đắc giải thoát. Chứng đắc hữu tác tứ Thánh đế. Chưa diệt tận nhị chướng, nhị nghiệp, nhị tử, tất cả pháp Không, giải thoát, vô tác tứ Thánh đế cho đến.

Hữu tác Tứ đế là: Sanh tử phần đoạn là khổ đế. Nghiệp phiền não là tập đế. Hữu dư y Niết-bàn là diệt đế, phẩm Trí sanh không là Đạo đế.

- Vô tác Tứ đế: Biến dịch sanh tử là khổ đế. Sở tri chướng là tập đế. Vô trụ Niết-bàn là diệt đế, phẩm Trí Pháp không là đạo đế. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Tám Thánh đế như thế, chẳng phải là pháp

mà Thanh-văn, Duyên-giác chẳng thể biết được.

- Kinh: "Phật nói người này... khiến cho đến diệt độ."

- Tán: Nói nay thật xưa quyền v.v... là một hàng rưỡi sau, kết luận có hai ý:

1. Phật nói Nhị thừa trụ ở pháp quyền, nên chưa thật điệt độ. Người này chưa đắc Vô thượng đạo.

2. Ý ta cũng không muốn khiến cho Nhị thừa trụ vào quyền đó tức phải đạt đến chỗ diệt độ vô dư. Ý là muốn giữ đạo Vô thượng Đại nhập Niết-bàn, không cho trụ ở phương tiện mà rốt ráo diệt.

- Kinh: "Ta là pháp vương... hiện ở nơi đời."

- Tán: Trên nêu mười bốn hàng tụng rưỡi về pháp quyền thật, cho chúng sanh bỏ quyền giữ thật. Đây trở xuống sáu mươi sáu hàng tụng. Nói việc phải trái của người để tu học trừ điều lỗi. Đây chia làm bốn:

1. Hai hàng tụng rưỡi: Phật nói ta biết căn khí chúng sanh nên nói ra. Các thầy không biết chớ giảng nói truyền bá bừa bãi.

2. Tám hàng tụng nói tín là quả vị cao, đều trồng công đức căn bản đã lâu.

3. Ba mươi sáu hàng tụng rưỡi nói người vô trí không tin tội tướng.

4. Mười chín tụng: Vì người có trí nên nói ra. Hai hàng tụng rưỡi đầu lại chia làm hai:

- Một hàng đầu tụng: Ta biết căn khí cho nên nói.

- Một hàng rưỡi tụng "Các thầy không biết chớ giảng nói truyền".

Hàng đầu nói: Là pháp vương nên biết bệnh cho thuốc. Pháp thì tự tại phân biệt pháp dược, khiến cho chúng sanh an ổn, phân biệt biết căn khí mà có thể ứng cơ nói cho nên hiện ở thế gian.

- Kinh: "Các thầy Xá-lợi-phất... chớ giảng nói truyền bá bừa bãi.

- Tán: Pháp ấn tức là diệu lý Nhất thừa. Tức là dạy Đại thừa khiến cho chắc chắn. Ta vì lợi ích chúng sanh nên nói pháp ấn này. Các thầy không biết bệnh cho thuốc, chớ giảng nói truyền bá bừa bãi sợ họa phát sanh."

- Kinh: "Nếu có người nghe cho đến A-bệ-bạt-trí."

- Tán: Phần hai có tám hàng.

Tín là quả vị cao, đều gieo trồng cội gốc công đức đã lâu.

Trong đây có sáu hàng tụng. Một hàng tụng nói quả vị cao có thể tin. Một hàng tụng rưỡi đời trước có duyên gặp Phật, từng nghe rồi mới tin. Một hàng tụng rưỡi nói: Nếu có thể tin lời nói của các thầy tức là

thấy Ta.

- Một hàng tụng về trí sâu xa có thể tin, thức cạn thì không thể tin.

- Một hàng tụng nói Nhị thừa tánh chắc chắn không thể tin đây.

- Hai hàng tụng sau nói về Nhị thừa bất định tánh mới thuận sanh tín.

Phần đầu nói. Nếu có người nghe kinh này mà tâm sanh tùy hỷ, cả thân tâm đều đảnh lễ cung kính mà tin thì biết người đó trụ vào bất thối địa.

A-bệ-bạt-trí: Hán dịch là Bất thoái. Cũng có bổn ghi A-duy-việt-trí. Là sai. Trong tứ bất thối thì tín, vị, chứng, hạnh đều có thể như vậy nên nói căn tánh thuần thục.

- Kinh: "Nếu có người tin nhận cho đến cũng nghe pháp này."

- Tán: Một hàng rưỡi tụng nói xưa gặp được duyên Phật, từng nghe mới tin có nhân đời trước.

- Kinh: "Nếu người có thể tin cho đến cùng các Bồ-tát."

- Tán: Một hàng rưỡi tụng rằng: Nếu tin lời ông nói thì thấy được thân ta, Tỳ-kheo, Bồ-tát, Tam bảo đều không khác, vì đồng thể Tam bảo. Nếu biệt thể thì sẽ thấy được, mà là nhận thấy. Chúng ta đều muốn nghe pháp này, về lý không khác.

- Kinh: "Nói Kinh Pháp Hoa này cho đến mê hoặc không hiểu được."

- Tán: Một hàng tụng nói về trí sâu có thể tin được lý sâu mầu. hiểu biết cạn thì không thể, vì là phàm phu ngu.

- Kinh: "Tất cả Thanh-văn cho đến sức kia không hiểu kịp."

- Tán: Một hàng tụng chắc chắn Nhị thừa, không thể ngộ vì trái với bổn tâm. Người không ngu pháp: Có thể tin nghĩa mà không thuận theo tu hành.

- Kinh: "Ông Xá-lợi-phất... chẳng phải trí của mình.

- Tán: Một hàng tụng sau nói bất định tánh Nhị thừa, mới thuận sanh tín. Ông là tối thượng căn, còn phải tin lời của ta thì mới dần được chứng nhập. Huống chi là hàng Thanh-văn bất định khác. Bồ-tát nghe ta nói còn suy nghĩ lựa chọn để thể nhập. Nghĩa "còn" cũng là thường. Theo ngọc thiên là nghĩa "ngõ hầu".

- Kinh: "Lại Xá-lợi-phất!... chớ nói kinh này cho đến"

- Tán: Phần ba lớn có ba mươi sáu hàng tụng rưỡi: Người vô trí không thể tin tội tướng.

Đây có hai: Hai hàng đầu tụng ngoại đạo phàm phu. Nếu người có

thất ác thì chớ vì họ mà nói.

- Ba mươi bốn hàng tụng rưỡi: Nếu vì họ mà nói thì họ sẽ không tin, gieo tướng nhân quả ác.

Hai hàng đầu lại chia hai:

- Một hàng tụng: Người đầy đủ bốn ác thì chớ nói.

- Một hàng tụng người có ba ác cũng chớ nói. Đầu tiên nói hạng người bốn ác là:

1. Kiêu: Cậy theo dòng họ sắc lực thông minh tài phú mà buông lung.

2. Mạn: Đầy đủ cả bảy lấn hiếp mạn, chê khinh người. Mình ít đức mà cho là nhiều, như năm ngàn người rời hội Pháp Hoa đây.

3. Lười biếng: Phóng dật túng tình không biết nhàm chán.

4. Ngã kiến: Bọn ngoại đạo.

Nếu nhàm chán sanh tử sâu xa mong cầu đạo xuất thế, hạ mình tôn trọng người, nhẫn tâm thọ pháp siêng năng không phóng dật, quán vô ngã diệt hết hoặc chướng, tin thuận kinh này thì mới vì họ mà nói. Thế nên Phật nói người có đầy đủ bốn ác thì không nói pháp.

- Kinh: "Hàng phàm phu biết cạn... cũng chớ vì họ mà nói."

- Tán: Hai hàng tụng nói người có ba ác.

1. Người hiểu nông cạn trá hiện thông minh, sự hiểu biết không sâu xa.

2. Người phiền não sâu nặng thân tâm buông lung ở ngũ dục thế gian, tham đắm rất sâu.

3. Người phàm phu ngu độn không có chủng tánh, không thể nghe nghe diệu pháp. người nghe pháp là thuộc Nhị thừa định tánh, cũng chớ họ nói.

- Kinh: "Nếu người không tin... Hạt giống Phật ở thế gian."

- Tán: Trở xuống ba mươi bốn hàng tụng rưỡi: Nếu nói ra thì chúng sẽ không tin, tướng nhân quả ác. đây chia làm hai: Bốn hàng tụng rưỡi nói không tin tức gieo nhân ác. Ba mươi hàng tụng sau nói không tin nên thọ quả ác. bốn hàng rưỡi đầu lại có hai: Một hàng tụng nói không tin, diệt hết gốc lành. Ba hàng tụng rưỡi vì không tin nên ác sanh.

Hàng đầu nói: Diệt nhân hữu lậu gọi là đoạn thế gian chủng. Diệt nhân vô lậu thì gọi đoạn Hạt giống Phật. Do tin kinh này, đầu tiên huân tập hạt giống hữu lậu thiện. Cho nên sanh vào trời người thọ sự diệu lạc thù thắng, mà nuôi lớn hạt giống pháp vô lậu như thế, rồi dần dần nhập vào Thánh, mới sanh vào vô lậu, lần lượt đắc quả thành Phật. Cho nên tin kinh này có thể làm nhân gần là trời người ở thế gian. Xa

thì là nhân thành quả Phật, tương lai thành Phật được lợi lạc vô biên. Nếu tự mình không tin, chê bai chướng ngại, không cho lưu hành làm cho người khác không tin. Há chẳng phải là đoạn hai hạt giống đó sao? Mà chính hủy hoại mắt của trời người. Hoặc đoạn tất cả Hạt giống Phật của thế gian, tổn phá pháp hạt giống vô lậu. Cho nên kinh này nói: Nếu khuyên người phát Bồ-đề tâm thì Hạt giống Phật không đoạn. Cho nên nếu chê bai kinh này là đoạn tâm Bồ-đề tức đoạn Hạt giống Phật. Pháp mà không hành trì thì cũng đoạn pháp chủng. Đã không phát tâm không chứng Thánh đạo, cũng đoạn luôn tăng chủng. Nay lấy điều hơn hết mà nói thì chỉ là đoạn Hạt giống Phật.

- Kinh: "Hoặc có người xịu mặt... kinh điển như thế này."

- Tán: Ba hàng rưỡi tụng không tin nơi ác sanh. Có hai phần:

- Hai hàng tụng đối với pháp không tin nên khởi ra ba ác nghiệp.

- Một hàng tụng rưỡi, với người không tin thì khởi ra bốn hành ác. Đây là phần đầu.

Xịu mặt có nghĩa là thân tướng không tin, hoặc nhăn mày. Người nghi hoặc là tướng tâm không tin. Người chê bai thì lời nói không có tướng tin. Trong đây nên nói: Nếu Phật còn tại thế hoặc đã diệt độ, có người chê bai như kinh điển này, hoặc lại nhăn mày, xịu mặt ôm lòng nghi hoặc, ông nên lóng nghe nói tội báo của người này trong văn trái ngược.

- Kinh: "Thấy có người đọc tụng cho đến nay ông lại nghe..."

- Tán: Đối với người không tin sẽ khởi lên bốn hành ác. Có bốn thứ mà người không tin: 1. Đọc; 2. Tụng; 3. Viết; 4. Trì. Theo lý thì hành chung mười thứ pháp hạnh, ở bên người đều khởi lên không tin. Trong đây lược nên chỉ nêu ra bốn thứ người khởi lên bốn hành vi ác.

Bốn hành vi ác : 1. Khinh tiện; 2. Oán hiềm; 3. Ganh ghét; 4. Kết hận. Lược nói bốn nhân tội rất nhẹ này. Sự thật thì các tội ác như: Đánh mắng, giết, trói, trộm cướp, chê bai, nói lỗi... đều là nhân của trọng tội, lược không nêu ra, mà lóng nghe quả đó.

- Kinh: "Người này chết cho đến vô số kiếp."

- Tán: Ba mươi hàng tụng nói do không tin mà thọ tướng quả ác. Chia ra làm hai:

1. Hai mươi tám hàng tụng nói về quả của sự không tin.

2. Hai bài kết lại.

Trong phần một lại có hai: Hai mươi hai hàng tụng riêng ba đường, thọ tướng dị thục quả. Sáu hàng tụng sau nêu chung ở bốn đường, thọ tướng hai quả đẳng lưu và tăng thượng. Phần đầu này lại có ba phần:

1. Một hàng rưỡi tụng về thọ quả tướng địa ngục.

2. Mười hàng rưỡi thọ quả tướng súc sanh.

3. Mười hàng thọ quả tướng trong loài người. Đây không nói tướng ngạ quỷ. Ngạ quỷ phần nhiều do tham mà sanh ra. Không tin kinh này còn thiếu người sanh tham vì lược không nói chứ chẳng phải là không có. Trong quyển thứ nhất nói về năm đường, lấy sáu môn để phân biệt. Ở trên đã giải thích về ba môn là: một là danh, hai là thể, ba là khai hợp xong. Nay nói về ba môn còn lại: 1. Xứ sở; 2. Quả tướng; 3. Thọ lượng.

Xứ sở trong Nại-lạc-ca có ba:

1. Căn bản.

2. Cận biên.

3. Cô độc.

Căn bản là tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh.

- Tám địa ngục nóng là:

1. Đẳng hoạt.

2. Hắc-thằng.

3. Chúng hợp.

4. Hào khiếu.

5. Đại hào khiếu.

6. Thiêu nhiên.

7. Cực thiêu nhiên.

8. Vô gián.

Tám ngục khổ khí này mỗi ngục đều rộng mỗi bề mười ngàn do tuần.

- Tám địa ngục lạnh là:

1. Át-phù-đà dịch là pháo: Da thịt phóng lên vì rét.

2. Pháo liệt: Da thịt nứt nẻ vì rét.

3. Yết triết chiêm: A-tra-tra: Bị rét buốt cùng cực.

4. Hổ hổ bà.

5. Hoa sen sanh (ốt-bát-la).

6. Hoa sen hồng.

7. Hoa sen hồng lớn.

Dưới đây khoảng ba muôn hai ngàn du-thiện-na có Đẳng hoạt. Dưới Đẳng hoạt khoảng bốn ngàn du-thiện-na thì có bảy ngục Hắc-thằng cho đến Như thế sáu ngục Nại-lạc-ca đều cách nhau hai ngàn do-tuần. Tám địa ngục lạnh này so ra nhỏ hơn địa ngục nóng. Trên đây là nói về địa ngục căn bản. Có nghĩa là địa ngục trên dưới lớp lớp

chồng lên nhau. Lược tính thì ở tận đáy ngục Vô gián cách mặt đất này là mười hai muôn tám ngàn do-tuần. Giải thích đây không đúng. Vì núi Diệu cao cách mặt nước chỉ nói có tám muôn. Tức lớp vàng thấp xuống nhất định không thể như vậy. Cho nên có giải thích: Cách mặt đất này ba muôn hai ngàn do-tuần có ngục Đẳng hoạt. Dưới Đẳng Hoạt cách bốn ngàn do-tuần có bảy ngục khác, cách ngang nhau có mười ngàn do-tuần, không nói trên dưới. Trong Du-già chỉ nói cách đây ba muôn hai ngàn do tuần có Đẳng hoạt. Dưới Đẳng hoạt cách bốn ngàn do-tuần có các địa ngục khác. Sơ hàn thì ở một bên Đẳng hoạt. Dưới đây hai ngàn thì có ngục lạnh Na-lại-ca. Ngục này rộng mười ngàn. Không nói riêng trên dưới đều cách bốn ngàn do-tuần, và mỗi mỗi địa ngục đều là mười ngàn.

Theo luận Bà-sa thì có hai nói. Trong Câu-xá thì cách hai muôn là đến đáy ngục Vô gián. Như vậy là rất gần.

- Gần biên tức là ngoài cửa tám địa ngục nóng, mỗi mặt đều có bốn cửa. Câu-xá nói là mười sáu tăng. Đó là: tro nóng, thây phân, dao nhọn, sông nóng.

- Cô độc: Ở dưới gốc cây vắng vẻ chốn núi non. Hoặc một hoặc nhiều nhiều nơi thọ tội. Loài bàng sanh vốn ở nơi biển lớn, chảy đến ở nơi khác. Chánh pháp niệm nói: Dưới đây cách năm trăm do-tuần có nước Diêm ma vương. Sau dời qua chỗ khác. Người trụ tám châu trong bốn đại châu. Mỗi mỗi đều có năm trăm tiểu châu, lấy đó làm quyến thuộc. Trời trụ ở cõi lục dục sắc vô sắc. Chư Thiên của Bốn đại vương ở tầng thứ tư khoảng lưng chừng núi Diệu cao. Trong Câu-xa nói trụ trên đỉnh Kim sơn. Trời Đao-lợi trụ ở đỉnh Diệu cao. Các cõi trời khác đều lần lượt trụ ở trên không. Từ đỉnh núi Tu-di cách dưới tám muôn du-thiện-na trở lên mỗi tầng trời cách nhau gấp bội. Cõi trời Dạ-ma cách mặt đất mười sáu muôn. Trời Tri túc cách đất ba mươi hai muôn. Trừ cõi trời Vô Vân cho đến trở lên đều y cứ theo đây nên biết. Các tầng trời cõi vô Sắc ở tại cõi Dục sắc, tùy theo trước nhập định mà liền thọ quả. Chẳng phải trời căn bản phía bắc tại núi Diệu cao là Bắc hải trở xuống có các loài bàng sanh nhỏ, tùy theo ở nơi bốn châu, như trước đã nói.

- Tướng thọ quả là: Nghĩa là hữu tình Na-lặc-ca. Ở đây phần nhiều thọ dụng sự trị phạt cực khổ.

- Hữu tình bàng sanh phần nhiều là thọ dụng sự ăn nuốt cực khổ.

- Hữu tình ngạ quỷ phần nhiều là thọ dụng sự đói khát cực khổ.

- Hữu tình nhân thú: phần nhiều thọ dụng thiếu thốn nên truy cầu đủ loại cực khổ.

- Hữu tình cõi trời phần nhiều thọ dụng sự xuy não đọa lạc khổ.

Tướng chịu khổ của tám địa ngục nóng là:

1. Tướng khổ Đẳng hoạt: Hữu tình ở đây phần nhiều cùng nhóm họp. Do nghiệp tăng thượng sanh ra các thứ khổ cụ, lần lượt xuất hiện, lại tương tàn lẫn nhau, ngất xỉu ra đất. Kế là trên không trung có tiếng nói lớn: Chúng hữu tình này trở về ngục Đẳng hoạt, trở về Đẳng hoạt, như thế các khổ cụ lần lượt hiện ra, tiếp tục tàn hại lẫn nhau. Do nhân duyên này mà chịu khổ lâu dài. Nhẫn đến ở trong đời trước tạo ra các ác nghiệp chưa chưa thể ra.

2. Tướng khổ Hắc-thằng: Nghĩa là chúng hữu tình kia phần nhiều bị ngục tốt dùng dây đen trói lại, hoặc làm bốn phần hoặc làm tám phần. Hoặc làm thành các thứ đồ hoa văn tượng. Hoặc bị cưa bị chặt. Vì nhân duyên đó chịu khổ rất lâu. Nghiệp hết mới ra khỏi.

3. Tướng khổ chúng hợp: Nghĩa là chúng hữu tình kia hoặc lần lượt hòa hợp nhóm họp lại. Bấy giờ ngục tốt rượt đuổi ép ngặt vào giữa hai ngọn núi Thiết lớn ép lại, làm cho các cửa máu tuôn ra. Như thế núi Thiết đầu dê đầu ngựa sư tử, đầu hổ... lại chúng hòa hợp nghĩa như đặt, các hữu tình có tôi vào trong máng sắt lớn, ép như ép mía, khiến máu tuông ra. Lại có nghĩa từ trên núi thiếc lớn rơi xuống đất bằng thiếc bén, bị đâm, cắt, chặt, chém, cho đếnmáu tuôn xối xả. Chịu khổ như thế rất lâu, đến khi nghiệp hết mới ra.

Các khổ này có ba:

a. Bị hai núi bức ép lại.

b. Bị ép.

c. Rơi từ núi Thiết.

4. Tướng khổ ngục Hào khiếu (kêu gào).

Nghĩa là hữu tình tự tìm đến nhà kia, liền rơi vào nhà Đại thiết. Vừa rơi vào đó thì lửa liền bốc cháy thiêu đốt khắp nơi, thật là ép ngặt khổ sở, phát lên kêu gào đau đớn. Chịu khổ lâu ngày, nghiệp hết mới ra khỏi.

5. Tướng khổ ngục Đại Hào khiếu: Khác nhau với đây: Nghĩa là vào nhà kia như rơi vào thai tạng, khổ hơn trước kia, bèn phát ra tiếng kêu lớn.

6. Tướng khổ ngục Thiêu nhiên: Nghĩa là ngục tốt đem các chúng hữu tình này đặt vào vô lượng chảo nướng, dời chuyển qua lại tựa như là nướng cá trên cây xuyên bằng sắt làm cho hữu tình kia các lỗ chân lông lửa đều phát cháy lên. Sau đó đem hữu tình đó đặt vào lò thiếc đốt như trước. Chịu khổ lâu dài cho đến nghiệp hết mới ra. Ở đây có ba

điều khổ: a. Phải trái đều bị thiêu đốt; b. Xuyên vào cây sắt nướng; c. Bị đánh bằng cây thiết.

7. Tướng khổ ngục Cực Thiêu nhiên: Đây có khác với trước. Nghĩa là dùng ba cây sắt nóng lớn xuyên xuống dưới lên hai vai và ra tới đỉnh đầu. Do đó mà các lỗ chân lông từ mắt tai mũi miệng đều phát ra lửa cháy. Lại quăng ném, dộc ngược tội nhân, hoặc bỏ vào chảo đầy tro nóng sôi sùng sục, khiến hữu tình nổi lên chìm xuống máu thịt da mạch thảy đều tiêu tan, chỉ còn là xương lại rớt ra đặt trên đất thiết nóng, tất cả lại hoàn như cũ, tiếp tục bị hành tội như trước. Các sự khổ như thế liên tục không dứt, trải qua thời gian lâu xa chịu khổ cho đến khi hết nghiệp mới ra khỏi. Khổ này có ba: a. Bị cây xuyên qua; b. Bị trói bằng dây sắt; c. Nướng trên lửa.

8. Là ở ngục Vô gián đại Na-lạc-ca, thọ các tướng khổ. Nghĩa là ở phương Đông có ba thứ đại thiết nóng bức cả trăm du-thiện-na. Có ngọn lửa đỏ rực bay đến đốt hữu tình đó, xuyên vào da thịt xương cốt, cho đến cháy đến tủy não như là đuốc mỡ. Như thế cả thân đều thành như bó đuốc. Thân và lửa hòa hợp lại chỉ còn nhìn thấy lửa, lửa từ bốn phương tụ lại không có gián đoạn, chỉ nghe tiếng kêu gào khổ sở, nên biết là có chúng sanh trong đó. Quỷ sứ lại lấy nia sắt bỏ đầy than trong đó thiêu đốt thân tội nhân. Sau đó đặt vào núi thiếc. Trên đưa xuống dưới lại đưa lên trên núi từ miệng lưỡi bị kéo ra, dùng trăm đinh thiếc đóng vào. Đóng rồi căng ra như căng da trâu. Lại dùng các hòn sắt nóng đốt vào miệng. Dùng lửa đồng rót vào miệng thiêu cháy cả yết hầu, triệt hết phủ tạng. Chịu khổ dài lâu như thế, cho đến khi nghiệp hết mới ra.

- Khổ này có sáu:

1. Bốn phương lửa cháy lên.
2. Bị tro sắt, nia đâm.
3. Lên xuống núi sắt.
4. Đinh sắt đóng vào lưỡi.
5. Nuốt sắt nóng.
6. Nước đồng rót vào miệng.

Trên đây đã nói các tướng khổ của Tám địa ngục nóng.

Tướng khổ cận biên là: Mỗi đại địa ngục đều có bốn phương, bốn bờ, bốn cửa. Có tường sắt bao quanh. Từ bốn cửa trở ra thì hai cửa ngoài đều có bốn khu vườn:

1. Cháy khét: Đầy khắp tới chân. Hữu tình chạy ra tìm nhà ở, rảo chạy đến đây, thì ở dưới chân thịt xương cốt đều bị cháy tiêu, khi giở chân lên thì da thịt hoàn lại như cũ.

2. Phẩn thỉ: là phân cứt. Các hữu tình trước đã cầu ra khỏi nhà này rồi, dần dần chạy đến đây rơi vào trong hầm phân cứt này phần nhiều có các thứ trùng củ tra thân dài một thước, mỏ trắng, đầu đen, xuyên vào trong da thịt người rút tỉa gân cốt, lấy hết tủy để ăn.

3. Vườn đao nhọn: Trong đây có ba: Một là: Đường đi có dao bén, để ngữa dao lên làm đường đi. Chúng hữu tình kia trước đã ra rồi nay lại đến đây. Khi chân bước xuống da thịt gân cốt thảy đều nát bấy, nhấc chân lên lại hoàn như cũ. Hai là vườn lá đao: Các hữu tình ra rồi, đến đây định ở dưới cây râm mát. Nhưng vừa ngồi xuống thì cơn gió nhẹ thổi đến lá kiếm rơi xuống, chặt bửa vào tứ chi thân thể, rơi nhào xuống đất, bị chó đen nhào tới giành ăn.

Ba là: Rừng đao kiếm: Bị chó đuổi nên chạy theo đây, leo lên cây bị đao kiếm chém, định nhảy xuống thì đao kiếm hướng lên đâm.

4. Sông nóng: Trong vườn có con sông lớn nước sôi sùng sục đầy khắp trong đó, các hữu tình tìm cầu nhà cửa. Từ ngục trên bước ra rồi thì rơi vào đây, cũng như bỏ hạt đậu vào trong chảo lớn, bị lửa thiêu đốt hầm nhừ. Tùy theo ngọn lửa đó tung lên rồi rớt xuống. Ở hai bên bờ sông có đầy ngục tốt tay cầm đao trượng và lưới lớn, vây quanh không cho tội nhân ra khỏi. Hoặc dùng dây hoặc dùng lưới trói lại rồi đem bỏ vào núi sắt nóng. Quỷ tốt lại hỏi: Các ngươi cần gì? Người tội đáp: Tôi chẳng còn biết gì nữa, chỉ bị đói khát ép ngặt khổ đau. Quỷ tốt liền lấy nước đồng rót vào miệng và lấy các viên sắt nóng đặt vào trong đó. Nếu người kia đáp: Tôi khát nước thì quỷ tốt lấy nước đồng rót vào miệng, chịu khổ lâu dài như thế đến khi hết nghiệp rồi mới ra. Ở trong địa ngục chịu khổ vô lượng. Xứ sở tuy nhỏ mà có nhiều thứ khổ cụ, chẳng thứ nào không đầy đủ.

- Tám địa ngục lạnh là:

1. Địa ngục Pháo: Hữu tình thọ sanh ở đây thật là rộng lớn. Vì quá lạnh nên thân thể nổi ốc như ghẻ pháo.

2. Địa ngục Pháo liệt : Cũng như pháo vỡ, lạnh làm vết thương lở loét máu mủ chảy ra.

3. Hám triết cô.

4. Hác hác phàm.

5. Hổ hổ phàm.

Ba địa ngục này, khi hữu tình thọ tội tiếng kêu khác nhau nên lấy đó gọi tên.

6. Địa ngục Thanh liên hoa : Bị lạnh quá nên thân thể tách ra như hoa sen sanh.

7. Địa ngục Hồng liên : Lạnh quá nên thân thể tách ra như hoa sen đỏ.

8. Địa ngục Đại hồng liên : Thân thể tách ra như hoa sen đỏ lớn.

Hoặc trăm hoặc nhiều loại bàng sanh cùng tàn hại nhau, thọ muôn thứ khổ, như kẻ yếu bị kẻ mạnh hơn sát hại. Vì không được tự tại nên bị kẻ khác xua đuổi. Phần nhiều là bị roi vọt và làm vật tư sanh (nuôi dưỡng) cho hàng trời người. Do nhân duyên này mà sự khổ não đến cùng cực.

Cõi ngạ quỷ lược có ba thứ:

1. Do chướng bên ngoài mà ngăn ngại sự uống ăn.

2. Do nội chướng mà ngăn ngại sự uống ăn.

3. Uống ăn không có chướng ngại.

Do bên ngoài chướng uống ăn đó là do keo kiệt san tham mà sanh vào trong loài ngạ quỷ, thường bị đói khát, da thịt máu mủ huyết đều khô khan, như là tro than, đầu tóc rối loạn, mặt mày đen tối. Môi miệng khô khan, thường dùng lưỡi liếm vào mặt, sợ hãi đói khát đến đâu cũng bị xua đuổi. Nếu đến ao suối thì bị các loài hữu tình khác cầm dao gậy đuổi bắt không cho tới gần. Hoặc nếu có đến được thì thấy nước trong sông đó chỉ là máu mủ, nên không muốn uống. Đó là do ngoại chướng mà làm trở ngại việc ăn uống.

Do nội chướng mà ngăn ngại việc ăn uống là: Hoặc do họng của hữu tình kia nhỏ như kim. Hoặc miệng như đuốc. Hoặc cổ nhỏ mà bụng quá to. Do nhân duyên này, nếu có đồ ăn uống không bị chướng ngại từ bên ngoài thì cũng không thể tự mình ăn uống được. Đó là do nội chướng làm trở ngại uống ăn.

Uống ăn không có chướng ngại đó: Nghĩa là có ngạ quỷ tên là Mãnh-diệm-man, mỗi khi ăn uống đều bị lửa thiêu đốt. Do đấy mà thường bị đói khát khổ sở.

Lại có ngạ quỷ gọi là ăn phẩn uế. Hoặc có một phần thì ăn phân nước tiểu. Hoặc một phần ăn các thứ nhàm ác, nhờm gớm, sống chín. Nếu có đồ mỹ vị thì không thể ăn được. Hoặc có một phần tự cắt thân thịt của mình mà ăn. Nếu có thức ăn khác thì không thể ăn được. Như thế thì gọi là uống ăn không có chướng ngại.

Ở trong cõi người phần nhiều là chịu khổ. Nghĩa là sanh ra những nơi đói khát thiếu thốn bần cùng khốn khó. Chỗ mong muốn không đầy đủ, ăn uống khổ sở thiếu thốn. Nếu như thời gian thay đổi, hoặc nóng hoặc lạnh thì ở nơi tối tăm cực khổ túng thiếu, làm việc gì cũng bị chướng ngại hư hao thiếu thốn lại bị biến hoại của già bệnh chết. Do

khổ này mà ở trong Na-lạc-ca gọi chết là vui, cho nên ở cõi đó không lập là khổ.

Ở trong cõi Trời không giải thích chi tiết khổ có khổ bị đọa chết. Như trong kinh nói: Có chư Thiên khi sắp chết, thì trước tiên năm tướng suy hiện ra:

1. Áo hiện ra dơ bẩn.
2. Hoa trên đầu héo rụng.
3. Hai nách ra mồ hôi.
4. Thân bị nhờm gớm.
5. Trời và Thiên tử không thích ngồi tòa của mình.

Lúc ấy chư Thiên này theo ngủ trong rừng, có các chư Thiên và thể nữ cùng đến vui chơi. Vị kia thấy vậy càng sanh ưu não, lại chịu khổ bị khinh thường. Do họ có phước đức rộng lớn thành tựu và lúc sanh thời Thiên tử ở trong ngũ dục rộng lớn. Vị Thiên tử cũ do phước đã cạn nên trông thấy liền sợ hãi mà chịu ưu khổ. Trên đây nói là chung cả lục dục thiên, phần dưới nói hai cõi Trời lại chịu sự khổ tàn hại chém giết xua đuổi. Do cùng với Phi thiên đấu chiến lẫn nhau. Thiên cùng Phi thiên trái ngược nhau. Tức cầm tứ trượng là kim ngân, pha lê, lưu ly, cùng đánh nhau chí tử. Bấy giờ chư Thiên và Phi thiên hoặc bị đứt tay chân, hoặc tàn phá thân thể, hoặc bị chết. Nếu thân bị thương hay đứt tay chân thì hoàn lại như cũ. Nếu bị đứt đầu thì chết. Thiên cùng Phi thiên đều có lực mạnh. Nhưng Thiên phần nhiều có thế lực mạnh hơn. Nhưng hai cõi này nếu bên nào bị thua, liền lui nhập vào tự cung, không được an ủi từ đồng loại. Do nhân duyên này liền ôm lòng ưu não. Nếu Thiên thắng liền vào của Phi thiên cướp lấy, gái đẹp, khởi đánh. Nếu Phi thiên đánh thắng liền vào thiên cung mong cầu bốn thứ Tô-đà vị mới sanh ra tranh chấp đánh nhau. Lại có một Thiên tử có lực mạnh, vừa mới phát phẫn nộ, các trời yếu kém hơn liền bị đuổi ra khỏi tự cung. Thế nên nói chư Thiên thọ ba điều khổ là: Khổ vì chết bị đọa, khổ bị lăng nhục, khổ vì bị tàn hại xua đuổi.

Trên là nói khổ ở Cõi Dục. Hữu tình cõi Sắc, Vô sắc không có những khổ như thế. Do hữu tình này chẳng phải chịu khổ khí. Nhưng do các khổ thô nặng. Nói kia khổ là có phiền não có định chướng. Đối với việc chết và ở không được tự tại. Do đây mà Ba cõi đều có khổ, không có gì ưa thích. Chỉ có cõi vô lậu thì vĩnh viễn dứt trừ các khổ thô nặng. Thế nên chỉ tu kinh này mới có được sự an lạc thắng nghĩa.

Trên là nói về quả tướng, tiếp nói thọ lượng: Người ở Thiệm-bộ châu tuổi thọ không nhất định. Cõi người lấy ba mươi ngày làm một

tháng, mười hai tháng làm một năm. Hoặc có lúc tuổi thọ vô lượng tuổi, chính là kiếp thành hoại. Hoặc có một thời thọ tám muôn tuổi, là kiếp trụ, bắt đầu giảm; hoặc ở vào một thời, tuổi thọ dần dần giảm chỉ còn mười tuổi. Đây là thời tam tai nổi lên. Người ở Đông-tỳ-đề-ha, tuổi thọ tăng nhất định hai trăm năm mươi tuổi. Người Tây-cù-đà-ni tuổi thọ tăng nhất định lên năm trăm tuổi. Bắc Câu lô châu thọ nhất định một ngàn tuổi. Lại ở nhân gian năm mươi năm là một ngày một đêm ở Tứ Thiên vương, chư Thiên lấy số năm này làm tháng. Các tháng này tích tụ thành năm. Cõi kia tuổi thọ năm trăm tuổi. Ở nhân gian một trăm tuổi là một ngày một đêm ở cõi Tam thập tam thiên, lấy số này làm năm tháng thì Trời kia tuổi thọ ngàn tuổi. Như thế cho đến cõi Tha hóa tự tại thiên một ngày một đêm, và tuổi thọ tăng hơn trước gấp bội. Lại chư Thiên ở cõi Tứ Thiên vương đầy đủ năm trăm tuổi, bằng một ngày một đêm ở địa ngục Đẳng hoạt đại Na-lạc-ca. Lấy đây tích tụ làm năm tháng mà địa ngục tuổi thọ tới năm trăm tuổi. Như thế lấy thọ lượng của trời Đao-lợi tích ra tuổi thọ của địa ngục Hắc-thằng. Lấy thọ lượng của cõi trời Thời phần tích thành thọ lượng của chúng hợp. Lấy thọ lượng của cõi trời Tri túc tích thành thọ lượng của địa ngục Hào khiếu (kêu gào). Lấy thọ lượng của cõi trời Lạc biến hóa tích thành thọ lượng của địa ngục Đại hào khiếu. Lấy thọ lượng của trời Tha hóa tự tại thiên tích thành thọ lượng của ngục Thiêu nhiên (lửa cháy), thọ lượng của ngục Cực Thiêu nhiên bằng nửa trung kiếp. Tuổi thọ của Vô gián địa ngục là một trung kiếp. Nghĩa là như từ tám muôn tuổi giảm đến mười tuổi. Từ mười tuổi lại tăng lên tám muôn tuổi thì gọi là một trung kiếp. Đó là kiếp lượng của Vô gián địa ngục, Thọ lượng của phi thiên như trời Tam thập tam thiên. Thọ lượng của loài bàng sanh, ngạ quỷ thì không nhất định.

Lại tám địa ngục lạnh bằng tám đại địa ngục nhiệt, thứ lớp đối nhau, thọ lượng gần một nửa. Trong hai địa ngục Cận biên và Cô độc về thọ lượng thì không nhất định.

Trên đây đã nói về thọ lượng trong năm đường ở Cõi Dục. Thọ lượng của trời Phạm chúng là hai mươi trung kiếp của một kiếp. Trời Phạm phụ thọ đến bốn mươi trung kiếp trong một kiếp. Đại Phạm thiên thọ sáu mươi trung kiếp trong một kiếp. Trời Thiểu quang thọ tám mươi trung kiếp trong hai kiếp. Thọ lượng của chư Thiên trở lên dần tăng lên gấp bội, chỉ trừ cõi Vô vân nên biết cõi trời kia thọ lượng giảm ba kiếp. Cõi trời Không vô biên xứ thọ hai muôn kiếp. Thức vô biên xứ thọ bốn muôn kiếp. Vô sở hữu xứ thọ sáu muôn kiếp. Phi tưởng phi phi tưởng

xứ thọ tám muôn kiếp. Trừ Bắc Cu lô châu thì tất cả cõi đều có trung yểu (chết yểu). Tuy tất cả đều là hóa sanh thân chết mà không bị nhơ uế. Nhưng thời nay, người quỷ đều có thân và có nhơ uế. Trời và địa ngục cùng thức đều mất mà không có thân nhơ uế. Nhưng khinh Chánh pháp niệm nói: Một trăm ba mươi sáu địa ngục đó: Tám đại địa ngục mỗi mỗi đều có mười sáu cận biên, bốn cửa viên quán. Tính có một trăm hai mươi tám chỗ, cùng tám ngục căn bản, hợp thành một trăm ba mươi sáu, không tính Bát hàn và Cô độc. Nếu tính ở đây thì địa ngục rất nhiều. Trong luận Du-già nói: Cách đây khoảng ba muôn hai ngàn do-tuần có địa ngục Đẳng hoạt, thì biết địa ngục ở dưới châu đây. Các nói Tiểu thừa nói khác nhau. Nếu y theo kinh Chánh pháp niệm thì đại địa ngục ở dưới núi Tu-di. Ở trên là nói tuổi thọ, về lượng của thân thì người ở Thiệm-bộ châu thân lượng không nhất định. Hoặc là cao lớn. Hoặc là nhỏ hẹp, nhưng đều tùy từ một tay, đến ba khủyu rưỡi. Người ở ba châu khác cũng tính như vậy. Thân hoặc cao lớn như trời Tứ Thiên vương thân lượng bằng một phần tư Câu-lư-xá. Thân ở tầng trời Ba mươi ba lại tăng lên một túc. Một túc là một phần tám của Câu-lư-xá. Thân của Đế Thích bằng nửa Câu-lư-xá. Thân lượng của Thời phần thiên cũng bằng nửa Câu-lư-xá. Trên đây là thân lượng củA-dục thiên, dần dần tăng lên một túc. Trời Phạm chúng bằng nửa du-thiện-na. Trời Phạm phụ bằng một du-thiện-na. Trời Đại phạm bằng một rưỡi du-thiện-na. Trời Thiểu quang bằng hai du-thiện-na. Các cõi trời trở lên dần tăng lên gấp bội. Trừ Vô vân thì nên biết cõi trời kia dần giảm ba thiện-na. Cõi Vô sắc vô hình thì không nói về thân lượng. Nhưng trong luận lại nói trời Sắc, Vô sắc biến thân khắp cả muôn ức. Kinh Nhân Vương liệt kệ chúng cõi Vô sắc. Kinh A-hàm thì nói cõi trời Vô sắc khi khóc rơi xuống như là hạt mưa mùa xuân (mưa bụi), đứng ở bên Phật đều là hóa làm. tùy thời lớn nhỏ mà chẳng phải thân nghiệp quả.

Trong đại địa ngục thân lượng không nhất định. Hoặc do thêm lớn nghiệp bất thiện rất năng mà cảm thân rộng lớn. Các nơi khác thì không như vậy. Địa ngục lạnh chỉ có một lượng gần gũi biên, Bàng sanh, Ngạ quỷ cũng vậy. Thân của chúng Phi thiên bằng thân cõi trời Đao-lợi: Đây là nói về thân căn bản Phi thiên. Như ở cõi này thân lượng liền nhỏ không nhất định. Dựa lược dựa theo nghĩa chính mà phân biệt các đường, tất cả nghĩa khác như lý nên biết. giải thích như kinh văn thì Tiếng Phạn gọi là A-tỳ chí, đây gọi là Vô gián. Du-già giải thích là chịu khổ không gián đoạn, lửa đốt không gián đoạn, do chê bai kinh này. Thọ đầy đủ một kiếp là trung một kiếp. Mạng tận cùng đến hết kiếp

này lại như thế lần lượt đến vô số kiếp.

Trong kinh Bát-nhã nói: Chê bai Đại thừa thọ tội địa ngục ở phương này hết thì sanh về Đông phương. Như thế trải qua lần lượt cả mười phương địa ngục. Hết mười phương địa ngục thì sanh lại đây. Cho nên kinh đây nói: "Như thế lần lượt đến vô lượng kiếp" không phải chỉ đọa vào ngục Vô gián, mà còn đọa vào ngục khác. Trong đây chỉ riêng nêu một chỗ rất ngặng. Đây tuy chỉ có một nghiệp mà từ khi mới thọ mà gọi là sanh báo. Ba thừa thông nghịch: Nghĩa là giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng.

Trong kinh Tát-giá-ni-càn-tử nói tội ngũ nghịch của Đại thừa là:

1. Phá tháp hoại chùa, thiêu đốt kinh tượng, trộm tài vật của Tam bảo.

2. Chê bai pháp Ba thừa, nói chẳng phải là Thánh pháp, làm chướng ngại lưu nạn, ẩn che tội lỗi.

3. Đối với tất cả người xuất gia, có giới hay không giới, trì giới hay phá giới, đều đánh mắng quở trách, nói lỗi của người, đẩy họ vào lao ngục. Hoặc cởi cà sa bắt phải hoàn tục. Hoặc bắt bớ xua đuổi đánh đập.

4. Giết cha hại mẹ, làm thân Phật ra máu, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng.

5. Khởi đại tà kiến, chê bai cho là không có nhân quả. Trải qua thời gian lâu dài làm các nghiệp bất thiện. Nay không tin kinh này, đọa vào ngục Vô gián lần lượt cho đến vô số kiếp.

Câu-xá Luận chép: Trong tội ngũ nghịch phá hòa hợp tăng là nặng nhất. Nhất định phải chịu khổ trong ngục Vô gián một kiếp. Nay tội còn hơn đây, nên nói hết kiếp sanh lại...

- Kinh: "Từ địa ngục ra... thọ tội báo này."

- Tán: Đoạn thứ hai có mười hàng tụng rưỡi. Thọ báo súc sanh có bốn phần:

1. Ba hàng rưỡi thọ quả làm chó giả-can.

2. Hai hàng tụng thọ quả làm lừa, lạc-đà.

3. Hai hàng tụng thọ quả Dã can.

4. Ba hàng tụng làm thân rắn.

Chữ Súc có nghĩa là lục súc. Nay từ đầu nói: Một nghiệp Đại thừa có thể cảm nhiều quả. Từ đầu đặt tên đều là do quả kia. Trong đây nói từ địa ngục ra thì đọa vào súc sanh. Phần dưới y theo đây nên biết.

- Kinh: Như làm Lạc-đà... mắc tội như thế.

- Tán: Hai hàng tụng nói làm lạc-đà, làm lừa. Đây có bốn quả:

1. Mang nặng.
2. Bị roi vọt.
3. Nghĩ đến ăn uống.
4. Vô tri.

- Kinh: "Có khi làm Dã can... hoặc có lúc phải chết.
- Tán: Thọ quả Dã can có bốn quả:

1. Ghẻ lở.
2. Chột mắt cũng không có hai. Nếu tin Tiểu thừa thì sẽ không tin Đại thừa, cho nên nói chột mắt.
3. Bị đánh ném.
4. Đến chết.

- Kinh: Chết ở đây rồi cho đến đắc tội như thế.
- Tán: Thọ quả thân mãng xà (trăn). Có năm:

1. Thân to lớn.
2. Điếc.
3. Ngu xuẩn.
4. Không chân.
5. Ăn trùng nhỏ.

- Kinh: "Nếu được làm người chẳng đến chỗ nương tựa."
- Tán: Có mười hàng tụng. Nói quả làm người xấu xí. Có hai phần:

1. Bảy hàng tụng nói có ác báo.
2. Ba hàng tụng sau nói không có quả thiện.

- Bảy hàng đầu lại chia làm bốn phần:
- Ba hàng tụng về hình hình dung xấu ác.
- Một hàng tụng nói không nơi nương tựa.
- Hai hàng tụng nói không có phước đức.
- Một hàng tụng nói bị tai ương.

Có mười bảy hình dung xấu ác:

1. Ám độn.
2. Thấp, lùn.
3. Hôi hám.
4. Bệnh hoạn yếu đuối.
5. Tật nguyền.
6. Mù.
7. Điếc.
8. Lưng gù.
9. Người không tin.

10. Miệng hôi.
11. Quỷ dựa nhập.
12. Nghèo cùng.
13. Hạ tiện (thấp hèn).
14. Bị người sai xử.
15. Thường bệnh.
16. Gầy ốm.
17. Không nơi nương tựa.

Một hàng tụng đầu là quả của ý nghiệp.

Một hàng tụng về quả của ngữ nghiệp.

Một hàng tụng quả của thân nghiệp.

Đều do ý dẫn đầu mà gây ra các tệ lậu.

- Kinh: "Tuy gần gũi người cho đến nhưng lại quên mất."

- Tán: Không nơi nương tựa.

- Kinh: "Nếu học theo ngành thuốc cho đến mà bệnh càng thêm nặng".

- Tán: Nói về bạc phước, có hai quả có thể biết.

- Kinh: Hoặc người kia phản nghịch cho đến bất chợt phải tai ương.

- Tán: Nói bất chợt gặp tai ương. Tức người khác cưỡng lấy vật, trộm cắp, lấy vật phi lý. Là mắc tội phi lý vậy.

- Kinh: "Như người tội này cho đến không bao giờ được nghe pháp."

- Tán: Ba hàng tụng về không có thiện quả. Có ba ý:

- Một hàng tụng nói không thấy Phật.

- Một hàng tụng nói không nghe pháp.

- Một hàng tụng nói về căn thường thiếut.

Kinh: Trải qua vô lượng kiếp cho đến các căn chẳng đầy đủ". Tụng đầu nói một nạn sanh vào thời trước sau Phật. Tụng thứ hai nêu sáu nạn: Địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, Bắc châu, trời trường thọ sanh ở chỗ có nan. Thế trí biện thông là nạn vì tâm cuồng loạn không bao giờ được nghe pháp. Tụng thứ ba có một nạn là các căn không đầy đủ. Gồm có tám nạn, nên không có thiện.

- Kinh: "Thường ở địa ngục cho đến đắc tội như thế ấy".

- Tán: Có sáu hàng tụng. Nói chung, trải qua bốn đường; chịu quả tăng thượng, đẳng lưu. Chia làm bốn: Nửa hàng đầu tụng về địa ngục. Nửa hàng tụng ngạ quỷ. Một hàng tụng súc sanh. Bốn hàng tụng người ác. Đây nêu ba phần đầu. Viên quán: Là lầu quán (quán trên lầu). Như

nhà gọi là quán. Đường ác khác là ngạ quỷ v.v.... Vì chê bai chánh pháp nên ở nơi không thuận việc tu học, sanh vào cõi quỷ.

- Kinh: “Nếu được làm người cho đến lấy làm y phục.”

- Tán: Bốn hàng tụng của quả người ác. Có bốn:

Một hàng tụng các nghiêm ác.

Một hàng tụng các y phục xấu.

Nửa hàng tụng về hình trạng xấu.

Một hàng rưỡi tụng hành vi ác. Đây nói hai phần đầu. Á là câm không thể nói, âm là ngọng.

- Kinh: Thân thể thường hôi hám cho đến đắc tội như thế.

- Tán: Đây nói về hình trạng và việc làm xấu. Vì tham đắm ngã kiến sâu xa mà si mê tăng thượng. Tham sân cũng vậy.

- Kinh: “Bảo Xá-lợi-phất cho đến chớ nói kinh này.”

- Tán: Trên là hai mươi tám hàng tụng nói về quả của sự không tin. Đây là hai hàng tụng kết lại.

- Kinh: “Nếu có người lợi căn cho đến thì có thể nói kinh này cho đến”

- Tán: Có mười chín hàng tụng. Đã chỉ cho biết sự phải trái xong, để cho người học biết mà tránh ác làm lành. Trên đã nói ba đoạn, nay là đoạn thứ tư mười chín hàng tụng nói: Ở chỗ có người hiểu biết thì nên nói pháp. Có hai phần:

1. Mười bảy hàng tụng: Nên nói tướng cho họ nghe.

2. Hai hàng sau kết lại. Mười bảy hàng đầu lại chia làm ba:

1. Một hàng tụng rưỡi: Từ lúc chưa phát tâm, đến nay, nhưng nghiệm đã có chủng tánh. Nên Phật nói kinh Pháp Hoa cho nghe.

2. Mười hàng tụng rưỡi: Tuy đã phát tâm có tu tập lục độ mà có thể nói pháp cho nghe.

3. Năm hàng tụng tuy có tánh tu tập lại có tâm trọng pháp cầu pháp mới có thể nói cho họ nghe pháp cho nghe.

Phần đầu nghiệm có sáu đức:

1. Lợi căn nghe thì mau hiểu.

2. Trí tuệ phân biệt phải trái.

3. Sáng suốt không có mê muội.

4. Học rộng trước đã có học.

5. Trí thức mạnh mẽ, tinh thần sảng khóai.

6. Nói kinh Pháp Hoa, Thích Cầu Phật đạo chẳng phải cầu đạo khác. Người thích vượt ra thế tục. Hoặc mong cầu giác ngộ, không thích ngu mê thì mới nói pháp.

- Kinh: Nếu lại từng thấy cho đến mới có thể nói pháp.
- Tán: Tuy đã phát tâm, mà có tu tập lục độ.
- Một hàng tụng rưỡi từng tu tập pháp thí.
- Một hàng tụng huân tập tinh tấn.
- Một hàng rưỡi tụng huân tập thiền định.
- Ba hàng tụng huân tập về giới.
- Một hàng rưỡi tụng huân tập về nhẫn.
- Hai hàng tụng huân tập về Tuệ.

Một hàng đầu nói: Từng đã gặp Phật huân tập pháp thí đã lâu xa, nên có thể vì họ mà nói. Phần dưới đây cũng nghiêm xét tùy theo sự việc như Bồ-tát địa thì mới kham nói.

- Kinh: "Nếu người tinh tấn cho đến mới nên nói cho họ nghe."
- Tán: Một hàng tụng về cần, một hàng rưỡi tụng về định.
- Kinh: "Lại Xá-lợi-phất cho đến mới nên nói cho họ nghe."
- Tán: Đây là ba hàng tụng về tu tập giới.

Một hàng tụng rưỡi nói về bỏ ác gần gũi duyên lành. Trong phẩm An Lạc Hạnh sẽ nói về tướng. Một hàng rưỡi sau tụng giữ tịnh giới vững chắc.

- Kinh: "Nếu người không sân cho đến có thể nói cho họ nghe."
- Tán: Một hàng tụng rưỡi tu tập pháp nhẫn.

Hai hàng tụng về tuệ, an thọ ngay thẳng trong khổ nhẫn, nhẫn chịu sự oán hại nhẫn. Kính Phật và quán sát thật rõ pháp nhẫn.

- Kinh: "Nếu có Tỳ-kheo cho đến có thể vì họ mà nói."
- Tán: Năm hàng tụng về cầu trọng pháp. Chia ra hai:

Hai hàng tụng rưỡi chuyên cầu Đại thừa.

Hai hàng rưỡi chân thật cầu Đại thừa.

Phần đầu lại có hai:

- Một hàng tụng về cầu pháp mà cung kính thọ.
- Một hàng tụng rưỡi không cầu kinh khác. Kinh khác là các kinh Tiểu thừa.

Kinh Thiện Giới nói: Học nội điển Đại thừa chưa rốt ráo, thì không nên học các thừa khác. Còn đối với Tứ minh luận, nếu nội học đã rốt ráo, hằng ngày thường trong đó hai phần học Đại thừa nội minh, một phần các kinh khác. Còn trong kinh này hoàn toàn không cho học một bài kệ trong kinh khác. Y theo sơ học để thường chuyên cầu. Học lâu gồm cả tu.

- Kinh: Như người dốc lòng cho đến có thể nói cho họ nghe.
- Tán: Đây là nói chân thật cầu. Có hai:

1. Một hàng tụng về cầu pháp.

2. Một hàng rưỡi nói không cầu. Dốc lòng đối với ngoại điển không xem nhẹ. Bỏ giáo pháp ngoại đạo, nên có thể nói cho họ nghe, lòng chí thành cảm thần, thì chắc chắn thành Thánh.

- Kinh: "Bảo với Xá-lợi-phất! cho đến Diệu Pháp Liên Hoa."

- Tán: Đối với người hiểu biết thì nên nói cho họ nghe. Trong có hai: Trên là ứng vì nói tướng, ở đây là phần kết.

Tăng Viên Như Phòng viết xong tại chùa Hưng phước vào ngày 04 tháng 12 niên hiệu Bảo An năm thứ ba.

Chùa Pháp long, Tăng Giác Ấn, muốn chánh pháp tồn tại lâu dài, vãng sanh Cực lạc.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6
(PHẦN CUỐI)

PHẨM TÍN HIỂU

Chia làm ba môn :

1. Lý do có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải thích chướng ngại

* ***Phần đầu*** có hai ý:

1. Nói ngài Thu Tử là bậc thượng căn nghe pháp nói liền vui mừng lãnh thọ. Bốn hạng người trung căn, nương theo dụ nói mà tỏ hiểu, nên sau phẩm Thí dụ thì có phẩm Tín hiểu.

2. Luận giải thích chúng sanh có đủ bảy thứ phiền não tăng thượng mạn. Vì để đối trừ nên nói bảy thí dụ. Trong phẩm trước vì người Tăng thượng mạn thứ nhất, cầu thế lực, khởi điên đảo cầu công đức, cầu quả báo mầu nhiệm ở cảnh giới trời người. vì những người này mà Phật nói ví dụ nhà lửa. Phẩm này vì người Tăng thượng mạn thứ hai cầu Thanh-văn giải thoát, đều là tăng thượng mạn. Cho rằng: Thừa của ta không khác với thừa cùa Như-lai. Vì thủ chấp điên đảo như thế, mà cầu pháp Thanh-văn giải thoát, để đối trị hạng này nên nói thí dụ Cùng tử. Trước nói thừa vô vi, sau nói thừa không khác chỉ là một. Phật khuyên tin nhập Đại thừa, kia liền mê chấp. Nay so sánh đứa con cùng tử với Trưởng giả, thừa hữu vi khác với thừa trước để khuyên bỏ mê đắm. Cho nên kế phẩm trước lại phát sanh phẩm này.

* ***Giải thích danh***: Lược có bốn môn:

1. Trừ nghi gọi là Tin, phá mê gọi là Giải. Bốn hạng người xưa nghi ngờ là mình không thể thành Phật, nên tâm không ưa thích Bồ-đề. Đối với chánh giác cũng không thể ngộ, do đó mà ngồi trong pháp tòa thân thể mỏi mệt. Đã nghe dụ nói cũng đồng như Thu Tử ở trước, tâm

nghi hối liền dứt, cho nên gọi là tín hiểu. Tín tức là tịnh tâm nhẫn dục. Giải là diệu trí ấn chứng điều mong. Tin đã thành Phật hiểu ý Phật nói.

2. Tín dứt trừ bất tín. Giải là để phá sự bất giải, xưa hiểu liền ba thừa mà không tin một thừa. Hoặc tin ba mà không hiểu một. Nay thì hiểu một mà tin cả ba, hiểu ba mà cũng tin một. Vì tâm thanh tịnh lại biết nên gọi là Tín hiểu. Tín tức là tâm tịnh có thể hiểu. Giải là lý rõ ràng có thể đạt được. Giải sâu mà tin cạn, nên trước sau đều nói: Do tín mà thể nhập vào nền tảng Đại thừa. Do giải cho nên tác chứng căn bản của chân tông. Cả hai đều có thể, cả hai nêu ra nên gọi là tín hiểu. Tin tức là ấn thuận lại chỗ nghe mà đặt tên. Giải là ngộ hướng đến quyền thật mà gọi. Với quyền với thực thảy đều tín hiểu.

3. Tin thấy rõ là do người khác, giải là do tự ngộ. Trước đã nói Thanh-văn tin lời Phật nói, cho nên thuận theo kinh này, chẳng phải trí phân của mình nên hiển bày do nhờ Phật mà bốn người mới tin. Đã có tin rồi, tự so sánh mà giải sanh thì sẽ tự hiểu, nên gọi là tín hiểu. Tin là thuận với người dùng tâm tịnh, hiểu là rõ được mình mà có thể biết người. Đối với người và pháp cùng tin cùng hiểu.

4. Tín, giải cả hai đều có phân biệt: Hàng độn căn chánh kiến tin mà không hiểu. Người lợi căn tà kiến hiểu mà không tin. Người lợi căn chánh kiến cũng tin cũng hiểu. Độn căn tà kiến thì không tin không hiểu. Lại phàm phu sơ tâm tin mà chưa hiểu. Hàng Bồ-tát Thập địa chứng giải nên đã tin. Hàng Địa tiền nhập đạo do tin mà hiểu. Nhất Xiển-đề không tin không hiểu. Nay tóm lược cả hai là giải của tín là chẳng phải tín mà không giải, chẳng phải giải mà không tín. Tín mà hiểu đó gọi là tín hiểu. Đều giữ theo câu thứ ba. Tín là tâm tịnh định hướng, hiểu là trí sâu giác ngộ. Đối và giáo với lý đều tin đều hiểu. Đó là so sánh mà giải thích. Tùy theo nghĩa tăng đó mà hiểu được giáo ý thật quyền. Tín là trở về yếu chỉ của Nhất thừa, đối với lý chưa chứng nên không nói hiểu, dùng nghĩa luận chung nên đều duyên vào giáo lý, vừa tín vừa tức là trì nghiệp thích.

* ***Giải thích chướng nạn***: Y theo Tỳ-bà-sa mà nói Thanh-văn có ba phẩm. Thượng căn chỉ có một, tức ngài Xá-lợi-phất, tự trong sáu mươi kiếp từng luyện căn. Hạng trung căn cũng một, như ngài Mục-kiền-liên. Còn lại các Thanh-văn khác đều thuộc về hạ tánh. Vì sao hôm nay bốn hạng người lãnh hội đều là người trung căn?

Đáp: Ngài Thu Tử trước khi giác ngộ, chưa thấu hiểu được tông kia. Bốn người là trung căn đâu trái với lý này, chỉ là đối với các Thanh-

văn mà so sánh. Như nói trung phẩm chỉ có Mục-kiền-liên là để các Thanh-văn khác phát hướng về đại tánh quy tâm, bao gồm cả bốn người thì có gì sai! Vả lại, như sự ngộ không của Thiện Hiện, tài biện nói của Mẫn Từ, trì luật của Ba-ly, Đầu-đà như Ca-diếp. Mỗi vị đều có một hạnh cao quý đâu cần khả năng bằng nhau. Cho nên nói cả bốn vị đều là trung căn trung đâu trái với ý thú chân thật.

Hỏi: Vì sao trong luận bảy dụ gọi là cùng tử, mà trong kinh phẩm đề là tín hiểu?

Đáp: Tin hiểu là gốc mới có thể nói thí dụ, luận vì phá bệnh của cùng tử nên lấy đó đặt tên. Kinh là từ nơi pháp căn bản mà gọi là tín hiểu căn cứ ở nghĩa mạnh mà đặt tên, đâu mệt làm so sánh.

- Kinh: "Bấy giờ Tuệ mạng cho đến vui mừng hớn hở."

- Tán: Phẩm này trong văn chính có ba phần:

1. Nêu sự vui mừng kính tín của bốn vị.

2. Thuật lại sự lãnh hội của bốn vị.

3. Trình bày sự mang ân của bốn vị. Như kệ tụng dưới nói: "Ân lớn của Thế tôn"

Phần một nói hai ý: Vui mừng và Kính ngưỡng.

Tuệ Mạng nên gọi là Cụ thọ theo thế tục, đều là yêu thích thân mạng lâu dài. Bậc Thánh dùng trí tuệ quý giá làm tuổi thọ. Cả hai ước nguyện đều thành tựu nên nói Cụ thọ, chỉ nói tuệ mạng không thì chưa đủ. Lại trong kinh Bát-nhã, ngài Chân đế gọi tịnh mạng là y cứ vào đoạn đức. Tuệ mạng là y cứ vào trí đức, nay nói Cụ thọ là đầy đủ hai đức trí và đoạn . Nếu chỉ nói tuệ mạng thì nghĩa còn thiếu. Ba vị kia thì dùng tánh mà gọi, lược Tiểu lấy Đại để nêu tên. Thiện Hiện dùng đức để rõ đề, chỉ dùng tuệ mạng là nêu đức. Gần nghe dụ nói được điều chưa hề có, xa nghe thọ ký thì sanh vui mừng.

Nghĩa của chữ Dũng dược (hớn hở) thì xa gần đều nói, hoặc pháp chưa hề có tức là được thọ ký thành Phật.

- Kinh: "Liền từ chỗ ngồi đứng dậy cho đến mà bạch Phật rằng:"

- Tán: Là nói về sự kính ngưỡng, tiêu biểu có chín nghĩa:

1. Đứng dậy khỏi chỗ ngồi là tiêu biểu Nhị thừa phát đại tâm.

2. Sửa y phục ngây ngấn, tiêu biểu thọ trì đầy đủ giới Bồ-tát.

3. Vén y bày vai phải: tiêu biểu Nhất thừa là việc tốt lành.

4. Quỳ gối phải xuống đất là tiêu biểu hàng phục tâm chấp Nhị thừa xưa kia.

5. Nhất tâm là tiêu biểu chuyên cầu Đại thừa không thọ một câu kệ kinh khác.

6. Chấp tay biểu thị tâm mê nghe Phật nói mà biết rõ pháp quyền thật.

7. Cúi mình cung kính là tự thân tâm đều cúi mình thuận theo.

8. Chiêm ngưỡng tôn nhan là biểu thị tâm quán giáo lý, thấy hai thân pháp thân và hóa thân.

9. Bạch với Phật là thể hiện sự tín hiểu.

- Kinh: “Chúng con là bậc thượng thủ ở trong tăng cho đến Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

- Tán: Đoạn thứ hai nêu thuật lại sự lãnh hội của bốn người. Đầu tiên là phần Văn xuôi sau là kệ tụng. Văn xuôi nói ba phần. Lãnh hội pháp, lãnh hội thí dụ và lãnh hội hợp nói.

Lãnh hội pháp có hai ý: Xưa chúng con không mong, nay nói chúng con đều được. từ câu: “Chúng con hôm nay ở trước Phật v.v...” Là nói rõ xưa không mong. Phật xưa nói quyền nên con học theo pháp quyền. Trước khi có hội Pháp Hoa chưa mong cầu chứng được pháp thật của Nhất thừa, mà sẽ thành Phật. Nay đều được tức là nay nghe pháp Nhất thừa sẽ được thành Phật. lãnh hội được ý Phật trước nói quyền, sau giáo hóa thật. Ý đầu tiên văn có lược, rộng.

Lược có bốn ý: Đứng đầu trong tăng, đức cao vọng trọng. Tuổi đều già lụn, răng long sức yếu. Tự cho đã đắc Niết-bàn, khổ dứt tâm thư thái. Không còn đảm đương việc gì nữa, tánh tình an phận. Do bốn nghĩa này mà không có chí mong cầu, không có ý thắng tiến, cho nên xưa không mong cầu Đại thừa.

- Kinh: “Thế tôn xưa kia cho đến tâm không hỷ lạc.”

- Tán: Nói rộng về không mong cầu. Trước tiên là nói việc xưa, sau giải thích lý do.

Phần đầu lại có hai:

- Phần đầu: Chỉ tu tự hành. Khi Phật nói các kinh Bát-nhã, chỉ niệm không, vô tướng, vô tác. Về sau không thích Đại thừa. Đức Thế tôn xưa kia đã nói kinh Bát-nhã cho các Bồ-tát. Vì không thích ngộ nên thân tâm chúng con mệt mỏi, bèn tu tam quán. Dùng không mà nhiếp nhị hành. Nghĩa là không, vô ngã quán chúng sanh là Không, Vô tướng nhiếp bốn hành của bốn diệt đế. Quán Niết-bàn vô tướng, vô tác tức là Vô nguyện nhiếp mười hành khác. Khổ đế bên dưới có hai hành.

Tập đế, Khổ đế mỗi đế có bốn. Quán các pháp hữu vi là tất cả Vô nguyện, các đế này có cả hữu lậu vô lậu, thuộc về ba tuệ, không nói Tam-muội. Các nghĩa khác đều như trong Du-già quyển mười hai có giải thích. Đây là y theo ba thứ quán của Thanh-văn. Nói không trình

bày về Bồ-tát quán. Đối với pháp Bồ-tát là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, lược làm bảy vị:

1. Tứ niệm trụ: Thân, thọ, tâm, pháp lấy tuệ làm tự thể. Nghĩa là do niệm lực mà tuệ ở nơi cảnh trụ.

2. Tứ chánh đoạn: Là luật dứt đoạn, đoạn đoạn, phòng hộ đoạn, tu tập đoạn. Lấy tinh tấn làm thể. Tinh tấn khởi dụng có thể tu đoạn.

3. Tứ thần túc: Là dục, cần, tâm, quán. Dùng định làm thể. Vì bốn thứ này mà tu định.

4. Ngũ căn: Tín, cần, niệm, định, tuệ. Theo tên gọi lấy năm căn làm thể, sanh ra thiện pháp.

5. Ngũ lực: Thể là ngũ căn. Vì khó khuất phục, cho nên lìa căn mà lập riêng.

6. Thất giác chi: Là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, niệm, định, xả, khinh an.

Ba của biệt cảnh: Trạch pháp, niệm, định.

Ba của thiện số: Cần, xả, khinh an. Một là biến hành nghĩa là hỷ.

7. Bát thánh đạo: Là chánh kiến, chánh suy nghĩ, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định và chánh tinh tấn. Chánh suy nghĩ là lấy tuệ làm tánh, có thể phát ra ngôn ngữ chung cả Phật có. Chánh ngữ, chánh nghiệp là lấy không sân si phát ở thân, ngữ làm thể, phát ra từ không tham gọi là chánh mạng. Lìa năm tà mạng đều lấy sắc tư vô biểu làm thể. Các pháp khác như chính tên gọi Ba mươi bảy thứ hợp với thể thì có chín: 1. Tuệ; 2. Tinh tấn; 3. định; 4. Tín; 5. Niệm; 6. Hỷ; 7. Xả; 8. Khinh an; 9. sắc Vô biểu.

Biến hành có một: Là hỷ. Biệt cảnh có ba: Là niệm, định, tuệ. Thiện có bốn là: tín, cần, xả, khinh an. Sắc pháp có một là vô biểu. Như trong Sớ Vô Cấu Xứng, nói sở tu của Bồ-tát và Thanh-văn khác nhau, nên Bồ-đề phần gọi là pháp Bồ-tát.

- Thứ hai là du hý thần thông: Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ-tát có mười pháp gọi là du hý thần thông:

1. Hiện xả bỏ tuổi thọ cõi trời.

2. Là hiện thọ sanh.

3. Hiện là đồng tử đùa giỡn nhiều cách.

4. Hiện làm người xuất gia.

5. Hiện làm khổ hạnh.

6. Hiện hướng về cây Bồ-đề.

7. Hiện hàng phục ma quân.

8. Hiện ưa thích vắng lặng, thành đạo Vô thượng.

9. Hiện xoay bánh xe.

10. Hiện nhập Niết-bàn.

Có khác với tám tướng mà trong luận nói.

- Thứ ba là thanh Tịnh Cõi nước Phật: Trong kinh Vô Cấu Xứng thứ nhất có mười tám loại nhân, hợp thành tám loại. Nghĩa là phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, độn ý lạc, thiện gia hạnh, tăng thượng ý lạc, bốn thứ này đều như chính tên gọi.

Lục độ là sáu đều gọi là chỉ tức. Tứ vô lượng, tứ nhiếp sự, xảo phương tiện, Bồ-đề phần. Bốn phần này hợp gọi là phát khởi, gồm có tu thiện đều tu hồi hướng. Đây nói dứt là không rảnh, tự giữ, giới hạnh, mười nghiệp đạo thiện ba thứ này gọi là vắng lặng. Trong phẩm Hương đài của kinh ấy nói có tám:

1. Suy nghĩ đối với hữu tình làm các nghiệp thiện mà không mong cầu thiện báo.

2. Suy nghĩ thay thế chịu khổ cho người. Gốc lành của mình đều hồi hướng hết cho người.

3. Suy nghĩ đối với hữu tình tâm đều bình đẳng, tâm không vướng ngại.

4. Suy nghĩ đối với hữu tình, và điều phục tâm kiêu mạn của mình, yêu kính như Phật.

5. Tín hiểu tăng thượng: Đối với các kinh chưa nghe đều không nghi ngờ không chê bai.

6. Đối với việc lợi dưỡng của người mà không có tâm ganh ghét. Việc lợi dưỡng của mình không sanh kiêu mạn.

7. Điều phục tự tâm: Thường tự xét lỗi của mình, không chê bai lỗi người.

8. Thường không phóng dật, luôn tu thiện pháp

Tám pháp này nếu không hủy phạm, từ đây cho đến khi chết sanh về Tịnh độ khác. Điều này trong chương Tịnh độ có nói.

- Thứ tư là thành tựu chúng sanh: Bên ngoài hóa độ làm lợi ích muôn vật. Chành ác lợi tha, trong đây tức là bốn hạnh Bồ-tát Thất địa, là hạnh Bồ-đề phần. Đây là pháp Bồ-tát. Các thần thông hạnh, Ba-la-mật hạnh, đây gọi là thanh tịnh Cõi nước Phật, thành tựu hữu tình hạnh. Đối với bốn thứ Đại thừa này, không sanh một ý niệm ưa thích thì không thể hướng đến mong cầu.

- Kinh: “Vì sao cho đến tâm ưa thích.”

- Tán: Đây là giải thích về lý do có hai:

1. Đạo đã tròn đầy, tâm an ổn không lo khổ.

2. Tuổi đã già suy, sức lực yếu kém cho nên đối với Đại pháp không tâm mong cầu ưa thích.

- Kinh: "Chúng con nay ở trước Phật... cho đến không cầu mà tự được..."

- Tán: Nói lên pháp đạt được ngày nay. Đắc pháp Đại thừa thì sẽ thành Phật. Đây có ba phần:

1. Được thọ ký, tâm lãnh hội chung ở châu đầu tiên.

2. Nghe pháp sanh vui mừng: Riêng lãnh thọ dụ nói, lãnh ngộ được hai điều này.

3. Vui đạt được thiện lợi. Vô lượng châu báu tức là Đại thừa.

- Kinh: "Bạch Đức Thế tôn chúng con ngày nay cho đến vì rõ được nghĩa này."

- Tán: Biệt trình bày về thí dụ có hai:

1. Nói chung về nói dụ.

2. Trình bày lời thí dụ.

Phật trước có nói: Những người hiểu biết, nhờ thí dụ mà được hiểu, cho nên nay cũng dùng dụ để lãnh hội ý Phật.

- Kinh: "Thí như có người tuổi còn thơ bé cho đến

- Tán: Trình bày lời thí dụ có hai:

1. Dụ trước kia không mong cầu Đại thừa.

2. Dụ bây giờ đã được.

Lại trong kinh nói: Trải qua ít lâu sau, cha biết ý con dần dần đã thông thái." Tức là trước thì dụ trụ vào quyền mà không mong cầu Đại thừa. Sau dụ nghe thật pháp mà đắc được. Văn đầu lại có sáu:

1. Dụ lúc phát tâm đầu tiên.

2. Bỏ cha trốn đi, trở lại nơi dòng sanh tử.

3. Dụ tuổi đã lớn trở về gặp Phật.

4. Dụ cha mẹ nhớ con không chịu tu Đại thừa.

5. Dụ cha từ xa nhìn thấy, bảo sứ giả rằng v.v... " là hóa độ bằng pháp Nhị thừa.

6. "Thế tôn! Lúc ấy trưởng giả bị bệnh v.v..." là dụ chỉ cho Đại thừa mà không mong cầu.

Đây là nói phần đầu. Bốn đoạn đầu đồng như trước đã nói. Hai muôn Phật đều dùng Đại thừa mà hóa độ. Đoạn thứ năm như trước nói: Dùng phương tiện dẫn dắt chúng sanh vào trong pháp của ta. Đoạn thứ sáu, như trước hội Pháp Hoa đã từng nói Bát-nhã, chỉ nghĩ đến pháp không mà chẳng sanh ưa thích. Nay đạt được trong đây mới khiến nhớ

đến đạo thực hành thuở xưa, mà chỉ nói Pháp Hoa. Ấu nghĩa là yếu. Trĩ là nhỏ là tiểu. Đầu tiên là mười sáu vị vương tử, dạy cho họ phát đại tâm, lại còn thầm nói. Chưa tu hành rộng gọi là thơ bé.

- Kinh: "Bỏ cha trốn đi cho đến năm mươi năm".

- Tán: Phần hai dụ cho việc lui sụt dòng sanh tử. Đối pháp dẫn kinh rằng: Nếu có chánh kiến Tăng thượng phẩm ở thế gian, tuy trải qua ngàn lần sanh cuối cùng cũng không đọa vào đường ác. Kia căn cứ vào hạng tăng thượng bắt đầu phát tâm. Nay nói phẩm hạ phát tâm lui sụt vào dòng sanh tử, tâm chưa vững chắc nên không chuyên ưa thích Phật gọi là bỏ cha. Trái với giáo lý thường thực hành hành vi ác, thì dụ như trốn đi. Đào thệ là nói xưa trốn đi (thệ là là: xưa), hành cũng có nghĩa là đi. Nước khác là chỉ cho sanh tử. Lâu ngày không được an vui. Phật pháp chính là nước cũ, lâu xa có thể khiến cho an vui. Trong kinh Niết-bàn, nói Phật pháp là nước khác, chẳng phải phần của mình, sanh tử là nước cũ là phần mình. Kia Đây, đối nhau đều khác nhau. Ở đây dùng hữu tánh và phát tâm về sau làm tự tha. Kia lấy vô tánh và trước khi chưa phát tâm làm tha tự, cũng không trái. Trước tuy dùng Ba cõi làm ngôi nhà lớn của Phật, mà nay cho là nước khác là vì thể nhiễm tịnh có khác nên nước chia ra có tha, tự. Lại y theo phàm tình thì cũng không trái ngược. Lại y theo đại bị, sanh tử làm nhà, nếu nói theo đại trí thì gọi là tha quốc. Trong dụ dưới nói thì gồm có năm nước:

1. Ở lâu tại nước khác.
2. Trở về nước mình.
3. Đi khắp nước khác.
4. Trải qua các làng ấp cõi nước.
5. Cùng hội thân tộc quốc vương đại thần.

Phần đầu và phần thứ ba lấy sanh tử làm tha quốc, phần thứ hai lấy Phật pháp làm nước mình. Phần thứ tư cũng nói chung về Phật pháp. Nói pháp lợi ích rộng lớn như nước. Thứ năm tức là nước của nhân vương. Hoặc dụ bốn chúng của nước Phật pháp.

Hoặc mười cho đến năm mươi năm đó là trôi lăn trong năm đường. Gọi là hạt giống là tư dưỡng trong mười nghiệp đạo.

- Kinh: "Tuổi đã lớn... trở về nước mình."

- Tán: Trong đoạn thứ ba là dụ trở về thấy Phật, tức là chưa tâm lui sụt Bồ-đề. Trước đã từng thấy Phật, đời đời đã từng được Phật hóa độ. Trước đây gặp Phật được hóa độ pháp Đại thừa. Văn có ba phần:

1. Con lớn tuổi rồi trở về nước.
2. Cha trước đây đi tìm kiếm.

3. Gặp con đến thành.

- Đây là nói phần một, trong đây có sáu:

1. Căn tánh dần dần trưởng thành, là tập chủng tánh.

2. Chưa tu phước tuệ, lại thêm sự khốn cùng.

3. Trôi lăn trong bốn sanh khắp cả bốn phương.

4. Mưu tính ra khỏi đường khổ, vì cầu cơm áo.

5. Tâm văn tư tuệ, do chủng tánh ép ngặt, ngày ngày sanh thiện mà dần dần dạo đi.

6. May gặp được Phật pháp, hướng về nước mình. Đầu tiên là dạy phát đại tâm, tuy lui sụt vào dòng sanh tử, mà nay trở về gặp Phật pháp, trụ ở trong đó thuận với sở tu trước kia nên gọi là nước mình.

- Kinh: "Người cha từ trước đến nay cho đến dừng lại ở một thành."

- Tán: Nói cha trước đã mong tìm gặp. Lại có ba phần:

1. Tìm con mà dừng lại thành.

2. Của cải và rất đông người.

3. Người đi buôn làm lợi rất nhiều.

Đây nói phần đầu.

Cha đó là hóa thân, Phật từ trước đến nay, tuy đã trải qua bao lần hóa độ dẫn dắt, chúng sanh tự thối lui. Cho nên nói trước nay tìm gặp con mà không được. Giữa đường dừng ở một ngôi thành là chỉ trong đường sanh tử. Thành là chỉ cho Đại thừa.

Kinh Vô Cấu Xưng chép: Lấy thành làm hộ pháp, nay dùng pháp Đại thừa làm thành, sắp nói pháp Đại thừa để dạy chúng sanh phát tâm. Thành là dụ cho pháp Đại thừa.

- Kinh: "Nhà này rất giàu có cho đến đều đầy ắp."

- Tán: Của cải rất nhiều. Có tám phần: Trong đây nói có hai:

1. Bảy báu là dụ cho bảy Thánh tài đầy đủ.

2. Có kho vô vi và kho hữu vi, các đức đều đầy đủ. Trong Bác Vật Chí chép: Cây Tùng chỉ trồng xuống đất ngàn năm hóa thành phục linh. Phục linh ngàn năm hóa thành hổ phách, còn gọi là hồng châu.

Quảng Chí chép: Chỗ sanh vật này ở bên và ở trên hư không sanh ra cỏ cây. Sâu cỡ tám, chín thước, lớn như cái đấu, lột phần võ trên, chính giữa thành hổ phách có nước lõng sánh như nhựa quả táo, rồi đọng cứng mới thành hổ phách; người xứ đó xứ dụng làm bát đựng.

- Kinh: Có nhiều tôi tớ cho đến trâu dê vô số.

- Tán: Đây có sáu loại:

1. Điều phục phiền não làm tôi tớ, sai khiến tùy ý.

2. Dùng phương tiện khéo léo làm các quan giúp đỡ.

3. Dùng diệu nguyện và năng lực làm nhân dân.

4. Lấy năm thông làm voi, ngựa.

5. Ngũ thừa làm xe cô.

6. Tám muôn bốn ngàn chúng hành làm vô số trâu dê.

- Kinh: Xuất ra thu vào làm lãi cho đến cũng đông nhiều".

- Tán: Đây nói về việc khách làm lợi rất nhiều. Giáo chân đế tục đế là lời ích nhập xuất. Nhập vào Phật pháp xuất ra sanh tử. Hoặc dạy Ba thừa thì gọi là "xuất xuất sanh tử". Giáo trời người thì gọi là nhập nhập sanh tử. Khiến cho pháp thiện dần dần sanh trưởng thì gọi là lời. Lời nghĩa là nuôi lớn mạng sống. Vì thương chúng sanh mà giáo hóa đến những nơi sanh tử nên nói: Lời lãi đến khắp nước khác. Đến các nơi Thánh chúng Ba thừa , giảng nói chánh pháp của Phật.

Tuyên Ni nói: Tìm giá tốt để địmh giá tức là đồng với đây. Loại này chẳng phải một nên gọi là rất nhiều, chữ Thương trong Nói văn nói là đi buôn bán. Ngọc thiên nói chung cho các thứ châu báu khác lạ trong bốn phương thì gọi là người đi buôn, có khi gọi là thương lượng, chẳng phải nghĩa ở đây. Thương là đem vật xa gần từ bốn phương nhóm lại. Mai là cố định, là vật cố định đợi người đến mua để cầu lợi. Mại cũng là tiếng nói phổ thông.

- Kinh: "Bấy giờ người con nghèo khổ cho đến dừng lại ở thành này."

- Tán: Người con đi đến thành.

Ba thừa nội đạo gọi là xóm làng. Đây là câu tổng. Các pháp nói, các việc thần thông hiện có gọi là xóm ấp. Ý đây nói là: Đi dạo khắp nội đạo để cầu xuất ly, thì gọi là đến xóm làng. Văn trước đã nói con đã lớn tuổi trở về nước, tức đã trở về Phật pháp, cho nên biết, xóm làng không chung với ngoại đạo. Hoặc nghe nói pháp cạn sâu. Hoặc quán các thần thông có hơn kém gọi là trải qua các xóm ấp. Xóm rộng lớn thì dụ cho pháp sự nói. Ấp nhỏ dụ cho thần thông. Biết chư Thánh vì không ẩn tàng, trở về giáo nội Phật pháp Đại thừa thì gọi là đến thành của cha. theo ở sau giải thích: May mắn gặp được Phật pháp. Đầu tiên nghe Đại thừa gọi là đến thành cha. Phật tự trú trong Đại thừa, tức giữa đường trở về gặp được Đại thừa.

- Kinh: "Cha thường nghĩ đến con cho đến ôm lòng hối hận."

- Tán: Thí dụ về con không chịu tu Đại thừa. Có bốn:

1. Cha thường nghĩ đến con.

2. Con nhìn thấy kinh sợ bỏ chạy.

3. Cha cho người đuổi theo bắt lại.

4. Con lo lắng sợ hãi.

Đoạn văn đầu có hai: Trước nói chung về suy nghĩ. Sau nói riêng về suy nghĩ.

Đây nói về phần đầu: Năm mươi năm là nói việc trôi lăn trong năm đường. Chưa hề nói cho ai nghe việc này nghĩa là: Ta từ xưa đến nay chưa hề đối với chúng nói ta có dạy phát tâm Đại thừa. Nay thì thường nghĩ mong muốn cho chúng về của báu Đại thừa và ưa thích Nhất thừa. Chỉ thầm nghĩ mà chưa hề nói ra. Hối vì không sớm gặp con để dạy bảo, hận vì con không mau tìm ta nên gọi là hối hận.

- Kinh: "Tự nghĩ ta đã già yếu cho đến mỗi khi nhớ đến con."

- Tán: Đây là suy nghĩ riêng.

Có hai: Đầu tiên nghĩ giao phó tài sản, sau đó nghĩ mình sẽ an vui.

Đây nói phần một. Việc tu hành đã lâu dài, đạo trước đã tròn đầy thì gọi là già cả. Phước tuệ vô cùng là nói nhiều tài vật. Tuy đã có Bồ-tát mà chưa hóa độ được Thanh-văn để kế thừa quả Phật, nên nói là không có con. Hoặc con còn nhỏ thì cũng gọi là không có con. Một mai chết đi là nói Phật nhập Niết-bàn, tài bảo Đại thừa sẽ tiêu tán hết. Căn cơ của bọn kia chưa thuần thục nên không thể gửi gắm, vì thế nên thương xót sâu xa thường nghĩ nhớ đến con.

- Kinh: "Lại khởi niệm nghĩ cho đến không còn lo lắng."

- Tán: Đây nghĩ cha đã an vui.

Không có con giao phó của cải, cho nên lo lắng. Con nay đã thoát khổ, thuận theo lãnh thọ há không vui sao?

- Kinh: "Thưa Thế tôn! cho đến Bấy giờ, đứng một bên cửa.

- Tán: Nói con thấy cha, kinh hãi bỏ chạy. Đây có ba việc:

1. Đến cửa cha.

2. Thấy cha.

3. Bỏ chạy.

Ở đây là nói phần đầu. Thân tâm tinh tấn vì cầu xuất ly. Tâm như người làm thuê lần hồi chẳng phải là bổn tâm nên cầu Đại thừa. Do chủng tánh an bày mà may mắn đến với Đại thừa, nên gọi là đến nhà cha. Vì hạt giống Đại thừa gần sanh mà xa thuần thục nên nói may mắn mới gặp. Lại ở trong đây gặp được liễu nghĩa Đại thừa gọi là đến nhà cha. Giáo hạnh của Đại thừa có công năng giải thích lý, năng chứng các quả, gọi đó là cửa. Cùng tử lúc ấy, chưa thể chuyên cầu khắp tu hành hạnh chứng quả. Chỉ biết tướng chung có nghe chút ít, giáo, tu nhân

nhỏ yếu gọi là dựa cửa. Bấy giờ, chưa hoàn toàn có thể nghe tu tập đại giáo, hành hạnh Đại thừa, chỉ cho biết cũng sẽ được, nghe Đại thừa nên gọi là lập, an xứ một lúc thì gọi là trụ. Lại người tiểu cơ chưa hề biết đại pháp thì không thể gọi là thẳng vào cửa. Tuy trong căn cơ nhỏ yếu nhưng cũng tin và tu tập nên gọi là đứng bên cửa. Ở trên lấy Phật pháp làm nước, tất cả pháp Đại thừa là thành. Trong Đại thừa liễu nghĩa chân thật, Trung đạo Đại thừa gọi là nhà của cha, tức gọi giáo hạnh là cửa.

- Kinh: "Từ xa thấy người cha cho đến cung kính vây quanh."

- Tán: Nói cùng tử thấy cha, có bảy phần, ở đây có hai:

1. Thấy cha ngồi.

2. Kẻ sang người hèn đều hầu hạ.

Do cách Đại thừa, vị bất thoái còn xa, vá cách chân lí còn xa, nên gọi là xa thấy.

Phật dùng bốn vô úy làm giường, cũng lấy bốn tĩnh lự làm giường, lấy vô tham, vô sân làm ghế báu, để nâng chân giới, Giới học là chân đi. Người đầy đủ giới học là Bà-la-môn. Tuệ học là Sát-lợi. Định học là Cư sĩ. Lại có các chúng Ba thừa, Đại thừa, Độc giác, Thanh-văn đều cung kính vây quanh.

- Kinh: "Lấy châu báu anh lạc cho đến đứng hầu hai bên."

- Tán: Văn có hai:

1. Tô điểm thân thể, lấy tam niệm trụ làm chuỗi anh lạc.

2. Người giúp đỡ cung kính hộ vệ, diệu nguyện và năng lực làm nhân dân, nói về điều phục phiền não làm tôi tớ. Tâm trì tứ nhiếp là cần, phất trần trắng. Thể thanh khiết trừ hết cấu uế, không lìa thân tâm, gọi là đứng hầu hai bên.

- Kinh: "Dùng màn báu che cho đến uy đức rất tôn quý đặc biệt."

- Tán: Ở đây có ba:

1. Các vật bên ngoài trang nghiêm.

2.Nêu tài sản.

3. Kết luận cao quý, tôn trọng.

Bốn vô lượng tâm và màn báu, bảy tịnh là Hoa, tổng trì là phướn. Năm phần Pháp thân và diệu định nhuần ở thân tâm, như nước thơm rưới đất. Dạy người dùng bảy giác như rải các hoa. Ngoài dùng muôn hạnh, lấy đó tô điểm như chưng bày các vật báu. Trên gọi là trang nghiêm, ngoài thí pháp tài gọi là xuất ra. Thân tự chứa đức thì gọi là thu vào thủ để giải thích trong trong tự lấy, cho để giải thích ngoài, ngoài cho người khác. Lại xuất ra thu vào, như trước, chúng. Chúng

sanh căn cơ thuần thục gọi là lấy. Phật ứng thời hóa độ gọi là cho, trên là xuất ra thu vào. “Có các sự tô điểm dường ấy cho đến” Là kết luận tôn trọng cao quí. Đây là ban đầu hiện tướng hóa thân, tịnh độ là tướng đẹp mầu, nên con thấy, chạy đến chưa thấy báo thân cũng chẳng phải cõi uế.

- Kinh: “Cùng tử thấy cha cho đến hối hận vì đã đến đây.”

- Tán: Đây nói người con bỏ chạy. Có ba phần:

1. Hối hận vì đến đây.
2. Khởi ý nghĩ.
3. Chạy mau.

Đây là phần đầu. Thấy ví như biết chẳng phải mắt thấy, chẳng phải trí chứng. Vì nghe, suy nghĩ ví như biết. Mười lực vô úy gọi là có thế lực lớn. Hoặc dùng mắt thấy thần thông lớn của Phật thì gọi là thấy thế lực lớn. Chẳng phải khả năng mình tu, chẳng phải khả năng mình chứng, nên ôm lòng hoảng sợ. Ở đây thấy hóa thân, Tịnh độ. Do khuyên tu thành Phật nên suy nghĩ mình không thể hành trì, cầu sẽ chứng nên gọi là hối hận vì đã đến đây.

- Kinh: “Trộm nghĩ rằng cho đến bắt buộc ta làm.”

- Tán: Đây là khởi lên ý nghĩ.

Vua là vua Pháp thân, bậc đồng vua là Báo thân đồng nghĩa là tương tợ. Hoặc vua là vua của pháp, bằng vua như vua thế gian. Chẳng phải ta tinh cần mà có thể chứng. Gọi là chẳng phải chỗ ta ra sức làm thuê mà được vật. Xóm nghèo là chỉ người Nhị thừa. Không bằng xưa kia thân tâm siêng năng nhọc khổ, tha hồ có đất làm ăn, tức là nơi nương tựa để nuôi lớn đạo. Phước tuệ có thể cầu gọi là dễ được cơm áo. Hoặc Đại thừa trụ lâu, Phật gượng ép khuyên ta tu pháp mà không phải là pháp ta thích. Đây là trước kia chưa tâm lui sụt Đại thừa nên suy nghĩ như thế.

- Kinh: “Nghĩ như thế rồi vội bỏ đi.”

- Tán: Ở đây nói vội bỏ đi. Tự mình suy ra không thể tu hành đại hành liền lui sụt tâm Đại thừa tìm nơi khác làm gọi là vội bỏ đi. Đây là lúc còn chưa trụ vào Nhị thừa.

- Kinh: “Bấy giờ trưởng giả cho đến tâm rất vui mừng.”

- Tán: Cha cho người theo bắt về. Đoạn này có ba phần:

1. Thấy con nên vui mừng.
2. Khởi lên ý nghĩ.
3. Sai người bắt về.

Ở đây nói phần đầu, biết căn tánh Đại thừa của chúng sanh duyên

đã gần thành thục cho nên thấy liền vui.

- Kinh: “Liền nghĩ rằng cho đến vẫn cố tham tiếc.”

- Tán: Khởi lên ý nghĩ: Mà chợt tự đến là vì căn tánh thuần thục. Thật là vừa thuận với bản tâm nguyện ý của Phật. Ta tuy tuổi đã già, thành tựu đạo đã lâu xa mà tâm đại bi vẫn còn tham tiếc sâu xa. Vì tình luyến thương con nên tâm đại bi rất thâm trọng. Cho nên nói là tham tiếc.

- Kinh: “ức liền sai người... mau đuổi bắt về.”

- Tán: Sai người đuổi bắt. Có hai: Trước đuổi sau bắt.

Lý vốn bặt cả nói năng. Dùng lời mà hiển bày ra thì không gọi là chánh lý. Giáo gọi là dạy người hầu, là Nhất thừa giáo. Hoặc hành có thể tu gọi là chánh chủ. Giáo tạm khai ngộ gọi là người bên cạnh. Bi tâm khởi lên nhanh chóng gọi là đuổi gấp. Nay khiến cho con nhập vào Đại thừa thuận theo sở tập trước kia gọi là bắt đem về. Tâm từ bi muốn hóa độ ngay nên gọi sứ giả mau đuổi theo bắt về.

- Kinh: “Cùng tử kinh ngạc cho đến vì sao lại bắt tôi”

- Tán: Nói con sợ hãi lo lắng. Có ba:

1. Con kinh ngạc.
2. Sứ giả càng gấp rút bắt.
3. Con hôn mê.

Ở đây nói phần đầu. Tâm không mong cầu đại hạnh thì gọi là kinh ngạc. Tâm và miệng không chịu tiến tu mà lui sụt nên cất tiếng kêu oan. Thật tình tôi không mong muốn đại pháp gọi là không hề xúc phạm, vô cớ trao cho tôi pháp Đại thừa gọi là vì sao thấy liền bắt.

- Kinh: Sai người mau đuổi bắt đem về.

- Tán: Đây là nói sứ giả càng gấp bắt.

Tâm bi kích động nên giáo mang đến càng cấp thiết, khiến cho tu tập gọi là cưỡng bức đem về. Dùng làm nhân cho ngày nay nhập Đại thừa, cho nên ép ngặt. Chẳng phải khi ấy Phật không biết căn khí mà ép mang về.

- Kinh: “Bấy giờ gã cùng tử cho đến mê ngất ngã dưới đất.”

- Tán: Nói con hôn mê. Thực tình trong tâm không ưa thích Đại thừa gọi là không có tâm xúc phạm nên nghĩ là vô tội. Không muốn con mình học Tiểu thừa, bắt phải học đại nên gọi là “bị bắt tù”. Pháp tu khổ hạnh của Bồ-tát thật khó hành, quá sức mình sợ sẽ khổ nên nói chắc chắn phải chết. Tâm không an vui nên lại càng sợ sệt, thoái tâm không học Đại thừa lui vào sanh tử gọi là mê ngất té dưới đất, đất là chỉ cho nơi sanh tử.

- Kinh: "Cha từ xa đã nhìn thấy cho đến đừng nói với nó".

- Tán: Dùng Nhị thừa hóa độ. Có sáu phần:

1. Dạy phát quyền tâm.

2. "Cùng tử vui mừng cho đến" khởi ý thích Tiểu thừa.

3. "Bấy giờ trưởng giả muốn dẫn dụ.." khiến cho tu phần giải thoát .

4. Cùng tử trước chịu lấy giá cả, bèn y theo đó mà làm.

5. "Cha thấy con thương xót và lấy làm la..", khuyên vào gốc lành.

6. Bấy giờ trưởng giả dạy bảo làm việc sau đó thành tựu Thánh vị. Văn đầu có hai: Trước sai thả, sau sứ giả thả đi.

Trước sai thả lại chia làm hai: Một là ngưng dùng Đại thừa hóa độ, mà dạy nên phát tâm quyền, hai là giải thích lý do ở đây là nói phần đầu. Con còn ở xa nên nói cha từ xa nhìn thấy. Lại ngưng giáo hóa bằng Đại thừa, tạm thời khai thị chớ mang giáo hóa nên nói không cần đừng ép trao Đại thừa khiến tu đại hạnh gọi là chớ cưỡng bức đem đến. Dùng quyền giáo xảo Nhị thừa, tam quy y, ngũ giới cấm để thuận với tâm kia, như rưới nước lạnh vào mặt là để diệt trừ hối hận của cùng tử, điều phục mười triền, hoặc tạm dứt khổ tám nạn, được sanh về trời người hơi dần chán khổ, lại làm vui với bổn ý nên gọi là được tỉnh lại. Ngưng trao Đại thừa chớ nói với nó nữa, tức mê ngất đã hết. Lúc ấy giống như thức tỉnh nhập Thánh ngộ chân.

- Kinh: "Vì sao? Vì sao nói là con ta."

- Tán: Giải thích ý sai thả. Biết tánh Thanh-văn từ lâu sanh gần thuần thục gọi là biết ý con kém cõi. Đức của cha quá lớn làm cho con khiếp sợ nên nói nạn của con. Hào là mạnh khoẻ. Theo Nam Tử Trí thì nói thống lãnh ngàn muôn người gọi là Hào. Biết có đại tánh, gọi là biết rõ con mình; có thể kế vị mà ẩn mật ngầm giáo hóa gọi là các phương tiện, chưa bảo đại chúng rằng: Trước ta hóa đạo có nhân Đại thừa, nên nói đó là con ta.

- Kinh: "Sứ giả nói cho đến đi đâu tùy ý."

- Tán: Đây là sứ giả thả đi. Ngưng giáo hóa bằng đại giáo, kham học Nhị thừa, gọi là tùy ý đi.

- Kinh: "Gã cùng tử vui mừng cho đến vì cầu cơm áo."

- Tán: Phần thứ hai nói con khởi ý thích Tiểu thừa.

Thích hợp cơ nghi vốn có nên vui mừng. Đầu tiên phát tiểu tâm, gọi là được điều chưa hề có. Từ trong sanh tử phát ý tu Nhị thừa gọi là từ dưới đất đứng dậy. Đến xóm nghèo để tìm cơm áo. Công đức Nhị thừa

ít gọi là xóm nghèo, mưu toan pháp vô lậu gọi là cầu y thực.

- Kinh: "Bấy giờ trưởng giả cho đến không có uy đức."

- Tán: Khiến tu giải thoát phần. Nói pháp năm phép quán dừng tâm niệm xứ cho đến Văn có hai phần:

1. Thầm sai hai người.
2. Hai người y lời dạy.

Phần một lại có ba:

1. Sai hai người.
2. Khiến truyền lời nói.
3. Hỏi đáp.

Ở đây là nói phần đầu. Thật không có hai thể, lập giáo thì có hai thừa, nên nói thầm sai. Giáo phương tiện dạy Nhị thừa nên sai hai người. Trí tuệ thấp kém nên sắc lực tiều tụy. Thần thông không lớn thì gọi là không có uy đức, hoặc giáo nghiêng lệch nên sắc tiều tụy, lý thiếu nên không có uy. Hoặc đức của mình kém gọi là tiều tụy, lợi tha ít mà không có uy đức, đây dều là phát tâm Tiểu thừa. Đầu tiên dạy hành pháp Nhị thừa. Trong Quảng Nhã chép là tiều tụy, đây là chỉ sự âu sầu bệnh hoạn .

- Kinh: "Hai người hãy đến chỗ kia cho đến dắt về đây khiến làm."

- Tán: Khiến cho truyền lời nói. Dạy khiến người kia nghe, gọi hai người nên đến kia, dùng phương tiện dẫn hóa gọi là từ từ nói. Học địa của Nhị thừa gọi là chỗ làm. Pháp vô lậu cao siêu, hơn cả giáo pháp lành trời người. Gọi là giá cả gấp bội, tâm cùng tử có thể theo đó mà tu học tức là khuyên đến tu học, gọi là khuyến làm.

- Kinh: "Như nói muốn gì? Cho đến cũng cùng ông làm."

- Tán: Đây là nói về hỏi đáp.

Nếu kia như hỏi tu hành pháp gì?

Đáp: Đổ phân tức là dứt phiền não! Tu pháp Đại thừa như giũa mài vật báu. Học Tiểu thừa cũng như nghề đổ phân. Chẳng những hành trì mà cũng có thể dứt hoặc. Vì giáo cũng giúp cho dứt. Phải nhờ uy thế nên nói là cùng nhau làm.

- Kinh: "Bây giờ hai người... trình bày đầy đủ các việc trên."

- Tán: Hai người y theo giáo. Đem giáo pháp phù hợp căn cơ như cầu cùng tử. Dùng pháp xứng khí, khiến kia nghe biết. Cho nên nói được. Cách dứt phiền não thì gọi là trình bày việc trên.

- Kinh: "Bấy giờ cùng tử cho đến cho làm nghề hốt phân."

- Tán: Đây là nói cùng tử y theo đó làm việc. Trước hỏi giá cả là

ý nói đầu tiên phát tâm tu Bồ-đề Nhị thừa học văn tư tuệ, công đức thù thắng chân thật của Nhị thừa gọi là lấy giá cả. Sau đó mới hành trì năm pháp quán dừng tâm, niệm xứ quán v.v... dần dần chiết phục phiền não nên gọi là "tìm người đổ phân". Chữ dữ là cho, là làm. Thuận dùng theo lời Phật nói nên gọi là "tìm vào giao cho".

- Kinh: "Cha thấy con thương xót mà lấy làm lạ."

- Tán: Từ đây trở xuống là khuyên vào gốc lành. Có ba phần:

1. Tâm thương xót.

2. Thân gần gũi.

3. Cùng nói chuyện.

Đây là phần đầu. Thương xót không có tướng tốt, trí tuệ, lấy làm lạ vì tâm không cầu đại pháp.

- Kinh: "Lại một ngày khác cho đến dơ bẩn bất tịnh."

- Tán: Thân gần gũi có hai ý:

1. Thấy con.

2. Thân đồng với con.

Đồng với: Từ câu "liền đến hốt phân" trở lên là Phật xa thế gian mà hóa độ phần giải thoát đầy đủ quả vị. Từ câu "thấy con thương xót" trở xuống là Phật gần gũi thế gian hóa độ, khai thị giáo cho chứng quả vị tbốn thiện căn. Khác với phần giải thoát trước gọi là ngày khác. Huống chi đây đều do nhiều kiếp tu hành. Phần vị đã khác nên nói riêng thời khác; biết căn chưa thuần thục, nên ngầm mật hóa. Lại không dùng Đại thừa giáo hóa có buộc, chỉ dùng Nhị thừa sanh không giáo hóa. Cho nên nói trong cửa sổ nhìn ra mà không nhìn thẳng. Cửa sổ đó là chỉ đạo, là hướng là lúc mới thành đạo sắp hướng về vườn nai, gặp nhau. Đây vẫn chưa phải là việc ngày nay sanh ra, cho nên nói là xa thấy, hoặc do cách Thánh vị còn xa cũng là xa thấy. Chưa được phước cao quý nên gọi là già yếu, suy kém. Không được trí thù thắng nên gọi là tiều tụy. Phiền não gọi là phân đất. Ác nghiệp gọi là bụi bặm. Khổ quả gọi là ô uế, hợp ba thứ này gọi là bất tịnh.

- Kinh: "Ông liền cởi châu anh lạc cho đến đồ hốt phân."

- Tán: Đây là nói thân đồng. Hóa thân đầy đủ công đức tướng tốt, tròn sángở trong cõi Tịnh. Con trông thấy kinh hãi bỏ chạy. Nay hiện ra thân thế gian ở cõi uế nhơ bẩn, hóa tướng ẩn giấu, như cởi chuỗi anh lạc tô điểm trên thân. Cũng như Phật dùng thần lực ẩn thân, thường phát ra ánh sáng nhưng chỉ phát ra một tầm. Đó chẳng phải thân đẹp tướng tốt nên gọi là cởi áo tốt. Tướng đồng với hữu lậu thì gọi là mặc y phục rách rưới nhơ bẩn. Nói về có hữu lậu, phiền não nghiệp ác như thân lấm bụi.

Trước nói quyền giáo gọi là tay phải, dùng đó trước tiên. Cầm đồ hốt phân đó là nhân hạnh Nhị thừa hàng phục phiền não.

Dùng giáo thuyên hiển bày nghĩa cũng đồng như dùng tay cầm. Phật tự nói về đồng hành trì dứt trừ phiền não, để nói về quyền giáo.

- Kinh: “Bộ dạng đáng nể sợ cho đến để được gần con.”

- Tán: Đây là phần cùng nói chuyện. Có hai:

1. Nói chung là siêng làm.

2. Nói riêng là dạy bảo.

Ở đây là nói phần đầu.

Nói về các tướng khổ đáng sợ, tâm từ bi dắt dẫn như hình dạng đáng nể sợ. Nói về chỉ dạy, khen ngợi, khuyến khích, vui mừng an ủi, khuyên hành tinh tấn gọi là khuyên siêng làm. Đây là đời đời được Phật giáo hóa nên nói được gần con.

- Kinh: “Sau đó lại bảo rằng cho đến trả thêm giá cho ngươi”.

- Tán: Dùng lời dạy bảo riêng. Có ba phần:

1. Không để cho đi nơi khác.

2. Thuận theo liền cho.

3. Tam gọi là cha con.

Đây là phần đầu. Phật khuyên chúng sanh chớ lui sụt rơi vào sanh tử tu theo ngoại đạo, nên bảo “chớ bỏ đi nơi khác”.

Trả thêm giá là: Cho các người tu tuệ, tứ gốc lành, tức gia hạnh thêm văn, tư, tuệ ở giai vị trước.

- Kinh: “Các vật cần dùng cho đến ý thích an ổn.”

- Tán: Đây là tùy vật con cần dùng mà cha ban cho.

Các vật dùng là thiền định. Gạo bột là giải thoát, thắng xứ, tứ vô lượng v.v... Do định mà phát sanh các công đức. Vị này cũng là tu tập học phần. Muối dấm là bổn của sanh không phải hai trí hữu lậu sau. Cũng như muối làm điều hòa các vị. Trí này cũng như vậy, có thể điều hòa công đức. Tâm vui mừng quyết hướng tới chớ sanh nghi ngờ.

Người tớ già thấp kém là năm thần thông của Nhị thừa, tác dụng của bốn thứ thần túc rất yếu, nên gọi già hèn, để cho các con, các con nên siêng năng học đạo để ý tự an. Đây là nói người lợi căn vượt lên đắc quả, còn người theo thứ lớp đắc quả thì có vật dụng thau chậu là chưa đến gạo định bột mì là tứ đế, ngũ căn, ngũ lực v.v... Muối giấm là hành tướng sanh không vô ngã người tớ già yếu là tứ thần túc. Từng tu các pháp giải thoát phần vị.

- Kinh: Ta như là cha ngươi cho đến như con đẻ của ta.

- Tán: Tạm gọi cha con...

Phần đầu là nêu. Phần sau giải thích. Đạo ta đã tròn đầy gọi là già. Đạo ngươi nhuần nhuyễn nên gọi là trẻ. Tình cha con đã thắm thiết. Ý niệm quyến thuộc càng sâu. Đã nói như là cha con, thì đâu có lo thiếu thốn, cũng không tự khinh mình. Chuyên cầu xuất ly gọi là không lừa dối. Thân thường tính tấn gọi là không biếng trễ. Tâm không phiền não sân hận lời không oán ghét, tức là chiết phục ba nghiệp ác. Ngươi đã có thể dùng phương tiện để quán chiết phục phiền não, gọi là không thấy ngươi có các việc xấu như thế, cũng đều không thấy ngươi có các lỗi xấu như người tu hành của các ngoại đạo khác, hay như là người lừa dối, lười biếng trong Phật pháp. Từ nay về sau, con đã gần gũi Thánh đạo, như các Thánh nhân, là con do ta sanh ra, không khác, chưa đắc kiến đế vẫn không phải là con thật, ở đây tạm gọi như con.

- Kinh: Tức thời trưởng giả cho đến gọi đó là con cho đến.

- Tán: Nói thành tựu Thánh vị. Có ba phần:

1. Bắt đầu nhập Thánh.

2. Trụ vào Tu đạo.

3. Thành tựu Vô học.

Đây là phần đầu. Trụ ở phàm vị như con nuôi, vẫn chẳng phải con. Nhập Thánh rồi mới là con thật, nên gọi là con. Chuyển dần gần gũi nên trụ vào sơ quả.

- Kinh: “Bấy giờ cùng tử cho đến thường sai hốt phân.”

- Tán: Trụ Ở Tu đạo. Đây là nói đạo trước Kim cương. Tuy đã nhập vào Thánh, rất vui ở sự tình cờ gặp đó nhưng tự biết mình không bằng các Bồ-tát, còn tự cho mình là khách là người làm công thấp kém.

Trải qua hơn hai mươi năm là dụ cho quả vị Nhị thừa mỗi mỗi đều đủ vô lậu mười pháp hạnh, mười nghiệp đạo nên thường sai khiến đổ phân, thường dứt trừ phiền não. Hoặc trong hai mươi năm đó là ở trong hai quả vị Gia hạnh, Vô Gián hàng phục dứt trừ nghi ngờ. Hoặc trụ ở tu đạo, đoạn câu sanh hoặc ở cõi trên dưới, năm hạ phần kiết, năm thượng phần kiết, hai thứ đều dứt, hoặc trong đạo giải thoát, Vô gián đoạn hai vị thô nặng hạt giống khác nhau.

- Kinh: “Sau khi trải qua đó rồi cho đến vẫn còn ở chỗ cũ.”

- Tán: Đây nói đạo sau Kim cương. Thành tựu vô học rồi được gần gũi Phật. Thức đạt sanh không, đồng đắc giải thoát nên gọi cùng thể tin. Vào học Phật pháp, lợi ích chúng sanh, không sợ, không nhiễm gọi là không ngại sợ. Lại tâm thể tin nhau hai lợi vào ra cũng không ngại khó, vẫn còn trụ lý sanh không Nhị thừa không mong cầu đại quả thì gọi là ở chỗ cũ. Đó là nơi sở cầu sở học.

- Kinh: “Bạch Đức Thế tôn! Bấy giờ, cho đến nên thấu rõ ý ta”.

- Tán: Dụ không mong cầu Đại thừa.

Có hai: Đầu tiên nêu Đại, sau nói không mong cầu. Phần đầu văn lại có hai: 1. Nêu; 2. Giải thích.

Phần nêu này lại có hai: Biết thời và chánh bảo.

Bị bệnh là nói: Sau mười hai năm, phiền não của chúng sanh dần dần thêm lớn.

Vì chúng sanh bệnh nên Phật cũng bị bệnh. Đây ở trước hội Pháp Hoa, biết thời nhập Niết-bàn, gần đến người được độ đó đều đã độ xong, thì gọi là biết giờ chết không bao lâu nữa pháp hữu vi vô vi, tất cả các công đức của Bồ-tát, Như-lai đều gọi là kho báu đầy tràn. Ở trong đó Đại thừa cho nhiều Nhị thừa cho ít. Như-lai cho nhiều Bồ-tát cho ít. Vô vi cho nhiều, hữu vi cho ít, chỗ đáng lấy là muôn đức tự lợi, chỗ đáng cho là muôn đức lợi tha. Các thầy nên biết rõ thảy đều nên biết. Thuật lại tâm trước của mình, gọi là nên thể theo ý này. Tức khiến cho hiểu được nghĩa yếu chỉ Muôn đức nhị lợi của Đại thừa v.v... khiến họ thấu đạt đạo lý của Đại thừa, mà chưa dạy cho phát đại tâm. Cho nên đây nói bao gồm nên thể theo ý này.

- Kinh: Vì sao? cho đến chớ để quên mất.”

- Tán: Đây giải thích khai thị pháp Đại thừa. Như cha con thế gian tuy có tâm khác mà sự không khác. Phật không khác với Nhị thừa:

1. Giải thoát bình đẳng.

2. Sanh không chân như bình đẳng.

3. Ý lạc bình đẳng. Phật đắc quả chúng sanh bình đẳng ý, nên dụng tâm thêm cầu pháp Đại thừa giải thoát, không để quên mất, là chớ quên không học.

- Kinh: “Bấy giờ cùng tử cho đến ý mong lấy của đáng chừng bữa ăn”

- Tán: Nói không cầu pháp Đại thừa. Có hai phần:

1. Nói thọ lãnh mà không mong cầu.

2. Vẫn còn ở chỗ cũ.

Đây là phần một. Tu-bồ-đề trước khi có hội Pháp Hoa, lãnh hội được nghĩa Không, giữ gìn, che chở pháp Đại thừa, không ngu nơi pháp, biết lý Đại thừa nhưng không có một niệm phát tâm Đại thừa. Không có ý mong cầu pháp quả Phật Đại thừa, như nói đáng chừng một bữa ăn. Cho nên trước nói không sanh tâm một niệm ưa thích.

- Kinh: “Nhưng chỗ ở đó cho đến cũng chưa thể bỏ.

- Tán: Đây còn trụ ở bổn vị. Nhưng chỗ trụ còn ở Nhị thừa. Tâm

Nhị thừa yếu kémcũng chưa thể bỏ.

- Kinh: "Lại trải qua một ít thời cho đến tự chê trách tâm trước cho đến"

- Tán: Dụ nay đắc được, có hai phần:

1. Cha giao phó.

2. Con đạt được.

Cha giao phó có hai:

1. Biết thời đến.

2. Nhóm họp mọi người để giao phó cho con.

Ở đây là nói phần đầu.

Trải qua một lít lâu sau: Sau hội Bát-nhã là hội Pháp Hoa, thời gian này có chút ít tiến triển, gọi là "dần dần đã". Hiểu ý hai không này, rộng xả gọi là thông thái. Thông nghĩa là khai đạt, thái là an thái.

Thành tựu đại chí là: Xưa phát đại tâm, gần sanh, mà thuần thục còn xa nên tự chê tâm trước, hối hận vì xưa trụ trong tiểu pháp. Bỉ là khinh chê hiềm trách tâm trước kia tu Tiểu thừa. Cho nên ngài Thu Tử trước nói chúng ta đồng nhập vào pháp tánh. Vì sao Như-lai dùng pháp Tiểu thừa ra cứu độ. Đây là lỗi của chúng ta chứ không phải Phật, mỗi khi tự trách, chính là đồng với đây.

- Kinh: "Lúc gần qua đời cho đến thảy đều đã nhóm hợp."

- Tán: Nhóm họp chúng để giao phó. Có hai phần:

1. Mệnh lệnh nhóm hợp.

2. Chánh bảo cho biết.

Ở đây là nói phần một.

Hội Pháp Hoa cách lúc Phật Niết-bàn chỉ có năm năm, nên nói lúc sắp qua đời. Xưa thoái Đại thừa làm con nuôi tức Thanh-văn, hợp cùng thân thuộc của Bồ-tát, bốn hàng như vua v.v... là chỉ cho bốn chúng, hoặc đúng tên gọi hạng đó.

- Kinh: "Tức tự giảng nói cho đến là của ta sanh ra."

- Tán: Là phần chánh nói: Có hai:

1. Nhắc lại xưa kia.

2. Nay nói cho biết từ câu "bỗng ở đây gặp nó v.v..."

Nhắc lại lại xưa có ba:

1. Nêu lúc phát tâm ban đầu.

2. Lui sụt vào sanh tử.

3. Nêu lại pháp quyền.

Có bốn việc lâu xa: Nghĩa là giữa đường gặp Phật không chịu tu Đại pháp, dùng pháp Nhị thừa giáo hóa, không mong cầu Đại thừa.

Đây nói phần một.

Nhị thừa thành Phật, việc đó rất khó, cho nên tự Đức Phật giảng nói không để lại việc khác. Đầu tiên Ta vì mười sáu vị vương tử, dạy phát đại tâm, gốc lành của họ do từ miệng ta sanh ra, từ pháp âm của Phật sanh ra. Cho nên nói từ Phật pháp sanh ra, như thế mới là thật sanh.

- Kinh: "Trong thành đó cho đến hơn năm mươi năm."

- Tán: Nói lại việc lui sụt vào sanh tử. Thành đó tức là Đại thừa. Một lần gặp đầu tiên đã dạy phát tâm hướng Đại thừa. Nếu Đại thừa định tánh và phát tâm ở thượng phẩm, thì chưa hẳn lui mất. Nay nói bất định tánh và phát tâm ở hạ phẩm. Kia đã lui sụt vào sanh tử nên gọi là thành đó.

"Bỏ ta trốn đi:" Chữ linh là chỉ cho hình dáng lẻ loi cô độc. Linh đinh: Là chỉ cho sự đi đứng không ngay ngắn, như bước vào chỗ nguy hiểm. Đây hoặc là nhiếp nói sự nguy hiểm khó khăn trong năm đường. Hoặc do đau khổ cô đơn mà rong ruổi vào năm đường, bỏ cha mẹ, bỏ Phật, nên gọi đó là cô đơn. Nghĩa tuy vậy mà không biết y cứ vào đâu. Trong đây ý nói là bỏ cha mẹ đi thường không an ổn, cô độc nguy nan hành động không đúng, sợ hãi, khổ sở.

- Kinh: "Xưa nó vốn là tên đó cho đến lo lắng, tìm kiếm."

- Tán: Ở đây nhắc lại trong quyền có bốn việc lâu xa khác. Giữa đường gặp Phật, Phật biết rõ nguồn gốc. Đời đời theo Phật được giáo hóa, do đây nhớ rõ "tên ta, tên nó".

Xưa ở tại thành này gặp ở giữa đường lại dạy Đại thừa. Cho nên ngài Xá-lợi-phất tu hành, trải qua sáu mươi kiếp mới lui sụt lại Tiểu thừa. Giữa đường được Phật giáo hóa tu Đại thừa. Vì thế, nói ta ở chỗ thành này.

Lo lắng tìm kiếm: Từ bi sâu xa tựa như lo lắng. Gặp mà không tu Đại thừa, dùng pháp Nhị thừa làm phương tiện hóa độ. Kia tuy đắc quả, mà vì lòng từ bi sâu xa, nên lại nói về Đại thừa, nhưng chúng sanh không mong cầu. Các việc như thế gọi là tìm kiếm.

- Kinh: "Bỗng ở nơi đây cho đến con ta đã biết.

- Tán: Ở đây là nói việc này.

Luận Phật địa chép: Trong hội Pháp Hoa, căn cơ chủng tánh bất định, đã thành thục, nên xả bỏ phân đoạn mà thọ thân biến dị, hồi tâm hướng đại. Cho nên nói "Bỗng ở đây được gặp" vì cảm ứng phù hợp nhau. Xưa Phật từng giáo hóa pháp Đại thừa. Cho nên nói "đây thật là con ta". Quả Bồ-đề của ta, của cải ta lẽ ra con nên được, đều thuộc về

của con. Công đức của thâu vào tự lợi và xuất ra lợi tha trước kia con ta đều biết cả, ta nay đều giao phó.

- Kinh: "Thế tôn! cho đến Khi đó tự nhiên đến."

- Tán: Ở đây là nói con đạt được.

Biết mình từ trước đến nay không có tâm dự định thành Phật, đâu có mong cầu căn thuần thục tùy ý nghe kinh sẽ được thành Phật? Gọi là: Vốn không có tâm mong cầu, mà kho tàng quả Phật chân thật tự nhiên đến.

- Kinh: "Thế tôn! Trưởng giả cho đến chúng con là con."

- Tán: Đều nói lãnh thọ. Có hai phần:

1. Xưa không mong cầu.

2. Nay được, tức từ câu: "Nay chúng con mới biết Thế tôn, đối với trí tuệ của Phật" trở xuống, văn đầu lại có năm phần:

1. Hợp nói sơ phát tâm.

2. "Thế tôn!... Chúng con vì ba khổ" đều nói lui sụt trong sanh tử.

3. "Mê hoặc vô tri v.v...". Đều nói không chịu tu Đại thừa.

4. "Ngày nay Đức Thế tôn khiến chúng con suy nghĩ", là nói dùng Nhị thừa hóa độ.

5. "Nhưng Đức Thế tôn trước biết chúng con v.v..." là nói việc khai thị không cầu Đại thừa. Không hợp với phần thứ ba trở về gặp Phật. Giữa đường gặp Phật thì cũng là Phật tử, đầu tiên gặp cũng là con. Điều này trước đã dẫn dụ đầy đủ nên lược qua không nói. Đời đời đã theo Phật được Phật hóa độ từ trước.

Đây là phần đầu. Nghĩa chữ con như trước. Đầu tiên dạy phát tâm thật ra trụ ở phàm vị. Cho nên nói giống như con, như con thật của bậc Thánh. Hoặc đây là tướng chung. Nói các Nhị thừa tợ như con Bồ-tát. Phật thường nói Nhị thừa cũng là con Phật. Cho nên ngài Thu Tử trước nói: Nay nghe kinh Pháp Hoa mới biết là thật là con Phật.

- Kinh: "Thế tôn cho đến chịu các khổ não."

- Tán: Phần hai là nói lui sụt vào sanh tử. Ba khổ là:

1. Khổ khổ.

2. Hoại khổ.

3. Hành khổ.

Là tự tướng của khổ thọ và thuận với khổ thọ, gốc khổ, khổ cảnh, tương ưng với pháp . Một phần năm uẩn là tánh khổ khổ. Trái duyên ép ngặt thì gọi là khổ. Khổ này gọi là khổ khổ, tức năm khổ trước ở trong bát khổ, đều gọi là khổ khổ.

Tự tướng lạc thọ và thuận với lạc thọ, gốc khổ, khổ cảnh, cùng

pháp tương ưng, ở vị biến hoại có thể sanh ra ưu não, nên gọi là hoại khổ. Lại do ái mà làm cho tâm biến hoại cũng gọi là hoại khổ. Một phần năm uẩn là tánh hoại khổ, tức, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc trong bát khổ, đều là hoại khổ.

Tự tướng của xả thọ, và thuận xả thọ, như là căn, là cảnh, với pháp tương ưng. Hoặc đồng thời đều do hai khổ thô nặng tùy thuộc trước. Không lìa hai khổ này, mà vô thường, biến đổi tùy thuộc theo nên gọi là hành khổ. Không chỉ xả thọ gọi là hành khổ mà năm uẩn hữu lậu hoàn toàn là hành khổ. tức trong bát khổ lược nhiếp tất cả năm thủ uẩn, khổ đều gọi là hành khổ. Như trong Duyên sanh thứ tám của Duy thức, các văn đều khác nhau. Do thối lui nên thọ sanh tử này. Hoặc đây không nói ra việc thối lui trước kia, mà chỉ nói tổng tướng ép ngặt chung của ba khổ chịu các nóng bức.

- Kinh: "Mê lầm biết ưa thích pháp Tiểu thừa."

- Tán: Là nói không chịu tu Đại thừa. Ngu si gọi là mê, do dự là hoặc. Thích theo pháp Tiểu thừa nên không chịu tu Đại thừa.

- Kinh: "Ngày nay Đức Thế tôn... giá của một ngày."

- Tán: Là nói dùng Nhị thừa hóa độ. Có hai phần:

1. Y theo lời Phật thì được không nhiều.

2. Nêu bày: Được tiểu quả bèn cho là đủ.

Đây nói phần một. Suy nghĩ là: Suy tư tu đế quán. Dực là trừ. Trừ bỏ phân hí luận, dứt chướng phiền não. Siêng tu tinh tấn nhiều kiếp chuyên tâm, được đến Niết-bàn.

Giá một ngày là đạt được không nhiều. Thể của Đại Niết-bàn, trải qua ba đại kiếp mới đắc được, gọi là vô số giá. Nay trong sáu mươi kiếp liền được giải thoát. Há chẳng phải giá Niết-bàn một ngày hay sao? Lại ba việc Đại Niết-bàn đều tròn đầy thì gọi là vô số giá. Nay chỉ được giải thoát, không đắc pháp thân, đại tuệ. Trong giải thoát chỉ đắc hoặc chướng giải thoát, không đắc trí chướng giải thoát. Chỉ được lìa phần đoạn sanh tử giải thoát, không phải được lìa tri chướng và Biến dịch giải thoát. Há chẳng phải cái giá Niết-bàn một ngày! Thể của Niết-bàn tức là giải thoát!

- Kinh: "Đã đắc pháp này rồi cho đến chỗ đắc rộng nhiều."

- Tán: Đây nói tiểu tình bèn cho là đủ, vì tâm quá thấp hèn.

- Kinh: "Nhưng Thế tôn cho đến phần Bảo Tạng."

- Tán: Khai thị Đại thừa mà không mong cầu: Ở đây có ba phần:

1. Biết ta ưa Tiểu thừa. Phật không nói ta được, nên không mong cầu.

2. Tự đắc Niết-bàn, cho là mình đã đầy đủ, nên không mong cầu gì hơn.

3. Chỉ vì nói cho chúng Bồ-tát, không phải vì ta mà nói, cho nên không mong cầu.

Đây là nói phần đầu. Mê đắm lòng ưa muốn hèn tệ, tức ưa điều xấu, mong cầu Tiểu thừa. Phật biết căn cơ chưa thuần thục nên buông bỏ con, không vì con mà nói rõ ràng con cũng có phần của Phật, cho nên chúng con không mong cầu. Phật đều chọn bỏ, nên chọn mà bỏ chúng con.

- Kinh: “Thế tôn! cho đến không có chí mong cầu.”

- Tán: Tự đắc Niết-bàn cho là đã đủ, nên không còn mong cầu.

Dùng năng lực phương tiện mà nói trí tuệ của Như-lai tức là đầu tiên nói quyền giáo phương tiện, ý hiển bày trí tuệ Phật Nhất thừa chân thật. Do ta đã được Niết-bàn, nên tự cho đã đầy đủ là được nhiều, mà không biết trí tuệ thật sự của Phật. Cho nên không mong cầu.

- Kinh: “Chúng ta lại do cho đến không có chí nguyện.”

- Tán: Chỉ vì Bồ-tát mà nói, không vì ta mà nói. Cho nên không mong cầu. Đây có hai: 1. Nêu ra; 2. Giải thích.

Nêu ra nói Bát-nhã là do lực trí tuệ gia trì của Phật, tùy theo chúng con nhưng vì nói cho Bồ-tát , không nói cho chúng con, nên chúng con không có chí nguyện đối với pháp này. Vì thế luận Du-già chép: Chỉ vì người phát hướng cầu Đại thừa nói các pháp Không, chánh là đồng với ý này.

- Kinh: “Vì sao? cho đến thật là Phật tử.”

- Tán: Giải thích ý không mong cầu. Biết con ưa thích Tiểu thừa nên Phật dùng năng lựa phương tiện rõ ràng nói cho chúng con, pháp Nhị thừa, không chánh rõ ràng nói cho bọn chúng con nói, cũng nên thích nghi nghe pháp Bát-nhã thậm thâm. Phật chỉ nêu tướng chung tùy theo con mà nói các kinh Bát-nhã cho đến Chúng con không biết thân có phần của Phật, có Hạt giống Phật thật là Phật tử tu học Bát-nhã. Do ngu ý này nên không cầu pháp Đại thừa.

- Kinh: “Nay chúng con mới biết cho đến nói pháp Đại thừa.”

- Tán: Là nói nay được. Có ba phần:

1. Biết Phật không tiếc pháp Đại thừa, nên nay được.

2. Biết Phật chỉ dùng Đại thừa hóa độ, nên nay được.

3. Kết lãnh thọ nay được.

Đây là nói phần đầu, gồm có: Nêu ra và giải thích, văn ý có thể biết.

Phẩm Phương Tiện nói: "Nếu người tin về Phật, biết Như-lai không dối, cũng không có ý tham ganh, dứt trừ các pháp ác." Nay biết Phật không sẻn pháp, chỉ vì con tự ưa theo Tiểu thừa, không thể học Đại thừa. Nếu có tâm ưa thích Đại thừa, Phật sẽ nói cho ta nghe.

- Kinh: "Nay trong kinh này cho đến Đại thừa giáo hóa."

- Tán: Đây biết Phật chỉ dùng Đại thừa hóa độ. Nay trong kinh này, chỉ nói Nhất thừa. Cho nên biết chỉ lấy Nhất thừa làm tông. Không nói một thân để làm tông chỉ. Phật trước trách mắng Thanh-văn chỉ vì hóa độ Bồ-tát, khiến cho học Nhất thừa. Ý Phật đã rõ ràng, nên nay con được lãnh hội ý trước. Như thế đều vì đắc Nhất-thiết-chủng-trí của Phật thừa trong kinh này.

- Kinh: "Thế cho nên chúng con cho đến đều đã được."

- Tán: Đây là phần kết sự lãnh thọ ngày nay Phật tử đã được: Sở đắc nhân quả Nhất thừa của Bồ-tát. Nay con nghe kinh, phát tâm cầu hướng đến như sở đắc của Bồ-tát đều đã được, chắc chắn được nên gọi là đều đã được. Bồ-tát ngày trước lúc mới phát tâm, cũng như con ngày nay. Phật đã đắc pháp rốt ráo, thì con cũng được như vậy, nên gọi là "đều đã được", lý thật không khác.

Tăng Pháp Ấn ở chùa Pháp Long.

Viết xong ngày 21 tháng 05 niên hiệu Bảo An năm thứ ba.

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7
(PHẦN ĐẦU)

- Kinh: "Bấy giờ ngài Ma-ha Ca-diếp cho đến không mong cầu mà tự được".

- Tán: Phần Văn xuôi: Bốn người cùng lãnh hội. Tụng: Chỉ có ngài Ca-diếp lãnh hội là chỉ bậc cao tuổi nhất. Trình bày các ý rõ ràng và ảnh hưởng, người khác cũng tụng nói.

Dưới có tám mươi sáu hàng tụng rưỡi. Chia làm hai:

Bảy mươi ba hàng rưỡi tụng ba văn ở trên, kế mười ba hàng tụng từ câu "Đại ân của Thế tôn". Tức thuộc đoạn thứ ba của phẩm, nói mang ân sâu của Phật.

Phần đầu chia ba: Hai hàng tụng về pháp nói. Bốn mươi mốt hàng kế tụng về dụ nói. Ba mươi hàng rưỡi tụng về hợp nói. Đây là phần đầu không tụng lại sự không mong cầu trước kia, chỉ tụng việc đạt được hôm nay. Tụng có hai ý:

Một hàng tụng rưỡi tụng về hai việc nghe pháp và nghe thọ ký. Nửa hàng tụng sau nói đạt được.

- Kinh: "Ví như gã đồng tử thơ dại không hiểu biết cho đến"

- Tán: Đây trở xuống, là đoạn thứ hai bốn mươi mốt hàng tụng, về Dụ nói, trong đó lại có hai:

1. Ba mươi bốn hàng tụng, xưa không mong cầu.
2. Bảy hàng tụng nói nay được.

Ba mươi bốn hàng lại chia làm sáu:

1. Nửa hàng tụng dụ lúc mới phát tâm.
2. Một hàng tụng dụ: cho lui sụt vào sanh tử.
3. Bảy hàng tụng dụ nói giữa đường trở về thấy Phật.
4. Mười bốn hàng tụng nói không chịu tu Đại thừa.
5. Chín hàng rưỡi tụng nói dùng pháp Nhị thừa hóa độ.

6. Hai hàng tụng sau dụ: Chỉ cho Đại thừa mà không mong cầu.

- Kinh: "Bỏ cha trốn đi hơn năm mươi năm."

- Tán: Một hàng tụng nói lui sụt vào sanh tử.

Khắp nơi trôi nổi nghĩa là trải qua, các nước là năm đường, gọi chung là nước khác.

- Kinh: "Cha gã lòng buồn nhớ cho đến liền ở lại một thành".

- Tán: Đây trở xuống bảy hàng tụng, dụ giữa đường trở về gặp Phật. Văn xuôi có ba phần: Con lớn lên trở về nước. Cha trước đã cho tìm kiếm, khi con về thành thì gặp. Ở đây chỉ tụng về: Cha trước tìm con không tụng hai phần văn kia. Hai phần này sẽ nhập vào đoạn tụng thứ tư ở sau. Văn ẩn cho nên ở đây chia làm bốn phần:

- Một hàng tụng về tìm con nên dừng lại một thành.

Hai hàng rưỡi nói của cải của cha rất nhiều.

- Một hàng tụng nói khách làm lợi rất nhiều.

- Hai hàng rưỡi tụng người tới lui rất đông.

Bốn phương tìm cầu là tùy nhập vào bốn loài sanh mà tìm. Mỏi mệt như nghĩa vất vả, chỉ rõ tướng tìm kiếm con. Liền dừng là dừng ở thành lớn.

- Kinh: "Tạo lập nhà cửa cho đến nhân dân rất nhiều."

- Tán: Nói của cải rất nhiều.

Tạo lập nhà là khởi tâm từ bi, là nói lên thắng nghĩa không. Ngũ dục: Là năm thứ vui, hoặc năm pháp tịnh pháp giới cho đến Ngu nghĩa là tự vui. Liễn (xe kéo) là chân đế, là xe của đấng Pháp vương, là tục đế, xe thường của mọi người. Vì sự hơn kém khác nhau nên có năm thừa. Ruộng nghiệp là trí đoạn, ngoài ra theo văn có thể biết.

- Kinh: "Lợi tức xuất nhập cho đến chẳng chỗ nào không có."

- Tán: Nói lợi tức dồi dào, buôn bán, thông thương các loại châu báu khác lạ ở bốn phương là thương, ngồi bán gọi là giá. Đi buôn, ngồi bán. Qua lại sáu đường để làm lợi lạc chúng sanh thì gọi là buôn. Trụ ở Tịnh độ trời người để giáo hóa chúng sanh thì gọi là bán. Đi khắp ba cõi thâu lợi tức thì gọi lợi tức dồi dào. Cho nên khắp ba cõi đều có Phật pháp.

- Kinh: "Ngàn muôn ức chúng cho đến có thế lực lớn."

- Tán: Nói người đến lui rất đông. Vua thì mến yêu nhớ tưởng, cung kính. Bậc hào tộc tôn trọng, thứ dân tôn kính. Do nhân duyên này mà bốn chúng tám bộ qua lại rất nhiều.

- Kinh: "Mà tuổi đã già nua... nên làm thế nào?"

- Tán: Mười bốn hàng tụng, không tu Đại thừa, đây lại bốn phần:

1. Hai hàng tụng nói cha vẫn thường nhớ con.

2. Chín hàng tụng: Con thấy cha kinh sợ bỏ chạy.

3. Một hàng rưỡi: Cha cho người gấp dẫu về.

4. Một hàng rưỡi: Con lo lắng sợ hãi.

Tuổi già suy yếu, nghĩ đến đạo từ lâu càng thương sâu đậm, mà chỉ nghĩ đến chúng sanh trong sáu đường.

- Kinh: "Bấy giờ cùng tử cho đến hoặc không có sở đắc."

- Tán: Chín hàng tụng. Con thấy cha kinh hãi bỏ chạy, trong đây có ba:

1. Ba hàng tụng tình cờ đến nhà cha.

2. Hai hàng tụng rưỡi thấy được tướng cha.

3. Ba hàng tụng rưỡi, thấy rồi thì kinh hãi bỏ chạy.

Trong phần đầu có hai:

- Một hàng rưỡi đi khắp nơi tìm.

- Một hàng tụng rưỡi khó khăn đến thành.

Đòi cũng có nghĩa là xin, mong cầu. Nghĩa nước, ấp ở văn xuôi đã giải thích. Có sở đắc là trong Phật pháp gặp được bạn lành chân thật. Vô sở đắc là tri thức không thật.

- Kinh: "Đói khát gầy yếu cho đến bèn đến nhà người cha."

- Tán: Khó khăn đi đến thành. Pháp thật không đủ gọi là đói. Hạnh mầu không tròn đầy nên gầy xấu. Hoặc khởi ra ác kiến làm tổn hại nặng sanh ghẻ chốc, không giữ giới, tổn hại ít nên sanh ra lác. Vọng sanh kiến giải không chuyên giữ giới. Đến thành cha làm thuê tức gặp được pháp Đại thừa. Lần lữa làm là cố gắng cầu pháp, đến nhà cha là vào Đại thừa Trung đạo.

- Kinh: "Bấy giờ trưởng giả cho đến ghi chép giấy tờ."

- Tán: Thấy được tướng cha là: Gặp được cha.

Trong cửa là lý ở giáo, quả ở trong nhân. Xưa tướng sanh tử gọi là ở ngoài cửa, nay so với Niết-bàn nên ở trong cửa.

"Tính toán vàng bạc:" Các bậc Thánh soạn luận phân biệt nói pháp Thánh tài. Xuất nội tài sản là hành dụng hai lợi.

"Tính toán sổ sách": Các sư soạn sớ giải soạn thảo văn ký v.v...

Chú nghĩa là ghi chú, chú sớ: Là hiểu biết tỏ rõ .

- Kinh: "Cùng tử thấy cha... làm sao đến nơi này."

- Tán: Ba: Bậc Thấy rồi lo sợ bỏ chạy, chia ra làm hai:

- Một hàng tụng rưỡi: Con hối hận đến đây.

- Hai hàng tụng bỏ chạy.

- Kinh: "Lại thầm tự nghĩ rằng cho đến muốn đến làm thuê

mướn.”

- Tán: Nói con bỏ chạy.

- Kinh: “Trưởng giả lúc này cho đến đuổi bắt đem về.”

- Tán: Cha sai người mau đuổi bắt con về, im lặng mà nhận biết. Chưa hề đối với chúng mà nói người Thanh-văn thời quá khứ đã từng gặp Phật, là con của ta. Đó gọi là im lặng mà hiểu biết.

- Kinh: “Cùng tử kinh hãi kêu cho đến khiến tôi đến thế này”.

- Tán: Con lo lắng sợ hãi. Lui sụt trong sanh tử không tu Đại thừa gọi là nên ngất té xuống đất. Hoặc hành đại hạnh trái với bổn ý thì chẳng khác gì chết, nên nói “sẽ bị giết”. Tôi đâu có dùng cơm áo vô lậu Đại thừa, bỗng nhiên sao đến nổi này!

- Kinh: “Trưởng giả biết con cho đến không có uy đức.”

- Tán: Trở xuống chín hàng tụng rưỡi. Là Dụ cho việc dùng pháp Nhị thừa hóa độ.

Phần Văn xuôi có sáu: Đây có bốn, không tụng hai phần đầu.

1. Ba hàng đầu là khiến cho tu phần giải thoát .

2. Một hàng tụng nói “con y theo đó hành trì”.

3. Bốn hàng rưỡi, là khuyên nhập vào gốc lành.

4. Một hàng tụng nói về: Thành tựu Thánh vị.

Ba hàng đầu lại chia làm hai:

- Hai hàng tụng sai sứ.

- Một hàng truyền lại lời nói.

Ngu si là vô minh. Hèn hẹp là ý kém thiếu. Chột mắt thì nhìn bất chánh. Vì Nhị thừa nói an lập đế, giáo năng thuyên hiển nghĩa. Không đầy đủ gọi là chột mắt. Lý sanh không sở thuyên ngắn nên gọi là tỏa. Không có công đức pháp thân xấu xí nên gọi là lậu, thần dụng không rộng nên không có uy đức.

- Kinh: “Các ngươi nên nói nó cho đến trả giá nó gấp bội”

Tán: Truyền nói lại cho cùng tử.

Kinh: “Cùng tử nghe cho đến phòng xá đều thanh tịnh.”

- Tán: Một hàng tụng nói con theo đó mà làm. Đổ phân phiền não để sạch nhà ngũ uẩn.

- Kinh: “Trưởng giả trong cửa sổ cho đến ưa thích làm việc hèn”.

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng rưỡi, khuyên nhập vào gốc lành. Phần Văn xuôi có ba. Ở đây cũng có ba:

1. Một hàng tụng nói tâm thương xót.

2. Một hàng tụng nói gần gũi.

3. Hai hàng rưỡi nói chuyện với nhau.

- Kinh: “Lúc ấy trưởng giả cho đến đi đến chỗ của con.”
- Tán: Ở đây nói gần gũi.
- Kinh: “Dùng phương tiện gần gũi cho đến như là con của ta.”
- Tán: Nói chuyện với. Văn xuôi có hai phần. Đây cũng có hai: Nửa hàng tụng đều nói khuyên cố gắng. Hai hàng tụng chỉ bảo riêng nói với cùng tử.

Hai hàng sau lại có hai:

- Một hàng rưỡi: hễ cần liền cho.
- Nửa hàng tụng tạm xưng là cha con.

Dầu thoa chân: Người phương Tây dùng các loại dầu thoa rất nhiều. Nay nói là chân. Tức bốn thần túc: Tâm, quán dục, cần.

Du (dầu) là tám đoạn hành. Tức là dục tinh tấn, tín, khinh an, chánh niệm, chánh tri tư, xả. Ba hành đầu là Gia hạnh. Khinh an nhiếp thọ thân tâm. Chánh niệm, chánh trì là thuộc kế tiếp. Không quên sở duyên an tâm vào một cảnh, có buông lung mới sanh ra sự rõ biết như thật. Cho nên tư xả là đối trị, đó là hai thứ lực để giữ tâm. Đã sanh hôn trầm trạo hối để có thể xa lìa nên nói dầu xoa chân, như trị phong thấp chướng nhiễm.

Hoặc chân là giới. Dầu là sáu chi. Học xứ thọ học thiện thì dùng luật nghi biệt giải thoát mà giữ gìn. Các sở hành quy tắc đều tròn đủ. Thấy những tội nhỏ sanh sợ hãi lớn. Giới đức thấm nhuần tức gọi là pháp thật sung mãn. Không tham sân si như thêm giường cỏ dây.

Kinh Vô Cấu Xưng chép: Bốn tĩnh lự làm giường, tịnh mang làm đệm cỏ. Tịnh mạng tức là vô tham, khởi ra hai nghiệp thân ngữ, lấy vô tham làm giường cỏ .

Tạm gọi là cha con, lại dùng lời mềm mỏng, nói như là con ta, như là con thật của bậc Thánh. Đây là quả vị Kiến đạo trở xuống.

- Kinh: “Bậc trưởng giả hiểu biết cho đến làm việc nhà.”
- Tán: Thành tựu Thánh vị. Chỉ có bậc Vô học dần khiến cho nhập xuất cùng hiển tỏ ở sự tu đạo. Trong hai mươi năm thường làm việc hốt phân nên gọi là coi sóc việc nhà. Sau đó tâm tướng thể tín ra vào không trở ngại. Nhưng chỗ ở vẫn ở chỗ cũ, rõ ràng đây chỉ kiến đạo, gọi đó là con nhỏ. Trong văn này lược nói.
- Kinh: “chỉ cho biết vàng bạc cho đến ta không có vật này.”
- Tán: Chỉ bày pháp Đại thừa mà không mong cầu nhị lợi của Đại thừa tuy khiến cho biết gọi là “các vật ra hoặc vào” mà còn ở ngoài cửa là nhân môn bên ngoài của giáo hạnh Đại thừa. Nương nấu ở am tranh đó là còn ở quả Nhị thừa. Lều cỏ này chẳng phải nhà. Tự nghĩ: Vì sự

nghiệp nghèo hèn, mình không có một phần sự nghiệp Đại thừa, nên không chút ý mong cầu Đại thừa.

- Kinh: "Cha biết tâm con cho đến hàng cư sĩ Sát-lợi."

- Tán: Trở xuống bảy hàng tụng là nói pháp nay được, trong đây lại có hai phần:

a. Năm hàng tụng nói cha giao phó cho con.

b. Hai hàng nói con đạt được.

Phần a lại có hai:

a.1. Một hàng tụng rưỡi nói: Biết đến thời cơ nhóm họp thân tộc.

a.2. Ba hàng tụng rưỡi chính là giao phó gia sản.

- Kinh: "Ở nơi đại chúng cho đến mặc ý mà thọ dụng."

- Tán: Ba hàng tụng rưỡi là, chính giáo phó gia sản. Có năm: Nửa hàng tụng nói bắt đầu dạy phát tâm. Nửa hàng lui sụt vào sanh tử. Nửa hàng tụng hóa độ pháp Nhị thừa. Hoặc căn tánh trời người mới thuần thục. Hoặc ở hai đạo Gia hạnh, Vô gián. Hoặc dứt năm kiết phần dưới, và trên. Cho nên nói gặp con đã hai mươi năm rồi. Hoặc nói đắc quả Hữu học Vô học. Một hàng tụng nói trước lui sụt pháp Đại thừa, nay được gặp nhau, căn cơ đã thuần thục. Một hàng tụng là chính thức giao phó.

- Kinh: "Con nhớ xưa nghèo khổ cho đến được điều chưa hề có."

- Tán: Nói về việc con đã đạt được.

Công đức hữu vi gọi là châu báu. Chân như vô vi, tâm từ bi v.v... gọi là nhà cửa. Lại biết đạt bổn thức sẽ thành tựu cảnh trí. Cũng biết tất cả chúng sanh trong Ba cõi đều là nhà của mình và đạt được châu báu của cải nên sanh tâm vui mừng.

- Kinh: "Phật cũng như thế cho đến đệ tử Thanh-văn."

- Tán: Đoạn lớn thứ ba có ba mươi hàng tụng rưỡi, là tụng hợp nói, trong đây chia làm hai:

1. Hai mươi hàng rưỡi tụng về hợp nói xưa không mong cầu.

2. Mười hàng, tụng về nay đắc pháp.

Phần hợp đầu ở văn xuôi có năm, không hợp giữa đường trở về gặp Phật. Nay trong tụng này chỉ tụng chỉ bày mà con không mong cầu Đại thừa. Những phần khác lược không tụng. Trong Văn xuôi trước chỉ bày Đại thừa con không mong cầu có ba phần, nay tụng đây cũng vậy.

a. Hai hàng tụng, nói biết con ưa học Tiểu thừa, Phật không nói con đắc cho nên con không mong cầu.

b. Tám hàng tụng, tụng phần thứ ba của văn xuôi ở trên. Phật nói cho Bồ-tát , chứ không phải nói cho con mà, vì thế không mong cầu.

c. Mười hàng rưỡi tụng về phần thứ hai ở trên, tự đắc Niết-bàn cho là đã đầy đủ, cho nên không mong cầu.

Phật chưa hề nói các con sẽ thành Phật, đối với diệu trí của Phật con cũng có phần. Phật chỉ nói các con đắc các pháp Vô lậu là Thanh-văn, cho nên chúng con không mong cầu.

- Kinh: "Phật dạy chúng con cho đến sẽ được thành Phật."

- Tán: Tám hàng tụng nói Phật chỉ nói cho Bồ-tát, không nói cho chúng con , nên chúng con không mong cầu, trong đây chia làm sáu:

1. Một hàng tụng về: Phật dạy.

2. Một hàng tụng rưỡi nói: Con theo lời Phật dạy.

3. Một hàng tụng nói: Chúng khác cũng theo lời Phật nói chúng con.

4. Một hàng tụng là: Phật thọ ký cho chúng con.

5. Một hàng tụng rưỡi là: Phật vì Bồ-tát chứ không vì con.

6. Hai hàng tụng là: Pháp dụ cùng kết.

Phật thêm tam nghiệp. Thầm dạy khiến cho nói các kinh như Bát-nhã v.v...

- Kinh: "Con vâng lời Phật dạy cho đến nói đạo Vô thượng cho đến"

- Tán: Con Nương lời Phật dạy.

- Kinh: "Các Phật tử cho đến siêng năng tu tập."

- Tán: Người khác nương theo lời Phật nói chúng con.

- Kinh: "Lúc ấy Chư Phật cho đến sẽ được thành Phật."

- Tán: Phật thọ ký cho người khác.

Nói Chư Phật là nói lên tất cả Phật pháp đều đồng, cho nên chẳng phải chỉ một vị Phật. Cũng là trong quá khứ từng thường thọ hóa các Đức Phật khác. Từng theo Chư Phật nghe nói pháp phương tiện.

- Kinh: "Tất cả Chư Phật cho đến nói chân yếu này."

- Tán: Chính vì Bồ-tát chứ không vì con, nên chúng con không mong cầu.

- Kinh: "Như gã cùng tử kia cho đến cũng giống như thế."

- Tán: Đây là kết thúc cả pháp và dụ, ý văn có thể biết.

- Kinh: "Chúng con bên trong đã diệt cho đến đều không ưa thích cho đến"

- Tán: Trở xuống mười hàng tụng rưỡi nói, tự được Niết-bàn cho là đã đầy đủ nên không mong cầu. Trong đây chia làm hai:

1. Hai hàng tụng nêu sự tự mãn không mong cầu.

2. Tám hàng tụng rưỡi là giải thích.

Nội diệt nghĩa trong tự thân đã dứt hết các phiền não, chứng đắc Niết-bàn. Chỉ có thể biết đây là rốt ráo, mà không có làm các việc lợi tha khác, nên không thích Đại thừa.

- Kinh: "Vì sao? cho đến là rốt ráo."
- Tán: Tám hàng tụng rưỡi giải thích. Trong đây chia làm ba:

1. Ba hàng tụng rưỡi, đối với cảnh trí của Phật khởi lên ba môn giải thoát , tự cho là đã đủ, nên không mong cầu.
2. Bốn hàng tụng tự cho là đã đắc đạo đã báo ân Phật. Tuy vì người nói mà không mong cầu.
3. Một hàng kết luận vì Phật không nói nên không mong cầu.

Ba hàng đầu tụng quán không Vô tướng. Một hàng rưỡi là quán Vô nguyện. Các pháp đều là không, không quán . Hai ngã đã không thì làm gì có sanh v.v.... Phần dưới nói sáu thứ không như vô sanh diệt v.v... cùng quán vô tướng mà xa lìa tham trước. không tham tất cả bèn đối với trí Phật cũng không tham cầu là quán vô nguyện. Do nghe Bát-nhã nói mật ý về không, vô tướng, nguyện lầm ngộ giải ba quán này đã đắc Niết-bàn, cho là rốt ráo nên không cầu pháp Đại thừa.

- Kinh: "Chúng con trong đêm dài... báo được ân của Phật ."
- Tán: Bốn hàng tụng, tự cho đã đắc đạo, báo ân Phật. Tuy vì người nói mà không mong cầu đại pháp. Trong đây chia làm hai:

1. Hai hàng tụng rưỡi là báo ân Phật.
2. Một bài rưỡi: Dù vì người nói mà tự mình không mong cầu.

Nghiệm trong văn này ý nói trụ ở hữu dư y Niết-bàn mà hồi tâm hướng đại, chẳng trụ vào cảnh giới vô dư y Niết-bàn.

- Kinh: "Chúng con tuy vì cho đến không bao giờ mong muốn."
- Tán: Tuy vì người nói mà tự mình không mong cầu.
- Kinh: "Đạo sư thấy xả cho đến nói là có thật lợi."
- Tán: Phật không nói cho con, nên con không mong cầu.

Phật quán chúng sanh căn tánh chưa thuần thục nên không nói đại pháp. Chưa hề khuyên ta tiến tu Đại thừa nói là có thật lợi, nên ta không mong cầu. Đầu tiên không khuyên răn là y cứ vào đời nay sanh ra. chẳng phải không hề khuyên mà từ lâu đã khuyên.

- Kinh: "Như trưởng giả giàu có... bèn dạy pháp đại trí."
- Tán: Ở Trên có hai mươi hàng rưỡi, tụng về việc xưa mong cầu. Dưới đây mười hàng tụng nói nay được. Có hai:

1. Ba hàng tụng pháp dụ đối chiếu đầu tiên dạy phương tiện, sau nói về chân thật.
2. Bảy hàng tụng nói về: Con nay được.

Ba hàng đầu thì một hàng rưỡi là dụ, một hàng rưỡi là pháp .

- Kinh: “Chúng con ngày nay cho đến được vô lượng của báu.”

- Tán: Bảy hàng tụng nói về nay được, chia ra ba phần:

1. Một bài rưỡi nói chung rõ về sự đắc chẳng phải là điều mong cầu từ trước.

2. Ba hàng tụng: Nay mới gọi là đắc quả thể.

3. Hai hàng tụng rưỡi: Mới gọi là đắc quả dụng, đây là phần đầu.

- Kinh: “Thế tôn! Chúng con ngày nay... Vô thượng đại quả.”

- Tán: Cho đến ngày nay mới đắc quả thể. Lại có hai phần:

- Một bài tụng: Nói chung quả trước kia chẳng phải thật, nay mới là quả thật. Đạo là chứng trí, quả là vô vi.

- Hai hàng tụng nói nay đắc quả, thật là do nhân trước kia. Chứng minh trong tụng đầu nói do trì giới mà được quả báo, nên tụng sau nói: Tụng phạm hạnh đầy đủ mà đắc đại quả, đều là hơn trước.

- Kinh: “Chúng con ngày nay cho đến nên thọ cúng dường.”

- Tán: Mới gọi là đắc quả dụng.

- Một hàng tụng: Được gọi là Thanh-văn chân thật, dụng lợi tha.

- Một hàng tụng rưỡi đắc A-la-hán chân thật, gọi là ruộng phước. Tức nói rõ trụ ở Tiểu thừa chẳng phải Thanh-văn chân thật, chẳng phải là chân thật A-la-hán.

- Kinh: “Đại ân của Thế tôn cho đến ai có thể báo đáp.”

- Tán: Trên đây là bảy mươi ba hàng rưỡi tụng phần Văn xuôi ở trước. Từ đây trở xuống là đoạn thứ ba của phẩm có mười ba hàng tụng, nói mong ân rất sâu của Phật, chia làm hai:

1. Sáu hàng rưỡi nói chung về ân sâu khó báo đáp.

2. Sáu hàng rưỡi biệt minh về sự khó báo.

Trong phần đầu lại có hai:

a. Một hàng tụng rưỡi nói tâm từ bi sâu xa của Phật khó đáp.

b. Năm hàng tụng là nói: Hành pháp cúng dường mà không thể báo đáp đây là phần đầu.

Trải qua thời gian rất lâu, hạnh đầy đủ tâm siêng năng , Phật vì khổ mình lợi người, tình sâu thật khó đáp, ân đức sâu dày che chở chúng con

Kinh: “Tay chân cung cấp cho đến hết lòng cung kính.”

- Tán: Trở xuống năm hàng tụng nói về sự cúng dường.

Trong đây chia làm hai:

- Hai hàng tụng về sáu thứ nội tài không thể báo đáp.

- Ba hàng tụng: Dùng tứ sự ngoại tài cùng xây tháp, cũng không

thể báo đáp ân này.

- Kinh: “Lại đem thức ăn ngon quý... cũng không thể báo đáp.”

- Tán: Đem tứ sự ngoại vật cúng dường cũng không thể báo đáp. Đây hai hàng tụng tứ sự, một hàng tụng kết.

- Kinh: “Chư Phật ít có cho đến tùy nghi mà nói.”

- Tán: Sáu hàng tụng rưỡi nói việc khó báo.

Trong đây có ba:

1. Hai hàng tụng rưỡi: Nói chung Phật vì những việc thấp kém, hiện lấy tướng phàm phu có thể tùy nghi nói pháp cho nghe.

2. Hai hàng tụng có thể biết ưa muốn và thắng giải của chúng sanh mà nói pháp cho nghe.

3. Hai hàng tụng: Biết căn tánh thuần thục hay chưa mà nói Tam thừa.

Ẩn thật đức của báo thân, nói lên quyền hình hóa tướng. Ẩn huyền tông của diệu lý nêu lên giáo nghĩa thô sơ. Không về Tịnh độ mà ở cõi uế này, tùy theo phàm phu. Há ân này chẳng khó báo sao?

- Kinh: “Chư Phật đối với pháp cho đến nói pháp cho nghe.”

- Tán: Có thể biết ưa muốn, thắng giải của chúng sanh mà nói pháp cho nghe.

Với người chí lực là thắng giải, Phật không tùy tự ý nói rộng lên huyền vi, mà tùy theo tâm tình của người tuyên bố phương tiện này, há ân này chẳng khó báo hay sao?

- Kinh: “Tùy theo các chúng sanh... tùy nghi nói có ba thừa.”

- Tán: Có thể biết căn cơ thuần thục hay không mà nói Tam thừa. Hoặc thô, hoặc tế, hoặc thật hoặc quyền. Quán căn trước sau thí pháp, há chẳng là ân sâu khó báo đáp hay sao?

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Chia ra làm ba môn.

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên gọi.
3. Giải Thích Các chướng nạn.

I. Về lý do: Có bốn:

1. Châu đầu tiên pháp nói vì thượng căn, ngài Thu Tử lãnh thọ pháp. Phật vì pháp thuật sự thành tựu, sau mới thọ ký. Nay, châu thứ hai Phật vì người trung căn mà nói dụ , bốn người lãnh hội Thí dụ. Nay Phật lại dùng thí dụ mà thuật lại việc thành tựu, sau đó mới thọ ký, cho nên có phẩm này.

2. Luận chép: Để đối trị hạng người thứ ba trong bảy mạn, có người Đại thừa hoàn toàn Tăng thượng mạn, cho rằng không có Thanh-văn, Duyên-giác, Phật thừa khác nhau. Vì đối trị này mà Phật nói hai thí dụ. Phẩm Thí dụ trước để đối trị hàng phàm phu cầu diệu quả trời người, kế phẩm Tín hiểu đối trị hạng Nhị thừa Hữu học chấp thừa của ta và Như-lai bình đẳng mà không cầu Phật thừa. Nay trong phẩm này đối trị người hoàn toàn ở Đại thừa, khinh mạn nói không có hai thừa, chỉ có nhất thừa. Cho nên luận kia nói: Người thứ ba đó là khiến cho biết đủ loại thừa khác nhau, Chư Phật Như-lai bình đẳng nói pháp, tùy theo hạt giống gốc lành của chúng sanh mà sanh ra. Ý nói là một cơn mưa tuy đồng mà ba cỏ, hai cây lớn lên có khác. Phật giáo tuy đồng cả ba thừa mà hai Thánh phát tu cũng khác. Căn hữu vi khí mỗi mỗi đều khác, cũng có hàng Nhị thừa quyết định. Cho nên, bởi cơ tánh khác mà bẩm nhận cũng khác.

Kinh Thắng-man chép: người Thiện nam nhiếp thọ chánh pháp có thể kham lãnh bốn gánh nặng. Kinh Niết-bàn cũng nói: "Ta ở trong một thời nói Nhất thừa nhất đạo. Cho đến đệ tử không hiểu được ý ta. Nói Tu-đà-hoàn đều đắc Quả Phật". Y vào sự vận chuyển của người mà giáo pháp gọi là thừa. Phật pháp tuy đồng mà căn cơ tu tập có khác, cho nên nói phẩm này.

3. Đầu phẩm Phương tiện nêu hai pháp: Trí và trí tuệ môn đều rất sâu nên gọi là Nhất thừa. Phẩm Thí dụ trước nói thừa có ba, thể duy có một. Bốn người lãnh hội một là thật, ba là giả tạm, hội nhập trí tuệ sâu, nay đây là hội môn. Môn tức là A-hàm. Giáo đồng mà cơ khác thì gọi là lãnh hội môn đó. Như nói Tứ đế, ba căn đều nghe được. Y vào uẩn, xứ, giới, duyên khởi, tam tánh, dựa vào đó tu hành có khác nên gọi là Tam

thừa. Cho nên giáo đồng mà căn cơ khác, do đó có phẩm này.

4. Trong mười nghĩa Vô thượng thì thứ nhất là hạt giống Vô thượng. Cho nên nói mưa làm thí dụ. Mười Vô thượng đều là bảy dụ, ba bình đẳng còn lại. Nhưng trong đó có văn còn lại, có nghĩa còn lại. Ở đây là nghĩa còn lại mà không phải văn còn lại. Trong bảy dụ đã có dụ về mưa. Trong mười Vô thượng có nói lại nhưng gọi là còn lại ở nói trước. Thí dụ mưa nhuần thấm cả ba thứ cỏ. Ba thứ đã khác khiến cho biết thừa cũng khác. Nay nói Thí dụ mưa, tuy thấm nhuần ba thứ cỏ, mà hình tưởng căn cứ nói hai (cỏ thường và có thuốc). Phật chủng là giống cỏ lớn, từ nơi vị tưởng hình mà gọi thêm hai thứ cây, căn cứ theo nghĩa khác gọi là nghĩa còn lại. Hoặc nói là văn còn lại, tức văn nói cỏ lớn, vừa và nhỏ, thí dụ mưa là phá bệnh chấp thừa khác nhau, các cây lớn nhỏ tùy theo các bậc thượng, trung, hạ. mỗi thứ đều có thọ nhận khác. Dụ mưa đây là hạt giống Vô thượng. Văn trước sau khác nhau, nên gọi là văn còn lại. Hại giống lớn này gặp mưa nhuần thấm thể dụng rất rộng lớn. Sau đó đắc quả cao siêu nên gọi là Vô thượng. Luận dẫn kinh nói không lìa thân ta là nghĩa Vô thượng. Chỉ Đại thừa mới có gọi là không lìa. Hoặc chủng, hoặc hiện, hoặc nhân, hoặc quả, tuy đều không lìa Đại thừa, mà nay nói rõ hạt giống vô lậu Đại thừa. Vì lấy nhân bổn mà thành tựu được Phật thân. Cho nên vì nói lên hạt giống Vô thượng, do đó mà có phẩm này.

II. Giải thích tên gọi: Có công năng như thần là trừ bệnh gọi là thuốc. Hình tướng thấm thuần gọi là cỏ. Có thuốc chẳng phải cỏ. Có khi cỏ chẳng phải thuốc. Có cỏ có thuốc, không thuốc không cỏ. Thí dụ cũng vậy. Giáo, lý, hạnh, quả đều gọi là thuốc. Nay lấy thuốc hành theo giáo mà tu sanh, không lấy các loại thuốc đá khác. Vì không thể lớn lên. Hạt giống thế, ra đời có thể lớn lên, đều gọi là cỏ. Nay lấy hạt giống thiện của trời người và nhân trí Tam thừa, làm cỏ thuốc, vì trái với hại ác. Không lấy hạt giống của cỏ sanh tử đường ác, vì không thấm nhuần chánh pháp ý nay nói rõ hạt giống về ba thừa khác nhau, lãnh thọ giáo mà thành thừa khác nhau. Không muốn nói đều hết các hạt giống, nên dùng cỏ thuốc làm nhân. Thuốc đó tức là cỏ tức giải thích tên theo cách trì nghiệp. Để phân biệt chung là cỏ thuốc, tức giải thích tên theo cách y chủ. Lấy đây làm dụ đặt tên là dược thảo dụ. Hoặc nói phẩm này cũng lấy thuốc và cỏ làm dụ nên gọi là dược thảo dụ. Không phải thuốc đều tức có cỏ, há tất cả các loại cỏ đều lấy làm dụ sao? Do đây cho nên biết nói này nói là khéo. Đây dùng hai nghĩa làm dụ. 1. Như tánh cỏ khác, mưa thấm nhuần thành loại cỏ khác. Ba căn chúng sanh vốn khác lãnh

thọ giáo pháp thành ra có Tam thừa. 2. Như bẩm tánh của cỏ, mỗi mỗi đều không biết nhau. Ba căn cũng vậy, không thể biếtnăm thừa khác nhau, cho rằng thừa không khác nhau. Do đó lấy cỏ thuốc làm thí dụ.

III. Giải đáp các chướng nạn.

Hỏi: Luận giải bảy dụ và mười Vô thượng, đều nói thí dụ mưa. Vì sao tiêu đề gọi là Dược thảo dụ, sao không gọi phẩm Vũ dụ?

Đáp: Luận nói pháp năng thấm nhuần đó là để nói lên sở dụ, nên lấy dụ mưa đặt tên. Kinh lấy thể năng dụ để phá nghi kia, nên nêu dược thảo. Điên đảo chấp thừa không khác bệnh, phá trừ bệnh dùng căn cơ có khác nhau để phá, nên nhờ sự nhuần thấm của cỏ thuốc để so sánh các căn tánh nhuần thấm, do đấy mà không nêu mưa ra làm thí dụ, cũng không nêu hai tánh mưa và cỏ làm phẩm.

Hỏi: Phẩm này cũng nói đến hai cây, vì sao không gọi là phẩm thảo mộc?

Đáp: Thật sự theo lý nói thì nên cả hai cùng nêu ra. Chỉ vì lập ra chánh pháp vốn để phá bệnh phát sanh, tức sanh bệnh chấp thừa giống nhau, nên dùng cỏ khác nhau để phá. Pháp Vô thượng nói lên thể tôn cao chưa là phá ở bệnh sanh, nên lấy cỏ thuốc làm phẩm, không dùng cây v.v... mà nêu tên. Thảo rộng mà cây hẹp, cỏ nhỏ mà cây lớn, là chung cả Tam thừa không chỉ có đại. Nói rõ sự lớn lên nhuần thấm không chỉ có thành thục. Thế nên có lời giải: Thuốc là mưa pháp thuốc năng thấm cỏ là căn cơ, là tánh của sở sanh. Dùng thuốc dụ pháp, dùng cỏ dụ cho căn cơ. Cả hai rõ ràng thì không còn chướng ngại. Văn tuy không rõ mà lý cũng đâu sáng! Lại ở phẩm Thí dụ trước có nhà lửa nhàm chán, ba xe để ưa thích, cả hai hợp lực tên Thí dụ chỉ có thể nói chung, đây dùng căn cơ khác nhau để thấm nhuần phá bệnh chấp nhất thừa kia, do đó mà lấy dược thảo làm dụ.

- Kinh: “Bấy giờ Thế tôn cho đến nói không thể hết.”

- Tán: Phẩm này đại văn chia ra làm ba:

1. Khen ngợi ấn khả.

2. Từ “Ca-diếp nên biết.” cho đến trở xuống là Đức Phật trình bày nói:

3. Hai hàng tụng kết thành thành tựu nói thật để dẫn được thọ ký đây là phần đầu.

Trước khen ngợi ấn khả, sau càng khen ngợi vì nói hợp lý, nên nghĩa khế hợp chân như mà ấn khả. Nêu rõ ngài Ca-diếp trình bày phần trước, chưa nói hết được công đức của Phật. Lại tự khen ngợi Phật giống như trưởng giả. Lấy tiểu có thể dụ nơi đại. Ông đồng Thánh đức với

cùng tử, dù kém cũng là đồng. Khen ngợi ấn khả, là thành tín là kinh vậy. Tin như đã nói, kính như chỗ nói. Đức Phật khó nghĩ bàn, lại không thể nói hết.

- Kinh: "Ca-diếp nên biết... không dối."

- Tán: Trình bày tự thuật.

Chia làm hai phần: Văn xuôi và Kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai phần: Văn đầu lại có hai: Trần nói và Kết thành.

Kệ nói là: Như-lai biết là một tướng, một vị. Trong phần trình bày lại chia làm ba:

1. Trình bày pháp.
2. Trình bày thí dụ.
3. Hợp trình bày.

Trình bày pháp bốn :

a. Phật truyền pháp ở đời.
b. Pháp lợi ích chúng sanh.
c. Thọ đạo có khác nhau.
d. Không thể tự đạt được.

Đây là phần đầu. Đối với pháp Phật được tự tại, là Ngài nói không luống dối, truyền bá ở đời dẫn dắt lợi ích chúng sanh.

- Kinh: "Đối với tất cả pháp cho đến Nhất-thiết-trí địa."

- Tán: Nói về pháp lợi khắp cả chúng sanh. Dùng đại bi, trí lực, phương tiện thiện xảo, lìa pháp danh tướng. Khéo nói pháp làm lợi ích chúng sanh. Lý của giáo nói cũng khế hợp đến tận cảnh địa trí Phật, vì nói hợp với chứng, nghĩa rốt ráo hợp. Hoặc giáo thuận nơi lý, lý thuận nơi hành. Hành thuận nơi quả. Cho nên nói đến quả địa Phật, lấy đây khắp thấm nhuần mà ứng hóa.

- Kinh: "Như-lai quán biết... thông đạt vô ngại."

- Tán: Thọ đạo có sai khác. Do Phật biết chỗ trở về của các pháp Không, Hữu là chân tánh rốt ráo, và biết tâm sở hành hướng đến của chúng sanh, nên có thể khiến chúng sanh đều được lớn lên. Kinh Vô Cấu Xưng nói: Chỗ hướng về của các pháp Không, Hữu ý chỉ rõ chỗ quay về. Quy về hướng đến Tam tánh làm rốt ráo tức chân như. Tâm sở hướng đến tức là hành khắp hướng đã ưa thích. Ở trong lý trí đạt đến vô ngại. Hoặc do Phật đạt được pháp và tâm chúng sanh, thật hành. Cho nên có thể thọ đạo, khiến cho ba thừa đều khác nhau.

- Kinh: "Lại đối với các pháp cho đến tất cả trí tuệ."

- Tán: Đây nói pháp không thể tự đạt. Phật đối với các pháp, có

thể đạt tận rốt ráo, nên biết tất cả căn tánh. Đầu tiên là nói pháp Tam thừa, sau chỉ cho chúng sanh trí tuệ của Phật. Chúng sanh không như vậy thì làm sao biết được tự tánh tha tánh. Dụ và hợp ở dưới đều có thế văn này, nên chia thành bốn khoa.

Lại có giải thích rằng: Trình bày pháp có hai:

- Đối với pháp tự tại, nói không luống dối.

- "Đối với tất cả pháp, dùng trí phương tiện" trở xuống là hiển bày riêng nghĩa Phật không luống dối. Trong đây lại có bốn ý:

1. Có thể khai hai thể Bồ-đề Niết-bàn. Khai tỏ tâm của chúng sanh. Tức câu: "Dùng trí phương tiện mà giảng nói v.v..."

2. Năng hiển chân như để chỉ bày cho chúng sanh. Tức là câu: "hướng về của các pháp"

3. Năng ngộ trí Bồ-đề. Vì tỏ ngộ chúng sanh. Tức câu: "thông đạt vô ngại.

4. Tự mình đã thể nhập lại khiến cho người cùng nhập. Tức câu: "chỉ bày tất cả trí tuệ". Tuy lời giải này thuận theo Nhất thừa ở trên mà quán văn dưới đây thì trở thành ý riêng.

Lại hiển bày riêng nghĩa không luống dối có bốn:

1. Tận cùng thật tánh của pháp.

2. Biết được Không, Hữu.

3. Biết tâm ưa thích của chúng sanh.

4. Chỉ bày quyền thật.

Dùng các trí phương tiện là Thật pháp quên lời, dùng ngôn từ nói. Dùng lời nói thì gọi là trí phương tiện. Pháp từ trí phương tiện này nói ra, tuy chẳng phải chân thật, nhưng cũng không khác với pháp sở chứng của trí Phật. Địa (đất) là y chỉ, là nơi y chỉ của trí Phật quán cảnh chân thật gọi là địa. Ý nói Phật nói lí chân, tục để khế hợp rốt ráo đến cảnh trí Phật. Thể không khác cho nên hợp với thật pháp. Hoặc giáo có thể thuận, lý, lý có thể thuận hành. Hành có thể thuận với quả, cho nên đến Phật địa. Nhất-thiết-trí là trí Phật. "Như-lai xem biết" là có khả năng biết nơi hướng về của các pháp Không, Hữu. Nghĩa là biến kế sở chấp, y, tha viên thành ba tánh pháp. Hoặc chỗ hướng về đó tức là lý chân như, nơi hướng về rốt ráo của tất cả pháp. "Cũng biết rõ thâm tâm sở hành của chúng sanh", tức là biết tâm hành và chỗ hành ưa thích của thâm tâm các chúng sanh, tức là biết tâm chúng sanh, và chỗ hành khắp đến một cách thông đạt vô ngại đối với các pháp đã đạt được, rốt ráo rõ ràng, thế nên có thể hiển thị trí tuệ cho chúng sanh nói tam quyền nhất thật khiến chúng sanh ưa thích chứng. Trên đây ý nói Phật nói giáo khế

hợp với trí cảnh, biết rõ tánh không, hữu của các pháp, hiểu được tâm hành thích ứng học đạo của chúng sanh. Cho nên Phật có thể khai bày trí tuệ Phật cho chúng sanh, để họ trở về hội nhập. Do bốn nghĩa này những gì Phật nói đều không luống dối. Nói không luống dối nên trí Phật vô biên. Ông làm sao có thể nói? Phật biết các pháp, rõ tâm chúng sanh nên đầu tiên nói quyền sau lại nói thật, chúng sanh lãnh thọ quyền giáo, trở thành năm thừa khác nhau. Chúng sanh không có công đức trí tuệ ấy, không biết pháp thể và tâm chúng sanh, thì làm sao có thể biết pháp thật quyền, mà chấp Tam thừa không có sai khác.

- Kinh: “Ca-diếp! cho đến Thí như danh sắc đều khác.”

- Tán: Phần dưới là dụ nói. Có hai:

1. Dụ chung.
2. Dụ riêng.

Ở đây nêu phần một. Đất đai về trước là dụ cho nơi sanh ra. Từ đất đai trở xuống dụ cho tất cả Tam thiên đại thiên nêu rõ khí thế gian sở y.

Cảnh hóa độ của một Đức Phật có bốn thứ:

1. Núi: là nơi tuyên khí tán sanh muôn vật.
2. Sông: là nơi xuyên suốt lưu thông các dòng.
3. Khe: Theo Nhĩ Nhã nói nước chảy vào sông gọi là khe.
4. Hang: Nước chảy vào khe gọi là nước ở hang.

Trong thuyết văn nói dòng suối là ở hang thì sông núi đều gọi là cốc. Dụ cho trong đại thiên có bốn loài sanh. Các loại này trong đất đai đều có.

Cỏ là ba thứ cỏ, cây là hai thứ cây. trăm cỏ gọi chung là nhiều cỏ. Cỏ và cây đều có bùn, rừng.

Ý nói cỏ cây đều có rất nhiều. Cỏ cây tuy nhiều mà trong đó thành tựu các hạt giống thiện pháp thế xuất gian, thế gian là dụ cho cỏ thuốc. Hạt giống của ngũ thừa thể loại đều khác nhau như bao nhiêu chủng loại, tướng dụng có sai khác như tên dọi, màu sắc đều khác nhau. Sắc là hình mạo, cũng có nghĩa là sắc loại.

- Kinh: “Mây dày bao phủ khắp nơi cho đến thế giới đại thiên.”

- Tán: Là phần biệt dụ. Có bốn ý thí dụ:

1. Pháp Vương ra đời.
2. Nói giáo nhuận khắp.
3. Các loại thọ nhuận khác nhau.
4. Không tự hay biết.

Mây dày là dụ cho Pháp vương ra đời. Che phủ khắp là dụ nói

giáothứ hai. Hóa thân ẩn thật tám tướng dần dần hiển lộ ngầm vì rộng làm lợi ích như mây dày giăng phủ khắp nơi, chẳng phải là mây bộc phát không làm lợi ích. Mây có mười đức trong tụng có giải thích rõ. Một vị Phật hóa độ Tam thiên đại thiên, đồng thời xuất hiện ra. Âm thanh cũng cùng khắp, cho nên nói trùm khắp Tam thiên đại thiên thế giới.

- Kinh: "Đồng thời mưa tuôn xuống cho đến và các loại cỏ thuốc."

- Tán: Dụ cho các loại thấm thuần khác nhau. Có hai ý:

- Mưa thấm nhuần khắp.

- Sự thấm thuần các loài đều khác.

Mưa thấm nhuần khắp có ba phần:

1. Nói chung.

2. Sự thấm nhuần theo chiều rộng.

3. Sự thêm lớn theo bề dọc.

Nói chung: Đồng thời là ứng với căn cơ thuần thục. Mưa tuôn xuống là dùng một âm giảng pháp, tùy theo mỗi loại mà hiểu. Đây ý nói mưa pháp lợi lạc khắp nơi đều đồng. Mưa điều hòa thấm hết cỏ cây, mà có cỏ là dụ cho gốc lành.

- Kinh: "Gốc nhỏ, thân nhỏ... cành lớn lá lớn."

- Tán: Đây nói thấm nhuần về mặt rộng. Thể tánh Tam thừa đều khác, để phá bệnh chấp thừa đồng nhau. Căn tánh có ba, nên chia làm ba thứ.

Kinh Niết-bàn chép: Ví như người bệnh có ba thứ:

1. Hoặc gặp thầy thuốc hay cho đến không gặp mà tự quyết định có thể chữa khỏi. Đây là loại cỏ thơm.

2. Nếu gặp liền khỏi, không gặp thầy thuốc hay thì, không khỏi bệnh, tức loại cỏ vừa.

3. Hoặc gặp hay không gặp thầy thuốc hay cũng đều không khỏi bệnh, là loại cỏ nhỏ. Trong ba thừa đều có thọ lãnh, bốn pháp giáo, lý, hạnh, quả mà lớn lên, nên đều nói có rễ, thân, cành, lá. Y theo giáo mà chứng lý, y vào lý mà khởi hạnh, y vào hạnh mà đắc quả, như thân, rễ cùng thứ tự lớn lên, lại y vào sự giáo, lý, hạnh, quả, mà có hơn kém như thứ tự phối hợp. Lại giải thích trong ba hạng này đều có bốn pháp: Chủng tánh, phát tâm, tu hành và đắc quả.

Bốn pháp này có cả ba. Ngang thì gọi là Tam thừa. Dọc gọi là bốn loài, loài y vào tánh mà có nên nói là ngang. Cũng có nói nói bốn. Tức là thắng giải, kiến, tu, Vô học. Nghĩa này không có trong các loại cỏ

nhỏ cho nên không dùng.

- Kinh: “Các cây lớn nhỏ cho đến mỗi thứ đều lãnh thọ.”

- Tán: Đây nói sự lớn lên theo chiều dọc. Luận chỉ nói cây lớn mà không lìa thân ta. nghĩa là hạt giống Vô thượng. Trong nghĩa có lớn lại chia ra có cây lớn, nhỏ. Trước Bất thoái vị là cây nhỏ. Sau Bất thoái vị là cây lớn. Đây có hai nghĩa:

1) Thất địa trở về trước gọi là cây nhỏ. Bát địa trở lên gọi là cây lớn. Đầy đủ thì có bốn bất thối. Y theo văn tụng dưới thì chỉ hai cây chia làm thượng, trung, hạ, nên hợp hai cây để chia làm ba phẩm. Nghĩa là từ Ngũ địa trở lên thì gọi là hạ, đắc quả Tam-ma-địa bạt-đề, lạc ý sanh thân. Lục, Thất, Bát địa là hạng trung đắc giáo pháp tự tánh ý sanh thân. Cửu địa, Thập địa gọi là người thượng, đắc chủng loại câu sanh vô tác hành ý sanh thân. Có nghĩa không đúng. Từ sơ địa trở về trước thì thuộc hạng gì? Há không là cỏ nhỏ ư! Nếu theo nghĩa này thì sơ địa trở xuống tức là hạ độn tu hữu lậu pháp. Bảy địa đầu gọi là hạng trung tạp tu hai thứ hữu lậu, vô lậu. Từ Bát địa trở lên thì tu thuần vô lậu.

2) Từ Sơ địa trở xuống gọi là cây nhỏ. Sơ địa trở lên thì gọi là cây lớn chứng được không lui sụt. Hai cây lớn nhỏ đều có thượng trung hạ. Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng là ba hạng của cây nhỏ. Thập tín tức thuộc sơ phát tâm của Thập trụ. Bốn gốc lành quyết trạch phần là thuộc về hồi hướng. Do đây mà kinh Hoa Nghiêm chỉ nói ba mươi quả vị mà không nói Thập tín. Phát tâm trong Thập trụ thành ra tám tướng, cũng không nói bốn gốc lành. Vô lượng pháp giới trong vị Thập Hồi hướng mà thật hành bốn quán. Nhưng chỉ nói ngài Xá-lợi-phất tu đạo trải qua sáu mươi kiếp rồi thoái vị, tức là đến trụ thứ sáu thì mãn tức chưa vào trụ vào Bất thoái vị thứ bảy. Cho nên biết thập tín càng không có Vị riêng biệt. Do đây mà chỉ nói ba mươi ba a-tăng-kỳ kiếp. Địa tiền là ba mà không nói là bốn. Đối pháp v.v... nói thì sơ kiếp mãn đã tu bốn gốc lành, không nói có kiếp Tu-lâu dài riêng. Cho nên bốn gốc lành thuộc về, Thập Hồi hướng.

Ba hạng của cây lớn: Sơ, Nhị, Tam địa là hạng hạ đồng với thế gian. Tứ, Ngũ, Lục địa là hạng trung mới đồng với ra đời. Thất, Bát, Cửu, Thập địa là người thượng, vượt qua đạo Nhị thừa thế gian. Hoặc nói ba hạng của cỏ đều có hạ trung thượng. Trong loại cỏ nhỏ, nói cõi người là bậc hạ, các tầng trời cõi Dục là trung, trời cõi Sắc là thượng. Cỏ vừa có ba: Bảy phương tiện là bậc hạ, Thánh Hữu học là trung, Vô học là thượng. Trước là chiều rộng suốt cả Tam thừa, nay là dọc chung cả ba vị.

- Kinh: "Một đám mây tuôn mưa... hoa quả đều thấm nhuần, nở ra hoa trái."

- Tán: Các loại thấm nhuần đều khác. Mưa giáo pháp tuôn xuống chỉ có một, mà chỗ thấm nhuần câu cỏ đều khác nhau. Sanh là dụ cho sơ tâm, trưởng là dụ cho sau khi đã tu tập. Hoa nở là dụ nghe giáo tu hành. Quả trái là dụ sự chứng lý đắc quả, phu có nghĩa là mở ra. Do sự thấm thuần, tùy theo chủng tánh mà hoa quả lớn lên, mỗi mỗi đều khác nhau, lấy giáo đối lý mà quên căn cơ đó. Hoặc dùng giáo đối, các căn thành thục tánh bất định sau gọi là một trận mưa. Cũng gọi là một âm giảng nói lý pháp chỉ có một tướng. Thoái tánh rốt ráo đều thành Phật, lấy giáo đối cơ quên hết lý pháp. Hoặc đối với vị sơ cơ chưa thuần thục, mà có vận dụng gọi là Tam thừa, cũng gọi là ba xe. Tùy theo cơ nghi kia, mà đầu tiên nói pháp nói có ba thừa. Lấy giáo bao gồm cả hành gọi là Tam tạng. Giảng nói giới định tuệ, các hành đều sai khác. Nếu dùng giáo bao gồm lý đối cơ mà nói thì gọi là hai tạng, là tạng Thanh-văn, Bồ-tát. Kinh A-xà-thế Vương cũng gọi tam tạng tức Bồ-tát, Độc giác, Thanh-văn. Nay đem giáo đối lý và một căn cơ sau gọi là một trận mây mưa. Thấm nhuần ba căn cơ tương xứng chủng tánh của nó gọi là ba thừa. Hiện lý có căn cơ sở đối nói thừa có khác. Giáo đối lý cơ để nhiếp nghĩa mà lập ra tên tạng, đem tạng này hiển giáo của lý để vận tải căn cơ, lập ra thừa, gọi là hai sai khác.

- Kinh: "Tuy cùng một đất sanh ra cho đến mỗi thứ đều khác nhau."

Tán: Không tự hay biết, chủng tánh tam thừa nương vào một chân lý, một đất sanh ra, cũng đều thấm nhuần từ một trận mưa giáo pháp, một Phật. Như các cỏ cây thấm nhuần tuy khác, mà không tự hay biết, cũng không biết loại khác thấm nhuần lớn lên thế nào. Đây chỉ giải thích sơ lược, tìm trong phần hợp thuyết ở dưới sẽ nói đủ.

- Kinh: "Ca-diếp nên biết cho đến như vầng mây lớn nổi lên."

- Tán: Trình bày hợp nói. Cũng có bốn, mỗi nghĩa này cũng có hai:

1. Đều nêu pháp.

2. Đều dụ hợp.

Đây hợp với Pháp vương ra đời.

- Kinh: "Dùng đại âm thanh cho đến cõi nước đại thiên."

- Tán: Phần thứ hai này là hợp nói giáo pháp trùm khắp. Không chỉ có thân trùm khắp mà âm thanh cũng trùm khắp.

- Kinh: "Ở trong đại chúng... Phật Thế tôn."

- Tán: Phần thứ ba hợp nói thấm nhuần mỗi loại đều có khác. Đây có hai: Pháp nói và Dụ hợp.

Trong pháp nói có bốn:

1. Phật tự nêu nhóm họp.

2. Người nghe đều đến.

3. Phật dắt dẫn làm lợi lạc chúng sanh.

4. Chúng sanh nghe được lợi ích.

Phần một có hai:

a. Tự tuyên bố.

b. Nhóm họp mọi người.

Nêu tuyên bố có ba:

a.1. Tuyên bố đức hiệu.

a.2. Tuyên bố lợi dụng.

a.3. Tuyên bố tri kiến.

- Kinh: “Người chưa được độ cho đến khiến đắc quả Niết-bàn.”

- Tán: Đây nói lợi ích dụng có đầy đủ trong tứ nguyện. Độ là xa lìa vượt lên. Giải nghĩa là tu đoạn.

- Người chưa lìa khổ thì khiến cho lìa khổ.

- Người chưa dứt ác tu thiện thì nguyện dứt ác tu thiện.

- Chưa được an vui thì nguyện cho được an vui.

- Người chưa thành Phật đắc Niết-bàn, thì nguyện thành Phật đắc Niết-bàn.

Kinh Anh Lạc chép: biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo là bốn thệ nguyện rộng lớn. Bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong đây cũng thứ lớp phối hợp như thế.

- Kinh: “Đời nay đời sau cho đến nói đạo.”

- Tán: Đây là tuyên bố về tri kiến. Có ba:

1. Ba minh.

2. Hai trí.

3. Ba pháp.

Biết việc đời nay đời sau mà xướng ba minh vậy. Đã thấy thì gọi là nay. Hiện tại quá khứ đều biết như nay. Nhất thiết kiến là tục trí. Hoặc đầu tiên gọi là hai trí, sau là ngũ nhãn.

Biết khai nói là biết các cảnh, khai chành vi ác, nói các quả. Biết chánh tà, khai thiện ác, nói đoạn tu. Lại biết Đại thừa, khai Độc giác, nói Thanh-văn. Lại dị sanh Hữu học, Vô học. Tà chánh bất định, ba tụ, ba căn, ba khoa, ba thế, ba bảo, ba độc, ba đức, ba lậu v.v...

Lại biết sanh tử chỉ rõ tà chánh mà nói có thông, bítt. Lại ngộ biết

các đạo có thể lược khai và nói rộng. Như thứ tự đó phối hợp với một loại đạo là Nhất thừa, nhất đạo, thì có hai đạo thiện ác hướng về thế gian và xuất thế gian, cho đến mười nghiệp đạo v.v... đều như lý mà biết.

- Kinh: "Các ngươi hàng trời, người cho đến vì nghe pháp."
- Tán: Trên là tuyên bố, đây là nhóm họp.
- Kinh: "Bấy giờ có vô số cho đến mà nghe pháp".
- Tán: Người nghe đều đến.
- Kinh: "Như-lai lúc ấy cho đến mau đắc thiện lợi."
- Tán: Phật sẽ dắt dẫn ợi ích vì lợi căn mà nói pháp Đại thừa, vì độn căn mà nói pháp Nhị thừa. Vì lợi căn mà nói hai thứ cỏ, độn căn thì nói cỏ nhỏ. Vì người tinh tấn mà nói tu hành, vì người biếng nhác mà nói mười niệm vãng sanh phương Tây v.v...
- Kinh: "Các chúng sanh này cho đến dần dần vào đạo."
- Tán: Nói chúng sanh, đạt lợi ích có hai quả:
- Quả thế gian: Hiện đời được an ổn, đời sau sanh về đường lành. Như pháp do lý mà thọ quả báo, không hành phi pháp gọi là "do đạo được thọ vui.
- Quả ra đời: Lìa chướng nhập đạo. Hoặc không có chủng tánh khiến đắc quả trước. Người có chủng tánh khiến cho đắc quả sau. Lại Bồ-tát đạo có hai:

1. Tăng thượng sanh đạo.
2. Quyết định thắng đạo.

Tùy thứ tự nên biết, dứt hai chướng cho nên có năng lực đắc đạo.

- Kinh: "Như mây lớn kia cho đến đều được lớn lên."
- Tán: Đây hợp với pháp trước, sự thọ nhận mỗi pháp đều khác.
- Kinh: "Như-lai nói pháp cho đến không tự hay biết."
- Tán: Phần thứ tự hợp có hai: Pháp và Dụ.

Trong pháp thì đầu tiên nêu ra sau giải thích, đây là phần nêu trước Phật nói pháp sau đó chúng sanh nghe.

Một tướng là không có tướng khác cho nên tướng vô tướng.

Kinh Đại Bát-nhã quyển bảy mươi ba chép: Các pháp đều đồng một tướng, nên gọi là vô tướng. Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Thường nói các pháp không sanh không diệt, không đây không kia, một tướng vô tướng.

Một vị đó là một vị vô lậu, là vì lợi ích trên hết, không có tự thể riêng.

Kinh Thắng-man chép: Một tướng một vị. Là vị minh, giải thoát.

Tuy nói các pháp khác nhau, cuối cùng đều trở về một tướng chân như, một vị vô lậu trở về thật tánh. Thể của một vị, một tướng là gì? Là giải thoát tướng Hoặc, Nghiệp, Khổ, lìa tướng phân biệt của sở tri chướng. Khác nhau với vô lậu hữu vi khởi tận thể tướng vắng lặng. Tức như nói cứu cánh của pháp không lìa trí tánh. Có thể thông suốt lí này, thì rốt ráo đến Nhất-thiết-chủng-trí, đắc quả Bồ-đề.

Lại Phật nói lý chỉ có một tướng, rốt ráo thuận với trí Trung đạo. Chúng sanh nghe pháp thuận theo mà thọ trì, đọc tụng tu hành, thành có sai khác như ba cỏ, hai cấy, không tự biết được.

- Kinh: “Vì sao? Cho đến Thể tánh của chủng tướng.”

- Tán: Giải thích phần nêu ra ở trước. Có ba ý:

1. Phật biết tướng chung.

2. Phật biết tướng riêng.

3. Phật biết chúng sanh không biết.

Đây là nói phần một. Chủng tướng hữu vi các loại đều khác. Thể tánh vô vi là căn bản lý. Lại tác dụng của tâm hành là chủng tướng. Thể tánh của tâm pháp là thể tánh.

- Kinh: “Nhớ việc gì?... dùng pháp gì mà được.”

- Tán: Đây nói Phật biết tướng riêng. Có bốn điều:

- Sở duyên của ba tuệ.

- Hành tướng của ba tuệ.

- Thể của ba tuệ.

- Hành pháp gì, đắc quả gì? Dùng giáo gì, đắc lý gì?

Bốn điều Phật đều biết rõ. Chỉ nói về cỏ thuốc, nên chỉ nói loại này mà không nói biết thứ khác.

- Kinh: “Chúng sanh trụ ở cho đến rõ ràng không chướng ngại.”

- Tán: Đây là phần kết: Phật biết, chúng sanh không biết, địa là hạt giống. Hoặc là các thể tánh hành tướng tâm bình đẳng gọi chung là địa, khác nhau với nghĩa đất ở trước. Kia gọi là một chân thật, nói giáo pháp của Phật như một cơn mưa. Nhất chân pháp giới gọi là nhất địa. Trong đó bốn loài sanh gọi là cây cỏ cho đến Tam thừa ngũ thừa, hữu tánh vô tánh, Phật đều biết mà chúng sanh không biết.

- Kinh: “Như cây cỏ lùm rừng cho đến có tánh thượng trung hạ”.

- Tán: Nêu dụ thứ tư hợp thành pháp nói trước.

Kinh: “Như-lai biết cho đến Nhất-thiết-chủng-trí”.

Tán: Trên là trình bày nói, đây là kết thành tựu ở trước. Có hai ý:

1. Phật biết sâu mà vì chúng sanh nên nói pháp cạn.

2. Khen ngợi Tôn giả Ca-diếp có thể hiểu nghĩa pháp sâu, đây là phần đầu.

Từ câu: "Cuối cùng trở về không". Về trước là nói Phật biết tánh không sâu xa, thể tức là chân như phi không bất không. Từ câu: "Quán tâm chúng sanh" về sau, là vì chúng sanh trí cạn mà nói khiến khế hợp vào lý sâu.

Cả hai chướng ngại đều viên mãn mà thành chủng trí, dùng ý này giữ gìn tâm ý chúng không liền vội nói Nhất-thiết-chủng-trí, mà tạm nói giáo Nhị thừa. Cho nên Phật và Thanh-văn do đây thành khác nhau.

- Kinh: "Các vị Ca-diếp cho đến khó hiểu khó biết."

- Tán: Đây là Phật khen Tôn giả Ca-diếp có thể hiểu được nghĩa sâu. Đầu tiên nêu ra, sau giải thích.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến nói các loại pháp."

- Tán: Tụng hợp có năm mươi bốn hàng tụng rưỡi.

- Năm mươi hai hàng rưỡi đầu tụng lại nghĩa trước.

Hai hàng tụng sau nhập vào phẩm đoạn thứ ba kết thành tựu nói thật để dần dần thọ ký. Phần một chia làm hai:

- Năm mươi mốt hàng tụng nói lại việc trước.

- Một hàng rưỡi tụng kết lại phần trước.

Lại chia làm ba:

- Bốn hàng tụng, lại pháp đã nói ở trước.

- Mười hàng rưỡi tụng phần dụ nói ở trước.

- Ba mươi sáu hàng tụng rưỡi là nói phần hợp thuật ở trước.

Trong bốn hàng tụng đầu lại chia làm hai:

- Ba hàng tụng nói, Phật xuất hiện ở đời.

Vua trong các pháp nói pháp không luống dối. Một hàng tụng sau, là tụng nói không thể tự đạt được.

Ba hàng đầu lại có ba:

- Nêu pháp do Pháp vương nói là không luống dối.

- Như-lai nói pháp ít có.

- Thành tựu nói trước.

Phá hữu là có thể phá nhất hữu. Nghĩa là Ba cõi, là sở hữu của một nghiệp hữu. Hoặc phá nhị hữu, là bổn hữu, trung hữu. Hoặc là phá tam hữu, tức là Ba cõi. Hoặc phá tứ hữu. Nghĩa là sanh hữu, tử hữu, trung hữu, bổn hữu. Kinh luận tân dịch là tiền thời hữu. Hoặc phá ngũ hữu, tức là năm đường. Hoặc phá thất hữu, là năm đường, nghiệp hữu, trung hữu. Hoặc phá chín hữu, tức là chín nơi, chín loại hữu tình ở. Hoặc phá hai mươi lăm hữu. Tụng:

Bốn cõi, bốn đường ác
Phạm vương sáu trời Dục.
Trời Vô tưởng, Tịnh cư.
Tứ không và tứ thiền.

- Hoặc phá hữu là chấp có Tam thừa, không có tâm biệt thể. Hoặc trong hàng tụng của kinh, câu đầu là pháp thân, câu kế là báo thân, nửa hàng sau là nói hóa thân.

- Kinh: "Như-lai tôn trọng cho đến chẳng liền chuyên vội nói."

- Tán: Đây nói sự nói pháp của Như-lai là ít có. Giữ lâu sự màu nhiệm của ba thừa quyền, nhất thừa thật, Phật không nhanh vì nói thật pháp gấp rút nói, chính là sẽ nói lại, tất phải đợi sanh cơ mới có thể nói.

- Kinh: "Nếu người hiểu biết nghe cho đến thì là mất hẳn."

- Tán: Đây thành tựu lời nói trước. Sợ có nghi hối, là mất hẳn, không thích nói việc tốt mau lẹ.

- Kinh: "Thế nên ngài Ca-diếp cho đến khiến đắc chánh kiến."

- Tán: Đây là hàng tụng thứ tư nói không thể tự đạt. Do Phật thấy rõ cùng tận các pháp, biết rõ căn tánh chúng sanh mà tùy theo thắng giải dục lạc của chúng sanh. Vì người mà nói pháp khiến được chánh kiến, mà chúng sanh không thể tự biết các căn tánh thượng trung hạ.

- Kinh: "Ca-diếp nên biết cho đến như có thể nắm tới."

- Tán: Đoạn thứ hai có mười hàng tụng rưỡi, tụng lại phần dụ thuật ở trước.

- Ba hàng tụng hợp nói hai dụ ở trước, tức là dụ Pháp vương ra đời, dụ nói giáo nhuần khắp

- Sáu hàng tụng rưỡi, tụng dụ thứ ba là sự thấm nhuần khác nhau.

- Một hàng tụng nói: Dụ không tự hay biết.

Ba hàng đầu lại có hai: Một hàng đầu tụng chung hai dụ trước. Hai hàng sau là: Nói riêng về công đức của mây. "Cũng như vầng mây lớn nổi lên ở thế gian." Đây là dụ đầu tiên. "Che phủ khắp cả" là dụ thứ hai. Tụng mây có bảy đức.

1. Mây trí tuệ chứa nhuần, như rồng có tâm từ khởi mây ngậm mưa, suốt trong bảy ngày, đợi nông phu làm xong rồi mới đổ mưa. Đây là dụ mây từ của Phật chứa đựng muôn đức, đợi sanh cơ mà hàng phục, thị hiện tương ưng căn khí thuần thục mà tuyên dương pháp.

2. Chớp nhóang sáng chói lòa nói thân quang trí quang soi chiếu khắp nơi, dụ cho Phật hóa độ dẫn dắt chúng sanh.

3. "Tiếng sấm xa vang động": Làm kinh động chúng sanh, dụ cho Phật ra đời, ma vương chúng ma đều sợ hãi.

4. "Khiến mọi loài vui mừng": Mọi loài vui vì mây giăng khắp, mừng là sẽ che phủ. Đây dụ cho Phật ra đời nói pháp như thuyền bè qua năm đường.

5. "Ánh mặt trời che khuất". Dụ dứt trừ phiền não. Kinh hoa Nghiêm nói che mặt trời tà kiến.

6. "Trên mặt đất mát mẽ": Khiến chúng hữu tình ở trên đất sanh tử đắc quả Niết-bàn.

7. "Mây mù giăng bủa gần, dường như nắm tới được": Như thừa hành giáo pháp. Có khi giải thích chữ mây mù là tối tăm. Còn đây là dụ cho Phật dũ lòng từ bi rộng lớn, làm bậc khuôn phép, khiến chúng sanh vui thích sẽ được thành Phật. Ví như tay nắm tới, chính là trạng thái có thể được qua Bồ-đề không thể dùng thân tâm để đắc mà dường như đắc nhân chẳng phải là chánh đắc. Dùng trí chứng nay lại nêu thêm ba ý:

1. Văn trước nói Phật ra đời vì lòng từ bi thương xót bốn loài sanh.

2. Rồng khởi mây mưa. Hai thân pháp báo hiện ra hóa độ ở đây.

3. Mưa cam lồ nhuần thấm khắp cả mầm cây. Đây là dụ cho năng nói pháp ích lợi cho tất cả chúng sanh.

- Kinh: "Mưa tưới thấm khắp nơi cho đến mặt đất đều nhuần thấm."

- Tán: Trở xuống sáu hàng tụng rưỡi là nói. Sự thấm ướt mỗi loài có khác. Có ba phần:

- Một tụng về công năng của mưa.

- Hai hàng rưỡi nói thể (các loài) thêm lớn thấm nhuần.

- Ba hàng tụng nói về dụng giúp ích thêm lớn.

Kinh Niết-bàn chép: Phật đối với chúng sanh không phân biệt thấp hèn sang cả, mà chỉ quán những chúng sanh có thiện tâm hay không. Chẳng sanh tâm khinh thường nên gọi là đều khắp. "Bốn phương đều rơi xuống" tức khắp bốn loài sanh thấm nhuần cùng khắp.

- Kinh: "Núi sông hang hiểm... cây cỏ đều tốt tươi."

- Tán: Đây là nói thể thấm nhuần của muôn vật.

- Một hàng tụng chung.

- Một hàng rưỡi tụng riêng, chủng tánh nẩy mầm, trăm loại ngũ cốc tốt tươi. Đây là dụ hai thứ cỏ lớn và vừa. Tam thừa đều có chủng tánh. Mía, nho có loại trắng, vàng, đen đâu là loại cây nhỏ không có chủng tánh. Lại được sanh người trời như đất khô thấm khắp, không có

hạt giống ra đời. Cho nên, tổng kết trên nói cỏ thuốc Tam thừa, hai cây lớn, nhỏ đều có chủng tánh. Nhân mưa này mà cây cỏ xanh tươi màu mỡ. Đây là y vào nghĩa riêng, để hợp với thí dụ. Cũng có bổn nói: Sông núi hang, hiểm, mộng mạ là chỉ trăm giống lúa. Trong Nói văn nói cỏ sanh ra ở ruộng gọi là miêu (mầm non lúa non). Lúa này chưa trổ bông. Đã trổ bông thì gọi là mạ. Lại nói lúa còn ở ngoài đồng thì gọi là mạ. Trước giải thích mộng mạ là khác nhau. Đây dụ cho nhân quả khác nhau. Sau đó giải thích mộng cũng là mạ là chỉ dụ chung cho các loại thóc lúa.

- Kinh: “Vần mây kia mưa xuống cho đến đều được tươi tốt cả.”

- Tán: Đây nói về dụng thêm lớn. Có hai: Hai hàng tụng đầu bẩm nhuận lớn lên. Một hàng tụng sau nói sự thấm nhuần tươi tốt.

Ba phẩm thượng trung hạ khác nhau chỉ ở trong cây. Gọi là cây lớn, nhỏ tất cả hai đều có ba hạng còn bốn thứ: Thân, rễ, nhành, lá thì như trước. Các loài này đều có hoa cùng với quả đều có sắc tươi sáng, là tác dụng ngoài. Hoa dụ chung cho nhân, trái dụ quả v.v... Còn lại theo văn có thể biết.

- Kinh: “Như thể tướng đó cho đến mà đều được sum suê.”

- Tán: Đây là tụng dụ thứ tư nói không thể tự biết. Sự thấm nhuần của muôn vật có khác nhau, mặc dù đồng nhận một cơn mưa giáo pháp. Chúng sanh Tam thừa cuối cùng đều không thể tự biết công đức sở đắc của mình. Cho nên biết Tam thừa có sai khác. Trí tuệ sai khác, như ba cỏ, hai cây hấp thụ cơn mưa khác nhau.

- Kinh: “Phật cũng vậy cho đến sự chân thật của các pháp.”

- Tán: Trở xuống ba mươi sáu hàng rưỡi là tụng, về phần hợp nói trước. Văn chia làm hai: Hai hàng tụng đầu tụng hai hợp, kế là ba mươi hàng rưỡi tụng thọ lãnh mưa pháp của Tam thừa đều có khác nhau. Không tụng phần hợp thứ tư là không tự hay biết.

- Kinh: “Đức Đại thánh Thế tôn cho đến và Niết-bàn an vui.”

- Tán: Trở xuống ba mươi bốn hàng rưỡi tụng sự thấm nhuần đều khác. Phần Văn xuôi có bốn: Tụng nay chỉ nói ba:

1. Bốn hàng tụng rưỡi Phật tự tuyên bố nhóm họp.

2. Chín hàng tụng, Phật ứng dẫn dắt lợi ích chúng sanh.

3. Hai mươi mốt hàng tụng: Chúng sanh nghe được lợi ích. Chỉ không tụng phần người nghe pháp cùng đến. Trong bốn hàng đầu có hai:

a. Ba hàng rưỡi tụng nêu ra.

b. Một hàng tụng nhóm họp.

Tuy có chủng tánh mà chưa hề nghe pháp. Sự thiếu thốn pháp là gọi là khô héo.

- Kinh: “Các chúng trời người... ra mắt đấng Vô thượng”...

- Tán: Đây là lời nhóm họp.

- Kinh: “Ta là đấng Thế tôn cho đến giải thoát Niết-bàn.”

- Tán: Trở xuống chín hàng tụng. Phật ứng hiện dẫn dắt lợi ích chúng sanh. Trong đây có năm ý:

1. Hai hàng tụng Phật nói về thắng pháp.
2. Một hàng tụng vì nhân Đại thừa.
3. Hai hàng rưỡi tụng bình đẳng nói pháp.
4. Một hàng rưỡi tụng chuyên làm lợi ích.
5. Hai hàng tụng không lựa chọn tốt xấu.

Vị cam lộ chánh pháp, chữa hết mọi căn bệnh phiền não, nên dụ là cam lộ.

- Kinh: “Dùng một âm tiếng mầu... mà làm nhân duyên.”

- Tán: Làm nhân Đại thừa. Giả như nói nhị quyền cũng đều vì Nhất-thiết-chủng-trí của Đại thừa.

- Kinh: “Ta xem tất cả... lúc chúng đông cũng vậy.”

- Tán: Nói pháp bình đẳng. Vật ngã đã dứt nên không có kia đây. Yêu ghét đã dứt nên không có tâm oán thân. Không sẻn pháp nên ta không tham trước. Không ganh ghét nên cũng không chướng ngại. Cho nên dù một nhiều đều bình đẳng nói pháp. Đây cũng như ý kệ trước nói: “Nếu người tin về Phật”.

- Kinh: “Thường giảng nói pháp mầu cho đến như mưa thấm nhuần khắp.”

- Tán: Chuyên làm lợi ích. Đến đi, đứng, ngồi ba uy nghi của Phật là thị hiện. Đây lược không nói uy nghi nằm, là vì lúc làm lợi lạc. Hoặc đi là thị hiện nhập Niết-bàn, đến là thị hiện thành chánh giác. Ngồi có nghĩa là nói pháp lợi sanh. Đứng là đợi chúng sanh thuần thục căn cơ, quyết không sanh mỏi mệt lười biếng vì lòng từ bi thâm sâu.

- Kinh: “Sang hèn trên dưới cho đến mà không lười mỏi.”

- Tán: Không phân biệt tốt xấu. Không chọn chủng tánh giàu nghèo sang hèn, chỉ xem có gốc lành mà nói giáo.

- Kinh: “Tất cả chúng sanh cho đến trụ vào các địa.”

- Tán: Trở xuống hai mươi mốt hàng tụng nói về. Chúng sanh nghe pháp được lợi ích. Chia ra làm ba:

1. Chín hàng tụng rưỡi, tụng pháp dụ hợp nói, sự thấm nhuần có khác, tánh có sai khác.

2. Ba hàng rưỡi là tụng, pháp dụ hợp nói, sự thấm nhuận tốt tươi có khác nhau.

3. Tám hàng rưỡi tụng pháp dụ hợp nói, sự thấm nhuần thành ra hoa trái có khác nhau. Chín hàng rưỡi đầu có hai phần:

- Tám hàng tụng pháp.
- Một hàng rưỡi tụng dụ, có hai phần:

Trong tám hàng lại chia làm hai:

- Một hàng tụng nói chung.
- Bảy hàng tụng nói riêng.

Trụ ở các địa là Tam thừa, Thập địa, là Càn tuệ địa, Chủng tánh địa, Bát nhân dịa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa, Như-lai địa.

Tụng dưới là nói riêng về ba thứ cỏ. Trước đây nói Tam thừa cùng hành Thập địa. Hoặc phàm phu địa, Hữu học địa, Vô học địa, Bồ-tát địa, Như-lai địa. Hoặc nói địa trong Tam thừa. Tức là vô tánh, chủng tánh Nhị thừa và Đại thừa tánh, tùy theo kia mà phân lập ngôi vị, tức gọi là địa.

- Kinh: “Hoặc là chỗ trời người cho đến là cỏ thuốc bậc thượng” cho đến

- Tán: Trở xuống bảy hàng tụng riêng nêu. Có hai phần:

1. Bốn hàng tụng về ba thứ cỏ.
2. Ba hàng tụng hai thứ cây.

Bốn hàng đầu lại chia ba phần:

a. Một hàng tụng về cỏ nhỏ.
b. Hai hàng tụng về cỏ vừa.
c. Một hàng tụng về cỏ lớn.

Người không có chủng tánh cùng ưa vui với trời người thì gọi là cỏ nhỏ. Kinh Thiện giới nói: Người không có chủng tánh, chỉ lấy gốc lành cõi trời người mà thành thục. Hoặc bảy phương tiện cũng gọi là cỏ nhỏ. Nhị thừa gọi là cỏ vừa. Bồ-tát gọi là cỏ vừa, tức trong kinh Thắng-man gọi là hoa sen.

Chúng sanh không nghe điều phi pháp tức là cỏ thuốc nhỏ. Người Nhị thừa trung gian là cỏ thuốc vừa. Bồ-tát tức là cỏ thuốc lớn, đây là ba bệnh nhân theo nói trong kinh Niết-bàn.

- Kinh: “Lại có các Phật tử cho đến gọi đó là cây lớn.”

- Tán: Đây nói hai thứ cây. Một hàng rưỡi tụng nói cây nhỏ. Một hàng rưỡi tụng nói cây lớn.

Tức đối với cỏ lớn chia làm hai cây này. Địa tiền là cây nhỏ, đã

dứt nghi, quyết định biết là sẽ thành Phật.

Thập địa là cây lớn đắc hai lợi chứng Bất thối, cho nên không phải hạnh bất thối. Nghĩa y theo đây thì Nhị thừa chưa thành tựu quả Vô học cũng gọi là cỏ vừa.

Ba ý sanh thân căn cứ vào quyết định thì chỉ nói bậc Vô học hồi tâm về sau thọ sanh tử Biến dịch, ở ngôi vị quyết định, khác nhau như người Hữu học, nên ở đây không nói. Người chưa nhập Thánh vị, và người không có chủng tánh gọi là cỏ nhỏ. Y theo đây thì địa tiền không gọi là cây nhỏ. Nếu vậy thì lấy thuộc loại gì? Cho nên giải thích trước là tốt. Hoặc trước Thất địa gọi là cây nhỏ. Bát địa về sau gọi là cây lớn. Đây nói Bất thoái, hành Bất thoái. Tất cả các Bồ-tát gọi là cỏ lớn. Luận Trí độ nói: Như sấm chớp loài chim nhỏ nghe thảy đều kinh hãi, khổng tước nghe thì nhảy múa, nên gọi là cỏ lớn. Nhân giải thích phần vị của hai cây khác nhau mà trong kinh luận nói lý Bồ-đề chẳng phải y cứ một. Kinh Đại Bát-nhã quyển bảy mươi bốn nói có năm thứ Bồ-đề. Kinh Kim cương Bát-nhã nói: Thật sự không có tiểu pháp đắc quả Bồ-đề Phật. Nếu có tiểu pháp đắc quả Bồ-đề thì Phật Nhiên Đăng khi thọ ký cho ta đã có lời dạy: Mới phát tâm liền thành Chánh giác.

Kinh này nói tám trời cho đến một đời sẽ đắc Bồ-đề. Cũng có nói nói: Trải qua ba đại kiếp mới lên quả Chánh giác. Các luận Sư đối với nghĩa này điều nói khác nhau. Luận Du-già chép: Kiếp có hai thứ: 1. Tính theo số ngày tháng năm tức luận này nói ngày đêm tháng năm; 2. A-tăng-kỳ kiếp.

Các Bồ-tát có thể vượt là chỉ vượt ở kiếp trước mà không vượt kiếp sau. Y vào nghĩa này, nếu căn cứ ở vô vi chân như, vô tướng, thì thật sự không có tiểu pháp có thể đắc Bồ-đề. Vì tông chỉ Kinh Bát-nhã gọi là vô vi. Người Sơ địa phát tâm Bồ-đề liền chứng. Chứng phát tâm này chẳng phải như phát tâm chủng tánh, cũng đồng với kinh này. Bát sanh cho đến nhất sanh sẽ đắc. Hoặc trong kinh này căn cứ vào chứng phát tâm, luận giải là chứng đắc Sơ địa Bồ-đề, cho nên người mới phát tâm liền lên ngôi Chánh giác, đó là nhân chủng tánh phát tâm Bồ-đề.

Ba đại kiếp tu đắc Bồ-đề đó là Vô thượng Bồ-đề, quả mãn Bồ-đề trải qua đại kiếp tu hành, cũng không trái nhau. Quả Phật rộng lớn nhân nhỏ chẳng thể mà thành tựu. Hoặc còn tư duy khác trái với chánh đạo. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Phật khó thành tựu cho thọ ký mau. Nói Phật dễ thành, thì thọ ký cho chậm.

- Kinh: “Phật bình đẳng nói cho đến mà lãnh thọ đều khác.”

- Tán: Dụ này nói sự thấm nhuần có khác vì tánh khác.

- Kinh: "Phật dùng thí dụ này cho đến dần dần thêm sum suê".
- Tán: Ba hàng tụng rưỡi nói pháp dụ hợp nói, nhân thấm thuần sung túc đều khác. Gồm có:
- Một hàng tụng rưỡi dụ những điều Phật đã nói ít như một giọt nước của biển cả.
- Hai hàng tụng pháp dụ hợp nói nói nhân thấm nhuần tươi tốt khác nhau.
- Kinh: "Pháp của Chư Phật cho đến đều khắp được đầy đủ."
- Tán: Có tám hàng tụng, hợp nói về pháp dụ nói sự thấm thuần thành trái quả có khác. Đây có hai:
- Sáu hàng rưỡi tụng về pháp nói.
- Một hàng tụng rưỡi dụ nói.

Sáu hàng rưỡi đầu lại chia làm ba:
- Một hàng tụng nói chung khiến đắc quả viên mãn. Cũng là tụng riêng khiến quả của cỏ nhỏ viên mãn.
- Hai hàng tụng nói về cỏ vừa.
- Ba bài rưỡi nói cỏ lớn.

Thế gian được đầy đủ nghĩa là nói trời người đầy đủ.
- Kinh: "Dần dần tu hành cho đến mỗi mỗi đều thêm lớn."
- Tán: Nói về cỏ trung. Nhân từ cõi trời người, dần dần đắc đạo quả, nhị thừa viên mãn.
- Kinh: "Nếu các Bồ-tát cho đến mà được thêm lớn."
- Tán: Nói cỏ lớn. Cỏ lớn tức là hai cây. Một hàng tụng rưỡi nói về cây nhỏ. Hai bài sau nói về cây lớn.
- Kinh: "Như thế Ca-diếp cho đến đều được kết thành quả."
- Tán: Dụ đây hợp với thấm nhuần kết trái sung mãn ở trên.
- Kinh: "Ca-diếp nên biết cho đến Chư Phật cũng như vậy."
- Tán: Đây đoạn thứ hai tụng kết thành ở trước. Ta cũng như Chư Phật, đầu tiên nêu quyền sau mới nói pháp thật. Các thầy tín thọ thật là ít có.
- Kinh: "Nay vì các thầy cho đến đều sẽ thành Phật."
- Tán: Đoạn thứ ba là kết thành tựu, Thế tôn nói thật pháp để dần dần thọ ký cho chúng Thanh-văn. Nhân sở hành của Thanh-văn thành Phật còn rất xa, cho nên là đạo phương tiện sở hành của Bồ-tát. Luận chép: Sở hành của các thầy là Bồ-tát đạo. Nghĩa là phát tâm Bồ-đề, thoái rồi trở lại phát tâm. Việc tu hành trước kia, gốc lành không mất cũng đồng như sau đó đắc quả. Cho nên tu theo Nhị thừa là nhân phương tiện xa của Đại thừa, đó gọi là Bồ-tát đạo.

PHẨM THỌ KÝ

Chia làm ba môn.

1. Vì sao của phẩm này.
2. Sự khác nhau.
3. Giải thích tên phẩm.

I. Vì sao có hai:

1. Thượng căn như ngài Thu Tử nghe pháp thuyết mà được ngộ giải. Phật liền thọ ký cho. Bốn người căn tánh hạng trung nghe dụ nói thì mới hiểu. Cho nên Phật thọ ký.

2. Luận chép: Về ba thứ người không phiền não, nhiễm mạn cho nên nói ba bình đẳng. Đầu tiên là nói thừa bình đẳng nên được thọ ký. Trên đây Phật nói thể của thừa có sai khác. Do đó mà có hạng Vô học chấp thừa chắc chắn có khác, vì những người này mà Đức Phật cho thọ ký riêng, nên Phật nói các thừa đều bình đẳng. Do đó mà có phẩm này. Như phẩm thí dụ đã giải thích.

II. Sai khác là: Pháp có thể thọ ký có ba thứ:

1. Thể tánh là có.
2. Thù thắng có quả đương lai.
3. Người và lý đều cao quý nhân và quả đều lớn.

Thể tánh có là có thể được thọ ký, thể tánh không có thì không được thọ ký. Như mười bốn hạng người không được thọ ký. Lý sự vốn không có, nên không thể thọ ký.

Hỏi: Người có thể mới thọ ký cho họ. Kinh Hoa Nghiêm nói: Có thọ ký, không thọ ký thế nào?

Đáp: Phật không ghi nhận, cũng không trả lời. Phật nói: "Có" một Tỳ-kheo hỏi về tự tác tha tác của mười hai nhân duyên. Vô minh tự khởi là nghĩa từ vô thỉ gọi là tự tác. Lại từ tha khởi là nghĩa hữu thỉ, đó gọi là tha tác, Phật thường quở trách vị Tỳ-kheo này. Như người bị tên độc bắn thì chỉ nên tìm thầy thuốc nhổ ra, không nên chần chừ hỏi tên đó từ đâu bắn đến. Cho nên, người có thể tánh thì sẽ được thọ ký, người không có thể tánh không được thọ ký. Như các nhân cao siêu có quả đương lai, người này được thọ ký, không có nhân thù thắng thì không được, cũng như pháp thiện và pháp bất thiện.

Thành Duy Thức chép: Thọ ký là thiện ác. Có tự thể tốt đẹp và đương quả có thể thọ ký thì gọi là ký. Vô ký thì không như vậy, cho nên không thọ ký.

Người và lý tốt đẹp, nhân và quả đều lớn, được thọ ký. Ngược lại

thì không được thọ ký. Tức các kinh Ký biệt ghi việc sanh tử của đệ tử đó là nhân tốt, ghi nhận nghĩa sâu kín đó là lý cao siêu. Thọ ký sẽ thành Phật là đại nhân, đại quả. Cho nên, người và lý yếu kém, nhân và quả nhỏ bé không được thọ ký. Pháp này là Phật thọ ký cho loại thứ ba nhân và quả đều lớn, chẳng phải hoàn toàn ở hai thứ trước mà có một ít loại sau.

Lại việc thọ ký này có nhiều sai khác. Hoặc thọ ký một loại, là kinh Thọ ký trong mười hai phần giáo. Hoặc nói hai thứ như kinh Niết-bàn chép: Nếu có người nghe nói mà thuận theo ưa thích hội nhập mau được thành Phật. Hoặc người tâm sanh khinh thường thì Phật chậm thọ ký cho. Hoặc cho rằng Phật đạo khó đắc, thọ học siêng khổ lâu dài rồi sau đó mới thành. Hạng người Phật thọ ký cho mau.

Lại người có gốc lành thuần thục Phật thọ ký cho mau. Người gốc lành chưa thuần thục Phật thọ ký cho chậm, để nhàm chán sanh tử, muốn mau chứng quả Bồ-đề. Người trí tăng thượng Phật thọ ký cho mau. Người thích vào ra sanh tử hóa độ chúng sanh, lòng từ bi thêm lớn, Phật thọ ký cho chậm. Lại có hai thứ: Thọ ký chung và thọ ký riêng.

Trong luận Trí độ có ba thứ:

1. Tự mình biết, người khác không biết là tự lợi không phải lợi tha.

2. Người khác biết tự mình không biết là lợi tha.

3. Tự tha đều biết là thật hành nhị lợi.

Lại có bốn thứ như trên nói: Hoặc nói năm thứ như phần tự ký của Như-lai trong kinh này. Hoặc có sáu thứ như phẩm Thí dụ đã nói.

III. Giải thích tên gọi: Thọ nghĩa là nương theo, là cho, là giao phó. Ký là quyết định, là phân biệt, là nghiệm, là biết. Vì quyết rõ ràng sẽ có quả là phân tướng riêng của quả đương lai, cùng chứng nghiệm nhân đó được ghi nhận biết có quả đương lai, nên gọi là thọ ký. Phẩm này nêu lại các việc kia nên gọi là phẩm Thọ Ký.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến vô lượng đại pháp.”

- Tán: Phẩm này, văn lớn chia ra làm hai:

1. Vì bốn người hiện tiền Phật thọ ký cho riêng.

2. Cuối phẩm có hai hàng tụng rưỡi nêu sẽ thọ ký, làm lý do cho châu thứ ba. Phật nói phần đầu lại có hai: Trước thọ ký cho ngài Đại Ca-diếp, tiếp thọ ký cho ba Đại Thanh-văn cón lại.

Thọ ký cho ngài Đại Ca-diếp, văn lại chia làm hai: Văn xuôi và Kệ tụng. Trong phần Trường hàng lại có hai phần: Thọ ký nhân và Thọ ký quả.

Thọ ký nhân: Ngoài gặp duyên tốt, trong tu hạnh mầu, là ra mắt Đức Thế tôn. Như văn có thể biết vậy. Xét người thọ ký thượng hạ nên có bốn câu luận như sau.

1. Tiểu thừa thì không có hơn kém, còn Đại thừa thì có. Như ngũ bá đệ tử đồng là Vô học. Cho nên trong Tiểu thừa không có hơn kém. Trước sau thành Phật, chuyển dần được thọ ký, nên nói trong Đại thừa có hơn kém.

2. Trong Tiểu thừa có hơn kém, trong Đại thừa thì không. Như bậc học Vô học, thì Tiểu thừa học Vô học có khác. Đồng thời thành Phật cho nên Đại thừa không có hơn kém.

3. Tiểu thừa kém mà Đại thừa hơn. Như A-nan lúc tại học địa đắc quả Dự lưu, thành Phật trước La-hầu-la.

4. Tiểu thừa hơn mà Đại thừa kém: Như La-hầu-la là Vô học mà thành Phật sau A-nan.

Nay bốn hạng người này không y vào căn tánh, luận theo vị thứ thì Tiểu thừa không có hơn kém. Đồng là Vô học nên ở Đại thừa có hơn kém. Ngài Ca-diếp siêng tu trong ba trăm muôn ức Phật. Tu-bồ-đề kính thờ ba trăm muôn ức na-do-tha Phật. Ca-chiên-diên kính thờ tám ngàn ức Phật, sau kế hai muôn ức Phật. Ngài Đại Mục-kiền-liên kính thờ tám ngàn Chư Phật, sau gặp hai trăm muôn ức Phật. Các vị trên cúng dường Chư Phật nhiều ít khác nhau, nên biết thành Phật cũng có trước sau.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát y vào hạnh thứ tư cúng dường tám Hằng hà sa Phật. Nay nói Tiểu thừa là người tâm lui sụt không thích tu đại hạnh. Vả lại, xét ở một vị địa, gặp Phật nhiều ít mà được thọ ký, chẳng phải chỉ từng ấy, cũng không là sai. Nay y theo kinh Niết-bàn chép: Quả Tu-đà-hoàn tu tám muôn ức mới đến. Cho đến quả A-la-hán hai muôn kiếp mới đến. Dùng căn tánh đều nhau sự tu hành mau lâu tương tợ mà nói chứ không nói theo căn, hành khác nhau mà nói. Nay lấy căn, hành lợi độn mau chậm mà thành bốn câu luận trên. Nghĩa không như vậy thì thật là trái nhau.

- Kinh: "Nơi thân rốt sau cho đến Phật Thế tôn."

- Tán: Thọ kí quả, có bảy. Đây là nói tự thể thọ ký. Thấy ánh sáng mà sanh trí tuệ, nghe pháp nghĩa mà đạt được kim quang. Huống chi do nhân Tu-lâu mà kim quang tự trang sức. Cho nên gọi là Quang minh.

- Kinh: "Nước tên là Quang đức... hai mươi tiểu kiếp."

- Tán: Đây có ba:

- Tên nước: Lấy ánh sáng làm đức.

- Tên kiếp: Hành vi ác trang nghiêm.

- Tuổi thọ tuổi thọ.

- Kinh: “Cõi nước trang nghiêm cho đến khắp nơi thanh tịnh.”

- Tán: Trong nói bảy tướng của cõi nước: Các thứ tô điểm đủ loại, không dơ xấu, bằng phẳng, đất bằng báu, cây báu, dây vàng, rải hoa tốt đẹp.

- Kinh: “Các Bồ-tát ở đây cho đến đều che chở Phật pháp”.

- Tán: Trong đây có hai: Quyến thuộc và không có ma.

Tánh và hạnh của ngài Ca-diếp rất điều thuận, hạnh Đầu-đà, học giới, không kiêu mạn với người, không hoại điều thiện. Do đó dù cõi nước có ma cũng che chở Phật pháp.

- Kinh: “Bấy giờ Thế tôn cho đến sẽ được thành Phật”.

- Tán: Mười hai hàng tụng rưỡi, chia làm ba:

1. Một hàng rưỡi tụng Phật bảo đại chúng.

2. Mười hàng rưỡi tụng việc thọ ký.

3.. Nửa hàng tụng là kết. Đây là phần đầu

- Kinh: “Mà ở đời sau cho đến tuệ Vô thượng.”

- Tán: Ở đây trở xuống mười hàng rưỡi tụng thọ ký, chia làm hai:

1. Hai hàng rưỡi tụng về thọ ký nhân.

2. Tám hàng, tụng thọ ký quả.

- Kinh: “Ở nơi thân rốt sâu... không có những gò hầm cho đến”

- Tán: Đây thọ ký quả có bốn ý: Gồm tám hàng

1. Nửa hàng tụng về tự thể.

2. Ba hàng tụng về tướng đất.

3. Ba hàng tụng quyến thuộc.

4. Một hàng rưỡi tụng về tuổi thọ.

Ba hàng rưỡi này nêu tự thể và tướng cõi nước.

Tướng cõi nước ở tụng này lại có tám: Không có điều ác, đất báu, cây báu, dây vàng, hương thơm, hoa đẹp, báu trang nghiêm, đất bằng phẳng.

Tướng hương trong Văn xuôi không có. Nhân giới hương đầy đủ, nên quả có nhiều hương, muôn hạnh đầy đủ, tu hành trang nghiêm cũng đủ. Đây khác với văn xuôi .

- Kinh: “Các Bồ-tát cho đến không thể tính kể hết.”

- Tán: Ba hàng tụng về quyến thuộc, gồm có:

+ Một hàng rưỡi tụng về Bồ-tát.

+ Một hàng rưỡi tụng về Thanh-văn.

- Kinh: “Tuổi thọ của Phật này cho đến việc của Ngài như thế.”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng về tuổi thọ của Phật.

+ Một hàng tụng nói về tuổi thọ.

+ Nửa hàng là kết thúc.

- Kinh: “Bấy giờ cho đến mắt không tạm rời.”

- Tán: Là phần hai thọ ký cho ba vị đại Thanh-văn còn lại. Phần đầu thỉnh, phần sau là thọ ký. Phần thỉnh trước là Văn xuôi nói nghi thức thỉnh, sau kệ tụng mới là chánh thỉnh, đây là phần đầu. Chữ lật nghĩa là sợ hãi, là kính sợ. Vì tâm cầu quả thọ ký mà không dám chuyên y, lại sợ uy Phật, cho nên run sợ.

- Kinh: “Liền cùng đồng thanh cho đến trừ nóng được mát mẻ.”

- Tán: Trở xuống là bảy hàng tụng, chia làm ba:

1. Hai hàng tụng khen ngợi thỉnh Phật.
2. Bốn hàng tụng thí dụ thỉnh Phật.
3. Một hàng tụng kết thúc việc thỉnh Phật.

Đây là một hàng tán, một hàng thỉnh Phật.

- Kinh: “Như từ nước đói đến cho đến rồi mới dám ăn”.

- Tán: Nói về thí dụ thỉnh, bốn hàng chia làm hai: Một hàng rưỡi tụng về thí dụ, hai hàng rưỡi tụng thỉnh.

Tiểu thừa thiếu pháp Đại thừa cho nên nói từ nước đói đến. Nhất thừa của Phật gọi là cỗ tiệc của vua. Nay được nghe nên gọi là chợt gặp. Nghi mình không có phần, không dám tu hành nên nói là chưa dám ăn. Phật thọ ký cho gọi là được vua bảo ăn. Do được thọ ký mà sau đó lãnh nạp Đại thừa, tu đại hạnh, ưa thích được quả Phật gọi là mới dám ăn.

- Kinh: “Chúng con cũng như vậy cho đến mới là thật an vui.”

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng nói về thỉnh

Nghe giọng Phật nói lý Nhất thừa, nói chung rằng: Con sẽ thành Phật, như gặp bữa tiệc vua, chưa hề cầu mong được thọ ký, mặc dù được thọ lãnh việc tu hành rất vui sẽ thành Quả Phật. Đó gọi là chưa dám ăn. Mong được thọ ký riêng như mong được vua bảo ăn. Tức trông chờ tu hành, vui mừng sẽ thành Phật gọi là được ăn.

- Kinh: “Thế tôn đại hùng mạnh cho đến như đói được cho ăn.”

- Tán: Một hàng kết thỉnh.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến đầy đủ đạo Bồ-tát.”

- Tán: Thọ ký riêng cho ba người.

Văn này có hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi có hai: Thọ kí nhân và Thọ kí quả.

Đây là thọ ký nhân.

- Kinh: “Thân sau cùng cho đến Thế tôn.”

- Tán: Đây thọ ký quả có chín: Đây là tự thể thọ ký, hiểu rõ thể

tướng pháp là không chỉ có giả danh nên gọi là danh tướng. Hoặc hai nghĩa danh và tướng đều không gọi là Danh tướng. Danh là danh giả , tướng là hai thứ thọ, pháp là tướng giả.

- Kinh: "Kiếp tên là Hữu bảo cho đến thanh tịnh cùng khắp."

- Tán: Trong đây có ba: 1. Kiếp lấy lý không làm báu; 2. nước; 3. Tướng cõi.

Tướng cõi có năm: Mặt đất bằng phẳng, đất báu, cây báu, không dơ xấu, hoa sạch.

- Kinh: Nhân dân trong nước đó cho đến na-do-tha.

- Tán: Ở đây có hai ý:

Một là người dân ở đó, do bên trong đạt lý, ngoài cảm được các thứ châu báu, hai là quyến thuộc.

- Kinh: "Phật thọ... và chúng Thanh-văn."

- Tán: Đây có ba ý: Tuổi thọ Phật, Phật trụ hư không để giải thích không, lợi ích cho chúng.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến lắng nghe lời ta nói".

- Tán: Trở xuống mười hai hàng tụng, gồm có hai phần: Một hàng đầu tụng Phật bảo chúng Tỳ-kheo, mười một hàng sau tụng chánh lời Phật bảo. Trên là hàng tụng đầu.

- Kinh: "Đại đệ tử của ta cho đến giống như núi báu lớn" cho đến.

- Tán: Đây là phần chánh bảo, mười một hàng chia làm sáu:

1. Ba hàng tụng quả, nhân hợp lại thọ ký.
2. Một hàng rưỡi tụng về tướng cõi nước.
3. Ba hàng tụng về quyến thuộc.
4. Một hàng tụng về sự hóa độ của Phật.
5. Một hàng tụng về thính chúng.
6. Một hàng rưỡi tụng tuổi thọ.

Ba hàng đầu: Một hàng tụng danh hiệu, một hàng tụng về nhân và một hàng tụng về hình dáng.

- Kinh: "Cõi nước Phật đó cho đến độ vô lượng chúng."

- Tán: Một hàng rưỡi tụng về tướng cõi nước

- Kinh: "Trong pháp hội của Phật cho đến có uy đức lớn."

- Tán: Ba hàng tụng về quyến thuộc. Chia làm hai: Một hàng rưỡi tụng về Bồ-tát, một hàng rưỡi tụng về Thanh-văn.

- Kinh: "Đức Phật đó nói pháp cho đến nghe nhận lời Phật dạy."

- Tán: Một hàng tụng Phật hóa cho đến một hàng tụng thính chúng.

- Kinh: “Tuổi thọ của Phật đó cho đến hai mươi tiểu kiếp.”

- Tán: Ở đây nói về tuổi thọ.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến cung kính tôn trọng.”

- Tán: Đây là phần thọ ký cho ngài Ca-chiên-diên. Văn xuôi có hai. Y theo trước, đầu tiên là thọ ký nhân, trong đây chia làm hai phần: Sơ thời và hậu thời.

Sơ thời có hai: Phật tại thế và Phật diệt độ.

Đây là nói Phật tại thế.

- Kinh: “Sau khi Phật diệt độ cho đến cúng dường tháp miếu cho đến”

- Tán: Diệt độ có hai: Hợp thành, trước xây tháp dâng hoa, sau đó cúng dường.

Mai khôi là hỏa tề châu. Mạt hương như lấy tay chà sát thành mạt, đất nhuyễn thành mạt. Nay đã có dầu hương xoa thay thế.

- Kinh: “Sau thời kì đó cho đến đầy đủ Bồ-tát đạo.”

- Tán: Đây nói thời sau cúng dường Phật gặp được duyên lành rồi, mới đầy đủ đạo sở hành của Bồ-tát, tu hành tự bên trong.

- Kinh: “Sẽ được thành Phật cho đến Phật Thế tôn”.

- Tán: Thọ ký quả. Có sáu, đây là phần tự thể.

Ngài Ca-chiên-diên, ở thời quá khứ từng làm vị tăng quét sân. Nay thân thường tỏa ra sắc vàng, dung nghi khoan thai, mắt nhìn có ánh sáng, tai nghe pháp ánh sáng nên hiệu là Diêm phù Kim Quang. Thiệm-bộ Na-đề là tên cây. Cây này nằm bên bờ ao Vô Nhiệt của châu này. Có kinh nói ở bờ Bắc của châu này. Gần dưới cây có ánh sáng màu sắc tía tỏa sáng lấn át cả mặt trời, mặt trăng.

- Kinh: “Mặt đất bằng phẳng cho đến người thấy đều vui mừng.”

- Tán: Đây chỉ tướng một cõi nước. Có năm thứ: Bằng phẳng,đất báu, cây báu, dây vàng và hoa đẹp.

Ngài Ca-chiên-diên đoan chánh chúng sanh thấy đều vui mừng. Do nhân duyên quét đất, tướng cõi đất bên ngoài người thấy cũng vui mừng.

- Kinh: “Không có bốn đường ác cho đến hai mươi tiểu kiếp.”

- Tán: Trong đây có bốn ý: Không có đường ác, nhiều trời người, quyến thuộc và tuổi thọ của Phật.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến chân thật không khác cho đến”

- Tán: Trở xuống bảy hàng tụng chia làm hai:

1. Một hàng tụng là nêu bảo, sáu hàng là chánh bảo.

2. Đây là nêu bảo.

- Kinh: “Ngài Ca-chiên-diên cho đến cúng dường xá-lợi cho đến”

- Tán: Thọ ký có hai: Hai hàng đầu tụng nói về thọ ký nhân, bốn hàng sau tụng nói về thọ ký quả.

Đây là tụng về thọ ký nhân.

- Kinh: “Thân rốt sau của ông cho đến thường đến kính cúng dường.

- Tán: Bốn hàng tụng về thọ ký quả.

Một hàng tụng đầu về tướng cõi.

Một hàng kế tụng về ruộng phước.

- Kinh: “Ánh quang của Phật cho đến trang nghiêm cõi nước.”

- Tán: Hai hàng tụng nói trong phần thọ ký quả:

Một hàng tụng nói về tự thể.

Một hàng tụng nói về quyến thuộc.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến cung kính tôn trọng.”

- Tán: Phần thọ ký cho ngài Mục-kiền-liên. Đoạn này trong văn cũng đồng như trước. Thọ ký nhân cũng có hai: Sơ thời và Hậu thời.

Sơ thời có hai: Phật tại thế và sau khi Phật diệt độ.

Trên là phần nói về Phật tại thế.

- Kinh: “Chư Phật sau khi diệt độ cho đến dùng để cúng dường.”

- Tán: Sau khi diệt độ có hai: Xây tháp và cúng dường.

- Kinh: “Sau lúc ấy cho đến cũng như trước”.

- Tán: Đây nói nhân hậu thời.

- Kinh: “Sẽ được thành Phật cho đến Thế tôn.”

- Tán: Đây là phần thọ ký quả có bảy. Đây là phần tự thể.

Đa-ma-la-bạt chiên-đàn hương: Đa nghĩa là tánh.

A-ma-la nghĩa là Vô cấu. Đây lược bỏ chữ A. Bạt-đà-la nghĩa là Hiền. Lược gọi chung là: Phật Tánh vô cấu hiền chiên-đàn hương vì ngài Mục-kiền-liên phiền não nhẹ nhàng nên gọi là Vô cấu, nhân đức như hương có thể huân tập nên gọi là Phật hiền chiên-đàn hương.

- Kinh: “Kiếp tên là Hỷ mãn cho đến người thấy đều vui mừng.”

- Tán: Trong đây có ba phần: Tên kiếp, tên nước và tướng cõi nước.

Tướng cõi nước có bốn: Bằng phẳng, đất báu, cây báu, hoa châu báu.

- Kinh: “Nhiều chúng trời người cho đến bốn mươi tiểu kiếp.”

- Tán: Trong đây nói ba ý: Nhiều đường lành, quyến thuộc và tuổi

thọ.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến vâng giữ Phật pháp.” cho đến

- Tán: Tụng thọ ký trở xuống mười hàng chia làm hai:

1. Năm hàng tụng về thọ ký nhân.

2. Năm hàng tụng về thọ ký quả.

Trong phần thọ ký nhân lại chia làm hai:

a. Ba hàng đầu tụng Phật tại thế.

b. Hai hàng kế tụng về sau khi Phật diệt độ.

Đây là nói phần đầu, gồm có:

a.1. Một hàng rưỡi tụng gặp duyên lành.

a.2. Một hàng rưỡi tụng về tu pháp Hạnh mầu.

- Kinh: “Chư Phật sau khi diệt độ cho đến Bồ-tát đạo đã xong.”

Trường là tiêu biểu cho cõi vàng, dùng vàng làm cõi. Tiếng Phạm là Chế-đa-la. Ở nước kia không phân biệt là tràng phan và sao. Tức ở nơi bát che bát, đầu trụ treo phan. Nay dịch chữ sát là âm thanh là sai. Vì có sự tiêu biểu nên gọi là trường biểu.

- Kinh: “Ở cõi nước Ý lạc cho đến giảng nói Phật đạo.”

- Tán: Năm hàng tụng thọ ký quả. Tụng sáu ý ở đây có bốn: Tên nước, tuổi thọ của Phật và đường lành.

- Kinh: “Thanh-văn vô lượng cho đến tượng pháp cũng vậy.”

- Tán: Đây nói hai ý: Quyến thuộc và thời gian pháp trụ.

- Kinh: “Chúng đệ tử của ta cho đến đều được thành Phật.” cho đến

- Tán: Đoạn thứ hai cuối phẩm nói sẽ được thọ ký là lý do dẫn đến châu thứ ba nói pháp. Trong đây chia hai:

1. Một hàng rưỡi nói sẽ được thọ ký.

2. Một hàng tụng về Phật hứa nói pháp.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Ta và các thầy cho đến các thầy khéo lắng nghe.”

- Tán: Đây là Phật hứa nói pháp, khuyên bảo tâm chúng đệ tử, nên lắng nghe pháp.

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7
(PHẦN CUỐI)

PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải Thích-các chướng nạn.

I. Vì sao có phẩm này có bốn:

1. Hàng thượng căn, trung căn nghe pháp mà được thọ ký, người hạ căn chưa hiểu rõ, nên Phật kế nói họ ở đời quá khứ đã có kết duyên với Đại thừa, và nói về thí dụ hóa thành như tiểu quả ở hiện tại. Nêu lại nhân duyên đã qua giúp cho chứng thật, thuật lại quả đời nay khiến cho bỏ pháp quyền. Khi đã tỏ ngộ hiểu biết mới có thể thọ ký. Do đó mà có phẩm này.

2. Luận giải để đối trị hạng chúng sanh có đủ bảy thứ tánh phiền não. Trong bảy thứ Tăng thượng mạn, loại thứ tư là người có định chấp. Tức là Tăng thượng mạn thật không có mà cho là có. Vì có pháp Tam-muội Tam-bạt-đà ở thế gian. Thật không có Niết-bàn mà nghĩ gì có Niết-bàn. Để đối trị hạng này, nên Phật nói Hóa thành dụ.

Lại nói loại người thứ tư phương tiện vào thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn đó là thành của các thiền Tam-muội. Vượt qua thành kia rồi khiến cho vào thành đại Niết-bàn. Cho nên người có định là kia đã đắc định, là người phàm phu Hữu học. Nay nói việc quá khứ là để cho nhớ lại. Mạn được khởi đây hoặc là phân biệt của Cõi Dục, hoặc phiền não ở cõi trên. Thành Tam-muội la nơi mà phàm phu Hữu học chuyên tâm mong cầu tức mong được thân Vô học Tận Vô sanh trí. Sau khi thiền định thế gian đã chuyển biến thành giải thoát, lìa năng biến thì không

gọi là Tam-muội. Định hữu lậu này gọi là thế gian định. Ý trong đây nói Phật nói ba việc gọi là Đại bát Niết-bàn. 1. Tam thừa đồng được trạch diệt giải thoát, tức là đối với đạo Vô học giải thoát chứng được lý sanh không. Do đây mà sau đó hoặc khổ không còn sanh ra nữa thì gọi là giải thoát. Phật gọi giải thoát này là hóa thành. 2. Chứng trí sanh không là gọi là tam nhập. Vì để dứt hết các khổ hoặc nên nói phương tiện vào thành Niết-bàn. Sau đó đi tiếp đến Đảo châu báu mới thật đến thành Đại Niết-bàn. 3. Trí gia hạnh của Nhị thừa cầu biến chuyển tướng này, chánh chứng giải thoát đạo Vô học đều không có các tưởng phân biệt. Sau khi xuất đạo giải thoát, tâm định thế gian duyên lại để đắc, vì tâm thô nên không biết pháp sở chứng, chỉ thấy có tướng trạng Niết-bàn giải thoát mà trí gia hạnh đã cầu. Đó gọi là Niết-bàn, cho rằng có thật diệt. Há đây chẳng phải là tạm giải thoát, là thế gian định hay sao Cho nên nói vì có Tam-muội thế gian, thật không có Niết-bàn mà nghĩ bà có Niết-bàn. Phàm phu Hữu học nghe giải thoát giả này, không biết cho là thật Niết-bàn, khởi tâm chấp chặc, tác ý mong đến, cho nên nay phá trừ. Nói sở chứng của họ cũng như hóa thành không có thật, không nên mong cầu, huống chi chỉ là tạm biến chuyển của Vô học. Như người Nhị thừa khởi ra bốn điên đảo: Chánh trí chứng sanh không còn chưa khởi chấp, sau khi quán các hành tướng chánh trí trước. Không tự thân đắc, do thấy các hành tướng mong cầu của gia hạnh , bèn cho là thật, khởi lên bốn đảo. Đây cũng như vậy. Chẳng phải tâm vô lậu và định thế gian đều là pháp chấp, mà khi vượt khỏi tâm kia mới khởi chấp. Đây là nghĩa của ngài Hộ pháp, hoặc Sư An Tuệ. Tức ở vị Vô học giải thoát các tâm vô lậu, định tâm thế gian, đều có pháp chấp. Sở chứng trạch diệt đều gọi là hóa thành, người khác mong cầu theo lí đều là Tăng thượng mạn. Luận nói đó là do chúng sanh có tánh phiền não đầy đủ khởi tưởng, nên chẳng phải là Vô học. Lại có giải thích: Đây là chỗ chấp của phàm phu thế gian và chứng đắc Tam-ma-bạt-đề, của thế gian. Sở đắc sáu hạnh giả phi trạch diệt cho là chân Niết-bàn. Phật nói Nhị thừa, Vô học đắc trạch diệt Niết-bàn chỉ là phương tiện khiến vào. Cũng như hóa thành giữa đường dứt khổ, mong hướng đến Đảo châu báu, còn chẳng phải thật diệt độ. Huống chi phàm phu các thầy chỉ đắc pháp Tam-muội thế gian mà chấp là thật diệt độ hay sao? Người Hữu học không khởi lên chấp này, phàm phu thì có. Như dưới nói: Đấng đạo sư, biết không mỏi mệt liền diệt mất hóa thành. Nói trước đó là thành do ta hóa ra. Nói hóa ra thành, diệt mất thành là để phá Nhị thừa chấp Niết-bàn như ngôi thành thật có vì diệt phàm phu, chấp thành là thật. Cho nên trong đây

cũng nên như giải thích của ngài hộ pháp.

3. Trong mười nghĩa Vô thượng, thứ hai là hiện hạnh Vô thượng. Cho nên nói "Bổn sự của Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai". Bồ-đề Đại thừa khó đắc, hạnh cũng khó thành, chẳng phải như Bồ-đề Nhị thừa mau đắc quả, hạnh cũng dễ tu. Cho nên nói Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai mười kiếp ngồi Đạo tràng, mới đắc Bồ-đề sự. Đây trong văn còn lại nói về việc xưa. Hoặc nói việc của Phật Đại Thông. Nói tự thân của Phật lúc ấy tu hành vì mười sáu vị vương tử rồi mới đắc Bồ-đề. Lại các Thanh-văn lúc ấy phát tâm đến nay mới thành thục nhân, hạnh lớn chẳng phải là bất chợt tu mà thành, đó là hạnh Vô thượng. Không nói hạnh của Phật Đại thông, tức sắc nói nay phải nói xưa. Tuy lấy quả đời nay làm tên phẩm, mà nhân cũng ở trong đó, cho nên có phẩm này.

4. Trong mười Vô thượng, thứ ba là thị hiện lực thêm lớn Vô thượng. Cho nên nói thí dụ người dẫn đầu đoàn người đi buôn. Trước nói hóa thành biết không có thật diệt chưa nói thương chủ có thể dẫn thương nhân đến Quả Phật Đảo châu báu. Nay đây nói việc đó nên có phẩm này. Đây chính là nghĩa còn lại, không phải văn còn lại.

II. Giải thích danh: An thần chế ngự giặc thì gọi là thành. Vốn không mà có gọi là hóa. Chế ngự giặc là dứt mỏi mệt sanh tử. An thần là chứng vui vắng lặng. Cho nên dụ ở thành. Phật giả quyền lập bày gọi là hóa. Thành tức là hóa nên gọi là hóa thành, nay là dụ và pháp. Phẩm này nói rộng dụ này gọi là Phẩm Hóa Thành dụ.

III. Giải đáp chướng nạn.

Hỏi: Đều phẩm này nói có hai nghĩa:

1. Nói việc đời trước của Đức Đại Thông tức là hành Vô thượng.

2. Nói sự hóa thành bây giờ, tức là lực thêm lớn Vô thượng. Vì sao chỉ lấy hóa thành làm tên, không lấy Phật sự làm tên?

Đáp: Phật nói giáo vốn là trừ bệnh cho chúng sanh, bệnh sanh có, vốn không có mà có là do tăng thượng mạn, chấp phi trạch diệt là thật. Nay nói trạch diệt là hóa là để trừ tâm đó, xả trừ quyền tạm mà tiến đến đảo châu báu, cho nên lấy hóa thành làm tên phẩm, không lấy Phật sự làm phẩm. Như chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Vãng cổ, nghĩa là nói lên Phật quá khứ đã giáo hóa chúng sanh phát tâm Đại thừa. Khiến cho họ nhớ lại, để làm nhân thành thục cho hiện tại, mà nay so với ý đó là dẫn nhập Đại thừa chẳng phải là phá bệnh, cho nên kinh này không lấy vãng cổ làm tên phẩm. Lại quả hóa thành nay hiện được. Việc của Phật Đại Thông ở nhân xưa. Vì hiển quả làm tên phẩm mà không dùng ẩn nhân làm tên phẩm, cũng không sai.

- Kinh: "Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến A-tăng-kỳ kiếp.

- Tán: Châu thứ ba nói cho chúng hạ căn.

Y theo như hai chu trước, ở đây cũng chia làm bốn đoạn:

1. Phẩm này, Phật dùng thí dụ làm chánh hóa.

2. Phẩm cuối này, tức đầu phẩm sau (Ngũ bách đệ tử thọ ký) nói ngài Mãn Từ Tử lãnh ngộ.

3. Túc trong phẩm Ngũ bách đệ tử thọ ký, từ câu "Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy thấy Mãn Từ Tử đây chăng?.v..." trở xuống là Phật thuật lại sự thành tựu.

4. Từ câu: "Các Tỳ-kheo! Phú-lâu-na này cũng là bậc nhất trong các vị nói pháp thuở bảy Đức Phật" trở xuống: Phật thọ ký cho.

Đoạn văn đầu chia làm hai phần: Đầu tiên nói nhân duyên đời trước, khiến nhớ lại đã lui sụt Đại thừa, thành tựu Tiểu thừa. Sau từ câu: "Các Tỳ-kheo! Nếu đức Như-lai tự biết giờ Niết-bàn sắp đến, chúng lại thanh tịnh" v.v... trở xuống là nói lên quả nay, để biết bỏ quyền, lấy thật.

a. Nói về túc nhân. Khiến cho nhớ lại lui sụt Đại thừa mà tu tiểu quả.

b. Các Tỳ-kheo! Như-lai tự biết đã đến lúc nhập Niết-bàn cho đến. Đầu tiên là nói nhân duyên xưa, để đại chúng thấu đạt việc đã tu đại trước kia lui sụt trụ ở tiểu quả. Nói theo quả thì gọi là hành Vô thượng, nói về bổn sự của Đại Thông Như-lai, sau đó thuật lại quả đắc hiện nay. Luận gọi là phá người có định. Tăng thượng mạn chấp không là có. Lại vì thị hiện lực thêm lớn Vô thượng, cho nên có dụ người đi buôn. Nói đầu tiên đã phát đại tâm khiến nay giữ lấy đại quả. Kế nói quả sau là hóa khiến cho bỏ tiểu qua, do đây mà chia làm hai: Văn đầu có hai:

b.1. Nói nhân duyên quá khứ kết hội ở việc tự thân của Phật.

b.2. "Các Tỳ-kheo... Lúc chúng ta làm Sa-di, mỗi người giáo hóa v.v..." là quá khứ kết duyên, hội việc của đệ tử. Ý này nói chung về quá khứ từng hóa độ kết duyên Đại thừa khiến cho sanh tín hiểu.

Văn nói nhân duyên quá khứ lại chia làm hai:

1. Văn xuôi, một kệ tụng nói Đức Đại Thông Phật xưa nay, xa gần.

2. Phật bảo các Tỳ-kheo: "Tuổi thọ của Phật Đại Thông Trí Thắng v.v..." trở xuống việc là nói về việc ấy.

Phần văn xuôi có hai:

1. Nói việc lâu xa của Đức Phật kia.

2. Nói những việc đã thấy.

Phần một lại có hai: Bảo chúng và hỏi đáp.

Phần bảo chúng có bốn điều: Thời, Danh, Nước và Kiếp.

Ở đây nói phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ có Phật cho đến kiếp tên là Đại Tướng."

- Tán: Đây là nói ba việc sau.

- Kinh: "Các Tỳ-kheo cho đến chấm hết mực bằng địa chủng ở trên.

- Tán: Đây trở xuống là hỏi đáp có ba phần hỏi, đáp và nói việc rất lâu xa.

Trong hỏi có hai phần: So sánh lượng và hỏi.

Đây là phần một.

- Kinh: "Ý các thầy nghĩ sao? Cho đến thưa Thế tôn! Không thể biết".

- Tán: Đây là hỏi và đáp.

- Kinh: "Các Tỳ-kheo cho đến a-tăng-kỳ kiếp."

- Tán: Đây nói việc lâu mau.

Với tất cả cõi nước nhiều như cát bụi, lấy những cõi đã qua như cát bụi đều có chấm mực, hoặc không có chấm mực, nghiền thành bụi nhỏ. cứ một hạt bụi tính là một kiếp. Từ khi Phật đó diệt độ đến nay còn nhiều hơn số kiếp đó. nghiền nát là lấy tay mài thành.

- Kinh: "Ta dùng sức tri kiến của Như-lai cho đến giống như ngày nay."

- Tán: Đây là nói Phật đã có thể thấy, tức dùng túc mạng trí, tuệ nhãn thấy.

Hỏi: Đức Thích-ca tu hành không vượt qua ba tăng-kỳ. Vì sao trần kiếp lại quá nhiều, lúc ấy Phật còn xưng là Vương tử.

Đáp: Có bốn vì sao:

1. Vì sao bình đẳng: Nghĩa là Phật bảo: Ta lúc ấy từng gọi là Thắng Quan, tức pháp thân bình đẳng.

2. Vì sao Biệt thời: Nghĩa là nguyện sanh Cực Lạc đều được vãng sanh. Tạm nghe danh hiệu của Phật Vô Cấu Nguyệt Quang thì chắc chắn đối với pháp Bồ-đề không lui sụt.

3. Biệt nghĩa: Nói các pháp đều không có tự tánh, không có sanh diệt, xưa nay Niết-bàn.

4. Ý chúng sanh ưa thích: Nghĩa là một gốc lành hoặc khen hoặc chê đều giúp cho tăng tiến. Nay nương vào ý thú bình đẳng mà nói các Phật sự khác. Tức thân ta bình đẳng với tất cả. Nếu không như vậy thì

sao nói từng ấy kiếp số? Lại thiện tâm nối tiếp đầy đủ ba kỳ kiếp các tâm nói chung này có chướng ngại? Kiếp số từng ấy là ở thời Đức Phật kia còn làm vương tử. Lại y vào năm tháng thời gian tức đâu có chướng ngại tự thân của Phật Thích-ca trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp?

- Kinh "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hiệu Đại Thông Trí Thắng."

- Tán: Trở xuống bảy hàng tụng chia làm hai: Năm hàng đầu tụng thời gian rất lâu xa. Hai hàng sau tụng Phật năng thấy. Năm hàng lại chia làm hai:

1. Một hàng tụng danh hiệu Phật.

2. Bốn hàng tụng nói về kiếp số.

Đây là phần một.

- Kinh: "Như người dùng sức mài cho đến vô lượng kiếp như thế".

- Tán: Đây là nói về kiếp số.

- Kinh: "Trí Như-lai vô ngại cho đến thông đạt vô lượng kiếp."

- Tán: Tụng Phật năng thấy.

- Kinh: "Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến na-do-tha kiếp."

- Tán: Đoạn thứ hai chánh nói về việc Đức Phật kia. Trở xuống dưới là văn xuôi rồi tụng.

Đầu tiên hội các việc của tự thân. Văn này nói bốn ý lớn

1. Phật thành đạo, tuổi thọ.

2. Khi Phật chưa xuất gia có mười sáu vị vương tử cho đến nói Phật xoay bánh xe pháp.

3. "Bấy giờ mười sáu vương tử đều là đồng tử xuất gia" cho đến, nói các vương tử nối tiếp đèn pháp

4. Các Tỳ-kheo! Nay Ta nói với các thầy: Mười sáu Sa-di đệ tử của Đức Phật kia" cho đến hội thành Phật nay Văn đầu có ba:

a. Nói tuổi thọ của Phật.

b. Pháp khó đắc.

c. Nói việc đắc đạo.

Đây là phần đầu.

- Kinh: "Phật xưa ngồi đại Đạo tràng cho đến chẳng hiện ra trước."

- Tán: Nói pháp khó đắc. Có bốn:

1. Không hiện tiền.

2. Các vị trời trải tòa.

3. Rải hoa đẹp.

4. Tấu nhạc.

Ở đây là phần đầu.

Báo thân thành đạo theo lí là rất khó, hóa thân thành đạo đâu ngại gì hiện hóa? Nay báo thân Phật kia lại cùng thị hiện tướng khởi.

Luận chép: Ở đây muốn nói đạo Bồ-đề khó đắc. Theo kinh Hoa Nghiêm nói mười việc, cho nên nói ngồi ở đạo tràng, bắt đầu rung chuyển tất cả cõi Phật, cho đến gốc lành của mình đều thọ trì tất cả chúng sanh. Cho nên ngồi Đạo tràng, phá trừ ma quân cũng có mười nghĩa. Bắt đầu từ cõi đời có năm thứ vẩn đục, chúng sanh tương phạt lẫn nhau là muốn hiển rõ công đức lực của Bồ-tát. Cho đếm thuận theo chúng sanh ở cõi đời năm thứ vẩn đục, mà thị hiện ra để hàng phục ma. Không như vậy. Vì sao? Vì ma oán làm sao có thắng lực để cạnh tranh với Phật, Bồ-tát?

Lại Phật Thích-ca khi phá trừ ma quân các bộ nói khác nhau. Có nói nói đạo rồi mới phá ma quân. Kinh Niết-bàn cũng nói như vậy. Có nói nói phá ma quân mới thành đạo. Văn kinh hiện có hai nói này. Ở đây nói Phật phá ma quân rồi mới thành đạo. Việc này không chắc chắn, tùy theo sự thị hiện. Lại nói Phật Di-lặc trong ngày xuất gia liền thành Phật. Kinh nói: Phật Thích-ca trước khổ hạnh sáu năm, nay Phật này thành đạo ngồi suốt mười kiếp. Đều là thị hiện tướng khác nhau, không thể một lí do nào chắc chắn.

- Kinh: “Bấy giờ ở cung trời Đao-lợi cho đến Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

- Tán: Nói về trải tòa.

Kinh Bát-nhã Thắng Thiên Vương chép: Mỗi vị trời đều dâng Phật một tòa. Phật đều thọ nhận để ngồi tu chứng đạo Bồ-đề nên dùng thần lực hợp lại thành một tòa khiến các vị trời đều chỉ thấy Phật ngồi vào tòa mình để tu chứng quả Bồ-đề phát tâm vui mừng, không thấy các tòa ngồi khác. Cho nên đây cũng nói các vị trời làm tòa, chẳng phải cùng làm ra một tòa.

- Kinh: “Lúc ngồi vào tòa này cho đến thường rải hoa này như mưa.”

- Tán: Nói rải hoa, hoa nhiều như núi Tu-di: Nên biết đó là thân Tha thọ dụng.

- Kinh: Các trời tứ thiên vương cho đến cũng giống như vậy.”

- Tán: Nói tấu nhạc. Trong văn kính thường nói trổi âm nhạc để cúng dường.

- Kinh: “Các Tỳ-kheo cho đến Tam-bồ-đề.”

- Tán: Nói Phật đắc đạo.

- Kinh: “Phật lúc chưa xuất gia... gọi là Tri Tích.”

- Tán: Ý lớn thứ hai Phật xoay bánh xe pháp. Ở đây có hai:

- Cúng dường thỉnh chuyển.

- “Bấy giờ Đại Thông Trí Thắng Như-lai,”... thọ lời thỉnh của các Phạm Thiên mười phương cúng dường. Trở xuống là nói Phật hứa vì xoay bánh xe pháp. Thỉnh chuyển có hai phần: một là mười sáu vị vương tử cúng dường Phật thỉnh xoay bánh xe pháp. Hai là Phạm Thiên vương thỉnh. Thân tộc thì hiện tiền, không thân tộc thì không hiện tiền. Văn đầu nói hai ý: Đến chỗ Phật và lễ tán.

Đến chỗ Phật có năm ý: Là con Phật, đến lễ Phật, mẹ tiễn đưa, nội tiễn đưa.

Đây là phần đầu.

Thân Tha thọ dụng thì có cha mẹ v.v...

Kinh Cổ Âm Vương chép: Phật A-di-đà có cha tên là Nguyệt Thượng, mẹ là Thù Thắng, dung mạo rất tốt đẹp có con, có ma, hóa thất địa trở xuống có sanh tử phần đoạn, có cha mẹ. Hóa Bát địa trở lên có sanh tử Biến dịch , theo lý không có pháp này. Thân Tha thọ dụng cùng xuất hiện với kim luân. Đây là nội tổ của Phật làm vua Chuyển luân.

- Kinh: “Các con đều có cho đến đi đến chỗ Phật.”

- Tán: Đến chỗ Phật.

- Kinh: “Các người mẹ khóc lóc cho đến đi theo đến Đạo tràng.”

- Tán: Phần ba: Mẹ đưa và nội tiễn đi.

Khóc lóc là mắt ra nước mắt gọi là thế, khóc không ra tiếng gọi là khấp.

- Kinh: “Đều muốn gần gũi cho đến tôn trọng khen ngợi.”

- Tán: Ý đến Phật.

- Kinh: “Đến rồi đầu mặt đảnh lễ cho đến Thiện tai! Bậc Vô thượng tốt lành”.

- Tán: Nói lễ tán. Có hai phần:

1. Thân lễ.

2. Miệng khen.

Tám hàng tụng dưới chia làm ba:

1. Một hàng tụng rưỡi: Khen ngợi Chư Phật, nguyện đầy đủ thắng đức.

2. Hai hàng tụng khen ngợi Phật tu nhân thắng đức.

3. Bốn hàng tụng rưỡi: Giải bày ý quy y, lễ bái.

Đây là phần một. Cát là cát tường, là đầy đủ việc lành.

- Kinh: "Thế tôn thật ít có cho đến an trú pháp vô lậu."

- Tán: Khen ngợi Phật tu nhân thắng đức.

Một phen ngồi mười tiểu kiếp, theo: Kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ ngồi.

1. Vua Chuyển luân ngồi cùng thập thiện.

2. Tứ Thiên vương, ngồi muốn trong tất cả thế giới chánh pháp Chư Phật tu hành tự tại.

3. Đế Thích: Ngồi tự tại đối với tất cả hành của chúng sanh.

4. Phạm thiên vương ngồi mà tâm mình tâm người đều được tự tại.

5. Sư tử ngồi: Phân biệt giảng nói nghĩa sâu xa.

6. Chánh pháp ngồi: Muốn nói pháp tổng trì, các năng lực biện tài.

7. Vững chắc Tam-muội ngồi: Rốt ráo Đại Bồ-đề.

8. Đại từ ngồi: Khiến cho người tâm ác vui mừng.

9. Đại bi ngồi: Có thể nhẫn tất cả các khổ não.

10. Kim cương ngồi: Hàng phục chúng ma, ngoại đạo.

Ở đây là nói Tam-muội vững chắc, ngồi kim cương. Yên tĩnh là thân định. Tâm đạm bạc là chỉ cho tâm định. Đạm bạc trong Nói văn là chỉ sự an tịnh. Nghĩa là đạm bạc an vui.

- Kinh: "Nay thấy Đức Thế tôn cho đến vui mừng đại vui mừng."

- Tán: Bốn hàng tụng rưỡi: Ý giải bày quy y, lễ Phật. Có hai:

1. Một hàng tụng nói Phật đắc đạo, chúng con được lợi ích.

2. Ba hàng tụng rưỡi là: Giải thích lý do.

Trên là nói Phật đắc đạo.

- Kinh: "Chúng sanh thường khổ não cho đến mãi chẳng nghe danh hiệu Phật."

- Tán: Giải thích lý do. Có hai:

1. Hai hàng tụng đầu nói các chúng sanh không gần gũi bạn lành, luân hồi chịu khổ.

2. Một hàng rưỡi tụng được lợi ích nên quy y đảnh lễ.

Hai hàng đầu: "Thường khổ là khổ đế, mê mờ là tập đế. Không biết khổ hết là đạo đế, không cầu giải thoát là diệt đế. Đối với bốn đế này đều không thể biết. Chúng trời bị tổn giảm, từ tối vào tối không nghe danh hiệu Phật." Minh là tối, minh là ban đêm, là tối tăm, tối tăm che mắt người, làm cho không thể thấy.

- Kinh: "Nay Phật đắc tối thượng cho đến quy mạng đấng Vô thượng".

- Tán: Được lợi ích nên quy y, lễ kính.

- Kinh: "Bấy giờ mười sáu vị vương tử cho đến các trời và người thế gian."

- Tán: Đây là phần hai: Thỉnh xoay bánh xe pháp. Gồm có: Văn xuôi và Kế tụng.

Văn xuôi. Nói về sự an ổn và tâm thương xót cứu khổ của Phật.

- Kinh: Giảng nói lại kệ rằng "cho đến nguyện vì thế gian nói."

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng rưỡi chia làm ba:

1. Một hàng tụng: Nói đức trong ngoài của Phật đều đầy đủ, nên cầu thỉnh.

2. Một hàng rưỡi tụng: Có lợi ích lớn nên thỉnh.

3. Hai hàng tụng sau: Nói Phật biết thông suốt nên cầu thỉnh.

Đây là phần đầu.

- Kinh: "Độ thoát cho chúng con cho đến chúng sanh cũng như vậy."

- Tán: Có lợi ích lớn nên thỉnh.

- Kinh: "Thế tôn biết chúng sanh cho đến thường chuyển luân Vô thượng."

- Tán: Vì Phật biết thông suốt cho nên thỉnh. Biết này có năm thứ:

1. Sở niệm tức là Dục lạc, thắng giải.

2. Sở hành đạo tức Biến thú hành.

3. Lực trí tuệ tức là căn thắng liệt.

4. Túc mạng tức là Túc trú lực.

5. Nghiệp tức tự nghiệp trí lực.

Dục lạc tức là sở niệm. Tu phước tức là nghiệp, đây lược nêu ở đây nhiếp cả ngũ lực còn lại.

- Kinh: "Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến sáu thứ rung chuyển."

- Tán: Phạm thiên cúng dường, thỉnh Xoay bánh xe pháp. Có hai:

1. Thần quang động chiếu.

2. Cúng dường thỉnh chuyển.

Văn đầu có ba ý:

1. Rung chuyển thế giới mười phương .

2. Ánh sáng chiếu sáng chốn tối tăm.

3. Ánh sáng chiếu động cõi Phạm cung.

Đây là phần đầu.

- Kinh: "Trong cõi nước đó v bỗng sanh ra chúng sanh."

- Tán: Chiếu sáng nơi tối tăm. Tức trong núi thiết vi giữa hai thế

giới, núi Thiết vi.

- Kinh: "Lại trong cõi nước đó cho đến sáng hơn ánh sáng của trời".

- Tán: Chiếu sáng rung chuyển cả Phạm cung, dần dần cung thỉnh.

- Kinh: "Bấy giờ ở phương Đông... cùng bàn luận việc này."

- Tán: Thỉnh chuyển cúng dường.

Văn lớn dưới đây chia làm năm phần:

1. Phương Đông.
2. Phương Đông nam.
3. Phương Nam.
4. Sáu phương tương tự trước.
5. Phương trên.

Ngoài trừ hai phần bốn và năm, còn lại mỗi phương đều có phương đều có văn nói và đều có bốn ý.

a. Thấy ánh sáng kinh ngạc, bàn tán.
b. Theo ánh sáng tìm đến chỗ Phật.
c. Lễ bái thỉnh xoay bánh xe pháp.
d. Phật im lặng hứa khả.

Ý đầu, văn chia làm hai:

a.1. Phạm chúng kinh ngạc thưa hỏi.
a.2. Một vị trời thỉnh Phật.

Phần đầu: Đây đều chung cả tứ thiền Phạm vương. Hoặc chỉ Sơ thiền thỉnh Xoay bánh xe pháp, lượng bằng Phước cõi trời Phạm.

Văn này lại nêu ba ý: Ánh sáng, suy nghĩ, và bàn bạc.

- Kinh: "Bấy giờ trong chúng kia cho đến biến chiếu khắp trong mười phương."

- Tán: Một vị trời thỉnh Phật.

Các người có đủ uy đức ở trong cõi Trời, lúc gần sanh ánh sáng chiếu rõ trước. Cho nên ở đây nghi rằng: Là trời có uy đức lớn sanh ư.

- Kinh: "Bấy giờ năm trăm cho đến suy tìm tướng đó".

- Tán: Tìm ánh sáng mà đến chỗ Phật. Có hai ý:

1. Cầm đãy đựng hoa trời đi đến chỗ Phật.
2. Thấy Phật, đại chúng vui mừng.

Đây là phần một.

- Kinh: "Thấy Đại Thông Trí Thắng cho thỉnh Phật Xoay bánh xe pháp."

- Tán: Thấy Phật, đại chúng vui mừng .

- Kinh: “Tức thời các Phạm thiên, Thiên vương... cao mười do-tuần.”

- Tán: Lễ tán thỉnh chuyển. Có hai: Cúng dường và thỉnh chuyển.

Văn xuôi có hai: Đến lễ Phật, rải hoa. Và Dâng cúng xin Phật thọ nhận.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Dâng hoa cúng dường rồi cho đến nguyện xin Phật thọ nhận”.

- Tán: Đây là nói thỉnh Phật thọ nhận an xứ.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến đều được lợi ích.”

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng chia làm ba:

1. Hai hàng tụng khen ngợi năm đức.

2. Một hàng tụng nêu ra lý do đến Phật.

3. Một hàng tụng thỉnh Phật thọ nhận.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Chúng con cùng theo đến cho đến cúi xin thương xót nhận.”

- Tán: Đầu tiên nêu lý do. Sau tụng là lời nạp thọ.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến độ chúng sanh khổ não.”

- Tán: Đây là thỉnh Phật xoay bánh xe pháp.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Đại Thông... im lặng hứa khả.”

Hỏi: Vì sao lúc sắp Niết-bàn, Phật im lặng là không thọ sự cung thỉnh của người. Nay im lặng là hứa nói cho người nghe?

Đáp: Xưa giải thích, nhan sắc Phật có thay đổi mà người thỉnh biết Phật hứa hay không hứa.

Lại nói: Vì thân Phật tỏa ra ánh sáng biểu hiện nên biết Phật thọ hay không thọ.

Lại nói Phật lúc mới thành đạo, tự tuyên bố nói, thông thường Phật mặc nhiên là thọ thỉnh. Khi sắp Niết-bàn im lặng là không thọ thỉnh. Lại khi thọ thật theo lý phải chú nguyện, im lặng là biết Phật không chấp thuận. Hứa nói im lặng đã là thuận thỉnh, không cần nói ra mới hứa.

- Kinh: “Lại các Tỳ-kheo cho đến cùng bàn việc này.”

- Tán: Nói phương Đông nam. Văn lớn cũng có bốn. Đầu tiên là chúng Phạm thiên kinh ngạc bàn luận.

- Kinh: "Bấy giờ trong chúng kia cho đến độ thoát chúng sanh khổ."

- Tán: Đây nói một vị trời cầu thỉnh Phật.

- Kinh: Bấy giờ, năm trăm cho đến thỉnh Phật xoay bánh xe pháp cho đến"

- Tán: Tìm ánh sáng đi đến chỗ Phật. Là phần hai, có hai ý:

1. Cầm đãy đựng, hoa tìm đến chỗ Phật.

2. Thấy Phật ai cũng vui mừng.

- Kinh: "Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến cúi mong Phật thọ nhận"."

- Tán: Phần ba lễ tán thỉnh chuyển. Có hai: Cúng dường và thỉnh chuyển.

Đây là phần Văn xuôi nêu sự cúng dường.

- Kinh: "Bấy giờ các Phạm thiên vương... chúng con nay kính lễ."

- Tán: Bốn hàng tụng rưỡi khen ngợi chia làm bốn:

1. Một bài thỉnh lễ.

2. Một hàng tụng rưỡi khen ngợi ít có.

3. Một hàng tụng khen ngợi làm mắt cho chúng sanh.

4. Một hàng tụng khen ngợi đấng cha lành.

Đây là phần đầu.

Ca-lăng-tần-già là loài chim có tiếng hót rất hay, dùng âm thanh mầu nhiệm mềm mỏng trong trẻo, hòa nhã... cho nên Phật lấy đây làm ví dụ.

- Kinh: "Thế tôn thật ít có cho đến các vị trời chúng giảm thiểu."

- Tán: Khen ngợi ít có.

- Kinh: "Nay Phật hiện ở đời cho đến được gặp Thế tôn..."

- Tán: Một hàng tụng đầu khen ngợi làm mắt cho chúng sanh, một hàng sau tụng về đấng cha lành.

- Kinh: "Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến nhẫn thiện càng thêm lớn."

- Tán: Đây là phần thỉnh chuyển. Khen ngợi Chư Phật sanh lợi ích. Bậc Nhẫn thiện tăng ích là nhập vào Thánh đạo.

- Kinh: "Bấy giờ Đại Thông cho đến im lặng hứa khả."

- Tán: Phần bốn Phật im lặng nhận lời.

- Kinh: "Lại các Tỳ-kheo cho đến là Phật xuất hiện ở đời."

- Tán: Nói về phương Nam. Y theo trước cũng có bốn phần: Đây là đoạn các vị trời thấy ánh sáng kinh ngạc bàn luận. Có hai:

1. Chúng Phạm thiên kinh ngạc bàn luận.

2. Các vị trời thỉnh cầu.

- Kinh: "Bấy giờ năm trăm cho đến Xoay bánh xe pháp."

- Tán: Phần hai là tìm ánh sáng đến chỗ Phật. Có hai:

1. Cầm đãy đựng hoa tìm đến chỗ Phật.

2. Thấy Phật vui mừng.

- Kinh: "Khi đó, các Phạm thiên vương cho đến cúi xin Phật thọ nhận."

Tán: Phần ba: Cúng dường và thỉnh chuyển. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ, các Đại phạm cho đến nên nói tiếng sâu xa."

- Tán: Thỉnh chuyển. Trước là Văn xuôi, sau là kệ tụng. Văn ý có thể biết.

- Kinh: "Bấy giờ cho đến im lặng nhận lời".

- Tán: Phần bốn: Phật im lặng nhận lời.

- Kinh: "Phương Tây nam cho đến cũng giống như vậy."

- Tán: Nói sáu phương khác. Sự ý giống các phương trước. Sợ văn dài dòng, nên nói cũng giống như vậy.

- Kinh: "Bấy giờ ở phương trên cho đến là Phật xuất hiện ở thế gian."

- Tán: Nói ở phương trên có ba phần thứ tư là hứa. Đây là các vị trời thấy ánh sáng kinh hãi bàn luận. Có hai:

1. Các vị trời kinh ngạc bàn luận.

2. Một vị thỉnh cầu.

- Kinh: "Bấy giờ năm trăm... xoay bánh xe pháp."

- Tán: Nương ánh sáng tìm đến Phật. Có hai:

1. Cầm đãy đựng hoa tìm đến chỗ Phật.

2. Thấy Phật vui mừng.

- Kinh: "Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến cúi xin thọ nhận."

- Tán: Phần ba cúng dường thỉnh chuyển. Có hai:

1. Cúng dường.

2. Thỉnh chuyển.

Phần đầu lại có hai, đây là Văn xuôi.

- Kinh: "Lúc đó, các Phạm thiên vương cho đến rộng độ tất cả cho đến"

- Tán: Trở xuống mười hàng rưỡi tụng chia làm bốn:

1. Bảy hàng tụng rưỡi, khen ngợi đức của Phật.

2. Một hàng thấy Phật sanh vui mừng.

3. Một hàng tụng xin Phật thọ nhận.

4. Một hàng tụng hồi hướng.

Bảy hàng rưỡi đầu lại chia làm hai:

a.Hai hàng tụng là nêu ra.

b. Năm hàng tụng rưỡi giải thích.

Hai hàng đầu: Một hàng tụng đầu khen ngợi nhổ gốc. Một hàng tụng sau khen ngợi ban vui.

Chữ Miễn cũng là cứu khỏi. Như nói cha cứu con, anh cứu em.

Kinh Niết-bàn gọi là môn Cam lồ. Nghĩa là lý Thánh đạo gọi là Cam lồ, giáo gọi là môn.

- Kinh: "Xưa vô lượng kiếp cho đến chết nhiều đọa đường ác" cho đến

- Tán: Năm hàng tụng rưỡi giải thích. Trong đây có hai:

1. Bốn hàng rưỡi tụng về sanh tử luân hồi.

2. Một hàng tụng giải thích việc Phật cứu khổ.

Bốn hàng rưỡi:

a. Hai hàng tụng nói chịu quả khổ .

b. Hai hàng tụng rưỡi, tụng hành nhân ác.

Đây là phần một.

- Kinh: "Không theo Phật nghe pháp cho đến thường đọa vào đường ác."

- Tán: Đây là hành nhân ác. Văn có hai:

1. Một hàng tụng rưỡi nói: Người tại gia có hành vi ác.

2. Một hàng tụng ngoại đạo hành hành vi ác. Lạc là vui quả trời người.

Lạc tưởng là nhân của lạc. Lại lạc có nghĩa là lạc cảnh sở thủ. Lạc tưởng là lạc năng thủ. Lại lạc là tự thể của lạc thọ, lạc tưởng là lạc của đối trị khổ. Nghĩa là lúc nóng lạnh tạm dứt tạm gọi là vui.

- Kinh: "Phật là mắt thế gian cho đến cho nên hiện ra ở đời."

- Tán: Một hàng tụng giải thích Phật năng cứu khổ.

- Kinh: "Siêu việt thành Chánh giác cho đến vui mừng chưa hề có."

- Tán: Thấy Phật sanh lòng vui mừng.

- Kinh: "Cung điện của chúng con cho đến đều cùng thành Phật đạo."

- Tán: Hai hàng tụng: Một bài tụng Phật thỉnh nạp, một hàng sau hồi hướng.

- Kinh: "Bấy giờ năm trăm cho đến pháp tu vô lượng kiếp."

- Tán: Đây là phần thỉnh chuyển.

Một hàng tụng tán, một bài tụng thỉnh.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai... xoay bánh xe pháp mười hai hành”.

- Tán: Trên là cúng dường thỉnh chuyển, đây trở xuống là Phật chấp thuận Xoay bánh xe pháp. Có bốn phần:

1. Phật chấp thuận chuyển pháp.
2. Chỗ khác không thể.
3. Nói pháp được chuyển.
4. Chúng sanh nghe được lợi ích.

Ba phen chuyển có hai ý: Tự chuyền và tha chuyển.

Nay vì người chuyển mà chẳng phải Phật tự chuyển. Nói rằng: “Đây là Khổ Thánh đế” gọi là Thị tướng chuyển. “Thánh đế này nên biết khắp là khuyến tu chuyển. “Đã biết khắp Thánh đế này” là tác chứng chuyển. Thực Hành pháp luân này để di động thì gọi đó là nghĩa chuyển. Mỗi lần chuyển đó khiến cho người nghe pháp phát sanh mắt tuệ chân Thánh vô lậu, tùy theo thứ tự đó. Đối với khổ đế của quá khứ, hiện tại, vị lai, sanh ra trí, minh, giác. Như thế một lần chuyển có bốn hành chung riêng. Ba lần chuyển đế đều có mười hai hành tướng. Nhưng trong các pháp số chỉ nói ba lần chuyển mười hai hành tướng. Ba lần chuyển hiển bày giúp cho nhập vào ba pháp: kiến đạo, tu đạo và Vô học. Như trong quyển thứ tư trước có giải thích.

- Kinh: “Hoặc như Sa-môn cho đến không thể chuyển được.”

- Tán: Phần hai: Chỗ khác không thể chuyển, vì chưa thật chứng. Chỉ có Phật có thể làm Thầy tất cả, biết tất cả.

- Kinh: Đây là khổ cho đến là khổ diệt đạo.

- Tán: Nói cảnh pháp sở chuyển đối với khổ này cho đến sanh trí tuệ gọi là hành pháp luân. Cảnh pháp luân có hai: Tứ đế và mười hai nhân duyên.

Đây là phần đầu. Tạm nêu Thị tướng, còn hai chuyển y theo đó mà biết.

Tứ đế lược chia làm năm môn.

1. Nêu thể.
2. Giải thích tên.
3. Phế lập.
4. Giải đáp chướng nạn.
5. Các môn.

1. Nêu ra thể: Các luận đối pháp nói: Hữu tình thế gian và khí thế gian, các pháp tánh hữu lậu ép ngặt thì gọi là Khổ đế.

Tập đế có hai nghĩa:

- Chiêu cảm nghĩa quả dị thục vô ký. Đối pháp nói: Nghĩa là các phiền não, và chỗ khởi nghĩa gọi Tập đế. Duy thức nói năm chi trong mười hai chi cũng thuộc về tập đế, vì nghiệp tánh phiền não. Các pháp vô ký khác đều chẳng phải là tập đế. Nhưng trong Duy thức ái là tập đế, do tánh mạnh nhất.

- Làm nhân có thể đắc quả hữu lậu. Tức các pháp hữu lậu ở trong thân. Các pháp tam tánh có thể làm nhân nương tựa. Có dị thục thì đều là tập đế. Luận Du-già nói trong mười hai chi, quán ngược già chết có hai thứ nhân.

a. Là thô sanh: nghĩa là liền sanh ra chi.

b. Tế sanh: là ái thủ hữu, cho đến quán các thức trước ngược trở về. Những chi này đều gọi là tập của già chết. Cho nên biết dựa vào nhân pháp vô ký cũng gọi là tập, mà không thể nói không phải là các chi cũng gọi là tập.

Các pháp vô vi nhân như, trạch diệt, bất động tưởng thọ diệt gọi là Diệt đế. Đối pháp luận chép: Chân như, Thánh đạo, phiền não không sanh thì gọi là diệt đế. Đây nói diệt nương tựa năng diệt, diệt tánh, là cảnh chân như sở chứng của chánh trí, pháp hữu lậu diệt, giả thật hợp lại là tướng Diệt đế.

Ngũ uẩn vô lậu gọi là Đạo đế. Đối pháp nói: Tư lương đạo, gia hạnh đạo, kiến đạo, tu đạo, rốt ráo đạo đều gọi là Đạo đế. Tức dựa vào tự tánh đạo, quyến thuộc đạo để nói lên Đạo đế.

Do tứ đế này mà nhiếp hết hết các pháp. Thế nên kinh Niết-bàn ngài Ca-diếp hỏi: "Như Phật một lần vào trong rừng Thân thủ, nắm một ít lá cây rồi bảo các Tỳ-kheo: Những pháp Ta nói thì như nắm lá trong bàn tay này, còn những gì Ta chưa nói thì như lá trong khu rừng. Nói tứ đế nhiếp hết các pháp. Nếu nhiếp hết thì đã nói tất cả pháp đều hết. Vì sao lại nói pháp chưa nói ra nhiều như lá trong rừng. Nếu không nhiếp hết thì lẽ ra nên có ngũ đế"?

Thế tôn dạy: "Tứ đế đều nhiếp hết, nhưng ở đây nói chung là khổ đế. Nhị thừa không thể biết phân biệt các tướng khổ vô lượng. Điều này người Thanh-văn, Duyên-giác không thể biết. Cho đến Đạo đế cũng giống như vậy."

Trong đây ý nói: Tuy tứ đế nhiếp hết các pháp mà Nhị thừa phân biệt thô tế không rõ nên cho là Phật chưa nói chứ không phải là có ngũ đế. Y vào giáo thuyên hiển thật chân như cũng thuộc về diệt đế. Cho nên, Đối pháp mà nói: Diệt tánh cũng thuộc về Diệt đế. Kinh Niết-bàn

cũng nói thuộc về Tứ đế. Cho nên nói Nhị thừa có Khổ có đế mà không có thật. Bồ-tát thì có đầy đủ. Ba đế khác cũng vậy. Phế bỏ sự bàn luận ý chỉ thì chẳng phải là diệt đế. Thế nên trong Du-già nói: Nói ngoài Tứ đế, tức chẳng phải đế được an lập. Trên đây là y vào chủng loại mà nói chung tứ đế. Nếu y vào pháp thể thì có thô có diệu, có thể biết được.

Nhưng trí có thượng hạ, y vào Tứ đế nên Kinh Thắng-man nói có tám đế là hữu tác bốn Thánh đế và vô tác bốn Thánh đế. Tám Thánh đế này hàng Nhị thừa không thể biết. Các bản tân dịch gọi là an lập đế, phi an lập đế.

Hữu tác Tứ Thánh đế là: Phần đoạn sanh tử, mười hai nhân duyên gọi là khổ. Phiền não và nghiệp gọi là tập, trạch diệt là diệt. Phẩm trí sanh không gọi là đạo. Vô tác Tứ Thánh đế: Ngũ uẩn Biến dịch sanh tử gọi là khổ. Sở tri chướng gọi là tập. Vô trụ Niết-bàn gọi là diệt. Phẩm trí pháp không gọi là đạo. Như trước đã nói qua. Nay y vào tướng chung hoặc y vào phân đoạn mà chuyển Tứ đế luân để làm Nhị thừa.

2. Giải thích danh là: Bốn là số đếm, đế là nghĩa thật. Chỉ có Thánh mới biết thật cho nên gọi là bốn Thánh đế. Khổ thật là khổ, lại không có các khổ khác. Luận quyển năm mươi nói: Đế nghĩa là sao? Như nói là tướng, không thể lìa bỏ. Do quán tướng khổ này đạt đến nghĩa rốt ráo thanh tịnh là nghĩa đế. Đó là giải thích theo số vậy.

Khổ là nghĩa bị ép ngặt, từ phiền não sanh ra. Tập là nghĩa chiêu cảm năng sanh ra khổ đế. Diệt có nghĩa là tịch tĩnh, các pháp kia đều tịch tĩnh. Đạo nghĩa là nhân thông suốt có thể thành ba nghĩa. Ba nghĩa đó là khổ sự khổ lý, khổ như thế. Cho đến Đạo đế cũng có ba nghĩa như vậy.

Khổ sự là trì nghiệp giải thích. Hai khổ khác gọi là đế tức y chủ giải thích. Hai thứ khổ lý, khổ như thế và khổ sự tuy chẳng phải là một, là khác, nhưng ở đây đều chẳng phải có nghĩa ép ngặt bằng nhau.

3. Phế lập: Luận quyển chín mươi lăm nói: Khổ đế như là thể của các bệnh. Tập đế như nguyên nhân của các bệnh. Diệt đế như bệnh sanh ra rồi mà trị khỏi. Đạo đế như bệnh hết rồi dứt hẳn không còn phát sanh. Các người có bệnh đó đi đến chỗ thầy thuốc, chỉ nên tìm cầu từng ấy chánh pháp. Các vị thầy thuốc cũng nên trao cho từng nấy chánh pháp. Vậy nên không thể có đế thứ năm. Chư Phật Như-lai là vị thầy thuốc Vô thượng nhổ mũi tên độc lớn, cũng chỉ giảng nói từng ấy chánh pháp. Lại như người trị bệnh phải biết bệnh nguyên nhân bệnh trừ bệnh, phương pháp trừ bệnh. Cũng như quán khổ sanh tử, biết nguyên nhân dẫn đến khổ, diệt khổ, và phương pháp diệt khổ. Do đó mà nói hướng

đến hành diệt khổ.

4. Giải đáp chướng nạn: Luận quyển năm mươi lăm nói: Nhân gì nói biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, cả bốn điều này đều sai khác sao?

Đáp: Do khổ đế kia là sở y của bốn điên đảo, cho nên muốn trừ điên đảo phải biết rõ các khổ. Đã biết rõ rồi thì cũng biết rõ tập. Do đó mà tập đế khổ đế đều nhiếp cả. Tuy là biết rõ cả nhưng Tập đế chỉ là tùy thuộc theo nên cần phải nói tiến đoạn tập. Nói xúc chứng đó là nghĩa hiện kiến, do nơi diệt đế hiện tiền thấy được. Không sanh sợ hãi là thọ thuộc ái lạc, nên cần phải nói xúc chứng diệt đế. Tiếp đến nếu chuyên tu đạo thì mới thành tựu ba nghĩa này, nên cuối cùng nói tu Đạo đế.

Hỏi: Vì sao lần lượt nói bốn đế như thế?

Đáp: Nói khổ là đầu tiên, kế đến là tập. Cả hai đế này nhiếp cả trong phẩm đen. Cũng do đây lạc nêu ra là thứ ba, thứ tư. Hai pháp này nhiếp trong Bạch phẩm rốt ráo. Ví như nói bệnh nặng, nguyên nhân bệnh, khỏi bệnh, thầy thuốc.

Lại do vì gặp khổ mà thứ tự kiến lập Thánh đế. Như ở thế gian những nơi từng chịu khổ, tức là thứ tư này. Trước phát ra tác ý, kế đến là nhân gặp khổ, từ khổ mà tìm cầu giải thoát, sau đó là phương tiện giải thoát, phát khởi tác ý.

5. Các môn khác phân biệt là dùng mười môn để phân biệt.

1. Thuộc về các uẩn: Ba đế năm uẩn cùng tương nhiếp. Diệt đế không như vậy thỉ tịch tĩnh.

2. Mỗi đế hành thế nào? Đáp bốn đế như thứ tự. Nghĩa là vô thường, khổ, không, vô ngã, nhân, nơi tập, sanh, duyên. Diệt, tĩnh, diệu li. Đạo Như Hành Xuất. Tổng thành mười sáu hành tướng.

3. Vì sao nói khổ đế làm tứ hành quán trừ bốn điên đảo? Vì vô thường trừ thường, khổ trừ hai pháp lạc và tịnh điên đảo. Không vô ngã trừ ngã đảo. Bốn tập đế, quán trừ bốn ái, do y vào thường đảo khởi ái hữu sau. Kế đến y vào hai đảo lạc tịnh mà khởi ra tham hỷ câu hành ái và nơi nơi mong cầu lạc ái. Tiếp theo y vào ngã đảo mà khởi ra duy nhất ái. Diệt làm bốn quán là diệt bốn thứ ái đã nêu trên. Đạo làm bốn quán là vì năng chứng bốn ái diệt kia.

4. Giải thoát môn nào nhiếp cơ hành.

5. Nhập đế hiện quán có các loại.

6. Tam thừa quán đế có sai khác gì?

7. Bốn đế này là, thế tục hay thắng nghĩa.

Luận quyển năm mươi lăm và kinh Niết-bàn chỉ nói Thắng nghĩa. Quyển sáu mươi bốn nói phi an lập chỉ thuộc Tục đế... Thật ra thì chung cả hai thứ.

8. Các đế cùng nhiếp.

9. Khổ có mấy loại. Ba đế cũng khác vậy.

10. Hư không, phi trạch diệt. Đế nào thủ nhiếp. Đều như trong Du-già, Đối pháp, Duy thức, luận Hiển dương đã có giải thích.

- Kinh: "Và nói rộng... ưu bi khổ não."

- Tán: Mười hai duyên khởi này, đây có tạp nhiễm, thanh tịnh. Tạp nhiễm, thanh tịnh đều có quán thuận nghịch. Trong đây có hai: Nêu thanh tịnh thuận quán và tạp nhiễm thuận quán. Trình bày tạp nhiễm nghịch quán và thanh tịnh nghịch quán. Đây tức nhiễm thuận quán. Vì sinh tư tưởng sanh nên làm theo nhiễm nghịch quán.

- Kinh: "Vô minh diệt... ưu bi khổ não diệt."

- Tán: Đây là thanh tịnh thuận quán. Đầu tiên là đoạn sanh tử nên giống như ra nghịch quán.

Mười hai duyên khởi dùng sáu môn để phân biệt.

1. Nêu thể.
2. Giải thích danh.
3. Tướng duyên.
4. Y theo đời.
5. Thuộc các duyên sanh.
6. Thuận nghịch nhiễm tịnh.

1. Thể: Thể của vô minh chình là lấy phân biệt trong phiền não chướng, và tùy ý lấy ngu si làm thể. Thành Duy thức nói: Vô minh trong đây, chỉ lấy nghĩa năng phát làm chánh để cảm các ác, thiện nghiệp đời sau.

Lại nói: Chánh phát nghiệp là chỉ kiến sở đoạn. Trợ giúp vô minh thì bất định. Năng phát hành mới là chi này. chung cả tương ưng bất cộng, triền và tùy miên.

Thể của chi hành chung cho cả thân ngữ, ý nghiệp thiện và bất thiện, chỉ cảm tổng báo và cảm chung hai tổng, biệt nghiệp làm tánh. Chỉ có biệt báo nghiệp thì không phải hành chi. Cho nên trong Duy thức nói: Liền chỗ kia phát ra gọi là hành. Do đây mà tất cả thọ nghiệp thuận hiện, bệt trợ đương nghiệp đều chẳng phải là chi hành. Cũng chung cả hiện, chủng sắc, tư làm thể.

Thể của chi thức thứ tám, dị thục do hành sở tập. Vì là đều liên kết sanh nên gọi chung là di thục, và chỉ ở hạt giống mà không lấy hiện

hành. Có chỗ nói thông với sáu thức thân ở trước còn luận rộng ra tất cả thức thân và dựa vào phân vị hiện khởi ở tương lai mà nói có hiện hành. Cho đến chi thọ cũng vậy.

Thể của chi danh sắc: Thành Duy thức nói: Trừ ba nhân sau, các nhân khác đều thuộc chủng danh sắc. Ba nhân sau, tức ba thứ sau: Lục xứ, xúc và thọ. Ở đây nói năm chi không có tạp loạn nhau. Ở trong một sát-na là được hành sở tập duyên khởi các chi. Nghĩa là loại sáu căn dị thục là chi lục xứ (nhập). Dị thục xúc thọ là chi xúc thọ. Trừ chủng bổn thức và ba thứ này. Các uẩn dị thục khác đều là sắc.

Trong Khế kinh lại nói: Danh là bốn uẩn phi sắc. Sắc là Yết thứ lặc lam cho đến. Dựa vào các phần vị lúc đương khởi mà ở trong nhân nói do duyên tạp nhiễm khởi ra các chi. Nếu không như vậy thì làm sao chung cả ngũ uẩn. Hoặc nói rộng tất cả thuộc danh sắc. Trong Duy thức lại y vào Tạp thể mà nói: Danh sắc nhiếp chung cả năm nhân. Ở trong đó tùy theo nhân nào mạnh mà lập, còn lại bốn nhân. Lục xứ và thức tổng biệt cũng như thế.

Chi ái chỉ là tham trung phẩm. Đây tuy duyên chung hai quả trong ngoài mà các luận phần nhiều lấy duyên cảnh ngoài làm quả tăng thượng ái sanh.

Chi thủ dùng chung với tất cả phiền não để làm tự thể. Toàn phiền não cõi đều kết sanh ra. hoặc là năng thủ, hoặc là sở thủ, thủ làm ra, trong đó đều thuận theo phiền não, không giữ pháp khác. Có nói nói chỉ là ái tăng thượng. Trong Thùy thức hội nói: Tuy trong chi thủ nhiếp các phiền não khác, mà ái nhuận thắng hơn, nên gọi là ái tăng. Lại y vào trước sau mà phân ái thủ làm hai, sự thật thì nhiếp các hoặc khác hai chi ái thủ, chung cả hiện và chủng.

Thể của chi hữu tức là sáu chi hành cho đến, được thấm nhuận ái thủ mà chuyển biến gọi là hữu. Có nói nói chỉ có nghiệp.

Duy thức lại nói: Hữu này chính là sanh vị già, tử tương lai, còn năm chi như thức v.v... sanh chỉ là hạt giống. Hữu này năng có quả.

Thể của chi sanh ra: Thành Duy thức chép: Bắt đầu từ trung hữu, đến sanh hữu, bản hữu từ lúc chưa suy biến đến vị lai, đều thuộc về chi sanh. Các vị suy biến gọi chung là già. Khi thân hoại mạng chung gọi là chết. Thể hai chi này đều chung cả ngũ uẩn, chỉ thuộc quả dị thục hiện hành. Có chỗ nói chung cả hạt giống như kinh Duyên khởi nói: Một thời sanh ra năng, sở dẫn sanh đồng thời mà có. Thứ tự giảng nói nghĩa loại không khác nhau, nhưng chẳng phải hai chi này cũng thông hạt giống. Ưu bi khổ não nhân ra già chết mà khởi, nhân chẳng thuộc về chi.

Kinh Thập địa chép: Khi chết chia lìa, ý căn tương đối gọi là ưu. Năm căn tương đối gọi là khổ, phát ra âm thanh kêu khóc gọi là bi. Người ngu tâm nóng bức gọi là não. Ở hai cõi dưới đầy đủ các chi sắc. Cõi Vô sắc thì không như vậy, tùy chúng thích ứng mà có.

2. Giải thích danh là: Luận Du-già có năm giải thích:

1. Do phiền não trói buộc mà trải qua các đường, thường sanh khởi nên gọi là Duyên khởi. Y vào chữ duyên chữ khởi mà giải thích.

2. Dựa vào các duyên mà mau chóng diệt đi, tiếp tục hòa hợp lại sanh ra thì gọi là duyên khởi.

Ở đây dựa vào nghĩa sát-na mà giải thích tên gọi. So sánh trong Đại chúng bộ nói mười hai duyên khởi là pháp vô vi. Cũng so với chánh lượng bộ nói về bốn tướng một kỳ.

3. Các duyên quá khứ mà không lìa bỏ. Nương vào tự nối tiếp mà sanh khởi gọi là Duyên khởi. Như nói đây có thì kia có. Đây sanh cho nên kia sanh. Chẳng phải là khác. Nay y vào nghĩa này để giải thích duyên khởi: Đây có thì kia có đó là nói rõ nghĩa vô tác duyên sanh. Đây sanh nên kia sanh là nghĩa vô thường duyên sanh. Chẳng phải khác đó là do hữu duyên mà pháp quả có. Chẳng phải duyên có tác dụng thật năng sanh ra quả pháp. Cũng chẳng phải pháp vô sanh là nhân, hay một ít pháp sanh ra mà được thành lập.

4. Thường diệt mất, lại nối tiếp khởi gọi là Duyên khởi. Đây y vào nghĩa thường hoại thường diệt mà giải thích.

5. Ở trong đời quá khứ giác tánh đã duyên cùng khởi nối tiếp thì gọi là Duyên khởi. Như Thế tôn dạy: "Đã đã giác ngộ cùng khởi, nói tức do đây gọi là lần lượt truyền dạy nên gọi là Duyên khởi."

Lại nói lìa nghĩa hữu ìtnh không có ngã tự nhiên. Cho đến nghĩa nghiệp tự chính mình tạo tác cũng là nghĩa duyên khởi, mà ở các sự nối tiếp khác thì không thọ quả.

Lại Đối pháp và kinh Duyên khởi giải thích mười một nghĩa. Đối pháp lại gọi là vô tác duyên sanh, là vô thường duyên sanh, là thế dụng duyên sanh. Hai thứ đầu như trước giải thích. Vô minh duyên hành cho đến là chỉ rõ thể dụng duyên sanh. Tuy các pháp là vô tác vô thường nhưng không tùy theo một pháp nào, làm duyên cho nên tất cả quả đều sanh. Công năng của các pháp mỗi mỗi đều sai khác.

3. Tướng duyên: Vô minh có hai tướng:

1. Ngu nghĩa chân thật, chung cả hai phẩm trung hạ.

2. Ngu quả dị thục, chỉ ở phẩm thượng. Hai ngu này đều duyên với quả dị thục của nội thân mà khởi. Hành có hai thứ: Thiện và Bất thiện.

Hoặc chia ra làm ba: Bất động, Phước và Phi phước. Đây vì thuộc về huân tập hữu phần.

Năm thứ thức gọi là huân tập. Năm thứ này là vô ký nên thế lực suy yếu, xứ sở chưa định nên không thể tự sanh. Đây phải đợi hữu phần huân tập mới khởi. Do hạ phẩm ngu mà phát ra nghiệp bất động. Do trung phẩm ngu mà phát ra phước nghiệp. Do thượng phẩm ngu mà phát ra phi phước nghiệp. Tùy theo nghiệp đã phát, mà huân tập hạt giống của năm chi thức cho đến Nhiếp thuộc ở nơi hành mà có nơi sẽ sanh. Tức là các vị chắc chắn sanh già chết. Không có tướng sai khác trước sau của năm chi thể mà dựa vào. Vị đương khởi nói nhân là năm. Cho nên trong Duy thức nói: Duyên mê, ngu quả nội dị thục, phát công năng chính chiêu lấy các nghiệp hữu sau làm duyên, dẫn phát chính sanh năm quả vị tương lai sanh già chết, lần lượt nương vào quả tăng thượng bên ngoài, ngu duyên cảnh giới thọ, phát khởi ra tham ái, lại sanh ra bốn thủ như dục v.v... Ái thủ hợp nhuận với chủng nghiệp năng dẫn, và nhân sở dẫn chuyển gọi là hữu. Từ trung hữu dẫn đến sanh bổn hữu, chưa suy biến đến vị lai, tức thể của chi sanh được khởi. Khi suy biến thì chi già chết hiện ra. các thứ lo buồn khổ não liền sanh theo. Đây nói là do vô minh mê nội thân, duyên lấy dị thục thọ mà sanh ra các nghiệp, bèn làm nhân cho các hạt giống năm chi sanh già chết đương lai. Hữu là nơi sẽ sanh. Lại do mê cảnh giới ngoài. Vô minh duyên cảnh giới thọ khởi ra ái và thủ, lại thấm nhuận hạt giống của sáu chi như hành v.v... trước. Gần thì có quả sau chuyển lập tên hữu. Từ đây về sau năm chi hiện hành bèn khởi ra gọi là sanh già chết, đó là tướng duyên khởi làm duyên.

Trong Du-già lại có ba cách giải thích: Thứ tự sanh nhau như trong Du-già nói.

4. Theo đời Duy thức nói: Mười nhân, hai quả chắc chắn mà đời khác nhau, chủ yếu có sanh hậu báo mới gọi là chi, hiện báo thì chẳng phải. Nghĩa là mười chi nhân của quá khứ, hai chi quả của hiện tại. Mười chi nhân của hiện tại, hai chi quả của vị lai. Trong bảy nhân trước cùng ái, thủ, hữu hoặc khác hoặc đồng. Sanh báo thì chắc chắn đồng, hậu báo thì khác. Nghĩa là quá khứ có bảy, hiện tại ba và vị lai là hai. Hoặc như các duyên của bảy ba hai chắc chắn cùng đời. Tức là hai chi sanh, già, tử, ba chi ái, thủ, hữu và bảy chi trước chắc chắn đồng một đời. Vì thế tưởng sanh cho nên năng lực tương tợ.

5. Thuộc về các Duyên sanh: Nhiếp luận quyển hai chép: Nếu lược nói duyên khởi thì có hai thứ:

1. Một là tự tánh phân biệt duyên khởi. Nghĩa là y vào thức A-lại-da mà các pháp sanh khởi.

2. Hai là phiền não ái, phi ái duyên khởi. Nghĩa là mười hai duyên khởi nghiệp thiện ác, năng phân biệt tự thể của ái phi ái làm tánh của duyên . Nay đây chính nói loại duyên khởi này. Nghĩa cũng thu nhiếp loại trước mà không chính nói.

Lại nói có ba thứ. Tức hai thứ này lại thêm Thọ dụng duyên sanh.

Luận Biện Trung Biên chép: Loại đầu là duyên thức. Loại hai là thọ giả là trong đây có thể thọ dụng, phân biệt, suy ra tâm sở. Thọ dụng duyên sanh tức sáu thức chuyển, tức cũng thuộc nghĩa duyên thức mà không phải chánh biện luậnở đây.

Luận Du-già lại nói có bốn thứ duyên sanh:

1. Năng dẫn: Nghĩa là vô minh, hành.

2. Sở dẫn: Năm thức cho đến

3. Năng sanh: Ái, thủ, hữu.

4. Sở sanh: Sanh, già, tử.

Trong Tập luận nói thức cũng là năng dẫn. Nghiệp chủng trong thức gọi là chi thức. Chủng dị thục thức gọi là danh sắc. Kinh Duyên khởi chép: Chi thức có cả năng dẫn sở dẫn. Nghiệp chủng, thức chủng đều gọi là thức, là nương vào danh sắc mà chẳng thuộc là danh sắc. Luận Câu-xá quyển chín lại nói bốn thứ:

1. Sát-na.

2. Liên phược.

3. Phân vị.

4. Viễn tục.

Vì sao gọi là sát-na? Trong khoảnh khắc sát-na do tham mà thực hành sát, có đủ cả mười hai chi. Si là vô minh. Tư là hành tướng các sự cảnh, rõ biết phân biệt gọi là thức. Thức đều có ba uẩn gọi chung là danh sắc. Trụ ở căn danh sắc, nói là lục xứ. Lục xứ đối với các hòa hợp khác mà có xúc, lãnh nhận xúc là thọ. Tham thọ tức là ái, tương ưng với triền phược này thì gọi là Thủ. Hai nghiệp thân ngữ khởi lên thì gọi là Hữu. Các pháp khởi lên như thế gọi là sanh, thành thục biến đổi là già, diệt hoại gọi là tử.

Nay theo Đại thừa thì tám thức cùng khởi, phiền não đều sanh cùng với kia khác nhau. Lại có nói nói: Sát-na, liên phược như trong Phẩm loại Túc luận nói. Đều có ở khắp hữu vi, khác nhau với nghĩa trước. Trong mười hai chi có ngũ uẩn đều nhiếp cả phân vị. Đây chính

là sự nối tiếp xa từ vô thỉ nên gọi là viễn tục, đồng với Đại thừa mà mà lý chung chưa rõ ràng.

6. Nhiễm tịnh thuận nghịch. Đối pháp quyển thứ tư nói: Tạp nhiễm thuận nghịch, thanh tịnh thuận nghịch.

Tạp nhiễm thuận nghịch hoặc y vào thứ tự lưu chuyển mà nói. Nghĩa là vô minh duyên hành cho đến sanh duyên già chết. Thuận theo thứ tự mà nói. Đây nói sanh tử lần lượt sanh nhau. Hoặc y vào an lập đế mà nói. Nghĩa là già chết, già chết tập, già chết diệt, già chết hướng diệt hành. Như thế cho đến thành, hành tập, hành diệt, hành hướng diệt hành, bốn mươi bốn trí, vô minh không có nhân nên không phải bốn mươi tám trí.

Đây là quán sau: Ở gia hạnh trước, cũng làm bảy mươi bảy trí. Nghĩa là duyên với đời hiện tại mà có già chết. Chẳng phải không duyên với đời hiện tại mà có già chết. Tự thân của hiện tại đã tự làm bèn thành hai trí. Duyênđời quá khứ, duyên đời vị lai cũng có hai trí, hợp lại thành sáu. Quán vô thỉ đến nay thì tất cả già chết đều duyên ở nơi sanh. Vị lai tuy chưa khởi mà vẫn có nghĩa tạp nhiễm hoàn diệt. Nay quán tạp nhiễm nên thành hai trí.

Trong ba đời này trí đầu tiên quán trong quả có nhân, nêu rõ lý do. Trí thứ hai quán trong quả có nhân, chẳng phải là không có quyết định. Phá ngoại đạo vọng chấp sanh không có nhân. Trí thứ bảy tức là quán pháp không thuộc về chi. Các tuệ hữu lậu đều là nghĩa biết khắp. Tức là pháp trụ trí biết khắp cả ba đời, duyên khởi giáo pháp, gọi pháp không nhiếp trước là trí thứ bảy. Sáu quán trước là trí chân thật. Một quán này là pháp trụ trí, hợp lại thành ra bảy trí. Các bậc Thánh dị sanh đều có trí này. Nay từ kiến đạo trở về trước là quán hạnh của vị phàm sau này mới nhập vào bốn mươi bốn trí. Bốn mươi bốn trí này gần với tứ đế. Trụ vào các giáo pháp là văn tuệ nên gọi là pháp trụ trí. Như thật nghĩa mà biết, là tư, tu tuệ gọi là trí chân thật. Ở đây có lậu quán cho nên gọi là tạp nhiễm. Văn này chỉ có quán thuận mà không có nghịch.

Thanh tịnh thuận nghịch là vô minh diệt cho nên hành diệt... cho đến sanh diệt... già chết diệt. Thuận thì theo thứ tự mà nói: Đây y vào thứ tự đoạn vị mà nói. Do đâu không có mà già chết không có, do đâu diệt mà già chết diệt. Cho đến do gì không mà hành không có, do gì diệt mà hành diệt cho đến. Đây là dựa vào vị quả đắc rốt ráo mà quán. Trong văn này chỉ có thuận mà không có nghịch quán. Nói rộng như phẩm dưới sẽ tán sau. Tuy không hiện tiền mà thành ra Độc giác, khiến cho chứng Thanh-văn, thì cũng nói duyên này. Y vào nói đế cũng thành

ra ba chu mười hai hành tướng.

- Kinh: "Phật ở trong hàng trời người cho đến đầy đủ tám giải thoát cho đến"

- Tán: Phần bốn: Chúng sanh được lợi ích. Có hai phần: được lợi ích và nói về rất nhiều.

Được lợi ích chia làm hai: Pháp hội đầu, lần hai, ba, bốn.

Hội đầu. Thọ là chấp trước. Không tham đắm tất cả pháp, cho nên được tâm giải thoát. Tâm giải thoát là do giải thoát vô minh phiền não, thành tựu tâm tương ưng, tuệ giải thoát, không còn duyên cảnh khởi phiền não thì gọi là tâm giải thoát. Hoặc thiền định gọi là tâm giải thoát, là tâm năng trụ . Đắc câu giải thoát gọi là tâm giải thoát.

- Kinh: "Lúc nói pháp lần hai cho đến đắc giải thoát."

- Tán: Đây nói về hội thứ hai, thứ ba, thứ tư. Ngài Di-lặc nói ba hội, Phật Thích-ca không nói hội nào, căn cơ chúng sanh lợi ích mỗi người đều khác nhau.

- Kinh: "Từ đó trở về sau cho đến không thể tính biết."

- Tán: Đây là nói chúng nhiều. Trên đây nói pháp luân của Thanh-văn nên không có Bồ-tát.

- Kinh: "Bấy giờ mười sáu vị vương tử cho đến Tam-bồ-đề."

- Tán: Ý lớn thứ ba. Nói việc nối tiếp truyền đèn có năm phần:

1. Mười sáu vương tử xuất gia rồi, thỉnh Phật.

2. "Bấy giờ Đức Phật kia thọ nhận lời thỉnh của Sa-di v.v..." hứa nói chánh đạo.

3. Nói kinh này rồi liền nhập vào tĩnh thất cho đến" Nói các vương tử nối đèn pháp.

4. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp" cho đến: Phật khen ngợi.

5. Phật bảo các Tỳ-kheo là mười sáu vị Bồ-tát "cho đến chúng sanh được lợi ích hóa độ.

Phần đầu có hai:

a. Các con xuất gia xong thỉnh Phật.

b. Quan phụ thần cùng theo xuất gia.

Phần một lại có ba:

a.1. Nêu tính tốt của các vương tử.

a.2. Thỉnh Phật.

a.3. Thỉnh ý.

Gồm có sáu đức:

a.1.1. Vượt qua các ràng buộc, xuất gia làm Sa-di.

a.1.2. Nghe pháp mau giác ngộ, các căn đều lanh lợi.

a.1.3. Trí tuệ tỏ sáng, tánh tình thông minh.

a.1.4. Từ lâu đã gặp duyên lành, từng cúng dường Phật.

a.1.5. Giữ vững thắng giới, tịnh tu phạm hạnh.

a.1.6. Chí mong cầu quả Chánh đẳng chánh giác.

- Kinh: "Cùng bạch Phật rằng cho đến Phật tự chứng biết."

- Tán:

1. Thỉnh Phật. Xưa Phật nói pháp luân Tiểu thừa lợi ích người Thanh-văn thừa xong mà ý chúng con mong cầu Đại thừa, xin Phật nói.

2. Thỉnh ý: "Chúng con chí nguyện Đại thừa chánh pháp tri kiến của Như-lai". Phật đã tự chứng hết, Phật đã tự chứng rõ. Nguyện vì con mà nói pháp.

Hỏi: Vì sao trước thỉnh Phật vương tử ở trước. Nay vì nói pháp vương tử ở sau?

Đáp: Trước là căn cứ vào thân sơ. Sau nói rõ quyền thật.

- Kinh: "Bấy giờ Vua Chuyển Luân... vua liền nghe theo."

- Tán: Đây nói các quan phụ thần xin theo xuất gia. Đầu tiên thỉnh, sau hứa cho.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật kia... Phật sở giữ gìn."

- Tán: Phần hai, Phật hứa nói pháp. Có năm. Trong đây có hai:

1. Khi muốn nói pháp phải đợi căn cơ thuần thục. Trải qua hai muôn kiếp.

2. Trình bày pháp sẽ nói là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp Liên Hoa chính vì Thanh-văn. Kinh Vô lượng nghĩa chính vì Bồ-tát. Vì sao trong đây nói kinh Pháp Hoa là vì Bồ-tát mà nói. Như trước Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nhân nơi Pháp sư Diệu Quang mà hai mươi muôn ức Bồ-tát ưa muốn nghe pháp.

Hỏi: Vì sao Xoay bánh xe pháp Nhị thừa thì gọi là Tam chuyển mười hai hành tướng. Đại thừa thì không như vậy?

Đáp: Lý thì nên như thế. Nhưng vì Thanh-văn ở trong một tòa có thể thành tựu nghĩa cả Kiến, Tu, Vô học đạo.

Bồ-tát thì không như vậy. Do đó mà khác nhau. Đây nói mười hai nhân duyên cũng y vào tứ đế.

- Kinh: "Nói kinh này rồi... đọc tụng thông suốt."

- Tán: Thứ ba nói Sa-di lãnh ngộ.

- Kinh: "Lúc nói kinh này... chưa hề thôi bỏ..."

- Tán: Trong đây có hai. Thứ tư nói ba căn lãnh ngộ. Thứ năm thời

gian nói pháp. Hàng Bồ-tát thượng căn nghe liền tin thọ. Hạng Thanh-văn trung căn cũng có tín hiểu. Các loại hạ căn đều sanh nghi ngờ. Vì kinh Pháp Hoa khó tin hiểu. Chúng sanh hạ căn chưa thuần thục. Vì gần đến thời nay cho nên nói thời kia có người nghi ngờ.

- Kinh: "Nói kinh này rồi... tám muôn bốn ngàn kiếp."

- Tán: Phần ba: Các vương tử nối tiếp đèn pháp. Có ba:

1. Phật nhập định vắng lặng.

2. Các con nói pháp.

3. Chúng sanh độ được nhiều ít cho đến

Đây là phần một. Biết con căn tánh thuần thục khiến các con tiếp nối đèn pháp nên Phật nhập tịch định.

- Kinh: "Bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát... kinh Diệu Pháp Liên Hoa."

- Tán: Các con thỉnh pháp lợi ích đã nhiều, mà thời nói pháp lại dài.

- Kinh: "Mỗi người đều độ... Tam-bồ-đề".

- Tán: Độ được nhiều ít... chỉ bày giáo pháp lợi ích vui mừng. Các bản tân dịch nói là thị hiện giáo đạo, khen ngợi khuyến thỉnh, vui mừng. Luận Hiển dương quyển mười lại thêm: "Khiến cho lìA-dục."

Nghĩa là quở trách các hành giả để cho lìa hết ái nhiễm, gọi là li nhiễm. Thị hiện ra bốn đạo lý chân thật, gọi là thị hiện. Đã đắc tín hiểu, khiến chánh thọ hành thì gọi là chỉ dẫn. Nếu người giải đã lui sụt thì khuyến khích sách tấn thì gọi là vui mừng.

- Kinh: "Đại Thông Trí Thắng Phật... khiến thể nhập vào đó."

- Tán: Phần bốn: Phật khởi khen ngợi. Có hai:

1. Thăng tòa khen ngợi.

2. Khuyên người gần gũi tin.

Đây là phần đầu. Phật khen ngợi bảy ý:

a. Ít có.

b. Lợi căn.

c. Trí sáng.

d. Gần gũi Thánh.

e. Tu hành.

f. Thọ trì trí Phật.

g. Chỉ bày chúng sanh.

- Kinh: "Các thầy đều nên cho đến trí tuệ của Như-lai."

- Tán: Đây là khuyên người nên gần gũi và tin. Trước nêu khuyên nên gần gũi, sau khiến tin nhận.

- Kinh: "Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến thảy đều tín hiểu."

- Tán: Phần năm nói về sở hóa lợi ích. Có ba. Trong đây có hai:

1. Thường nói kinh Pháp Hoa.

2. Sở hóa thường lợi ích.

Có hai:

a. Cùng với Bồ-tát .

b. Nghe pháp tín hiểu.

- Kinh: "Nhờ nhân duyên đó cho đến đến nay không hết."

- Tán: Thứ ba là giải thích nghĩa thành tựu. Nay nói lên trong hội Pháp Hoa, là thường làm lợi ích cho chúng sanh.

- Kinh: "Các Tỳ-kheo cho đến để làm quyến thuộc."

- Tán: Ý lớn thứ tư: Hội thành với Đức Phật ngày nay có hai:

1. Nêu việc thành Phật lợi lạc chúng sanh.

2. Nêu danh hiệu khác và xứ sở thành Phật.

Đây là phần một.

- Kinh: "Hai vị Sa-di đó cho đến hai là tên Sư tử tướng."

- Tán: Đây nói lên tên khác và xứ sở thành Phật. A Súc có nghĩa là Vô động. Cho nên tất cả tướng dụng phiền não đều bất động.

Chữ Súc không biết xuất xứ từ đâu. Đỉnh núi Tu-di rất cao. Nói Sư tử là thị hiện hàng phục ma oán.

- Kinh: "Hai vị Phật ở phương Nam cho đến vị thứ hai tên là Phạm Tướng.

- Tán: Thường chứng pháp tánh thì gọi là Hư không trụ. Sanh tử thường vắng lặng gọi là Thường diệt. Được tự tại hoàn toàn gọi là Đế tướng. Hay sanh ra chư Thánh thì gọi là Phạm tướng.

- Kinh: "Hai vị Phật ở phương Tây cho đến vị thứ hai tên là Tu-di Tướng."

- Tán: A-di-đà dịch là Vô Lượng Thọ. Vì tuệ mạng dài lâu. "Độ nhất thiết thế gian khổ não". Vì Phật thường khởi bi nguyện.

Đa-ma-la-bạt chiên-đàn hương gọi là Vô cấu hiền hương. Chúng Đức trang nghiêm gọi là Tu-di Tướng.

- Kinh: "Hai vị Phật ở Bắc phương... Tam-bồ-đề."

- Tán: Hay thí pháp vũ, gọi là Vân tự tại. Che phủ rộng lớn thì gọi là Vân tự tại vương. Hay phá sanh tử thì gọi là Hoại bố úy. Có khả năng vắng lặng ba nghiệp, dứt sạch phiền não sanh tử, chứng lý tịch mặc thì gọi là Thích-ca Mâu-ni. Hán dịch là Năng Tịch. Thế giới Ta-bà này gọi là Kham Nhẫn. Vì chúng sanh ở cõi này không hiếu thuận với cha mẹ, không kính Sa-môn, làm mười điều ác. Ngày đêm thêm lớn vô lượng

khổ sở trong ba đường tám nạn, Bồ-tát ở trong đó khổ não, mà thực hành lợi ích, gọi là Kham Nhẫn.

- Kinh: "Các Tỳ-kheo... Tam-bồ-đề."

- Tán: Trên hội việc Phật, dưới hội việc đệ tử. Có hai:

1. Chánh nói việc của đệ tử.

2. "Sau khi Phật diệt độ" v.v... Đây là giải thích về nghi nạn.

Văn đầu lại có hai:

a. Nói việc hóa đạo ngày trước.

b. Chúng sanh được hóa độ lúc đó cho đến chánh kết việc hội chúng.

Văn đầu lại có hai:

a.1. Việc giáo hóa xưa.

a.2. Nguyên nhân các người trụ vào tiểu quả.

Đây là phần một. Xưa giáo hóa Đại thừa, mà nay có người trụ vào Thanh-văn địa. Nhưng ở trước hội Pháp Hoa đã từng nói các kinh như Bát-nhã v.v... để phương tiện thầm hóa Đại thừa. Nhưng các người không biết việc sở hóa của Phật.

- Kinh: "Những bọn người này... khó tín."

- Tán: Đây nói lý do trụ vào tiểu quả, là thuộc người tánh bất định lui sụt, nên dùng quyền hóa để lần vào đạo. Vì trí tuệ Phật khó tin khó hiểu không phải chợt nhiên có thể học. Cho nên Phật đầu tiên nói quyền sau đó mới đem thật pháp giáo hóa.

- Kinh: "Các chúng sanh được hóa độ thuở đó cho đến là đệ tử."

- Tán: Chánh kết hội việc này.

Kinh: "Sau khi Ta diệt độ... sẽ nhập Niết-bàn"

- Tán: Giải thích nghi nạn: Như các Thanh-văn đều sã thành Phật. Các vị ấy gặp Phật nhờ Phật giáo hóa, có thể sẽ trụ quả Phật. Sau khi Phật diệt độ, có người cầu quả Thanh-văn mà không nghe kinh này, không biết, không hay hạnh của Bồ-tát rộng lớn sâu xa. Đối với hai công đức hữu vi vô vi, tự chứng tưởng cho là diệt độ Niết-bàn hữu dư, cầu nhập Vô dư Niết-bàn. Người ấy làm sao sẽ được thành Phật. Văn giải thích có ba:

1. Nhắc lại người nghi.

2. Giải Thích-các vị kia cũng thành Phật.

3. Sau đó giải thích lý do.

Ở đây nhắc lại điều nghi của Thanh-văn.

- Kinh: "Ta ở nước khác cho đến được nghe kinh này."

- Tán: Đây giải thích Thanh-văn kia cũng thành Phật. Ta ở nơi

nước khác thành Phật.

Lại có tên khác đó: Kinh Bồ-tát Xử Thai chép: Từ cõi này diệt độ, ở trong mười phương trải qua ba mươi hai cõi nước Chư Phật , lại thành Phật giáo hóa chúng sanh. Trong thí dụ Y sư ở dưới sẽ nói đầy đủ nghĩa này. Người ấy tuy nghĩ gì diệt độ cầu nhập Vô dư Niết-bàn, mà đối với ta có duyên. Ta dùng thần thông dắt dẫn ho, ở cõi kia gặp ta được nghe kinh này. Hoặc là phàm phu, hoặc là Hữu học. Cầu hữu vô dư Niết-bàn. Đối với Niết-bàn nay, cho là thật diệt độ, nghĩ cầu nhập chứng hai thứ Niết-bàn này. Tu hạnh Nhị thừa, chủng tánh đã an bày, Ta vì lòng từ bi dắt dẫn sanh nước kia gặp Ta cầu đắc trí tuệ Phật. Hoặc ta thành Phật ở nước khác. Chúng sanh nghĩ là ta diệt độ, cho là ta nhập vô dư. Ta dắt dẫn đến nước kia khiến cho cầu trí Phật. Đây là nói người có duyên gặp ta. Hoặc đối với ta không có nhân duyên này, cũng được Phật khác và Bồ-tát dắt dẫn giáo hóa, nghe kinh này mà được thành Phật. Cũng khi có ngầm nói pháp hóa đạo thành tựu người này, khiến cho hướng cầu Đại thừa. Nay nói hiển hóa đối với Phật có duyên. Cho nên nói ở cõi kia cầu trí tuệ Phật. Hoặc tuy có duyên với Phật khác mà vãng sanh về đó, trên vì sao bình đẳng thì cũng nói là có duyên với Ta.

- Kinh: "Chỉ dùng Phật thừa cho đến phương tiện nói pháp."

- Tán: Đây là giải thích lý do.

Vì một Phật thừa rốt ráo diệt độ, không khác với thể Nhị thừa rốt ráo. Phương tiện nói giáo thì có Tam thừa. Hoặc chỉ một thể cực quả phương tiện nói có ba nhân, nhân đó mà nói dặm đường dài Trong kinh Niết-bàn phẩm Cao quý đức vương nói: Sao gọi là Niết-bàn, sao là đại Niết-bàn? Là nơi Thanh-văn, Duyên-giác, tám muôn kiếp, sáu muôn kiếp, bốn muôn kiếp, hai muôn kiếp, một muôn kiếp trụ gọi đó là Niết-bàn. Là trụ xứ của bậc Vô thượng Pháp vương Thánh chủ gọi là Đại Niết-bàn. Người xưa giải thích: Các quả của Nhị thừa trải qua thời gian như thế nhập vào Vô dư Niết-bàn. Sau đó khởi hồi tâm được Chư Phật, Bồ-tát dắt dẫn hóa giáo. Hàng Nhị thừa trải qua thời gian tu hành hướng cầu Đại thừa. Chư vị trước kia chưa hồi tâm. Hữu dư y Niết-bàn gọi là Niết-bàn. Pháp vương sở đắc gọi là Đại Niết-bàn.

Người không phải Nhị thừa tức các quả vị Hữu học đã trải qua tám muôn kiếp, cho đến bốn muôn kiếp đã nhập Niết-bàn. Cũng chẳng phải Vô học, nhập vào vô dư y, thân trí đều không. Nhập Niết-bàn rồi liền khởi thân trí trải qua hai muôn kiếp tu hành đại hạnh. Phẩm Tín hiểu chép: Chúng con đêm dài tu tập pháp không. Cho đến trụ vào thân rốt sau hữu dư Niết-bàn, như vậy đã đắc được báo ân Phật.

Luận Trang nghiêm nói: Người gốc lành khi Niết-bàn thì hết, Bồ-tát thì không như vậy. Người Nhị thừa đó nhập vào Vô dư Niết-bàn, gốc lành đã hết. Cũng như trong luận Trang nghiêm nói vì sao trải qua một muôn kiếp v.v... tu hành mới nhập vào Thập tín. Sau đó trải qua ba vô số kiếp, mới đắc quả Bồ-đề, bổn thức đã không, không có thức trì chủng, thân đó đều hết thì dùng pháp gì tu hành sao đắc Bồ-đề? Nhập vào vô dư rồi, nếu có gốc lành, chẳng những trái với giáo mà cũng trái với chánh lý. Thân trí vẫn còn tồn tại vì sao nói là Vô dư Niết-bàn, khác nhau với vô lậu của Như-lai. Vì sở y tồn tại nên gọi là hữu dư y. Hữu dư y hết thì gọi là vô dư y. Kinh Thắng-man cũng chép: Nhị thừa đắc Niết-bàn đó là phương tiện của Phật.

Thành Duy thức chép: Không đắc vô trụ nên gọi là phương tiện. Hoặc trụ vào hữu dư, hồi tâm hướng đại không đắc vô dư, gọi là đắc phương tiện.

Phẩm bịnh hạnh trong Kinh Niết-bàn: Quả Tu-đà-hoàn, trải qua bảy lần sanh vào cõi trời, cõi người mới đoạn kiết mà nhập vào Niết-bàn. Vào đời vị lai trải qua tám muôn kiếp mới đắc quả Vô thượng Bồ-đề. Quả Tư-đà-hàm qua một lần vãng sanh, mới dứt kiết nhập Niết-bàn, trải qua sáu muôn kiếp đắc quả Bồ-đề.

Quả A-na-hàm không còn sanh vào cõi người, vị lai trải qua bốn muôn kiếp sẽ đắc quả Bồ-đề. A-la-hán trải qua hai muôn kiếp sẽ đắc quả Bồ-đề. Bích-chi-phật trong mười ngàn kiếp sẽ đắc quả Bồ-đề.

Kinh này lại nói: Trải qua tám muôn kiếp sẽ đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chẳng thành Chánh giác thì gọi là đắc Bồ-đề. Sư xưa giải thích: A-la-hán trải qua bảy lần sanh tử lấy quả Tu-đà-hoàn mà nói. Trải quả hai lần sanh tử lấy quả Tư-đà-hàm mà nói. Từng sanh về cõi trên lấy quả A-na-hàm mà nói. Không còn sanh tử mà chỉ nhờ giáo pháp là quả A-la-hán. Không trải qua sanh tử mà đắc quả Độc giác là lấy quả Bích-chi-phật mà nói. Ba quả vị trước này là phàm thân đắc quả, Thánh thân đắc Niết-bàn, hai quả vị sau là phàm thân đắc quả phàm thân Niết-bàn. Trải qua nhiều lần sanh thì gọi là độn, nên thời gian trải qua vắng lặng nhiều, ít lần sanh tử đó là lợi, nên thời gian trải qua vắng lặng ít. Trải qua tám muôn kiếp tu hành theo ngài Bồ-đề Lưu-chi. Giải thích thì vẫn đem dùng tâm từ bi tưởng tám muôn kiếp làm một ngày đêm, chứa nhóm năm tháng mà thành ra đại kiếp. Quả vị kia thọ vô lượng đại kiếp. Từ đây về sau thì mới phát tâm. Nghiệm xét sự giải thích này chưa y cứ vào kinh điển.

Kinh giải thích: Tu-đà-hoàn qua bảy lần sanh tử dứt kiết phược

mới nhập Niết-bàn. Tu-đà-hoàn, trải qua tám muôn kiếp mới đắc tâm Đại Bồ-đề, Sơ quả Thập tín. Sao lại nói tám muôn kiếp mới trụ Niết-bàn. Đây nói A-la-hán gọi là Tu-đà-hoàn phải trải qua tám muôn kiếp mới được phát tâm. Thật là đáng cười! Lại nếu nhập vào vô dư y thân biết mất hẳn. Vì sao không nhân mà lại khởi thân nữa ư! Không như vậy thì nghĩa Vô dư là gì? Nếu như Phật nhập Vô dư Niết-bàn. Hữu lậu đã hết thì đắc vô lậu. Vô lậu đã viên mãn thì sao không gọi là Phật. Nếu triền phược đã dứt hết thì gọi là nhập vô dư. Thân trí không mất thì vô dư đâu tồn tại? Có thân sở y nên hai thứ vô dư, hữu dư đâu có khác nhau. Nhưng kinh Niết-bàn chép: Tu-đà-hoàn trải qua tám muôn kiếp v.v... như trước đã nói. Thật thì quả kia chẳng phải A-la-hán. Lấy kia mà nói cũng chẳng phải A-la-hán còn trải qua một lần sanh nữa. Như kinh kia ý chỉ nói chung A-la-hán, người thật Hữu học phát tâm hướng Đại thừa phải trải qua từng ấy thời gian. Do đây, nên dùng các kinh Niết-bàn, Du-già, để giải thích là nói tốt nhất.

Tăng Giác Ấn ghi tại chùa Pháp long
Ngày 30 tháng 05 niên hiệu An Bảo năm thứ ba

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8
(PHẦN ĐẦU)

- Kinh: "Các Tỳ kheo cho đến sâu nhập thiền định".

- Tán: Trên nói nhân đời trước, khiến cho nhớ đã lui sụt nhớ Đại thừa trở lại Tiểu thừa, dưới nói lên quả đời nay khiến biết bỏ quyền chọn thật. Văn chia làm ba: Đầu pháp, kế dụ, sau hợp nói. Văn đầu có hai: Nêu nay thật và giải thích lý do trước quyền. "Tỳ kheo nên biết cho đến" là đầu văn lại có hai: Biết căn cơ thuần thục, và nói Nhất thừa. Ở đây nói căn cơ thuần thục có năm:

1. Thời Niết-bàn đến, chúng sanh căn cơ thuần thục. Sợ Phật Niết-bàn nghe liền tin sâu.

2. Chúng lại thanh tịnh, phiền não nhẹ bớt, dần dần lìa nhiễm. Ban đầu nói tam thừa vượt ra đời ác, chúng sanh cấu trọng lâu nay, giáo hóa dần dần khiến lìa cấu nên gọi là thanh tịnh.

3. Tín hiểu vững chắc, chứng giải chứng tín, cả hai đều vững chắc, chẳng thể ngăn cản hủy hoại.

4. Thấu đạt không pháp, không pháp có hai: Sanh không và pháp không. Sanh Không là sở chứng, pháp không là sở tri. Đã chứng sanh không sau nghe Bát-nhã liền biết pháp không.

5. Nhập sâu vào thiền định, tứ thiền chín định năng nhập xuất nên ở đây dựa vào người Thanh-văn lui sụt rồi trở lại phát đại tâm mà nói. Chủ yếu đầy đủ năm thứ này mới hội hai quyền mà qui một thật, khác thì không như vậy.

- Kinh: "Liền nhóm các Bồ-tát cho đến được diệt độ thôi".

- Tán: Đây nói Nhất thừa, thừa đã nói bốn mà làm liễu nghĩa nói một mà làm phương tiện. Kinh Giải Thâm Mật chép: Tướng sanh, thắng nghĩa không tự tánh, như vậy ta đều đã nói lên, nếu không biết mật ý của Đức Phật thì đây là hoại mất chánh đạo không thể đến được.

Ở trong đó lập Nhất thừa, chẳng phải hữu tình tánh không có sai khác. Kinh Thắng-man cũng nói: Nhiếp thọ chánh pháp người thiện nam v.v... có thể gánh vác bốn thứ trọng trách vượt qua đại địa kia, nghĩa là không nghe phi pháp, chúng sanh do gốc lành trời người mà thành thục, tức là trong đây nói y tiểu thảo. Người cầu Thanh-văn trao Thanh-văn thừa, người cầu Duyên-giác trao cho Duyên-giác thừa, hợp là cỏ vừa, người cầu Đại thừa dùng Đại thừa trao tức là đại thảo. Lại nói: Nếu Như-lai tùy ý muốn chúng sanh mà phương tiện nói chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác. Cho nên biết căn cứ lý nói một là quyền bốn là thật. Kinh Giải Thâm Mật chép: Chẳng phải tánh hữu tình, không có sai khác. Nay trong kinh này vì hóa độ người lui sụt rồi lại phát đại tâm, cho nên nói nhất thật mà hai là quyền. Đợi căn cơ thuần thục năm duyên đầy đủ mới nói không có nhị thừa mà được diệt độ, chỉ có Nhất thừa mới được diệt độ thôi! Trong Kinh Niết-bàn chép: Các Thanh-văn đều sẽ thành Phật đều không thành Phật, Đức Thế tôn đều nói không hiểu ý ta nên có thể hiểu biết ý kinh như vậy, cũng nên khéo thuận tâm Phật Bồ-tát, nhưng nay đây hợp phần nhiều lui sụt cho nên nói nhất thật mà hai là quyền.

- Kinh:“Tỳ kheo nên biết cho đến thì liền tin nhận”.

- Tán: Đây giải thích lý do trước quyền. Dùng trí phương tiện chứng nhập căn tánh thắng giải của chúng sanh. Do ý ưa Tiểu thừa vốn đắm ngũ dục, ta tạm cứu giúp khổ sanh tử trao pháp Tiểu thừa cho khiến lìa ngũ dục. Ngũ dục là duyên năm cảnh như tham v.v..., cho nên trước nói Niết-bàn lập ra hóa thành để dứt khổ. Đã đắc Niết-bàn rồi, người ấy hoặc nghe nay nói Nhất thừa dẫn đến đảo châu báu thì liền tin nhận.

- Kinh:“Thí như đường hiểm dài năm trăm do tuần cho đến chỗ châu báu”.

- Tán: Dưới là dụ nói. Có hai: Trước dụ xưa quyền, sau dụ nay thật. “Lúc ấy đạo sư biết những người đó cho đến” Là văn dụ xưa quyền. Có bốn:

1. Dụ sắp lìa đường hiểm.

2. Mọi người được dắt đi cho đến giữa đường mới lui sụt dụ.

3. Đạo Sư dùng nhiều phương tiện cho đến vì lập ra hóa thành dụ.

4. Lúc ấy chúng mệt nhọc cho đến chúng mệt nhọc đều dừng nghỉ dụ. Trước phẩm Tín hiểu dụ xưa quyền có sáu, nay đây tức là kia, nhưng không có hai thứ đầu. Do lúc đầu thoái còn chưa hướng Tiểu thừa nên chưa lập ra hóa thành, do đó lược chỉ đồng bốn sau; hoặc đây thứ một

sắp lìa đường hiểm thì thuộc kia thứ nhất, thứ ba, trong đây thứ hai tức thuộc kia thứ hai thứ tư. Đây hai dụ sau tức thuộc kia hai sau. Khai hợp có khác, nghĩa cũng không khác nhau.

Dụ thứ nhất có bốn: 1. Muốn vượt qua chỗ ác. 2. Sắp đến chỗ châu báu. 3. Thương chủ am hiểu đường. 4. Mới dẫn dắt. Đây nói hai dụ đầu. năm trăm do tuần: Kinh Chánh Pháp Hoa chép: Năm đường sanh tử gọi là đường ác hiểm nạn. Khóang là trống vắng-lâu-xa, tuyệt là xa xôi. Trong sanh tử vốn không có Thánh trí như hoang vắng lâu dài, hoang vắng không có người rất đáng kinh sợ, năm sự sợ hãi v.v... đó là chỗ kinh sợ. Nay lại giải thích: Trong chánh Pháp Hoa nói vượt ngoài đường hiểm thể chẳng phải giải thích số kia. Nói năm trăm: là sanh tử phần đoạn có hoặc nghiệp khổ là ba trăm, sanh tử Biến dịch có vô minh khổ là hai trăm, mười phiền não mười nghiệp đạo sở cảm thập phẩm loại quả đều giúp đỡ lẫn nhau. Hợp nói năm trăm, dưới nói qua ba trăm do tuần lập ra hóa thành, nếu dùng số năm đường ác tức là năm, qua ba đường ác mới nhập kiến đế chưa thấy hóa thành, vì sao nói nhập nên y sau giải thích. Chỗ châu báu: là địa vị Quả Phật Đại Bát Niết-bàn, dụ siêu vượt đường hiểm sanh tử mới đến địa vị Phật .

- Kinh: "Có một vị đạo Sư cho đến muốn vượt qua nạn đó".

- Tán: Trong đây hai: Người dẫn đầu đi trên biết đường mới dẫn dắt. Đạo sư là Phật có đủ năm đức này:

1. Thông tánh lợi căn.
2. Trí tuệ lựa chọn phải trái.
3. Hiểu rõ chân tục.
4. Thông đạt thấu suốt chẳng có gì là không biết.
5. Khéo biết đường hiểm tướng thông bít. Đạo là các đường, thông là dứt năm đường, bít là khởi hai chướng hoặc nghiệp hữu mà gọi là bít, nhân khổ hết gọi là thông. Mới dẫn dắt ý văn có thể biết.

- Kinh:"Mọi người được dắt đi cho đến nay muốn lui về".

- Tán: Đây là dụ thứ hai, giữa đường muốn lui về. Tu nhân Đại thừa chưa quá sáu mươi kiếp, mệt mỏi tu Bồ-tát hạnh gọi là giữa đường mệt mỏi; Đại hạnh khó tu gian khổ đầy dẫy, do mệt vì thời gian dài nên gọi là mệt mỏi, sợ biển tánh hạnh, sợ có tiến tu nên gọi là sợ sệt, hoặc do sợ đại hạnh Đại thừa, không thể tiến cầu đại quả Bồ-đề, trải qua ba đại kiếp đường trước còn xa, lui sụt Đại thừa không học mà trú lại sanh tử gọi là nay muốn lui về. Đây chính nghĩa nói: Chẳng thật nhị thừa thời xưa bạch Phật rồi mới lui sụt trú Tiểu thừa.

- Kinh:"Vị Đạo sư dùng nhiều phương tiện cho đến hóa làm một

thành”.

- Tán: Thứ ba vì lập ra hóa thành dụ có bốn:

1. Tạm suy nghĩ.

2. Lập hóa thành.

3. Khuyên trú ở chớ sợ.

4. Nói vào thành có lợi ích.

Đây là hai dụ đầu. Nhiếp Đại thừa nói: Như Mạt ny đánh trống trời không tư duy thành việc mình, dù không cố gắng tư duy cũng có sự tư duy, tuy không thật tư duy mà giả gọi là tư duy. Chư Phật thường sáu phen đêm ngày xem xét chúng sanh, nghĩa như tư duy. Quá ba trăm do tuần: Hoặc nói năm đường làm năm trăm, đây vượt qua phần đoạn sanh tử vượt xuất ba cõi hoặc khiến vĩnh viễn ra khỏi ba đường ác làm ba trăm. Như ngũ hạ phần kết thân kiến cho đến ba thứ thời sau nói, Thật ra đầu đã đoạn phân đoạn tuy cũng ra ngoài trời người, nhưng Biến dịch còn thuộc trời người thú không gọi là xuất. Nếu y chánh nói phần đoạn sanh tử có hoặc nghiệp khổ, lìa ba thứ này gọi là vượt qua ba trăm do tuần. Niết-bàn ở vị Vô học nên hóa làm một thành. Luận này chép: Thành của các thiền Tam-muội vượt quá thành kia rồi khiến nhập thành Đại Niết-bàn. Cho nên Đức Phật nói lập ra vốn không có thật thể nên nói hóa làm. Kia chứng diệt tâm tương ưng thiền định nhẹ nhàng an vui năng dứt thô trọng, Phật dạy đó được gọi là hóa làm, diệt lý không hai, đối xe chủng trí nên gọi là một. Lại tuy là giả người người đều có sai khác, do giả nghĩa đồng nên gọi là một, lại do căn cơ người học nhị thừa sở chứng sai khác. Dưới kệ nói: Vì nghĩ nên nói hai, dùng giả đối chân chân đã không hai, giả đâu chẳng một. Đây dụ cho hữu dư Niết-bàn, hoặc nghiệp dứt nên đương khổ không sanh, thật đắc vô dư, còn lại thân trí lại chưa cùng gọi chứng, sau thân trí mất mới gọi là chứng, như tưởng - thọ - diệt - vô vi y cứ nơi cuối cùng viên mãn nói.

- Kinh:“Bảo mọi người rằng cho đến cũng đi được”.

- Tán: Trong đây có hai: Khuyên ở chớ sợ, nói vào thành được lợi ích. “Nếu vào thành này cho đến” không cần sợ Đại thừa mà không chịu tu, lại vào thành này tùy ý làm, tùy sức tu, nghỉ chân thật nói lên ý, thầm lập ra quyền vào, lợi ích có hai:

1. Được vui an ổn mà dứt các khổ.

2. Hướng Phật vị sau dần dần có thể tu.

- Kinh: “Bấy giờ chúng mỏi mệt cho đến sanh lòng tưởng cho là được an ổn”.

- Tán: Đây thứ tư chúng mỏi mệt đều nghỉ dụ có hai: Hữu học xứng

tâm vui mừng, nói khen ngợi, tâm vui mừng tránh khỏi đường hiểm. Đã thành Vô học giải thoát đạo vị, trước vào hóa thành đắc hữu dư diệt, nghĩ gì diệt độ vượt sanh tử nên lìa khổ tập, Biến dịch sanh tử thật chưa lìa nên nói nghĩ gì đã diệt độ nghĩ gì an ổn. Đắc Vô học nên chứng diệt đạo, chưa đắc đại Niết-bàn chân thật an ổn nên nói nghĩ gì an ổn, liền sanh tứ trí: Ta sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ đời sau. Kinh Thắng-man chép: A-la-hán không thành tựu tất cả vô lượng công đức nên nói đắc Niết-bàn. Lại nói tứ trí rốt ráo đắc chỗ nghỉ ngơi là Đức Phật phương tiện hữu dư không liễu nghĩa nói, nên đây làm hóa thành là Đức Phật quyền lập ra. Chính khởi trí sanh không chứng lý sanh không, hoặc sau không còn sanh gọi là nhập thành. Đương lúc ấy không có hai tưởng này, sau nhập thế tục định trở lại quán vị trước liền nghĩ gì đây. Niết-bàn giả diệt nhị thừa chứng; nói trước vào nơi hóa thành, hai xe chủng trí xưa nay không có, hai con ra khỏi nhà. Xe ấy không buộc ra khỏi nhà mà cầu, xin thành ở giữa đường lập ra cho nên nói trước vào cho đến Các chướng nạn đều như trước đã nói.

- Kinh: "Lúc ấy đạo Sư cho đến để nghỉ ngơi thôi".

- Tán: Đoạn thứ hai dụ nay nói thật, có hai: Nêu diệt hóa, và chính nói về chân. Diệt hóa là dẫn đến Đại thừa, nói Nhị thừa Niết-bàn là giả trạch diệt nên nói là diệt hóa, chẳng phải thật dùng thần lực diệt hóa thành kia. Trong đây nói hướng là đại thành ta hóa làm, chỉ nói hóa thành tức là diệt, cách chỗ báu gần tức là nói về chân. Tuy Vô học loanh quanh tu hành Đại thừa chậm nơi đốn ngộ, mà so với Hữu học hồi tâm thì rất nhanh cho nên nói gần đây.

- Kinh: "Các Tỳ-kheo cho đến nên bỏ nên vượt qua".

- Tán: Dưới hợp nói: Trong đây có hai: Hợp xưa quyền, và "Nếu chúng sanh trú nơi Nhị địa cho đến" mới hợp nay thật. Hợp xưa quyền có ba: Đầu hợp sắp lìa hiểm, tiếp "Nếu chúng sanh chỉ nghe cho đến" hợp giữa đường mới lui sụt, sau "Phật biết tâm ấy cho đến" hợp vì nói hóa thành, không hợp thứ tư chúng mỏi mệt đều nghỉ. Muốn nêu rõ hai đạo quyền thật không muốn chánh nêu rõ việc dứt khổ. Đây là đầu. Khứ là hướng Niết-bàn, độ là vượt sanh tử.

- Kinh: "Nếu chúng sanh cho đến mới có thể được thành".

- Tán: Đây hợp giữa đường mới lui sụt. Nếu chỉ khen ngợi Phật thừa chúng sanh không thể do đó được độ, từ lâu chịu khổ nhọc nên liền lui sụt. Phật đạo lâu dài, mỏi mệt lâu dài, lâu chịu khổ nhọc sợ hành Đại thừa.

- Kinh: "Phật biết tâm chúng đó cho đến nói hai thứ Niết-bàn".

- Tán: Đây hợp vì nói hóa thành. Sợ hãi Đại thừa mà thấp kém ưa Tiểu thừa, cho nên giữa đường nói hai thứ Niết-bàn. Hai cơ sở học hai trí sở chứng gọi là hai thứ Niết-bàn, hai thứ Niết-bàn thể chỉ là hữu dư, chẳng nói hữu dư vô dư là hai, trước nói một thành dùng giả đối chân, hóa làm một nên dùng lý đối sự thật ra lý không khác. Nay đối căn cơ tu nhân chứng trí gọi là hai thứ Niết-bàn cũng không trái nhau.

- Kinh: "Nếu chúng sanh cho đến phân biệt nói ba".

- Tán: Hợp nay thật, có hai: Đầu pháp nói diệt hóa bảo chân, sau hợp nói diệt hóa bảo chân. Đây là đầu, chia làm hai: Trước nói kia chẳng chân, sau nói ý Nhị thừa. "Chỗ tu của các thầy chưa xong:" Kinh Thắng-man nói: A-la-hán Bích Chi Phật hữu dư sanh pháp không hết nên có sanh, hữu dư phạm hạnh không thành nên không thuần, sự không rốt ráo nên phải có tạo tác, không vượt qua kia nên phải có sở đoạn, do không dứt nên cách cõi Niết-bàn xa, việc làm chưa xong tức sẽ có tạo tác Đại Thánh đế. Còn có pháp không trí đạo đế sẽ tạo tác. Nêu ở đây nhiếp các thứ khác cũng nên học, ông phạm hạnh đã lập trí diệt đế chứng địa vị hữu dư Niết-bàn còn ở tuệ Phật, sở đắc chẳng chân phạm hạnh không thành nên không thuần. Nghĩa là sở tri chướng chưa diệt, Niết-bàn vô trụ còn chưa đắc cho nên phải quán sát so lường tính toán khổ tập, hai trí cũng chẳng phải chân, cho nên Niết-bàn sở đắc chẳng chân thật, huống chi đầu tiên nói Nhị thừa ý nói chỉ là Như-lai dùng năng lực phương tiện!

- Kinh: "Như vị đạo sư kia cho đến của ta biến hóa làm ra đó thôi".

- Tán: Ở đây hợp nói diệt hóa bảo chân.

- Kinh: "Bây giờ Đức Thế tôn cho đến lại rải hoa tốt mới như mưa"...

- Tán: Trở xuống kệ có bốn mươi chín hàng rưỡi tụng chia làm hai:

1. Ba mươi hàng rưỡi tụng văn xuôi đầu nói nhân đời trước, khiến nhớ thoái đại đến Tiểu thừa, việc của đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai.

2. Mười chín hàng tụng hiển quả nay khiến biết bỏ quyền chọn thật việc dụ hóa thành. Văn đầu lại có hai: hai mươi tám hàng rưỡi tụng nhân duyên xưa, sau hai bài tụng kết duyên chớ sợ.

Đầu lại có hai: Đầu hai mươi bảy rưỡi tụng hợp việc tự thân; một hàng tụng sau hợp việc đệ tử. Văn đầu văn xuôi có hai: Nói sau khi Phật diệt độ xa lâu, sau chánh nêu rõ việc kia, nay chỉ tụng sau. Đầu

đã tụng xong, việc kia văn xuôi có bốn, nay đây cũng vậy. 1. bốn hàng tụng đầu nêu tuổi thọ Phật thành đạo. 2. mười ba hàng tụng chuyển chánh pháp luân. 3. chín hàng rưỡi tụng con nối tiếp đèn chánh pháp. 4. một hàng tụng hợp thành Phật nay. Bốn hàng đầu có hai: ba hàng tụng pháp không hiện tiền; một hàng tụng Phật thành đạo. Không tụng tuổi thọ Phật. Trong ba hàng đầu lại có hai: một hàng tụng pháp không hiện tiền, hai hàng tụng hoa nhạc cúng dường, tức là tụng này, Không tụng trải toà. Văn xuôi chỉ có cõi Phạm thiên mưa hoa, đây thêm tám bộ.

- Kinh: "Quá mười tiểu kiếp rồi cho đến lòng đều sanh hớn hở".

- Tán: Nêu Phật thành đạo.

- Kinh: "Mười sáu người con Phật cho đến mà rung chuyển tất cả".

- Tán: Mười ba hàng tụng chuyển chánh pháp luân, có hai:

1. Tám hàng tụng thỉnh.

2. Năm hàng tụng chánh chuyển.

Tám hàng thỉnh có hai:

a. Ba hàng tụng mười sáu vương tử thỉnh, không có cúng dường,

b. Năm hàng tụng các Phạm vương thỉnh.

Đây là ba hàng tụng mười sáu vương tử thỉnh.

- Kinh: "Các thế giới phương Đông cho đến nhận thỉnh yên lặng ngồi".

- Tán: năm hàng tụng Phạm vương thỉnh. Gồm ba hàng đầu tụng phương đông, hai hàng sau tụng các phương. Đây là ba hàng đầu. Văn cũng có bốn, căn cứ trước có thể biết.

- Kinh: "ba phương cùng bốn phía cho đến chuyển vô thượng pháp luân".

- Tán: Hai hàng tụng các phương thỉnh.

- Kinh: "Thế tôn tuệ Vô lượng cho đến các thầy cần phải biết".

- Tán: Năm hàng tụng chánh chuyển, có hai:

1. Hai hàng đầu tụng như hứa khả chánh nói.

2. Ba hàng sau tụng chúng sanh được lợi ích.

Đây là hai hàng đầu: Vô minh đến già chết đều từ sanh duyên hữu, đây giải thích văn xuôi vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến sanh duyên già chết. Đây nói sanh ấy không phải là chi sanh, mà là năng sanh sanh. Đây nói hữu không phải là chi hữu mà là hữu vô hữu, nghĩa là như chi hành từ chi vô minh năng sanh duyên cho nên mới có. Thể của chi sau từ chi sanh trước duyên năng sanh nên có, không phải vô nhân, không có nhân bình đẳng sanh khởi, mà đều từ duyên sanh, tức

nói lên vô minh từ duyên già chết năng sanh cho nên có luân chuyển vô cùng gọi là duyên khởi.

- Kinh: "Tuyên xướng pháp đó rồi cho đến không thể được ngằn mé".

- Tán: Chúng sanh được lợi ích. Đầu tụng hội thứ nhất, kế tụng hội thứ hai, sau tụng hội thứ ba hội thứ tư. Phong tục thông mười ngàn gọi là muôn, mười ức gọi là triệu, gọi mười triệu là kinh, mười kinh gọi là cai, cũng là số lớn. Tức trước văn xuôi nói sáu trăm muôn ức na do tha cai (một cai là một trăm triệu).

- Kinh: "Bấy giờ mười sáu vị cho đến tuệ nhãn sạch bậc nhất".

- Tán: Chín hàng rưỡi tụng vương tử nối tiếp truyền đèn. Văn xuôi có năm, trong đây có bốn:

1. Hai hàng tụng xuất gia khải thỉnh.
2. Hai hàng rưỡi tụng Đức Phật hứa chánh nói.
3. Bốn hàng tụng các con truyền đèn.
4. Một hàng tụng giáo hóa thường lợi ích.

Đây là hai hàng đầu. Chỉ không có thứ tư của Văn xuôi Phật xuất định ra khen ngợi.

- Kinh: "Phật biết lòng đồng tử cho đến kệ nhiều như hằng sa".

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng Phật hứa chánh nói.

- Kinh: "Phật kia nói kinh rồi cho đến hằng hà sa các chúng".

- Tán: Bốn hàng các con truyền đèn có ba: một hàng tụng Phật nhập định, kế hai hàng tụng các con truyền đèn, sau một hàng tụng độ nhiều ít.

- Kinh: "Sau khi Phật diệt độ cho đến thường sanh chung với thầy".

- Tán: Một hàng tụng giáo hóa thường lợi ích.

- Kinh: "Mười sáu Sa di đó cho đến đều được thành chánh giác".

- Tán: Một hàng rưỡi tụng hợp thành Phật nay. Tóm lại hai mươi bảy hàng rưỡi trên là hợp với hội thứ nhất việc về tự thân.

- Kinh: "Người nghe pháp thuở đó cho đến dần dạy đến Phật đạo".

- Tán: một hàng sau đây là tụng hợp việc đệ tử, tổng thành mươi tám hàng rưỡi tụng nhân duyên xưa thối Đại thừa đến Tiểu thừa.

- Kinh: "Ta thuộc số mười sáu cho đến chớ có sanh kinh sợ".

- Tán: Phần tụng, kết thành nay nói cẩn thận chớ có kinh sợ. Có hai hàng với hợp hai mươi tám hàng rưỡi trên thành ba mươi hàng tụng nói nhân đời trước khiến nhớ lại đã lui sụt Đại thừa theo Tiểu thừa, việc

của Đức Phật Đại Thông.

- Kinh: "Thí như đường hiểm dữ cho đến đường hiểm cứu các nạn".

- Tán: Phần hai lớn có mười chín hàng tụng hiển quả nay khiến biết xả quyền chọn thật việc dụ Hóa thành, chia làm hai: mười một hàng rưỡi tụng dụ nói, bảy hàng rưỡi tụng hợp nói, không tụng pháp nói. mười một hàng rưỡi lại có hai: chín hàng tụng xưa nói quyền dụ, hai hàng rưỡi tụng nay nói thật dụ. chín hàng đầu văn có bốn:

1. Ba hàng tụng dẫn lìa đường hiểm dụ.
2. Một hàng tụng giữa dường lui sụt dụ.
3. Bốn hàng tụng vì lập ra hóa thành dụ.
4. Một hàng tụng chúng mỏi mệt đều nghỉ dụ.

Đây là ba hàng đầu. có ba:

a. Một hàng tụng đường nguy hiểm nhiều nạn.
b. Một hàng tụng muốn vượt qua đường còn xa.
c. Một hàng tụng đạo Sư cứu nạn.

Nhiều độc thú là quả phiền não ác nghiệp; không có nước là không có Phật pháp giáo hóa, không có cỏ là không có nghĩa lý Phật. Đức Phật là bậc đại đạo Sư ở trong đường hiểm sanh tử cứu chúng sanh gặp nạn.

- Kinh: "Mọi người đều mệt nhọc cho đến nơi đây muốn trở về".

- Tán: Một hàng tụng giữa đường mới lui sụt.

- Kinh: "Đạo Sư nghĩ thế này cho đến cam mất châu báu lớn".

- Tán: Bốn hàng tụng về dụ vì lập ra hóa thành, chia làm ba:

1. Một hàng tụng khởi niệm.
2. Hai hàng tụng hóa làm.
3. Một hàng tụng khuyên vào, đây là một hàng đầu.

- Kinh: "Liền lại nghĩ phương tiện cho đến nam nữ đều đông đảo".

- Tán: Hai hàng tụng hóa làm. Thành quách là hữu dư Niết-bàn, thành tức là quách, chúng sanh trong đó lấy rốt ráo Không làm nhà cửa. Kinh Vô Cấu Xứng chép: Tư duy thắng nghĩa Không làm nhà, hoa giác phẩm trang nghiêm, Tổng trì làm vườn, đại pháp làm rừng cây, Cửu định làm sông ngòi, tám giải làm ao tắm, Tam môn giải thoát làm cửa lớn, trùng môn tức lầu gác cao, cao vượt trong ngoại đạo sanh tử cho nên vào nhà Không. Đế pháp chân thật làm nam, sanh không chân trí, từ bi tâm làm nữ an ủi vỗ về chúng sanh, y Kinh Vô Cấu Xứng để giải thích nghĩa này.

- Kinh: "Hóa ra thành đó rồi cho đến đều được vừa ý muốn".

- Tán: Một hàng tụng là khuyên vào.

- Kinh: "Các người đã vào thành cho đến tự nói đã được độ".

- Tán: Phần tụng chúng mỏi mệt đều nghỉ.

- Kinh: "Đạo Sư biết nghĩ xong cho đến nên đồng đến chỗ báu".

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng nay nói thật dụ: Một hàng nêu diệt hóa, một hàng rưỡi chánh bảo chân.

- Kinh: "Ta cũng giống như vậy cho đến việc làm đều đã xong".

- Tán: Phần hai: bảy hàng rưỡi tụng hợp nói. Trong đó có hai: hai hàng rưỡi tụng hợp xưa quyền, năm hàng tụng hợp nay nói thật. Đây là hai hàng rưỡi đầu: Nửa hàng tụng lìa đường hiểm, tiếp một hàng tụng giữa đường mới lui sụt, sau một hàng tụng lập ra hóa thành.

- Kinh: "Đã biết đến Niết-bàn cho đến vì nói pháp chân thật".

- Tán: Năm hàng tụng hợp nay nói thật, có ba:

1. Một hàng tụng nêu nay nói thật.
2. Ba hàng tụng khuyên bỏ quyền lấy thật.
3. Một hàng tụng kết.

Đây là một hàng đầu.

- Kinh: "Chư Phật dùng phương tiện cho đến mới là chân thật diệt".

- Tán: Đây khuyên bỏ quyền đến thật. Một hàng rưỡi tụng khuyên bỏ quyền, một hàng rưỡi khuyên lấy thật.

- Kinh: "Chư Phật là đạo Sư cho đếndẫn vào tuệ Phật".

- Tán: Một hàng tụng cuối kết thành ở trước.

PHẨM NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chướng ngại.

I. Lý do có phẩm có bốn:

1. Người thượng căn một phen nghe pháp liền thọ ký. Người trung căn nghe thêm lần thứ hai mà được thọ ký, nay người hạ căn so sánh ba châu nghe pháp đã có thể ngộ giải, do dó được thọ ký cho nên có phẩm này.

2. Luận chép: Vì trừ chúng sanh có bảy loại tánh phiền não đầy đủ, trong bảy loại tăng thượng mạn, đây là loại thứ năm không có định, tâm thấp kém khởi tăng thượng mạn, sanh hiểu biết hi vọng, vì đây mà nói buộc châu báu dụ. Nghĩa là tâm chúng sanh kia tán loạn bất định, quá khứ tuy có gốc lành Đại thừa mà không tự hay biết, không cầu Đại thừa mà ở tâm thấp kém sanh hiểu biết giả dối. Vì nói bậc nhất thừa, đối trị hạng người này nên nói thí dụ buộc châu nơi chéo áo. Cho nên luận lại nói người thứ năm, chỉ cho biết có gốc lành quá khứ khiến nhớ nghĩ dạy nhập Tam-muội. Đây là hạng Hữu học và phàm phu tâm chưa đắc định, chấp đạo Nhị thừa lấy làm rốt ráo, không biết gốc lành Đại thừa trong quá khứ, nay khiến nhập định nhớ nghĩ gốc lành Đại thừa thời kia. Như người say rượu nằm, bạn thân bí mật buộc châu vào chéo áo nên có phẩm này.

3. Trong mười nghĩa vô thượng, nghĩa thứ tư khiến giải thoát vô thượng. Nói dụ buộc châu nghĩa là nói duyên xưa khiến sanh hiểu biết có gốc lành Đại thừa diệu bảo cho nên có phẩm này, là nghĩa còn lại.

4. Luận giải thọ ký có sáu chỗ thị hiện: Ký biệt: Xá-lợi phất và bốn đại Thanh-văn. Đồng ký: Phú-lâu-na cho đến năm trăm vị và một ngàn hai trăm vị, đồng một hiệu chẳng phải các vị mà mọi người đều biết, đồng thời được thọ ký cho nên có phẩm này. Nhưng Mãn Từ tên là Pháp Minh, Kiều-trần-như Phổ Minh, tức nghĩa Minh đồng nên phần nhiều đồng, đồng được thọ ký.

II. Giải thích tên phẩm: Năm trăm là số, đệ tử là người. thọ ký là sự, từ ba thứ đặt tên. Năm trăm đệ tử thọ nhận Đức Phật thọ ký là: Ý chủ thích.

III. Giải đáp chướng nạn:

Hỏi: Trong bảy dụ của mười vô thượng đều nói buộc châu báu, vì

sao không lấy đó đặt tên mà gọi là thọ ký ư?

Đáp: Căn cơ thuần thục phát tâm tức là thọ ký , sau mới nói dụ buộc châu báu, từ đầu đặt tên nên gọi là thọ ký.

Hỏi: Người thượng căn v.v... lãnh giải trước khi thọ ký, vì sao năm trăm vị lãnh ngộ sau khi thọ kvì sao là dụ buộc châu báu là sự lãnh ngộ của năm trăm vị ư?

Đáp: Người thượng, trung căn không đợi thọ ký, nghe nói mà liền lãnh giải, người hạ căn bẩm tánh đã chậm nhân được thọ ký mới sanh vui mừng, ý hỷ đã phát mới trình bày lãnh ngộ. Cho nên không đồng với hai việc lãnh giải ở trước . Lại nữa hạ căn Mãn từ đã trước lãnh giải, năm trăm hạ phẩm thọ ký xong lại trình bày rõ bổn ý, lãnh ngộ sâu nặng chẳng phải mới lãnh ngộ mà trước đã lãnh ngộ rồi.

Hỏi: Trong phẩm này Mãn Từ và một ngàn hai trăm vị đều được thọ ký vì sao chỉ đặt tên thọ ký năm trăm?

Đáp: Có bốn giải thích:

1. năm trăm vị tại hội hiện tiền được thọ ký. một ngàn hai trăm người có hoặc không có tại hội, không hiện tiền.

2. năm trăm vị được Đức Phật tự thọ ký, một ngàn hai trăm người Đức Phật nói ở trong kệ khiến truyền thọ ký.

3. năm trăm vị Đức Phật biệt kvì sao là chuyển tiếp thọ ký cho đến nói tướng mạo riêng, một ngàn hai trăm người Đức Phật chỉ tổng ký không hiển tướng riêng.

4. năm trăm vị kia năng sanh lãnh giải nên nói buộc châu dụ, một ngàn hai trăm người không riêng lãnh giải. Mãn Từ một người ít nên không nói nên chỉ lấy năm trăm đặt tên phẩm dùng tròn số, không lấy một ngàn hai trăm làm phẩm hiệu vì số không tròn.

- Kinh: “Lúc bấy giờ ngài Phú-lâu-na cho đến sức thần thông lớn”.

- Tán: Phẩm này văn chia làm ba. Châu thứ ba nói pháp có bốn. Trên Đức Phật nói nên nói có ba:

1. Mãn Từ tâm niệm lãnh giải.

2.“Bấy giờ Đức Phật bảo” cho đến là Thế tôn phát lời ấn thuật.

3. Các Tỳ-kheo! Tôn giả Phú-lâu-na cũng được bậc nhất trong hàng người nói pháp thuở bảy Đức Phật cho đến chính là thọ ký. Một người làm đầu, còn lại cũng theo lý đồng, lược nêu một góc (ngung) ba góc đều hợp.

Văn đầu có hai:

a. Nêu lãnh giải.

b. Sau nêu cung kính.

Lãnh giải có bốn:

a.1. Lãnh nói pháp, gần là lãnh hóa thành đảo châu báu, xa là lãnh phẩm Phương tiện, đầu quyền sau thật.

a.2. Lãnh thọ ký: Gần lãnh. Cuối phẩm Thọ ký nói các đệ tử ta oai đức đầy đủ, số năm trăm vị kia đều được thọ ký ở đời vị lai đều sẽ thành Phật. Xa lãnh Thu Tử về sau cho đến thọ ký.

a.3. Lãnh nhân duyên đời trước. Gần lãnh việc gần mười sáu vương tử. Xa lãnh Thu Tử phẩm Phương tiện nói: Đời đời đã từng theo Phật thọ hóa; Phẩm Thí Dụ nói: Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo.

a.4. Lãnh thần thông. Gần lãnh trong phẩm trước lập ra hóa thành là thần cảnh trí, tác chứng thông, giữa đường năng giáo hóa lập ra. Đức Đại Thông Phật trải qua mười kiếp ngồi đạo tràng, làm rung chuyển mười phương phát ra ánh sáng xa chiếu khắp mười phương, việc chúng phạm vương thấy ánh sáng liền đến tụ tập. Xa lãnh đức Thích-ca sơ thời nhóm họp - đất rung chuyển - mưa hoa - phát ra ánh sáng chiếu xa. Cho đến phẩm Phương Tiện nói: Lúc suy nghĩ như vậy, Phạm âm ủy dụ ta. Lành thay! Đức Thích-ca v.v... đều là do thần thông Chư Phật.

- Kinh: “Được điều chưa hề có cho đến mắt không tạm rời”.

- Tán: Đây là nói về cung kính, có tám:

1. Được pháp chưa hề có.
2. Tâm thanh tịnh.
3. Hớn hở.
4. Từ chỗ ngồi đứng dậy.
5. Đến trước Phật.
6. Lễ dưới chân Phật.
7. Đứng qua một bên.
8. Chiêm ngưỡng dung nhan Phật.

- Kinh: “Mà nghĩ thế này cho đến bổn nguyện trong thâm tâm của chúng con”.

- Tán: Đây là nói tâm niệm lãnh giải. Trước khen ngợi đức của Phật trên hết, sau trình bày nhất tâm lãnh giải. Tình lãnh giải là biết và muốn, việc đã chẳng phải một có thể sâu lại rộng, ngôn từ không thể nói bày, Đức Phật biết tâm ta đâu cần nói đủ.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến các thầy thấy Di Đa-la ni tử này không?”.

- Tán: Châu thứ ba, đoạn thứ ba Đức Thế tôn phát lời nói ấn thuật, có ba phần:

1. Hỏi chúng thấy không?

2. Kế ta thường khen cho đến công đức của ông.

3. Sau các thầy chớ tưởng v.v... là nói về đức xưa của ông.

Phần đầu: Thấy là nghĩa hiểu biết chẳng phải là mắt mọi người trong chúng không thấy mà ý là không hiểu biết đức hạnh như thế nào! Lại thấy là nghĩa xem, đứng ở trước đây các thầy thấy không? Lại tuy chúng thấy chưa hẳn để ý, nay muốn nói đức hạnh kia hỏi chúng thấy không, là muốn khiến cho chúng sanh thấy nghe nhìn kỹ đức hạnh của Mãn Từ tử nên Phật nói thấy không?

- Kinh: "Ta thường khen cho đến các thứ công đức".

- Tán: Khen ngợi đức nay, có hai: Khen ngợi người và khen ngợi đức.

Khen ngợi đức có hai: Trước chung sau riêng. Đây khen ngợi người và tổng khen ngợi đức.

- Kinh: "Siêng năng hộ trì cho đến biện bác các ngôn luận".

- Tán: Đây biệt khen ngợi đức có năm:

1. Giúp giảng nói chánh pháp.

2. Năng đối bốn chúng chỉ dạy lợi mừng.

3. Năng giải thích Phật pháp.

4. Lợi ích đồng hành.

5. Biện bác ngôn luận cao. Làm lợi ích nhiều cho chúng sanh.

- Kinh: "Các thầy chớ tưởng cho đến cũng là bực nhất".

- Tán: Dưới luận bàn về đức xưa, có mười, trong đây có hai:

1. Hộ trì giúp giảng nói pháp, hộ trì thành pháp, thọ trì chánh pháp nhiếp thọ chánh pháp.

2. Thành người thù thắng.

- Kinh: "Ông lại ở pháp không của Phật nói cho đến không có nghi ngờ".

- Tán: Đây có bốn đức:

1. Giải.

2. Không, tức không quán hữu. Đắc tứ biện trú thiện tuệ địa.

3. Thường xét kỹ giảng nói thuận theo sở chứng nên lìa sở thuyên.

4. Không có nghi ngờ. Lý sự hai nghi đều đã dứt hết.

- Kinh: "Đầy đủ sức thần thông của Bồ-tát cho đến trăm ngàn chúng sanh".

- Tán: Đây có ba đức:

1. Đầy dủ thần thông, sự nghiệp lớn trong Pháp Vân địa.

2. Tu phạm hạnh thường trì ba nhóm tịnh giới Bồ-tát.

3. Ẩn hành đại lợi dùng pháp Tiểu thừa lợi ích chúng sanh.

- Kinh: "Lại giáo hóa vô lượng cho đến giáo hóa chúng sanh".

- Tán: Trong đây nói một đức. Cho nên Nhiếp luận chép: Hóa nên nói nhất thừa, tức Phật, Bồ-tát hóa làm Thanh-văn để dẫn dắt đồng loại khiến phát tâm Đại thừa. Cũng tức Kinh lăng già nói: Nhiều kiếp đắm say Tam-muội, sau đó từ Tam-muội này mới phát tâm Đại thừa khuyên các người Thanh-văn: Ta từ vô lượng kiếp hàng trăm phen từng ở trong người vô dư y Niết-bàn Thanh-văn mà bát Niết-bàn, do kia chẳng chân thật diệt, ta từ Niết-bàn khởi cho nên đối với nay trở lại phát tâm Đại thừa, vì sao các ông nay vẫn còn trú trong Tiểu thừa như vậy, cũng như chương Nhất thừa trước nói. Đức này có hai: 1. Lợi tha hành hóa tha khiến lập vô thượng Bồ-đề. 2. Tức do lợi tha thành tựu hành tự lợi, vì muốn thanh tịnh cõi Phật nên thường thành Phật sự.

- Kinh: "Các Tỳ-kheo cho đến cũng giống là có sáu bậc nhất".

- Tán: Châu thứ ba, đoạn thứ tư chánh vì thọ ký, có hai: Trước thọ ký cho Mãn Từ, sau thọ ký cho năm trăm đệ tử. Trước thọ ký chia làm hai: Thọ ký nhân, và thọ ký quả. Thọ ký nhân có sáu. Nhân đầu thọ ký thành người trên hết. Bảy Đức Phật: tức bảy Đức Phật quá khứ. Kiếp trước có ba: Tỳ bà thi Phật - Thi Khí Phật - Tỳ Thấp Phược Phù Phật. Hiền kiếp có bốn: Ca Lộ Ca Thôn Đà Phật - Ca Lộ Ca Mâu-ni Phật - Ca Diếp Ba Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật. Biện rõ hiền kiếp cho đến nghĩa như sớ Di lạc Thượng sanh nói, đây là tổng trình bày quá khứ bảy đức Phật. Nay ở nơi chỗ ta là biệt trình bày hiện tại.

- Kinh: "Mà đều hộ trì cho đến chánh đẳng giác".

- Tán: Đây có hai nhân thọ ký:

1. Hỗ giúp giảng nói nói pháp.

2. Hóa lập Bồ-đề.

- Kinh: "Vì tịnh cõi Phật cho đến đầy đủ đạo Bồ-tát".

- Tán: Ở đây có ba nhân thọ ký:

1. Thường siêng năng.

2. Lợi sanh.

3. Đầy đủ đạo Bồ-tát.

- Kinh: "Quá vô lượng cho đến Phật Thế tôn".

- Tán: Dưới là thọ ký quả, có sáu: Đây là danh hiệu, giải rõ nghĩa pháp gọi là Pháp Minh.

- Kinh: "Đức Phật đó cho đến đầy dẫy trong đó".

- Tán: Thọ ký quả tướng cõi, có hai: Nêu ra và kết. Nêu ra 6, trong

đây có hai:

1. Rộng hẹp.

2. Tướng trạng: Có ba: Đất báu, đất bằng và đài quán.

- Kinh: "Cung điện của các vị trời cho đến không có dâm dục".

- Tán: Trong đây có một quả. Có thiện không ác có bốn:

1. Trời gần.

2. Thấy nhau.

3. Không có đường ác người nữ.

4. Không có dâm dục do biến hóa sanh.

- Kinh: "Được pháp thần thông cho đến mà tự trang nghiêm".

- Tán: Trong đây cũng một quả, tướng người, trời có 7:

1. Đắc thần thông.

2. Thân phát ra ánh sáng.

3. Bay đi.

4. Chí vững chắc.

5. Tinh tấn.

6. Trí tuệ.

7. Tướng tốt.

- Kinh: "Nhân dân nước đó cho đến thiền duyệt thật".

- Tán: Đây chỉ có một quả, nghĩa là thật nhậm trì. Đây nói hai thật Kinh Phật Địa nói có hai: Pháp vị rộng lớn do hỷ lạc trì. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Đã ăn pháp bất tử lại uống vị giải thoát. Các kinh khác nói bốn, nghĩa là đoạn, xúc, tư, thức thật. Nhiếp luận nói bốn:

1. Bất tịnh.

2. Thanh tịnh.

3. Tịnh bất tịnh.

4. Thị hiện y chỉ trú thật.

Kinh Tăng Nhất A-hàmnói chín thật: Thế gian có bốn thật, ra đời gian có năm thật, những gì là bốn thật thế gian: Đoạn thật, xúc thật, tư thật, thức thật, nói rộng tướng kia. Thế nào là năm thật ra đời gian: Thiền thật, nguyện thật, niệm thật, bát giải thoát thật và hỷ thật. Thường cùng chuyên niệm trừ bỏ bốn thứ thật thế gian cầu năm thứ thật ra đời gian. Pháp vô lậu phá bỏ hữu lậu chẳng phải hữu lậu thật. Pháp hữu lậu trái hại vô lậu chẳng phải vô lậu thật, sự thật đều gọi là thật, tạm thời giúp đỡ giữ gìn có thể giả gọi là thật, rốt ráo tác không phải. Kinh Phật địa và Vô Cấu Xứng chỉ nói vô lậu chẳng phải hữu lậu thật, các kinh khác nói bốn chỉ hữu lậu thật chẳng phải vô lậu thật. A-hàmnói chín chung cả hai thứ thật. Nhiếp luận nói bốn y nhân biện rõ thật chẳng

phải là pháp thật, khác với Phật địa pháp vị sanh hỷ lạc tức đây là pháp hỷ. Đây căn cứ mới đắc chỉ tại ý thức, cõi Dục duyên giáo chỉ nói hỷ thật kia y thời sau cũng chung cả sáu thức, thông cõi cõi Sắc cho nên khai hỷ lạc. Đây hợp gọi là hỷ thích duyệt đồng, kia chỉ căn cứ ngoại duyên không nói thiền duyệt, thiền duyệt tức là khinh an lạc thật, đây thông nói nội duyên cho nên gồm có thiền duyệt, đây y sơ đắc chỉ tại ý thức, hỷ gọi là thật. Kia Kinh Vô Cấu Xứng nói: hữu vi vô vi hai thắng làm thật. Giải thoát khổ nên gọi là giải thoát thật, chân như lý tánh gọi là bất tử thật, hai thứ vĩnh viễn giúp ích cho nên thiên nói. Các kinh nói bốn nghĩa là đoạn cho đến chỉ nói hữu lậu năng lớn lên khí lực năng lớn lên hỷ lạc năng lớn lên hy vọng, năng nhiếp các căn đại chủng tạo sắc, và thọ noãn liên tục không hoại. Lại thân, thọ, pháp, tâm, bốn thứ này như thứ lớp thêm lớn hữu lậu thân, quán nhập niệm trú, cho nên chỉ có bốn. A-hàmnói chín hữu lậu, vô lậu hai hợp nói, trong năm thứ sau, thiền hỷ hai thứ tức hai thật đây năng lớn lên pháp thân, giúp ích thù thắng do đó thiên nói. Nguyện, niệm, giải thoát, thật tuy cũng thật có nghĩa giúp ích kia thêm lớn gọi là thật, do chẳng phải thù thắng chung tất cả cõi, duyên trong ngoài sanh yếu đối với pháp. Thiền cho nên các kinh này lược không nói.

- Kinh: "Có vô lượng cho đến và tám giải thoát".

- Tán: Trong đây chỉ một quả, nghĩa là tam thừa quyến thuộc Bồ-tát tam đức, Thanh-văn, tam đức.

- Kinh: "Nhân dân nước đó cho đến trang nghiêm thành tựu".

- Tán: Đây là kết thúc tường cõi.

- Kinh: "Kiếp tên Bảo Minh cho đến khắp cả nước đó".

- Tán: Đây có bốn thứ thọ ký:

1. Kiếp.
2. cõi nước.
3. Tuổi thọ.
4. Tháp.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hóa các loài chúng sanh".

- Tán: Có hai mươi mốt hàng rưỡi tụng chia làm hai: mười hai hàng tụng trên Phật ấn, chín hàng rưỡi sau tụng chánh vì thọ ký. Phần đầu lại có hai: bảy hàng tụng khen ngợi đức nay, năm hàng tụng khen ngợi đức xưa, không tụng hỏi chúng. Lý tuy chỉ tụng đức nay mà thế văn tợ như tụng tất cả ứng hóa đệ tử. Bảy hàng đầu lại có ba: 1. hai hàng rưỡi tụng nêu. 2. ba hàng tụng giải thích thành. 3. một hàng rưỡi tụng kết lược. Đây là đầu.

- Kinh: “Tự nói là Thanh-văn cho đến lại hiện tướng tà kiến”.

- Tán: Ba hàng tụng giải thích thành, có hai: một hàng rưỡi tụng thị hiện trú Thanh-văn cách Phật đạo xa - hóa các chúng sanh, một hàng rưỡi tụng thị hiện Tiểu thừa thật tịnh cõi Phật.

- Kinh: “Đệ tử ta như vậy cho đến thời tâm sanh nghi ngờ”.

- Tán: Đây là kết lược.

- Kinh: “Nay Phú-lâu-na này cho đến học rộng có trí tuệ”.

- Tán: Dưới năm hàng tụng đức xưa có mười thứ, trong đây có ba:

1. Hộ pháp.
2. Nhân tốt.
3. Học rộng có trí tuệ, văn xuôi không có.

- Kinh: “Nói pháp không sợ sệt cho đến mà tự tịnh cõi Phật”.

- Tán: Trong đây có bảy đức:

1. Năng nói.
2. Đắc thần thông.
3. Đầy đủ vô ngại giải.
4. Biết rõ căn cơ.
5. Nói pháp thanh tịnh.
6. Làm lợi ích lớn.
7. Thanh tịnh cõi Phật.

- Kinh: “Đời sau cũng cúng dường cho đếnHộ trì tạng pháp bảo”.

- Tán: Dưới chín hàng rưỡi tụng thọ ký trong đó có hai: hai hàng đầu tụng thọ ký nhân, bảy hàng tụng thọ ký quả. Hai hàng đầu có sáu thứ:

1. Cúng Phật.
2. Tuyên phát.
3. Tịnh cõi Phật.
4. Nói pháp.
5. Lợi sanh.
6. Hộ pháp.

- Kinh: “Sau đó được thành Phật cho đến cũng không các đường dữ”.

- Tán: Dưới thọ ký quả có hai: năm hàng rưỡi tụng thọ ký. một hàng rưỡi tụng kết lược. Năm hàng rưỡi có bốn:

1. Tự thể.
2. Tên nước.
3. Tên kiếp.

4. Tướng cõi.

"Chúng Bồ-tát rất đông cho đến" đều là tướng cõi, căn cứ trước đã nói.

- Kinh: "Phú-lâu-nA-tỳ-kheo cho đến ta nay chỉ lược nói".

- Tán: Đây là kết lược. Xem văn ý đây thọ ký cho Bồ-tát bát địa trở lên cõi báo thân Phật.

- Kinh: "Bấy giờ một ngàn hai trăm cho đến thời sung sướng lắm".

- Tán: Phần thọ ký cho năm trăm vị, có bốn:

1. Tâm mong cầu.

2. Hứa khả.

3. Thọ ký.

4. Hối hận lãnh giải.

Đây là phần đầu.

- Kinh: "Đức Phật biết điều đó cho đến thọ ký Chánh Đẳng Giác".

- Tán: Đây là hứa khả.

- Kinh: "Trong chúng đó cho đến.Phật Thế tôn".

- Tán: Đây là chánh vì thọ ký có hai: Hiện tiền thọ ký, và cuối tụng tức một hàng rưỡi tụng không hiện tiền thọ ký. Đầu văn có hai: Văn xuôi, tiếp kệ tụng. Văn xuôi có hai: Kiều-trần-như và năm trăm vị. Đây nói phần Văn xuôi đầu.

- Kinh: "Năm trăm vị A-la-hán cho đến hiệu là Phổ Minh".

- Tán: Đây thọ ký năm trăm có hai giải thích:

1. Năm trăm vị tức trong một ngàn hai trăm người.

2. Riêng. Nay lấy giải thích trước làm chánh. Ca lưu đà di Hán dịch Hắc Quang. Ưu đà di đây gọi Xuất Hiện, Châu-đà Hán âm Xà nô, Sa dà đà chánh gọi Sa bà yết đa Hán dịch là Thiện Lai còn lại như trước đã giải thích.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến nên hiệu là Phổ Minh".

- Tán: Dưới mười một hàng tụng chia làm hai: chín hàng rưỡi tụng hiện tiền thọ ký, một hàng rưỡi tụng không hiện tiền thọ ký. chín hàng rưỡi tụng trước thọ ký, trong đó có sáu hàng tụng Kiều-trần-như, ba hàng rưỡi tụng năm trăm vị được thọ ký. Trong phần đầu văn này có hai: Đầu tụng thời, sau tụng tự thể.

- Kinh: "Cõi nước đó thanh tịnh cho đến pháp diệt trời, người lo".

- Tán: Trong phần đầu có ba:

1. một câu tụng cõi nước.

2. hai hàng một câu tụng quyến thuộc.

3. một hàng tụng trụ bội tuổi thọ.

- Kinh: "Năm trăm Tỳ-kheo kia cho đến đều như trên đã nói".

- Tán: Ba hàng rưỡi tụng năm trăm vị thọ ký có ba: ba câu tự thể, một hàng một câu truyền thọ ký, một hàng rưỡi tụng kết loại.

- Kinh: "Ca Diếp! Ông đã biết cho đến ông nên nói cho họ nghe".

- Tán: Một hàng rưỡi cuối tụng, không hiện tiền thọ ký, một ngàn hai trăm người không ở trong hội.

- Kinh: "Bấy giờ năm trăm vị cho đến hối lỗi tự trách".

- Tán: Thứ tư, hối hận lãnh giải, có hai: Nêu vui mừng hối lỗi tự trách, sau trình bày nói hối lỗi tự trách. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Thế tôn cho đến trí nhỏ cho là đủ".

- Tán: Trình bày nói hối lỗi trách có hai: Văn xuôi kệ tụng. Văn xuôi có hai: Tự trách, và lãnh giải. Đây là tự trách, trước nêu sau giải thích.

- Kinh: "Thế tôn cho đếncho nó rồi đi".

- Tán: Lãnh giải có hai: Trước dụ sau hợp. Trong dụ có hai: Trước lãnh xưa quyền, sau lãnh nay thật: "Lúc sau người bạn thân gặp gỡ thấy gã cho đến". Văn đầu có ba:

1. Lãnh giải sắp lìa đường hiểm.

2. "Gã say đó nằm" cho đến lãnh giải giữa đường lui sụt.

3. "Sau khi dậy bèn đi".

Lãnh giải vì lập hóa thành, không lãnh chúng mệt mỏi, tức mười sáu vương tử cho đến đầu tiên gặp nhau. "Có người cho đến" là dụ cho thân mình, nhà bạn thân là dụ cho trước vương tử là bạn lành chân. Bạn đồng chí hướng gọi là thân. Trước dùng Phật pháp làm nước, Đại thừa làm thành, Trung đạo Đại thừa làm nhà, nay nhà này tức là nhà kia, từ trong sanh tử đến Pháp khi còn phàm phu phiền não chưa đoạn vô minh trói buộc, hôn mê say sưa tâm đắm chìm trong sanh tử; tuy gặp pháp Phật còn gọi là say nằm. Như lúc ấy còn làm vương tử: đây là hóa duyên dứt. Các chỗ khác hành hóa gọi là việc quan phải đi, cũng như thuyền rộng mà đi xa về đông, ngắm nhìn ao mà dòng chảy về Tây, nhưng thật ra không đi. Tự đi trái với chân liền cho là Phật đi.

Kinh Hoa Nghiêm nói: có mười thứ hành (đi): 1. Đi nghe pháp. 2. Đi nói pháp. 3. Đi không thuận theo tham sân si. 4. Đi vào cõi Dục. 5. Đi vào sắc cõi Vô sắc Tam-muội. 6. Đi tìm pháp nghĩa. 7. Đi tất cả thú.

8. Đi khắp các cõi Phật. 9. Đi vào Niết-bàn. 10. Đi thành tựu pháp của Chư Phật. Thuận theo nên phải giải thích. Đây là vì mười phương pháp vương Phật pháp mà đến kia hóa độ, nên nói việc quan phải đi.

Dùng châu báu vô giá, nghĩa là tâm đai Bồ-đề. Châu báu có ba: 1. Nước trong. 2. Như ý. 3. Nhổ ra vàng. Nhổ ra vàng có ba: 1. Hạ phẩm nhổ một lần được bội ngàn. 2. Trung phẩm nhổ một lần được bội muôn. 3. Thượng phẩm nhổ một lần được bội vô lượng, dụ cho Nhất thừa năng xuất tam thừa. Từ tiểu đến đại như thứ lớp phối hợp. Nước trong dụ chung cho Phật pháp trong sáng hơn phiền não, như ý dụ cho tâm đại Bồ-đề , tùy ý cầu chi đều đầy đủ, nay lấy đây làm dụ, áo là ý thức, buộc là huân tập. Dạy phát tâm rồi đến phương khác hành hóa gọi là cho rồi đi.

- Kinh: "Gã đó say nằm đều không hay biết".

- Tán: Lãnh giải giữa đường lui sụt. Lúc bấy giờ còn bị phiền não làm hôn mê, tuy nằm trong nhà Đại thừa bạn thân mà không biết có tâm Bồ-đề quý giá. Duy thức dẫn kinh nói say sưa trói buộc tâm không hề tỉnh giác. Kia gọi Mạt na tương ưng vô minh là thể say, nay do thức thứ sáu bất cọng vô minh chánh làm thể say, ở địa vị phàm phu chúng sanh nên sau khi dậy liền đi.

- Kinh: "Sau khi dậy liền đi cho đến liền cho là đủ".

- Tán: Lãnh giải vì lập ra hóa thành: Đã tâm lui sụt Đại thừa khởi nơi thắng pháp gọi là dạo đi, liền đến trong Phật pháp Đại thừa gọi là nước khác chẳng hề lớn lên. Xưa ở trong sanh tử gọi là nước mình, ở trong Đại thừa gọi là nhà bạn. Nếu người phát tâm rồi ở trong Phật pháp lấy Phật pháp làm nước mình, sanh tử làm nước khác, tức văn này lâu ở nước khác hơn năm mươi năm. Người chưa phát tâm trước ở ngoài Phật pháp lấy sanh tử làm nước mình, Phật pháp làm nước khác, tức là văn này cũng đồng Kinh Niết-bàn nói. Hoặc dùng Đại thừa làm nhà cha, Tiểu thừa làm nước khác; cầu vị chánh pháp gọi là y thật, tự sách tấn mình làm khuôn mẫu cho chánh pháp gọi là cố gắng tìm cầu rất là khổ nhọc. Đây là ở nhân vị Nhị thừa xả bỏ ngũ dục lạc buông lung. Có ít sở đắc Nhị thừa Niết-bàn lại không tiến cầu mà cho là đã đủ, nghĩ gì đã được độ nghĩ là đã an ổn.

- Kinh: "Lúc sau người bạn thân cho đến mà đến nỗi này".

- Tán: Lãnh giải nay nói thật có hai: Trước lãnh giải diệt hóa, sau lãnh giải nói thật. Đây là phần đầu. Vì sao lại cầu cơm áo vô lậu mà uổng đến nơi địa vị Nhị thừa ư! Gian nan như vậy mà được lợi ích tiểu quả, đây chẳng phải thật!

- Kinh: "Ta lúc trước muốn cho ông cho đến thật là khờ lắm".

- Tán: Dưới lãnh giải chánh nói thật có ba: Trước nói tình cờ gặp, tiếp nói trú nơi quyền, sau khiến chọn thật. Đây nói phần đầu. Ngũ dục lạc tức năm thứ an vui:

1. Tự tánh lạc.
2. Nhân vui.
3. Thọ đoạn vui.
4. Khổ đối trị vui.
5. Vô não hại vui.

Hoặc Quả Phật năm pháp thanh tịnh pháp giới và bốn trí phẩm; hoặc là Đại thừa vô lậu ngũ uẩn, là giới thân cho đến"Ta xưa vì muốn ông được vui năm thứ này nên buộc châu vô giá là nhân mầu Bồ-tát, huân tập ở tâm ông trong áo thức hiện tại, mà ông không biết, tự lo buồn để cầu tự lợi, pháp chấp bất diệt không cầu năm lạc, rất là ngu si.

- Kinh: "Nay ông nên đem ngọc cho đến không hề thiếu thốn".

- Tán: Nay khiến chọn thật. Mậu dịch là đổi chác. Dùng sơ tâm Tiểu thừa châu báu gần gũi Chư Phật, nghe huân chánh pháp lại tăng thâm gốc lành, đổi chọn Đại thừa thượng vị phước trí, đại như ý châu quí châu báu, một phen đắc rồi sau thường có thể như ý không hề thiếu thốn các đức đầy đủ.

- Kinh: "Đức Phật cũng như vậy cho đến tâm cầu Nhất-thiết-trí".

- Tán: Dưới hợp, trong đó có hai: Trước hợp lãnh xưa quyền, sau "Ngày nay Thế tôn cho đến" hợp lãnh nay thật. Văn đầu cũng có ba, đây hợp đầu sẽ lìa hiểm nạn.

- Kinh: "Mà chúng con liền bỏ quên không hay biết".

- Tán: Hợp lãnh giữa đường lui sụt.

- Kinh: "Đã đắc đạo A-la-hán cho đến vẫn còn chẳng mất".

- Tán: Hợp lãnh vì lập ra hóa thành tu hành đúng phép tắc khi tìm báu thánh pháp tài, uổng phí công lực gọi là khổ nhọc nuôi sống, gian độ nan trị, giải thích gọi là gian căn, như vật căn nhọc nhằn người rất kiêng sợ. Đắc A-la-hán nghĩa là đắc đạo viên mãn, chút ít cho là đủ. Xưa nhân bổn nguyện ngày nay vẫn còn nay thời thuần thục.

- Kinh: "Ngày nay Đức Phật Thế tôn cho đến thật được diệt độ".

- Tán: Hợp lãnh nay nói thật, có hai: Trước hợp lãnh diệt hóa, sau hợp lãnh nói thật. Ở đây nói phần đầu. Chỉ rõ hai thứ Niết-bàn làm nhân Phật cho nên nói khiến ông gieo trồng gốc lành Phật, chỉ tướng Niết-bàn.

- Kinh: "Thế tôn cho đến được điều chưa hề có".

- Tán: Ở đây hợp lãnh nay nói thật, vui mừng được điều chưa hề có.

- Kinh: "Bấy giờ A Nhã Kiều-trần-như cho đến liền tự cho là đủ".

- Tán: Dưới mười hai hàng rưỡi tụng chia làm hai: hai hàng rưỡi tụng hối hận tự trách; mười hàng tụng sau lãnh giải. Hai hàng rưỡi đầu: một hàng nêu lễ, một hàng rưỡi tụng tự trách.

- Kinh: "Thí như người nghèo cùng cho đến say nằm không hay biết".

- Tán: Mười hàng tụng lãnh giải có hai: sáu hàng đầu tụng lãnh dụ, bốn hàng sau tụng hợp lãnh sáu hàng lại có hai: bốn hàng đầu tụng xưa quyền dụ, hai hàng sau tụng hợp lãnh nay nói thật dụ. Lãnh quyền có ba, văn này có hai: bảy câu đầu tụng sơ giáo phát tâm dụ, tiếp một câu lãnh giữa đường lui sụt dụ. Từ trong sanh tử đến nhà Đại thừa cho nên gọi là đến, pháp tài vô lượng nên gọi là giàu lớn, dùng giáo pháp làm tiệc ngon, Bồ-đề tâm làm châu báu, tuy gặp Đại thừa cũng còn say vô minh nên nói nằm không biết.

- Kinh: "Sau khi gã đó dậy cho đến có châu báu vô giá".

- Tán: Lãnh vì lập ra hóa thành dụ, thối Đại thừa rồi sau từ sanh tử dậy đến nước Nhị thừa.

- Kinh: "Người bạn thân cho châu cho đến tha hồ hưởng ngũ dục".

- Tán: Lãnh nay nói thật dụ. Đầu tụng chỉ bày nhân xưa diệt hóa nói lên chân, sau tụng sanh vui mừng, tuy hiện chưa giàu nhưng sẽ giàu nhiều tài vật, chưa đắc ngũ dục không khác như đắc, như thấy bạch thứu ở cây tiêu biểu nước chẳng phải không có.

- Kinh: "Chúng con cũng như vậy cho đến cho đủ chẳng cầu nữa".

- Tán: Dưới bốn hàng tụng hợp lãnh, có hai: hai hàng tụng hợp lãnh xưa quyền, hai hàng tụng hợp lãnh nay nói thật. Đây là hai hàng đầu: một hàng tụng hợp lãnh sẽ lìa hiểm nạn, tiếp nửa hàng tụng hợp lãnh giữa đường lui sụt, sau nửa hàng tụng hợp lãnh vì lập ra hóa thành.

- Kinh: "Nay Phật giác ngộ con cho đến thân tâm khắp vui mừng".

- Tán: Đây hai hàng tụng hợp lãnh nay nói thật có hai: một hàng tụng hợp lãnh diệt hóa nói lên chân, hàng sau tụng về do đó sanh vui mừng.

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Chia làm ba môn :

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải thích chướng nạn.

I. Vì sao có phẩm này có hai: Người hạ căn lược có hai loại: người cao danh phẩm thọ ký trước , hàng chẳng cao danh, phẩm này thọ ký cho nên có phẩm này. 2. Trong Phật thọ ký ở trên cùng đồng thọ ký đây cùng sau thọ ký, cho nên có phẩm này.

II. Giải thích tên gọi: Hướng cầu tiến tập gọi là học, tiến tập ngưng đủ gọi là Vô học, nay Đức Phật thọ ký cho họ gọi là thọ ký cho hữu học Vô học.

III. Giải đáp chướng nạn:

Hỏi: Vì sao vì hàng trung căn thọ ký hợp làm một phẩm, thọ ký cho người hạ căn chia hai phẩm phải không?

Đáp: Thọ ký cho hàng cao danh một khác hai đồng. Mãn Từ Tử và Kiều-trần-như hai loại khác, không phải hàng cao danh tuy một đồng mà hai khác, như hai ngàn người và A-nan là hai thứ khác, do đó hai loại chia thành hai phẩm. Trung tánh không như vậy. Trong cao danh, Mãn Từ Tử vì hóa, trong hạ danh A-nan vì hóa.

- Kinh: "Bấy giờ ngài A-nan cho đến thì sung sướng lắm".

- Tán: Phẩm này có hai đoạn: Trước chúng tự hy vọng, sau Phật thọ ký. Cho Văn đầu có hai: Đầu tiên hai vị cầu thỉnh, sau hai ngàn vị cầu thỉnh. Trong phần đầu lại có hai:

1. Tâm niệm.
2. Trình bày.

Đây là phần nói tâm niệm.

- Kinh: "Liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi cho đến chỗ nương về của chúng con".

- Tán: Dưới nói trình bày, có ba:

1. Trình bày mình có phần để qui về Phật.
2. Nói về lý do hai vị hợp thọ ký.
3. Chính là trình bày thỉnh, đây là phần trình bày.

- Kinh: "Lại chúng con cho đến là con của Phật".

- Tán: Đây nói lý do hai người hợp thọ ký.

- Kinh: "Nếu Phật thọ ký cho đến lòng trông mong của chúng cũng được đủ".

- Tán: Đây chính trình bày thỉnh thọ ký.

- Kinh: “Bấy giờ các bậc Hữu học Vô học cho đến đứng sang một bên”.

- Tán: Đây hai ngàn người cầu thỉnh.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật bảo cho đếnThế tôn”.

- Tán: Đoạn thứ hai Đức Phật vì thọ ký biệt, có ba: Trước thọ ký A-nan, tiếp thọ ký La-hầu-la, sau thọ ký hai ngàn người. Thọ ký A-nan có bốn:

1. Phật thọ ký.
2. Chúng nghi.
3. Đức Phật biết bảo.
4. A-nan chứng nói Phật thọ ký.

Đầu tiên là văn xuôi có tám: 1. Tên Phật. 2. Nhân hạnh. 3. Lợi ích. 4. Tên nước. 5. Tướng cõi. 6. Tên kiếp. 7. Trú thọ. 8. Khen ngợi. Đây là đầu, do trì pháp tạng trí như biển sâu rộng không gì sánh bằng như núi cao khó ngưỡng mặt nhìn thấu gọi là Nói Hải Tuệ, chứng đắc thần thông siêu vượt gọi là Tự tại, không gì làm chướng ngại gọi là Thông vương.

- Kinh: “Sẽ cúng dường cho đến chánh Đẳng Giác”.

- Tán: Đây là thọ ký nhân hạnh.

- Kinh: “Giáo hóa hai mươi ngàn cho đến Diệu Âm đầy khắp”.

- Tán: Đây có bốn thọ ký:

1. Lợi ích.
2. Tên nước.
3. Tướng cõi.
4. Tên kiếp.

- Kinh: “Đức Phật đó tuổi thọ cho đến gấp bội chánh pháp”.

- Tán: Đây thọ ký trú bội tuổi thọ.

- Kinh: “A-nan cho đến ngợi khen công đức của ngài”.

- Tán: Đây thọ ký khen ngợi.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến vậy sau thành chánh giác”.

- Tán: Đây một hàng tụng thọ ký nhân, bốn hàng sau tụng thọ ký quả.

- Kinh: “Hiệu là Nói Hải Tuệ cho đến gieo nhân duyên Phật đạo”.

- Tán: Bốn hàng tụng thọ ký quả có sáu: 1. Nửa hàng tụng tên. 2. một câu nêu tướng cõi. 3. Một câu tên nước 4. Nửa hàng tụng lợi ích. 5.

Nửa bài khen ngợi. 6. Hai hàng tụng trú gấp bội tuổi thọ. Lợi ích chúng sanh tu nhân hạnh Phật .

- Kinh: "Bấy giờ trong hội cho đến được thọ ký như thế".

- Tán: Thứ hai chúng nghi.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến tâm chánh đẳng giác".

- Tán: Thứ ba: Đức Phật biết bảo, có ba: Trước nói nhân ban đầu, kế trình bày hạnh sau, sau kết được thọ ký. Đây nói nhân ban đầu. Câu Xá luận chép: Đức Thích-ca sơ gặp Thích-ca phát tâm, như kia tụng chép: "Ở ba vô số kiếp, ngược dần gặp Thắng Quán. Phật Nhiên Đăng Bảo Kế sơ Thích-ca Mâu-ni." Nay nói giữa đường tùy một chỗ gặp Phật, chẳng phải đầu tiên.

- Kinh: "A-nan thường ưa học rộng cho đến thọ ký dường ấy".

- Tán: Đây là trình bày hạnh sau của A-nan và kết thúc được thọ ký. Cho nên Hoa Nghiêm chép: Thí như người nghèo cùng ngày đêm thường đếm vật báu cho người mà tự mình chẳng được nữa đồng, học rộng cũng như vậy cho đến cho nên không chỉ học rộng có thể siêu việt ngay mà phải thực hành để giúp. Tức Kinh kia nói: Nếu muốn cầu trừ diệt vô lượng các lỗi ác, cần phải tất cả thời phát tinh tấn mạnh mẽ, cũng không chỉ kia hành liền đắc Bồ-đề, cần nhờ học rộng là dẫn dắt, nên lại như Kinh nói: Học rộng năng dẫn lạc, học rộng nhiếp các thiện, học rộng xả vô nghĩa, học rộng đắc Niết-bàn, cho nên biết văn này căn cứ 1 tướng luận. Đối với một gốc lành hoặc khen hoặc chê thì sự hóa bất định, nhưng nhân hạnh của Chư Phật, sơ địa về trước đức, lực bằng nhau, tướng thành Phật cũng như vậy, chỉ do bổn nguyện có khác, nên thấy khác nhau cho nên có sai khác, nên đây kết nói bổn nguyện như vậy.

- Kinh: "A-nan cho đến cũng biết bổn nguyện".

- Tán: Thứ tư: A-nan chứng nói có hai: Đầu tiên Kinh gia trình bày chứng, sau A-nan tự trình bày nói. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ A-nan cho đến hộ trì pháp Chư Phật".

- Tán: A-nan tự trình bày nói vị mình cao, thị hiện hóa thành thị giả nên nói phương tiện.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến cũng như nay".

- Tán: Phần Phật thọ ký cho La-hầu-la. Văn xuôi có bốn:

1. Danh.
2. Nhân.
3. So với trước.
4. Nối dõi.

Đây nói danh và hạnh.

- Kinh: "Đức Phật Đao Thất Bảo Hoa cho đến, Chánh giác cho đến"

- Tán: Thọ ký giống như Phật Nói Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương ở trên và thọ ký nối dõi.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến nhất tâm cầu Phật đạo".

- Tán: bốn hàng tụng chia làm bốn:

1. Thường làm con ta.
2. Làm trưởng tử của Chư Phật.
3. Trình bày mật hạnh.
4. Nói nhân thù thắng.

Đây nói hai hàng đầu, Đức Phật có ba người con, vị này là trưởng tử.

- Kinh: "La-hầu-la mật hạnh cho đến để cầu đạo vô thượng".

- Tán: Hai hàng sau hai: Tôn giả giữ lại thân ở cõi Thiệm-bộ châu không nhập Niết-bàn. Tức nay phương tây có người thấy.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hai ngàn người đây chăng".

- Tán: Phần Phật thọ ký cho hai ngàn người. Có bốn ý:

1. Phật thấy hỏi.
2. A-nan đáp.
3. Chánh thọ ký.
4. hai ngàn người vui mừng lãnh thọ.

Đây nói ý đầu. Mềm mỏng là điều tánh thuận căn thuần thục, tịch nhiên là tâm vắng lặng diệu lý, thanh tịnh là chẳng mê hoặc phiền não, nhất tâm không suy tư gì khác.

- Kinh: "Vâng! Con đã thấy".

- Tán: Đây là A-nan đáp.

- Kinh: "A-nan cho đến hộ trì pháp tạng".

- Tán: Chánh biệt ký. Văn xuôi có hai: Thọ ký nhân và thọ ký quả. Đây nói Thọ ký nhân.

- Kinh: "Rốt sau đồng thời cho đến thảy đều đồng nhau".

- Tán: Thọ ký quả có hai:

1. Danh đồng.
2. Các thứ khác đồng.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến sau sẽ thành chánh giác".

- Tán: năm hàng tụng chia làm năm. Đây là hai hàng đầu: một hàng nêu ra, hàng tụng nhân.

- Kinh: “Đều ở mười phương cõi cho đến dần nhập vào Niết-bàn”.

- Tán: ba hàng: một hàng tụng hiệu danh đồng, một hàng tụng nêu danh đồng, một hàng tụng nêu danh cõi v.v... đồng một bài tụng nêu thần dụng, danh đồng văn xuôi không có.

- Kinh: “Bấy giờ bực Hữu học Vô học cho đến như được rưới cam lồ”.

- Tán: Hai ngàn người vui mừng lãnh thọ.

Niên hiệu Bảo An năm thứ ba ngày 16 tháng 12, để tại chùa Hưng Phước Viên Như phòng, tăng Giác Ấn chùa Pháp Long đã kiểm duyệt xong, vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài nên lưu hành.

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8
(PHẦN CUỐI)

PHẨM PHÁP SƯ

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chướng nạn.

I. Vì sao có phẩm này có ba: Trên một phẩm Tựa đầu nói về lý do, kế có tám phẩm gọi là chánh tông. Trước dẫn phẩm Tín hiểu nói: Nay trong kinh này chỉ nói Nhất thừa. Phẩm này lại nói mở cửa phương tiện bày tướng chân thật, tức dùng Nhất thừa chánh làm tông kinh, phù hợp với người Nhị thừa tánh bất định kia đều đã thọ ký xong, mười chín phẩm sau đây gọi là lưu thông. Lưu thông kinh này chẳng chánh phù hợp Nhị thừa thối tâm Đại thừa, lại không bỏ quyền bày thật chánh nói nơi Nhất thừa. Tuy phẩm này và phẩm Trì dẫn có thọ ký tám bộ Tỳ-kheo cho đến, nhân nói tổng ký, nhưng chẳng nói Nhất thừa phù hợp khiến tu học mà thọ ký, cho nên đều là lưu thông.

Trong phần lưu thông chia làm ba: bốn phẩm đầu khen ngợi tôn trọng lưu thông, khen ngợi pháp, khen ngợi người đáng tôn trọng khiến sanh vui mừng ngưỡng mộ, kế bảy phẩm học hành lưu thông học chánh hành trợ hành mở mang truyền bá kinh này khiến không thương tổn hủy hoại, tám phẩm sau phó thọ lưu thông, chỉ bày tướng phó chúc vâng lệnh hành, cũng tức là ba châu nói lưu thông.

Hỏi: Các kinh lưu thông văn ít nghĩa lược, nay trong kinh này do đâu mà rộng như thế?

Đáp: Cuối phẩm này nói: Ta nói vô lượng ngàn ức kinh điển, trong số đó chỉ có kinh này rất là khó tin khó hiểu, bí yếu Chư Phật thường tự

giữ gìn, từ xưa đến nay chưa hề bày nói, vì sao sâu xa khiến người sanh lòng tin rất ít, cho nên phần lưu thông này thường nói ở các kinh khác. Lại hóa Đại căn cơ dễ có thể thành thục giáo hóa chúng sanh hồi tâm khó tin hiểu, nên có nhiều các thứ lưu thông các thứ khuyên cố gắng.

Bốn phẩm đầu khen ngợi tôn trọng lưu thông, thì ba phẩm khen ngợi tôn trọng, một phẩm Trì sau là lưu thông. Trong ba phẩm đầu, một phẩm Pháp sư hiển trong kinh nói hoặc người hoặc pháp đều đáng tôn trọng đáng làm khuôn phép phép tắc, một phẩm Bảo Tháp nói pháp này đáng tôn trọng, nói kinh này từ trong tháp vọt hiện ra nghe pháp, một phẩm Thiên thọ tuy cũng nêu rõ pháp mà ý nêu rõ người năng hoằng kinh, người đây đáng tôn trọng vì trọng pháp, người ấy không lẫn tiếc thân mạng dùng thân mình làm giường ghế.

1. Phẩm Trì kia đã quán suốt ba phẩm này, khen ngợi tôn trọng nghĩa rộng liền nguyện mở rộng cho nên bốn phẩm này gọi là khen ngợi tôn trọng lưu thông. Còn lại hai lưu thông văn sẽ giải thích, đây là ý của phẩm đầu.

2. Mười chín phẩm gọi là chánh tông: mười hai phẩm đầu nêu rõ cảnh Nhất thừa trong đó chia làm hai: Trên tám phẩm chánh nêu rõ quyền thật ba căn được thọ ký, tiếp đây bốn phẩm khen ngợi người pháp khuyên ngưỡng mộ hành trì, tổng quát bốn phẩm không khác lưu thông cho nên có phẩm này.

3. Trong luận có bảy thí dụ - ba bình đẳng - mười vô thượng - thứ mười là thị hiện lực thù thắng mầu nhiệm vô thượng, còn lại Tu-đa-la nói, tức là luận nói về sau thị hiện hai thứ lực Pháp lực và tu hành lực.

- Pháp lực có năm:

1. Chứng.
2. Tín.
3. Cúng dường.
4. Nghe pháp.
5. Đọc tụng trì nói.

Bốn phẩm đầu đều có Di-lặc Phẩm, tức là phẩm Phân biệt, công đức và tùy hỷ công đức, đều bảo với Di-lặc. Một phẩm Thường Tinh Tấn sau tức phẩm Pháp Sư Công Đức, bảo với Thường Tinh Tấn.

- Năng lực tu hành có bảy:

1. Năng Lực trì.
2. Năng nói.
3. Năng Lực hành khổ hạnh.
4. Năng hộ các nạn cho chúng sanh.

5. Lực công đức thù thắng.

6. Lực hộ pháp.

Năng Lực trì có ba phẩm. Phẩm Pháp Sư - An Lạc hạnh và Phẩm Trì. Phẩm Pháp Sư nói chung pháp và người năng trì sở trì, kế phẩm An Lạc Hạnh nêu người trì Kinh và pháp tu hành, sau phẩm Trì nêu người năng trì, cho nên ba phẩm đều gọi là lực trì. Trên biện rõ quyền thật chánh hợp căn cơ Nhị thừa, chưa nói năng trì sở trì đáng tôn trọng, nay nói nghĩa này nên có phẩm này.

II. Giải thích tên gọi: Đáng làm khuôn phép đáng trọng giữ gìn gọi là pháp, đáng huân tập làm khuôn mẫu gọi là Sư, giáo đây đáng làm khuôn phép lý đây đáng giữ gìn cả hai gọi là pháp, pháp đây đáng huân tập gọi là Pháp Sư. Cho nên Kinh Niết-bàn chép: Chư Phật là thầy, có chỗ gọi là pháp. Kinh Di Giáo nói: Ba la đề mộc xoa là đại sư của các thầy. Trong phẩm này khen ngợi kinh đáng tôn trọng, pháp tức là Thầy nên gọi là Pháp Sư, pháp này làm pháp sư. Người năng học pháp có thể làm thầy khuôn phép dạy bảo chúng sanh, vì thầy có pháp nên gọi là Pháp Sư. Phẩm này nói rộng người và pháp đáng làm Thầy, nên gọi là phẩm Pháp Sư. Ở cuối phẩm đều nói pháp và người học đều gọi là pháp sư, nghĩa đều là thù thắng.

III. Giải thích chướng nạn:

Hỏi: Người hoằng trì kinh này ở thời trước Phật, sau Phật đều gọi là Pháp Sư hay chỉ sau khi Phật diệt độ ư?

Đáp: Đều gọi là pháp Sư. Trong đây phần nhiều chỉ sau khi diệt độ gọi là pháp Sư. Người này hiện tại được gọi là đệ tử, nhưng hiện được thọ ký trong đó cũng gọi là pháp Sư. Lại do hiện tại người thọ trì dễ nên lược qua không nói, sau khi Đức Phật diệt độ người trì rất khó, do đó mới được gọi riêng là Pháp Sư. Lại hiện tập học gọi là đệ tử, tám bộ kia cũng gọi là pháp Sư.

Hỏi: Phẩm Trì cũng nói trì kinh này có thể làm khuôn phép vì sao chỉ có phẩm này được gọi là Pháp Sư?

Đáp: Tuy nói gọi chung tức là tên riêng, không có khả năng riêng, nhưng các phẩm khác lại có nghĩa riêng biệt có thể gọi, huống chi trong đây khen ngợi cả người và pháp đều đáng làm thầy. Lại phẩm Trì hiện tại nói pháp gọi là trì, đây nói sau khi diệt độ khuyên khen ngợi có khả năng cao siêu gọi là phẩm pháp Sư.

Hỏi: Phẩm này cũng có thọ ký vì sao không gọi là phẩm Thọ Ký?

Đáp: Do ít lược nên theo nhiều làm tên phẩm.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến chánh đẳng giác”.

- Tán: Trong phẩm này văn chia làm hai: Một đoạn đầu văn xuôi và tụng nêu nhân pháp Sư, một đoạn văn sau văn xuôi và tụng nêu pháp pháp Sư. Đoạn đầu, văn có hai: Trước nêu Pháp sư đối trước Phật, sau nêu Pháp sư không đối trước Phật. Đây là phần đầu. Do đức Dược vương từ lâu đã trì kinh này đốt thân cúng dường nên gọi là Dược vương. Nói “nhân Dược vương mà nói với tám muôn cho đến” là ý chánh nói thọ ký cho kia. Trong chúng được thọ ký có tám bộ bốn chúng tam thừa các loại sai khác.

Biện Trung Biên luận có mười pháp hành, trong mỗi một hành đều có bốn hành:

1. Tự làm.
2. Khuyên người khác làm.
3. Khen ngợi.
4. Vui mừng an ủi.

Nay tùy hỷ tức là vui mừng khen ngợi, nêu một giống như nhiều. Do tiểu gốc lành đắc Bồ-đề, cũng như mặt trời mới lên liền có công năng trừ bỏ bóng tối, trí sán lạn liền có thế lực dứt trừ si, cũng như ráng mây mới trải đã có công năng thấm nhuần muôn có cây, tâm từ bi khởi phát đã mang khí ấm áp đến chúng sanh. Một câu tùy hỷ sẽ đắc Bồ-đề, tin học kinh này chắc chắn sẽ chứng quả, còn gì nghi ngờ!

- Kinh: “Đức Phật bảo Dược vương cho đến thọ ký thành Chánh Đẳng Giác”.

- Tán: Dưới nói Pháp Sư không đối trước Phật, có hai phần: Trước nêu nghe rồi còn tùy hỷ, sau nêu sáu hạng Pháp Sư chánh hạnh. Đây là đầu, chánh ưa nghe công đức vô lượng, nay chỉ nêu một phen nghe tùy hỷ, theo lệ còn lại là tự tạo tác, khuyên người vui vẻ an ủi công đức đâu cùng. Lại trên giải thích Pháp Sư sơ học, dưới giải thích pháp Sư đã học lâu, là Đại Bồ-tát.

- Kinh: “Nếu lại có người cho đến chắp tay cung kính”.

- Tán: Dưới nói sáu hạng pháp Sư chánh hạnh, có hai: Trước nêu chánh hạnh sáu hạng Pháp Sư bi nguyện đến cõi này. “Sau khi ta diệt độ, có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa v.v...” là nói sáu hạng Pháp Sư đáng tôn trọng. Trong phần đầu lại có hai: Trước nêu “cho đến một câu kệ cho đến” là hành pháp, sau nêu “huống chi là người có khả năng thọ trì v.v...” là nói hành nhiều pháp. Trong phần hành pháp lại có hai: Đầu nêu hành sáu hạnh ở chỗ Chư Phật thành tựu bi nguyện sanh trong nhân gian, sau nói “Nếu có người hỏi những chúng sanh nào cho

đến” là nói lên nhân thù thắng đời sau thành Phật. Trong phần đầu lại có hai: Trước nói sáu hạng pháp Sư, sau nói bi nguyện đời sau.

Đây là phần đầu sáu hạng pháp Sư :

1. Thọ trì.
2. Đọc.
3. Tụng.
4. Giải nói.
5. Viết chép.
6. Cúng dường.

Đây là nói năm hạng pháp Sư đầu thực hành một câu kệ trong kinh, một pháp Sư sau thực hành hạnh cúng dường. một câu kệ trong kinh và một quyển đều hành cúng dường. Các thứ cho đến là tài vật cúng dường. Bắt đầu từ “cung kính xem như Phật” cho đến “chấp tay cung kính” hợp có mười ba thứ. Kia tôn trọng kính xem như Phật là ý nghiệp, chấp tay cung kính là thân nghiệp, hai thứ nội tài, trước tùy hỷ là ngữ nghiệp, còn lại thuộc ngoại tài. Mười pháp hành: Viết chép, cúng dường, thí cho người, lắng nghe, cầm đọc, thọ trì, giảng bày, phúng tụng, tư duy và tu tập ở đây nói dễ hành. Vả lại nói sáu còn lại bốn thứ: Thí cho người, lắng nghe, tư duy, tu tập, đây đều khó hành nên không nói. Trong Kinh quyển nói cúng dường, còn năm hạng kia đối với một câu kệ tức là hiển rõ lẫn nhau, khinh trọng sai khác nên khó dễ sai khác.

- Kinh: “Dược vương! Nên biết cho đến sanh vào nhân gian”.

- Tán: Ở đây nói bi nguyện đời sau. Nếu chấp địa vị, quán nhân thì không nên đến.

- Kinh: “Dược vương! Nếu có người hỏi cho đến ắt được thành Phật”.

- Tán: Dưới nói lên nhân thù thắng đời sau thành Phật, có hai: Nêu ra và giải thích. Đây là nêu ra.

- Kinh: “Vì sao? cho đến mà cúng dường”.

- Tán: Dưới giải thích có hai: Trước nói người tôn trọng đáng cúng dường, sau nói địa vị cao bi nguyện sanh đến cõi này. Đây nói phần đầu. Chiêm ngưỡng sùng bái tôn kính, khế hợp tâm Phật thấu đạt lý mầu nhiệm, do nhân thù thắng đó sẽ được thành Phật lợi ích lớn.

- Kinh: “Nên biết người đó là cho đến kinh Diệu Pháp Liên Hoa”.

- Tán: Đây hiển vị cao, bi nguyện sanh đây. Năng nói kinh này là bực Thánh, nếu không như vậy thì đâu được gọi là đại Bồ-tát! Hoặc tức phàm phu tu học lâu ngày phân chọn khác với Nhị thừa cho đến sơ

học gọi là đại Bồ-tát. Bồ-tát danh chung cho người Nhị thừa và Sơ học, hoặc thành tựu phát Bồ-đề tâm sẽ đắc quả cao siêu, đã thành tựu nhân nên năng nói kinh này.

- Kinh: "Huống lại là người có khả năng thọ trì cho đến. Giảng nói rộng kinh này".

- Tán: đây nêu hành nhiều pháp, xả tịnh nghiệp quả tịnh độ, trên trời và hai cõi trên không vãng sanh mà sanh ở cõi này. Luận Trí độ nói: Bất thối Bồ-tát, thâm ái pháp nên nghe thì tâm sâu xa, khắp mình nổi ốc, nghĩ đến lòng từ bi của Phật thì cảm thương khóc lóc, hoặc nghe pháp sâu xa thì rất vui mừng. Thí như quân bại sợ hãi lăn xuống đất chết ngất thân tộc thấy muốn biết sống, chết thì dùng roi quất liền đứng dậy chạy trốn, nếu không dậy chạy trốn tức biết đã chết. Bồ-tát cũng như vậy, nếu nghe nói diệu lý công Đức Phật vui mừng nỗi ốc sắc diện thay đổi cảm thương khóc lóc, nên biết hạng người này sẽ đắc Bồ-đề. Khác với nghe kinh đều không có tướng khác là nên biết hạng người này không có Bồ-đề phần. Luận Bát-nhã nói: Phước không hướng Bồ-đề Nhị thừa có khả năng hướng Bồ-đề. Huống chi người đây tronày có khả năng thọ trì chẳng phải đại Bồ-tát không thương xót chúng sanh ư!

- Kinh: "Nếu người thiện nam cho đến riêng vì một người nói" cho đến

- Tán: Dưới nêu rõ sáu hạng pháp Sư đáng tôn trọng. Văn chia làm hai: Trước nêu năm hạng Pháp sư đáng tôn trọng, sau giải thích lý do: Năm hạng đáng tôn trọng:

1. Làm sứ giả của Như-lai.
2. Tội lỗi chê bai Phật.
3. Đọc tụng trang nghiêm Phật.
4. Lễ bái khen ngợi.
5. Bốn việc cúng dường.

Đây là nói hạng đầu. Tam nghiệp thuận Phật thành sứ giả Phật cho đến là ý nghiệp, sai là ngữ nghiệp, làm việc là thân nghiệp. Lại truyền Phật giáo gọi là sứ giả của Như-lai dùng lời nói Phật là sai bảo, đồng làm việc Phật gọi là sự. Thế tôn tam nghiệp tạo tác đều dùng pháp này lợi ích chúng sanh, riêng vì nói một câu sẽ đồng nghiệp Phật, rõ ràng nói nhiều lời, lý hợp hạnh Phật.

- Kinh: "Dược vương! Nếu có người ác cho đến tội kia rất nặng".

- Tán: Tội chê bai Phật, đời ác tổn hại nhiều. Kinh Đại Tập chép: Chê bai Tỳ-kheo phạm giới, tội nặng hơn muôn ức lần làm thân Phật chảy máu. Đại Bát-nhã Thắng Thiên Vương hội nói: Nếu giết hại Chư

Phật khắp thế giới đại thiên như vi trần tội còn nhẹ, chê bai kinh này tội còn nặng hơn, mãi mãi đoạ vào địa ngục không lúc nào ra khỏi, nay chê bai người đọc tụng cũng giống như vậy. Nếu tổn hại Phật không tổn hại hành hai lợi, Phật không sanh não, tổn hại người đọc tụng tổn hại hai lợi hành sanh phiền não. Lại tuy chê bai Phật, mà Phật không còn thương ghét, không phế bỏ sự nói kinh lợi ích càng rộng, nếu chê bai người đọc tụng là có oán thân phế bỏ sự tu tập kia. Lại hủy mạ Phật rất khó, chê mắng người đọc tụng rất dễ. Khuyên họ chớ làm như vậy, cho nên đây nói. Lại vào thời Phật trú thế chúng sanh căn tánh cao đẹp tuy có chê mắng Phật, cũng không thoái thiện tâm, tuy tự tổn hại mình sâu mà tổn hại người ít. Sau khi Phật diệt độ chúng sanh cấu nặng, chê bai người trì kinh làm tất cả người nghe phần nhiều lui sụt Bồ-đề tâm; mình và người đều tổn hại nặng, cho nên đây nói. Kinh Hoa Thứ nói: Nếu người làm hoại loạn người phát Bồ-đề tâm chính là hủy diệt tất cả đại pháp quang minh của chúng sanh tội đọa vào năm Vô Gián, ngũ Vô Gián nghịch không hủy hoại tất cả Phật pháp, hủy Bồ-đề tâm chính là hủy hoại tất cả Phật pháp. Lại sau khi Phật diệt độ người y pháp đọc tụng rất là khó có, năng làm bạn lành của chúng sanh đời ác. Cho nên chê bai người đọc tụng nặng hơn chê bai Phật.

- Kinh: "Dược Vương! Được Như-lai dùng vai mang vác".

- Tán: Hạng thứ ba: Đọc tụng Phật trang nghiêm, đầy đủ các đức của Phật, cho nên đọc tụng kinh này sẽ đầy đủ tướng tốt cho đến trang nghiêm tất cả. Nên Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát có mười thứ trang nghiêm:

1. Đại từ trang nghiêm cứu hộ tất cả chúng sanh.
2. Đại bi trang nghiêm chịu đựng tất cả khổ.
3. Đại nguyện trang nghiêm có thể phát nguyện đều rốt ráo.
4. Hồi hướng trang nghiêm kiến lập tất cả công đức Chư Phật trang nghiêm mầu nhiệm.
5. Công đức trang nghiêm lợi lạc tất cả chúng sanh.
6. Ba-la-mật trang nghiêm độ thoát tất cả chúng sanh.
7. Trí tuệ trang nghiêm trừ diệt tất cả phiền não ngu si cho tất cả chúng sanh.
8. Phương tiện trang nghiêm xuất sanh thiện môn các gốc lành.
9. Tâm Nhất-thiết-trí vững chắc bất loạn trang nghiêm không thích thừa khác.
10. Quyết định trang nghiêm trong chánh pháp dứt nghi ngờ.

Nên Kinh Thắng-man nói: Nhiếp thọ chánh pháp Người thiện

nam, dùng vai mang vác gánh nặng không chỉ người trì kinh có thể gánh vác bốn loài sanh mà cũng chính là được Như-lai dùng vai mang vác, được Đức Phật quí trọng nên xứng Phật tâm, có hai nghĩa: 1. Tác. 2. Bị. Trên là nghĩa bị. Đây nói nghĩa tác: Tức là tự vai mang vác, cũng là dùng vai mang vác đại Bồ-đề mà Như-lai đã mang vác, tức là mang vác đại Bồ-đề, tức là mang vác Vô thượng Chánh đẳng giác.

- Kinh: "Người đó đến đâu cho đến nên đem báu cõi trời dâng cho người đó".

- Tán: Hạng thứ tư nên khen ngợi lễ bái tôn trọng người ấy. Hạng thứ năm nên bốn việc cúng dường người ấy vì có ruộng phước chân thật, có khả năng thọ sự cúng dường mầu nhiệm. Thức ăn uống ngon, là đầy đủ sự ăn uống.

- Kinh: Vì sao cho đến Chánh Đẳng Giác".

- Tán: đây là giải thích lý do. Do kinh Pháp Hoa rất sâu xa bí mật nên Phật không giao phó cho ngài A-nan, chỉ giao phó cho Dược Vương, rất bí mật như dùng độc làm thuốc chỉ có Đại thầy thuốc giỏi mới có khả năng, tiểu thầy thuốc bình thường không thể làm được; cho nên Đức Phật giao phó cho Bồ-tát mà không giao phó cho Thanh-văn. Chẳng phải vì Thanh-văn nói giây lát được nghe pháp liền chứng được rốt ráo vô thượng chánh đẳng giác. Lời nói khế hợp chân thật nên tự đắc quả cũng khiến cho người khác đắc.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến và cúng dường người trì".

- Tán: Dưới mười sáu hàng kệ chia làm ba: Hai hàng đầu tụng về trình bày chung lý do Pháp sư đáng tôn trọng nên cúng dường, kế mười ba hàng tụng đức của Pháp Sư, sau một hàng tụng kết thành pháp thù thắng nên người đáng tôn trọng. Đây là hai hàng đầu. Lại có hai: một hàng tụng được trí nhậm vận, tức trí tánh chân thật lí hai không chân thật, sau một hàng tụng đắc trí tướng chân thật, nhất thiết chủng tức hậu đắc trí, và trí tuệ tức căn bản trí, chia làm hai: khuyên tự thọ trì và cúng dường người trì kinh, tự nhiên trí chỉ khuyên cúng dường, nêu rõ tự thọ trì được trí này có gì nghi nữa!

- Kinh: "Nếu người năng thọ trì cho đến nói rộng pháp vô thượng".

- Tán: Mười ba hàng tụng dưới đức của Pháp Sư trước, có hai: ba hàng đầu tụng về khen ngợi pháp Sư thù thắng, mười hàng sau tụng đáng tôn trọng. Đây là ba hàng đầu: Một hàng tụng làm sứ giả Phật, một hàng kế tụng bỏ tịnh độ, một hàng sau tụng tùy nguyện tự tại.

- Kinh: "Nên dùng hoa hương trời cho đến cúng dường người nói

pháp”.

- Tán: Mười hàng tụng đáng tôn trọng, có hai: bốn hàng chánh tụng khen ngợi Pháp sư đáng tôn trọng, sáu hàng sau tụng so sánh sai khác tội phước khuyên sanh tôn trọng. bốn hàng tụng đầu lại chia làm hai: một hàng tụng trọng người nói pháp, ba hàng tụng trọng người thọ trì. Đây là một hàng đầu: Do người nói pháp tự nhiên sẽ đắc quả báo mầu nhiệm thù thắng cho nên lược khen ngợi. Như Khế Kinh nói: Nếu có giới đầy đủ tuy yếu xấu mà có thể giảng nói lợi ích nhiều người, như Phật Đại Sư nên cúng dường, ưa kia khéo nói nên tương tợ. Luận Câu-xá cũng chép: Cha mẹ, Pháp Sư bệnh, thân Bồ-tát sau cùng dù chẳng đắc thánh mà bố thí pháp quả cũng vô lượng.

- Kinh: “Đời ác sau ta diệt cho đến làm việc của Như-lai”.

- Tán: Đây ba hàng kế tụng tôn trọng người thọ trì: một hàng tụng khuyên cung kính, một hàng tụng cúng dường, một hàng tụng làm sứ giả Phật. Giảng nói đọc tụng đều là thọ trì.

- Kinh: “Nếu ở trong một kiếp cho đến tội đây lại hơn kia”.

- Tán: sáu hàng tụng so sánh tội phước khuyên sanh tôn trọng chia làm hai: hai hàng đầu tụng so sánh tội, bốn hàng sau tụng so sánh phước. Đây là hai hàng đầu.

- Kinh: “Có người cầu Phật đạo cho đến phước đây lại hơn kia”.

- Tán: bốn hàng tụng chia làm hai: hai hàng đầu tụng đối Phật so sánh, hai hàng sau tụng nghe pháp so sánh cúng dường. Đây là hai hàng đầu. Khen ngợi Phật dễ, nên tâm, khinh lợi ít, khen ngợi người trì kinh khó, nên tâm trọng lợi nhiều, mình và người có nhiều ít như trước giải.

- Kinh: “Trong tám mươi ức kiếp cho đến nay ta được lợi lớn”.

- Tán: Đây do nghe pháp so sánh cúng dường, cúng tài cúng pháp đều có hơn kém, pháp cúng dường nghĩa là nghe pháp.

- Kinh: “Dược Vương! Nay ta bảo ông cho đến Pháp Hoa là bậc nhất”.

- Tán: Một hàng tụng hiển pháp thù thắng. Người thành đáng tôn trọng.

- Kinh: “Lúc bấy giờ Đức Phật lại bảo cho đến khó tin khó hiểu”.

- Tán: Đoạn thứ hai nói pháp Pháp Sư. Trong đây trước văn xuôi sau kệ tụng. Văn xuôi có ba: Đầu nêu pháp khó tin hiểu chớ giảng nói truyền bá bừa bãi “bất cứ ở đâu hoặc nói hoặc nghe v.v... là nói pháp thân Xá-lợi đáng được cúng dường, sau “nếu có người thiện nam người thiện nữ sau khi Như-lai diệt độ vì bốn chúng v.v...” là nói nghi thức

phép tắc nói pháp. Trong phần đầu lại có hai: Đầu là nói pháp của Pháp Sư sâu xa mầu nhiệm, sau nói do người Pháp sư này lại thành đức cao quý. Nói pháp của Pháp sư lại có hai: Trước nêu pháp khó tin hiểu, sau chớ truyền bá bừa bãi. Đây là phần trước. Kinh này trong ba đời khó tin khó hiểu khiến bỏ quyền theo thật, vô sanh mà hữu sanh cho nên biết khó tin, đạo lý nhiệm mầu cao xa mới chứng nên biết khó hiểu.

- Kinh: "Dược Vương! Kinh này cho đến huống chi sau khi Phật diệt độ".

- Tán: Dưới nói chớ truyền bá bừa bãi trao đại cho người cho đến là răn khuyên chớ truyền, "Chư Phật cho đến" là giải thích lý do kia. Đức Phật thường tự giữ gìn chưa hề khuyên nói, nay mới nói, Đức Phật hiện tại nói mà trong người Thanh-văn còn nhiều người oán ghét người tăng thượng mạn còn đứng dậy bỏ chỗ ngồi mà đi huống chi sau khi Phật diệt độ chê bai không tin.

Kinh: "Dược Vương nên biết cho đến được đức Như-lai dùng tay xoa đầu".

- Tán: Đây nêu do pháp. Người pháp Sư kia lại thành tựu đức thù thắng, có bảy thứ:

1. Như-lai dùng y trùm đầu, nhu hòa nhẫn nhục đầy đủ hổ thẹn được Phật từ bi che chở.

2. Đức Phật giữ gìn, do đây căn thuần thục Phật khéo giữ gìn các Bồ-tát.

3. Có đại tín.

4. Có chí nguyện lấy dục thắng giải mà làm tự thể.

5. Có gốc lành.

6. Ở chung với Như-lai, cùng ở chung nhà từ bi tâm tư duy thắng nghĩa không.

7. Đức Phật dùng tay xoa đầu: Phật giáo để tâm được Phật thọ ký, Phật nhiếp thọ.

- Kinh: "Dược Vương! Nơi nơi chỗ chỗ cho đến tôn trọng khen ngợi".

- Tán: Dưới nói pháp thân Xá-lợi, nên đáng cúng dường có hai phần: Trước nói pháp thân Xá-lợi, sau nêu dùng người này thành pháp Sư cũng là đức thù thắng. Trong phần đầu có hai: Nêu ra và giải thích.

Trong nêu có năm chỗ: 1. Nơi nói. 2. Nơi đọc. 3. Nơi tụng. 4. Nơi viết. 5. Nơi để quyển kinh. Cúng dường, bố thí người, lắng nghe, thọ trì, tư duy, tu tập trong mười pháp hành, không ngoài bốn nơi này. "Vì sao? cho đến". Dưới giải thích có hai: Đầu nói lên toàn thân Xá-lợi, sau nên

vì cúng dường. Nêu rõ hai thứ lý trí đều viên mãn, tức là đầy đủ pháp thân, hóa thân, do đây phản chiếu chỉ bày ngộ nhập tri kiến Phật, chung đến Bồ-đề Niết-bàn sự lý cả hai cùng tận, vì vậy Phật dạy tạo tượng biên chép pháp thân Xá-lợi an trong tượng đó nói: Các pháp từ nhân sanh, Như-lai nói là nhân, pháp ấy từ duyên diệt đại Sa-môn nói đó là pháp thân Xá-lợi. Nên Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Cũng gọi là vững chắc Xá-lợi. Căn cứ kinh Kim Quang Minh nói: Như như trí gọi là pháp thân, cho nên kinh có chỗ cho đến tức có toàn thân.

- Kinh: "Nếu có người cho đến chánh đẳng giác".

- Tán: Dưới là nói người này thành pháp thân cũng là đức thù thắng có bốn:

1. Lễ bái cúng dường tháp này được gần Bồ-đề.

2. Thấy nghe kinh này khéo hành đạo thù thắng.

3. Thấy nghe kinh này được gần chánh giác.

4. Nghe kinh mà kinh nghi sợ sệt là Bồ-tát mới phát tâm hạng tăng thượng mạn. Đây loại đầu, hướng phát tâm, là gần sơ phát tâm Bồ-đề.

- Kinh: "Dược Vương có rất nhiều người cho đến gần đạo chánh đẳng chánh giác".

- Tán: Loại hai thấy nghe kinh này khéo hành đạo thù thắng, chính là chánh nhân nên đã nhập kiếp số gọi là hành thiện hạnh. Văn có bảy hạnh: Thấy, nghe, đọc, tụng chép, trì, cúng dường, cho nên biết nói tư duy, tu tập, thật là hạnh lành.

- Kinh: "Có chúng sanh nào cho đến chánh đẳng chánh giác".

- Tán: Thấy nghe kinh này được gần sơ địa chánh giác, có ba:

1. Pháp.

2. Dụ.

3. Hợp.

Đây là đầu, hoặc nghe là văn tuệ, tin hiểu là tư tuệ, thọ trì là tu tuệ.

- Kinh: "Dược Vương thí như cho đến biết được sẽ gần".

- Tán: Đây là dụ, có người là dụ học xuất ly, dụ người khát tìm nước là dụ tại sanh tử không có nước chánh pháp: Tìm nước theo luận nói nước Phật tánh thành đại Bồ-đề tức giáo sở thuyên lý tánh, sơ địa Bồ-đề chẳng cần tìm cầu; ở cao nguyên: đất rộng bằng phẳng gọi là nguyên dụ cho chánh pháp Phật bao phủ bốn loài, bày khắp muôn tượng vượt qua các đường, khó có thể leo lên được gọi là cao nguyên, tức dùng giáo của ngoại đạo sanh tử gọi là sông bằng, trong sông bằng có cao nguyên. Soi đào tìm cầu: xuyên tạc là xoi đào, dùng diệu tuệ làm trước,

ba nghiệp làm dụng cụ lựa chọn suy tìm cầu Bồ-đề, vẫn thấy đất khô, tức là ngày xưa quyền Nhị thừa giáo tích hoàn toàn không có tướng Đại thừa gọi là biết nước còn xa, ra công không thôi: là hai lợi không dứt, lần thấy đất ướt: là gặp Bát-nhã Đại thừa Không giáo có thế lực Bồ-đề cùng đất ướt, rồi lần thấy đất bùn: dụ nghe kinh giáo này, biết nước đã gần: luận nói thọ trì kinh này được nước Phật tánh thành Chánh Đẳng Giác hai thứ Bồ-đề cho nên gần nơi sở thuyên trí tuệ Phật, tức nói rõ Nhị thừa giáo là xa, Đại thừa giáo là gần, không giáo là sơ, giáo Trung đạo là gần.

- Kinh: "Bồ-tát cũng giống như thế cho đến Chánh Đẳng Giác".

- Tán: Dưới hợp có hai: Nêu ra và giải thích. Đây là nêu. Ba thứ nghe - hiểu - tu - tập như thứ lớp ba tuệ. Tám loại đầu trong mười pháp hành là văn tuệ, kế một là Tư tuệ, một cuối là Tu tuệ.

- Kinh: "Vì sao cho đến mà chỉ bày cho".

- Tán: Đây giải thích lý do. Pháp đại Bồ-đề có nhân có quả, có nhân chánh gần có nhân bên xa, giáo lý hạnh quả trí tánh trí tướng, năm thứ trí tuệ đều thuộc kinh này, do kinh mà đắc nên thuộc về kinh này. Mở cửa tiện môn tức nhiếp nhân bên xa. Xưa nói Nhị thừa giáo lý hạnh quả hiển tướng chân thật nhiếp nhân chánh gần, nay nói Nhất thừa giáo lý hạnh tất cả cùng tận, đều thuộc kinh này. Lại sâu xa vững chắc: Sâu là diệu mà khó lường, cố là vững chắc không thể phá hoại, là chỗ Phật nhiếp thọ Phật, tạng bí yếu của Phật như tỉ ấn của vua chẳng phải người vật nào khác. Mầu nhiệm sâu xa do đại kiếp tu nhân chứng diệu trí chẳng phải Đức Phật không đảm đang thì không có người nào có thể đạt đến cùng nguồn gốc chân thật ấy được. Nay giáo hóa Bồ-tát nên gọi là chỉ bày.

- Kinh: "Dược Vương! Nếu có cho đến người tăng thượng mạn".

- Tán: Bốn loại Nghe kinh kinh nghi sợ sệt là người mới học tăng thượng mạn, sơ học Bồ-tát chẳng phải Thanh-văn. Mới đầu nghe liền kinh sợ tư duy sanh khởi nghi ngờ, tu hành sợ hãi gọi là tân học và tăng thượng mạn chưa nhập tam vị.

- Kinh: "Dược Vương! Nếu có người cho đến phải nói thế nào".

- Tán: Đoạn thứ ba nói nghi thức thuyết pháp , có hai: Đầu chỉ nghi thức phép tắc, sau nếu y phép tắc của ta Phật liền thuận theo. Đầu văn có ba:

1. Hỏi.
2. Chỉ.
3. Kết.

Đây là hỏi.

- Kinh: "Người người thiện nam đó cho đến nói rộng kinh này".

- Tán: Dưới chỉ bày có hai: Nêu và giải thích. Đây là nêu ra.

- Kinh: "Vào nhà Như-lai cho đến là tất cả pháp không".

- Tán: Đây là giải thích. Thân thường an ổn ở yên ngủ nghỉ, tâm từ bi nên gọi là nhà kinh. Duy ma dùng không làm nhà, lý rốt ráo tự lợi là nhà, đây nêu rõ sự, nói pháp lợi tha gọi là nhà.

Trong phẩm Tín giải chép: Dần đi đến nhà cha tức lấy Trung đạo Đại thừa làm nhà, do hình tướng trong ngoài gọi là nhà, kia lấy giáo làm nhà đây dùng hành làm nhà cũng không trái nhau. Tâm hạnh thuận theo kham nhẫn, tâm lao khổ gọi là áo nhu hòa nhẫn nhục, vật bên ngoài không thể xâm tổn, chịu đựng oán hại cố gắng thọ khổ như thứ lớp phối hợp, các tôn sùng hiền thánh khéo chống các pháp ác. Tam thừa thông hành dùng hổ thẹn làm y phục tốt. Nay nói người ác cảnh khổ chẳng quấy nhiễu riêng hành Đại thừa cho nên nói hòa nhẫn làm áo cũng không trái. Lại thể nhu hòa tức là hổ thẹn, an thân tâm nơi cảnh không, ba việc rõ ràng lấy không làm tòa. Kinh Duy ma lấy bốn tĩnh lự làm sàng (giường), kia căn cứ ở nương tựa sanh trí lấy tịch lự định làm giường. Nay căn cứ trí sở duyên y dùng pháp không làm sàng cũng không trái nhau. Đại từ bi là quán hữu, áo và ghế cả hai quán không. Pháp Không như thứ tư.

Luận Thập trú Tỳ bà sa chép: Nói pháp ở tòa Sư tử có bốn pháp:

1. Trước nên cung kính lễ bái đại chúng rồi sau mới lên tòa.
2. Chúng có người nữ nên thực hành quán bất tịnh.
3. Oai nghi nhìn ngắm có tướng Đại nhân, nhan sắc hòa vui mọi người đều tin nhận, không nói kinh sách ngoại đạo tâm không sợ hãi.
4. Đối với lời nạn vấn ác nên thực hành nhẫn nhục.

Lại có bốn pháp:

1. Không khinh tự thân.
2. Không khinh người nghe.
3. Không khinh nói.
4. Không vì lợi dưỡng bản thân.

Trong Đối Pháp Hiển Dương - Du-già cho đến đều có các câu hỏi về pháp, nên rộng như kia.

- Kinh: "An trú trong đây cho đến là kinh pháp Hoa này".

- Tán: là ba kiết

- Kinh: "Dược Vương! Bấy giờ, ta ở cho đến nghe người đó nói pháp".

- Tán: Dưới nếu y phép tắc ta Chư Phật liền thuận theo, có ba:

1. Khiến nghe.
2. Được thấy.
3. Khiến không quên.

Đây là khiến nghe, có ba:

1. Khiến hóa nhận nhóm hợp chúng.
2. Hóa bốn chúng khiến lắng nghe.
3. Khiến tám bộ đến nghe.

- Kinh: "Ta tuy ở nước khác cho đến khiến được đầy đủ".

- Tán: Đây nêu khiến được thấy và không quên nhớ nghĩ.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến người tin nhận cũng khó".

- Tán: Dưới mười tám hàng rưỡi tụng chia làm hai: mười sáu hàng rưỡi tụng trước nói hai hàng nêu năng nói năng thọ nhận hai thứ đều có sự ích lợi. mười sáu hàng rưỡi đầu lại chia ba: một hàng đầu tụng khó tin hiểu chớ vọng tuyên truyền, kế bốn hàng tụng trong pháp thân Xá-lợi người đến gần Bồ-đề, sau mười một hàng rưỡi tụng nghi thức nói pháp. Đây là một hàng đầu.

Kinh: "Như người khát cần nước cho đến quyết chắc biết gần nước".

Tán: bốn hàng tụng pháp thân Xá-lợi gần Bồ-đề, có hai: một hàng rưỡi là dụ, sau hai hàng rưỡi tụng hợp. Đây là dụ.

- Kinh: "Dược Vương! Ông nên biết cho đến gần nơi trí tuệ Phật".

- Tán: Dưới hai hàng rưỡi tụng hợp.

- Kinh: "Nếu người nói kinh này cho đến ở đó vì người nói".

- Tán: Dưới mười một hàng rưỡi tụng nghi thức nói pháp có hai: hai hàng rưỡi đầu tụng về nghi thức, sau chín hàng tụng Phật thuận theo. Đây là đầu, có hai: 1. Một hàng rưỡi tụng nêu giáo. 2. Một hàng tụng giải thích.

- Kinh: "Nếu lúc nói kinh này cho đến nhóm đó khiến nghe pháp".

- Tán: Dưới chín hàng tụng Phật thuận theo chia làm sáu:

1. Một hàng tụng nêu hành hạnh nhẫn.
2. Ba hàng nêu ta ở nước khác, khiến hóa bốn chúng cúng dường và khuyên nghe pháp.
3. Một hàng tụng làm hộ vệ giữ gìn.
4. Hai hàng tụng hiện thân khiến nhớ nghĩ.
5. Hai hàng tụng đầy đủ đức mới thấy Phật.

6. Một hàng tụng khiến tám bộ nghe pháp.

Đây là đầu và hai.

- Kinh: "Nếu người muốn làm hại cho đến vì làm chúng nghe pháp".

- Tán: Một hàng tụng giữ gìn, hai hàng khiến nhớ nghĩ. Tịch mịch là không tướng mạo, một hàng tụng đủ đức mới thấy Phật tức là nhẫn nhục, ở nơi vắng lặng đọc tụng, một hàng tụng bát bộ nghe kinh.

- Kinh: "Người đó ưa nói pháp cho đến được thấy hằng sa Phật".

- Tán: Đây đoạn thứ hai nói năng nói năng thọ đều có sự lợi ích. Một hàng tụng là năng nói lợi ích, một hàng tụng là năng nghe lợi ích.

PHẨM HIỆN BẢO THÁP

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chướng nạn.

I. Vì sao có phẩm này có bốn:

Luận chép: Vì người trừ ba thứ không còn phiền não nhiễm mạn mà nói ba thứ bình đẳng. Ba mạn: Tin các thừa sai khác. Tin sanh tử Niết-bàn khác nhau và Tin thân kia đây sai khác. Ba thứ bình đẳng:

1. Thừa bình đẳng như trước đã nói.

2. Vì trừ tin sanh tử Niết-bàn sai khác cho nên hiện tháp Đa-bảo Như-lai, nhập Niết-bàn rồi mới hiện thân.

3. Vì phá thân kia đây khác nhau, nói lê Phật Đa-bảo nhiếp tất cả thân Phật.

Luận nói lược, Đa-bảo Như-lai một thân, thể thị hiện nhiếp lấy tất cả thân Phật, do thân bình đẳng nên chỉ nói một thân nhiếp thân Chư Phật. Lại nói lên thân tự tha không sai khác. Mười phương Phật phân thân nhóm họp không khác, thân kia tức là thân ta. Do hai nghĩa sau nên có phẩm này.

Luận nói trong mười vô thượng, thứ năm là thị hiện cõi nước thanh tịnh vô thượng, thị hiện tháp Đa-bảo Như-lai, tháp Đa-bảo từ đất vọt lên phân thân Phật nhóm họp, Đức Phật phát ra một luồng ánh sáng, thấy ở năm trăm muôn ức na do tha hằng hà sa cõi nước ở phương đông đất đều bằng pha lê. Lại Đức Phật biến tám phương mỗi phương đều có bốn trăm muôn ức na do tha cõi nước làm tịnh sạch, thị hiện cõi Phật thanh tịnh, nêu bày nay pháp thù thắng không chỉ cõi uế để hóa sanh, cũng ở trong cõi Phật thanh tịnh để thi thiết lập bày giáo hóa, vì lý do cõi Phật thanh tịnh nên có phẩm này đây là nghĩa còn lại.

Bốn phẩm đầu khen ngợi tôn trọng lưu thông, trong phẩm Pháp Sư nói lên nơi kinh này hoặc người hoặc pháp đều đáng tôn trọng. Nay một phẩm này nói lên pháp đáng tôn trọng, chỉ nói nơi nói kinh Phật Đa-bảo ắt nghe hiện làm linh chứng, khuyên phát tín tâm cho nên có phẩm này.

Luận Trí độ nói: Có Phật ra đời không có người thỉnh nói liền nhập Niết-bàn. Như Kinh Pháp Hoa Đa-bảo Thế tôn không có người thỉnh nên liền nhập Niết-bàn, sau Phật hóa thân và tháp bảy báu, chứng Pháp Hoa nên đồng thời xuất hiện. A-nan truyền kinh lấy sự đồng nghe

làm chứng, Phật nói kinh này lấy Phật làm chứng nên có phẩm này. Tuy có truyền giải thích này mà ý chỉ khó hiểu, Phật Đa-bảo đã diệt làm tháp, không có người thỉnh làm gì có chúng ư!.

II. Giải thích danh: Nơi thể của Phật nương ở gọi là tháp, có các báu tạo thành gọi là bảo tháp, do báu thành nên gọi là bảo tháp, hoặc tháp như trước nói, bảo là Đa-bảo, tháp Phật Đa-bảo, hoặc Đa-bảo là tháp hai tên đều nêu, cho nên gọi là bảo tháp. Sở hiện tức bảo tháp gọi là hiện bảo tháp. Lại tháp Phật, hiện lên không mọi người đều thấy, sở kiến tức là bảo tháp (kiến) thấy bảo tháp nên gọi là phẩm Kiến bảo tháp.

III. Giải đáp chướng: Y luận phẩm này đã nêu rõ cõi tịnh độ mười phương Phật nhóm họp, vì sao không dùng làm tên phẩm?

Đáp: Nhân tháp bay lên hư không, mong muốn mở ra ắt mời Chư Phật chuẩn bị sắp xếp cho Chư Phật nhóm họp, do đó biến thành cõi tịnh, tháp hiện làm nhân mới do Phật nhóm họp biến làm tịnh độ, chứng minh kinh làm hiệu nghiệm, chỉ hiện thấy tháp nên lấy đặt tên.

Hỏi: Vì sao không ở Tịnh độ vì hàng Nhị thừa nói rồi chứng pháp mới có tịnh độ?

Đáp: Muốn hiển Nhị thừa sau hướng đến Đại thừa, trước tại cõi uế sau ở tịnh độ.

- Kinh: "Lúc bấy giờ trước Phật có cho đến trú ở giữa hư không".

- Tán: Dưới văn đầu tiên là văn xuôi có hai:

1. Tháp nổi lên nghe pháp chứng kinh cao siêu mầu nhiệm.

2. Sắp đến tụng nói: "Bấy giờ Đức Phật Đa-bảo ở trong tháp chia nửa tòa cho đến" là mộ chúng nói kinh mới trình bày phó chúc.

Văn đầu lại có hai:

a. Tháp nổi lên ấn nói chứng minh kinh đáng tin nên tháp chưa mở cửa, đức Đa-bảo liền khen ngợi như trước nói đều là chân thật.

b. Tháp mở cửa nghe nói chứng minh kinh đáng trọng. "Bấy giờ bốn bộ chúng thấy tháp Đa-bảo trụ giữa hư không, lại nghe trong tháp vang ra tiếng v.v...". Đầu tiên tháp làm chứng, sau thân làm chứng, chứng giáo chứng lý như thứ lớp chứng minh.

Văn đầu lại có ba:

a.1. Chi đề ứng hiện.

a.2. Linh kỳ kính phụng.

a.3. Khen ngợi công lực thần thông của Phật ấn kinh diệu đức.

"Bấy giờ trong tháp báu lớn phát ra âm thanh lớn cho đến" Văn đầu có năm: 1. Nêu có tháp. 2. Nêu phần lượng. 3. Vọt lên trú. 4. Tướng

trang nghiêm. 5. Chỗ đến.

Nay đây có ba thứ đầu. Nhưng luận giải thích trong mười vô thượng, thứ năm thị hiện cõi nước thanh tịnh vô thượng cho nên thị hiện tháp Đa-bảo Như-lai, trong đó có chín:

1. Tất cả cõi Phật thanh tịnh.
2. Tháp.
3. Lượng.
4. Lược.
5. Trú trì.
6. Thị hiện vô lượng Phật.
7. Xa lìa uế bất tịnh.
8. Đa-bảo.
9. Đồng ngồi.

Đây nói chín thứ lý do trong phẩm Đa-bảo đều có tiêu biểu.

1. Cõi Chư Phật thanh tịnh: Dưới giải thích ánh sáng chiếu sáng thấy khắp mười phương thấy năm trăm muôn ức na do tha hằng hà sa cõi nước Chư Phật đất đều bằng pha lê cõi nước thanh tịnh.

2. Tháp: Giải thích lý do tháp này hiện.

3. Lượng: Giải thích kích thước tháp rộng dài cao thấp, hoặc chỗ thấy lượng tịnh độ và mười phương đều biến lượng.

4. Lược: Đây giải thích vì sao lược chỉ một Đức Phật Đa-bảo chứng minh, lại không có Đức Phật khác chứng minh ư!

5. Trú trì: Dưới giải thích Đức Phật đáp Đại Nhạo nói, lý do tháp này có toàn thân Xá-lợi của Đa-bảo trú trì.

6. Vô lượng Phật: Dưới giải thích lý do đức Thích-ca đều phân thân vô lượng khắp mười phương nhóm họp.

7. Xa lìa uế bất tịnh: Dưới giải thích đức Thích-ca biến thế giới ta bà này làm thanh tịnh, lại có hai lớp tám phương đều biến hai trăm muôn ức na do tha cõi nước đều làm cho thanh tịnh, cũng không có biển cả sông ngòi và các núi lớn.

8. Đa-bảo: Giải thích lý do Đức Phật tên Đa-bảo.

9. Đồng tòa ngồi: Dưới giải thích đức Thích-ca đức Đa Đảo châu báu dĩ hai Đức Phật đồng ngồi tòa, nói lên đều có tiêu biểu. Luận trình bày không y kinh thứ lớp tùy nghĩa tổng giải thích.

Luận chép: tháp là thị hiện Xá-lợi Như-lai trú trì, nghĩa là Xá-lợi Phật toàn trú ở trong tháp, tiêu biểu pháp thân Phật toàn ở trong kinh này. Cho nên tháp cần phải nổi lên, nếu không như vậy chỉ Đức Phật hiện đâu cần tháp hiện ra! Cao năm trăm do tuần: Luận nói lượng ấy thị

hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh, do gốc lành ra đời gian thù thắng sanh ra cho nên lớn mà lại tịnh, thiên căn thế gian sanh chẳng tịnh mà nhỏ. Cho nên kinh Phật Địa nói gốc lành ra đời gian thù thắng sanh khởi, năm là năm căn, trăm là trăm hạnh, trăm hạnh nghiệp đạo đều phụ giúp năm căn mới bắt đầu chứng đắc. Cao vượt năm đường, rộng mỗi bề hai trăm năm mươi do tuần, xuất ra hai mươi lăm cõi. Từ dưới đất nổi lên trụ giữa hư không: Tháp ở phương đông nói nổi lên trụ hư không là tiêu biểu Phật Niết-bàn rồi vượt ra sanh tử, nay lại ra đời để cứu giúp chúng sanh, hai thứ sanh tử Niết-bàn không sai khác. Lại nói nổi lên tiêu biểu nói Nhất thừa siêu vượt Nhị thừa, trú giữa hư không là tiêu biểu giáo thích chân lý không .

- Kinh: "Các món báu vật trau dồi cho đến cùng khắp cả thế giới".

- Tán: Dưới nói tướng trang nghiêm có hai: Đầu nói tám tướng trang nghiêm, sau nói lại tướng phướn lọng trang nghiêm. Đây là đầu. Ngoài trang nghiêm tháp báu tiêu biểu trong thân Phật và Kinh Pháp Hoa nói đều có công đức dùng làm nghiêm sức.

1. Các thứ trau dồi dụ cho muôn đức đầy đủ.

2. Năm ngàn bao lơn (lan thuẩn) dụ tín, tiến, niệm, định, tuệ lực, đều dùng trăm hành nghiệp đạo nuôi dưỡng mới thành năm trăm, mỗi thứ đều trừ mười ác nên thành năm ngàn.

3. Ngàn muôn phòng nhà tiêu biểu thiền định rất nhiều.

4. Tràng tiểu biểu trí đức cao vợi.

5. Phan tiêu biểu các tổng trì chuyển diệt các ác.

6. Anh lạc tiêu biểu ba niệm trú.

7. Linh báu tiêu biểu bốn biện tài.

8. Xuất ra mùi thơm tiêu biểu tu ngũ phần pháp thân. Chứng chân diệt hoặc tức là vô cấu hiền chiên đàn hương toả khắp trong bốn loài diệt các phiền não năng chứng chân như.

- Kinh: "Các thứ phước lọng cho đến bảy báu hợp thành".

- Tán: Đây lập lại nêu tướng phước lọng tô điểm, tiêu biểu đầy đủ bảy Thánh tài.

- Kinh: "Cao đến cung bốn vị thiên vương".

- Tán: Đây chỉ chỗ đến tiêu biểu cao vượt trên bốn loài thị hiện xuống hóa độ.

- Kinh: "Trời Đao lợi cho đến tôn trọng khen ngợi".

- Tán: Đây nêu linh kỳ kính phụng có hai: Đầu nêu cõi trời Đao lợi mưa hoa, sau bát bộ cùng khen ngợi.

- Kinh: "Bấy giờ trong tháp báu cho đến đều là chân thật".

- Tán: Đây khen ngợi công lực thần thông của Phật ấn kinh đức mầu nhiệm có hai: Đầu khen ngợi sau ấn, như văn có thể biết.

- Kinh: "Bấy giờ bốn chúng cho đến chắp tay đứng một bên".

- Tán: Dưới đoạn thứ hai tháp mở nghe nói chứng minh kinh đáng tôn trọng có ba: Trước biện do nhân; kế nói mở tháp, "lúc bấy giờ Bồ-tát Đại Nhạo nói do sức thần lực của Như-lai mà bạch Phật rằng: cho đến" sau nêu thấy khen ngợi, "tức thời tất cả chúng hội đều thấy đức Đa-bảo Như-lai ngồi trong bảo tháp v.v..." là nói nhân có hai: Thỉnh và đáp. Trong thỉnh có hai: Mọi người nhất tâm thỉnh, và Đại Nhạo Nói thỉnh.

- Kinh: "Lúc đó có vị đại Bồ-tát cho đến vang ra âm thanh như thế".

- Tán: Đại Nhạo Nói thỉnh.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến có toàn thân Như-lai".

- Tán: Đáp, có ba: Đầu là nêu, kế giải thích, sau kết. Đây là nêu. Luận nói trú trì là thị hiện pháp thân Như-lai thân lực tự tại, hóa tướng pháp thân Chư Phật lực tự tại, toàn thân trú ở trong tháp tiêu biểu lực pháp thân Phật tự tại, trong kinh này dạy hoàn toàn thân trú trì.

- Kinh: "Về Thời quá khứ cho đến hiệu là Đa-bảo".

- Tán: Tiếp giải thích có bốn:

1. Thân Phật.
2. Bổn nguyện.
3. Khuyên dạy.
4. Toại nguyện.

Đây là đầu, vì sao một Đức Phật Đa-bảo làm chứng chẳng phải nhiều Đức Phật ư! Luận chép: Lược nói thân Đa-bảo Như-lai đồng nhất thể thị hiện nhiếp lấy tất cả thân Phật, tức là một thân nhiếp tất cả thân Phật, thân bình đẳng, cũng nói lên Nhất thừa nhiếp hết các nghĩa. Vì sao Đa-bảo làm chứng, chẳng phải các Đức Phật khác làm chứng? Luận chép: Đa-bảo thị hiện tất cả cõi Phật đồng bảo tánh muốn nêu rõ sự trong cõi báo hóa thân Phật cho đến đồng là bảo tánh, cũng tiêu biểu lý sở thuyên mầu nhiệm thanh tịnh không khác nhau.

- Kinh: "Đức Phật đó tu hành đạo Bồ-tát cho đến khen rằng! Lành thay".

- Tán là trình bày bổn nguyện.

- Kinh: "Đức Phật đó thành Phật rồi cho đến xây một tháp lớn".

- Tán: Nêu rõ răn dạy.

- Kinh: “Đức Phật đó dùng sức nguyện thần thông cho đến lành thay lành thay”.

- Tán: Bốn nguyện đã toại!”.

- Kinh: “Đại Nhạo Thuyết cho đến lành thay! Lành thay”!

- Tán: Ba là Kết bảo...

- Kinh: “Lúc bấy giờ Đại Nhạo nói...” thấy thân của Đức Phật đó”.

- Tán: Trên nói do nhân, dưới nêu mở tháp, có bốn:

1. Thỉnh.

2. Đáp.

3. Lại thỉnh.

4. Hứa mở. Đây là thỉnh.

- Kinh: “Phật bảo ngài Đại Nhạo Nói cho đến” mới xuất hiện”.

- Tán: Kế đáp có hai: Đầu tiên trình bày bổn nguyện của Đa-bảo, sau nhóm họp hóa Phật. Đây là bổn nguyện Phật kia nói kinh tháp nổi lên làm chứng, tháp mở Phật hiện ra hóa Phật làm chứng. Lại ta khai mở tháp nhờ phân thân để thỉnh lại, nay ta chứng nói kinh này đáng tin, mong Đức Phật kia nhóm họp phân thân Chư Phật mới có thể mở tháp.

- Kinh: “Đại Nhạo Nói cho đến nay nên nhóm họp lại”.

- Tán: Đây là nhóm họp hóa Phật.

Hỏi: Một Đức Phật sở hóa không vượt qua ba ngàn, vì sao phân thân Phật trùm khắp mười phương cõi ư!

Đáp: Thuận theo ban đầu thấy tạm nói ba ngàn sở hóa, vị trên khác nhau đâu được phân thân không rộng ư! Lại thân không sai khác thân người khác tức là thân ta.

- Kinh: “Đại Nhạo Nói cho đến lễ bái cúng dường”.

- Tán: Đây là thỉnh lại.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật phát ra ánh sáng cho đến cõi nước Chư Phật”.

- Tán: Dưới hứa mở tháp có hai: Đầu trên nhóm họp phân thân, sau chánh mở tháp. “Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thấy phân thân Phật đều đã thấy nhóm họp cho đến” Nhóm họp phân thân có bốn:

1. Ánh sáng này chiếu đi.

2. Đức Phật kia nói đến.

3. Biến cõi đón khách.

4. Đem hoa đến dâng Phật chủ tức từ câu: “Bấy giờ Chư Phật đều ở dưới gốc cây báu.” Trở xuống.

Hỏi: Đức Phật phân thân tâm Thánh rất sáng suốt đâu cần phải

phát ra ánh sáng chiếu soi mới nói đến ư?

Đáp: Phân thân Phật không nhờ ánh sáng mà đến nhóm họp, chỉ vì muốn chúng sanh cõi này xa thấy nên phát ra ánh sáng để chiếu. Lại nếu không nhóm họp mà đến thì chúng sanh không biết thần lực của Phật và Đức Phật nói mà tôn trọng, nên phát ra ánh sáng chiếu.

Nói một luồng sáng là tiêu biểu nói Nhất thừa không có hai thừa khác. Văn nói phát ra ánh sáng đi có hai: 1. Phương đông. 2. Các phương khác cũng giống như vậy. Nói phương Đông có sáu ý, đây là ý đầu thấy Phật.

Hỏi: Vì sao phải hiện vô lượng Phật?

Đáp: Luận nói thị hiện kia đây chỗ tạo nghiệp không sai khác, kia đây Phật nghiệp giáo hóa chúng sanh, trước quyền sau thật việc làm giống nhau.

- Kinh: "Các cõi nước đó cho đến lưới báu phủ lên".

- Tán: Đây văn có ba: Một tướng cõi. 2. Quyến thuộc. 3. Giăng che phủ. Vì sao phải chiếu tất cả cõi Phật thanh tịnh? Luận nói thị hiện trong cảnh giới thật tướng của Chư Phật, các thứ báu dùng để trang sức là tiêu biểu trong Nhất thừa đầy đủ muôn đức.

- Kinh: "Đức Phật trong nước đó cho đến vì chúng nói pháp".

- Tán: Văn này có hai:

1. Nói pháp.

2. Trợ hóa.

- Kinh: "Nam tây bắc phương cho đến cũng giống như vậy".

- Tán: Nêu các phương khác cũng giống vậy.

- Kinh: "Lúc đó Chư Phật ở mười phương cho đến cúng dường tháp báu của Đa-bảo Như-lai".

- Tán: Thứ hai Đức Phật kia nói đến.

- Kinh: "Lúc bấy giờ cõi ta bà cho đến treo những linh báu".

- Tán: Biến cõi đón khách, có bốn:

1. Biến đại thiên.

2. Đức Phật liền ngồi.

3. Lại rộng biến.

4. Đức Phật các phương an tọa.

Đầu lại có hai: Trước biến cõi sau dời người. Biến cõi có ba: Trước hiện tịnh tiếp diệt uế, sau rừng hoa thơm. Tẩu là tán cây làm rừng, đầm không có nước gọi là tẩu (chằm). Vì sao biến uế làm tịnh ư? Luận nói thị hiện tất cả cõi Phật bình đẳng thanh tịnh, Đức Phật Thích-ca vì chúng sanh ác mà hiện nên có sự bất tịnh đây như Kinh Vô Cấu Xứng nói.

Hỏi: Vì sao tháp Đa-bảo bay lên hư không, không biến thành tịnh độ, phân thân Phật nhóm họp mới biến tịnh độ ư! Đáp: Đa-bảo rõ thuận theo Nhị thừa hiện tướng ở cõi uế, phân thân Phật là thuận Bồ-tát do đó mới biến tịnh độ. Lại Đa-bảo thuận trú vị Nhị thừa nên ở cõi uế. Phân thân thuận Nhị thừa sau thành nên ở cõi tịnh. Chủ biến có ba thời khách ngồi có hai vị.

Hỏi: Vì sao chủ nhân phải ba phen biến cõi ư?

Đáp: Muốn hiển phân thân Phật số nhiều. Lại hiển thứ lớp ba phen cùng tột hiển Nhất thừa tam thừa đây cùng tột, lại hiển phàm phu vị vốn uế. Trước biến Đại thiên tiêu biểu đến Thanh-văn, tiếp biến hai trăm muôn ức na do tha nước tiêu biểu đến Độc giác, sau lại biến hai trăm tiêu biểu vượt địa vị Nhị thừa đến Nhất thừa vị cùng tột đầy đủ.

Hỏi: Các Phật Thế tôn khách sao lại cần ngồi ư!

Đáp: Muốn cho ba phen biến, tột cùng ở đạo.

Hỏi: Nếu vậy, sao Phật khách không ba phen ngồi?

Đáp: Vì chứng lại nghĩa Pháp Hoa sâu mầu, lại để mở tháp Đa-bảo tức ba phen ngồi, ba lần chứng, ba lần biến.

- Kinh: "Chỉ giữ lại chừng trong hội này cho đến để ở cõi khác".

- Tán: Đây là dời người. Căn cơ thuần thục có khả năng nghe cho nên giữ lại, vô duyên không có khả năng nghe nên dời đi.

- Kinh: "Lúc đó các Đức Phật cho đến mà trau dồi đó".

- Tán: Thứ hai hóa Phật bèn ngồi, có ba: Trước nói Phật và thị giả đều đến, kế tướng cây tòa, sau tòa Phật không đủ. Đây là nói hai ý đầu.

Hỏi: Vì sao Chư Phật mỗi vị đều đem theo một vị thị giả?

Đáp: Chứng kinh mở tháp không nhờ thị giả, truyền hỏi nói nghi thức phép tắc một người đủ nói rõ.

Hỏi: Thị giả ngồi chỗ nào?

Đáp: Đâu cần ngồi.

Hỏi: Vì sao Tịnh Danh đãi khách mượn tòa Đăng Vương". Đức Thích-ca đón thị giả không có tòa ngồi?

Đáp: Vì kia là thế tục, còn đây là Phật nên việc khác nhau.

- Kinh: "Bấy giờ Chư Phật cho đến vẫn còn chưa hết".

- Tán: Đây nói tòa Phật không đủ.

- Kinh: "Bấy giờ đức Thích-ca Mâu-ni Phật cho đến đều làm cho thanh tịnh".

- Tán: Dưới thứ ba, lại rộng biến có hai: Trước một phen biến hai trăm, sau một phen biến hai trăm, vì đã đến chưa đến có sai khác. Lần

đầu biến có năm:

1. Biến lượng cõi.
2. Biến chúng sanh ác.
3. Biến tướng tịnh.
4. Biển cõi ác.
5. Biến cõi tịnh trang nghiêm.

Biến lượng cõi: Phát ra ánh sáng báo hiệu có duyên mời Phật, chiếu khắp mười phương, Đức Phật ngồi cõi đất phải bằng phẳng, lập ra tòa chỉ ở tám phương.

- Kinh: "Không có địa ngục cho đến để ở cõi khác".

- Tán: Đây biến chúng sanh ác.

- Kinh: "Người nước của Phật biến cho đến các thứ báu trau dồi".

- Tán: Đây biến tướng tịnh.

- Kinh: "Các nước đó cũng không có biển cả sông ngòi cho đến và các núi lớn".

- Tán: Đây biến cõi ác. Cũng có giải thích: Dưới nói khiến Bồ-tát ở núi Linh Thứu rải hoa, không biến ở hội, do đó trên nói chỉ giữ lại hội này. Lý này không đúng. Trên nói chỉ giữ lại hội này vì chúng có khả năng nghe pháp, chúng sanh năm đường đều dời đổi, đâu lại đãi khách biến cõi thành tịnh, riêng giữ lại ở núi tạp uế để chỉ cho khách biết, thì không có việc này. Y cứ thật ở núi cũng biến khiến không có. Dưới nói khiến ở trong núi rải hoa tức chỉ núi cũ dùng tịnh che uế gọi là dời chưa phát tâm thấy uế đã phát tâm thấy tịnh, ẩn uế hiển tịnh gọi là dời, dời tướng dời tâm. Chỉ nói dời các trời người để ở cõi khác, không nói dời ác để ở nước khác sắp đặt các trời người cũng giống như dời. Lại văn dưới Văn-thù ở Cung rồng hiện lên, hoa hiện trong núi thì nơi nào có núi đã dời? Nên Kinh Đại Bát-nhã quyển ba nói: Tam thiên đại thiên thế giới Tô mê lô nói Đại lô mê lô nói, Luân vi nói, Đại luân vi nói, Đại Tô mê lô tức thành vị trên ở trong cõi Phật.

- Kinh: "Thông làm một cõi nước Phật cho đến trùm khắp ở trên đất".

- Tán: Đây biến cõi nghiêm tịnh. Các báu lẫn nhau nhau làm màn trùm trên, dùng báu lẫn nhau trang sức, lại dùng báu trang sức hoặc hiển lộ hoặc làm màn che, lại dùng báu lẫn nhau che phủ ở trên đều gọi là trùm lên.

- Kinh: " Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến trải khắp trên đất".

- Tán: Đây lần thứ hai biến hai trăm. Văn cũng như trước.

- Kinh: “Bấy giờ phương Đông cho đến đến nhóm ở cõi này”.

- Tán: Phật các phương an ngồi, có ba: Trước một phương an ngồi, kế đến các phương ngồi, sau khắp nơi ngồi. Đây là một phương ngồi.

- Kinh: “Thứ lớp như vậy cho đến đầy khắp trong đó”.

- Tán: Các phương ngồi và khắp nơi đều vậy.

- Kinh: “Lúc đó các Đức Phật cho đến cũng giống như vậy”.

- Tán: Nhóm họp phân thân trong đó có bốn, đây là thứ tư dâng hoa Phật chủ, có hai: Trước tiên sai thị giả, sau sai y theo lệ, sợ văn khác nhau nên nêu lập lại. Đầu nêu Chư Phật một phương, sau Phật bảy phương cũng vậy. Đầu văn có ba: Đầu bảo chỗ đi, tiếp sai truyền nói, sau dạy rải hoa cúng.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến trú trên hư không “.

- Tán: Phần chánh mở tháp, có ba: Đầu tiên xong việc trú trên hư không, tiếp chúng đứng dậy thấy, sau Đức Phật Thích-ca chính mở tháp. Đây là phần đầu. Tháp nổi lên hư không nên tùy tháp trú.

- Kinh: “Tất cả bốn chúng cho đến một lòng nhìn Phật”.

- Tán: Đây chúng đứng dậy thấy.

- Kinh: “Khi ấy Đức Thích-ca cho đến mở cửa thành lớn”.

- Tán: Phật chánh mở. Làm điềm lành nên dụng tay phải.

- Kinh: “Tức thời tất cả chúng trong hội cho đến mà đến cõi này”.

- Tán: Đoạn thứ hai mở tháp nghe nói, chứng minh kinh đáng trọng. Dưới đoạn thứ ba nêu thấy khen ngợi, có hai: Đầu tiên thấy thân nghe nói sau khen ngợi rải hoa. Đây là phần đầu.

Kinh: “Bấy giờ bốn chúng cho đến và Phật Thích-ca Mâu-ni”. Tán: Đây khen ngợi rải hoa.

- Kinh: “Lúc đó đức Đa-bảo cho đến có hãy ngồi trên tòa này”.

- Tán: Trong văn xuôi, tức đoạn thứ hai mộ chúng nói kinh trình bày Phật mới phó chúc có ba:

1. Đồng ngồi trong tháp.
2. Chúng ở giữa hư không.
3. Khuyên nói phó chúc.

Văn đầu có hai: Trước sai, sau ngồi. Đây là sai bảo.

- Kinh: “Tức thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến ngồi xếp bằng trên nửa tòa đó”.

- Tán: Đây là ngồi. Hỏi: Vì sao hai Đức Phật đồng ngồi một toà? Luận nói thị hiện hóa Phật - phi hóa Phật - pháp Phật - báo Phật cho

đến đều làm thành đại sự, tức là thành một đại nhân duyên. Lại tiêu biểu Tam thừa đồng sàng với Nhất thừa, chúng sanh cũng đồng tòa Nhất thừa.

- Kinh: "Bấy giờ đại chúng cho đến đều được ở trên hư không".

- Tán: Dưới nêu rõ chúng ở trên không có hai: Trước thỉnh sau dẫn. Đây là thỉnh.

- Kinh: "Tức thời đức Thích-ca Mâu-ni Phật cho đến đều ở trên không".

- Tán: Đây dẫn trú trên không, tiêu biểu nghe Nhất thừa trú Quả Phật.

- Kinh: "Dùng âm thanh lớn cho đến phó chúc có người".

- Tán: Khuyên nói phó chúc. Đây chính đức Thích-ca chiêu mộ khuyên, căn cứ kệ nên biết.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến há chẳng riêng vì pháp".

- Tán: Dưới có bốn mươi tám hàng kệ chia làm hai: mười hai hàng đầu tụng trước tháp nổi lên, nghe pháp chứng minh kinh thù thắng mầu nhiệm, ba mươi sáu hàng sau tụng trước chiêu mộ chúng nói kinh, trình bày mới phó chúc. Trong phần đầu lại có hai: một hàng rưỡi đầu tụng tháp nổi lên ấn chứng nói, khuyến khích mọi người, mười hàng rưỡi sau tụng mở tháp nghe nói để khuyên mọi người. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Phật Đa-bảo diệt độ cho đến thường vì nghe Pháp Hoa".

- Tán: Dưới tụng mở tháp nghe nói để khuyên mọi người, có hai: hai hàng đầu tụng về nhân duyên, tám hàng rưỡi sau tụng mở tháp, không tụng thấy khen ngợi ở trước văn xuôi. Đây là phần đầu. Tiếng Phạm gọi A-tăng-kỳ-da hán dịch là vô ương số. Bổn đây nói nơi nơi tháp ta qua, có chỗ nói nơi nơi tháp ta ở, nơi nơi ta đã ở; lại nói chỗ ở văn nghĩa liền trùng, nên theo đây nói nơi nơi tháp ta qua cho đến là chỗ đến và nơi ở

- Kinh: "Lại vô lượng Chư Phật cho đến làm cho nước thanh tịnh".

- Tán: Dưới tụng mở tháp, có bốn:

1. Ba hàng đầu tụng ý phân thân nhóm họp.
2. Một hàng tụng biến cõi.
3. Hai hàng rưỡi tụng Phật ngồi.
4. Hai hàng tụng hiển thân xuất ra mùi hương lợi sanh nói pháp.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Các Đức Phật mỗi vị cho đến đốt sáng đuốc bừng lên".

- Tán: Đây là Phật ngồi.

- Kinh: “Thân Phật toả hương thơm cho đến làm cho pháp ở lâu”.

- Tán: Hiển thân phát hương thơm nói pháp lợi sanh, hoặc đức Thích-ca tự xuất, hoặc phân thân ra mùi thơm. Văn xuôi nói chỉ có đức Thích-ca đốt hương để đãi khách, chẳng phải khách xuất ra mùi hương để cúng chủ, cho nên đây chẳng phải khách xuất, như gió gẩy cành hóa nhân từ đây như gió ùa theo cỏ có thể thành.

- Kinh: “Bảo với các đại chúng cho đến phải nên biết ý này”.

- Tán: Dưới ba mươi sáu hàng tụng mộ chúng nói Kinh, trình bày, Phật mới phó chúc. Trong đây có ba: chín hàng rưỡi đầu tụng trình bày về mộ nói kinh, kế mười chín hàng tụng đối so sánh hơn kém, bảy hàng rưỡi sau tụng lần nữa chiêu mộ các người, kết thành hạnh thù thắng. chín hàng rưỡi đầu có ba: ba hàng rưỡi tụng chiêu mộ người trì, đọc, tụng kinh khiến họ tự thệ, nói lên hiện tại Phật biết rõ tâm người ấy. Kế bốn hàng tụng chiêu mộ người hộ pháp khiến họ tự nguyện... hai hàng tụng sau chiêu mộ người nói pháp tức là thấy Ta và Chư Phật khuyên khiến phát nguyện. Đây là ba hàng rưỡi đầu.

- Kinh: “Các hàng Phật tử thảy cho đến các thế giới vô lượng”.

- Tán: Bốn hàng tụng chiêu mộ người hộ pháp khiến họ tự thệ, có bốn: một hàng tụng chiêu mộ người hộ pháp. một hàng tụng hộ pháp tức là cúng dường ta và Đa-bảo. một hàng tụng nói Đa-bảo hộ pháp, một hàng tụng hộ Pháp tức cúng dường hóa Phật.

- Kinh: “Nếu người nói kinh này cho đến nên phát nguyện rộng lớn”.

- Tán: Đây hai hàng: một hàng tụng mộ người nói pháp tức là thấy ta cùng thân Đa-bảo và hóa Phật. một hàng tụng khuyên khiến phát nguyện.

- Kinh: “Bao nhiêu kinh điển khác cho đến đây là rất khó”.

- Tán: Dưới có mười chín hàng tụng đối so sánh hơn kém, có sáu:

1. Năm hàng tụng đối so sánh nói kinh này là khó.
2. Hai hàng tụng đối so sánh viết chép khó.
3. Hai hàng tụng đối so đọc tụng khó.
4. Hai hàng tụng đối so sánh vì một người nói khó.
5. Ba hàng tụng đối so sánh người nghe khó.
6. Năm hàng tụng đối so sánh người trì khó.

Năm hàng đầu: bốn hàng nêu dễ, một hàng sau đối so sánh kinh này khó tin khó hiểu khó nhập, lý trí sâu diệu nên rèn luyện khó thành,

khác nhau trước thần thông có thể đắc.

- Kinh: "Giả sử lại có người cho đến đây mới chính là khó".

- Tán: Hai hàng tụng so sánh với chép khó.

- Kinh: "Hoặc đem cả cõi đất cho đến. đây mới chính là khó".

- Tán: Hai hàng tụng so sánh với đọc tụng khó.

- Kinh: "Giả sử gặp kiếp đốt cho đến đây mới chính là khó".

- Tán: Hai hàng tụng so sánh vì một người nói khó.

- Kinh: "Nếu người trì tám muôn cho đến đây mới chính là khó".

- Tán: Ba hàng tụng so sánh nghe khó.

- Kinh: "Hoặc có người nói pháp đây mới chính là khó".

- Tán: năm hàng tụng đối so sánh trì khó, có hai: ba hàng tụng đối so sánh, sau hai hàng tụng kết thành trì thù thắng. Đây là ba hàng đầu.

- Kinh: "Ta vì hộ Phật đạo cho đến thời là trì thân Phật".

- Tán: Đây hai hàng kết thành trì kinh thù thắng.

- Kinh: "Các người thiện nam này cho đến nên tự nói lời thệ".

- Tán: bảy hàng rưỡi cuối, tụng lại chiêu mộ các người kết thành thắng hạnh có năm:

1. Một hàng rưỡi tụng chiêu mộ người trì kinh khuyên nguyện.
2. Một hàng rưỡi tụng thuận tâm Phật.
3. Một hàng rưỡi thuận chánh hạnh.
4. Một hàng nối dõi vị Phật.
5. Hai hàng tụng lợi thế gian.

Đây là một hàng rưỡi đầu.

- Kinh: "Kinh pháp đây khó trì cho đến các Đức Phật thường khen".

- Tán: Một hàng rưỡi tụng khen ngợi thuận tâm Phật.

- Kinh: "Đó là rất mạnh mẽ cho đến quả vô thượng Phật đạo".

- Tán: Một hàng rưỡi tụng thuận chánh hạnh. Tiếng Phạm Đổ đa đây gọi trừ khí, lầm gọi là đầu đà. Đây có mười hai như Du-già Thanh-văn Địa nói.

- Kinh: "Có thể ở đời sau cho đến trú ở bậc thuần thiện".

- Tán: Một hàng tụng nối dõi vị Phật, quyết định tin chắc gọi là thuần thiện, có bản viết chữ thuần chỉ là thiện.

- Kinh: "Sau khi Phật diệt độ cho đến đều nên cúng dường".

- Tán: Hai hàng cuối tụng về lợi ích thế gian. Đầu một hàng nêu trí nhãn về sau, một hàng nói nên cúng dường. Kinh Hoa Nghiêm chép: Nếu đem tam thiên đại thiên thế giới đội trên đầu trong một kiếp bất động, việc làm ấy chưa phải là khó, người tin pháp này mới gọi là khó,

chúng sanh trong cõi đại thiên số như cát bụi cúng dường ưa thích đầy đủ, công đức kia chưa gọi là khó, người tin pháp này mới gọi là thù thắng, nếu để các cõi mười phương trong lòng bàn tay trú giữa hư không một kiếp, làm việc kia chưa gọi là khó, người tin pháp này rất là khó, cúng dường đầy đủ tất cả chúng sanh trong các cõi ở mười phương cõi số như các bụi, công đức ấy chưa gọi là khó người tin pháp này mới là thù thắng.

Ngày 24 Tháng 4 Đầu niên hiệu Thiên Thừa "Năm Tân Hợi" ở chùa Pháp Long ba nhà giảng kinh, chùa Dược Sư Thiện Minh Phòng đắc nghiệp nhân phụng đọc thọ hiểu.

Tăng Giác Ấn và Nhiếp Thích cùng ghi chép.

Niên hiệu bảo An Năm Thứ Ba Ngày 9 Tháng 6 viết xong tại Chùa Pháp Long Tăng Giác Ấn đồng năm ấy ngày 19 tháng 12 để ở chùa Hưng Phước Viên như phòng kiểm duyệt xong, Tăng Giác Ấn vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài vãng sanh Cực Lạc.

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9
(PHẦN ĐẦU)

PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Chia làm ba môn :

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên phẩm
3. Giải đáp các chướng nạn.

I. Vì sao có Phẩm này có ba:

1. Luận giải là một trong sáu thứ thọ ký, tức loại thứ tư vô oán ký, nói: Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa điều đó nói lên Đức Thế tôn không có oán ác nên có phẩm này.

2. Trong bốn phẩm khen ngợi tôn trọng lưu thông đây là phẩm thứ ba nói lên người trì kinh này đáng tôn trọng. Không tiếc thân mạng để cầu pháp này; đối với kẻ thù dùng thân làm giường nên có phẩm này.

3. Nói lên diệu dụng kinh này lợi ích vô biên thành đạo cũng mau tức là đại chúng trong biển hội Long Nữ thành đạo, cho nên có phẩm này.

II. Giải thích tên Phẩm: Gọi là Đề Bà Thiên, Đạt-Đa Thọ, là em họ của Phật con của Hộc Phạn, từ cầu trời mà được, trời trao cho nên gọi là Thiên Thọ.

III. Giải đáp các chướng nạn: Phẩm này cũng nêu rõ từ Cung rồng vọt hiện lên, Long nữ thành đạo. Vì sao chỉ đặt tên Thiên Thọ?

Đáp: Vì Thiên Thọ có duyên tốt chính Đức Thích-ca truyền, các tên khác tuy nói lên đức thù thắng chẳng phải việc của Phật nên không dùng làm tên phẩm, lại từ đầu đặt tên Thiên Thọ là việc xưa, Long nữ xưa vọt hiện lên v.v... hiện việc.

Hỏi: Vì sao cung rồng xuất hiện Long nữ thành đạo không riêng

làm phẩm mà hợp chung Thiên Thọ?

Đáp: Văn-thù thuận duyên bạn lành chẳng trái với duyên lành của mình Thiên Thọ không như vậy, nói lên kinh đáng trọng, nên dùng thuận duyên đặt tên phẩm khuyên người trì kinh không dùng nghịch duyên đặt tên phẩm, đều là bạn lành trì kinh nên hợp làm phẩm.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến không có lười mỏi".

- Tán: Phẩm này văn chia làm hai phần:

1. Nêu Thiên Thọ tự thân Phật trái duyên bạn lành, muốn hiển bày chỉ nên trì kinh bất luận oán thân đều là bạn lành.

2. Nêu Văn-thù và tất cả chúng sanh thuận duyên bạn lành, nói kinh lợi ích nhiều năng lực nhanh chóng.

Phần đầu lại có ba: Trước nêu Phật xưa trọng pháp để cầu kinh, kế nói Thiên Thọ do trải qua đời sau thành Phật: "Bảo bốn chúng như Đề-bà-đạt-đa v.v..." sau kết nghe kinh đạt được lợi ích v.v... "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo trong đời sau cho đến" Văn đầu văn có hai: Trước nêu xưa cầu pháp, sau nêu kết hợp xưa nay; tức phần văn sau kệ. Phần đầu lại có hai: 1. Văn xuôi và kệ nêu cầu pháp. 2. hai hàng tụng lý do cầu pháp Văn xuôi chia làm ba: Đầu nêu cầu pháp, kế nói vị vị tiên hứa, sau nói thuận theo. Cầu pháp có ba: Trước nói cầu pháp, kế nói tu hành, sau nêu tìm cầu: Đánh trống ra lệnh cho đến Đây là phần đầu.

- Kinh: "Trong nhiều kiếp cho đến tâm không lui sụt".

- Tán: Nêu tu hành có bốn:

1. Địa vị cao có khả năng.

2. Hạ tâm năng thắng.

3. Tài vật khó cho có thể cho năng bố thí.

4. Địa vị khó bỏ có thể bỏ.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Vì muốn đầy đủ cho đến giao việc trị nước cho Thái tử".

- Tán: Đây là hai thứ sau. Thuở ấy nhân dân cho đến. Ở đây nêu địa vị khó bỏ có thể bỏ tài vật khó cho có thể cho. Trước nói ý bố thí, sau nói sự bố thí. Trong sở thí thì đầu là ngoại tài, sau nội tài, tổn khí là phế bỏ, quân (vua) là chính, quen là sự, nay bỏ quân chính chẳng phải mình gánh vác.

- Kinh: "Đánh trống rao lệnh cho đến cung cấp hầu hạ". Đây nêu tìm cầu.

- Kinh: "Bấy giờ có vị tiên cho đến sẽ nói cho Đại vương nghe".

- Tán: Đây là nói tiên hứa.

- Kinh: "Vua nghe vị tiên nói cho đến thân tâm không mỏi mệt".

- Tán: Dưới nêu thuận theo cung phụng có hai: Đầu là nóiviệc khó có thể làm, sau việc khó có thể làm lâu. Đây là phần đầu. Cho đến: Tức nói thời gian này trải qua vô lượng sự nghiệp, nghĩa là bị đánh mắng cũng chưa hề lui sụt.

- Kinh: "Thuở đó theo phụng thờ cho đến hầu hạ vị tiên không thiếu thốn".

- Tán: Việc khó làm có thể làm lâu dài.

- Kinh: "Lúc ấy Đức Thế tôn cho đến thân sẽ làm tôi tớ".

- Tán: năm hàng rưỡi tụng chia làm ba:

1. Hai hàng tụng cầu pháp.

2. Một hàng rưỡi tụng vị tiên hứa.

3. Hai hàng tụng thuận theo. Đây là hai hàng đầu.

- Kinh: "Giờ có tiên Trường Thọ cho đến Ta sẽ nói cho ông nghe".

- Tán: Đây là vị tiên hứa. Tiên A tư Hán dịch là vô tỷ.

- Kinh: "Khi vua nghe tiên nói cho đến thân tâm không lười mỏi".

- Tán: Ở đây nói thuận theo.

- Kinh: "Khắp vì các chúng sanh cho đến nay vẫn nói cho ông nghe".

- Tán: Đây hai hàng tụng lý do cầu pháp. Khuyên bày siêng năng học.

- Kinh: "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến là nhân thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa"

- Tán: Đây là nói kết hợp xưa nay có hai: Trước kết hợp, sau lãnh nhận gánh vác. Lãnh nhận gánh vác có hai: Đầu lãnh mười một biệt đức, sau lãnh hai thứ biệt đức, nghĩa là thành chánh giác độ chúng sanh.

- Kinh: "Phật bảo bốn chúng cho đến trú vị không lui sụt".

- Tán: Dưới nêu Thiên Thọ do trải qua đời sau thành Phật. Hành tổn hại nên cận tuy đắm chìm, do năng lực kinh nên sẽ thành quả thù thắng. Kinh Vô Cấu Xứng nói thị hiện làm ma vương phần nhiều là Bồ-tát giải thoát bất khả tư nghì, chỉ có Hương Tượng mới có khả năng đấu sức sừng Hương Tượng đánh đấu chẳng phải lừa có khả năng đánh được, cho nên biết Thiên Thọ thị hiện làm. Thọ ký có hai: Đầu là thọ ký hiện tại, sau thọ ký sau khi diệt độ. Hiện tại có bốn: 1. Tự thể. 2. Tên cõi. 3. Trú tuổi thọ. 4. Lợi ích.

- Kinh: "Sau khi Đức Phật Thiên Vương Niết-bàn cho đến đến bực

không lui sụt".

- Tán: Đây thọ ký sau khi diệt độ có bốn: 1. Pháp trú. 2. Xây tháp. 3. Cúng dường. 4. Lợi ích.

- Kinh: "Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến từ hoa sen hóa sanh".

- Tán: Dưới đoạn thứ ba kết nghe kinh được lợi ích. Tín tâm không nghi ngờ có đủ năm đức:

1. Không đoạ vào ba đường ác.
2. Sanh gặp Phật hiện tiền.
3. Thường nghe kinh này.
4. Sanh trong trời người thọ lạc.
5. Ở trước Phật hóa sanh.

Nói về nạn có tám: Nghĩa là ba đường ác là ba. 4. Sanh trước Phật sau Phật. 5. Các căn không đủ. 6. Tà kiến thế trí biện thông. 7. Biên địa tức thuộc Bắc châu. 8. Trời trường thọ : Thành Thật luận nói bốn luân bẻ gãy tám nạn: 1. Trú thiện xứ sanh giữa nước trừ năm nạn nghĩa là ba đường ác biên địa và trời trường thọ. 2. Nương theo bạn lành nghĩa là gặp Phật, trừ sanh trước Phật sau Phật. 3. Phát chánh nguyện nghĩa là chánh kiến, trừ tà kiến thế trí biện thông. 4. Gieo trồng gốc lành đời trước trừ các căn không đủ. Nay nói không đoạ địa ngục v.v... là lìa ba đường hiểm nạn, sanh trước Phật là trừ sanh trước Phật sau Phật, thường nghe kinh này trừ tà kiến thế trí biện thông, sanh trời người thọ lạc trừ các căn không đủ, Phật tiền hóa sanh trừ biên địa, Bắc châu và Trường thọ thiên.

- Kinh: "Bấy giờ hạ phương cho đến nên trở về bổn quốc".

- Tán: Phẩm Dưới đoạn thứ hai nói Văn-thù thuận duyên bạn lành nói kinh, ích lợi nhiều nhanh chóng, trong đây chia làm bốn:

1. Trí Tích thỉnh trở về.
2. Đức Thích-ca giữ lại.
3. Văn-thù hiện ra.
4. Trí Tích luận bàn.

Đây nói phần đầu. Nghiệm ý văn này, Trí Tích thỉnh trở về nêu rõ nói kinh xong cho nên biết tám phẩm chánh tông là tốt nhất.

Hỏi: Vì sao bạch Đa-bảo mà Phật Thích-ca giữ lại đợi?

Đáp: Thị giả thỉnh trở lại nên bạch Đa-bảo vì đạo chủ khách nên Thích-ca giữ lại.

- Kinh: "Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến có thể trở về bổn quốc".

- Tán: Đây nói đức Thích-ca giữ lại.

- Kinh: "Lúc đó ngài Văn-thù -sư -lợi cho đến đến núi Linh Thứu".

- Tán: Đây nói Văn-thù hiện ra có hai: Vọt lên rồi đến núi, sau từ hoa sen xuống cung kính làm lễ. Đây là đầu.

Hỏi: Ngài Văn-thù nêu đầu kinh và đáp Di-lặc đều ở trong hội, vì sao ở đây nói từ Cung rồng xuất hiện?

Đáp: Lợi ích nhiều nguyên nhân đi ở đều lợi ích, Phật mở đầu nói Nhất thừa liền ẩn mà không hiện, nay vì chứng nghiệm mới từ cung rồng hiện lên, cũng đâu có sai. Từ biển vọt lên bèn đến linh nói.

- Kinh: "Từ hoa sen xuống cho đến rồi ngồi một phía".

- Tán: Đây từ hoa sen xuống làm lễ cung kính, đã đến lễ Thế tôn cũng an ủy hỏi Bồ-tát.

Hỏi: Phân thân đã còn không riêng gì hai Thế tôn, vì sao Văn-thù lễ riêng hai bậc Thánh?

Đáp: Hợp gần nghiêng qui về, chưa hẳn cần phải lễ khắp, gần gũi đến cung kính không hẳn lễ khắp phân thân. Lại hiện tiền dễ lễ, chỗ xa khó trở về, cho nên biết đông độ bực thượng nhân riêng lễ hai bực thánh. Quan Âm nhận châu nhưng chia làm hai phần, phân thân còn ở cũng giống có gì sai lầm.

- Kinh: "Bồ-tát Trí Tích cho đến số được bao nhiêu".

- Tán: Nêu Bồ-tát Trí Tích bàn luận, có hai: Trước nói số sở hóa nhiều ít, sau biện rõ sở hóa nhanh chậm. Kệ sau Trí Tích hỏi v.v... Đầu hiển hai lợi ích:

1. Chúng Sở độ.

2. Sở hóa khó, đều từ Thanh-văn để nhập Đại thừa, sau cùng có hai lợi ích: 1. Đạo thành nhanh chóng. 2. Chuyển thân ác. Bỏ tướng mạo súc sanh chuyển chất người nữ đều do lực kinh mà được như vậy.

Văn đầu có sáu:

1. Hỏi hóa nhiều ít.

2. Đáp: Số vô ương.

3. Cung rồng vọt lên.

4. Văn-thù chỉ bày.

5. Trí Tích tán dương.

6. Văn-thù nói hóa độ.

Đây là phần đầu.

Nhân giả: Chu lễ nói nhân giả có sáu đức:

1. Nhân là trịnh huyền thương người và vật gọi là nhân.

2. Trên dưới gần gũi gọi là nhân.

3. Quí hiền thân nhân gọi là nhân.
4. Giết thân thành người gọi là nhân. Nhân là nhẫn.
5. Tốt sống ác chết gọi là nhân.
6. Thiện ác đều nhẫn gọi là nhân.

- Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến sẽ tự chứng biết".
- Tán: Đáp số vô ương. Tu du là chốc lát. Có chỗ nói tự sẽ chứng biết người Thanh-văn không sánh với đây được.
- Kinh: "Ngài Văn-thù chưa dứt lời cho đến nghĩa không của Đại thừa".
- Tán: Cung rồng hiện ra có hai: Trước hiện ra đến núi, sau nói đức hóa độ của Văn-thù.
- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi cho đến việc đó như vậy".
- Tán: Văn-thù chỉ bày.
- Kinh: "Bây giờ Bồ-tát Trí Tích cho đến khiến mau thành Bồ-đề".
- Tán: Trí Tích tán dương.
- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi cho đến Kinh Diệu Pháp Liên Hoa".
- Tán: Văn-thù bảo hóa.
- Kinh: "Bồ-tát Trí Tích cho đến mau được thành Phật chăng".
- Tán: Dưới nói về sở hóa nhanh chậm, có bốn:

1. Trí Tích hỏi.
2. Văn-thù đáp.
3. Trí Tích nghe.
4. Long nữ hiện.

Đây là hỏi.

- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi cho đến có thể đạt đến Bồ-đề".
- Tán: Văn-thù đáp có mười sáu đức:

1. Long.
2. Nữ.
3. Tiểu.
4. Tuệ lợi.
5. Trí căn.
6. Đắc pháp tổng trì tức văn trì.
7. Đắc định.
8. Hiểu rõ pháp.
9. Đắc không lui sụt.
10. Biện tài.
11. Từ niệm.

12. Đầy đủ đức.

13. Nhanh biện luận.

14. Lời nói nghĩa xâu xa.

15. Nhân từ khiêm nhượng.

16. Hòa nhã.

Như trên đây đã nói người nữ nhanh chóng đắc Bồ-đề. Khoảnh Sát-na là thời gian rất ngắn. Luận Câu Xá chép: Một trăm hai mươi sát-na là đát sát-na lượng, sáu mươi đát sát-na là một lạp phược, ba mươi lạp phược là một tu du, ba mươi tu du là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, ở trong đó phân nửa giảm đêm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thập Tín Bồ-tát tám tướng thành đạo, nay hoặc nói đây khuyên bày mọi người. Kinh Già-da Thiên Đỉnh Thiên tử Tịnh Quang hỏi có bao nhiêu loại phát tâm? Văn-thù Đáp có bốn: 1. Chứng phát tâm là nhập sơ địa. 2. Hành phát tâm là sáu địa kế. 3. Bất thối phát tâm là Bát địa, Cửu địa. 4. Nhất sanh bổ xứ phát tâm nghĩa là Thập địa. Nay đây Long nữ hoặc loại thứ tư phát tâm hóa làm Long nữ, tiểu mà năng học Pháp Hoa, mau đắc Bồ-đề, khuyến khích mọi người chẳng phải là thật như vậy. Văn kinh Thù Vấn Bồ-tát nói: Loại đầu trong bốn hạng này đã hơn Thanh-văn, kế hơn Độc giác, kế hơn Bất định địa, sau an trú định địa. Căn cứ tăng hơn làm luận không trái với kinh trước. Kinh Pháp Ấn nói Bồ-đề tâm có bảy. Luận phát Bồ-đề tâm có mười phát tâm. Bồ-tát địa có bốn duyên mười thứ phát tâm, sợ văn rườm rà nên thôi.

- Kinh: “Bồ-tát Trí Tích cho đến liền thành chánh giác”.

- Tán: Trí Tích nghi có bốn: 1. Thời gian dài. 2. Hành sâu rộng. 3. Trùm khắp các nơi. 4. Ý rộng lớn mới đắc Bồ-đề. Cho nên sanh nghi.

- Kinh: “Nói luận chưa xong cho đến độ thoát khổ chúng sanh”.

- Tán: Long nữ hiện, có bốn: 1. Long nữ hiện khen ngợi. 2. Thu Tử trình bày nghi. 3. Long nữ thành đạo. 4. Chúng đương thời được lợi ích. Đây là phần đầu có hai: Trước hiện rồi trở về chỗ cung kính, sau dùng tụng khen ngợi. Trong ba hàng rưỡi kệ tụng có hai: hai hàng rưỡi khen ngợi, một hàng sau trình bày thành thật. Đây là phần tụng kệ.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất cho đến việc ấy khó tin”.

- Tán: Ngài Thu Tử ban đầu, nêu sau giải thích.

- Kinh: “Vì sao cho đến mau được thành Phật.”

- Tán: Ở đây giải thích ba điều:

1. Thân uế không đắc, sao có thể nương thắng pháp, thắng nhân.

2. Thời gian ngắn không đắc quả Đại thừa mầu nhiệm.

3. Chướng ngại không đắc, lìa chướng không ngăn ngại mới viên mãn giác ngộ. Kinh Siêu Nhật Nguyệt Tam-muội nói: Thượng tòA-tỳ-kheo nói với Tuệ Thí rằng: Thân người nữ không thể được thành Phật đạo, có ba việc ngăn năm việc ngại. Sao gọi là ba: Tại gia tùy theo sự kềm chế của cha mẹ, xuất giá theo sự kềm chế của chồng, chồng chết theo con, cũng đồng nghĩa ba tòng của sách thế tục. năm thứ ngại đồng với đây.

Tức Kinh kia nói:

1. Không được làm Phạm thiên, vâng giữ hạnh thanh tịnh không có hạnh dơ cấu, tu tứ đẳng tâm khéo đạt tứ thiền và thăng Phạm thiên, dâm túng vô độ chính vì người nữ, cho nên không được làm Phạm thiên.

2. Không được làm Đế thích: Mạnh mẽ ít dục mới làm Đế thích tạp ác quá độ cũng vì người nữ.

3. Không được làm Ma vương, Thập thiện đầy đủ tôn kính tam bảo, kính thờ cha mẹ, khiêm cung, kính thuận trưởng già mới làm Ma vương, khinh mạn không thuận theo mất chánh giáo cũng vì người nữ.

4. Không được làm Luân vương: Hành Bồ-tát đạo từ mẫn với các loài cúng dường tam tôn, Tiên Thánh cha mẹ mới làm Luân vương, chủ bốn thiên hạ, hóa hành thập thiện, tôn sùng đạo đức, mới làm Luân vương không có hạnh thanh tịnh cũng vì người nữ.

5. Không được thành Phật: Tâm hành Bồ-tát thương xót tất cả chúng sanh đại từ bi dẫn đến Đại thừa, tiêu năm ấm hóa sáu suy, hành tam Tam-muội giải hai vô ngã chứng vô sanh nhẫn thông đạt tất cả, mới được thành Phật, người nữ không có việc này nên không được thành Phật.

Bồ-tát Địa chép: Tất cả người nữ thành tựu phiền não các trí ô nhiễm, Chư Phật không dùng thân xấu năng chứng đại Bồ-đề vô thượng cho nên nói người nữ không được thành Phật.

- Kinh: “Bấy giờ Long nữ cho đến lại mau hơn việc đó”.

- Tán: Long nữ thành đạo có hai: Trước dâng châu khởi thí dụ, sau thị hiện thành đạo. Đây nói phần đầu có bốn:

1. Dâng châu.

2. Hỏi ngược lại.

3. Thẳng đáp.

4. Kết dụ.

- Kinh: “Đang lúc đó cả chúng hội cho đến giảng nói pháp mầu”.

- Tán: Thị hiện đạo thành, có hai:

1. Thấy nhân.

2. Thấy quả.

- Kinh: “Khi ấy trong cõi Ta bà cho đến đều xa kính lạy”.

- Tán: Chúng đương thời được lợi ích có bốn:

1. Vui mừng kính lễ.

2. Được lợi ích.

3. Cõi Vô cấu rung chuyển.

4. Chúng hội tin nhận. Đây nói phần đầu.

- Kinh: “Vô lượng chúng sanh được lãnh lời thọ ký”.

- Tán: Thế giới vô cấu rung chuyển, có hai: Trước nêu thấy động, sau nói lợi ích này. Do thấy cõi kia rung chuyển liền chứng đạo quả.

- Kinh: “Bồ-tát Trí Tích cho đến im lặng mà tin nhận”.

- Tán: Chúng hội tin nhận.

PHẨM TRÌ

Phẩm này chia làm hai môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.

I. Vì sao có phẩm này lại có ba:

1. Sơ lược bốn phẩm nói trong khen ngợi tôn trọng lưu thông, ba phẩm đầu khen ngợi người, pháp khuyên người lưu thông, một phẩm sau này là thời chúng vâng giữ.

2. Nương mười hai phẩm nêu cảnh Nhất thừa, chia làm hai: Trên tám phẩm đầu chánh nêu quyền thật ba căn được thọ ký. Ba phẩm kế khen ngợi người khen pháp khuyên nên kính mến hành trì. một phẩm Trì đây vâng mệnh xả quyền, trì hành thật pháp nên có phẩm này.

3. Luận nói lực trì có ba: Phẩm Pháp Sư, An Lạc hạnh, Khuyến trì. Pháp Sư thông năng trì sở trì, An Lạc Hạnh chỉ có sở trì, phẩm này chỉ nói năng trì. Cho nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Trì là giữ gìn không để hoại mất, viết chép cúng dường cho đến tu hành đều gọi là trì, chẳng phải thọ trì trong mười pháp hành. Trước chiêu mộ người nói kinh cũng là khen ngợi người viết chép đọc tụng cho đến nay đây nói trì, cho nên biết trì chung cả mười hạnh khiến pháp trú lâu, làm lợi ích cho chúng sanh nói chung là trì. Cũng có đề Kinh gọi là phẩm Khuyến trì. Luận này cũng nói: Nhân trước Phật khuyên mà khiến trì, hoặc trong phẩm này Phật lại nghĩ đến các Bồ-tát cũng tức là Khuyến trì. Lý tuy chưa rõ nhân kinh phần nhiều gọi là phẩm Trì.

- Kinh: "Lúc bấy giờ ngài Dược Vương cho đến nói kinh điển này".

- Tán: Phẩm này phần lớn chia làm ba:

1. Hai muôn Bồ-tát ở cõi này trì, do các chúng sanh gây ra nhiều nghiệp ác.

2. Bốn loại Thanh-văn thỉnh ở phương khác trì, ở đây khó hóa không thể kham nổi.

3. Nhìn lại tám muôn ức na do tha Bồ-tát, kia đây đều trì thế lực lớn mạnh.

Đầu văn có ba: Trước thỉnh hộ trì, kế nêu người ác, sau nêu không sợ bỏ thân để trì kinh, đây là phần đầu.

- Kinh: "Đời ác sau cho đến xa lìa đạo giải thoát".

- Tán: Ở đây nói người ác có sáu: Đời ác, chúng sanh ác, căn tánh

ác, phiền não nhiều ác, tham danh lợi ác, không muốn giải thoát. Thêm lớn bất gốc lành tức nhiều phiền não.

- Kinh: "Dù khó có thể giáo hóa cho đến không tiếc thân mạng".

- Tán: Ở đây nói không sợ bỏ thân mạng để trì kinh. Do đầy đủ sáu ác tuy khó có thể giáo hóa con cũng không sợ người cần đáng nhiếp thọ thì nhiếp thọ cho họ, người nên chiết phục thì chiết phục, bỏ thân mạng trì pháp.

- Kinh: "Bấy giờ trong chúng cho đến nói rộng kinh này".

- Tán: Dưới đoạn thứ hai nêu bốn hạng Thanh-văn thỉnh ở phương khác trì, có ba: Trước nói năm trăm, tiếp nói tám ngàn, sau ni chúng. Đây là đầu.

- Kinh: "Lại có bậc Hữu học và Vô học cho đến tâm không chân thật".

- Tán đây nói tám ngàn người thỉnh. Trước nêu sau giải thích. Nước đây có tám việc ác nên mong ở nước khác trì kinh:

1. Chỗ ác.

2. Người ác, tệ ác khốn cùng; tướng khinh bạc dễ phẫn nộ.

3. Mạn ác.

4. Đức ác.

5. Sân ác.

6. Trược ác, do gần ngoại đạo nên khởi các kiến.

7. Siểm ác là dua nịnh dối trá, thân cúi thấp hèn ý ưa nịnh hót gọi là siểm, thân ngữ nịnh hót.

8. Tâm không chân thật, miệng nói có tâm không có. Luận Trí độ chép: Chúng sanh thế gian thiện hảo (tốt lành) ít, người tệ ác nhiều, hoặc tuy hành thiện mà thấp hèn xấu xa, hoặc tuy giàu sang xinh đẹp mà hành bất thiện hoặc ưa bố thí mà thiếu tài vật, hoặc giàu nhiều tài vật mà tự keo kiết tham lam, hoặc thấy yên lặng không nói liền cho là kiêu căng cao ngạo không vì thấp kém tiếp nhận vật, hoặc thấy thấp kém mà dẫn tiếp ân tuệ thấm nhuần khắp, liền cho là lừa dối nịnh hót, hoặc thấy có khả năng khéo ngôn luận liền cho là ỷ lại chút trí tuệ đầy kiêu mạn, hoặc thấy ngay thẳng không dối, liền cùng nhau dối trá lộng quyền sắp bị si độn lăng nhục, hoặc thấy điều hòa khéo nhã nhặn mềm mỏng liền cùng nhau chà đạp chê bai, nếu thấy người trì giới tu hành liền cho là sở hành giả bộ lập dị khinh thường bất kính. Mười thứ tệ ác như vậy chúng sanh thật khó giáo hóa nên nguyện ở nước khác trì. Trong Kinh Pháp Cổ chép: Ca-diếp bạch Phật: bạch Đức Thế tôn! Con không thể nào nhiếp thọ người ác, thà dùng hai vai gánh vác núi

Tu-di đến trăm ngàn kiếp, cũng không thể kham nhẫn nghe người ác phạm giới diệt pháp, chê bai pháp, ô nhiễm pháp, âm thanh phi pháp. Thế tôn! Con thà làm tôi tớ phụ thuộc người khác chứ không thể chịu nghe cho người ác phạm giới, bội pháp, trái pháp, hoại pháp, âm thanh phi pháp. Thế tôn! Con thà đầu đội mặt đất sông núi trải qua trăm ngàn kiếp, không thể chịu nổi nghe người ác phạm giới diệt pháp tự cao hủy hoại người khác, âm thanh phi pháp: Thế tôn! Con thà thường chịu đui mù câm ngọng chứ không thể nào chịu nghe người ác hủy phạm tịnh giới, vì lợi xuất gia thọ nhận vật của tín thí, âm thanh phi pháp. Thế tôn! Con thà xả thân mạng mau nhập Niết-bàn chứ không thể chịu đựng người ác hủy phạm tịnh giới, theo tiếng ốc, mà thân hành siểm khúc, miệng nói luống dối, các ác âm thanh phi pháp như vậy. Cho nên các Thanh-văn này không nguyện ở cõi này trì kinh Pháp Hoa.

- Kinh: "Khi đó Di Mẫu của Phật cho đến mắt không tạm rời".

- Tán: Đoạn thứ ba ni chúng thỉnh trì, có hai: Trước thọ ký sau trì kinh. Văn đầu có hai: Trước hai hạng được thọ ký, sau hai hạng vui mừng lãnh thọ. Đầu văn lại có hai: Mẹ và vợ. Nói về mẹ lại có hai: Thỉnh và thọ ký. Đây là thỉnh. Dì của Phật, chị em một nhà gọi là Dì.

- Kinh: "Bấy giờ Thế tôn bảo cho đến chánh đẳng chánh giác ư?"

- Tán: Dưới thọ ký có hai: Trước hỏi sau thọ ký. Đây là hỏi. Tiếng phạm là Kiều đáp Ma-hán dịch là Nhật Viêm chủng cũng gọi Cam giá chủng, là mẹ của Phật nên dùng tiếng Di để gọi, gọi lầm là Kiều Đàm Di, hoặc loại bùn đất nát loại phân trâu nên nói Di cho đến Cù đàm là họ. Nguyên nhân nói rộng kinh đây như Tây-vức ký.

- Kinh: "Kiều Đàm Di cho đến đều làm pháp Sư".

- Tán: Trong phần Thọ ký: Trước nêu Phật đã nói cùng thọ kí nhân, sau thọ kí quả. Đây là thọ kí nhân.

- Kinh: "Ngươi dần dần đủ đạo hạnh cho đến chánh đẳng chánh giác".

- Tán: Đây chính thọ ký quả, trước thọ kí Di mẫu sau chuyển ký.

- Kinh: "Bây giờ mẹ của La-hầu-la cho đến riêng chẳng nói đến tên tôi".

- Tán: Dưới nói vợ có hai: Suy nghĩ và thọ ký. Đây là suy nghĩ .

- Kinh: "Đức Phật bảo cho đến A-tăng-kỳ kiếp".

- Tán: Đây thọ ký. Trước thọ kí nhân sau thọ ký quả, trong quả đầu tiên nói về thể sau tuổi thọ.

- Kinh: "Lúc đó bà Đại Ái Đạo cho đến lòng an vui đầy đủ".

- Tán: Đây là hai loại vui mừng lãnh nhận. Trước văn xuôi sau kệ tụng.

- Kinh: "Các vị Tỳ-kheo ni cho đến giảng nói pháp này".

- Tán: Thứ hai trì kinh.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến đại Bồ-tát".

- Tán: Đoạn thứ ba, nhìn tám mươi muôn ức na do tha Bồ-tát trì, trong đó có hai: Phật nhìn thấy và thỉnh trì. Đây là phần đầu, dùng thân gia hạnh phát khởi tâm chúng khiến trì kinh do đó nhìn các Bồ-tát. Cho nên, trong luận này gọi phẩm Khuyến Trì là dùng thân khuyên.

- Kinh: "Các vị Bồ-tát đó cho đếnphải làm thế nào?"

- Tán: Dưới thỉnh trì, Văn xuôi có ba:

1. Khen ngợi đức.
2. Niệm thỉnh.
3. Nói thỉnh.

Đây nói hai phần đầu. Trong đức đầu tiên nói vị thứ. A-duy-việt-trí Hán dịch là Bất thối Bát địa trở lên. Từ câu: "Xoay bánh xe pháp cho đến" trở xuống là nói thành tựu đức. Tâm niệm có hai, như văn có thể biết.

- Kinh: "Lúc đó các vị Bồ-tát cho đến xa giữ gìn cho"

- Tán: Đây là nói thỉnh. Đầu tiên là thỉnh trì lược có bày hành, không có ba hành thí cho người , lắng nghe, cúng dường vì dễ nên lược. Sau thỉnh hộ trì.

- Kinh: "Tức thời Bồ-tát cho đến chúng con sẽ nói rộng"

- Tán: Dưới có hai mươi hàng chia làm hai: một hàng đầu nêu sẽ nói, kế mười tám hàng tụng giải thích sẽ nhẫn thọ, sau một hàng tụng kết thệ. Đây là một hàng đầu.

- Kinh: "Có những người vô trí cho đến chúng con đều phải nhẫn".

- Tán: Dưới mười tám hàng giải thích sẽ nhẫn thọ chia làm hai: mười sáu hàng tụng nhẫn trì. hai hàng tụng khuyên nói trì. Văn đầu có bốn:

1. Một hàng tụng hủy mắng đánh đập nhẫn.
2. Chín hàng rưỡi tụng ngã mạn chê bai nhẫn.
3. Ba hàng tụng hủy mắng nhẫn nhục.
4. Hai hàng rưỡi tụng xua đuổi im lặng nhẫn. Đây là một hàng đầu.

- Kinh: "Tỳ-kheo trong đời ác... lòng ngã mạn dẫy đầy."

- Tán: chín hàng rưỡi tụng ngã mạn chê bai nhẫn có ba:

1. Một hàng tụng tướng ngã mạn.

2. Bảy hàng tụng chê bai nhẫn.

3. Một hàng rưỡi tụng kết thành nhẫn.

Đây là phần đầu. Tà trí nên thế trí biện thông, siểm khúc nên khen ngợi việc làm của bạn, còn tướng hai thứ mạn kia có thể biết.

- Kinh: "Hoặc người mặc áo nạp cho đến như La-hán sáu thông ".

- Tán: bảy hàng tụng chê bai nhẫn, trong đó có bốn: hai hàng tụng hiển người ác, một hàng tụng nêu giả tu hành, hai hàng tụng chê bai sự tu hành, hai hàng tụng nói hành vi ác. Đây là hai hàng đầu. Tiếng phạn A luyện nhã đây gọi nhàn tịch xứ, lìa xa thôn một câu lô xá hơn sáu trăm bước.

- Kinh: "Người đó ôm lòng ác cho đến ưa nói lỗi chúng con".

- Tán: Đây là nói giả tu hành.

- Kinh: "Mà nói như thế này cho đến mà giải nói kinh đó".

- Tán: Đây là chê bai sự tu hành.

- Kinh: "Thường ở trong Đại chúng cho đến nói luận nghĩa ngoại đạo".

- Tán: Đây nói hành vi ác, nói lỗi xấu của họ cho người khác nghe.

- Kinh: "Chúng con vì kính Phật cho đến đều sẽ nhẫn chịu".

- Tán: Kết thành nhẫn.

- Kinh: "Trong cõi đời vẩn đục cho đến hộ trì lời Phật dặn".

- Tán: Ba hàng chê bai nhẫn nhục chia làm ba: một hàng tụng việc nhẫn, một hàng tụng ý nhẫn, một hàng kết hộ trì.

- Kinh: "Thế tôn tự nên biết cho đến đều sẽ nhẫn việc đó".

- Tán: Đây là xua đuổi nhẫn. Vì kinh này nên xua đuổi con con sẽ nhẫn. Tẩn là bài xích xua đuổi.

- Kinh: "Các thành ấp xóm làng cho đến xin Phật an lòng ở".

- Tán: Đây hai hàng tụng khuyên nói trì.

- Kinh: "Con ở trước Thế tôn cho đến Phật tự rõ tâm con".

- Tán: Đây là kết thệ.

PHẨM AN LẠC HẠNH

Chia làm ba môn :

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chướng nạn.

I. Vì sao có phẩm này có năm:

1. Là khoa đầu trong ba lưu thông. Bốn phẩm trên khen ngợi tôn trọng lưu thông, từ dưới bảy phẩm học hạnh lưu thông, học mở rộng kinh này chánh hạnh trợ hạnh không để bị tổn thương. Dù đã khen ngợi tôn trọng nếu không nói sở học năng hành chành vi ác hoằng kinh, đời mạt pháp phần nhiều khó khăn thường sanh tổn hoại, không thể mở mang, cho nên nói bảy phẩm học hạnh lưu thông:

a. An lạc hạnh.
b. Dũng xuất.
c. Tuổi thọ.
d. Phân biệt công đức.
e. Tùy hỷ công đức.
f. Pháp Sư công đức.
g. Thường Bất Khinh.

Một phẩm An Lạc Hạnh là học hạnh mở rộng kinh, sáu phẩm Dũng xuất cho đến nói người năng hành trì kinh. Người do pháp để thành đức, pháp nhờ người để hoằng tuyên, nếu không hành theo sở học, người kia do đâu mà kiến lập đức, nên phẩm An Lạc hạnh hành để học. Nếu không có người năng hành thì pháp kia không do đâu mà lưu bố rộng cho nên Dũng xuất cho đến là nói người năng hành, nên sau phẩm trước có phẩm này.

2. Khoa sau mười chín phẩm làm chánh tông, trong đó có ba: Trên mười hai phẩm nêu cảnh Nhất thừa xong, kế ở dưới hai phẩm nêu hạnh Nhất thừa. Phẩm An lạc hạnh nêu hạnh sở hành, sau phẩm Dũng xuất nêu người năng hành cho nên tiếp có hai phẩm này.

3. Vì trừ trong bảy nhiễm mạn, thứ sáu là người tập công đức, nghĩa là người có công đức nói pháp Đại thừa mà chấp phi Đại thừa tăng thượng mạn vì đây nói hạt châu trong búi tóc. Cầu quả tam thừa là hạng người nhóm họp công đức. Xưa tuy tướng chung vì nói Đại thừa, tâm kia chưa quyết định lui sụt hay hướng về Nhất thừa mà sẽ vì thắng chấp phi Đại thừa, nói công huân nhỏ ít nên chỉ ban cho các vật khác. Như nay đã phát tâm định ưa thích Đại thừa lập công đã lớn nên cởi

viên ngọc mà cho. Luận nói người thứ sáu nói pháp Đại thừa dùng pháp môn Nhất thừa này ban cho, khiến hàng Nhị thừa đồng thập địa hạnh mãn. Nay đức Như-lai thầm giải thích như cởi viên ngọc mà cho, nên có phẩm này.

4. Luận giải đệ thập vô thượng, lực trì trong bảy lực nghĩa là phẩm pháp Sư, An lạc hạnh, Phẩm trì. Phẩm An lạc hạnh nói hạnh sở trì, trước phẩm Trì đã nêu năng trì thì sẽ có hành sở Trì, cho nên có phẩm này. Tức văn bốn hạnh An lạc, đây là văn còn lại. Trước nói viên ngọc là văn sau.

5. ***Luận chép***: Sáu là thị hiện nói vô thượng cho nên nói chỉ cho viên ngọc trong búi tóc cho, dùng pháp này ban cho như cởi viên ngọc cho, pháp sở nói lại vô thượng. Tuy văn có khác nhưng đều nói châu, là phần còn lại của phẩm trước, nên có phẩm này.

II. Giải thích tên gọi: Lìa nguy nan sợ hãi gọi là an, thân tâm ưa thích gọi là lạc, oai nghi đáng làm khuôn mẫu lời nói có phép tắc, tâm trừ dòng siểm mạn, ý chí chứa từ bi, duyên từng trải không dừng lại gọi là hạnh. An lạc là quả, hạnh là nhân. An lạc hạnh là y chủ thích. Nếu khi tu nhân lìa các nguy hiểm sợ hãi, thích hợp thân tâm gọi là An lạc hạnh, tức trì nghiệp giải thích. Hành thông suốt đi ngay thẳng, hành kinh này thì thâu hoạch an lạc.

III. Giải đáp chướng nạn: Hỏi: Phẩm này cũng nêu việc cởi viên ngọc vì sao không lấy đó đặt tên phẩm? Đáp: Vì nêu thắng hạnh khen ngợi kinh thắng đức chẳng muốn đối cơ chính nêu việc viên ngọc cho nên chỉ lấy tên An Lạc Hạnh đặt tên.

- Kinh: “Lúc bấy giờ cho đến năng nói kinh này”.

- Tán: Trong phẩm này phần lớn văn chia làm hai: Trước khải thỉnh sau chỉ bày. Đây là phần đầu có hai: Trước tán dương việc ít có sau thỉnh nói nghi thức. Vì sao nói đời sau không có tổn thương.

- Kinh: “Đức Phật bảo ngài Văn-thù cho đến an trú trong bốn pháp”.

- Tán: Dưới chỉ bày có hai: Trước nhân hỏi Phật bảo bốn hạnh an lạc, sau cuối phẩm tụng, trong đó có hai hàng rưỡi tụng nhân tiên tổng bảo tướng quả an lạc. Tức câu “Người đọc kinh này thường không ưu não cho đến” Phần đầu bảo có ba: 1. Nêu đáp. 2. Hiển đáp. 3. Kết đáp. Sau kia hiển quả an lạc, tụng tiếp trước một rưỡi “sau khi ta diệt độ cho đến” đây tức là văn đầu, bốn pháp: Dưới bốn đoạn văn, đều có văn xuôi và kệ tụng mỗi mỗi là một hành: 1. Chánh thân hành. 2. Chánh ngữ hành. 3. Ý lìa hành vi các ác tự lợi. 4. Tâm tu các thiện lợi tha hành. Do

bốn hạnh này nhiếp hết các hành. Do ngay thẳng nên không có ác nào không lìa, tự lợi hạnh mãn, do từ bi nên không có thiện nào không sanh, lợi tha hạnh mãn. Kinh từ nghĩa thù thắng nói thứ ba là ngay thẳng, thứ tư từ bi, thật sự đều thông. Căn cứ văn kinh ở dưới, trong phần đầu nói thân hành cũng nêu rõ tâm hành là thời giáo hành. Tâm kia an trú môn không hữu, do trú hai môn lấy làm căn bản dẫn các hành khác sanh; chẳng phải hạnh đầu cũng thông nơi tâm, hạnh đầu chỉ nêu lìa thân hành ác tu thân hành thiện, cho nên ở trong bốn hạnh đều nên nói có không hữu hai thứ, chỉ ở trong hạnh đầu nói hành không hữu, theo lệ ba hạnh còn lại đều có đầy đủ. Cho nên trú không hữu hai thứ là tu bốn hạnh, thông vận thân tâm. Bốn tên pháp: Pháp nghĩa là chấp trì, pháp là sở y, ba nghiệp là năng y, hai thứ này đều là hành sở hạnh. An là an xứ, trú là y chỉ, năng hành hạnh là an ở ba nghiệp, y trong bốn hạnh gọi là an trú bốn pháp. Hoặc pháp là nghĩa nhân, chủ yếu các Bồ-tát trước quán nhân pháp hai sự, thể không, tùy theo khả năng thân lìa tà ác, nói hợp phép tắc chánh thiện, diệt tướng dối gạt khởi tâm từ bi như dứt tự ung nhọt lìa chê bai hủy báng mở mang đại giáo mà chưa thôi, nhiều đời lợi ích mà không thoái mất là đại ý trong đây. Lại trước Phẩm Pháp Sư nói vào nhà Như-lai, tức là thứ tư đại từ bi tâm, mặc áo nhu hòa nhẫn nhục của Như-lai, ngồi tòa pháp không của Như-lai, đây là thứ nhất thông hành, diệt vọng tưởng nơi không môn, khởi chân tâm nơi của hữu, cho nên có thể dùng thân ngữ điều (hòa) mà lợi cứu giúp tâm ý thuận mà đạo viên mãn. Đây là lý do.

- Kinh: "Một là cho đến giảng nói kinh này".

- Tán: Giải thích thân hành trong đó có ba:

1. Nêu hành xứ, gần gũi xứ.

2. Giải thích riêng.

3. Kết cuối sau năm câu tụng, hoặc có bổn văn kinh văn xuôi, nay chọn là tụng làm chánh nêu đây. Xứ là xứ sở tức pháp trước, là nơi các hành tam nghiệp nương tựa thật hành, nơi đáng gần gũi, hành là du hành, an nghỉ hoặc trở lại đạo lý. Như thế gian nói: Ông làm ở đâu? Ý nói thuộc hành ở đạo lý nào! Kia nói bất cứ lúc nào tâm cũng thường du hành, an nghỉ trong xứ sở này, hoặc an tâm thần ở trong xứ sở đạo lý nên gọi là hành xứ. Thân là gần gũi phụ giúp, cận là huân tập gần gũi, xứ nghĩa đồng trước. Hành là thân tâm sở ứng gần gũi phụ giúp huân tập cận xứ gọi là gần gũi xứ. Hành nghĩa là bên trong thật hành chành vi ác an nghỉ thân tâm, gần gũi nghĩa là cảnh bên ngoài, ngoài duyên thân gần huân tập, đây hai thứ thô tướng sai khác, thân hành có thân sơ,

có chung riêng gọi là gần gũi xứ, ba thứ còn lại không như vậy. Chỉ gọi chung An lạc hạnh.

- Kinh: "Văn-thù-sự-lợi cho đến là chỗ hành xứ của đại Bồ-tát".

- Tán: Trong biệt giải thích chia làm hai: Trước nêu hành xứ sau gần gũi xứ. Hành xứ tức là nhân chung của bốn hành, khi khởi bốn hành phải y môn đây mới sanh khởi.

Hành xứ có ba: 1. Hỏi. 2. Giải thích. 3. Kết. Đây là hỏi.

- Kinh: "Nếu vị Đại Bồ-tát cho đến lòng chẳng kinh sợ".

- Tán: Dưới giải thích có ba: Trước tu hạnh hữu, kế tu hữu không, sau cả hai hữu đều trừ bỏ. Đây là phần đầu, chỉ tu hạnh hữu, vì phi không nên chấp trước sanh tử không có chứng đắc. Chỉ tu hạnh không, vì phi hữu nên chấp trụ Niết-bàn. Không có lợi tha. Muốn nói rõ quán cả hai Không Hữu mà không chấp trước, khác nhau phàm phu và Nhị thừa. Như Kinh Vô Cấu Xứng nói: Hành không trú đạo. Lại chỉ tu hanh hữu do phi không nên vọng tưởng càng thêm lớn, chỉ huân tu hạnh không vì phi hữu nên chân tâm không có nhân mà không sanh. Cho nên để diệt vọng tưởng nơi không môn, khởi chân tâm nơi cửa hữu, hữu không song quán mới thành Trung đạo tức là hành xứ đây.

Tu hạnh hữu có bốn:

1. Trú nhẫn địa, lại như khi nói pháp có oán hại, năng nhẫn, khổ ép ngặt năng chịu, đế pháp năng ấn.

2. Nhu hòa khéo thuận: Thân tùy hạnh mầu nói lời hay khéo, tâm không nghĩ ác, ngoài lìa thô thiển gọi là nhu hòa, trong khế hợp huyền tôn gọi là khéo thuận.

3. Mà không vụt chạc: Nghĩa là không bộc phát cử chỉ thiếu kềm chế, suy nghĩ, với ba nghiệp phi lý đã chưa khéo đủ thì mỗi khi khởi đều phải xét kỹ, thong thả tư duy, trí là dẫn dắt trước, rồi sau động phát chánh kiến tiến lên, biết khó dễ, tiến lùi hợp thời, dù tư duy có khởi cũng không phi lý gọi là không vụt chạc (hấp tập).

4. Tâm cũng không kinh sợ: Dù đối với Đại nghĩa từng chưa nghe người khác cật vấn trái với tông, ngược với mình, hoặc họ cúng dường, gần gũi, đánh mắng, hơi trái nghịch, danh lợi, oai thế, hủy nhục, xua đuổi, lợi suy, hủy dự, xưng cơ hiềm, khổ lạc, với tất cả các thứ này đều an ổn vững chắc bất động, tâm cũng không sợ. Nên có tụng nói: "Chư Phật thường dạo khắp thế gian, lợi lạc tất cả loài hữu tình, tám pháp nhiệt phong tà phân biệt, không thể khuynh động không chấp ngại." Hoặc trú nơi nhẫn nhục địa là câu tổng, là biệt nói thường nhu hòa, thân khéo thuận an mà không kinh sợ, trong tâm thường cũng không sợ, ba

nghiệp thuận lý đây mà hành nơi hữu, thì có kinh nào mở mang truyền bá mà gặp chướng ngại! Nhẫn nhục gọi là địa, địa là nghĩa sở y lớn lên, lấy nhẫn làm nương tựa lớn lên thiện, dụ cho địa. Lại nói từ dụ đặt tên, khi hành nhẫn như đất mà nhẫn chịu thuận, trái bất động, cho nên đào hang sâu mà đất không giận, dựng nhà cao mà đất chẳng thích, gặp muôn vật mà đều chuyển tải, nhậm trì đức dụng càng lớn, đào bới bĩ quấy nhiễu mà phát ra suối ngọt, gieo trồng xong đất chẳng mong mỏi ban cho. Cho nên hành ba nhẫn nêu đất đặt tên đáng nên suy nghĩ kĩ, đáng gọi là Đại Bồ-tát. Hoặc địa nghĩa là vị, ở trong tất cả địa vị thường hành nhẫn.

- Kinh: "Lại ở nơi pháp không cho đến tướng như thật".

- Tán: Đây là nói tu hạnh không. Hành là nghĩa phân biệt chấp trước. Đối với pháp không phân biệt: Ở trong tất cả pháp chỉ thấy chúng sanh và pháp đều không mà không phân biệt chấp trước là có, mà quán các pháp tướng như thật, tức là đã quán ngã pháp hai không làm môn, lại quán tánh Như-lai tạng của các pháp. Chân lý pháp thể tướng như thật, thể pháp, ngã không có gọi là Không, Như-lai tạng kia gọi là tánh không. Chẳng quán hai môn không chẳng thấy tánh chân không, cho nên hai thứ này đồng gọi là quán không.

- Kinh: "Cũng chẳng thực hành không phân biệt.

- Tán: Trên nói quán không, hữu, sợ đắm trong không hữu cho nên nay quán bỏ cả hai, nghĩa là tuy quán không mà cũng không vin theo chấp đắm vào không, tuy quán hữu mà không phân biệt chấp đắm trong hữu, tương ứng đều vô trú mà nêu pháp quán. Nếu có sở trụ thì là phi trú, cho nên dưới có tụng rằng: Tuy y theo người không pháp không giải mà hai thứ này gọi chung nơi pháp mà không phân biệt vin theo, nhiếp theo lý không trái. Lại nữa đối với pháp, không phân biệt quán các pháp không. Tụng nói: Không hành thượng, trung, hạ, pháp hữu vi vô vi, cũng không hành, không phân biệt. Như thứ lớp tức không hành phân biệt ngã, ngã sở, quán chúng sanh là không. Tụng nói: Cũng không phân biệt là nam hay nữ. Do quán hai ngã, pháp này là không liền chứng tánh như thật của nhị không. Lại đối với pháp không phân biệt, nghĩa là không phân biệt nói pháp chỉ quán nghĩa chân như thật tướng, cũng không phân biệt là người được thọ hóa. tức quán ba sự hai thứ người, pháp thể tánh là không, mà quán chân như thật tướng là hữu. Lại tất cả pháp có hai: Vọng và chân, đối các pháp vọng nên không phân biệt chấp trước để xả bỏ các vọng, đối pháp tánh chân nên thường quán sát cầu chứng đắt. Tuy gây ra hành vi này cũng không tạo hạnh

chân trí đối với thật tướng chấp là hữu, cũng không tạo Tục trí, hành phân biệt chấp là không. Cho nên Bát-nhã chép: Nên vô sở hành mà hành đó gọi là hành, không hành nên chẳng có chỗ nào, không hành, không phân biệt nên chẳng có chỗ nào không phân biệt. Không hành không phân biệt nên vọng huyễn đều trừ, không chỗ nào, chẳng hành, chẳng phân biệt nên chân tế đều đạt. Do đó, song tu chiếu rõ tất cả, nơi sự y tha trú nhẫn địa cho đến nơi lý thành thật quán như thật tướng, người pháp sở chấp đều soi chiếu là không.

- Kinh: "Đó gọi là Bồ-tát cho đến hành xứ".
- Tán: Đây kết.
- Kinh: "Thế nào gọi là Đại Bồ-tát cho đến thân cận".
- Tán: Dưới nói chỗ gần gũi có hai: Hỏi và giải thích. Đây là hỏi.
- Kinh: "Vị Đại Bồ-tát cho đến cuộc chơi biến hiện".
- Tán: Dưới giải thích có hai:

1. Lìa duyên ác bên ngoại không thể gần gũi xứ, ngược lại nói lên không lìa duyên lành bên ngoài, có thể gần gũi xứ tức là cảnh ở cõi người.

2. Ngoại quán chân pháp có thể gần gũi xứ ngược lại hiển ngoại quán vọng pháp không thể gần gũi xứ, tức là cảnh pháp, lẫn nhau nói lên tức chia làm hai. Nhưng quán chân pháp nên có cả các hành khác, dẫn chung cả bốn hạnh. Dựa vào theo hạnh đầu mà rõ ràng không chỉ hành này. Văn đầu lại có hai: Giải thích và kết. Lìa các duyên ác bắt đầu tu giới hạnh, thường ưa ngồi thiền, kế tu định hạnh, sau gần gũi xứ quán cảnh không cho đến mới tu tuệ hành.

Đầu văn chia làm ba: Bốn phần đầu là một đoạn, kế một là một đoạn, sau năm là một. Trong phần đầu lại có hai: Nói lìa bốn và nêu không lìa. Trong đây có ba lìa:

1. Tổn hại duyên.
2. Ác kiến duyên.
3. Hoại loạn duyên.

Bồ-tát tuy lại giáo hóa khắp chúng sanh nhưng mới tu hành thì phải phân biệt, người học không lâu cũng giống như vậy. Lại ở đây chấp nhận cho nói pháp dẫn dắt chúng sanh lợi lạc, mà chỉ hòa quang nhưng không được thuận theo đồng trần giao hảo, do đó lìa, ngăn đầu không ngăn sau, ngăn đồng không ngăn khác, ngăn thuận không ngăn trái, cho hóa độ mà không giao hảo nên không trái nhau. Nếu gần gũi vua cho đến hoặc chỉ tăng thêm sự tổn hại như trong luật nói. Nếu vào cung vua thì có mười lỗi. Ngô Vương đồng kéo xe để một đời vinh hiển

Tần chúa nhường vợ chịu sĩ nhục ngàn năm, ngoại đạo tà nhân thường dò xét pháp thiếu sót lầm lỗi, cho nên luật không cho tự tay trao thức ăn huống chi là gần gũi. Ni-kiền-tử: Là ngoại đạo ly hệ. Viết sách thế tục: Là các loại thi ca làm văn, văn khắc trên bi thuộc bút viết. Thư theo Chu lễ có sáu nghề, năm gọi là lục thư nghĩa là hình tượng, biên chép nơi tre lụa cho đến như trong âm giải, nay nêu loại kia bốn phương Tây khác với ở đây. Lộ-già-da-dà: trước nói ác đáp đối với người, chánh nói lộ ca cũng là để ca dịch là ngoại đạo thuận thế. Nghịch lộ-đà-da-đà: Trước nói ác trưng cầu hỏi người, chánh nói phược ma lô ca cũng là để ca, nói ngoại đạo Tả Thuận Thế chấp trái với trước nên gọi là tả (trái) thuận thế tục. Dưới một là nói xuyên suốt cả hai xứ trên. Na la cho đến là thân múa vẽ văn hoa. Biến hiện vui chơi là làm trò huyễn thuật thế gian. Hung là ác. Nay đây từ đầu có gây ra lỗi hung ác nguy hiểm. Kinh A-hàm nói bậc trí trong lòng thường lo lắng tợ như trong ngục tù, kẻ ngu thường vui vẻ hớn hở như ở cõi trời Quang âm. Người trạo hý như voi trâu lừa không bị buộc móc câu vào mũi nên khó có thể cấm chế. Lại kệ nói: Ông đã cắt tóc mặc áo hoại sắc cầm bát đất đi khất thật vì sao ưa đắm pháp chơi đùa, đã không có pháp lợi ích mất công đức do đó không nên đâm nhau đánh nhau.

- Kinh: “Lại không gần gũi cho đến các luật nghi ác”.

- Tán: Nói nghiệp duyên ác. Chiên-đà-la dịch là người giết mổ không có luật nghi, nói đúng là Chiên-đồ-la, hán dịch là nghiêm sí, nghiệp ác tự hành trì nêu cờ, lay chuông linh đồng cầm cây trúc gọi là tự nêu, trong đây nêu ra sáu thứ, tạp tâm có mười hai, nghĩa là người mổ dê, nuôi heo - gà, bắt cá - chim, thợ săn, trộm cướp, kẻ đầu cơ, người giữ ngục, chú rồng, giết chó, rình săn.

Kinh Niết-bàn có mười sáu thứ: Trâu dê heo gà làm lợi nên mua, nuôi cho béo rồi đem bán, vì lợi nên mua, mua rồi giết mổ, tức là tám thứ trước. 9. là câu cá. 10. Thợ săn. 11. Cướp đoạt. 12. Kẻ đầu cơ. 13. Bắt chim. 14. Nói hai lưỡi. 15. Ngục tốt. 16. Chú rồng. Đối pháp quyển tám nói có mười bốn: Giết dê, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, săn hưu, đặt bẩy, trộm cướp, đầu sỏ, hại trâu, trói voi, lập đàn, chú rồng, giữ ngục, gây chuyện, ưa làm tổn hại cho đến ý văn này nói, ý suy diễn rộng lại tổn hại sâu, đắm chấp lợi chương khi sắp qua đời thân vẫn không dừng đều gọi là không có luật nghi cho nên nói ưa làm tổn hại cho đến Nên Kinh này nói các luật nghi ác. Lược âm ngư lại là bắt. Lại điền lạp là săn bắn, ngư bộ là chài lưới.

- Kinh: “Những người như thế cho đến không có tâm mong cầu”.

- Tán: Đây là nói không lìa, cho hòa quang hóa độ ma không cho đồng trần nên không gần gũi.

- Kinh: "Lại không gần gũi cho đến không có tâm mong cầu".

- Tán: Đây là đoạn thứ hai, trước lìa sau không lìa. Nói người có duyên. Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát sợ Nhị thừa như tiếc thân mạng người. Tịch Điều Âm Thiên tử Sở Vấn kinh chép: Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi thí như có người đói khát tiều tụy, chịu đói khát chứ không hề ăn thức ăn có độc trộn lẫn, Bồ-tát cũng như vậy, thà sẻn tiếc ganh ghét phá giới ác khẩu đọa lạc vong niệm vô trí chứ không bao giờ hy vọng mong cầu quả vị Nhị thừa. Phật bảo Thiên tử, như người tham ăn là chất độc của Luân vương; cho nên người Nhị thừa trì giới tinh tấn tức là Bồ-tát phá giới đọa lạc nên không được gần gũi, cho đến vì nói pháp không mong cầu gần gũi lợi dưỡng cung kính.

- Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến, để làm thân hậu".

- Tán: Đoạn thứ ba, đầu lìa thứ sáu nhiễm duyên lâu dài, thứ bảy duyên vô dụng, thứ tám duyên hiềm trách, thứ chín duyên không phép tắc, thứ mười tán loạn duyên. Sau nêu tự hành. Trong năm thứ lìa văn này có hai: Là duyên thứ sáu, thứ bảy. Thập tụng luật nói: Thí như người ăn thức ăn chín tất cả người nữ cũng giống như vậy khiến người ưa đắm không thể lìa bỏ. Luận Trí độ nói: gió mát không có hình còn có thể bắt được, rắn độc còn có thể xúc chạm nhưng tâm người nữ khó có thể chạm được. Cầm đao kiếm chiến đấu giặc địch còn có thể đánh thắng, giặc nữ hại người khó có thể ngăn cấm.

Luật Tứ Phần nói: Thường đến nhà người tại gia có năm lỗi:

1. Thường thấy người nữ.
2. Thấy thường gần gũi.
3. Chuyển dần thân hơn.
4. Liền nghĩ việc dâm dục.
5. Hoặc khi đến chết gần chết khổ não, cho nên phải xa lìa.

Năm hạng người bất nam: sanh tiện, trừ khứ, ganh ghét, bán nguyệt, quán sái. Do có hai lỗi nam nữ phiền não thường cùng hành, người tốt khó được, không phải pháp khí, cho nên không được thân gần.

- Kinh: "Chẳng một mình vào nhà người cho đến cũng chẳng thích đồng thầy với chúng nó".

- Tán: Trong đây có ba: Duyên thứ tám, chín và mười. Luận Du-già nói: Nên lìa mười bốn cấu nghiệp tàn ẩn sáu phương, lìa xa bốn bạn ác nhiếp bốn bạn lành. Lìa mười bốn cấu nghiệp. Trường A-hàm nói:

Thân ngữ ý nghiệp có bốn: Sát, đạo, tà, dâm, vọng ngữ, không y các thứ này làm các việc ác. Nhân ác có bốn: Tham, sân, si, mạn, không y bốn thứ này khởi ác nghiệp.

Lìa sáu thứ làm tổn hại tài pháp:

1. Mê uống rượu.
2. Đùa giỡn.
3. Phóng đãng.
4. Mê chấp kỹ nhạc.
5. Bạn Ác tổn hại nhau.
6. Thuận theo kia nói.

Trong sáu thứ này đều có sáu thứ như vậy hợp thành mười bốn cấu nghiệp. Tàng ẩn sáu phương. Trường A-hàm nói trong thành La-duyệt có con trưởng giả tên là Thiện Sanh, tương truyền thời xưa vào mỗi buổi sáng thường lễ sáu phương, khiến thần trong sáu phương thường hộ gia nghiệp. Một hôm tình cờ bỗng nhiên gặp Phật có phương pháp gì không: Đức Phật đáp có cùng ông khác nhau. Cha mẹ là phương Đông, Sư trưởng là phương Nam, vợ con là phương Tây, bạn thân là phương Bắc, nô bộc sai sử là Hạ phương, Sa-môn cao đức là Thượng phương. Trong sáu phương mỗi phương đều có năm việc, thường tàng ẩn trong sáu phương này, không sanh kiêu học, mà tùy kia thích ứng, hoặc năng trú trong sáu phương này nên nói tàng ẩn.

Xa lìa bốn bạn ác: Trường A-hàm nói:

1. Như gần gũi bạn ác sợ mà phục, thật không có ý gần gũi.
2. Nói tốt với bạn ác, thuận lời trái ý.
3. Kính thuận bạn ác, tâm tuy kính thuận nhưng việc làm thiện ác đều từ vô tướng can ngăn tâm.
4. Đồng sự bạn ác. Làm bạn với việc ác hoặc đồng uống rượu đùa giỡn dâm dật phóng đản cho đến ca vũ cho đến Trong bốn thứ này mỗi thứ có bốn, nói bốn việc đáng ác thường nên xa lìa.

Nhiếp bốn bạn lành: Trường A-hàm nói:

1. Ngăn bạn không tốt, ngăn các việc ác.
2. Thương xót bạn lành linh đinh khổ sở.
3. Lợi người bạn lành việc vui cùng nhau vui.
4. Đồng sự bạn lành việc thiện đồng nhau.

Trong mỗi hứ đều có bốn, đều rộng như kia không cần nói nhiều.

- Kinh: “Thường ưa ngồi thiền cho đến đó gọi là chỗ gần gũi ban đầu”.

- Tán: Đây nêu tu định hạnh và kết. Thường xa lìa nơi ồn ào ưa

ở chỗ vắng khuyên người sơ học nên tự tĩnh trú, khuyên người học lâu thân tuy ở chỗ ổn ào mà tâm thường vằng lặng. Lý thật bốn hành các ác đều lìa, các thiện đều tu, lại bàn luận nói, kinh phần nhiều phát khởi, cho nên văn trên dưới chỉ nói hành vi ác để khuyên tu tập, trên nói cảnh người, dưới nêu cảnh pháp.

- Kinh: "Lại nữa cho đến chẳng chuyển".

- Tán: Thứ hai gần gũi xứ. Trong học Tuệ hạnh có hai: Trước dạy quán sau kết. Dạy quán đầu tiên không quán sau hữu quán là quán chân tục hai đế. Không quán có mười tám câu làm ba giải thích. Trong đây chỉ quán biến kế sở chấp không, nói lên pháp chân như vô tướng nhất thể, dưới hữu quán mới dạy quán việc thế tục. Trong mười tám câu chia làm tám loại, đây có hai loại: ba câu đầu y ba tánh để hiển chân, do chân thể mầu nhiệm tự tánh khó biết nên y thuyên hiển. Cầu đầu y Biến kế sở chấp không để nói lên hiển người pháp đều không. Câu thứ hai Viên thành thật tánh. Câu thứ ba tánh Y tha khởi nhiễm pháp điên đảo, chân như tịnh pháp không điên đảo, kế ba câu y thường trú để hiển chân, hữu vi có ba phẩm: trung phẩm có thể biến động, có thể tùy hạ phẩm thối bại, có thể tùy thượng phẩm tiến chuyển, vô vi thì không như vậy.

- Kinh: "Như hư không ch có tánh thật cho đến chẳng khởi".

- Tán: Ở đây có ba loại: Một câu đầu lìa hai thứ đắc để hiển chân như, hư không chẳng có tánh năng đắc sở đắc. Kế một câu nêu nội chứng để hiển chơn như, danh ngôn không sánh bằng, chỉ có trí chứng. Ba câu sau phi hữu vi để hiển bày chân như. Kinh Niết-bàn nói không có nhân duyên nên gọi không sanh do vô vi đây gọi là không xuất, không tạo nghiệp nên gọi là vô tác, đây gọi là chẳng khởi, thể không phải nhân duyên sanh, chẳng phải thể trước có từ nơi khác mới xuất, cũng chẳng phải từ nghiệp mới tác khởi.

- Kinh: "Không danh cho đến không chướng".

- Tán: Ở đây có ba loại: Hai câu đầu lìa tướng thuyên chỉ để hiển bày chân, không danh không tướng. Kế một câu lìa vọng pháp để hiển chân, không vọng tướng năng thủ sở thủ. Bốn câu sau nêu thể mầu nhiệm để hiển chân. Kinh Đại Phẩm nói vượt cả ba đời nên vô lượng, vượt cả mười phương nên không biên, lìa hoặc chướng phẩm gọi là vô ngại, lìa sở trì chướng phẩm gọi là không chướng. Trong đây tổng hiển pháp tánh chân như, là như thật tướng không cõi chấp nhân pháp, cũng chẳng phải thể y tha điên đảo, thể tánh thường trú chẳng phải đắc hai thứ đắc. Cho nên, chỉ nội trí chứng chẳng phải nhân duyên tạo, lìa danh

lìa nghĩa lìa năng sở chấp, chẳng phải ba đời mười phương nhiếp không có hoặc trí hai chướng, nên dùng lý này mà quán chân tánh, Tức trước nói: Ở nơi pháp không phân biệt mà quán các pháp như thật tướng. Hoặc ba câu đầu hiển Ngã như thật tánh cho nên Đại tự tại, kế ba câu hiển bày Thường không tiến thối; kế bảy câu hiển lạc vô sanh, kế năm câu hiển Tịnh ly vọng ba đời mười phương cho đến Do đối hai tánh nên thành bốn đức. Hoặc sáu câu đầu nêu cảnh Không hành, kế năm câu cảnh Vô tướng hành, bảy câu sau là cảnh Vô nguyện hành. Đồng quán chân như khởi ba quán.

- Kinh: "Chỉ do nhân duyên mà có cho đến cho nên nói"

- Tán: Đây là Hữu quán. Trên quán tất cả pháp chân không để khởi ưa thích, đây quán tất cả pháp vọng có mà sanh nhàm chán, chỉ quán ba cõi năm đường từ sanh tất cả pháp cảnh đều tác quán do nhân duyên mà có, từ hai chướng đảo hoặc bốn, bảy đảo hoặc tâm loạn đảo cho nên nói là hữu quán vi, chẳng phải chân thật có mà sanh tâm nhàm chán lìa bỏ. Kinh Nhân Vương chép: Thế giới hư huyễn khởi, thí như hoa đốm giữa hư không, như ảnh thật ra đều không có, vì nhân duyên nên giả dối có. Nhiếp luận cũng nói loạn tướng với loạn thể tương ưng, chấp nhận đó là sắc thức và cùng phi sắc thức, hoặc vô dư cũng không. Tâm gặp cảnh tục nên khởi quán này, hoặc đây giải thích phục nạn nghĩa là có người nạn vấn rằng: Nếu tánh không đây ngôn ngữ đạo đoạn vì sao lại nói là không? Do đối đãi từ kia điên đảo sanh, luống dối cho rằng có pháp nói là tánh không, chẳng phải thể của không là có hữu không cũng không. Vì thế Trung luận chép: "Nếu có đối tượng "bất không" tương ứng thì phải có đối tượng "không". Đối tượng "Không" không thể đắc huống chi đắc ở "không". Do đó, tức trả lời không cũng chẳng có thể, đây là dựa theo ba luận chẳng phải Trung đạo tông. Lại có chỗ giải rằng: Đây do đối đãi vọng chấp có pháp từ điên đảo sanh cho nên nói là không, chẳng phải không nhất định không. Nói nhân duyên: Là nhân do dựa vào duyên mà có. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Nói pháp phi hữu cũng phi vô tất cả đều đối đãi nhân duyên lập, ý đây nói chân không phải thể thật không có, nhưng chẳng phải thể nhất định không, chỉ vì trừ bệnh kia mà chẳng trừ pháp này.

- Kinh: "Thường ưa quán sát pháp tướng như thế cho đến chỗ gần gũi thứ hai".

- Tán: Đây là kết.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến và trụ gần gũi xứ".

- Tán: hai mươi bảy hàng rưỡi tụng, chia làm có hai: hai mươi ba

hàngđầu tụng hai xứ trước, bốn hàng rưỡi sau tụng đắc quả an lạc. Phần đầu lại có hai: hai mươi mốt hàng rưỡi tụng khuyến thị, hai hàng rưỡi tụng hai xứ trước. Đây là một hàng rưỡi đầu.

- Kinh: "Thường xa rời vua chúa cho đến đều chớ có thân gần".

- Tán: hai mươi mốt hàng rưỡi tụng hai xứ chia làm ba: mười ba hàng rưỡi tụng về hai xứ thuộc pháp hữu của cảnh ngoài người, kế hai hàng rưỡi tụng về hành xứ thuộc pháp nội hữu và không, năm hàng rưỡi sau tụng chân pháp cảnh ngoài gần gũi xứ. Trong văn xuôi đầu tiền lìa vọng hữu, bên ngoài sau quán chân không bên ngoài. Đây tụng đầu lìa ngoại vọng gần gũi xứ, tiếp mới nêu nội hành xứ, sau tụng cảnh ngoài chân pháp gần gũi xứ. Tạm xem thế văn thấy hai hàng đầu tụng hành xứ cận xứ, và văn cùng kết cả hai. Nhưng phần đầu văn tụng không thấy văn nói hành xứ, chỉ dùng tụng nói ở đây ác duyên không có tâm sợ hãi, không có tâm mong cầu mà vì nói pháp, nghĩa do nhu hòa và thiện thuận cho đến mới không sợ hãi không mong cầu gọi là hành xứ. Cho nên văn song nêu, thật ra chỉ cận xứ.

Mười ba hàng rưỡi tụng ngoại gần gũi xứ trong đó có hai: Mười hai hàng rưỡi tụng cận xứ, một hàng tụng kết. Mười hai hàng rưỡi lại chia có hai: sáu hàng rưỡi tụng lìa năm duyên, sáu hàng tụng lìa bốn duyên, không tụng tán loạn duyên. Sáu hàng rưỡi đầu lại chia làm hai, bốn hàng rưỡi tụng lìa, hai hàng sau tụng không lìa. Bốn hàng rưỡi một hàng rưỡi tụng lìa bốn duyên: Tổn hại, Hoại loạn, Ác duyên. Ác kiến. ba hàng tụng lìa một duyên, nghĩa là bạn xấu kém. Trước khai sau hợp cũng chẳng thứ lớp tụng.

- Kinh: "Nếu những hạng người đó cho đến mà vì chúng nói pháp".

- Tán: Tụng không lìa. Do quán không hữu để tâm du hành nghỉ ngơi nên không còn sợ cho đến gọi là hành xứ.

- Kinh: "Những gái góa gái trinh cho đến phải một lòng niệm Phật".

- Tán: Đây sáu hàng tụng lìa bốn chỗ:

1. Nhiễm lâu.

2. không phải pháp khí.

3. Không phải phép tắc.

4. Hiềm trách.

Văn chia làm năm: một hàng tụng hai duyên: Nhiễm lâu và không phải pháp khí. hai hàng tụng lại ác nghiệp. một hàng tụng lại duyên hoại loạn nhiễm lâu; một hàng tụng duyên không phép tắc. một hàng

tụng hiềm trách. Làm: năm nhà là xóm, năm xóm là làng, tức hai mươi lăm nhà ở. Phương ở trong một làng.

Pháp khất thực có mười ba thứ:

1. Trụ chánh giới.
2. Trụ chánh oai nghi.
3. Trụ chánh niệm.
4. Trụ chánh kiến.
5. Y pháp.
6. Y thời.
7. Y xứ.
8. Y thứ.
9. Lìa tham.
10. Lìa chấp trước.
11. Lìa sân não.
12. Lìa thô tháo.
13. Lìa tâm kiêu mạn.

Trong đây bốn trụ đầu chánh khất thật, kế bốn trụ phép tắc, năm trụ sau xả phiền não.

Như Kinh nói rộng: khất thật làm hai việc:

1. Vì tự giúp mình hành chánh đạo.
2. Vì lợi sanh đầy đủ pháp bố thí xả.

Người nhận, người cho đều thành lục độ do đó hành khất thật. Kinh Anh lạc nói khất thật làm mười hai việc Kinh Bảo Vân nói: Hễ xin được gì đầu chia làm bốn phần: một phần như cho người đồng phạm hạnh, một phần như thí cho kẻ ăn xin nghèo một phần đem thí cho chúng sanh dưới nước trên đất liền, còn một phần tự ăn. Nhưng dùng một phần ăn cúng dường Chư Phật và các hiền thánh, song sau tự ăn phải nhớ tưởng ăn, như ăn thịt trứng ở đồng hoang v.v... nguyện được pháp thân lìa các lỗi lầm, nhớ Báo ân thí chủ tưởng ăn như vậy. Lại như Kinh Vô Cấu Xứng nói Đại Ca-Diếp hỏi bệnh tật Vô cấu chỉ bày.

- Kinh: “Đây gọi tên là cho đến có thể an vui nói”.

- Tán: Đây kết không sợ hãi gọi là hành xứ, lìa duyên ác bên ngoài gọi là cận xứ.

- Kinh: “Lại cũng chẳng vin theo cho đến hành xử của Bồ-tát”.

- Tán: Ở đây tụng hữu không pháp hành xứ, trước tụng pháp không, sau một hàng rưỡi tụng sanh không. Trước nói hai xứ tức hữu quán, tụng lại không tụng trụ nhẫn nhục cho đến.

- Kinh: “Tất cả các pháp cho đến đó gọi là cận xứ”.

- Tán: Ở đây năm hàng rưỡi tụng chân pháp gần gũi xứ bên ngoài chia làm ba: một hàng rưỡi đầu tụng trong mười tám câu: Sanh pháp hai không lìa hữu vi vô vi, kế hai hàng tụng như núi Tu-di tâm định; sau hai hàng tụng lẫn lộn các câu, tùy thích ứng như nghĩa nên biết.

- Kinh: "Nếu có vị Tỳ-kheo cho đến không có lòng e sợ".

- Tán: Đây bốn hàng rưỡi tụng nêu quả an lạc chia làm hai: một hàng rưỡi nêu, ba hàng sau tụng giải thích. Lìa lỗi lầm sai trái do đó không e sợ.

- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi này cho đến giảng nói Kinh Pháp Hoa".

- Tán: Đây là kết.

- Kinh: "Lại Văn-thù-sư -lợi cho đến hạnh an lạc".

- Tán: Thứ hai chánh ngữ có ba phần: 1. Nêu khuyên. 2. chỉ bày riêng, sau năm hàng tụng hiển bày quả an vui, đây là phần đầu.

- Kinh: "Hoặc miệng giảng nói cho đến tốt xấu hay dở của người khác".

- Tán: Dưới chỉ bày riêng, Văn xuôi có hai: Trước lìa ác sau tu thiện: "Khéo tu tâm an lạc như thế cho đến" Trước lìa bảy ác đây tức bốn ác đầu. Luận Trí độ nói: tướng Thiện nhân không tự khen chê mình không khen chê người. Hoặc người chê pháp như: Kinh Bách Dụ nói: Có hai người con rửa chân cho cha v.v... mà chê bai lẫn nhau khiến chân cha bị gãy.

- Kinh: "Đối với Thanh-văn cho đến chẳng sanh tâm oán hiềm".

- Tán: Đây lìa ba lỗi. Chẳng những chỉ lìa lời nói ác như vậy mà phải thuận theo nói kinh. Dưới đều y cứ theo đây biết nói thiện cũng vậy.

- Kinh: "Vì khéo tu như thế cho đến đắc nhất thiết chủng trí".

- Tán: Đây tu thiện có ba:

1. Thuận ý vì nói.
2. Đều dùng Đại thừa.
3. Khiến đắc chủng trí.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến tùy chỗ hỏi mà nói".

- Tán: Dưới mười sáu hàng rưỡi tụng chia làm hai: mười một hàng rưỡi tụng văn trước, năm hàng tụng quả an lạc. Tụng trước chia làm tám văn có hai: một hàng tụng chỗ ngồi, một hàng rưỡi tụng nghi thức phép tắc. Mặc y mới sạch sẽ, tắm gội nên gọi là tịnh. Chánh Pháp Hoa nói mặc y phục sạch sẽ. Đây dưới lại nói trong ngoài đều sạch thơm. Có nói nói: Y mới nhuộm là sai.

- Kinh: "Nếu có vị Tỳ-kheo cho đến hòa nhã vì đó nói".

- Tán: Nếu gặp duyên đến dung mạo hòa nhã vì đó nói.

- Kinh: "Nếu có người gạn hỏi cho đến vào ở trong Phật đạo".

- Tán: Tụng hỏi đáp. Dùng chứng đắc của mình khiến người khác được lợi ích.

- Kinh: "Trừ lòng người biếng trễ cho đến đều khiến chúng vui mừng".

- Tán: Một hàng đầu tụng tự trừ ác nhiễm. Sau một hàng rưỡi chỉ bày lời đã nói, biếng khác là buông lung với biếng trễ.

- Kinh: "Y phục và đồ nằm cho đến là an vui cúng dường".

- Tán: Một hàng tụng tự không mong cầu, sau một hàng rưỡi tụng dạy an tâm tưởng. Luận Trí độ nói: Đại từ thương xót vì chúng nói pháp. Không cơm áo, danh tiếng thế lực, vì đại từ bi nên tâm thanh tịnh đắc vô sanh nhẫn. Như có tụng rằng: Học rộng biện trí khéo nói năng, khéo nói các pháp chuyển tâm người, tự không như pháp làm điều bất chánh, thí như mây sấm mà không mưa, học rộng học rộng có trí tuệ, vụng về chậm chạp không khéo nói, không thể hiển phát pháp bảo tàng, thí như không sấm mà không mưa, không học vấn rộng không trí tuệ, không thể nói pháp không hạnh mầu, là pháp Sư tệ không hổ thẹn, thí như mây nhỏ không sấm mưa, học rộng trí lớn khéo nói năng, khéo nói các pháp chuyển tâm người, hành pháp tâm chánh không sợ hãi, như mây sấm lớn tuôn mưa khắp. Pháp Phật rộng lớn soi chiếu khắp, chiếu sáng Phật pháp kho trí tuệ, trì tụng giảng rộng rung chuông pháp, như thuyền Bát-nhã vượt biển khổ, cũng như ong chúa hút các vị, nói như Phật nói tùy ý Phật, giúp Phật bày pháp độ chúng sanh, Pháp Sư như thế rất khó gặp. Được vào rừng chiên đàn mà chỉ chọn lấy lá xanh, đã vào núi báu mà lại lấy thủy tinh, có người vào trong Phật pháp mà không cầu Niết-bàn an vui, lại cầu lợi dưỡng cúng dường thì đều gọi là tự lừa dối, cho nên khiến không mong cầu mà nói pháp cho nghe.

- Kinh: "Sau khi ta diệt độ cho đến nói chẳng thể hết được".

- Tán: Đây năm hàng tụng quả an vui chia làm ba: một hàng tụng là nêu, hai hàng tụng nói lìa ác, hai hàng tụng nói được pháp thiện.

- Kinh: "Lại Văn-thù -sư -lợi cho đến vạch tìm chỗ hay dở".

- Tán: Thứ ba ý lìa các ác, tự lợi hành.

Trong văn xuôi có hai:

1. Nêu hành.

2. Nêu quả.

Nêu hành có hai: Trước dạy lìa ác, sau dạy tu thiện: "Phải ở nơi tất cả chúng sanh cho đến" Lìa ác có bốn, đây là hai phần đầu. Hành

đầu có ba đều là ý nghiệp: 1. Lìa ganh ghét. 2. Lìa siểm khúc. 3. Lìa cuồng trá. Đây là thứ hai, hành không sai trái nhau, dưới đều thuộc ngữ nghiệp.

- Kinh: "Nếu hàng Tỳ-kheo cho đến có sự tranh cãi".

- Tán: Hai thứ lìa ác sau:

1. Không xúc não người.

2. Không hý luận.

- Kinh: "Phải ở nơi tất cả chúng sanh cho đến cũng chẳng vì nói nhiều".

- Tán: Tu thiện có ba:

1. Tu ý nghiệp trụ trong ba tưởng.

2. Tu thân nghiệp cung kính lễ bái.

3. Tu ngữ nghiệp bình đẳng nói pháp ít nói quí lời nói.

- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi cho đến tôn trọng khen ngợi".

- Tán: Trong quả an lạc có bốn:

1. Không não loạn.

2. được bạn lành.

3. Được chúng lắng nghe.

4. Chuyển nhập pháp cho người.

Năm quả đây đều tương ưng với hành trước. Sợ văn phiền rộng nên không nói.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến rằng ngươi chẳng thành Phật".

- Tán: Đây sáu hàng tụng chia làm ba: hai hàng đầu tụng lìa ác, kế ba hàng tu thiện, một hàng sau khuyên tu. Đây là hai hàng đầu. Đầu tụng lìa bảy ác, do ngay thẳng, sau tụng lìa ba lỗi để truyền trao. Ngụy trá tức là không thật.

- Kinh: "Phật tử đó nói pháp cho đến nói pháp không chướng ngại".

- Tán: Đây nêu tu thiện chia làm ba: một hàng tụng chúng sanh tu bốn hành, tiếp một hàng kính Bồ-tát, sau một hàng khởi tưởng Phật như cha.

- Kinh: "Pháp thứ ba như thế cho đến vô lượng chúng cung kính".

- Tán: Đây khuyên tu.

- Kinh: "Lại Văn-thù -sư -lợi cho đến sanh đại bi tâm".

- Tán: Tâm tu các thiện hành lợi tha. Trong văn xuôi chia làm ba: Trước nêu hành pháp, tiếp "Văn-thù -sư -lợi vị đại Bồ-tát đó cho đến"

nêu quả an lạc, sau "ở trong vô lượng cõi..." khen ngợi kinh thù thắng mầu nhiệm. Văn đầu có hai: Trước dạy từ bi, sau dạy suy nghĩ. Đây là phần đầu. Hành pháp duyên từ muốn cho pháp lạc, cho nên đối với hàng tại gia xuất gia khởi từ tâm, đây ở trong chủng tánh Bồ-tát khởi tâm không sợ sanh tử khổ, cho nên ở trong hàng không phải Bồ-tát, nghĩa là hạng nhất Xiển-đề Nhị thừa cho đến đối với hạng nhiều sợ các khổ nên khởi bi tâm, hạnh chúng sanh duyên bi và pháp duyên bi, sự thật từ bi hai loại đều vận. Nay căn cứ tăng thượng cũng không trái nhau.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Phật tử Bồ-tát có mười thứ đại bi thường quán sát chúng sanh:

1. Quán không chỗ qui y.
2. Chạy theo tà đạo.
3. Nghèo không gốc lành.
4. Ngủ lâu trong sanh tử.
5. Hành pháp bất thiện.
6. Trói buộc ở Dục.
7. Ở trong biển sanh tử.
8. Bệnh tật lâu dài.
9. Không ưa pháp thiện.
10. Mất pháp Chư Phật.

- Kinh: "Phải nghĩ thế này cho đến không tín không hiểu".

- Tán: Dưới dạy phải suy nghĩ có hai: Trước nghĩ hôn mê, sau nghĩ hóa đạo. Đây là nghĩ, người mất lợi được Như-lai phương tiện tùy nghi nói pháp, tức Kinh Pháp Hoa khai xưa hợp Tiểu thừa nói tam thừa, chỉ bày nay hợp Đại thừa nêu nhất thật, không gần gũi bạn lành nên chưa hề nghe, tâm không hiểu biết không tự giác ngộ, lại không hỏi người dù có nghe cũng không tin, dù có tin cũng không hiểu đó là tướng hôn mê.

- Kinh: "Người đó dù chẳng hỏi cho đến trú trong pháp này".

- Tán: Đây nghĩ phải hóa đạo. Nghĩa là người được hóa độ nay dầu không nghe cho đến, sau kia trú nơi cửu địa hoặc là thất địa hoặc địa phàm thánh hoặc từ địa phương nào ta thành Phật rồi sẽ dẫn dắt đó trú trong pháp Đại thừa.

- Kinh: "Văn-thù-sư -lợi cho đến không có lỗi lầm".

- Tán: Dưới nêu quả an lạc, có hai: Đầu nói chung không lỗi lìa các nguy sợ, sau nêu đắc quả an lạc thù thắng. Đây nói phần đầu.

- Kinh: "Thường được hàng Tỳ-kheo cho đến đều được vui

mừng”.

- Tán: Dưới nêu đắc quả an lạc thù thắng có hai: Đầu tiên nói đắc ba đức, sau giải thích lý do. Đây là phần đầu.

1. Đắc danh lợi.

2. Các vị trời hộ vệ.

3. Vấn nạn vui mừng.

- Kinh: “Vì sao? cho đến nghe mà ủng hộ”.

- Tán: Đây là giải thích lý do. Nghĩa sâu nên Phật ủng hộ, được Phật ủng hộ nên có đắc.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi cho đến thọ trì đọc tụng”.

- Tán: Dưới khen ngợi kinh thắng diệu có hai: Đầu tiên nói thắng diệu, sau là dụ hợp thành. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Văn-thù-sư-lợi cho đến hàng phục các nước”.

- Tán: Dưới nêu dụ hợp thành có hai: Đầu dụ pháp hợp xưa trao cho quyền phương tiện, sau dụ pháp hợp nay cho thật giáo. “Như vua Chuyển Luân thấy các binh tướng có công lớn v.v...” Văn đầu lại có hai: Dụ và hợp.

Trong dụ có năm:

1. Pháp vương thi hóa.

2. Dụ Chúng ma phản nghịch.

3. Dụ Bậc Thánh phục trừ.

4. Dụ Tùy công trao đạo.

5. Cuối cùng ban cho kinh này.

Đấy là phần đầu, sức mạnh là thắng sanh tử. Luân vương có bốn như Du-già nói: Kim luân mong gió thuận hóa, Ngân luân sai khiến mới hàng, Đồng luân chấn oai mới phục, Thiết luân gắng sức đánh mới định. Pháp thân tự thọ dụng tha thọ dụng, hóa thân như thứ lớp phối hợp dụ. Nay hóa Nhị thừa đã là hóa Phật, tức chọn Thiết luân vương làm dụ, khởi binh chiến; oai thế gọi là thần thông trí tuệ, các nước là sanh tử hoặc nghiệp, hàng phục là nghĩa đoạn diệt.

- Kinh: “Mà các vua nhỏ chẳng thuận mạng lệnh”.

- Tán: Dụ Chúng ma phản nghịch. Sanh tử Phần đoạn, Biến dịch và phiền não sở tri chướng phẩm, ba thứ ma đều thị hiện thiên ma cho đến gọi là các vua nhỏ phản nghịch Phật giáo hóa khó có thể dứt trừ gọi là không thuận mạng lệnh.

- Kinh: “Bấy giờ Vua Chuyển luân cho đến đem các đạo binh qua đánh dẹp”.

- Tán: Dụ Bậc Thánh phục trừ. Voi, ngựa, xe bộ bốn thứ gọi là

các đạo binh, dụ cho Thanh-văn Duyên-giác đều có học - phàm - Thánh khiến kia phục đoạn gọi là đem binh qua đánh.

- Kinh: "Vua thấy binh chúng cho đến liền rất vui mừng".

- Tán: Tùy công trao đạo dụ có hai: Trước mừng vui sau ban thưởng. Đây là phần đầu, trừ đoạn hoặc chướng và phần đoạn sanh tử ba loại ma, chẳng bị khuất phục thiên ma và sở tri chướng phẩm ba thứ ma quân gọi là chiến có công, thuận khế hợp tâm Phật nên rất vui mừng.

- Kinh: "Tùy công ban thưởng cho đến tôi tớ nhân dân".

- Tán: Ban thưởng có ba:

1. Nêu vô vi công đức. Trong hợp nói ban cho thành Niết-bàn.

2. Dụ nội hữu vi hành đức ngũ căn ngũ lực cho đến.

3. Dụ quả sai khác đức thiền định giải thoát cho đến như thứ lớp phối hợp kinh. Tướng chung phối hợp dụ, hoặc đoạn đức sanh không lý như ruộng vườn, chúng sanh rốt ráo không là nhà, nhân trạch diệt như tụ lạc, Vô học quả mãn trạch diệt Niết-bàn như thành ấp, hổ thẹn nhẫn nhục là y phục, ngũ phần pháp thân, lục hằng tức là trang nghiêm thiền định giải thoát cho đến làm các thứ châu báu, thất thánh tài làm vàng bạc v.v... lục thông làm voi ngựa xe, trí sanh không làm tôi tớ sai sử hiện tiền, bát thắng xứ làm nô tỳ thắng phục sở duyên, mười biến xứ cho đến làm nhân dân ở cùng khắp mọi nơi.

- Kinh: "Chỉ có viên ngọc trong búi tóc cho đến sẽ rất kinh lạ".

- Tán: Dụ cuối cùng ban cho Đại thừa. Viên ngọc tức Đại thừa Pháp Hoa là tâm Phật đứng đầu gìn giữ nên nói trong búi tóc. Thấy công còn kém nhỏ không dứt bốn ma của phẩm trí chướng. Trước hội Pháp Hoa còn trụ, nơi quyền trí chưa vì nói đây. Quyến thuộc của vua là đại Bồ-tát, sẽ kinh lạ là thấy không thuận căn cơ mà nói pháp mầu nhiệm cho nên sanh kinh lạ.

- Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến vua của ba cõi".

- Tán: Dưới hợp cũng có năm. Đây hợp pháp vương thí hóa.

- Kinh: "Mà các ma vương cho đến không chịu thuận phục".

- Tán: Đây hợp chúng ma phản nghịch.

- Kinh: "Các tướng hiền Thánh của Như-lai đánh nhau với ma ".

- Tán: Đây hợp Bậc Thánh phục trừ.

- Kinh: "Những người có công cho đến khiến đều vui mừng".

- Tán: Đây hợp tùy công trao đạo. Đầu vui mừng sau ban thưởng, Thiền định cho đến hợp dụ trung hạ hoặc tự (chữ). Thành Niết-bàn: hợp đầu hoặc tự, căn cứ trước dụ phối hợp nghĩa có thể biết.

- Kinh: "Mà chẳng nói cho nghe kinh Pháp Hoa".
- Tán: Đây hợp cuối cùng ban cho Kinh này.
- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi cho đến mà nay cho đó".
- Tán: Dưới dụ pháp hợp nay thí thật giáo, có hai: Dụ đầu là pháp hợp nay ban cho thật, tức trị hạng người thứ sáu nhóm họp công đức tăng thượng mạn, sau dụ hợp ban cho bậc nhất. Tức trong Thập Vô thượng là nói vô thượng. Văn đầu có hai: Đầu dụ sau hợp. Đây là phần đầu, các binh chúng là Thập địa Bồ-tát, thật phá bốn ma, phá phân đoạn, đã có khả năng phá bốn ma Biến dịch vì nói. Kinh Vô lượng Nghĩa cũng gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Bậc Thánh Nhị thừa: Tùy thích ứng, toàn phá từng phần phá phân đoạn ba ma ắt sẽ năng phá Biến dịch bốn ma, phát tâm mong cầu Đại thừa ắt sẽ phá, như quân tướng thế gian công huân nhỏ đợi thi công mà thương thưởng, ý chí anh hùng nên ban tặng thưởng cho người có ý chỉ hèn kém, để khuyến khích họ tiến tâm cho nên nói vì ban cho đây còn chưa nhập vị thập địa, lại giáo ban cho viên ngọc, nhập thập địa rồi phần phá Biến dịch bốn ma bèn ban cho thể viên ngọc.
- Kinh: "Đức Như-lai cũng giống như vậy cho đến cũng rất vui mừng".
- Tán: Dưới hợp có hai: Trước vui sau ban cho. Đây là phần đầu, rõ ràng đã phá phân đoạn bốn ma lại khởi tâm Đại thừa sẽ phá Biến dịch, có công huân lớn cho nên Đức Phật hoan kỷ trao cho kinh Pháp Hoa này; chẳng phải tất cả chỉ phá phân đoạn bốn ma, không phát đại tâm sẽ phá Biến dịch bốn ma gọi là công huân lớn mà đều ban cho kinh này, hàng thú tịch Thanh-văn hướng vắng lặng không ban cho, hàng thối tâm Hữu học cũng ban cho. Hoặc nay lại: Là căn cứ hàng thối tâm Nhị thừa Vô học đã phá phân đoạn bốn ma gọi là công huân lớn, không nói hướng vắng lặng.

Bốn ma có hai:

1. Phân đoạn.
2. Biến dịch.

Như chương phá ma nói: Nay tùy cốt yếu, thể tánh của ba ma, phân đoạn có thể tất cả. Cõi Dục đệ lục tha hóa Thiên tử, gọi là Thiên ma, Biến dịch ba ma lý cũng có thể biết. Bát địa trở lên chư đại Bồ-tát thị hiện làm thiên ma. Nên Kinh Vô Cấu Xứng nói: Thị hiện làm ma vương, phần nhiều là Bồ-tát giải thoát bất khả tư nghì, chỉ có long tượng mới có thể đánh nhau với long tượng, như trước đã nói. Nhưng kia vị hàng phục, thời hàng phục khác nhau như lý thú sớ. Nay y Kinh Đại Tập nói: biết khổ đoạn tập chứng diệt tu đạo, như thứ lớp năng hoại

uẩn. Phiền não, tử, và cùng thiên ma. Lại nữa quán hữu lậu, đều là khổ các hành vô thường, các hành vô ngã Niết-bàn tịch tĩnh, như thứ lớp phá uẩn, phiền não, tử và thiên ma. Lại nữa, quán không, vô tướng, vô nguyện, đủ ba thứ này rồi hồi hướng Bồ-đề, như thứ lớp hoại bốn thứ. Lại nữa quán thân thọ tâm pháp như thứ lớp hoại bốn thứ. Luận Trí độ nói: Bồ-tát đắc đạo nên phá ma phiền não, được thân pháp tánh, nên phá uẩn ma, đắc đạo và thân pháp tánh nên phá tử ma, thường nhất tâm nhập Tam-muội bất động nên phá thiên ma.

- Kinh: "Kinh Pháp Hoa này cho đến mà nay nói đó".

- Tán: Đây là nói ban cho. Kinh này là nhân Phật, bị nhiều người oán ghét chê bai mà nay ban cho như cởi viên ngọc ban cho.

- Kinh: "Văn-thù -sư -lợi cho đến mà nay mới cho đó".

- Tán: Đây dụ hợp với đệ nhất, tức nói vô thượng, có hai: Một là: Lý Sở thuyên đầu tiên nên đắc vô thượng.

- Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến mà bày nói".

- Tán: Hai là giáo năng thuyên đầu tiên cho nên vô thượng.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến kinh của Phật khen ngợi".

- Tán: Hợp đầu mười bốn hàng rưỡi tụng hành thứ tư, trong đó chia làm hai: bốn hàng đầu tụng hạnh an lạc, mười hàng rưỡi tụng kinh Thắng đức. Bốn hàng đầu có hai: một hàng tụng nói chung, sau ba hàng tụng riêng. Đây là một hàng đầu. Ai là từ, mẫn là bi.

- Kinh: "Đời mạt pháp về sau cho đến làm cho trí trong đó".

- Tán: Đây ba hàng tụng riêng: một hàng một câu tụng khởi từ bi, một hàng ba câu khởi tư niệm.

- Kinh: "Thí như vua sức mạnh cho đến lấy viên ngọc ban cho".

- Tán: Dưới mười hàng rưỡi tụng kinh Thắng diệu trong đó có hai: bốn hàng đầu tụng dụ, sáu hàng rưỡi sau tụng về hợp. Đây là hàng đầu. Trước ba hàng tụng dụ cho quyền, sau một hàng tụng dụ cho thật. Quyền có ba dụ: 1. Vua. 2. Công. 3. Ban cho.

- Kinh: "Như-lai cũng như vậy cho đến nói các kinh điển đó".

- Tán: Dưới sáu hàng rưỡi tụng hợp trong đó có hai: ba hàng rưỡi tụng hợp trước quyền, sau ba hàng tụng nay thật. ba hàng rưỡi đầu, nay cũng chỉ có ba: một hàng rưỡi tụng về pháp vương, một hàng tụng về công, một hàng tụng ban cho. Nói các kinh điển đó, là nói kinh này hợp với trước đã nói.

- Kinh: "Đã biết loài chúng sanh cho đến vì các thầy mà nói".

- Tán: Nay hợp đây thật, có hai: một hàng rưỡi tụng hợp nay thật, một hàng rưỡi tụng hợp cho bậc nhất.

- Kinh: “Sau khi ta diệt độ cho đến bốn pháp trên như thế”.

- Tán: Đây đoạn thứ ba kết thành bốn hạnh.

- Kinh: “Người đọc tụng kinh này cho đến như mặt trời chói sáng”.

- Tán: Dưới hai mươi mốt hàng rưỡi tụng đoạn thứ hai nêu thông quả an lạc, trong đó có ba: bốn hàng rưỡi đầu tụng nêu quả thức tỉnh, kế mười sáu hàng tụng nêu quả trong mộng, sau một hàng kết quả trước. Đây là phần đầu: một hàng rưỡi tụng tự thể không có sáu điều ác, một hàng tụng chúng sanh kính mộ các vị trời nên làm tôi tớ, một hàng tụng ba ác bên ngoài không xâm tổn, một hàng tụng trí tuệ thông minh không sợ sệt.

- Kinh: “Nếu ở trong chiêm bao cho đến mà vì chúng nói pháp”.

- Tán: Dưới nêu quả trong mộng có năm, đây là hai văn đầu. một hàng rưỡi tụng thấy Phật, một hàng rưỡi tụng thấy tự nói pháp.

- Kinh: “Lại thấy các Đức Phật cho đến chắp tay nghe nói pháp”.

- Tán: Đây sáu hàng rưỡi tụng thấy Phật thọ ký chia làm bốn: một hàng rưỡi tụng thấy Phật nói pháp. hai hàng tụng thân xứ chứng ngộ, một hàng tụng nêu thọ ký, hai hàng tụng chánh thọ ký.

- Kinh: “Lại thấy tự thân mình cho đến thường có mộng tốt đó”.

- Tán: Đây hai hàng rưỡi tụng thấy thân tịch tính tu hành thấy Phật.

- Kinh: “Lại mộng làm vua chúa cho đến như khói hết đèn tắt”.

- Tán: Đây bốn hàng tụng thấy thân xả tục thành đạo phân bốn: một hàng tụng thấy tu hành, một hàng tụng thành đạo, một hàng rưỡi tụng nói về lợi sanh, nửa hàng tụng nói về nhập diệt.

- Kinh: “Nếu trong đời ác sau cho đến các công đức như trên” cho đến.

- Tán: Đây kết quả trước.

Ngày 21 tháng 12 Niên hiệu Bảo An năm thứ 3 ở chùa Hưng Phước Viên Như Phòng kiểm duyệt xong, tăng Giác Ấn ở chùa Pháp Long vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài vãng sanh Cực Lạc.

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9
(PHẦN CUỐI)

PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chướng nạn.

I. Vì sao có phẩm này có ba:

1. Bảy phẩm nói về học hành lưu thông, một phẩm trước nói các hạnh phải học, sáu phẩm dưới nêu người năng hành. Nói người năng hành chia làm bốn: một phẩm này chánh nêu người hiện tại đầy đủ an lạc hạnh lưu thông. Phẩm Tuổi thọ và Phân biệt công đức, nhân giải thích nghi đây mà lần lượt có. Phẩm Tùy Hỷ và Pháp Sư công đức nói rõ trợ giúp cho người chánh nương an lạc hạnh lưu thông, chứng đắc công đức; Phẩm Thường Bất Khinh nói tự thân Phật đến ở vị trụ nhân xa thực hành hạnh an lạc , hành nhẫn nhục v.v... lưu thông kinh này. Nay đắc Quả Phật khuyên các chúng sanh nên siêng năng tu học cho nên có phẩm này.

2. hai phẩm nói hành Nhất thừa, trong phẩm trước nói hạnh sở hành, phẩm này nêu nhân năng hành, cho nên có phẩm này.

3. Luận nói bảy thứ là thị hiện giáo hóa chúng sanh vô thượng cho nên từ đất vọt hiện ra vô lượng vị đại Bồ-tát. Trong đây nói rõ Đức Phật đã từng giáo hóa vô lượng Bồ-tát thực hành bốn hạnh này. Từ đất hiện lên trì kinh khuyên các chúng sanh vì sao không học, nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Dũng là vọt lên, xuất là hiển hiện, từ đất vọt lên mà hiển hiện gọi là phẩm Tùng địa Dũng xuất. Dũng là như

nước vọt lên nên gọi là dũng là vọt nhảy.

III. Giải đáp chướng nạn: Vì sao không nói từ bên đến mà nói từ đất vọt lên? Đáp: Y bốn hạnh để trì kinh, vượt ngoài đất sanh tử. Lại nêu rõ không lìa cõi này Phật từng hóa đã đã vượt địa vị sanh tử nên không nói từ bên đến mà nói từ đất vọt lên.

- Kinh: "Bấy giờ các Bồ-tát ở phương khác cho đến mà nói rộng".

- Tán: Trong phẩm này văn có bốn:

1. Phương khác thỉnh trì.
2. Như-lai không hứa.
3. Phương khác vọt lên.
4. Bồ-tát sanh nghi. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến nói rộng kinh này".

- Tán: Như-lai không hứa có hai: Trước Phật ngăn thôi, sau nói rõ. Lại nói rất nhiều nên nói sáu muôn, thật chẳng phải chỉ như vậy, hiển Phật hóa công. Ngăn thôi người khác, không hứa, dù khiến người khác hộ cũng có lỗi gì!

- Kinh: "Lúc Phật nói lời đó cho đến đồng thời vọt ra.

- Tán: Đây từ đất vọt ra có tám thứ:

1. Từ đất vọt ra.
2. Bay lên hư không khen ngợi lễ bái.
3. Nêu thần lực.
4. Chúng cùng thấy.
5. Đạo Sư thăm hỏi.
6. Thế tôn ủy dụ đáp.
7. bốn vị tùy hỷ.
8. Như-lai khen ngợi.

Văn đầu chia làm năm:

1. Đất nứt.
2. Thánh vọt hiện.
3. Tướng tốt.
4. Trụ xứ.
5. Chúng quyến thuộc.

Đây là hai phần đầu tiêu biểu phá sanh tử. Đất nứt hiển đến Bồ-đề nên vọt hiện ra.

- Kinh: "Các vị Bồ-tát đó cho đến trụ giữa hư không".

- Tán: Đây là tướng tốt và trú xứ, hành an lạc hạnh đắc quả, tượng hảo chứng chân tánh mà đắc Nhất thừa nên trụ giữa hư không.

- Kinh: "Các vị Bồ-tát đó cho đến chẳng có thể biết được".
- Tán: Đây nêu chúng quyến thuộc có ba: 1. Lý do. 2. Liệt số. 3. Kết.

Liệt số có tám: 1. Hằng hà sa. 2. Phần hằng sa. 3. Na do tha. 4. Muôn. 5. Ngàn. 6. Trăm. 7. Chục. 8. Một.

- Kinh: "Các vị Bồ-tát đó cho đến hai đấng Thế tôn".
- Tán: Bay lên hư không khen ngợi lễ bái có ba:

1. Đến tháp.
2. Lễ dưới chân.
3. Cung kính khen ngợi.

- Kinh: "Các vị Bồ-tát đó cho đến cho là như nửa ngày".
- Tán: Thần lực của Phật có ba:

1. Khen ngợi thời gian dài.
2. Thọ nhận cũng lâu.
3. Rút ngắn thời gian.

Luận này nói Kinh này nói kiếp thời gian ngày đêm năm tháng; nay dùng ngày đêm hợp số không phế bỏ hai mươi lăm ngày thành năm mươi tiểu kiếp, hoặc lại năm mươi ngày, năm mươi tháng và năm, khen ngợi đức càng sâu thời gian dài có thể rút ngắn hết, thọ nhận khen ngợi thần lực cũng đồng, khen ngợi thời gian thần lực biến bổn tâm kia, thần thông của bậc Thánh có thể kéo dài, rút ngắn quang cảnh, chúng sanh ái pháp rồi thì quên mệt nhọc, huống chi có bậc Thánh ngầm giúp sao có thể liền sanh chán mỏi. Cho nên, bốn chúng cho là như bữa ăn, pháp thật nuôi dưỡng giữ gìn, thần thông chế ngự cho nên trải qua nhiều kiếp năm tháng mạng không thiếu.

- Kinh: "Bấy giờ bốn chúng cho đến cõi nước hư không".
- Tán: Bốn chúng mọi người đều thấy.
- Kinh: "Trong chúng Bồ-tát đó cho đến xướng đạo Sư".
- Tán: Năm đạo Sư thăm hỏi có bốn:

1. Liệt danh.
2. Đức hạnh.
3. Hỏi thẳng.
4. Kệ hỏi.

Đây là hai phần đầu. Hạnh cao đức rộng lớn lìa ác tiến thiện nên tên gọi có bốn loại.

- Kinh: "Ở trước đại chúng cho đến sanh mỏi nhọc chăng?".
- Tán: Ba là hỏi thẳng, bốn là kệ hỏi.
- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến vào trong trí tuệ Phật".

- Tán: Thế tôn an ủi đáp, có hai: Nêu và giải thích. Trong giải thích có ba:

1. Thấy đối với các Đức Phật gieo trồng cội lành.

2. Tức liền thọ hóa.

3. Còn xa sự hội nhập cũng được theo ban đầu, tuy không theo cũng theo.

Hai phần đầu hai là khen ngợi Bồ-tát, một phần sau là nói Thanh-văn, hoặc hai phần đầu nói hội xa, một sau nói hướng về vắng lặng. Do không ngu đối với pháp nên nhập hiểu trí tuệ Phật chẳng phải nhập chứng.

- Kinh: "Bấy giờ các Đại Bồ-tát cho đến chúng con đều tùy hỷ".

- Tán: Nêu bốn người tùy hỷ.

- Kinh: "Khi đó Đức Thế tôn cho đến phát tâm tùy hỷ"

- Tán: Nêu Như-lai khen ngợi.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Di-lặc cho đến thăm hỏi đức Như-lai.

- Tán: Đoạn thứ tư nói Bồ-tát sanh nghi có tám:

1. Tâm niệm.

2. Giảng nói.

3. Người khác hỏi.

4. Phụ đáp.

5. Khen ngợi hứa.

6. Chính đáp.

7. Chúng suy nghĩ.

8. Trình bày thỉnh.

Đây là phần đầu.

- Kinh: "Lúc đó ngài Di-lặc cho đến nguyện Đấng Lưỡng Túc nói".

- Tán: Thứ hai: Giảng nói có mười chín hàng rưỡi tụng chia làm ba:

1. một hàng tụng tổng trình bày nghi thỉnh.

2. mười sáu hàng rưỡi tụng thỉnh việc nghi.

3. hai hàng trình bày ý chúng nghi.

Đây là một hàng đầu.

- Kinh: "Là từ nơi nào đến cho đến là từ chốn nào đến".

- Tán: Mười sáu hàng rưỡi tụng việc nghi chia làm năm: hai hàng tụng nơi đến, chín hàng tụng số đến, hai hàng tụng hạnh hóa, hai hàng rưỡi tụng tên nước, một hàng tụng không biết. Đây là hai hàng đầu có ba:

1. Lý do.

2. Khen ngợi đức.

3. Nơi đến.

- Kinh: "Mỗi mỗi các Bồ-tát cho đến còn chẳng thể biết hết".

- Tán: Chín hàng tụng số đến, có ba: một hàng tụng chung, bảy hàng tụng riêng, một hàng tụng kết.

- Kinh: "Các vị oai đức lớn cho đến tụ tập Phật đạo nào".

- Tán: Hai hàng tụng hạnh hóa, có năm câu hỏi.

- Kinh: "Các Bồ-tát như thế cho đến chưa hề thấy việc này".

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng về tên nước.

- Kinh: "Con ở trong chúng này... mong nói nhân duyên đó".

- Tán: Một hàng tụng nói về không biết.

- Kinh: "Nay trong đại hội này cho đến cúi mong quyết tâm nghi."

- Tán: Hai hàng tụng trình bày ý chúng nghi.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến từ chỗ nào mà đến".

- Tán: Thứ ba: Là chúng khác hỏi.

- Kinh: "Lúc ấy các Đức Phật cho đến do đây mà được nghe".

- Tán: Đây thứ tư là phụ đáp.

- Kinh: "Bấy giờ đức Thích-ca việc lớn như thế".

- Tán: Đây là thứ năm khen ngợi hứa. Có hai: Trước khen sau hứa. Đây là khen. A-thị-đa Hán dịch là Vô-năng-thắng là tên ngài Di-lặc, A-dật-đa-là lầm.

- Kinh: "Các thầy nên chung lòng cho đến thế mạnh lớn của các Đức Phật".

- Tán: Dưới hứa có hai: Một là: Văn xuôi nói mặc giáp tinh tấn, khải là binh giáp, khiếp tâm mạnh mẽ vui ưa nghe pháp, tâm không lui sụt gọi là ý vững chắc, vì nghĩa sâu xa sợ kia nghi lui sụt. Đây nói bốn lực:

1. Tuệ lực: Phẩm Tuổi thọ Như-lai bí mật pháp báo hai thân và trí tánh tướng.

2. Thần thông lực: Tức thần thông Phật hóa thân.

3. Phấn tấn lực: là quyết định tạo tác, sư tử sắp làm việc gì thì, trước thu lông mình lại, thoắt duỗi thân ra nhanh chóng, quyết định làm nay ta quyết định nói tự sở tác việc mầu nhiệm của ba thân.

4. Oai mãnh lực: Chánh tác sở tác chỉ bày có uy chế phục dẹp phá, dẹp phá những người không có lòng tin, hoặc do trí tuệ nên mạnh

nhanh, do thần thông nên oai mãnh; hoặc trí tuệ là pháp báo hai thân. Dưới hóa thân là thần biến, ký tâm, giáo giới. Ba luân công dụng như thứ lớp.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến các thầy một lòng nghe".

- Tán: hai là: Kệ tụng. Gồm hai hàng tụng đầu khuyên chớ sanh nghi hứa sẽ nói, hai hàng sau tụng Đức Phật răn dạy lắng lòng nghe lời dạy thật.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến khiến phát đạo tâm".

- Tán: Dưới thứ sáu chánh đáp có ba: Trước bảo ta hóa, kế nói trụ hạnh, sau cuối một hàng tụng kết khuyên sanh tin. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Các vị Bồ-tát đó cho đến nghĩ tưởng chân chánh".

- Tán: Dưới là nói trụ hạnh, có sáu, đây có hai:

1. Trú xứ.
2. Giải kinh.

Thông minh văn tuệ, tư duy tư tuệ, tức niệm tu tuệ.

- Kinh: "A-dật-đa cho đến cầu tuệ vô thượng".

- Tán: Đây có bốn:

1. Ưa vắng lặng.
2. Tinh tấn.
3. Ưa trí sâu.
4. Cầu tuệ vô thượng.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến khiến phát đại đạo tâm".

- Tán: Kệ tụng khuyên sanh tin bảy hàng rưỡi tụng trước chia làm năm. Đây là một hàng rưỡi tụng nói về Phật hóa.

- Kinh: "Chúng đó là con ta cho đến vì để cầu Phật đạo".

- Tán: một hàng rưỡi tụng ưa vằng lặng, một hàng sau tụng tinh tấn. Không vằng lặng là ồn ào.

- Kinh: "Tại thế giới ta bà... đều sẽ được thành Phật.

- Tán: một hàng rưỡi tụng trú xứ và trí tuệ sâu, hai hàng sau tụng kết thành ta hóa. Ở nơi thành Già-da này, xưa đến hóa, chẳng phải nay hiện tại Già-da, như nói thường ở núi Linh nói, chẳng phải nói luôn ở núi, mà là nói núi ấy thường ở thành đây cũng vậy.

- Kinh: "Ta nay nói lời thật cho đến giáo hóa các chúng đó".

- Tán: Kết khuyên sanh tin.

- Kinh: "Lúc bấy giờ ngài Di-lặc cho đến chánh đẳng giác".

- Tán: Đây thứ bảy chúng nghĩ.

- Kinh: "Liền bạch Phật rằng cho đến hơn bốn mươi năm".

- Tán: Thứ tám trình bày thỉnh, có hai: Một là văn xuôi có ba:

1. Nêu sự khó.
2. Nêu dụ khó.
3. Chánh trình bày khó tin.

Nêu sự khó có hai:

1. Nêu nơi chốn năm tháng thành đạo.
2. Chánh trình bày việc khó.

Đây là phần đầu. Thành Già-da rất nguy hiểm vững chắc ít người ở, chỉ có Bà-la-môn đều có ngàn nhà, đây đều là dòng họ vị tiên, chẳng có việc tai biến, vua chúa quí trọng tôn kính, dân trong thành rất giỏi mọi người các nước đều biết, tức là cảnh trong nước Ma-kiệt-đa. Đức Phật ngồi dưới gốc cây Bồ-đề tiếp cận rất gần phía nam cho nên nói không xa. Lại nói Già-da là nơi Phật đản sanh là thủ đô của nước Ca-duy-la, Đức Phật thành đạo dưới gốc cây Bồ-đề nước Ma-kiệt-đà mà, đều ở giữa Thiên-trúc cách nhau rất gần cho nên nói không xa. Từ khi đắc đạo Bồ-đề đến nay mới hơn bốn mươi năm: Trong nghĩa đây lược có hai nói:

1. Có các bộ nói: Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Kinh Bổn khởi Nhân Quả nói: mười chín tuổi xuất gia, Kinh Tư Duy vô tướng Tam-muội nói: ba mươi tuổi thành đạo. Luận Trí độ nói: Khi Đức Phật sắp Niết-bàn bảo Tri-bạt-đà-la: Năm ta mười chín tuổi xuất gia rồi cầu Phật đạo, xuất gia đến nay hơn năm mươi năm, không nói lúc thành đạo, thật Phật thọ tám mươi năm. Đây có nói giải: mười chín tuổi xuất gia sau năm năm theo vị tiên hành lạc hạnh, sáu năm hành khổ hạnh, ba mươi tuổi thành đạo. Cho nên bảo Tu-bạt-đà-la là hơn năm mươi năm. Trong Luận Trí độ dùng nghĩa đây tức y đây nói. Nay nói thành đạo hơn bốn mươi năm là vừa bảy mươi năm.

2. Cũng có các bộ và trong Đại thừa nói: hai mươi chín tuổi xuất gia ba mươi lăm tuổi thành đạo. Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm, Kinh Xuất Diệu, Luận Hòa-tu-mật đều nói hai mươi chín tuổi xuất gia. Kinh Bi Hoa. Luận Thiện Kiến đều nói ba mươi lăm tuổi thành đạo. Kinh Bổn khởi nói: Đức Phật muốn xuất gia nên chỉ trong bụng Da-du nói: sau sáu năm ngươi sẽ sanh con trai, liền sau sanh ra La-hầu-la. Đức Phật xuất gia sáu năm khổ hạnh đêm Thành đạo La-hầu-la mới sanh. Chỉ nói La-hầu-la sáu năm ở trong thai không nói mười một năm ở trong bụng mẹ, cho nên biết hai mươi chín tuổi xuất gia ba mươi lăm tuổi thành đạo, trong sáu năm gồm cả Tu-lạc hạnh. Nơi chỗ A-lam-ca-lam ngồi tu đắc Vô sở hữu xứ định, nơi chỗ Uất-đầu-lam-tử học đắc Phi tưởng xứ định. Pháp Sư Bồ-đề-lưu-chi dẫn Kinh Kệ nói: tám năm làm

trẻ con, bảy năm làm đồng tử, bốn năm học ngũ minh, mười năm thọ ngũ dục, sáu năm hành khổ hạnh là ba mươi lăm tuổi thành đạo. Trong bốn mươi lăm năm giáo hóa chúng sanh. Chân Đế Tam Tạng và Hòa-thượng Tây-vức ký đều nói hai mươi chín tuổi xuất gia ba mươi lăm tuổi thành đạo. Kinh Kim Quang Minh nói: Phật tuổi thọ tám mươi năm. Nay nói thành đạo hơn bốn mươi năm tức năm bảy mươi tuổi hoặc bảy mươi lăm đều tính. Năm đầu thành đạo hợp thành bốn mươi mốt năm gọi là hơn bốn mươi năm.

- Kinh: "Thế tôn! Thế nào cho đến chánh đẳng giác".

- Tán: Dưới chánh trình bày việc khó, có hai: Trước trình bày ba việc, sau kết khó tin. Trình bày ba việc:

1. Thời gian ngắn làm việc lớn.
2. Thời gian ngắn chúng nhiều.
3. Thời gian ngắn đức cao siêu.

Đây là nói việc đầu, đã đến địa vị cao thượng sẽ thành Bồ-đề gọi là việc lớn.

- Kinh: "Thế tôn cho đến chẳng đặng ngắn mé".

- Tán: Thời gian ngắn mà chúng nhiều. Trước nói thời gian ngắn, xuyên suốt cả hai văn dưới.

- Kinh: "Chúng đó từ đâu nhẫn lại cho đến thường tu phạm hạnh".

- Tán: Thời gian ngắn đức thù thắng. Quán từ lâu đến nay gặp duyên trồng cội lành, chẳng phải thời gian ngắn tu hành.

- Kinh: "Thế tôn cho đến đời rất khó tin".

- Tán: Kết thành khó tin, do ba việc này nên khó tin Phật hóa.

- Kinh: "Thí như có người cho đến việc đó khó tin".

- Tán: Thứ hai nêu dụ khó. Sắc đẹp dụ tướng tốt Phật trang nghiêm, tóc đen tiêu biểu Đức Phật dù tám mươi tuổi mà không có tướng già, trong tất cả thời ưa quán sát tất cả nơi chốn xưa. Đại Bát-nhã nói tám mươi tướng tốt trong đó nói: thường trẻ không già ưa xem xét nơi chốn cũ. Hai mươi lăm tuổi là tiêu biểu Đức Phật tuy xuất vượt sanh tử mà thị hiện nơi hai mươi lăm cõi. Vì trên tiêu biểu Phật thành đạo rất gần. Giả như tám mươi tuổi chỉ bằng hai mươi lăm tuổi, chỉ người một trăm tuổi tiêu biểu các Bồ-tát được hóa độ có đức cao địa vị xa trăm phước trang nghiêm, nói ta sanh ta nuôi dưỡng khiến cho họ đạo thêm lớn thì việc ấy khó tin.

- Kinh: "Đức Phật cũng như vậy cho đến rất là ít có".

- Tán: Thứ ba chính trình bày nghi có ba: Trước nêu việc nghi, tiếp "Ngày nay cho đến" chánh nêu ý nghi. Sau "Chúng con dù cho

đến” trình bày lý do nghi. Đây là phần đầu có hai: Nêu thời gian ngắn thành Phật, và nêu lại Bồ-tát có bảy đức rất lớn, bảy đức của Bồ-tát: 1. Tu thời gian dài. 2. Hết lòng tinh tấn. 3. Định tự tại. 4. Đắc thần thông. 5. Tu phạm hạnh lâu dài. 6. Năng huân tập pháp. 7. Khéo hỏi đáp. Cho nên là báu quí trong loài người.

- Kinh: “Ngày nay Đức Thế tôn cho đến việc công đức lớn này”.

- Tán: Đây chính trình bày ý nghi.

- Kinh: “Chúng con dù là tin cho đến cũng không sanh nghi”. Tán: Đây là trình bày lý do nghi, có ba: Trước nói tự có thể thông suốt, kế là trình người khác còn mê hoặc, sau chính thỉnh dứt trừ lòng nghi. Dù tự không nghi mà thị hiện tướng không hiểu, để thỉnh trừ lòng nghi của chúng con. Tin tùy nghi Phật nói tin thành tựu thông suốt, Đức Phật biết, chứng thành tựu, nên lời Phật nói không luống dối không lầm lẫn.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Di-lặc cho đến phân biệt nói như thật”.

- Tán: Hai là kệ tụng: Mười bốn hàng tụng chia làm ba: năm hàng đầu tụng nêu việc khó, kế hai hàng tụng dụ khó tin, bảy hàng sau tụng trình bày nghi thỉnh. Năm hàng đầu có ba: một hàng tụng xuất gia thời gian gần, ba hàng tụng Bồ-tát đức cao khó tin. Một hàng tụng đại chúng thỉnh trừ nghi.

- Kinh: “Thí như người trẻ mạnh cho đến mọi người đều chẳng tin”.

- Tán: Hai hàng tụng dụ khó tin. Tóc bạc mặt nhăn: Đây cùng văn xuôi xen nhau làm rõ, nói cha sắc đẹp tóc đen là nêu đủ tướng xem xét xưa, nói con tóc bạc mặt nhăn là Tu-lâu tướng trạng có thiếu sót. Tóc bạc là tiêu biểu có thánh đạo tu đã lâu, mặt nhăn là hình tượng tướng tốt chưa đủ.

- Kinh: “Thế tôn cũng như vậy cho đến trụ hư không phương dưới”.

- Tán: Bảy hàng tụng trình bày nghi thỉnh chia làm hai: bốn hàng tụng nêu việc nghi, sau ba hàng tụng chánh trình bày nghi thỉnh. Bốn hàng đầu có ba: Nửa hàng tụng Phật thành đạo gần, kế ba hàng tụng khen ngợi Phật thành đạo có mười đức, sau nửa hàng tụng nói về trú xứ.

- Kinh: “Chúng con từ Phật nghe cho đến mà trụ bậc bất thối”.

- Tán: Ba hàng sau chánh trình bày nghi thỉnh, có bốn: Nửa hàng tụng tự không nghi, kế nửa hàng tụng người khác còn mê hoặc, kế một hàng tụng lỗi lầm nghi, sau một hàng tụng chính trình là bày thỉnh.

PHẨM TUỔI THỌ

Phẩm này chia làm ba môn :

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này có năm:

1. Trong bảy phẩm học hạnh lưu thông, từ phẩm Dũng Xuất trở xuống sáu phẩm là nói người năng học hạnh, trong đây chia làm bốn đoạn, đoạn thứ hai là Tuổi thọ và Phân biệt công đức, nhân giải thích nghi trước mà lần lượt sanh khởi. Trước nói Bồ-tát từ đất vọt lên, đều do Phật hóa độ, vị cao, chúng nhiều, thời hội sanh nghi. Nay nói pháp thân vốn không sanh diệt, hóa Phật gần thành, báo thân chứng từ lâu hóa nơi chúng đây đâu có nghi gì ư! Cho nên từ Dũng xuất về sau là nói phẩm Thọ Lượng.

2. Trong mười chín phẩm làm chánh tông, năm phẩm dưới nói về quả Nhất thừa. Trong đây chia làm hai: Hai phẩm đầu nói quả đã mãn, ba phẩm sau nói quả chưa mãn. Hai phẩm đầu lại có hai: Trước chánh là nói quả đã mãn, sau nói về thời chúng do đây chứng đắc khác nhau, nên có phẩm này.

3. Luận nói đối trị trong bảy mạn, nói hạng người thứ bảy không có công đức, đối với bậc nhất thừa không nhóm họp gốc lành mà tăng thượng mạn không chấp làm bậc nhất, vì đối trị đây nói dụ thầy thuốc, luận lại nói: Người thứ bảy căn chưa thuần thục vì muốn họ thuần thục nên thị hiện Niết-bàn lượng, hiện tại chưa tụ tập gốc lành nên gọi là căn chưa thuần thục, khiến họ chứa nhóm gốc lành hy vọng bậc nhất thừa thị hiện Phật nhập Niết-bàn có phần hạn gọi là lượng, khiến tụ tập gốc lành sau mới điều hóa. Thầy thuốc đã ở phẩm này nên có phẩm này.

4. Luận chép: Thứ tám thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng thị hiện ba thứ Phật Bồ-đề, ba thân Phật ở đây cho nên có phẩm này, đây là văn còn lại. Vì trong bảy dụ chỉ nói dụ thầy thuốc ở văn sau, không nói ba thân Phật ở văn đầu.

5. Thứ chín thị hiện Niết-bàn vô thượng nên nói dụ thầy thuốc, trừ trong bảy mạn nói thầy thuốc, tức là hóa căn cơ chưa thuần thục, thị hiện nhập diệt khiến kia căn thuần thục, nay nói thầy thuốc hiện Phật nhập Niết-bàn, hóa diệt thật không diệt, chẳng phải như Nhị thừa diệt mà làm diệt cho nên gọi là vô thượng đây chính là nghĩa còn lại trong bảy dụ.

II. Giải thích tên phẩm: Như-lai là tên gọi chung pháp thân, báo thân, hóa thân, thọ là tuổi thọ, lượng là hạn lượng. Phẩm này nói ba thứ thân mạng Phật thể đồng hạn lượng, giữ gìn pháp tánh tùy nguyện duyên, ứng căn cơ chúng sanh mà thọ nhận tự thể, nay nói ba thân Phật này thọ mang đồng hạn lượng nên gọi là phẩm Như-lai tuổi thọ.

III. Giải đáp chướng nạn: Vì sao không lấy hai chữ thầy thuốc làm tên phẩm mà lấy tuổi thọ làm tên phẩm?

Đáp: Do tuổi thọ ba thân mới mượn thí dụ thầy thuốc cho nên từ gốc Tuổi thọ đặt tên không dùng Y Sư đặt hiệu Phẩm.

Lại hỏi: Khoa đầu phẩm chép: Trước trình bày tuổi thọ trừ căn chưa thuần thục người tăng thượng mạn không nhóm họp công đức, vì sao chẳng phải là chánh tông Pháp Hoa mà chính là thuộc phần lưu thông?

Đáp: Đương cơ ứng thời tức thuần thục Nhất thừa chính hợp Thanh-văn nên làm chánh tông, thị hiện diệt, sau hóa sơ căn chưa thuần thục nên chẳng phải chánh nói. Cho nên, tuy nói nơi tuổi thọ mà không thọ ký cho Thanh-văn; tuy nói nơi Y Sư cũng không có Thanh-văn thọ ký, vì đây mà Trí Tích trước thỉnh trở về, nếu không vậy thì giữa đường thỉnh trở lại làm sao mau được. Do đó phẩm này chỉ là lưu thông, nói là chánh tông thì không có chướng ngại ấy.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến lời nói chắc thật của Như-lai".

- Tán: Phẩm này có ba: Trước Đức Thích-ca ba phen bảo, tiếp Di-lặc bốn phen thỉnh, sau Như-lai chánh bảo. Đây là phần đầu. Ba thân quả mầu nhiệm địa vị ở quả cùng tột, bậc thượng trí còn không thể lường biết phàm phu ngu muội do đâu mà hiểu được. Sợ tâm kia nghi miệng chê bai nhân pháp mà có tổn thương, cho nên bảo tin chắc chắn rồi mới trình bày chánh nói, cũng sợ tại không chuyên nghe pháp giáo, ý không chú trọng huyền tông. Lại chúng sanh tánh độn nghe không thể hiểu khiến pháp nhập tâm nên ba phen bảo dạy nói ba thân làm ba phen bảo.

- Kinh: "Lúc đó đại chúng Bồ-tát cho đến tin nhận lời Phật".

- Tán: Đây Di-lặc bốn phen thỉnh. Đức Phật đã từ bi ba phen bảo Đại chúng đâu được coi thường, cho nên thêm bốn phen thỉnh là là tiêu biểu tâm mong cầu xem trọng pháp, ba phen bảo là chỉ bày nói ba thân, bốn phen thỉnh, ba thân đều có bốn, cầu bốn đức, mong bốn trí, cứu giúp bốn loài là ý đây vậy.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến sức bí mật thần thông của

Như-lai”.

- Tán: Dưới Như-lai chánh bảo. Đầu tiên văn xuôi chia làm hai: Trước dạy bảo nghe chỉ bày, sau chánh nói tuổi thọ. Đây là phần đầu. ba phen thỉnh từ đầu, bí mật là pháp báo hai thân thể sâu xa mầu nhiệm, Thần thông là hóa thân ứng vật hiện, được Đức Phật thầm hộ trì gọi là bí, nghĩa sâu khó hiểu gọi là mật, diệu dụng vô phương gọi là thần thể không chướng ngăn gọi là thông, hai thể đây uy thế khó có gì khuất phục nên gọi là lực. Lại Đối Pháp cho đến nói: Có bốn bí mật, trong Phương Quảng Đức Phật bí mật đều nên hiểu rõ.

1. Khiến nhập bí mật: nghĩa là vì người Thanh-văn nói hữu sắc cho đến, vì muốn họ không sợ hãi dần dần nhập Thánh giáo chẳng phải tất cả hữu;

2. Tướng bí mật: Nghĩa là y tam tự tánh nói tất cả pháp đều không tự tánh không sanh diệt cho đến phá chấp hữu tướng nói là không, chẳng phải tất cả không;

3. Đối trừ bí mật: Đức Phật vì đối trừ các lỗi nên nói các giáo, lại trừ tám chướng nên nói tối thượng thừa:

a. Trừ khinh Phật.

b. Trừ khinh pháp: Nên nói ta từng tên là Thắng Quán Như-lai pháp thân không sai khác.

c. Trừ biếng nhác: Như nói nguyện sanh thế giới cực lạc đều được vãng sanh cho đến

d. Trừ tiểu thiện sanh hỷ túc, nơi một gốc lành, hoặc hủy hoại hoặc khen ngợi.

e. Trừ tham hành xưng tán cõi Phật phú lạc trang nghiêm.

f. Trừ mạn hành xưng tán Chư Phật hoặc có tăng hơn.

g. Trừ ố tác hối hận chướng ngại tu thiện, nói đối với Phật bình đẳng tuy hành khinh chê, nhưng loài hữu tình kia cũng sanh lên cõi trời.

h. Trừ bất định tánh chướng, khiến xả Thanh-văn thấp kém, ý ưa thích đại, thọ ký đại Thanh-văn sẽ được thành Phật. Lại nói Nhất thừa lại không có hai.

4. Chuyển biến bí mật: Như nói giác ngộ không vững chắc hay là kiên, cố khéo trú nơi điên đảo cực phiền não quấy nhiễu, đắc Bồ-đề tối thượng. Ẩn mật như vậy danh ngôn giải thích khiến có sai khác, trong đây bí mật tức là loại thứ ba đối trừ bí mật. Do khinh của đức Phật và tham mạn hành nói thân Phật khác lấy làm tự thể xưng tán Phật. Như dưới Kinh nói “Trong đây nói Đức Phật Nhiên Đăng”, như vậy đều

dùng phương tiện phân biệt. Nói thần thông là giáo hóa nhiều chúng dùng thần lực hóa khiến sanh phát ý.

- Kinh: “Tất cả thế gian cho đến chánh đẳng giác”.

- Tán: Dưới chánh là nói về tuổi thọ. Căn cứ luận chia làm hai đoạn:

1. Nêu Bồ-đề vô thượng.

2. “Các người thiện nam ta xưa hành Bồ-tát đạo cảm thành tuổi thọ cho đến” là nêu lại tướng Niết-bàn vô thượng sai khác của hai thân báo hóa.

Trong văn đầu luận chia làm ba đoạn, thị hiện ba Đức Phật Bồ-đề: 1. Ứng hóa Bồ-đề thích ứng gặp mà vì thị hiện, cho nên như Kinh đều nói Như-lai xuất cung dòng họ Thích-cách thành Già-da không xa ngồi nơi đạo tràng đắc vô thượng chánh đẳng giác, tức là văn này. 2. Báo Phật Bồ-đề: Thập địa hạnh mãn đắc thường Niết-bàn, như Kinh chép: Này người Thiện nam! Ta thật thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp, tiếp văn dưới. 3. Pháp Phật Bồ-đề: Nghĩa là Như-lai tạng tánh tịnh Niết-bàn thường thanh tịnh bất biến, cho nên như Kinh nói: “Như-lai như thật biết thấy rõ tướng của ba cõi cho đến, chẳng như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Vì sao vậy?.”... Đây y nghĩa vô thượng đầu đầy đủ có ba thân dùng làm ba nghĩa, Phật thân thêm bớt các giáo nói khác nhau, hoặc gọi chung một Phật bảo, hoặc phân biệt làm hai.

Phật Địa luận chép: 1. Sanh thân. 2. Pháp thân, Pháp thân, thật báo đều gọi là pháp thân, thật công đức. Tha báo, hóa thân đều gọi là sanh thân. Lại Bát-nhã luận nói hai: 1. Chân Phật. 2. Phi chân Phật. Chân Phật là pháp thân, phi chân Phật là báo, hóa thân. Hoặc chia làm ba: Tức đây nói tam Phật Bồ-đề; hoặc nói bốn thứ: Kinh lăng già nói: 1. Ứng hóa Phật. 2. Công Đức Phật. 3. Trí tuệ Phật. 4. Như như Phật. Một là hóa thân. Hai, ba là báo thân; sau là pháp thân.

Kinh Kim Quang Minh lại nói bốn thứ: 1. Hóa phi ứng: Đức Phật vì chúng sanh hiện các hình rồng quỉ cho đến không làm thân Phật gọi là hóa phi ứng. 2. Ứng thân phi hóa: Là Địa tiền Bồ-tát thấy thân Phật y định mà hiện chẳng phải thuộc năm đường gọi là ứng phi hóa, tức bốn gốc lành thấy một đại thiên một ứng thân. 3. Vừa ứng vừa hóa: Nghĩa là các Thanh-văn thấy thân Phật hiện thấy tu thành nên gọi là ứng, thấy người đồng loại nên gọi là hóa. 4. Phi ứng phi hóa: Nghĩa là chân thân Phật, ba loại trước hóa sau là pháp báo. Phật Địa luận cũng nói bốn: 1. Thọ dụng phi biến hóa: Nghĩa là tự thọ dụng thân. 2. Biến hóa phi thọ

dụng: Nghĩa là biến hóa thân hóa, giống Địa tiền. 3. Cũng thọ dụng cũng biến hóa: Nghĩa là tha thọ dụng thân hóa thập địa Bồ-tát. 4. Phi thọ dụng phi biến hóa: Nghĩa là pháp thân.

Kinh Hoa Nghiêm nói có mười Đức Phật:

1. Vô Trước Phật an trú thế gian thành chánh giác, Phật Địa luận gọi Hiện Đẳng giác Phật.

2. Nguyện Phật nguyện xuất sanh, kia gọi là Hoằng thệ nguyện Phật.

3. Nghiệp báo Phật tín thành tựu nên các hành đều là nhân, lại nói nhất tín, kia gọi là Nghiệp dị thục Phật.

4. trí Phật thuận theo thế gian không đoạn tuyệt, kia gọi trú trì Phật.

5. Phật Niết-bàn thị hiện diệt độ, kia gọi là biến hóa Phật.

6. Pháp giới Phật ở tất cả chỗ không nơi nào là không hiện.

7. Tâm Phật hiện an trú hai thứ trên tên đồng với kia.

8. Tam-muội Phật thành tựu vô lượng công đức vô sở trước, đó gọi là định Phật.

9. Tánh Phật khéo quyết định, đó gọi là bổn tánh Phật.

10. Như ý Phật bao phủ khắp kia gọi là Tùy lạc Phật. năm vị trước là Thế Tục Phật, năm vị sau là Thắng Nghĩa Phật, tùy thích ứng ba thân nhiếp năm vị trước là hóa thân nhiếp dùng tên thế tục, một loại pháp giới là pháp thân, nhiếp bổn tánh một thứ chung pháp và thọ dụng, còn lại ba, hoàn toàn là thọ dụng. Luận nói năm thứ này là thắng nghĩa, tuy pháp và thọ dụng khác nhau hình trước biến hóa mà đều là thắng nghĩa. Xét thấy Vô Cấu Xứng Phẩm Quán Như-lai và Sớ Kinh Lăng Già Sớ chép: Đại Tuệ! Pháp thân Phật nói pháp lìa phan duyên, lìa năng quán sở quán, lìa sở tác tướng lượng cho đến Đại Tuệ! Báo Phật nói tất cả pháp tự tướng đồng tướng, nhân tự tâm hiện huân tập tướng, Cũng nói thí như nhà ảo thuật huyễn tạo các hình tượng, những người ngu chấp cho đó là thật, mà các hình tượng kia không thể được, đó gọi là phân biệt luống dối pháp thể. Đại Tuệ, Hóa Phật nói các pháp thí, giới, nhẫn tinh tấn, thiền định, trí tuệ, âm giới, nhập v.v... Luận Bát-nhã nói ứng hóa chẳng phải Phật chân thật cũng chẳng phải nói pháp bằng nhau Suy tìm suy công về gốc chỉ có Pháp thân, tông chỉ kinh kia tông linh nói chân pháp thân, nương văn tiện nên lược nêu nghĩa Phật. Tam Thân thành Phật như Di-lặc Sớ, biệt nghĩa như Phật Địa và Duy thức cùng Pháp uyển nói.

Tuy nói thân Phật có thêm bớt khác nhau mà nay dùng loại để

luận chẳng quá hai thứ: 1. Hóa. 2. Chân. Địa tiền Bồ-tát và Nhị thừa thấy gọi là hóa thân, báo pháp hai thân gọi là chân thân, do lý này nên nói rõ tam Phật Bồ-đề. Trong đây chia làm hai: 1. Nói tam thừa thấy thân Phật kiến sanh nghi, 2. Nói tam thừa không biết chân thân. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Nhưng, người thiện nam na do tha kiếp".

- Tán: Dưới nêu tam thừa không biết chân thân chia làm ba: Trước nói thành Phật từ lâu đến nay, kế giải thích thời gian thành đạo đến nay, sau kết luận nói trước. Như vậy từ khi ta thành Phật đến nay rất là lâu xa cho đến Đây là đầu, luận giải thích chỉ nói báo thân thành đạo, căn cứ thật báo thân tu, sanh giác mãn gọi là thành, pháp thân tu, hiển chứng viên gọi là thành, cũng đâu có lỗi gì. Trong đây tuy nêu báo thân thành đã lâu, mà sau giải thích cũng hiển nghĩa thể pháp thân.

- Kinh: "Ví như năm trăm ngàn cho đến biết được số đó chăng".

- Tán: Dưới giải thích thời gian thành đạo đã lâu, có hai: Trước nói rõ báo thân Phật Bồ-đề, thành đạo đã lâu, vì chúng sanh nói gần. Sau "các người thiện nam Như-lai giảng nói Kinh điển...". thầm nói pháp thân. Do chứng đây nên thành đạo thật đã từ lâu, ứng vật mà quyền hiện. Trước là trí năng chứng, sau là lý sở chứng, trí đoạn hai đức trí, và trí như thứ lớp nói. Văn đầu có ba: Trước nêu dụ hỏi, kế Di-lặc v.v... đáp, sau Phật giải thích rộng . Đây là phần đầu.

- Kinh: "Di-lặc Bồ-tát cho đến vô lượng bô biên".

- Tán: Đây Di-lặc cho đến đáp có ba:

1.Trình bày chung về vô lượng.

2. Nói Nhị thừa không biết.

3. Kết luận là vô biên.

Có nói nói A-duy-việt-trí, nên từ A-bệ-bạt-trí là địa vị không lui sụt.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến A-tăng-kỳ kiếp". Tán: Dưới Đức Phật rộng giải thích chia làm hai: Trước bảo báo thân thành đạo thật lâu, sau "các người thiện nam nơi chặn giữa đó cho đến" là bảo hóa thân giải thích sự nghi nạn kia. Văn đầu có hai: Nêu thành đạo đã lâu xa nhiều kiếp, sau nêu thường trú xứ. Đây là phần đầu có hai: Trước nêu rõ sau bảo giải thích kiếp nhiều.

- Kinh: "Từ đó đến nay cho đến dẫn dắt lợi ích chúng sanh".

- Tán: Ở đây nói thường ở trú xứ. thân Tự thọ dụng thật cùng khắp pháp giới tướng trạng khó thấy vẫn tùy theo tiểu tình để giải thích tự thể, nêu dụng hiển thể nói chỗ riêng ở, có chỗ khởi dụng tức ngay ở

thân, cũng như hư không rộng lớn trùm khắp mọi nơi hiện tướng rõ ràng không ngăn ngại, thể thật báo pháp đều viên chứng xứ liền nói lên, cho nên từ báo thân nêu dụng hiển bày riêng. Lại nói dẫn dắt lợi lạc thập địa Bồ-tát là thân tha thọ dụng là nêu người hiểu biết để hiển rõ thành đã lâu chẳng phải tự báo.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến phương tiện phân biệt".

- Tán: Dưới bảo hóa thân giải thích nghi nan kia, có ba: Trước nói về giải thích, kế giải thích, sau "các người thiện nam Như-lai thấy các chúng sanh cho đến" là kết giải thích. Đây là phần đầu. Chúng khác có nghi nói: Thành đạo đã lâu thường giáo hóa đây, khoảng giữa thời gian đó có Phật Nhiên Đăng, Tỳ-bà-thi v.v... thành đạo nhập diệt nói pháp độ sanh, lại là ai ư? Nay nêu giải thích nói: Trong khoảng thời gian đó nói Phật Nhiên Đăng cho đến thành đạo nhập diệt, như vậy đều dùng trí tuệ phương tiện, khéo léo phân biệt nói nơi Đức Phật khác chẳng phải lìa thân ta mà có riêng Đức Phật kia.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến các căn lợi độn".

- Tán: Dưới giải thích riêng nghi có hai: Trước nói lý do, sau tùy thích ứng mà độ v.v... là nói lên sai khác. Đây là phần đầu. Do các chúng sanh phát tâm tu hành nguyện thấy Phật gọi là đến chỗ ta. Quán năm căn lợi độn sai khác, vì người lợi căn nói thành đạo đã lâu, vì người độn căn nói hiện thành đạo gần, vì người lợi căn nói thành chánh giác, vì người độn căn nói nhập Niết-bàn, vì người lợi căn hiện thân lớn, vì người độn căn hiện thân nhỏ, vì hàng lợi căn nói pháp sâu, vì hàng độn căn nói pháp cạn, mỗi nơi tùy ứng, cảm hiện sai khác.

- Kinh: "Tùy theo chỗ đáng độ cho đến phát tâm vui mừng".

- Tán: Đây là hiển bày sai khác. Do các chúng sanh căn tánh sai khác, Đức Thế tôn tự nói danh tự khác nhau, thành đạo đến nay đã lâu mau mà thân lượng lớn nhỏ khác nhau, đây là thành đạo và hiện nhập diệt thị hiện tướng khác nhau, nói nhất thừa Nhị thừa, Ba thừa, bốn thừa pháp phương tiện khác nhau, ứng khả tâm kia đều khiến vui mừng. Như ngọc để trên không vân đẹp rỗng suốt chiếu sáng nhìn rõ, quầng sáng, hoa văn đẹp, tầm nhìn có hạn. Bóng trăng đáy nước dễ hiện rõ, nước đục bóng trăng liền biến mất hoàn toàn. Vật khí nguyên vẹn, nát vụn thể hiện khác nhau, tối sáng chiếu đến còn có sai khác, đây chính là báo hóa thân sai khác. Văn này có hai giải thích: 1. Không phế bỏ đức Thích-ca thật thành đạo từ lâu, hóa, thân hiện mới thành. 2. Đâu có phế bỏ ý thú bình đẳng trong bốn ý thú bình đẳng là đối trị bí mật trong bốn bí mật, trừ chướng khinh Phật pháp và phát nạn hành nói Phật khác để

tự xưng tán Chư Phật; hoặc có tăng hơn. Nếu không như vậy thì Đức Phật Nhiên Đăng trước đâu có thọ ký, đây cũng hóa hiện đâu có sai trái nhau.

- Kinh: “Các người thiện nam cho đến nên nói như thế”.

- Tán: Đây là kết giải thích. Thiện ít đức mỏng tội nhiều cấu trọng tương ưng khí nhỏ mà nói mới lên chánh giác, đối đại căn nói thật thành đạo đã lâu, phương tiện hóa sanh khiến nhập đạo, thời thời hiện xuất khiến khát ngưỡng.

- Kinh: “Các người thiện nam cho đến đền thật chẳng dối”.

- Tán: Dưới thứ hai thầm nói pháp thân, do chứng đây nên thành đạo thật lâu ứng vật hiện quyền, có ba: Đầu tiên nêu ứng vật nói chỉ bày khác nhau mà đều nói thật chẳng dối, tiếp giải thích do chứng pháp thân nên năng hiện đây căn cứ thật chân lý vốn không có việc này, sau “Bởi các chúng sanh cho đến” là giải thích lý do ứng vật hiện quyền. Đây là phần đầu có ba: 1. Nêu. 2. Hiển. 3. Kết chẳng dối. Nói là ngôn nói, chỉ là thị hiện, thân thì thể bên trong, sự là sự nghiệp. Nói thân mình nghĩa là nói thân ta từng làm vua Tát-đỏa-vương, vua Thi-tỳ v.v... Nói thân người khác, là như nói Di-lặc xưa làm vị tiên Nhất-thiết-trí quang, Đức Phật A-di-đà làm Tỳ-kheo Pháp Tạng v.v... Chỉ thân mình là hiện làm thân Thích-ca tự ra đời, Thắng-man xa thỉnh Phật hiện giữa hư không cho đến Chỉ thân người khác là hiện làm Tỳ-bát-thi Phật ra đời hiện thế gian mở tháp hiện Đa-bảo cho đến chỉ việc mình là hiện làm Thích-ca với các sự nghiệphàng phục ma thành đạo nói pháp hiện thần thông cho đến. Chỉ việc người là thị hiện các sự nghiệp làm Đại Thông Trí Thắng hiện thần thông rung chuyển một đất phát ra ánh sáng thành đạo v.v... vì độ chúng sanh năng hiện việc đây đều thật không dối.

- Kinh: “Vì sao? cho đến không có sai lầm”.

- Tán: Do chứng pháp thân, nhưng chân lý vốn không có việc này, có lý do gì năng vì nói chỉ bày đều không luống dối, do thấy như thật chân lý này, đây có năm câu: Như thật thấy nói thấy thông suốt năm chỗ (xứ). Câu đầu y theo vọng xứ để hiển bày pháp thân. Luận nói tướng ba cõi, nói cõi chúng sanh tức cõi Niết-bàn, không lìa cõi chúng sanh có Như-lai tạng tánh tướng. Phẩm Phương Tiện chép: tướng thế gian thường trú tức là đây vậy. Câu thứ hai y thường tịnh để hiển bày pháp thân. Luận nói không có sanh tử hoặc thối hoặc xuất, nghĩa là thường thanh tịnh bất biến, thối là đắm chìm, xuất là lìa trói buộc; hoặc tức sanh diệt, nghĩa là pháp sanh tử có thối có xuất, chân thật không có việc này nên nói thường thanh tịnh. Câu thứ ba y theo bất tức bất ly

để hiển bày pháp thân. Luận nói cũng không tại thế và diệt độ, nghĩa là thể Như-lai tạng chân như, bất tức cõi chúng sanh bất ly cõi chúng sanh, không tại thế nên bất tức cõi chúng sanh, không diệt độ nên bất ly cõi chúng sanh. Câu thứ tư y lìa bốn tướng để hiển pháp thân luận nói chẳng thật chẳng hư chẳng như chẳng dị, nghĩa là lìa bốn thứ tướng, bốn thứ tướng là vô thường sanh tướng thật có, diệt tướng là giả, trú tướng là như, biến tướng là dị, pháp thân không có các tướng kia nên bốn đều phi. Câu thứ năm ý Phật nội chứng chẳng phải phàm phu sở đắc để hiển bày pháp thân. Luận nói chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi, Như-lai năng thấy năng chứng pháp thân như thật mà phàm phu không thấy, cho nên kinh nói Như-lai thấy rõ không có sai lầm. Luận giải thích đây chỉ thuộc câu thứ năm, tợ như tổng kết các câu trên. Câu này nói chánh trí của Như-lai năng phân biệt rõ ràng, không nluống dối tướng ba cõi mà năng chứng thể tánh chân như pháp thân ba cõi, cho nên nói Như-lai thấy rõ không có sai lầm.

- Kinh: "Do các chúng sanh cho đến chưa hề tạm bỏ".

- Tán: Dưới giải thích lý do ứng vật hiện quyền. Các món tánh là giới, dục là thắng giải, hành là tâm hành, nhớ tưởng là biến thú hành, do đó nên Phật sự không phế bỏ các lời nói chỉ bày. Trước nói báo thân thật thành đạo từ lâu, mắt Phật nhìn thấy chúng sanh các căn lợi độn nên nói khác nhau.

- Kinh: "Cũng thế, từ khi ta thành Phật đến nay cho đến thường trú bất diệt".

- Tán: Đây là nói rõ tam thừa không biết trong thân chân thật, thứ ba kết thành trước nói.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến lại còn hơn số trên".

- Tán: Ở trên nêu Bồ-đề vô thượng, dưới đoạn thứ hai lập lại hiển báo hóa hai thân tướng Niết-bàn vô thượng sai khác. Trong đây có hai: Trước nói pháp hai thân thường trụ sanh diệt, sau dụ nói hai thân thường trụ sanh diệt. Văn đầu lại có hai: Trước nêu hai thân thường trụ sanh diệt, sau "Lại người thiện nam! Chư Phật Như-lai pháp đều như vậy cho đến" là giải thích thành trước nói pháp chân thật không luống dối. Phần đầu lại có hai: Trước nêu báo thân tùy cõi chúng sanh và bổn nguyện lực đều vô tận, nên tuổi thọ thường trú. Sau nêu hóa thân tùy chúng sanh thân và ý lạc cho nên hiện có khởi diệt. Đây là phần đầu. Ta khi xưa tu hành Bồ-tát đạo nguyện độ chúng sanh tận mới nhập vô dư, do cõi chúng sanh vô tận kỳ hạn nên nay đắc quả viên mãn hạnh nguyện không mất, nên tuổi thọ bất tận lại gấp bội số trên.

- Kinh: "Nhưng nay chẳng phải thiệt diệt độ cho đến giáo hóa chúng sanh".

- Tán: Dưới nêu hóa thân tùy chúng sanh thân, và ý lạc nên hiện có khởi diệt, có ba: 1. Nêu. 2. Giải thích. 3. Thành. "Vì vậy nên Như-lai dùng phương tiện nói v.v..." Đây là nêu ra. Nhưng nay báo thân chẳng phải thật diệt độ mà liền giả tuyên bố sẽ diệt độ, đây chính là hóa tướng phương tiện thị hiện hóa chúng sanh.

- Kinh: "Vì sao cho đến sa vào trong lưới nhớ tướng vọng kiến".

- Tán: Dưới giải thích có hai: Trước nói bổn tánh ác, sau nói lại sanh ác.

Đây là phần đầu, Bản tánh ác có sáu:

1. Người đức mỏng không thể cảm được thắng nhân thắng pháp.

2. Không trồng gốc lành thì không có nhân để sanh quả.

3. Nghèo cùng không có tài pháp ý chỉ theo Tiểu thừa thấp kém.

4. Thấp hèn tự khinh thân mình.

5. Đắm dục phiền não hôn mê.

6. Sa vào trong lưới nhớ tưởng vọng kiến, tà kiến dối trá thông minh lầm hành loạn học.

- Kinh: "Nếu thấy Đức Như-lai cho đến tâm cung kính".

- Tán: Ở đây nói lại sanh ác, có năm:

1. Kiêu tứ buông lung.

2. Ôm lòng chán nản không ưa thân gần nhiếp thọ.

3. Có tâm biếng nhác, bị trói buộc không thể tự quán xét.

4. Không nghĩ gì khó gặp thấy Phật không sanh tâm mong gặp.

5. Không sanh tâm cung kính, không khởi khát ngưỡng tu thuận theo nghiệp, đây nói do kia bổn tánh ác nên thấy Phật lại sanh ba thứ ác đầu, nên không nghĩ gì khó gặp và tâm cung kính.

- Kinh: "Cho nên đức Như-lai cho đến mà nói diệt độ". Tán: Dưới thành có ba. Đầu tiên là nêu, kế là giải thích, sau là kết.

- Kinh: "Lại Người thiện nam cho đến đều chân thật chẳng dối".

- Tán: Giải thích thành trước nói pháp nhĩ chẳng dối, ý ở đây nói báo thân pháp thân nguyện độ tất cả chúng sanh đều hết, thường trú bất diệt, pháp vốn như vậy, hóa thân thuận theo chúng sanh thương ghét vui chán mà thị hiện có sanh tử. Kinh Niết-bàn chép: Như-lai không nhập Niết-bàn. Kệ nói: Giả sử quạ và chim, đồng đậu trên một cây, cũng như thân huynh đệ, chính vậy nhập Niết-bàn, giả sử rắn chuột sói, đồng ở trong một hạng, thương nhau như anh em chính vậy nhập Niết-bàn, giả sử nhất Xiển-đề, hiện thân thành Phật đạo, mãi thọ vui bậc nhất, chính

vậy nhập Niết-bàn, Như-lai thấy tất cả, cũng như La-hầu-la, tại sao xả từ bi, mãi mãi nhập Niết-bàn. Đối với ba dụ trước mỗi dụ lẽ ra nói một hàng tụng sau, sợ văn rườm rà nên nói chung một. Thế thì nhập Đại Niết-bàn ba việc viên mãn, người Nhị thừa chưa đắc, hóa tướng nhập diệt từ đây diệt rồi đến phương khác lại hóa, ở đây lại sanh, thân trí đã không mãi mãi không có, đâu đồng Nhị thừa nhập diệt! Do đây nên nói Niết-bàn vô thượng.

- Kinh: "Thí như vị thầy thuốc cho đến khéo trị các thứ bệnh".

- Tán: Dưới đoạn thứ hai dụ nói hai thân thường trụ sanh diệt, có hai: Trước dụ nói thường trụ sanh diệt, sau dụ vấn đáp biện rõ đây không luống dối.

Dụ có mười hai:

1. Khéo đạt cơ nghi dụ.
2. Bi thương khởi hóa dụ.
3. Quán cơ đạo ẩn dụ.
4. Gặp duyên hoặc khởi dụ.
5. Cứu sanh thành đạo dụ.
6. Thấy Phật đều vui dụ.
7. Ứng cơ nói pháp dụ.
8. Cơ thuần thục đạo thành dụ.
9. Cơ chưa thuần thục nhàm chán pháp dụ.
10. Khiến mong cầu thị hiện diệt dụ.
11. Luyến Phật ái pháp dụ.
12. Đắc Thánh thấy Phật dụ.

Đây là dụ đầu. Chỉ như Nhị thừa luyện căn tương đối, chúng sanh ít đắc là độn, chúng sanh đắc nhiều là lợi, siêng đối lại với nhau, sanh đắc ít là lợi, sanh đắc nhiều là độn, nay nói đối sau. Đây là hai dụ đầu. Hợp đầu chúng sanh thấy Phật đều dạy phát tâm. Dụ thứ ba thứ tư, hợp là thứ hai chúng sanh căn thuần thục siêng tu, không mất bổn tâm mà dần tu chưa thuần thục, biếng trễ là mất bổn tâm mà lại lui sụt. Dụ thứ năm, sáu, bảy, tám, chín hợp là thứ ba chúng sanh căn cơ thuần thục siêng tu, thấy Đức Phật Thích-ca mà Vô học viên mãn, liền phát đại tâm thọ sanh tử Biến dịch, chưa thuần thục biếng trễ, tuy nay thấy Phật mà còn chưa chứng trú nơi địa vị phàm phu. Thứ mười, mười một, mười hai hợp là thứ tư chúng sanh xưa căn chưa thuần thục, biếng trễ gặp Phật Di-lặc thảy đều đắc đạo, cũng phát đại tâm trước thọ Biến dịch sanh, căn thuần thục siêng tu đắc đạo cũng được thấy Đức Phật kia, cho nên nói đều khiến được thấy Di-lặc tức là tên khác của ta. Hoặc nói

ba sanh. Bốn dụ đầu là sanh thứ nhất. Phật bắt đầu thị hiện Niết-bàn, kia không thấy Phật liền khởi phiền não, kế năm dụ là thứ hai sanh, là Phật Thích-ca trung hiện Niết-bàn. Căn thuần thục siêng tu đạo trú nơi vị Hữu học, dần đoạn phiền não gọi là khỏi bệnh, chẳng phải đều đoạn tận thành đạo Vô học. Kia căn chưa thuần thục đoạ nên còn trú nơi vị phàm phu mà còn chưa chứng. ba dụ sau là sanh thứ ba căn thuần thục siêng thì đều được Vô học, chưa thuần thục đọa cũng đắc Hữu học, hai hạng này cuối cùng đều thấy Đức Phật Thích-ca đều phát đại tâm, cho nên trong thọ ký Hữu học Vô học thảy đều có, vì các loại đây chỉ bày có Niết-bàn, tức đại ý dụ trong phẩm này.

Thầy thuốc có đầy đủ bốn đức:

1. Biết thể bệnh.
2. Biết nhân bệnh.
3. Biết bệnh diệt rồi không sanh.
4. Biết bệnh diệt rồi lại sanh.

Kinh Niết-bàn chép: “Đại từ thương chúng sanh nên nay ta qui y, khéo nhổ các tên độc, nên xưng đại y vương, y thế gian trị bệnh, tuy lành rồi lại sanh, bệnh do Như-lai trị, rốt ráo không còn sanh, thuốc cam lồ của Phật, bố thí cho chúng sanh, chúng sanh đã uống rồi, không chết cũng không sống.” Cho nên, dùng thầy thuốc dụ trí tuệ Phật hiểu biết suốt sanh tử, thông đạt là ứng căn cơ cứu giúp, nêu rõ luyện phương thuốc là năng am hiểu giáo và lý khéo trị các bệnh nghĩa không còn tái phát, đồng bốn đức của thầy thuốc.

- Kinh: “Người ấy nhiều con cái cho đến cho đến số trăm”.

- Tán: Từ thương xót khởi hóa dụ, có hạt giống Nhị thừa mới gọi là con cho nên nói mười, hai mươi bao gồm tánh Bồ-tát làm bất định, nói đến số một trăm là tu một trăm hạnh, đầu giáo vị phát tâm.

- Kinh: “Do có việc nêu đến nước xa khác”.

- Tán: Đây là Quán căn cơ đạo ẩn dụ. Khi căn cơ chúng sanh còn chưa thuần thục mà chúng sanh phương khác căn cơ hợp, hóa thân liền ẩn đến phương khác hóa, hoặc đến tịnh độ uế độ hành hóa gọi là nước khác.

- Kinh: “Sau lúc đó các người con cho đến lăn lộn trên đất”.

- Tán: Gặp duyên hoặc khởi dụ. Không có Phật về sau, do tri thức ác phiền não liền khởi mê say tâm kia gọi là uống thuốc độc lăn lộn trên đất sanh tử. Kinh Niết-bàn chép: Nghèo cùng không cứu giúp cũng như người bệnh khổ, không thuốc tùy tự tâm, ăn chỗ không đáng ăn, chúng sanh phiền não bệnh, thường bị các kiến hại, xa lìa pháp y sư, ăn

uống thuốc độc tà. Người căn thuần thục hoặc chưa thuần thục tuy đều khởi hoặc, mà người căn thuần thục thì mê hoặc nặng liền lui sụt, căn cơ đã thuần thục mê hoặc nhẹ vẫn tu hành.

- Kinh: "Bấy giờ người cha từ nước xa trở về nhà".

- Tán: Dụ Cứu giúp chúng sanh thành đạo dụ. Ngày xưa hóa độ thị hiện ở nơi nhà sanh tử, đây duyên mới thuần thục nên vì hiện thân, hoặc xưa hóa cảnh vốn ở gọi là Nhà.

- Kinh: "Các con uống thuốc độc cho đến lại ban tuổi thọ cho chúng con".

- Tán: Thấy Phật đều vui mừng dụ. Trước vui mừng sau thỉnh. Người mất bổn tâm là người căn cơ chưa thuần thục mất thanh tịnh khởi nhiễm. Người không mất bổn tâm là người tâm vốn thanh tịnh các căn thuần thục; vui mừng ý nghiệp, lễ bái thân nghiệp, hỏi thăm là ngữ nghiệp, ba nghiệp qui y thỉnh nói pháp yếu. Lại ban cho tuổi thọ nay xin tuệ mạng.

- Kinh: "Cha thấy các con cho đến không có có các bệnh hoạn".

- Tán: Ứng theo căn cơ nói pháp dụ có hai: Trước cầu phương tiện khéo léo mầu nhiệm, sau thí giáo thiện quyền. Y theo các kinh phương tức giáo pháp Chư Phật ba đời, cầu thuốc lý tốt, như tìm cỏ hảo hạng, kia học giới định tuệ gọi là sắc hương mỹ vị, hoặc dứt ác, hành thiện, lợi sanh ba pháp, không gì thiếu sót gọi là đều đầy đủ, như thứ lớp phối hợp, trí tuệ phân biệt nghĩa đồng với đâm nghiền, truyền bá thô diệu nghĩa đồng với giả xay. Nay trước ba học ba hành tùy theo thuận hành gọi là hòa hợp, người tu học hoặc diệt thì khuyên uống thuốc.

- Kinh: "Trong các con cho đến bệnh trừ hết được lành mạnh".

- Tán: Căn cơ thuần thục đạo thành dụ, nghĩa là hạng người căn đã thuần thục đắc đạo, sắc hương hai thứ dụ cho phước tuệ, hai thứ đắc đạo giải thích như trước đã giải. Dũ là bệnh lành.

- Kinh: "Ngoài ra những người thất tâm cho đến mà cho là không ngon.

- Tán: Người căn chưa thuần thục nhàm chán pháp dụ, có hai: Không chịu uống, và giải thích lý do. Người căn chưa thuần thục tuy ban đầu ít cầu pháp, sau không chịu tu hành mà phiền não quá sâu dày nên nhàm chán pháp.

- Kinh: "Người cha nghĩ rằng cho đến khiến chúng uống thuốc này".

- Tán: Khiến mong cầu thị hiện diệt dụ, có ba: Trước nghĩ lập quyền phương, kế giáo pháp giữ lại, sau chỉ bày nói nhập diệt. Đây là

phần đầu. Vì phiền não sâu dày, giáo pháp mầu nhiệm không vâng theo nên lập ra quyền phương khiến các con chịu theo tu.

- Kinh: "Nghĩ thế rồi liền bảo cho đến chớ lo không lành".

- Tán: Đây là giáo pháp giữ lại. Đạo thành đã lâu giả nói là già suy, lúc nhập diệt đã gần nay lưu giáo lại. Các thầy hãy y theo đây tu hành, phiền não ắt diệt cho nên chớ lo.

- Kinh: "Bảo thế rồi cho đến cha các ngươi đã chết".

- Tán: Bày nói nhập diệt lại ẩn trước hóa gọi là đến nước khác; sai người về nói nhập diệt, nói cha các thầy đã chết, cha thật không diệt chỉ tạm thôi giáo hóa ở đây.

- Kinh: "Bấy giờ các con cho đến không chỗ cậy nhờ".

- Tán: Luyến Phật ái pháp dụ, có hai: Trước nghĩ Phật từ bi thương xót, nghĩ mình côi cút, sau bi cảm y giáo mà hoặc khổ đều dứt. Đây là phần đầu. Đầu tin nghĩ đến Phật, sau là luyến mến pháp, Đức Phật hiện đời từ bi cứu giúp che chở khiến không còn hoặc khổ, nay Đức Phật đã diệt độ không còn chỗ nương tựa khiến con côi cút.

- Kinh: "Lòng thương bi cảm cho đến bệnh độc đều lành".

- Tán: Ở đây nêu bi cảm y giáo mà hoặc khổ dứt trừ. Gia hạnh đế quán gọi là tỉnh ngộ, nhập thánh như nương theo uống thuốc thì hoặc khổ đều dứt. Độc dụ cho phiền não, bệnh dụ cho các khổ.

- Kinh: "Người cha nghe các con cho đến các con đều thấy".

- Tán: Đắc Thánh thấy Phật dụ. Nếu khiến đắc Thánh Nhị thừa Vô học mà thấy Phật, nhập Biến dịch sanh tử thấy Phật hóa thân tịnh độ an trú từ lâu, nghĩa đồng trở về mà khiến kia thấy; hoặc Địa tiền đắc nhập Thập địa báo độ thấy Phật. Đây tuy hóa Phật thượng vị lên dần, mà lý y cứ ở đây cũng vậy.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến có lỗi luống dối".

- Tán: Đây dụ vấn đáp biện rõ đây không luống dối: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Thành. Đây nói hóa thân như thầy thuốc thị hiện chết, báo thân như cha thật thể thường tồn, nghĩa Niết-bàn như nói chương khác.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến thường trụ đây nói pháp".

- Tán: Đây có hai năm hàng rưỡi tụng chia làm hai: hai mươi hàng rưỡi tụng Bồ-đề vô thượng, năm hàng sau tụng Niết-bàn vô thượng. Văn đầu có ba: mười sau rưỡi tụng nêu hai thân báo hóa, tiếp tám hàng tụng nêu báo hóa hai cõi, sau hai hàng tụng kết khuyến không nghi. mười hàng rưỡi đầu lại có ba: ba hàng đầu tụng báo hóa hai thân, kế sáu hàng tụng báo thân Phật người vô duyên không thấy, người có duyên được thấy, một hàng rưỡi sau tụng kết lý do báo thân Phật thấy và

không thấy, đây là ba hàng đầu: hai hàng tụng nói báo thân, sau một hàng tụng nói về hóa thân.

- Kinh: "Ta thường ở nơi đây cho đến dầu gần mà chẳng thấy".

- Tán: Dưới sáu hàng tụng nói báo thân Phật. Vô duyên không thấy, có duyên được thấy. Trong đây có hai: một hàng tụng vô duyên không thấy, năm hàng tụng có duyên được thấy. Đây là một hàng đầu. Chúng sanh điên đảo tự không thấy Phật, huống chi gia thêm thần thông ẩn, khiến không thấy, sợ thấy sanh lỗi nên thần thông che lấp, cũng như mặt trăng mặt trời tự sáng, người mù không thấy là lỗi của người mù chứ chẳng phải lỗi của mặt trăng mặt trời.

- Kinh: "Chúng thấy ta diệt độ cho đến chẳng tự tiếc thân mạng".

- Tán: Dưới năm hàng tụng có duyên được thấy Phật chia làm hai: hai hàng đầu tụng đối đãi chúng sanh căn cơ thuần thục có duyên, ba hàng sau tụng hiện thân nói pháp. Đây là hai hàng đầu. Có bảy duyên căn cơ thuần thục: 1. Tu hành cúng dường. 2. Sanh tâm khát ngưỡng. 3. Tin phục không chê bai thuận hành. 4. Ngay thẳng chân thật lìa kiêu mạn cho đến 5. Mền mõng từ bi chịu đựng. 6. Một lòng muốn thấy chuyên nghĩ mong gặp. 7. Không tiếc thân mạng khinh thân trọng đạo.

- Kinh: "Giờ ta cùng chúng tăng cho đến chỉ nói ta diệt độ".

- Tán: Hiện thân nói pháp có hai: Nửa hàng đầu tụng hiện thân, hai hàng rưỡi sau tụng nói pháp. Nói pháp có hai: Đầu một hàng nói thân tại đây hiện có Niết-bàn, sau một hàng rưỡi tụng hóa nhập Niết-bàn phương khác lợi ích, ở núi Linh nói hiện tại, hoặc hiện có ở Linh nói.

- Kinh: "Ta thấy các chúng sanh cho đến hiện ra vì nói pháp".

- Tán: Đây là kết báo thân Phật lý do thấy và không thấy.

- Kinh: "Sức thần thông như vậy cho đến trời người thường đông đúc".

- Tán: Dưới tám hàng nói về báo hóa hai cõi, có hai: năm hàng đầu tụng tướng cõi báo hóa, ba hàng sau tụng lý do vô duyên không thấy, có duyên được thấy tịnh độ. Đây là hàng đầu. Trước tụng trú xứ, kế tụng quyến thuộc. Kiếp tận là cõi an ổn là tịnh độ, Bồ-tát trời người thường ở trong hội.

- Kinh: "Vườn rừng các nhà gác cho đến như thế đều đầy dẫy".

- Tán: Trong đây có ba:

1. Tướng cõi.

2. Cúng dường.

3. Lìa sợ hãi.

Cõi hóa độ lo sợ khổ não đầy dẫy, tịnh độ lìa các thứ đó. Trong tướng cõi có sự có công đức. Như Kinh Vô Cấu Xứng nói tổng trì là vườn rừng, rừng cây đại pháp cho đến đều nên nói theo đó, nghĩa Tịnh Độ kia như nói ở chương khác. Luận chép: Cõi tịnh của ta không hủy hoại mà chúng thấy đốt cháy hết, là báo Phật Như-lai chân thật tịnh độ thuộc bậc nhất nghĩa đế không như cõi hóa thế gian thuộc về tục đế. Nhạc âm có hai: 1. Lư các trái lại là thô tháo thưởng thức. 2. Năm giáo trái lại với thỏa thích, chỗ tốt đẹp đáng sanh vui mừng.

- Kinh: "Các chúng sanh tội ác cho đến không nghe tên tam bảo".

- Tán: Dưới ba hàng tụng vô duyên không thấy có duyên được thấy chia làm hai: một hàng đầu tụng vô duyên không thấy, sau hai hàng tụng nói có duyên được thấy. Đây là một hàng đầu, có bốn chướng hoặc nghiệp, báo, pháp, không nghe tên Tam bảo có ba chướng gọi là chúng sanh tội, nghiệp chướng gọi là nghiệp ác.

- Kinh: "Người tu các công đức cho đến vì nói Phật khó gặp".

- Tán: hai hàng tụng có duyên được thấy chia làm hai: một hàng tụng tu ba nhân thấy Phật ở Tịnh độ, một hàng tụng thấy Phật tuổi thọ có ngắn dài. Tu ba nhân: 1. Công đức. 2. Nhu hòa. 3. Ngay thẳng. Thân ngữ ý ba nghiệp tu thiện, lợi sanh, diệt ác ba thứ; hoặc giới định tuệ học, hoặc thi giới tu như thứ lớp nên biết, vì ứng thường thấy nói tuổi thọ vô lượng, vì không ứng thường thấy nói Phật khó gặp.

- Kinh: "Trí lực ta như thế cho đến lời Phật thật không dối".

- Tán: Kết khuyên không nghi ngờ. Ánh sáng trí tuệ chiếu soi không còn nghi ngờ độ tất cả chúng sanh cho nên tu nghiệp lâu chứng đắc, do bi nguyện này nên tuổi thọ lâu dài.

- Kinh: "Như thầy thuốc khéo léo cho đến không thể nói luống dối".

- Tán: Dưới năm hàng tụng nói về Niết-bàn vô thượng, có hai: một hàng đầu là dụ, bốn hàng sau hợp. Đây là một hàng đầu, cuồng tử là người căn cơ chưa thuần thục.

- Kinh: "Ta là cha trong đời cho đến mau thành tựu thân Phật".

- Tán: Đây bốn hàng tụng hợp chia làm bốn: một hàng tụng hiện thân sai khác, một hàng tụng vì ác sanh, một hàng tụng nói pháp sai khác, một hàng tụng nguyện thành Phật.

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Phẩm này có chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các nạn vấn.

I. Vì sao có phẩm này có ba:

1. Bên cạnh hai phẩm giải thích nghi các Bồ-tát từ đất vọt hiện lên, tức là trước nói quyền thật hai Phật, lý trí hai thân, nhiếp chung nền tảng muôn đức, tóm thâu rốt ráo Ba minh, thần thông tột bậc, màu nhiệm tận cùng, người nghe tâm trí khế, ngộ, hợp, chân, hoặc thông suốt ắt nên chứng đạo. Nay nêu rõ các cấp bậc tiến tu nên có phẩm này.

2. Trong năm nói quả Nhất thừa, hai phẩm đầu hai nêu rõ quả đã mãn, nhân nơi phẩm trước chánh đã nêu rõ quả mãn, nên phẩm này biện rõ thời chúng nhân đây chứng đắc khác nhau cho nên có phẩm này.

3. Luận giải trong thập vô thượng, thứ mười là lực thắng diệu vô thượng, là phần Tu đà còn lại nói: Luận lại tự nói: Từ đây sắp xuống thị hiện pháp lực và lực tu hành, pháp lực tức oai thần của kinh lực tu hành tức công đức cao quý do năng sở hành. Pháp lực có năm môn:

a. Chứng.
b. Tín.
c. Cúng dường.
d. Nghe pháp.
e. Đọc tụng trì nói.

Chứng là chúng Thanh-văn nghe Phật tuổi thọ, có mười một ngôi vị chứng Thánh. Tín nghĩa là tám thế giới cát bụi số Bồ-tát phát tâm tin hiểu. Cúng dường nghĩa là trời mưa hoa cho đến ba môn trên đây đều ở đầu phẩm này. Nghe pháp nghĩa là giữa và sau phẩm bao gồm nghe pháp tùy hỷ. Trong phẩm Tùy hỷ. Đọc tụng trì nói nghĩa là phẩm Pháp Sư công đức nói người đọc tụng trì nói được công đức, đến văn sẽ giải. Luận tự giải rằng: Ở bốn môn đầu, Bồ-tát Di-lặc thị hiện, đều bảo với Di-lặc, một phẩm sau hàng Bồ-tát Thường Tinh Tấn thi hiện, nên chỉ bảo với Thường Tinh tấn.

Do pháp lực này chỉ nhiếp ba phẩm, tu hành lực kia nhiếp mười một phẩm: 1. Pháp Sư. 2. An lạc hạnh. 3. Trì. 4. Thần lực. 5. Dược vương. 6. Diệu âm. 7. Quán âm. 8. Đà-la-ni. 9. Diệu trang. 10. Phổ Hiền. 11. Chúc Lụy. Hợp mười bốn phẩm đều là nghĩa thứ mười thắng

diệu lực vô thượng. Do nêu rõ chứng, tín, cúng dường ba thứ nên sau phẩm Tuổi thọ có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Công là công lao lực dụng nghe pháp, đức là đạo công lực thể tức phước tuệ, đức do nghe pháp mầu mà đắc gọi là công đức. Đây là nói về giải thích nghĩa, phân biệt các sự công đức, phẩm này nói về giải thích phân biệt sự công đức kia cho nên gọi là phẩm Phân Biệt Công Đức.

III. Giải đáp các vấn nạn: Hỏi: Do đâu Thanh-văn nghe thật quyền mà ngộ lãnh bèn được thọ ký, Bồ-tát nghe chân thật hóa mà lãnh giải biết không thọ ký ư?

Đáp: Bồ-tát được thọ ký Đức Phật đã nói số, chỉ nói chứng nhân không nói quả đương lai. Thanh-văn sơ ngộ thành Phật sự khó, nhân chứng chưa thành tạm thọ ký quả đương lai.

Hỏi: Do đâu nói thừa quyền thật Bồ-tát ký chứng đều thiếu?

Đáp: Bồ-tát đã biết trước quyền thật chỉ nghe thân mà đạo chứng, Thanh-văn chưa chứng hóa chân chỉ nghe thừa để được thọ ký, Bồ-tát không lấy bỏ còn Thanh-văn chưa chứng.

Hỏi: Khoa đầu nói: Vì sao nói quyền thật để thọ ký cho Thanh-văn mới là tông chỉ? Nói chân hóa để chứng Bồ-tát mà thuộc lưu thông?

Đáp: Pháp Hoa khai dụ dẫn chánh là đối quyền thật để trình bày tông chỉ không nói ứng chân đâu thể nói thân làm tông chỉ! Chỉ là nhân trước dũng xuất giải Thích-các nghi kia, mà chẳng phải nêu khai dẫn dụ cho nên chẳng phải tông chỉ.

- Kinh: “Lúc bấy giờ trong Đại hội cho đến được lợi ích lớn”.

- Tán: Phẩm này chia làm hai: 1. Văn xuôi và tụng nói chúng đương thời trong hội đạt được lợi ích hiện tiền dần tiến lên, 2. Văn xuôi và tụng nêu so sánh lượng hơn kém lợi ích thời sau.

Đầu văn có bốn: 1. Nêu thời lợi ích. 2. Phật nói về lợi ích. 3. Cúng dường lợi ích. 4. Tụng thọ lợi ích. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Khi đó Đức Thế tôn cho đến pháp luân thanh tịnh”.

- Tán: Dưới Đức Phật bảo lợi ích có hai: Trước nói chứng đắc, sau nói tín phát. Văn đầu có hai:

1. Sáu môn đầu dựa theo ngôi chứng đắc.

2. Năm môn dựa theo sanh chứng đắc.

Đây là phần đầu. Căn cứ theo luận, trong năm môn pháp lực ở phẩm này có ba: 1. Chứng: Mười một vị đầu. 2. Tín: Tám thế giới Bồ-tát phát tâm. 3. Cúng dường là trời mưa hoa cho đến y nghĩa cao quý luận làm giải thích, tâm không lãnh thọ. Vô sanh pháp nhẫn luận này nói sơ

địa, tức căn cứ đắc vị đầu tiên, thời gian dài ở Thất địa, liên tục kế tiếp Bát địa, viên mãn nói Phật địa. Vô sanh là cảnh vô sở chấp, sanh pháp là giáo giải thích vô sanh giáo, Địa tiền xưa nghe chưa thể trí chứng, nay trí chứng ấn gọi là vô sanh, biến kế sở chấp gọi là tướng vô sanh, y tha khởi tánh là tự nhiên vô sanh, viên thành thật tánh hoặc khổ vô sanh. Văn trì nơi Tam địa Phật địa cho đến nói. Thập Địa luận nói ở nơi Ngũ địa. Tam địa ly định chướng, Ngũ địa định tự tại, Nhạo nói biện tài ở ngũ địa, giải năm minh luận biện tài đầy đủ. Duy Thức chép: Tại địa thứ chín căn cứ thành mãn. Triền-đà-la-ni tại thất địa. Nay tùy theo xoay vần trở lại không và tu hành che chở trong hữu tình. Thất địa thời gian dài vô tướng và quán hữu tình. Di-lặc Thượng Sanh nói: Di-lặc đắc Thập địa là căn cứ thành mãn, bất thối pháp luân tại Bát địa đủ bốn bất thối. Thanh tịnh pháp luân ở Thập địa, vô tướng lìa chướng làm thể thanh tịnh. Lại đây là công đức pháp chỉ tùy nghĩa nói chúng không cần thứ lớp phối hợp các địa.

- Kinh: "Lại có cõi nước tiểu thiên cho đến chánh đẳng giác".

- Tán: năm vị này dựa vào sanh chứng đắc. Luận nói đây đắc sơ địa Bồ-đề lìa sanh tử phần đoạn, tùy phần chứng đắc thấy chân như Phật tánh gọi là đắc Bồ-đề, chẳng đắc quả mãn Phật vị Bồ-đề. Cũng có giải thích nói: y Kinh Niết-bàn nói tám đời là người bốn hằng sa giải một phần mười sáu nghĩa. Bốn đời là người năm hằng sa giải tám phần nghĩa. Ba đời là người sáu hằng sa giải mười hai phần nghĩa. Hai đời là người bảy hằng sa giải mười bốn phần nghĩa, một đời là người tám hằng sa giải mười sáu phần nghĩa. Tuy có đây giải thích nói tám hằng sa là Đệ thập địa mà nay y luận này đắc sơ địa Bồ-đề, không nói đắc Phật địa nên không theo giải thích này.

- Kinh: "Lại có tám thế giới cho đến tâm chánh đẳng giác".

- Tán: Đây là nói tín phát.

- Kinh: "Lúc Đức Phật nói cho đến khen ngợi Chư Phật".

- Tán: Thứ ba cúng dường có bảy:

1. Mưa hoa.
2. Mưa hương.
3. Tấu nhạc.
4. Mưa trang sức.
5. Đốt hương.
6. Bồ-tát lên cõi trời.
7. Ca tụng của đức Phật.

Chuỗi châu ma-ni tuy vừa ý mà chưa thù thắng, châu như ý mới

trên hết, hương không bay xuống phương dưới nên nói chín phương.

- Kinh: “Khi ấy ngài Di-lặc cho đến vui mừng đầy khắp thân”.

- Tán: Thứ tư lãnh thọ lợi ích có mười chín hàng tụng chia làm ba: hai hàng đầu nghe pháp vui mừng, tiếp mười lăm hàng tụng lý do lợi ích, sau hai hàng tụng kết thành vui mừng. Đây là hai hàng đầu.

- Kinh: “Hoặc trụ vị bất thối cho đến được quả báo thanh tịnh”.

- Tán: Dưới mười lăm hàng tụng nguyên nhân lợi ích, chia làm ba: bảy hàng tụng chứng, một hàng tụng tín, bảy hàng tụng cúng dường. Đây là phần đầu có ba: ba hàng tụng vị chứng, ba hàng tụng sanh chứng, một hàng tụng kết.

- Kinh: “Lại có tám thế giới cho đến đều phát tâm vô thượng”.

- Tán: Đây tụng tín.

- Kinh: “Thế tôn nói vô lượng cho đến ca vịnh các Như-lai”.

- Tán: Bảy hàng đầu tụng cúng dường có hai: một hàng đầu tụng nêu khen ngợi, sau sáu hàng tụng cúng dường. Cúng dường có bảy: Nửa hàng tụng mưa hoa, một hàng rưỡi tụng mưa hương, nửa hàng tụng trổi nhạc, nửa hàng tụng mưa y, một hàng tụng đốt hương, một hàng rưỡi tụng lên trời, nửa hàng ca tán.

- Kinh: “Như thế các việc cho đến để giúp tâm vô thượng”.

- Tán: Đây kết thành khen ngợi vui mừng. Người gốc lành đầy đủ được nghe danh hiệu Phật, để trợ tâm vô thượng của Phật, tu hành thuận theo tâm Phật, hoặc khiến kia đầy đủ gốc lành, trợ giúp chúng sanh kia sanh vô thượng tâm gọi là trợ.

- Kinh: “Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến không có hạn lượng”.

- Tán: Dưới đoạn thứ hai so sánh công đức hơn kém nói về thời sau lợi ích; chia làm hai: Trước văn xuôi và tụng nghe tuổi thọ của Phật sanh tùy hỷ tín hiểu lợi ích, cùng với phẩm Tùy hỉ công đức thành đồng bộ, sau văn xuôi, tụng nghe tuổi thọ của Phật giải trì đọc tụng lợi ích, cùng với phẩm Pháp Sư công đức bên dưới làm đồng bộ. Trước lãnh giải tùy hỷ sau chánh tu hành. Văn trường đầu hàng có ba: Nói chung tín hiểu, tiếp so sánh hơn kém, sau hiển bày nghĩa không lui sụt. Đây là phần đầu, tùy hỷ công đức sau, đắc Bồ-đề đâu có lường được.

- Kinh: “Nếu có người thiện nam cho đến không thể biết được”.

- Tán: Đây so sánh hơn kém, Nhất thừa thể kia tức tuệ hữu vi và trí vô vi do đó trừ Bát-nhã là nghĩa trên hết. Kinh này tuy nói xuất sanh Nhất thừa mà thể tánh rộng lớn đầy đủ. Kinh Thắng-man nói Nhất thừa, tuy không nhiếp nhập mà chỉ lấy vô vi tuệ làm Nhất thừa kia dù

đã Hằng hà sa kiếp hành sáu Ba-la-mật không bằng có người tay cầm quyển kinh, rồi nói trừ Bát-nhã cho nên biết kinh này lấy chung cả lý trí làm Nhất thừa, lý trí Nhị thừa hội nhập về Nhất thừa. Nếu chỉ lấy chân lý thì đồng kinh Thắng-man lấy làm Nhất thừa, cũng nên dùng chung lục độ so sánh, đều xuất ra sanh nghĩa, vì sao trừ tuệ. Thân Kim Cương Bát-nhã luận của Thiên chép: Số, lực, không tương tợ, thắng, cũng vậy. 1. Số thắng; 2. Lực thắng thắng thời; 3. Không tương tợ thắng và dụ thắng; 4. Nhân thắng là nhân quả thù thắng. Văn này có hai: Tính đếm, thí dụ cho đến hai thứ còn lại cũng không sánh bằng nên nói cho đến.

- Kinh: "Nếu người thiện nam cho đến không có lẽ đó".

- Tán: Đây là hiển nghĩa bất thối, tín, vị, chứng, hành tùy ứng bất thối.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hành năm Ba-la-mật".

- Tán: Dưới mười chín hàng rưỡi tụng chia làm hai: mười bốn hàng đầu tụng so sánh, năm hàng rưỡi sau tụng năng tín, không tụng phần Văn xuôi đầu. Mười bốn hàng đầu lại có hai: Mười hai hàng tụng hành năm độ, sau hai hàng tụng so sánh một tín. Trong mười hai đầu lại có ba: một hàng nói chung, mười hàng tụng năm độ, một hàng tụng kết thành. Đây là nói chung đầu.

- Kinh: "Ở trong các kiếp đó cho đến để hồi hướng Phật đạo".

- Tán: Dưới mười hàng tụng năm độ chia làm năm, đây ba hàng tụng bố thí đệ tử Thanh-văn, ruộng có ba thứ:

1. Tôn thắng.

2. Bần khổ.

3. Trung dung.

Ân cha mẹ thuộc ruộng tôn thắng, nay cúng dường ruộng này. Ruộng ân hai thứ đều trên hết, thâu nhiếp cả y dược cho đến trong đó, nên tứ sự đều đủ.

- Kinh: "Nếu giữ gìn cấm giới cho đến một lòng không biếng trễ".

- Tán: một hàng tụng giới. Hai hàng tụng nhẫn, một hàng tụng cần (tinh tấn).

- Kinh: "Trong vô lượng ức kiếp cho đến tận nguồn các thiền định".

- Tán: Đây ba hàng tụng định.

- Kinh: "Người ấy trăm ngàn kiếp cho đến như trên đã nói rõ".

- Tán: Đây một hàng tụng kết thành.

- Kinh: "Có thiện nam tín nữ cho đến phước đó nhiều như thế".

- Tán: Đây hai hàng tụng so sánh một tín.
- Kinh: "Nếu có các Bồ-tát cho đến nói tuổi thọ cũng thế".
- Tán: Dưới năm rưỡi tụng nêu người năng tín chia làm ba: một hàng tụng tín, ba hàng tụng phát nguyện, một hàng rưỡi hàng tụng kết thành. Phát nguyện có hai: Tổng và biệt. Đây là hai phần đầu .
- Kinh: "Nếu có người thân tâm cho đến nơi đây không có nghi".
- Tán: Đây là kết thành, đủ có sáu đức:

1. Thâm tâm hết lòng ưa pháp.
2. Thanh tịnh không cầu danh lợi.
3. Ngay thẳng.
4. Học rộng.
5. Tổng trì.
6. Giải lời Phật mới tin không nghi.

- Kinh: "Lại A-dật-đa cho đến nhất thiết chủng trí".
- Tán: Dưới đoạn thứ hai giải trì đọc tụng lợi ích, trong văn xuôi có bảy:

1. Hành giả công đức vô biên năng sanh chủng trí.
2. Hành giả thấy báo thân tịnh độ.
3. Hành giả đầu đội đức Như-lai.
4. Hành giả tự mình xây tháp Phật tăng phòng cúng dường.
5. Hành giả thực hành lục độ tự lợi chóng đắc chủng trí đến đạo tràng.
6. Hành giả thực hành lục độ lợi tha hướng đến đạo tràng.
7. Chỗ của hành giả ở nên xây tháp cúng dường.

Đây là văn đầu có hai: Trước nghe tuổi thọ Phật khởi tuệ vô thượng, sau đối với một bộ kinh này khởi văn trì năng sanh chủng trí sẽ chứng đắc.

- Kinh: "A-dật-đa cho đến nuôi lớn tin hiểu sâu chắc".
- Tán: Hành giả thấy báo thân tịnh độ có bốn:

1. Thấy báo thân Phật.
2. Thấy Tịnh độ.
3. Thấy Bồ-tát chúng.
4. Kết thành trước ắt sẽ thấy.

Kiến giải trí Phật như báo Phật, đây dùng trí thấy chẳng phải dùng mắt thấy.

- Kinh: "Và lại sau khi Như-lai diệt độ cho đến đầu đội đức Như-lai".
- Tán: Hành giả đầu đội Phật, nghe kinh tùy hỷ rồi tin hiểu sâu,

huống chi đọc tụng thọ trì. Kính trọng Phật cho nên gọi là đầu đội.

- Kinh: “A-dật-đa... cúng dường chúng tăng”.

- Tán: Hành giả tự xây tháp Phật tăng phòng cúng dường có ba đầu tiên là: Nêu, tiếp giải thích, sau là kết. Đây là nêu.

- Kinh: “Vì sao? Cho đến cúng dường chúng tăng”.

- Tán: Giải thích có hai: Lược, và rộng. Đây là lược. Toàn thân Xá-lợi ở đây tức là xây tháp nơi chúng học tức là Tăng phường, thọ trì đọc tụng chân thật hành cúng dường, cho nên nói tức là hai thứ cúng dường đây.

- Kinh: “Thời đem Xá-lợi Phật cho đến làm việc cúng dường đó rồi”.

- Tán: Dưới đây rộng giải thích, có hai: Trước giải thích tức là xây tháp cúng dường, sau giải thích tức là xây cất Tăng phòng cúng dường. Đây là phần đầu, có ba:

1. Lượng.
2. Vật cụ
3. Thời.

Người này chắc chắn nêu vượt cõi cõi Dục. Lại tạm nêu rất nhỏ là đến cõi Phạm thiên, nhỏ dần là có thể thực hành căn lành nhỏ, nêu tiểu làm dụ, nội pháp cúng dường hơn ngoại tài.

- Kinh: “A-dật-đa cho đến và Tỳ-kheo tăng”.

- Tán: Đây giải thích là xây tăng phường cúng dường có hai: Trước chỉ ít sau chỉ nhiều. Chỉ ít có bốn:

1. Số.
2. Lượng.
3. Tăng trú.
4. Tư cụ.

Đầy đủ ba mươi hai sở là chỗ an trú của tứ phương Tăng sanh trong tám đường. Bát-đa-la là tu bát giải thoát. Một cây đa-la cao bảy nhận, tương truyền giải một nhận là bảy thước, tám cây đa-la tính có thể biết. Ngoài ra các thứ khác đều có tiêu biểu tùy nghĩa nên biết cho đến “Như vậy Tăng phường lầu gác v.v...” là chỉ nhiều, tức là tạo lập Tăng phường v.v... như trước mà hiển số nhiều.

- Kinh: “Cho nên ta nói cho đến cúng dường chúng Tăng”.

- Tán: Hành giả thực hành lục độ tự lợi mau đắc chủng trí có ba: Trước pháp, tiếp dụ, sau hợp, mau thành chủng trí.

- Kinh: “Nếu người đọc tụng cho đến giỏi gạn hỏi đáp”.

- Tán: Hành thực thực hành cả lục độ lợi tha vì hướng đạo tràng.

Đạo tràng là chánh đẳng giác tánh, trước là Bồ-đề đây là Niết-bàn, có hai: Trước nêu lục độ lợi tha, sâu kết đã đến đạo tràng. Đây là phần đầu, xây tháp Tăng phường cúng dường là tài thí, khen ngợi tam thừa là vô úy thí, nói kinh Pháp Hoa này là pháp thí. Ngoài ra, giới, nhẫn, an, cần, tuệ như thứ lớp lợi tha. Trong nhẫn đồng chỉ nại, oán hại nhẫn, nhẫn nhục không sân là an chịu khổ nhẫn, chí niệm vững chắc quán sát rõ là pháp nhẫn, đắc định sâu cần nhiếp thiện đều là lợi tha.

- Kinh: "A-dật-đa cho đến ngồi dưới cội đạo thọ".

- Tán: Kết rồi đến đạo tràng, hướng chân và hóa hai đạo tràng, giác thọ tự vinh như sanh thọ.

- Kinh: "A-dật-đa cho đến như tháp của Phật".

- Tán: Chỗ hành giả ở nên xây tháp cúng dường.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến như trên đã nói".

- Tán: Đây kệ có mười chín hàng rưỡi tụng chia làm năm: một hàng đầu nêu chỉ ba thứ trước, kế bảy hàng rưỡi tụng loại thứ tư tức mình xây tháp tăng phòng cúng dường, kế ba hàng tụng loại thứ năm hành giả thực hành lục độ tự lợi mau đắc chủng trí, kế ba hàng tụng loại thứ sáu hành kiêm lục độ lợi tha vì hướng đến đạo tràng, sau năm hàng tụng loại thứ bảy nơi hành giả ở nên xây tháp cúng dường. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Đó thời là đầy đủ cho đến đầy đủ các cúng dường".

- Tán: Dưới bảy hàng rưỡi tụng loại thứ tư chia làm hai: bốn hàng rưỡi tụng tức xây tháp cúng dường, ba hàng sau tụng xây Tăng phường cúng dường. Đây là phần đầu có ba: hai hàng tụng xây tháp, một hàng rưỡi tụng cúng dường, một hàng tụng kết.

- Kinh: "Nếu hay trì kinh này cho đến các thứ đều nghiêm tốt".

- Tán: Đây là xây Tăng phường cúng dường.

- Kinh: "Nếu có tâm tin hiểu cho đến phước ấy cũng như thế".

- Tán: Tụng loại thứ năm kiêm hành lục độ tự lợi mau đắc chủng trí, chỉ luận 1 thí không nói năm độ.

- Kinh: "Huống nữa trì kinh này cho đến công đức không thể lường".

- Tán: Tụng loại thứ sáu kiêm hành lục độ lợi tha vì hướng đến đạo tràng, cúng dường tháp miếu, "khiêm hạ các Tỳ-kheo..." đều thuộc tinh tấn độ.

- Kinh: "Nếu thấy pháp sư đây cho đến kinh hành và ngồi nằm".

- Tán: Tụng loại thứ bảy nơi hành giả ở nên xây tháp cúng dường chia làm bốn: Nửa hàng tụng kính như Phật, một hàng rưỡi tụng biết

đạo thành, một hàng rưỡi tụng nên xây tháp, một hàng tụng nơi Phật thường ở cho đến.

Ngày 21 tháng 6 Niên hiệu Bảo An năm thứ ba Tăng Giác Ấn ở chùa Pháp Long viết xong .

Cùng năm ngày 24 tháng 12 để ở chùa Hưng Phước Viên Như phòng kiểm duyệt xong, Tăng Giác Ấn vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài vãng sanh cực lạc.

Ngày 21 tháng 5 năm Tân hợi niên hiệu Thiên thừa năm đầu phụng truyền thọ ở chùa Dược Sư Thiện Minh phòng đắc nghiệp rồi nhiếp giải thích và sao xuất, truyền thọ đã xong Tăng Giác Ấn.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 10
(PHẦN ĐẦU)

PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp nạn vấn.

I. Vì sao có phẩm này có ba:

1. Bảy phẩm trong học hạnh lưu thông, sáu phẩm sau nói người năng hành, chia làm bốn, phần từ đây trở xuống hai phẩm là phần thứ ba nêu rõ bên tu hành và chánh y hành công đức nhiều ít. Phẩm này nói phước bên tu hành, cho nên có phẩm này.

2. Quả Nhất thừa, hai phẩm trên nói quả đã mãn, từ đây trở xuống ba phẩm nói quả chưa mãn chia làm hai, phẩm này nói bên tu tùy hỷ phước quả nhiều ít, sau hai phẩm nêu rõ chánh y hành phước quả nhiều ít cho nên có phẩm này.

3. Luận nói pháp lực có năm, trước đã nêu rõ ba đây là thứ tư nghe pháp, chỉ như phẩm tùy Hỷ công đức nói, do từ người khác nghe năng sanh tùy hỷ nên gọi là nghe pháp, phẩm này nói rộng điều đó nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Tùy là thuận theo, hỷ là xứng hợp ưa thích, thân tâm thuận theo sanh lòng ưa thích, lấy đây làm nhân sanh quả công đức. Phẩm này nói rộng nên đặt tên phẩm. Tùy chỗ nghe tư duy tu tập đều sanh tâm vui mừng. Luận kinh từ đầu chỉ nói nghe (văn).

III. Giải đáp vấn nạn: Phẩm này không những tự sanh tùy hỷ mà còn khuyên dạy người khác, vì sao không gọi phẩm là khuyến nhân? Đáp: Từ gốc đặt tên nhân tự tùy hỷ mới khuyên người, lại cả hai đều thuộc về tùy hỷ nên hợp đặt tên.

- Kinh: "Lúc bấy giờ ngài Di-lặc cho đến lại được bao nhiều phước".

- Tán: Phẩm văn chia làm hai:

1. Di-lặc thỉnh.

2. Thế tôn đáp.

Di-lặc thỉnh có hai: Văn xuôi và kệ.

- Kinh: "Khi đó Đức Phật bảo cho đến ông phải lóng nghe".

- Tán: Dưới Thế tôn đáp chia làm ba: Trước so sánh để hỏi, tiếp Di-lặc đáp, sau Phật bảo thành. Văn đầu lại chia ba: Trước nêu năng tùy hỷ, tiếp nêu cảnh so sánh, sau "Ý ông nghĩ sao cho đến" chánh lấy làm hỏi: Văn đầu có hai: Trước nêu người đầu tiên tùy hỷ, sau chỉ so sánh người sau cùng tùy hỷ. Văn đầu lại có ba: Trước nêu người đầu tiếp nêu chỗ đến, sau nêu xoay chuyển dần.

- Kinh: "Nếu bốn trăm muôn ức cho đến đủ tám mươi năm rồi".

- Tán: Cảnh so sánh trong đây có bốn:

1. Số loại chúng sanh.

2. Vật cụ bố thí.

3. Số tuổi.

4. Đắc đạo.

Đây là đầu và ba.

Chúng sanh loại có hai:

1. Biệt nêu ra năm loại:

   a. Lục thú.

   b. Bốn loài sanh.

   c. Hình loại.

   d. Tưởng khác.

   e. Chân khác.

Những nghĩa này như nói ở chương khác. Vàng Diêm-phù-đề là tên cây Thiệm-bộ, cây mọc ở mé châu Bắc này gần cây có nước bên dưới đáy có vàng tử kim, ánh sáng chiếu che phủ mặt trời mặt trăng cho nên lấy làm tên.

2. "Kết Như vậy v.v...".

- Kinh: "Mà nghĩ rằng cho đến đủ tám món giải thoát.

- Tán: Đây khiến đắc đạo có hai: Trước khởi niệm, sau giáo hóa dẫn dắt.

- Kinh: "Ý ông nghĩ sao cho đến có nhiều chẳng?".

- Tán: Đây chánh làm câu hỏi.

- Kinh: "Di-lặc bạch Phật cho đến quả A-la-hán".

- Tán: Đây là Di-lặc đáp, quả thế gian đã nhiều huống chi khiến đắc Thánh quả.

- Kinh: “Phật bảo Di-lặc cho đến không thể biết được”.

- Tán: Dưới Phật bảo thành có hai: Trước thành thứ năm mươi sau thành người thứ nhất. Đây là phần đầu. Tùy hỷ một niệm sẽ đắc Bồ-đề, giáo hóa chúng sanh gấp bội số trên cho nên phước rất nhiều; khiến đắc quả A-la-hán không thể thành Phật rộng độ chúng sanh cho nên phước kém, như so sánh tiếng phạm âm Phật.

- Kinh: “A-dật-đa... không thể sánh được”.

- Tán: Dưới thành người thứ nhất. Văn chia làm năm:

1. Nói chung người đầu tùy hỷ công đức hơn trước, không sánh bằng.

2. Quả đến nghe tùy hỷ.

3. Khuyên nghe phân chia tòa đắc quả tùy hỷ.

4. Thọ giáo đến nghe đắc quả tùy hỷ.

5. Nêu kém thành thắng hơn. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Lại A-dật-đa cho đến hoặc chỗ ngồi của Vua Thánh Chuyển Luân”.

- Tán: Đây thứ hai lắng nghe được quả tùy hỷ, thứ ba khuyên lắng nghe được quả tùy hỷ. Cũng đắc lục thông tòa báu Kim Cương, đây căn cứ quả thế gian chẳng phải ra đời gian. Bệnh được nằm nghe. Đây căn cứ chẳng phải bệnh, chỗ rộng chỉ khuyên ngồi, chỗ hẹp chia tọa khuyên ngồi.

- Kinh: “A-dật-đa cho đến cùng sanh một chỗ”.

- Tán: Dưới thứ tư thọ giáo đến nghe đắc quả tùy hỷ có ba: Trước nói được bạn lành tốt, kế nêu phước tuệ trang nghiêm, sau thấy Phật nghe pháp. Đây là phần đầu, được bạn giải thích pháp, tức là bạn lành.

- Kinh: “Căn tánh lanh lợi trí tuệ cho đến không có các tướng đáng chê”.

- Tán: Phước tuệ trang nghiêm lợi căn trí tuệ, ngoài ra đều là phước. Trong phước có năm:

1. Tướng tiếng.

2. Tướng miệng.

3. Tướng mũi.

4. Tướng mặt.

5. Các tướng.

“Trăm ngàn muôn đời cho đến” các quả. Tướng miệng có năm: 1. Khí. 2. Lưỡi. 3. Chân răng cho đến không bệnh. 4. Răng không có

sáu điều xấu. 5. Môi không có mười điều xấu, không bị rút túm chẳng ngắn, chẳng thô rít có mềm trơn, không ghẻ mục là ghẻ trên môi, miệng không dày không nám đen.

- Kinh: "Mũi chẳng xẹp lép cho đến không có các tướng chẳng đáng ưa".

- Tán: Đây là tướng mũi mặt không bị lõm gãy.

- Kinh: "Môi lưỡi răng nướu cho đến tướng người đầy đủ".

- Tán: Đây nói các tướng có sáu.

- Kinh: "Đời đời sanh ra thấy Phật cho đến tin nhận lời dạy bảo".

- Tán: Đây nói thấy Phật nghe pháp.

- Kinh: "A-dật-đa cho đến đúng như lời dạy mà tu hành".

- Tán: Thứ năm nêu kém thành hơn.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến không thể thí dụ được".

- Tán: Dưới mười tám hàng kệ tụng chia làm hai: tám hàng đầu tụng bên tùy hỷ, mười hàng sau tụng chánh tùy hỷ. Đây là phần đầu có ba: hai hàng tụng nêu tùy hỷ, tiếp năm hàng tụng so sánh, sau một hàng tụng kết thành.

- Kinh: "Xoay vần nghe như thế cho đến thường từ trong miệng ra".

- Tán: Dưới mười hàng tụng chánh tùy hỷ chia làm năm, đây có hai: Một hàng tụng nói chung người đầu tùy hỷ, năm hàng tụng thọ giáo đến nghe tùy hỷ.

- Kinh: "Nếu cố đến tăng phường cho đến phước đó chẳng lường được".

- Tán: Đây có ba: hai hàng tụng lắng nghe tùy hỷ, một hàng tụng khuyến lắng nghe chia chỗ ngồi tùy hỷ, một hàng cuối tụng nêu kém thành hơn.

PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Phẩm này chia thành ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có ba:

1. Sáu phẩm nêu người năng hành, trong đó trước nêu phước của người bên năng tu hành, chưa nêu phước pháp Sư chánh năng hành. Nay chính nêu cho nên có phẩm này.

2. Dưới hai phẩm nêu rõ chánh y hành phước quả nhiều ít. Trong đây phẩm đầu nói chung đắc nhiều ít, phẩm sau dẫn đã chứng thành đắc cho nên có phẩm này.

3. Luận giải pháp lực có năm: thứ năm đọc tụng trì nói hạng Bồ-tát Thường Tinh tấn thị hiện, phẩm này Phật bảo Thường Tinh Tấn cho đến công đức của người trì nói cho đến nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Y pháp tu hành đáng làm khuôn phép nên gọi là Pháp Sư, chỉ người năng hành chẳng phải pháp sở hành, phẩm này nêu rõ công đức pháp Sư cho nên gọi là phẩm Pháp Sư công đức.

III. Giải đáp các vấn nạn: Hỏi: Vì sao phẩm Pháp Sư trước Đức Phật bảo Dược vương, phẩm Hiện bảo tháp, Thiên Thọ bảo các Bồ-tát và trời người bốn chúng, phẩm An lạc Hạnh bảo riêng Văn-thù, phẩm Như-lai Tuổi thọ, Phân biệt công đức, Tùy hỷ công đức bảo riêng Di-lặc, phẩm Pháp Sư công đức lại bảo riêng Thường Tinh Tấn, mà không bảo các vị khác?

Đáp: Phẩm Pháp Sư nêu rõ nhân pháp hai Sư, phẩm Dược vương quá khứ không tiếc thân mạng để mở rộng kinh này, dùng pháp làm thầy thân làm pháp Sư, vì vậy nên bảo riêng, Bảo tháp pháp chứng, Thiên Thọ nhân chứng khuyên bày mọi người, là bảo chung. Phẩm An lạc hạnh nói lìa thương tổn ba nghiệp hành thiện, Văn-thù thường khuyên tu hành phần nhiều làm bạn lành của vì chúng sanh, tự mình cũng lấy hạnh làm đầu nên bảo riêng Văn-thù. Phẩm Tuổi thọ nêu rõ tam Phật Bồ-đề, phẩm Phân biệt công đức nêu rõ đạo chứng tiến dần, phẩm tùy Hỷ công đức so sánh khuyên bày mong cầu Quả Phật, tự mình địa vị chẳng ngang bằng chánh giác trí dần lên đại thánh, do đâu biết chân thật hóa mầu nhiệm sâu xa quán sát viên chứng đạo đức cho nên ba phẩm này bảo riêng Di-lặc, một phẩm này cũng hợp bảo lấy Thường

Tinh tấn đặt tên danh hạnh phù hợp nên chỉ bảo riêng. Thật hành hạnh mầu của năm thứ Pháp Sư đạt được sáu ngàn thắng đức, chẳng phải tự mình hành tu thành trọn kiếp, cũng chẳng phải thường tinh tấn mà không thể chứng. Há do biếng nhác buông lung mà được thành! Vì vậy bảo riêng Bồ-tát Thường Tinh Tấn.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến hoặc biên chép".

- Tán: Văn chia làm ba: 1. Bảo tu hành Pháp Sư sai khác, kế hiển sở đắc công đức nhiều ít, sau hiển quả dụng thù thắng của sáu căn. Đây là phần đầu. Căn cứ thật pháp Sư tổng có mười hạng, đây nói lược năm: 1. Trì. 2. Đọc. 3. Tụng. 4. Nói. 5. Viết chép. Ngoài ra cúng dường, thí cho người, lắng nghe, tư duy, tu tập, cũng đều là Pháp Sư. Ba hạng đầu dễ nên không luận, hai hạng sau cùng khó nên không nói. Năm hạng giữa khó, dễ nên nói.

- Kinh: "Người ấy sẽ được cho đến đều được thanh tịnh"

- Tán: Đây là nói lên sở đắc công đức nhiều ít. Trước biện rõ sau kết. Xưa có hai giải thích:

1. Nói thập thiện làm gốc, một thiện đều có chín thiện trợ giúp thành, đều thành mười hạnh, mười hạnh đều có tự tác, giáo tha, khen ngợi pháp thù thắng và khen ngợi người hành thập thiện, hợp thành bốn trăm. bốn thứ này đều có thượng trung hạ tu hợp thành một ngàn hai trăm. Nhĩ, thiệt, ý ba thứ: Lắng nghe, đàm nói, tâm đắc pháp nghĩa, lực tu hành thù thắng đầy đủ ba phẩm đều có một ngàn hai trăm. Còn ba căn kia kém đều không có thượng phẩm nên chỉ có tám trăm. Nếu y thập thiện làm đầu tu thành đức này, các kinh khác cũng vậy, công đức sáu căn cũng nên như vậy đâu chỉ riêng kinh này.

2. Nói lục căn đều có một ngàn phước, mỗi phước đều dùng mười thiện trang nghiêm, hợp thành một ngàn cùng với sáu căn hợp đây tổng có sáu ngàn, ba căn thù thắng hơn nên tăng được hai trăm, ba căn yếu nên đều giảm hai trăm. Xưa giải thích dẫn chánh Pháp Hoa và luận Trang Nghiêm sáu phẩm đều có một ngàn thì ba thứ nhãn, tỷ, thân đều cùng hai trăm thì số đó giải thích thế nào? Lại nói hai trăm phước: Là quả từ nhân Thập thiện cảm, nay lấy nhân trợ giúp mà chưa thấy lý do.

Nay chánh giải: Trong luận này chỉ nói ba căn đều là một ngàn hai trăm, còn lại ba thứ đều có tám trăm không được đem luận Trang nghiêm sánh giống kinh này. Lại chưa xét kỹ hai văn kia nay tạm làm bốn giải thích:

Ở trong kinh này tu mười hành pháp: 1. Viết chép. 2. Cúng dường.

3. Thí cho người khác. 4. Lắng nghe. 5. Đọc tụng. 6. Thọ trì. 7. Khai diễn. 8. Phúng tụng. 9. Tư duy. 10. Tu tập. Trong mười thứ này mỗi mỗi tương tợ nhau chuyển thành một trăm hành. một trăm hành đều có bốn, tự tác, giáo tha, khen khuyên, vui an ổn, hợp thành bốn trăm, mỗi trăm có ba phẩm mà tu tập thành một ngàn hai trăm, ba căn thù thắng đầy đủ một ngàn hai trăm, ba căn yếu kém nên không có thượng phẩm đều chỉ tám trăm.

Nhân mười hành pháp trong kinh này, mỗi mỗi đều dùng mười thiện trợ giúp nhau như vậy mười lần mười thành một trăm, tự tác, giáo tha, khen khuyên, vui an ủi hợp thành bốn trăm, ba phẩm tu tập nhân thành một ngàn hai trăm ba căn hơn kém, tăng, giảm giống như trước nói. Kinh này vì thắng diệu nên thành công đức khác không như vậy cho nên không có đức đây, các kinh khác không như vậy cho nên không có đức đây. Văn này lược nên nói năm hạng pháp Sư, sự thật có mười: Mỗi mỗi làm đầu, hành vi ác còn lại trợ giúp thành đều thâu hoạch đức. Lại y kinh này lục căn đều chỉ nói năm pháp Sư chẳng phải mười hạng, nay có hai giải thích:

1. Nói năm vị Pháp Sư đây mỗi một vị gồm tu mười thiện tức thành năm mươi hợp với tự tác, giáo tha khen khuyên, vui an ủi, tức thành hai trăm, mỗi mỗi căn môn tuy đều là hai trăm mà nhãn, tỷ, thân kém đều có ba căn nhĩ, thiệt, ý này trợ giúp vì tự loại không giúp nhau nên căn bản thành tám trăm, nhĩ thiệt ý hơn vì năng dẫn ba căn trợ giúp, cho nên nhĩ thiệt ý thành một ngàn hai trăm.

2. Nói chưa thấy văn nói không thể hư bói: Kinh nói: Do công đức ấy trang nghiêm lục căn đều khiến thanh tịnh. Luận chép: Các phàm phu nhờ lực kinh mà được căn dụng thù thắng chưa nhập vị sơ địa. Như Kinh nói dùng mắt thịt do cha mẹ sanh ra, thấy nơi tam thiên đại thiên thế giới như vậy cho đến cho nên có giải thích ở Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, chẳng phải như thập tín lực còn yếu. Nay giải thích chỉ ở tứ gốc lành, dùng mắt thịt kia thấy đại thiên, ở phần vị giải thoát chưa thể như vậy. Phần vị giải thoát thấy hóa Phật ở một châu. Quyết trạch phần vị thấy hóa Phật ở đại thiên. Tức như Kinh nói: Tam thiên đại thiên một cảnh hóa Phật. Cho nên biết Quyết trạch phần mới thấy đại thiên giới. Nếu không vậy thì một cảnh hóa Phật nói phần vị nào thấy? Luận chép: Lại lục căn thanh tịnh ở trong mỗi một căn thảy đều đầy đủ thấy sắc, nghe tiếng, biết hương vị xúc cho đến các căn xử dụng lẫn nhau. Mắt thấy là nghe hương có thể biết. Như Kinh nói Thích-đề-hoàn-nhân ở trên thắng điện ngồi ở trên điện này vui đùa ngũ dục, như

sắc đáng lẻ mắt thấy mà mũi có thể biết được, cho đến nói pháp nghe hương đều biết, đây là cảnh trí mà tỷ căn biết. Nói pháp lẻ ra trí biết mà tỷ căn biết, đây có hai nghĩa:

1. Các căn dùng lẫn nhau chỉ tại ở Thập địa. Duy Thức cho đến nói: Đắc vị tự tại các căn dùng lẫn nhau, một căn phát thức duyên tất cả cảnh, cho nên chẳng phải địa tiền có thể gọi là tự tại các căn dùng lẫn nhau. Trước kia nói thấy nghe đại thiên là chung cả Địa tiền vị, Sơ địa trở lên thấy trăm thế giới, không phải chỉ có Tam thiên. Lại sơ địa trở lên rộng thấy một trăm Tam thiên đại thiên, căn cứ một cảnh hóa Phật tạm nói thấy đại thiên đối lý không sai.

2. Các căn dùng lẫn nhau đắc đại tự tại chỉ ở Thập địa đó là Duy Thức nói. Nếu năng lực gia hạnh phần cũng được, Địa tiền cũng được. Cho nên luận này đây nói địa tiền được thì nói ở, phàm phu vị. Nếu chung nói dùng lẫn nhau như văn dưới thì phàm phu trước đắc các công đức trước, nay sơ địa trở lên các căn dùng lẫn nhau cho nên chẳng phải Địa tiền mà các căn được xử dụng hổ tương lẫn nhau .

- Kinh: “Người thiện nam cho đến thảy đều thấy biết”.

- Tán: Dưới đoạn thứ ba biệt hiển tác dụng thù thắng của sáu căn. Trước nói về mặt văn xuôi có ba:

1. “Mắt thịt chẳng thông v.v...” đều y theo đây mà biết.

2. Sở kiến xa gần.

3. Thấy nghiệp báo.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến sức mắt thịt như thế”.

- Tán: Đây có năm hàng tụng chia làm bốn: Một hàng bảo lắng nghe, hai hàng nói gần xa, một hàng nó số, một hàng nêu chúng sanh và kết. Giáo Tiểu thừa nói Nhị thừa mắt trời thấy đại thiên, nay nói lực trì kinh, mắt phàm phu thấy đại thiên, sơ địa Bồ-tát thấy một trăm đại thiên thế giới, công đức của sáu căn nhiều ít khác nhau, mà sở đắc cảnh giới đại thiên không sai khác, tu nhân hơn kém quả đức khác nhau, thức dụng không sai đại thiên đều đồng. Lại đức là bên trong thành do nhân thêm bớt, cảnh là một hóa ngoài chấp lượng đồng, chỉ như Nhị thừa bên chấp liền có hai ngàn ba ngàn, túc mạng mắt trời biết quá vị đều thành tám muôn. Lại như sơ địa mắt trời thấy trăm đại thiên, hơn Nhị thừa. Túc mạng sanh tử chỉ biết trăm kiếp kém thua Nhị thừa cho đến không thể theo lệ chắc chắn.

- Kinh: “Lại nữa Thường Tinh Tấn cho đến mà không hoại nhĩ căn”.

- Tán: Nhĩ căn, văn xuôi có bốn:

1. Đức lượng.

2. Cảnh lượng.

3. Nghe sai khác.

4. Kết nghĩa thù thắng.

Sai khác có bảy loại: 1. Mười hai âm thanh, tạp, 2. mười hai âm thanh tức sáu cặp đối, 3. Tiếng tam tai, 4. ba tiếng đường ác, 5. tám âm thanh Bát bộ, 6. hai âm thanh xuất gia, 7. Tiếng bốn Thánh nhân. Bồ-tát Địa nói: Thắng giải hành vị, vì là Bồ-tát Tu-lâu, không linh nghiệm, dùng chú thuật đều linh nghiệm, lục căn thanh tịnh ắt tại Địa tiền trên vị phàm phu, chẳng phải hạ trung.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến cả tiếng cõi tam thiên".

- Tán: Đây có mười tám hàng kệ chia làm ba: một hàng nêu, tiếp mười bốn hàng tụng trên, sau ba hàng kết thắng. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Tiếng voi ngựa trâu xe cho đến nghe đều hiểu rõ được".

- Tán: Tụng trên có mười bốn hàng chia làm bốn: Đầu tám hàng tụng tiếng cõi Dục, tiếp một hàng rưỡi tụng tiếng cõi Sắc, tiếp một rưỡi tụng tiếng người xuất gia, sau ba hàng tụng tiếng Hiền Thánh. Trong mười phương thế giới âm thanh loài cầm thú, là căn cứ mười phương tứ thiên hạ thế giới trong một cõi Tam thiên chẳng phải số đại thiên giới làm mười phương. Lại đắc tam thiên là tai phàm phu, đây là Thập địa cho đến Phật vị cho nên đắc mười phương cũng không trái nhau.

- Kinh: "Cõi Tam thiên đại thiên cho đến công đức đã như vậy".

- Tán: Đây là kết thúc nghĩa cao siêu.

- Kinh: "Lại Thường Tinh Tấn cho đến các thứ mùi".

- Tán: Nói về Tỷ căn. Văn xuôi có bốn, trong đây có hai: Đức lượng và cảnh lượng, trên dưới đã xa làm sao có thể biết! Nếu căn xa biết không đến lấy thì hoại căn không hoại cảnh, nếu đến năng lấy đâu phải tất cả hương đều đến nơi căn ư! Luận nói đây là trí cảnh tỷ căn biết. Định trí xa biết nương theo tỷ căn thọ nhận nên gọi là nghe hương, chẳng phải tỷ thật năng lìa mà thọ nhận cảnh lại các căn dùng lẫn nhau tỷ còn thấy sắc, huống chi y trí nhãn nhĩ không nhận được hương đại thiên ư! Được mùi tương tợ, chẳng phải được thể thật, chấp nhận lìa căn mà nhận thì tánh cảnh thể hoại.

- Kinh: "Mùi bông Tu-mạn-na cho đến ghi nhớ không lầm".

- Tán: Trong đây có hai: Thứ ba sai khác và thứ tư kết thành. "Tuy nghe mùi này cho đến" là sai khác có hai: Phàm và Thánh. Trong phàm lại có hai: Trước cõi Dục, sau cõi Sắc. Lục giới lại có hai: Trước phi thiên sau thiên. Phi thiên có hai: 1. Cảnh vật. 2. Sanh thân. Thiên

cũng có hai: Cảnh vật và thân các vị trời. Cõi Sắc làm sao có hương, đây thông quả hương chẳng phải nghiệp quả. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tỷ căn Bồ-tát nghe hương cung điện Cõi Vô sắc, đây căn cứ y hình thông lực biến ra, kia căn cứ tợ hình định lực biến ra cho nên không trái nhau. Nhưng Du-già nói: Thắng định quả sắc phải biết chỉ có các tướng hiển sắc, do mùi hương kia sanh nhân thiếu khuyết. Lại vô dụng ấy là nương gá cõi Sắc làm bổn chất của định, biến định cảnh tức không có hương vị, y cảnh dục có. Lại gia hạnh tâm kém sanh nhân thiếu sót không có, nhân mạnh thì có, Bồ-tát có Nhị thừa không có, Thánh nhân có phàm phu không có, đệ tử Phật có, ngoại đạo không có vì yếu kém. Nhưng Du-già nói: Thắng định quả sắc đối tất cả sắc đều được tự tại, cho nên biết định quả thông biến tất cả.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến trước đắc tướng tỷ này".

- Tán: Đây ba mươi hàng tụng chia làm ba: một hàng đầu là nêu, kế hai mươi tám hàng tụng trên, sau một hàng tụng kết. Hai mươi tám hàng tụng trên chia làm hai: Hai mươi ba hàng tụng mùi phàm, sau năm hàng tụng mùi Thánh. Phàm lại có hai: hai mươi mốt hàng tụng mùi Cõi Dục, sau hai hàng tụng mùi cõi Sắc. Mùi Cõi Dục chia làm hai: bảy hàng lược nêu mùi trời người, sau mười bốn hàng rộng nêu mùi trời người. bảy hàng đầu lại có hai: năm hàng lược tụng cảnh vật trong loài người và mùi chúng sanh, sau hai hàng lược tụng chúng sanh trong cảnh trời và mùi cảnh vật. mười bốn hàng rộng tụng các mùi chia làm hai: chín hàng tụng mùi trong loài người, năm hàng sau tụng mùi trong loài trời. Mùi trong loài người có ba: hai hàng đầu tụng mùi cảnh vật, tiếp năm hàng tụng mùi chúng sanh, sau hai hàng tụng mùi ẩn dấu. Trong năm hàng tụng mùi chúng sanh. Hai hàng đầu tụng mùi hiện sanh, sau ba hàng tụng mùi ẩn sanh. Trong năm hàng tụng mùi ở cõi trời chia làm bốn: một hàng Hoa hai hàng cung điện, một hàng tụng trời, một hàng tụng hý. Trong năm hàng tụng Thánh chia làm bốn: hai hàng tụng Tỳ-kheo, một hàng tụng Bồ-tát, một hàng tụng Phật, một hàng tụng chúng sanh.

- Kinh: "Lại Thường Tinh Tấn cho đến không món nào chẳng ngon".

- Tán: Nói về căn lưỡi. Văn xuôi có ba:

1. Đức lượng.

2. Căn dụng.

3. Công dụng đầy đủ lưỡi.

Đây là hai phần đầu, đây không có cảnh lượng, vì sao khác nhau

tỷ căn mà có thể biết tam thiên? Đã không năng biết làm sao công đức thành một ngàn hai trăm! Thiệt căn cũng được nếm vị tam thiên giới, chỉ vì tụng văn nói công dụng đầy đủ lưỡi, âm thanh trùm khắp đại thiên cho nên không nói nếm vị, hương lìa chất mà có thể có, vị lìa chất mà lại không, cho nên không nói đắc vị tam thiên giới. Trong kinh cũng nói Phật có tỷ thiệt thông quá mắt tai.

- Kinh: "Nếu dùng thiệt căn cho đến tiếng pháp sâu mầu".

- Tán: Công dụng đầy đủ lưỡi chia làm năm:

1. Khéo nói pháp.
2. Nhiều chúng đến nghe.
3. Được cúng dường.
4. Thân gần Hiền Thánh.
5. Ủng hộ nói pháp.

Nhiều chúng đến nghe có ba: 1. Trời. 2. Rồng v.v... 3. Bốn chúng đến nghe.

- Kinh: "Khi đó Đức Thế tôn cho đến hoặc lúc vì hiện thân".

- Tán: Dưới tám hàng rưỡi tụng chia làm hai: một hàng tụng thiệt căn dụng, bảy hàng rưỡi tụng cụ dụng đầy đủ của lưỡi. Đây chia làm bốn: một hàng rưỡi tụng khéo nói pháp, ba hàng tụng chúng đến nghe, một hàng tụng cúng dường, hai hàng tụng thánh hiền che chở.

- Kinh: "Lãi nữa Thường Tinh Tấn cho đến hiện sắc tượng ở trong thân".

- Tán: Nói về thân căn. Văn xuôi có bốn:

1. Đức lượng.
2. Hỷ lượng.
3. Cảnh lượng.
4. Sai khác.

Sai khác có ba: 1. Khí thế giới. 2. Thượng hạ. 3. Hiền thánh.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến tất cả hiện trong đó".

- Tán: bảy hàng rưỡi tụng chia làm năm: một hàng tụng ưa thấy, một hàng rưỡi tụng riêng thấy, một hàng rưỡi tụng cảnh lượng, hai hàng rưỡi hàng tụng sai khác, sau một hàng tụng kết nghĩa thù thắng. Sai khác có hai: Một hàng rưỡi tụng cảnh, một hàng tụng Hiền Thánh.

- Kinh: "Lại nữa Thường Tinh Tấn cho đến Đức Phật nói trong kinh".

- Tán: Nói về ý căn. Văn truyền hàng có bảy:

1. Đức lượng.
2. Xa rộng.

3. Vô cùng.
4. Thuận lý.
5. Cảnh lượng.
6. Hiển thắng.
7. Chân thật.

Trong vô cùng nói một tháng bốn tháng cho đến lại nêu thời gian tháng, các cảnh giới sở thủ, sở hành của tâm sai khác, các hành tướng tam tánh động tác tâm sở, tâm sở hý luận ngôn nói phân biệt các pháp tánh, hoặc thân ngữ ý như thứ lớp phối hợp.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến đồng thời thảy đều biết”.

- Tán: Dưới mười một hàng tụng chia làm năm, trong đây có ba: một hàng rưỡi đầu tụng xa rộng, nửa hàng tụng vô cùng, hai hàng tụng sai khác.

- Kinh: “Vô số Phật mười phương cho đến ở trong chúng không sợ”.

- Tán: Thứ tư, có bốn hàng tụng, tụng chân thật chia làm bốn: một hàng tụng năng trì, một hàng tụng không quên, một hàng tụng như nói, một hàng tụng không sợ.

- Kinh: “Người trì kinh Pháp Hoa cho đến bởi trì kinh Pháp Hoa”.

- Tán: Thứ năm, có ba hàng tụng hiển thắng chia làm ba: một hàng tụng hiển thắng, một hàng tụng hỷ kính, một hàng tụng về khéo nói. Sợ văn rườm rà, phần lớn chọn lọc, phán xét, cùng với Văn xuôi biệt ứng đều phối hợp biết rõ.

PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp vấn nạn.

I. Vì sao có bốn:

1. Người năng học hạnh tuy có sáu phẩm chia làm bốn đoạn, mà đây là thứ tư nêu rõ tự thân Phật ở nhân vị xưa hành an lạc hạnh, tu nhẫn nhục cho đến lưu thông kinh này, sẽ được an lạc, nay nói kinh này khuyến khích thời hội cho nên có phẩm này.

2. Trong ba phẩm nêu rõ trong quả chưa mãn, trước nói hành đắc lục căn thanh tịnh chưa biết đắc thật là ai? Nay nói tự thân xưa hành hạnh kia đắc sáu căn thanh tịnh, để khuyến khích đương thời chúng hội cho nên có phẩm này.

3. Muốn nói lên thực hành hạnh an lạc uy thế không gì sánh, ta làm Bất khinh thực hành hạnh an vui chúng sanh lúc bấy giờ làm tổn hại ta, ban đầu tuy chịu khổ, ngược lại do sức ta họ đều đắc Phật đạo, huống chi tự thân thực hành mà không thành Phật ư! Nay nói lý đây do lợi ích cho chúng hội đường thời nên có phẩm này.

4. Luận nói trong sáu thứ thọ ký, ở đây nói đầy đủ về nhân Bồ-tát thọ ký cho có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Thường là hằng, Bất Khinh là cung kính, xem bốn chúng khác đầy đủ nhân Phật tánh, khuyên người khác tu hành sẽ được thành Phật, ba nghiệp thường cung kính nên gọi là Thường Bất Khinh.

III. Giải đáp vấn nạn: Hỏi: Vì sao phẩm này bảo riêng Đắc Đại Thế! Vì muốn hiển rõ oai thần của Kinh năng khiến thuận tu hành sau được thành Phật, người ác trái nghịch kinh cũng có thể mau bạt trừ khổ kia cho nên chỉ bảo Đắc Đại Thế mà không bảo các vị khác.

Hỏi: Phẩm này cũng nói Đức Phật Oai Âm vương vì sao chỉ đặt tên Bất Khinh ư?

Đáp: Đức Phật nhân Bất Khinh mà nói chứ chẳng phải chánh nêu.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến Thân ý thanh tịnh".
- Tán: Phẩm văn chia làm bốn:

1.Trình bày trước trái thuận sanh tội phước để chỉ bày mọi người.

2. Hiển bày riêng đối tướng người nói kinh trì kinh người trái

thuận.

3. Kết hợp xưa nay để chỉ bày tướng trái thuận của mọi người.

4. Kết khuyên mọi người trừ trái hành thuận. Đây là phần đầu. Tội như phẩm Thí dụ ở trước nói, công đức như thứ lớp phẩm trước.

- Kinh: "Đắc Đại Thế cho đến đều đồng một hiệu".

- Tán: Thứ hai là hiển bày riêng đối với người nói kinh, người trái thuận có ba: Trước nêu thời gian. Kế nêu gặp Phật, sau hiển tướng trái thuận của người năng hành. Đây là hai phần đầu. Trong gặp Phật có hai:

1. Sơ Phật.

2. Hậu Phật.

Sơ Phật có sáu: a. Danh. b. Kiếp. c. Quốc. d. Nói pháp. e. Trú tuổi thọ. f. Niết-bàn. Chư Phật đồng tên Oai Âm Vương hiển nói Pháp Hoa âm thanh như vương tôn quí thù thắng, có uy lực lớn năng khiến chúng sanh đạt được lợi lạc, tức Thường sở đắc của Bất Khinh khi qua đời, Kinh Pháp Hoa này rộng làm lợi ích.

- Kinh: "Đức Phật Oai âm vương đầu hết cho đến có thế lực lớn".

- Tán: Dưới hiển tướng người năng hành trái, thuận, trong đó có tám:

1. Người ác thế lực mạnh lớn.

2. Thiện sĩ thêm siêng năng.

3. Nói năng thêm năng nhẫn.

4. Thân hại năng nhẫn.

5. Danh tốt đã sanh khởi.

6. Thắng quả liền sanh.

7. Người ác nghe theo sự giáo hóa.

8. Thiện sĩ tăng đạo. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ có vị Bồ-tát cho đến sẽ được thành Phật".

- Tán: Thiện sĩ thêm siêng năng có ba:

1. Nêu danh.

2. Giải thích danh.

3. Nói về hành.

"Mà vị Tỳ-kheo đó cho đến" Bồ-tát Tỳ-kheo hiển bày Bồ-tát mà chẳng phải Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo chẳng phải Bồ-tát, đều không phải hạnh này, đầu không thể quái lạ sau không thể phạm giới. Tôi rất kính quí ngài chẳng dám khinh mạn, là do có Bổn tánh Phật trú nơi chủng tánh, đây là kính báo thân Như-lai tạng, đều tu hành đạo Bồ-tát sẽ

được thành Phật, là do có chủng tánh, hoặc khởi tập tánh phát tâm tu hành ắt sẽ thành Phật. Lại y pháp thân Như-lai tạng nên tất cả đều có "tôi rất kính ngài". Nếu hành Bồ-tát đạo phát khởi tu tập báo thân Như-lai tạng sẽ được thành Phật. Kinh Vô úy Đức Nữ nói: Bồ-tát vì độ các chúng sanh kiêu mạn sân não v.v... khiến họ sanh khởi tâm hồi hướng, lại vì gốc lành của chúng sanh nên Bồ-tát lễ bái chúng sanh.

Hỏi: Đây là phần đầu bốn chúng phàm gặp đều lễ bái, lễ bái Tỳ-kheo ni và người tại gia có phạm hay không?

Đáp: Tỳ-kheo Bồ-tát không làm lễ như vậy, lễ thì phạm nay làm lễ sở dĩ không phạm là do Bồ-tát đối với tánh tội thì trì, già tội thì phạm, khuyên lợi ích lớn. Nếu chỉ Tỳ-kheo chẳng phải Bồ-tát lễ thì phạm không lễ không phạm. Lại lễ bốn chúng mà không phạm, lễ riêng một vị thì thiếu sót. Lại kính Phật tánh chẳng lễ bái thân, đã không chuyên đọc tụng cũng không chuyên lễ bái bao gồm hai việc. Tỳ-kheo tân học lễ dưới chân Duy Ma, chưa có hiểu biết nên chẳng phải cựu học. Nhưng có chỗ giải thích Tỳ-kheo này không hành đọc tụng chỉ làm lễ bái, nếu vậy nên nói không đọc tụng kinh đâu dùng chữ chuyên, cho nên biết không chuyên đọc tụng cũng không chỉ hành lễ bái là ý ở đây.

- Kinh: "Trong bốn chúng cho đến ông sẽ thành Phật".

- Tán: Lời nói thêm năng nhẫn, đầu nói thêm sau năng nhẫn.

- Kinh: "Lúc nói lời đó cho đến vì Thường Bất Khinh".

- Tán: Thứ tư: Thân hại năng thọ, thứ năm, thiện danh đã sanh khởi, trên đây chính là vị Bốn mươi tâm.

- Kinh: "Vị Tỳ-kheo đó cho đến nói Kinh Pháp Hoa".

- Tán: Thứ sáu: Thắng quả liền sanh có ba:

1. Nghe pháp năng trì.

2. Sáu căn thanh tịnh.

3. Tăng tuổi thọ nói pháp.

Nếu Thường Bất Khinh không trước ở trong đời tượng pháp đọc Kinh Pháp Hoa thì đâu được khi qua đời liền có nghe năng trì trước không tu nhân quả thì làm sao sanh khởi, đã trước từng lễ bái là vị bốn mươi tâm, nghe pháp căn tịnh địa vị tứ gốc lành, tăng tuổi thọ nên đắc đại thiện tịch dần dần thực hành lý quán quán chân lý.

- Kinh: "Lúc đó các vị tăng thượng mạn cho đến chánh đẳng chánh giác".

- Tán: Thứ bảy:Người ác được hóa độ, có hai:

1. Người ác theo hóa.

2. Sở hóa chuyển nhiều.

Năng lực thần thông lực tăng thọ căn tịnh, nhạo nói biện lực nhớ kệ nói pháp năng lực, đại thiện tịch dần thành đế quán nghe pháp hiểu giải lý.

- Kinh: "Sau khi mạng chung cho đến tâm không sợ sệt".

- Tán: Thứ tám: Thiện sĩ tăng đạo có năm, văn này có bốn:

1. Gặp Phật nói pháp.

2. Gặp Phật trì tụng - hai hạng này tại phàm vị tứ thập tâm, do như đây.

3. Đắc lục căn thường tịnh, liền nhập sơ địa.

4. Trừ năm sự sợ hãi đắc bốn vô úy, cho nên biết thường được sáu căn thanh tịnh.

Trong nhập sơ địa Bồ-tát đúng lý nên trú trong sanh tử để giáo hóa chúng sanh. Thường gặp Phật chưa nhập Thập địa, không gặp Chư Phật như thuyền bị phá lủng, tự không thể vượt qua đâu có thể độ người. Như đổ ít nước nóng xuống ao lớn bị đóng tuyết lớn dù có tan chảy chút ít mà sau lại tích thành băng, phiền não chưa lìa không gặp Phật lợi sanh cũng vậy, cho nên tăng tự hành ắt sẽ gặp Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói trong Thập địa: Bồ-tát ấy đắc vui mừng địa, chỗ có sợ hãi ắt đều xa lìa, tức là: Sợ không sống, sợ danh tiếng xấu, sợ chết, sợ đọa đường ác, sợ uy đức đại chúng Vì sao? Bồ-tát ấy lìa ngã tướng nên không tham tiếc thân huống chi dụng vật cho nên Bồ-tát không sợ không sống. Tâm không hy vọng cung kính cúng dường, Ta nên cúng dường tất cả chúng sanh cung cấp vật cần dùng, vì vậy cho nên Bồ-tát không sợ tên xấu. Xa lìa ngã kiến không có ngã tướng cho nên không có sợ chết. Lại suy nghĩ rằng ta nếu chết rồi sanh sẽ thấy Chư Phật Bồ-tát cho nên không có sợ đọa đường ác, chí nguyện với ta không bằng huống chi có hơn vì vậy cho nên không sợ đại chúng uy đức.

Nếu y luận giải thích vô úy có hai: 1. Bồ-tát vô sở úy. 2. Phật vô sở úy. Phật vô sở úy là chánh đẳng giác đẳng, nay là Bồ-tát vô sở úy. Không sợ đầu là một vì chúng sanh nói pháp vô sở úy, tất cả người nghe năng trì đắc Đà-la-ni thường nhớ nghĩ không quên, ba không sợ sau đều gọi là ở trong đại chúng nói pháp vô sở úy. 1. Biết tất cả chúng sanh dục giải. Nhân duyên, các căn lợi độn tùy theo sự thích ứng mà vì nói pháp. 2. Không thấy mười phương có đến hỏi nạn vấn khiến ta không thể như pháp đáp, không thấy có chút ít tùy theo như vậy. 3. Tất cả chúng sanh nghe thọ vấn nạn, tùy ý như pháp khéo léo giải quyết đoán tất cả nghi, lìa năm sự sợ hãi trước được bốn món vô úy nhập sơ địa, sau nhập bát địa mới lìa nhân sợ hãi.

- Kinh: "Đắc Đại Thế cho đến sẽ được thành Phật".

- Tán: Thứ năm duyên tu đạo mãn nhập các địa, sau lại được thấy Phật nói kinh điển này.

- Kinh: "Đắc Đại Thế cho đến chánh đẳng chánh giác".

- Tán: Dưới đoạn thứ ba kết hợp xưa nay để chỉ bày tướng trái thuận của mọi người chia làm hai: Đầu hội Bất Khinh, sau hội bốn chúng. Đây là phần đầu có hai: Đầu hợp thân sau hợp pháp.

- Kinh: "Đắc Đại Thế cho đến đều bất lui sụt".

- Tán: Đây hợp bốn chúng có ba: Trước hợp quả đầu tiên hành hành vi ác, sau hợp quả giữa đường theo hóa. "Hết tội đó rồi cho đến," sau hợp chúng xưa nay.

Hỏi: Thiện hiện Thanh-văn còn trụ hạnh vô tránh muốn hộ chúng sanh mà làm lợi ích vì sao Bồ-tát mạnh thọ ký bốn chúng khiến kia đánh mắng chiêu cảm tội báo?

Đáp: Bồ-tát địa nói: Bồ-tát thường dùng sự an ổn giáo hóa chúng sanh, chẳng phải vui an ổn như thật biết, mà tùy lực phương tiện giáo khiến đoạn, trừ. Nếu đầu khổ sau vui an, thì kia tuy ưu phiền khổ não cũng vì làm lợi ích, tức là Bồ-tát y khéo léo phương tiện, hoặc đầu tuy vui mà sau không an, kia tuy khổ não cũng không muốn bỏ, dùng sức phương tiện làm cho dứt trừ.

Vì sao? Vì sau ắt vui. Nay Bất Khinh quán xét ban đầu tuy khổ sau lại giáo hóa dẫn dắt khiến nhập đạo. Cho nên đại thầy thuốc xem người bệnh nặng phải trước phát hiện bệnh sau mới cho thuốc khiến lành cũng như người bắt cá khéo nơm cá, người thợ săn khéo săn gấu, biết nhân sân có lợi ích nên làm cho gấu kia sân để độ, biết nhân tham có ích nên làm cho gấu tham mà độ. Như hóa dâm nữ phóng túng rồi sau độ, hàng Nhị thừa không thể vậy cho nên trú vô tránh hiện tuy trừ tránh mà không thể rốt ráo trừ, sự tránh của người một cách. Bồ-tát tự chứng vô tránh chân như dứt trừ nguồn gốc tránh kia, rốt ráo khiến cũng chứng chân lý vô tránh. Trước tuy khởi tránh sau khiến diệt tránh, đó là hành đại vô tránh, khác nhau Nhị thừa hiện tiểu vô tránh, nên không chướng ngại.

- Kinh: "Đắc Đại Thế cho đến biên chép kinh này".

- Tán: Đoạn thứ tư kết khuyên mọi người bỏ trái hành thuận có hai: Lợi ích lớn, của kinh và khuyên lưu thông.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến mau thành Phật đạo".

- Tán: Dưới có mười chín hàng rưỡi kệ tụng ba đoạn sau chia làm ba: mười hàng đầu tụng nói tướng trái thuận người nói kinh, kế ba hàng

rưỡi kết hợp xưa nay để chỉ bày tướng mọi người trái thuận, sáu hàng sau tụng kết khuyên mọi người bỏ trái hành thuận. Đây là phần đầu có hai: một hàng rưỡi tụng gặp Phật, tám hàng rưỡi tụng hành trái thuận. Trong hành trái thuận chia làm năm: ba hàng tụng người ác mạnh thế lực, thiện sĩ tăng siêng năng, tiếp một hàng nói thêm năng nhẫn thân hại năng thọ, kế hai hàng tụng thắng quả liền sanh, tiếp một hàng tụng người ác được hóa độ, sau một hàng rưỡi sau tụng về thiện sĩ tăng đạo, không tụng thiện danh đã sanh khởi. Tội hết rồi: là ác mắng, gia hại càng nặng khiến nhẹ tội nghiệp trước.

- Kinh: "Thuở ấy Thường Bất Khinh cho đến nghe Kinh Pháp Hoa đó".

- Tán: Kết hợp xưa nay chia làm hai: Nửa hàng hợp thân, ba hàng sau hợp chúng.

- Kinh: "Ta ở đời trước cho đến mau chứng thành Phật đạo".

- Tán: Kết khuyên mọi người bỏ trái hành thuận có bốn: hai hàng đầu tụng trước hóa các người, một hàng tụng kinh này khó nghe được, một hàng tụng kinh này ít hiếm khi nói, hai hàng tụng khuyên chớ sanh nghi.

PHẨM NHƯ-LAI THẦN LỰC

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có ba:

1. Trong ba lưu thông, dưới đây tám phẩm là phó thọ lưu thông, chỉ bày tướng phó chúc vâng mệnh hành, cho nên Thần lực, Chúc Lụy, Phó chúc khiến hành, sáu phẩm còn lại tuổi thọ lưu thông phó chúc chia làm hai:

a. Thực hành thần thông khiến tin phó chúc.

b. Dùng tay xoa đầu khiến hành phó chúc.

Nay đây là phần đầu, Phó chúc cho người khác sợ không sanh tín, cho nên tác thần thông phát ra ánh sáng cho đến chỉ bày khiến biết Thế tôn có thần thông rộng lớn, từ lâu không vọng ngữ, phát ra lời nói chắc thật khiến sanh tin hiểu mới dùng lời phó chúc, cho nên có phẩm này.

2. Y trong khoa thứ hai, trên một phẩm đầu là phần tựa, kế mười chín phẩm làm chánh tông xong, từ dưới còn tám phẩm thuộc phần lưu thông. Thần lực, Chúc Lụy, Khuyên tin, Phó trao, sáu phẩm sau vâng mạng lưu thông, thế đồng với trước, dưới không nói lại.

3. Luận nói năng lực tu hành có bảy, thứ hai nói lực có ba thứ pháp môn, trong phẩm thần lực thị hiện nói lên Đức Thế tôn có Thần lực này, năng nói pháp đều là thật không luống dối, khuyên bày chúng sanh nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Phân thân năng tịch đều gọi là Như-lai, diệu dụng vô phương gọi là thần, uy thế năng dẹp trừ gọi là lực. Phân thân đồng Phật đều hiện diệu dụng chẳng thể sánh bằng, uy thế năng trừ dẹp tà kiến không tin để khuyên sanh tin. Phẩm Như-lai Thần lực này rộng nêu rõ nên gọi là Như-lai Thần lực.

III. Giải đáp các vấn nạn: Hỏi: Các Bồ-tát từ đất vọt hiện, Phật từng hóa độ, đâu cần hiện thần thông tin sanh ư? Đáp: Dũng xuất tin từ lâu không cần thần thông, khuyến phát sơ cơ phải hiện thần lực. Lại tin có cạn sâu giao phó có ngặn nhẹ, nếu không hiện thần thông để trao, sợ sự trao còn nhẹ, nếu không lại khiến tin sâu thì kia tin còn cạn, pháp khó mà dễ hành cho nên hiện thần lực.

Hỏi: Vì sao kinh này phó chúc cần phải hiện thần lực, các kinh khác phó chúc không có việc này ư?

Đáp: Kinh này bí mật hội hai thừa về tông, các kinh khác không như vậy nên hiện thần lực.

- Kinh: “Bấy giờ các vị Bồ-tát trong ngàn thế giới cho đến mà cúng dường đó”.

- Tán: Phẩm văn chia làm hai:

1. Bồ-tát từ đất hiện lên thỉnh.

2. Như-lai giao phó.

Đây là phần đầu có hai: Nêu và giải thích. Chẳng những muốn cứu giúp người mà còn tự hành, vì thế thỉnh nên nói, không vậy cũng nói lại là vô dụng. Chân là chân thật, tịnh là ly nhiễm, đại pháp gọi là Nhất thừa thân cung kính, lời giảng nói, thuật tâm ba phen thỉnh.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hiện đại thần lực”.

- Tán: Văn dưới có hai: Văn xuôi và kệ tụng. Trong Văn xuôi lại có hai: Trước hiện thần lực sau nói phó chúc. Văn đầu có bảy:

1. Nêu hiện thần lực.

2. Xuất tướng lưỡi phát ra ánh sáng.

3. Tằng hắng búng ngón tay.

4. Đất đều rung chuyển.

5. Kia thấy qui y.

6. Hiệp lọng thành trướng.

7. Thế giới thông làm một.

Đây là phần đầu. Lược làm ba nghĩa cho nên hiện thần lực:

1. Vì nói lên thắng đức của kinh để khuyên lưu thông, dưới văn xuôi nói Phật bảo Bồ-tát Thượng Hạnh cho đến.

2. Vì vui chúng sanh khiến sanh tín, tức một hàng tụng đầu.

3. Thấy các Bồ-tát phát nguyện lưu thông thuận tâm Chư Phật cho nên hiện thần lực, là tụng thứ tư.

- Kinh: “Xuất bày tướng lưỡi rộng dài cho đến phát ra vô lượng ánh sáng”.

- Tán: Dưới đoạn thứ hai, xuất tướng lưỡi phát ra ánh sáng có ba:

1. Đức Thích-ca xuất tướng lưỡi phóng hào quan.

2. Phân thân Phật xuất tướng phát ra ánh sáng.

3. Nêu thời gian.

Đây là hai phần đầu.

Cổ đức tướng truyền có bảy thần lực:

1. Xuất tướng lưỡi.

2. Phát ra ánh sáng.

3. Tấng hắng.

4. Búng ngón tay.
5. Đất rung chuyển.
6. Hợp phướn lọng.
7. Biến cõi.

Nay gia thêm thành tám, nghĩa là thị hiện, tức khiến phương khác xa thấy nơi đây. Trong sáu thông ban đầu là thần cảnh thông có hai: Năng biến và năng hóa. Năng hóa nghĩa là không mà bỗng nhiên có, nghĩa là hóa thân hóa ngữ hóa cảnh.

Năng biến nghĩa là chuyển đổi chất cũ xưa, đây gọi là mười tám biến:

1. Sấm động, đất sáu thứ động cho đến
2. Xí nhiên: Thân trên xuất nước dưới xuất lửa cho đến
3. Lưu bố: Phát ra ánh sáng dần chiếu khắp xoay chuyển v.v...
4. Thị hiện: Thị hiện các thứ sự vật của các thế giới phương khác đến v.v... khiến các chúng hội thẩy đều xa thấy.
5. Chuyển biến: Chuyển đất thành vàng, nước thành sữa cho đến
6. Vãng lai: Ở tất cả mọi nơi chuyển thân qua lại tự tại không ngăn ngại.
7. có vào.
8. Duỗi ra. Có khả năng co lớn vào nhỏ, duỗi nhỏ thành lớn, nhét một hạt cải núi Tu-di, triển chuyển một sợi lông khắp nơi pháp giới v.v...
9. Muôn tượng nhập thân, năng dùng các thế giới nhập vào trong sợi lỗ chân lông của thân cho đến
10. Đồng loại cùng đến, ứng vật hiện hình vì nói diệu pháp, xong việc lại ẩn mất khiến không thấy biết.
11. Hiển.
12. Ẩn: Trong đại chúng ẩn mất tự thân lại khiến hiển hiện.
13. Sở tác tự tại: Nghĩa là chuyển hữu tình khiến kia qua lại và tự thân cho đến nói năng im lặng, tất cả đều được tự tại.
14. Chế ngự thần thông khác: Nghĩa là Phật, Nhị thừa, Bồ-tát Thánh phàm, theo thứ bậc dần đều năng chế hục các hiện thần thông ở vị dưới.
15. Năng thí biện tài thí bảy, bốn biện tài.
16. Năng thí ức niệm: Đối với pháp thất niệm năng thí ức niệm.
17. Năng thí an lạc: Vì nói pháp cho đến cứu trừ nguy hiểm tật dịch tai hoạ, được các sự an lạc.
18. Phát ra ánh sáng minh lớn: Năng phóng một luồng ánh sáng

chiếu sáng vô lượng cõi nước làm sự lợi lớn.

Phẩm này có tám thần lực:

1. Xuất tướng lưỡi là thứ tám duỗi ra.

2. Phát ra ánh sáng là thứ mười tám phát ra ánh sáng rực rỡ.

3. Tằng hắng đây tức năng hóa, không mà bỗng có cho nên chẳng phải mười tám biến; hoặc đây.

4. Búng ngón tay là thứ mười ba sở tác tự lại.

5. Đất động là thứ một rung chuyển,

6. Khiến phương khác xa thấy là thứ tư thị hiện.

7. Hợp phướn lọng là thứ bảy thu vào.

8. Thông làm một cõi là thứ năm chuyển biến, chuyển nhiều làm một, chuyển uế thành tịnh. Nay Phật xuất bày tướng lưỡi: Luận nói khiến nhớ nghĩ tin lời Phật nói. Như Phật vào thành Bà la khất thật không được, sau ra thành rồi gặp một người nữ cúng thí Đức Phật bát cháo gạo hẩm, Đức Phật liền thọ ký cho bà sẽ đắc quả, bấy giờ có Bà-la-môn sanh lòng không tin sâu, Đức Phật liền xuất bày tướng lưỡi chỉ cho họ mới tin Phật thọ ký không luống dối. Phàm lưỡi đến mũi đều còn không vọng ngữ huống chi lại che phủ cả mặt, như Kinh nói rộng. Đến trời Phạm Thế: Là có ngữ biểu, cõi trên nữa không có ngữ nên lại không đến trên. Phát ra ánh sáng: Là cảnh báo người có duyên phá trừ chỗ tối tăm si ám. Mỗi một lỗ chân lông: là tiêu biểu kinh này từ bi Nhất thừa bình đẳng nói lên đều đầy đủ. Vô số ánh sáng: Đầy đủ muôn đức, trùm khắp mười phương. Do Đa-bảo Phật đã chứng kinh xong, lại không hiện thông, chỉ hóa Phật thị hiện.

- Kinh: "Lúc Đức Phật Thích-ca cho đến hoàn nhiếp tướng lưỡi".

- Tán: Đây nói về thời gian. Người ngu tâm mê cho là thời ít, người trí tình hiểu đủ trăm ngàn năm, chuyển đổi tâm kia khiến kia không biết, lại báo hóa lợi ích có sai khác, Thánh phàm thấy có sai khác. Lại Phật hiện thần lực thật sự cả trăm ngàn năm, mà thần lực khiến cho chúng sanh không biết, chỉ vì rút ngắn không kéo dài thời gian làm luận, chỉ nói Thế tôn tám mươi tuổi nhập diệt, lại chúng Thánh phàm nghe tuy đồng, mà trải qua thời gian chứng đạo được ngộ hoàn toàn sai khác tức cũng không trái nhau.

- Kinh: "Đồng thời tằng hắng cho đến đất đều sáu điệu vang động".

- Tán: Đoạn thứ ba tằng hắng búng ngón tay, và đoạn thứ tư động đất. Luận chép: Tằng hắng là nói kệ khiến người nghe, đã nghe tiếng rồi tu hành như thật không buông lung. Luận nói búng ngón tay khiến

người giác ngộ khiến người tu hành giác ngộ, tiến tu. Đất động: Là cảnh tỉnh chúng sanh trong mười phương chưa phát tâm khiến họ phát tâm cầu đạo.

- Kinh: "Chúng sanh trong đó cho đến Mâu-ni Phật".

- Tán: Thứ năm, kia thấy qui y, có ba:

1. Tự thân thấy sanh vui.

2. Âm thanh giữa hư không dạy bảo.

3. Y lời dạy kính lễ.

- Kinh: "Dùng các thứ hoa hương cho đến như một cõi Phật".

- Tán: Thứ sáu, hợp phướn lọng thành màn trướng và thứ bảy, thế giới thông làm một. Trước rải hoa sau thành màn trướng. Tán: Hoa là nghe Kinh Pháp Hoa. Hợp thành phướn lọng: Là tam thừa đầu sai khác sau thành một, che chở tất cả chúng sanh thế giới này, thế giới thông làm một: Là tâm trí vô ngại tịnh độ không sai khác chỉ có Nhất thừa không có thừa nào khác. Trên tiêu biểu thứ tám thần lực khác nhau luận chỉ giải ba: là xuất tướng lưỡi, búng ngón tay, và tằng hắng, Kinh còn lại năm tướng mà chẳng thù thắng hơn nên không giải thích, ba thứ phần nhiều các kinh không theo nghĩa thú thắng giải thích. Lại ba thứ này chính là dụng phó chúc, do đó riêng giải thích, các thứ khác chung chẳng phải chánh nên không nói.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến như lời nói mà tu hành".

- Tán: Dưới nói phó chúc có năm, trong đây có bốn:

1. Kết thúc thần lực vô lượng khó nghĩ bàn.

2. Vì chúc Lụy nói đức khó cùng tận.

3. Hiển bốn thứ đều là kinh này nói:

a. Đạo quyền thật.

b. Thần thông lực.

c. Lý tạng của Như-lai.

d. Trí tuệ sự sâu.

e. Kết thành khuyến thọ.

- Kinh: "Ở cõi nước nào cho đến mà nhập Niết-bàn".

- Tán: Thứ năm, khuyên tùy hỷ cúng dường. Trước nêu sau giải thích. Giải thích do bốn nghĩa cho nên phải cúng dường. Pháp thân diệu lý trong kinh này đầy đủ, nên chỗ tích chứa Đạo gọi là đạo tràng. Nơi chứng đắc Bồ-đề, nơi nói pháp, nơi Niết-bàn là gọi chung Đạo tràng. Dưới là ba giải thích riêng.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hiện vô lượng thần lực".

- Tán: Dưới có mười sáu hàng tụng chia làm hai: bốn hàng đầu

tụng thần lực, mười hai hàng sau tụng phó chúc. bốn hàng đầu có ba: một hàng tụng nêu ý hiện, hai hàng tụng năm thần lực, một hàng tụng thuận tâm Phật.

- Kinh: "Vì chúc Lụy kinh này cho đến chẳng thể đặng ngằn mé".

- Tán: Dưới mười hai hàng tụng chúc Lụy chia làm ba: hai hàng nêu vô cùng, tám hàng rưỡi riêng khen ngợi, một hàng rưỡi tụng kết khuyến. Đây là hai hàng đầu. Khen ngợi phước của người trì kinh để khuyên mọi người.

- Kinh: "Người hay trì Kinh này cho đến rốt ráo trú Nhất thừa".

- Tán: Đây riêng khen ngợi chia làm năm: một hàng rưỡi tụng thấy Phật, hai hàng khen ngợi vui mừng, một hàng đắc pháp, một hàng rưỡi tụng năng giảng nói, hai hàng rưỡi tụng năng làm lợi ích. Nói nghĩa các pháp là nghĩa vô ngại, danh tự là pháp vô ngại. ngôn từ là từ vô ngại. nhạo nói là biện tài vô ngại. Tứ vô ngại đầy đủ như gió không gì ngăn ngại.

- Kinh: "Cho nên người có trí cho đến quyết định không có nghi".

- Tán: Dưới kết khuyên.

PHẨM CHÚC LỤY

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này có hai:

1. Theo thứ tự phẩm kinh thời nay thì phó chúc có hai: Trên đã dùng thần lực khiến tín phó chúc, đây là dùng tay xoa đầu khiến hành phó chúc, cho nên có phẩm này.

2. Y luận này phẩm này nói sau phẩm Phổ Hiền nói, cho nên luận nói hộ pháp lực nghĩa là Phẩm Phổ Hiền và phẩm thị hiện ở sau. Đây dùng tay xoa đầu Phật tự hộ pháp khiến kia lưu thông nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Chúc là giao gửi, Lụy là chồng chất, lần thứ hai thứ ba giao giữ khiến cho kia hộ trì nên gọi là phẩm Chúc Lụy.

III. Giải đáp các vấn nạn: Hỏi: Phật dùng một tay xoa đầu chung các Bồ-tát, hay một tay xoa đều từng vị Bồ-tát?

Đáp: Một tay xoa một lúc, vì thần lực lớn, đều dùng một tay xoa mà diệu dụng cùng khắp, nhưng các Bồ-tát đồng thấy riêng xoa, do đó thâm tâm y lời nói lãnh thọ.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật Thích-ca cho đến làm cho lợi ích rộng lớn".

- Tán: Phẩm văn chia làm bốn:

1. Như-lai phó chúc.
2. Bồ-tát kính nhận.
3. Khiến tháp hoàn trở lại như cũ.
4. Chúng đều vui mừng.

Trong phần đầu có ba:

a. Ba nghiệp gia trì phó chúc khiến hành kinh này.

b. "Nếu có chúng sanh không tin thọ cho đến" nếu không tin thọ kinh này khiến hành các kinh.

c. Nếu Các thầy có thể như vậy cho đến kết thành khuyên ý vì báo ân Phật. Văn đầu lại có ba: Trước dùng tay xoa đầu phó chúc khiến lưu hành rộng làm lợi ích, kế lại xoa đầu phó chúc khiến thọ trì, khiến khắp nghe biết, sau giải thích lý do khuyên khiến giảng nói. Đây là phần đầu. Hai đoạn đầu dùng thân ngữ gia trì, một đoạn sau ý nghiệp gia trì. Đầu tiên dùng tay phải. Xoa là thị hiện điềm rất tốt lành. Ngài Long Thọ giải

thích rằng: Các kinh chẳng bí mật, chỉ có Pháp Hoa mới bí mật nói Nhị thừa thành Phật. Chỉ có đại Bồ-tát mới có khả năng dụng hành bí mật đó, như vị thấy thầy thuốc mới có khả năng dùng độc.

- Kinh: "Đức Phật ba phen xoa đảnh như vậy cho đến khắp đều được nghe biết".

- Tán: Đây lại dùng tay xoa đầu phó chúc khiến thọ trì khiến khắp nơi đều nghe biết. Đến ba phen xoa tức khiến họ ân cần thọ pháp đều ba phen, pháp truyền đèn ắt là trọng trách.

- Kinh: "Vì sao! cho đến trí tuệ tự nhiên".

- Tán: Dưới giải thích lý do khuyên khiến giảng nói. Ý nghiệp gia trì có ba:

1. Nêu rõ đã là ba hạng bất gốc lành đã hết thì năng thí trí tuệ.

2. Nói lên Phật có khả năng làm đại thí chủ khuyên tùy theo chớ sẻn tiếc.

3. Dạy dùng thí hóa khiến đắc Phật tuệ. Đây là phần đầu. Từ bi nên không sân, ban vui nên cứu khổ, không sẻn tiếc nên không tham, đâu từng tiếc pháp, không còn sợ sệt, không si nên quyết định nói, năng cùng trí Phật chủng trí, Như-lai trí Nhất-thiết-trí. Hai trí này nhậm vận vô Sư mà đắc gọi là tự nhiên trí, hoặc hai trí trước là hữu vi trí, một trí sau là vô vi trí nên gọi là tự nhiên trí.

- Kinh: "Như-lai là vị đại thí chủ cho đến chớ sanh lòng bỏn sẻn".

- Tán: Đây nói lên Đức Phật năng làm đại thí chủ khuyên tùy theo chớ sẻn tiếc. Thành Thật luận chép: Sẻn có năm thứ:

1. Trú xứ.
2. Nhà.
3. Thí.
4. Xưng tán.
5. Pháp.

Sẻn trú xứ là: Ở nơi trú xứ mình sanh bỏn sẻn nghĩ rằng: Ta riêng ở đây khiến ta tự tại không dùng của người khác. Đây lại có năm thứ: 1. Ở đời vị lai các Tỳ-kheo thiện không muốn người khác đến. 2. Ở đời vị lai các thiện Tỳ-kheo sân nhuế không vui. 3. Muốn khiến sớm đi. 4. Cất giữ tăng thí vật không muốn cho. 5. Đối với tăng thí vật sanh tâm ngã sở chấp làm ân đức. Người ấy đối với người khác đồng có trong pháp còn không thể bỏ, huống chi tự thân có các vật, cho nên đối với sự giải thoát trọn không có phần.

Bỏn sẻn nhà: Trở về nhà nghĩ gì bỏn sẻn rằng ta ở nhà đây thường

hay ra vào một mình không dụng của các người khác, dù có các người khác khiến ta trên hết, đây cũng có năm: 1. Người tại gia có việc không lành cùng đồng lo. 2. Kia có việc lợi cùng đồng vui. 3. Vui người tại gia có sự thù thắng giàu sang. 4. Dứt trừ thọ khiến không được thí. 5. Sanh trong nhà kia làm quỉ trong hầm xí và các chỗ ác.

Sẻn tiếc thí cho: Đối với người khác thí vật sanh tướng sẻn tiếc rằng: Khiến ta ở đây một mình được thí vật các người khác không được, dù khiến cho chớ lại hơn ta, đây cũng có năm: 1. Vật tư Sanh thường thiếu thốn. 2. Khiến người thí không được phước. 3. Khiến người thọ nhận không được tài lợi. 4. Chê mắng người hiền thiện. 5. Tâm thường lo buồn nên sẽ đọa địa ngục, dù sanh cõi trời cõi người cũng thường ở chỗ nghèo hèn.

Sẻn tiếc khen ngợi: Đối với khen ngợi người khác sanh tâm sẻn tiếc khiến riêng khen ngợi ta chớ hơn ta, đây cũng có năm: 1. Nghe khen ngợi người khác tâm thường lo lắng xao động. 2. Mắng nhiếc người tốt. 3. Tự cao khinh người. 4. Thường mang tiếng xấu. 5. Ở đời vị lai trong trăm ngàn đời không có tịnh tâm.

Sẻn tiếc pháp: Ở trong chánh pháp nghĩ gì sẻn tiếc rằng: Khiến ta riêng biết mười hai bộ kinh đừng để cho người khác biết giả như có họ biết cũng đồng hơn ta. Lại tự biết nghĩa bí mật mà không nói, đây lỗi có bảy: 1. Lúc sanh thường bị mù. 2. Thường ngu si. 3. Sống gặp nhiều oán thù không được tự tại. 4. Lui sụt mất mầu Thánh. 5. Kẻ thù của Chư Phật. 6. Người tốt xa lìa. 7. Không việc ác nào không làm. Do có các lỗi lầm như vậy nên Phật khuyên chớ có sẻn tiếc. Đức Thế tôn năng hành ba thứ xả, ban cho chúng sanh làm Đại thí chủ cho nên phải học theo ta.

- Kinh: "Ở đời vị lai cho đến đắc trí tuệ Phật".

- Tán: Dạy dùng thí giáo hóa khiến được trí tuệ Phật".

- Kinh: "Nếu có chúng sanh nào cho đến chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng". Tán: Nếu không tin Kinh này khiến thực hành các kinh khác, nghĩa là gặp Nhị thừa giáo hóa pháp mầu này, nếu họ không tin lại nói Bát-nhã pháp Đại thừa thâm diệu để điều phục tâm kia, sau giáo hóa pháp này.

- Kinh: "Nếu Các thầy được như thế cho đến là đã báo đáp được ân Phật".

- Tán: Kết thành ý khuyên, ý Phật muốn cho người thành Phật nên lập ra các môn.

- Kinh: "Lúc ấy các vị đại Bồ-tát cho đến xin Thế tôn chớ có

lo”.

- Tán: Đây đoạn thứ hai Bồ-tát kính thọ chia làm hai đoạn, ba nghiệp kính lãnh.

- Kinh: “Khi ấy cho đến được hoàn như cũ”.

- Tán: Đoạn lớn thứ ba khiến tháp trở lại như cũ. Từ đây về sau không còn trở lại cho nên biết phẩm này nên ở cuối kinh.

- Kinh: “Phật nói lời đó xong cho đến đều rất vui mừng”.

- Tán: Đoạn lớn thứ tư: Chúng đều vui mừng nghe khen ngợi pháp thù thắng, giao phó dặn dò do đó vui mừng, không phải thấy bảo các hóa Phật trở lại mà vui mừng. Y theo đây cho nên hội tòa giải tán. Bồ-tát Thiên Thân Giải thích kinh Già-da nói đảnh, nói vui mừng vâng hành có ba nghĩa: 1. Chủ nói thanh tịnh, do đối các pháp được tự tại. 2. Sở pháp nói thanh tịnh, do như thật chứng biết thanh tịnh pháp thể. 3. Nương theo nói pháp được quả thanh tịnh, do đắc cảnh giới thanh tịnh mầu nhiệm. Như kinh đều rất vui mừng tín nhận vâng hành.

PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT BỔN SỰ

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này: hai phẩm trên đã nêu rõ trao phó, sáu phẩm dưới đây vâng lệnh lưu thông. Căn cứ luận này văn chia làm năm. Dược vương năng lực tự hành khổ hạnh để lưu thông, Quán Âm, Đà-la-ni hộ chúng sanh các nạn lực để lưu thông, Diệu trang nghiêm vương công đức thắng lực để lưu thông, Phổ Hiền dùng năng lực chúc Lụy hộ pháp để lưu thông. Chúc Lụy đã trình bày ở trước, hộ pháp chỉ có một, Dược vương lúc này tuy tại hội, mà nói quá khứ của ngài từng đốt thân đốt cánh tay tự hành khổ hạnh để lưu thông chánh pháp, lợi ích cho hội chúng nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Dược có công năng trừ bệnh tật, vương có uy lực tự tại, bổn là do nhân xưa, sự là thể nghiệp. Nay đây Bồ-tát nguyện làm cây thuốc chữa bệnh tật bát trần, dứt bệnh thất lậu trầm kha thế lực vô song uy thần hiếm thấy cho nên gọi là Dược vương Bồ-tát. Nay trong phẩm này trình bày nhân việc tu hành xưa để lợi ích chúng hội bấy giờ, gọi là Phẩm Dược vương Bồ-tát bổn sự.

III. Giải đáp chướng nạn: Hỏi: Các Bồ-tát đều có nguyện lực thần công đồng nhau, vì sao chỉ riêng đây gọi là Dược vương?

Đáp: Luận nói công căn cứ hành quả thật không sai khác, nguyện lợi tu nhân xưa cũng ít khác, chỉ như cứu chúng sanh nhổ trừ khổ hạnh nguyện Bồ-tát đều đồng. Chỉ có Quán Âm được gọi là “cứu khổ” là Dược Vương đâu ngăn ngại hạnh nguyện thù thắng mà có tên riêng.

Kinh: “Lúc bấy giờ ngài tú vương Hoa cho đến nghe đều vui mừng”. Trong phẩm này văn chia làm sáu:

1. Tú Vương Hoa hỏi.
2. Như-lai đáp.
3. “Nếu lại có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên cho đến” là khen ngợi công đức mầu nhiệm của Kinh.
4. “Tú Vương Hoa! Nếu có người nghe Phẩm Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự này cho đến” là khen ngợi trao phó thù thắng.
5. Chúng đương thời được lợi ích.
6. Đa-bảo khen ngợi. Hai đoạn này đều ở cuối phẩm. Đây đầu văn có ba: Hỏi, tiếp thỉnh, sau biện rõ ý thỉnh. Tú Vương Hoa hỏi: là

đời trước đến nay trì Kinh Pháp Hoa như Vương tự tại. Cho nên Kinh Bảo Vân nói: Bồ-tát có mười pháp gọi là đại Dược thọ. Thí như Dược thọ tên gọi là Thiện Kiến. Nếu có chúng sanh được gốc rễ cành lá hoa quả cây kia, cũng có thấy sắc nghe hương nếm vị được xúc chạm, gặp mười pháp này bệnh đều trừ khỏi. Bồ-tát cũng vậy. Từ sơ phát tâm vì các chúng sanh có các bệnh phiền não, có nương thí giới nhẫn cần định tuệ mà được nuôi sống, có nương thấy pháp, có nghe tiếng có biết vị có đồng sự mà được nuôi sống. Bồ-tát thuận theo nơi đáng dẫn dắt lợi lạc nên nói Bồ-tát tên là Dược Thọ, năng trừ bệnh phiền não được nuôi sống tuệ mạng. Du hóa là phương pháp thí hóa lợi ích giúp lợi chúng sanh. Có bao nhiêu: là hỏi khổ hạnh sai khác, đốt thân đốt tay là cúng dường chánh pháp.

- Kinh: "Lúc đó Đức Phật bảo cho đến nói Kinh Pháp Hoa".

- Tán: Dưới Như-lai đáp có bốn:

1. Trình bày thời gian.
2. Nêu rõ Phật.
3. Hiển tu hành.
4. Hợp xưa nay.

Đây là hai phần đầu. Trong nêu rõ Phật có bảy: 1. Danh hiệu. 2. Quyến thuộc. 3. Trí tuổi thọ. 4. Không có ác. 5. Cõi tướng. 6. Đài thọ trang nghiêm. 7. Kinh pháp Phật nói.

- Kinh: "Ngài Nhất thiết chúng sanh cho đến sắc thân Tam-muội".

- Tán: Tu hành có ba:

1. Tinh Tấn đắc định.
2. Cúng dường Phật pháp.
3. Cúng dường Xá-lợi.

Đây là phần đầu. Đắc định đây rồi năng tùy lạc ưa hiện thân, sơ địa liền chứng đắc, bát địa tự tại; trong thập bình đẳng năng tùy sở thích của chúng sanh mà thị hiện, sơ địa liền đắc. Kinh Vô Cấu Xứng cũng có nói Bồ-tát này.

- Kinh: "Đắc Tam-muội đó rồi cho đến và Kinh Pháp Hoa".

- Tán: Cúng dường Phật pháp có bảy:

1. Hỷ niệm cúng dường.
2. Nhập định khởi thần thông.
3. Lại tư duy không đủ.
4. Đốt thân cúng dường.
5. Phát ra ánh sáng chiếu xa.

6. Chư Phật đồng khen ngợi.

7. Thời gian đốt thân. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Tức thời nhập Tam-muội đó cho đến để cúng dường Phật".

- Tán: Hai là người nhập định khởi thần thông có ba: Nhập định mưa hoa, tiếp mưa chiên đàn, sau mưa hương Hải thử ngạn chiên đàn.

Kinh: "Cúng dường thế đó rồi cho đến dùng thân cúng dường". Lại tư duy không đủ.

- Kinh: "Liền uống các chất thơm cho đến mà tự đốt thân".

- Tán: Đốt thân cúng dường có ba:

1. Uống dầu thơm.

2. Nêu năm tháng.

3. Chánh đốt thân.

- Kinh: "Ánh sáng chiếu khắp cho đến các đức Như-lai".

- Tán: Trong đây có hai: Thứ năm ánh sáng chiếu xa, thứ sáu Chư Phật đồng khen. Trong đồng khen có ba: Trước nêu chân thật, tiếp so sánh khen ngợi, sau kết thành khen ngợi.

- Kinh: "Các Đức Phật nói lời đó rồi cho đến qua lúc sau đó thân Bồ-tát mới hết".

- Tán: Thứ bảy thời gian có hai: Trước im lặng sau nêu thời gian.

- Kinh: "Ngài Nhất thiết chúng sanh cho đến bỗng nhiên ngồi xếp bằng hóa sanh ra".

- Tán: Nêu rõ trong tu hành. Nói cúng dường Xá-lợi có mười bốn:

1. Nơi sanh.

2. Nói pháp.

3. Khải bạch.

4. Đến chỗ Phật.

5. Phó chúc.

6. Nhập diệt.

7. Xây tháp.

8. Tư duy bảo.

9. Đốt cánh tay.

10. Lợi ích.

11. Chúng sanh bi não.

12. Tự thệ.

13. Nguyện mãn.

14. Cảm sanh ứng hiện điềm lành. Đây là phần một.

- Kinh: "Liền vì vua cha cho đến bỏ thân thể đáng yêu".

- Tán: Thứ hai: Là nói pháp.

- Kinh: "Nói kệ đó rồi cho đến cúng dường Phật rồi".

- Tán: Thứ ba: Khải bạch: Đầu bạch việc trước, sau bạch đến thỉnh. Đầu văn có ba: 1. Luận Phật hiện tại. 2. Đắc tổng trì. 3. Nghe thắng pháp. Chân Ca la: Câu xá luận quyển mười hai nói: Số có sáu mươi bỏ mất còn lại tám, lấy mười dần dần tích chứa đến mười sáu gọi là căng yết la, đến mười bảy gọi là Đại căng yết la, mười tám gọi là A-súc-bà, hai mươi mốt gọi là Đại-a-súc-bà. Đây tổng ba thứ: tức là mười sáu, mười tám hai mươi vậy.

- Kinh: "Thưa xong liền ngồi cho đến vẫn còn ở đời".

- Tán: Thứ tư: Đến chỗ Phật có ba: Trước đến, tiếp khen ngợi, sau bạch.

- Kinh: "Bấy giờ, đức Nhật Nguyệt cho đếnbao nhiêu ngàn tháp".

- Tán: Thứ năm: Phó chúc có bốn:

1. Xướng diệt.

2. Trao pháp.

3. Trao cõi.

4. Trao thể.

Y Tăng kỳ luật nói: Có Xá-lợi gọi là Tháp bà, không có Xá-lợi gọi là Chi đề. Trong Du-già nói: Hoặc có Xá-lợi gọi là Tốt đổ ba, nếu không có Xá-lợi chỉ gọi là Chế đa.

- Kinh: "Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh cho đến nhập Niết-bàn".

- Tán: Thứ sáu: Nhập diệt. Kinh Hoa Nghiêm nói: Rốt ráo Phật sự rồi thị hiện nhập đại Niết-bàn có mười nghĩa:

1. Nêu tất cả hành đều vô thường.

2. Nêu tất cả pháp hữu vi chẳng an ổn.

3. Niết-bàn hướng về chỗ an ổn nhất.

4. Nêu rõ bát Niết-bàn xa lìa tất cả sự sợ hãi.

5. Do các trời người ưa đắm sắc thân, nêu rõ sắc thân vô thường là pháp hoại diệt, khiến kia cầu trụ pháp thân thanh tịnh.

6. Nêu vô thường sức mạnh không thể chuyển.

7. Nêu pháp hữu vi không tự tại.

8. Pháp ba cõi thảy đều như vật bằng đất không vững chắc.

9. Bát Niết-bàn là chân thật nhất không thể hoại.

10. Bát Niết-bàn xa lìa sanh tử chẳng phải khởi diệt. Dùng mười nghĩa này thị hiện Niết-bàn.

- Kinh: "Lúc đó ngài Nhất Thiết cho đến treo các linh báu"

- Tán: Xây tháp có ba phần: Trước nói thương cãm luyến tiếc, kế nói đốt thân, sau nói xây tháp.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Nhất Thiết cho đến Xá-lợi của đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh tức Phật".

- Tán: Tư duy bảo có hai: Trước tư duy sau bảo.

- Kinh: "Nói xong liền ở trước cho đến hai tay tự nhiên hoàn phục".

- Tán: Trong đây có năm: Đốt tay. Lợi ích. Chúng sanh bi não. Tự thệ. Nguyện mãn.

- Kinh: "Đó là do Bồ-tát cho đến được việc chưa hề có".

- Tán: Thứ mười bốn Cảm sanh thoại ứng có ba:

1. Lý do.
2. Thoại ứng.
3. Được việc chưa hề có.

- Kinh: "Đức Phật bảo ngài Tú Vương Hoa cho đến mà cúng dường".

- Tán: Đoạn lớn thứ hai trong Như-lai đáp phần, thứ tư hợp xưa nay có ba: Trước hợp, kế khen ngợi, sau kết.

- Kinh: "Nếu lại có người cho đến phước đó rất nhiều".

- Tán: Đoạn lớn thứ ba khen ngợi công đức mầu nhiệm ưa kinh có bốn:

1. So sánh hơn.
2. "Thí như nói" so sánh dụ hơn (thắng).
3. "Kinh này năng cứu hộ cho đến" tác dụng thù thắng.
4. "Nếu người nào được nghe kinh Pháp Hoa này hoặc tự biên chép cho đến" vô biên thù thắng. Đây là phần đầu.

- Kinh: "Tú Vương Hoa cho đến là vua trong các kinh".

- Tán: So sánh dụ thắng, văn có mười:

1. Sâu rộng thù thắng.
2. Cao hiển thù thắng.
3. Liễu đạt thù thắng.
4. Trừ hoặc thù thắng.
5. Uy thế thù thắng.
6. Tự tại thù thắng.
7. Xuất sanh thù thắng.
8. Khế lý thù thắng, hoặc gọi nhân pháp thù thắng.
9. Hai lợi thù thắng.

10. Đức viên mãn thù thắng.

Khế lý thù thắng, trong đó có pháp và người, chấp người này văn nên sau cùng nói, vì tiện nên đây nói. Tu-đà-hoàn gọi là dự lưu, là dự vào dòng Thánh. Tư-đà-hàm gọi là Nhất vãng lai, chỉ có một phen sanh trở lại sanh tử liền thành ứng quả gọi là Nhất-lai. A-na-hàm gọi là Bất hoàn, cõi nghiệp Dục hết thì không còn lại sanh trong cõi Dục nên gọi là Bất hoàn.

- Kinh: "Tú Vương Hoa cho đến đầy đủ chỗ mong cầu".

- Tán: Tác dụng thù thắng có ba: Pháp, Dụ và Hiệp. Đây là phần đầu có ba câu: Câu đầu năng trừ hoặc nghiệp, tiếp năng trừ quả khổ, sau năng mãn thiện nguyện, lại phát tâm tu hành đắc quả chia làm ba, lại tổng biệt ly ác nhiếp thiện chia làm ba.

- Kinh: "Như ao nước trong mát cho đến như đuốc xua tan bóng tối".

- Tán: Đây dụ nói có mười hai:

1. Nguyện mãn.

2. Thành đạo.

3. Biết hổ thẹn.

4. Có được đạo sư.

5. Đắc trở về.

6. Vượt sanh tử.

7. Trừ phiền não.

8. Đắc trí tuệ.

9. Đạt được Thánh tài.

10. Có vây theo.

11. Biết đảo châu báu.

12. Phá si tối.

Tùy nghĩa ứng phối hợp ba câu trước.

- Kinh: "Kinh Pháp Hoa này cho đến có thể mở trói sanh tử".

- Tán: Đây hợp nói lìa bệnh đâu trừ các khổ làm câu đầu, mở trói sanh tử là trừ hoặc nghiệp làm câu thứ hai, không hợp đầy đủ nguyện. Hoặc trừ khổ đương lai, hiện khổ, khổ nhân như thứ lớp phối hợp.

- Kinh: "Nếu người được nghe cho đến cũng giống vô lượng".

- Tán: Vô biên thù thắng có hai:

1. Nghe biên chép công đức vô biên.

2. Cúng dường công đức vô biên. Đắc vô biên biên, không đắc hữu biên cho nên gọi Phật không đắc.

- Kinh: "Tú Vương Hoa cho đến không còn thọ lại nữa".

- Tán: Đoạn lớn thứ tư, khen ngợi thù thắng phó chúc có bảy:

1. Nêu nghe thù thắng.
2. Chuyển thân nữ.
3. Sanh tịnh độ.
4. Tùy hỷ thâu hoạch phước.
5. Chính nêu phó chúc.
6. Khiến giữ gìn.
7. Khuyên cúng trì.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Nếu sau khi Như-lai diệt độ cho đến không có ai bằng ông".

- Tán: Sanh tịnh độ có năm:

1. Sanh tịnh độ.
2. Lìa phiền não.
3. Đắc thần thông.
4. Thấy nhiều Phật.
5. Phật xa khen ngợi.

Trong Phật xa khen ngợi có năm:

1. Khen ngợi phước vô biên.
2. Khen ngợi đức vô biên.
3. Năng phá phiền não.
4. Cùng chung bảo hộ.
5. Nêu phương tiện trên hết nhiếp dẫn.

Nói trí tuệ Bồ-tát không ai bằng ông.

- Kinh: "Tú Vương Hoa cho đến như trên đã nói".

- Tán: Tùy hỷ thâu hoạch phước.

- Kinh: "Tú Vương Hoa! Vì thế cho đến không già không chết".

- Tán: Trong đây có hai: Chánh nêu phó chúc và Khiến giữ gìn. Trong giữ gìn: Trước nêu sau giải thích. Năm trăm năm sau: Kinh Đại Tập nói: Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm đầu giải thoát vững chắc, năm trăm năm tiếp thiền định vững chắc, năm trăm năm tiếp học rộng vững chắc, năm trăm năm tiếp phước đức vững chắc, năm trăm năm tiếp đấu tranh vững chắc. Đều dùng năm trăm năm làm loại ký, cho nên nói sau khi ta diệt độ năm trăm năm, hoặc chánh pháp năm trăm năm tượng pháp một ngàn năm, hoặc sau thời tượng pháp, thì năm trăm năm mạt pháp.

- Kinh: "Tú Vương Hoa cho đến tâm cung kính".

- Tán: Khuyên cúng trì có ba:

1. Rãi hoa.

2. Tâm niệm.

3. Kết thành.

- Kinh: "Lúc đức Phật nói Phẩm Dược Vương cho đến tất cả chúng sanh".

- Tán: Đoạn thứ năm, chúng đương thời được lợi ích và đoạn lớn thứ sáu Phật Đa-bảo khen ngợi.

Ngày 12 tháng 12 Niên hiệu Bảo An năm thứ ba ở chùa Hưng Phước Viên Như Phòng, tăng Giác Ấn vốn ở chùa Pháp Long đã kiểm duyệt xong. Vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài vãng sanh cực lạc.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 10
(PHẦN CUỐI)

PHẨM DIỆU ÂM BỒ TÁT

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này: Luận nói năng lực giáo hóa chúng sanh hành khổ hạnh lực, là phẩm Diệu Âm thị hiện, Diệu Âm hiện ở Đông độ thầm ở phương này, bổn truyền Pháp Hoa dạy hành khổ hạnh, nay phát ra ánh sáng nhóm họp chỉ dạy mọi người khuyến phát thắng tâm mở rộng kinh pháp cho nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Âm là âm thanh, Diệu là thù diệu xưa trú trong nhân ưa lập ra nhạc để cúng dường, nay ở địa vị quả khéo nói pháp làm lợi sanh, cùng nêu nghiệp đức để tiêu biểu danh kia nên gọi là Bồ-tát Diệu Âm. Phẩm này nói việc kia nên gọi là Bồ-tát Diệu Âm phẩm.

III. Giải đáp các vấn nạn: Vì sao phải lấy Diệu Âm làm tên phẩm này?

Đáp: Dược Vương ở phương này tu khổ hạnh tự khuyên chúng sanh, chưa có bậc thượng thượng nhân nào ở phương khác khuyên nói, cho nên gọi Diệu Âm phương xa hành pháp, khuyên người khác khổ hạnh cho nên phải nhóm họp.

- Kinh: “Lúc bấy giờ đức Thích-ca cho đến ánh sáng của sợi lông trắng”.

- Tán: Phẩm văn chia làm bốn:

1.Thần quang đến gọi.

2. Diệu Âm đến.

3. Xong việc trở về nước.

4. Thời chúng đắc đạo.

Văn đầu có hai: Trước phát ra ánh sáng, sau chỗ đến. Đây là phần đầu. Từ nhục kế phát ra ánh sáng là tướng nhóm họp đại nhân ánh sáng nơi lông trắng giữa hai đầu chân mày là tiêu biểu Kinh này cho nên là bảo đến.

- Kinh: "Chiếu khắp các cõi Phật ở phương đông cho đến chiếu soi khắp cõi nước đó".

- Tán: Đây chỗ đến có ba:

1. Phương xứ.

2. Cõi Phật.

3. Kết chiếu.

Cõi Phật có ba: 1.Tên nước. 2. Hiệu Phật. 3. Hóa độ lợi lạc.

- Kinh: "Bấy giờ trong nước Nhất Thiết cho đến trí tuệ rất sâu".

- Tán: Đoạn lớn thứ hai nói Diệu Âm đến có ba:

1. Kia đến.

2. "Lúc đó Diệu Âm Bồ-tát chẳng rời khỏi tòa cho đến" đến đây.

3. "Bấy giờ Hoa Đức Bồ-tát Bạch Phật cho đến" hóa thành.

Văn đầu lại có bốn: 1. Trình bày đức. 2. Thỉnh đến. 3. Phật răn dạy. 4. Thừa lệnh Phật.

Trình bày đức lại có bốn: 1. Thắng nhân sớm gieo trồng. 2. Bạn lành sớm gặp. 3. Bát-nhã trước viên mãn. 4. Đẳng trì đã mãn. Đây là ba phần đầu.

- Kinh: "Đắc Diệu Tràng tướng Tam-muội cho đến các đại Tam-muội".

- Tán: Đẳng trì đã mãn có hai: Trước nên mười sáu đẳng trì, sau kết vô lượng.

1. Diệu tràng tướng: Như tràng cao hiển các đức trang nghiêm.

2. Pháp Hoa: thông đạt lý Nhất thừa.

3. Tịnh Đức: Đoạn chướng nhiễm đắc công đức thù thắng.

4. Tú Vương Hý: Tú là tinh tượng, Vương là tự tại, Hý là du lạc, nghĩa là được tự tại năng hiện các tượng cũng như tinh tú thường nhập du hý để lợi lạc chúng sanh.

5. Vô duyên: Là Diệt tận định hoặc Vô sở duyên định lìa phan duyên.

6. Trí ấn: Là chân như không lý làm trí ấn, hoặc dùng trí làm ấn phán định thị phi chân vọng v.v...

7. Giải chúng sanh ngữ ngôn: Phát Từ vô ngại giải định.

8. Tập tất cả công đức: Là nhóm họp phước vương định cho đến

9. Thanh tịnh: Là năng sanh 7, 9, 4 tịnh: Sở y tịnh, sở duyên tịnh, tâm tịnh, trí tịnh.

10. Thần thông du hý: Năng khởi đại thần thông.

11. Tuệ cự: Chiếu sáng chân tục các cảnh giới.

12. Trang nghiêm vương: Năng đầy đủ trong ngoài hai thứ trang nghiêm.

13. Tịnh Quang minh: là phát ra ánh sáng thần.

14. Tịnh tạng: Bao gồm các đức.

15. Bất cộng Tam-muội: Không cùng Nhị thừa đắc.

16. Nhật triền: Như ánh sáng mặt trời chiếu soi bốn loài.

Đây đều là chỗ dạo chơi của Bồ-tát Địa thứ mười, phần nhiều thuộc đệ tứ định do thù thắng.

- Kinh: "Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến Bồ-tát Dược Thượng".

- Tán: Thỉnh đến.

- Kinh: "Khi ấy đức Tịnh Hoa cho đến sanh lòng tưởng thấp kém".

- Tán: Đức Phật răn dạy có bốn:

1. Răn dạy chung.

2. Trình bày cõi khác thấp kém.

3. Nêu mình hơn.

4. Kết lời răn dạy.

Trong đây chỉ cho tự mình hơn, người khác kém, dùng làm răn dạy. Trong Kinh Tư Ích chép: Bồ-tát Tư Ích Phạm thiên muốn đến thế giới Ta bà, Đức Phật Nhật Nguyệt Quang bảo Tư Ích rằng: Ông nên dùng mười pháp sau đây để đến cõi ấy: 1. Đối sự khen chê tâm không thêm bớt. 2. Nghe thiện ác tâm không phân biệt. 3. Đối với kẻ ngu người trí nên dùng bi tâm. 4. Đối chúng sanh thượng hạ ý thường bình đẳng. 5. Đối sự cúng dường khinh rẻ tâm không có hai. 6. Đối với người có lỗi không thấy lỗi của họ. 7. Thấy các thừa đều là Nhất thừa. 8. Nghe ba đường ác cũng chớ kinh sợ. 9. Đối các Bồ-tát nghĩ gì tôn trọng. 10. Phật xuất hiện ở cõi đời có năm thứ vẩn đục sanh trưởng ít có. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Phật Đài Hương răn dạy văn đại khái đồng.

- Kinh: "Diệu Âm Bồ-tát cho đến trí tuệ trang nghiêm".

- Tán: Thừa lệnh có ba: Trước nói năng lực chung của Như-lai, sau hai chi tiết.

- Kinh: "Lúc ấy ngài Diệu Âm cho đến Chân thúc ca đài bằng

báu”.

- Tán: Dưới thứ hai đến đây, văn có mười một: Từ chuẩn bị đến hoa hiện cho đến

- Kinh: “Bấy giờ ngài Văn-thù cho đến làm đài”.

- Tán: Thứ hai, Văn-thù hỏi lý do.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật Thích-ca cho đến nghe Kinh Pháp Hoa”.

- Tán: Thứ ba, Đức Phật nói lý do.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi cho đến khiến chúng con được thấy”.

- Tán: Thứ tư, Văn-thù hỏi hành có ba:

1. Hỏi phước tuệ.

2. Hỏi nhập định nào.

3. Tu theo định nào mới năng thấy.

Thỉnh thông lực che chở đến khiến chúng con được thấy, chỉ bày tướng không biết, thật định từ lâu đã biết.

- Kinh: “Khi ấy Đức Phật Thích-ca cho đến mà hiện bày thân tướng của Bồ-tát đó.

- Tán: Thứ năm, đức Thích-ca thùyđáp.

- Kinh: “Tức thời Đức Phật Đa-bảo cho đến muốn thấy thân của ông”.

- Tán: Thứ sáu, Đa-bảo gọi bảo.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Diệu Âm cho đến chẳng đánh mà tự kêu”.

- Tán: Thứ bảy, Diệu Âm đến đây có bốn:

1. Số đến.

2. Mới đi qua.

3. Thân tướng.

4. Đến đây.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Mắt của vị Bồ-tát đó cho đến như thân Na la diên bền chắc”.

- Tán: Thứ ba, thân tướng có tám đức:

1. Mắt trong xanh: Kinh Vô Cấu Xứng nói: Mắt trong xanh do rộng tịnh tu mầu nhiệm đoan nghiêm, sáng như cành lá hoa sen xanh.

2. Diện mạo sáng tròn đẹp.

3. Thân sắc vàng.

4. Trang nghiêm.

5. Oai đức.

6. Quang minh.

7. Tướng đầy đủ.

8. Vững chắc.

- Kinh: "Ngài vào trong đài bảy báu cho đến núi Kỳ-xà-quật".

- Tán: Thứ tư, đến đây.

- Kinh: "Đến rồi xuống đài bảy báu cho đến kham nhẫn ở lâu được chăng".

- Tán: Thứ tám, xuống đài lễ bái hỏi có hai: 1. Lễ bái dâng cúng. 2. Thỉnh hỏi. Thỉnh hỏi có bốn: 1. Hỏi thân Phật có năm câu. 2. Hỏi chúng sanh có bảy câu. 3. Hỏi ma tùy hóa có một câu. 4. Hỏi Đa-bảo có hai câu. Hỏi đến và ở lâu.

- Kinh: "Thế tôn! Nay Con cho đến chỉ bày cho con được thấy".

- Tán: Thứ chín, thỉnh thấy Đa-bảo, Đa-bảo. Thích-ca tuy đồng ngồi trên tháp nhưng do thần lực che phủ khiến kia không thấy, cho nên xin được thấy.

- Kinh: "Lúc đó Đức Phật Thích-ca cho đến nên qua đến cõi này".

- Tán: Thứ mười, đức Thích-ca vì thỉnh, thứ mười một, Đa-bảo tán dương.

- Kinh: "Lúc bấy giờ ngài Hoa Đức cho đến có sức thần thông như thế".

- Tán: Đoạn lớn thứ ba là nói hóa hành có năm:

1. Hoa Đức hỏi nhân.

2. Như-lai bảo đủ.

3. Khen ngợi hỏi tu định.

4. Đức Phật sau đáp.

5. Chúng đương thời được lợi ích.

Đây là phần một.

- Kinh: "Đức Phật bảo ngài Hoa Đức cho đến có sức thần thông như thế".

- Tán: Như-lai bảo đủ có năm:

1. Chỉ bày nhân xưa.

2. Hợp quả nay.

3. Từ lâu đã gặp Chư Phật.

4. Rộng thực hành lợi hạnh.

5. Kết đáp lý do.

Đây là phần đầu có ba: 1. Phật. 2. Hành. 3. Kết.

- Kinh: "Hoa Đức! Ý ông nghĩ sao cho đến đại Bồ-tát này".

- Tán: Hợp quả nay.

- Kinh: "Hoa Đức! Bồ-tát Diệu Âm này cho đến na do tha Đức Phật".

- Tán: Từ lâu đã gặp Phật.

- Kinh: "Hoa Đức! Ông chỉ thấy cho đến không hề tổn giảm".

- Tán: Rộng thực hành lợi hạnh có hai: Ở phương này và sau ở mười phương. Phương này có bốn:

1. Nêu hiện thân nói pháp.

2. Riêng hiển hiện thân nói pháp.

3. Kết thành hóa.

4. Trí tuệ không tổn hại.

Trong riêng hiển hiện thân nói pháp có hai: 1. Tùy nghi hiện mười tám loại thân nói pháp. 2. Vì cứu khổ nạn hiện thân nói pháp.

- Kinh: "Vì Bồ-tát này dùng ngần ấy trí tuệ cho đến thị hiện diệt độ".

- Tán: Đây tại mười phương hiện thân nói pháp có ba: 1. Đầu nêu ở mười phương lợi ích. 2. Tùy căn ứng nghi hiện thân nói pháp. 3. Kết thành thân nói.

- Kinh: "Hoa Đức! Diệu Âm cho đến việc đó như thế".

- Tán: Kết đáp lý do

- Kinh: "Hoa Đức! Diệu Âm cho đến vô lượng chúng sanh".

- Tán: Khen ngợi hỏi tu định và Phật lại đáp.

- Kinh: "Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát này cho đến và Đà-la-ni".

- Tán: Nêu rõ trong hóa hành. Chúng đương thời được lợi ích. Do nghe hóa hành thâu hoạch lợi thù thắng.

- Kinh: "Khi ngài Diệu Âm cho đến sắc thân Tam-muội".

- Tán: Đoạn thứ ba việc xong trở về nước có ba: 1. Nêu trở về nước. 2. Tướng các nơi đi qua. 3. Đến rồi bạch.

- Kinh: "Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát cho đến Pháp Hoa Tam-muội".

- Tán: Đoạn thứ tư, thời chúng đắc đạo, đều nghe một phẩm liền được lợi ích thù thắng.

PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao: Luận chép: năng Lực cứu chúng sanh khỏi các nạn chính là Quan Thế Âm. Phẩm Đà-la-ni nói thị hiện, Quán Âm cứu nạn cho các chúng sanh chưa phát tâm khiến họ lìa các khổ phát tâm trì kinh. Đà-la-ni nói cứu nạn cho người đã phát tâm trì kinh, khiến họ lìa khổ trì kinh. Lại Quán Âm dùng mắt trời, thiên nhĩ, tha tâm thông che chở người trì kinh. Đà-la-ni nói hai Thánh, hai trời, mười thần dùng minh chú hộ vệ người trì kinh. Lại Quán Âm niệm người cứu nạn, Đà-la-ni tụng pháp cứu nạn, lực trì Kinh đã lìa các khổ nạn; nếu không gia tăng dùng phương pháp dễ cứu, sợ khó tu nghiệp trì kinh, cho nên dùng công dễ giúp thành nghiệp khó, do khuyên trì kinh nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Quán là quán sát cứu giúp từ bi, Thế nghĩa là có khả năng phá hoại, thể tức sanh tử hữu tình thế gian, Âm là âm thanh ngữ nghiệp của hữu tình. Thế gian hữu tình khởi âm thanh để nhớ nghĩ về. Bồ-tát dùng đại từ bi rũ lòng xem xét thuận theo cứu giúp gọi là Quán Thế Âm, chánh nghĩa nên gọi là Quán tự tại. Ba nghiệp qui y thì sáu thông thùyhóa, không bị nguy hại phi luân dẹp trừ, làm người bạn không mời, ứng bệnh cho thuốc, nhiếp lợi khó nghĩ bàn gọi là Quán tự tại. Bồ-tát như trước nói. Phổ: Là nghĩa bình đẳng trùm khắp. Môn: Là lý do nơi chốn ra vào, nơi tam nghiệp qui y ắt lục thông thùy cứu bình đẳng. Đây chỉ bày lý do nơi chốn xuất khổ nhập lạc cho nên gọi là Phổ Môn. Thần thông, ký nói, giáo giới tam luân là nơi chốn lìa khổ, do tạo nhân nhập tịch tịnh là thể Phổ Môn. Nhưng có người khổ nhiều phát ra tiếng để nhớ nghĩ, đại bi ắt ứng niệm để đến cứu vớt nên gọi là Quán Âm. Phẩm này nói rộng nghĩa nên gọi là Phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn.

III. Giải đáp các vấn nạn: Hỏi: Bồ-tát đại bi quán thấy khổ liền cứu, vì sao đợi niệm sau mới rủ lòng thương cứu?

Đáp: Chúng sanh vô tâm mà Phật cứu, Đại Thánh không thông tự phát ý mà hy vọng duyên, các Thánh đồng phép tắc, trước nhân nơi tự nghiệp mình sau mới nhờ duyên. Tự đã không tu, duyên đâu có tạo tác cho nên phải đợi nhớ nghĩ mới cứu giúp. Dù có tự tu mà chưa giải phương tiện, cần phải nhờ bạn lành chỉ bày khổ mới diệt.

Hỏi: Tất cả Bồ-tát đều có khả năng này, vì sao Quán Âm riêng bao trùm hiệu này ư?

Đáp: Bổn nguyện khác nhau việc lợi sai khác, nối dõi Phật Vô lượng thọ sẽ làm Bảo Quang Công Đức Nói Vương Phật, cho nên riêng nêu.

- Kinh: "Lúc bấy giờ ngài Vô tận ý Bồ-tát cho đến tên là Quán Thế Âm".

- Tán: Phẩm văn chia làm bốn:

1. Hỏi đáp nhân có tên đó.
2. Hỏi đáp hóa hành.
3. Trì Địa khen ngợi.
4. Kết thành thời ích lợi.

Hai văn đầu có tụng. Văn đầu có ba: 1. Hỏi nguyên nhân gọi tên. 2. Đáp tự nghĩa. 3. So sánh trì danh công đức hơn kém. Đây là phần đầu. Vô tận ý: Kinh A-sai-mạt nói: Hành lục độ tứ nhiếp cho đến các hành thệ độ chúng sanh, cõi chúng sanh tận, Bồ-tát ý mới tận, chúng sanh chưa tận thì Bồ-tát ý cũng không tận cho nên gọi là Vô tận ý.

Trong Kinh Thập Địa nói dùng câu mười cùng giới thành các đại nguyện: 1. Nhất thiết cõi chúng sanh tận. 2. Thế cùng giới. 3. Hư không tận. 4. Pháp cùng giới. 5. Niết-bàn cùng giới. 6. Phật ra đời cùng giới. 7. Như-lai trí cùng giới. 8. Tâm sở duyên cùng giới. 9. Phật cảnh trí nhập cùng giới. 10. Thế giới xoay bánh xe pháp trí chuyển cùng giới. Lại như cõi chúng sanh tận nguyện ta cũng không tận, như thế cõi chúng sanh không tận, nguyện của ta cũng không tận. Cho đến trí Phật chứng nhập nhất thiết cùng giới, xoay bánh xe pháp trí chuyển các pháp tận, nguyện của ta cũng không tận. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Tuy đắc Phật đạo xoay bánh xe pháp mà không bỏ Bồ-tát đạo đó gọi là Bồ-tát hạnh, cho nên Bồ-tát này hiệu là Vô tận ý. Tuy các Bồ-tát nguyện hành đều đồng, mà các hiệu có sai khác nguyện đều sai khác, muốn nêu rõ kinh này năng khiến hạnh nguyện đều cũng vô tận. Hỏi tên là muốn khiến nương niệm danh hiệu để dứt khổ, hỏi hành là muốn cho tu hành để mong an lạc.

- Kinh: "Phật bảo ngài Vô tận ý cho đến đều được giải thoát".

- Tán: Dưới đáp tự nghĩa có ba: Đầu ngữ nghiệp qui y, dùng thiên nhĩ thông tìm tiếng cứu giúp. Kế là "nếu có chúng sanh năng về dâm dục v.v..." là y nghiệp qui y, dùng tha tâm thông quán tâm cứu giúp. Sau nếu có người nữ muốn cầu con trai v.v... là thân nghiệp qui y, dùng mắt trời thông quán sắc cứu giúp. Văn đầu có ba: Trước nói chung có khổ xưng danh liền thoát khổ. Tiếp riêng hiển có nguy xưng danh đều

được thoát; sau kết bảo uy thần cao lớn như vậy. Đây là phần đầu. Tức là ba đường tám nạn tất cả khổ nạn, chỉ như Pháp lâm qui mạng thoát khỏi hình phạt bảy ngày, cứu giúp qui y thoát khỏi hại ba đường. Du-già quyển chín nói nghiệp có hai. 1. Định dị thục nghiệp, nghĩa là cố tư nghiệp, hoặc tạo tác hoặc thêm lớn nghiệp. 2. Bất định dị thục nghiệp, nghĩa là cố tư duy việc đã làm mà không thêm lớn nghiệp, hoặc không truy hối không tu đối trị còn có thể thọ quả gọi là thêm lớn nghiệp, nếu truy hối cho đến gọi là không thêm lớn nghiệp; hoặc trước thêm lớn nghiệp do truy hối cho đến gọi là không thêm lớn nghiệp. Như Vị Sanh Oán chưa truy hối trước gọi là thêm lớn nghiệp, truy hối rồi sau gọi là không thêm lớn nghiệp. Quyển thứ sáu mươi nói căn cứ người chưa giải thoát kiến lập định thọ nghiệp. Nói giải thoát: Nghĩa là thế đạo phục đoạn, cho đến đắc Thánh thành Vô học cho đến tức đồng kinh Niết-bàn chưa nhập Phật pháp gọi là quyết nghiệp, nếu nhập Phật pháp gọi là bất định nghiệp.

Đối Pháp quyển thứ bảy nói có năm, cố tư (duy) tạo tác: 1. Người khác dạy bảo. 2. Người khác khuyên thỉnh. 3. Không rõ biết. 4. Căn bản chấp trước nghĩa là ba độc che lấp tâm mãnh liệt chấp trước sanh khởi các nghiệp. 5. Điên đảo phân biệt, cho rằng hơn tốt, không có tội hành ác nghiệp. Đối trong năm điều này, hai điều sau hoặc tạo tác hoặc thêm lớn, chẳng phải không thọ dị thục vì tư nặng, ba điều tuy tạo tác mà không thêm lớn, không hẳn thọ dị thục vì tư nhẹ. Đây nói tác: Nghĩa là khởi tác các nghiệp khiến cho nó hiện hành.

Thêm lớn: Nghĩa là khiến tập khí lần chuyển thêm lớn, do đó chỉ nói cố tư nghiệp chỉ có năm. Du-già quyển chín nói: Trừ mười thứ, ngoài ra gọi là cố tư: 1. Mộng. 2. Vô tri. 3. Không cố tư. 4. Không mãnh liệt, không thường. 5. Cuồng loạn. 6. Thất niệm. 7. Không ưa muốn. 8. Tự tánh vô ký. 9. Hối hận đã tổn thương. 10. Đối trị thương tổn. Trừ ngoài mười thứ ngoài ra đều là thêm lớn. Tức Du-già quyển chín chép: Thêm lớn nghiệp có sáu, kia có mười thứ không tăng và sáu thứ thêm lớn, không vượt qua Đối pháp, ba không tăng hai tăng, ly hợp y địa vi phân chia nhiều ít. Đối Pháp lại nói quyết định có ba: 1. Tác nghiệp quyết định, do nghiệp lực đời trước cảm thân quyết định, sanh ở trong đời này ắt tạo nghiệp đây, sớm kỳ hạn quyết định trọn không trái vượt, thần lực của Phật cũng không thể cứu. 2. Thọ dị thục định tức thuận định thọ nghiệp, quả định đương thọ thời chưa định. Nếu không vậy, Đức Phật xuất ứng không có đường ác chúng sanh tạo ác. 3. Phần vị định, nghĩa là thuận ba thời phần vị định nghiệp.

Nếu nghiệp đạo nhiếp: Thì gọi là thuận định nghiệp, gia hạnh, hậu khởi thông định bất định, lại chưa hối, chưa đối trị v.v... gọi là quyết định nghiệp; đã hối đã đối trị cho đến gọi là bất định nghiệp. Du-già quyển mười nói ba nghiệp: Thuận hiện, thuận sanh, thuận hậu thọ nghiệp. Quyển sáu mươi nói bốn nghiệp: 1. Dị thục định. 2. Thời phần định. 3. Nhị câu định. 4. Nhị câu bất định Duy Thức cũng nói bốn: Nghĩa là ba thời và bất định. Luận Hiển Dương quyển chín nói năm loại nghĩa là ba thời và thọ báo định, tác nghiệp quyết định, đều như Du-già quyển chín, lược nói sợ rườm rà nên lại thôi. Cho nên niệm Quán Âm, duyên lành thấm nhuần, tự tâm hối thẹn khổ não đều thoát. Cũng có giải thích nói: Kia không thêm lớn và bất định nghiệp có thể được chuyển diệt, kia ba thời quyết định nghiệp và báo định thời bất định chỉ nhẹ bớt chẳng hoàn toàn làm cho dứt hết. Kim Cương Bát-nhã chép: Tội nghiệp đời trước đáng đọa vào đường ác, do trì Kinh nên làm người khinh thường, tội nghiệp đời trước liền bị diệt sẽ đắc Bồ-đề, không nói hoàn toàn diệt. Lại Kinh Hiền Ngu nói: Ương-quật-ma-la tuy đắc A-la-hán, vì hiện nghiệp có quả nên bị lửa đốt đốt. Lại nói thành Ca-tỳ-la trừ một đồng tử, còn lại nam nữ đều đắc sơ quả thánh nhân không nên bị lưu ly sát hại, kia quyết định tạo nghiệp Đức Phật còn không bát bỏ được huống chi thọ quả ư! Tại giải thoát lại gọi là bất định, y bất định nghiệp nói đây cũng không đúng. Nếu đắc A-la-hán tất cả bất thiện tận, nghiệp nào thọ quả ư? Tại sơ quả nhị quả bất thiện chưa tận, không chướng nơi quả kia đâu ngăn ngại cũng thọ! Trong Kinh Bát-nhã không nói diệt hết nêu tâm vi tế, chí thành khẩn thiết thọ trì kinh kia tất cả không thọ. Nếu không vậy thì năm vô gián tội đều quyết định nghiệp. Vị Sanh Oán vương làm sao hối rồi tất cả không thọ chịu.

Thập Địa luận chép: 1. Cảm báo định. 2. Tác nghiệp định. Chư Phật uy thần không thể chuyển, nói tự mình không phát sanh hối hận hổ thẹn, không nhập Thánh đạo là nghiệp quả quyết định, không phải hối hận hổ thẹn rồi có thể gọi là định nghiệp. Kinh Pháp Cú nói: "Chẳng phải giữa hư không chẳng phải trong biển, chẳng vào trong núi sâu, không có nơi chốn thoát ra mà không thọ nạn". Cũng căn cứ người không gặp Phật Bồ-tát cho đến khởi tâm hối hận hổ thẹn mà nhập đạo, tức quyết định nghiệp báo. Do đây, Kinh nghiệp báo sai khác nói: Nếu nghiệp tăng thượng tâm, làm không hổ thẹn, làm rồi, làm nữa, không có tâm cải hối đó là nghiệp quyết định; hoặc nghiệp không phải tâm tăng thượng, tuy tạo ác nghiệp mà lòng thường hổ thẹn đó là nghiệp bất định. Chỉ biết các nghiệp chẳng hối hận, phi đạo làm tổn Phật có thể có thọ

lãnh quả bị tổn hại liền không có nghĩa thọ quả. Nhưng Kinh nói Chỉ-man cho đến A-la-hán còn thọ nghiệp quả. Khi còn trú trong phàm phu hoặc sơ quả nhị quả, nay thân quyết định đắc A-la-hán từ đó đặt tên, chẳng phải khi thọ quả gọi là A-la-hán. Lại gặp duyên tốt cần phải phát tâm hối lỗi tàm quý nhập Thánh đạo tội nghiệp mới trừ, tuy gặp duyên tốt mà không có tâm hối cải tám quí thì cũng không thể nhập Thánh đạo, cho đến Chư Phật cũng không thể chuyển. Dòng họ Thích ở thành Ca-tỳ-la bị sát hại, tuy đắc sơ quả nhưng biệt báo nghiệp ở sơ quả không thể trừ. Lại chẳng chịu lắng nghe Đại thừa hối hận hổ thẹn thâm tâm khẩn thiết cho nên thọ nghiệp trước. Chỉ nghe qua Đại thừa mà siêng năng tha thiết hối hận thì cũng không bị sát hại, đắc A-la-hán không thọ các khổ, cho dù có bị sát hại cũng chẳng phải nghiệp quả; không vậy thì Chỉ-man giết người cả ngàn chỉ thiếu một người vì sao đắc Thánh quả! Lại nữa nếu không có tâm hối hận hổ thẹn và phục đoạn diệt các tội nghiệp, thì hữu tình bèn không có kỳ hạn được thọ Thánh vị, do đó nên biết nói đầu nói là tốt ứng đồng Niết-bàn Du-già làm chánh.

Kinh: "Nếu có người trì danh hiệu cho đến tên là Quán Thế Âm". Dưới thứ hai riêng hiển có nguy ách xưng danh đều được thoát, có bảy đoạn chia làm hai: Ba đoạn đầu nói thủy, hoả, phong, tam tai, bốn đoạn sau tạp tai. Đây là đoạn đầu, Hỏa tai lớn nhỏ đều có thể tổn thương, niệm danh hiệu Quán Âm thì tất cả không bị đốt, nước sâu mới có thể tổn hại cho nên được ở nơi cạn. Gió nhẹ không tổn, gió nặng mới tổn thương, hắc phong chắc tổn thương người, do đó riêng nói gặp gió, dù chẳng phải hắc phong cũng đâu bị tổn hại! Đoạn nói gió có bốn: 1. Cầu báu gặp gió. 2. Người thiện dạy niệm. 3. Khỏi tai nạn. 4. Kết danh nhân.

- Kinh: "Nếu lại có người cho đến liền được giải thoát".

- Tán: Đây bốn thứ tạp tai:

1. Hình phạt không tổn thương.

2. Phi nhân không hại.

3. Trói buộc được giải thoát.

4. Oán tặc không tổn hại.

Trói tay gọi là gông cùm, trói chân gọi là xiềng xích tức là gông cùm nói chung là bị lao tù trói buộc. Luận Trí độ nói: Như gió không vào được, như nước không chảy ngược lên hư không không bị hại, không có nghiệp cũng như vậy. Vì sao vô tội bỗng bị tù đày tai ương. Đây căn cứ hiện tại không làm gọi là vô tội, chẳng phải trước không làm. Làm tụng nhà lửa nói: Người chê bai kinh, hoặc bị người khác phản nghịch đoạt

cướp trộm cắp như vậy các tội bao trùm rộng lớn tai ương, do trước chê bai kinh cho nên biết có tội. Trong oán tặc không hại có bốn: 1. Trải qua các nạn xứ. 2. Khuyên niệm danh. 3. Y mạng. 4. Giải thoát. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói Đức Phật bảo Kiên ý có 1 cây Dược Thọ tên là Diệt trừ, khi Đại quân đánh nhau có vô lượng người bị trúng tên độc, lúc ấy thầy thuốc đem cây Dược vương xoa bôi vào mặt trống ở trong chúng đánh phát ra âm thanh làm vô lượng tên độc đồng thời tự mất Chư Phật Bồ-tát trú trong Thủ lăng Nghiêm Tam-muội lực, có người xưng danh nhớ nghĩ thì vô lượng tội cấu tự nhiên diệt trừ, như một vị đề hồ có khả năng lành các thứ bệnh.

- Kinh: "Vô tận ý cho đến cao lớn như thế".

- Tán: Kết bảo uy thần tướng mạo cao lớn.

- Kinh: "Nếu có chúng sanh cho đến thường phải một lòng nhớ tưởng".

- Tán: Đây ý nghiệp qui y, dùng tha tâm thông quán tâm cứu giúp có hai: Trước nói quán ba ý, sau kết uy thần. Lại nêu ba độc không phải chỉ vậy, tất cả phiền não niệm đều diệt.

- Kinh: "Nếu có người nữ cho đến danh hiệu Bồ-tát".

- Tán: Đây thân nghiệp qui y. Dùng mắt trời thông quán sắc. Cứu giúp, cứu giúp có hai: Trước nói quán hai thân nghiệp, sau kết phước khuyên trì, không phải chỉ từng ấy nghiệp, mà lại theo tình nêu lên.

- Kinh: "Vô tận ý cho đến phước đức lợi ích như thế".

- Tán: So sánh công đức trì danh hơn kém có bốn:

1. Vấn.

2. Đáp.

3. Thành.

4. Kết.

Luận này nói so sánh sáu mươi hai hằng hà sa Phật. Kinh đây lại nói sáu mươi hai hằng hà sa Bồ-tát. Đây có hai giải thích: 1. Nói Kinh đúng luận lầm, Bồ-tát đem so sánh, đâu được dùng Phật so sánh với số Bồ-tát? Chỉ như trong kinh Thập Luân chỉ dùng Địa Tạng so sánh với Di-lặc, Văn-thù, Quán Âm, cũng không so sánh với Chư Phật. Nếu không vậy, lẽ ra Đức Phật công đức ít hơn Bồ-tát! 2. Nói y luận cũng không lầm, Quán Âm từ lâu đã thành Phật không xả bỏ Bồ-tát hạnh nên thị hiện làm Bồ-tát, đâu được không sánh với Như-lai ư! Chỉ như Quán Âm thành Phật công đức cõi nước hơn Vô lượng thọ, tất cả Phật thân đâu có hơn kém ư! Cho nên biết chỉ là lời khuyên tín. Tuy Kinh so sánh Bồ-tát, luận giải sánh với Chư Phật cũng không lỗi lầm, cả hai

đều không sai. Trong luận giải thành có hai giải thích: 1. Tín lực 2. Rốt ráo biết.

Tín lực có hai: 1. Cầu ngã thân như Quán Âm rốt ráo tin nghĩa là cầu ngã và sáu mươi hai hằng hà sa Phật thân cùng Quán Âm, tín tâm không sai khác, sư cầu Thánh số nhiều ít dù sai khác, nhưng công đức không sai khác, nhân tâm bình đẳng cho đến. 2. Sanh tâm cung kính, như công đức kia Ta cũng đắc rốt ráo, nghĩa là như thân Quán Thế Âm từ lâu đã thành Phật cho nên có trí tuệ công đức, Ta niệm sáu mươi hai hằng hà sa Phật cũng rốt ráo đắc công đức của Chư Phật đây, tin Phật Bồ-tát công đức không sai khác. Hai thứ này là tín lực. Trước là không quán cảnh nhiều ít hơn kém chỉ có tín tâm bình đẳng cho đến sau quán cảnh nhiều ít tuy sai khác nhưng công đức không sai khác, tín tâm cung kính cũng không có hai, cho nên phước không sai khác. Thứ hai rốt ráo biết là quyết định biết pháp giới, đây do Quán Âm đã đắc rốt ráo biết pháp giới cho nên cùng Phật không khác, năng chứng pháp giới bình đẳng không hai, cho nên thành phước bắng nhau cho đến Pháp giới tức pháp tánh nhập Sơ địa Bồ-tát năng chứng thân bình đẳng của tất cả Phật Bồ-tát cho đến Thân bình đẳng: Nghĩa là chân như pháp thân, huống chi Thập địa mãn. Cho nên, thọ trì danh Quán Thế Âm cùng sáu mươi hai hằng hà sa Phật công đức không khác, nếu không như vậy thì Bồ-tát đâu có thể hơn Phật ư! Lại đem số Phật tứng ấy để khen ngợi khuyên phát tâm, Kinh Thập Luân quyển một nói: Giả sử đối với các ngài Di-lặc. Diệu Cát Tường - Quán Tự Tại. Phổ Hiền mà làm thượng thủ, hằng hà sa đẳng các đại Bồ-tát ở trong một trăm kiếp dốc lòng qui y xưng danh, niệm tụng lễ bái cúng dường cầu các sở nguyện, không bằng có người chỉ khoảng một niệm dốc lòng qui y xưng danh niệm tụng, lễ bái cúng dường Địa tạng Bồ-tát cầu các sở nguyện, mau được đầy đủ. Lại nữa, như vậy chúng sanh đời mạt pháp có duyên nên nghe, do đó riêng khen ngợi, nếu không như vậy Bồ-tát cũng lẽ ra hơn Phật, các vị Bồ-tát lẽ ra có hơn kém.

- Kinh: “Vô tận ý cho đến việc đó thế nào”.

- Tán: Dưới đoạn lớn thứ hai vấn đáp hành hóa có bốn:

1. Vấn.

2. Đáp.

3. Dâng cúng.

4. Kết bảo.

Đây là phần đầu. Du là dạo đi tự lợi tức là thần thông; vì nói pháp là giáo hóa lợi tha, lực phương tiện nghĩa là hai thứ trên, trí tuệ khéo léo

dụng ứng vật tâm để cứu giúp.

- Kinh: "Phật bảo cho đến mà vì đó nói pháp".

- Tán: Đáp có ba:

1. Hóa thân nói pháp.
2. Kết trước khuyên bày.
3. Năng cứu nạn gấp.

Đây là phần đầu, hợp mười chín thứ chia làm tám loại ứng thân Thánh có ba, ứng thân trời có sáu, ứng quân thần có năm. Tâm bình, tánh trực, lời nói thật hành đầy đủ, tuổi già tài vật dư thừa gọi là trưởng giả, giữ đạo tự yên, ít dục, chứa đức gọi là cư sĩ, ở địa vị đến gần tột gọi là tể quan. Ứng bốn chúng có một, ứng phụ nữ có một, ứng đồng nam nữ có một, ứng bát bộ có một, ứng thần cầm chày kim cương có một, tay cầm Kim cương Quán Âm khác tượng.

- Kinh: "Vô tận ý cho đến là vị Thí Vô úy".

- Tán: Trong đây có hai:

1. Kết trước khuyến bày.
2. Năng cứu giúp gấp nạn. Thí độ có ba: 1. Tài. 2. Vô úy. 3. Nói pháp. Nói pháp là pháp thí, cứu nạn là vô úy thí, khiến được châu báu là tài thí.

- Kinh: "Vô tận ý cho đến Tháp Phật Đa-bảo".

- Tán: Dâng cúng có bảy:

1. Bạch Phật.
2. Dâng cúng.
3. Quán Âm không nhận.
4. Trình bày bạch thỉnh nhận.
5. Phật dạy khiến nhận.
6. Quán Âm nhận.
7. Chuyển thí cúng dường Ruộng phước khó gặp nên thí thuận đạo lý nên chân chánh hành nên cầu Bồ-đề nên gọi là pháp thí.

Không thọ có ba: 1. Thiểu dục. 2. Pháp nhĩ. 3. Chuyển thí. Sợ trái với tâm kia do đó không nhận. Bài kệ trong Luận Đại Trang Nghiêm chép:

Nếu chuyền tay bố thí
Tay ấy gọi "Nghiêm thắng"
Người nhận co tay lấy
Nghiêm thắng lại hơn kia
Nếu nói Ta thí cho
Lời ấy giá khó lường

Người nhận nói ta đủ
Khó lường lại hơn kia.

Trong kinh Thiên Thỉnh Vấn Đức Phật cũng nói: Người thí gọi là được lợi, người nhận gọi là mất lợi, cho nên Bồ-tát không chịu thọ nhận. Vì thương bốn chúng nên mới thọ nhận: 1. Là khiến tùy hỷ. 2. Là muốn học hạnh cứu khổ nạn nên gọi là Thương.

- Kinh: “Vô tận ý cho đến thế giới Ta bà”.

- Tán: Kết bảo.

- Kinh: “Lúc bấy giờ cho đến gọi là Quán Thế Âm”.

- Tán: Dưới tụng lại hai nghĩa Danh và Hạnh ở Văn xuôi nói. Chia làm hai: một hàng tụng hỏi, hai mươi lăm năm hàng sau tụng đáp. Một hàng đầu, chỉ hỏi nguyên nhân tên gọi gồm đáp hành hóa.

- Kinh: “Đấng đầy đủ tướng tốt cho đến hay diệt khổ các cõi”.

- Tán: Dưới Phật bảo chia làm bốn:

1. Ba hàng tụng nói chung hứa nói.
2. Mười hai hàng tụng chánh đáp nguyên nhân tên gọi.
3. Ba hàng tụng đáp hành hóa.
4. Bảy hàng tụng khen ngợi công đức khuyên qui y.

Đây là phần một. Chia làm ba: Một hàng tụng tổng đáp ứng các phương, danh hạnh cùng nói, tiếp một hàng tụng bàn luận nhân hạnh xưa, phát nguyện gặp duyên nhiều kiếp tu hành hạnh không thể nghĩ bàn, sau một hàng tụng trình bày danh hạnh, tai mắt từng nghe thấy, để tâm niệm không lầm lẫn, định năng diệt khổ.

- Kinh: “Nếu như sanh lòng hại cho đến liền đặng tiêu tan hết”.

- Tán: Đây mười hai hàng tụng chánh đáp nhân nơi tên gọi chia làm chín: một hàng trừ nạn lửa, một hàng trừ nạn nước, hai hàng trừ nạn núi, hai hàng trừ nạn đao, một hàng trừ nạn giam cầm, một hàng trừ nạn nguyền rủa, là chú thuật vậy. Dùng lời thiện ác chúc nhau gọi là chú, trớ là trở, khiến người hành sự cản trở đối với lời nói có châm biếm, chẳng phải nghĩa đây. Như Thầy thuốc giỏi ban đầu động đến người bệnh xem sau khiến cho thuốc lành, cho nên ban đầu bám lấy bổn nhân sau khiến phát sanh ý thù thắng. một hàng là trừ nạn phi nhân hai hàng trừ nạn đường ác. một hàng Trừ nạn thiên tai. Mây kéo sấm nổ, Tây vức gọi là tiếng mây, sét đánh phương đây gọi là âm dương chạm nhau lóe sáng.

- Kinh: “Chúng sanh bị khổ ách cho đến dần đều khiến dứt hết”.

- Tán: Đây đáp hạnh hóa. một hàng tụng nói chung trừ khổ, một hàng tụng năng hiện các thân, một hàng tụng biệt chỉ bày trừ khổ.

- Kinh: “Chân quán tanh tịnh quán cho đến cho nên phải đảnh lễ”.

- Tán: Đây sau bảy hàng tụng khen ngợi công đức khuyên qui y chia làm sáu, một hàng nêu năm quán khuyên nguyện thường chiêm ngưỡng. Có bản dùng chữ “sẽ” không đúng. Hiện thường nguyện chẳng phải đang mới bắt đầu nguyện; một hàng nêu đại trí năng diệt tai nạn; một hàng nêu pháp thí năng trừ phiền não. Đại bi thế giới tợ như sấm động, nói răn khuyên mới nói giới đầy đủ. Văn xưa dùng chữ răn bảo. Ý từ che phủ như diệu đại vân. Có bản dùng Từ âm đây là chép lầm. Tiếng phạn gọi là Mai dát lợi mạt na; một hàng tụng vô úy thí năng trừ sự sợ hãi; một hàng nêu tài thí năng trừ nghèo khổ cũng như sóng biển chắc chắn ứng thời năng diệt các khổ. Nhân Kinh khởi niệm đây có năm âm: Diệu âm ban vui, Quán Âm cứu khổ, Phạm âm tịnh sâu, Triều âm ứng thời, Thắng âm ra đời. Hai hàng sau khuyên niệm.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Trì Địa Bồ-tát cho đến công đức không ít”.

- Tán: Bồ-tát Trì Địa khen ngợi. Kinh Bảo Vân nói Bồ-tát có mười pháp gọi là Trì Địa Tam-muội:

1. Như đất rộng lớn vô lượng vô biên, Bồ-tát cũng vậy công đức trí tuệ trang nghiêm nguyện hạnh vô lượng vô biên.

2. Như đất cho chúng sanh nương ở, đều thuận theo ý muốn hợp xứng ý cung cấp đầy đủ cứu giúp không ngăn ngại, Bồ-tát cũng vậy, lục độ hành đủ thảy đều ban cho tâm không ngăn ngại.

3. Như đất không tốt xấu có báo hơn cũng không vui buồn, Bồ-tát cũng vậy nuôi dưỡng chúng sanh không mong báo đáp.

4. Như đất mây mưa rót khắp thảy đều dung nạp kham nổi tất cả, Bồ-tát cũng vậy, tất cả Chư Phật hưng khởi mây đại bi mưa pháp thấm khắp như các pháp ấy thảy đều thọ trì.

5. Như đất tất cả cỏ cây lùm rừng và cùng chúng sanh đi đứng nằm ngồi thảy đều y đó, Bồ-tát cũng vậy, tất cả chúng sanh tu hành đường lành, Nhị thừa học pháp Niết-bàn đều nhân Bồ-tát mà có.

6. Như đất tất cả hạt giống nương sanh, Bồ-tát cũng vậy tất cả thiện nghiệp hạt giống trời người đều y Bồ-tát mà được lớn lên.

7. Như đất năng xuất tất cả các báu, Bồ-tát cũng vậy công đức thiện bảo tất cả sự an vui đầy đủ đều xuất từ Bồ-tát.

8. Như đất xuất các thuốc hay năng trị các bệnh, Bồ-tát cũng vậy, năng xuất tất cả pháp dược, năng trừ tất cả các bệnh phiền não.

9. Như đất gió nhổi không năng động, ve ong bọ hung không thể làm tổn hại, Bồ-tát cũng vậy, tất cả các duyên trong ngoài bức não

không thể nhiễu động.

10. Như đất Sư tử hống rồng voi sấm chớp không thể làm kinh sợ, Bồ-tát cũng vậy, tất cả chín mươi lăm thứ ngoại đạo không thể lay động. Có đủ mười việc này Bồ-tát gọi là Trì địa Tam-muội, đắc Trì địa Tam-muội nên gọi là Trì địa, hoặc tu trì mười địa gọi là trì địa. Nói tự tại: Nhiếp luận, Hoa Nghiêm đều nói mười thứ.

Hoa Nghiêm nói: 1. Tuổi thọ tự tại vô biên kiếp trú. 2. Tâm tự tại xuất vô số định nhập thâm trí. 3. Trang nghiêm tự tại năng trang nghiêm tất cả cõi nước, cho nên Nhiếp luận gọi là Chúng cụ tự tại. 4. Nghiệp tự tại tùy thời thọ báo. 5. Sanh tự tại ở trong các cõi thị hiện sanh. 6. Giải thoát tự tại thấy tất cả cõi, Chư Phật đầy đủ nên Nhiếp luận gọi là Thắng giải tự tại. 7. Dục tự tại tùy thời cõi nước thành Bồ-đề. 8. Thần lực tự tại thị hiện tất cả thần biến. 9. Pháp tự tại thị hiện vô lượng vô biên pháp môn. 10. Trí tự tại trong mỗi niệm thị hiện giác ngộ Như-lai thần lực vô sở úy, Nhưng cùng Nhiếp luận giải thích có chút ít sai khác, hành lục độ đắc rộng như Nhiếp luận, nay đây tức thần lực tự tại, hiện khắp các môn.

- Kinh: "Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này cho đến tâm chánh đẳng chánh giác".

- Tán: Kết thành lợi ích đường thời.

PHẨM ĐÀ LA NI

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này: Luận nói vì che chở chúng sanh bị các nạn như trước đã giải thích.

II. Giải thích tên phẩm: Tiếng phạm Đà-la-ni Hán dịch là Tổng trì, lấy niệm tuệ làm thể, do tóm lược một số bí mật không có nghĩa văn tự, thần lực gia trì uy linh chẳng thể lường dẹp tà trấn ác, dưng chánh dương thiện gọi là Đà-la-ni, phẩm này nêu rõ nghĩa này nên gọi tên Phẩm Đà-la-ni.

III. Giải đáp chướng nạn:

Hỏi: Tổng trì có bốn: Đắc Pháp. Nghĩa, Biện Tài, Từ vô ngại giải, như thứ lớp phối hợp nói bốn. Đây nói gì?

Đáp: Trong văn xuôi nói Pháp, Nghĩa trì, nay đây chú trì, vì hộ hai pháp trước, do đó nêu rõ, không đắc vô sanh pháp nhẫn tổng trì.

- Kinh: "Lúc bấy giờ ngài Dược Vương cho đến công đức rất nhiều".

- Tán: Phẩm văn chia làm ba:

1. Nói phước trì Kinh.
2. Nêu phương thần lực.
3. Nêu chúng đương thời được lợi ích.

Đây là phần đầu có hai:

Trước hỏi sau đáp. Trong đáp có ba: 1. Hỏi ngược. 2. Đáp thẳng. 3. Phật nói.

- Kinh: "Lúc ấy ngài Dược Vương cho đến được nhiều lợi ích".

- Tán: Dưới là nói phương thần chú có năm, hợp làm ba loại: Đầu hai Thánh, tiếp hai Thiên, sau mười Thần. Đây Thánh có bốn:

1. Nêu.
2. Nói.
3. Kết thắng.
4. Phật khen ngợi.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Dũng Thí cho đến xâm hủy các Đức Phật đó rồi".

- Tán: Đây hai Thánh có bốn:

1. Nêu.

2. Công đức.

3. Chánh nói.

4. Kết thắng.

- Kinh: "Bấy giờ Tỳ Sa-môn cho đến không có các điều tai hoạn".

- Tán: Nêu hai trời, trong đây văn có ba: Trước nêu, kế nói, sau kết thắng. Tỳ Sa-môn đây gọi Học rộng, là vua ở phương Bắc trong Tứ thiên vương, thường khen ngợi Phật pháp.

- Kinh: "Bấy giờ Trì Quốc Thiên vương cho đến các Đức Phật đó rồi".

- Tán: Văn sau nói Thiên vương, có ba: Trước nêu, tiếp nói, sau kết thắng. Đây tức Đông diện thiên vương.

- Kinh: "Bấy giờ có những La-sát nữ cho đến pháp sư như thế".

- Tán: Đây mười thần, có bảy:

1. Nêu danh.

2. Thỉnh nói.

3. Chánh nói.

4. Khuyên chớ não hại Pháp Sư.

5. Lại nói kệ dụ tội.

6. Thỉnh thân hộ.

7. Phật tán dương, có ba:

a. Tổng khen ngợi.

b. Biệt khen ngợi.

c. Khuyên khen ngợi.

- Kinh: "Lúc nói phẩm Đà-la-ni này cho đến đắc vô sanh pháp nhẫn".

- Tán: Đoạn nói chúng đương thời được lợi ích.

PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này có hai:

1. Luận nói công đức thắng lực, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương thị hiện, đây là nói Tịnh Tạng, Tịnh Nhẫn trì Kinh Pháp Hoa nhân, viên đạo hiển, công đức thắng lực dẫn dắt vua cha hồi tà kiến được thọ ký đương lai thành Phật, đây đều do lực công đức của Kinh Pháp Hoa, nói duyên xưa kia lợi ích thời hội nên có phẩm này.

2. Trước phẩm Diệu Âm nêu rõ Hoa Đức Bồ-tát thưa hỏi Diệu Âm sở đắc Tam-muội, nhân đây tự đắc Pháp Hoa Tam-muội, nay Diệu Trang Nghiêm Vương tức là Hoa Đức, chưa đắc Tam-muội, trở về trước làm Diệu Trang Nghiêm vốn chấp tà kiến. Nay nói hai con khuyên nói vua cha làm thiện tri thức không phân biệt oán thân, để chỉ bày cho mọi người khiến mở mang kinh này, cho nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Vua thế tục quý châu báu dùng để tô điểm dung mạo, bỏ tà về chánh, thắng pháp bảo mà làm thể của ngọc cho nên gọi là Diệu Trang Nghiêm vương, do nhân duyên đời trước nên gọi là bổn sự.

III. Giải đáp các vấn nạn:

Hỏi: Phẩm này chính là nói Tịnh Tạng Tịnh Nhãn làm thiện tri thức, vì sao không lấy đó đặt tên phẩm?

Đáp: Do công đức thì thắng bỏ tà về chánh chính là thân vua Diệu Trang Nghiêm, chẳng phải hai người con, tuy là bạn lành của cha nhờ công đức ấy mà thân nhập chánh, lại trước Hoa Đức tức là Diệu Trang Nghiêm, muốn hợp thân kia nên lấy đặt tên, lại Tịnh tạng Tịnh Nhãn tức Dược vương Dược Thượng, trước đã nêu rõ Dược vương, sợ đề danh lạm nên không nói.

- Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo cho đến Kiếp tên Hỷ Kiến".
- Tán: Phẩm văn chia làm bốn:

1. Trình bày bổn duyên.
2. Hợp xưa nay.
3. Khuyên người qui lễ.
4. Kết thành chúng lợi ích.

Văn đầu lại có bốn: 1. Trình bày thời. 2. Nêu Phật. 3. Nêu Bồ-tát

cha con. 4. Nói rộng lên lý do. Đây là hai phần nêu thời và Phật.

- Kinh: "Trong pháp hội của Phật cho đến hai tên là Tịnh Nhãn".

- Tán: Nêu Bồ-tát cha con.

- Kinh: "hai người con đó cho đến cũng đều thấu suốt".

- Tán: Rộng nêu rõ lý do có bốn:

1. Khen ngợi đức của hai con.

2. Nêu thời Phật nói pháp.

3. "Lúc bấy giờ Tịnh Tạng Tịnh Nhãn" cho đến nêu hai con giáo hóa cha.

4. "Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước giao cho em" cho đến xuất gia thu hoạch lợi ích.

Đây là phần đầu, chia làm ba: 1. Nêu thành phước trì. 2. Riêng nêu bốn đức. 3. Nêu bảy định. bốn đức: 1. Lục độ. 2. Phương tiện khéo léo có mười hai: Bi tâm, cố luyến, hiểu biết các hành, ưa diệu trí Phật, thường ở trong sanh tử, luân hồi không nhiễm, tinh tấn mạnh mẽ, sáu thứ này là bên trong. Khiến dùng ít thiện cảm quả vô lượng, khiến dùng chút sức nhiếp đại gốc lành, người ghét Thánh giáo thì trừ nhuế não người, trú ở giữa đó khiến kia hướng vào, đã vào rồi khiến cho thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát, sáu thứ này là ngoài. 3. Tứ vô lượng. 4. Ba mươi bảy đạo phẩm. Trong các Tam-muội tịnh là đoạn chướng chứng chân. Nhật tinh tú: là mặt trời rộng lớn phá như các ngôi sao phá tan sự tối tăm, cho nên Tịnh quang là phát ra ánh sáng lớn, Tịnh sắc là hiện các sắc mầu nhiệm, Tịnh Chiếu Minh là chiếu sáng Phật pháp, Trường trang nghiêm là chứng đắc công đức không khô héo, Đại uy đức là khởi thần thông.

Lúc ấy Đức Phật kia... nói kinh Pháp Hoa này.

- Tán: Nói về Phật đương thời nói pháp.

- Kinh: "Bấy giờ Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn cho đến nên nghe và tin nhận".

- Tán: Hai con giáo hóa vua cha có năm:

1. Thưa mẹ đến chỗ Phật.

2. Mẹ sai con giáo hóa cha.

3. Theo lời dạy hành hóa.

4. "Lúc đó nơi hậu cung của vua Diệu Trang nghiêm vương có tám muôn bốn ngàn người" cho đến tín tâm qui y Phật.

5. "Lúc đó Đức Phật kia nói pháp cho vua nghe" Đức Phật ứng dẫn dắt lợi ích. Đây là phần đầu có hai: Nêu và giải thích.

- Kinh: "Mẹ liền bảo con rằng" cho đến cùng nhau đồng đi".

- Tán: Mẹ khiến con giáo hóa cha.

- Kinh: “Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn cho đến sanh vào nhà tà kiến này”.

- Tán: Theo lời dạy thực hành giáo hóa có chín:

1. Hai con hận sanh.
2. Mẹ khiến nhớ đến cha.
3. Thuận lời liền hóa.
4. Cha thấy vui mừng hỏi.
5. Hai con đều đáp.
6. Cha trình bày muốn đến.
7. Báo mẹ thỉnh xuất gia.
8. Mẹ liền hứa.
9. Thưa cha mẹ đến chỗ Phật. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Mẹ bảo con rằng cho đến qua đến chỗ Phật”.

- Tán: Mẹ khiến nghĩ đến cha.

- Kinh: “Lúc ấy hai người con cho đến tâm thanh tịnh tin hiểu”.

- Tán: Thứ ba, là thuận theo lời nói hành giáo hóa. Trước nêu kế giải thích sau là kết.

- Kinh: “Bấy giờ cha thấy con cho đến con là đệ tử”

- Tán: Cha thấy vui mừng hỏi và hai con đều đáp.

- Kinh: “Cha nói với con rằng cho đến xin cho chúng con xuất gia”.

- Tán: Cha trình bày muốn đến. Thưa mẹ xin xuất gia. Thưa mẹ xin xuất gia có hai: Trước nói cha tín tâm, sau xin mẹ xuất gia. Xuất gia rộng lớn dụ hư không. Như Khế Kinh nói: Chim công tuy có màu sắc tô điểm thân mình không bằng hồng hạc năng bay xa, người tại gia tuy có sức giàu sang mà không bằng công đức xuất gia thù thắng. Kinh Thập Luân nói: Hoa Chiêm bác ca tuy héo còn hơn các hoa tươi tinh kiết, các Tỳ-kheo phá giới hành vi ác còn hơn các ngoại đạo tinh tấn, do đó hai con thỉnh xin mẹ cho xuất gia.

- Kinh: “Mẹ liền bảo con rằng cho đến thời gặp Phật cũng khó”.

- Tán: Mẹ liền chấp nhận. Bạch song thân đến chỗ Phật, có ba: Trước nêu thỉnh, kế là giải thích thỉnh, sau kết thỉnh.

- Kinh: “Lúc đó nơi hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm cho đến ưa mến Phật pháp”.

- Tán: Phần Trong con giáo hóa cha thứ tư. Tín tâm qui y Phật có ba: Trước nêu đạo khí kham thành, tiếp hai con khéo hóa, sau mọi người đến chỗ Phật. Đây là hai phần đầu. Trong đạo khí thành có bốn: 1. Hậu

cung. 2. Tịnh Nhãn. 3. Tịnh Tạng. 4. Phu nhân.

- Kinh: "Bây giờ, vua Diệu Trang Nghiêm vương cho đến đứng qua một bên".

- Tán: Đây mọi người đến chỗ Phật.

- Kinh: "Lúc đó Đức Phật kia cho đến phát ra ánh sáng".

- Tán: Hai con giáo hóa cha và Phật nên dẫn dắt lợi ích có bốn:

1. Phật khéo nói pháp.

2. Vua mở chuỗi chơn châu cúng thí.

3. Vua nghĩ sắc thân Phật.

4. Đức Phật hỏi thọ ký thành.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ vua Diệu Trang Nghiêm cho đến công đức như thế".

- Tán: Vua nghĩ sắc thân Phật và Phật hỏi thọ ký thành. Trong Phật hỏi thọ ký thành, gồm hỏi và thọ ký. Trong thọ ký có sáu:

1. Nhân.

2. Thể.

3. Nước.

4. Kiếp.

5. Chúng.

6. Cõi.

- Kinh: "Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước cho đến trang nghiêm Tam-muội".

- Tán: Đây rộng nêu lý do, thứ tư xuất gia được lợi ích có sáu:

1. Xuất gia.

2. Tu hành đắc định.

3. Bay lên hư không bạch Phật.

4. Khen ngợi ấn rộng trình bày.

5. Từ hư không xuống tán nguyện.

6. Nói rồi lạy Phật mà ra.

Đây là hai phần đầu.

- Kinh: "Liền bay lên hư không cho đến đến sanh vào nhà con".

- Tán: Bay lên hư không bạch Phật có ba: Trước bay lên hư không, tiếp chánh bạch, sau kết khen ngợi.

- Kinh: "Lúc đó đức Vân lôi Âm vương cho đến được gặp thiện tri thức".

- Tán: Khen ngợi ấn rộng trình bày có ba: Trước nêu nhân xưa mới gặp bạn lành, tiếp giải thích nghĩa bạn lành lợi ích, sau nêu nhân hai con

là bạn lành. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Vị thiện tri thức cho đến tâm chánh đẳng giác”.

- Tán: Đây giải thích nghĩa bạn lành lợi ích có hai: Trước nêu chỉ dạy cho lợi ích vui mừng khiến chứng quả đại Bồ-đề, sau hiển khiến được thấy Phật nhân phát Bồ-đề tâm. Kinh Thiện giới và Bồ-tát Địa nói: Thân gần bạn lành là giới không thiếu khuyết, học rộng tu chứng, ai mẫn, vô úy, kham nhẫn, không lười mỏi, nguyện, ngôn từ biện rõ, gọi là tướng bạn lành, cầu thí lợi lạc ở đây chánh tri, có lực, thiện quyền, nhiêu ích, không xả, đại bi không bè phái, gọi là bạn lành, tạo tác không luống dối, oai nghi viên mãn ngôn hành thuần hậu, không biếng nhác, không ganh ghét, tiết kiệm, tùy xả, can gián, khen ngợi, khiến nhớ, giáo thọ, giáo giới năng vì nói pháp, đó gọi là bạn lành. Có thể làm chổ nương tin, có bệnh không bệnh ái kính, cung cấp, phụng dưỡng, thăm hỏi, nghinh lễ, tu hòa kính nghiệp, bốn việc đầy đủ vật không thiếu, ứng thời, cẩn kính thừa sự vấn hỏi lắng nghe không động gọi là gần gũi. Kinh Niết-bàn chép: Thiện tri thức nghĩa là Phật, Bồ-tát, Bích Chi Phật, Thanh-văn trú trong loài người. Kinh Phương Đẳng nói: Vì sao gọi là Thiện tri thức ư? Vì thiện tri thức năng dạy mọi người xa lìa mười ác tu hành mười thiện nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa Thiện tri thức như pháp mà nói, như lời nói mà tu hành. Vì sao gọi là như pháp mà nói, như lời nói mà tu hành? Vì tự mình không sát sanh dạy người không sát sanh, cho đến tự hành chánh kiến dạy người hành chánh kiến, nếu có thể như vậy thì được gọi là thiện tri thức. Người thiện nam! Trăng giữa hư không từ đầu tháng ngày một đến ngày mười lăm dần dần thêm lớn, thiện tri thức cũng giống như vậy khiến người học đạo xa dần ác pháp thêm lớn thiện pháp.

Theo Kinh Hoa Nghiêm Bồ-tát có mười hạng thiện tri thức. Những gì là mười: 1. Năng khiến an trú tâm Bồ-đề. 2. Năng khiến tu tập gốc lành. 3. Năng khiến rốt ráo các Ba-la-mật. 4. Năng khiến phân biệt giải nói tất cả pháp. 5. Năng khiến an trú thành tựu tất cả chúng sanh. 6. Năng khiến đầy đủ biện tài hỏi năng đáp. 7. Năng khiến không đắm trong tất cả sanh tử. 8. Năng khiến ở trong tất cả kiếp hành Bồ-tát hạnh tâm không biếng nhác. 9. Năng khiến an trú hạnh Phổ Hiền. 10. Năng khiến thâm nhập trí Phật. Lại thiện tri thức là cha mẹ lớn lên tất cả gốc lành cho ta, lại là vị thuốc hay cứu trị các bệnh, lại làm mắt sáng dắt đường cho chúng ta, lại làm nhật nguyệt khai chiếu mở đường chánh giác ra đời, cho đến nói rộng. Thiện tri thức ấy phạm hạnh hoàn toàn giáo hóa khiến ta thấy Phật gọi là đại duyên, khiến phát vô thượng đại

Bồ-đề tâm gọi là đại nhân, do nhân duyên đây khiến chứng Quả Phật gọi là thành Phật sự.

- Kinh: "Đại vương! Ông thấy hai người con này chăng cho đến làm cho trú trong chánh kiến".

- Tán: Đây nêu rõ nhân hai con làm bạn lành.

- Kinh: "Vua Diệu Trang Nghiêm cho đến như quả tần bà".

- Tán: Từ hư không xuống tán nguyện có hai: Trước khen ngợi năm đức, sau phát sáu nguyện. Đây là phần đầu. Quả tần bà màu sắc đỏ lại ướt nên lấy làm dụ.

- Kinh: "Bấy giờ vua Diệu Trang Nghiêm vương cho đến chẳng sanh tâm ác".

- Tán: Dưới phát sáu nguyện: Trước nêu khen ngợi Phật pháp, sau riêng phát sáu nguyện. Hoặc giáo hoặc giới hành các nơi chốn, thảy đền an ổn, chúng sanh lìa ác mà nhiếp thiện.

- Kinh: "Vua thưa lời đó rồi lạy Phật mà lui".

- Tán: Nói rồi mà lui ra.

- Kinh: "Phật bảo Đại chúng cho đến Bồ-tát"

- Tán: Đoạn thứ hai, hợp xưa nay.

- Kinh: "Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát đây cho đến cũng nên lễ lạy".

- Tán: Đoạn thứ ba khuyên người qui lễ, gồm khen ngợi và khuyên.

- Kinh: "Lúc Phật nói phẩm này cho đến đắc pháp nhãn tịnh".

- Tán: Đoạn thứ tư kết thành thắng ích. Đối Pháp Quyển chín chép: Đạo Vô gián năng lìa trần, đạo giải thoát năng lìa cấu, do hai thứ đầy đủ nên gọi là đắc pháp nhãn tịnh chứng sơ quả.

PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp các vấn nạn.

I. Vì sao có phẩm này: Luận nói sức hộ pháp, phẩm Phổ Hiền và phẩm sau thị hiện. Phẩm Chúc lụy Phật tự ba phen (tam chu) phó chúc hộ pháp. Phẩm này Bồ-tát khuyên phát mọi người hộ pháp nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Nhân từ tuệ ngộ gọi là Hiền, đức lợi đủ khắp gọi là Phổ, đây do trong chứng nhất chân, ngoài thành tựu muôn đức, do đó đức lợi đầy khắp nhân từ tuệ ngộ nên gọi Phổ Hiền. Lý thú Bát-nhã nói: Tất cả hữu tình đều là Như-lai tạng, Phổ Hiền Bồ-tát biến tự thể, do chứng lý trùm khắp hiền thiện, năng chứng đạo ấy gọi là Phổ Hiền. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: Phổ Hiền thân tướng nương nơi như như, không nương cõi Phật; hoặc do trong chứng lý hiền phổ biến đây, ngoài hiển ba nghiệp không chỗ nào không hiền, nên gọi là Phổ Hiền. Đây chính là đức tự lợi đặt tên. Dỗ dành, khích lệ gọi là khuyên, dẫn dắt chúng sanh gọi là phát, dạy bảo dẫn dắt khiến tin gọi là khuyên phát. Đây chính là đức lợi tha. Trong phẩm này nêu rõ Phổ Hiền Bồ-tát khuyên phát tín tâm trì kinh nhập đạo cho nên gọi là Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

III. Giải đáp các vấn nạn: Vì sao Phổ Hiền đến khuyên, mà chẳng phải ai khác đến?

Đáp: Muốn nêu rõ Tín thuận đạo chứng Nhất thừa ba nghiệp cử chỉ không gì không hiền.

- Kinh: “Lúc bấy giờ ngài Phổ Hiền cho đến đi quanh bên phải bảy vòng”.

- Tán: Phẩm văn chia làm sáu:

1. Phổ Hiền đến.
2. Khải bạch nghe kinh.
3. Phật bảo bốn pháp.
4. Phổ Hiền khuyến phát.
5. Phật Thích-ca khen ngợi và khuyên.
6. Chúng đương thời được lợi ích.

Đây là phần đầu, có bốn: 1. Từ phương đông đến. 2. Tướng các nơi đi qua. 3. Chúng tùy thuộc theo. 4. Đến rồi qui y đảnh lễ. Kinh Hoa

Nghiêm nói: Thân tướng Phổ Hiền nương nơi như như, không nương nơi Phật quốc. Luận Trí độ nói: Mỗi một lỗ chân lông của Bồ-tát Phổ Hiền thường xuất ra thế giới Chư Phật và Bồ-tát trùm khắp mười phương để giáo hóa chúng sanh không dựa vào trú xứ, nay nói từ phương đông đến, là căn cứ một hóa thân ứng cho chúng sanh thấy nghe làm luận.

Kinh Bảo Vân nói: Đại Bồ-tát có mười pháp thiện năng biến hóa: 1. Ở nơi 1 cõi Phật thân bất động, mà năng trùm khắp các cõi Phật thỉnh hỏi nói pháp. 2. Ở nơi một cõi Phật bất động năng trùm khắp các cõi Phật nghe nhận lý sâu xa. 3. Ở nơi một cõi Phật bất động năng trùm khắp các cõi Phật cúng dường Chư Phật mười phương. 4. Ở trong một cõi Phật bất động năng trùm khắp các cõi Phật trang nghiêm Bồ-tát thảy đều đầy đủ. 5. Ở trong một cõi Phật bất động mà cúng dường cung kính khen ngợi ở tất cả cõi Phật, khi mới thành Phật ngồi nơi đạo tràng dưới cây Bồ-đề. 6. Ở nơi một cõi Phật bất động năng dùng tự thân hiện tất cả cõi Phật ngồi nơi đạo tràng hiện thành Phật đạo. 7. Ở nơi một cõi Phật bất động năng hiện khắp các cõi Phật xoay bánh xe pháp. 8. Ở nơi một cõi Phật bất động năng hiện tất cả cõi Phật nhập Niết-bàn. 9. Ở nơi một cõi Phật bất động mà năng ứng thọ hóa ở tất cả cõi Phật, thảy đều hiện thân. 10. Bồ-tát đắc vô tác thần thông ở nơi tất cả mười phương cõi Phật không tác tưởng biến hóa không tác tưởng thần thông, tùy các chúng sanh thích ứng hiện, thảy đều hiện. Xét thấy ngài Phổ Hiền đây từ lâu đã thành Phật nay thị hiện làm Bồ-tát khuyên tu hạnh mầu. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Tuy đắc Phật đạo xoay bánh xe pháp mà không bỏ Bồ-tát đạo đó gọi là Bồ-tát hạnh.

- Kinh: "Bạch Phật rằng cho đến Kinh Pháp Hoa này".

- Tán: Khải bạch nghe kinh, có hai: Trước trình bày ý đến, sau nghi thỉnh. Nghĩa là Phật tại thế, pháp còn khó đắc huống chi sau này Phật diệt độ không có chủ làm sao được nghe kinh đắc văn tư tu sanh tín thuận? Lại Phật còn tại thế thì chúng sanh mê hoặc nhẹ, nghiệp mỏng có thể được nghe Kinh này, sau khi Phật diệt độ chúng sanh nghiệp dày hoặc nặng làm sao được nghe Kinh? Do khó tin khó nghe khó tư khó tu.

- Kinh: "Phật bảo Phổ Hiền cho đến đắc kinh này".

- Tán: Phật bảo bốn pháp chia làm ba: Trước nêu, tiếp hiển, sau kết. Bốn pháp là:

1. Chư Phật giữ gìn, nghĩa là căn cần thuần thục. Luận Bát-nhã nói: Khéo giữ gìn các Bồ-tát vì các Bồ-tát căn thuần thục, mà nói người căn chưa thuần thục nghe danh còn chưa đắc, căn đã thuần thục nghe

liền có thể đắc giáo và lý.

2. Trồng các cội công đức, cần trước phải song tu hai nhân phước tuệ, khởi các căn Tin cho đến mới được nghe kinh cho đến.

3. Nhập chánh định tụ là chánh kiến quyết định.

4. Phát tâm đại bi cứu độ tất cả chúng sanh.

Trước là đạo tư lương năng nghe năng tư duy, tiếp là gia hạnh đạo năng tu định quán, tiếp là kiến đạo năng chứng lýsau, sau là tu đạo năng tập năng chứng. Y bốn vị này đều tăng thượng. Lại ngoài gặp Phật hộ, trong tu gốc thiện, quyết định không chê bai, từ bi rộng lớn, tức đều ở Địa tiền mới có thể đắc ngộ giáo lý của Kinh. Nhưng y Du-già chánh định tụ chủ yếu nhập sơ địa, đây nói không như vậy.

- Kinh: "Lúc đó ngài Phổ Hiền Bồ-tát cho đến trong đời ác trược".

- Tán: Phổ Hiền khuyến phát có bốn:

1. Nêu hộ trì.

2. Cho hiện đời lợi ích.

3. "Hoặc chỉ viết chép người ấy mạng chung sẽ sanh lên cõi trời Đao lợi" cho đến là đời sau được lợi ích.

4. "Có công đức lợi ích như vậy" cho đến kết chuyển phát tâm.

Đây là phần đầu. Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng phần nói: Sau khi Phật diệt độ cho đến năm trăm năm đầu giải thoát vững chắc, năm trăm năm tiếp thiền định vững chắc, năm trăm năm tiếp học rộng vững chắc, năm trăm năm tiếp tạo tháp chùa cho đến phước đức vững chắc, năm trăm năm tiếp đấu tranh vững chắc. Đây có ba giải thích: 1. Nói nay đang ở thời kỳ pháp một ngàn năm, sau chánh pháp cho nên nói au năm trăm năm. 2. Nói nay đang thời kỳ thứ năm - năm trăm năm, trong đây nói sau năm trăm năm tức sau cùng. Theo hai giải thích trên trước sau có thọ trì Kinh, tuy chẳng phải không có hộ trì, mà trong thời sau người nhiều tệ ác, người tin khó nên cần phải ủng hộ. 3. Nói Thế tôn ký biệt thời phần, mỗi một chủng loại đều năm trăm năm đều gọi là sau khi diệt độ năm trăm năm các thời này Bồ-tát đều gia hộ. Do ủng hộ trong Thập Địa luận nói có ba hộ pháp: 1. Hộ giáo pháp, là viết chép đọc tụng vì người khác nói. 2. Hộ hành pháp là tư duy tu tập trong lúc tu hành có các chướng nạn mà nhiếp thọ cứu hộ. 3. Hộ chứng pháp tam Phật Bồ-đề, nhiếp chứng pháp đây giáo hóa chuyển thọ. Tức nói rõ Bồ-tát thời chánh pháp hộ ba pháp này vì còn có người chứng, thời tượng pháp hộ giáo hành pháp lại không có chứng, sau thời mạt pháp chỉ hộ giáo pháp lại không có hành. Bí yếu của thiền pháp chẳng phải. Đại thừa tông

không cần hòa hợp. Kinh Bi Hoa và Chân Đế nói sau khi Như-lai diệt độ sau năm mươi năm, theo lý sợ văn lầm. Có nói nói sau người diệt độ năm mươi năm cho nên không trái nhau.

- Kinh: "Nếu có người thọ trì cho đến đều chẳng được tiện lợi".

- Tán: Cho hiện đời lợi ích có ba:

1. Nêu ba phẩm tu cho lợi ích sai khác.

2. "Nếu Kinh Pháp Hoa lưu hành trong cõi Diêm-phù-đề" cho đến nêu rõ kinh lưu hành ở đời là Phổ Hiền lực.

3. "Nếu có người thọ trì đọc tụng" cho đến là người năng hành cùng hợp với hạnh Phổ Hợp.

Trong văn đầu hạng hạ phẩm thọ trì được gia hộ, tiếp "Người đó hoặc đi cho đến" là trung phẩm thọ trì được gia hộ. Sau: "Thế tôn! Nếu đời sau cho đến." là người thượng phẩm thọ trì được gia hộ. Đây nói hạng hạ phần có hai: Trước nêu tất cả pháp, ác nhân không tiện lợi, sau riêng nói mười hai thứ phi nhân cũng không được tiện lợi.

- Kinh: "Người đó hoặc đi cho đến Đà-la-ni".

- Tán: Hạ trung phẩm thọ trì được gia hộ. Có bốn:

1. Khi đọc kinh được gia hộ.

2. Khi suy nghĩ kinh được gia hộ.

3. Khi quên khiến cho được nhớ.

4. Cho thấy thân Bồ-tát để tăng tiến.

Tăng tiến có ba: 1. Thấy để vui tiến tu. 2. Đắc định. 3. Đắc tổng trì. Pháp âm phương tiện là gia hạnh trí định của nói pháp.

- Kinh: "Thế tôn cho đến thần thông lực".

- Tán: Người thượng phẩm thọ trì được che chở có năm:

1. Dạy quy tắc hai mươi mốt ngày tu được tinh thông.

2. Khiến cho thấy thân Bồ-tát trao cho đạo nghe pháp đắc tổng trì.

3. Người ác không làm tổn hại.

4. Chánh nói thần chú.

5. Kết năng lực mình.

Người cầu xin là người cần kinh Pháp Hoa, hoặc phàm là người có mong cầu tốt, có phép tắc cầu, trong ba tuần một lòng siêng năng. Kinh Phổ Hiền Quán nêu hành pháp có năm: 1. Ba tuần liền thấy. 2. Bảy tuần được thấy. 3. Một đời được thấy. 4. Hai đời được thấy. 5. Ba đời được thấy. Trong đây xưa nói thượng phẩm tinh tấn, ba tuần thấy, cho đến phẩm thứ năm tu ba đời mới được thấy. Lại đây bất định. Mới thấy thân chỉ thô sơ có thể một tuần, cho đến ba đời được thấy thân thù

thắng. Tu sai khác thời dài mới thấy thù thắng. Tinh tấn: Kinh kia nói sáu pháp: 1. Trang nghiêm đạo tràng. 2. Tẩy thân sạch sẽ. 3. Sáu thời lễ bái. 4. Khải thỉnh lục sư. 5. Ngày đêm đọc tụng kinh điển Đại thừa. 6. Tư duy đạo lý pháp không sâu xa. Khi tác quán liền thấy Phổ Hiền năng diệt trừ trăm muôn ức na do tha A-tăng-kỳ trọng tội sanh tử, chưa thấy văn nói lục sư. Nay tạm giải thích. Lục sư là: Đức Phật Thích-ca làm Hòa-thượng. Văn-thù-sư -lợi làm A-xà-lê. Di-lặc Bồ-tát làm giáo thọ sư, mười phương Phật làm chứng, mười phương Bồ-tát làm đồng pháp lữ, Phổ Hiền Bồ-tát giới chủ sám hối mới có thể sám hối thọ tam tụ giới cho đến Như vậy khải thỉnh mới thấy Phổ Hiền.

- Kinh: "Nếu Kinh Pháp Hoa cho đến sức uy thần của Phổ Hiền".

- Tán: Kinh lưu hành ở đời là lực của Bồ-tát Phổ Hiền.

- Kinh: "Nếu có người thọ trì cho đến lấy tay xoa đầu.

- Tán: Người năng hành cùng hợp với hạnh Phổ Hiền cho nên Phật xoa đầu.

- Kinh: "Nếu chỉ biên chép cho đến vui chơi khóai lạc".

- Tán: Đời sau được lợi ích có ba: Hạ phẩm tu sanh cõi Đao Lợi. Trung phẩm tu thọ trì sanh cõi trời Dạ-ma v.v... Thượng phẩm tu ngàn Đức Phật trao tay cho đến đây là phần đầu có ba:

1. Chỉ biên chép nơi sanh.

2. Tướng đón rước.

3. Thân trạng.

Sanh bốn tầng trời dưới cũng là hạ phẩm sanh, lược qua không nêu.

- Kinh: "Huống là thọ trì cho đến đúng như lời dạy tu hành".

- Tán: Trong đây phẩm tu thọ trì cho đến sanh trời Dạ Ma và hai cõi trời trên không thấy Phật, văn lược vì không có quả.

- Kinh: "Nếu có người cho đến mà ở trong đó sanh".

- Tán: Đây thượng phẩm tu ngàn Đức Phật trao tay cho đến có bốn:

1. Được ngàn Đức Phật trao tay.

2. Khiến không sợ hãi.

3. Chỗ vãng sanh.

4. Thấy Bồ-tát.

Trước nói ba phẩm tu sanh, tạm nêu một tướng mà chẳng phải là cùng tận thật lý, thật lý mười pháp hành mỗi mỗi đều có ba phẩm. Chỉ như trung phẩm đã có thọ trì cho đến giải nghĩa, thượng phẩm cũng có

tùy theo tự tu tập có thượng hạ. Như lời nói mà tu hành đều có hạ thượng nay chỉ ở trung phẩm nói có, thượng phẩm liền không. Căn cứ một tướng nói mười pháp hành, trên luận Biên trung Biên nói: Tám pháp hành trước là Văn tuệ làm hạ phẩm, thứ chín, là Tu tuệ làm trung phẩm, thứ mười, là Tu tuệ làm thượng phẩm. Trong Văn tuệ: Viết chép, cúng dường, thí cho người, là hạ dễ, lắng nghe, đọc, phương tụng làm trung, thọ trì, khai diễn làm thượng khó. Lại tu pháp hành thứ một, hai, ba là hạ. Thứ hai, bốn, sáu hành là trung. Thứ ba, bảy, tám, chín, mười hành là thượng, tuy có pháp hành giống nhau mà hướng tu đến có khác.

- Kinh: "Có công đức lợi ích như thế cho đến khiến chẳng đoạn dứt".

- Tán: Bồ-tát Phổ Hiền kết khuyên phát tâm có hai: Trước hiển bày thù thắng khuyên hành, sau hộ pháp khiến hành.

- Kinh: "Lúc bấy giờ đức Thích-ca cho đến danh hiệu Phổ Hiền Bồ-tát".

- Tán: Đức Thích-ca tán khuyên có ba: Trước khen Phổ Hiền, kế khen ngợi người trì Kinh, sau đối với các tướng trái thuận của hành giả.

Đây là phần đầu có ba: 1. Khen ngợi hộ trợ kinh. 2. Khen ngợi nguyện hạnh. 3. Hộ người trì danh. Khen ngợi nguyện hạnh có ba nhân: 1. Tự lợi. 2. Lợi tha. 3. Khen ngợi người.

- Kinh: "Phổ Hiền! Nếu có người cho đến lấy y trùm cho".

- Tán: Dưới khen ngợi người trì kinh có bốn:

1. Thuận theo Phật thực hành.

2. Lìa các điều ác.

3. Sẽ được ra đời.

4. Nhất Định nhàm chán sanh tử.

Đây là phần đầu có sáu: Được thấy Phật biết ba thứ thân lý, trí, hóa. 2. Được tự thân nghe pháp hiểu ý giáo. 3. Vì cúng dường Phật cúng dường pháp. 4. Vì Phật khen ngợi khế hợp bổn tâm Phật tùy hỷ. 5. Được Phật dùng tay xoa dạy bảo và được thọ ký. 6. Được Phật lấy y trùm tức được đầy đủ hổ thẹn nhu hòa nhẫn nhục! cho đến

- Kinh: "Người như thế cho đến hạnh Phổ Hiền".

- Tán: Lìa các điều ác có năm:

1. Nhàm Chán vinh hoa thế gian.

2. Không ưa duyên ác.

3. Tâm khéo điều tịnh.

4. Diệt trừ phiền não.

5. Thiểu dục tu hành.

Không ưa ác duyên trong đó có ba: 1. Tà hạnh. 2. Nghiện Ác. 3. Ngoại đạo tay biên chép kỹ nghệ.

Tâm khéo điều tịnh có ba: 1. Ngay thẳng. 2. Chánh niệm. 3. Phước đức.

Dứt trừ phiền não có ba: 1. Trừ ba độc. 2. Diệt ganh ghét. 3. Bỏ ba mạn.

Trong thiểu dục tu hành cũng có ba: 1. Thiểu dục. 2. Tri túc. 3. Tu hạnh Phổ Hiền hạnh.

- Kinh: "Phổ Hiền sau khi Như-lai diệt độ cho đến trên pháp tòa".

- Tán: Sẽ được ra đời có năm:

1. Hướng đạo tràng.

2. Phá chúng ma.

3. Đăng chánh giác.

4. Xoay bánh xe pháp.

5. Lên pháp tòa.

- Kinh: "Phổ Hiền! Nếu ở đời sau cho đến được phước báo đó".

- Tán: Định nhàm chán sanh tử có hai:

1. Không tham vật dụng nuôi sống.

2. Được hiện quả báo.

- Kinh: "Nếu có người cho đến quả báo hiện tại".

- Tán: Trong phần nói đức Thích-ca khuyên khen ngợi. Đây đoạn thứ ba, đối với tướng thuận nghịch của hành giả có năm, trong đây có hai:

1. Người hủy không có mắt do hủy pháp nhãn tịnh.

2. Người khen ngợi hiện tại thọ báo ruộng tâm đều thù thắng.

- Kinh: "Nếu lại thấy người thọ trì cho đến phải như kính Phật".

- Tán: Trong đây có hai:

1. Nói lỗi người mắc bệnh bạch lại.

2. Khinh cười mắc tội. Khuyên sanh tâm cung kính. Khinh cười mắc tội có mười bệnh, như văn có thể biết. Liệu lệ là cong quẹo cho đến.

- Kinh: "Lúc Phật nói phẩm Phổ Hiền Bồ-tát cho đến làm lễ mà đi".

- Tán: Chúng đương thời được lợi ích có hai: Trước được lợi ích, sau vâng hành.

Nguyên nhân luận bàn giao tiếp khiến dần thông suốt vượt lên,

đạo tục khóa hư mệnh khiến giảng giải kinh điển này không thể tu các nghĩa, liền tự biên tập văn mới, sớm chế tác chiều luận bàn cuối cùng sớ đã xong. Than ôi người ít học hiểu biết nông cạn lý mà ghi chép các lời nói. Kinh điển nghĩa lý sâu xa vụng thành sáng tỏ, lo sợ y nơi thành giáo nhanh nhẹn phân biệt nơi huyền tông còn sợ ý chỉ sai lầm lời nói sơ xuất, đâu uổng chịu viện cứ làm dẫn chứng. Kinh này chính đáng làm quan trọng, ai lại không khen ngợi văn nghĩa u mầu, đã không thể lặng lẽ như vô vi, tạm nương theo dụng trình bày phân biệt, quân tử thông đạt may mắn vì tôi nói lược, vẫn làm kệ tụng:

Đã chọn các kinh làm hạnh lý
Lược khen Nhất thừa chân pháp nghĩa
Nói rộng khế thật thí chúng sanh
Nguyện cùng mau thành quả vô thượng.

Tháng 9 niên hiệu điều lộ năm thứ hai, ở chùa Đại Từ Ân ở Tây Kinh dịch Kinh viện trí luận Sư phòng, viết chép lạc hậu, rộng suy cứu trình bày việc thường xưa cũ, thế lúc ý chí cao quí của Đại vương, khen ngợi nét đẹp của tiểu vương, tại sách số đã định vẫn không ở tâm phân biệt, trong khoảng thời gian đó bỗng nhiên biến hóa, thần tuy mất mà phong cách vẫn còn, thường giảng giải sơ cấp luôn lo nghĩ nhớ tưởng, xin nguyện nương phước thiện ba hội sơ đăng, nhờ đây huân tu mới chứng nhập thượng phẩm trong biển chân như rộng lớn, dạo thuyền Bát-nhã dứt bị khổ hữu tình được trí vui Niết-bàn, cùng vô cùng cùng giới vô tận sanh, đều diệt nhân khổ đều đăng quả lạc.

Ngày 11 tháng 7 năm Đinh Mão thuộc Niên hiệu Bảo An Năm thứ ba đã khắc chép xong. Tăng Giác Ấn ở chùa Pháp Long.

Nguyện xin viết chép Kinh Pháp Hoa
Giải thích Đại thừa từ ân ký
Đại Sư cha mẹ đến bảy đời
Cho đến pháp giới mau thành Phật.

Ngày 11 tháng 2 năm Bính Tuất Thiên thừa nguyên niêm nhiếp kiến.

Bắt đầu từ cuối tháng giêng năm ngoái ở chùa Dược Sư thiện minh phòng đắc nghiệp rồi ví lợi ích vãng sanh tịnh độ.

Ngày 13 tháng chạp Niên hiệu Bảo An năm thứ ba ở chùa Hưng Phước viên như Phòng kiểm duyệt xong, vì muốn pháp trú thế lâu dài lợi ích hàng trời người.

Ngày 12 tháng 7 Niên hiệu Đại chánh thứ mười lăm, đối chiếu Giác Ấn năm Sư kiểm duyệt bổn thêm một phen giao rồi, ngày nay đã giảng xong phẩm Tuổi thọ. Hạ an cứ giảng ba kinh, cuốn phần học ở chùa Pháp Long để mong nối nghiệp cho con cháu.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

PHÁP HOA HUYỀN TÁN NGHĨA QUYẾT

SỐ 1724

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1724

PHÁP HOA HUYỀN TÁN NGHĨA QUYẾT

Bí sô Tuệ Chiếu chùa Đại Vân ở Tri Châu soạn

Hỏi: Bồ-tát có hai loại, đó là đốn ngộ và tiệm ngộ. Sớ có hai cách giải thích, thế nào là ưu điểm?

Đáp: Căn cứ vào đó mà chứng lý, gọi là đốn ngộ, đạt đến quả thánh mà hồi tâm gọi là tiệm ngộ tốt đẹp, người chưa đạt đến Thánh nên lý chưa ngộ. Nếu lấy tín ngộ mà gọi là tiệm ngộ, thì người có định tánh Đại thừa, chưa nghe Đại thừa, nói đầu đã nghe Tiểu thừa, tuy không hướng đến cầu mong nghe mà tin hiểu, há gọi là tiệm ngộ ư? Nếu người tin hiểu này mà không gọi là tiệm ngộ vì chưa đạt đến Thánh tức là người hồi tâm cũng chẳng phải tiệm ngộ. Nếu như vậy hạng kia khi quyết định sự sanh, số lần sanh không nhiều, sao chẳng phải là tiệm ngộ? Điều này cũng không đúng. Nếu hướng về Tiểu quả rồi, sự sanh quyết định hoặc quay về hướng Đại thì số lần sanh bất định.

Hỏi: Khi sự sanh đã quyết định thì không nhiều lần sanh, lại không tạo nghiệp, làm thế nào bất định, ai nói không tạo nghiệp? Luận chép: Chi Hữu không thâu nhiếp hai địa vị, vì chán ghét hữu, nếu chấp nhận tạo nghiệp sao chẳng phải chi Hữu?

Đáp: Có hai cách giải thích: 1. Y cứ theo vô lậu là không thuộc về chi Hữu cho nên Tạp Tập nói: “Thuộc về Đạo đế chẳng phải hữu lậu, không như vậy làm thế nào cảm đến quả Thập vương? Các luận đều nói sáu Ba-la-mật, đều cảm đến quả đó, dù vô tướng hành cũng cảm đến quả kia. Luận Bát-nhã của Vô Trước nói: “Vì một, biến khắp nếu không cảm đến hữu lậu như thế nào nói là biến khắp? Còn đích thực là

hai, thì ở địa vị này không thể chánh cảm ứng, tạo nghiệp chiêu vời lấy hữu sau". Kinh Duyên Khởi chép: "Nội pháp dị sanh, hoặc người buông lung, ba thứ vô minh làm duyên, nếu không buông lung thì không nói vô minh làm duyên". Lại nói: "Các bậc Thánh hữu học không tạo nghiệp chiêu cảm hữu sau, chẳng nói phi Thánh cũng không tạo nghiệp". Lại nói nếu không khổ, trở xuống vô minh, các hành không sanh, hai địa vị nếu đã chấp nhận hiện hành sao không tạo nghiệp? Gia hạnh đốn phục là nói theo địa vị viên mãn. Vì vậy cho nên biết hồi tâm hướng Đại thực hành trải qua nhiều đời do đó mà thành tựu đốn ngộ. Lại, Luận Tạp Tập thứ mười ba nói: "Quyết định tránh sự sanh này có thể không đạt được đến lý, đó gọi là thông đạt thuận phần quyết trạch: Tức là chủng tánh bất định trong địa vị này, vì muốn quay lại hướng về Bồ-đề tối thắng và các bậc Độc Giác để cầu vô sư tự chứng Bồ-đề chuyển sang hướng đến đời khác, đó gọi là đời khác thuận theo phần quyết trạch. Đã nói chuyển sang hướng đến đời khác thì rõ ràng sự sanh bất định. Lại, ý của Pháp sư không nói nếu chắc chắn các đời kiếp, tuy về sau hồi tâm nhất định giữ lấy quả Thánh, mà càng về sau dẫn thiện càng mạnh mẽ. Bát-nhã nói: "Người cầu nhập chánh tánh ly sanh, y cứ ở người không thọ Biến dịch, đã không thọ Biến dịch rõ ràng đã hướng đến Đại thừa chẳng phải quả Thánh Tiểu thừa. Nói quyết định thời gian đời kiếp đều là mượn để nói về hạng người khác. Như vậy nay lại giúp cho giải thích: Nếu các phàm phu này chưa cầu Tiểu thừa, thì liền cầu Đại thừa, chỉ là tánh bất định cũng gọi là tiệm ngộ, vì chắc chắn không thể nào thường hướng đến, nhất định lui sụt giữa chừng. Nếu nói không nghe nói về Nhất thừa tức có thể có lui sụt, nghe nói về Nhất thừa thì tất nhiên không lui sụt, các bậc như Xá-lợi-phất cũng đã từng nghe nói về diệu pháp Nhất thừa, làm thế nào có lui sụt? Vì vậy cho nên biết chỉ có chủng tánh Tiểu thừa gọi là lui sụt giữ lấy Tiểu quả, đạt được quả Thánh mới hồi tâm bắt đầu thành tựu không còn lui sụt do đó gọi là tiệm ngộ. Nếu có các thứ cõi giới, tuy có Tiểu tánh mà có thể có không còn lui sụt. Rốt cuộc là chủng loại kia vì có một phần hạt giống Tiểu thừa thành ra nói là tiệm ngộ cũng gọi là tiệm ngộ, vì tánh bất định này.

Hỏi: Đã vì dứt nghi mà giảng nói Diệu pháp này, vì sao nghe xong lại càng phát sanh nghi ngờ?

Đáp: Nghi ngờ có mới cũ. Trước đây nghi rằng không được thành Phật cho nên chưa hồi tâm, nói xưa kia chẳng phải chân thật đều sẽ thành Phật, ban đầu nghe những gì Đức Phật nói, trong tâm rất kinh sợ, nên kinh chép: "Phải chăng ma giả Phật, làm não loạn lòng ta?" Cho

đến “con nghe lưới nghi dứt” vì thế dứt trừ nghi hoặc, nói đó đã là quyết định sanh, tức là thời gian đời này và một phen ngồi thuận theo quyết trạch ấy là ngang bằng. Tạp tập thứ mười ba nói: Bổ-đặc-già-la chưa đủ tư lương nay đã đủ, Bổ-đặc-già-la chưa đủ tư lương, Bổ-đặc-già-la đã đủ tư lương. Cho đến nói ba thứ Bổ-đặc-già-la như thế do thành tựu thuận phần giải thoát, thuận phần quyết trạch phân đều làm ba phẩm. Căn cứ ở năng dẫn sanh thuận phần quyết trạch và đế hiện quán như thứ lớp đó tức là chưa quyết định sự sanh này. Đối với đế tăng thượng, tướng tịnh tín thắng giải pháp là thuận phần giải thoát, ở nơi pháp này quán sát rõ tướng Pháp, Nhẫn là thuận phần quyết trạch. Như thứ lớp đó tín tăng thượng nên Tuệ tăng thượng. Ba phẩm trong này thuận theo quyết trạch phần ấy là trừ ra Pháp Thế đệ nhất. Vì tánh của Pháp Thế đệ nhất chỉ là một sát-na chắc chắn không thể nối tiếp, tức là thời gian sự sanh này chắc chắn nhập hiện quán, chẳng phải địa vị trước. Ý văn trước nói lên trong hai địa vị Tư lương - Gia hạnh đều có ba phẩm, như thứ lớp đó, chưa quyết định đã quyết định tức là thời gian sự sanh này. Nhưng địa vị Gia hạnh phân làm ba phẩm, chưa quyết định, đã quyết định chính là thời gian sự sanh này thuộc về Noãn, Đảnh, Nhẫn, trừ ra Pháp Thế đệ nhất, Pháp Thế đệ nhất chỉ là một sát-na chắc chắn không thể nối tiếp không thể phân chia, nhưng nói thời gian sự sanh này quyết định đi vào hiện quán, đây là nói theo sát-na đời kiếp. Nói về phần giải thoát ở trước, đây chính là thời gian sự sanh ước định một kỳ hạn đời kiếp. Lại hiểu đều là nói theo một kỳ hạn đời kiếp. Dùng Pháp Thế đệ nhất nói tức là thời gian đời kiếp này, đã trừ Pháp Thế đệ nhất rõ ràng ước định một kỳ hạn, mặc dù Nhẫn tăng thượng cũng là một sát-na mà còn cách xa Pháp Thế đệ nhất, chẳng phải ngay sát-na này sanh vô gián nhập kiến đạo.

Lại, chia chung ra ba vị Noãn-Đảnh-Nhẫn, làm ba thời nên căn cứ thuận phần quyết trạch, lại có sáu loại: 1. Thuận theo thuận phần quyết trạch. 2. Thắng tiến. 3. Thông đạt. 4. Dư chuyển. 5. Nhất sanh. 6. Nhất tọa. Loại đầu duyên theo đế cảnh thực hành gốc lành ở hạ phẩm, gọi là Thuận theo thuận phần quyết trạch, gốc lành này liền chuyển thành trung phẩm, gọi là Thắng tiến thuận phần quyết trạch, vì so với hạ phẩm trước là tăng thêm, gốc lành này liền lại tăng lên đến thượng phẩm, ở trong đời này quyết định có thể có khả năng thông đạt đế lý, gọi là Thông đạt thuận phần quyết trạch. Ba thứ trước ởvị Noãn-Đảnh-Nhẫn, nếu theo Tiểu thừa thì có thể như thứ lớp kết hợp với chưa quyết định thời gian sự sanh này. Nếu là Đại thừa, ở trung phẩm Nhẫn vị mới

gọi là chính thời gian của sự sanh này, hoặc khi ở địa vị Hạ phẩm, Trung phẩm Nhẫn chưa viên mãn thì hãy còn nhiều sự sanh nữa. Hoặc vị Nhị thừa, tuy ngay đời này mà có thể có sự hồi chuyển hướng khác gọi là Dư chuyển thuận phần quyết trạch. Hoặc còn chuyển sự sanh này kế sanh khác tức là bất định, vì cầu Độc Giác vô thượng Bồ-đề lại phải tu thắng hạnh nhiều đời. Nếu ở Đại thừa thuận phần quyết trạch thì chắc chắn không hồi tâm hướng xuống các thừa dưới, huống chi một đời cùng lấy Trú thứ bảy sớm gọi là Bất thoái. Quyết trạch phần này đang hồi hướng tu tập. Dựa trên tiêu chuẩn này, nếu thuận theo giải thoát vượt quá Trú thứ bảy thì chưa quyết định, đã quyết định đều không có chuyển hướng khác. Chuyển hướng khác và lời nói ở trước vì từ phẩm hạ, phẩm trung thuận phần giải thoát thuận phần quyết trạch có nghĩa có thể lui sụt ấy là nói theo địa vị Nhị thừa. Nếu ở đời này chắc chắn có khả năng thông đạt, đó gọi là một đời thuận phần quyết trạch. Trước đây nói thông đạt, là nói theo công năng của địa vị Nhị thừa, nhưng tánh bất định tức là không quyết định, quyết định lựa chọn chuyển hướng khác chỉ riêng tánh bất định, Nhất sanh thuận phần quyết trạch là căn cứ theo tánh quyết định, đều hướng về thừa của mình, hoặc cũng chung cả tánh bất định. Căn cứ ở không hồi tâm tức là suốt đời nhập phần quyết trạch chẳng phải tánh bất định; trước Kiến đạo đều có thể hồi tâm. Hễ ngồi thì cũng thông suốt tánh bất định, tức bậc trung nhẫn-thượng nhẫn. Văn trước đã trừ ra Pháp Thế đệ nhất, vì chỉ có một sát-na.

Ba thứ rèn luyện tâm dứt trừ bốn chỗ chướng ngại, trong Nhiếp luận của Vô Tánh thứ sáu chép: "Đã nói tướng sở tri thâm nhập tướng sở tri, vì sao phải thấy học rộng huân tập để dựa vào mà chẳng thuộc về A-lại-da thức? Ý này ngầm nói vốn có hạt giống vô lậu nhưng vì dựa theo nên nói chẳng thuộc về A-lại-da. Kế là hỏi ai có thể ngộ nhập tức hỏi về người năng nhập, nghĩa là Đại thừa học rộng tiếp tục luyện tập nói tiếp lẫn nhau rồi, được kính thờ vô lượng Chư Phật xuất hiện ở thế gian rồi được hoàn toàn quyết định thắng giải rồi khéo chứa nhóm tập hợp các gốc lành, khéo đầy đủ phước trí tư lương Bồ-tát, đây trả lời người năng nhập là căn cứ ở khởi hiện hành học rộng tiếp tục luyện tập đầy đủ hai tư lương. Chỗ nào năng nhập? Đây là hỏi về cảnh sở nhập và vị năng nhập. Nghĩa là ở hành giả kia có kiến giải ý nghĩa pháp tương tợ, chỗ danh ngôn Đại thừa pháp tướng sanh khởi các nghĩa pháp tương tợ Thắng giải hạnh địa v.v... tức pháp sở nhập, chỗ sanh trong Thắng giải hạnh địa, Kiến đạo, Tu đạo và Rốt ráo đạo. Để trả lời vị năng nhập tức ở bốn vị nói trên tùy nghe thắng giải, như lý thông đạt, trị tất cả

chướng, lìa tất cả chướng, như thứ lớp bốn đạo mà năng nhập có khác.

Luận chép: "Do đâu mà năng nhập? Do năng lực gốc lành đảm nhiệm giữ gìn nghĩa là ba thứ rèn luyện tâm, trừ bỏ bốn nơi giải-pháp-nghĩa-cảnh, chỉ quán thường chu đáo coi trọng gia hạnh không có buông lung". Giải thích rằng: "Do đâu mà năng nhập? Đây là hỏi về nhân của nhập. Nghĩa là do nhân gì tức là do năng lực gốc lành đảm nhiệm giữ gìn. Tuy có năng lực gốc lành mà tâm hoặc lui sụt, chịu khuất phục, do đó nói là ba cách rèn luyện tâm". Ba sử rèn luyện ấy là vô lượng các thế giới-vô lượng con người một đời hữu tình từng sát-na từng sát-na chứng đạt giác ngộ chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, đây là thứ nhất. Do đây, ý ưa thích năng thực hành các pháp thí, mình đã thu được ý vui thích như vậy, mình từ đó sử dụng chút ít công sức tu tập các pháp thì sẽ được viên mãn, đây thứ hai. Nếu có thành tựu các thiện có chướng khi chết liền tự thể của tất cả các pháp đáng yêu viên mãn mà sanh, Ta có thiện mầu nhiệm, không chướng ngại, làm sao nói lúc ấy không đáng đạt được tất cả viên mãn! Đây thứ ba. Giải thích rằng: vô lượng các thế giới... là chỉ rõ lúc đầu luyện tập dẫn nêu người khác làm gương cho mình, khiến cho tâm tăng mạnh mẽ không lui sụt, chịu khuất phục. Do đây, ưa thích chỉ rõ luyện tập bước hai. nếu có những thành tựu là chỉ rõ phước luyện tập tâm thứ ba. Mở rộng như cách giải thích kia, luận chép: Do lìa tác ý Thanh-văn-Độc giác mà dứt trừ tác ý, do các nghi đối với Đại thừa mà lìa nghi, để có thể dứt hẳn nghi đối với dị tuệ, bởi lìa các ngã, ngã sơ chấp pháp đã nghe, suy nghĩ để dứt pháp chấp, do điện tiền hiện trú an lập trong tất cả tướng, mà không còn tạo tác, ý không còn phân biệt, để dứt phân biệt. Giải thích rằng: Dứt trừ tác ý là dứt trừ phân biệt tác ý của Nhị thừa. Ý này giải thích rằng sở dĩ lìa bỏ tác ý Thanh-văn, Độc giác vì là năng đoạn. Không khởi hướng về chấp tâm Nhị thừa. Giải thích rằng: Để có thể dứt hẳn nghi ngờ, dị tuệ nghĩa là đối với giáo Đại thừa sâu xa rộng lớn không phải phát tuệ khác nhau điên đảo cho đến nghi ngờ. Ý này giải thích rằng: Do các nghi ngờ Đại thừa, lìa nghi là vì đoạn nghi. Các nghi ngờ là đối với ba tạng hiển mật đức Phật nói ra các thứ không như nhau mà khởi lên nghi ngờ gọi là các nghi ngờ. Nói lìa bỏ nghi là có thể dứt hẳn. Dứt trừ pháp chấp, nghĩa là trong pháp vốn nghe vốn suy nghĩ ấy, có thể dứt trừ hẳn, chấp trước về ngã và ngã sở là chấp ngã năng nghe, năng tư duy, giác ngộ điều đã nghe thấy, nghĩa đã suy nghĩ, các chấp trước như thế, tất cả đều không có, đối với thắng nghĩa đó chứng đắc hiện quán. Ý này giải thích rằng: Sao không có chấp này, vì đối với thắng nghĩa chứng đạt được hiện

quán, dứt trừ pháp chấp, là căn cứ ở không chấp vào những gì đã nghe và suy nghĩ, sao nói dứt pháp chấp! Pháp đã không còn, thì ngã chấp cũng dứt, không khởi chấp Ta năng nghe, suy nghĩ... giác ngộ. Thứ tư cũng là lìa bỏ các pháp chấp. Nói bảy địa-bốn hạnh Bồ-tát ấy là - Bảy Địa: 1. Chủng tánh Địa, tức là chủng tánh trú ở địa vị chưa phát tâm. 2. Thắng giải hạnh Địa, tức là thắng hạnh trú vị phát tâm trở đi tức ở Địa vị tiền. 3. Tăng thượng ý lạc Địa tức là vô cùng hỉ lạc trú tại sơ Địa. 4. Chánh hạnh Địa, tức là tăng thượng đối với trú, tăng thượng tâm trụ giác phần tương ứng tăng thượng tuệ trú, đế phần tương ứng tăng thượng tuệ trú, duyên khởi tương ứng tăng thượng tuệ trú, có gia hạnh, công dụng vô tướng trú. Tóm lại sáu Trú này gọi là Chánh hạnh Địa, như dưới đây từ địa Ly Cấu cho đến Viễn Hành Địa. 5. Quyết định Địa, tức là không có gia hạnh, không có công dụng trụ tức ở Bát địa, có ba thứ quyết định: Một là Quyết định chủng tánh. Hai là Quyết định phát tâm, Ba là Quyết định thực hành không luống dối. 6. Địa thứ tám này tùy vào loại quyết định thứ ba. vì vậy gọi là Quyết định hạnh địa, tức là vô ngại giải trú, Cửu địa. 7. Lệ rốt ráo Địa, tức là cao nhất thành tựu đầy đủ Bồ-tát trú, và Như-lai trú, ở Địa thứ mười và ở Phật địa. Địa thứ mười cùng với rốt ráo Phật địa, nên quả là rốt ráo.

Bốn hạnh: 1. Bồ-tát phần pháp hạnh. 2. Thần thông hạnh. 3. Ba-la-mật đa hạnh. 4. Thành tựu hữu tình hạnh. Nhân phát khởi có hai: Chung và riêng chung là bởi nối liền các giáo khác. Riêng là khác nhau thuộc về một kinh. Chung có nhiều nghĩa, có khi là một, nhân khởi nói ra các pháp, tức là trong kinh Vô Lượng Nghĩa chép: "Pháp vô lượng ấy là bởi chúng sanh tánh ham muốn vô lượng, nên pháp đã nói ra đó cũng là vô lượng". Đây chỉ nói chúng sanh làm nhân khởi nói. Lại, một nhân như, trong Kinh Pháp Hoa chép: "Vì chúng sanh này mà khởi lên tâm đại bi". Đây chính là nói Đức Phật vì đại bi cho nên khởi lên nói kinh. Có khi làm hai nhân, tức là chung hai nhân trước. Trong Duy Thức quyển hai mươi chép: "Xoay chuyển năng lực tăng thượng, hai thức thành quyết định". Lại có hai nhân, bài tụng trong kinh Pháp Hoa chép: "Các thứ nhân duyên ấy, vô lượng thí dụ soi sáng Phật pháp khai ngộ cho chúng sanh": Đây chính là hai loại nhân vì pháp vì người. Lại có ba nhân, tức là trong kinh Bát-nhã nói: "Làm sao trú? Làm sao tu hành? Làm sao hàng phục tâm đó?" Tuy chỉ ước định phát khởi hướng về Đại thừa để hỏi chứng cứ thật, mà ba thừa đều như vậy, chọn hai thừa còn lại nói hướng về Đại thừa, tức là ba nhân. 1. Khiến cho phát tâm. 2. Khiến cho tu hành. 3. Khiến cho dứt trừ chướng ngại, tức là như thứ lớp

hỏi khiến cho xem xét lại đạo, để thành thục đạo, để không mất đạo. Đây là nói theo sự tu hành lần lượt. Lại có bốn nhân, tức là trong Pháp Hoa quyển ba chép: "Người chưa độ làm cho được độ, người chưa hiểu làm cho hiểu, người chưa an làm cho an, người chưa Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn". Tức là khiến cho chúng sanh nào chưa lìa khổ thì làm cho lìa khổ, người chưa được vui thì làm cho vui, người chưa thể phát tâm dứt ác tu thiện thì khiến cho dễ phát tâm dứt ác tu thiện, người chưa đạt được quả thì khiến cho đạt được quả. Đây là dựa vào hoằng nguyện hóa độ chúng sanh theo thứ lớp. Lại có năm nhân, ngay trong kinh Tư Ích quyển hai chép: "Nếu người có thể đối với văn tự ngôn nói chương cú mà Như-lai đã nói ra thông đạt thuận theo", cho đến nói: "Có thể biết Như-lai đã nói pháp nói gì, vì pháp gì tùy nghi nói, vì phương tiện gì nói vì pháp môn gì nói, vì đại bi nào nói. Phạm thiên! Nếu Bồ-tát có thể biết Như-lai, dùng năm lực này nói thì Bồ-tát đã có khả năng thành Phật sự". Đã nói ra pháp gì tức là nói ra các pháp uẩn - xứ - giới - sanh tử - Niết-bàn - thế gian - xuất thế gian trong ba đời, tức nói về pháp thể. Vì sao tùy nghi nói tức là tùy theo căn cơ thích hợp, hoặc thanh tịnh nói không thanh tịnh, ngã nói là vô ngã... Hoặc nói biểu hiện rõ ràng, hoặc nói kín đáo bí mật. Vì phương tiện gì là, hoặc để khiến cho lìa khổ, hoặc để khiến cho được vui, chỉ ra các giáo lợi ích vui mừng đều ở nơi pháp vô ngôn nói mà phương tiện nói ra. Vì pháp môn nào: Nghĩa là đối với một pháp, các môn biện nói. Vì đại bi nào là nhân khởi bốn lực kia. Lực đầu, hai và bốn nói pháp Phật nói, Lực thứ ba chung cả năng thuyết sở thuyết, thứ năm là nhân năng khởi tức là ba năng lực đầu, thứ hai và bốn vì nói. Lực thứ ba do có phương tiện nên có thể nói. Thứ năm do có đại bi nên có thể vì chúng sanh khởi phương tiện nói các pháp kia. Đại bi thì có bốn thứ mười loại, hai loại, như nói các pháp vô ngã, nhưng các chúng sanh không thể tin, không thể hiểu, Như-lai đối với hạng này mà phát khởi các thứ đại bi; tức là tùy theo chúng sanh kia ở cảnh giới không thể hiểu, mê muội chìm trong sanh tử không thể nào thoát ra cho nên phát khởi đại bi. Tùy theo sự không tỉnh ngộ kia nên tâm thương xót phát khởi mà nói ra, chính chúng sanh là năng cảm, đại bi của Như-lai là sở cảm. Tóm lược chính là hai duyên, mở rộng thì có năm loại, rộng ra tức là vô lượng, cũng giống như Du-già thâu nhiếp giải thích phân biệt nói, kế đến sẽ nói. Lại có sáu nhân, theo đúng Luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước giải thích: "Tu Bồ-đề thưa hỏi ý có sáu, Đức Phật vì trả lời cũng tức là có sáu ý". Luận chép: "Vì sao Thượng tọa Tu Bồ-đề thưa hỏi vậy? Trả lời có sáu nhân duyên: Là vì dứt trừ nghi ngờ, để phát

khởi niềm tin, để thâm nhập, để không còn lui sụt, để sanh hoan hỉ, để chánh pháp trụ lâu. Tức là nêu có người nghi thì được dứt trừ nghi. Nếu đã dứt trừ nghi, có vui thích phước đức mà tâm chưa thành thục, các Bồ-tát đều nghe nhiều phước đức ở Kinh Bát-nhã phát khởi sự tin hiểu. Người tâm đã thành thục thì thâm nhập nghĩa rất sâu xa, người có đức đã không thể coi thường từ đó ham muốn thọ trì tu hành có nhiều công đức nên không còn lui sụt. Người đã được thuận thâu nhiếp đạt đến tịnh tâm đối với pháp tự thâm nhập và kiến giải nên sanh ra vui mừng, người có thể khiến cho vị lai giáo pháp Đại thừa trụ lâu vì vậy chắn chắn phù hợp suy nghĩ về Pháp Hoa từ trên xuống dưới".

Lại có tám nhân, theo Pháp Hoa quyển thứ nhất Văn Thù Sư Lợi trả lời thành tựu văn về tám nghĩa lớn, do đây theo đúng nghĩa mà phù hợp văn. Nếu theo Du-già tám mươi mốt thâu nhiếp giải thích phân biệt, thì quy tắc giải thích kinh, trước giải thích thể của kinh kế là khởi giải thích văn, nghĩa, pháp, kế giải thích theo thứ lớp trong đó giải thích nghĩa có nhiều. Thứ tư y xứ và nêu ra chung đều làm nhân để phát khởi nói... Luận kia nói: Như đã nói trên, hoặc sự hoặc thời, hoặc Bổ-đặc-già-la nên Chư Phật Thế tôn truyền bá Thánh giáo, vì thế cho nên nói đó gọi là Y xứ sự. Y xứ có ba:

Một: Căn bản sự y xứ có sáu: 1. Đường lành. 2. Ác khởi. 3. Thoái tùy. 4. Thắng tiến. 5. Sinh tử. 6. Niết-bàn. Sinh tử tức bốn thứ trước, Niết-bàn Dư và vô dư, trong đây có 3 cặp đối.

Hai: Đắc phương tiện y xứ có mười hai tứcmười hai hạnh: 1. Dục hạnh. 2. Ly dục. 3. Thiện hạnh. 4. Bất thiện hạnh. 5. Khổ hạnh. 6. Phi khổ hạnh, 7. Thuận thoái phần hạnh. 8. Thuận tiến phần hạnh. 9. Tạp nhiễm hành hạnh. 10. Thanh tịnh hạnh. 11. Tự lợi nghĩa hạnh. 12. Lợi tha nghĩa hạnh, trong đây có sáu cặp đối nhau.

Ba: Dựa vào bi mẫn tha sự y xứ có năm: 1. Khiến lìA-dục tức là vì đó nói tai họa sanh tử. 2. Thị hiện tức vì chỉ rõ bốn thứ đạo lý, gọi là pháp nhĩ, nhân duyên, chứng thành, tác dụng bốn đạo lý. 3. Giáo hóa dẫn dất tức là người chưa phát tâm thì dạy bảo khuyên nhủ truyền trao khiến cho phát tâm tu hành chánh hạnh. 4. Khen ngợi động viên ấy là thấy người lui sụt thì khen ngợi khuyến khích làm cho tiến lên. 5. Chúc mừng thấy có khả năng tăng tiến tu tập không còn lui sụt mà tùy theo họ chúc mừng vui thích. Thời y xứ tức là y xứ của Bổ-đặc-già-la ở ba đời chính là hai mươi bảy loại Bổ-đặc-già-la, cũng thu nhiếp cả thời y xứ và căn bản y xứ trong năm lực của Như-lai ở kinh Tư Ích. Tức kinh ấy nói vì sao phải nói pháp là thâu nhiếp Luận đây nói đắc phương tiện y xứ.

Kia nói vì sao Phật tùy nghi nói pháp, vì phương tiện gì vì pháp môn gì thâu nhiếp, hoặc đại bi và phương tiện gì là thâu nhiếp Luận này nói Bi mẫn y xứ tức là khiến lìa các dục... làm phương tiện năng khởi năm thứ y xứ này. Đại bi Bổ-đặc-già-la y xứ cũng thuộc về năng lực đại bi. Cho nên, Luận Du-già ước định ở năng bi, sở bi mà phân ra riêng khác, Kinh Tư Ích y cứ vào nhân phát khởi của bi cũng thuộc về đại bi, vì vậy Kinh ấy nói: "Hoặc nói các pháp vô ngã nhưng các chúng sanh không thể tin, không thể hiểu, Như-lai ở đây mà phát khởi đại bi". Đây là biểu hiện Chư Phật trải tâm từ bi, vì các loài hữu tình dựa vào đường thiện, đường ác, cho đến tự tha lợi hành, tùy theo những thích ứng đó khiến cho biết sai lầm và công đức để chán khổ ưa tu tập dứt trừ, và vì được chứng nên khiến lìA-dục mà chỉ bảo, khen ngợi, chúc mừng v.v... ở trong văn kinh tùy theo nghĩa suy nghĩ mà kết hợp, sợ rườm rà nên không nêu ra đây.

Nhân riêng là dựa theo Luận Trí Độ thuận theo trong kinh mà nói, đây là ý phát khởi, ý nhân nơi thỉnh. So sánh tương tự đều như vậy. Nay lại phân rõ nhát khởi ý trong kinh nói chung có mười môn, nói riêng có năm mươi hai: Một là vì hiển rõ Nhất thừa nên nói kinh này có bốn thứ: 1. Duy nhất vì hiển rõ Nhất thừa cho nên nói kinh này. Vì thế phẩm thứ hai nói: "Nay kinh này (Pháp Hoa) chỉ nói về nhất thừa..." 2. Vì hiển rõ đại tuệ bình đẳng của Phật nên Đức Đa-bảo khen ngợi: Phật Thích Ca năng dùng đại tuệ bình đẳng... 3. Vì hiển rõ Thể chân như chỉ có một tướng cho nên nói kinh này, vì vậy phẩm thứ ba chép: "Như-lai biết những gì là một tướng một vị này..." Ba thứ trước khiến cho ngộ. 4. Hiển rõ tất cả sắc thân ba thời cho nên nói phần kinh này. Vui mừng thấy các Bồ-tát được hiện rõ tất cả sắc thân Tam-muội. Lại có nhiều loại nhất, nay sơ lược nêu lên bốn thứ này.

Một loại này lược trình bày nhân khiến cho tu tập.

Hai là hiển rõ hai loại có bảy:

1. Để hiển rõ hai loại tối thắng giáo, lý nên nói kinh này. Vì thế văn dưới nói: "Trí tuệ Chư Phật sâu xa vô lượng, trí tuệ đó khó hiểu được, khó thâm nhập". Luận giải thích rằng nghĩa là chứng rất sâu và giáo rất sâu, còn hai nghĩa Hoa sen cũng thuộc về môn này thâu nhiếp khiến cho muốn nghe.

2. Hiển rõ hai môn nhân quả, Luận này nói từ đây về sau trình bày hai tướng nhân quả khiến cho ưa thích tu tập vì thế nói kinh này.

3. Hiển rõ hai thừa quyền thật, văn sau nói: Chỉ dùng một Phật thừa cho nên vì chúng sanh mà nói pháp, không có thừa khác hoặc là hai hoặc là ba. Lại nói: Chỉ một sự thật này, hai khác thì chẳng phải

chân thật vì cùng khiến cho lấy bỏ.

4. Hiển rõ hai thân chân, và hóa, phẩm Thọ lượng nói: "Mọi người đều cho rằng Ta sinh ra trong cung gióng họ Thích, Ta thật sự thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp..." khiến cho biết rõ chân thân và hóa thân.

5. Hiển rõ hai hạnh tổn và ích, vì thế trong phẩm Bất Khinh chép: "Như xưa nay đã nói về người cúng dường đó, như trước đã nói về người chê bai kia v.v... khiến cho ngăn ngừa tu tập".

6. Hiển rõ khuyến khích bỏ cõi uế trước sanh về cõi thanh tịnh, như phẩm Dược vương Bồ-tát Bổn Sự, khiến cho xa lìa điều ác gần gũi điều lành.

7. Khiến cho chán ngán xuống thấp vui thích lên cao, như phẩm thứ bảy chép: "Sẽ sanh lên cõi trời Đao Lợi...", do đó khiến cho lìa bỏ sợ hãi hướng về thân cận.

Ba là hiển rõ tu ba thứ, có bảy phần: 1. Hiển rõ Tam bảo. Kinh chép: "Lại thấy chư Phật hiện tại ở cõi kia, nghe kinh pháp Chư Phật nói ra, cùng gặp gỡ các vị tỳ kheo kia...". Lại phẩm thứ hai nói: "Lại nếu có thể tin vào những gì ông đã nói, chính là thấy ta và tỳ kheo Tăng cùng các vị Bồ-tát...".

Luận chép: 1. Phật và đệ tử khác nhau, là chỉ rõ thấy Tam Bảo, khiến cho phát khởi niềm tin vui mừng. 2. Hiển rõ ba thừa sai biệt, nghĩa là Tỳ kheo cùng bốn chúng cho đến thấy Bồ-tát nhiều loại nhân duyên là mong cầu Phật đạo. Luận lại nói là Thừa sai biệt khiến cho biết rõ hơn kém. 3. Hiển rõ ba luân hóa hiện của Đức Thế tôn. Nhập định là hiển bày Ký tâm luân, phát ra ánh sáng đều là hiển bày Thần cảnh luân, nói pháp là hiển bày Giáo giới luân, khiến cho biết rõ người tối thắng mà phát khởi tôn trọng. 4. Hiển rõ hiểu ra và biết được ba tánh. Kinh chép: "Chư Phật bậc Lưỡng túc, biết pháp thường vô tánh, hạt giống Phật duyên khởi, vì vậy nói Nhất thừa, pháp ấy trụ ngôi pháp", khiến cho hiểu rõ ba tánh thông suốt sở tri. 5. Hiển rõ ba thắng hạnh. Kinh chép: "Vào nhà Như-lai khóac áo Như-lai, ngồi tòa Như-lai..." là để hiển bày thắng hạnh khiến cho tu học. 6. Hiển rõ ba thứ bình đẳng, một là trao cho hàng Thanh-văn sẽ được thọ ký thành Phật, hai là Phật Đa-bảo Niết-bàn rồi trở lại, ba là hiện rõ một Đức Phật thâu nhiếp tất cả các Đức Phật. Vì thế luận nói để loại trừ ba thứ nhiễm trước không còn phiền não, Tam-muội kiến v.v... nhiễm mạn nên nói ba thứ bình đẳng. Ba thứ nhiễm mạn: Một: Tin nhiều loại Thừa sai khác. Hai: Tin thế gian và Niết-bàn khác nhau. Ba: Tin thân này thân kia khác

nhau, khiến cho chứng đạt chân lý thâu nhiếp tự tha. 7. Hiển rõ Tam-muội tam Bồ-đề của Đức Phật, phần sau kinh đều cho rằng Như-lai sanh ra trong cung họ Thích là nói lên hóa thân, ta thật sự thành Phật đến nay rất là lâu xa nói lên Báo thân. Tri kiến như thật về ba cõi của Như-lai là hiển bày pháp thân cho nên Luận chép: Tám điều thị hiện thành tựu đại Bồ-đề vô thượng ấy là thị hiện ba thứ Bồ-đề của Phật... khiến cho nhận thức được chân hóa mà cầu chứng đạt.

Bốn là nói lên khiến cho tu bốn thứ, có bảy phần: 1. Nói lên Như-lai có bốn thứ nói về Nhân, Luận cũng nói là bốn thứ thành tựu:

1. Xưa thành tựu tức là các thứ phương tiện.

2. Giáo hóa thành tựu tức là các thứ tri kiến.

3. Công đức cuối cùng thành tựu chính là các thứ niệm quán.

4. Nói thành tựu tức là các thứ ngôn từ.

1. Khiến cho biết rõ hai sự thù thắng để phát khởi khát khao kính mến. 2. Nói lên sự khai, thị, ngộ, nhập bốn việc, để khiến cho quả mà hành nhân. 3. Hiển bày bốn hạnh Bồ-đề. Kinh chép: Đối với pháp Bồ-tát du hý thần thông làm thanh tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sanh khiến cho tu tập thắng hạnh. 4. Nói lên bốn hạnh an vui, tức là phẩm An Lạc Hạnh:

1. Chánh thân hạnh. 2. Chánh ngữ hạnh. 3. Ý xa lìa các điều ác tự lợi hạnh. 4. Tu tất cả các điều thiện lợi tha hạnh, để khiến cho hoằng pháp lợi sanh học hỏi cái đúng trừ bỏ điều sai. 5. Hiển bày bốn thứ thắng lực của Như-lai, phẩm Dũng Xuất chép: “Như-lai nay muốn phát khởi tuyên bày lực trí tuệ của Chư Phật - lực thần thông tự tại của Chư Phật - năng lực sư tử phấn tấn của Chư Phật - lực uy mãnh đại thế của Chư Phật, khiến cho biết rõ sự thù thắng đã nói ra” 6. Hiển bày bốn loại tất cả của Như-lai, phẩm Thần lực nói: Tất cả các pháp vốn có của Như-lai, tất cả lực tự tại của Như-lai, tất cả kho tàng công đức bí mật của Như-lai, tất cả sự việc rất sâu xa của Như-lai. Bốn thứ tất cả 1ấy khiến cho biết khả năng thuyên giáo thù thắng của Như-lai. 7. Hiển bày bốn pháp tánh thành tựu đời vị lai được nghe kinh này, phẩm Phổ Hiền chép: “1. Được Chư Phật hộ niệm. 2. Trồng cội gốc các công đức. 3. Nhập chánh định. 4. Phát khởi tâm cứu giúp tất cả chúng sanh”, khiến cho biết rõ pháp cao quý khó nghe phải tu tập hạnh thù thắng mới được nghe.

Năm là trình bày năm loại có bảy phần: 1. Nói lên trí tuệ có năm điều rất sâu xa, Luận giải thích rằng: Trí tuệ có năm điều rất sâu xa: 1. Nghĩa. 2. Thể. 3. Nội chứng. 4. Y chỉ. 5. Vô thượng sâu xa, khiến cho sanh ra vui mừng chứng đạt. 2. Nói lên giáo môn có năm loại khó,

Luận nêu lại kinh rằng: Môn trí tuệ đó khó thấy, khó giác ngộ, khó hiểu biết, khó giải thích, khó thâm nhập, khiến cho phát sanh tìm cầu, mong muốn nghe. 3. Nói lên năm thứ vẩn đục. Kinh chép: Như gọi là kiếp trược..., khiến sanh ra chán ngán, rời xa hiển rõ tâm đại bi của Đức Phật. 4. Nói lên năm điều kém không vì nói Nhất thừa. Phẩm Phương tiện chép: "Hàng độn căn ưa pháp nhỏ, tham lam mê đắm sanh tử, đối với vô lượng Chư Phật không thực hành đạo lý sâu xa tuyệt vời, các khổ não loạn, vì vậy Phật nói Niết-bàn, khiến cho người xả bỏ sự xấu kém". 5. Nói lên năm đức vì đó nói về Nhất thừa. Kinh chép: có Phật tử tâm thanh tịnh mềm mỏng cũng là lợi căn hướng về vô lượng cõi nước Chư Phật mà thực hành đạo lý sâu xa tuyệt vời, khiến cho học hỏi ở người tốt đẹp. 6. Trình bày về năm thừa khiến cho biết rõ căn tánh, một cơn mưa thấm nhuần mà rất cả đều lớn lên. Luận nói vì người toàn tâm cầu Đại thừa tăng thượng mạn cho rằng không có Thừa khác, khiến cho biết rõ các thứ Thừa khác nhau. Nói thí dụ mưa khiến cho biết được căn tánh tùy nghi mà giáo hóa. 7. Hiển bày năm duyên rõ ràng mới nói về một sự thật, phẩm Hóa Thành chép: "Tự biết đến lúc Niết-bàn, chúng lại thanh tịnh tin giải kiên cố, thông suốt rõ ràng pháp không và đi sâu vào thiền định, khiến cho biết pháp khó nghe đâu cần căn có thành thục?"

Sáu là: Nói lên trong sáu loại có sáu phần:

1. Thị hiện sáu thứ rung chuyển, vì khiến cho đại chúng kinh hãi thức tỉnh.

2. Hiện ra sáu đường, vì khiến cho chúng nhàm chán sợ hãi. Kinh chép: "Nhìn thấy tất cả sáu đường chúng sanh nơi cõi kia".

3. Nói lên thực hành sáu độ, khuyến khích khiến cho tu học, như tụng ở dưới chép:

4. Trình bày về sáu thọ ký:

Luận chép: 1. Chưa nghe khiến cho nghe. 2. Nói ra. 3. Dựa vào nghĩa nào. 4. Dựa vào khiến cho trú. 5. Dựa vào pháp. 6. Ngăn dứt, phối hợp với văn có thể biết, hiển bày chính hợp cơ nghi khiến cho lấy bỏ.

5. Hiển bày sáu căn trang nghiêm. Khuyên khiến cho giữ gìn, xem đọc, như phẩm Pháp Sư Công Đức nói rộng nên biết là khiến cho trì kinh.

6. Trình bày sáu thứ thọ ký khiến cho biết rõ quả địa lúc ấy phát khởi để tâm quyết định học gọi là biệt ký - đồng ký - hậu ký, vô oán ác ký, thông hành ký, cụ nhân ký, như luận đã phân biệt rộng.

Bảy là nói lên trong bảy loại có bốn: 1. Nói lên Đức Thế tôn đầy đủ bảy thứ thành tựu, có các thứ ngôn từ, khiến cho sanh khởi hỏi han

mong cầu: Tức là: Các thứ thành tựu, ngôn ngữ thành tựu, tướng, cảnh, Vô lượng chủng loại, giác thể, thuận theo chúng sanh tu hành mà nói thành tựu, phối hợp với kinh có thể biết, để khiến cho biết người thù thắng có đầy đủ đức biện giải. 2. Hiển bày bảy loại chúng sanh khởi lên bảy thứ mạn, vì thế khiến cho biết rõ sai lầm. 3. Để đối trị điều này nên nói ra bảy thí dụ khiến cho dứt trừ chướng nhiễm, như Luận biện giải đầy đủ. 4. Hiển bày trì kinh có đủ bảy đức, vì vậy khiến cho thực hành pháp. Phẩm Pháp Sư chép: Được Như-lai khóac y trùm cho, được Chư Phật hiện tại nơi các phương khác nói Kinh Bồ-tát sở hộ niệm, có đại tín lực và chí nguyện lực cà các gốc lành lực, được ở chung chỗ với Như-lai, được tây Như-lai xoa đầu, vì thế khiến cho biết trì kinh trở thành người cao quý thực hành hiển bày kinh pháp nhiệm mầu.

Tám là hiển bày trong tám loại có bốn:

l. Nguyện giáo pháp đầy đủ tám thứ sâu xa.

Luận chép: Tám loại là: Đọc tụng, tu hành, quả hạnh, tâm thêm lớn công đức, sự vui thích nhiệm mầu, vô thượng sâu xa, thâm nhập rất sâu, và không chung sở đắc, gìn giữ của Thanh-văn, Bích Chi Phật. Phối hợp với văn có thể biết, vì khiến cho biết sự khác nhau và thù thắng hơn giáo Tiểu thừa.

2. Để khiến cho xa lìa tám thứ tà vạy như thế, Kinh chép: "Những người đức mỏng phước ít". Lại nói: Không mong cầu Phật, thế lực đại thừa..., lại nói mình xưa mê đắm vào tà kiến, vì khiến cho biết rõ tà chánh.

3. Khiến cho tu tập tám điều chánh, kinh chép: Thế tôn biết rõ tâm chúng con nên dứt trừ tà vạy mà nói về Niết-bàn, điều khiến cho biết công dụng thù thắng đạt được niềm vui xuất thế.

4. Khiến cho xa lìa tám nạn, Đề bà liền nói không đọa vào các địa ngục, do đó khiến cho biết rõ lợi ích thù thắng được trả quả báo ở thế gian.

Chín là nói lên chín bộ kinh vì hướng về Đại thừa nói ra, để khiến cho xả bỏ quyền, vì vậy kinh chép: "Chín bộ ba pháp của ta thuận theo chúng sanh mà nói, nhập Đại thừa làm gốc, cho nên nói kinh này", khiến cho biết giáo pháp bán mãn của phương tiện.

Mười là nói lên mười lăm loại, có năm phần: 1. Nói lên Văn thù đạt được trí túc mạng thành tựu mười việc giống như hiện tại trước mắt, như Luận nói đầy đủ, đồng thời phối hợp với văn biểu hiện rõ, để hiển bày thầy trò đều thù thắng. 2. Nói lên giáo pháp có mười thắng diệu, Kinh chép: diễn nói chánh pháp ban đầu thiện giữa thiện, khiến sanh ra

vui thích luyện tập. 3. Nói lên Đại thừa có mười điều vô thượng, khiến cho biết kinh pháp cao quý, như văn phân biện đầy đủ đồng thời cùng phối hợp với văn. 4. Nói lên mười nghĩa nên nói Nhất thừa, biết Luận Nhiếp Đại thừa và Luận trang Nghiêm, khiến cho biết Đại thừa có bốn bí mật. 5. Nói lên kinh này có mười loại thù thắng:

1. Đưa ra sự việc nêu rõ thù thắng khó nghĩ bàn, lược nói sáu hạnh hiển bày đây là khó, như phẩm Hiện Bảo Tháp nói.

2. Loại thí dụ thù thắng khó nghĩ bàn. Sơ lược nêu ra mười thí dụ trình bày về kinh này như phẩm Dược Vương Bồ-tát nói: "Giống như tất cả khe suối sông ngòi trong các thứ nước thì biển là loại đứng đầu".

3. Chứng nghiệm đức của hai chúng, trình bày chứng thật thì tháp Đa-bảo hiện ra, muốn mở ra nên hóa Phật đều đến, đây là chứng minh sự thù thắng, cung rồng dưới đất và trên các Chi đề, Phổ Hiền Diệu âm quay về bên cạnh tháp báu, còn Thanh-văn Bồ-tát đầy đủ công đức ấy tụ hội hướng tới, bốn chúng long thiên vị trí tôn quí tề tựu đông đủ, làm thích chúng thù thắng.

4. Khả năng dứt trừ tám nạn thù thắng. Thành thật Luận giải thích bốn luân có thể phá bỏ tám nạn, trong kinh này nghe một lúc sanh ra niềm tin chính là có thể trừ bỏ tất cả, như phẩm Đề-bà-đạt-đa nói.

5. Sanh cõi trời gặp được Phật là cao quý, như phẩm Phổ Hiền nói.

6. Được trụ ở Tịnh độ thù thắng, tạm thời nghe một phẩm liền qua phương Tịnh, như phẩm Dược Vương nói.

7. Bồ-đề không lui sụt thù thắng, một lần nghe phát sanh tin tưởng Bồ-đề không lui sụt, như phẩm Phân Biệt Công Đức nói.

8. Làm ruộng phước thế gian thù thắng, trì kinh bốn câu có thể thọ nhận sự cúng dường thắng diệu của trời người, phước một kiếp khen ngợi Phật tuy vô biên nhưng phước một khi khen ngợi trì kinh lại vượt hơn kia, như phẩm Pháp Sư nói.

9. Được phước thù thắng khó suy nghĩ, trì đọc kinh này công đức không hạn lượng, như phẩm Dược Vương và phẩm Phân Biệt Công Đức nói.

10. Mau chóng được thành Phật thù thắng, như phẩm Đề-Bà và phẩm Bất Khinh nói, đầy đủ như hành nghi đã nói. Sơ lược nêu ra đại cương, trình bày mười môn này, sợ nhiều cho nên dừng ở đây. Trên đây là năm mươi hai duyên, kinh này vì thế phát khởi. Có Tụng rằng: "Một bốn, hai có bảy ba, bốn, năm đều bảy sáu sáu, bảy, tám bốn chín một, mười năm nên biết".

Pháp sư Cát Tạng lược nêu ra mười nghĩa:

1. Nói về đạo Bồ-tát.
2. Nhận sự thưa thỉnh của Phạm Vương.
3. Hiển rõ ba trí quyền thật của Chư Phật ba đời.
4. Nói về ba tịnh.
5. Nói về pháp môn của ba căn.
6. Nói về ba thứ pháp môn.
7. Để dứt nghi.
8. Nói về Trung đạo.
9. Tăng thêm niệm Phật Tam-muội.
10. Vì chúng sinh ba đời như sự thật phân biệt hai phần tội, phước.

Nay lược sắp xếp thứ nhất kia là nói về Bồ-tát đạo cho nên nói ra kinh này.

Hỏi: Bắt đầu từ hội Hoa Nghiêm cuối cùng đến trước Pháp Hoa, đã nhóm hợp các kinh Đại thừa, nói Bồ-tát hạnh, nay vì sao lại tiếp tục nói ra như vậy?

Đáp: Có hai loại Bồ-tát: Một là thẳng đến, hai là quay về. Nay hồi tiểu nhập đại Bồ-tát cho nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao có thể biết, Kinh Hoa Nghiêm đều là thẳng đến, nay vì người hồi Tiểu nhập Đại mà nói Pháp Hoa?

Đáp: Trong phẩm Dũng Xuất chép: "Các chúng sanh này mới thấy thân ta", tức ở đạo tràng vắng lặng thấy Lô-xá-na nghe Ta nói, gọi là giáo Hoa Nghiêm. "Trừ những người trước đã tu tập học theo Tiểu thừa" biết trước kia không phải hạng hồi Tiểu nhập Đại thừa. "Những người như vậy. Ta cũng khiến cho được nghe kinh này, thân nhập tuệ Phật". Cho nên biết kinh Pháp Hoa vì người hồi chuyển Tiểu thừa thâm nhập Đại thừa.

Hỏi: Vì sao trước vì hạng thẳng đến, sau vì hạng hồi chuyển Tiểu thừa?

Đáp: Một là: Tu hành lâu xa gần kề sai khác, căn lanh lợi, chậm chạp khác nhau, hơn kém sai khác.

Hai là: Vì nhận lời thỉnh của những Phạm Vương nên nói kinh này.

Hỏi xưa kia các giáo như Bát-nhã đã trình bày do nhận lời thỉnh, khác nhau điều gì với bây giờ?

Đáp: Thưa thỉnh có hai lúc, báo đáp cũng hai loại. Đầu tiên thưa thỉnh một nói về pháp luân căn bản, nay nhận sự thưa thỉnh so với xưa là khác nhau. Như phẩm Phương tiện và Luận Trí Độ quyển đầu giải

thích.

Ba là: Muốn trình bày hai trí quyền thật của Chư Phật ba đời cùng giúp đỡ thành tựu cho nên nói kinh này, chẳng phải thật không thể hiển bày Quyền, chẳng phải Quyền không thể hiển bày Thật, Thật có công năng phát khởi Quyền, Quyền có dụng giúp đỡ Thật. Như Kinh chép: "Đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba" tức là từ Thật phát khởi Quyền. Ta thiết lập phương tiện này khiến cho được đi sâu vào tuệ Phật, tức dùng Quyền thông suốt Thật". Người vâng thọ giáo pháp hoặc chấp Quyền mất Thật, xưa kia người chấp ba thừa không thể nào ngộ nhập đạo lý Nhất thừa, hoặc chấp Thật mất Quyền tức nghe nhất thừa của Pháp Hoa cho rằng không có ba thừa, nói về phá có thể biết.

Bốn là: Muốn nói về pháp môn ba tịnh: bổn tánh chúng sanh chưa hề có nhơ, sạch, ở nơi chúng sanh điên đảo cho nên chấp thành nhơ sạch. Nhơ cấu nặng không thể trừ bỏ ngay. Phật và Bồ-tát dần dần xuất hiện để khai mở ba tịnh:

1. Dùng năm giới và mười thiện làm sạch ba đường.
2. Nói pháp Nhi thừa để làm sạch ba cõi.
3. Trình bày nhất thừa để làm sạch tam thừa.

Vì ba đường là khổ đau sâu nặng, ba cõi là khổ đau trung bình, Biến dịch sanh tử là khổ đau thấp nhất, vì thế nói về ba tịnh.

Năm là: Vì nói ba pháp môn thu nhiếp, bàn chung về Thánh giáo:

1. Thâu nhiếp tà trở về chánh môn.
2. Thâu nhiếp dị trở về đồng môn.
3. Thâu nhiếp nhân trở về quả môn.

Thâu nhiếp tà qui về chánh môn: Đức Thích Ca chưa xuất hiện gồm có hai tà: một là tại gia ngoại đạo khởi tâm ái chúng sinh, hai là xuất gia ngoại đạo khởi kiến giải chúng sinh, hoàn toàn trái với chánh đạo cho nên gọi là tà. Phẩm Phương Tiện chép: "vì nhân duyên các dục, rơi vào ba đường đạo", tức là khởi lên niệm ái trôi lăn vào tà kiến, rừng rậm các kiến ngoại đạo, Như-lai xuất hiện ở đời thâu nhiếp hai tà kia trở về đường chánh của năm thừa. Trong hai loại này có hàng không nghe điều trái với pháp, để thành tựu trời người. Tánh ba thừa là ba tánh thuộc về ba pháp, thâu nhiếp hai tà kia trở về gọi là năm nẻo chánh. Thâu nhiếp vị trở về đồng môn: Nếu hạng huyền ngộ một đạo thì không cần tiếp tục nói ra loại độn căn, tuy xả bỏ hai tà nhưng lại chấp năm thừa khác nhau, nên nay thâu nhiếp năm thừa khác nhau trước đây cùng trở về Nhất thừa. Thâu nhiếp nhân trở về nơi quả: lìa nhiếp năm quy

trở về một chỉ là nhân hành, muốn cho tu nhân để chứng đến cực quả, nói về Như-lai xứng hợp hai thân Chân - ứng là thâu nhiếp nhân trở về quả môn.

Sáu là: Muốn nói về ba pháp môn: 1. Pháp luân Căn bản. 2. Pháp luân Chi mạt. 3. Nhiếp mạt qui bổn pháp luân. Đức Phật lúc mới thành đạo vì các Bồ-tát nói căn bản pháp luân Hoa Nghiêm v.v... người phước mỏng căn chậm không thể nào nghe cho nên nói giáo pháp Nhị thừa là chi nhánh pháp luân. Hơn bốn mươi năm nói về ba sự bồi dưỡng luyện tập nay Pháp Hoa này mới có thể hội tụ trở về một thừa, tức thâu nhiếp nhánh trở về gốc.

Hỏi: Văn Kinh nói ở chỗ nào?

Đáp: Phẩm Tín Giải nói: "Từ xa thấy trưởng giả ngồi chểm chệ trên ghế sư tử, trưng bày khắp các vật báu", tức là chỉ về Hoa Nghiêm làm căn bổn giáo. Gọi con không được nên thầm sai hai người; cởi bỏ y phục quí báu, cầm vật dụng hốt phân, mặc áo quần rách rưới, trú nơi lều cỏ tạm gọi là con, là chỉ mạt giáo. Vì hội ngộ thân tộc nên tập hợp lại, giao cho gia tài, tức là thâu nhiếp nhánh trở về gốc.

Bảy là: Vì dứt nghi cho Thanh-văn Bồ-tát nên nói kinh này, như mới phân biện, tuy có khác nhau đôi chút nhưng sơ lược không rõ ràng.

Tám là: Vì muốn nói pháp Trung đạo, nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Hai châu nói pháp, ban đầu đều phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, trên không từ đỉnh, dưới không từ chân, phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày là biểu thị hai châu thuyết pháp đều là Trung đạo. Châu đầu nói về một đạo thanh tịnh tức là Nhất thừa, châu thứ hai nói về một pháp thân thanh tịnh tức là thân chân thật.

Hỏi: Vì sao trình bày về Trung đạo?

Đáp: Xưa nói năm thừa, để chỉ rõ giáo pháp năm thừa, người theo thọ giáo pháp nghe năm thừa trước đây, bèn hiểu thành năm cách khác nhau, nên rơi vào chấp các bên. Người thọ theo giáo trời, người chấp bên sanh tử, người cầu giáo nhị thừa rơi vào chấp bên Niết-bàn biên, người học giáo Đại thừa mê đắm Đại thừa, nay phá các bên này khiến cho tâm chẳng còn mê đắm.

Chín là: Vì thêm lớn Tam-muội niệm Phật nên nói kinh này. Từ xưa chưa trình bày về thân chân thật, thân phương tiện, phàm phu nhị thừa mới bắt đầu thực hành, Bồ-tát không nhận thức được Phật cho nên không hiểu rõ lễ niệm, chỉ có sở đắc tâm lễ niệm, tức là lễ niệm có sở

đắc ở tâm, chưa hề lễ niệm ở Phật, vì thế Phật chẳng phải thầy của họ - họ chẳng phải con của Phật, nay mở bày thân phương tiện - thân chân thật, mới hiểu rõ lễ niệm.

Hỏi: Xưa kia vì sao không hiểu được lễ niệm?

Đáp: Ngày xưa chấp trước tuy nhiều nhưng không ngoài ba loại: 1. Không nhận thức được một nguồn gốc mà nhiều dấu vết. 2. Không nhận thức được vốn không sanh diệt nhưng phải có sinh tử. 3. Không nhận thức được Đức Thích Ca đã lâu chứng mạt pháp thân chẳng phải ở thành Già-da mới đạt được.

Vì ba bệnh này cho nên nêu ra ba giáo môn: 1. Trình bày về đức Thích Ca và Chư Phật ở Tịnh độ là ứng thân không hai, vì thế biết Ứng thân không hai, Tích thân không phải một. 2. Mở tháp ngồi cùng tòa, nói lên Phật Đa-bảo diệt mà chẳng diệt, thì biết Đức Thích Ca sanh mà chẳng sanh, không sanh không diệt gọi là Pháp thân, phương tiện tuyên bố diệt, gọi là công dụng của Tích thân. Sanh ra nơi vương cung mà không bắt đầu, vắng lặng ở song lâm mà không kết thúc. Dấu vết tuy sanh diệt rõ ràng nhưng pháp thân chưa từng có bắt đầu vào chấm dứt. 3. Quá khứ thành tựu đã lâu, vị lai không mất gọi là Pháp thân, Nhiên Đăng thọ ký, Già gia thành đạo vì làm phương tiện.

Hỏi: Đức Thích-ca chứng được Pháp thân - Pháp thân có xa gần hay không?

Đáp: Pháp thân không có xa gần, chứng ngộ cũng không có xa gần vì sao? Vì chứng ngộ vốn ở nơi Pháp thân. Pháp thân đã không có xa gần thì biết chứng ngộ cũng không có xa gần, đã biết chứng ngộ lâu xa mà không lâu xa, nên biết ngày nay chứng ngộ gần mà rõ cũng không gần.

Hỏi: Vì sao chỉ trình bày ba điều này?

Đáp: Đầu tiên thì Pháp thân không hai - tích thân không phải một, chưa biết thân không hai là sanh diệt, hay là không sanh diệt, kế là trình bày. Pháp thân không có sanh diệt - ứng thân có sanh diệt. Tuy biết sanh diệt mà Pháp và Ứng có khác nhau, chưa biết đức Thích-ca là mới chứng Pháp thân hay đã chứng từ lâu xa, kế là trình bày về xa gần, tất cả Chư Phật đều có đủ hai điều trước, đức Thích Ca có đủ ba.

Hỏi: Đã trình bày về niệm Phật thì thế nào là niệm?

Đáp: Kinh Đại Phẩm chép: "Vì không nhớ lại cho nên nói lên điều này dứt trừ bỏ phân biệt, không thấy phật là sở niệm - chúng sanh là năng niệm, như thể chân lý mà vì thế lễ niệm". Như phẩm An Lạc và phẩm Thọ lượng trình bày.

Mười là: Muốn vì chúng sanh khắp mười phương ở đời vị lai phân biệt như thật về thêm bớt, tội phước hai thứ nghiệp báo như Hành Nghi giải thích, suy nghĩ về mười thân sơ tà chánh Kinh được gọi là Môn - trong Sớ nói: “Nương thuận theo nghĩa thể, hành nhân ở giữa (Trung đạo), quả báo xuất thế tức là dựa theo Tông Luân sớ nói đặt tên có bốn loại, đó là Giáo, Lý, Hạnh, Quả, sơ lược có ba: Lại nói về Giáo có ba: 1. Vô nghĩa ngôn: như Tứ Phật Đà Luận, người Bà-la-môn đọc tụng, âm thanh thanh nhã tự mình rất đáng tôn trọng, nhưng tìm nghĩa đó hoàn toàn không có nghĩa lý, như Luận đó chép: “Ta đã uống cam lộ thành tựu không còn chết nữa”. 2. Tà vọng ngôn: như chín mươi lăm loại ngoại đạo, cũng nói về nhân quả nhưng trình bày kỳ lạ không chính đáng, nên gọi là tà vọng. 3. Như pháp ngôn: Như Đức Phật nói về đạo lý nhân quả, nói khổ, tập là nhân quả thế gian, diệt, đạo là nhân quả xuất thế, đạo lý tương xứng không trái ngược kỳ lạ cho nên gọi là Như pháp ngôn.

Lý có ba: 1. Nghĩa tăng thêm như các ngoại đạo, đối với pháp vô ngã ngang ngược cho là ngã pháp... 2. Nghĩa đều bớt, như các thứ tà kiến và đoạn kiến... 3. Nghĩa thuận theo Thể, như giáo pháp của Phật có thì nói là có, không thì nói là không, xa lìa đoạn kiến thường kiến nên gọi là thuận theo Thể.

Hạnh cũng có ba: l. Thuận theo nhân thế gian, như đối với các sự việc hiếu thuận đối với sự việc thế tục - sự việc vua tôi... 2. Nhân sai khác kỳ quái, đó là vọng suy nghĩ về các giờ vui lạc, lìa mong cầu tà v.v...

Quả có ba: 1. Quả Xiểm trá, như tà vạy thuận theo số mạng để có được những lợi lộc quang vinh. 2. Quả luống dối, như các ngoại đạo vọng chấp vô tưởng cho là Niết-bàn... 3. Quả xuất thế, như giáo pháp của Phật thường giúp cho chúng sanh vượt ra sanh tử chứng được Niết-bàn... Nhờ dựa theo giáo - lý - hạnh - quả có tà chánh cho nên đặt ra tên gọi như vậy, khiến cho bỏ tà qui chánh. Lại vì đạt được bốn thanh tịnh cho nên trình bày bốn tên gọi chung: 1. Giáo thanh tịnh. 2. Nghĩa thanh tịnh. 3. Phương tiện thanh tịnh. 4. Sở đắc thanh tịnh. Như dưới đây đặt nên tên gọi kia: Giáo tức là các thiện sơ, trung, hậu..., lý tức là xa lìa các thứ tăng - và giảm kia, hạnh là xa lìa các khổ vui, quả không phải là các khổ của thế gian vốn dựa vào sự vấy nhiễm của các hoặc, vì thế gọi là thanh tịnh. Lại vì dựa vào giáo giải thích mà ngộ lý- dựa vào lý phát khởi hạnh - do hạnh đạt được quả. Nếu không có giáo năng thuyên - không biết từ đâu ngộ lý, nếu không thể ngộ lý, có tà phân biệt nên

tạo ra các hành vi ác, có tà phân biệt tạo ra các hành vi ác do đó cảm các quả khổ. Nay dựa vào chánh giáo có thể hiển rõ chánh lý, đã chứng được chánh lý thì có thể phát khởi chánh hạnh, nhờ vào chánh hạnh nên có thể đạt được thắng quả. Vì vậy dựa theo bốn điều này để đặt ra tên gọi đó. Lại từ giáo cho nên phát sinh văn tuệ, dựa vào lý phát sinh tư tuệ, dựa vào hạnh phát sinh tu tuệ, do đây đạt được quả. Luận Nhiếp Đại thừa chép : "Huân tập Văn tuệ v.v... không có quả phát sinh thì trái với đạo lý". Lại có hai loại: 1. Nương theo người, pháp. 2. Nương theo pháp, dụ, hoặc đơn lẻ hoặc cả hai, đan xen lẫn nhau bất định, vì sao như đây? Vì nương theo, người là khiến cho biết tu tập sáu điều hòa kính, nương theo pháp là khiến cho biết những gì là liễu nghĩa, bất liễu nghĩa, hắc pháp, Đại pháp..., nương vào pháp dụ là vì độn căn, mở rộng hay tóm lược trình bày cho nên thuận theo xứ sở thuận theo sự việc, đều là trong pháp thâu nhận tên pháp rộng rãi. Theo đúng nghĩa trên, pháp giáo đặt ra tên gọi tuy có rất nhiều nhưng không ngoài điểm này. Vả lại, như Nhiếp Luận nói về tên gọi đó chung có mười loại, tụng chép: "Pháp Bổ-đặc-già-la, pháp-nghĩa-lược-quảng-tánh, bất tịnh-tịnh-rốt ráo, gọi sở hành sai biệt". Pháp đầu tiên gọi là sắc-thọ... Bổ-đặc-già-la là các tên gọi thế gian như: Thiên thọ v.v... tùy theo tên gọi Thánh giáo như Tùy Tín Hành v.v... Tên Pháp kế gọi là khế kinh v.v... Tên Nghĩa là đây giải thích nghĩa giết hại cha mẹ v.v... Tên lược là tất cả các pháp đều vô ngã v.v... tên rộng là sắc vô ngã... Tên Tánh là các chữ như A... là nhân của câu từ Tên Bất tịnh là các phàm phu bị các phiền não nhơ nhiễm, tên Tịnh là các bậc Hiền thánh dứt trừ hẳn cấu bẩn. Tên Rốt ráo là sở duyên chung chính là Bát-nhã Ba-la-mật đa, cho đến Thập địa đều lấy chung hoặc lược Bát-nhã này làm sở duyên.

Ở đây có năm cặp đối: 1. Pháp và người đối nhau. 2. Giáo và nghĩa đối nhau. 3. Lược và rộng đối nhau, ba cặp này như thứ lớp. 4. Nhiễm và tịnh đối nhau, tên gọi thứ tám và thứ chín. 5. Phân biệt và phi phân biệt đối nhau, cũng có thể gọi là nhân và quả đối nhau. Tên thứ bảy (Tánh) và thứ mười (rốt ráo) là nhân còn lại cho nên phân biệt, gọi thứ mười để hiển bày lý rốt ráo do đó gọi là vô phân biệt. Trong đó thứ hai-thứ tám-thứ chín thuận theo người mà gọi tên, những cái còn lại thuận theo pháp mà gọi tên. Nhưng nay nói về giáo tức là thứ ba tên các khế kinh, trong Du-già tám mươi mốt tên gọi có mười hai. Tụng rằng: "Giả-thật-đồng-dị -loại tùy đức và giả nói, đồng-phi đồng sở liễu, hiển-bất hiển-rộng-lược nhất". Tên gọi giả lập là bên trong giả lập tên các Ngã hữu tình, bên ngoài giả lập các tên gọi như bình lọ bồn chậu...

Tên gọi sự thật là đối với các nhãn các sắc trong nghĩa các căn lập tên gọi các nhãn v.v... Tên gọi đồng loại tương ứng, nghĩa là có tên gọi như tánh-sắc-thọ-đại chủng... Tên gọi dị loại tương ứng nghĩa là các tên gọi như Phật-thụ-đức-hữu... Tên gọi tùy đức, nghĩa là các tên gọi như chất ngại-danh sắc-lãnh nạp-danh thọ... Tên gọi giả nói, nghĩa là những loại danh nghèo, giàu v.v... tên gọi đồng sở liễu, nghĩa là cùng chung hiểu biết và thị phi trái với sự hiểu này. Tên gọi đồng phi liễu hiển, nghĩa là nghĩa lý dễ dàng hiểu rõ. Tên gọi bất hiển nghĩa là nghĩa lý khó hiểu rõ, như các thứ Đạt-la-nhĩ-trà chú. Tên gọi lược là tên gọi một chữ. Tên gọi rộng là tên gọi nhiều chữ.

Trong đây có sáu cặp đối nhau: 1. Tùy theo giải thích giả thật đối nhau. 2. Đồng loại Dị loại đối nhau. 3. Xứng Thể, lập Hư đối nhau. 4. Cùng hiểu chẳng cùng hiểu đối nhau. 5. Giải thích nghĩa khó dễ đối nhau, cũng nói là giải thích sự đề bí mật đối nhau. 6. Có thể giải thích lược rộng đối nhau. Tuy mười hai tên gọi mà không ngoài người và pháp, văn hiển bày có thể biết. Nếu phân biện về tên gọi của giáo, thì tùy theo nghĩa vốn thích hợp đó chắc chắn có thể thông suốt.

Tất cả luận về các giáo đặt nên tên gọi không như nhau, toàn bộ chia làm sáu thể lệ: 1. Nương theo sáu cách giải thích chung riêng. 2. Giáo lý-hạnh-quả chung riêng. 3. Người, pháp chung riêng. 4. Pháp dụ chung riêng. 5. Tam bảo chung riêng. 6. Khen ngợi chê bai chung riêng. Hoặc nay làm thành hai, gọi là người, pháp, đối với sáu thể lệ trước căn cứ theo sự chung riêng đó cũng có nhiều loại như nương theo sáu cách giải thích, hoặc chỉ có một, hoặc tất cả hai, ba, bốn, năm, sáu... hoặc không chỉ riêng một tên mà mang cả hai cách giải thích như kinh Niết-bàn-thể kinh có cả năng thuyên và sở thuyên, tức là có trì nghiệp thích và y chủ thích. Hoặc có cả ba để giải thích, như Luận Thành Duy Thức, luận Đại thừa A-Tỳ-Đạt-Ma-Tạp-Tập v.v... có giải thích chung cả ba cách: y chủ, trì nghiệp và hữu tài, như các kinh Chánh Pháp Niệm, tức giải thích chung cả trì nghiệp - y chủ, và lân cận, còn lại có thể theo đó mà biết. Hoặc có thể không đủ sáu cách giải thích đó, nếu dựa vào bốn tên gọi chung riêng về giáo-lý-hạnh-quả, thì chung tức là có mười lăm, riêng tức là có bốn, hai-ba hợp lại có sáu, ba ba hợp lại Bốn, bốn bốn hợp lại có một. Di Giáo - Vô lượng Nghĩa - Đại Nhẫn Nhục kinh Niết-bàn, theo thứ lớp này gọi Giáo, Lý, Hạnh và Quả. Hai-hai hợp, như kinh Giải Thâm Mật v.v... đều là giáo lý kết hợp, kinh Đại Phương Quảng-Bồ-tát Thập Địa kết hợp giáo hạnh, các kinh Xưng Tán Phật Công Đức kết hợp giáo - quả, kinh Như Tín Lực Nhập Ấn kết hợp lý-hạnh, kinh

Như Lại Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới kết hợp lý-quả, kinh Như-lai Cầu Phật Bổn Nghiệp kết hợp hạnh-quả, ngoài ra có thể theo đó biết được. Pháp và người lập riêng, và pháp dụ hợp riêng, đều dễ dàng có thể biết. Tên gọi Người và Dụ như Bồ-tát Anh Lạc Bổn Nghiệp, Người, Pháp và Dụ kết hợp như kinh Thắng man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện. Tam Bảo riêng rẽ kết hợp y, kinh A-Súc Phật, Kinh Tứ Phần Giới, kinh Nói Vô Cấu Xưng, là Tam Bảo theo thứ lớp Kinh Như-lai Công Đức Trang Nghiêm là tên gọi kết hợp giữa Phật và Pháp, kinh Phật Đại Tăng Đại là tên gọi kết hợp giữa Phật và Tăng, kinh Bồ-tát Giới là tên gọi kết hợp giữa Pháp và Tăng, kinh A-Nan Vấn Phật Sự Cát Hung là tên gọi kết hợp giữa Phật Pháp và Tăng, tất cả trên đây đều là đặt ra tên gọi không như nhau, mở rộng như Duy Thức Luận Sao trình bày, sợ nhiều nên lược qua ở đây.

Như vậy người học trước phải trình bày thông suốt tên gọi sau đó nói về kinh này. Trong tên gọi của kinh này chia làm hai phần: Đầu tiên dựa vào Sớ phân rõ, sau đó thuật về những tên gọi khác nhau. Trong phần thuật về tên gọi khác nhau, đầu tiên giải thích tên gọi Diệu Pháp, sau đó phân rõ tên Dụ. Đầu tiên giải thích Diệu Pháp: Nam Nhạc Tuệ Tư Thiền sư nói có mười Diệu: 1. Cảnh giới diệu. 2. Trí. 3. Hạnh. 4. Vị. 5. Ba pháp. 6. Cảm ứng. 7. Thần thông. 8. Nói pháp. 9. Quyến thuộc. 10. Công đức lợi ích diệu. Cảnh giới tức mười Như. Trí tức là năng duyên hai trí căn bản, Hậu đắc, trí vốn dẫn dắt cho hạnh, hạnh vốn trải qua danh vị, vị dựa vào ba pháp, dựa vào pháp để thích ứng với vật cơ thuận theo cảm ứng, tùy theo năng cảm mà vì đó hiện rõ thông suốt gọi là thần thông, ứng với cảm ấy mà giảng nói giáo pháp là nói pháp, vì thuận theo Phật cảm hóa nghe pháp có thể chứng ngộ là quyến thuộc, lấy pháp trao cho chúng sanh là lợi, cơ tùy đó hội nhập là ích gọi là công đức lợi ích diệu. Làm sao để biết được mười diệu này? Tức y theo văn kinh biết Phẩm Phương Tiện chép: "Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt hết tướng tất cả pháp, tức là Cảnh diệu. Trí tuệ mà ta chứng đắc tức là Trí diệu. Đầy đủ hành cđường đạo tức là Hạnh diệu. Cỡi xe báu là nhân vị thẳng đến đạo tràng là quả diệu tức hai vị diệu. "Phật tự an trú Đại thừa như pháp đã đạt được có đầy đủ tuệ lực trang nghiêm..." tức là ba pháp diệu. "Ta dùng mắt Phật quán sát đều là con mình - mọi người kinh hãi nhà lửa, thấy cha ngồi ghế v.v..." đều là cảm ứng diệu. "Nay Phật Thế tôn nhập Tam-muội, rải hoa, mặt đất rung chuyển, phát ra ánh sáng chiếu soi rất xa" đều là thần thông diệu. "Vốn có thể nói các pháp sơ trung hậu thiện - ngôn từ mềm mại, những pháp đã nói ra

tất cả đều đến địa vị Nhất-thiết-trí, chỉ nói về đạo vô thượng v.v...” đều là nói pháp diệu. “Giáo hóa các Bồ-tát không có đệ tử Thanh-văn...” đều là Quyến thuộc diệu. “Thanh-văn nghe pháp được thọ ký trước Phật, đời vị lai, tùy đó nghe đạt được những phước đức lợi ích” đều là lợi ích diệu. Sanh khởi lần lượt, theo đúng nghĩa mà nói. Trên đây là giải thích về Diệu pháp. Kế đến giải thích về Dụ: Hoa có rất nhiều loại vì sao chỉ nêu ra hoa sen làm thí dụ? Đáp: Cát Tạng pháp sư nói: “Sơ lược có ba nghĩa: 1. Rời xa dụ. 2. Hợp dụ. 3. Chung dụ”. Nói lìa dụ: Một là trình bày hoa này không có mà thôi, có thì hoa, quả đều có một lượt, kinh này không nói thì thôi, là nói thì nhân quả cùng nêu ra. Lấy hoa sen thí dụ cho nhân quả.

Luận chép: Chỉ ra hiện rõ các tướng nhân quả. Hai là bởi từ hoa nở mà quả thay đổi hiện rõ, do lời nói phát mà lý hiển bày, vì thế lấy hoa sen thí dụ cho giáo lý. Kinh chép: “Nghĩa đó rất sâu xa lời nói khéo léo...” Ba là các hoa nở mà quả chưa hiện rõ, hoa nở rồi thì quả mới hiện rõ, chưa mở ra cửa ngõ phương tiện thì tướng chân thật chưa hiện rõ, mở ra cửa ngõ phương tiện thì tướng chân thật mới hiển bày. Hoa nở dụ cho mở cửa phương tiện, quả hiện dụ cho tướng chân thật hiến lộ, vì vậy ở dưới kinh chép: mở ra cửa phương tiện hiển bày tướng chân thật.

Kết hợp dụ: Sơ lược có mười nghĩa:

1. Hoa từ hạt giống sanh ra, dụ cho Nhất thừa chắc chắn có giống siêu việt, cho nên kinh chép: Giống Phật từ duyên mà khởi...”

2. Hoa này từ bé đến nở rộ, dụ cho Phật thừa dần dần thêm lớn, vì thế kinh nói “Dần dần chứa nhóm công đức v.v...”

3. Hoa này thêm lớn đầy đủ vượt lên khỏi nước bùn đục, dụ cho công đức Phật, cõi nước Phật vượt ra ngoài sanh tử lẫn lộn, nên kinh nói “Như-lai đã ra khỏi nhà lửa ba cõi, vắng lặng nhàn nhã ở nơi rừng vắng...”

4. Hoa này tuy vượt lên khỏi nước bùn nhưng chẳng bỏ nước bùn, dụ cho Phật tuy vượt ngoài bốn dòng mà không từ bỏ ba cõi, có nên kinh chép: “Đứng ở bên ngoài cửa, nghe có người nói, kinh hãi vào nhà lửa, mới tùy nghi cứu giúp v.v...”

5. Hoa này trong sạch tuyệt vời bậc nhất, dụ cho Phật thừa đối với năm thừa là bậc nhất, cho nên kinh nói “Thừa này mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, ở thế gian không có gì hơn v.v...”

6. Hoa này phàm Thánh khen ngợi ưa thích, Phật thừa cũng như vậy, xuất thế và thế gian khen ngợi yêu thích, cho nên kinh nói “Phật đã vui vì có thể tất cả chúng sanh đã thích ứng khen ngợi cúng dường

lễ bái" 7. Hoa này đài quả đầy đủ, dụ cho Phật thừa muôn đức đều tròn đầy, vì thế kinh nói "Vô lượng ức muôn các lực giải thoát - thiền định- trí tuệ và pháp của Phật".

8. Hoa này Phật và Bồ-tát ngồi, kinh này cũng như thế, vì Phật và Bồ-tát đến an trú trong đó. Do vậy kinh nói "Phật tự an trú Đại thừa, như pháp đã đạt được đó, năng lực định tuệ trang nghiêm, lấy lực này độ chúng sanh"

9. Hoa này nở ra úp lại có thời gian, dụ cho Nhất thừa này ẩn hiện có lúc, xưa ẩn nay hiển, vì thế kinh nói "Cho nên chưa hề nói, vì lúc nói chưa đến, nay chính là đến lúc, quyết định nói Đại thừa".

10. Hoa này lúc kiếp mới thành thì Phạm vương ngồi ở trên làm cha của chúng sanh, kinh này cũng như vậy, cho nên kinh nói "Như đại Phạm Vương là cha của tất cả thế gian, kinh này cũng như vậy, là cha của tất cả thế gian, là cha của tất cả các Hiền Thánh", nơi khác lại nói "Trí độ Bồ-tát là mẹ, dùng phương tiện làm cha..."

Chung dụ như kinh Đại Tập chép: "Từ bi là rễ-thân, trí tuệ là hoa-lá, Tam-muội là nhụy, đài, giải thoát là giống-quả, Bồ-tát là ong chúa, Niết-bàn là cam lộ, vì thế cho nên ta đảnh lễ kinh Diệu Phật Hoa sen". Lại có giải thích: "Nói là diệu, Diệu gọi là bất khả tư nghị. Pháp là mười Như xứng với quyền thật, Hoa sen là dụ cho pháp quyền, thật ra vì Diệu Pháp khó hiểu, từ gần dụ cho xa". Kế ý là nhiều lược, phỏng theo trước sau hợp thành sáu dụ:

1. Vì sen cho nên có hoa, dụ cho vì Thật cho nên có Quyền. Vì vậy kinh nói "Biết vắng lặng bậc nhất, vì dùng năng lực phương tiện, tuy nêu các loại đạo, thật ra là Phật thừa v.v..."

2. Hoa phô bày dụ cho khai quyền, sen hiện rõ dụ cho biểu hiện Thật, kinh chép: "Mở ra cửa phương tiện-hiển bày tướng chân thật v.v..."

3. Cánh Hoa rụng dụ cho phế bỏ quyền, sen thành tựu dụ cho lập chân thật, kinh chép: "Chính ngay bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng ".

4. Còn sen dụ cho nguồn gốc, hoa dụ cho dấu vết, từ nguồn gốc lưu truyền dấu vết, dấu vết dựa vào nguồn gốc, kinh nói: "Kiếp trược lúc hỗn loạn" cho đến nói "Vì thế cho nên Chư Phật Như-lai dùng nặng lực phương tiện một thừa phân biệt nói thành ba v.v ..."

5. Hoa phô bày dụ cho khai mở dấu vết, sen hiện rõ dụ cho hiển bày nguồn gốc, kinh nói "Các ông hãy lắng nghe, Như-lai nói về năng lực thần thông bí mật, cho đến từ lúc Ta thành Phật đến nay lại vượt qua

các số này...”

6. Cánh hoa rụng dụ cho phế bỏ dấu vết, sen thành tựu dụ cho lập ra nguồn gốc, kinh nói “Pháp của Chư Phật Như-lai đều như vậy, vì độ chúng sanh đều là thật không hề luống dối v.v...”. Đây là vì trước nêu ra Diệu pháp, kế là dụ về hoa sen, quét sạch giáo chấp Hóa Thành, phế bỏ tình vương nơi am cỏ, mở cửa quyền phương tiện, chỉ rõ lý mầu nhiệm chân thật, hội hạnh nhỏ bé của muôn thiện, trở về Nhất thừa rộng lớn, căn thượng trung hạ đều thọ ký cho. Lại phát khởi hạnh quyền biến của Thánh, hiển bày sự sâu thẳm tinh vi của bổn địa. Cho nên, tăng thêm đạo, giảm bớt sanh, bốn thứ chúng sanh làm người lân cận, đấng Đại Giác một thời kỳ hóa đạo sự lý hiện rõ đều trọn đầy, dụ về hoa sen ý ở tại đây. Trong phẩm có hay không tức là nói có năm mất ba không thay đổi. Ngài Di Thiên Thích Đạo An nói: Phiên dịch trước kia là thời Tần có năm điểm sai với bản gốc và ba điểm không đổi. Một là chữ Phạn chép ngược lại (có chỗ nói lúc đầu ngược lại trải qua so sánh) nhưng chính là theo ý người dịch thời Tần, đó là một điểm sai bản gốc. Hai là kinh Phạm còn đơn thuần, người Tần thích văn chương, truyền bá thích hợp với tâm mọi người không phải văn chương thì không hợp, đó là điểm thứ hai sai với bản gốc - Ba là văn Phạn quanh co không rõ, đến ngâm nga ca vịnh dặn dò nhiều lần hoặc ba hoặc bốn mà không chê hay nhàm chán nên nay dịch cắt bỏ, là điểm thứ ba sai với bản gốc. Bốn là trong bản tiếng Phạn có nghĩa nói về chánh nhưng tựa như ngôn từ lộn xộn, tìm kiếm chứng lại văn bản nói trước không có dùng khác nhau, hoặc một ngàn hoặc năm trăm hoàn toàn không còn, đây là điểm thứ tư sai với bản gốc. Năm là dường như hợp thành, đem thay đổi gần kề cho đến lặp lại nhiều lần ngôn từ trước, rồi dường như nói sau, mà nay tất cả đều trừ bỏ. Đây là điểm thứ năm sai với bản gốc. Người trí tâm thẳng đến ba đạt, trái lại giảng nói Thánh chắc chắn nhờ vào thời tục thường có khác nhau mà chọn lọc mẫu mực cổ xưa để thích hợp với hiện tại, đó là không thay đổi thứ nhất. Ngu trí cách xa tự nhiên, bậc Thánh, gần kề thềm bậc, chính là muốn dùng ngôn ngữ tinh tế hướng lên trên của ngàn năm lưu truyền khiến cho phù hợp với sự dụng vụn vặt xuống dưới của trăm vua, đó là không thay đổi thứ hai. A-nan nêu ra kinh trách Phật chưa xa, Tôn giả Đại Ca diếp khiến năm trăm người chứng Lục thông tất cả thay nhau xem xét làm thành kinh sách. Nay xa cách ngàn năm mà ý kinh vẫn gần, lượng kinh có bớt, A-la-hán kia còn canh cánh lo lắng như vậy, phàm phu sanh tử này còn thường như thế, há dám nghi ngờ người không biết pháp! Đây là không thay đổi thứ ba.

Trải qua từ đất Tây Vực năm điểm thất lạc, ở điều không đổi, đến thời Tần mới dịch văn Phạm, luống chẳng đáng cẩn thận hay sao!

Nói về tên phẩm kinh có hai: Đầu tiên là giải thích tên gọi phẩm kinh khác nhau, sau đó trình bày tên gọi thích hợp. Tên gọi khác nhau: Kinh Chánh Pháp Hoa chép: Phẩm Quang Thụy, phẩm Phương Tiện, phẩm Ứng Thời, phẩm Tín Giải Lạc, phẩm Dược Thảo, Phẩm Thụ Thanh-văn Quyết, Phẩm Vãng Cổ, phẩm Thụ Ngũ Bách Đệ Tử Quyết, Phẩm Thụ A-nan La Vân Quyết, phẩm Dược Vương Như-lai, phẩm Thất Bảo Tháp, (Phẩm Đề-bà-đạt-đa gộp vào trong phẩm Bảo Tháp, phẩm Khuyến Nói, phẩm An Hạnh, phẩm Tha Địa Dõng Xuất, phẩm Như-lai Hiện Thọ, phẩm Hành Phước Sự, phẩm Khuyến Minh, phẩm Thán Pháp Sư, phẩm Thường Bị Khinh Mạn, phẩm Như-lai Thần Túc Hành, phẩm Dược Vương Bồ-tát, phẩm Diệu Hống Bồ-tát, phẩm Quang Thế Âm Phổ Môn, phẩm Tổng Trì, phẩm Tịnh Phục Tịnh Vương, phẩm Lạc Phổ Hiền (ở cuối nói: lúc Đức Phật nói phẩm này như hằng hà sa ức trăm ngàn Bồ-tát chúng đều đắc ngay tổng trì tất cả), phẩm Chúc Lụy. Giải thích về phẩm phế lập nếu, phẩm Chúc Lụy ở trước phẩm Dược Vương, thậm chí có nói nói tám sai trái và có nói nói mười chứng minh phẩm Chúc Lụy phải ở trước phẩm Dược Vương, một là: Khiến cho trở về như cũ là chứng minh, chỉ nói Hóa Phật sai khiến trở về bổn độ, vì tháp Phật Đa-bảo chưa điều khiển trở về. Hai là Không nói Phật khen ngợi là bằng chứng trong phẩm Dược Vương chỉ nói về tháp báu ngợi khen. Ba là Diệu âm khai bày cung kính là bằng chứng các Bồ-tát hiện ra lễ kính tất cả phân thân, Diệu âm chỉ lễ kính hai Đức Phật. Bốn là Uế độ chẳng phải tịnh độ là bằng chứng, Hóa Phật chưa đi, ở đây còn khiến cho tịnh. Diệu Âm trong tương lai vì sao được khuyên nhủ? Năm là Thưa hỏi Phật đến hay không là bằng chứng, nói rằng Đa-bảo Như-lai đến nghe pháp hay không, đã không thấy Đức Đa-bảo, thì rõ ràng tháp đã đóng lại. Sáu là Muốn thấy Đức Đa-bảo làm bằng chứng, nếu tháp chưa đóng cửa, thì hai Đức Phật cùng an toạ, tự nhiên tùy đó đều nhìn thấy, đâu cần phải thỉnh cầu được thấy? Bảy là Thỉnh cầu nhìn thấy chỉ có nghe là bằng chứng, đã chỉ nghe tiếng, không nói thấy Phật, rõ ràng biết là đã đóng lại. Tám là Cung kính tháp chẳng phải Phật là bằng chứng, hai Đức Phật cùng an tọa, tùy đó lễ kính hai Ngài, vì sao chỉ nói lễ lạy tháp Đa-bảo? Chín là Hai phần không như nhau là bằng chứng, nếu Hóa Phật chưa trở về, vì sao không như nhau mà tôn trọng thi hành? Mười là Không phân biệt phân thân là bằng chứng, nếu xuống dưới phẩm Dược Vương còn có Hóa Phật, sao không có văn trình bày làm bằng chứng? Dùng mười

bằng chứng Chúc Lụy này không thể khiến cho ở sau, cần phải mở rộng như luận nói, tôn trọng tìm kiếm giải thích này, lý sâu xa văn thông suốt. Nhưng nghĩa có ngàn muôn đường, người nay phiên dịch qui về vết cũ của bậc thượng đức, đã dùng mười chứng cứ Chúc lụy khiến cho ở trước. Nếu như vậy sẽ có mười điều không thể, vì thế cho nên Chúc Lụy trả lại khiến ở cuối kinh. Một là khiến cho trở về bốn độ là bằng chứng không thể, không nói như cũ, chỉ là nói tháp đóng lại mà không nói khiến trở lại cõi nước mình. Chánh Pháp Hoa chép: Giảng đường của Đức Đa-bảo Thế tôn bằng bảy báu thì tháp miếu của Đức Phật trở về lại chốn cũ cũng không thể nói, kinh vốn có khác nhau chỉ riêng một Đức Phật nói ra lại không giống nhau, ít thấy nghe khác nhau. Hai là Không nói Phật khen ngợi là bằng chứng không thể, phẩm Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự chép: "Đức Như-lai Đa-bảo ở trong tháp bảy báu khen rằng: Lành thay! Lành thay! Tuy mở tháp báu mà Đức Phật không ở trong tháp" nay nói Đức đa. Bảo ở trong tháp báu, khen ngợi rằng lành thay, mà không nói tháp khen ngợi, Nói chẳng phải Phật khen ngợi là bằng chứng không thể. Ba là Diệu âm khai bày cung kính là bằng chứng không thể, vì ở phương dưới hiện lên kính lễ tất cả phân thân mà Diệu âm không kính lễ tức là bằng chứng hóa thân Phật đã đi, cũng nên Văn thù. Không lễ lạy vì phân thân đã đi. Phẩm Đề-bà-đạt-đa cũng nói: "Đến nơi hai Đức Thế tôn tu hành cung kính xong rồi hướng về chỗ Trí Tích", mà không nói kính lễ tất cả, lẽ nào Hóa Phật đi do đó là không thể chăng? Bốn làUế độ chẳng phải Tịnh độ là bằng chứng không thể, nếu Diệu âm được khuyên nhủ cõi trở về cõi uế trược thì cũng nên Hóa Phật khiến đến Linh Sơn xuất hiện nên chẳng phải cõi tịnh, nếu nói: Tuy nói các núi y cứ vào bổn tướng mà giải thích bàn luận cõi nước thật sự thanh tịnh, thì Diệu âm thấy uế trược tương tự cũng như vậy, hoặc nói tuy trở thành Tịnh độ mà Linh Sơn còn tồn tại cho nên chẳng phải thí dụ, Linh Sơn chẳng phải uế độ trở thành Tịnh độ hãy còn tồn tại, đã xuất hiện núi đá làm sao có thể tồn tại, vì thế nói tồn tại là nói theo thời gian ban đầu. Như Văn-thù từ biển hiện lên, cũng như nói đến núi Kỳ-xà-quật, hội lúc ấy hoàn toàn lấy lên trên hư không đến núi là muốn làm những điều gì? Do đó tuy đến hư không tháp báu mà y cứ theo lúc đầu còn nói đến nơi vùng núi cư trú sai thị giả cầm hoa đến núi, vì vậy biết rõ căn cứ vào lúc đầu chẳng phải Tịnh độ mà bên trong có thể có Kỳ Sơn. Kinh chép: "Lúc ấy, ta và chúng tăng, cùng ra khỏi núi Linh Thứu", cũng nói theo chỗ ban đầu, nếu cho rằng kinh nói chỉ lưu lại chúng trong hội này cũng giữ lại người và núi ấy không thể như vậy,

chúng khiến cho nghe pháp vốn là để có thể lưu lại, núi không nghe kinh thì lợi ích gì mà lưu lại, do đó nói cõi uế chẳng phải tịnh độ là bằng chứng không thể. Năm là Thưa hỏi Phật đến hay không là bằng chứng không thể, vì sao Văn thù thỉnh cầu được thấy Diệu âm, Đức Thích Ca Như-lai nói rằng Đa-bảo Như-lai có thể hiện rõ sự tướngcho các ông thấy, thì Phật Đa-bảo nói với Diệu Âm rằng: Người thiện nam đến đây. Văn thù sư lợi muốn được thấy ông nên đến theo lời gọi của Phật, làm thế nào là giả hỏi, hỏi để truyền bá lời Đức Phật nói cho nên kinh chép: Phật Tịnh Hoa Trí hỏi thăm Thế tôn. Lại thưa hỏi Đức Đa-bảo Như-lai đến nghe pháp hay không? Chẳng phải Diệu âm tự hỏi vì thế là không thể. Sáu là mong muốn thấy Đức Đa-bảo là bằng chứng không thể. Nếu nói hai Đức Phật cùng ngồi tức là khiến cho tất cả cùng thấy, đâu cần phải cầu xin Đức Phật. Nay con mong muốn nhìn thấy Đức Phật Đa-bảo ấy là, Bồ-tát là người dưới - Như-lai là quả trên che chở khiến cho nhìn thấy, có thể được nhìn thấy bậc tôn quí, nếu chưa che chở thì không thể nhìn thấy được. Hy vọng mong Đức Phật che chở cho nên thỉnh cầu muốn nhìn thấy, vả lại Diệu âm sắp đến, Văn thù đang thỉnh cầu Đức Phật che chở, thì Diệu âm đã hiện ra nơi đó vì thế được thấy, cần có Phật lực nên tuy hai Phật đồng toà mà thỉnh rồi mới thấy, không phải thỉnh cầu nhìn thấy tức hứng tháp đóng lại cho nên là không thể. Bảy là Thỉnh cầu nhìn thấy mà chỉ nghe tiếng là bằng chứng không thể, nếu vì thỉnh cầu nhìn thấy thì kinh chỉ nói rằng khen ngợi mà không nói là nhìn thấy thân, tức là rõ ràng không thấy Đức Đa-bảo, nay Văn thù thỉnh cầu nhìn thấy diệu Âm, kinh không nói Diệu âm sẽ đến, mà Văn thù được nhìn thấy, thì Văn thù cũng phải thật sự không nhìn thấy Diệu âm. Nếu đã thỉnh cầu nhìn thấy thì có thể thấy đâu cần phải nói điều ấy, Diệu âm thỉnh cầu nhìn thấy nên lập tức nhìn thấy, đâu cần trong văn nói là được nhìn thấy vì thế là không thể. Tám là Tôn kính tháp chẳng phải Phật là bằng chứng không thể, vì sao? Vì nếu theo Diệu âm tôn kính tháp mà không nói tôn kính Phật, thì chứng minh rằng tháp đóng lại, ngài Phổ Hiền lẽ ra cũng đến không nói tôn kính tháp, tháp cũng sẽ không có, không thể nói tháp lúc này không còn. Văn không có chỗ di chuyển tháp, tuy không tôn kính tháp nhưng không ngại gì đến có tháp, không nói tôn kính Phật nào trở ngại gì đến nhìn thấy Phật? Cũng như sau khi tháp mở ra tất cả đều ở giữa hư không, Văn thù cùng hải hội Thánh chúng nói rằng đến Linh Sơn, lẽ nào có thể không biết Phật đang trong tháp báu hay sao? Vì núi ngay từ đầu cho nên nói là đến núi, vì vốn tồn tại tháp cho nên nói là tôn kính tháp, chẳng phải không thể đến giữa hư

không và tự mình kính lễ Phật. Lại như Thông thường nói Liên thư túc hạ, chưa hẳn đặt ở dưới đầu gối , chỉ là từ ngữ cung kính, ở đây cũng thuận theo như vậy. Lại theo kinh Chánh Pháp Hoa, thì Quán Âm chia hai chuỗi anh lạc, một phần dâng lên Đức Thích Ca Mâu-ni, một phần dâng cúng Đức Đa-bảo Như-lai, không nói dâng tặng tháp báu, rõ ràng tháp không đóng nên Diệu âm có thể nhìn thấy được. Nay nói chỉ có đóng cho nên là không thể. Chín là Hai phần không bằng nhau là bằng chứng không thể. Nếu vì Đa-bảo chỉ là hai phần, không dâng lên Hóa Phật, rõ ràng biết Hóa Phật là không có, cũng thuận theo Long Nữ chỉ dâng cúng Đức Thích Ca thì Đức Đa Bảo cũng phải đi rồi. Còn Văn thù không lễ lạy phân thân thì phân thân cũng không có, Quán âm không dâng cúng phân thân, sao có thể tức thì cho là đã đi? Vì lễ lạy cung kính ngang nhau, cho nên là không thể. Mười là Không phân biệt phân thân là bằng chứng không thể. Nếu văn kinh dưới không nói đến Hóa Phật, thì sao lại phế bỏ tình đang còn, xuống dưới phẩm Dược Vương không nói đến Thanh-văn, Thanh-văn chẳng lẽ chẳng có? Nếu là trong phẩm Phổ Hiền nói có, tức là chứng minh hiện tại có Thanh-văn, chỉ có kinh Chánh Pháp Hoa như phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh, rõ ràng biết rằng Hóa Phật cũng có. Văn nghĩa cần phải giải thích có thể lập tức giải thích, văn nghĩa không cần thiết, vì sao lại gượng gạo giải thích, cho nên không thể. Phân định tách biệt trong bản văn, một nói là tám phẩm dưới từ phẩm Phương Tiện trở xuống làm Chánh Tông, một nói cho đến phẩm Bồ-tát Bất Khinh làm Chánh tông. Tuy có hai cách giải thích nhưng ý chọn lấy cách giải thích thứ nhất, vì sao? Vì văn dưới nói: “Nay trong kinh này chỉ nói riêng về Nhất thừa”, lại nói: “Mở cửa phương tiện, tức là nói quyền biến xưa kia, hiển bày tướng chân thật, chính là nay nói về thật”. cũng trong phẩm Phương Tiện đã là căn bản đích thực trình bày về Quyền-Thật, Thừa đã nói, thí dụ Hóa Thành tiếp tục nói về nghĩa trước, ba căn được thọ ký, về sau thì ngợi khen khuyến khích thực hành, nói pháp đã ổn định, tức thời Trí Tích thỉnh cầu đi, là trình bày về lưu thông, hiển bày thế lực của kinh, hóa độ rộng rãi mau chóng thành tựu, chẳng phải tập hợp Quyền hiển bày đối với một Thật. Lại luận giải thích nói nguyên do theo thỉnh Phật nói pháp là vì việc làm của Thanh-văn nên muốn cho Thanh-văn quay lại hướng về Đại thừa. Cũng trong luận Nhiếp Đại Thừa nói là dẫn dắt thâu nhiếp một loại và tùy chỉ những loại khác, nói Nhị thừa không khiến cho xả bỏ không thể hướng về, chẳng lẽ nói Báo và Pháp không thể khiến cho phát khởi Hóa, lẽ ra thành Phật rồi lại không phát khởi Hóa ư? Lẽ ra không khiến cho tu tập

nhân đức của Phật ư? Cho nên biết không vì thế xả bỏ đối với Hóa Phật chỉ nói riêng về Pháp và Báo. Lại, ba thân Phật đều là Bồ-đề vô thượng, cho nên thứ nhất nói về thiện còn lại trình bày phẩm Phương Tiện về sau cho đến phẩm Bất Khinh là Chánh tông của kinh. Đến phẩm Phương Tiện xuống dưới mười chín phẩm trình bày thể của kinh, tám phẩm sau trình bày phần Lưu Thông, tựa trình bày về lý do phát triển giáo, Thể rõ ràng thì lợi ích cho người ngồi nghe. Nếu vì được thọ ký là lợi ích, tức là nói về Phương Tiện trở xuống tám phẩm sau là Chánh Tông. Nếu vì được chứng thật đều gọi là lợi ích, thì phải vâng theo các hành thiện của Pháp sư cho đến Phổ Hiền, vì sao chỉ đến Bất Khinh? Chỉ riêng điều này chính là có sai lầm rất là rộng hẹp, còn lại theo đúng sự phân định trước đó, được mất có thể biết. Có nói giải thích trong bảy thành tựu, Tựa thành tựu có hai: Một. Hiển bày sự tối thắng trong pháp môn. Hai. Thành tựu công đức tự tại. Nói rằng lấy sự tối thắng trong pháp môn cho nên phối hợp với văn Tựa thành tựu, công đức tự tại cho nên phối hợp giải thích sáu thứ còn lại. Cách giải thích này đích thực trái với Luận, văn luận tự chia ra bảy thành tựu đã nói, còn Tựa thành tựu ấy, chính là điều khác nhau nhắc lại để giải thích. Vì hai nghĩa đó khác nhau thuộc về thành và núi, sao có thể tự tại thuộc về sáu nơi khác thành ra không thể nói. Luận nói hiển bày pháp tối thắng này nêu lên thuộc về văn kinh. Công đức thành tựu đã không kết hợp, xứng với trình bày thuộc về sáu thứ còn lại, vì pháp tối thắng nói cùng hiển bày hai thứ trước. Vì giáo năng thuyên và công đức sở thuyên đều gọi là pháp, cho nên pháp là gọi rộng. Giải thích tôi nghe như vầy, đều nói rằng A-nan tự mình nghe điều ấy từ Đức Phật.

Hỏi: Như Phật lúc mới thành đạo đến hai mươi năm sau A-nan bắt đầu xuất gia, vì sao các kinh đều nói tôi nghe?

Đáp: Đức Phật nói lại cho A-nan nghe. Làm sao biết được? Vì trong kinh Bồ-tát Xứ Thai có phân biệt rộng, Phật nhiều lần hỏi người không nghe gì đã nói ra, A-nan thưa không nghe, Phật dạy lắng nghe vì đó nói ra, A-nan được Phật giác ngộ Tam-muội, vì thế tất cả các thời gian đều có thể nhận được.

Hỏi: Nếu vậy vì sao Luận Trí Độ chép: A-nan sắp lên tòa cao lúc nói kinh, hướng về phương Phật Niết-bàn mà nói bài kệ rằng: Phật lần đầu xoay bánh xe pháp, bấy giờ con không thấy, như thế lần lượt được nghe, xưa ở tại Ba-la-nại, vì chúng năm Tỳ kheo, xoay bánh xe pháp Bốn đế?

Đáp: Văn trong Luận Trí Độ vì tùy theo các bộ khác cho nên nói

như thế. Lại giải thích về Phật ban đầu ở chỗ kia vì năm vị mà nói, sau lại lần lượt vì A-nan tiếp tục nói, lần lượt nghe.

Hỏi: Nếu vậy Luận Nhập Đại Thừa chép: "A-nan giữ gìn pháp không rõ ràng hết, hai mươi năm trước đều không giữ". Lại trích dẫn Trung A-hàm nói: "Thích-đề-hoàn-nhân nói với Uất Đa-la rằng: Tôn giả! Ta được tha tâm thông quán xét tất cả chúng sanh cõi Diêm-phù-đề, không có khả năng thọ trì Phật pháp, chỉ ngoài Tôn giả ra, người khác không thể nào rõ ràng được". Vì nhân duyên này nên biết A-nan không phải có thể giữ gìn tất cả được. Còn trong kinh Thủ lăng nghiêm, Đức Phật vì Thiên tử Tịnh Nhật Tạng mà nói: Pháp A-nan giữ gìn chỉ số ít, không đáng nói. Pháp không thọ trì thì vô lượng, cho đến nói rộng ra thì lại đầy khắp thế giới như cát bụi trong mười phương đều như A-nan không thể nào giữ gìn hết được, cũng giống như vậy?

Đáp: Căn cứ theo Phật chưa che chở chưa tiếp tục vì A-nan nói cho nên làm ra cách giải thích như vậy. Kinh Thủ lăng nghiêm căn cứ vào pháp vốn đã ngộ của Phật mà chưa nói nên nói không thể nào giữ gìn tất cả, như nói pháp chưa thuyết nhiều như lá cây trong rừng v.v... còn pháp đã nói nơi này thì A-nan có khả năng gìn giữ, nói theo các Tịnh độ ở mười phương thì A-nan không thể giữ được.

Hỏi: Nếu A-nan chẳng phải Đại Bồ-tát thì các pháp khác không thể giữ gìn đã là Bồ-tát hóa thành Thanh-văn sao không thể giữ gìn.

Đáp: Vì ở nhân vị, nơi hiển bày tướng thân ở cõi này, ở chỗ khác nói rằng không thể giữ gìn được, ở cõi này không ai có khả năng. Vì sao Trung A-hàm chép: Chỉ ngoài Tôn giả Uất Đa-la, người khác không thể rõ ràng hết? Uất đa-la cũng là Thanh-văn? Lại trái với kinh Xứ Thai chép? Đáp: Thảy đều có thể gìn giữ, nếu không như vậy thì trái nhau, cho nên các kinh nói thông suốt điều này, thật ra các văn không sai.

Nói các lậu đã hết là giải thích tên gọi, Câu Xá chép: Dừng lại ở hữu tình, trú nơi sanh tử, hoặc khiến cho trôi lăn ở trong sanh tử, từ trời Hữu Đảnh xuống đến địa ngục Vô gián, do sự tiếp nối liên tục kia ở sáu cửa nhơ nhớp, trải qua vô cùng vô tận nơi này nên gọi là Lậu. Bồ-tát Thế Thân thuật lại kinh bộ rằng: Nếu khéo giải thích tức là ở các cảnh giới trôi lăn tiếp trải qua nơi này không dứt gọi là Lậu", Hoặc như Đại Thừa Tạp Tập quyển sáu chép "Khiến cho tâm liên tục trôi lăn tán loạn không dứt gọi là Lậu". Đây lại hỏi vì sao dựa vào phần ngoài trôi lăn mà lập dục lậu, dựa vào phần trong trôi lăn mà lập Hữu Lậu, dựa vào hai phần sở y kia trôi lăn nên lập Vô Minh Lậu, khiến cho tâm trôi lăn tán loạn không dứt là nghĩa về Lậu? Giải thích rằng: Đối với cảnh giới

trải qua này tồn tại lấy Lậu làm tên gọi, chỉ được phần cặn bã của Tiểu thừa, mất đi phần thuần phát của Đại thừa.

Nêu ra Thể của Lậu có giải thích nói: Du-già có giải thích sáu mươi bốn vô minh lậu chỉ lấy ái kiến sở y vô minh làm vô minh lậu, cho nên Luận chép: "Sơ lược do năm tướng tồn tại tà giải thoát dục, vô minh, lậu: 1. Môn Hữu tưởng luận sanh khởi vô minh. 2. Môn Vô tưởng luận sanh khởi vô minh. 3. Môn Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận sanh khởi vô minh. 4. Do đoạn kiến luận môn sanh khởi vô minh. 5. Do môn hiện pháp Niết-bàn luận sanh khởi vô minh. Lấy văn này chứng thật, chỉ chọn lấy phân biệt, lại chỉ chọn lấy Kiến sở y vô minh thì không như vậy. Đây chỉ tạm thời dựa vào ba phần mong cầu của cõi Dục mà nói, chẳng có chỉ nói không đúng: Trên đây sơ lược vô minh chẳng phải Lậu, như Sớ giải thích, dùng hết lý của Đại thừa, Du-già quyển tám mươi chín chép: "Các cõi Dục bị tất cả phiền não ràng buộc chỉ trừ vô minh gọi là Dục lậu. Tất cả phiền não ràng buộc hai cõi Sắc, Vô Sắc chỉ trừ vô minh gọi là Hữu lậu. Ở ba cõi kia vốn có vô trí nhóm hợp thâu nhiếp làm một đặt tên vô minh lậu. Nếu tất cả có thì Câu-xá tụng rằng: "Dục phiền não và triền trừ ra si gọi là Dục lậu, Hữu lậu hai cõi trên chỉ riêng phiền não trừ si Tánh vô ký, đồng chuyển môn trong và khởi ở định địa cho nên hợp thành một". Vô minh căn bản của các hữu cho nên tách làm một lậu, nhưng trong triền ngoại trừ hôn trầm, trạo cử Bà-sa nói: "Triền của cõi kia nhỏ bé không tự tại". Theo Túc Luận Phẩm Loại và Tông của kinh Bộ, thì thêm vào hai loại này. Nhưng theo đúng hai Tông thì phiền não ba cõi toàn bộ thuộc về ba lậu.

Trong kinh lại nói: "Không trở lại phiền não" có hai cách giải thích như Sớ, chẳng phải thuộc ba lậu trước. Hoặc bất tận đổi lại nói. Không còn trở lại. Có giải thích rằng: Ba lậu trước thâu nhiếp không dứt đối lại nói không có trở lại phiền não, rất là dối gạt! Hết các hữu kết ấy, có chỗ nói: Chẳng phải chín kết. Tướng Danh Tông chép: Chín chỉ riêng triền hiện ở cõi Dục cho nên tùy đó chọn lấy năm phần kết trên dưới. Nay cho rằng không đúng Theo quyển tám mươi chín chép: Dựa vào chín việc có thể hòa hợp cho nên đặt ra chín kết. 1. Dựa vào chín phẩm tại gia các hữu tình, phi hữu tình khả ái tất cả cảnh giới sự việc mà tham ái trói buộc. 2. Chính là dựa vào những việc đáng ghét của tất cả cảnh giới mà sân nhuế trói buộc. 3. Dựa vào những việc từ nơi hữu tình mà kiêu mạn trói buộc. Hoặc bốn, năm, sáu dựa vào các sự ba loại tà tích thắng giải trói buộc người xuất gia đối với nói pháp ác. Nghĩa là dựa vào những gì lắng nghe không phải chánh pháp, dựa vào thể không

đúng Như lý mà tư duy tà vạy, dựa vào chẳng thuộc phần phương tiện mà tu tập. Sai khác như vậy tức là ba thứ của ba kết. 7. Dựa vào khéo nói pháp luật không có thắng giải mà bị ràng buộc. 8. Dựa vào sự việc người xuất gia mà trí nghèo túng. 9. Dựa vào người tại gia mà tài sản nghèo túng. Như thứ lớp khởi lên chín kết, hai kết sau y cứ vào nhân, vì người xuất gia hà tiện về pháp, nên biết rằng nghèo túng về trí. Người tại gia ganh tiếc (xan tật) tài vật cho nên sẽ nghèo túng về tài sản. Đây là căn cứ vào phần lớn vốn sinh ra từ cõi Dục. Không nói riêng chỉ ở Dục giới là theo đúng Tạp Tập quyển sáu chép: "Ái kết nghĩa là tham ái kết đều ràng buộc ở ba cõi. Mạn kết là bảy mạn, vô minh kết là vô trí trong ba cõi", trên đại thể thì giống như Hữu Bộ, văn ở Luận Trung Biên quyển nhất cũng đều cho là không nói chỉ riêng cõi Dục. Còn trong quyển tám mươi bốn chép: "Đối với năm việc có thể hòa hợp cho nên gọi là Kiết. Thứ ba hướng về sự có thể sanh khởi các đường, ở trong các đường có thể hòa hợp cho nên gọi là sự các đường hướng tới. Đã nói các thí thì không phân biệt hai cõi trên, rõ ràng chấp nhận có cả hai thủ - ba kiến trong ba cõi, đều hợp lại thành kiết. Vả lại Câu Xá chép: "Vì những vật thủ-tức là ba kiến kia có mười tám vật, hai thủ cũng lại như vậy nên gọi là vật đẳng", ba thứ sở thủ, hai loại năng thủ nên gọi là Thủ đẳng. Sở thủ, năng thủ, vì có sai khác, vì sao trong Triền chọn lấy hai loại Tật xan? Vì tánh bất thiện tự tại phát khởi, do đó tám triền có thể như vậy. Phẫn - phú trong mười triền cũng đầy đủ hai nghĩa, lẽ ra nói là luôn hiện hành. Lại, hai san, tật làm nhân nghèo túng cho nên nói lên khắp nơi khuyến khích sám hối, cũng là Tùy phiền não do đó não loạn hai hàng xuất gia và tại gia. Vì thế theo đúng sở giải thích, văn là lý cùng tận . Nếu chọn lấy năm phần kết trên dưới, theo đúng tám mươi chín chép: "So với cõi Sắc và Vô Sắc thì cõi Dục gọi là phần dưới, so với đầy đủ Tu đạo - kiến đạo tức đó là phần dưới". Vì dựa theo hai phần này mà có phần dưới sai biệt, chắc chắn đây chính là thuận theo năm phần dưới của kết theo đúng phân biệt hoặc không có câu sanh ái không thành hữu kết, vì thiếu nhuận sanh, do đó trái với văn khác. Đây đã dựa theo đa phần, chín kết cũng thuận theo như vậy, sơ lược nêu ra hai, ba các văn khác giải thích thường có sai lầm, y theo đây có thể biết.

Kinh nêu trong chúng có A-tu-la, có nói giải thích dẫn kinh A-hàm rằng: "Người cõi trời Quang Âm nhập tinh lực vào trong biển liền thành một quả trứng, trải qua tám ngàn năm sanh ra nữ Tu-la, thân như núi Tu-di, ngàn đầu nhỏ tiếp xúc một loại nước nên thân nữ phát sinh Tỳ ma chất đa-la, thân hình lớn gấp bốn lần mẹ, chín đầu tám chân ngàn

tay nhỏ nhất, phối với Hương Sơn. Càn-thát-bà sinh ra Xá-thai". Đây là trong kinh luận về nghĩa ngoại đạo, không đúng. Vì trời cõi Dục còn không có tinh lực uế tạp, đâu thể trời cõi Quang Âm mà có tinh lực trôi lăn ư? Có nói giải thích: Trong nói pháp, thời, chí thành tựu, nói Kinh Đại thừa là tên gọi chung, Vô lượng nghĩa về sau là tên gọi riêng, nhưng tên gọi riêng đó chẳng những giải thích vô lượng nghĩa, mà cũng thông cho tất các kinh Đại thừa. Nghĩa giải thích đây chưa thích hợp. Vả lại, giải thích tên chung và riêng về lý, có thể như thế, vì kinh Đại thừa là tên gọi chung cho tất cả các kinh Đại thừa, giải thích này rất đúng. Nhưng nói vô lượng nghĩa trở xuống là tên gọi riêng nhưng cũng chung cho tất cả kinh Đại thừa, thì chưa chính xác. Luận giải thích về Thời thành tựu nêu lên nói Vô lượng nghĩa, nếu chung cho tất cả sao gọi là Thời thành tựu! Hoặc nói ra kinh khác mà chưa nói về Pháp Hoa này, vì vậy cho nên biết, mười bảy tên gọi ấy chỉ giải thích một Vô Lượng Nghĩa.

Luận chép: "Tu-đa-la ấy có mười bảy tên gọi, nếu chung cho tất cả đâu cần phải nói về điều này?" Lại tự giải thích rằng: Lúc này giáo nghĩa của một bộ đã nói ra chỉ được ba tên gọi, như Hoa Nghiêm... chỉ gọi là Phương Quảng." Lại nói: "Mười bốn tên gọi còn lại vốn giải thích về nghĩa, trong kinh Vô Lượng Nghĩa không đầy đủ, Vô Lượng Nghĩa không có tên gọi khác chỉ có ba tên gọi". Nếu như vậy thì làm sao có thể nói mười bảy tên gọi chung cho tất cả các kinh Đại thừa? Lại, Luận chép: "Tu-đa-la Đại thừa này có mười bảy tên gọi, nếu tên gọi Vô Lượng Nghĩa không đầy đủ sao có thể nói đây có mười bảy tên gọi?" Xem trong sáu đường, có nói: "Vua Diêm la" tức theo kinh Hoa Nghiêm đặt riêng tên đường, kinh Hoa Nghiêm chép: "Khiến cho các chúng sanh xa lìa các Khổ gông cùm tra khảo ở đường vua Diêm-la". Lại nói: "Khiến cho các chúng sanh xa lìa khổ đau nơi bốn đường ác là địa ngục-ngạ quỉ-súc sanh và Diêm la vương". Lấy văn này chứng minh cho nên khác nhau đặt ra tên Diêm La thú. Nếu theo Luận Du-già thứ hai, kiếp lúc mới thành đầy đủ rồi, có một hữu tình khởi lên nghiệp tạp nhiễm tăng thượng đọa vào trong Na-lạc-ca làm Tĩnh Tức. Đã nói đạo vào nơi đó, cho nên biết thuộc về nơi đó. Nay cho rằng không đúng. Nếu chấp nhận thuộc về nơi chốn đó thì phải theo nơi chốn đó nhận chịu khổ đau. Nếu nhận chịu khổ đau ở nơi chốn đó, sao có thể trừng trị nghiêm phạt hữu tình. Ở nơi chốn đó? Vì vậy Duy Thức hai mươi chép: "Vì sao không chấp nhận các thứ lính ngục dẫn dắt là thật sự hữu tình"? Vì không hợp lý, đọa vào nơi đó không thể thuộc về Na-lạc-ca, không

phải chịu khổ đau như hữu tình khác vốn nhận chịu, thậm chí tùy theo tự bản thân không thể chịu khổ đau như mặt đất bằng sắt nóng cháy hừng hực dữ dội - ngọn lửa thường xuyên cháy bừng, thì làm sao chúng sanh ấy có thể bức hại những kẻ khác? Vì điều này cho nên biết chẳng phải thuộc về nơi chốn kia. Nhưng Hoa Nghiêm chép: "Bốn sự khổ đau nơi đường ác và vua Diêm la" ấy là, lấy vua-tôi khác nhau chia ra làm một thú, căn cứ vào thực tế quỷ đường giống như đường Tu-la ở cõi trời có chia ra riêng luận Du-già nói" "Đọa trong Na-lạc-ca làm vua Tĩnh Tức ấy là phân định đường như vậy", Nên nói, phán định sanh trong Na-lạc-ca làm Tĩnh Tức là hữu tình như vậy, thì trái với Duy Thức hai mươi và các kinh luận khác nói có đường quỉ.

Hỏi: Nghĩa đại trong phần nhân thành tựu, luận giải thích có tám, như văn nêu đầy đủ, nhưng chưa biết bỏ Quyền bày Thật. Đối chiếu Trung Luận chép: Chỉ ra hai thứ cảnh giới bí mật vì người đốn ngộ hay người tiệm ngộ?

Đáp: Theo đúng nghĩa tuy thông suốt nhưng ý căn cứ vào tiệm ngộ, vì sao? Bởi vốn vì các việc làm của Thanh-văn, muốn khiến cho nghe biết về pháp khó tin; nếu theo đốn ngộ chỉ ra cảnh giới bí mật, tức là khiến cho chọn lấy toàn bộ nghĩa thanh tịnh, đâu cần phải nói lại. Do đó đối với Thanh-văn khiến ả bỏ pháp Quyền xưa kia, nêu ra cảnh giới bí mật của Thanh-văn khiến cho giữ lấy Thật pháp hiện nay. Nêu ra cảnh giới bí mật của Bồ-tát, ở trên tuy chung nêu làm cho vui mừng, nhưng chưa tách biệt khiến cho tu tập về lý trí, ở dưới khiến cho tu chứng hai quả, có được trí quán xét lý phù hợp với văn.

Hỏi: Có chỗ nói nói ra hai thứ cảnh giới bí mật ấy, nghĩa là thổi loa Đại pháp - đánh trống Đại pháp, nghĩa đó thế nào?

Đáp: Nơi kia nói phi lý, phi lý là vì sao? Luận nói hai câu nêu ra rõ ràng trống Đại pháp, nếu chọn lấy loa pháp tức là một câu trống Đại pháp chỉ rõ làm sao có thể nói là hai? Nếu nói chọn lấy câu trống Đại pháp và loa pháp kia nói hai câu chỉ rõ thì không bỏ trống Đại pháp, lại trình bày về nghĩa gì? Nếu nói Luận đó vốn nhắc lại lý của kinh so với đây khác nhau, nếu vậy thì văn trong luận tự sẽ giải thích kinh khác, đâu cần phải dẫn giải thích kinh Pháp Hoa này. Huống hồ lại là Đại thừa căn bản không có bộ phận nào khác nhau về phẩm loại, chỉ một Phật nói ra không có hai kinh, chỉ thuận theo tám văn của Luận, làm sao có thể tự ý đo lường được? Có chỗ giải thích: Tám loại Sâu xa của A-hàm cũng giải thích chung vào trí tuệ. Nghĩa tuy có thể như vậy nhưng giải thích theo văn tám loại Sâu xa của Luận là cùng chung giải thích

về hai loại ấy, trái với Luận đã nói, như văn có thể biết.

Hỏi: Luận nói người đã sanh khởi kinh sợ khiến cho dứt trừ kinh sợ, là lợi ích cho hai thứ người, văn dưới lại nói bốn hạng người hối hận kinh sợ, đó là Đại Đức Xá-lợi-phất... Ta không trên chứng pháp Tiểu thừa tự dừng lại như vậy, tức là tâm hối hận này gọi là kinh sợ, ấy chính là kinh sợ trước kia, vì sao giải thích rằng không nói ra không có kinh sợ nói ra liền có kinh sợ?

Đáp: vì có Luận chép: nếu vì đó nói ra nghĩa là Đại đức Xá-lợi-phất... Ta không nên chứng... vì thế nói nói ra liền có kinh sợ. Còn như tâm nghi ngờ đã có mới cũ, hối hận ở đây cũng như vậy, vì muốn dứt trừ thay đổi nhân hối hận lại phát khởi hối hận. Lại trước tiên hối hận tu pháp Tiểu thừa, nay vì nói mới hối hận không sớm tu pháp Đại thừa cho nên giải thích không ngăn ngại gì. Nay thay đổi một cách giải thích hoặc có thể là Sớ vốn có lầm lỗi nên nói rằng hai: 1. Nói ra liền có kinh sợ. 2. Không nói ra thì không có kinh sợ. Vì Xá-lợi-phất nói nghe nói những pháp chưa nghe mà dứt trừ nghi ngờ hối hận nên giải thích này có sai lầm, vì không thuận theo kinh luận.

Lại hỏi: Kinh sợ có năm loại như kinh sợ quái lạ, sợ hãi lại có chê bai thảy đều khiến cho lui khỏi chỗ ngồi, tổn hại và điên đảo sao không rời khỏi chỗ ngồi?

Đáp: Nghe mà không bài bác cho nên có thể còn trên chỗ ngồi, tăng thượng khởi lên bài bác vì thế khiến cho rời khỏi chỗ ngồi.

Hỏi: Có tổn hại kinh sợ, nghe mà khôn bài bác cho nên khiến không rút lui, vì sao Luận nói nghĩa là có Thanh-văn chấp lấy cho rằng là Thật bài bác không có Đại thừa?

Đáp: Nghĩa là nghe tiếng chấp rằng Thật - bài bác không có Đại thừa ấy, căn cứ vào phàm phu xưa kia lần đầu nghe Tiểu thừa chấp là rốt ráo, cho rằng không có Đại thừa, chưa từng nghe nói Đại thừa, khởi lên bài bác đây là có tổn hại bao gồm bác bỏ, liền đó nghe theo tu pháp Tiểu thừa cho là rốt ráo, ta cuối cùng chọn lấy Niết-bàn như vậy, nay nghe Đại thừa đã tin tưởng không bác bỏ chỉ đấn đo không có phần chẳng thể tiến tu. Đã nghe chỉ một, thì cho rằng không có Thanh-văn đắc diệt trở về đạo. Nghi ngờ sanh ra nên gọi là Tổn, do đó kinh chép: “Nếu đệ tử ta thật sự đạt được quả A-la-hán- Bích-chi-Phật mà không tin kinh này thì không có việc đó”.

Hỏi: Đã không vì nói thì Nhị thừa định tánh còn ở chỗ ngồi hay không?

Đáp: Quả Bích-Chi-Phật nơi hội này chắc chắn không có, vì kinh

chỉ nói có cầu Duyên-giác, Thanh-văn định tánh tuy không chính thức, hoặc có nhưng cũng không ảnh hưởng gì, mà khiến cho trở thành không ngu đối với pháp. Lại nếu nghe tuy tin đã không hồi tâm, lại còn tổn hại kinh sợ chẳng có cũng không sai.

Hỏi: Hai con hướng về chỗ trâu-dê-hươu gọi là ra khỏi nhà, Thái tử hướng về chỗ trâu nên cũng ra khỏi nhà hay sao?

Đáp: Nhị thừa hoặc là khổ không còn nên dê hươu gọi là ra khỏi nhà, kiếp ban đầu có lẽ hãy còn thực hành không được gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi: Bồ-tát Địa tiền hoặc đang còn khổ không được gọi là ra khỏi nhà, Sơ Địa trở lên hoặc khổ đang còn cũng tùy đó chẳng phải ra khỏi nhà ư?

Đáp: Phân biệt hai chướng Sơ địa dứt trừ được lìa xa Phần Đoạn gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi: Nếu vậy thì Sơ địa thọ nhận Biến dịch được lìa bỏ Phần đoạn gọi là ra khỏi nhà, Biến dịch Địa thứ tám thọ nhận, bảy Địa trước chưa rời xa chẳng phải ra khỏi nhà hay sao?

Đáp: Trước Bảy địa trước có khả năng xa lìa Phần Đoạn, tuy chẳng phải Biến dịch nhưng gọi là ra khỏi nhà. Nếu vậy thì ba quả có khả năng xa lìa Phần Đoạn, ba quả ban đầu lại gọi là ra khỏi nhà? Đáp: Bồ-tát Sơ địa cố gắng có khả năng bi tâm không chịu gọi là ra khỏi nhà, người ở ba quả trước xa lìa bất định chẳng phải như vậy cho nên lưu lại không ra khỏi nhà. Nếu như vậy thì ba quả trước chưa thể hồi hướng Đại thừa không nhận chịu Biến dịch chẳng phải ra khỏi nhà. Bất định hồi tâm chịu Biến dịch có thể xa lìa Phần đoạn gọi là ra khỏi nhà ư? Đáp: Căn cứ vào hồi tâm ấy, đã nhận chịu Biến dịch được gọi là ra khỏi nhà. Nếu vậy thì người ở ba quả ban đầu chẳng lẽ được gọi là ra khỏi ba cõi khổ đau- đầy đủ ba minh và sáu thần thông hay sao...? Xuống dưới phẩm thứ hai nói: "Nếu tâm quyết định đầy đủ ba minh và sáu thần thông, có được Duyên-giác Bồ-tát bất thối ." Trường hàng lại nói: "Nhìn thấy các chúng sanh, theo cửa ngỏ Phật giáo, vượt ra khổ ba cõi". Đáp: Các văn loại là nói theo quyết định, Hữu học hồi tâm và chịu Biến dịch đều là bất định cho nên không ngăn cách gọi là vượt ra. Nếu không như vậy thì nên không đòi xe, nếu chưa đòi xe thì làm sao cho ký cho? Nếu nói ở trong nhà cũng được lấy xe được thọ ký thì được xe tức là cũng nên Hữu học cưỡi xe ra khỏi nhà, nếu vậy thì trở thành Hữu học hơn Vô học vì trong nhà được xe. Nếu nói Hữu học chưa gọi là được xe, nói Vô học cho nên được thì vì sao nói Vô học được thọ ký liền gọi là đòi xe ban

cho xe, Hữu học được thọ ký không gọi là đòi xe ban cho xe. Nếu nói hoặc khổ đang còn cho nên không được gọi là đòi xe ban cho xe, địa thứ bảy về trước cũng nghĩ như vậy. Hỏi: Trong Thích Già, theo đúng Luận chép: "Không có nhị thừa ấy là không có Niết-bàn nhị thừa, vì chỉ là không có Niết-bàn, hay vì hạnh quả... cũng lại chẳng phái có? Đáp: Có nơi nói: "Trí năng chứng - chứng lý sở chứng, đã không có hai Niết-bàn, rõ ràng cũng không có hai trí, hai trí đã không có nên cũng không có hạnh, hạnh nhờ vào giáo mà phát khởi, cũng không có giáo riêng cho nên nói ra một mưa bình đẳng. Như thật nghĩa ấy thì không thể như vậy, chỉ là không hai lý, vì chỉ một chân như, chỉ riêng đại Niết-bàn. Các văn trên dưới chỉ nói Pháp thân không sai khác, lại nói Pháp Thể nào nếu chỉ riêng thể Nhất thừa, thể Nhất thừa: nghĩa là Chư Phật Như-lai bình đẳng về Pháp thân, Thanh-văn, Bích Chi Phật chẳng phải Thể bình đẳng về Pháp thân kia, vì nhân-hạnh-quả-quán không như nhau. Đã nói vì nhân-quả-hạnh-quán không như nhau, rõ ràng trí-hạnh đều khác nhau. Lại ở trước nói pháp ba thừa kia chỉ danh tự trên hai chương cú nói ra chẳng có thật nghĩa, vì thật nghĩa đó không thể nói ra. Lại, lý vô vi Thể là một không có trí hạn riêng v.v... làm sai biệt vì Thật là một, phương tiện là biệt.

Hỏi: Đã nói thật được quả A-la-hán không tin vào pháp này, thì điều ấy không có, làm sao có thể tổn hại kinh sợ?

Đáp: Nay nói thật sự đạt được là y cứ vào hồi tâm, cho nên phẩm thứ hai chép:"Nay chúng ta đã chân thật là con Phật", lại nói "A-la-hán chân thật", rõ ràng xưa kia chưa hồi tâm thì chẳng phải chân thật là con Phật-chẳng phải chân thật A-la-hán, bất định đã như vậy, định tánh cũng như vậy, cho nên tự tên gọi là chẳng phải hai Thánh chân thật. Nếu vậy được tên gọi tăng thượng mạn, không lập ra như vậy sao thất lạc không có văn giải thích - nên lẫn lộn ư? Không có văn nói, mà xét theo phàm tăng thượng mạn, đắc định thế gian cho rằng đắc vô lậu gọi là tăng thượng mạn, chỉ là rõ ràng phần giải thoát nhỏ chưa hoàn toàn được giải thoát. Lại, chưa được Pháp thân mà tự xưng hô nói là với các Như-lai cùng ngồi trên ghế giải thoát... tuy không có phiền não là chướng sở tri, tuy không ngăn cách với kia nhưng có thể gọi là Mạn. Nếu không như vậy, thời gian ban đầu chưa tin về sau có thể tin, đều không có điểm này, tăng thượng mạn cũng như thế, trừ ra sau khi Phật diệt độ do hoàn tất giáo hóa đạt được. Tuy giải thích như vậy nhưng không bằng cách giải thích trước đây. Trước giải thích tổn hại kinh sợ, nếu không hồi tâm, nghe cũng không chê bai, vì thế thuận theo văn này.

Hỏi: Vì sao kinh chép: “Ta biết chúng sanh này chưa hề tu nghiệp thiện căn bản”. Kinh này đối với người lui sụt Bồ-đề. Trước nói: Nay trong hội này những vị như chúng ta sánh bằng trăm ngàn muôn ức đời kiếp đã tụ hội thuận theo Phật được giáo hóa. Phẩm thứ hai chép: “Ta có thể đối với hai muôn ức cõi Phật vì vô thượng đạo cho nên thường giáo hóa các ông”?

Đáp: giải thích bằng hai cách: Một là nói tạm căn cứ theo chẳng phải lui sụt, bắt đầu dựa vào Tiểu thừa nói là chưa tu thiện: Một nói giả thiết đã từng tu Đại thừa, chẳng phải hạng tăng thượng mạn chưa thành tựu vị định gọi là chưa tu gốc lành, chẳng phải người hoàn toàn không tu.

Hỏi: Là dựa vào đời này hay nói chung nhiều đời?

Đáp: Nói chung nhiều đời - nhiều đời sở hóa chẳng lẽ có thể nói ta gặp nói ra? Nếu Phật hóa khác cũng nói là Ta, không chỉ riêng đời này, nghe liền đạt được Thánh chứng Tiểu quả, ba đời rất nhanh, như Thu Tử v.v... trải qua sáu mươi kiếp, đâu chỉ đời này bắt đầu giáo hóa Tiểu thừa ư? Nếu như vậy vì sao phẩm thứ hai chép: “Lần đầu nghe Phật pháp, gặp liền tin nhận”? Đáp: Nói lần đầu nghe cũng thông suốt lời nói mà thôi, chưa hẳn xác định hiện nay. Nếu như vậy vì sao nói “con vốn mê đắm tà kiến làm thầy, các Phạm chí - Thế tôn biết tâm Ta nhổ sạch tà kiến nói về Niết-bàn?” Đáp: Tạm thời dựa theo đời này không chỉ có nay nghe liền ngộ được Tiểu thừa, lại giải thích ở đây dựa vào giáo hóa thật ra không phải như vậy.

“Ta dùng mắt Phật quán sát”: Phật có năm mắt nói là mắt Phật quán sát, năm mắt này đại khái chia làm năm môn: 1. Nêu ra thể. 2. Giải thích tên gọi. 3. Được người. 4. Phế lập. 5. Thâu nhiếp lẫn nhau. Thứ nhất nêu ra Thể: Tạm thời về Nhục thiên nhãn thì các tông giải thích khác nhau mở rộng như nơi khác phân rõ, nhiều nên không thuật lại đầy đủ, chỉ dựa vào Đại thừa tự tông đã giải thích, có khi dùng hạt giống nhãn thức gọi là nhãn, vì thế Duy Thức quyển hai mươi: “Thức thuận theo hạt giống của mình sanh ra, tựa như cảnh tướng mà chuyển sang làm thành nội-ngoại xứ”, Phật nói loại có mười, có khi dùng sắc chủng gọi là nhãn căn. Luận Quán Sở Duyên Duyên chép: “Thức trên sắc công năng gọi là năm nhãn, thuận theo lý công năng và cảnh sắc từ vô thỉ làm duyên lẫn nhau”. Có chỗ nói nghiệp chủng nhãn căn năng cảm gọi là nhãn căn. Thành Duy Thức chép: “Có tránh né sai lầm như trước đã nói cũng khó rõ ràng, lại càng chấp thêm” lại bào chữa rằng: “Nghiệp chủng trong thức gọi là năm sắc nhãn ba nói trên đây đều

không đúng nghĩa. Đối Pháp - Ngũ Uẩn - Du-già đều nói: Thể tánh nhục nhãn lấy bốn đại chủng tạo nên tịnh sắc nên làm nhãn căn, trong đó nói có ba: 1. Nói là hạt giống. 2. Nói là hiện hành. 3. Gọi là chung cả hai. Giải thích như vậy là đúng, vì thế Luận Ngũ Uẩn chép: "Nhãn căn là thế nào? Đó là bốn đại chủng tạo thành và là sở y của nhãn thức, lấy sắc làm cảnh cho nên có cả hạt giống, hiện hành, Thể của nhãn căn cõi trời do Định khởi lên bốn đại chủng tạo thành tịnh sắc làm tánh." Đây là chung cho quả. Do đó Bát-nhã Luận chép Vô Trước Bồ-tát : "Vì gọi là thuộc về sắc, thuộc về sắc lại có hai, đó là Pháp quả và Tu quả. Pháp quả tức là Nhục (nhãn), tu quả tức là Thiên (nhãn)", Pháp là tên gọi chung, tức là nghiệp năng cảm nhãn là quả này, tuy biết gọi chung là nhục mà chỉ có được tên gọi, như nói Sắc xứ. Tu quả nghĩa là Định nhờ vào tu mà phát khởi nên gọi là tu quả. Tuệ nhãn, pháp nhãn đều lấy tuệ làm tánh, vì duyên theo chân, duyên theo tục hai cảnh khác nhau, cho nên Vô Trước Bồ-tát Bát-nhã Luận chép: "Đệ nhất nghĩa đế hợp với Thế đế thâu nhiếp, còn trí lực của Đệ nhất nghĩa trí, do Thế trí không điên đảo chuyển thành, là một tuệ, ngoài ra dựa theo phần dụng của cảnh, mắt Phật tức là lấy bốn nhãn trước làm tánh". Trí độ Luận chép: "Ví như bốn dòng sông chảy đến nơi biển cả tập hợp lại gọi là hồ cõi trời, bốn nhãn trước ở trong thân Phật thì gọi là mắt Phật". Nếu theo đúng Bát-nhã Luận Vô Trước Bồ-tát giải thích thì như vậy hậu trí của Phật gọi là mắt Phật.

Luận chép: Nhất thiết chủng thuộc về nhất thiết ứng trí thâu nhiếp. Lại nói: "Trong nhất thiết ứng trí thì nhất thiết chủng vô công dụng Trí gọi là mắt Phật". Trong Luận Trí Độ căn cứ theo chung nêu Thể, trong Bát-nhã Luận căn cứ biệt nêu thể. Lại trong Luận Bát-nhã nói bốn thứ trước căn cứ theo Nhân còn mắt Phật dựa theo quả thì không như vậy, quả Phật há có nghiệp cảm dị thục của nhãn căn hay sao? Còn hậu trí của Phật há căn cứ vào bổn trí mới không thể chuyển ngược lại và tùy ý khởi? Hoặc giống như Trí Luận, chung gọi là mắt Phật, vì trí ưu việt cho nên gọi chung là Trí. Nếu như vậy vì sao nói trong Nhất thiết chủng ứng trí thì Nhất thiết chủng vô công dụng trí? Chắc chắn điều này chính là nghiêng lệch chọn lấy hậu trí gọi là mắt Phật, cho nên cách giải thích trước là hơn.

Thứ hai giải thích tên gọi: 1. Chung. 2. Riêng. Gọi chung là Nhãn: Tiếng Phạn nói là Bát-già Chước Sô, Bát-già Hán dịch là ngũ, Chước Hán dịch là Hành tận, nghĩa là giống như đi chợ các thứ đồ vật đều có thể thấy hết cho nên nói là Hạnh Tận. Dựa theo nghĩa này mà dịch là

Nhãn, chẳng phải là phiên dịch đúng tiếng Phạm ra gọi là Nhãn. Nhãn với nghĩa soi sáng chăm chú nhìn. Ngũ (5) ấy là số hàm chứa chủ định giải thích.

Giải thích về tên gọi khác nhau: Nhục nghĩa là sắc dị thục của nghiệp, Nhục tức là Nhãn, trì nghiệp là tên gọi, tự tại sáng sủa thuần khiết công dụng thần diệu gọi là Thiên, tên gọi là Thiên tuy chung cho cõi Dục-sắc và cõi Vô-sắc nhưng ý chỉ nói về trời cõi Sắc, mắt của trời cho nên dựa vào người có đức hạnh làm nhân, hoặc chính là Định quả sáng sủa thuần khiết gọi là Thiên, Thiên tức là Nhãn theo trì nghiệp thích. Cách giải thích này có quá mức, còn so với Luận Trí Độ giải thích có phần trái ngược nhau. Luận kia nói Thiên có thiên nhãn cho nên không phải chính là Nhãn, soi chiếu rõ ràng gọi là Tuệ, Tuệ tức là Nhãn, cũng theo trì nghiệp thích. Pháp tức là cảnh, mắt của duyên theo Pháp gọi là Pháp nhãn, là căn cứ duyên theo Tuệ v.v... gọi chung là Pháp, ngoài ra đều là khác nhau duyên theo. Đây có thể là duyên theo chung. Lại, duyên theo giáo pháp, đây chỉ gọi là pháp nhãn Phật gọi là Như thường, mắt của Phật gọi là mắt Phật, là y chủ thích.

Thứ ba được người: Hữu tình hai cõi Dục và Sắc đều có nhãn. Như Thiên nhãn đó, từ sáu tầng trời cõi Dục cho đến trừ Châu-cô-lô ở phía Bắc người đạt được bốn thứ tĩnh tự Định căn bản thì có thể phát khởi Thiên nhãn, vì vậy chấp nhận được chung. Nhị thừa có Tuệ nhãn, vì soi chiếu lý Sanh-không. Tuy cũng đạt được Pháp nhãn nhưng vì nhỏ bé thấp kém cho nên không nói đến thành tựu kia. Bồ-tát có Pháp nhãn, vì có chủng trí, do đó có thể duyên với tất cả. Phật có mắt Phật, hiển bày lẫn nhau có thể biết. Lại, thành tựu những gì sau cuối chắc chắn đạt được những gì ở trước đó, hơn có thể bao gồm xấu kém, người kém thể thành tựu trước đó. Thành tựu những gì trước đó cũng không hẳn nhất định có thể thành tựu đối với những gì sau cuối. Luận Trí Độ chép: "Thiên có thiên nhãn, nhị thừa có tuệ nhãn, Bồ-tát có pháp nhãn".

Hỏi: Nếu Phật có pháp nhãn thì được gọi là mắt Phật, Bồ-tát có pháp nhãn phải gọi là Bồ-tát nhãn phải không?

Đáp: mắt Phật chỉ Phật mới có, từ Phật để đặt ra tên gọi; pháp không chỉ Bồ-tát, từ cảnh gọi là pháp nhãn, ngoài ra theo đó mà biết.

Hỏi: Pháp không chỉ Bồ-tát nên không gọi là Bồ-tát nhãn, Thiên nhãn không chỉ trời mới có sao được gọi là Thiên nhãn? Lại, Thiên nhãn không chỉ trời mới được mà gọi là Thiên nhãn, Nhục nhãn không chỉ loài người phải được gọi là Nhân nhãn chứ?

Đáp: Nhục là chung, cho báo quả, của các đường không chỉ gọi

riêng Nhân nhãn, trời chỉ thuộc vế pháp, của trời kia nên gọi là Thiên nhãn.

Hỏi: Pháp chung cho đối với Phật có hay không thể gọi là Bồ-tát nhãn? Thiên chung cho các chúng thành tựu sao chỉ có một Thiên nhãn?

Đáp: Phật đều cũng là Thiên tên gọi tất cả cho nên gọi là Thiên nhãn, người tuy phát khởi từ thiên kia nhưng thuộc về Thiên gọi là Thiêu nhãn. Lại, chỉ là danh tự giả định đặt ra đâu cần mệt nhọc gạn hỏi, nếu có làm nhiều điểm chung, cuối cùng lại gặp trở ngại vả lại, tất cả cũng đều y cứ nghĩa mà đặt tên thôi.

Thứ tư phế lập: Vì sao chỉ riêng đặt ra năm thứ mắt không hề thêm bớt vậy? Đáp: Tất cả các pháp lược có hai thứ: 1. Sắc pháp. 2. Phi sắc pháp. Trong Sắc pháp có hai loại: Một. Hiển hiện sắc gần. Hai. Giấu kín sắc xa. Biết hiển hiện sắc gần cho nên đặt ra nhục nhãn, biết ẩn giấu sắc xa xôi cho nên đặt ra Thiên nhãn. Hoặc trong sắc căn có nghiệp định tán khác nhau, nhãn của quả nghiệp phân tán đặt ra Nội nhãn, định phát khởi nhãn lập thành Thiên nhãn, xấu kém và tốt đẹp không như nhau cho nên chia ra hai loại. Vì thế Luận Vô Trước chép: "Gọi là pháp quả tu quả đây là năm thứ mắt, cảnh giới thô cho nên thuộc về sắc ban đầu, trong Phi sắc pháp có cảnh lý-sự, vì hiểu rõ cảnh lý cho nên đặt ra Tuệ nhãn, vì hiểu rõ cảnh sự cho nên đặt ra Pháp nhãn". Lại, tuy là một trí nhưng bổn trí-hậu trí khác nhau cho nên lập thành hai loại: Do đó Luận của Vô Trước chép: "Đệ nhất nghĩa đế thuộc về Thế đế" Lại lấy quả đối với nhân lập chung mắt Phật. Vì thế bốn mắt trước đó của Trí Luận nếu đến quả Phật gọi chung là mắt Phật. Hoặc căn cứ theo người đạt được chia ra năm loại, suy nghĩ theo đây có thể biết. Phế lập tuy như vậy nhưng thứ lớp như thế nào? Đáp: Lấy sự xấu kém và tốt đẹp đó để dẫn sinh thứ lớp. Đối với sắc nhục nhãn kém nhất, chỉ thấy sắc rõ ràng, thiên nhãn kế là trội hơn, nhìn thấy chung cả sắc che kín - hiển bày cho nên kế là nói về Nhục. Đối với phi sắc do liễu chân đế tục trí không là một, lại liễu Tục do chứng Chân cho nên nói là Hậu Đắc vì Tuệ trước Pháp sau. Trước nhân sau quả cho nên kế là mắt Phật. Vì thế Luận Vô Trước chép: "Đây là năm loại mắt, cảnh giới thô phù cho nên là sắc ban đầu." Y theo Đệ nhất nghĩa trí lực nên Thế trí không xoay chuyển điên đảo, vì thế cho nên Đệ nhất nghĩa xếp ở trước.

Thứ năm là thâu nhiếp là: Theo Luận Du-già chép: nhãn có ba loại, Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nhãn có mười loại". Các tên gọi thâu nhiếp nhau, đều giống như Sớ có phân rõ. Nếu Du-già quyển ba lập từ

một đến mười một và thâu nhiếp điểm này. E rằng rườm rà nên không kể ra, người muốn xem rộng hãy tìm trong văn kia.

Hỏi: Kinh chép: “Bồ-tát nghe pháp này lưới nghi đều đã được xé tan, một ngàn hai trăm vị La-hán biết cũng sẽ thành Phật”. Trong hai nghi ngờ của Bồ-tát nay dứt trừ loại nào?

Đáp: Cả hai đều dứt trừ. Người khác biết tự mình được thành Phật, cũng không nghi ngờ người khác không được thành Phật, vì sao biết được? Đáp: Chỉ riêng Luận Thích thí dụ - Thứ ba là phá bỏ người thường cầu Đại thừa chấp rằng không có Nhị thừa cho nên nói ra hai thí dụ.

Hỏi: Nghi ngờ của Bồ-tát dứt trừ biết được thành Phật sao không thụ ký?

Đáp: Thanh-văn lâu nay học Tiểu thừa, tuy tin tự mình được thành Phật nhưng e rằng chưa quyết định, khiến cho tâm được quyết định vì thế thọ ký cho. Bồ-tát trước đây không học Tiểu thừa, nhưng sợ rằng các vị đó lui sụt nghe nói về Nhất thừa biết là không có Tiểu thừa riêng, liền an trú nơi Đại thừa quyết định do đó không cần thọ ký. Lại, cũng thọ ký cho. Trước nói không một ai chẳng thành Phật, tức là toàn bộ thọ ký cho thọ ký sao không riêng? Đáp: Vì lược nên thích hợp nghe khác nhau.

Hỏi: Đã nói một ngàn hai trăm vị La-hán biết cũng sẽ thành Phật, tự biết sẽ thành Phật hay là không biết chăng? Nếu là tự biết thì một ngàn hai trăm vị phải cùng với Thu Tử trong một lúc được thọ ký, vì sao nói về Hóa Thành xong mới sanh khởi tâm hiểu rõ bắt đầu thụ ký cho?

Đáp: Có hai cách giải thích - Một nói rằng biết được nhưng chưa hứng thú hướng về, vì ưa thích Tiểu thừa, nghe nói về Hóa Thành mới hiểu ra xả bỏ Tiểu thừa, mới thụ ký cho. Hai nói rằng chưa biết nhưng Đức Phật nói người kia sẽ thành Phật, nghe châu thứ ba hoàn tất mới bắt đầu lãnh ngộ.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát nghe liền dứt trừ nghi ngờ biết được thành Phật, một ngàn hai trăm người tự mình chưa thể biết, chỉ là Đức Phật nói ra?

Đáp: Vì Lợi - độn khác nhau, Thu Tử là lợi căn một lần nghe còn hiểu rõ, Bồ-tát hơn hẳn cho nên lập tức dứt trừ nghi ngờ, một ngàn hai trăm vị là độn căn cho nên chưa thể hiểu được.

Hỏi: Theo phẩm Phân Biệt Công Đức nói: “Nếu nghe hẩm Thọ lượng, công đức ở nơi Bồ-đề vô thượng mà lui sụt thì không có việc ấy”. Các bậc như Xá-lợi-phất v.v... trong quá khứ từng nghe kinh Diệu Pháp Hoa, như ở hội Phật Đại thông v.v... vì sao còn cùng lui sụt?

Đáp: Giải thích có hai cách. Một là nói rốt ráo lui sụt ấy là quyết

không có điều này, giả sử có lui sụt cũng trở lại phát sanh. Hai là nói y cứ vào lợi căn hơn hẳn, hoặc y cứ theo sự lãnh ngộ. Nói về chín thứ thanh tịnh. Hiển Dương thứ ba nói: “1. Thi la thanh tịnh, thiện trú Thi la, cho đến đối với tội nhỏ thấy rất kinh sợ chịu học hỏi học xứ. 2. Tâm thanh tịnh dựa vào giới thanh tịnh cho nên an trú trong bốn tĩnh lự. 3. Kiến thanh tịnh, dựa vào tâm thanh tịnh do đó đạt được trí lậu tận , hiện quán các đế. 4. Độ nghi thanh tịnh, dựa vào kiến giải thanh tịnh nên đối với Phật - Pháp - Tăng không mê hoặc không nghi ngờ. 5. Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh, dựa vào độ nghi thanh tịnh cho nên đạt được trí kiến tuyệt diệu, biết đạo Đức Phật nói ra có thể xuất ly, đạo mà ngoại đạo nói ra không thể hết khổ. 6. Hành trí kiến thanh tịnh, dựa vào đạo - chẳng phải đạo trí kiến thanh tịnh cũng đạt được thanh tịnh diệu cho nên trí Kiến trí. Đạo xuất ly có thượng - trung - hạ, nghĩa là khổ đau chầm chậm thuộc về thông hành... 7. Hành đoạn trí kiến thanh tịnh, dựa vào hành trí kiến thanh tịnh cho nên đạt được diệu trí thanh tịnh, nghĩa là mình phải dứt trừ hành bậc hạ-trung trở lại để phát khởi Thánh hạnh tuyệt diệu bậc thượng. 8. Vô dư vắng lặng thanh tịnh, dựa vào hành đoạn trí kiến thanh tịnh chứng được vô dư, các lậu dứt hẳn không còn. 9. Cõi nước thanh tịnh, nghĩa là Chư Phật có khả năng công đức vô thượng đó, thị hiện có thể chỉ ra cõi nước trang nghiêm không thể nghĩ bàn, nghĩ về cõi Phật hết sức thanh tịnh, nghĩ về Bồ-tát vô cùng thanh tịnh, cho đến nghĩ về quyến thuộc”.

Hỏi: Nhà lửa dụ cho Xá-lợi-phất thỉnh cầu vì một ngàn hai trăm người tức đều là vô học, vì sao Thích Luận nói là hữu học đầy đủ tánh phiền não của chúng sanh?

Đáp: Có hai cách giải thích: Một nói bàn luận về ban đầu nói ra Quyền không phải vì phàm phu, nay dùng thí dụ biểu hiện cho nên nói là đầy đủ tánh phiền não, tức là luận về ý xưa do đó không trái nhau. Hai là nói theo Thanh-văn thỉnh cầu, chính là vô học gần kề có đủ hữu học, căn cứ theo gần kề nói là phàm phu, vô học văn lộ rõ, luận lược bớt không giải thích, không như thế, tông chỉ kinh này trình bày về Nhất thừa, làm thế nào phẩm Dược Thảo chép: “Khiến cho biết thừa khác nhau, vì thế nói về các thứ Thừa, dựa vào Hữu học Thanh-văn khiến cho hướng về Đại thừa”? Văn biểu hiện có thể biết, vì thế lược bớt không dẫn ra.

Hỏi: Thể của xe dê xe hưu đích thực chọn lấy pháp nào?

Đáp: Theo các nhà chú sớ giải thích: Chọn lấy Nhị thừa vô học đạo giải thoát - thế gian định tâm sau là chỉ khống. Đây là xe của chủng

trí, dẫn dắt các con khiến cho vượt ra tâm thế gian này, thật sự không thể nào hiểu rõ tất cả các pháp đó nên ra cửa không được, có thể chốc lát tu nghĩa gọi là đòi xe. Vì thế luận nói người thứ nhất ấy ban cho công đức Tam-muội các thứ gốc lành thế gian khiến cho họ đi lại chơi đùa, về sau khiến cho vào Đại Niết-bàn. Nếu như vậy vì sao xuống dưới hợp với dụ nói là Thừa? Ba thừa này dùng vô lậu - căn lực - đường đạo - thiền định... mà tự mình vui chơi sung sướng hay sao? Đáp: Đó là vật dụng trang nghiêm của Thừa này, lại trong thân vô lậu vốn có các pháp cũng gọi là vô lậu. Nếu như vậy thì xe trâu cũng phải như thế sao? Đáp: Vì rốt ráo kia, là thật đức, vì đây là hư chỉ, cho nên chẳng phải rốt ráo. Nếu vậy thì hữu lậu há gọi là ra khỏi nhà ư? Đáp: Vượt ra Phần đoạn nên gọi là ra khỏi nhà. Lại giải thích tức là chỉ cho quả vị vô học đã đạt được vô lậu phát sanh trí là xe dê - xe hươu. Xuống dưới nói tự tại không hệ lụy không dựa vào mong cầu không còn lậu căn v.v... Nếu vậy làm thế nào ra khỏi cửa đòi xe để được biết ? Đáp: Vì chỉ ra trí này tạm gọi là chủng trí, vì hạng này không thể hiểu rõ tất cả các pháp, nên tiếp tục tu tập, nghe nói rằng đòi xe. Nếu như vậy làm thế nào gọi là thế gian? Đáp: Vì duyên theo sự việc thế tục bình thường, vì trí thấp kém nên gọi là thế gian. Nếu vậy là đối với xe mà nói, còn nói thành nên chọn lấy chân lý, vì sao Luận nói thành Niết-bàn là thành các thiền Tam-muội? Niết-bàn đã chọn lấy thành thiền Tam-muội, Bồ-đề vì sao chọn lấy hậu trí thế gian. Lại, cho Nhị thừa vô lậu về sau đạt được không thể khởi thông suốt hiểu biết các pháp sao gọi là khiến cho chơi đùa vì thế trước đó nói là thiện. Hỏi: Ngoài cửa đòi xe là người ba thừa, hoàn toàn đòi xe là chỉ riêng Nhị thừa sao? Đáp: Có hai cách giải thích: Một nói tất cả ba thừa đều tìm, vì văn không lựa chọn, do người đức hạnh xưa kia... nói ra cho nên nói là các con. Hai nói chỉ riêng nhị thừa đòi chẳng phải Bồ-tát. Vì sao? Vì nhà cửa dụ cho phần đoạn. Được vượt ra phần đoạn đều thuộc về ra khỏi nhà nhị thừa ra khỏi nhà đắc quả Vô học, Bồ-tát ra khỏi nhà ở nơi Sơ địa, Nhị thừa vô học chưa được chủng trí nên có thể tu học gọi là đòi xe. Sơ địa trở lên được xe chủng trí cho nên không cần đòi. Nếu vì tu học mà gọi là đòi xe, thì Thập địa đều tu, cho nên thường đòi. Nếu vậy thì Bồ-tát chẳng ai không lên xe, làm sao có thể nói rằng cỡi xe đi lại chơi đùa? Lại, Luận nói trước đây khiến cho nhập Bất thoái địa thị hiện ban cho vô lượng Trí nghiệp Sơ địa trở lên tức là đạt được trí nghiệp, tuy biết tu học nhưng kinh không nói đòi xe mà nói cỡi đi dạo chơi. Nhị thừa ra khỏi nhà chưa đạt được chủng trí, chưa đến Sơ địa có khả năng tu học, gọi là đòi xe. Lại, luận nói người thứ nhất đó ban

cho công đức Tam-muội các thứ gốc lành thế gian khiến cho họ đi dạo chơi, về sau khiến cho đi vào thành Đại Niết-bàn. Vì ban cho trời người nghiệp thiện thế gian, chưa đạt được chân thật, đáng phải nói là đòi. Bồ-tát không hướng về xe dê - xe hươu, Sơ địa trở lên đạt được chân thật, cho nên Bồ-tát không đòi. Hoặc có nói nói: Sơ cơ hư chỉ cho nên xe cần phải đòi. Hoặc nói trong nhà nghe có ba, ngoài cửa nhìn thấy một chẳng biết ai là người biết một. Vì thế cho nên cần phải đòi... đều chẳng phải chân thật nói ra.

Hỏi: Đã là Bồ-tát không đòi xe được gọi là ra khỏi nhà, ngồi hay không?

Đáp: Nói ra khỏi nhà ngồi, chỉ dựa theo Nhị thừa học rốt ráo, lìa hết chướng, tâm yên nghĩ, kiến lập quả. Người Bồ-tát học chưa rốt ráo, vì chưa lìa hết chướng, không thể kiến lập quả, vì tâm không yên nghỉ, do đó không được nói: "Ngồi giữa đất trống". Nếu tuy phân biệt là ngồi giữa đất trống, thì người ở ba quả trước cũng nên như vậy. Nếu như thế nghĩa là hữu học cũng gọi là ra khỏi nhà ngồi. Vì sao trong hợp dụ ở dưới nói theo cửa Phật giáo vượt ra khổ ba cõi, kinh sợ con đường nguy hiểm đạt được niềm vui Niết-bàn? Còn giải thích về Bồ-tát cũng được gọi là ra khỏi nhà ngồi, tuy không yên nghỉ cho đến không hạn định quả, nhưng dùng trí yên ở cũng được gọi là ngồi. Khả năng điều phục hoặc nghiệp cho nên vượt ra phần đoạn vì thế gọi là ra khỏi ba cõi, nói ở chỗ đất trống không ngại gì. Nếu thế thì ba quả cũng thuận theo như vậy thừa nhận cũng không sai, lấy bỏ tùy ý.

Hỏi: Ba xe ngoài cửa tìm ra mà thể xe này có nhiều điểm không giống nhau, xưa giải thích tức là Niết-bàn, nay nói chính là chọn lấy hậu đắc chánh trí, chọn lấy Niết-bàn mà làm thể xe, kinh luận có văn bản rõ ràng. Kinh kết hợp nói muốn nhanh chóng vượt ra ba cõi tự cầu Niết-bàn, như các người con kia vì cầu xe dê vượt ra khỏi nhà lửa. Luận nói về sau đi vào thành Niết-bàn cho nên chọn lấy Hậu trí mà làm ba xe, lại y cứ theo văn nào?

Đáp: Cũng là kinh luận có văn bản rõ ràng, hươu dê gọi là Hậu trí.

Luận chép: Người thứ nhất ấy dùng phương tiện công đức Tam-muội các thứ gốc lành của thế gian này khiến cho chơi đùa, sau đạt được khiến cho đi vào Niết-bàn. Đã nói công đức Tam-muội các thứ gốc lành, rõ ràng chẳng phải Niết-bàn. Hợp với xe trâu nói cầu Nhất-thiết-trí - Phật trí - tự nhiên trí - vô sư trí - Như-lai tri kiến thương xót an vui... rõ ràng chẳng phải Niết-bàn. Hỏi: Cùng có thành trì văn làm thế

nào chọn lấy cho đúng? Đáp: Chọn lấy trí là chính đáng. Nếu vậy thì văn trước làm sao giải thích? Đáp: Tướng Niết-bàn cho nên gọi là Niết-bàn, còn cầu xe dê-hươu là Niết-bàn, không lấy Niết-bàn hợp với xe dê hươu. Nếu như vậy thì nơi khác cũng giải thích rằng: Vì tánh tri kiến, vì tánh Tam-muội cho nên gọi là tri kiến... lý thật là Niết-bàn, đây lại sai chỗ nào? Đáp: Vì trái ngược nhiều văn. Hợp với xe hươu kinh chép: "Ưa một mình thiện vắng lặng sâu biết nhân duyên các pháp". Hợp với xe trâu nói mẫn niệm an lạc độ thoát trời người. Lại nói: Ta lấy các căn lực vô lậu tự làm cho vui sướng. Lại nói: "Ta có xe lớn bảy báu như vậy số đó vô lượng, cần phải tâm bình đẳng tất cả đều phải ban cho, không nên sai khác". Nếu là Niết-bàn há nói vô số tất cả đều ban cho hay sao? Nếu nói chân như tuy một nhưng thiết lập bảy loại, hoặc là mười Như... căn cứ vào năng chứng nói rằng có vô lượng và tất cả đều bình đẳng đây tức là lỗi gì mà không đúng? Nói trí làm xe, lý là Bảo Sở, điều này có trái ngược gì? Chung nói là lý. Nếu chỉ chọn lấy lý tức là thiếu sót Bồ-đề, nay là chọn lấy trí, trí đoạn đầy đủ huống gì lại thứ nhất trước đây nói rốt ráo khiến cho đạt được nhất thiết chủng trí. Lại, Luận nói khiến cho nhập Bất thoái địa để thị hiện ban cho vô lượng trí nghiệp. Còn kinh chép: "Nếu như đạt được pháp - định tuệ lực trang nghiêm? Lại nói: "Phật chủng từ duyên khởi". Lại nói: "cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng". Lại nói: Cưỡi xe báu dạo chơi ở bốn phương". Lại nói: "Căn lực v.v... các công đức pháp". Lại nói: "Ta nay vì ông tạo tác xe này? Vì thế lý dụ cho Bảo sở. Trước kia có chẳng phải làm ra, có vì tu phát sinh cho nên nói là tạo tác... không thể nói hiểu rõ, Hóa Thành tuy lý cũng nói tạo tác, không ở đó chỉ tạo tên gọi mà không có thật thể. Xe trâu đồng thì các người con kia nên bỏ. Nếu chọn lấy thật lý không nói đến tạo tác rộng ra có nhiều chứng cứ, rất nhiều không dẫn ra đầy đủ cho nên lấy bảo sở dụ cho lý, xe dụ cho trí thù thắng.

Hỏi: Hạng cùng tử thí dụ cho đối trị hạng hoàn toàn tăng thượng mạn, Thừa của ta cùng với Thừa của Như-lai đồng đều không hề sai khác. Nếu nói Thừa của ta cùng với Thừa của Như-lai không hề sai khác, tức là Thừa ấy cùng Như-lai thừa giống nhau, chính là Nhiếp Luận chép: Thanh-văn thành Phật khiến cho được giống như Phật. Nghĩa "tự thể theo ý vui" đâu cần phải đối trị?

Đáp: Có hai cách giải thích: Một nói suy nghĩ tự Tiểu thừa so với Như-lai thừa bình đẳng nói, như hạng cùng tử dùng để đối trị. Ta và Phật như nhau, cũng nên sẽ đạt được ý lạc này, tức là chẳng phải đối trị. Một nói người hàng định tánh rốt cuộc không thể thành Phật, chỉ

khiến cho đạt được ý lạc vì đồng thể. Người hàng bất định sẽ tùy đó thành Phật so tính cùng với Phật như nhau nhưng chướng ngại không hồi tâm. Nói đối trị tùy đối tượng nhắm đến mà có khác nên không trái ngược lẫn nhau.

Hỏi: Bốn đại Thanh-văn nói dụ lãnh hội hiểu rõ, tức là vô học. Luận vì sao nói vì hữu học mà nói?

Đáp: Dụ cho xưa kia ở nơi nhân mê chấp làm ngang nhau, nay ngộ dụ cho xưa kia nói vì hữu học. Lại tự mình đã hiểu rõ nói nói dụ hiểu còn lại nói là hữu học, điều ấy cũng đâu sai? Không như vậy, bốn người há tự mình đối trị hay sao?

Hỏi: Thụ ký Thanh-văn vì chung hạng bất định cũng có hạng khác chăng?

Đáp: Theo trong Luận giải thích tất cả vì bất định và biến hóa. Vì thế Luận nói hai loại Thanh-văn Như-lai cho thọ ký, đó là ứng hóa Thanh-văn, và lui sụt rồi trở lại phát tâm Bồ-đề.

Hỏi: Ai là bất định là biến hóa?

Đáp: Luận không phân định chắc chắn, theo trong kinh văn, một Mãn Từ Tử là biến hóa. Còn lại phần nhiều là bất định, đều nói từng phát tâm đại Bồ-đề.

Hỏi: Nếu chấp nhận thật sự Thanh-văn có hồi tâm làm thật, vì sao kinh Duy ma nói: "Thanh-văn chúng con cũng như hạt giống hoại nát không sử dụng được nữa". Nhập Đại Thừa Luận và Bồ-đề Tư Lương Luận đều không chấp nhận trong kinh Pháp Hoa này có Thanh-văn thật sự, mà đều biến hóa. Cũng như gieo hạt gạo ắt không phát sinh. Ý này không có sai lầm! Hơn nữa không chịu phát sanh vì sao nói tu hành được ba kỳ kiếp?

Đáp: Kia đều là căn cứ theo khen ngợi địa vị thù thắng của Đại thừa, trách mắng Tiểu thừa kia không khiến cho mong cầu hướng về, người hàng bất định cuối cùng quay về Đại thừa, khiến cho có tánh Đại thừa mau chóng cầu mong hướng về Đại thừa. Không như vậy thì kinh luận há có thể trái ngược nhau sao? Theo các văn này, lúc hội Pháp Hoa, bốn thứ Thanh-văn ban đầu đều còn ở pháp hội, sau ba lần ngăn lại, tăng thượng lui khỏi chỗ ngồi, không nói thật thánh cũng lui khỏi chỗ ngồi, mà để nghe kinh khiến cho thành tựu không ngu đần về pháp. Luận giải thích thọ ký và không vì thọ ký không chướng ngại ở chỗ ngồi, hoặc có thể không có định tánh. Luận nói có tổn hại kinh sợ, không được thọ ký, vì căn chưa thuần thục, cho nên không còn ở chỗ ngồi, lấy bỏ tùy ý.

Hỏi: Hóa Thành lấy gì làm Thể?

Đáp: Như Sớ giải thích, lại giải thích thêm rằng: Tam-muội thế gian sau tâm vô học nói là Hóa Thành, như Thể của hai xe, cùng căn bản trí không làm được nghĩa giải thoát, cho nên chỉ là hậu đắc trí mới nghĩ rằng Niết-bàn là rốt ráo. Kinh nói hóa làm. Luận chép: Người thứ tư ấy là phương tiện khiến cho đi vào thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn là thành các thiền Tam-muội. Nếu như vậy vì sao nói có thể ngưng các khổ? Đáp: Vì được lìa chướng, do đó vượt ra ba cõi, giống như hai xe vậy. Ở kia đã có thể nói ra khỏi nhà, nơi này sao không có thể dừng khổ? Nếu vậy hai xe sao không được như thiết lập Hóa Thành nói được đi vào? Đáp: Không có thể hiểu biết rõ ràng tất cả các pháp, vì chẳng phải chủng trí cho nên không được xe, vì sao? Vì chưa lìa bỏ chướng trí. Làm sao được thọ ký Hóa Thành? Vì khổ của ba cõi dừng bặt, được ở giải thoát, hoặc chướng đã lìa. Nếu như vậy làm thế nào gọi là Niết-bàn? Đáp: vì tạm gọi Niết-bàn. Phẩm thứ hai nói: "Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa có thể giải thoát tất cả". Lại nói: Lúc ấy tâm tự nói là được đến nơi Niết-bàn, như tăng thượng mạn tự nói là đạt được quả, thật ra không đạt được". Ở đây cũng như vậy. Nếu vậy thì vô học há không đạt được hữu dư hay sao? Đáp: Như hạng kia trí vô lậu ẩn kín mà không rõ ràng, chỉ nói về trí thế gian, gọi đó làm xe. Ở đây cũng như vậy, tuy có hữu dư mà chẳng phải rốt ráo, ẩn kín mà không chướng ngại, khiến cho lấy Đại thừa. Vì vậy Luận chép: "Khiến cho vào thành Niết-bàn. Thành trì Niết-bàn ấy là thành trì của các thiền Tam-muội. Nếu chính là chỉ về hữu dư vì sao nói đến tên gọi thành trì các thiền Tam-muội? Lại, kinh Thắng Man chép rằng: "Người đạt được bốn trí và Niết-bàn và biết gần cõi Niết-bàn" rõ ràng chẳng phải thật sự Niết-bàn, vì nói rằng khoảng cách gần kề. Nếu là Niết-bàn tức là nói đã đạt được, vì sao nói là gần? Luận Thành Duy Thức quyển mười chép: "Không nói vô học có Niết-bàn, là kia có hai cách giải thích. Một nói hoặc dựa theo tánh bất định, đạt được vô học rồi liền hồi tâm hướng về Đại thừa, không nói hạng kia đạt được, đích thực giống với ở đây. Nếu người định tánh là hai xe dê - hươu thì phát sanh trí kia. Hóa Thành đã nói chính là hai Niết-bàn, vì rốt ráo kia, do đó chẳng phải tạm thời dừng nghỉ, cho nên không hướng về Đại thừa, không giống như bất định.

Hỏi: Như cầu ba cõi lấy làm thế lực nói thí dụ nhà lửa khiến cho sanh ra chán ghét nơi đó không khiến cho tiếp tục cầu mà riêng nói về ba xe để làm đối trị. Người đã có định, thật ra không có Niết-bàn mà lại có tăng thượng mạn vì có Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề thế gian nhưng

thật ra không có Niết-bàn mà nảy sinh tưởng Niết-bàn. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về Hóa Thành, nên biết đã là hữu học chấp lấy Tam-muội thế gian để làm Niết-bàn, thật sự chẳng phải Niết-bàn, gọi là tăng thượng mạn. Nay chính là vì nói Tam-muội thế gian gọi là Hóa Thành, lẽ ra như nhà lửa khiến cho chán bỏ không giữ lấy. Làm sao được nói người thứ tư phương tiện khiến cho đi vào thành Niết-bàn? Vì thế nếu như chọn lấy Tam-muội thế gian gọi là Niết-bàn, há không tăng thêm kia chấp chăng? Lại, không biết là hóa mới cầu mong đi vào thành kia, đã nói là hóa làm sao dám cầu để rồi sao hướng đến Đại thừa?

Đáp: Chính vì vô học bàn luận về việc xưa của họ. Quyền biến khiến cho được ngưng nghỉ, vốn muốn tạm dừng lại là hướng về Bảo sở khiến cho biết hướng về Đại thừa. Nay lại thêm nghĩa khác là đối trị hàng hữu học. Người bất định có khả năng hướng về Đại thừa. Người có định chấp Niết-bàn sở đắc của hàng vô học kia, lấy làm rốt ráo, tác ý vui mừng hướng đến. Nay Phật vì đó nói Niết-bàn kia chẳng phải thật sự diệt độ, cũng như Hóa Thành. Vì lẽ đó ngày xưa nói Niết-bàn là Ta phương tiện khiến cho người lui sụt tạm thời vào thành Niết-bàn, giả tạm, nhân tiện được ngừng nghỉ mệt mỏi, sau khi vượt qua thành này, khiến cho đi vào thành lớn Niết-bàn là nơi trân trọng quí báu, làm cho hàng hữu học biết bỏ nơi này cầu mong Đại thừa. Vì đối trị nói làm nên Hóa Thành, mà vì đối trị không phải là nay hạng người thứ tư nói làm nên Hóa Thành càng khiến cho cầu mong đi vào, tương ư nhhư văn giải thích, so với lý không sai trái. Ngu kiến như đây, lại mong có giải thích tốt hơn!

Hỏi: mười vô thượng chính nói về gì?

Đáp: Chính là vì hàng Thanh-văn tánh bất định. Luận nói thị hiện hạt giống vô thượng cho nên nói ra hai thí dụ. Sở hành của các ông là Bồ-tát đạo - nghĩa là phát tâm Bồ-đề lui sụt rồi trở lại phát khởi tu hành nang gốc lành trước đây không mất, nhân đó về sau người đó đạt được quả. Ý nói trong thân Nhị thừa thấy có hạt giống Bồ-tát, chỉ có thể trở lại tu tập thì đều được thành Phật, vì người phát tâm thì khiến cho kiên cố, người chưa phát tâm thì khiến cho nghe vô thượng cũng phát tâm. Đã nói lui sụt rồi trở lại phát khởi tu hành những gốc lành trước đây không mất, nhân đó về sau đạt được quả, rõ ràng là bất định. Nếu như vậy vì sao mười loại vô thượng không đều ở phần Chánh tông? Đáp: Chẳng riêng vì hiển bày lý nhất thừa, mà còn khen ngợi khuyến khích thọ trì, cho nên chung cả hai phần sơ lược trình bày về đại cương, còn lại không kể ra nhiều.

Hỏi: mười loại vô thượng này có thứ lớp gì không?

Đáp: Dùng nghĩa làm chuẩn mực. Khiến cho khuyến khích phát tâm cần phải dựa vào lực của nhân nói quá khứ kia từng gieo trồng nhân Đại thừa, làm cho thuận theo tu hành, nên đạt được quả Phật vì thế nói là hạt giống vô thượng, tức là vì rõ ràng nói sở hành của các ông là thành Bồ-tát đạo, rõ ràng ngày xưa phát tâm gốc lành không diệt mất, nay nghe Phật pháp trở lại giống như làm nhân, về sau đạt được quả. Đã có nhân thù thắng, thì phải trải qua thời gian lâu dài tu nhân vô thượng, mới có thể đạt được quả. Nói Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai sắp đạt được Bồ-đề còn phải trải qua mười kiếp, tức hiển bày là tu nhân vô thượng trên quả thù thắng. Kế là nói đến tu hành vô thượng, tu hành vô thượng là phải thực hành đại hạnh. Vì sao nói trung gian trao cho ở nơi Tiểu thừa? Chỉ vì ngày xưa từng phát tâm đại thừa, trung gian lui sụt Đại thừa không thể phát khởi ngay, nên quyền lập phương tiện khiến cho ngưng khổ đau rồi, sau đó tiến tới Đại thừa cho nên nói thêm lớn lực công đức vô thượng. Đâu biết ngày xưa từng phát tâm rộng, lớn nên nói thí dụ buộc châu khiến cho lãnh hội, vì thế kế là nói khiến cho hiểu rõ vô thượng. Đã biết ngày xưa tu tập nhân Đại thừa từ lâu, chỉ vì sợ Đại thừa, cho nên giữa chừng lui sụt, nay có thể nhớ nghĩ lại hiểu ra tu hành, như các Bồ-tát sẽ đạt được Tịnh độ, vì thế, kế là nói về cõi nước thanh tịnh Vô thượng. Hiểu, ngộ đã thêm lớn có thể nghe giáo Đại thừa, do đó kế là nói về ý chỉ vô thượng. Nghe giáo vô thượng chứa nhóm bao kiếp thực hành nhân đều thành tựu hạng người cao quý. Nên kế là nói về giáo hóa chúng sanh Nhân thù thắng vô thượng đã chứa nhóm nên đạt được quả thù thắng, không giống như Nhị thừa. Nên kế là nói về thành tựu Đại Bồ-đề vô thượng. Chứng đắc quả, tuy lại chứng diệt mà có thể hiện tại lợi ích cho chúng sanh. Pháp thân - Báo thân tuy luôn luôn còn, nhưng Hóa thân ứng vật thì không hạn định, tuy diệt mà không diệt, tuy sanh mà không sanh. Vì thế kế là nói Niết-bàn vô thượng, Những gì nói ra đã thù thắng thu được lợi ích vô biên, khơi dậy niềm tin cúng dường nghe pháp giữ gìn ngợi ca, đạt được phước đức vô biên, hiện rõ thần lực, nêu lên thắng hạnh khác và người - pháp là chứng. Lại do từ lâu thực hành nhân năng hóa - năng thọ, bậc Thánh từ xa đến xin được nghe kinh, Như-lai xoa đầu, hết lời khen ngợi ba lần, rõ ràng việc thù thắng này sứ giả muốn lưu thông - vì thế kế là nói diệu lực thù thắng vô thượng.

Các Tông giải thích, nói khác nhau vô cùng tận, kinh luận xuất hiện và tàng ẩn nhiều môn, trong đó thấy biết vô lượng, sơ lược dựa vào

bàn luận thứ lớp, chọn lấy kể lại phần ít, phần lớn không muốn nêu lên đối với chỗ nghe rộng rãi, chỉ vì đầy đủ thời gian nên phải như vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

PHÁP HOA TÔNG YẾU

SỐ 1725

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1725

PHÁP HOA TÔNG YẾU

Pháp sư Nguyên Hiểu soạn

Để giải thích kinh này, lược phân chia làm sáu môn:

1. Trình bày đại ý,
2. Nói về tông chỉ của kinh,
3. Nói về giải thích dụng,
4. Giải thích tên đề kinh,
5. Nói thuộc về giáo nào,
6. Giảm bớt văn nghĩa.

I. ***Thứ nhất trình bày đại ý***: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đây chính là đại ý ra đời của Chư Phật ba đời mười phương, là cửa ngỏ rộng lớn của bốn thứ chúng sanh trong ba cõi sau khi hoại diệt cùng nhau đi vào. Văn từ khéo léo nghĩa lý sâu xa, không có sự mầu nhiệm nào mà không đạt tới cực điểm. Ngôn từ diễn lý thông suốt, không pháp nào không thể nói ra. Văn từ khéo phô diễn hoa mà ngậm chứa quả hạt, nghĩa lý sâu xa thông suốt Thật mà có Quyền. Lý sâu xa thông suốt không hai-không khác. Từ khéo phô diễn thì mở Quyền chỉ ra Thật. Khai quyền: Mở ra ngoài cửa có ba xe là Quyền, thành báu giữa đường là hóa, dưới cội cây thành đạo không phải bắt đầu, trong rừng cây diệt độ chẳng phải kết thúc. Thị Thật: là chỉ ra tất cả chúng sanh đều là con của mình, nhị thừa đều được thành Phật, tính toán không đủ để lường tính tuổi thọ đó. Kiếp hỏa không thể nào đốt cháy hết sự tồn tại đó thì gọi là tính chất khéo léo mầu nhiệm của ngôn từ văn chương. Nói không hai, là chỉ có một đại sự, tức khai, thị, ngộ, nhập ở tri kiến Phật, không có việc gì hơn, việc gì là khiến cho chúng sanh hiểu và chứng được tri kiến ấy.

Nói không khác, là ba thứ bình đẳng, các thừa các thân đều chung một mẫu mực, thế gian và Niết-bàn lìa hẳn hai bên, đây gọi là tính chất sâu xa mầu nhiệm của nghĩa lý. Đây là văn lý diệt diệu không có gì chẳng phải là sâu xa, bởi xa lìa khuôn khép thô thiển mới gọi là Diệu Pháp, Hoa Quyền bày ra đầy đủ thì quả Thật làm sáng tỏ hết mức, vẻ đẹp trong Vô Nhiễm mượn ví dụ là Liên Hoa. Nhưng Diệu Pháp mầu nhiệm vô song, nào là ba - nào là một, rất dài lâu, rất sâu xa, ai là ngắn, ai là dài? Các nghĩa ấy không dễ gì thâm nhập. Các đệ tử hồn nhiên rất khó đưa ra,cho nên Như-lai gợi ra niềm ao ước thích ứng với ba loại xe, ở tại vườn Nai bày tỏ có thân tướng thô thiển, xe trâu trắng ở núi Thứu biểu hiện cho tuổi thọ lâu dài vô hạn. Đây chính là dùng một để phá bỏ ba, ba trừ thì một cũng bỏ, mượn dài để bày tỏ ngắn, ngắn dừng lại thì dài quên hết, là pháp không thể chỉ ra được, tướng ngôn từ vắng lặng, sạch hết không còn chứng cứ, thi hành rõ rệt mà xa lìa nương tựa, không biết dùng ngôn từ gì nói về điều ấy nên gượng gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Tuy là để phân biệt ngồi nghe giáo pháp ấy, mà đang tiếp nhận chỗ ngồi của Luân Vương Thích Phạm, người nào nghe thông suốt một câu đều được thọ ký thành Bồ-đề vô thượng, huống chi đối với phước thọ trì giảng nói, há có thể nghĩ bàn được số lượng ấy hay sao! Đưa ra đại ý này để nêu lên tựa đề kinh, cho nên nói là kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

II. Thứ hai, nói về tông chỉ của kinh: Kinh này chính là dùng Nhất Thừa Thật Tướng rộng lớn sâu xa làm tông chỉ sở thuyên. Nói chung tuy là như vậy, nhưng trong đó phân biệt rõ ràng. Nhất thừa Thật Tướng nói sơ lược có hai, đó là người Năng thừa và pháp Sở thừa. Kinh này vốn nói về người Nhất thừa, là người tu hành ba Thừa, bốn thứ Thanh-văn. Trong ba cõi vốn có bốn thứ chúng sanh, cùng là người năng thừa, là người đang trong một Phật thừa, đều là Phật tử, đều là Bồ-tát, vì đều có Phật tánh cho nên sẽ kế thừa Phật vị, thậm chí vô tánh hữu tình cũng đều có thể thành Phật. Như kinh Bảo Vân chép: "Bồ-tát phát tâm liền nghĩ: Chúng sanh kém hiểu biết ngu si câm ngọng trong tất cả thế giới không có phần Niết-bàn không phát sinh tín tâm, đã vứt bỏ quả vị Bồ-tát của họ, Chúng sanh như vậy Ta đều điều phục cho đến ngồi nơi đạo tràng đạt được A-nậu Bồ-đề. Lúc phát tâm này, cung điện ma quân rung chuyển dữ dội." Lại nói: "Bồ-tát thành Phật thì mọi thệ nguyện được đầy đủ." Phẩm Phương Tiện chép: "Chư Phật ba đời chỉ giáo hóa Bồ-tát." Phẩm Thí Dụ chép: "Tất cả chúng sanh đều là con của Ta." Lại chép: "Các pháp từ trước đến nay tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hiểu đạo rồi, đời sau được thành Phật." Vậy thì không có

một chúng sanh nào mà chẳng phải Phật tử, cho nên nghĩa rộng lớn. Thế giới chúng sanh này chính là cõi Niết-bàn, cho nên nghĩa sâu xa. Như luận giải thích: "Tướng của ba cõi ấy, có nghĩa là cõi chúng sanh chính là cõi Niết-bàn, không lìa cõi chúng sanh mà có Như-lai tạng", đây gọi là người năng thừa đều là người chung một Phật thừa. "Pháp sở thừa của người trong một thừa này, nói sơ lược thì có bốn thứ, đó là Lý Nhất thừa và giáo Nhất thừa, Nhân Nhất thừa và Quả Nhất thừa. Lý Nhất thừa: Gọi là một pháp giới, cũng gọi là pháp thân, gọi là Như-lai tạng. Như kinh Tát Già Ni-kiền-tử chép: "Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có tánh sai khác của Ba thừa, vì sao Như-lai nói pháp ba thừa? Đức Phật chép: Chư Phật Như-lai nói pháp ba thừa, là chỉ rõ địa vị sai khác chứ không phải thừa sai khác, nói về con người sai khác chứ không phải lẫ thừa sai khác." Chư Phật Như-lai nói ra ba thừa, là chỉ ra công đức ít để biết đến công đức nhiều, mà trong Phật Pháp không có sai khác về thừa, vì sao? Vì pháp của pháp giới không có gì sai khác. Trong kinh Kim Quang Minh chép: "Pháp giới không có gì sai khác, cho nên không có thừa khác nhau, vì cứu độ chúng sanh cho nên phân biệt để nói ra ba thừa." Lại kinh này chép: "Chư Phật Như-lai có năng lực biết rốt ráo thật tướng của pháp kia." Luận giải thích điều này: "Thật tướng ấy gọi là Như-lai Tạng, là thể của pháp thân, là tướng bất biến." Còn văn đoạn sau chép: "Đồng là chỉ ra tánh pháp thân của chư Phật Như-lai giống như các hàng phàm phu-Thanh-văn Bích-chi-Phật... Pháp thân bình đẳng cho nên không có sai khác." Xét rằng: Pháp thân Như-lai là tánh Như-lai tạng, tất cả chúng sanh bình đẳng vốn có, thường chuyển vận tất cả cùng trở về cội nguồn ban đầu, vì đạo lý không có thừa khác nhau ấy, nên nói pháp này là tánh nhất thừa, như vậy là lý Nhất thừa.

Giáo Nhất thừa: Tất cả chư Phật khắp mười phương ba đời, từ lúc mới thành đạo cho đến Niết-bàn, trong thời gian này đã nói ra tất cả ngôn giáo, không có ngôn giáo nào không làm cho đến được địa vị Nhất-thiết-trí, vì vậy đều gọi là giáo Nhất thừa. Như phẩm Phương Tiện chép: "Chư Phật cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ loại nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, mà vì giảng nói các pháp cho chúng sanh nghe. Pháp này đều chung một Phật thừa, các chúng sanh này từ Phật nghe pháp, rốt ráo đều đạt được nhất thiết chủng trí." Giáo này thông suốt khắp ba đời mười phương, vô lượng vô biên cho nên rộng lớn. Vì một lời một câu đều là Phật thừa, một tướng một vị cho nên rất sâu, như vậy gọi là Giáo nhất thừa.

Nhân Nhất thừa: Nói chung có hai loại, một là tánh nhân, hai là tác nhân. Nói về Tánh nhân, thì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là quả của ba thân làm thành nhân. Như phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát chép: "Tôi không dám coi thường các Ngài, các Ngài đều sẽ thành Phật." Luận giải thích điều này: "Nêu rõ các chúng sanh đều có Phật tánh." Lại chép: "Hai loại Thanh-văn là quyết định và tăng thượng mạn, vì căn cơ chưa thuần thục, do đó Phật không thọ ký cho, mà Bồ-tát thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho là phương tiện làm cho phát tâm." Nên biết rằng dựa vào ý kinh này mà nói người Nhị thừa hướng về vắng lặng và loài hữu tình vô tánh đều có Phật tánh thảy đều được thành Phật. Nói về tác nhân, thì hoặc thánh hay phàm, nội đạo hay ngoại đạo, tất cả gốc lành thuộc phần đạo hay phần phước, chẳng loài nào không cùng đến Bồ-đề vô thượng. Như kinh chép: "Hoặc có người lễ bái, hoặc chỉ chắp tay, cho đến giơ một tay, hoặc hơi nghiêng đầu. Nếu người tâm tư tán loạn đi vào tháp miếu chỉ xưng một tiếng Nam mô Phật cũng đều đã thành tựu Phật đạo," cho đến nói rộng. Kinh Bổn Thừa chép: "Tất cả các gốc lành hạng phàm hay bậc thánh không tiếp nhận quả hữu lậu, chỉ tiếp nhận quả thường trụ." Kinh Đại Bi chép: "Đức Phật bảo A-nan: Nếu người nào ưa thích đắm vào quả báo ba cõi, đối với ruộng phước của Phật hoặc thực hành bố thí hay các gốc lành khác, nguyện mình đời đời không nhập Niết-bàn. dùng gốc lành này không nhập Niết-bàn, thì điều này không thể có được. Người này tuy không mong cầu Niết-bàn, nhưng đối với Phật đã gieo trồng các gốc lành, thì Ta nói người này chắc chắn nhập Niết-bàn." Phẩm Nhất thừa trong kinh Ni-kiền-tử nói; "Phật bảo với Văn-thù: Cõi Phật của Ta vốn có hàng Ni-kiền-tử, đều là do năng lực trụ trì của Như-lai cho nên phương tiện thị hiện các ngoại đạo này. Những người thiện nam này, tuy tướng trạng thực hành đủ loại các học nói khác nhau, mà đều đi qua một chiếc cầu Phật pháp như nhau, chứ không có đi qua chiếc cầu nào khác." Xét rằng: Dựa vào các văn như vậy, nên biết những gốc lành trong ngũ thừa của Phật pháp cùng với các loại gốc lành khác nhau của ngoại đạo, tất cả gốc lành như vậy đều là nhất thừa, đều dựa vào Phật tánh chứ không có thể nào khác. Như Pháp Hoa Luận biểu hiện nghĩa này: "Sao nói là thể pháp? Nghĩa là lý không có hai thể. Không có hai thể, nghĩa là vô thượng thừa đều là nhất thừa." Nhưng kinh chép: "Giáo pháp các người đang thực hành đều là đạo Bồ-tát", nghĩa là phát tâm Bồ-đề lùi sụt, rồi phát khởi lại, thì gốc lành tu hành trước đó không diệt mất mà giống như về sau đạt được quả," vì vậy trái với văn đã dẫn ra ở trước. Do đó chép: Tất cả chúng

sanh hoặc phàm phu hay bậc thánh, tất cả gốc lành nội đạo hay là ngoại đạo, đều có Phật tánh và cùng quay về cội nguồn ban đầu, đó từ trước đến nay chỉ có Phật mới xuyên suốt tận cùng, vì nghĩa này cho nên nói là nghĩa rộng lớn rất sâu. Như vậy gọi là nhân Nhất thừa.

Quả Nhất thừa: Nói lược có hai thứ, đó là quả vốn có và quả mới phát sinh. Quả vốn có, đó là Bồ-đề pháp Phật. Như phẩm Thọ Lượng chép: "Như-lai thấy biết như thật tế, tướng trạng của ba cõi không có sanh tử, hoặc thoái hoặc xuất, cũng không tại thế và diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị." Xét rằng: Văn này ngay nơi một pháp giới biểu hiện thể cuả một quả, thể chẳng thật có nên chẳng phải thật, thể chẳng phải không có nên chẳng phải hư, không phải là chân đế cho nên chẳng phải như, chẳng phải là tục đế cho nên chẳng phải khác. Như kinh Bổn Thừa chép: "Thể của quả tròn đầy không có đức nào không đầy đủ, không có lý naò không hoàn bị, không có tên gọi, không có hình tướng, chẳng phải tất cả các pháp có đạt được, thể chẳng phải có thể, chẳng phải không cho đến nói rộng." Lại chép: "Ngoài hai thể chỉ ở không hai." Đây là trình bày về thể của quả Bồ-đề pháp Phật. Quả mới phát sinh, đó là hai thân. Như luận giải thích: "Bồ-đề báo Phật, là thập địa hạnh đầy đủ chứng được Niết-bàn thường trụ." Như kinh chép: "Ta thật từ lúc thành Phật đến nay, trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp." Bồ dề ứng hóa, là tùy theo những nơi thích ứng ngay lúc đó để mà thị hiện, đó là vượt ra cung điện giòng họ Thích - thành đạo dưới cội Bồ-đề cho đến chư Phật phân thân khắp mười phương. Như phẩm Bảo Tháp đã trình bày rộng. Tóm lại, tất cả chúng sanh đều tu muôn hạnh cùng đạt được quả vị Bồ-đề như vậy. Đây gọi là quả Nhất thừa. Như phẩm Phương Tiện chép: "Xá-lợi-phất nên biết: Ta vốn lập thệ nguyện, muốn cho tất cả chúng sanh đồng như Ta không khác. Như xưa ta đã nguyện, bây giờ lời nguyện đã tròn đầy, giáo hóa tất cả chúng sanh đều làm cho đi vào Phật đạo." Đối chiếu chép: Văn này chính là trình bày sở nguyện của Như-lai tròn đầy. Vì sao như vậy? Vì khắp nơi giáo hóa cho tất cả chúng sanh trong ba đời, như thích ứng đều khiến cho đạt được Phật đạo. Như kinh Bảo Vân chép: "Ví như bát dầu đã đầy ngang miệng lại rót vào một giọt thì chắc chắn không tiếp nhận được, Bồ-tát thành Phật các nguyện đầy đủ cũng giống như vậy, lại không giảm bớt một nguyện nhỏ nào." Kinh Đại Vân Mật Tạng chép: "Bồ Đại Vân Mật Tạng bạch Đức Thế Tôn: Cúi xin Thế Tôn vì chúng sanh kém phước ở đời vị lai, giảng nói tường tận tiến sâu vào Tam-muội Đại hải thủy triều như vậy! Đức Phật dạy:

Này người thiện nam! đừng nói như vậy! Vì sao? Vì gặp Phật ra đời là khó, nghe được kinh Đại Vân này cũng khó, vì sao chỉ vì chúng sanh đời vị lai? Ta sẽ vì tất cả chúng sanh ba đời phân biệt nói rộng các pháp môn.” Kinh Hoa Nghiêm chép: “Như-lai xoay bánh xe pháp, đối với ba đời không có đời nào chẳng đến được.” Dựa vào các văn này, nên biết rằng chư Phật từ lúc mới thành tựu Chánh Giác, ý nghĩ đầu tiên là giáo hóa tất cả chúng sanh ba đời, không một chúng sanh nào không thành tựu vô thượng bồ dề, giống như những nguyện xưa kia đã đầy đủ, nếu có một người không thành vô thượng Bồ-đề, thì những nguyện xưa kia sẽ không trọn vẹn. Tuy thật sự đều hóa độ mà không có ranh giới tận cùng, tuy thật không có ranh giới mà không đâu chẳng hóa độ, chính là dùng trí lực vô hạn hóa độ chúng sanh vô hạn. Nhưng đoạn văn dưới đây trong kinh này chép: “Ta vốn thực hành Bồ-tát đạo đã thành tựu tuổi thọ, nay còn chưa hết mà lại gấp bội số trước.” Luận giải thích điều này: “Ta vốn thực hành Bồ-tát đạo nay hãy còn chưa đầy đủ, là vì bổn nguyện, cõi chúng sanh chưa hết thì nguyện chẳng tận cùng, cho nên nói là chưa đầy đủ, chẳng phải nói là Bồ-đề không đầy đủ. Đã thành tựu tuổi thọ mà lại gấp bội số trước, là thị hiện phương tiện tuổi thọ thường trụ của Như-lai, biểu hiện nhiều hơn số lượng trước không thể tính đếm biết được.” Ý luận này là trình bày dựa theo chúng sanh đời hiện tại chưa hết, thì thời gian bổn nguyện chưa đầy đủ như vậy, chứ không phải là nói Bồ-đề đã thoả mãn mà bổn nguyện đó chưa đầy đủ, cũng không phải là bổn nguyện chưa đầy đủ, mà nói Phật Pháp đã đầy đủ. Như kinh Hoa Nghiêm chép: “Tất cả chúng sanh chưa thành tựu Bồ-đề, thì Phật Pháp chưa đầy đủ, bổn nguyện chưa tròn đầy.” Vì thế nên biết rằng nguyện và Bồ-đề không viên mãn thì đều không tròn đầy như nhau, đầy đủ thì đầy đủ như nhau. Như vậy gọi là Quả Nhất Thừa.

Hợp lại mà nói thì lý - giáo - nhân - quả, bốn pháp như vậy lại theo nhau cùng chuyển vận một người đến Nhất-thiết-trí (Tát-bà-nhã), cho nên nói bốn pháp này gọi là pháp Nhất thừa. Giống như bốn con ngựa lại tùy theo nhau cùng làm một phương tiện chuyên chở cho nên nói bốn con ngựa gọi là Nhất thừa. Nên biết rằng đạo lý trong đây cũng như vậy.

Hỏi: Lý - giáo và nhân cùng vận chuyển chúng sanh đến Nhất-thiết-trí, việc này có thể như vậy, nhưng quả đã đến chỗ rốt ráo, làm sao cùng với ba pháp kia vận chuyển chúng sanh được? Giải thích rằng: Điều này có bốn nghĩa:

1. Vì đời vị lai có năng lực của quả Phật, ngầm giúp đỡ chúng

sanh làm cho phát sinh thiện tâm, như vậy mở rộng ra chuyển tiếp khiến được Địa vị Phật. Như kinh Niết-bàn chép: "Vì đời hiện tại bị nhân duyên phiền não có thể đoạn mất gốc lành, ở đời vị lai nhờ năng lực nhân duyên của Phật tánh cho nên gốc lành phát sinh trở lại."

2. Tương ứng với quả báo thân Phật thị hiện các ứng hóa thân giáo hóa chúng sanh này làm cho được tiến lên hơn nữa. Như kinh Bổn Thừa chép: "Tự thấy bản thân đạt được quả, chư Phật xoa đầu nói pháp nên thân tâm hành riêng không thể nghĩ bàn được."

3. Kinh này có sáu nơi thọ ký, thọ ký sẽ được thành tựu A-nậu Bồ-đề, do được thọ ký như vậy nên tâm vui mừng tiến tu và quả tương lai thuộc về người đó, vì thế người đó được chuyển vận. Đoạn văn sau chép: " Ban cho tất cả các con cùng một loại xe lớn."

4. Trong kinh này nói Nhất-thiết-chủng-trí chẳng lý nào không thấu suốt, chẳng đức nào không đầy đủ, tất cả chúng sanh cùng đạt đến quả này. Chúng sanh duyên vào Năng thuyên Sở thuyên này mà phát tâm, tiến lên thêm nữa trải qua bốn mươi tâm du hý thần thông giáo hóa bốn thứ chúng sanh, cho nên nói là chúng sanh thừa hướng về quả thừa, từng thừa từng thừa có năng lực chuyển vận nhân địa của chúng sanh. Như tụng dưới đây: "Các con đến lúc này, vui mừng hớn hở, ngồi trên xe báu này, dạo chơi khắp mọi nơi." Căn cứ vào bốn nghĩa này nên biết quả thừa và ba pháp còn lại cùng nhau chuyển vận một người. Mỗi người có bốn pháp nhân duyên hòa hợp xa lìa các bên không thể nào phá hoại được. Trừ ra điều này thì không còn gì vượt qua hay tăng thêm. Như vậy gọi là rộng lớn, rất sâu rốt ráo tướng nhất thừa chân thật. Tông chỉ sở thuyên lược thuật như vậy.

III. Thứ ba, là giải thích rõ ràng về dụng: Như phẩm Pháp Sư chép: "Tất cả Bồ-tát chứng được A-nậu Bồ-đề đều thuộc về kinh này, mở cửa phương tiện - bày rõ tướng chân thật," Văn này chính là trình bày về hoạt dụng thù thắng của kinh. Dụng có hai thứ, đó là khai và thị. Khai là mở ra cánh cổng phương tiện đi vào ba thừa, Thị là bày rõ tướng chân thật ở tại nhất thừa. Nói chung tuy là như vậy, mà trong đó có ba phần: Trước là khai, kế là là thị, thứ ba hợp lại trình bày về tác dụng của khai thị.

Trước trình bày về nghĩa khai thì có hai thứ, đó là Môn sở khai và Dụng năng khai. Môn sở khai tức là ba thừa giáo,ở đây gọi là phương tiện lược có bốn nghĩa:

1. Đức Phật nói giáo bằng trí phương tiện, dựa vào người chủ đặt thành tên gọi, gọi là phương tiện giáo.

2. Ngay giáo ba thừa khéo léo thuận theo ba cơ, giữ thừa làm tên gọi, gọi là giáo phương tiện.

3. Vì giáo Nhất thừa mà làm phương tiện trước, dựa vào đây về sau nói chánh giáo Nhất thừa, đối với chánh giáo sau gọi là phương tiện.

4. Đối với Nhất thừa lý tùy cơ nói ra phương tiện chứ không phải là chân thật nói, là nghĩa phương tiện đối với thuyết chân thật gọi là phương tiện. Dựa vào bốn nghĩa này cho nên gọi là phương tiện.

Ở đây gọi là Môn, có hai nghĩa: 1. Nghĩa xuất, vì các con theo nơi này vượt ngoài ba cõi. 2. Nghĩa nhập, lại dựa theo giáo pháp này đi vào Nhất thừa. Nhưng Môn có hai tên gọi, nếu nói là cửa nhà Phật - cửa nhà người, thì Môn chẳng phải Phật, là người, nếu nói là cửa gỗ - cửa tre, thì Môn là gỗ, là tre. Nay giáo ba thừa gọi là phương tiện Môn, thì giống như cửa gỗ - cửa tre, cửa nhà tức là phương tiện, vì vậy gọi là cửa phương tiện. Mở cửa phương tiện, phương tiện có hai nghĩa của nó, nếu lúc đối với nghĩa xuất mà nói giáo Ba thừa, thì mở mà không đóng, nếu đối với nghĩa nhập mà nói Ba thừa thì đóng mà không mở, vì tuy vượt qua ba cõi nhưng chưa đi vào Nhất thừa. Nay nói về Nhất thừa giáo thì chép: Ba là phương tiện, mới mở cửa phương tiện khiến cho đi vào Nhất thừa. Như văn kinh chép: "Nên biết rằng chư Phật dùng năng lực phương tiện, đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba". Ở đây nói là đích thực mở ra cánh cửa phương tiện, các ngôn ngữ còn lại theo đây có thể biết.

Kế là trình bày về Dụng của Thị, trong đó cũng có hai: Trước là trình bày về sở thị, tiếp là trình bày năng thị. Tướng chân thật là sở thị, nghĩa là như trước đã chép: Nhất thừa người pháp, pháp tướng thường trụ, đạo lý rốt ráo, thiên ma ngoại đạo vốn không thể nào phá hoại được, chư Phật ba đời vốn không thể nào thay đổi được. Vì nghĩa này cho nên gọi là tướng chân thật, mà không phải là ba không phải là một, không có người, không có pháp, hoàn toàn không có gì đạt được. Chánh quán như vậy mới gọi là chân thật rốt ráo Nhất thừa. Vì sao như vậy? Vì những gì có đạt được là không có đạo, không có quả, không biến động, không vượt ra, cho nên biết như trước chẳng phải là ba mà chính là một. Tướng của người năng thừa pháp sở thừa không ra ngoài bốn câu, thì có sở đắc, làm sao nói đây là tướng chân thật. Giải thích rằng: Lời nói này không phải đúng. Lý do thế nào? Vì nếu nói không phải là ba mà chính là một, không ra ngoài bốn câu nên đều có sở đắc, không phải là rốt ráo, thế thì có đạt được là sai - không đạt được gì là thích hợp cũng vào

trong bốn câu, cho nên tuy là có sở đắc cũng chẳng phải chánh quán. Nếu nói nhờ vào lời nói không có gì đạt được mà chẳng phải như ngôn nói chọn lấy không đạt được gì cho nên không đạt được gì chẳng đi vào bốn câu, thì người khác cũng nhờ vào ngôn từ giả định nói về nhất thừa mà chẳng phải như ngôn từ chọn lấy Nhất thừa cho nên nhất thừa cũng ra ngoài bốn câu. Vì vậy nên biết rằng tùy theo ngôn từ đều không phải, không giống như ngôn từ chọn lấy hai thuyết chẳng khác nhau.

Hỏi: Nếu không chọn lấy ngôn từ đều là thật, thì ba thừa giáo kia cũng chính là thật hay sao?

Đáp: Tất cả đều chấp nhận, nhưng mà có nghĩa sai khác,vì trong ba thừa giáo hoàn toàn không có ba lý, trong nhất thừa giáo chỉ thuần một lý. Ba thừa là Quyền, nhất thừa là Thật, tuy đều là một mà chẳng phải là có một, vì vậy cũng không phải là có sở đắc. Sở thị tướng chân thật đó như vậy.

Năng thị về dụng có hai loại:

1. Nêu ra khuôn phép khai mở, như lúc trước mở ra ba giáo là phương tiện, ngay nơi đó biết nhất thừa là chân thật, giống như lúc mở cửa thì nhìn thấy đồ vật bên trong.

2. Nêu ra cách khai mở khác, khác với trước đây mở ra ba giáo riêng biệt nói về nhất thừa, nghe rồi hiểu được nghĩa lý Nhất thừa; giống như dùng tay mở ra mới thấy đồ vật bên trong. Như văn kinh chép: “Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở thế gian.” Những lời như vậy đều chỉ ra tướng chân thật.

Thứ ba là hợp lại trình bày về tác dụng của khai thị. Trong một khai thị hợp lại có bốn nghĩa: 1. Dùng ba giáo trước làm thành một công dụng, vì giáo của ba thừa ở trước chính là nhất thừa giáo. 2. Lấy ba bày tỏ một, là làm cho người cửa ba thừa kia cùng đạt đến nhất thừa quả. 3. Tập trung ba trở về một, là tập trung nhân quả ba thừa đã nói trước kia trở về hướng nhất thừa lý ban đầu. 4. Phá ba lập một, là phá bỏ nơi chốn riêng biệt của ba thừa đã chấp vào đó để thành lập nghĩa cùng nhau trở về nhất thừa. Kinh này có đủ bốn công dụng cao siêu như vậy, cho nên nói mở cửa phương tiện chỉ ra tướng chân thật.

Hỏi: Sử dụng ba làm thành một, đem ba dẫn đến một, hai loại này chưa hiểu biết thì lấy gì làm chứng?

Đáp: Trong phẩm Phương tiện chép: “Phật dùng vô số phương tiện để giảng nói các pháp, pháp này đều là một Phật thừa”. Văn này chính là chứng minh cho sử dụng ba làm thành một. Lại chép: “Những chúng sinh này từ Phật nghe được pháp rốt ráo, đều đạt được Nhất-thiết-

chủng-trí”. Lời này chính là chứng minh cho đem ba dẫn đến một.

Hỏi: Tập trung ba nhân quả trở về một nguồn gốc, là ba loại ấy đều chẳng phải thật cho nên quy về một thật chăng? Hay là chỉ có hai loại chẳng phải thật cho nên quy về một thật vậy? Nếu như là loại sau thì vì sao kinh chép: “Ta có lực phương tiện khai bày chỉ ra Ba thừa pháp”. Nếu như là loại trước thì vì sao lại chép: “Chỉ là một sự thật, hai loại còn lại thì chẳng phải là chân?”.

Đáp: Hoặc có người nói rằng cả ba đều chẳng phải là thật. Như văn trước giải thích. Nhưng nói một là thật mà hai chẳng phải là chân, thì một của trong ba cùng với một không có ba, đều là Phật thừa, nói chung là thật, hai loại còn lại không cần mở ra sai khác cho nên nói chẳng phải là thật. Căn cứ vào nghĩa này, cho nên hai văn thể hiện không trái ngược nhau. Hoặc có người nói rằng chỉ có hai là chẳng phải thật, vì dựa theo văn sau. Nhưng nói Ba thừa đều là phương tiện, là từ trong một thật thêm vào hai loại chẳng phải thật hợp lại nói là ba, thì ba chẳng phải thật, giống như trong tay người thật sự có một quả cây phương tiện nói là ba, ba chẳng phải là thật, vì không có ba quả cây. Suy nghĩ mà luận về điều đó, thì một quả cây là thật, hai quả cây còn lại là phương tiện, vì chỉ có một quả cây thật sự. Như Trí Độ Luận chép: “Từ một Phật thừa mở ra làm ba phần, như người chia một đấu gạo ra làm thành ba nắm, cũng có thể nói gom ba nắm làm thành một, cũng có thể nói gom hai nắm về lúc ban đầu, gom ba hay gom hai giống như là một, nghĩa không trái ngược nhau”. Hoặc có người giải thích: Hai văn trước sau đều có ý khác nhau, không thể nào cùng hợp lại được. Vì sao vậy? Vì giáo nghĩa của Ba thừa có hai loại riêng biệt: Một là Thông giáo, hai là Biệt giáo. Biệt giáo Ba thừa thì cả ba đều chẳng phải là thật, đều là phương tiện. Vì giáo ấy nói rằng ba-tăng-kỳ kiếp chỉ tu bốn độ, trong trăm kiếp tu về nghiệp tướng hảo, trong thân sau cuối tu về định tuệ, dưới cội Bồ-đề thành tựu quả vị Vô thượng giác. Nhân quả như vậy cho là Phật thừa, vì thế Phật thừa cũng là phương tiện. Nếu luận theo Thông giáo nói về Ba thừa, thì Phật thừa là thật, chắc chắn hai thừa còn lại chẳng phải là chân. Vì giáo ấy nói rằng ở trong thập địa vốn có tu lục độ muôn hạnh tròn đầy đạt đến Nhất-thiết-trí (Tát-bà-nhã), quả Nhất-thiết-trí này không kết hợp cùng với ba đời. Nhân quả như vậy rốt ráo chân thật thì đây là Phật thừa, lẽ nào là phương tiện? Vì vậy nên biết rằng ý trong hai văn khác nhau. “ Ta có lực phương tiện khai bày chỉ ra ba thừa pháp”, là biểu hiện biệt giáo đã nói ra ba thừa. “Chỉ là một sự thật, hai loại còn lại thì chẳng phải là chân”, là đối với thông giáo đã

nói ra ba thừa, các văn còn lại đều nối thông với nhau.

Hỏi: Nếu nói nhân quả ba thừa theo biệt giáo đều là phương tiện cho nên trở về một, là trở về một nhân hay là trở về một quả?

Đáp: Đối với một Phật thừa phân biệt nói ra thành ba, tùy theo nguồn gốc đó mà trở về nhân trở về quả ban đầu. Nghĩa như vậy vì sao Thanh-văn - Duyên-giác hoặc là nhân hoặc là quả dều ở tại một nhân phân biệt làm thành hai? Như kinh giải thích: "Thanh-văn - Duyên-giác hoặc là trí hoặc là đoạn, đều là Bồ-tát vô sanh pháp nhẫn". Nên biết rằng hai loại này đều trở về một nhân, về một nhân cho nên rốt ráo đạt đến một quả. Trong giáo kia nói đến nhân quả của Phật thừa phân biệt thành phần ít Phật địa hóa thân. Như kinh giải thích: "Ta từ lúc thật sự thành Phật đến nay, trải qua trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp". Nên biết kinh ấy nói về nhân quả Phật thừa cùng trở về trong quả nhất thừa này. Nếu có Bồ-tát dựa vào giáo ấy cho nên hướng về Phật dưới cội Bồ-đề phát tâm tu hành, thì nguyện hạnh như vậy hướng về một nhân, vì giống như hàng nhị thừa kia chưa đến nơi quả. Nối thông với nhau mà nói thì phải làm thành bốn câu: 1. Dùng nhân phương tiện trở về nhân chân thật, đó là nhân Bồ-tát và nhân nhị thừa. 2. Dùng quả phương tiện trở về quả chân thật, đó là ở dưới cội Bồ-đề thành tựu vô thượng giác. 3. Dùng nhân phương tiện trở về quả chân thật, đó là thực hành Bồ-tát hạnh trước khi thành Phật dưới cội Bồ-đề. 4. Dùng quả phương tiện trở về nhân chân thật, đó là quả vô học của người hàng nhị thừa. Thâu nhiếp chung vào bốn câu như vậy, theo đó nói về hội ba quy một.

Hỏi: Trong giáo phương tiện có thừa trời người, vì sao không tụ hội hai thừa này mà chỉ tụ hội ba thừa kia?

Đáp: Nói là tụ hội ba cũng thâu nhiếp cả hai thừa này. Vì sao như vậy? Vì trong giáo Pháp Hoa giải thích: "Ba thừa có hai loại: Một là được ví dụ bằng ba xe, xem trong phẩm Thí Dụ. Hai là ba loại cỏ được thấm ướt, xem trong phẩm Dược Thảo. Nghĩa này thế nào? Đó là hai thừa nhân thiên hợp lại thành tiểu thừa, giống như cây thuốc nhỏ, Thanh-văn, Duyên-giác gọi là Trung thừa, giống như cây thuốc loại vừa, dựa vào biệt giáo kia phát tâm Bồ-tát, nói tên gọi là Đại thừa, giống như cây thuốc loại lớn. Hội tụ ba thừa này chính là thuộc về năm thừa. Nhưng Nhân Thiên thừa hội tụ nhân mà không hội tụ quả, quả là vô ký, cho nên không làm thành một nhân. Nhân thiện pháp của nhân thiên có hai công năng, báo nhân công năng cũng không hội tụ nơi đó, vì có thọ chấm dứt, Đẳng lưu nhân dụng thì nay hội tụ, vì không có thọ chấm dứt. Hội tụ nghĩa của nhân này vào trong câu thứ nhất.

Hỏi: Hội tụ ba quy về một thì nghĩa đó đã lộ rõ, phá bỏ ba thành lập một làm sao có thể biết được?

Đáp: Muốn biết nghĩa này, thì phải có mở rộng có tóm lược. Tóm lược mà nói thì phá bỏ bốn thứ của ba:

1. Chấp ba giáo chắc chắn không phải là phương tiện.
2. Chấp ba người chắc chắn là hướng về khác nhau.
3. Chấp ba nhân cảm ứng khác nhau.
4. Chấp ba quả rốt ráo khác nhau.

Phá bỏ bốn thứ tướng của sở chấp này, loại trừ bốn thứ kiến năng chấp kia, cho nên thiết lập nhất thừa chân thật. Đó là lập một giáo thì phá bỏ ba giáo, lập một người thì phá bỏ ba người, lập một nhân thì phá bỏ ba nhân, lập một quả thì phá bỏ ba quả, lập một lý tánh nối thông với nhau phá bỏ tất cả bốn thứ của ba, vì bốn thứ đều là lý nhất thừa như nhau. Sơ lược giải thích như vậy. Luận bàn một cách rộng rãi về điều đó, là phá trừ mười thứ chấp của phàm thánh, nói về bảy loại thí dụ và ba bình đẳng, nghĩa này đến phần thứ sáu ở sau sẽ giải thích. Phần thứ ba giải thích về dụng đã xong.

IV. Thứ tư, giải thích tên gọi đề kinh: Vốn có bảo lưu âm tiếng Phạm, phải gọi là Tát Đạt Ma Phân Đà Lợi Tu-đa-la, Hán dịch là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Nói về Diệu Pháp thì sơ lược có bốn nghĩa: 1. Xảo diệu, 2. Thắng diệu. 3. Vi diệu. 4. Mầu nhiệm.

- *Nói về Xảo diệu*: Kinh này khéo léo mở cửa phương tiện, khéo léo dứt trừ kiến chấp ba thừa, khéo léo chỉ ra tướng hoàn toàn chân thật, khéo léo phát sinh một trí tuệ hoàn hảo. Dùng bốn nghĩa này mà làm quỹ phạm chân thật cho nên gọi là Diệu Pháp.

- *Nói về Thắng diệu*: Kinh này có thể tuyên bày cho tất cả Phật pháp, có thể chỉ ra tất cả thần lực, có thể hiển bày tất cả bí tạng, có thể nói ra tất cả sự việc sâu xa. Vì bốn nghĩa này rất là kỳ diệu thù thắng cho nên gọi là Diệu pháp. Như phẩm Thần Lực chép: "Lấy điều cốt yếu mà nói thì tất cả các pháp vốn có của Như-lai, tất cả thần lực tự tại của Như-lai, tất cả kho tạng bí mật của Như-lai, tất cả sự việc rất sâu xa của Như-lai, đều từ kinh này tuyên bày rõ ràng biểu hiện một cách hoàn hảo", nên gọi là Diệu pháp.

- *Nói về Vi diệu:* Kinh này nói về quả nhất thừa, chẳng có diệu đức nào mà không trọn vẹn, chẳng có tạp nhiễm nào không sạch sẽ, không có nghĩa lý nào không cùng tận, chẳng có thế gian nào mà không vượt qua. Vì bốn nghĩa này cho nên gọi là Pháp vi diệu. Như phẩm Thí Dụ chép: "Thừa này vi diệu thanh tịnh bậc nhất, vượt lên trên các thế gian

không có gì hơn được”,cho nên nói là Diệu Pháp.

- *Về mầu nhiệm*: Kinh này đã nói về pháp tướng nhất thừa, rộng lớn bao la sâu xa vô cùng, vượt khỏi ngôn từ bặt dứt nghĩ suy. Vì bốn nghĩa này nên trở thành pháp mầu nhiệm. Như phẩm Phương tiện chép: “Pháp này không thể nào chỉ ra, tướng ngôn ngữ văn từ bặt dứt, các loại chúng sanh khác, không có ai có thể hiểu được.” Trong bốn nghĩa này, pháp xảo diệu - thắng diệu là năng thuyên và dụng lập thành tên gọi, nghĩa vi diệu - mầu nhiệm từ sở thuyên về tông làm thành đề mục. Hợp lại mà nói, bao gồm đầy đủ như vậy. Xảo - thắng - vi - tuyệt có mười sáu nghĩa kỳ diệu, là khuôn phép không hai của ba đời chư phật khắp mười phương. Vì nghĩa này cho nên gọi là Diệu Pháp. Tên gọi của Diệu pháp sơ lược giải thích như vậy.

Dụ về liên hoa có riêng có chung. Chung thì hoa này chắc chắn có đủ bốn thứ là: Hoa, nhị hoa, đài hoa và hạt, hợp lại thành đóa hoa rất tuyệt vời dụ cho kinh này có đủ bốn nghĩa diệu hợp lại thành một bộ kinh, nên gọi là Diệu Pháp. Tách biệt mà nói thì có bốn nghĩa: 1. Chủng loại hoa sen có bốn loại, trong đó Phân Đà Lợi là loại hoa sen trắng, tươi sáng rõ ràng, hoa nỡ thì hạt bày rõ, dụ cho kinh này sáng tỏ rõ ràng mở thông quyền biểu hiện Thật một cách khéo léo tuyệt vời. 2. Hoa này gồm có ba tên gọi, lúc chưa nở gọi là Khuất Ma La, lúc sắp tàn gọi là Ca Ma La, ở trong thời gian đã nở mà chưa tàn thì xòe rộng tròn đầy gọi là Phân Đà Lợi, dụ cho kinh này vào lúc hưng thịnh căn cơ Đại thừa đang phát khởi sung mãn để tuyên bày chỉ rõ giáo gợi mở nồng nàn pháp thù thắng vi diệu. 3. Hoa này không phải là dứt khoát lìa xa ra khỏi nước bùn, mà cũng chính ngay nơi nước bùn hương thơm vẫn đầy đủ thuần khiết với mọi vẻ đẹp hoàn hảo, dụ cho kinh này đã nói về Phật thừa vượt ra ngoài bùn lầy của phiền não, xa lìa biển cả của sanh tử, tròn đầy mọi công đức vô cùng vi diệu. 4. Hoa này không hẳn chịu đựng giữa vùng nước sâu nước rộng, mà cũng chính là ngay nơi bùn sâu nước rộng nhưng không dính một giọt nước, không vương chút bụi bẩn, dụ cho kinh này nói về nhất thừa là pháp môn rộng lớn, đạo lý rất sâu xa, lìa ngôn từ bặt suy nghĩ thật vô cùng mầu nhiệm. Y cứ vào bốn nghĩa này có cùng chung diệu pháp, dựa theo dụ này để đặt tên gọi của đề kinh.

V. Thứ năm, là nói thuộc về giáo nào: Kinh Pháp Hoa này thuộc về giáo, là liễu nghĩa hay là bất liễu nghĩa? Có chỗ nói: Kinh này là bất liễu nghĩa. Vì sao như vậy? Vì phần lớn giáo pháp của Phật có ba pháp luân:

1. Hữu tướng pháp luân, là chỉ Thanh-văn thừa phát tâm hướng về,

dựa vào tướng trạng bốn đế mà xoay bánh xe pháp, như kinh A-hàm...

2. Vô tướng pháp luân, chỉ vì Bồ-tát thừa phát tâm hướng về dựa vào tánh không của pháp mà xoay bánh xe pháp, như kinh Bát-nhã...

3. Vô tướng vô thượng pháp luân, vì tất cả ba thừa phát tâm hướng về, dựa vào tánh không của các pháp vốn không có tự tánh mà xoay bánh xe pháp vô thượng vô tướng, như kinh Giải Thâm Mật... Trong này hai loại trước là bất liễu nghĩa, loại thứ ba là chân liễu nghĩa. Nghĩa này đầy đủ như luận kia giải thích mở rộng. Kinh Pháp Hoa này là thuộc về loại thứ hai vô tướng pháp luân. Như kệ giải thích rằng: "Các pháp từ xưa đến bây giờ, tướng thường tự vắng lặng, Phật tử thực hành đạo thuần thục, đời vị lai nhất định thành Phật." Vì vậy nên biết rằng đã thuộc về vô tướng pháp luân thứ hai. Đã thuộc về pháp luân thứ hai, là bất liễu nghĩa. Nghĩa này chính là lấy hai văn làm chứng cứ: Tức là kinh Giải Thâm Mật chép: "Bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh-văn xưa nay hướng về vắng lặng, tuy được chư Phật lập cho các loại gia hạnh dũng mãnh để phương tiện hóa đạo, nhưng rốt ráo không thể nào làm cho hướng về ngồi nơi đạo tràng chứng được vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Vì sao? Vì người kia từ trước đến nay chỉ có chủng tánh thấp kém, thường từ bi bạc nhược, thường sợ hãi các nỗi khổ đau, cho đến nói rộng ra." Đối pháp luận chép: " Chúng sanh ý vui mừng vì được thỏa mãn. Người vui mừng cực độ, như là hạng chủng tánh bất định lìa bỏ ý vui mừng thấp kém, được thọ ký là Đại Thanh-văn sẽ có thể thành Phật. Lại nói về nhất thừa, hoàn toàn không có thứ hai." Xét rằng: Kinh ấy đã nói là rốt ráo chân thật liễu nghĩa, nói rằng Thanh-văn vĩnh viễn không thành Phật, thì biết Pháp Hoa nói rằng các Thanh-văn sẽ được thành Phật, là phương tiện mà nói chứ không phải là nói về liễu nghĩa. Vì vậy A-tỳ-đạt-ma luận chép: "Là thuận theo ý vui mừng của chúng sanh mà nói, chứ không phải là thẳng thắng nói về đạo lý chân thật" Tu-đa-la thì lấy văn làm căn bản, A-tỳ-đạt-ma lấy lý làm căn bản. Vì có hai loại chứng cứ rõ ràng như vậy, nên biết rằng nhất thừa giáo của Pháp Hoa chắc chắn không phải là nói về rốt ráo liễu nghĩa. Hoặc có người nói rằng: Kinh Pháp Hoa là rốt ráo liễu nghĩa. Vì sao như vậy? Vì giáo môn đã nói suốt một đời của Như-lai, sơ lược thâu nhiếp không ra ngoài ba loại pháp luân. Những gì là ba loại? Đó là :1. Căn bản pháp luân; 2. Chi mạt pháp luân; 3. Nhiếp mạt quy bổn pháp luân.

Căn bản pháp luân: Đó là lúc Phật mới thành đạo mở pháp hội Hoa Nghiêm vì Bồ-tát mở rộng thiết lập pháp môn một nhân một quả gọi là thời giáo căn bản. Nhưng hàng độn căn phước ít vì quá sâu sắc

nên không thể nghe nổi pháp môn một nhân một quả, đối với một Phật thừa phân biệt nói ra ba pháp, gọi là thời giáo chi mạt. Hơn bốn mươi năm nói ba thừa giáo rèn luyện nuôi dưỡng tâm tánh chúng sanh, nay đến hội Pháp Hoa mới có thể tập hợp ba quy về một, tức là thời giáo nhiếp mạt quy bổn như phẩm Tín Giải chép: "Trưởng giả ngồi nơi toà sư tử, quyến thuộc vây quanh, bày ra vô số vật báu", chính là chỉ về giáo căn bản của Hoa Nghiêm. "Gọi con không được cho nên bí mật sai hai người, cởi y phục giá trị mặc quần áo rách rưới dơ bẩn", đó là giáo chi mạt ẩn kín một nói ra ba thời giáo. "Như trưởng giả giàu có biết được tâm của con mình thấp kém đã được hàng phục mới dạy cho đại trí," đó chính là giáo nhiếp cành quy gốc. Các pháp môn như vậy khắp nơi đều có văn, nên biết hai giáo đầu và cuối trong này cùng nói về giáo pháp rốt ráo liễu nghĩa này. Giáo thứ hai thì đối với một nói ra thành ba, đều là phương tiện nói về bất liễu nghĩa. Để thành tựu nghĩa này, chứng cứ rõ ràng có hai: 1. Tu-đa-la. 2. Tỳ-đạt-ma. Trong Tu-đa-la thì sơ lược dẫn ra ba văn:

1. Như phẩm An Lạc Hạnh chép: "Kinh Pháp Hoa này có năng lực làm cho chúng sanh đến được Nhất-thiết-trí. Tất cả thế gian phần nhiều oán trách khó tin, trước đã chưa nói đến nay mới nói, là giáo nói bậc nhất của các đức Như-lai, ở trong các giáo nói thì giáo nói này là sâu xa nhất, rốt ráo ban cho giống như vị vua hùng mạnh kia bảo vệ hạt minh châu đã lâu nay mới ban cho".

2. Phẩm Hóa Thành chép: "Là chư Phật phương tiện phân biệt nói ra ba thừa, chỉ có một Phật thừa mà tùy duyên nói hai".

3. Kinh Thắng man chép: "A-la-hán - Bích-chi-Phật, bốn trí rốt ráo đạt đến cảnh xứ yên nghỉ, cũng là Như-lai nói ra phương tiện hữu dư bất liễu nghĩa này". Những văn như vậy không thể thuật ra hết được. A-tỳ-đạt-ma thì sơ lược dẫn ra văn ba nơi: Pháp Hoa luận chép: "Hai loại Thanh-văn quyết định tăng thượng mạn, vì căn chưa thuần thục cho nên Phật không thọ ký cho, mà Bồ-tát thọ ký cho, Bồ-tát thọ ký cho vì phương tiện làm cho phát tâm". Trí Độ luận giải thích: "Hỏi: A-la-hán do nhân duyên đời trước đã thọ nhận thân tất nhiên sẽ phải hoại diệt, trụ tại nơi nào mà đầy đủ Phật đạo? Đáp: Lúc đạt đến A-la-hán, nhân duyên các lậu ba cõi đã hết, lại không tiếp tục sanh vào ba cõi, có Đức Phật thanh tịnh lập tức xuất hiện ở tại ba cõi, cho đến không có tên gọi của phiền não, ngay sau đó cõi Phật thành lập được nghe kinh Pháp Hoa có đầy đủ Phật đạo". Bảo Tánh luận chép: "Hỏi: Nói rằng hạng Xiển-đề không có tánh Niết-bàn thường không vào Niết-bàn được, nghĩa này

thế nào? Vì muốn chỉ ra rõ ràng nhân tố phỉ báng đại thừa. Điều này trình bày về nghĩa gì? Vì muốn hồi chuyển tâm phỉ báng đại thừa - tâm không cầu đại thừa, dựa vào vô lượng thời gian, cho nên khởi lên nói như vậy, vì hạng kia thật sự có tánh thanh tịnh". Dựa vào những văn này, nên biết các giáo nói có nhị thừa chắc chắn không thành Phật, và những lời giải thích về vô tánh hữu tình đều là phương tiện nói về bất liễu nghĩa, như nói nhất thừa lại không có thứ hai, tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật. Kinh điển như vậy là chân liễu nghĩa.

Hỏi: Nếu tồn tại nghĩa của sư trước, thì văn đã dẫn ra của sư sau làm sao hòa hợp?

Các sư ấy cùng chép: Các giáo nhất thừa đã nói ra các văn, đều vì bảo vệ cho hạng bất định tánh kia, đều là phương tiện, cho nên không trái ngược nhau. Văn trong Pháp Hoa luận và Bảo Tánh luận, cũng là thuật rõ ý của phương tiện giáo sau. Văn trong Trí Độ luận giải thích A-la-hán sanh ở tịnh độ, là dựa theo hàng Thanh-văn bất định chủng tánh, vì vậy đạo lý cũng không trái ngược nhau. Hỏi: Nếu tồn tại nghĩa của sư sau, thì những dẫn chứng trước đó làm sao có thể thông suốt? Các sư ấy cùng chép: Kinh Giải Thâm Mật chép: "Rốt ráo không thể nào làm cho hướng về ngồi nơi đạo tràng chứng được vô thượng chánh đẳng Bồ-đề", là rõ ràng quyết định sẽ nhập vô dư vĩnh viễn không thể nào làm cho không nhập vô dư thẳng đến chứng được vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Vì vậy nói là xưa nay hướng về vắng lặng. Nhưng hàng Thanh-văn kia lúc nhập vô dư, trụ tám muôn kiếp hoặc trụ sáu muôn - bốn muôn - hai muôn kiếp, sau đó phát tâm đi vào đại thừa sanh trong tịnh độ có đầy đủ Phật đạo. Nếu như luận về người chủng tánh bất định, thì chỉ trụ trong phạm vi hữu dư y mà đi vào đại thừa. Như Du-già luận giải thích rõ ràng, vì vậy kinh ấy cũng không trái ngược nhau. Văn trong đối pháp luận chép: Nhất thừa giáo là phương tiện là thuật rõ ý của ba thừa quyền giáo mà không phải là nói về đạo lý rốt ráo. Như người kia chấp vào ba thừa chép: Mười lăm loại hữu lậu vô ký ấy, là dựa theo thô tướng cảnh giới mà nói, chứ không phải là đạo lý chân thật rốt ráo. Vì vậy nên biết trong đối pháp luận hoặc có văn thuật về phương tiện giáo, căn cứ vào đạo lý này thì không có gì trái nhau.

Hỏi: Hai sư thông suốt một chứng cứ trái nhau, thì vị nào là thật vị nào là hơn?

Đáp: Đều là kinh luận, có gì là không thật? Vì sao như vậy? Vì ý bảo vệ cho người xưa nay hướng về vắng lặng, thì giống như sư trước đã thông suốt là thật, ý bảo vệ cho người có chủng tánh bất định, thì

như sư sau đã giải thích là thật, đều làm cho mọi căn cơ cùng được hòa hợp thông suốt. Nếu dựa vào đạo lý mà phân định xem người nào hơn kém, thì nghĩa của sư trước hẹp hòi mà lại thiếu, vì sư ấy nói Phật không ở khắp mọi nơi, còn nói nhị thừa rốt ráo sẽ đoạn diệt. Nghĩa của sư thứ hai thì rộng rãi mà lại đầy đủ, với nghĩa hẹp hòi thiếu sót ở trước thì nghĩa đó có thể biết. Vậy thì lấy nghĩa hẹp hòi thiếu sót để lãnh hội văn rộng rãi đầy đủ, văn sẽ làm cản trở cho sự lãnh hội, sử dụng nghĩa rộng rãi đầy đủ dung nạp văn hẹp hòi thiếu sót, thì văn hẹp hòi sẽ không cản trở gì đến nghĩa, do đó sẽ dễ dàng lãnh hội. Căn cứ vào lý lẽ này thì sư sau giải thích là hơn. Vì vậy nên biết kinh Pháp Hoa này chính là giáo rốt ráo liễu nghĩa. Nay dựa vào nghĩa này để nối chung các văn, các văn trái ngược nhau để được thông suốt dễ dàng. Vì sao như vậy? Vì trong các giáo liễu nghĩa rốt ráo không có giáo nào không nói đến phương tiện bất liễu nghĩa. Như trong kinh Giải Thâm Mật giải thích rằng: “Tất cả Thanh-văn - Duyên-giác - Bồ-tát như nhau cùng chung một đạo pháp thanh tịnh mầu nhiệm này, đều cùng chung một giáo nghĩa thanh tịnh rốt ráo này”. Đạo lý như vậy là tông chỉ của kinh ấy, cho nên kinh ấy là chân liễu nghĩa, mà kinh ấy giải thích rằng hàng Thanh-văn hướng về vắng lặng rốt cuộc chẳng có thể được ngồi nơi đạo tràng. Những văn như vậy là phương tiện mà nói ra, là ý bảo vệ cho Thanh-văn có chủng tánh quyết định, cho nên thực hiện phương tiện này nói về bất liễu nghĩa. Y cứ vào lý này nói tánh của tất cả chúng sanh đều bình đẳng, cho nên vì điều đó mà nói ra giáo pháp bất liễu nghĩa. Hai văn như vậy không hề trái ngược nhau. Vả lại, trong kinh Pháp Hoa này giải thích: “Vì hàng nhị thừa, hóa hiện rõ ràng khu thành quý báu, đã dừng nghỉ, rốt ráo dẫn lối đến quả Phật”. Dựa vào lý lẽ này để nói ra nhất thừa, thì kinh này là rốt ráo liễu nghĩa. Kinh này cũng có nói đến bất liễu mghĩa, vì thẳng thắn nói chỉ có nhất thừa chứ không có nhị thừa - không có ba thừa, văn này vì hàng đại thừa Bồ-tát nên chắc chắn nói là không có Thanh-văn hướng về vắng lặng, mà thật sự thì chẳng thể không có hàng nhị thừa hướng về trong cảnh giới vắng lặng. Vì vậy nói không có là nói phương tiện. Căn cứ vào lý này thì luận đối pháp nói là giáo phương tiện, cũng có đạo lý.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

QUAN ÂM HUYỀN NGHĨA

SỐ 1726

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1726

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA

Đại sư Thiên Thai Trí Giả Đời Tùy, nói
Học trò là Quán Đảnh ghi.

QUYỂN THƯỢNG

Pháp giới viên dung tượng vô sở tượng, chân như thanh tịnh hóa vô sở hóa, tuy tượng vô sở tượng nhưng chẳng có gì mà không giống, hóa vô sở hóa nhưng chẳng có gì mà không hóa, cho nên thân không ở đâu, mà không đâu chẳng ở, hóa hiện ứng khắp chín đường, ở nơi Hữu mà không vắng lặng hẳn nhập vào ý chỉ Không hai. Đó là vì ba nghiệp chí thành cầu mong thoát khỏi bờ khổ, bốn hoằng nguyện lời thề khiến cho được hưởng vui hướng thượng, vì vậy ở thế giới Ta bà được tên gọi Vô úy, nơi Phật Bảo Tạng nhận lãnh gọi là Quán Âm, đã thành tựu Chánh giác gọi là Chánh Pháp Minh, kế là Bổ xứ, gọi là Phổ Quang Công Đức, bổn tích đó như vậy há có thể suy lường biết được sao? Phương tiện tùy duyên hướng về nêu một tên gọi đó thôi.

Nay nói Quán Thế Âm, chính âm của Tây thổ gọi là A-da-bà-lâu-cát-đê-thâu, Hán dịch là Quán Thế Âm, tức năng Sở viên dung gồm đủ, thông suốt có - không. Soi chiếu tận cùng chánh tánh. Xét kỹ ngọn ngành nên gọi là Quán, Thế Âm là cảnh sở quán, muôn tượng lưu động cách sai khác nhau, âm loại xướng lên khác nhau đều được nương nhờ lìa khổ, Bồ-tát từ bi rộng lớn trong một lúc cứu giúp rộng khắp, đều khiến cho giải thoát nên gọi là Quán Thế Âm. Đây chính là cảnh trí cùng nêu, năng sở hợp lại đề cử. Kinh là do nghĩa, văn, lý thể hiện phát khởi đan xen thành tâm (điểm) của người tu hành, nên gọi là Kinh. Phổ Môn: Phổ nghĩa là của rộng khắp, Môn là năng thông, dùng một thật

tướng khai bày mười cửa rộng khắp, không có gì ngăn ngại cách trở nên gọi là Phổ Môn. Phẩm là loại cũng có nghĩa tương tự thuận theo nhau nên gọi là Phẩm. Đại Bộ đã có năm chương trình bày nghĩa, nay Phẩm cũng giải thích điều này, có năm ý: 1. Giải thích tên gọi. 2. Nêu ra Thể. 3. Nói về tông. 4. Nói về Dụng. 5. Giáo tướng.

Giải thích tên gọi chia làm hai: 1. Giải thích chung. 2. Giải thích riêng. Chung là người - pháp hợp lại để trình bày, riêng khác là người - pháp đều nói. Vì sao như vậy? Vì duyên có lợi - độn nên nói có mở rộng - tóm lược.

Nay giải thích chung chia làm bốn: 1. Nêu ra tên gọi. 2. Thứ lớp. 3. Giải thích. 4. phân biệt.

Nêu ra tên gọi có mười nghĩa để giải thích chung. Vì sao như vậy? Vì chí lý thanh tịnh không có danh, không có tướng chẳng phải pháp, chẳng phải người, vượt qua các số lượng chẳng phải một, hai, ba, chỉ diệu lý như hư không thông suốt trong có danh tướng mà mượn danh tướng nói, cho nên lập ra danh của vô danh tạm gọi là người và pháp. Tuy chẳng phải số lượng mà cũng nói về số lượng, vì thế Đại Luận chép: “Bát-nhã là một pháp mà Phật nói thành nhiều loại tên gọi, tùy theo các loại chúng sanh đặt tên tên gọi khác nhau”.

Ở đây nói sơ lược dùng mười nghĩa để giải thích ý chung. Mười nghĩa ấy là: 1. Người pháp. 2. Từ bi. 3. Phước tuệ. 4. Chân ứng. 5. Dược châu. 6. Hiển, ẩn, 7. Quyền thật. 8. Bổn tích. 9. Duyên liễu. 10. Trí đoạn. Nói về thứ lớp ấy ở đây có hai ý: Một là dựa theo quán để trình bày thứ lớp, hai là dựa theo Giáo để trình bày thứ lớp. Dựa theo Quán thì toàn bộ tâm ban đầu - chặng giữa - sau cuối đều là nhân trọn vẹn quả đầy đủ. Dựa theo Giáo thì bao gồm các kinh Đại - Tiểu - Tiệm - Đốn. Dựa theo Quán lấy người pháp làm đầu là muốn trình bày thực hành quán chắc chắn phải có người mà người đó phải đúng theo pháp, Ví như người chịu một kỳ hạn quả báo thu nhận ấm trở thành con người, tuy có đủ vô lượng đức hạnh nhưng nhất định phải trước nêu lên tên “Người”. Vì vậy đặt người và pháp ở đầu, ý cũng như thế, người pháp đặt ở đầu trong chín nghĩa có thể như vậy, đâu có ý theo dùng người pháp làm thứ hai căn? Điều này cần phải y cứ theo kinh, kinh chép: “Vì nhân duyên này mà gọi là Quán Thế Âm”, tức là nói về người trước, sau chép: “Nhờ năng lực phương tiện thị hiện Phổ Môn”, tức là lại nói về pháp mà con người có khả năng nắm giữ pháp, cho nên nói là người pháp. Kế đến nghĩa hai là từ bi. Vì người của Quán Âm quán sát đối với pháp thật tướng của Phổ Môn, đạt đến lý thật tướng chẳng phải người - chẳng

phải tất cả chúng sanh cũng giống như thế, cho nên Hoa Nghiêm chép: "Tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không có sai khác, lý này đầy đủ trọn vẹn không có thiếu hụt giảm bớt". Vì sao lý chúng sanh đầy đủ mà tình mê điên đảo khổ não? Đã quán sát là mình thì phát khởi từ bi thề nhổ sạch khổ đau ban cho an vui, vì thế cho nên nói về từ bi. Lại nữa, hoặc xét theo lời nói tiện lợi, thì ban đầu Từ và sau là Bi, cũng là xác định bản hòai của Bồ-tát là muốn đại từ ban cho niềm vui. Đã không được vui sướng thì kế đó đại bi nhổ sạch khổ đau, cho nên ban đầu là Từ về sau là Bi. Nếu theo sử dụng thứ lớp, thì ban đầu dùng đại bi dứt trừ khổ đau, sau đó mới dùng đại từ ban cho niềm vui. Lại căn cứ ở hành thì trước tiên thoát khổ sau mới được vui, cho nên trước là Bi sau là Từ. Nay thuận theo thứ lớp của nghĩa trước. Ba là Phước tuệ là ban đầu thì người là pháp cùng thành tựu, ở đây y cứ tín làm nền tảng, kế thì từ bi ban cho và dứt trừ ấy là xét theo nguyện, muốn viên mãn nguyện này chắc chắn cần phải tu hành, tu hành không ngoài phước tuệ, Tuệ chính là Bát-nhã - Phước tức là năm độ, giúp đỡ dẫn dắt lẫn nhau để thực hành thuận theo nguyện - sự lý trọn vẹn đầy đủ. Nếu trí tuệ tăng thêm rõ ràng thì nghĩa đại bi thệ nguyện viên mãn - dứt trừ khổ đau khéo thành. Nếu phước đức sâu dày thì nghĩa đại thệ nguyện đầy đủ - ban cho niềm vui khéo thành. Vì vậy phước tuệ đặt ở thứ ba thì lại nữa, lời nói là thuận tiện, trước tiên là phước - sau đó là tuệ. Nếu bản ý hóa cảm người khác trước tiên muốn lợi ích tuệ chân thật, nếu họ không kham nổi phước đức. Lại giúp đỡ cho nên trước tiên là phước, vì dẫn dắt nên trước là tuệ. Bốn là Chân ứng: Nếu trí tuệ chuyển biến sáng tỏ thì phù hợp với pháp tánh, pháp tránh tức là tên gọi thật tướng, là pháp thân. Pháp thân đã hiển bày thì có khả năng thuận theo chân mà khởi ứng thân, chân hiển bày ứng thì khởi hiện chỉ căn cứ vào phước tuệ mở phát, cho nên thứ lớp ở thứ tư. Lại nữa, nếu căn cứ phương tiện hóa vật, thì trước dùng ứng sau dùng chân, nay thuận theo nghĩa trước làm thứ lớp. Năm là trình bày về hai thân thuộc và châu - trước nói về chân ứng, mới thẳng nói về chứng đắc chưa trải qua lợi người. Nay trình bày hai thân đều có thể ích lợi cho người khác. Chân thân phá trừ chấp tướng? Dụ như dược, ứng thân đối với muôn cơ tương tự như châu. Ngay nơi hai chữ đã nói về thứ lớp tương tự so với từ bi. Sáu là trình bày về ẩn hiển - Trước đây trình bày đạo lý hai thân tức là có khả năng hiển rõ lợi ích, nay giải thích được duyên được lợi ích thầm kín hoặc được lợi ích lộ rõ, cho nên kế là trình bày sau hai thân. Bảy: Nói về quyền thật - Trước đây duyên được lợi ích ý nào khác nhau? Bởi quyền xảo không giới hạn phương, hợp cơ thỏa

đáng một đủ, lực của hai Trí không bỏ lỡ thích nghi, cho nên lấy điều này làm thứ tư vậy. Trước Quyền sau Thật ấy là ở đây xét theo cạn sâu làm thứ lớp. Nếu dựa vào văn kinh thì trước dùng Thật ích kế là dùng Quyền độ, ở đây tùy theo vật làm thứ lớp. Nếu căn cứ bổn ý của Phật, trước tiên chỉ vì một đại sự nhân duyên, trước hết hiển bày Thật ích, chúng sanh chưa thể lãnh hội thì sau sử dụng Quyền độ. Tám: Nói về bổn tích - Tuy là khéo léo Quyền Thật lợi ích cho chúng sanh mà khéo léo có hơn, kém chắc chắn là trí bổn tích thượng trung hạ khác nhau, Quyền Thật sơ lược mà lại rộng, nay muốn phân định tinh tế cao thấp để trình bày thứ lớp địa vị. Nếu Bổn đó cao thực hiện Tích của Quyền Thật thì diệu. Vì thế cho nên kế sau là sơ lược chung biện nói về khả năng tinh tế vi diệu đó. Chẳng phải bản không do đâu hiện Tích tích cho nên trước hết nói về Bổn, chẳng phải Tích không lấy gì hiển Bổn cần phải trước Tích. Chín là: Nói về liễu nhân duyên nhân - Trên đây người thực hành phát tâm tu hành thuận theo nhân sẽ được quả, hóa tha lợi vật cạn sâu không giống nhau, từ người - pháp đến chân ứng là thứ lớp tự hành, từ Dược châu đến Bổn tích là thứ lớp hóa tha. Đây chính là lần lượt luận không phải là trở lại bàn về nguồn gốc. Nay bắt nguồn hạt giống tánh đức, nếu người quán trí bi tâm thệ nguyện, trí tuệ trang nghiêm hiển bày rõ ra Chân thân, đều là Liễu nhân làm hạt giống. Nếu là pháp Phổ Môn Từ tâm thệ nguyện, phước đức trang nghiêm biểu hiện rõ ra ứng thân, đều là duyên nhân làm hạt giống, cho nên thứ lớp đường thứ chín. Mười - Nói về trí đoạn.

- Trước trình bày về duyên liễu là lùi lại bàn về nguồn gốc của nhân, nay nói về trí đoạn là lần lượt nói về rốt ráo. Ban đầu thì phát khởi từ liễu nhân cuối cùng thì Bồ-đề đại trí. Ban đầu thì phát khởi từ duyên nhân cuối cùng thì Niết-bàn đoạn đức. Nếu đi vào Niết-bàn thì các hành dừng nghỉ, cho nên ở thứ mười.

- Hai là dựa theo các giáo nói về thứ lớp ấy, lại chia làm Thông giáo Biệt giáo riêng. Nghĩa Thông giáo có thể hiểu, Biệt giáo nay sẽ nói. Như Hoa Nghiêm đốn giáo - giáo tên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, dựa vào đề ban đầu nói về người - pháp, người này nắm giữ pháp chắc chắn có tâmtừ bi, Bồ-tát tu nhân rõ ràng ở phước tuệ, đã ở vị nhập địa chắc chắn chứng đạt chân ứng, đã có thể lợi ích chúng sanh thì giải thích về Dược châu. Vật được lợi ích đó có ngầm kín có hiển rõ, mà chưa được nói về tách biệt Quyền thật - Bổn tích - Duyên liễu - Trí đoạn. Nghĩa chung thì có, ý riêng thì không, vì sao như vậy? Vì một thời kỳ hóa độ chúng sanh của Phật trình bày đối với đốn tiệm,

đốn giáo tuy có nói mà tiệm giáo chưa nói rõ, do đó không nói về bốn ý. Sở dĩ không nói là vì kinh đó nói. Tiểu thừa ngăn cách với Đại thừa như điếc như câm, che lấp Quyền này chưa hiển rõ Thật, cho nên chép: "Lặng yên lâu đây làm chính, không cần vội nói ra", vì vậy nói không có Quyền thật. Nói không có bổn tích ấy là kinh kia chưa gợi mở dấu tích của thân sanh trong vương cung vua, dấu vết của Pháp thân vắng lặng nơi đạo tràng, chưa có búng ngón tay, tằng hắng biểu hiện bổn của hai thân Sanh và Pháp đã đạt được từ lâu xa, do vậy nói không có Bổn tích. Nói không có duyên liễu trí đoạn ấy là không nói về căn tánh Tiểu thừa và hạng có tâm, bổn tự có nhân thường trụ, sẽ khắc có quả căn bản trí đoạn Bồ-đề, vì thế nói là không.

Kế là dựa theo giáo Ba tạng, chỉ nói về ba nghĩa người pháp, từ bi, phước tuệ, không có bảy loại như chơi ứng v.v... Vì sao như vậy? Vì trong giáo của Nhị thừa chỉ nói về thân đoạn, diệt trí, đâu được từ chân khởi ứng. Đã không có chân ứng thì lấy gì lợi ích vật? Riêng hỏi: Luận chung đầy đủ mười - nói riêng chỉ có ba, ba đây nếu dựa theo chân đế thì tùy nghĩa Thông mới có thể đầy đủ mười ý, sao chỉ là ba? Nếu nói là riêng, riêng cần hai dựa theo Trung đạo. Đã có thể có ba loại người pháp - Trung đạo, ý gì không có bảy? Riêng trả lời: Luận chung mười ý đây là dựa theo ba thừa, Nói riêng ba khoa đích thị là căn cứ vào Bồ-tát. Tam Tạng Bồ-tát có thể có nghĩa từ bi - phước tuệ hàng phục nghi hoặc. Đã hàng phục mà không dứt trừ cho nên không có bảy loại chân ứng... Sư chép: Giáo như nhau chỉ có ba. Nếu dựa theo Phương Đẳng giáo đối với Tiểu thừa nói về Đại thừa, có thể có sáu ý như Trung đạo - Đại thừa - người pháp đến hai lợi ích thầm kín và hiển lộ... nhưng còn đeo mang phương tiện điều hòa thành thục chúng sanh, do đó không được nói ra bốn ý về Quyền thật... Nếu nói về giáo Bát-nhã, tuy chưa hội nhập người Tiểu thừa, mà đã hội nhập pháp Tiểu thừa đều là Ma-ha Diễn, chi nói về sáu ý như người pháp... cũng còn mang phương tiện chưa nói về Quyền Thật v.v... Nếu xét theo giáo Pháp Hoa đã hội nhập người Tiểu thừa, ông thật sự là con ta - ta thật sự là cha ông, sở hành của các ông là đạo Bồ-tát, bỏ quyền, bày Thật, phát khởi Bổn hiển rõ Tích, liễu nghĩa chắc chắn không còn nghi ngờ trở ngại. Do đó biết Pháp Hoa có thể nói lên tám ý từ Trung đạo người pháp cho đến Bổn tích các giáo trước vốn không trình bày đến Pháp Hoa mới nói ra, cho nên chép: "Chưa hề hướng về người nói ra việc như vậy: Nay đã nói ra chính là nay đã vì ông nói ra sự việ chân thật nhất". Chư Phật ba đời điều phục, thuần thục chúng sanh, đại sự nhân duyên rốt ráo tròn đầy ở Pháp Hoa. Vì thế hai

muôn Đức Phật Đăng Minh chỉ nói về Pháp Hoa dứt hóa mà nhập diệt, Ca-diếp Như-lai cũng giống như vậy. Nếu dựa theo Niết-bàn, tức là có hai thứ gọi là lợi - độn. Như người Thân tử đều ở thời giáo Pháp Hoa mà ngộ nhập, tám nghĩa đầy đủ không đợi đến thời giáo Niết-bàn. Nếu đệ tử độn căn đối với Pháp Hoa chưa hiểu ra, lại vì người này quay lại bàn về lý do, nói rộng về duyên liễu trình bày ba Phật tánh. Nếu nói về hạt giống Liễu nhân tánh đức, tu đức tức là thành tựu Bát-nhã, rốt ráo chính là thành tựu trí đức Bồ-đề. Hạt giống duyên nhân tánh đức, tu đức thành tựu giải thoát đoạn đức Niết-bàn. Nếu tánh đức chẳng phải duyên chẳng phải liễu thì đó là chánh nhân, hoặc tu đức thành tựu, thì là Pháp thân ba điểm không dọc không ngang, cho nên biết đều là thời giáo Niết-bàn đã nói. Quay lại nói về trước sau tám pháp thành tựu trí - đoạn, mười nghĩa đầy đủ, đây là trải qua năm vị nói về thứ lớp mười pháp. Dựa theo bốn giáo thì có thể hiểu, cho nên biết mười pháp thuộc về quán, giáo kết hợp gôm lấy trước sau. Nói lược về đại ý, quán nào mà không thâu nhiếp - giáo nào mà không thu nhận, ý khí rộng xa. Nghĩa vị sâu thẳm, trước sau có thứ lớp, thô tế không trái nhau, lấy giải thích sanh khởi ý.

Hỏi: Giáo trước Pháp Hoa có sáu ý sao nói là khác nhau?

Đáp: sáu ý trong Hoa Nghiêm, đối với người lợi căn, trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn trở thành vị sữa. Ba ý trong ba tạng, đối với người lợi căn tinh tế lìa bỏ - đối với người độn căn trở thành vị lạc. Sáu ý trong Phương Đẳng, đối với người lợi căn trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn thành vị bơ sống. Sáu ý trong Bát-nhã, theo người lợi căn trở thành vị đề hồ - đối với người độn căn thì trở thành vị bơ chín. Nếu tám ý trong Pháp Hoa, đối với người độn căn thì thành vị đề hồ.

- Ba là Giải thích: Người tức là người do giả danh mà thành, pháp tức là pháp năm ấm năng thành. Người pháp ở đây nối chung phàm Thánh. Nếu sắc thọ tưởng hành thức là pháp thế gian thấp hèn, nắm lấy tất cả pháp này có thể trở thành con người sanh tử, giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến, là pháp xuất thế, nắm lấy tất cả pháp này trở thành bậc Thánh xuất thế, cho nên Đại Luận chép: "Chúng sanh vô thượng ấy là Phật, pháp vô thượng ấy là Niết-bàn". Tuy nối chung phàm Thánh nhưng chẳng thể không có sai khác, thượng trung hạ ác thì trở thành người pháp của ba đường, thượng trung hạ thiện thì trở thành người pháp của đường thiện, do đó có sáu đường khác nhau về tầng bậc. Nếu nói tinh tế thì có trăm ngàn muôn chủng loại, cho đến người pháp thuộc bậc Thánh cũng không như nhau. Hoặc như Hữu môn

của giáo Ba tạng, xét chúng sanh, ta, người như lông rùa sừng thỏ suy cho cùng không thật có, chỉ có pháp năm ấm, đây chính là nhân không mà pháp bất không. Quán xét pháp này sanh diệt vô thường không dừng lại, phát sanh các địa vị như Noãn - Đảnh v.v... tức là nắm lấy tất cả pháp phương tiện thành tựu bậc Hiền tương tợ đạo. Nếu phát khởi chân thật thành Thánh sanh trong cõi Phương tiện hữu dư, nắm lấy các pháp tánh sắc thức v.v... thì thành tựu người thực hành ở cõi đó. Hoặc như Không môn trình bày thể của pháp thật có, nắm lấy thật pháp này đắc con người với tên gọi hữu giả, quán xét ba giả huyễn dối hội nhập không bằng Noãn - Đảnh tức là nắm lấy pháp phương tiện trở thành bậc Hiền tương tợ đạo. Nếu phát khởi chân thành bậc vô học sanh về cõi phương tiện, nắm lấy các pháp tánh năm ấm thành tựu người thực hành ở cõi đó. Hai môn người, pháp còn lại theo như đây có thể biết. Trong Ma-ha diễn nói về người pháp, cũng chẳng nói nhân không - pháp bất không, cũng không nói Thể hữu, Dụng giả, chỉ quán xét giả danh ấm nhập v.v... tánh vốn tự là không, cho nên kinh Đại Phẩm chép: "Sắc tánh như ngã tánh - ngã tánh như như sắc tánh. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng ở hậu tâm, thường quán xét người pháp đều không". Vì vậy Đại Luận chép: "Bồ-tát thường quán xét Niết-bàn hành đạo", vì quán xét nhân không tức là hạt giống liễu nhân, tức như Luận chép: "Chúng sanh vô thường là Phật, Phật tức là Giác, Giác là trí tuệ. Đầu tiên giác ngộ người không - sau giác ngộ pháp không". Vì thế biết quán xét người không là hạt giống liều nhân vậy. Quán xét pháp không là hạt giống duyên nhân - Đại Luận chép: "Pháp vô thượng là Niết-bàn, vì ấm sanh tử đoạn diệt nên ấm Niết-bàn khởi lên". Đại Kinh chép: "Vì diệt sắc nên được sắc thường còn, cho đến thức cũng vậy". Kinh Đại Phẩm chép: "Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã đạt được vô đẳng đẳng sắc - vô đẳng đẳng thọ - tưởng - hành – thức" nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng, Nắm bắt pháp này thì trở thành chúng sanh vô thượng, gọi là Phật". Do đó biết quán xét pháp không là hạt giống duyên nhân. Vì quán xét người - pháp không tức là nhận biết ba thứ Phật tánh, cho nên Đại Kinh chép: "Phật tánh của chúng sanh không tức là sáu pháp - không lìa sáu pháp. Không tức là: Ở đây nói về Chánh nhân Phật tánh chẳng phải ấm - chẳng phải ngã, chẳng phải ấm nên chẳng phải pháp, chẳng phải ngã nên chẳng phải nhân chẳng phải nhân nên chẳng phải liễu, chẳng phải ấm nên chẳng phải duyên. Vì vậy nói không tức là sáu pháp. Chẳng lìa sáu pháp là chẳng lìa chúng sanh không mà có liễu nhân, chẳng lìa ấm không mà có duyên nhân, do đó nói không lìa sáu pháp. Phật từ sơ phát

tâm quán xét người - pháp không, tu tập ba Phật tánh, trải qua sáu Tức vị thành tựu sáu Tức người - pháp. Nay Quán Thế Âm chưa phải nhân - pháp rốt ráo, tức là người - pháp phần chứng.

Trước một lần hỏi đáp là phân chia giải thích người vô thượng gọi là Quán Thế Âm. Sau một lần hỏi đáp là phân chia giải thích thu nhận pháp vô thượng cho nên gọi là Phổ Môn. Nên biết rằng vì người pháp - nhân duyên, cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ hai là giải thích về Từ bi: Bi là thương xót - Từ là ái niệm. Mẫn cho nên dứt trừ khổ đau - niệm nên ban cho niềm vui. Nếu Bồ-tát chỉ phát khởi tâm từ bi không vững chắc, do đó cần phải phát khởi hoằng thệ gia trì khiến cho vững bền, ví như người thợ thủ công tạo ra đồ vật công đoạn tuy là tương ứng nếu không dán keo sơn quét thì có rơi rụng, thệ nguyện như dán keo cũng giống như vậy. Bi tâm thương xót, dứt trừ nhân quả khổ tập cho thế gian phát triển hai thệ nguyện, đó là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô lượng thệ nguyện dứt. Hai thệ nguyện này từ đại bi tâm khởi lên, vì yêu thương, muốn ban cho niềm vui nhân quả xuất thế của Đạo Diệt nên phát triển hai thệ nguyện, đó là pháp môn vô biên thệ nguyện biết, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Hai thệ nguyện này từ tâm đại từ khởi lên. Nhưng trước dây nói về người pháp - thuộc phàm Thánh có khác, nay giải thích về từ bi - đại tiểu cũng khác nhau. Nếu người tu hành giáo Ba tạng thì quán phần đoạn sanh già bệnh chết và tám khổ lập tức phát khởi thệ nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Nếu quán xét phần đoạn điên đảo kết nghiệp bèn phát khởi thệ nguyện: Phiền não vô lượng thệ nguyện dứt. Muốn cho chúng sanh quán xét nhân quả vô thường này sanh diệt lưu động trong từng niệm, tu tập hướng về đạo phẩm lập tức phát khởi thệ nguyện: Pháp môn vô lượng thệ nguyện tri. Nếu quán xét lý vô vi của chân đế thì lập tức phát khởi thệ nguyện: Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. Như thế, từ bi duyên với Tứ đế Hữu tác mà khởi. Kế là thông giáo quán xét già chết và tám khổ như huyễn như hóa, chúng sanh điên đảo nói là chân thật liền phát khởi thệ nguyện, tham sân si v.v... như huyễn như hóa, chúng sanh điên đảo vì đó phải chịu phiền não liền phát khởi thệ nguyện, quán tức sắc là không - tức thức là không, tức tham sân si dầu là không, chẳng phải sắc diệt đi là không mà tánh của sắc tự là không, không cũng chẳng thật có, mà chúng sanh không thể "tức sắc là không" liền phát khởi thệ nguyện. Lại quán Niết-bàn nếu có một pháp nào hơn Niết-bàn thì cũng nói pháp ấy như huyễn

hóa, nhưng chúng sanh nói là có Phật đạo, để cầu, liền phát khởi thệ nguyện, là dựa theo Tứ đế vô sanh phát khởi từ bi thệ nguyện. Biệt giáo quán xét pháp giả danh sum la muôn tượng, thuận theo cần phải phân biệt dẫn dắt lợi ích cho chúng sanh, đâu thể chìm nơi không chấp ở chứng. Quán quả khổ này không phải chỉ có một loại liền phát khởi thệ nguyện, khổ vô lượng vì vô lượng tập, tập đã vô lượng thì đối trị cũng vô lượng, diệt cũng vô lượng. Thệ nguyện như vậy, duyên theo nội giới ngoại giới- nhân quả khổ tập - vô lượng Tứ đế mà phát khởi thệ nguyện. Viên giáo quán xét pháp giới viên dung, vốn chẳng phải trái chẳng phải thuận - chẳng sáng rõ chẳng mờ tối - vì vô minh tối tăm thì trái, trái thì có nhân quả khổ tập. Vì trí tuệ sáng tỏ thì thuận, thuận thì có nhân quả đạo diệt. Duyên theo nhân quả trái thuận này mà khởi lên từ bi, ví như đá nam châm không khởi tâm tưởng mà tùy ý hút sắt. Nay từ bi này không khởi chúng sanh cho đến pháp tưởng, tự tại dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui, nên gọi là Từ bi vô duyên. Bồ-tát thuận theo sơ phát tâm tu tập Từ bi vô duyên trải qua sáu Tức vị, nay Quán Âm này là phần chứng từ bi. Nếu một lần hỏi đáp trước đây nói về Vô duyên đại bi bạt khổ, một lòng xưng niệm danh hiệu liền được giải thoát, thì một lần hỏi đáp sau đó thuận theo Vô duyên đại từ Phổ Môn ban cho niềm vui, đều khiến cho được độ. Vì thế biết vì nhân duyên đại từ bi cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ ba là giải thích về phước tuệ: Cũng gọi là Định tuệ, Định gọi là tĩnh ái - Tuệ gọi là quán sách. Đại Luận chép: “Định yêu thương tuệ thúc đẩy, trí vắng lặng soi chiếu chẳng tối tăm nào không sáng sủa, như gương sáng treo cao giữa nhà, phước đức thiền định thuần thục sâu dày giúp đỡ phát ra, như đèn sáng dầu sạch, cũng gọi là mắt chân đầy đủ được đi vào hồ thanh lương, hồ chính là Niết-bàn, Niết-bàn gọi là hai thứ trang nghiêm - trang nghiêm Pháp thân”. Giải thích về định tuệ này đương nhiên có nhiều loại. Tam tạng dùng vô thường quán xét lý làm Tuệ, dùng các thiền định trong sự làm phước, dùng định giúp đỡ tuệ phát khởi lý chân vô lậu thiên nhiên gọi là pháp thân. Thông giáo chỉ dùng Thể pháp khác quay về phân tích pháp này. Như Biệt giác dùng duyên tu trí tuệ và các thiền định giúp đỡ khai bày Trung đạo Pháp thân. Viên giáo dùng thật tướng quán xét làm tuệ, thật tướng định vắng lặng làm phước, cùng hiển bày lý chẳng phải định chẳng phải tuệ, gọi là thật tướng Pháp thân. Nay Viên giáo Bồ-tát, thuận theo sơ phát tâm tu tập định tuệ không hai này trải qua nơi sáu Tức, Quán Âm sở dĩ dùng trí sáng soi chiếu khổ đau vì khổ là điên đảo mê hoặc mà gây nên, trí

tuệ là pháp phá trừ mê hoặc, cho nên trí tuệ có thể dứt trừ khổ đau. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Lại phát ra ánh sáng gọi là trí tuệ, lại phát ra ánh sáng gọi là vô não, suy nghĩ ích lợi cũng như vậy". Thỉnh Quán Âm chép: "Phát ra ánh sáng thanh tịnh diệt trừ rộng khắp si ám tối tăm". Vì vậy biết hỏi đáp trước đây thuận theo căn cơ dứt trừ đau khổ, là từ nơi tuệ trang nghiêm để được tên gọi, hỏi đáp sau đó trú nơi Thủ lăng nghiêm hiện rõ sắc thân rộng khắp, không khởi lên diệt định hiện rõ oai nghi này, an thiền ngàn bài kệ khen ngợi các đấng Pháp Vương, vì thế biết Phổ Môn thị hiện từ phước đức mà được tên gọi, vì phước tuệ nhân duyên nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ tư giải thích về Chân ứng: Chân là không giả tạo không lay động, ứng là xứng hợp vừa vặn với căn duyên, Tập Tạng gọi là thân. nếu khế hợp với lý Thật tướng không giả tạo không lay động, ngay đó có thể xứng hợp cơ duyên mà cảm ứng, ví như nắm dùng gương thì hình bóng liền hiện ra, chân ứng như vậy không lìa nhau được. Nếu ngoại đạo tác ý tu thần thông tuy có thể biến hóa, ví như gạch đá thì hình ảnh cảnh vật không hiện rõ, chẳng lẽ đây có thể là ứng hay sao? Vẫn còn chưa phá trừ bốn Trụ, biểu hiện về chân lý nghiêng lệch sao bỗng nhiên có chân ứng Trung đạo được? Nếu Nhị thừa biến hóa tu thần thông đã đạt được thì điều này cũng chẳng phải ứng, ví như bức họa tác ý mới thành tựu rõ ràng không giống nhau. Đại Thừa không như vậy, đạt được Thật tướng chân ví như được gương sáng, không cần phải tác ý mà cảnh sắc hình tượng trong pháp giới lập tức đối diện lập tức cảm ứng; giống như gương miêu tả cảnh tượng khác với chân không, lúc này mới gọi là Chân tịch thân ứng. Bồ-tát thuận theo sự phát tâm trải qua nơi sáu Tức, nay Kinh - trước hỏi đáp nói về chân tịch mà không lay động lợi ích lớn cho pháp giới, Quán Âm từ chân thân mà được tên gọi. Hỏi đáp sau đó nói thuận theo cơ duyên lợi ích rộng rãi ẩn hiện nhiều hạng mục, Phổ Môn là từ ứng thân mà được tên gọi. Bởi do nhân duyên chân ứng, nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ năm là giải thích về thân Dược Thọ Vương và thân Như Ý Châu Vương: Dược Vương chữa trị tai họa khổ đau, "xuất xứ từ kinh Nại Nữ", Châu là vật báu như ý. Trải qua các giáo mở rộng trình bày trị bệnh có được vật báu, nay dựa theo Viên giáo nói về điều ấy, như kinh Hoa Nghiêm chép: "Có cây thuốc thượng hạng - rễ cây đó đi sâu vào - cành lá phân bố bốn phía, thân rễ cành lá đều dùng để chữa bệnh, nghe mùi hương - chạm vào thân đều được lợi ích, Bồ-tát cũng như vậy, đại bi xông ướp thân hình - âm thanh lợi ích chúng sanh gọi là Đại

Dược Vương. Thân lại giống như ngọc Như ý. Ngọc châu có thể tuôn ra châu báu như mưa khắp đại thiên tùy ý mà không cùng không tận, Bồ-tát đại từ xông ướp thân ban cho chúng sanh niềm vui, gọi là Như ý Châu Vương. Thân này cũng dựa theo sáu Tức mà phân định địa vị". Chính ở lần hỏi đáp trước khắp nơi cứu giúp mọi u ách khổ nạn, đây là từ thân Dược Vương để được tên gọi. Từ lần hỏi đáp sau đó xứng hợp thỏa đáng các mong cầu, mưa xuống cơn mưa thật tướng đạt được niềm vui Niết-bàn, đây là tử thân Như Ý Châu Vương để được tên gọi. Do đó biết nhân duyên hai thân gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ sáu giải thích về hai lợi ích ẩn và hiển: Ẩn là kín đáo bí mật - Hiển là rõ ràng lộ ra. Bậc Đại Thánh thường dùng hai lợi ích làm cho tất cả yên ổn, mà chúng sanh cho đến phàm phu ngày ngày sử dụng nhưng không biết, ví như mặt trời mặt trăng soi sáng thế gian, người mù tuy không nhìn thấy mặt trời mặt trăng nhưng thực tế chịu ân mặt trời, mặt trăng sâu sắc. Vì thế Dược Thảo Dụ chép: "Nhưng các loài cỏ cây không hay không biết chỉ cùng là một đất, sanh ra loài dưới thấp không biết loại trên cao có hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ. Như Văn Thù không biết thần lực của Diệu Âm thật hiện ra, vì không biết cho nên gọi là lợi ích ngầm kín". Đây là cứng dựa theo sáu Tức phân định địa vị. Nếu ngay lần hỏi đáp trước kia, không thấy hình dạng âm thanh mà bí mật chịu sự giúp đỡ sâu sắc, gọi là lợi ích ngầm kín. Lợi ích của bậc Thánh tuy không thể biết rõ, mà bậc Thánh muốn làm cho biết thì loài côn trùng có thể biết. Như lần hỏi đáp sau tự mình nhìn thấy sắc thân được nghe nói pháp, nghe nhìn rõ ràng pháp ích lợi hiển nhiên, cho nên biết Quán Âm từ lợi ích ngầm kín mà được tên gọi, Phổ Môn từ lợi ích hiển lộ mà được tên gọi. Vì nhân duyên ẩn hiển này nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ bảy giải thích về Quyền thật: Quyền là tạm thời sử dụng - Thật là chẳng phải tạm thời sử dụng. Sơ lược mà nói thì quyền thật có ba loại: 1. Tự hành nói về quyền thật, tự quán xét Trung đạo là thật - hai quán là quyền. 2 . Ngay hóa tha mà nói về quyền thật, căn tánh mỗi người không như nhau, hoặc nói quyền là thật - nói thật làm quyền, không có thể phân định chắc chắn, chỉ dựa theo ý người khác để trình bày quyền thật. 3. Tự hành hóa tha kết hợp trình bày quyền thật: Nếu tự quán xét ba đế có quyền có thật, đều gọi là thật, hóa tha thuận theo duyên cũng có quyền có thật, đều gọi là quyền. Sử dụng ba nghĩa này trải qua bốn giáo, lại ngay nơi tự hành quyền thật nói về sáu tức để phân định địa vị. Tìm ý phẩm này là trình bày tự hành hóa tha nói về

quyền thật, trước đây hỏi đáp thuận theo thật trí của tự hành hóa tha để lợi ích chúng sanh, hỏi đáp sau thuận theo quyền trí tự hành hóa tha để lợi ích chúng sanh. Do đó biết nhân duyên quyền thật nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ tám giải thích về bổn tích: Bổn gọi là thật sự đạt được - Tích gọi là cảm ứng hóa hiện. Nếu chung đường thực hiện bổn tích ấy, thế trí của phàm phu bổn ý khó suy lường, cho đến bổn tích của Biệt giáo. Nếu Viên giáo phát tâm từ vô thỉ, ban đầu phá trừ vô minh vốn đạt được Pháp thân ấy gọi là Bổn, lưu truyền hình bóng trăm ức cao thấp không quy định gọi đó là Tích. Hoặc xưa nay phân định chân ứng, phần nhiều sử dụng vị trí trên cao làm chân làm bổn, vị trí dưới thấp làm ứng làm tích, từng vị trí truyền nhau thực hiện phân định này, chân - bổn chỉ căn cứ vào nơi cao, ứng - tích chỉ nhằm vào nơi thấp. Nghĩa lý này không thích hợp. Nay trình bày tường tận về bổn tích thì khác nhau so với chân ứng. Bổn là thực sự đạt được, bắt đầu ngồi ở đạo tràng cho đến Sơ Trụ đã đạt đước Pháp thân tức là Bổn, Tích là Phật ở địa bậc trên cho đến làm Bồ-tát địa bậc trên đều gọi là Tích, không thể vì địa bậc trên là cao cho nên xưng đó là Bổn, mới đạt được địa vị Sơ Trụ xem đó là Tích, tại vì sao? Vì thật sự không đạt đến địa bậc cao - địa bậc cao chẳng phải là Bổn, thật sự đạt được địa bậc thấp - địa bậc thấp chẳng phải là Tích. Do đó Thọ Lượng chép: "Tùy ý mình - tùy ý người khác, là ý Bổn Tích, ngay nơi Bổn Tích trình bày sáu Tức". Chính nơi lần hỏi đáp trước không thể nói rõ, chỉ kín đáo giúp đỡ người trước, thuận theo địa vốn có mà được tên, lần hỏi đáp sau hình trạng khác nhau cảm ứng hóa hiện mà độ thoát, thuận theo địa dấu tích mà được tên gọi. Vì thế biết nhân duyên bổn tích cho nên gọi là quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ chín giải thích về liễu nhân, duyên nhân: Liễu là biểu hiện phát ra - Duyên là cung cấp giúp đỡ. Cung cấp giúp đỡ cho Pháp thân phát ra biểu hiện rõ ràng. Liễu chính là trí quán Bát-nhã, cũng gọi là tuệ hành chánh đạo trí tuệ trang nghiêm. Duyên chính là giải thoát, hành hạnh trị đạo phước đức trang nghiêm. Đại Luận chép: "Một người có thể làm cỏ - một người có thể gieo trồng, gieo trồng dụ cho duyên - làm cỏ dụ cho liễu, nói chung về giáo thì các giáo đều đầy đủ nghĩa duyên liễu". Nay đích thực trình bày hai thứ nhân trang nghiêm của Viên giáo, Phật có đủ hai thứ quả trang nghiêm, bắt đầu nhân quả này căn bản chính là tánh đức duyên liễu. Tánh đức này vốn tự có chẳng phải thích hợp trước mắt. Đại Kinh chép: "Tất cả các pháp vốn tánh tự là không, cũng vì Bồ-tát tu tập về Không cho nên thấy các pháp không,

tức là liễu nhân vốn tự có sẵn”. Lại chép: “Tất cả chúng sanh đều có vị thiền Sơ Địa”. Tư ích chép: “Tất cả chúng sanh chính là định Diệt tận”. Đây chính là hạt giống duyên nhân vốn tự có sẵn. Dùng hai thứ phương tiện này tu tập dần dần tăng trưởng, phát khởi từ đầu mút lông tơ mà đắc thành - tu tập được như hai cánh tay ôm đại thụ. Ma-ha Bát-nhã định Thủ Lăng Nghiêm. Một khoa này không nói về sáu Tức, chỉ dựa sát vào nghĩa tánh đức căn bản này. Lần hỏi đáp trước thuận theo hạt giống liễu nhân mà được tên gọi. Lần hỏi đáp sau thuận theo hạt giống duyên nhân mà được tên gọi.Vì vậy biết liễu nhân duyên nhân nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Thứ mười là giải thích về trí đoạn: Ý tất cả các nơi, Trí chính là đầy đủ công đức hữu vi, cũng gọi là Niết-bàn tròn đầy thanh tịnh. Nói công đức hữu vi, tức là nhân thời trí tuệ. Có nghĩa của soi chiếu sử dụng tu tập thành tựu cho nên gọi là hữu vi, nhân tuy vô thường nhưng quả thì thường. Đem nhân đến gọi là quả cho nên nói là đầy đủ công đức hữu vi. Đoạn tức là đầy đủ công đức vô vi, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là phương tiện tịnh Niết-bàn. Nói vô vi ấy là, nếu Tiểu chỉ chọn lấy phiền não diệt - vô vi đoạn, chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra không được giải thoát tất cả; đây chính là đoạn đức của thể Không. Đại Thừa là đoạn của Thể hữu, không chọn lấy diệt vô vi đoạn, chỉ chọn lấy tùy theo những nơi điều phục chúng sanh, điều ác không thể vấy nhiễm, từ ngoài vào trong tùy ý tự tại không còn trói buộc, gọi là Đoạn Đức. Dựa vào tên gọi công đức vô vi này, nên kinh Tịnh Danh chép: “Không dứt trừ si ái mà Phát khởi các minh thoát”. Lại chép: “Ở nơi các kiến giải không lay động mà tu ba mươi bảy phẩm, ái kiến là hầu hạ, cũng gọi là Như-lai chủng, cho đến năm vô gián đều sanh khởi giải thoát, không có gì vấy nhiễm ngăn trở gọi là giải thoát tất cả, tức là Đoạn đức vô vi; vắng lặng mà thường soi chiếu tức là Trí đức”. Tiểu thừa nguội thân bặt trí, đã không có thân đó thì lấy gì đi vào sanh tử, mà lại nói về điều phục không ngăn trở không vấy nhiễm? Diệt trí nơi nào soi chiếu vắng lặng? Trí đoạn như vậy tròn đầy cùng cực cho nên Pháp thân nổi bật, chính là tròn vẹn nghĩa lý ba loại Phật tánh. Pháp thân đầy đủ tức là chánh nhân đầy đủ chẳng phải nhân chẳng phải quả, cho nên nói ẩn kín gọi là Như-lai Tạng - biểu hiện gọi là Pháp Thân, tuy chẳng phải là nhân mà gọi là chánh nhân, tuy chẳng phải quả mà gọi là Pháp thân. Đại Kinh chép: “Chẳng phải nhân - chẳng phải quả gọi là Phật tánh”, chính là chánh nhân Phật tánh này. Lại nói: “Là nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh”, tức ở đây y theo tánh đức duyên liễu đều gọi là nhân.

Lại chép: "Là quả chẳng phải nhân gọi là Phật tánh", ở đây y theo tu đức duyên liễu đều đầy đủ, liễu chuyển sang gọi là Bát-nhã - duyên chuyển sang gọi là Giải Thoát, cũng gọi là quả Bồ-đề, cũng gọi là quả Đại Niết-bàn, quả đều gọi là quả. Phật tánh thông suốt đối với nhân quả không dọc không ngang. Thời tánh đức, thời ba nhân không dọc không ngang - quả đầy đủ gọi là ba đức. Cho nên, Phổ Hiền Quán chép: "Nhân Đại thừa là thật tướng các pháp, Đại thừa quả cũng là thật tướng các pháp. Trí đức đã đầy đủ vắng lặng mà thường soi chiếu, tùy theo cơ lập tức ứng hiện nhất thời giải thoát, đoạn đức điều phục khắp nơi, đều khiến cho được độ". Lần hỏi đáp trước thuận theo phần Trí đức đầy đủ mà được tên gọi, lần hỏi đáp sau thuận theo phần đoạn đức đầy đủ mà được tên gọi. Do đó mà biết dùng nhân duyên Trí - Đoạn gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Hỏi: Mười nghĩa này là tên gọi xuất xứ từ kinh khác, làm sao có thể sử dụng để giải thích phẩm này?

Đáp: Nghĩa Đại Thừa tất cả các kinh cùng sử dụng, nếu không chấp nhận điều này Phật tánh xuất xứ từ Niết-bàn, năm trụ - hai tử xuất xứ từ Thắng-man, các Sư đâu có thể sử dụng liên thông tất cả các kinh hay sao! Phẩm này văn tuy không có mười tên gọi, tập hợp đem hai lần hỏi đáp viết nên ý mười nghĩa, rõ ràng như vậy có thể hiểu, Nay cũng như trước, lại điểm riêng từng câu một để chứng minh mười nghĩa ấy, như văn chép: "Vì sao tên là Quán Thế Âm?" Lại chép: "Vì nhân duyên này tên là Quán Thế Âm". Chính là y cứ gọi Người. Văn sau chép: "Phổ Môn thị hiện", tức là nói về Pháp. "Có những lực oai thần to lớn lợi ích thêm cho nhiều nơi như vậy", tức là Từ. "Thượng cho bốn chúng" tức là Bi. Muốn biết trí đang nói, mười chín hiện thân nói pháp tức là Trí tuệ. "Trong một lúc lễ lạy được lợi ích về phước đức vô lượng vô biên", tức là Phước đức. "Nghiệp tự tại", chính là Pháp thân. Vì sao như vậy? Vì Pháp thân tự tại ở khắp, trí tuệ phù hợp với điểm này cho nên gọi là Nghiệp. Thọ Lượng chép: "Ánh sáng trí tuệ vô lượng vốn đã đạt được nghiệp do tu tập lâu xa, sức oai thần to lớn như vậy. Như Thị là tên gọi đầy đủ tất cả, tức là Nhơn thân. "Phổ Môn thị hiện sức thần thông", tức là ứng thân. "Đi qua các cõi nước độ thoát chúng sanh", tức là Dược Thọ Vương thân. "Ở trong tai nạn nguy cấp kinh hãi luôn ban cho sự không sợ hãi", tức là Như Ý Châu Vương thân. "Phước không hư dối", tức là lợi ích ngầm kín. "Ba mươi ba thân", tức là lợi ích hiển rõ. "Hiện thành thân Phật", tức là thật trí. Hiện bày các thân khác tức là Quyền trí. Thân của Quán Âm chính là Bổn các thân khác tức là Tích,

còn sức thần thông to lớn là Bổn, lực phương tiện là Tích. “Người nghe danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát này” giống như người có nghe Phẩm này, tức là chứng thật Liễu nhân, “Công đức không phải là ít”, tức là Duyên nhân. “Không đồng ý nhận” vì thường hành xả bỏ, cho đến “Lập tức quan sát âm thanh đó”, quán sát tức là Trí, “Đều được giải thoát” là các loại điều phục chúng sanh. “Tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm”, là lợi ích tức là đoạn.

- Thứ tư là phân biệt: Hỏi: Người đối với Quán Âm, Pháp đối với Phổ Môn, Phương Đẳng có Phổ Môn Pháp Vương tử nêu lên đối với tên gọi con người, nghĩa này giống nhau thế nào? Đáp: Điều này phải làm thành bốn câu phân biệt, người chẳng phải pháp, pháp chẳng phải người, người chính là pháp, pháp chính là người. Nếu dựa theo Hoa Nghiêm thì ý thứ lớp về địa, trước sanh tử người thực hành chưa là pháp Thật tướng, pháp này cũng chẳng phải người kia. Hoặc làm thành ý không thứ lớp ấy, người chính là Thật tướng - Thật tướng chính là người, người và pháp chẳng phải hai. Như Hữu Môn ba tạng trình bày không có người giả tạm mà chỉ có Thật pháp, pháp này chẳng phải người. Như Không Môn thu nhận Thật pháp thành người giả tạm, người và pháp là hai đối tượng khác nhau, hoặc ở đó không lìa người mà nói về pháp - không lìa pháp mà nói về người. Đây chính là ý hai đế chẳng phải người pháp của Trung đạo. Nếu Phương Đẳng đối với Tiểu thừa trình bày Đại thừa nói về người pháp, thì trình bày Tiểu thừa giống như Ba tạng - trình bày Đại thừa giống như Hoa Nghiêm, Bát-nhã - Niết-bàn v.v... trình như vậy. Nay trong Phương Đẳng nói về Phổ Môn, chính là ý Đại thừa. Nay trình bày Phổ Môn là pháp, sao có thể có pháp mà không có người? Nơi kia trình bày Phổ Môn là người, làm sao có thể chỉ có người mà không có pháp? Nơi này thì người và pháp cùng nêu ra, kinh kia nêu ra người - nơi này nêu ra pháp như vậy. Ví dụ như Tiểu thừa trình bày Thân Tử là Trí tuệ bậc nhất, các đệ tử khác đều y cứ pháp môn khác nói bậc nhất. Vốn dùng trí tuệ dứt hoặc chứng chân vô lậu, người khác không có tuệ sao có thể vào đạo? Đã đạt được đạo quả thì quả là biết có tuệ, nhưng tất cả nêu ra Sơ môn đó phân biệt gọi là bậc nhất, ví như lưỡi dao cắt đứt đồ vật cần phải dựa vào sống dao mới có hiệu quả sử dụng, các tâm sở như sống dao mà tâm sở trí tuệ như lưỡi dao; nay nghĩa Phổ Môn cũng như vậy, chỉ dùng pháp nhân duyên cho là tên gọi của Phổ Môn, làm sao có thể không có người liễu nhân ư? Nếu gộp lại thuận theo Quán Âm nêu lên tên gọi ấy, thì điều này thông suốt khắp nơi, muốn làm cho Thế đế không rối loạn nên cùng nêu ra tên gọi khác nhau. Như thân

đầy đủ sáu căn chỉ gọi là mắt tịnh ý tịnh, há có thể không có căn khác hay sao? Phân biệt về từ bi: Hỏi: Nếu đại bi cứu khổ - khổ trừ đi tức là được vui, đại từ cho vui, vui đến tức là trừ khổ, ý sao phân ra hai? Đáp: Luận chung như vậy - riêng khác thì không phải thế. Ví như trừ bỏ tội ở nơi ngục tù, không ban cho năm trần, thì thân tuy tránh khỏi đau đớn mà căn tình chưa vui vẻ, đây chỉ là cứu khổ không gọi là cho vui. Còn như ban cho năm trần ở nơi ngục tù, tai mắt tuy vui thích mà không gọi là trừ khổ, vì thuận theo nghĩa riêng khác đều hiển rõ một bên, do đó riêng nói riêng như vậy. Hỏi: Trong này ý gì mà không nói về hỷ xả? Đáp: Bốn vô lượng tâm về tên gọi tuy có bốn nhưng là ba nghĩa. Đại kinh chép: "Ưu tất xoa - Tất xoa gọi là xả", xả ấy là hai cái xả, tức là ý của không hai - chẳng phải từ chẳng phải bi, không hai mà hai tức là từ bi. Hỷ là từ vui sanh ra hỷ ban đầu muốn ban vui, chúng sanh đau khổ sâu nặng không thể được vui thì không có gì đáng hoan hỷ. Nếu trừ khổ xong hết tức là có thể được vui, trở lại toại nguyện bản hoài cho nên sau vui thêm vào hỷ, sau khổ đau không có điều này vì thế không khai mở hỷ. Như A Du Gia Vương bảy ngày phải chết, tuy có niềm vui của năm dục nhưng buồn rầu đau khổ trĩu nặng tâm tư, lại như một thân ít chấp nhận khổ não có thể đoạt lấy niềm vui của một thân; do đó biết khổ sâu nặng không có thể vui vẻ. Hỏi: Thiền chi trình bày hỷ ở trước - chi Lạc ở sau, lại nói thế nào? Đáp: Thiền chi chính là từ nơi thô đi vào tế, trong này chúc mừng người kia được vui vẻ cho nên tâm hỷ ở sau. Lại nữa, ngoại đạo tu bốn vô lượng tâm tự chứng thiền định, dấy lên ý tưởng chuyển vận rỗng không, ở kia không có ích lợi thật sự, không thể khiến cho người khác trừ đau khổ đạt được niềm vui, tuy tự mình được định mà pháp thế gian luống dối, mà báo hết trở lại đọa không tránh khỏi nơi khổ đau, tự mình và người khác đều không lợi ích. Nếu nhị thừa tu bốn vô lượng tâm thì chỉ mình trừ đau khổ đối với người khác không ích lợi gì, tự mình trừ phần đoạn mà chưa tránh khỏi Biến dịch, đoạn thân diệt trí chẳng phải niềm vui rốt ráo. Nay Bồ-tát không như thế, chẳng phải phàm phụ hạnh - chẳng phải Hiền Thánh hạnh. Chẳng phải phàm phu ấy là không giống như tự nhận lấy niềm vui của thiền. Chẳng phải hiền thánh ấy là không giống như tự mình cứu khổ. Không giống như tự nhận lấy niềm vui vì thế chính là ban cho người khác niềm vui, không giống như tự mình cứu khổ cho nên chính là cứu khổ đau cho người khác, cũng chính là dứt trừ đau khổ - chính là ban cho niềm vui, ngay nơi ban cho niềm vui cũng chính là dứt trừ đau khổ, chỉ là phân nói riêng về thệ nguyện tương đối, trước nói về dứt trừ đau khổ sau trình bày ban cho

niềm vui như vậy.

Phân biệt về phước tuệ: Hỏi: Quán Âm đối với trí xứng hợp mà dứt trừ đau khổ, Phổ Môn đối với phước nhìn thấy mà được niềm vui gì vậy? Đáp: Trí là ánh sáng đích thực sửa trị tối tăm mê hoặc mê hoặc là khổ não sinh tử, nếu sửa trị cái khổ của tối tăm mê hoặc, há không sử dụng ánh sáng của trí hiểu biết ư? Do đó tên gọi người xứng với trí tuệ tức là dứt trừ đau khổ. Pháp là pháp môn - tên gọi là môn có thể thông suốt, thông suốt đến nơi an lạc của Niết-bàn. Ban đầu luyện tập pháp này là đạt được nhân vui, về sau chứng pháp này là được quả vui, cho nên đối với Phổ Môn này nói về ban cho niềm vui. Hỏi: Phước tuệ cần lẫn nhau, vốn không lìa xa nhau, nếu định mà không có tuệ thì định này gọi là si định, ví như người mù cưỡi ngựa mù chắc chắn rơi xuống hố rớt xuống hào mà không nghi ngờ gì. Nếu tuệ mà không có định thì tuệ này gọi là cuồng tuệ, ví như đốt đèn ở chỗ có gió thổi mạnh, ngọn đèn chao động soi chiếu đồ vật không rõ ràng. Do đó biết tướng phước tuệ giúp đỡ hai vòng bình đẳng có thể luôn luôn vận tải được. Nếu vậy vì sao dùng trí tuệ dứt trừ đau khổ - phước đức ban cho niềm vui? Đáp: Tự có phước đức là trí tuệ thì trí tuệ là phước đức, tự có phước đức chẳng phải trí tuệ - trí tuệ chẳng phải phước đức, Đại - Tiểu thừa đều đầy đủ bốn câu, như Lục độ Bồ-tát tu Bát-nhã, phân chia Diêm-phù-đề thành bảy phần, đây là thế trí không thể dứt trừ hoặc chướng, đây hãy còn thuộc về phước đức thâu nhiếp, tức gọi phước này là trí, trí này là phước không thể dứt trừ hoặc chướng. Nếu người hàng Thanh-văn trí tuệ có thể đoạn giống như gọi là trí tuệ chẳng phải phước đức, như La-hán đói. Nếu phước đức chẳng phải thế trí cũng chẳng phải xuất thế trí ấy là như voi trắng. Nếu Đại thừa bốn câu tức là: Địa tiền bên Biệt giáo có ba mươi tâm mỗi hành gọi là phước đức, tuệ hành gọi là trí tuệ. Tuệ này không thể phá trừ vô minh, tuệ này còn thuộc về phước đức, vì không phá trừ vô minh, phước này là trì tuệ phương tiện đối trị chấp tướng. Nếu Địa tiền đều gọi là phước đức, thì ở địa đều gọi là trí tuệ, trí tuệ này chẳng phải phước đức - phước đức chẳng phải trí tuệ, Phương Đẳng - Bát-nhã còn mang Tiểu thừa nói về Đại thừa, hoặc đeo mang phước tuệ Tiểu thừa như bốn câu trước, trình bày phước tuệ rộng lớn như bốn câu vừa nêu. Nay Phổ Môn này gọi là phước tuệ, phước tức là tuệ, tuệ chính là phước, phước tuệ không hai, cho nên Đại Luận chép: "Người tôn quý tuyệt vời như vậy thì có thể thấy Bát-nhã, làm sao tuệ này có thể là không có định đạt được định Thủ Lăng Nghiêm đâu từng không có tuệ".

Luận chép: "Kiện tướng Tam-muội có thể phá tan địch mạnh".

Đại kinh chép: "Phật tánh có năm tên gọi, cũng gọi là Bát-nhã - cũng gọi là Sư Tử Hống, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm - cũng gọi là Kim Cương Phật Tánh... tức là tên gọi của định tuệ đầy đủ". Chẳng thiền nào không có tuệ, chẳng tuệ nào không có thiền, thiền tuệ không hai, không hai mà hai, phân ra riêng khác mà nói thì thành hai cách hiểu về định tuệ. Vì vậy Thích Luận giải thích Bát-nhã nói về mười tám không, giải thích Thiền Định nói về một trăm lẻ tám Tam-muội, đây là hai nói - hai chính là không hai.

Phân biệt về chọn từng: Cũng có khác nhau về bốn câu: chẳng phải chân chẳng phải ứng, ứng mà chẳng phải chân, chân mà chẳng phải ứng, vừa là chân - vừa là ứng. Nếu chẳng phải chân - chẳng phải ứng, điều này ngay lý có thể hiểu. Còn chính là phàm phu, vì không thấy lý, chẳng phải chân là không có dụng cho nên chẳng phải ứng, điều này cũng có thể hiểu. Ứng mà chẳng phải chân ấy, ngoại đạo cũng đạt được năm thần thông cùng người khác thi hành cảm hóa, thông suốt mà luận cũng đạt được ứng này nhưng không được gọi là chân. Chân mà chẳng phải ứng ấy, người hàng Nhị thừa đi vào chân dứt trừ kiết hoặc, đoạn thân diệt trí không thể nào phát khởi ứng. Đây cũng là tổng quát nói về chân đó như vậy. Vừa là chân vừa là ứng, đây thì hiển rõ riêng Trung đạo làm nhân, ngay nơi chân mà nói về dụng làm ứng. Chân ứng không hai, không hai mà hai ấy cho nên nói chân ứng như vậy. Nay dựa vào văn cùng nêu ra: 1. Vừa nói về chân ứng: Lần hỏi đáp trước tình bày về chân thân thường ích lợi, lần hỏi dáp sau nói về ứng thân gián đoạn lợi ích. Thường và gián đoạn không có thể lìa xa nhau như hai chim cùng bay. 2. Vừa rồi nói về chân thân vừa thường hằng vừa không thường hằng ứng thân vừa gián đoạn vừa không gián đoạn. Nếu Tiểu thừa nói về nghĩa, ví dụ như Thiện Cát trong hang đá quán "Không", thấy Pháp thân Phật, Ni Liên Hoa thì không thấy. Điều này há không phải là nghĩa ích lợi thường hằng và không thường hằng của chân thân trong Tiểu thừa hay sao?! Ứng thân trượng sáu cũng có thấy - không thấy, điều này há chẳng phải nghĩa gián đoạn, không gián đoạn của ứng thân hay sao?! Pháp thân Đại thừa cũng như vậy, đối với lý là ích lợi thường hằng - đối với tình là ích lợi không thường hằng, ứng thân cũng như thế, duyên này diệt đi duyên kia dấy lên không có dứt bặt là nghĩa không gián đoạn, đồng một bản chất mà thấy khác nhau là nghĩa gián đoạn. Mà nay phân biệt: một hướng là: lần hỏi đáp trước thuộc về ích lợi thường hằng lần hỏi đáp sau thuộc về ích lợi không thường hằng.

Phân biệt hai thân Dược Châu: Dược có công thuộc năng chữa

lành bệnh dứt trừ khổ, cũng có công dụng giữ thân thể tăng thêm thọ mạng đến mức quý báu. Vì thế kinh chép: "Nếu bảo toàn thận mạng tức là đã được đồ chơi quý giá. Như ý Châu Vương không những rưới châu báu như mưa mà cũng có thể trừ bệnh Đại Thí Thái Tử xuống biển được ngọc châu trở về chữa trị mắt cho cha mẹ. Đại Phẩm chép: "Nếu người đau mắt đeo ngọc châu trên mình thì bệnh liền trừ khỏi". Vì thế biết thông suốt đầy đủ hai nghĩa. Nếu tách biệt căn cứ vào một phía, ước định trừ diệt tai họa dùng thí dụ Dược chứng minh cho vui để so sánh với ngọc châu như vậy.

Phân biệt hai lợi ích ngầm kín và hiển rõ: Tất cả có ba mươi sáu câu.

Phân biệt hai trí quyền thật: Lần hỏi đáp trước thật trí chiếu soi chân mà chúng sanh được độ thoát, quyền trí chiếu soi giả mà chúng sanh được độ, độ là độ quyền cũng độ ở thật, thoát là thoát chân cũng thoát ở giả. Trả lời điều này cũng có đủ bốn câu, hoặc dựa vào chơi trí, giải thoát ở quyền, bảy nạn tiêu trừ - hai nguyện cầu thỏa mãn là vậy, hoặc dựa vào chơi trí, giải thoát ở thật, ba độc đều lìa, hoặc dựa vào quyền trí được độ ở thật, ba mươi ba thân được độ là vậy, hoặc dựa vào quyền trí được độ ở quyền, ở trong tai nạn ép ngặt kinh sợ được không sợ hãi là vậy. Hoặc cả hai đều độ thoát, hoặc cả hai đều không độ không thoát. Nay y theo văn phân định cùng nêu ra một phía, văn trước thoát ở quyền - văn sau độ ở Thật.

Phân biệt về Bổn tích: Luận chung về bổn tích cùng có thể dứt trừ khổ - ban cho vui, cho nên phẩm Thọ Lượng chép: "Nghe Phật thọ vô lượng được quả báo thanh tịnh vô lậu vô lượng". Tức là từ Bổn được niềm vui. Kinh Thỉnh Quán Âm chép: "Hoặc dạo chơi nơi địa ngục đại bi thay thế chịu khổ". Đây là từ nơi tích dứt trừ đau khổ. Chúng sanh không thông hiểu nguồn gốc về sau trôi lăn khổ não, nếu nhận thức được bổn lý thì ở ngay trong khổ mà được giải thoát. Nếu chúng sanh không thấy trong tích thực thi hóa độ, không thể gieo trồng phước nơi ba nghiệp thì không có nhân của công đức, làm sao gây nên quả vui, chẳng phải bổn không vì lưu tích - chẳng phải tích không vì hiển bổn, lần hỏi đáp trước là nói về tích bổn, lần hỏi sau là nói về bổn tích. Hỏi: Bổn tích và chân ứng khác nhau thế nào? Đáp: Chân ứng dựa vào một đời giải thích về không gian (hoành), như các kinh đã nói, bổn tích dựa vào ba đời luận bàn theo thời gian (thụ), như Thọ Lượng đã giải thích.

Phân biệt về duyên liễu: Hỏi: Duyên liễu đã có tánh đức thiện thì cũng có tánh đức ác hay không? Đáp: Có đủ.

Hỏi: Xiển-đề và Phật dứt những thiện ác nào?

Đáp: Xiển-đề dứt bặt tu thiện tận cùng, chỉ tánh thiện đang còn, Phật dứt tu ác tận cùng nhưng tánh ác vẫn còn.

Hỏi: Tánh đức thiện ác sao không thể dứt?

Đáp: Tánh thiện ác chỉ là pháp môn thiện ác, tánh không thể thay đổi trải qua ba đời không ai có thể ủy hoại, lại không thể dứt trừ phá hoại, ví như ma tuy đốt kinh đâu thể khiến cho pháp môn tánh thiện chấm dứt, dù làm cho Phật đốt hết sách ác cũng không thể nào làm cho pháp môn ác tận cùng được. Như đời Tần đốt sách vở chôn sống học trò, há có thể khiến cho thiện ác dứt bặt tận cùng ư?

Hỏi: Xiển-đề không dứt mất tánh thiện còn có thể khiến cho tu thiện phát khởi, Phật không dứt tánh ác lại khiến cho tu ác phát khởi hay sao?

Đáp: Xiển-đề đã không đạt được tánh thiện, vì không đạt được cho nên lại bị thiện làm nhiễm, tu thiện được phát khởi rộng đối trị các tánh ác, Phật tuy không dứt trừ tánh ác mà có thể thấu suốt đối với ác, vì thấu suốt ác cho nên đối với ác tự tại không bị ác nhiễm, không khởi tu ác, không bao giờ còn ác cho nên tự tại rộng ra dùng các pháp môn ác hóa độ chúng sanh, suốt ngày sử dụng mà suốt ngày không vấy nhiễm, không vấy nhiễm cho nên không phát khởi, làm sao có thể dùng Xiển-đề để so sánh ư? Nếu Xiển-đề có thể thấu suốt thiện ác này, thì không trở lại gọi là nhất Xiển-đề. Nếu dựa theo người khác trình bày Xiển-đề dứt trừ không còn thiện vì thức A-lại-da vốn huân tập lại có thể phát khởi thiện, A-lại-da chính là vô ký vô minh, thiện ác nương vào gìn giữ làm tất cả hạt giống. Xiển-đề không dứt trừ vô minh vô ký cho nên trở lại phát sanh thiện, Phật dứt trừ vô ký vô minh không còn gì huân tập cho nên ác không còn trở lại phát sanh. Nếu muốn dùng ác cảm hóa mọi vật, chỉ thực hiện thần thông biến hóa rõ ra để độ chúng sanh như vậy.

Hỏi. Nếu Phật địa dứt trừ ác lại thực hành thần thông dùng ác cảm hóa mọi vật, thì đâu phải tác ý mới có thể khởi ác, như người họa vẽ các màu sắc ảnh tượng chẳng phải là tùy ý, như gương sáng tỏ không lay động thì cảnh sắc hình bóng tự hiện ra, có thể là lý không thể nghĩ bàn có thể tùy theo ác. Nếu tác ý ấy so với ngoại đạo đâu khác nhau?

Nay nói Xiển-đề không dứt mất tánh đức thiện gặp được duyên thiện phát ra, Phật cũng không dứt trừ tánh ác mà bởi cơ duyên kích thích thích bởi Từ lực huân ướp, đọa vào A-tỳ đồng với tất cả các ác sự hóa độ chúng sanh, vì có tánh ác cho nên gọi là không đoạn, không trở lại tu ác gọi là không thường. Nếu tu tánh đều không còn thì là đoạn

không được vì không dứt không thường, Xiển-đề cũng như vậy, tánh thiện không dứt trừ trở lại sanh ra thiện căn, tánh ác Như-lai không đoạn đứt trở lại có thể khởi ác, tuy khởi đối với ác mà là hiểu rõ tâm không vấy nhiễm, thông suốt phần hạn của ác tức là thật tế, có thể dùng tướng năm nghịch mà được giải thoát, cũng không trói buộc không thoát khỏi, hành nơi chẳng phải đạo mà thông suốt Phật đạo, Xiển-đề vấy nhiễm mà không thấu hiểu so với đây là khác nhau.

Phân biệt về trí đoạn: Đây là một pháp mà khác tên gọi không thể xa lìa nhau, như người có một thân vì sao từ trí dứt trừ đau khổ - ban cho vui vẻ? Nhưng tâm của tuệ giải xứng hợp với trí, thân không ràng buộc chướng ngại, xứng hợp với đoạn, ví như người bị trói, vận lực thuộc về trí tự cảm thấy phụ thêm bên ngoài thuộc về đoạn, vận động sức lực thuộc về tâm, nên gọi là trí tuệ trang nghiêm, phụ thêm đoạn thể chất phân tán thuộc về sắc thân gọi là trí tuệ phước đức trang nghiêm. Nay kinh văn nói và giải thích không thể trong một lúc, cho nên cùng nêu ra trí - đoạn. Nếu người hiểu được sâu sắc ý mười nghĩa này, hiểu rõ một ngàn thuận theo, giải thích rộng rãi về nghĩa Quán Thế Âm Phổ Môn thì không thể cùng tận.

Thứ hai giải thích riêng tên gọi: Chia làm hai, trước nói về Quán Thế Âm, kế nói Phổ Môn. "Vì sao gọi là Quán Thế Âm", tổng quát giải thích như trước. Biệt giải thích dùng cảnh trí nhân duyên cho nên gọi là Quán Thế Âm. Thế nào là cảnh trí? Cảnh trí có hai: 1. Canh trí nghĩ bàn. 2. Cảnh trí không nghĩ bàn.

Cảnh trí nghĩ bàn lại có hai: 1. Dựa theo lý bên ngoài. 2. Dựa theo lý bên trong.

1. Lý bên ngoài chia làm bốn:

a. Cảnh trí thiên nhiên. Chỉ hỏi cảnh này là tương xứng theo cảnh cho nên là cảnh hay theo trí cho nên cảnh? Trí này tương xứng theo trí cho nên trí hay theo cảnh cho nên trí? Nếu theo cảnh cho nên là cảnh thì cảnh này là cảnh, cảnh tức là cảnh tự sanh ra. Nếu trí theo trí cho nên là trí cũng là trí tự sanh khởi, tự sanh khởi gọi lả tánh tự như vậy, chẳng phải Phật - trời - người làm ra, chiếu soi và không chiếu soi thường là cảnh trí, cho nên gọi là cảnh trí thiên nhiên.

b. Nói về đối đãi: Nếu cảnh không tự là cảnh nhờ vào trí cho nên là cảnh, trí không tự là trí nhỏ vào cảnh cho nên là trí, đây chính là nghĩa từ nơi khác nảy sinh, vì sao như vậy? Vì cảnh tự sanh ra cảnh đã gọi là tự, lấy cảnh hướng về trí, trí tức là Tha. Nay cảnh từ trí sanh ra há chẳng phải là Tha cảnh? Trí cũng như vậy cho nên gọi là đối đãi nhau.

c. Trình bày cảnh trí nhân duyên: Nếu cảnh không do trí cho nên là cảnh cũng không do cảnh cho nên là cảnh, thì trí cảnh nhân duyên cho nên là cảnh, trí cũng như vậy. Đây chính là nghĩa cảnh trí nhân duyên cùng nhau sanh khởi. Cùng nhau sanh khởi có hai là vượt qua và rơi vào trong tự - tha tánh.

d. Tuyệt đãi nói về cảnh trí: Chẳng phải cảnh chẳng phải trí mà nói cảnh trí, đây chính là lìa cảnh lìa trí không nhân duyên mà giải thích về cảnh trí ấy, đây là không nhân duyên tuyệt đãi, từ nhân duyên hãy còn không thể đạt được huống chi không nhân duyên? Xưa nay cho rằng tuyệt lý mà tận cùng không thành tuyệt đãi, đều là hành tâm bên ngoài lý vọng tưởng suy xét tới, cho nên Trung Luận chép: "Các pháp không tự nhiên sanh ra, cũng không từ nơi khác sanh ra, không cùng nhau không có nhân duyên, vì thế cho nên nói vô sanh". Đâu được như bốn loài trước, suy xét chấp rằng là thật - còn lại là vọng ngữ. Chấp tánh thật thấy yêu thích sanh ra đắm trước chín mươi tám sử, khổ tập mặc tình trôi lăn không ngừng, vì sao hấp vào đây mà sanh ra khởi tập? Tùy theo chấp vào một loại cảnh trí nói bởi là đúng, tùy thuận tâm khen ngợi thì ái trước mà sanh ra vui mừng, tức là tham sử. Nếu người làm trái lại tâm trách móc phỉ báng thì phẫn nộ mà sanh ra sân nhuế, tức là sân sử. Tham sân đã khởi lên há chẳng phải si sử hay sao? Mình hiểu rõ cảnh trí thì này mà người khác vốn không hiểu, vì cái chấp đó kiêu căng ngạo mạn đối với người há không phải mạn sử? Đã chấp điều này là đúng, nay tuy không nghi ngờ về sau sẽ nghi hoặc vô cùng há chẳng phải là nghi sử ư? Mình hiểu biết pháp này, trong pháp suy tính là mình há chẳng phải thân kiến ư? Sáu mươi hai kiến tùy đó rơi vào một phía há chẳng phải là biên kiến ư? Vọng chấp như vậy thông thích hợp đạo lý há chẳng phải tà kiến hay sao? Chấp đây là thật suy xét là Niết-bàn há chẳng phải kiến thủ quả đạo hay sao? Cho rằng đây là Đạo nhân đó tiến hành há chẳng phải là giới thủ nhân đạo ư? Mười sử quanh co như vậy đều từ cái chấp cảnh trí trước khởi lên, đem điều này trải qua ba cõi bốn đế thì có tám mươi tám sử. Ngay nơi tư duy trải qua ba cõi thì có chín mươi tám sử, đây là tập đế kiết nghiệp điên đảo vô cùng rộng lớn, mới chuốc lấy quả khổ sanh tử không ngừng, đối với cảnh trí đó không nhận biết khổ tập, thì chỗ nào có đạo diệt? Đã không nhận biết bốn đế thì phá bỏ nhân quả thế gian và xuất thế gian, không có pháp thế gian và pháp xuất thế gian cho nên không có Pháp bảo, không nhận biết quả xuất thế cho nên không có Phật bảo, không nhận biết nghĩa của nhân xuất thế cho nên không có Tăng bảo Hiền Thánh. Tất cả đều đánh mất.

Nếu dấy lên chấp cảnh trí tự nhiên sanh như vậy, chỉ là kết ràng buộc sanh tử, tăng thêm kết nghiệp tai họa lỗi lầm rất nhiều. Nếu chẳng phải lý bên ngoài thì cảnh trí lấy gì làm lý bên ngoài vậy? Do đó, Đại Luận chép: "Nói ba thứ phàm phu, kiến mạn và danh tự, bậc Thánh chỉ nói một loại là danh tự". Nay phàm phu kiến mạn giữ lấy chấp trước sai lầm sử dụng lời Phật, ở giữa hai bên như vậy giữ lấy chấp trước trái với lý thành ra tranh cãi, tuy dựa theo kinh luận dẫn chúng văn tự, giống như sâu mọt ăn tượng gỗ thành chữ, tìm trong tâm đó thật sự không thể hiểu là chữ hay chẳng phải chữ, miệng nói cảnh trí mà không hiểu cảnh trí, vì không hiểu cho nên như uống cam lộ, tức dùng cảnh trí khởi lên kiến chấp tổn thương mạng chết sớm, vì thế bị Long Thọ phá đổ. Nay không chọn lấy điều này làm cảnh trí để giải thích Quán Thế Âm, tự sanh ra cảnh trí đã như vậy thì ba câu còn lại cũng thế.

2. Nói về cảnh trí nghĩ bàn lý bên trong: cũng thực hành bốn phần trên, danh tự tuy giống nhau mà quán trí thuần thục không sinh ra chấp kiến, hoàn tất cho nên không tạo ra cái mới trở thành đạo phương tiện. Phát sinh Noãn Đảnh cho đến mười sáu tâm nhãn, trí, minh, giác bỗng nhiên đắc ngộ, phá các kiến hoặc cùng tương úng với lý, giống như người mù vàng thật giả phân biệt chính xác rõ ràng không sai. Chân quán này gọi là trí, lý được soi chiếu gọi đó là cảnh, vì phát sinh vô lậu cho nên xứng hợp cảnh trí bên trong lý. Tuy quán lý này mà cuối cùng là tác ý đi vào chân, cho nên gọi là cảnh trí nghĩ bàn. Nay nói về Quán Thế Âm cũng không thuận theo nhân duyên cảnh trí này mà được tên gọi.

Kế là nói về cảnh trí không thể nghĩ bàn: Nếu tự và tha đều có các nhân v.v... bốn câu đều chẳng phải cảnh trí, tức là các kinh luận nay đã trình bày hoặc từ nơi tự sanh - tha sanh - cộng sanh không có nhân v.v... Nếu không như vậy, sao nói là giải Thích-cảnh trí được? Đáp: Trong kinh trình bày, đều là bốn tất-đàn thích ứng duyên mượn danh tự mà nói, không chấp vào bốn tánh. Nếu người vui mừng nghe tự nhiên sanh ra cảnh trí, liền nói cảnh là tự cảnh - trí là tự trí, vì thích ứng tâm vui mừng mong muốn đó, hoặc lúc nên nghe tự trí tự cảnh nghe chắc chắn phát sanh thiện, hoặc lúc đối trị nói tự sanh ra cảnh trí, nói chắc chắn phá mê hoặc, có lúc nói điều này khiến cho lập tức ngộ đạo. Nếu không có bốn tất-đàn ích lợi, chư Phật Như-lai không thể uổng công nói pháp, tuy làm ra bốn nói mà không chấp vào bốn loại, không chấp cho nên không có kiến ái. Chúng sanh nghe điều ấy như thúc ngựa thấy bóng cây roi, lập tức phá mê hoặc đi vào đạo cho nên gọi là trí: Từ trí

này soi chiếu gọi đó là cảnh, thông suốt như vậy thì nhận biết khổ tập đạo diệt, Tam bảo Tứ đế tự nhiên đầy đủ. Nếu dùng trí soi chiếu cảnh đi vào "Không" giữ lấy chứng, thành tựu cảnh trí nghĩ bàn bên trong lý chân đế như trước đã nói. Nếu không lấy quả làm chứng, biết cảnh trí này chỉ có danh tự gọi là cảnh trí, là chữ không ở trong - ngoài - trung gian, là chữ không trụ cũng không thể không trụ, vì là chữ không vốn có. Tuy làm ra bốn câu trình bày cảnh trí mà thật sự không phân biệt cảnh trí bốn câu, Tuy làm ra bốn câu nghe về cảnh trí mà thật sự không đạt được cảnh trí bốn câu, tuy đích thân thấu hiểu bốn câu cảnh trí mà thật sự không làm ra bốn câu suy nghĩ về cảnh trí; ngôn ngữ đạo đoạn - tâm hành xứ diệt, không thể bốn câu tư duy toan tính, cho nên gọi là cảnh trí không nghị bàn. Kim Quang Minh chép: "Trí không nghĩ bào soi chiếu cảnh trí không nghĩ bàn". Điều này đầy đủ như trong Đại Bổn Huyền Nghĩa Cảnh Trí Diệu giải thích rộng. Long Thọ trước tiên phá bỏ thời gian không gian nhất dị sau đó giải thích nghĩa "Tôi nghe như vậy v.v...!" Nay tương tự điểm này trước tiên phá bỏ cảnh trí bên ngoài lý, sau đó trình bày bốn tất-đàn không thể nghĩ bàn, nghĩa của tất-đàn giống như Đại Bổn Huyền Nghĩa. Phàm dựa vào danh tự làm tiện lợi, cần phải trước tiên nói về quán trí, kế là giải thích về âm của cảnh thế gian. Nếu giải thích nghĩa làm tiện lợi, trước nói về cảnh thế gian, kế đến giải thích về quán trí, như trước đó có cảnh có thể được nói về quán, nếu chưa có cảnh thì nơi nào có thể quán.Ví như cảnh phát động sau mới chiếu soi. Nay thuận theo nghĩa tiện lợi, trước tiên nói về Thế Âm, sau nói về Quán trí vậy. Thế ấy chia làm ba: Một là ngũ ấm thế gian, hai là chúng sanh thế gian, ba là cõi nước thế gian. Đã có thật pháp thì có người không thật, giả thật chính đang thành tựu tức có y báo, cho nên gọi là ba loại thế gian. Thế là cách biệt tức là Thế của mười pháp giới cũng là mười loại ngũ ấm, mười loại giả danh, mười loại y báo, cách biệt không giống nhau cho nên gọi là Thế. Gian là tách ra sai khác, ba mươi loại thế gian sai khác không sai lầm hỗn loạn lẫn nhau, cho nên gọi là Gian, Tất cả đều có nhân - tất cả đều có quả, cho nên gọi là Pháp. Tất cả đều có ranh giới bờ cõi phân chia như nhau, cho nên gọi là Giới. Nay ngay nơi một pháp giới lại có mười pháp, đó là "như thị tướng tánh rốt ráo v.v..." Mười Giới tức là có một trăm pháp, mười Giới qua lại lẫn nhau thì có một ngàn pháp, các pháp như vậy đều là nhân duyên sanh pháp, Lục đạo là mê hoặc nhân duyên pháp, Tứ Thánh là hiểu rõ nhân duyên pháp. Đại Kinh chép: "Vô lậu cũng có nhân duyên, nhân diệt - vô minh chính là ba ngọn đèn Bồ-đề, các pháp nhân duyên này tức là

ba đế, pháp từ nhân duyên sanh - ta nói chính là không, cũng gọi là giả danh - cũng gọi là nghĩa Trung đạo”. Do đó nói về mười loại pháp giới - ba mươi loại thế gian, chính là cảnh của sở quán cảnh này lại chia làm hai, đó gọi là tự - tha. Tha ấy gọi là chúng sanh - Phật, tự ấy chính là tâm mà lại có đủ. Như Hoa Nghiêm chép: “Tâm giống như hoạ sĩ giỏi, tạo nên các loại ngũ ấm, tất cả vật trong thế gian, không gì không do “tâm tạo”. Hỏi: Tự và tha sao có thể đều đầy đủ mười pháp giới? Đáp: Quán thân thật tướng thì quán Phật cũng như vậy. Hoa Nghiêm chép: “Tâm như vậy Phật cũng như vậy, tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không sai khác”. Há không phải tất cả đều đầy đủ cảnh ba đế hay sao? Âm tức là cơ của khẩu nghiệp trong mười pháp giới. Giới đã không giống nhau thì âm cũng có khác nhau.

Hỏi: Chúng sanh đều có ba nghiệp vì ý gì chỉ quán xét âm?

Như vậy trát luận chung đều được, luôn luôn niệm cung kính được lìa bỏ ba độc tức là Quán Thế Âm. Lễ bái cúng dường thỏa mãn những cầu nguyện tức là Quản Thế Thân. Nhưng nay chỉ nói Quán Thế Âm ấy, xưa giải thích nghĩa này làm sáu: 1. Hướng về lập nên: Các tên gọi không thể liên tục nêu ra, nên một hướng để nêu tên gọi. Nếu gọi là Quán Thế Thân ấy, về sau lại hỏi lời nói này, ý gì không gọi là Quán Thế Âm, điều này thì không phải hỏi. 2. Thuận theo thế tục: Đức Thích-ca vốn nói dùng âm thanh thành Phật sự, vì vậy nói là Quán Thế Âm, như dạo qua các cõi nước tùy theo những thích nghi của họ. 3. Cùng nêu ra: Năng quán Sở quán Sở quán chính là sắc tâm chúng sanh. Nay thuận theo năng quán cho nên chỉ nói quán. Năng văn sở văn, Năng văn là nhĩ thức của bậc Thánh, sở văn là âm thanh của chúng sanh. Nay chọn lấy âm thanh sở văn, cùng nêu ra sở văn được năng văn, cùng nêu ra năng quán được sở quán, từ đây làm tên gọi cho nên nói là Quán Thế Âm. Xưa hỏi: Năng sở đã như vậy sao không chọn lấy, sắc tâm của sở quán - nhĩ thức của năng văn, để nêu lên danh gọi là Văn sắc Tâm Bồ-tát vậy? Xưa trả lời rằng: Bồ-tát một khi quán sát sắc tâm thì đây là ứng hiện rộng rãi, một âm thanh của chúng sanh đây là cơ nghi nhỏ hẹp. Nếu thuận theo câu hỏi thì Cơ có hai chữ - ứng chỉ một chữ, trở thành ứng hẹp mà Cơ rộng cho nên ngay việc hỏi đã không cân bằng. Nay lại hỏi: Lời nói này cần phải thuận theo nghĩa lý sao có thể theo từng chữ được? Vì Bồ-tát năng quán sắc tâm, vì sao không năng quán âm thanh; vì sao chúng sanh chỉ dùng âm thanh cảm ứng mà sắc tâm không thể cảm vậy? Nếu cùng cảm cùng ứng đó theo từng chữ này thực hành quán thì cảm ứng bình đẳng như nhau, nếu vì phân định sú rộng

hẹp đó, nay không làm ra sự trình bày này mà cùng nêu lên phàm thánh cảm ứng đều có ở cả ba nghiệp. bậc Thánh ý - phàm phu và Thanh nên nói là Quán Thế Âm. 4. Thuộc về nghĩa: Giống như phát ra âm thanh thì trước mượn ý hơi tiếp xúc môi miệng thì âm thnah đó phát ra. Nếu Khẩu nghiệp thành thì thâu nhiếp được thân ý, nếu quán ở khẩu nghiệp cũng thâu nhiếp được thân ý quán sát những phần khác không như vậy cho nên nói là thuộc về nghĩa. 5. Ẩn hiển: Thân tuy lễ bái - ý tuy còn niệm tưởng, mà không biết trở về hướng đến những nơi nào nên gọi là ẩn. Nếu miệng giảng nói nghĩa của sự việc thì rõ ràng cho nên gọi là hiển, nêu ra hiển giấu đi ẩn nên nói là Quán Thế Âm. 6. Khó dễ: Đứng trước gian nguy ở nơi ách nạn, ý thì mười niệm khó thành - thân thì lễ lạy quỳ cúi chậm chạp, miệng đọc to vì gấp rút cho nên thành tựu cơ, thuận theo dễ dàng mà được tên gọi. Lại nữa, thứ sáu là có duyên, Quán Âm xưa kia là phàm phu ở cõi Tư Nhẫn thấy khổ mà phát thệ nguyện, nay sanh ở phương Tây nhiều lần trở lại cõi này, đã có thệ duyên cấp bách cần phải xưng to danh hiệu. Nay trình bày, nếu sáu nghĩa trước đều có nêu ra khắp nơi, hoặc dựa vào Thích Luận thì nghĩa đó trọn vẹn, tại vì sao? Vì xuất nhập tức là thân hành - giác quán là khẩu hành - thọ nhận là tâm hành. Tâm giác quán cho nên còn đầy đủ ba nghiệp, huống chi phát ra giọng nói trở thành âm thanh mà lại không đầy đủ ba nghiệp hay sao? Chỉ nêu ra một quán tức là đầy đủ ba ứng, chỉ nêu ra một Âm tức là đầy đủ ba Cơ, mà phàm tình cho rằng âm thanh mạnh mẽ trí tuệ sắc bén lần lượt theo vật nêu lên tên gọi, nghĩa trọn vẹn hướng về suy ra tất cả đều đầy đủ.

■

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA

QUYỂN HẠ

Thứ hai là nói về Quán: Lại chia làm hai: Một. Kết thúc cảnh của Thế Âm; Hai là nói về trí của năng quán.

Kết thúc cảnh thì chia làm sáu:

1. Kết tóm mười pháp giói là cảnh của nhân duyên;
2. Cảnh bốn đế.
3. Cảnh ba đế.
4. Cảnh hai đế.
5. Canh một đế.
6. Cảnh vô đế.

Ở đây vốn xuất xứ từ Đại Bổn Huyền Nghĩa. Hai là nói về quán trí: Dựa sát cảnh nói về trí làm ra năm lần nói về quán trí. Ngay nơi nhân duyên thì bốn lần nhân duyên nói về quán, bốn đế cũng có bốn lần nói về quán, ba đế có hai lần nói về quán, hai đế có bảy lần nói về quán, một thật đế thì một lần nói về quán, vô đế thì vô quán. Các nghĩa như vậy có đủ nơi Đai Bổn. Nay dựa theo ba đế nói về quán. Nếu luận chung mười pháp giới đều là pháp do nhân duyên sanh, nhân duyên này tức là Không - tức là Giả - tức là Trung. Tức không là Chân đế - tức Giả là Tục đế - tức Trung là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu tách riêng mà luận thì sáu đường là pháp nhân duyên sanh, cõi Nhị thừa là Không - cõi Bồ-tát là Giả - cõi Phật là Trung. Nói về cảnh thì có hai ý, nay đối với cảnh nói về quán cũng là hai ý: Một là Thứ lớp ba quán; Hai - Một tâm ba quán. Thứ lớp: Như kinh Anh Lạc chép: “Từ Giả đi vào Không gọi là Nhị đế quán, tử Không đi vào Giả gọi là quán Bình đẳng, hai quán làm phương tiện được đi vào Trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Ba quán này chính là ba trí nói ở kinh Đại Phẩm: Một là Nhất-thiết-trí, biết tất cả nội pháp - nội danh - tất cả có thể biết, có thể hiểu, tất cả các pháp ngoài - danh ngoài - có thể biết, có thể hiểu, nhưng không thể dùng tất cả đạo khởi tất cả loại, cho nên gọi là Nhất-thiết-trí. Hai - Đạo chủng trí, có thể biết rõ tất cả các đạo chủng sai khác tức phân biệt giả danh không

sai lầm, cho nên gọi là Đạo chủng trí. Ba - Nhất-thiết-chủng-trí, có thể đối với một chủng trí biết tất cả các đạo - biết tất cả các loại. Một tướng vắng lặng - tướng các thứ hành so sánh có thể biết có thể hiểu, gọi là Nhất-thiết-chủng-trí. Nói nói về quán trí là tên gọi khác, riêng khác mà hướng tới từng phần khi ở Nhân thì gọi là Quán khi ở Quả thì gọi là Trí. Ba quán trí này tức là bốn loại mười hai nhân duyên quán trong Đại Kinh, hạ, trung, thượng - thượng thượng, Niết-bàn nối thông chọn lấy Chiết pháp nói về bốn quán. Đại Phẩm - Anh Lạc trực tiếp dựa vào Ma-ha Diễn chỉ nói về ba quán - ba trí. Nay nếu khai thông hai kinh hợp lại với Niết-bàn, thì phải khai bày phát triển pháp từ Giả đi vào không quán sát sanh diệt Nhất-thiết-trí. Nếu hợp lại với Niết-bàn chính là hai kinh, hợp lại hai quán hạ - trung cùng với Nhất-thiết-trí. Nếu đem ba kinh hoặc khai triển hoặc hợp lại đối với năm nhãn thì thiên nhãn - nhục nhãn soi chiếu sự việc thô tế đều là trí thế gian, tất cả là cảnh căn bản của các quán. Nếu ba quán ba trí từ đây liền đi vào Thể pháp Nhất-thiết-trí. Nếu bốn quán bốn trí này liền nhập vào pháp Nhất-thiết-trí cho nên nhục nhãn thiên nhãn làm gốc. Nếu đi vào Nhất-thiết-trí đối với tuệ nhãn - đạo chủng trí đối với pháp nhãn, nhất thiết chủng trí đối với Phật nhãn. Một câu kệ "Pháp do nhân duyên sanh" trong Trung Luận làm gốc của quán trí, ba câu đối với ba trí. Nếu đem ba quán trí đối với bốn giáo, thì phải khai triển như trước kia. Nếu đem bốn quán của Niết-bàn đối với bốn giáo thì hạ trí là sanh diệt Nhất-thiết-trí đối với giáo Ba tạng, trung trí là Thể pháp Nhất-thiết-trí đối với Thông giáo, Thượng trí túc là Đạo chủng trí đối với Biệt giáo, thượng thượng trí tức là Nhất-thiết-chủng-trí đối với Viên giáo. Sở dĩ phải nói ba quán, sao bỗng nhiên đối với bốn giáo ấy là sao? Nếu không có Giáo. tức là không có Quán, vâng theo giáo tu quán được thành tựu đối với trí, cho nên nói về Giáo. Giáo tất nhiên có người làm chủ, có người làm chủ chính là Phật, hoặc có thể một Đức Phật nói ra bốn giáo, hoặc có thể chỉ ra bốn tướng nói về bốn vị Phật. Bốn giáo đã có bốn người chủ tức là phải có bốn vị Bổ Xứ, chính là bốn loại Bồ-tát giúp đỡ Phật mở rộng bốn giáo này. Nếu nói tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng lời nói ra, Đại Kinh chép: "Sanh sanh không thể nói cho đến bất sanh - bất sanh cũng không thể nói ra". Một giáo hãy còn không thể nói ra vì sao nói có bốn giáo? Đáp: Lý luận thực sự như vậy dều không thể nói ra, nhưng đến duyên lợi ích mọi vật có nhân duyên cho nên cũng có thể nói được, không những sanh sanh có thể nói ra mà thậm chí bất sanh bất sanh cũng có thể nói ra, dùng Giáo môn của Phật để thoát khổ sanh tử.

Giáo Ba tạng: Như trong Thích Luận trích dẫn Ca chiên diên Tử nói về nghĩa Bồ-tát; Đức Thích-ca ban đầu làm thợ gốm nhân dịp xưa kia phát nguyện trước Phật Thích-ca, từ đó đến nay mới phát tâm Bồ-tát, chính là người thực hành, cầu mong Bồ-đề thì gọi là pháp, rất chán ghét khổ tập - ưa cầu mong diệt đạo, liền phát khởi tâm từ bi thề độ thoát tất cả, thực hành hạnh sáu độ, hạnh nguyện giúp đỡ lẫn nhau dứt trừ khổ đau đem lại niềm vui. Vì sao như vậy? Vì keo sẻn tham gọi là Tập - rơi vào ngạ quỹ gọi là khổ, thực hành bố thí gọi là Đạo - keo sẻn tên dừng lại gọi là Diệt. Bồ-tát tự mình điều phục xan tham dùng tâm bi xông ướp mọi vật, chúng sanh xưng danh liền có thể thoát khỏi khổ đau; tự thực hành bố thí cứu giúp dùng tâm từ xông ướp mọi vật, vật thuận theo có thể cứu độ thì có thể thị hiện khiến cho được an vui. Nên biết rằng vì đầy đủ thệ nguyện rộng lớn mà tu hạnh bố thí. Cho nên ngu si gọi là Tập, sanh ở cõi trời gọi là khổ, tu trí tuệ gọi là Đạo - si mê - khuất phục gọi là Diệt. Tu trí tuệ qua một thời gian tự phá tan khổ tập để thành tựu tâm bi đem xông ướp cho chúng sanh, chúng sanh xưng danh liền được giải thoát, tự chứng đạt đạo diệt để thành tựu tâm từ đem xông ướp chúng sanh, chúng sanh có cơ cảm ứng được cứu độ. Vì vậy biết hạnh bổ sung cho nguyện. Thực hành lục độ này đều nói về thời gian, Thi-tỳ thay cho bờ câu là bố thí tròn đầy, Tu-ma-đề không nói dối là giới luật tròn dầy, vua Ca Lợi cắt đứt không lay động là nhẫn nhục trọn vẹn, đại thí biểu đạt rộng lớn là tinh tiến tròn đầy, tôn sùng xà lê ngồi thiền là thiền định tròn đầy, Cù Toản đại thần phân chia đất đai là Bát-nhã tròn đầy. Như vậy tư hành đến A-tăng-kỳ kiếp đầu tiên, không biết thành Phật - không thành Phật, tăng kỳ thứ hai tâm biết thành Phật - miệng không nói thành Phật, tăng kỳ thứ ba tâm biết miệng nói. Qua ba-tăng-kỳ rồi lại trăm kiếp gieo trồng tướng. Trăm phước bình thường sử dụng ba ngàn hai trăm phước tu thành, ba mươi hai tướng Đại Nhân lúc này mới gọi là Đại Bồ-tát, nhưng phục hoặc không dứt, như dê không mỡ béo, chọn lấy trí thế gian làm Bát-nhã chính là ý này. Sử dụng hạnh Bồ-tát này đối với hành vị Thanh-văn ấy, tăng kỳ đầu tiên có thể đối với niệm xứ thông - biệt, tăng-kỳ thứ hai có thể đối với noãn pháp, tăng kỳ thứ ba có thể dối với đảnh pháp, trăm kiếp gieo trồng tướng có thể đối với nhẫn pháp, lúc ngồi nơi đạo tràng có thể đối với Thế đệ nhất, ba mươi bốn tâm đoạn kết thành Phật, chính là đối với mười sáu tâm phát chân cho đến chín giải thoát về học. Bấy giờ ngồi nơi đạo tràng trên ba mươi bốn tâm dứt hoặc, chánh tập đều dứt sạch gọi là Phật Ba Tạng, cho nên Đức Thích-ca tinh tiến - đệ tử thuần thục.

Vì tinh tiến cho nên vượt trước chín kiếp mà tám tướng thành Phật. Đây chính là giáo môn đã nói của giáo Chủ Ba tạng. Địa vị Bổ xứ trong đây còn trăm kiếp, gieo trồng tướng - điều phục hoặc - trụ ở thân sau cùng. Thực hành thành tựu lục độ thệ nguyện sắp đầy đủ, từ bi xông ướp đối với chúng sanh dứt trừ khổ não ban cho niềm vui. Nếu ngay nơi cách giải thích này, chỉ là pháp nhân duyên sanh - trí thế gian nói về Quán chính là nghĩa Quán Thế Âm theo giáo Ba tạng.

Hỏi: Dựa vào Tam Tạng nói Thích-ca - Di-lặc phát tâm cùng một lúc, một vị vượt trên chín kiếp, vì sao hai vị Phật cùng thành Phật trong kiếp Hiền?

Đáp: Đức Thích-ca gặp được Phất Sa thúc đẩy trăm kiếp; Di-lặc gặp được chư Phật vì sao không thúc đẩy làm chín mươi mốt kiếp ư? Nếu vậy thì không có nghĩa trăm kiếp? Đáp: Đảm nhiệm pháp môn này thì có trăm kiếp, dùng năng lực tinh tiến thì siêu vượt lên.

Trong Thông giáo, như Đại Phẩm nói: “Người ba thừa đồng lấy Đệ nhất nghĩa đế nói đạo không bằng lời, dứt trừ phiền não nhập vào Niết-bàn, cộng duyên một lý sử dụng quán dứt trừ hoặc chương thông suốt, cũng gọi là cộng Bát-nhã giáo”. Việc này khác so với giáo Ba tạng. Thích Luận phá bỏ rằng: “Chẳng lẽ dùng tâm bất tịnh tu hạnh Bồ-tát, như đồ dùng độc hại chứa đựng thức ăn, ăn vào thì chết người. Bố thí có thượng - trung - hạ gọi là xả bỏ tài vật thân mạng. Dũng sĩ liệt nữ cũng có thể xả thân, đâu được xả bậc trung gọi là bố thí đầy đủ, bố thí bậc trung chi gọi là Thí chẳng phải Ba-la-mật không thấy tài vật - năng - sở cả ba việc đều vắng lặng chẳng phải keo kiệt chẳng phải thí giúp, đây là chân thật bố thí Ba-la-mật cho đến chẳng phải ngu chẳng phải trí - chẳng mê đắm không tuệ, gọi là chân thật Bát-nhã không chấp lấy thế trí”.

Luận chép: “Nếu chẳng tin không tất cả đều trái ngược, nên biết những gì ông đã tu đều không tương ưng với lý. Nếu tin các pháp Không, tất cả có tạo ra, vì Không cho nên có thể thành tựu tất cả các pháp, vì thế biết nếu đạt được tuệ Không thì có thể đầy đủ tất cả pháp”. Lại, Bồ-tát tu hành vô lượng kiếp, đâu chỉ là ba A-tăng-kỳ, những điều như vậy để phá bỏ lỗi giáo Ba tạng, để nói lên ý của Thông giáo trong Đại thừa. Kinh Đại Phẩm chép: “Bồ-tát phát tâm tương ưng với Tát-bà-nhã”. Đây chính là quán sát nhơn dứt trừ kết tương ưng với lý. Từ lúc phát tâm đến nay tức quán sát nhân dứt trừ kiết thì gọi là Bồ-tát, tức là mượn người (giả nhân) vậy, còn quán sát chân chính là pháp. Thường khởi chung với từ bi, tự dứt khổ tập tu đạo diệt, cũng lấy từ bi thệ nguyện dứt khổ tập

cho tất cả chúng sanh và đạo diệt, thể hội thấu suốt các pháp như huyễn như hóa không sanh không diệt, cả ba sự việc đều mất để thực hành bố thí, cho đến tất cả pháp không còn đắm trước gọi là Bát-nhã. Dùng các hạnh này bổ sung cho nguyện, thì có thể phá trừ bốn trụ hoặc, thấy đệ nhất nghĩa, thì có ba thừa và mười địa, đó là Càn tuệ cho đến Phật địa. Nếu so sánh mười địa này với Thanh-văn thì Địa Càn Tuệ đối với niệm xứ chung riêng, Tánh Địa đối với vị trí bốn thiện căn, địa tám Nhân đối với tám Nhẫn, Kiến Địa đối với Sơ quả, Bạc Địa đối với nhị quả, Địa Ly Dục đối với tam quả, Dĩ Biện Địa đối với tứ quả, Địa Chi Phật tự đối với vị trí Chi Phật, địa Bồ-tát bản thân vượt ra giả phương tiện, đạo - quán cả hai trôi lăn đoạn chánh tập tiến dần đến Phật địa là hết. Vì vậy Luận chép: "Người này không còn phiền não nhưng tập khí không hết, vì thệ nguyện giúp đỡ tập lại sanh vào ba cõi, lợi ích chúng sanh tịnh cõi nước Phật, há giống như Bồ-tát Tam tạng điều phục hoặc thực hành hạnh lục độ hay sao?" Bồ-tát này tu hành đoạn hoặc còn sót lại chưa hết, giống như khói nhỏ, từ bi thị hiện trong năm đường cứu độ mỗi vật, chúng sinh hoặc xưng gọi danh hiệu hoặc cảm ứng thấy, liền có thể dứt trừ khổ não ban cho niềm vui giải thoát được cứu độ, đây là Thông giáo thể hội Giả để đi vào quán Không, cũng gọi là Nhất-thiết-trí, tức là nghĩa Quán Thế Âm của Thông giáo.

Biệt giáo tách biệt khác với Thông giáo. Biệt giáo trình bày Bất công Bát-nhã cho nên nói là Biệt. Ví như Giáo tuy nói về Trung đạo mà vì người độn căn phương tiện nói về Trung, lần lượt hiển rõ lý trình bày rộng khắp trải qua nhiều kiếp tu hành, cho nên kinh Đai Phẩm chép: "Có Bồ-tát từ lúc ban dầu phát tâm du ký thần thông thanh tịnh cõi nước Phật, lần lượt tu tập hằng sa pháp môn giúp hiển bày lý Trung đạo, trước đẩy lùi bốn trụ hoặc kế là phá bỏ trần sa hoặc sau đó phá trừ hoặc vô minh". Thập Tín chung điều phục các hoặc mà chính là điều phục bốn trụ hoặc, Thập Trú cũng là chung điều phục các hoặc, mà chính thức dứt trừ bốn trụ hoặc thành tựu Nhất-thiết-trí, Thập Hạnh vượt ra Giả dứt vô tri, thành tựu đạo chủng trí bao gồm điều phục hoặc trần sa bên ngoài giới, Thập Hồi Hướng dứt trừ hoặc trần sa bên ngoài giới, thành tựu đạo chủng trí chính thức tu Trung đạo điều phục vô minh, Thập Địa dứt trừ vô minh, thấy Phật tánh, thành tựu nhất thiết chủng trí, giống như đốt vàng trước loại bỏ tạp chất sau đó đun chảy vàng, lần lượt dứt trừ kết hoặc cũng giống như vậy. Bồ-tát này phát tâm nắm giữ pháp tu hạnh từ bi, tự dứt trừ vô minh thành tựu chân ứng, đại thệ từ bi xông ướp ở pháp giới. Chúng sanh có cảm thì dứt trừ khổ não ban cho niềm

vui. Đây là từ Không nêu ra Giả quán đạo chủng trí, là nghĩa Quán Thế Âm của Biệt giáo.

Viên giáo ấy là, đích thực hiển bày Trung đạo này ngăn dứt hai bên, quán sát chúng sanh mười pháp giới chẳng phải Không - chẳng phải Giả - chẳng phải trong - chẳng phải ngoài, như cảnh tượng trong gương - trăng đáy nước, không ở trong - không ở ngoài, chẳng thể nói là có - chẳng thể nói là không, suy cho cùng chẳng phải thật mà lý ba đế rõ ràng đầy đủ, ở trong một tâm không có trước - không có sau, chính là một mà luận thành ba, chính là ba mà luận thành một, quán trí đã như vậy thì đế lý cũng như thế, một đế tức là ba đế, ba đế tức là một đế. Kinh Đại phẩm chép: “Có Bồ-tát từ lúc đầu phát tâm liền ngồi nơi đạo tràng xoay bánh xe pháp độ chúng sanh, tức là ở nơi sơ tâm có đủ tất cả Phật pháp quán xét ba đế, từ bi vô duyên ở trong một tâm vốn có tu muôn hạnh các Ba-la-mật”. Đi vào Thập Tín Thiết luân rồi có thể lâu dài tách biệt biển khổ luân hồi, bốn trụ hoặc hết sáu căn thanh tịnh gọi là tương tự giải, tiến lên đi vào Thập trú Đồng luân sơ tâm lập tức phá trừ vô minh, khai phát thật tướng ba trí hiện rõ phía trước, đạt được một thân Như-lai thì vô lượng thân vắng lặng thích ứng tất cả, tức là khai bày tri kiến Phật, thị, ngộ, nhập... Văn chép: “Chính là bỏ ngay phương tiện chỉ nói về Vô thượng đạo”. Lại chép: “Nay sẽ vì ông nói sự việc chân thật nhất”. Tức là một thật đế ba quán ở trong một tâm Viên giáo. Kinh Đại Phẩm chép: “Nếu nghe phần chữ A thì hiểu rõ tất ca các nghĩa”. Đại Kinh chép: “Phát tâm, cuối cùng hai chẳng khác nhau - Hai tâm như vậy tâm trước khó hơn, vì thế cho nên kính lễ sơ phát tâm, chính là nghĩa này vậy”. Tri kiến trong này chỉ gọi là Phật tri - Phật kiến, tức là Nhất-thiết-chủng-trí biết - Phật nhãn nhìn thấy. Phật nhãn nhìn thấy - Phật trí biết rõ, chẳng phải không thể soi chiếu rõ ràng pháp khác, vì từ nghĩa thù thắng được tên gọi, ví như các dòng chảy đổ ra biển mất đi tên gọi vốn có. Đại Luận chép: “Mười trí hòa nhập trí như thật không trở lại tên gọi vốn có, chỉ gọi là Như thật trí, nhãn cũng như vậy, năm nhãn đầy đủ thành tựu Bồ-đề, mà nay chỉ gọi là Phật nhãn”, Đại Kinh chép: “Người học Đại thừa tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn”, nếu căn cứ theo đây thì người học Tiểu thừa, tuy có tuệ nhãn mà gọi là nhục nhãn. Nếu hiểu rõ như vậy thì gọi là người - pháp Viên giáo, dựa theo tứ đế Vô tác phát khởi Từ bi vô duyên, tu định tuệ không hai thành tựu hai thân chân ứng, chân khắp cả pháp giới - Dược Châu thích ứng rộng khắp tất cả, ngang dọc khiến cho cơ nghi được hai lợi ích ngầm kín và hiển rõ. Vì không thiếu Bảo tạng Kim Cang Bát-nhã, trừ bỏ căn bổn rốt

ráo giải thoát. Dùng Thủ lăng nghiêm pháp giới kiện tướng ban cho ba điểm Niết-bàn đại tư tại lạc, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán nhất thiết chủng trí, là nghĩa Quán Thế Âm của Viên giáo.

Hỏi: Quán này quán sát chúng sanh chẳng phải không - chẳng phải có, sao nói thực hành từ bi?

Đáp: Như trong Tịnh Danh giải thích.

Hỏi: Nếu quán mười pháp giới chẳng phải Không - chẳng phải Giả, tức là phá bỏ tất cả nhân quả ư?

Đáp: Nếu không trình bày Trung đạo thì không nhận biết chẳng phải quyền - chẳng phải thật, cũng không có quyền - không có thật thì không có bốn lần nhân quả. Nếu nói Trung đạo thì quyền thật cùng soi chiếu, có thể có ba loại quyền bốn đế khổ tập nhân quả - ba loại đạo diệt nhân quả, cho đến một chân thật tứ đế Vô tác nhân quả thế gian xuất thế gian, rõ ràng đầy đủ ở trong một niệm tâm. Vì sao? Vì dùng tuệ Thật tướng giác ngộ rõ ràng các pháp chẳng phải không - chẳng phải có, cho nên gọi là Phật bảo. Vốn giác ngộ lý pháp tánh đầy đủ ba đế, tức là Pháp bảo. Như vậy giác tuệ hòa hợp cùng với lý sự gọi là Tăng của bảo. Sự hòa hợp thì có Hiền Thánh Tăng ba giáo trước, hòa hợp với lý thì có bốn mươi hai Hiền Thánh Tăng cua Viên giáo. Do đó Đại Kinh nói ánh trăng thêm bớt mà nêu ra hai thí dụ, mười ngày trước dựa theo ánh sáng nói về thêm, mười lăm ngày sau dựa vào ánh sáng nói về bớt, mà tánh trăng đó thật ra không khuyết hay tròn, trước sau hướng về nhìn thấy chẳng thể không tròn hay khuyết. Tánh trăng tròn đầy ấy là dụ cho Thật tướng, ánh sáng thêm bớt để dụ cho Trí - Đoạn. Ánh sáng trí tuệ tăng lên ấy tức là các pháp không sanh ra mà Bát-nhã sanh, ánh sáng của đoạn giảm đi ấy tức là các pháp không diệt đi mà phiền não diệt. Đại Kinh cũng gọi vô minh là minh, cho nên biết dùng thí dụ ánh sáng không chính đáng diệt đi, thêm bớt như vậy ngày ngày luôn có, trí - đoạn như vậy từng Địa từng Địa đều đầy đủ. Nếu ngày mười lăm Thể tròn đầy ánh sáng đủ, thì mặt trăng, ánh sáng không tròn đầy thêm nữa. Đây là dụ cho lý Trung đạo cao nhất - trí Bồ-đề hoàn toàn. Do đó nói không sanh - không sanh gọi là Đại Niết-bàn. Nếu ngày ba mươi Thể không còn - ánh sáng mất cuối cùng không còn lại gì, đây là dụ cho vô minh đã xua đuổi - tà đảo vắng lặng trừ bỏ không có hoặc nào đáng đoạn. Cho nên nói không diệt - không diệt gọi là Đại Niết-bàn. Trăng ba ngày đầu dụ cho ba mươi tâm trí - đoạn, trăng mười ngày kế là dụ cho -Thập Địa trí đoạn trăng ngày mười bốn dụ cho Đẳng Giác trí đoạn ngày mười lăm dụ cho Diệu Giác trí đoạn Bát-nhã hàng Nhân vương

- Thiên vương lấy ngày mười bốn dụ cho mười bốn Bát-nhã, chính là ý này. Như vậy trình bày vê trí - đoạn Tăng Bảo đều dựa theo một pháp thật tướng Trung đạo, tất cả nhân quả không hề phá bỏ đánh mất điều gì. Nếu không nói về Trung đạo chẳng phải Không - chẳng phải Giả mà chỉ suy nghĩ đến đoạn - thường... tức là phá bỏ nhân quả thế gian - xuất thế gian của bốn đế sanh diệt, phá bỏ Tam bảo của giáo Ba tạng. Nếu chỉ nói về sanh diệt vô thường, tức là phá bỏ bốn đế vô sanh Tam bảo của Thông giáo. Nếu chỉ nói Thể pháp không sanh không diệt chân đế, tức là phá bỏ bốn đế vô lượng Tam bảo của Biệt giáo. Nếu chỉ nói thứ lớp hiển bày chẳng phải Không - chẳng phải Giả, đây cũng phá bỏ nhất thể Tam bảo Tứ đế vô tác Viên giáo: Từng bước truyền tiếp, trước thì phá lỗi nhiều, sau càng ít dần, ý có thể hiểu vậy. Hỏi: Nếu tu đầy đủ thật tướng một pháp ba đế - một tâm ba quán đầy đủ các pháp thì cũng nên một giáo bốn, giải thích xứng hợp ở Viên giáo tức đầy đủ, đâu cần bốn giáo như trước phân chia? Đáp: Ở trên khai triển trật tự chép: Lần lượt ba quán, một tâm ba quán, nói giáo cũng hai, nếu một giáo giải thích trọn vẹn tất cả các pháp ấy là đi đến người lợi căn, hoặc bốn giáo sai khác thì lưu lại cho người độn căn. Nếu không mượn dần dần phân biệt viên đốn thì nhờ đâu có thêm hiểu rõ? Sử dụng riêng khác hiển bày trọn vẹn cho nên trước nói về bốn giáo. Tuy nói nhiều thứ đạo mà thật ra là một thừa. Lại ở trong pháp sâu xa khác của Như-lai nêu ra giáo lợi hỷ, pháp còn lại chính là ba phương tiện dẫn dắt tìm cách khiến cho khai bày lý pháp không. Nếu hội nhập tuệ Phật thì phương tiện không có tác dụng, cho nên chép: "chỉ có một sự thật này hai điều còn lại chẳng phải chân thật". Vì vậy biết chỉ một giáo viên đốn là đích thực quán Nhất-thiết-chủng-trí Trung đạo. Chỉ có điều này là thật Quán Thế Âm những điều khác đều là phương tiện nói ra.

Lại, nếu có những gì đã nói hoặc quyền hoặc là thật đều là phương tiện, chẳng phải quyền chẳng phải thật đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt không thể giải thích bày tỏ, không sanh - không sanh diệu ngộ khế lý mới gọi là chân, đây cũng không phải thật có tự thể.

Kế là nói về quán tâm: Nguồn tâm vốn tịnh, vô vi vô số, chẳng phải một chẳng phải hai, vô sắc vô tướng, chẳng phải lệch chẳng phải tròn, tuy là cảm giác biết rõ mà cũng không cảm giác biết được. Nếu niệm - chưa niệm bốn vận tra tìm tâm cuối cùng không thể đạt được, há có thể lần lượt hay không lần lượt quán sát thiên lệch - tròn đầy hay sao? Giống như hư không như nhau chẳng có gì sai khác. Tâm tánh này suy cho cùng là vô tâm, lúc có nhân duyên cũng có thể sáng tỏ tâm. Đã

có nói về tâm tức nghĩa là phương tiện chánh quán, giống như hư không cũng có hai thời âm dương, tâm cũng như vậy, tuy không nghiêng lệch hay tròn đầy mà cũng nói về tiệm đốn. Nếu thực hành quán tâm theo thứ lớp ấy tức là ý phương tiện dần dần vậy. Nếu quán tâm có đủ tánh đức ba đế - tánh đức ba quán và tất cả các pháp, không trước không sau - không có thứ lớp trong một niệm đầy đủ, pháp của mười pháp giới - ngàn loại tánh tướng pháp nhân duyên sanh, tức không tức Giả tức Trung, ngàn loại ba đế - vô lượng vô biên pháp thảy đều dầy đủ trong một tâm. Đây tức là không quán sát theo thú tự. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Trong tất cả thế gian chẳng có gì không từ tâm tạo ra, tâm như họa sĩ giỏi tạo nên các loại ngũ ấm". Nếu quán tâm không thì từ tâm tạo nên tất cả đều không, nếu quán tâm là có thì từ tâm sanh ra tất cả đều có. Tâm nếu chắc chắn có thì không thể làm cho không. Nếu tâm chắc chắn là không thì không thể khiến cho có. Vì chẳng chắc chắn không - không thì chẳng phải không, vì không nhất định có - có chẳng phải có. Chẳng phải không chẳng phải có ngăn dứt cả hai bên, gọi là Trung đạo. Nếu quán tâm chẳng phải không chẳng phải có, thì tất cả từ tâm sanh ra pháp cũng chẳng phải không chẳng phải có. Tất cả các pháp ở trong một tâm đồng đều như vậy. Nếu có thể quán tâm như vậy, gọi là Thượng Thượng quán được quả Bồ-đề như chư Phật. Kinh Tịnh Danh chép: "Quán thật tướng thân - quán Phật cũng như vậy, quán thân tướng đã đồng đẳng với Phật thì quán tâm tướng cũng đồng với Phật" Hoa Nghiêm chép: "Tâm - Phật và chúng sanh ba thứ ấy không sai khác". Nên biết rằng quán sát nguồn tâm này đồng đẳng với Như-lai. Nếu thực hành quán nào khác để quán tâm thì đều là phương tiện, gọi là tà kiến. Nếu thực hiện quán sát trọn vẹn như vậy, thì gọi là chân thật chánh quán, tức là khai bày tri kiến Phật - ngồi chỗ ngồi Như-lai, từ bi như vậy tức là đi vào nhà Như-lai, an nhẫn pháp này tức là mặc áo Như-lai, tu quán tuệ này tức là trang nghiêm Như-lai, người đó đi đứng ngồi nằm đều phải xây tháp, sanh ý nghĩ đến Như-lai. Quán tâm như vậy gọi là quán tâm Phật.

Thứ hai là nói về Phổ Môn, tức là chia làm hai: Một là chung con đường trình bày Môn, Hai. Trải qua mười nghĩa giải thích. Sáu ý chung ấy là: 1. Sơ lược bày ra tên gọi về Môn. 2. Chỉ ra tướng của Môn. 3. Nói về quyền thật. 4. Trình bày Phổ và không Phổ. 5. Dựa theo bốn Tùy. 6. Nói về quán tâm.

Bày ra tên gọi về Môn: Thông suốt thuận theo thế gian, như cửa nhà người thông suốt cho đến nhà ở sang trọng và nghèo nàn. Hạng

thấp hèn lấy mười điều ác - năm tội nghịch làm cửa thông suốt đến ba đường, hàng trong suốt lên cao lấy các thứ năm giới, mười điều thiện - bốn thiền - bốn định làm cửa, thông suốt đến trời người, ngoại đạo lấy đoạn thường làm cửa, thông suốt đến hoặc khổ, ái lấy bốn đảo làm cửa, kiến lấy bốn câu làm cửa, thiện ác tuy khác nhau nhưng nói tóm lại thì, đều là cửa hữu lậu của thế gian, thông suốt đến sanh tử như vậy. Nếu dựa theo Phật pháp nói về Môn cũng giống rất nhiều. giáo Ba tạng bốn môn thông suốt cả Niết-bàn hữu dư và vô dư, Thông giáo bốn môn gần gũi thì chung đến Hóa Thành - xa hơn thì thông đến Thường Trụ, Biệt giáo bốn môn từng bước chung đến Thường trụ, Viên giáo bốn môn nhanh chóng đến Thường trụ. Đây thì bốn giáo - mỗi giáo bốn môn - cả thảy là mười sáu giáo môn, lại có mười sáu quán môn, tất cả là ba mươi hai môn, nghĩa của Năng thông phân biệt tướng đó ở trong Đại Bổn Huyền Nghĩa.

Chỉ ra tướng của Môn: giáo Ba tạng bổn môn đó là A-tỳ-đàm là Hữu Môn, Thành Thật là Không Môn, Côn-lặc vừa Không môn vừa Hữu Môn, Xa - Nặc chẳng phải không môn chẳng phải Hữu-môn, mỗi mòn trình bày rộng về hành pháp phân định địa vị Hiền Thánh, căn cứ vào Môn thông suốt Lý. Thông giáo bốn Môn, đó là Hữu của như huyễn, Không của như huyễn, vừa Không vừa Hữu, chẳng phải Không chẳng phải Hữu, mỗi mỗi thực hiện hành tướng phân định địa vị Hiền Thánh, căn cứ vào môn thông suốt Lý. Biệt giáo bốn môn: Quán thật tánh như nhà tối và bình lọ bồn chậu tức là Hữu Môn, quán Phật tánh như hư không trên bầu trời thành Ca-tỳ-la tức là Vô môn, Quán Phật: tánh như vàng trong đá - người có phước được vật báu - người có tội nhìn thấy đá là môn vừa hữu vừa Vô; quán Phật tánh lìa xa hai bên tức là Trung đạo, môn chẳng phải Hữu chẳng phải Vô; mỗi thức hiện hành tướng phân định địa vị căn cứ vào Môn thông suốt Lý. Bốn Môn của Viên giáo gọi là không dị biệt chỉ một Môn tức là ba Môn, ba Môn tức là một Môn, không phải một, không phải bốn, không khác qua từng phần tách biệt, viên dung bốn của không bốn, mỗi mỗi phân định tướng hạnh vị không nghĩ bàn và căn cứ vào môn thông suốt Lý. Nghĩa này đều ở Đại Bổn.

Nói về quyền thật các môn: Giáo quán của Tam tạng và Thông giáo, mười sáu thôn năng thông - sở thông đều là quyền, giáo quán năng thông của Biệt giáo là quyền - sở thông là Thật, giáo quán tám môn năng thông sở thông của Viên giáo đều là Thật, nói đầy đủ trong Quyền Nghĩa kia.

Trình bày Phổ và không Phổ: Nếu các Môn như phàm phu - ngoại đạo - kiến - ái hãy còn không có thể thông suốt vượt ra ba cõi, huống chi Phổ ư? Giáo Ba tạng và Thông giáo tuy thông suốt Hóa Thành cũng giống chẳng phải phổ. Biệt giáo từng bước thông suốt cũng chẳng phải nghĩa của Phổ. Chí riêng giáo quán Thật tướng của Viên giáo là pháp môn có thể khắp cả mười pháp giới, ngàn tánh tướng ba đế trong một lúc thông suốt. trong một lúc trọn vẹn, thông suốt trọn vẹn Trung đạo cùng soi chiếu hai đế, một mình gọi là Phổ Môn. Lại, như trong kinh Tịnh Danh nói: Nhập không hai môn ấy. Sanh tử Niết-bàn là hai bên, không dựa vào sanh tử - không dựa vào Niết-bàn, gọi là Không hai, cũng giống chẳng phải một, tại vì sao? Đã trừ bỏ đối với hai nếu trở lại ở nơi một, một đối với chẳng phải một hãy còn trở lại thành hai, chẳng lẽ gọi là Không hai hay sao? Nay không ở hai cho nên nói không phải một - không hai, cũng gọi là không có - chẳng không có. Không có là phá bỏ Giả, chẳng phải không có là phá bỏ không. Không có là phá bỏ hai, không không có là phá bỏ một. Nếu như vậy thì nên còn lại Trung đạo. Trung đạo cũng là không. Đại kinh chép, “Minh và vô minh - tánh đó không hai, tánh không hai tức là Trung đạo”. Trung đạo đã không đối với hai bên thì không này cũng không, nên gọi là chẳng không không, gọi là chẳng thể đạt được không, đó là đi vào pháp môn không hai, tức là ý của viên giáo dựa vào Không Môn giải thích về Phổ Môn. Ba mươi mốt vị Bồ-tát đều nói pháp môn không hai, Văn thù nói ở không nói là pháp môn không hai,Tịnh danh ngậm miệng là pháp môn không hai. Tìm tòi kỹ càng văn kia đều có nghĩa của bốn môn. Đại sư Tăng Triệu chú giải rằng: “Các vị Bồ-tát nhiều lần nói pháp tướng tức là Hữu Môn, Văn thù nói ở nơi không nói - đây chính là Không Môn”. Kinh Tư Ích chép: “Tất cả pháp chánh - tất cả pháp tà, cũng là ý của Phổ Môn. Tâm đạo qua pháp giới giống như hư không, là vừa không vừa Hữu Môn. Tịnh Danh lặng yên tức là môn chẳng phải không chẳng phải Hữu Môn”. Bốn mươi hai tự Môn trong Đại Phẩm - trước là A sau cuối là Trà ở giữa có bốn mươi chữ, đều vốn có công đúc các chữ, đây cũng là Phổ Môn không hai. Trước phẩm Phương Tiện chép: “Môn Trí tuệ đó khó hiểu khó vào”. Phẩm Thí dụ chép: “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Các kinh nói về Môn Thật Lý ấy, toàn bộ là ý Phổ Môn.

Tùy và quán tâm v.v... đều nói trong Đại Bổn Huyền nghĩa. Hai là giải thích mười nghĩa Phổ Môn: Chí Lý chẳng phải số đếm, duyên đến lợi ích chúng sanh, hoặc thực hiện tên gọi đôi chút hoặc đến vô lượng, rộng lược tùy nghi, nhưng tạm thời lấy mười nghĩa thích hợp: 1. Từ bi

Phổ. 2. Hoằng Thệ Phổ. 3. Tu hành Phổ. 4. Đoạn hoặc Phổ. 5. Nhập pháp môn Phổ. 6. Thần thông Phổ. 7. Phương tiện Phổ. 8. Nói pháp Phổ. 9. Cúng dường chư Phật Phổ. 10. Thành tựu chúng sanh Phổ. Trên đã nói con đường Phổ Môn đã dựa theo pháp rồi. Mười Phổ Môn này đều dựa theo tu hành phước đức trang nghiêm, năm mục trước là tự hành, ba mục kế là hóa tha, hai mục sau cùng kết hợp hai ý trước. Bốn mục trước trong tự hành là tu nhân, một mục sau là trình bày quả. Tu nhân lại có hai: Hai mục đầu tiên là nguyện, hai mục sau là hạnh.

1. Từ bi phổ: Nói chung sự sanh khởi ấy là Bồ-tát thấy tất cả sự khổ não của chúng sanh phát khởi đại từ bi. Tâm này tuy không chính là tâm Bồ-đề mà có thể phát sinh tâm Bồ-đề, ví như đất - nước tuy chẳng phải hạt giống mà có thể làm cho nẩy mầm. Nay nhân đại bi phát khởi tâm Bồ-đề cũng giống như vậy.

Kế là thệ nguyện, Nếu chi từ bi thì vui mừng nhiều nên lui sụt rơi rụng, trứng cá - hoa am la - Bồ-tát ban đầu phát tâm là ba việc, thời gian tu nhân nhiều và thành tựu quả đó rất ít. Vì không chắc chắn, cần phải phát khởi thệ nguyện yêu cầu kỳ hạn ràng buộc nắm giữ tâm này, chính là Bồ-đề vững chắc.

Kế đến nói về tu hành: nếu chỉ phát nguyện đối với người khác mà chưa làm lợi ích cho họ, như không có tài vật thế lực quyền mưu thì không thể dứt trừ tai nạn, Bồ-tát cũng như vậy, cần phải phước đức tài vật thần thông và trí tuệ quyền mưu, mới có thể hóa đạo. Đại kinh chép: "Trước dùng định tác động sau dùng tuệ dứt trừ", tu hành bổ sung cho nguyện ý ở điểm này.

Kế nói dứt hoặc: Luận Thành thật nói người không ngăn ngại đạo điều phục giải thoát đạo đoạn. Nếu vậy thì tu hành là điều phục đạo làm nhân, dứt hoặc là giải thoát đạo làm quả. Nếu Tỳ-đàm nói đạo vô ngại một niệm chính là đoạn, sao có thể cho phép cùng với bảy giác chi mà có nghĩa của điều phục hoặc? Dùng đạo phương tiện điều phục đạo vô ngại đoạn giải thoát đạo chứng. Dẫn Thích Luận chép: "Trong đạo vô ngại thì hành gọi là Bồ-tát, trong đạo giải thoát thì hành gọi là Phật. Đây là dựa theo rốt ráo làm lời nói, Phật chứng Tam-muội Bồ-đề gọi là đạo giải thoát". Nếu vậy thì tu hành là đạo phương tiện, dứt hoặc là đạo vô ngại, nhập pháp môn là đạo giải thoát, chọn lấy thứ lớp tự hành này.

Kế là nói về thần thông: Nếu muốn cảm hóa người khác thì bày tỏ ba bí mật, thần thông là bày tỏ sắc thân, phương tiện là bày tổ ý đồng tình, nói pháp là bày tỏ miệng tùy theo âm thanh của loại đó. Đây là

thứ lớp hóa tha. Cúng dường chư Phật kết hợp với tự hành, chẳng những hoa hương hay bốn sự là cúng dường, mà còn tùy thuận tu hành là pháp cúng dường, bậc nhất trong các thứ cúng dường. Đại kinh chép: "Ông thuận theo lời ta nói tức là cúng dường Phật, vâng theo giáo pháp mà thực hành là kết hợp với tự hành, thành tựu chúng sanh là kết hợp với hóa tha". Bồ-tát trong bốn oai nghi còn không quên chúng sanh, huống chi đi vào các pháp môn thanh tịnh cõi nước Phật, đều vì thêm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sanh, cho nên một câu kết hợp với hóa tha. Kế là giải thích: Bắt đầu từ trời người cho đến các địa trên đều có từ bi, lời nói này chính là thông suốt không vượt ngoài chúng sanh, pháp duyên và vô duyên. Nếu duyên chúng sanh mà chúng sanh sai khác giả danh không giống nhau, nhân quả khổ vui có khác nhau, hãy còn không được đi vào nơi từ của pháp duyên, làm sao có thể gọi là Phổ được? Nếu Pháp duyên vô nhân - vô ngã, không có chúng sanh, từ giả để đi vào không còn chẳng được các giả danh, huống chi là Phổ: Nếu vô duyên từ, không duyên với giả danh của hai mươi lăm hữu, không duyên với pháp Niết-bàn của Nhị thừa, không duyên với hai bên này, tuy không có gì duyên theo, nhưng có thể cùng soi chiếu cả không giả, dựa vào đây phát khởi từ ngữ gọi là vô duyên từ, tâm thông với ba đế gọi đó là Phổ. Giải thích riêng: Nếu tu chúng sanh duyên Từ ấy, quán Giả danh của chúng sanh một pháp giới, có thể không gọi là Phổ, nay quán Giả danh của chúng sanh mười pháp giới, mỗi giới đều có mười thứ tánh tướng như bổn mạt cứu cánh đúng... Mười pháp giới thay nhau thì có trăm pháp giới ngàn loại tánh tướng, kín đáo phục ở tâm tuy không hiện rõ trước mặt mà khác nào đầy đủ, ví như mặt người đầy đủ thì ngừng chê bai ở tướng, người tầm thường không biết, Thầy tướng số khéo biết. Nay tánh tướng chúng sanh trong một tâm đầy đủ, cũng giống như vậy, người bình thường nhiều điên đảo một ít không điên đảo lý mà tình mê đủ, bậc Thánh hay biết liền nhận thức biết như Thầy tướng số kia, biết ngàn thứ tánh tướng này đều là pháp do nhân duyên sanh. Nếu là nhân duyên xấu ác sanh ra pháp, thì có tánh tướng khổ cho đến đến gốc ngọn của khổ, đã chưa giải thoát, quán sát khổ này mà khơi dậy đại bi. Nếu quán nhân duyên tốt đẹp sanh ra pháp, thì có tánh tướng vui cho đến gốc ngọn vui, quán sát điều này mà phát khởi đại từ, giải thích đầy đủ như Đại Bổn. Nay dựa theo hai giới trước sau thì trung gian có thể hiểu rõ. Tánh cõi Địa ngục như vậy: Tánh gọi là không thay đổi, như trong tre trúc có tánh lửa. Nếu không có tánh đó, không cần phải cầu lửa từ tre trúc - cầu nước từ đất đai - cầu gió từ quạt. Tâm có cõi địa ngục thì tánh

cũng giống như vậy. Tướng địa ngục ấy là, thu nhận mà có thể tách biệt gọi là Tướng, người khéo quán sát tâm thì liền nhận biết tướng của địa ngục, như thầy tướng giỏi phân biệt tướng không lầm, nên gọi là tướng. Thể ấy là lấy tâm làm thể, tâm cảm nhận khổ vui cho nên lấy làm thể tương đương. Ví như sự khác nhau của cái thoa - cái xanh, cái trâm - cái xuyến, chung quy lấy bạc làm thể chất. Sắc của sáu đường quả là khác nhau chí là dựa theo tâm, cho nên tâm làm Thể. Cho đến vận dụng cai quản gọi là lực, duyên theo núi đi vào lửa đều là khả năng đó. Tác là hành động gọi là Tác, đã có thể có năng lực tức là có hành động tạo ra, hoặc làm điều thiện - làm điều ác. Nhân là nghiệp là nhân, Duyên là nhờ cậy mượn làm duyên, như ái thấm nhuần nghiệp nên nhân duyên hòa hợp. Quả là tập quả, như người địa ngục đời trước nặng về dâm dục, đọa vào địa ngục vẫn dựa vào nặng về dâm dục thấy cảnh đáng yêu, thì liền hướng về người thân kề cận gọi là tập quả. Báo là báo quả, xưa có tội dâm dục nay đọa vào địa ngục chịu khổ quay nướng, gọi là báo quả. Bổn là tánh đức của pháp. Mạt là tu đạt được pháp. Cứu cánh đẳng là tu được tức là đều có tánh đức, thu nhận tánh đức tức là có tu đạt được, ban đầu và sau đều có nên nói là Đẳng. Mười tướng tánh của cõi địa ngục đã như vậy, thì chín giới còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Giới ấy có mười tánh tướng có thể như vậy, vì sao nói thay nhau cùng có lẫn nhau? Giới còn lại thay nhau đã khó có thể tin, vì sao nói địa ngục có tánh tướng bổn mạt của Phật?

Đáp: Đại Kinh chép: "Hễ có tâm ấy thì đều sẽ đạt được Tam-miêu Bồ-đề, như Tiên Dự giết Bà-la-môn liền có ba niệm, lại Bà tẩu nói người địa ngục Thích-cao cứng rắn hay mềm mỏng, tuy ở địa ngục mà lý của Phật tánh cuối cùng không mất". Cho nên biết cõi địa ngục tức là có Phật tánh, Phật tướng ấy chính là tướng của tánh đức. Kinh Tịnh danh nói "Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề, bậc Thánh xem xét yên tánh như thế có thể tách biệt". Thể ấy chính là lý thật tướng của tâm cõi địa ngục, lực là đại dụng biến đổi thông suốt mười lực của pháp tánh. Tác ý là từ vô trụ vốn lập nên tất cả các pháp, như gân sư tử sữa sư tử vậy. Nhân là chánh nhân, duyên là tánh đức duyên liễu, quả tức là đại quả Bát-nhã Bồ-đề, báo tức là quả của đại quả Niết-bàn, bổn tức là tánh đức, mạt chính là tu đạt được, đẳng ấy là tu đạt được tướng ở trong tánh đức, trong tánh đức cũng có đầy đủ đạt được tướng mạo, cho nên nói rốt ráo đẳng. Đại Kinh chép: "Trên núi Tuyết có Diệu Dược Vương cũng có cỏ độc, một cõi địa ngục còn có đủ mười pháp tánh tướng của Quả Phật, huống chi cõi khác ư? Địa ngục cùng có chín giới, cõi khác

cùng có cũng như vậy. Bồ-tát quán sát sâu sắc chúng sanh mười pháp giới, ngàn loại tánh tướng có đủ ở một tâm. Xa luận về cội nguồn soi chiếu cái ác của tánh đức - cái thiện của tánh đức đó, hãy còn tự nhiên yên tĩnh như thế, huống chi không soi chiếu tu đạt được thiện ác ư? Như thấy núi Tuyết, Dược Vương - cỏ độc, vì quán sát tánh đức ác độc mà xót xa buồn đau, khởi lên tâm đại bi muốn dứt trừ nỗi khổ đó, vì quán sát tánh đức tốt lành vui vẻ mà ái niệm vui mừng, khởi lên tâm đại từ muốn ban cho niềm vui đó. Mười pháp giới này thu nhận hết tất cả chúng sanh chẳng gì không hết, duyên với giả danh chúng sanh này để tu từ, há chẳng phải chúng sanh tử Phổ hay sao?

Hỏi: Khổ sâu nặng của cõi địa ngục chưa dứt trừ, vì sao nói ban cho niềm vui?

Đáp: Một là lúc chúng sanh vào địa ngục thường khởi lên ba niệm, Bồ-tát tát nhân theo cơ hội đó lập tức ban cho sự vui sướng, cho nên nói ban cho niềm vui. Lại, Bồ-tát thường đại bi thay thế chịu khổ, khiến cho khổ đau dừng nghỉ, cõi khác khổ đau không sâu nặng nên nghĩa ban cho niềm vui có thể hiểu được.

Pháp duyên từ: Quán tánh tướng mười pháp giới tất cả thiện ác đều là hư không, mười pháp giới giả danh thì giả danh đều là không, mười pháp giới sắc thọ tưởng hành thức mà hành thức đều là không, mười pháp giới xứ sở mà xứ sở đều là không, vô ngã vô ngã sở đều không thật có, như huyễn như hóa không có gì chân thật, tướng thưởng vắng lặng cuối cùng trở về không, vì sao chúng sanh cố chấp suy nghĩ là thật? Vì chúng sanh không giác ngộ không biết là khổ là não, không đạt được niềm vui vô vi vắng lặng, dứt trừ khổ này của họ mà phát khởi đại bi, muốn mang lại niềm vui này cho họ cho nên phát khởi đại từ. Kinh Tịnh Danh chép: “Có thể vì chúng sanh nói ra pháp như vậy, chính là Chân Thật từ”. Nếu duyên với pháp của một pháp giới phát khởi Từ ấy thì có thể không gọi là Phổ, nay duyên với Pháp của mười pháp giới chẳng lẽ không phải là phổ hay sao? Đó gọi là Pháp duyên Từ Phổ.

Ba là Vô duyên từ: Nếu duyên với các tánh tướng sai khác về giả danh của mười pháp giới. Giả này thì chẳng phải Giả, mười pháp giới như huyễn như hóa - không thì chẳng phải không, chẳng phải giả cho nên không duyên với tánh tướng mười pháp giới, chẳng phải không cho nên không duyên với chân thật của mười pháp giới. Đã ngăn dứt hai bên này không trú, không đắm, gọi là Trung đạo, cũng không có Trung đạo để duyên thì rốt ráo thanh tịnh. Lúc quán sát như vậy tuy chẳng duyên với Không - Giả, mà tùy ý cùng chiếu soi cả hai bên, khởi từ bi

vô duyên dứt trừ khổ hai tử, mang lại niềm vui của Trung đạo. Như nam châm hút sắt, không có người bảo mà tự nhiên tương ưng, từ bi vô duyên hút cơ nghi ba đế lại không sai lầm, không cần phải thể hiện ý niệm cho nên nói là Từ bi vô duyên. Hành giả bắt đầu ở địa vị phàm tục tu từ bi này, thì sẽ được vào năm phẩm đệ tử, quán sát thực hành từ bi vô duyên, tiến vào địa vị Thập tín tương tự từ bi vô duyên đi vào Thập trú, mới là phân chứng từ bi vô duyên, cho đến Đẳng giác gần cạnh cực điểm từ bi xông ướp chúng sanh, không lay động như gương sáng, không suy niệm như nam châm tùy ý hút sắt, cho nên gọi là từ bi vô duyên ba đế đầy đủ gọi đó là phổ, thông suốt đến Trung đạo cho nên gọi là Môn.

2. Hoằng thệ phổ: Hoằng là rộng, Thệ là chế, Nguyện là yêu cầu. Vì thế cho nên lập chế cai quản tâm đó rộng ra tìm cầu pháp thù thắng, đó gọi là Hoằng thệ. Hoằng thệ là nguồn gốc thành tựu từ bi. Từ bi đã duyên với khổ vui thì Hoằng thệ cũng dựa vào bốn đế. Nếu thấy khổ đế bức bách rõ ràng hiểm độc chua xót, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa độ khiến cho độ. Nếu thấy tập đế điên đảo trôi lăn mê hoặc ràng buộc, sanh tử mênh mông lại không có bến bờ, thật đáng buồn thương, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa giải thoát khiến cho giải thoát. Đạo thanh tịnh mà chúng sanh không nhận ra, người thực hành đạo này có thể thoát ra sanh tử đến nơi an vui, muốn bày tỏ chúng sanh tồn tại ở đạo này, cho nên nói chưa an khiến cho an. Nơi phiền não dứt trừ gọi là Niết-bàn, hạt giống quả ràng buộc dứt, thu được hai Niết-bàn, duyên vào đây phát khởi thệ cho nên nói chưa đạt được Niết-bàn khiến cho đạt được Niết-bàn. Nhân của sanh tử khó nhận biết mà quả khổ đau dễ dàng biết được, cho nên trước là quả sau là nhân. Diệu lý Niết-bàn cần phải phương tiện hết sức, cho nên trước là nhân sau là quả. Đại Kinh chép: "không hiểu cách dùi mài, lay động thì sữa đặc còn khó đạt được huống chi lại là bơ sống đề hồ?". Bốn ý như vậy chỉ hướng về một, chỉ vì tâm mê mở phát khởi nghiệp thì nghiệp liền chiêu cảm quả, muốn nhận biết nguồn gốc của quả thì biết biết tập nhân của quả, hạn định tâm ngưng lại nghiệp thì sanh tử lần lượt hỏng mất, điều phục phiền não gọi là Đạo, tu hành không lười nhác kiên trì nhẫn nại làm cho sáng tỏ, hạt giống quả đều dứt trừ chứng tận vô sanh, gọi là Diệt. Tuy có bốn thứ khác nhau nhưng rốt cuộc là một niệm, càng chẳng phải pháp khác, bốn đế đã như vậy thì hoằng thệ cũng như thế.

Kế là nói về Phổ và không Phổ, Nếu phàm phu đã chán ghét cõi dưới mà bám víu cõi trên, dựa vào đây lập thệ thì không gọi là Phổ. Nhị thừa thấy nhà lửa ba cõi sợ hãi điều này mà tu đạo, đây chính là

thấy phần đoạn bốn đế cũng không gọi là Phổ. Nếu Biệt giáo trước hết dựa vào phần đoạn - kế là dựa theo Biến dịch, đây cũng chẳng phải là Phổ. Nếu Bồ-tát Viên giáo ở trong một tâm soi chiếu tất cả khổ tập diệt đạo, biết khắp cả kiến ái phàm phu tức là Tập của hữu tác; nhị thừa mê đắm không tức là Tập của vô tác, nên kinh Tịnh Danh chép: "Pháp gọi là vô nhiễm, nếu nhiễm các pháp, đó gọi là nhiễm pháp, chẳng phải cầu pháp". Lại chép: "Kết tập chưa hết, phồn thịnh thì mê đắm thân, tức là hoặc của Biến dịch hoàn toàn chưa trừ diệt". Đại Kinh nói: "Tỳ kheo các thầy đối với Đại Thừa này chưa phải chánh pháp trừ các kiết sử tức là vô tác tập cho đến thuận theo đạo pháp mà ái sanh khởi cũng là vô tác tập, đó gọi là biết khắp cả tập. Biết khắp cả khổ ấy là, vì hữu cho nên lập tức thể dẫn đến khổ báo, tập của hữu tác dẫn đến khổ phần đoạn, tập của vô tác dẫn đến khổ Biến dịch, tức là biết khổ đế. Biết khắp cả đạo diệt đối trị khổ tập, thuận theo năm giới cõi - mười điều thiện không lay động không vượt ra, bốn đế - mười hai nhân duyên của nhị thừa, thông suốt đến Niết-bàn hữu dư vô dư, Thông giáo cũng như vậy. Biệt giáo trải qua riêng khác thông suốt đến thường trụ, không thể đối với một đạo có vô lượng đạo, không gọi là Phổ đạo. Trung đạo Viên giáo chính là thật tướng, Phổ Hiền Quán chép: "Nhân Đại Thừa ấy là Thật tướng các pháp, tu như đạo này gọi nhân trọn vẹn xứng đáng là Phổ đạo. Vì vậy Niết-bàn đã đạt được chính là rốt ráo thường trụ, tất cả phiền não không bao giờ còn trừ bỏ, giống như kiếp hỏa không còn để lại tro tàn, nên gọi là Phổ diệt. Vốn quán sát bốn đế đã hoàn tất, duyên vào đế phát khởi thệ sao có thể không rộng khắp, cho nên gọi là Hoằng thệ Phổ. Sử dụng riêng quán sát tánh đức mười pháp giới tu được thiện ác, mà phát khởi hoằng thệ nói về Phổ - không Phổ, tự chỉ là một chi tiết nghĩa lớn, có khác với bốn đế nói trên cho nên tránh sử dụng thì tốt hơn!

3. Nói về Tu hành Phổ: Trước trình bày thứ lớp tu hành, kế là nói tu hành không thứ lớp, đầy đủ ở trong Đại Bổn Hạnh Diệu.

4. Nói về Đoạn hoặc Phổ: Nếu từ giả đi vào không chỉ dứt bốn trụ hoặc, phồn thịnh còn đắm mê thân, chưa phải là chánh pháp trừ diệt các kiết sử, chỉ xa lìa luống dối chẳng phải giải thoát tất cả. Nếu từ Không đi vào giả chỉ dứt trừ hoặc trần sa, không dựa theo căn bổn là dứt cũng không gọi là Phổ. Nếu chẳng có hai chánh quán Giả không Trung đạo như gốc rễ đã sụp đổ thì cành lá tự mất, như lật mặt đất lên thì cỏ cây đều tàn lụi, cho nên gọi là Đoạn hoặc Phổ.

5. Nhập pháp môn Phổ: Nhị thừa nếu đi vào một pháp môn thì

không thể đi vào hai, huống chi là nhiều. Nếu tu trải qua hạnh riêng khác thì đẳng cấp cạn sâu khác nhau. Mình chỉ biết một pháp môn này ngoài ra không thể biết được, đây cũng chẳng phải là Phổ. Nếu nhập vào Tam-muội Vương thì tất cả đều hòa nhập trong đó, giống như nhà vua đến thì chắc chắn có quân trại đi theo, quân trại đi theo lại có quân trại tùy tùng, Tam-muội Vương cũng như vậy, nhập vào Tam-muội này thì tất cả Tam-muội đều hòa nhập trong đó, đó là ba đế Tam-muội, ba đế Tam-muội lại có vô lượng pháp môn để làm quyến thuộc, cũng đều biết hòa nhập trong Vương Tam-muội, cho nên gọi là nhập pháp môn Phổ.

6. Thần thông Phổ: Nếu thiên nhãn của Đại La-hán nhìn thấy thế giới đại thiên Bích Chư Phật nhìn thấy trăm cõi Phật, Bồ-tát nhìn thấy hằng sa cõi Phật, đều là tất cả hạn lượng cho nên không gọi là Phổ. Vì sao? Vì duyên theo cảnh đã hạn hẹp mà mở rộng thông suốt cũng nhỏ. Nay Bồ-tát Viên giáo duyên theo cảnh mười pháp giới mở rộng tất cả, nhìn thấy khắp cả mười pháp giới mà không giới hạn cuối cùng, ba thừa còn không biết tên gọi đó, huống chi nhìn thấy cảnh giới đó; mắt nhìn thấy đã như vậy những thần thông khác theo đó có thể biết, trong Thần thông diệu sẽ giải thích rộng hơn.

7. Phương tiện Phổ: Tiến hành phương tiện là phương tiện trước của Đạo, khởi dụng phương tiện là phương tiện sau của Đạo. Nay chính là trình bày phương tlện sau của Đạo. Hoặc như nhị thừa và tiểu Bồ-tát thực hành phương tiện đi vào pháp môn, hoặc muốn giáo hóa người khác bằng vốn đạt được của họ mà phát khởi dụng cảm hóa vật, phương tiện trước sau của Đạo cùng chẳng phải Phổ. Bồ-tát Viên giáo dùng hai đế làm phương tiện, thâu nhiếp tất cả phương tiện, đi vào Trung đạo rồi soi chiếu cả hai đế, hai đế thần thông biến hóa rộng khắp mười pháp giới, mà đối với Pháp thân không có gì tổn giảm, phương tiện trước sau Đạo đều gọi là Phổ.

8. Nói pháp Phổ: Nhị thừa và tiểu Bồ-tát nói pháp không thể nào trong một lúc trả lời khắp cả tiếng của mọi người, lại địa phương khác nhau phong tục sai khác không thể nào khiến cho họ cùng hiểu. Đại kinh chép: “Câu-hy-la ở trong các Thanh-văn là người đứng đầu về bốn vô ngại biện, chẳng phải gọi là Bồ-tát”. Nay người Viên Giáo một âm thanh giảng nói pháp, tùy theo chủng loại được hiểu rõ, dùng một Diệu âm đầy khắp cả mười các thế giới trong phương, như đàn cầm Tu-la đến tùy theo ý người phát ra âm thanh, cho nên gọi là nói pháp, trong Nói pháp Diệu có nói rộng.

9. Cúng dường chư Phật Phổ: Ngay đây chia làm hai: Một là sự, Hai: là lý. Kinh Hoa nghiêm chép: “Không vì cúng dường một đức Phật một cõi nước, vô lượng hằng sa chư Phật, cho đến vì cúng dường chư Phật không thể nói không thể nói hết, có thể không khởi diệt định hiện rõ các oai nghi, an thiền chắp tay khen ngợi các đấng Pháp vương, đem thân mạng tài vật và tất cả vật dụng cúng dường, cùng khắp đến mười phương, ví như mây mưa cúng dường chư Phật”. Lý giải là: Tâm chánh quán, trí tuệ viên mãn gọi là Giác, Giác nghĩa là của Phật, muôn hạnh công đức huân tu trí này - trí này gọi là nhất thiết. Tu công đức để cúng dường trí này, tức là cúng dường Nhất-thiết-trí. Kinh Tịnh Danh chép: “Đem một món ăn giúp cho tất cả”, vì thế nói là cúng dường chư Phật Phổ.

10. Thành tựu chúng sanh Phổ: Ví như ánh chớp đom đóm, đen đuốc - trăng sao là ích lợi che trùm nhỏ bé ánh mặt trời soi chiếu thế gian, tất cả cây cỏ rừng rậm khắp nơi khiến cho lớn lên hoa trái thành tựu, ngoại đạo như ánh lửa đom đóm, Nhị thừa như đèn đuốc, Thông giáo như sao - Biệt giáo như trăng, nghĩa thành tựu theo trên. Nay bậc Thánh Viên giáo từ bi thêm nhiều lợi ích, hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ mà không hạn lượng. Kinh Hoa nghiêm chép: “Bồ-tát không vì một chúng sanh, một cõi nước, một phương chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, chính là vì cõi Phật không thể nói không thể nói hết - vô lượng hằng sa cõi nước chúng sanh mà phát tâm, thành lập lợi ích trong một lúc cùng thấm nhuần”. Ví như mưa lớn cùng tuôn xuống tất cả bốn phương, nên gọi là thành tựu chúng sanh Phổ. Nghĩa của Phổ Môn đâu hạn lượng đâu biên giới đâu thể cùng tận mà hạng như Tịnh Danh không thể thọ trì! Nay Quán Thế Âm Phổ Môn này chính là đối với ba tên gọi, Quán tức là Giác, giác gọi là Phật, Thế Âm là cảnh, cảnh chính là Như, Phổ Môn tức là Chánh biến tri. Ba nghĩa này không thể cùng tận, nếu nhìn thấy ý đó thì tự nhiên nói. Chỉ dựa theo phẩm Phổ Môn tìm nghĩa mười Phổ để chứng minh thành tựu điều này. Nếu như: “Quán Âm thương mọi người trong bốn chúng nhận chuỗi anh lạc đó”. Đã nói mọi người thì không vì một người, mẫn nghĩa là bi thương, đây chính là Từ Bi Phổ. Có từ bi thì tùy ý có nghĩa Hoằng Thệ Phổ. “Dùng các thứ hình tướng dạo đến các cõi nước độ thoát chúng sanh”, tức là tịnh Phật cõi nước, há chẳng phải Tu hành Phổ hay sao? Tự mình đã không ràng buộc thường cởi mở rằng buộc cho người khác, tự mình không độc hại giúp cho người khác lìa xa độc hại, “trong một lúc xưng niệm danh hiệu điều được giải thoát,” đều là ý nói riêng mình và tất cả há chẳng phải Đoạn

hoặc Phổ hay sao? “Phổ Môn thị hiện” tức là Nhập Pháp Môn Phổ. “Lực của phương tiện” “Là Phương Tiện Phổ” “Lực thần thông ấy” tức là Thần Thông Phổ. “Mà vì đó nói pháp”, tức là nói Pháp Phổ. “Nhiều điều lợi ích” tức là thành Tựu chúng sanh Phổ “chia làm hai phần dâng lên hai đức Như-lai” tức là cúng dường chư Phật Phổ. Nghĩa ý như vậy đều ở trong văn kinh, cho nên dẫn ra để làm chứng cứ.

Thứ hai là giải thích về thể: Dùng linh trí kết hợp với pháp thân làm thể, nếu kinh khác nói về ba thân ấy, thì chỉ dùng pháp thân làm thể. Phẩm này chỉ có nghĩa về hai thân, cho nên dùng lý trì hợp lại làm thể, chỉ vì trí này chính là lý thật tướng. Vì Sao? Vì nếu không có linh trí thì thật tướng ẩn kín, gọi là Như-lai tạng. Nay biết tướng Quyền thật và lý không hai, như tên gọi trái phải. Nếu nói về nghĩa của thể thật tướng, mở rộng này thì xem trong Đại Bổn Huyền Nghĩa.

Thứ ba nói về tông: lấy cảm ứng làm Tông, cơ của mười cõi hợp với tri thức của tịch chiếu, làm cho có ích lợi trước sau cảm ứng. Văn nói ích lợi tuy nhiều mà chỉ là thẳng đem sự cảm ứng đến chỗ thâu nhận như giật lưới thì mắt lưới lay động, cho nên dùng cảm ứng làm Tông. Kinh khác hoặc dùng nhân quả làm Tông, phẩm này không như vậy ấy là, nói nhân quả thông suốt từ phàm phu cho đến Thượng địa, đều có nhân quả, năng cảm sở cảm đều có nhân quả, nhưng ý văn kinh dường như không nói đến điểm này. Cơ mọi người tuy có nhân quả nhưng lấy cảm làm tên gọi. Bậc Thánh tuy không nhân quả nhưng lấy ứng làm tên gọi, thì giúp cho văn nghĩa thuận tiện.

Nghĩa cám ứng có sáu.

1. Nêu tên gọi.
2. Giải thích tướng.
3. giải thích đồng khác.
4. Nói về tương đối.
5. Nói về Phổ không Phổ.
6. Giải thích về quán tâm, đầy đủ ở đại Bổn.

Hỏi: Nếu nói cơ là sắp phát sanh thiện nhỏ bé, ác nhỏ bé sắp phát sanh cũng là cơ phải không?

Đáp: Đúng thế. Hỏi: Cơ là thiện hay bất thiện? Nếu đã là thiện thì đâu cần phải cảm Thánh? Nếu không là thiện sao có thể nói thiện sắp phát sanh? Đáp: Thánh thiện ẩn nấp sâu xa giống như hoa sen ở trong bùn, bậc Thánh nếu ứng giống như mặt trời soi chiếu thì lộ ra.

Lại hỏi: Nếu nói cơ là quan hệ ấy là quan hệ thiện hay quan hệ bất thiện? Nếu đã là thiện thì dâu cần phải quan hệ với Thánh mà trở

thành thiện? Nếu chẳng phải thiện thì làm sao có thể quan hệ với Thánh mà trở thành chẳng phải thiện? Phàm Thánh rành mạch như thế đâu hề có quan hệ với nhau?

Đáp: Thiện quan hệ đối với Đại từ - ác quan hệ đối với Đại bi, cho nên nói quan hệ lẫn nhau.

Hỏi: Nếu nói là thích nghi giải thích cơ, đây chính là tùy người quán cơ cùng dùng với lời nói, đâu giải thích nghĩa của cảm?

Đáp: Nắp tròn đáy tròn thì thích hợp nhau.

Hỏi: Dùng pháp thân để ứng hay dùng ứng thân để ứng? Ứng thân vô thường vậy thì không ứng, nếu Pháp thân ứng thì chẳng phải pháp thân?

Đáp: Pháp đã nói là thân sao không nói ứng? Ứng thân đã gọi là ứng, vì sao không ứng? Cho nên cùng ứng.

Lại hỏi: Cảm ứng là một hay khác. Nếu một cảm tức là ứng thì phàm sẽ thành Thánh, nếu khác thì không liên quan với nhau?

Đáp: Không phải một không phải khác mà nói về cảm ứng.

Hỏi: Cảm ứng là hư hay thật? Nếu là thật thì phàm phu là thật, thật thì sao có thể thay đổi? Nếu nói là hư thì hư thay đổi chỗ nào?

Đáp: Vân vân. Vì người khác hỏi: bậc Thánh là sở cảm - phàm phu là năng cảm, bậc Thánh là năng ứng - phàm phu là sở ứng, sở cảm chẳng phải cảm - sở ứng chẳng phải ứng, vì sao nói đường cảm ứng giao nhau? Đáp: Sở cảm thật ra không cảm, thuận theo cảm gọi là sở cảm, nói bậc Thánh là sở cảm. Sở ứng thật ra không ứng, thuận theo ứng gọi là sở ứng, nói phàm phu là sở ứng, trở lại là cảm sở làm ứng năng, ứng năng làm cảm sở, cũng là ứng sở làm cảm năng, cảm năng làm ứng sở, đã không có thật sự của cảm ứng, cũng chẳng có khác nhau về cảm ứng. Chẳng khác nhau mà khác nhau, bậc Thánh ẩn kín sở cảm - gọi là năng ứng, phàm ẩn kín sở ứng - gọi là năng cảm cho nên nói đường cảm ứng giao nhau. Chất vấn riêng lời nói này, nếu thật sự không khác nhau về cảm ứng, nay bậc Thánh ẩn kín năng cảm - phàm ẩn kín năng ứng, sao không thể bậc Thánh ẩn kín năng ứng, phàm ẩn kín năng cảm? Nếu vậy thì chẳng có khác nhau giữa phàm bậc Thánh. Nếu không như vậy thì cảm ứng sẽ khác nhau sao nói là không khác nhau? Còn cảm năng không có thật cảm năng, mà lại gọi cảm năng sao chẳng gọi là ứng năng? Nếu ứng sở không thật sao không gọi là cảm sở? Nếu vậy thì không có phàm Thánh cảm ứng, nếu không vậy thì khác nhau sao nói là không khác nhau? Lại chất vấn nếu dùng cảm năng làm ứng chỗ sở cảm làm ứng năng, đây là nghĩa tự phát sanh. Nếu năng ứng chỉ là sở ứng

- năng cảm chỉ là sở cảm, lại là nghĩa tự phát sanh. Nếu ứng năng phát sanh ứng sở - cảm năng phát sanh cảm sở, năng cảm phát sanh sở cảm - sở cảm phát sanh năng cảm, năng ứng phát sanh sở ứng- sở ứng phát sanh năng ứng, đều là từ người khác phát sanh, chẳng lẽ không phải là nghĩa của tánh người khác hay sao? Nếu cùng phát sinh thì có hai lỗi, nếu lìa cả hai thì rơi vào lỗi vô nhân.

Hỏi: Nếu vậy thì không có cảm ứng ư?

Đáp: bậc Thánh lấy pháp bình đẳng vô trú mà không trú cảm dùng bốn tất-đàn tùy cơ ứng như vậy.

Hỏi: Thiện của vọng chấp có thể cảm hay không?

Đáp: Vọng chấp là ác cũng có thể cảm.

Hỏi: Vọng chấp đã chẳng phải một - ứng cũng là hai ư?

Đáp: Ứng vốn không hai vì duyên chỗ nào mà không thực hiện.

Hỏi: Hễ gọi là bình thường kỳ quái, thiện thì làm cho vui sướng - ác thì cảm lấy khổ đau. Bậc Thánh gọi là chánh, chánh thì chẳng thiện, chẳng ác chẳng khổ chẳng vui. Sự kỳ quái của thiện ác làm sao có thể cảm đến chánh của chẳng thiện chẳng ác được?

Đáp: Chánh Thánh từ bi dứt trừ chỗ kỳ quái của thiện ác đó, khiến cho đi vào cái chánh của chẳng thiện chẳng ác, cho nên có cảm ứng.

Thứ tư là từ bi lợi vật làm dụng. Hai trí không thích hợp để dùng ư? Đáp: Nói hai trí là nói nay riêng dựa theo văn, vì ích lợi ngầm kín và rõ ràng rất nhiều, cho nên lấy điều này làm dụng như vậy. Người khác giải thích: Pháp thân lợi ích kín đáo là thường, ứng thân tạm thời phát ra trở lại ẩn kín là không thường. Nay nói: pháp thân thường vắng lặng mà thường soi chiếu lý này đương nhiên như vậy. Ứng thân khắp mọi nơi lợi ích mà chưa hề ngừng bỏ cũng là nghĩa của thường. Nếu nói có ứng không ứng cho rằng không thường ấy, thì Pháp thân cũng có ích, không có ích cho nên biết đều là thường không thường cùng có ngầm kín hiện rõ, như mặt trăng mặt trời cùng soi chiếu thì một thiếu một thừa. Như-lai thường dùng hai pháp thường và không thường huân tu chúng sanh, cho nên nói hai chim cùng đi lại, mà gọi là thường không thường như vậy. giống như trồng trọt hoặc mượn gió mưa mặt trời bên ngoài - có khí đất ấm áp tưới nhuần bên trong, mà muôn vật được lớn lên, hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ cũng giống như vậy, trong đây ứng dụng Tam-muội Vương mười lần phá trừ hai mươi lăm hữu, để giải thích về dụng của từ bi lợi ích chúng sanh, có nói đủ trong Đại Bổn Huyền Nghĩa.

Hỏi: Quán Âm lợi ích cho chúng sanh rộng lớn như vậy, là đã thành Phật hay còn là Bồ-tát? Đáp: Bổn địa khó biết nhưng kinh có hai

nói. Như kinh Quán Âm thọ ký chép: “Quán Âm - Thế Chí được Tam-muội như huyễn, vòng quanh qua lại mười phương để hóa độ chúng sanh. Xưa kia vào thời Kim Quang Sư Tử Du Hí Như-lai - nhà vua tên là Uy Đức, hóa sanh hai người con bên trái là Bảo Ý tức Quán Âm, bên phải là Bảo Thượng tức Thế Chí, hướng về thưa hỏi đức Phật cúng dường cách nào tốt nhất? Đức Phật dạy: Nên phát tâm Bồ-đề thuận theo Như-lai bắt đầu phát tâm Bồ-đề, kế Phật A-Di-Đà về sau sẽ thành chánh giác. Quán Âm hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương, Thế Chí hiệu là Thiện Trú Công Đức Bảo Vương”. Còn kinh Như-lai tạng cũng chép: “Quán Âm, Văn-thù đều chưa thành Phật” Hoặc kinh Quán Âm Tam-muội nói” Trước đã thành Phật gọi là Chánh Pháp Minh Như-lai, Thích-ca làm đệ tử khổ hạnh của đức Phật kia”. Hai văn trái nhau nói như vậy là vì sao? Chính là bốn tất-đàn hóa độ chúng sanh, không thể cầu tìm sự thật đó.

Thứ năm là nói về giáo tướng: Nói về Quán Âm thì các kinh, bộ rất nhiều, hoặc Thỉnh Quán Thế Âm - Quán Âm Thọ Ký - Quán Âm Tam-muội - Quán Âm Sám Hối - Đại Bi Hùng Mãnh Quán Thế Âm v.v... Đều khác nhau, nay phần vốn lưu truyền ấy chính là một phẩm gồm một ngàn năm trăm ba mươi (1530) chữ trong kinh Pháp Hoa, mà bản lưu truyền riêng ấy, chính là Pháp sư Đàm Ma La Sấm cũng gọi là Bồ-tát Y Ba-lặc, du hóa Thông Lĩnh tới Hà Tây, vua Hà Tây là Thơ Cừ Mông Tốn quy mạng chánh pháp, cùng có bệnh tật để bày tỏ với Pháp sư. Sư chép: “Quán Thế Âm có duyên với cõi này”, bèn khiến tụng niệm thì bệnh liền lành. Nhân vậy lưu truyền riêng một phẩm lưu thông ngoài bộ phận. Phẩm này là phần lưu thông trong kinh Pháp Hoa, đã thông suốt với giáo bỏ quyền bày thật, khiến cho hai lợi ích ngầm kín và hiển lộ phủ trùm ở tương lai. Dùng thân mười pháp giới cảm ứng trọn vẹn tất cả, khiến cho được giải thoát, người hoàn bị nắm giữ pháp đầy đủ lưu thông giáo pháp tròn đầy này, chính là tướng viên giáo lưu thông. Năm vị để luận bàn tức là lưu thông vị đề hồ.

Hỏi: Văn chép: “Năng lực phương tiện nhiều loại không giống nhau”, nói cũng cần phải khác nhau, sao có thể là tướng viên giáo?

Đáp: Dựa theo người năng nói làm viên, mở rộng Viên giáo hợp khắp căn cơ trong pháp giới, căn ơ tuy không giống nhau nhưng không thể khiến cho người có khả năng nắm giữ pháp tùy cơ mà đầy khắp. Ví dụ như Phật đối với một thừa chia ra nói hành ba, chẳng lẽ có thể làm cho Phật sẽ thành Thanh-văn- Duyên-giác hay sao? Lại phó chúc rằng: “Nếu người tin hiểu sâu sắc thì vì họ nói kinh này, nếu người không tin

thì đối với pháp sâu xa khác chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng” đã nhận ý chỉ của Phật trọn vẹn lưu lại muôn cơ thì nhiều loại không như nhau chỉ là lưu thông viên giáo. Lại hỏi: Người năng nói hoàn bị đối với giáo cũng trọn vẹn, ngườii thực hành với các căn cơ khác nhau thì người này thọ theo giáo nào? Nếu thọ theo giáo nghiêng lệch thì ở vườn Nai giống như người - nếu thọ theo Viên giáo thì căn cơ cũng thích ứng? Một trả lời: Nơi vườn Nai xưa kia Phật chưa phát Bổn hiển rõ Tích, không gom ba về một, người pháp chưa trọn vẹn, thọ theo phương tiện không được gọi là Viên. Nay kinh đã bỏ bày quyền thật, tuy là nhiều loại thân mà bổn tích chỉ một không thể nghĩ bàn, tuy nói ra nhiều loại pháp nhưng vì mở bày Viên đạo, đối với nghĩa không sai lầm. Hỏi: Văn trên nói chính là thẳng thắn bỏ ngang phương tiện, trong này sao nói dùng phương tiện? Đáp: Trên chính là hiển bày thật cho nên nói xả bỏ điều đó, ở đây nói về dụng cho nên nói là thị hiện. Thể và Dụng không thể nghĩ bàn.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

SỐ 1726

(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1727

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

Sa-môn Tri Lễ Tứ minh ở Đời Tống soạn

QUYỂN 1

Tri Lễ cúi đầu nhớ lại, lúc còn trẻ ưa thích học hỏi tìm đến dấu vết Bảo Vân, gặp giáo thọ pháp sư giảng giải phẩm này, thần căn đã chậm chạp liền nhiều lần hỏi han nghi ngờ. Tiên sư niệm tình tôi siêng năng học hỏi, không từ chối nêu ra. Cho nên các nghĩa được nghe ghi sơ lược trong lòng. Các vị cùng nghe xưa kia nay đều già yếu, thật là đáng lo kiến thức tiền nhân mai một! Mà cùng nhau tài hèn ráng sức, sao chép nghĩa kia để lại nơi đời cho kẻ hậu học, e rằng sự hiểu biết tối tăm, ghi truyền tông chỉ Viên giáo có chỗ lầm lạc, kính mong các vị hiền triết phủ chính. Ngày mồng một tháng tám năm Tân Dậu, niên hiệu Thiên Hi năm thứ đặt bút viết lời tựa.

Quán Âm Huyền Nghĩa là theo tên lược, đầy đủ phải nói Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm Huyền Nghĩa. Vì trong bài tựa đó và ở chánh văn nói đủ Người - Pháp, cho nên tạm nêu tên lược, nói Huyền Nghĩa là phần nghĩa của người giải thích. Huyền là tên gọi của sự u vi khó nhìn thấy, Nghĩa là sâu xa có lý do. Đây bởi Đại sư dùng lực Tam-muội thấu suốt ranh giới pháp tánh, nhìn thấy sâu sắc ý người pháp của phẩm này. Nên biết rằng năm nghĩa của các tên gọi đều sâu thẳm tinh tế, trí của người bảy phương tiện không ai có thể thấy. Quyển thượng đã có hai trục đối xứng cho đến trên dưới mà xét kỹ để phân biệt, kế đến chỉ ra người năng nói, tức Ngài Thiên Thai Trí Giả. Vì là học trò ghi chép lại những gì Ngài nói, cho nên không dám chánh nêu ra pháp húy.

Thiên Thai là tên núi chính là nơi Đại sư nương thân nhập diệt, cho nên lấy nơi này để nói lên người đó. Hoặc từ chỗ cư trú được tên gọi của núi, tướng trạng nhập diệt và sự linh nghiệm kỳ lạ sau khi nhập diệt, có nói đủ ở Đại Bổn và các văn biệt truyện Phụ hành, nay không nói đủ ở đây. Trí Giả chính là Tùy Đế cầu thọ đại giới Bồ-tát rồi, Sư nói : "Đại vương lần hồi vâng theo Thánh cấm, thích nghi gọi là Tổng Trì". Vua thưa: "Kinh Địa Trì chép: Lưu truyền ngọn đèn Phật pháp tức là người trí tuệ, Sư đã truyền bá ngọn đèn đáng ấy hiệu là Trí Giả". Từ đó trên tất cả thư sớ đều ghi là đệ tử Tổng Trì hòa nam Trí Giả. Nói Đại sư: đây chính là thầy của Đế vương đại nhân cho nên gọi như vậy, chẳng giống như danh hiệu chữ ký ở thời nay. Nói làm vui lòng. Là tha hồ vui với học nói giải thích, vừa lòng mong mỏi diệu ngộ, hoàn toàn khác với cái gọi là các Sư thu thập kinh luận, trước thuật sớ chương tiêu hóa văn kinh. Vì thế pháp sư Đại Nhẫn nhìn thấy Trí Giả nói pháp, đối với mọi người khen ngợi rằng: "Đây không phải văn sớ đã chuyển tải, chính là quán cơ tha hồ giải thích, Bát-nhã chẳng sắc bén chẳng chậm lụt, sắc bén hay chậm lụt là do duyên, dồi dào hợp thời, là tướng sắc bén đó, ao sâu hoa lớn chậm lụt vừa ý đạt được". Các ký lục chính là tôn giả Chương An, giải hạnh linh dị sự tích trước sau, bản lưu truyền đầy đủ rõ ràng. Văn giải thích chia làm hai, đầu tiên giải thích lời tựa có hai, thứ nhất nói về chân ứng lợi vật chia ra hai, ban đầu chính thức nói về chân ứng có hai, lúc đầu nêu ra hai thân diệu dụng có ba, trước trình bày thể diệu - hai là dụng mất có hai, trước pháp dung thông, ứng mất đi. Pháp giới viên dung: Sắc tâm - y chánh bởi vì chính là tánh, hướng về chỉ ra một pháp lần lượt gồm thâu tất cả, mỗi pháp gồm thâu khắp nơi cũng giống như vậy, các pháp cùng khắp lẫn nhau đều không có giới hạn, chính vì không ranh giới mà làm cõi đó. Pháp giới này chẳng có gì không viên dung, tức là trăm giới ngàn như - trăm như ngàn giới. Vì thế cho nên có thể nói duy sắc duy tâm duy y duy chánh. Nếu không như vậy thì tức chẳng phải viên dung. Quán Âm chứng đạt điều này lấy làm bổn thể, toàn bộ Diệu thể này mà phát khởi noi theo phù hợp. Dùng pháp giới ứng đi đến pháp giới cơ, cũng là lấy pháp giới cơ cảm pháp giới ứng. Pháp giới không hai năng và sở tự quên, cảm ứng còn quên thì Thể dụng lẽ nào phân tách. Do đó tuy lập ra ứng mà không có ứng để giữ lại, cho nên nói "Tượng vô sở tượng". Lại nói, "Chân như" trở xuống là tánh thanh tịnh chân vong. Chân như thanh tịnh ấy, Luận Khởi Tín chép: "Chân như, đó là tâm tánh bất sanh bất diệt, vì thế cho nên tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa lìa tướng ngôn nói - xa lìa tướng danh tự, xa lìa

tướng tâm duyên rốt ráo bình đẳng, không có biến đổi sai khác không thể phá hỏng hư hoại. Chỉ là một tâm cho nên gọi là chân như". Lại nói: "Thể chân như này không có thể phân tán, vì tất cả các pháp đều là chân, cũng không có thể lập ra, vì tất cả các pháp đều là Như. Đã không thể phá hủy hay lập ra thì tự bặt dứt nói năng suy tưởng, thì cùng với hà sa phiền não vốn không tương ưng, cho nên nói thanh tịnh". Quán Âm chứng đạt điều này mà làm bổn Thể, chính là chỉ bày thể này cho các chúng sanh, khiến cho Tri quán hạnh hoặc kiến chân tự. Tri kiến này là thành tựu ích lợi phục đoạn. Nếu chưa có sự thấy biết này thì chỉ có thể tinh tiến ba nghiệp trở thành cơ cũng lìa các khổ, tất cả được gọi là Hóa, đây đều là tướng lợi ích chúng sanh của chân thân.

Hỏi: Đồng duyên gọi là ứng, bỗng nhiên có tên gọi là Hóa, hai thứ thân này đều chẳng phải trí đức, nay vì sao Hóa mà là chân thân.

Đáp: Hóa bỗng nhiên có tức là hóa hiện rõ hóa. Nay đối với hình như nói về hóa giữ lấy Hóa chuyển Hóa. Vì sao như vậy? Trên nói ở nơi hình như thì ứng Hóa đều hình như. Từ "Thật báo v.v..." trở xuống đến thân địa ngục, đều đã gồm thâu hết. Nếu muốn hóa chuyển phàm hiền nhập thánh, cần phải chỉ ra chân trí. Nếu chẳng phải chân thân thì không thể nào hóa chuyển. Nói hóa vô sở hóa ấy là y cứ vào tánh bình đẳng quên đối với công lao hóa độ, tuy khiến cho chín đường đều hướng về Niết-bàn, mà không có chúng sanh nào được diệt độ vậy. Bình đẳng chân pháp giới - Phật không độ chúng sanh nên suốt ngày hóa độ chúng sanh mà suốt ngày không hóa độ. Hai là "Tuy tượng v.v..." trở xuống là nói về dụng quên. Hai lợi ích rộng khắp chia làm hai: Đầu tiên nói lên lợi ích rộng khắp, các pháp sắc tâm tuy tánh vô sanh, nhân duyên hòa hợp pháp như thế mà sanh. Quán Âm khéo chứng cùng với các pháp tánh, tuy không hình tướng, mà các cơ đều khế, không hình không hiện rõ. Đây là do ý niệm bặt dứt đối với thùyứng, cho nên có thể khắp nơi tùy theo mọi cơ pháp giới. Điều đó giống như gương sáng không ý niệm mà hiện rõ, cho nên nói "Chẳng có gì mà không giống". Hai là từ "Hóa không v.v..." trở xuống là lợi ích ngầm kín khắp cả. Từ chữ tuy ở trên bắt đầu câu này, xuyên suốt đến đây, tuy trong đó thật tánh không thể biến hóa, không biến mà biến mê ngộ rõ ràng như vậy. Quán Âm thuận theo lý tuy khắp mà không thay đổi, thường dùng chân trí hóa độ tất cả phàm thành thánh không hai, đây là do ý niệm không hóa độ chúng sanh, khắp nơi làm cho người khác đổi mê thành ngộ. Điều đó giống như đá nam châm không có ý niệm mà hút, cho nên nói "Chẳng chỗ nào mà không hóa" Ba là từ "Cho nên, không v.v..." trở xuống là

ngăn chiếu tức nhau, kết hợp hai thân đức tướng - chia làm hai: Trước tiên là tướng ứng thân, Trung đạo pháp giới cùng ngăn dứt hai bên cho nên không có gì hiện hữu, đương thể cùng soi chiếu cho nên chẳng gì không hiện hữu. "Thân hóa hiện thuận theo chín đường": Ở đây nói Hóa là bỗng nhiên có giải thích, cùng với ứng trở thành hai tướng lợi ích rõ ràng đầy đủ.

Hỏi: Kinh nói "Người đáng độ bằng thân Phật thì hiện thân Phật" nay sao nói là chín?

Đáp" Thân cõi Phật có thông suốt có hạn cuộc, hạn cuộc ở tại thân Diệu giác trí tướng, ba ngàn thật tướng vì rốt ráo dùng hết, còn chẳng phải tâm nhãn Đẳng Giác quán thấy, huống chi hạ địa và phàm phu nhỏ bé ư? Thông suốt thì tướng kết quả của ba giáo, cho đến phàm thánh Viên giáo vốn nhìn thấy, tuy phân chia thô phù hay mầu nhiệm mà đều gọi là thân Phật. Như vậy là tướng ứng hiện tùy cơ, là nhận thức việc đó hoặc là cái thấy của nghiệp thức. Vì thế tuy là Phật thân mà thông suốt gồm thâu cõi Nhị thừa - Bồ-tát. Văn kinh thuận theo thông suốt cho nên nói hiện rõ mười, văn này thuận theo hạn cuộc cho nên nói là chín đường. Từ "Đối với hữu v.v..." trở xuống là chân thân đạt được. Thông suốt dùng chín cõi gọi là hữu, vì ở đó đều là nghiệp báo. Ứng thân tuy quả là ở tại trong đó, mà chân trí đó tự sâu xa tận cùng lý, cho nên nói là "Vắng lặng đi vào ý chỉ không hai". Trước chính là chân thân mà tướng thùy ứng, đây chính là tướng ứng mà chỉ ra chân chân. Từ "Bởi thế v.v..." trở xuống là nói về hai dụng gồm thâu chúng sanh. Trên đây là nói hai dụng chân ứng đã như thế, nay nêu ra tướng ban cho và dứt trừ gồm thâu chúng sanh. Hai câu đầu nói về chân thân dứt khổ, hai câu kế chỉ ra ứng thân ban vui. Phật đáp câu hỏi trước: "Ba nghiệp hiển bày cơ cảm đối với ngầm kín ứng hiện, bảy nạn hai cầu cho đến ba độc trừ hết đến cùng các khổ", cho nên nói: "Được thoát khỏi bến bờ khổ đau". Phật trả lời câu hỏi sau: "Ba nghiệp nói lên ứng hiện đi đến cơ ngầm kín đó, ba cõi chúng sanh được mười thứ lợi ích, chung quy là bí tạng", cho nên nói: "Khiến cho được hưởng niềm vui thượng phẩm. Nhưng mà bốn lời thề đó chẳng phải chuyên chú ban cho niềm vui, tuy ở đây trình bày thật sự thông suốt câu trên, ba nghiệp ở trên chính là nhân của năng cảm, ở đây nói bốn lời thệ là căn bản của năng ứng. Trên dưới hiển bày lẫn nhau đây kia không thiết sót, nên biết ba nghiệp cũng thông suốt cơ nghi ngầm kín, hiện tại tuy không có mà đời trước cần phải đầy đủ. Từ "Cho nên ở cõi Ta bà v.v..." trở xuống bao gồm nói về bổn tích - chia làm hai: Đầu tiên là nêu ra các tên gọi - chia làm hai;

thứ nhất là nhân xưa - nay. Tên gọi nay là Kham Nhẫn độ gọi là Vô Úy: Giả Kinh này nêu ra hai: "Trong nạn cướp bóc một người nói lớn lên rằng: Các người thiện nam không nên kinh hãi, các vị phải nhất tâm xưng danh hiệu Quán Thế Âm, Bồ-tát này thường đem sự không sợ hãi đến cho chúng sanh". Cho đến nói: "Xưng danh hiệu đó nên liền được giải thoát". Còn trong khuyên cúng dường Đức Phật tự khen ngợi rằng: "Đại Bồ-tát Quán Thế Âm này, ở trong hoạn nạn cấp bách kinh hãi, thường giúp cho sự không sợ hãi, vì thế cho nên thế giới Ta bà này đều gọi Ngài là người ban cho sự không sợ hãi". Bảo Tạng v.v... kinh Bi Hoa chép: "Thời quá khứ trong kiếp Thiện Trì cõi Tản Đề Lam (San đề lam), lúc bấy giờ có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có vua Chuyển luân, là Vô Lượng Tịnh, Thái tử thứ nhất ba tháng cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng, phát tâm Bồ-đề, nếu có chúng sanh chịu ba đường cùng tất cả khổ não, nếu có thể nhớ đến tôi xưng danh hiệu tôi, được thiên nhĩ tôi nghe đến - được thiên nhãn tôi thấy đến, mà không tránh được khổ đau ấy thì tôi không bao giờ thành vô thượng Bồ-đề. Phật Bảo Tạng nói: Ông quán sát tất cả chúng sanh muốn dứt trừ các nỗi khổ đau cho họ, nên nay tên ông là Quán Thế Âm". Từ "Đã thành v.v..." trở xuống là quả và danh hiệu quá khứ vị lai. Đã thành v.v... kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi chép: "Sức uy thần của Bồ-tát này không thể nghĩ bàn, đã ở trong vô lượng kiếp quá khứ, thành Phật rồi, hiệu là Chánh Pháp Minh Như-Lai, vì nguyện lực đại bi an vui cho chúng sanh, nên hiện tại làm Bồ-tát". Còn kinh Quán Âm Tam-muội nói "Trước kia đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như-Lai, ThíchCa làm đó làm đệ tử khổ hạnh của Đức Phật": kế sẽ v.v... làm bổ xứ, kinh Quán Âm Thọ Ký chép: "Bồ-tát Quán Thế Âm kế sau đức Phật A-Di-Đà, sẽ thành bậc Chánh giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như-lai". Bổ xứ giống như nghĩa các vua. Từ "Bổn Tích của Ngài v.v..." trở xuống kết tóm sự khó suy lường. Như trên kinh nói: "Hoặc đã thành Như-lai hoặc hiện làm Bồ-tát, đời chánh pháp đã qua từng làm thầy của Đức Thích Ca". Nay nói Quán Âm vẫn là bổ xứ xứ của Đức Di Đà, cũng như Diệu Đức Nguyên là Tổ sư chín đời của Năng Nhân, cháu đã tròn đầy quả mà tổ hãy còn nhân vị, bổn tích cao thấp đâu thể đo lường! Nhưng cần phải sử dụng bốn câu cao thấp đó, để hiển bày tướng các Thánh khó thể nghĩ bàn. Từ "Nay nói v.v..." trở xuống là nói về tiêu đề người pháp - chia làm hai: Đầu tiên nói về người bao gồm tên kinh - có hai: thứ nhất nói về người - chia làm hai: Trước hết so sánh Phạn văn phiên dịch tên gọi, các kinh và thần chú trước đây xưng tên gọi chữ Phạn, văn nay lược bớt

đôi chút, mà tên gọi Hoa ngữ có nhiều sai lệch, ở đây gọi là Quán Thế Âm, nơi khác nói là Quán Tự Tại, nhưng trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi chép: “Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại”, nghĩa đó hình như đầy đủ. Nhưng dựa theo cảnh trí mà nói về cảm ứng, thì ba tên gọi hiện tại giải thích rõ ràng không thiếu sót. Nếu theo cách giải thích này thì đã rõ ràng tự tại. Từ “Năng sở v.v...” trở xuống là dựa theo tiếng Hoa mà giải thích nghĩa, có hai: Đầu tiên giải thích riêng - chia làm hai: Thứ nhất giải thích, chia làm hai. Trước là giải thích chữ Quán - chia làm hai: Một là khéo thấu đạt ở giữa các biên, năng sở viên dung trí Trung đạo. Có và không bao gồm thông suốt hai trí, chỉ ở một tâm cùng ngăn dứt và cùng soi chiếu, lúc ở giữa soi chiếu tức thấu đạt hai đế, cho nên nói là bao gồm thông suốt. Vậy thì âm thanh ngôn ngữ mười cõi lập tức phát khởi lập tức quán xét thường ngăn dứt thường soi chiếu. Từ “Chiếu cùng v.v...” trở xuống là tu tánh cùng sáng tỏ, soi chiếu tận cùng chánh tánh nhìn thấy tánh đức vậy, xét kỹ ngọn nguồn nhìn thấy tu đức. Đây là dựa theo diệu cảnh nói lên diệu trí đó, vốn có đủ ba ngàn tuy chính là ba đế, mà đối với tu cho nên hợp lại chỉ nói là chánh tánh. Duyên liễu trong tu đều có ngọn nguồn, chắp tay cúi đầu là nguồn của duyên, phước đức trang nghiêm là ngọn của duyên. Một câu một bài kệ là nguồn của liễu, trí tuệ trang nghiêm là ngọn của liễu. Thuận tu đã như vậy mà nghịch tu cũng như thế. Lúc gây ra điều ác thì các tâm sở, như tâm sở tuệ, há chẳng phải nguồn hay sao? Lúc chịu đau khổ thì tập quả, báo quả chính là ngọn đó. Nếu lấy tu tánh nói về nghĩa ngọn nguồn đó thì càng đến cực điểm, ba ngàn tánh đức nói về nguồn mới hết được, tu khởi lên ba ngàn nói về ngọn mới có thể cùng tận. Chẳng phải ba trí trên thì chẳng gì soi chiếu cảnh này, không phải diệu cảnh này thì chẳng có gì phát ra trí đó. Hộp đậy nước sữa phần nào có thể là đúng. Hai là giải thích về Thế Âm, tức là chúng sanh trong mười cõi gặp phải khổ đau cầu cứu, xưng danh hiệu phát ra âm thanh, là cảnh sở quán vậy. Cảnh trí trên đây đều là năng quán có thể thí dụ cái chày cái bàn giặt, Thế âm ở đây có thể thí dụ cho thuần phác; chẳng phải cảnh trí trước đây quán xét Thế Âm này, làm sao khiến cho mười cõi giới thoát khỏi ba chướng? Lại nữa, phải biết cảnh trí được này, chính là thể dụng khó nghĩ suy của Bồ-tát, tức là năng ứng. Cảnh của Thế Âm chính là chúng sanh do khổ đau trở thành cơ, tức là năng cảm. Đây chính là cảnh trí cho đến cảm ứng. Trong ba chữ đều được thành tựu. Muôn hình tượng lưu động cách nhau không đồng” là giải thích nghĩa chữ Thế. “Các thứ âm thanh khác nhau” là mang nghĩa Thế giải thích nghĩa Âm. “Đều nương

nhờ được lìa khổ là trở thành nghĩa cảm được lợi ích”. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết hợp với thể thấy. Từ “Đây tức v.v...” trở xuống là nêu chung, ba chữ Quán v.v... là cảnh trí, năng sở ấy là cảm ứng. Năng chính là năng ứng - sở chính là sở ứng, há có thể nói lại rằng năng chiếu sở chiếu hay sao? Thứ hai là nói về kinh. Phẩm này đã dùng lưu hành riêng ở thế gian, vốn có nhiều đề gọi là kinh Quán Thế Âm, hoặc gọi là kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, cho nên nay trình bày tên người sau sơ lược giải thích về tên kinh. “Nói kinh do nghĩa theo Tịnh Danh Huyền Nghĩa nói: “Kinh từ tâm miệng bậc Thánh cho nên gọi là kinh, tất-đàn dẫn đến giáo, kinh từ tâm miệng Như-Lai, cho nên gọi là kinh”. Lại nói: “Thánh trước - Thánh sau chẳng vị nào không trải qua giáo từ tất-đàn này nói mà được thành đạo”. “Văn lý v.v...” ấy là, chọn lấy nghĩa dọc ngang - pháp dụ cùng trình bày, văn dọc nghĩa lý ngang bày tỏ mở rộng lẫn nhau, đan xen thành trong tâm quán trí của hành giả. Từ “Phổ môn v.v...” trở xuống là nói về pháp bao gồm phẩm - chia làm hai:

Thứ nhất nói về pháp, có hai: Đầu tiên hai chữ tiêu trừ kế là từ “Dụng nhất v.v...” trở xuống là nêu ra mười Phổ. Thật tướng: Tam thiên đều là Thật tướng viên dung lẫn nhau nên nói một không phải hai nghĩa. Muôn đức gọi chung là nhất thừa mà khác tên gọi.

Mười nghĩa ở văn dưới để nêu ra tướng đó:

1. Vô duyên từ bi.
2. Vô tác hoằng thệ.
3. Hạnh của viên tu.
4. Đoạn của bất đoạn.
5. Viên nhập pháp môn.
6. Vô ký thần thông.
7. Phương tiện trong Thể.
8. mở ra nói pháp.
9. Phổ cúng Chư Phật.
10. Lợi ích khắp chúng sanh.

Từ nguyện lập nên hạnh là quả của tự nhân, toàn thể phát khởi Dụng trên thì cúng dường dưới thì ích lợi, từ đầu đến cuối gồm thâu hết các pháp, cả mười đều là thật tướng thông suốt lẫn nhau khắp nơi gồm thâu không gì chướng ngại.

Thứ hai nói về phẩm: Thuận theo biệt hạnh lập đề mục kinh, nhưng là một phẩm lưu thông của Pháp Hoa, do đó nay trình bày lại không quên cội gốc. Trung A-hàm: “Bạt cự Hán dịch là Phẩm, chọn lấy

nghĩa đồng nhau nhóm hợp lại thành một chương". Từ "Đại bộ v.v..." trở xuống là giải thích chánh văn - chia làm hai: đầu tiên ví dụ Đại Bộ, năm chương Diệu Huyền giải thích rất quanh co, một phẩm của kinh chẳng lẻ diệu nghĩa há khác nhau hay sao? Ở đó chỉ đích thực trình bày đề mục chung của năm chữ, nay vốn giải thích biệt đề của một phẩm, huống gì lại làm chông lại, cho nên cần phải tự lập ra năm nghĩa phân biệt. Tuy là tự lập ra nhưng vẫn phải phù hợp với văn bỏ quyền bày thật viên mãn, mầu nhiệm kia, do đó giải thích tên gọi thì thuần túy tuyệt diệu về người pháp, hiển bày thể thì lý trí không hai, nói về tông thì cảm ứng khó nghĩ suy, nói về Dụng thì vô duyên ban cho và dứt trừ, phân định về Giáo thì cùng tột vị đề hồ. Năm chương này là gọi chung ba giáo khác nhau phân định về chung riêng v.v... Từ "Một là giải thích danh v.v..." trở xuống là giải thích văn nay có năm: Thứ nhất là giải thích tên gọi - chia làm bốn: Đầu tiên xếp vào chương mục. Từ "Thông suốt v.v..." trở xuống là nêu ra tướng. Từ "Vì sao v.v..." trở xuống là đối với căn. Chung đã là lược xưa nay đối với lợi căn, giải thích riêng thì rộng, thường đối với độn căn. Nếu hai điều đó hướng về thì phải trình bày hai Trì, Văn trì thì dùng nói rộng để làm lợi căn, Nghĩa trì thì dùng nói lược để làm lợi căn, độn căn vừa ý đạt được. Bàn đặc gọi là Độn tức căn cứ ở Văn trì. Ngài Mục-liên gọi là độn tức căn cứ nghĩa trì. Hai cách giải thích này đối với hai căn, cần phải y cứ theo Văn. Nghĩa luận lẫn nhau về lợi độn. Từ "Nay căn cứ v.v..." trở xuống là chính thức giải thích chia làm hai: Thứ nhất giải thích chung có hai: Đầu tiên nêu ra - có hai : Từ "Một là liệt danh v.v..." trở xuống chính thức giải thích có bốn: Trước hết bày ra ba tên gọi, đầu tiên sơ lược nêu ra, hai là lập nên ý của tên gọi có hai: Một là trình bày lý vượt quá tên gọi số đếm, Đại sư tuy sử dụng mười nghĩa môn để giải thích chung đề mục, mà thể đạt sâu sắc Quán Âm rất người, Phổ Môn pháp mầu, vốn lìa tướng tâm duyên của ngôn nói năng, cho nên nói chí lý thanh tịnh v.v... Vì vậy Khởi Tín chép: "Tất cả nói đều là giả danh không thật, chỉ thuận theo vọng niệm, không thể đạt được". Từ "Chỉ vì diệu v.v..." trở xuống là danh số hiển bày lý có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa nêu ra, trên nói "Chí lý thanh tịnh không có danh tướng v.v...", bởi dựa vào tự chứng dứt bặt đối với nói năng suy nghĩ. Nay nói "lý mầu thông suốt giả danh tướng nói", chính là căn cứ theo vật lập ra giáo mà luận. Nói là Hư Thông: Ở đây trình bày lý mầu không có tánh bám trụ vững chắc, tuy không có danh số mà có thể khắp nơi thích ứng với tất cả danh số. Cho nên Kinh Khê nói: "Tánh vốn không tên gọi mà đầy đủ các tên gọi, cho nên không

nói mà nói, nói liền thành giáo, thế thì lìa ngôn ngữ hay dựa vào ngôn ngữ đều thuận theo chí lý, bậc Thánh hay nói năng đều có lợi ích lớn". Do đó Khởi Tín hỏi rằng: Nếu tất cả các pháp không thể nói - không thể nghĩ, các chúng sanh như nhau thì vì sao nói tùy thuận mà có thể được hội nhập? Đáp rằng" Nếu biết tất cả các pháp tuy nói mà không có năng nói - có thể nói, tuy nghĩ nhớ cũng không có năng nghĩ nhớ - có thể nghĩ nhớ, đó gọi là thuận theo. Nếu xa lìa nơi nghĩ nhớ gọi là được hội nhập, nay cũng như vậy, dùng mười loại nghĩa không nói mà nói, ý khiến cho người học không nghĩ nhớ mà nghĩ nhớ. Từ "Cho nên, Đại luận v.v..." trở xuống là dẫn văn chứng minh, Bát-nhã vô tướng tức là một pháp, Tất-đàn vì chúng sanh lập nên các loại tên gọi. Từ "Nay ở v.v..." trở xuống là chính thức nêu ra tên gọi có hai: Đầu tiên trình bày ở giữa là thích đáng. Nay lập mười nghĩa tức lìa nghĩa rất rộng cho đến rất tóm lược. Nghĩa rộng thì khiến cho trí lui sụt, sơ lược thì nghĩa không hoàn bị, ta nói ở giữa khiến cho nghĩa dễ rõ ràng. Từ "Mười nghĩa v.v..." trở xuống là chính thức nêu rõ ra có hai: Từ "Thứ hai v.v..." trở xuống là thứ lớp có ba: Đầu tiên là nêu rõ hai ý có hai: Thứ nhất chính thức nêu rõ, dựa theo Quán dựa theo Giáo đều có thứ lớp sanh khởi không lẫn lộn. Từ "Ước quán v.v..." trở xuống là trình bày chung về điều ấy. Hoặc quán hoặc giáo năng tổng năng cai, quán sát chung ba tâm, người pháp từ bi là sơ tâm, phước tuệ là trung tâm, chân ứng đến tám đều ở hậu tâm. Duyên liễu đạt đến cực điểm của tánh chỉ ra nhân mới trọn vẹn, trí dứt tận cùng rốt ráo trình bày quả mới đầy đủ, giáo dựa theo năm thời chẳng có gì không bao gồm, Hoa Nghiêm là đốn, ba thời là tiệm. Lại ở trong tiệm thì ba tạng chỉ là Tiểu, hai phần Tô là Đại. Nếu nói về Pháp Hoa thì vượt ra bốn vị trước, vì chẳng phải bao gồm mà chỉ là đối đãi kèm cặp, đã đầy đủ các luận nói cho nên nay lược bớt. Từ "Xét theo quán v.v..." trở xuống là giải thích hai ý có hai: Đầu tiên quán thứ lớp có mười: Trước hết là người pháp có hai:

Thứ nhất thường đứng đầu chín đôi, từ bi đến chín loại đều lấy người pháp làm sở y, vì thế cho nên đề của phẩm đặc biệt nêu ra hai điểm này, do đó lấy phàm phu giả thật làm thí dụ trước có nắm chắc chở che thành tựu cho chúng sanh, mới có thể nói về các đức hạnh. Người pháp đứng đầu trong chín nghĩa há không đúng hay sao? Từ "Người pháp v.v..." trở xuống là phân biệt thứ lớp có hai: Một là nghi ngờ, vì sao theo (thừa) lấy người pháp làm thứ lớp? Pháp là sở thừa, người là năng thừa, theo lý hợp với bản tánh sở thừa nên nói trước, mới nói về thỉ giác năng thừa. Nay sao trái ngược điểm này. Từ : "Đây cần v.v..."

trở xuống là giải thích, năng thừa sở thừa trước sau không còn. Nay có hai ý, trước là người kế là pháp, một căn cứ vào văn kinh, hai thuận theo nghĩa thích hợp. Người có thể nắm giữ pháp chính là nghĩa đó.

Hai là Từ bi có hai: Đầu tiên là thứ lớp trong mười, hai là trước sau hai pháp, xuống phía dưới các khoa ví dụ có hai điểm này. Kế là đối với người pháp nói về từ bi: Đại sĩ đã quán sát pháp Phổ Môn của bốn tánh, chính là thấu đạt lý chúng sanh và Phật không khác, mà thương xót kẻ mê muội oan uổng phải chịu các khổ đau, mất đi niềm vui từ ban đầu, cho nên phát khởi thệ nguyện mãi mãi hạn kỳ ban cho và dứt trừ, quán cảnh phát tâm đích thực thích hợp thứ lớp đó. Trước là Từ kế là Bi: Văn có bốn cách giải thích, nay thuận theo lời đơn giản cho đến bổn hòai, không thuận theo sử dụng thứ lớp cho đến người thực hành, cho nên kết thúc chỉ ra rằng nay thuận theo nghĩa trước.

Ba là trong phước tuệ, người pháp y cứ theo niềm tin: Trước khi nguyện hạnh, người quán sát pháp trọn vẹn chỉ tạm thời thành tựu tín, dựa vào nhẫn nại vui vẻ lập nên bốn hoằng thệ đó. Nếu không phải núi hạnh thì không gì lấp đầy biển nguyện, hạnh chính là nghĩa của phước tuệ thích hợp với Lục độ, năm độ giúp đỡ cho tuệ - tuệ dẫn dắt năm độ, điều đó giống như mắt và chân không thể nào thiếu sót lẫn nhau, năm độ trừ diệt sự chướng ngại - tuệ trừ khử lý mê hoặc, hai điểm này trọn vẹn công lao thì hiểu ra lý đạt được sự rồi, vậy thì biết phước tuệ thành tựu trước tâm từ bi, phát khởi công dụng ban cho và dứt trừ về sau. Trước là Phước kế là Tuệ, cũng thuận theo lời nói đơn giản không căn cứ vào bổn hòai. Nếu nói về giúp đỡ và dẫn dắt thì đâu có trước sau?

Bốn là chân ứng: Tín nguyện phước tuệ đều ở nơi nhân, nhân có thể quyết định được quả cho nên trở thành chân ứng, phước giúp đỡ cho tuệ biểu hiện lộ rõ chân thân, tuệ dẫn dắt phước biểu hiện rõ ứng thân. Chân ứng thứ lớp: Nếu căn cứ ở sự hóa độ tiệm thì trước tiên chỉ ra ứng thân tiếp nhận căn khí nhỏ bé đó, sau khiến cho hội nhập thật sự mới chỉ ra chân thân, cũng có thể trước đốn kế là tiệm, thì chân trước mà ứng sau. Nay không theo lập ra Hóa chỉ dựa vào chân hiển bày ứng phát khởi, mà lập nên thứ lớp đó. Vì vậy nói theo trước cũng là nói thích hợp thôi.

Năm là Dược Châu: Hai hạnh phước tuệ biểu hiện phát ra chân ứng, cho nên nói thẳng chứng đắc chưa hợp với lợi ích người. Nay trình bày dược châu thì nêu ra, tướng hai thân lợi ích chúng sanh. Chân thân thấy lý sâu xa thì ba hoặc đều tiêu trừ, tức là lợi ích khỏi bệnh. ứng thân cảm ứng đến chúng sanh thì các thiện khắp hội tụ, tức như lợi ích của

mưa quý báu. Nói chân phá bỏ chấp thủ tướng: Đã dùng ba trí suy tư lý sâu xa làm chân, há chỉ có thể Kiến, Tư phá chấp thủ tướng hay sao? Phải biết rằng kiến, tư giữ lấy tướng sanh tử, trần sa giữ lấy tướng Niết-bàn, vô minh giữ lấy tướng hai bên, hoặc kế là hay không kế là đều có nghĩa đó. Trong thứ lớp dược châu tương tự với từ bi: Dược tức là giống với Bi - châu có thể tương tự với từ. Nơi kia có bốn nghĩa xác định so với trước sau, bổn hòai vua ngôn thuyết chính là trước Từ kế là Bi, thuận theo dụng sát vào cơ thì trước dứt trừ sau ban cho. Thứ lớp hiện tại giống như hai điểm sau của cách kia.

Sáu là Ẩn hiển: Trước nói hai thân phá hoặc như Dược - đối cơ như Châu, cơ đã phá hoặc thì có thể thấy rõ chân thân, cho nên nói hai thân chính là có thể hiển bày lợi ích. Nay giải thích hai thân thường che phủ rộng khắp mọi vật, người có thấy biết đều gọi là lợi ích hiển hiện, người không thấy biết gọi là lợi ích ẩn (ngầm kín). Nói Như vậy, mới tận cùng tướng lợi ích chúng sanh của bậc Thánh. Hai lợi ích trước sau không thể nào phân định chắc chắn, cũng theo lời nói thích hợp cho nên nói là ẩn hiển, điều này dễ dàng hiểu được cho nên không nói.

Bảy là trong quyền thật: Duyên trước không giống nhau: Vì căn cơ chúng sanh được giúp có căn tánh sai khác. Quyền xảo vô phương: Tức là trí của năng soi xét không phân định phương sở, hoặc ngầm kín hoặc hiển bày phá ác sanh thiện, sâu cạn khác nhau, rộng hẹp có tách biệt, đều do hai trí thích hợp, hội nhập không sai khác, cho nên ở sau lợi ích thì phải nói về quyền thật, hai trí trước sau tuy có ba nghĩa, mà căn cứ vào cạn sâu làm thứ lớp.

Tám là trong bổn tích: Xảo có hơn kém: Nghĩa là trí có cao thấp. Thượng trung hạ là, lấy Diệu Giác làm bậc thượng, Đẳng Giác làm bậc trung, hạ thấp xuống là bậc hạ. Trước kia quyền thật xem xét cơ nghi chắc chắc phải sử dụng cả hai, vì thế nói là Hoành. Nay Bổn tích dựa theo địa vị đã nói về cao thấp, con người cần phải thuận theo Bổn mới có thể thùyTích, nên nói là Thụ. Hai pháp trước sau có thể nhìn thấy.

Chín là duyên liễu có hai: Đầu tiên chỉ ra trước đây thuận theo nói về tự tha, như tám cặp trên từ vi tế đến thô trước, đều là thuận theo mà nói nhưng vẫn chưa phân phối. Nay lần theo dòng chảy tìm về nguồn, phải trình bày tánh đức mà làm căn bản cho sự sanh khởi của các pháp. Hai là trình bày nay lùi lại bàn về hạt giống, tức ngược lại con người của trí tuệ, bi thệ, quán trí, chân thân, chủ yếu lấy tánh đức liễu nhân làm hạt giống. Nếu pháp phước đức từ thệ Phổ môn của ứng thân, chủ yếu lấy tánh đức duyên nhân làm hạt giống, tự hành đã như vậy để ví

dụ hóa tha, bổn chứng thật trí lợi ích ngầm kín thì Dược Vương thuộc về liễu chủng, Tích hóa quyền trí lợi ích hiển bày thì Châu vương công lao quy về duyên chủng, mới có thể để thuận theo luận, lùi lại bàn bạc làm thứ lớp.

Mười là kế duyên liễu nói về trí đoạn: Trước đã suy tìm ngược lại tận cùng gọi là bắt đầu nhân của đức. Nay lại thuận theo nói đến nơi rốt ráo quả của đức, tức là dùng từ trước đến sau để làm thứ lớp đó, đi qua "trà" không có tên cho nên sau mười loại không nói.

Từ " Căn cứ ở giáo nói rõ thứ lớp v.v..." trở xuống nói về thứ lớp của Giáo - có hai: Đầu tiên là nêu lại chương lập môn. Hai từ "Chung nghĩa v.v..." trở xuống là dựa vào môn giải thích nghĩa có hai: Thứ nhất là Thông: Năm thời bốn giáo đều có thể nói về mười, tùy theo pháp mà lập ra nghĩa không thể nào đi sâu vào cùng tận, tạm thời như ba tạng lập nên mười cặp là: Người pháp thì thu nhận ấm trở thành người và các pháp duyên, độ, từ bi thì Thanh-văn pháp duyên, Bồ-tát sanh duyên, phước tuệ thì Thanh-văn ba học, Bồ-tát sáu độ, chân ứng thì năm phần pháp thân tác ý chung cho ứng, dược châu thì chữa trị bốn trụ bệnh - rưới mưa ba thừa quý báu, ẩn hiển thì chúng sanh được lợi ích có thấy nghe - không thấy nghe, quyền thật thì xứng với thật của chân - tùy theo quyền của tình, bổn tích thì tự chứng căn bổn thị hiện làm tích, duyên liễu thì một câu liễu nhân làm hạt giống cho duyên lành, trí đoạn thì Thanh-văn bốn quả - Bồ-tát đốn thành, ba tạng hãy còn có đủ thì Chung riêng có thể biết. Hai từ "Biệt nay v.v..." trở xuống là tách biệt có hai: Đầu tiên là năm vị chia làm hai: Thứ nhất giải thích có năm: Một là nhũ có hai: Trước là nói đầy đủ sáu nghĩa trước, nhũ chính là bộ đốn cho nên chỉ về Hoa Nghiêm, sáu chữ biệt đề đầy đủ người - pháp - dụ, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là Xá-na quả của người, Hoa nghiêm dụ cho nhân các Địa là quả đức Hoa Nghiêm. Chỉ dựa vào một đề đã bao gồm sáu nghĩa, vì Từ bi cho đến Chân ứng không vượt ngoài nhân quả tự hành, Dược Châu - Ẩn Hiển chỉ là năng sở hóa tha, tức là ngay nơi Trung đạo tách biệt mà nói về sáu nghĩa. Từ "Mà chưa v.v..." trở xuống là trình bày thiếu bốn nghĩa sau có hai: Đầu tiên nói về Chung riêng chia làm hai: Thứ nhất trình bày không có tách biệt. Từ "Chung nghĩa v.v..." trở xuống là chấp nhận có chung. Nếu dùng Biệt Viên đối với Thể dụng quyền thật nói về Bổn Tích, thì căn cứ liễu của nhân nhỏ, Trí đoạn của Đại Giác, cũng có lý còn lại. Từ "Vì sao..." trở xuống nói về thiếu - đủ có hai: Đầu tiên duyên theo Hóa bắt đầu nói về thiếu hụt, bốn thứ quyền thật v.v... nói về ý xuất thế, chỉ ra thành tựu từ lâu xa, lùi lại

bàn về ba nhân rốt ráo trở về bí tạng, lúc mới thành tựu lập giáo chỉ tiếp nhận đại cơ, đã không phải là chung quy cùng tận cho nên thiếu sót ý này. Hai từ "Sở dĩ v.v..." trở xuống là đối với đầy đủ nói về thiếu sót có hai" Đầu tiên đối với Pháp Hoa nói Tiểu ngăn cách với Đại: Kinh bản cựu dịch quyển ba mươi bảy chép: "Khi Xá-lợi-phất ra ngoài rừng Kỳ Viên, không thấy Như-lai biến hóa trang nghiêm tự tại, và phát sanh ý niệm cũng không thích nói, không thể nào khen ngợi, bởi vì người Thanh-văn vượt ra ba cõi". Đây chính là văn như điếc như câm vì chưa nói vì thực thi quyền, bỏ quyền bày thật. Nói không có Bổn Tích: Hoa Nghiêm lúc đầu nói: "Ở Bồ-đề đạo tràng mới thành Chánh giác", nay Pháp Hoa chép: "Tất cả thế gian Trời - Người - A-tu-la đều nói nay Phật Thích Ca Mâu-ni sinh ra trong cung họ Thích, cách thành Già-da không xa ngồi nơi đạo tràng đạt được Tam-muội Bồ-đề. Nhưng Ta thật sự thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp". Đây là văn của Hoa Nghiêm bị phế bỏ. Nói búng ngón tay, tằng hắng: Như phẩm Thần Lực: "Thích Ca Mâu-ni cùng phân thân chư Phật đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trên thế gian cõi Phạm, tất cả lỗ chân lông toả ra ánh sáng vô lượng, thảy đều soi chiếu khắp các thế giới ở mười phương, đầy trăm ngàn năm sau đó trở về gồm thâu tướng lưỡi, trong một lúc tằng hắng cùng bật ngón tay, hai âm thanh này vang khắp đến thế giới chư Phật mười phương, mặt đất đều rung chuyển sáu cách, cho đến Đức Phật nói cho các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên biết: Các ông từ sau khi Như-Lai diệt độ, cần phải nhất tâm thọ trì đọc tụng giải thích biên chép đúng như lời dạy mà tu hành v.v..." Đây chính là Bổn môn để nhiều lần dặn dò Bồ-tát dưới đất vọt lên lưu thông kinh, hiện rõ ra thần lực này. Sớ nói: "Tằng hắng ấy là tướng của thông suốt lưu loát. Búng ngón tay là tùy hỷ. Bởi biểu hiện ý căn bản xa xôi của Như-lai, đã được thông suốt lưu loát, tùy hỷ với Bồ-tát nghe đối với căn bản xa xôi, tăng thêm đạo giảm bớt sanh. Từ "Nói không có v.v..." trở xuống là đối với Niết-bàn. Nói không nói về căn tánh Tiểu thừa v.v... ấy là không như Niết-bàn nói về người hàng nhị thừa và tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả sẽ thành Phật, cho nên thiếu hai cặp sau. Từ "kế căn cứ v.v..." trở xuống là Lạc có hai: Đầu tiên Đại sư trình bày thiếu sót và đầy đủ có hai: Thứ nhất chính là nói về thiếu sót và đầy đủ. Từ "Vì sao v.v..." trở xuống nói về lý do thiếu hụt và đầy đủ. Nói giáo nhị thừa: Bởi vì quả của Bồ-tát ba tạng giống với nhị thừa, như trong Đại Luận thông thường chỉ ra A-hàm là kinh Thanh-văn mà thôi. Giáo này không thảo nói về Chân của diệu hữu, cho nên thân trí diệt đi không thể nào phát

khởi ứng. Đã không có Chân ứng lẽ nào có Dược Châu v.v... kỳ lạ ư? "Riêng hỏi v.v..." trở xuống là Chương An riêng phân biệt có hai: Đầu tiên chính thức phân biệt chia làm hai: Thứ nhất chất vấn điều ấy, bởi vì sợ người không hiểu Đại sư lập nên nghĩa của chung riêng này, cho nên lập ra chất vấn ấy làm nguyên do của giải thích nêu ra, mới có thể dựa vào trong Chân lập ra chất vấn về chung riêng, bởi vì hai điều này là lý chung riêng. Từ "Riêng đáp v.v..." trở xuống là giải thích điều đó, không dùng Chân đế thông đối với Trung đạo biệt, bởi dựa theo ba thừa thông đối với Bồ-tát biệt. Nếu ba tạng ba thừa từ nhân đến quả, có thể dựa vào Chân đế thông suốt nói về mười nghĩa. Nay giải thích về Quán Âm cần phải ở tại nhân vị trong nhân Bồ-tát giáo này chỉ có người pháp cầu Phật, bốn thệ từ bi, sáu độ phước tuệ, điều phục hoặc, chưa dứt trừ, cho nên không có thể nói về bảy loại như Chân ứng v.v... há chỉ không ở tại bảy loại của Trung đạo hay sao? Cũng chính là chưa có bảy loại của Chân đế. Từ "Sư nói v.v..." trở xuống là chỉ ra ý Sư, chỉ bằng ba tạng riêng luận về Bồ-tát, ba nghĩa trước đây khác đối với nhị thừa, không dựa vào Trung đạo riêng luận về ba nghĩa, ba sanh tô, bộ tuy là bốn giáo, nay đối nghiêng về Tiểu Thừa nói trọn vẹn sáu loại người pháp Trung đạo v.v... chưa khai mở quyền tích và lùi lại thảo luận v.v... do đó không có bốn thứ khác nhau. Bốn là bơ chín, tuy thông hiểu pháp Tiểu Thừa, nhưng chưa khai bày người Tiểu Thừa, giống như hai bộ trước chỉ nói về sáu ý. Năm là từ "Nếu theo v.v..." trở xuống là vị đề hồ có hai: Đầu tiên là Pháp Hoa chia làm hai: Thứ nhất nói về bộ làm sáng tỏ tám ý. Sáu tuy giống như trước nhưng chẳng có gì không khác với Tiểu thừa. Trước là Viên ngăn cách với Thiên, đây là khai Diệu của thô, vì vậy người - lý - giáo - hạnh đều hội về một thừa, quyền - thật - bổn - tích chỉ nổi bật ở tiêu chuẩn này. Nếu dựa theo tự - tha cho đến thiên - viên để nói về quyền - thật thì bộ trước chẳng phải không có. Nay vốn nói về điều ấy là thực thi quyền bỏ quyền bày thật, hội quyền về thật - phế quyền lập thật. Quyền thật này bộ khác quyết không có. Nếu bốn thứ Bổn tích về lý sự - lý giáo - giáo hạnh - thể dụng không riêng gì kinh này, thì các bộ có lẽ có. Nếu mảy trần kiếp trước lúc ban đầu thành Phật mà làm Thật Bổn, khoảng giữa và hôm nay thị hiện thành Phật đều là Quyền Tích. Đây gọi là quyền thật bổn tích. Bổn môn khai bày xong thân này chính là Bổn, Tích Môn đã nói và các bộ bàn luận, đều gọi là Tích, tên ấy bây giờ đã là Bổn Tích. Hai loại này các kinh điều có bàn luận, cho nên nói các giáo không nói đến Pháp Hoa mới nói ra. Từ "Ba đời v.v..." trở xuống nói về Hóa đầy đủ một thời kỳ.

Trong Chương Ngũ Phật trong phẩm Phương Tiện, đều trước thực hành phương tiện sau đó nói về chủng trí, phương tiện tức là bốn thời ba giáo, chủng trí là Pháp Hoa nhất thừa. Vậy thì biết chư Phật hóa độ chung quy ở kinh điển này, Đăng Minh - Ca-diếp sanh ra ở Tịnh độ, cho nên đến Pháp Hoa liền vào diệt độ. Hiện tại Phật Thích Ca xuất hiện ở cõi uế, cho nên nói về Niết-bàn để vì chuộc mạng. Từ "Nếu căn cứ v.v..." trở xuống là Niết-bàn có hai: Đầu tiên trình bày gồm thâu cơ hết. Từng bước hóa độ đến nay đi vào Pháp Hoa là hướng về phía trước đã đần độn, lại có người chưa nhập đợi đến Niết-bàn - Pháp Hoa giống như lanh lợi. Nhưng Pháp Hoa như đánh trận - Niết-bàn nhặt tàn quân, Pháp hoa là gặt hái - Niết-bàn là thu nhặt, công lao của Đại Hóa ở nơi Linh Thứu. Cơ còn lại chưa hết cho nên đến Song Lâm, hết sức đần độn đã mờ mịt tám nghĩa Pháp Hoa, cần phải vì người này xoay vần nói về Phật tánh, cơ của một thế hệ rốt ráo triệt để ở đây. Từ: Nếu luận v.v..." trở xuống nói ra pháp không gì sót lại, Niết-bàn đã gồm thâu độn cơ, cho nên bắt đầu cùng tận bổn tánh - rốt ráo hiển bày cực quả, mười nghĩa chỉnh đốn đầy đủ, cho nên dùng tánh ba lần phát khởi hướng về tu ba loại, đã là tu tánh đều ba thì nhân quả không hai, cả hai chẳng phải duyên liễu, tức là Thể của chánh nhân Trung đạo. Nhưng chánh Thể này chắc chắn đầy đủ đức của song chiếu, cho nên đến tu thành tựu ba điểm Pháp thân. Lệ theo mà biết duyên liễu cũng đều đầy đủ ba tu đức, phải nói rằng ba điểm Bát-nhã, ba điểm Giải Thoát v.v... Nên biết văn này là thuận theo hai nghĩa người và pháp của đề kinh, cho nên lập ra mười Môn trước sau đều là hai, hai chính là không hai - Trung ở tại trong đó, số có thiếu hụt, đầy đủ mà pháp không hề thêm bớt. Vì thế Chỉ quán chép: "Thủ-lăng-nghiêm nêu riêng một pháp, mà đầy đủ tất cả các pháp cũng không giảm bớt, gọi là Bí mật tạng. Cho đến Niết-bàn ba pháp đầy đủ các pháp cũng không nhiều, cũng gọi là Bí mật tạng, vì các kinh đi đến duyên không đồng nhau".

Từ "Đây trải qua năm vị v.v..." trở xuống là kết ý trong đây. Nói rằng trải qua năm vị này nói về thứ lớp mười pháp. Hỏi: Trước dựa theo quán nói về mười pháp, tự hành - hóa tha ban đầu cần phải kết thúc, thật sự thành tựu thứ lớp sanh khởi không lẫn lộn, nay trải qua năm vị, chỉ trình bày các bộ có đủ bao nhiêu pháp, sao gọi là thứ lớp sanh khởi vậy? Đáp: Trước dựa theo trong quán chính thức nói về thứ lớp tu chứng, nay dựa theo trong giáo mới có thể nói về Dụng và thứ lớp. Trình bày mười pháp đó tùy theo đối với vị của bộ và thứ lớp mang đến cơ, bốn vị ở trước chỉ ba, chỉ sáu, sau đến đề hồ đầy đủ tám, có đủ mười, chẳng lẽ

không phải Dụng và thứ lớp hay sao? Phải biết trước đây nói về thứ lớp quán pháp của các giáo, nay trình bày quán pháp tùy theo thứ lớp giáo, tuy chính là dựa theo Tu - dựa theo Dụng không như nhau, mà đều được gọi là thứ lớp mười pháp.

Từ "Căn cứ bốn giáo v.v..." trở xuống là bốn giáo, nói chung thì tùy Chân tùy Trung đều có mười cặp, nếu Luận riêng, thì ba tạng riêng dựa vào Bồ-tát, chỉ có ba cặp người pháp - Từ bi - Trí tuệ, vì chưa dứt hoặc cho nên không có nghĩa chân ứng v.v... đầy đủ như trước giới thiệu. Cũng như ở đây Thông giáo dựa vào Bồ-tát, mà có thể luận riêng về sáu cặp chân đế v.v... lấy Địa thứ bảy tiếp tục thệ nguyện giúp sự tu tập còn lại, thần thông thác sanh cả hai xoay vần hóa độ chúng sanh, có thể có nghĩa của Chân ứng - Dược Châu - Ẩn Hiển. Nhị thừa không có điểm này, cho nên gọi là Biệt. Nếu Biệt giáo đó thực hành tuy thứ lớp, mà có thể căn cứ Trung đạo nói về sáu nghĩa, phàm ba, Thánh ba tướng đó có thể thấy. Trước Pháp Hoa viên cũng chỉ có sáu, bốn giáo Niết-bàn đều biết mười cặp. Nhưng dựa mà lập lại thảy đều tiến tới, trải qua năm vị trước đã hàm chứa giáo nghĩa, cho nên nói có thể hiểu. Từ "Cho nên biết v.v..." trở xuống là kết phần hai ý khen ngợi có hai: Đầu tiên kết thúc khen ngợi, quán luận mười nghĩa này thì nhân có nguyện hạnh, quả có năng lực, giáo luận mười nghĩa này thì luận pháp có trước sau, phủ che toàn bộ căn cơ lợi độn, cho nên người vâng chịu giáo tu quán chẳng ai không căn cứ vào đạo ấy, thương lượng sơ lược hãy còn tính toán. Dùng mười nghĩa này tính toán giáo quán một đời, gồm thâu chẳng gì không hết. Bao gồm cùng cực tu đức cho nên nói ý khí rộng xa, thấu suốt nguồn gốc tánh đức cho nên nói nghĩa vị sâu xa. Lại, ngang thì thâu nhận bốn giáo cho nên nói rộng xa, thụ thì thu nhiếp năm vị cho nên nói sâu xa, người pháp đến chân ứng trước sau của tự hành, dược châu đến bổn tích trước sau của hóa tha, duyên liễu và trí đoạn trước sau của tu tánh, ba nghĩa là thô - sáu nghĩa là tế, cho đến tám nghĩa hãy còn thô - mười nghĩa tế nhất. Đây chính là sơ lược mở rộng để giải thích về thô tế. Nếu dùng thô diệu giải thích thô tế, thì các vị thuần túy hay lẫn lộn có thể theo ý đạt được. Từ "Hỏi pháp v.v..." trở xuống là phân biệt, ý người hỏi: Trước Pháp Hoa nói riêng về Hoa Nghiêm - Phương Đẳng - Bát-nhã đều có sáu nghĩa, có ý gì khác hay không. Tuy hỏi ba vị mà sáu ý đồng khác. Trong trả lời đích thực đưa ra ba trong lạc vị và Đề hồ tám. Vì trong năm vị căn cơ có lợi độn, người lợi căn từng phần từng phần được đi vào đề hồ, người độn căn tùy theo vị lần lượt xoay chuyển đổi thay, do đó sáu nghĩa trong Hoa Nghiêm, căn cơ của vua

Cao Sơn lập tức đi vào Địa Trú, cùng tử mê muội buồn rầu kiến tư hoàn toàn đang còn, ba tạng chỉ là Tiểu thừa cho nên không hiển bày được lợi ích to lớn ấy. Hoặc tám muôn chư thiên được vô sanh nhẫn, vì thế nói là bí mật rời chỗ ngồi. Người nhị thừa đang phá kiến tư, cho nên chỉ thành lạc. Sáu trong Phương Đẳng có khen có chê, người lợi căn nghe rồi khen liền được lợi ích trọn vẹn, người Tiểu thừa bị chê kín đáo đi vào thông môn. Sáu ý trong Bác Nhã đang sàng lọc, lợi căn nghe pháp không rốt ráo đạt được lợi ích bất cọng, Thanh-văn chuyển sanh giáo bí mật phá trần sa. Tám ý của Pháp hoa điều phục cơ đã thành thục, khai bày Quyền Môn kia liền chỉ ra thật lý, lại phế bỏ dấu vết gần kề khiến cho thấy bổn thân, người độn căn đều đạt được nhất thừa - hàng lợi căn lại tăng thêm thánh đạo. Niết-bàn cùng vị cho nên lược bớt không nói, chỉ vì thu nhặt đầy đủ nói về mười cặp, đối với cùng cực độn căn cũng được lợi thường. Vì vậy biết bốn vị tuy nói về viên đốn cơ ngộ sâu cạn, đến thời thứ năm ích lợi buông xuống không sai khác. Không vâng chịu sơn môn làm sao biết tướng của một đời hóa cơ nói giáo. Thứ ba là Giải thích, có ba: Một là sơ lược nêu ra. Hai là từ “Người tức cho đến” trở xuống, là mở rộng giải thích mười nghĩa: Thứ nhất là người pháp - chia ba: Đầu tiên lập ra đối tượng nói về Nhập tức là chủ tể trong Ấm. Nói lược về bốn tên gọi, đó là ngã - nhân - chúng sanh - thọ giả, nói đầy đủ thì là mười sáu, tức là ở bốn thứ trên thêm vào mười hai loại của nó, gọi là mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả - chúng số giả tác giả, sử tác gia, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Nói giả danh là tự không có thật thể, nhưng mượn năm ấm hòa hợp mà thành, như nắm năm ngón tay giả danh là nắm tay, vậy thì nắm tay do ngón tay mà được - ngón tay chẳng phải nắm tay mà thành, nắm tay như đối với Nhân - ngón tay như đối với Pháp, năng thành là Thật- Sở thành là giả. Giả thật của điều này dựa vào giáo Đại - Tiểu giải thích về Thường - Vô thường. Tiểu thừa nói về người pháp rốt ráo là vô thường, Đại thừa giải thích giả thật rốt ráo thường trụ, Như Tạng - Thông giáo, bắt đầu từ phàm địa đến Hữu dư Niết-bàn, đều có giả thật. Nếu đi vào Vô dư thì thân trí đã quên, người giả đâu có nương nhờ? Nếu Biệt - Viên giáo vào lúc ba hoặc hai tử hoàn toàn hết sạch, người và pháp thường trú tự tại. Người giả là chúng sanh tôn quý cùng cực - thật pháp gọi là thường trú năm ấm. Tóm lại, nếu nói hoặc không còn thì người pháp mãi mãi không có, ấy là Tiểu thừa cũng gọi là Quyền giáo. Nếu nói hoặc không còn mà người pháp không thể diệt, ấy là Đại thừa cũng gọi là Thật giáo. Bình thường nói Biệt - Viên - sơ - hậu biết thường, bởi vì biết người

pháp không thể hủy diệt dứt trừ. Tạng - Thông trái lại thế nên nói là không biết. Lại nên biết rằng tên gọi của giả nhân, thường thuận theo y, chánh thật pháp mà lập nên, như người thế gian xưng hô. Hoặc từ hình dung tướng mạo - hoặc từ đức hạnh sự nghiệp, tức là Chánh báo thật pháp lập nên tên gọi. Hoặc từ nơi chốn cư trú - hoặc từ nắm lấy tất cả, tức là y báo thật pháp lập nên tên gọi. Nay Quán Thế Âm là giả danh: Quán là quán trí - Thế Âm là cảnh, đây là chánh báo tự tha há chẳng phải thật pháp ư? Nhưng lấy tên gọi là Bồ-tát Quán Thế Âm, cho nên xếp vào người. Phổ môn đã là thừa của người này, cho nên xếp vào pháp. Nếu nói Phổ môn Pháp Vương Tử Quán Thế Âm, tức là phải lùi lại xếp phổ môn thuộc về người, Quán Âm thuộc về pháp. Bởi lẽ căn cứ vào phẩm này dùng quán trí nhìn người, vì thế cho nên giải thích nghĩa đều dùng trí tuệ mà đối với người. Phải biết Thể quán trí là thật pháp, đã dùng quán trí nhìn người, thì trong chín cặp Từ - Tuệ - Chân - Dược - Minh - Thật - Bổn - Liễu - Trí đều là pháp thật. Gọi là giả nhân, giờ đây biết rồi, giải thích xuống dưới các văn đều có thể nhìn thấy.

Từ "Người này v.v..." trở xuống là giải thích, có hai: Thứ nhất nêu chung chia làm hai: Đầu tiên nêu ra tất cả phàm thánh. Cho dù lậu - vô lậu - thiên - viên - nhân - quả, hơn kém không giống nhau, nhưng giả thật đó rốt ráo không hề thiếu hụt. Từ "Nếu sắc v.v..." trở xuống là đều nói về giả thật, có hai: Đầu tiên là phàm, hèn hạ thường nói là phàm - tệ ác nói là bỉ, tức là lục đạo ngũ ấm chỉ thành con người sanh tử phần đoạn.

Từ "Giới định v.v..." trở xuống là Thánh, có hai: Đầu tiên nêu ra tướng, đã thay đổi phàm trở thành Thánh tức là chuyển ngũ ấm thành năm phần. Ba thừa bốn giáo tuy quyền thật khác nhau, nhưng đều có thể chuyển ấm mà trở thành pháp thân, tùy theo địa vị nắm lấy pháp thành tựu giả nhân. Từ "Cho nên Đại luận nói v.v..." trở xuống là dẫn chứng: Cùng cực địa vị Diệu Giác - hai chấp người pháp rốt ráo không còn chỗ nơi, một ngàn giả danh đều thành tựu bốn đức, gọi là Vô thượng chúng sanh, dựa vào hai ngàn ấm mỗi mỗi bốn đức, gọi là Vô thượng thật pháp, do đó Thiên - Tiểu và nhân vị tròn đầy, chẳng qua là bổn tánh người pháp Vô thượng, nhưng hai chấp chưa hết, nên tu đó có thể không gọi là Vô thượng. Hai là "Tuy Không v.v..." trở xuống là dựa theo giải thích, có hai: Đầu tiên là Phàm - Thiện ác làm nhân - người pháp là quả, tất cả nói về ba phẩm đây là dựa theo chung để nêu ra, trong đó biệt nghiệp thay nhau cảm lấy quả chẳng phải toán số có thể đạt tới.

Từ “Bậc Thánh v.v...” trở xuống là Thánh: Tánh đức người pháp chẳng hề thay đổi, chỉ vì tùy cơ giáo môn nêu ra quán, trở nên có Tiểu - Đại - Cọng - Bất cọng khác nhau, cho nên ở trong Thánh phân biệt tướng đó. Trước là Tiểu, có ba: Thứ nhất dựa vào Hữu Môn để giải thích, tức là người pháp quán trong Tỳ-đàm vậy. Nói nhân không - pháp bất không ấy là chẳng phải hoàn toàn không phá bỏ thật pháp, bởi quán hạnh của môn này, lúc phá bỏ giả nhân mà chưa phá bỏ ngũ ấm, tạm thời nói là bất không. Dùng hai không này quán sát trước sau, nhưng tướng trước sau hai đường không như nhau. Nếu quán giả nhân như sừng thỏ hoặc rơi rụng kiến đế liền ở Tu đạo quán sát ấm là vô thường, phá trừ tư hoặc kia. Nếu chấp của người đó tuy bị xua đuổi đến cùng, nhưng kiến hoặc không phá mà lại vượt qua đi vào trong thật pháp đối với ấm sanh ra kiến, tức là phải quán sát ấm vô thường vô ngã. Phá trừ kiến hoặc này, cho nên pháp không, quán sát hai hoặc năng phá, chính là đối với từng được đoạn từng đoạn đều có người pháp. Nếu kiến hoặc chưa điều phục tức là người pháp hữu lậu, có thể điều phục kiến hoặc đó tức là người pháp phương tiện, phát chân dứt kết và sanh khởi hữu dư, đều là người pháp vô lậu. Nhưng trong giáo Tiểu thừa không nói đến sanh xứ, nay dựa theo vượt qua giai đoạn cho nên sanh ra ngoài cõi giới. Như Đại luận chép: “Vượt ngoài ba cõi có cõi nước thanh tịnh, Thanh-văn - Duyên-giác sinh ra trong đó, bởi vì Đại thừa nói thân trí không diệt mất, nghiệp vô lậu liên quan sanh ra ngũ ấm kia”. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là dựa vào Không Môn để giải thích, tức là quán Nhị không trong Thành Thật. Thu nhận ấm trở thành người không giống như Hữu Môn cầu ngã trong ấm. Ba giả phù phiếm hư huyễn mà lại khác với thật pháp sanh diệt, con người đã thu nhận ấm mà có quán sát mới có thể ngay nơi pháp quán sát con người, từ đầu đến cuối giả thật đều phá bỏ. Nói ba giả: Gọi là Nhân thành - tương tục - tương đãi, tên gọi không khác mà nghĩa Đại thừa trở về tiểu thừa. Đại thừa quán ba giả, sanh tức là chẳng sanh lại cũng không diệt. Nay quán ba giả nhân duyên hòa hợp thể tánh không bền chắc, Đại thừa quán như hoa đốm trong hư không, quán đây như khói mây. Từ quán sát-này cho nên thông hiểu đi vào đạo bình đẳng của chân không. Từ “Ngoài ra, hai v.v...” trở xuống là hai môn cũng theo trên để giải thích. Môn vừa có vừa không tức là điều được nói của Luận Côn Lặc. Môn chẳng phải có chẳng phải không chưa biết luận nào. Có người nói: Độc Tử A-tỳ-đàm rõ ý môn này, mà chưa có thể chắc chắn sử dụng. Nhưng giả nhân không có bốn môn là giống nhau, chỉ nói về thật pháp thì bốn tướng có sai khác. Nếu Tỳ-đàm

trình bày phân tích sắc còn ở nơi gần cạnh hư huyễn, thành thật phân tích sắc phá đổ ở nơi gần cạnh hư huyễn, Côn Lặc giải thích sắc vừa có vừa không. Thứ tư ý môn ví dụ thuận theo cùng bỏ đi. Nhưng bốn môn này giải thích pháp tuy khác, mà đế lý là một. Nếu không đạt được ý bốn môn thì trở thành tranh cãi, cho nên Đại Luận nói: "Nếu không đạt được Bát-nhã phương tiện, đi vào A-tỳ-đàm liền rơi vào trong đó, đi vào Không môn thì rơi vào trong không". Còn Đại sư nói: "Kể ra còn gần cạnh hư huyễn - luận phá bỏ gần cạnh hư huyễn, điều này cùng với tà không có làm nhau v.v..." Nếu đạt được ý: Sắc hoặc thô hay là tế, quán sát tóm lại là vô thường vô ngã, phá bỏ kiến ái được đi vào Không bình đẳng, cả hai cũng, cả hai chẳng phải nói tương tự Trung đạo, lý chỉ ở không, nhưng có thể ung dung hội nhập lý không, từng đoạn từng đoạn, người pháp theo như trước có thể biết.

Từ "Ma-ha v.v..." trở xuống là khai triển, có ba: Thứ nhất nói về thể "Không" thông suốt ba giáo. Chẳng nói người pháp không - bất không là, khác với Tỳ-đàm kia lúc quán nhân không, chưa phá thật pháp. Không nói Thể có giả dụng ấy là, khác với Thành thật kia thu nhận thể thật pháp trở thành dụng của giả nhân. Chỉ quán người pháp vốn tự không sanh nay cũng không diệt, sắc là đầu tiên của ngũ ấm - ngã là thứ nhất của mười sáu loại, do đó tất cả nêu lên một, theo đó người pháp còn lại tức là không cho nên nói là Như. Quán sát hai không này bắt đầu là nhân rốt ráo là quả. Hoặc là người, hoặc pháp - không sanh, không diệt gọi là Niết-bàn, thường tu quán này để thực hành chánh đạo. Nên biết rằng Đại phẩm nói về nghĩa "Không" hàm chứa sâu cạn thế nào? Nếu người độn căn nói chỉ là "Có trống rỗng", tức là đi vào "Thiên Không" chứng được lý Thông đó. Nếu người lợi căn hễ nghe đối với "Không" biết hai bên "Không", gọi là nhìn thấy "Không" ở giữa thuộc về hai giáo sau. Lại, "Không" ở giữa này lại chia ra hai loại, xa lìa giới hạn mà hiểu đây là lý Biệt, ngay nơi giới hạn mà hiểu là thuộc về lý Viên. Như-lai trí tuệ phương tiện, khéo léo nói về "Không", thường phủ kín ba căn đoạn - chứng không giống nhau. Lại nữa, nên biết rằng nghĩa không của kinh ấy tuy thông suốt ba giáo, mà người pháp này chẳng phải hai loại trước, chỉ sử dụng không ngay nơi giới hạn rốt ráo, hết sạch hai chấp đó thì thành giả thật trọn vẹn. Nếu không như vậy thì chẳng phải người pháp nay. Hai từ "Dùng quán v.v..." trở xuống nói về duyên, liễu Thông - Biệt - Viên: Trước đây trình bày hai Không mà chưa nói về duyên liễu, ý tuy ở người Viên nhưng Thông có phần, nay dựa theo hai Không trình bày hai Phật tánh, cho

nên ở tại Viên - Biệt không liên quan đến Thông Môn. Nay văn đã lấy quán người pháp không, trình bày hai thứ nhân, một nói đối với không cần phải phân ra hai loại; nếu quán rốt ráo không thì ở nơi người pháp hiển bày trọn vẹn hai nhân, nếu quán thứ đệ không đối với người pháp tức là hai nhân riêng biệt. Văn dùng người pháp Vô thượng làm hạt giống duyên liễu, cũng cần phải hết sức tách biệt, trăm cõi giới giả thật là Phật - Niết-bàn đây là Viên quán. Nếu chỉ có cõi Phật cho nên thuộc về Biệt. Ý văn ở tại người Viên - Biệt có phần. Giải thích điều này chia làm hai: thứ nhất trong liễu nhân, lấy quán người không chính là hạt giống liễu nhân. Quán không của Đại thừa là gột rữa tính hiển bày đức, nay kinh đã dùng trí tuệ nhìn người, cho nên người chấp không thì người trí hiển bày, huống chi quán bổn không chính là hiển bày bổn trí, bổn trí tức là tánh đức liễu nhân. Do đó dẫn ra văn nói về quả Phật làm chứng cứ, thì nhân quả không hai - tu tánh nhất như. Vì vậy biết văn hiện tại chính là nói về Viên quán. Nói ban đầu giác ngộ người không - rốt ráo giác ngộ pháp không: Người là giác trí, không chỉ tự không đối với chấp người, lại có thể không đối với pháp chấp. Tuy nói trước sau chẳng phải thứ lớp quán, mà đây là căn cứ vào đại thừa quán hai không tánh tướng, phá hai chấp sanh pháp, hiển bày hai đế chân tục, quán tuy không thể thứ lớp mà nói có trước sau vậy. Như Đại Bổn Sớ chép: “Chân đế tức là pháp không - tục đế tức là sanh không, tục là giả - chân là thật”. Phụ Hạnh nói: “Nếu chấp tánh có là Thế mà chẳng phải đế, phá tánh chấp của mình mới có thể gọi là Thế đế, cho nên nói Thế đế phá tánh. Tánh chấp phá rồi chỉ có tên gọi, tên gọi là giả - giả tức là tướng, vì tướng không cho nên quán đối với pháp tánh. Quán lý chứng chân gọi là chân đế phá tướng, không chẳng phải trước sau mà hai đế cùng lúc. Bởi vì giải thích tánh tướng trước sau mà nói. Hãy suy nghĩ và suy nghĩ! Không thấy ý này chỉ uổng gọi là “Tức không”. (Trích từ Phụ hạnh). Đây là nói về giác trí trong một niệm, chấp người pháp không - nghĩa có trước sau, đừng mê muội lời này mà xếp vào Biệt, như khi nói không làm, tức là nghĩa này. Hai là trong Duyên nhân quán pháp không tức là hạt giống duyên nhân: Căn cứ vào giác trí cho nên pháp chấp đã mất - ngã ấm thanh tịnh, chính là dùng ấm thanh tịnh mà làm duyên nhân, hơn nữa liễu vốn không chính là ấm vốn tịnh, ấm vốn thanh tịnh gọi là hạt giống tánh duyên. Vì thế dẫn ra cực quả pháp không của Đại Luận - Đại kinh, và nhân chân pháp không của Đại phẩm, để nói lên tướng duyên nhân. Nên biết rằng nhân chân, quả tột cùng đã viên dung mười cõi, thì ngũ ấm trăm cõi đều là pháp vô thượng, thu nhận các pháp này gọi đó là

Phật. Nếu nói theo ba ngàn, thì một ngàn chúng sanh đều là giả danh của Phật, hai ngàn ấm - độ đều là thật pháp của Phật. Vì vậy ngài Kinh Khê nói: “Quả ba ngàn thành tựu đều gọi là thường lạc. Lại nói: “Một Đức Phật thành đạo thì pháp giới chẳng nơi nào không phải y chánh của Đức Phật này, tu đức đã như vậy thì tánh đức vốn như thế”.

Hỏi: Duyên liễu trong văn cùng nói là chủng, nghĩa đó có sai không?

Đáp: Nói là chủng, tất cả có hai nghĩa, một là đối địch nói về chủng, như ba đạo là ba loại đức, hai là tương tự ví dụ nói về chủng, như duyên liễu là hạt giống trí đoạn, tánh đức pháp thân làm hạt giống tu đức pháp thân. Hai loại này đều lấy nghĩa năng sanh. Nếu lấy hai không làm hạt giống thì nghĩa tương tự ví dụ. Nếu dùng hai chấp làm hạt giống tức là nghĩa đối địch. Nay văn đã nói quán người pháp không tức là hạt giống duyên liễu, là tương tự chẳng phải đối địch. Nếu dựa vào giác trí quán sát hai không, làm hạt giống hai nhân, thì chọn lấy tu hai tương tự đối với quả có hai. Nếu ngay nơi tánh đức vốn tự hai không làm hạt giống hai nhân, thì chọn lấy lý thanh tịnh tương tự đối với bản thân mình thanh tịnh. Do đó luận trọn vẹn về tánh - chủng có đối địch có tương tự. Biệt giáo không có hạt giống đối địch nên người học xem xét suy nghĩ. Viên giáo trái với điều đó, người học hãy suy nghĩ. Từ “Vì quán v.v...” trở xuống là nói về hai nghĩa tức, lìa chỉ riêng viên đốn, có hai: Đầu tiên dựa theo sáu pháp nêu ra ba nhân, chia làm hai: Thứ nhất là dẫn ra kinh nêu rõ tức ly chúng sanh Phật tánh ấy là ba nhân tánh đức. Sáu pháp là ngũ ấm và thần ngã. Đây là bởi vì bổn giác thường vắng lặng - thường soi chiếu - thường chẳng phải vắng lặng soi chiếu, vắng lặng là duyên nhân, soi chiếu là liễu nhân, cả hai chẳng phải chánh nhân. Ba nhân này đối với sáu pháp không tức không lìa, chính là sáu pháp bất sanh bất diệt không thể nghĩ bàn. Lập Môn đã tuyệt diệu, do đó tách biệt sơ tâm không có thể tạo ra các đường. Từ “Bất tức v.v...” trở xuống là y theo lý nói về Tức ly. Chánh nhân bất tức: Chánh chẳng phải lặng chiếu cho nên không tức tất cả. Lúc mê thì bất tức Ngã - ấm - nhân - pháp, lúc hiểu rõ thì không tức liễu duyên. Vì trước sau không biến chuyển thay đổi. Duyên liễu bất ly: Hai nhân tánh đức đã thích hợp mà vắng lặng mà soi chiếu. Vắng lặng là thật pháp trăm cõi - soi chiếu là giả nhân trăm cõi. Giả thật này có thể mê muội có thể hiểu rõ, mê muội cho nên nêu ra Thể mà làm giả thật một cõi giới, tức là chẳng phải hạn cuộc mà lại hạn cuộc, vì thế cho nên hai nhân không xa lìa sáu pháp. Nếu chính là mê muội trở thành hiểu rõ chuyển thành duyên liễu trong tu, phá bỏ hai

chấp hiển bày giả thật trăm cõi giới vốn vắng lặng chiếu soi, gọi là hai không, tức là chẳng khắp mà khắp. Do đó nói không xa lìa chúng sanh không, mà có liễu nhân, không xa lìa ấm không mà có duyên nhân. Kết thúc nói không xa lìa sáu pháp: Không động ngã ấm mà thành hai không. Chỉ một giác tánh đầy đủ ba thứ đức, gọi là ba nhân - ngay nơi ba mà một - ngay nơi một mà ba, chẳng phải một chẳng phải khác - không dọc không ngang, muốn sáng tỏ bí tạng thì bặt dứt đối với suy tư nói năng, vì thế đối với sáu pháp nói chẳng phải Tức ly. Người thấy trong văn nói chánh nhân bất tức - duyên liễu bất ly, không thấu đạt diệu chỉ thì phân biệt đối đãi mà thôi. Phải biết rằng một vương - một số - một căn - một cảnh, tùy theo mê muội - tùy theo hiểu rõ từ nhân đến quả, chỉ hướng về nêu lên một đều gọi là Phật tánh, không thể nói là đúng - không thể nói là sai. Cho nên nói không tức sáu pháp - không lìa sáu pháp, cũng gọi là một niệm tức không - Giả - Trung. Trung cho nên không chính là - không Giả cho nên không xa lìa, nghĩa chẳng phải khác đường, vì vậy quán này chỉ thuộc về Viên giáo.

Từ "Phật từ v.v..." trở xuống là dựa theo ba tánh nói về phần chứng. Nói Phật từ v.v... là, muốn đối với Quán Âm nói về phần Mãn. Phật đối với ba tánh sáu tức rốt ráo đầy đủ. Vì sơ tâm thường dùng ba quán quán sát sáu pháp. Cần phải biết rằng ba tánh chính là ba đức ba quán trong tánh.

Lúc đầu phát tâm cần phải đối với ba tánh khởi lên ba tu. Sáu vị tuy khác nhau mà tánh không tách biệt, vậy thì sáu tức là người pháp Vô thượng, cho nên xuống dưới kết thúc nói: Hai lần hỏi đáp là phân biệt giải thích về người pháp Vô thượng. Từ "Một trước v.v..." trở xuống là văn kết thúc, có hai:

Thứ nhất kết thúc chỉ ra văn kinh. Từ "Nên biết v.v..." trở xuống là kết thúc quy về đề mục có thể thấy.

Hai là Từ bi, có ba: Đầu tiên là nêu ra. Hai từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống là giải thích, chia làm hai: Thứ nhất dựa theo bốn thệ nguyện nói về công lao, có hai: Trước nói phải thệ nguyện, chia là ba: Một là phải thệ nguyện ý. Nói từ bi hoằng thệ: Đơn giản đối với phàm phu tiểu thừa không thệ nguyện từ bi, nói lên Bồ-tát này có thệ nguyện từ bi. Hai là từ " Thí như v.v..." trở xuống là nêu lên thí dụ biểu hiện, từ bi gồm thâu chúng sanh như điều tiết công xương hợp lại, không thệ nguyện keo sơn thì dứt trừ và ban cho không lâu dài. Ba là từ "Thệ nguyện v.v..." trở xuống là văn bản thí dụ kết thúc.

Từ "Bi tâm v.v..." trở xuống là bày tỏ vận tâm, có hai: Một là hai

thệ nguyện nói về Bi, nay đã thông suốt chỉ ra thế gian nói bao gồm hai lời, về ba cõi, xuất thế gian sau đó cũng với ví dụ này. Hai từ "Vì từ v.v..." trở xuống là hai thệ nguyện nói về Từ. Trước trong bạt khổ - quả nặng mà nhân nhẹ, cho nên trước dứt trừ cái nặng. Nay trong cho vui- nhân hiển rõ mà quả bí mật, cho nên trước ban cho hiển rõ. Đây là tâm lợi ích chúng sanh của Bồ-tát, thì khác với biết khổ - đoạn tập - ưa thích quả - tu nhân Thanh-văn. Nếu trong Anh Lạc trình bày bốn thệ: "Chưa vượt qua khổ đế khiến cho vượt qua khổ đế, chưa hiểu rõ tập đế khiến cho hiểu rõ tập đế, chưa yên ổn đạo đế khiến cho yên ổn đạo đế, chưa đạt được diệt đế khiến cho đạt được diệt đế". Bốn thệ của kinh đó đã lập đều là lợi tha, nay văn đã nói ra ba thông suốt tự hành, nên biết rằng nói có tự tha ý chắc chắn đầy đủ cả hai. Hai là từ "Nhưng trước v.v..." trở xuống dựa theo bốn giáo biệt giải rộng về tướng. Vì lập thệ đó thì phải nương vào bốn đế. Nếu không nương theo đế thì gọi là cuồng nguyện, vì sao? Vì bốn đã gọi là đế, thì có thể xem xét thật đế tướng của mê muội hiểu rõ - ranh giới của đau khổ vui sướng. Dựa vào đây phát khởi thệ mới có lý của dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui. Nếu đối với pháp không thể tỉ mỉ (đế), chỉ có phát khởi tâm ban cho cứu giúp, rốt ráo trở thành nguyện ngông cuồng giản đơn.

Ở đây có hai: Thứ nhất ví dụ khoa trước. Hai từ "Nếu ba v.v..." trở xuống trình bày bốn giáo dựa vào đế lập thệ. Cần phải biết rằng quyền thật đều có sự lý, cho nên dùng bốn giáo trình bày so với đế tướng sanh diệt - vô sanh - vô lượng - vô tác, đều nói Bồ-tát nương vào phát khởi thệ. Đầu tiên ba tạng giáo này là đối với người nặng về mê muội chân, nói hai nhân quả thế gian và xuất thế gian, không thể chính là chân lý cho nên sanh diệt lẫn nhau. Bồ-tát quán điều này khởi thệ nguyện "hữu tác", có chúng sanh đáng độ - có hoặc nghiệp đáng đoạn, có pháp đáng biết rõ - có Phật đáng thành tựu, bốn lời thệ đều là hữu tác khiến cho như vậy.

Hỏi: Ba tạng giáo nói về diệt chẳng phải chân đế, nay văn dựa vào diệt, phát khởi lời thệ thứ tư, sao nói lý chân đế vô vi sai ư?

Đáp: Thể của diệt đế là hai Niết-bàn, tuy chẳng phải chân đế mà có thể sâu xa đối với lý, cho nên nói nhân diệt hội chân. Đạo là diệt nhân khổ tập trái với lý, Phật đã khế hợp với chân, cho nên thành Phật thệ quán chân mà phát khởi. Từ "Lại nữa v.v..." trở xuống là Thông giáo, vốn dứt trừ vốn ban cho hai nhân hai quả trên đại thể giống như giáo trước, chỉ vì cơ được che phủ của giáo này mê chân nhẹ nhàng cho nên sự đều chính là lý. Bốn đế hoàn toàn như huyễn không sanh không

diệt, đó gọi là khổ không có tướng ép ngặt, tập không có tướng hòa hợp, đạo không có hai tướng, diệt không có tướng diệt. Quán bốn đế này mà khởi lên bốn lời thệ, đế đã như không thì thệ cũng như huyễn. Nói nếu có một pháp vượt hơn Niết-bàn v.v... Đại luận quyển năm mươi trước đó dẫn kinh rằng: "Tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Tùy theo hạng người như thế nào lắng nghe những gì Tu-bồ-đề nói ra? Tu-bồ-đề biết ngôn ngữ trong tâm niệm các Thiên tử. Người như huyễn nghe pháp vô thính - vô văn - vô tri - vô chứng". Cho đến nói "Phật cũng như huyễn hóa - Pháp Niết-bàn cũng như huyễn hóa". Luận giải thích rằng: "Trong tất cả chúng sanh Phật là bật nhất, trong tất cả các pháp Niết-bàn là bậc nhất, nghe hai sự việc như huyễn này, kinh ngạc và nghi ngờ nói rằng. Tu-bồ-đề nói sai làm người nghe lầm lẫn. Vì thế cho nên lại hỏi Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề nói: Vì hai pháp đều từ vọng pháp mà sanh ra, pháp thuộc về nhân duyên không có quy định thật sự. Tu-bồ-đề suy nghĩ điều này: Nếu khiến cho có pháp vượt hơn Niết-bàn, có thể khiến cho như huyễn huống chi là Niết-bàn".

Ba là Biệt giáo: Giáo này vì người mê nặng về Trung đạo, tuy nói về quả vô tác - mà không thông nhân, do đó ban đầu phát tâm chỉ dựa vào vô lượng, vốn giải thích về pháp của sum la muôn tượng, đều vì mê muội đối với tạng tánh Như-lai mà phát khởi. Nhưng tạng tánh này tuy không có đủ chín loại, mà có thể tùy duyên biến đổi tạo ra các pháp. Tánh tùy theo duyên nhiễm thì khởi lên khổ tập vô lượng của thế gian. Tánh tùy theo tịnh duyên thì khởi lên đạo diệt vô lượng của xuất thế gian. Cho nên trong Diệu huyền nói về Biệt giáo Như-lai tạng rằng: Gọi là Diệu Hữu, vì tất cả các pháp mà làm Y trì, từ Diệu Hữu này sinh ra các pháp, nhưng từ khổ tập chắc chắn có thể làm ngăn cách, cho nên phải phân biệt duyên đạo diệt phù hợp mà vượt qua. Trước dùng bốn đế sanh diệt điều phục đối với tất cả các hoặc. Kế đến dùng bốn đế vô sanh dứt trừ đối với kiến ái. Khoảng giữa dùng bốn đế vô lượng phá trừ trần sa. Sau cuối dùng bốn đế vô tác dứt trừ vô minh. Bốn thứ Bốn đế này trong Biệt giáo, đều gọi là vô lượng, cho nên nói: Duyên trong ngoài giới - nhân quả khổ tập - bốn đế vô lượng mà thành lập nguyện. Vì sao như vậy? Vì biết tất cả nguồn gốc của mê muội và hiểu rõ, đều là Phật tánh, tánh vô lượng cho nên đế gọi là vô lượng, giáo trước không như vậy cho nên không được gọi tên. Viên giáo tuy có nghĩa vô lượng, cả ba đều chính là thật cho nên nói vô tác.

Bốn là Viên giáo, có hai: Đầu tiên chỉ ra bốn thệ, có hai: Thứ nhất nói về tướng thệ: Pháp giới tức là mười pháp giới. Viên dung là luận

chung trăm cõi - nói riêng thì ba ngàn đã là y chánh của chúng sanh - Phật thì đầy đủ lẫn nhau khắp nơi lẫn nhau, cho nên nói là viên dung. Nói không phải trái v.v... là Dùng tánh quyết định tu - ngàn pháp đều là tánh đâu có tu, không thể mất; Tỳ kheo phá giới không vào địa ngục, hành giả thanh tịnh không vào Niết-bàn, đâu chỉ riêng địa ngục - Niết-bàn chính là tánh ư? Hoặc cũng là phá giới - tịnh hạnh chẳng phải tu, chẳng phải trái- chẳng phải thuận mất đi khổ diệt, chẳng phải tối - chẳng phải sáng mất đi tập đạo. Vì vô minh tối tăm thì trái với các loại: Trên chỉ ra toàn tu chính là tánh vì thế cho nên đều không phải. Nay nói về toàn tánh phát khởi tu vì thế cho nên đều tồn tại. Kinh Khê nói: "Tánh không hề thay đổi - tu thường rõ ràng như vậy, đã quán không trái mà trái, cho nên khởi lên Bi nguyện dứt trừ hai nỗi khổ đó; đã quán chẳng phải thuận mà thuận, cho nên phát khởi từ nguyện ban cho hai niềm vui đó. Do biết pháp giới viên dung, cho nên chẳng phải trái thuận, cũng do pháp giới viên dung, cho nên có trái thuận. Có trái thuận nên phát khởi thệ, chẳng trái thuận nên vô duyên". Từ "Thí như v.v..." trở xuống nói về vô duyên, có hai: Thứ nhất là dụ, không đạt được ý trước thì dụ này không hiểu. Từ "Nay đây v.v..." trở xuống là pháp, chính là dùng ba Từ phân duyên và vô duyên. Nếu dựa vào sanh pháp thì duyên có không, nếu tâm chính là trung mới bặt dứt niệm duyên. Vì bặt dứt niệm. Mới có thể rộng khắp pháp giới tùy ý vận dụng ban cho hay cứu giúp. Phẩm Phạm Hạnh thứ mười bốn trong Đại kinh ban đầu nói: "Từ có ba loại: 1. Duyên chúng sanh. 2. Duyên vào pháp. 3. Vô duyên. Duyên chúng sanh là duyên với tất cả chúng sanh nghĩ rằng như cha mẹ mình. Duyên vào pháp là thấy tất cả các pháp đều từ duyên sanh ra. Vô duyên là không trụ vào tướng pháp và tướng chúng sanh". Đại Luận hai mươi cũng nói: "Từ có ba loại: Chúng sanh duyên - nghĩa là duyên với vô lượng người oán, thân, và không oán, thân ở mười phương. Pháp duyên - nghĩa là duyên với La-hán - Bích Chi Phật vô lậu và chư Phật bậc Thánh, phá bỏ tướng ngã của mình, chỉ quán bốn duyên không - năm chúng pháp. Vô duyên là không trụ vào có không, chỉ riêng chư Phật có. Ở đây giống với ý văn Niết-bàn nên đại khái đồng nhau". Còn Đại Luận thứ năm nói về Bi cũng có ba loại như chúng sanh v.v... cho nên biết dùng ba từ bi để đối với ba đế, nghĩa rất rõ ràng. Nay thuận theo luận nói hơn hẳn chỉ nói vô duyên. Nếu đạt được vô duyên thì chắc chắn đầy đủ sanh pháp. Từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống nói về sáu tức, đều do lý đầy đủ mới có Sự dụng. Nay toàn bộ lý Từ khởi lên năm tu đức, mà Quán Thế Âm chưa đạt đến rốt ráo vẫn còn ở phần chân. Muốn làm cho chúng sanh biết lý

từ bi tu thành tựu năm tức, cho nên dấy lên hai câu hỏi để sinh ra hai câu trả lời, chày thớt đập vào nhau là các đồ dùng thuần phác mộc mạc. Từ "Nếu trước v.v..." trở xuống là kết thúc trở về, có hai: Thứ nhất là kết thúc chỉ ra văn kinh. Hai từ "Cho nên, biết v.v..." trở xuống là kết thúc trở về đề mục, có thể hiểu rõ.

■

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 2

Ba là phước tuệ, chia làm ba: Đầu tiên là nêu tên gọi khác, sự thù thắng trong phước không hơn định, nêu lên hơn gồm thâu xấu kém, thì năm độ đầy đủ rồi. hai là từ "Định gọi là v.v..." trở xuống là dựa vào tên gọi để giải thích nghĩa, có hai: Đầu tiên là nêu công năng của hai pháp, có bốn: Thứ nhất công năng của định tuệ. Tĩnh ái quán sách: Do tịch tĩnh cho nên thường yêu quý gồm thâu các hành, do quán chiếu cho nên thường sách tấn các hành. Yêu quý mà không đốc thúc thì tâm sanh ra ngưng trệ, đốc thúc mà không yêu quý thì tuệ phát khởi phân tán. Yêu quý đốc thúc đầy đủ mới có công năng hướng đến quả. Hai từ "Lặng chiếu v.v..." trở xuống là đức của phước trí. Trí của lặng chiếu: Tức là hai trí quyền thật. Chẳng tối tăm nào không sáng: Tức là không có sự tối tăm của ba hoặc. Phước đức thiền định chắc chắn bao gồm các độ và các thiền đại tiểu. Dùng phước giúp đỡ trí giống như dầu giúp cho đèn. Ba là từ "Cũng gọi là v.v..." trở xuống là xứng với mắt và chân. Hồ thanh lương tức là Niết-bàn. Niết-bàn chắc chắn cần phải đầy đủ ba đức, cực điểm ở tại Diệu Giác, phân chia thông suốt Sơ trú. Bốn từ "Niết-bàn v.v..." trở xuống là tên gọi trang nghiêm, hai nghiêm thuộc về tu - pháp thân là tánh. Tánh có thiếu và đủ, nên làm cho hai tu có khác nhau về chân duyên. Như dưới đây phân rõ.

Từ "Giải thích định tuệ này v.v..." trở xuống là dựa theo bốn giáo giải thích, có hai: Đầu tiên trình bày bốn giáo, Bồ-tát ba tạng giáo tuy nói quán lý, điều phục mà chưa dứt, tạm thời nêu lên các thiền thật sự bao gồm các độ còn lại, phát khởi chân chắc chắn ở tại ba mươi bốn tâm. Nếu Bồ-tát Thông giáo thể pháp xảo tuệ, lý độ trợ giúp, nhân lập tức pháp chân đến Phật mới hoàn tất. Người Biệt giáo tuy tin tâm năng tạo chính là Phật tánh, mà tánh chẳng đầy đủ chín loại vì hoặc che lấp, cho nên cần phải tách biệt duyên hai lý trong chân, phá chung hoặc, vì thế cho nên gọi là duyên tu trí tuệ. Chính là các thiền Tam-muội Tục đế trợ giúp hiển bày Pháp thân. Viên giáo nói về tánh ác, hiểu rõ thật

tướng của hoặc tức là năng quán, gọi là quán thật tướng, định cũng như vậy gọi là Thật tướng Định. Lại dùng tên gọi thật tướng hiễn rõ thân, tức một mà ba gọi là thân định tuệ, tức ba mà một cùng tên gọi thật tướng. Nếu mê muội tánh ác thì đâu được dự vào hàng sơ tâm. Hai từ “Nay, Viên v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề kinh, có hai: đầu tiên là chỉ ra văn kinh. Nói trí quang chiếu Khổ: Kinh không có văn này, mà có nghĩa đó. Vô lượng chúng sanh gặp phải khổ đau xưng gọi danh hiệu, Bồ-tát lập tức quán sát âm thanh đó nên đều được giải thoát, quán là trí soi chiếu - soi chiếu tức là Quang. Quán Âm diệu trí tức là Thể của chúng sanh ba đường, chúng sanh mê muội cho nên điên đảo mới sanh ra, Quán Âm soi chiếu giải thoát ở nơi này. Liên tiếp dẫn ra văn phát ra ánh sáng trong ba kinh là: Nếu chẳng phải sắc, làm sao có thể nói là phát ra, nếu định là sắc đâu gọi là trí tuệ. do vậy biết sắc tâm thể đó không hai, sắc tánh tức là trí - trí tánh tức là sắc, đâu chỉ riêng Quang như vậy! Tất cả sắc như vậy! Nghĩa Phổ hiện sắc thân chắc chắn có thể biết. Lại lẽ nào chỉ có quả sự mà thực tế còn ở nhân lý, bởi y cứ vào lý đầy đủ mới có Sự dụng. Từ “Bởi vì v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục. Bốn là chân ứng, có ba: Đầu tiên là nêu tên gọi chỉ ra nghĩa, hai thân đều có nghĩa của tập tạng, Chân nhóm hợp tất cả, trí tuệ cất giữ ở một tâm, ứng nhóm hợp tất cả, thần thông cất giữ ở một sắc. Sắc tâm không hai tất cả tuệ như một, nói duy sắc duy tâm là ở đây. Hai từ “Nếu khế hợp v.v...” trở xuống đối chiếu phân biệt đúng sai, có hai: Đầu tiên dựa theo pháp chỉ ra, chia làm ba: Thứ nhất thể thật tướng của pháp tức là pháp thân, trí năng khế hợp tức là tự thọ dụng báo thân. Hai thân này nay đều gọi là chân thân. Pháp thân báo thân đã sâu kín thì thường xứng hợp cơ nghi, khởi Ứng thân hơn kém v.v... Hai từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ, nắm lấy gương dụ cho chứng chân, ngay nơi hình dạng dụ cho khởi ứng. Ba là từ “Chân, ứng này v.v...” trở xuống là kết luận, Tam thiên cùng thể là chân, Tam thiên cùng dụng là ứng, chân ứng này nơi chốn không rời nhau, luận nói không mưu cầu, mà nghĩa hiển bày tôn chỉ hiện tại, các tông phái vốn bàn luận khó tránh khỏi tác ý. Từ “Hoặc như ngoại đạo v.v...” trở xuống là nói người phân biệt, có hai: Đầu tiên phân biệt Tiểu thừa và ngoại đạo, cảnh thiền căn bản hữu lậu không sáng tỏ, cho dù tiểu thừa hiện rõ thần thông cũng không thể nào lợi ích chúng sanh. Đây là phân biệt chẳng phải ứng, “Còn chưa v.v...” trở xuống là phân biệt chẳng phải chân. Nếu người nhị thừa là, tạm thời nêu lên nhị thừa, chắc chắc bao gồm hai giáo và hai Bồ-tát. Theo đúng ý Diệu Huyền, hai giáo Tạng và Thông đều là tác ý thần thông, vì cần

hoại diệt vô thường trú, bổn không thể khởi ứng. Nếu Biệt giáo tiếp dứt hoặc của Thông, Biệt chưa hết, cũng không thể ứng. Cho dù khiến duyên đến vật đều gọi là thô ứng, hoặc sơ tâm Biệt giáo cũng không thể ứng. Sơ địa ban đầu đạt được ba quán hiện tiền, chứng hai mươi lăm Tam-muội vương, pháp thân thanh tịnh vô tư vô niệm, tùy cơ lập tức đối diện, là diệu ứng không thể nghĩ bàn.

Từ "Đại thừa v.v..." trở xuống là chỉ người Viên giáo, có hai: Đầu tiên nói về hai thân. Đắc thật tướng chân: Đích xác nói là Viên trú nghĩa bao gồm Biệt địa. khác với chân không: Gọi chất là chân. Bậc Thánh ứng giống như cùng thể chất của cơ, đã chứng tánh bổn giác của chúng sanh, dùng cơ trăm cõi ứng với cơ trăm cõi, thể vốn không hai lẽ nào có thể khác nhau đôi chút hay sao? Hai từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống là nêu ra sáu tức. Ba là từ "Kinh nay v.v..." trở xuống là kết thúc chỉ ra đề mục của kinh, có hai: Thứ nhất chỉ ra văn kinh. Hai là từ "Bởi vì v.v..." trở xuống là kết thúc đề mục.

Năm là Dược châu, có ba: Đầu tiên nêu tên gọi là chỉ ra giáo. Kinh Nại Nữ: Nói đầy đủ là Kinh Phật nói Nại Nữ Kỳ Vực, một quyển. Nại nữ là người con gái sinh ra dưới cây Nại nhà Phạm Chí nước Duy-da-Ly, nhan sắc xinh đẹp nổi tiếng truyền đi các nước xa, do đó vua Bình Sa đến đính hôn, về sau sanh ra một người con trai tên là Kỳ Vực, lúc sanh tay nắm ống kim túi thuốc, đến năm tám tuổi ông thông suốt rất nhiều y thuật, đi khắp nơi chữa bệnh. Sau đó gặp đứa trẻ gánh củi, Kỳ Vực nhìn thấy, xem tất cả ngũ tạng - ruột - dạ dày đứa trẻ này, tâm Kỳ Vực nghĩ rằng: Bản thảo kinh nói có cây thuốc chúa, từ ngoài rọi vào trong nhìn thấy phủ tạng con người. Trong củi đứa trẻ này chẳng lẽ không có cây thuốc chúa hay sao? Tức thì hướng đến hỏi đứa trẻ, bán củi được mấy đồng tiền? Đứa trẻ nói: Mười tiền, bèn trả tiền lấy củi. Dỡ củi xuống đặt trên đất tối tăm không nhìn thấy trong bụng. Kỳ Vực nghĩ: Không biết trong bó củi cây nào là thuốc chúa thật? Bèn tháo hai bó củi chọn lấy từng cây một rồi áp vào bụng đứa trẻ, không hề soi thấy gì, bèn lại tiếp tục chọn lấy. Như vậy hết hai bó củi. Rốt ráo có một nhánh nhỏ, cắt dài hơn thước, thử chọn lấy để soi thì nhìn thấy đầy đủ trong bụng. Kỳ Vực rất vui mừng, biết nhánh nhỏ này chắc chắn là thuốc chúa, tất cả củi trả lại cho đứa trẻ, đứa trẻ đã được tiền mà củi lại như cũ, vui sướng mà đi. Kỳ Vực trở về nước chữa bệnh cho mọi người khắp nơi, đều dùng thuốc chúa soi chiếu coi xét, thấy hết nguồn gốc của bệnh, sau đó chữa trị chẳng có người nào không khỏi bệnh. Nay lấy thí dụ chân thân dứt trừ đau khổ, như thuốc chúa chữa trị bệnh tật. Châu là vật báu như ý:

Như trong Hoa Nghiêm được ma-ni châu sửa trị trong sạch mười loại, có thể mưa xuống các thứ báu. Nay dùng dụ cho ứng thân ban vui, như mưa báu của ngọc ma-ni. Từ “Rộng trải qua v.v...” trở xuống là dựa theo giáo phân rõ năng, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra, có ba: Tùy theo giáo cạn sâu mà lợi ích chúng sanh có rộng hẹp, theo đó nói về tướng trị bệnh được vật báu. Hai từ “Nay xét theo v.v...” trở xuống là mở rộng trình bày Viên giáo, có hai: Đầu tiên giải thích hai thân, có hai: Thứ nhất Dược thọ thân, chia làm hai: Một là Dụ, rễ sâu dụ cho chân diệu, phân bố bốn phía dụ cho ứng rộng rãi chỉ ra giáo - lý - hạnh - quả, như thứ lớp rễ v.v... tín hạnh tu bốn thứ như nghe được lợi ích, pháp hành tu bốn thứ như tiếp xúc được lợi ích. Hai là từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp. Đoạn đầu phẩm này chuyên nói về dứt trừ đau khổ, tức là Đại bi xông ướp cho chân thân, cùng với nghĩa trị bệnh như nhau. Hình thanh lợi ích chúng sanh tạm thời nói theo Thông giáo mà nói. Nếu căn cứ vào văn kinh cần phải ở tại lợi ích ngầm kín, không dùng hình thanh kết hợp nghe và tiếp xúc ở trước, ý cũng ở nơi này. Từ “Lại như v.v...” trở về sau là thân Châu vương, chia làm hai: Một là Dụ, như văn. Hai là từ Bồ-tát v.v...” trở xuống là Pháp, tức là dùng Đại từ xông ướp cho ứng thân, làm cho rộng khắp được vui sướng, cùng với nghĩa vật báu như nhau. Hỏi: Đại Bi xông ướp Chân thân - tướng đó như thế nào? Đáp : Chân là diệu trí thường phá trừ vọng hoặc, Bi gọi là thương xót thường dứt trừ khổ đau cho người khác, cùng là một Dụng thanh tịnh của pháp thân mà thôi. Muốn soi chiếu sáng tỏ lý có ích về lợi tha, cho nên xây dựng Bi dứt trừ khổ xông ướp cho trí phá trừ mê hoặc, tức là hiển bày trí có Bi, rộng khắp trừ bỏ nỗi khổ vọng hoặc của chúng sanh, cũng như đối với đại từ xông ướp ứng thân ban cho niềm vui, cùng là một dụng tự tại của pháp thân. Một dụng hai năng, cho nên có nghĩa của năng huân - sở huân, bởi vì ứng thân vốn là pháp tự hành chứng đắc, dùng từ xông ướp cho nên mới lợi ích khắp nơi cho người khác. Vậy thì từ tâm chẳng phải không xông ướp chân thân, Bi tâm chẳng phải không xông ướp ứng thân, chân thân chẳng phải không ban cho niềm vui, ứng thân chẳng phải không dứt trừ khổ đau. Muốn cho dễ dàng hiểu rõ, vì thế cho nên văn kinh nhờ vào hai lần hỏi đáp, phân biệt mà nói ra vậy. Hai từ “Đây cũng v.v...” trở xuống là phân rõ sáu tức, bác địa đã đầy đủ lý của hai thứ trị bệnh và mưa báu, không khác với Phật, từ danh tự trở lên tùy cạn - tùy sâu, năng điều trị - năng rưới mưa. Từ “Theo như trước v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra đề mục kinh, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Sáu là minh hiển, có ba: Đầu tiên giải thích tên gọi. Từ: Đại Thánh v.v...” trở xuống là giải thích tướng, Đại Thánh thường dùng chân trí kín đáo xông ướp, diệu sắc hiển bày che phủ, vô minh ngăn cách cho nên lợi ích mà không biết.

Từ “Thí như v.v...” trở xuống là nêu ra thí dụ, hai chiếu sáng dụ cho hai lợi ích, người mù dụ cho vô minh, phàm phu tiểu thừa đều còn phân cách ở hạ địa, màng mắt đã có khác nhau về dày mỏng, tướng không thể nhìn thấy thì không thể suy đoán như nhau. Thứ ba là từ “Cho nên, Phẩm dược thảo dụ nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng, ba cỏ - hai cây đều không biết mặt đất như nhau - cơn mưa như nhau, dưới không lường nổi trên cũng là người Thông giáo - Viên giáo, cho nên dẫn ra Diệu đức không biết Diệu âm. Nói vì không biết cho nên gọi là lợi ích ngầm kín: Đây là trình bày hai thân đối với người không biết, đều gọi là lợi ích ngầm kín, tức làm sáng tỏ chân ứng ở nơi người biết điều đó, đều gọi là lợi ích hiển bày. Phát khởi trí nhìn thấy lý đối với chân hiển bày lợi ích, thấy thân mà không biết chỉ chịu ơn lợi ích ngầm kín, chân ngầm kín - ứng hiển bày có thể dùng ý suy nghĩ. Từ “Đây cũng v.v...” trở xuống là nói về sáu Tức. Lý giống như cực Thánh cho nên không nói đến, danh tự chính là người vốn có trí hành bao gồm ích lợi cho người, bảy phương tiện kia thọ nhận mà không biết, huống chi trong ngoài gồm hai lợi ích chẳng phải nhỏ bé, đều biết chính là tánh cho nên xa lìa ngã năng. Thứ ba là Từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Trước đây nói về chân ứng đều có ẩn hiển, đây là dùng hết lý, nay dùng người pháp tách biệt đối chiếu hai lợi ích, tạm thời thuận theo văn như vậy. Hai từ “Cho nên v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Bảy là Quyền Thật, có ba: Đầu tiên là giải thích tên gọi, tạm thời sử dụng thì quyền là thích hợp, chẳng phải tạm thời tức là rốt ráo. Hai từ “Tóm lại v.v...” trở xuống là phân rõ tướng, có hai: Đầu tiên nói chung về ba loại, chia làm hai: Thứ nhất nêu rộng ba loại, tức là chỉ riêng tự - chỉ riêng Tha và tự tha giống nhau. Theo các kinh luận đã nói về quyền - thật, tướng đó không như nhau, hoặc nói tự hành có quyền - có thật, hoặc thừa nhận hóa tha có quyền - có thật, hoặc kinh luận giải thích pháp của tự hành đều gọi là thật, pháp của hóa tha đều gọi là quyền. Vì thế cho nên tông phái này hễ nói về quyền thật, thì phải nói về ba loại này. Nếu không như vậy, người vâng chịu học hỏi, thì không biết tất cả tướng của quyền thật, đối với các kinh luận không tránh khỏi sinh ra nghi ngờ. Lại cần phải biết rõ pháp tướng quyền thật, hoặc dựa

theo lý sự hoặc dựa theo lý giáo, giáo hạnh trói buộc hay thoát khỏi nhân quả thể dụng, tiệm đốn mở ra hay hợp lại tất-đàn chung riêng, đều thông suốt tự - tha và tự tha chung nhau. Nay đối chiếu trung quán với hai quán làm quyền thật, tựa như lấy nhân quả mà phân rõ ba loại, tự tu ba quán là tự hành quyền thật, nếu dựa theo hóa tha thì chỉ thuận theo ý người, lúc bốn tất-đàn thích hợp không có thể chắc chắn phân định. Nếu loại thứ ba tự hành ba quán, có quyền có thật, vì thuận theo trí cho nên chỉ gọi là thật, pháp của Hóa tha tuy có quyền thật, vì thuận theo tình cho nên chỉ gọi là quyền. Hai từ "Dùng ba nghĩa này.." trở xuống là trải qua khắp các giáo, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra bốn giáo, tùy giáo cạn sâu nói về các lý - sự, dựa theo tự - dựa theo tha và tự tha chung nhau, nghĩa đều không thiếu sót. Hai từ "Lại theo v.v..." trở xuống là nói đầy đủ sáu tức, sáu thông suốt ba giáo tức là chỉ ở Viên giáo, lại dựa vào tự hành, trình bày sáu quyền thật từ nhân đến quả, nghĩa rất thuận tiện. Từ "Tím ý phẩm này v.v..." trở xuống là Biệt dụng thứ ba, lần hỏi đáp trước có quyền thật, bảy nạn - hai cầu ở quyền, xa lìa hẳn ba độc là thật. Vì do Đại sĩ sử dụng hướng về tự hành một tâm ba quán, quán sát âm thanh đó khiến cho đều được giải thoát, vì thế đều xếp vào thật. Lần hỏi đáp sau, thân mười cõi nói pháp hiển hiện có quyền thật. Vì Đại sĩ này tùy căn cơ sai khác thị hiện các loại ứng, cho nên nhìn thấy xếp vào quyền. Đây chính là phân định hướng về Tự hành - Hóa tha để làm Quyền Thật không có lần thứ ba, làm thế nào phân kinh hai đoạn mà đối chiếu quyền thật? Ba là từ "Lần hỏi trước v.v..." trở xuống là kết thúc quy về, có hai "Trước là kết thúc chỉ ra văn kinh, trước sau đều nói tự hành - Hóa tha ấy là phân tích chỉ Tự hành - chỉ hóa tha quyền thật, ý nói: Lần trước là Tự - Tha thật của tương đối, lần sau là tự - tha quyền của tương đối. Hai từ "Cho nên, biết v.v..." trở xuống là kết thúc quy về đề mục.

Tám là Bổn Tích, có ba: Đầu tiên là danh nghĩa, Tịnh Danh Huyền Nghĩa chép: "Bổn Tích: Bổn là lý của sở y, Tích là sự của năng y, sự lý kết hợp nói cho nên gọi là Bổn tích. Ví như người dựa vào trú xứ, thì có dấu vết đi đến. Trú xứ là sở y, người thường dựa vào có dấu vết đi lại, do xứ có dấu vết - tìm dấu vết được xứ. Nên biết rằng hoặc là cao hay thấp thật sự đạt được đều là Bổn, hoặc cao hay thấp ứng hiện đều là Tích. Hai là từ "Nếu liên thông v.v..." trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chung cả phàm tiệm, người thế trí cao có nhiều phương cách thực hiện, chỉ thấy tông tích mà chẳng biết bổn ý, hai giáo Thánh hiền đến địa vị tương tự Biệt giáo, vốn đã chứng đạt được mà địa vị phía dưới

làm sao biết rõ, từng đoạn đều có thể thông suốt nói về Bổn tích. Hai là hạn cuộc Viên Thánh, có hai: Đầu tiên hạn cuộc phần mãn, có hai : Thứ nhất chỉ ra sơ lược, đích thực nói về bổn đó, phải phá trừ vô minh chứng đạt thể của pháp thân, Tích chỗ lưu truyền hoặc thân của chín cõi giới hoặc hiện rõ tám tướng. Từ "Nếu một hướng v.v..." trở xuống là phân biệt phân định, có hai: Đầu tiên chọn cùng hướng (nhất vãng). Hai từ "Nay nói kỹ v.v..." trở xuống là chọn lấy tinh tế mà nói, có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa mà nói, có hai: Thứ nhất là nói về Bổn tích thông suốt cao thấp, nếu biết rõ bốn câu giải thích mới hết. Một - Bổn thấp Tích cao, sơ trú pháp thân Tích là tám tướng, địa vị trên Bồ-tát, tám tướng vốn là oai nghi bậc Diệu giác, cho nên nói Tích cao. Hai là Bổn cao Tích thấp, Diệu giác pháp thân Tích là địa phía dưới và tướng chín cõi. Ba là đều là cao, Diệu giác pháp thân tích là tám tướng. Bốn là Tất cả là thấp, Sơ trú Pháp thân Tích là chín cõi. Trong đây bốn mươi địa vị Bổn Tích cao thấp, có thể lấy ý biết rõ. Từ "Vì sao v.v..." trở xuống là nói thật có thể phân rõ đúng sai. Từ "Cho nên, phẩm Thọ lượng v.v..." trở xuống là dẫn văn chứng minh, tự ý là Bổn, tha ý là Tích. Từ "Căn cứ bổn v.v..." trở xuống là tất cả sáu tức, năm địa vị Bổn tích lý đều đầy đủ. Ba từ "Xét theo trước v.v..." trở xuống là kết thúc quy về, có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh, trước dùng thật Bổn lợi ích cho người, sau dùng tùy Tích làm lợi ích cho người. Hai từ "Cho nên biết v.v..." trở xuống là kết thúc đề mục.

Chín là Duyên liễu, có ba: Đầu tiên nêu rõ danh nghĩa, có ba: Trước nêu danh nghĩa, danh nghĩa tu tánh này đều như vậy. Từ "Liễu tức là v.v..." trở xuống phân rõ phẩm loại, tương tự đến cực quả, từng đoạn từng đoạn tên gọi khác nhau mà thể đó chẳng khác. Từ "Đại luận v.v..." trở xuống là dẫn luận giải thích. Tướng của duyên liễu thật sự giống như làm cỏ và trồng cây, không có hai năng lực này thì ruộng tánh không dồi dào. Từ "Chung luận v.v..." trở xuống là dựa vào giáo giải thích, có hai: Đầu tiên các giáo đều có đủ, nghĩa Tạng giáo Thông giáo thành lập hoàn toàn trái với tánh chủng. Biệt giáo tuy có sơ tâm biệt tu, mà chỉ có tu tánh không hai của Viên giáo, tuy nói đều có đủ nhưng phải phân rõ sự khác nhau này. hai từ "Nay chánh v.v..." trở xuống là hạn định dựa vào Viên giáo luận, có hai: Đầu tiên hạn định phân rõ hai nhân, có hai: Thứ nhất nói về hai thứ nhân quả, trong hai nhân này tạm thời ở tại chủng loại tu. Từ "Vốn nhân quả này v.v..." trở xuống bàn về căn bản của hai loại, có ba: Đầu tiên là nói chung về tánh đức, nhân quả trước còn ở trong tu, nay cùng tận nguồn gốc đó thì

tánh có đủ duyên liễu. Kinh Tịnh Danh chép. “Tất cả chúng sanh vốn có tướng Niết-bàn không thể diệt trở lại, vốn có tướng Bồ-đề không thể đạt được trở lại”, Khởi Tín luận trình bày hai đức chân như, nói rằng Như thật không - Như thật bất không, nên chỉ ra rõ ràng tam thiên tức là không - Tam thiên tức là Giả, đều là văn nói tánh đức duyên liễu. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống tách biệt dẫn ra văn giải thích, có hai: Đầu tiên dẫn chứng giải thích Liễu nhân, không nói về tam thiên uổng hiểu tất cả, chẳng phải Không - Giả - Trung thì đừng phân rõ tự không, tánh không như thật cùng với tất cả nhiễm vốn không tương ứng. Tất cả nhiễm: không ra ngoài ba hoặc, tự chẳng phải tánh vốn có tức không - Giả - Trung, há có thể không thích ứng với tất cả các nhiễm hay sao? Chính là rốt ráo không là tánh liễu nhân, cũng sử dụng các loại ấy, toàn tánh khởi tu mới thấy vốn có không. Từ “Lại nói v.v...” trở xuống là chứng cứ giải thích duyên nhân. Kinh chép: “Chúng sanh chính là tướng Bồ-đề và tướng Niết-bàn”, hoặc nói rằng “Trong lý có đầy đủ công đức của Phật”. Văn nay là chúng sanh có vị thiền của sơ địa và định diệt tận, há chẳng phải tánh đầy đủ pháp của Thiên - của Thanh-văn hay sao? Đã có đủ hai pháp này, các pháp của cõi khác làm sao không đầy đủ? Lại người đầy đủ hai định, nói theo hai loại tập quả và báo quả, há không cùng đầy đủ các tánh tướng hay sao? Không lấy lý đầy đủ mà hiểu rõ văn này, làm thế nào mong muốn gạt bỏ cho là diệt định, tánh đức duyên nhân chứng nghiệm ở đây. Từ “Dùng hai loại này v.v...” trở xuống là y tánh lập tu. Dùng hai loại này làm tánh chủng. Phương tiện v.v... là trí hành. Đầu ngọn lông ấy là loại chủng. Căn cứ vào loại tánh này, tu thành tựu trí hành cho đến hai nghiệm. Từ “Một khoa này v.v...” trở xuống không nói về Sáu tức. Ý chính của khoa này chỉ nói về Lý tức mà không luận đến năm vị. Từ “Hỏi trước v.v...” trở xuống kết thúc có đề kinh, chia làm hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh, trình bày hai nghiêm hiện tại cần phải có nguồn gốc đó, cho nên từ hai thứ mà được tên gọi. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc đề mục.

Mười là Trí Đoạn, có hai: Đầu tiên là nêu ra sơ lược. Hai từ “Lối chung v.v...” trở xuống là mở rộng giải thích, có hai: Đầu tiên không hai mà hai là trình bày trí đoạn, chia làm hai: Đầu tiên dựa vào đường lối chung nói về hai đức. Nói đường lối chung, ở đây giải thích bao gồm cả Biệt giáo, lấy hữu vi - vô vi đối chiếu với trí đoạn. Nếu chỉ nói riêng Viên giáo, khổ tập còn vô tác - trí đức chẳng lẽ là hữu vi? Nhưng tên gọi tuy dựa vào Biệt giáo mà ý đó chỉ riêng ở Viên giáo. Bởi vì khéo tu ba quán được thành tựu trọn vẹn công lao đoạn đức. Lúc nhân lập ra điều

này có thể đến quả cần phải nghỉ ngơi, cho nên lấy hạnh vô tác tạm thời đặt ra tên gọi hữu vi. Đoạn đức gọi là vô vi tách biệt từ địa vị sau đạo, đây hãy còn lập ra giáo đạo, vì thế cho nên nói là “lối chung”. Văn này tự có hai: đầu tiên trí đức, có hai: Thứ nhất nêu ra tên gọi khác. Viên tịnh v.v... là trí cao nhất Viên - hoặc không còn cho nên Tịnh, bất sanh bất diệt gọi là Niết-bàn. Từ “Nói hữu vi v.v...” trở xuống là giải thích hữu vi. Trí tuy vô tác mà có công lao chứng đoạn, cho nên dựa vào Biệt giáo lập ra gọi là Hữu vi. Nhân tuy vô thường v.v... Trong kinh Niết-bàn chép: “Bởi vì người ngoại đạo chấp nhân là thường trở thành quả vô thường, Đức Phật sử dụng Biệt giáo dùng Nhân vô thường cảm quả thường trú, mà đối phá trừ, cho nên nhân vô thường còn ở Biệt giáo”. Đem nhân đến: Do hoặc chưa dứt cho nên khởi trí soi chiếu, một phần hoặc diệt đi thì một phần trí quên mất, do đó trí vô thường. Đã có dụng của soi chiếu nên gọi là hữu vi, quả đã không còn hoặc xứng với lý thường trú, trải qua vô vi tác, đem nhân gọi là quả vì thế khiến cho trí nhận được đầy đủ tên gọi hữu vi. Từ “Đoạn tức v.v...” trở xuống là đoạn đức, có hai: Đầu tiên nêu ra tên gọi khác. Giải thoát: không trói buộc gọi là Giải, tự tại là thoát, ở chỗ nhiễm mà không nhiễm gọi là giải thoát. Phương tiện v.v... Cơ phát sanh thì sanh ra, là sanh bất sanh, cơ diệt đi thì diệt, là diệt bất diệt. Quyền biến chỉ ra sanh diệt không bị đắm nhiễm chướng ngại, cho nên Niết-bàn này gọi là phương tiện tịnh. Từ “Nói vô vi v.v...” trở xuống giải thích nghĩa của đoạn, có hai: Đầu tiên phân biệt tiểu thừa, không biết ba loại thế gian thường trú, cho rằng phiền não diệt đi thì không có thân tâm, sao có thể tự tại gọi là Vô thể đoạn, chỉ giải thoát kiến tư luống dối, chưa đạt được tam thiên ba đế tự tại. Từ “Đại thừa v.v...” trở xuống nói về Đại thừa, có hai: Đầu tiên đích thực nêu ra, ba giải thoát bậc Diệu giác gọi là Hữu Thể Đoạn. Nói đoạn là tùy ý vận dụng đoạn. Đã có trí đức hiểu rõ ba hoặc không, cho nên ở nơi chín đường ác tự xa lìa lẫn nhau. Tâm chúng sanh như tay bôi keo tiếp xúc vật không đều dính lại, tâm của chư Phật như tay rửa sạch sẽ tiếp xúc với vật không dính mắc, đã có nước trí rửa sạch keo đó, khiến cho dụng được thanh tịnh tự nhiên không dính mắc. Trí và đoạn đức này nói có thứ lớp, sử dụng không trước sau. Bởi vì tam thiên pháp rốt ráo tức không, tên gọi trí đức này. Pháp tam thiên rốt ráo tức Giả, là đoạn đức này. Pháp của tam thiên rốt ráo tức Trung, là pháp thân đức. Đạo tiền đạo hậu đều là một tâm, Thông giáo còn là song lưu, viên quả lẽ nào tương đương phân cách? Từ “Cho nên, Tịnh Danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng, chứng minh Hữu Thể Đoạn, thấy nhận

chịu nghiệp báo toàn thể chính là pháp môn tánh ác. Như gia nghiệp bảy báu của người giàu sang, phàm phu sanh ra mù lòa chuyển động vướng vít trở ngại, làm tổn hại vật báu, nhị thừa bệnh sốt cao thấy là con quỷ hung dữ trốn chạy rất xa, mắt người Viên giáo không mù không bệnh, thấy rõ ràng là vật báu tự nhiên sử dụng mang cho, chẳng những tiếp xúc không bị làm tổn thương sợ hãi, mà tự mình có thể dùng vật này cung cấp giúp đỡ người khác. Đối với chứng cứ này lý gọi là Tự cấp, lấy điều này lợi ích cho vật tức là Huệ tha. Đoạn đức hiện tại chính là ở Huệ tha. Những điều này đều do thể đạt, tu ác tức là tánh ác, nay trình bày địa vị rốt ráo thể đạt. Từ "Tịch mà v.v..." trở xuống là dựa theo lặng chiếu mà phân biệt phi đức. Thường trú lặng chiếu diệu sắc diệu tâm, mới gọi là tướng trang nghiêm của trí - đoạn, tiểu thừa đoạn diệt thân, trí đều quên, lấy gì mãi mãi cứu độ chúng sanh, lấy gì thường soi chiếu lý tịch lặng? Từ "Như thế v.v..." trở xuống là hai mà không hai - nói về ba đức, có hai: Đầu tiên dựa theo ngay nơi ba nói về lý cao nhất, có hai: Đầu tiên nói về hai, ba không khác, mà tịch lặng mà soi chiếu chính là trí - đoạn, chẳng tịch lặng chẳng soi chiếu tức là pháp thân. Hai đức đã cùng tận thì pháp thân là cao nhất, cũng gọi là rốt ráo ba thứ Phật tánh. Hai từ "Pháp thân v.v..." trở xuống là nói nhân quả không khác nhau, có hai: Đầu tiên tách biệt nêu ra ba pháp nhân quả, có hai: Thứ nhất pháp thân ẩn hiển. Thể của một đức Pháp thân chẳng phải nhân quả, nhưng có ẩn hiển, đây là vì duyên liễu nghịch thuận. Duyên liễu trái ngược tánh mà trở thành hoặc nghiệp, cho nên khiến chánh nhân chẳng phải ẩn mà ẩn, gọi là Như-lai tạng. Duyên liễu thuận theo tánh nên trở thành trí đoạn, vì thế khiến cho chánh nhân chẳng phải hiển mà hiển, gọi là pháp thân. Tuy có ẩn hiển mà thể không hề thêm bớt, cho nên Đại kinh chép: "Chẳng phải nhân - chẳng phải quả". Từ "Lại nói v.v..." trở xuống là hai đức tu - tánh , nhân này chẳng phải quả còn gọi là Phật tánh, Phật là quả xưng gọi, há chẳng phải quả pháp mà là nhân chủng hay sao? Quả này chẳng phải nhân lại gọi là Phật tánh, tánh là nhân xứng hợp, há chẳng phải người pháp làm quả đức hay sao? Không dùng tu tánh duyên liễu để hiểu, văn này làm sao giải thích? Từ "Phật tánh v.v..." trở xuống chung chỉ ra ba pháp nhân quả, có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa bày tỏ, trước đây tuy nhân quả chính là lẫn nhau - chẳng phải lẫn nhau, mà đều gọi là Phật tánh, nghiệm xét biết rõ duyên liễu thông suốt nhân - thông suốt quả. Lại nói: Phật tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả, bởi vì chánh nhân không tức Ngã ấm, do đó nói rằng chẳng phải nhân, duyên liễu không lìa Ngã ấm, cho nên nói đều là

nhân. Không tức do đó ở một điểm ở phía trên, không lìa cho nên hai điểm ở phía dưới. Vì thế cho nên tánh ba mà không dọc không ngang. Lại nữa, chánh nhân không tức trí đoạn, cho nên nói chẳng phải quả, duyên liễu không lìa trí đoạn, do đó nói chính là quả. Không tức cho nên một điểm ở phía trên, không lìa cho nên hai điểm ở phía dưới. Vì thế cho nên quả ba mà không dọc không ngang. Do đó biết ba diệu thông suốt nhân quả, mới được gọi là tu tánh không hai. Từ "Cho nên Phổ Hiền Quán v.v..." trở xuống dẫn văn chứng minh, không thấu đạt ba diệu trước sau bao gồm liên tục, Phổ hiền quán văn có thể hiểu như thế nào? Từ "Trí đức v.v..." trở xuống lại dựa vào hai loại phù hợp văn kinh, nếu không phải là trí đức thường soi chiếu, sao có thể chính là xứng hợp - chính là thoát khỏi? Nếu chẳng phải đoạn đức điều hòa khắp cả, sao được thân giảng nói ứng với khắp nơi? Từ "Hỏi đáp trước v.v..." trở xuống là kết thúc quy về. Có hai: Đầu tiên chỉ ra văn kinh. Từ "Cho nên, biết v.v..." trở xuống là kết thúc đề mục. Từ "Hỏi mười loại nghĩa v.v..." trở xuống là nêu văn để chứng minh, có hai: Đầu tiên dựa văn không có lập nên chất vấn, thu nhận so với văn khác lập nên tổng mục đó, giải thích mười nghĩa về tên gọi của đề trích từ kinh khác, kinh này hoàn toàn không có văn này, sao tên gọi thu nhận tách biệt làm tổng mục vậy? Hai từ "Đáp đại v.v..." trở xuống dựa theo có nghĩa mà trả lời tất cả, có ba: Đầu tiên trình bày khai triển nghĩa trong nhiều kinh cùng sử dụng. Có hai. Đầu tiên căn cứ nghĩa pháp rõ ràng. Các bộ kinh đại thừa đều nói về Trung đạo, nên khiến có thể dùng nghĩa chung. Hai từ "Nếu không v.v..." trở xuống là để thầy người nghiệm xét, các Sư nói giải Thích Các kinh Đại thừa, hiển rõ lý thì phải nói về Phật tánh, chỉ ra hoặc thì chẳng gì ngoài năm trụ, há lấy kinh thường không có văn để vặn hỏi hay sao? Từ "Phẩm này v.v..." trở xuống lấy hai lần hỏi đáp nêu rõ nghĩa không thiếu sót, mười thứ biệt danh văn tuy không nêu ra, mà hai lần hỏi đáp chung nêu rõ mười nghĩa, trình bày như nhìn thấy tận mắt, cho nên nói là rõ ràng. "Nay đã v.v..." trở xuống là phân biệt từng câu một, chứng minh mười nghĩa, có hai: Đầu tiên kết thúc có nghĩa ở trước - mở ra có văn về sau. Trước nói trong văn không có mười tên gọi ấy,chỉ vì không thứ lớp trình bày nêu ra mười tên gọi. Nếu ở trong phẩm phân tán ra chọn lấy các câu, thì có văn có nghĩa vậy. Hai từ "Như văn v.v..." trở xuống dựa theo câu đối chiếu nghĩa. Nghiệp tự tại tức là pháp thân: hai thân chân ứng cũng gọi là sắc pháp, ứng thì hiện rõ sắc - chân thì ngầm kín pháp, tên gọi thuận theo các khế hợp cho nên nói là pháp thân, lý đầy đủ tất cả mỗi mỗi đều dung thông, tự tại nhất. Nghiệp là

đức nghiệp tức là trí đức. Chân thân khế hợp với pháp gọi là tự tại nghiệp. To cao đồ sộ là tiếp tục nói về tướng mạo cao xa vô cùng. Cao siêu như vậy chính là đầy đủ. Những lý trí bậc này phù hợp lẫn nhau, đều là danh nghĩa của chân thân. Nếu cả ba nghiệp không hiễn bày ứng ấy thì phước đó không mất. Phải biết bí mật có công lao của ban cho và dứt trừ, tức là lợi ích ngầm kín. Thường hành xả là trí không rốt ráo không hề bị vướng mắc điều gì, cho nên thuộc về trí đức. Lại nữa, vì lập tức quán sát âm thanh thuộc về trí, đều được giải thoát là đoạn, đây làm sáng tỏ hai đức cùng lúc sử dụng. Nên biết rằng từng câu chứng minh nghĩa không chỉ nêu ra mười nghĩa có văn đó, mà cũng hiển bày mười lớp hai đức Trí đoạn có đủ lẫn nhau. Bốn là phân biệt, có hai: Đầu tiên là phân biệt, chia thành mười: Thứ nhất là phân biệt Người pháp, có hai: Đầu tiên hỏi: Kinh đó trình bày đầy đủ mười Pháp Vương Tử, ngoài Pháp Vương Tử Quán Thế Âm, tự có Pháp Vương Tử Phổ Môn, đã lấy Phổ Môn mà tên gọi ở tại người, nay giải thích Phổ Môn sao xác định thuộc về pháp? Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên là lập câu, có hai: Trước tiên sơ lược lập ra bốn câu, câu tuy có bốn nghĩa thật sự chỉ có hai, vì không ngoài tương phi và tức nhau. Như vậy hai nghĩa đều thông suốt Đại - Tiểu, ý nay ở Đại, mà nói về Tiểu thừa trong câu Tức - Lìa ấy, là muốn chỉ ra danh ngôn thì phải lấy lý xác định. Nói rõ về người pháp, nếu điều đó không dùng hai đế - Trung đạo, xét kỹ quyền thật đó mà chỉ nói Tức lìa thì làm sao có thể đích thực hiển bày tức nhau bây giờ? Hai từ “Nếu xét theo v.v...” trở xuống dùng bộ đối chiếu câu, có hai: Đầu tiên nói về người pháp tức lìa trong các bộ, chia làm bốn: Đầu tiên là Hoa Nghiêm, kinh ấy là Biệt giáo, duyên với pháp thật tướng, tu thứ lớp các hạnh, chưa có thể lập tức dùng pháp thật tướng, vì quán xét người và hạnh, thế nên người pháp không tức nhau. Viên quán không thứ lớp, lập tức dùng thật tướng để quán xét người và hạnh, thế cho nên người pháp lại tức nhau. Biệt giáo thì chứng đạo mới tức nhau, Viên giáo thì trước sau không hai. Hai là Tam Tạng, giáo này là Hữu Môn, quán người như sừng thỏ cho nên không có, ấm có sanh diệt cho nên thật, đây chỉ riêng câu Phi. Không môn hai hướng, thu nhận thật làm Giả - Giả thật chẳng như nhau, gọi là cùng câu Phi. Đã không lìa nhau lại gọi là tức nhau, hai môn của giáo này tuy nói về Tức - lìa, mà người và pháp đều chẳng phải Trung đạo. Ba là Phương Đẳng, bốn giáo cùng bàn Tạng - Thông chỉ hai đế, Biệt - Viên giống như Hoa Nghiêm. Bốn là Bát-nhã về sau ví dụ còn lại. Bát-nhã làm cho hết sạch tướng độn nói là chỉ không, giống như hai đế trước, lợi chia làm hai loại giống như

Biệt - Viên trước. Niết-bàn bốn giáo tuy đều biết thường mà sơ tâm sử dụng quán không thể không có sai khác, Tạng - Thông tạm thời cần phải thuận theo hai đế, người hàng sơ tâm Biệt giáo chưa lập tức là pháp Viên. Từ "Nay, Phương Đẳng v.v..." trở xuống nói về chất vấn thuộc về câu tức của Phương Đẳng. Từ "Nay, nói rõ v.v..." trở xuống thông suốt chất vấn, có ba: Đầu tiên đích thực dựa theo câu tức thông suốt chất vấn. Lần hỏi đáp trước trong phẩm này thì Quán Âm thuộc về người năng quán, sở quán há chẳng phải là pháp ư? Nếu lần hỏi đáp sau đã lấy Phổ Môn làm pháp sở chứng thì pháp này há không có người năng chứng hay sao? Phương Đẳng đã xem Phổ Môn là người, có thể xem Phổ Môn chẳng phải pháp ư? Nói về đại ý đó, Quán Âm - Phổ Môn đều là pháp Trung đạo, tùy theo tất-đàn ích lợi lấy gì xem là người? Chỉ riêng Viên giáo trước sau tiếp xúc thu nhận thật tướng, mà làm người giả. Từ "Ví như v.v..." trở xuống là nêu lên vật thí dụ. Từ "Nay nghĩa Phổ môn v.v..." trở xuống lấy người pháp có đủ lẫn nhau kết thúc chỉ ra, có ba: Đầu tiên trình bày pháp đầy đủ người. Hai từ "Nếu bao gồm v.v..." trở xuống là nói về người có đủ pháp. Ba từ "Như thân v.v..." trở xuống lấy thân làm ví dụ, đều có thể thấy rồi. Thứ hai chọn lừa từ bi, có hai: Đầu tiên phân biệt danh tướng, Từ Bi có ba: Thứ nhất nói về đồng dị giữa ban cho (Từ) và dứt trừ (Bi), có hai: Trước là tướng ban cho và dứt trừ gồm cả câu hỏi, khổ trừ diệt tức là vui vẻ, như hết đêm thì sáng, vui vẻ đến thì khổ không còn, như đèn đến thì bóng tối bị xua tan. Hướng đến nêu lên một loại lập thì có hai năng, vì sao Từ Bi mà phân thành hai pháp? Hai từ "Đáp thông v.v..." trở xuống là trả lời ban cho và dứt trừ không cùng. Một năng bao gồm cả hai, đây chính là chung nói về đối cảnh phát tâm, thật sự cần phải giới thiệu tách biệt, cho nên nêu lên hai thí dụ để làm sáng tỏ tướng riêng. Hai là trình bày hỷ xả thiếu sót và đầy đủ, có hai: Đầu tiên hỏi. Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên không hai là xả, bốn vô lượng tâm, xả bỏ không có tự thể riêng. Xa-ma-tha quán thể đã là định, định có thể mang lại niềm vui. Tỳ Bà Xá Na quán Thể đã là Tuệ, Tuệ có thể dứt trừ khổ đau. Hai quán không hai tức là Ưu-tất-xoa, cũng gọi là Bình Đẳng Xả, cho nên không hai mà hai thì lập thành Từ bi, hai mà không hai tức là đối với xả. Nay đã nói đối với không hai Từ bi, thì đã bao gồm xả cho nên không tách biệt lập nên. Hai từ "Hỉ là v.v..." trở xuống là khổ do thiếu mừng vui, có hai: Đầu tiên là giải thích theo pháp, nay nói Từ bi là lập nên thệ nguyện, vận dụng từ mang lại niềm vui, chúng sanh đã khổ đau sâu nặng, tức là phải vận dụng Bi, cả hai đều chưa toại nguyện làm sao có mừng vui? Lúc phước

tuệ đầy đủ công lao dược hoàn tất, mới ban cho chúng sanh xin chúc mừng. Hai từ "Như A v.v..." trở xuống dẫn ra việc ví dụ. Vua A Luân Gia chính là em của vua A-dục, không quy y Tam Bảo, nhìn thấy anh dâng cơm cúng tăng bèn sanh ra hiềm khích đặt điều nói xấu, vua A-dục thấy thương xót tìm kế sách khuyên giải. Vương vào nhà ấm giả nói đã băng hà, đốc thúc kế thừa ngôi vua, mới bước lên ngự toà thì vua A-dục lộ rõ phẫn nộ, tội đó đáng chết, thế là lệnh cho bảy ngày thọ nhận ngũ dục của bậc Đế vương, sai Chiên-đà-la từng ngày một đọc to rằng "chết". Qua thời hạn rồi vua hỏi: Có vui sướng hay không vậy? Đáp rằng: Em nghe mấy ngày sẽ chết chỉ khổ đau mà không hề vui vẻ. Vua nói: Sa-môn quán từng niệm từng niệm diệt đi, tuy thọ nhận cúng dường mà lẽ nào có tâm mê đắm. A Luân biết rồi, xuất gia tu đạo đắc A-la-hán. Ít đau khổ được vui vẻ - tiếp cận sự việc có thể nghiệm xét. Chúng sanh cũng như thế, cho nên tâm Bồ-tát chưa sanh ra vui mừng. Ba từ "Vấn thiền v.v..." trở xuống là nói về các chi trước sau, có hai: Đầu tiên dựa theo trước sau để hỏi. Nay nói về bốn tâm từ bi hỷ xả, từ thường cho vui thì vui trước hỷ sau, vì sao trong thiền chi hỷ trước mà lạc sau? Sơ thiền có năm chi, gọi là Giác - Quán - Hỷ - Lạc và Nhất tâm. Nhị thiền có bốn chi, đó là Nội tịnh - Hỷ - Lạc và Nhất tâm. Tam thiền không có Hỷ. Tứ thiền không có Lạc. Nay dựa theo Sơ thiền và nhị thiền, đều là Hỷ ở trước chi lạc ở sau, ý đó là sao? Hai từ "Đáp thiền v.v..." trở xuống là trả lời theo Tự - Tha. Tự chứng đạt thiền chi từ thô đến tế, trước hỷ sau lạc. Lợi tha bốn đẳng tâm trước ban cho lạc, sau mới hỷ, cho nên thứ lớp đó khác nhau. Hai từ "Lại tiếp v.v..." trở xuống là phân biệt ban cho - dứt trừ có không, chia làm ba: Đầu tiên ngoại đạo niệm tưởng giả dối. Bốn thiền - bốn không và bốn vô lượng là mười hai môn thiền, căn bản của định. Thông suốt đối với trong ngoài đại tiểu thánh hiền, mà tu chứng. Nếu các ngoại đạo và phàm phu chánh tín tu từ bi hỷ xả, tự chứng được định này, suy nghĩ giả dối rằng chúng sanh xa lìa đau khổ đạt được niềm vui, đối với người khác không ích lợi gì, thì tự mình tuy tạm thời ích lợi mà không tránh khỏi lui sụt. Từ "Nếu Nhị thừa v.v..." trở xuống là nói về tự lợi của nhị thừa. Nhị thừa tu tứ vô lượng này tuy không ích lợi cho người, mà tự mình dứt trừ phần đoạn đạt được Niết-bàn nhỏ bé. Ba từ "Nay Bồ-tát..." trở xuống là nói Bồ-tát lợi ích rộng khắp, có hai:

Đầu tiên nói về hạnh vượt lên trên phàm Thánh, không giống như phàm phu ngoại đạo tùy theo thiền mà thọ sanh, khác với Thánh hiền tiểu thừa chỉ tự mình dứt trừ khổ đau, lợi ích chẳng phải hai loại sanh

- pháp duyên từ, mới có thể dùng pháp giới vô duyên ban cho hay cứu giúp, khiến cho các chúng sanh xa lìa tất cả các khổ đau đạt được niềm vui rốt ráo.

Hai là nói đồng thời ban cho và cứu giúp. từ bi Vô duyên không hai mà hai, sử dụng chẳng khác thời, phân biệt khiến hiểu rõ cho nên đều giải thích mà thôi. Nói trước nói về sự dứt khổ v.v... ấy là thuận theo bổn hòai cho nên trước nêu ra đối với từ. Nếu thuận theo thứ lớp sử dụng trước cứu giúp sau ban cho, vì thế cho nên bốn thệ thuận theo dụng làm thứ lớp.

Thứ ba là phân biệt Phước Tuệ, có hai: Đầu tiên xác định lý do phước trí ban cho và cứu giúp, có hai: Thứ nhất hỏi, thứ hai đáp. Nhân tu phước tuệ, đến quả thì thành tựu hai đức trí - đoạn. Đức này không hai với thể tánh chúng sanh, cho nên gọi là Quán Âm gọi là người trí đức, tức là thường hiển bày triệu tập bổn tánh liễu chủng, vì thế cho nên có thể trừ diệt nỗi khổ mê hoặc tối tăm. Nếu đối với Phổ Môn đoạn đức ứng thân, tức là có thể dẫn khởi bổn tánh duyên chủng, vì thế cho nên đạt được niềm vui của nhân quả. Nếu không như vậy, làm sao gọi là đường cảm ứng giao nhau? Từ "Hỏi phước v.v..." trở xuống phân rõ phước tuệ nhất dị thị phi, có hai: Đầu tiên dựa theo ngăn cách khác nhau để chất vấn. Đưa ra đầy đủ tướng để chất vấn nay ngăn cách khác nhau. Hai từ "Tự có v.v..." trở xuống là trả lời theo Thiên - Viên, có hai: Đầu tiên lập ra bốn câu về Tức - lìa, Đại tiểu đều có bốn cho nên biết Tức Ly tên gọi như nhau mà nghĩa khác nhau. Hai từ "Như sáu v.v..." trở xuống là thông suốt các giáo Thiên - Viên, có hai: Đầu tiên là nói Tức lìa Câu Phi của ba giáo, có hai: Trước tiên là nói tiểu thừa khai hiển, có hai: Thứ nhất Tam Tạng, một vị Bồ-tát được hai câu Tức, La-hán bạch tượng được hai câu ly, tuy có Tức - Lìa mà cùng ở tại tam tạng. Từ "Nếu đại v.v..." trở xuống là Đại thừa, dựa theo Địa tiền Biệt giáo để nói về bốn câu, đầu tiên đối chiếu hạnh hành với tuệ hành mà làm phước tuệ. Không phá vô minh cho nên đều gọi là phước, tức là hai phước này thường phá trừ tướng chấp. Lại nhận được tên gọi là trí,cho nên phước trí này thích hợp hai câu Tức. Lại nữa, phước trí Địa tiền đều ở tại vô minh, cho nên đều gọi là phước; phước trí ở trên phá trừ vô minh từng phần, cho nên đều gọi là trí. Phước trí này thích hợp hai câu Phi. Vì thế hai loại bốn câu chẳng phải phước trí này. Từ "Phương đẳng v.v..." trở xuống ví dụ hai bộ. Từ "Nay đây v.v..." trở xuống trình bày khai hợp câu thị (đều đúng) của Viên giáo, có hai: Đầu tiên giải thích, có hai: Trước hai mà không hai, có ba: Thứ nhất nói về tức nhau,

một tâm ba chỉ là phước, một tâm ba quán là tuệ. Bắt đầu từ Lý tánh, rốt ráo nơi cực quả, định tuệ không hai là hai tức này. Hai từ “Cho nên Đại Luận v.v...” trở xuống nói về lẫn nhau cũng đủ. Bát-nhã đã là cái thấy của người tôn quý tuyệt vời, nghiệm biết tuệ có đủ phước, do đó tôn diệu tức là Thượng Định. Luận tức là Đại luận, nơi đó phiên dịch Thủ Lăng Nghiêm là kiện tướng. Tam-muội đã có thể phá trừ địch mạnh kia, nghiệm biết phước đầy đủ tuệ, cường địch tức là vô minh trước kia. Ba từ “Đại kinh v.v...” trở xuống là nói về tên gọi khác nhau. Trong năm tên gọi, Bát-nhã Sư Tử Hống là tuệ, Lăng Nghiêm Kim Cương là định, Phật tánh là tên gọi chung. Đã là tên gọi khác nhau cùng nổi bật một thể, vì thế cho nên năm tên gọi là đều xứng hợp với đầy đủ cả hai. Lại bởi vì không ngại thiền tuệ để kết luận không hai. Từ “Không hai v.v...” trở xuống là hai mà không hai, pháp tuy không hai, mà không trở ngại phân môn đều làm danh số mà vì đó giải thích. Từ “Đây là v.v...” trở xuống là kết luận, luận tuy nói theo phân môn biệt tướng mà nói, nhưng cần phải biết thiền tuệ rốt ráo không hai.

Thứ tư phân biệt Chân ứng, có hai: Đầu tiên đích thực phân biệt chân ứng, có hai: Thứ nhất lập câu. Hai từ “Nếu chẳng phải v.v...” trở xuống là phân biệt nêu ra, có hai: Đầu tiên là phân biệt ba câu Phi ở trước, tạm thời chọn phàm phu Tiểu thừa thật sự bao gồm chung riêng. Thông giáo khôi đoạn giống như nhị thừa Tạng giáo, Địa tiền tác ý không phải không mưu cầu ứng, đầy đủ sáu căn thanh tịnh tuy toàn tánh phát khởi, nhưng biệt hoặc đang còn cho nên không gọi là chân ứng. Từ “Cũng chân v.v...” trở xuống là nêu ra một câu sau, đây tức là chân mà ứng thường bàn luận của thế gian. Tự xả bỏ tông nay thì chẳng biết hết sự tuyệt diệu đó, đều vì Sư khác không biết tánh ác, dẫn đến khiến cho khởi ứng không thể nào không mưu cầu, uổng nói về Từ của vô duyên, không suy xét kỹ ý chỉ của vô duyên. Từ “Nay dựa theo v.v...” trở xuống bao gồm xác định thường và gián đoạn, có ba: Đầu tiên cùng hướng về tạm thời phân biệt, dùng hai đoạn kinh khác nhau đối chiếu với thường gián đoạn. Từ “Thường và gián v.v...” trở xuống là cả hai hướng tới có đủ lẫn nhau, có hai: Đầu tiên lập ra. Hai chim: Đại kinh thứ tám ở phẩm Điểu Dụ chép: “Người thiện nam! Có hai giống Chim: Một tên là Ca Lân Đề, hai tên là Uyên Ương. Bay ở cùng nhau đều không xa lìa nhau”. Phẩm này trả lời trước đây, sao nói cùng chung hạnh Thánh? Sa-la-Ca-lân-đề, xưa giải thích hoặc nói: “Sa-la một đôi - Lân đề một đôi”. Hoặc nói: “Sa la một đôi, Lân đề một đôi”. Hoặc nói Sa la phiên dịch là Uyên ương”. Chương An nói: “Nhưng người Hán không giỏi âm

Phạn, chỉ tăng thêm tranh luận, ý ví dụ là lấy sự thư hùng cùng nhau đi lại hay dừng lại đó, để dụ cho trong sanh tử - Niết-bàn đều có thường và vô thường, đang cao đang thấp cả hai bay lên cả hai dừng lại, ngay nơi sự mà là Lý, ngay nơi Lý mà là sự. Mở rộng ở sớ kia. Nay dụ hai thân thường và gián đoạn hai lợi ích không thể nào xa lìa nhau ấy, chính là Quán Âm phần chứng hai dụng thường vô thường trong Niết-bàn. Hai từ "Nếu tiểu.." trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chân lý tiểu thừa thiên nhiên là thể của Phật tánh, Thiện Cát quán thấy thường không gián đoạn như vậy, đối với Liên Hoa Ni tựa như có gián đoạn, cho nên quay về hai Thánh nói về thường vô thường. Đây chính là chân thân tự có hai lợi ích, tướng thân trượng sáu đối với người có duyên thường được nhìn thấy. Nếu vô duyên cùng không thấy nơi chốn, há chẳng phải ứng thân cũng có hai lợi ích hay sao? Hai từ "Đại thừa v.v..." trở xuống là Đại, thân pháp giới của Phật chưa hề không ích lợi, đối với người tình chấp mà trở thành gián đoạn diệt mất, chân có cả hai. Thân ứng hóa của Phật tùy căn cơ chúng sanh thành thục mà xuất hiện và tàng ẩn không đứt quãng, ứng thân thường lợi ích. Thấy và không thấy khác nhau khiến cho ứng không thể thường, lại thành ra lợi ích gián đoạn. Do đó biết hai thân đều có đủ hai lợi ích. Từ "Mà nay v.v..." trở xuống là thuận theo văn tách biệt đối chiếu. Văn trước liền xưng niệm thì cảm ứng ngay, tách biệt đối chiếu nghĩa thường lợi ích của chân thân. Văn sau hiện rõ tướng sanh diệt, tách biệt đối chiếu nghĩa lợi ích gián đoạn của ứng thân.

Thứ năm là phân biệt Dược Châu, có hai: Đầu tiên nói theo nghĩa có đủ lẫn nhau. Chỉ dựa vào ví dụ nói tức là hiển bày chân ứng đều thường ban cho và cứu giúp, đây là dùng hết lý rồi. hai từ "Nếu biệt v.v..." trở xuống chính là văn tách biệt đối chiếu. Văn trước từ diệt khổ đau gọi là Dược thân, văn sau mang lại niềm vui gọi là Châu thân, tạm thời thuận theo văn kinh làm thành sự tách biệt đối chiếu này.

Thứ sáu là phân biệt ẩn Hiển - Ba mươi sáu câu ấy là ẩn hiển cơ ứng đều nói về bốn câu. Ẩn cơ: Thiện quá khứ năng cảm. Hiển cơ: Thiện hiện tại năng cảm. Cơ vừa ẩn vừa hiển: Nghiệp Thiện quá khứ và hiện tại cùng chung năng cảm. Chẳng ẩn chẳng hiển cơ: Không có thiện quá khứ và hiện tại, sẽ có thể phát sanh thiện mà năng cảm. Ẩn ứng: là pháp thân. Hiển ứng: là ứng thân. Ứng vừa ẩn vừa hiển: Hai thân đều ứng. Ứng Chẳng ẩn chẳng hiển: cũng là pháp thân, chỉ vì không thấy không nghe mà biết mà hiểu là ẩn ứng. Không thấy không nghe, không biết không hiểu tức là cả hai chẳng phải ứng. Do đó hai

ứng này đều là pháp thân trong quả. Nhận thức tám thứ rồi, đối lập với nhau đối chiếu lẫn nhau đầy đủ mà nói thành mười sáu câu. Dựa theo cơ cảm ứng - dựa theo ứng phó cơ, tất cả thành mười sáu, cộng thêm bốn căn bản tức là ba mươi sáu câu. Nếu hiển rõ ý này thì chẳng chúng sanh nào không thể cảm - không thời gian nào không thể ứng, diệt trừ các tà kiến nhận Thánh ân sâu sắc, cũng biết tất cả chúng sanh không một ai không thành Phật.

Thứ bảy là phân biệt quyền thật, có hai: Đầu tiên xác định văn để lập nên chất vấn, chân tức là Thật, giả tức là Quyền. Văn trả lời thấy đầy đủ bốn thứ tướng. Hai là lập nên câu trả lời thông suốt, có hai: Đầu tiên luận tường tận có đủ lẫn nhau. Chân trí kín đáo. Ứng có thể có cạn sâu. Bảy nạn - hai mong cầu tránh khỏi khổ đau trong sự, là quyền thoát do. Xa lìa ba độc căn thành Phật không nghi ngờ là thoát hoặc chướng ngại. Thật Quyền trí hiển ứng được độ, thoát không như nhau. Thấy thân nghe pháp phá trừ mê hoặc hiển bày lý, là độ thật. Trong sự sợ hãi khó có được vô úy ấy là độ nơi Quyền. Người căn cơ thuần thục, đối với hai trí này đạt được lý quyền - thật, gọi là đều độ. Xa lìa chướng cạn sâu gọi là đều thoát. Cơ phát sanh trở lại nơi này, vì thế cho nên đều gọi là không độ - không thoát, vì hai cơ sở nói nên tạm thời phân biệt.

Thứ tám phân biệt Bổn Tích, có hai: Đầu tiên Bổn Tích đều ban cho - dứt trừ, có hai: Thứ nhất tất cả đầy đủ hai Dụng. Hai từ "Phi bổn v.v..." trở xuống là tướng căn cứ vào sát văn, chẳng phải thoát khỏi tích của các khổ, thì không nói lên Bổn của một chân, cho nên lần hỏi đáp trước là nói về Tích Bổn, chẳng phải chứng minh Bổn của ngàn Như, thì không lưu truyền Tích của mười cõi giới, do đó lần hỏi đáp sau là nói về Bổn Tích. Từ "Hỏi bổn v.v..." trở xuống là Bổn Tích, khác với Chân ứng, có hai: Đầu tiên hỏi. Hai là trả lời. Các kinh đã nói bắt đầu từ Địa trú rốt ráo đến Đẳng, Diệu, một phần chân sáng tỏ thì một phần ứng khởi lên, đâu chỉ một đời thực sự ở nơi đương niệm hay sao? Phân rõ tên gọi quyền này, tách biệt nói về Bổn Tích. Như phẩm Thọ Lượng,thì nay nói cửu viễn là Bổn. Các kinh và tên gọi Tích Môn đã nói, tiếp cận mà thành là Tích. Đã dựa theo lâu xa, gần kề, vì thế cho nên tên gọi dựa vào suốt ba đời mà luận. Trước đây nói về Quán Âm phần nhiều dựa vào thể dụng mà nói về Bổn Tích, nay làm sáng tỏ bộ cho nên dựa theo lâu xa gần kề mà nói về Bổn Tích.

Thứ chín phân biệt Duyên Liễu, có hai: Đầu tiên dựa theo đương tông hỏi đáp, có bốn: Đầu tiên nói về thiện ác pháp môn - tánh đức đều đầy đủ, có hai: Một. Hỏi: Duyên có thể giúp đỡ Liễu - Liễu nói lên

Chánh nhân, Chánh nhân rốt ráo hiển bày thì thành tựu quả Phật. Nay nói về tánh có đủ hai nhân Duyên và Liễu, chính là tánh đức có đủ hướng về thiện để thành Phật. Nếu tạo ra chín cõi thì cũng đợi đến nhân duyên. Chín cõi so với cõi Phật đều gọi là ác, các ác những cõi giới này tánh vốn có đủ hay không? Hai. Trả lời: Chỉ một chữ cụ (đầy đủ - vốn có- có) càng hiển bày rõ tông này, vì tánh có đủ thiện các Sư cũng biết, có đủ ác liễu duyên người khác đều không lường được, cho nên Ma-ha Chỉ Quán nói về tánh ba ngàn, Diệu Huyền Văn Cú đều nêu ra ngàn pháp, thấu suốt đối với tu tánh, văn đó đã rộng nhiều mà nghĩa khó làm sáng tỏ. Vì thế cho nên trong này nói lược về thiện ác, nói lên tánh vốn có đủ không thể thay đổi, danh ngôn đã sơ lược thì người học dễ tìm kiếm. Nếu biết thiện ác đều là tánh vốn có tánh không gì chẳng dung thông, là mười cõi - trăm cõi - một ngàn- ba ngàn. Do đó người đạt được ý lấy điều này để bàn luận, hướng về văn chỉ quán không thể nói khó nhiều không ít. Hai là nói Xiển-đề và Phật chỉ dứt thiện ác trong tu, có hai: Một. Hỏi: Nhất Xiển-đề, Hán dịch là Vô dục, bởi vì đối với Niết-bàn không có vui mừng mong muốn. Lại phiên là Tín bất cụ, vì không tin nhân quả thiện ác đó, đã không có ham muốn không có niềm tin thì gọi là dứt trừ thiện không còn. Phật đã vĩnh viễn xa lìa năm trụ hai tử cho nên gọi là dứt trừ ác không còn. Thiện ác đã là lý tánh vốn có đủ, thì không thể dứt trừ vậy sao thiện ác Xiển-đề và Phật dứt trừ không còn: hai là Trả lời: rằng tất cả các pháp không thể thoát khỏi thiện ác, đều là tánh vốn có đủ chẳng thích hợp nay mới có. Vì thế nói: “Pháp trú pháp vị tướng thế gian thường.” Nếu vì tu mà có làm sao thường trú được? Đại kinh nói: “Mười hai nhân duyên chẳng phải Phật - Tu-la-người - trời v.v... tạo ra, không phải tánh có đủ làm sao có thể chẳng tạo ra?” Khởi Tín chép: “Tất cả các pháp chân thật không thể bỏ đi. Nếu chẳng phải chánh có đủ sao có thể đều là chân? Vì tánh có đủ nhân duyên nhiễm tịnh, bắt đầu làm nhân duyên nhiễm tịnh trong tu, mới có phát sanh pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu nói đầy đủ điều ấy, thì vốn có đủ ba ngàn làm tánh thiện ác, duyên khởi tam thiên làm tu thiện ác. Tu đã thiện ác, mới có thể nói về sự nghịch thuận của nhiễm tịnh. Xiển-đề là cùng cực của nhiễm nghịch, cho nên nói dứt trừ tu thiện không còn Phật là điểm cực cao của tịnh thuận, cho nên nói dứt trừ tu ác không còn. Nếu tánh đó vốn có tam thiên thiện ác, thì Xiển-đề và Phật chẳng đoạn mảy may”. Ba là nói về lý do không đoạn thiện ác trong tánh, có hai: Một. Hỏi. Hai. Trả lời, có hai: Đầu tiên dựa theo lý trả lời. Thiện ác là tánh - tánh thì không thể nào thay đổi làm sao có thể

dứt trừ vậy? Đã không thể thay đổi, nhưng là pháp môn của thiện ác. Pháp gọi là có thể khuôn mẫu, khuôn giữ gìn sắp xếp tự thể không mất không hoại, lại có thể vật khuôn mẫu mà phát sanh hiểu biết. Môn là thường thông suốt, có thể đi ra có thể đi vào, chư Phật hướng về môn mà đi vào thì tu thiện trọn vẹn đầy đủ - tu ác dứt trừ không còn, Xiển-đề lìa bỏ môn mà đi ra, thì tu ác tràn đầy sung túc - tu thiện dứt trừ tất cả. Con người có hướng về - rời bỏ mà môn rốt ráo không thay đổi. Từ “Thí như v.v...” trở xuống là đưa ra thí dụ tương tự. Ma thiêu đốt kinh Phật như Xiển-đề dứt trừ tu thiện, tánh thiện không hết bởi vì pháp hợp lại. Phật đốt cháy sách vở xấu ác như dứt trừ tu ác, pháp ác môn còn tức là hợp lại. Thiêu đốt kinh sách hãm hại nhà nho, cả hai dụ cho hai người dứt trừ tu thiện tu ác, há có thể cùng hợp lại hay sao? Bốn là nói về Xiển-đề và Phật mê - đạt - khởi - bất khởi khác nhau, có hai: Một. Hỏi: Hai người thiện ác đã đều dứt tu mà còn ở tánh, tại vì sao về sau Xiển-đề phát khởi tu thiện, Như-lai tại vì sao không khởi lên tu ác? Hai. Trả lời, có hai: Đầu tiên là vì hiểu thấu suốt cho nên không khởi lên thật ác; Xiển-đề vì tà si dứt trừ đối với tu thiện, đã không có thể thấu suốt tánh thiện vốn không, cho nên được nhiễm thiện mà tu thiện được phát khởi. Phật dùng tuệ không dứt trừ đối với tu ác, hiểu thấu suốt tánh ác xưa nay thanh tịnh, ác không thể vấy nhiễm cho nên tiêu tan tu ác. Từ “Vì tự tại v.v...” trở xuống là vì tự tại, cho nên thường phát khởi quyền ác, Phật thường thấu suốt ác đối với ác tự tại, hiện ra ác gồm thâu chúng sanh không vấy nhiễm không phát khởi. Nếu Xiển-đề như vậy thì gọi là Phật rồi. Từ “Nếu y v.v...” trở xuống là phá nghĩa khác hiển bày chánh, có hai: Đầu tiên nói nghĩa không hợp của nơi khác, có hai: Một là nói nơi khác được tu mất tánh. Tha tức là Tương Châu - Bắc đạo từ trước đời Trần - Lương, là Hoằng Địa luận sư. Lại có sư Nhiếp Đại thừa, cũng giống như giải thích của người Địa luận. Họ nói A-lợi-da là sở y của vô ký- vô minh - thiện ác, thường nắm giữ tất cả hạt giống thiện ác. Xiển-đề chỉ dứt trừ cái thiện của hiện hành, sau làm hạt giống huân khởi cho thiện. Phật dứt trừ thức này không có hạt giống ác xông ướp, không bao giờ phát khởi ác, vẫn giải thích điều phục câu hỏi, Phật dứt trừ hạt giống ác, làm sao hiện ra ác hóa độ các chúng sanh? Vì thế giải thích rằng chỉ dùng thần thông biến hóa hiện ra ác để hóa độ chúng sanh mà thôi. Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống là chất vấn họ tác ý giống như ngoại đạo. Dứt ác không còn mà thần thông biến hóa hiện ra ác, toàn là tác ý, chẳng giống như gương sáng vô niệm mà hiện ra. Tuy Tưởng Châu - Nam Đạo - Hoằng Địa luận giả, dùng pháp tánh làm cơ sở để luận hạt

giống, nhưng không hiểu là tánh có đủ các pháp môn ác, hiện ra ác hóa độ chúng sanh cũng không có thể tránh khỏi sai lầm của tác ý. Từ "Nay nói rõ v.v..." trở xuống là nói về Diệu Chỉ hiện tại, có hai: Đầu tiên chính thức trình bày do tánh có đủ thiện ác khởi lên quyền thật thiện ác, chia làm hai: Một. Chính thức nêu ra nghĩa này, Xiển-đề thành Phật - Chư Phật hiện ra ác. Nếu chẳng phải không dứt trừ tánh thiện tánh ác, thì nghĩa không thể thành tựu. Từ "Vì có v.v..." trở xuống kết thúc thành tựu Diệu chỉ. Đoạn - Thường gọi là người Thông - Biệt duyên với lý dứt chín loại. Ví nhất định đoạn chín loại nên mờ mịt tánh ác, gọi là đoạn kiến. Không có thể quên duyên là còn tu ác, gọi là thường kiến. Từ Niết-bàn về trước đều gọi là tà kiến. Đây là nói vậy chăng? Đoạn tu còn, tánh đã xa lìa đoạn thường, chính là dứt bặt nghĩa tất cả biên, tà và các thứ tư duy, đây là Diệu chỉ ngõ hầu gạt bỏ ngưng trệ nơi tình. Từ "Như-lai v.v..." trở xuống tiếp tục trình bày nguyên do thấu suốt, không thấu suốt, tự tại - không tự tại. Hiện ra ác thấu suốt chẳng lẽ có thể nhiễm ác hay sao? Ranh giới ác ranh giới thật, tướng ràng buộc tướng thoát khỏi, phi đạo Phật đạo, vì hiểu thấu suốt cho nên không có chấp mắc ngăn trở. Xiển-đề không thể như vậy cho nên mãi mãi khác nhau.

Thứ mười là phân biệt Trí Đoạn, có hai: Đầu tiên là nói hai đức đồng thời, có hai: Một là nêu ra một pháp chất vấn về hai dụng ban cho và dứt trừ. Đã là một pháp mà đặt ra tên gọi khác nhau, chắc chắn không có gì hạn cuộc, tại vì sao dứt trừ và ban cho, nhất định thuộc về trí đoạn. Hai từ "Nhưng mà v.v..." trở xuống dựa theo thân tâm. Thuận theo hai nghiêm lập nên tên gọi, tên gọi từ nghĩa lập nên chẳng thể không có thân sơ. Tâm hiểu thông suốt linh hoạt thuộc về trí, sức lực của thân tự tại thuộc về đoạn. Tâm thì trí tuệ trang nghiêm, thân thì phước đức trang nghiêm. Hai nghiêm này thích hợp đối với dứt trừ và ban cho. Từ "Nay kinh v.v..." trở xuống chỉ ra hai văn nêu lên lẫn nhau. Hai đức trí đoạn đâu hề xa lìa nhau, nay tạm thời tất cả nói ảnh hiện rõ ràng lẫn nhau, đoạn trước nói về trí, đoạn sau nói về đoạn. Từ "Nếu hiểu sâu v.v..." trở xuống kết luận chung về ích lợi. Nêu lên mười cặp này để làm nghĩa ví dụ, ngõ hầu người thực hành thông suốt khắp tất cả. Nếu thế thì giải thích đề mục này không giới hạn. Thứ hai là tách biệt giải thích, có hai: Đầu tiên là nêu ra, nghĩa là phân văn người và pháp giải thích từng phần riêng. Từ "Vì nhân duyên gì v.v..." trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên là giải thích Quán Thế Âm, có hai: Một là kết thúc trước phát sinh hai đoạn sau. Hai từ "Thế nào là cảnh trí v.v..." trở xuống dựa vào tách biệt đích thực giải thích, có hai: Đầu tiên

phân biệt chỉ ra cảnh trí, có hai: Thứ nhất nêu ra khoa - Lý bên ngoài, lý bên trong của cảnh trí có thể nghĩ bàn. Ở đây có khác với văn khác nói. Hoặc như nghĩa của bốn giáo dùng hai đế Tạng và Thông làm lý ngoài, hai đế Biệt - Viên làm lý trong. Bởi dựa theo chân đế chẳng phải Phật tánh, cho nên nói là lý ngoài. Nếu Tịnh Danh Huyền Nghĩa lấy Diễn Môn Tam Giáo, đều là hai đế lý trong, bởi do chân đế Thông giáo cũng bao gồm trong đó. Nay văn thông vì người ngoại đạo và bốn giáo phát khởi các kiến giải, đều gọi là cảnh trí của lý bên ngoài có thể nghĩ bàn. Cho nên dẫn ra Trung Luận để làm năng phá. Nếu cảnh trí của lý bên trong có thể nghĩ bàn, thì đã phá trừ bốn tánh quán lý chứng chân, chính là nghĩa Thông giáo bao gồm Tam Tạng. Nếu về cảnh trí không thể nghĩ bàn, chính là chỉ riêng cho Viên giáo cũng bao gồm Biệt giáo. Viên giáo đầy đủ Sáu tức - Biệt giáo ở tại hậu tâm, có hai: Một là từ "Cảnh trí thiên nhiên" v.v... là thiên hạ giải thích về tướng, có hai: Đầu tiên nói về cảnh trí có nghĩ bàn, có hai: Trước tiên dựa theo lý ngoại, có hai: Thứ nhất lập thành bốn, gọi là thiên nhiên, tương đãi, nhân duyên, tuyệt đãi. Bốn cặp này chính là tên gọi khác của bốn tánh. Sử dụng tên gọi là, sơ lược có hai ý: Một là chỉ ra danh ngôn có cả tà chánh, cần phải theo lý nghi ngờ xác định đúng sai. Tạm thời như thiên nhiên cho đến tuyệt đãi, vốn gọi là Viên cực nay ở ngoài lý. Vì thế biết không thể dùng tên gọi quy định lý. Hai là trình bày lý ngoại không hoàn toàn là ngoại ngoại. Ý khiến cho người bên trong đừng đối với chánh pháp sinh ra tánh suy tính. Do đó đặt tên nên gọi định rõ nhìn thấy sai lầm. Còn trong bốn câu đều xem xét cả hai là, nói về nguyên nhân bởi vì cảnh trí đều có tự phát sanh những sai lầm. Đầu tiên trong thiên nhiên - nói do trí cho nên cảnh, do cảnh cho nên trí ấy là mượn tương đãi kia để biểu hiện thiên nhiên này. Hai là tương đãi là cảnh tiếp đãi trí thành tựu - trí tiếp đãi cảnh lập ra. Ba là nhân duyên ấy là chẳng phải đều là một mình tự - một mình Tha, mà trở thành cảnh, chính là tự - tha hòa hợp mới trở thành ở tại cảnh, nhân duyên tức là tự - tha. Trí cũng như vậy, đây chính là cộng tánh. Bốn là tuyệt đãi, một mình Tự một mình Tha và tự tha cùng nhau, đối đãi này đều bặt dứt. Dựa theo không có ba câu, thường tình cho rằng: Một là hướng về lập ra tên gọi tuyệt đãi hoàn toàn chẳng phải bặt lý. Hai từ "Đều là v.v..." trở xuống là phá bỏ, có hai: Đầu tiên dựa chung theo tánh chấp gạt bỏ, có ba: Một là dựa theo lý ngoài gạt bỏ. Cảnh trí ở trên đã thuộc về bốn tánh không thể đi vào ba đế nên nói là lý ngoài. Từ "Cho nên Trung luận v.v..." trở xuống là dẫn ra Trung luận để gạt bỏ, pháp xa lìa bốn tánh sao chấp là bốn? Ba từ "Kế chấp

v.v...” trở xuống dựa theo sai lầm phát khởi để gạt bỏ, lý ngoại vọng tưởng đối với bốn kế chấp, tự chấp ấy là thật, người khác nói ấy đều là dối, kiến hoặc đã tràn đầy thì ái sử cũng tăng thêm, kiến ái cùng thêm tức là chín mươi tám thứ, do đó tạo nghiệp chịu khổ vô cùng tận. Từ “Thế nào nói v.v...” trở xuống tách biệt chỉ ra bốn tánh sai lầm, có hai: Đầu tiên là tự phát sanh, có hai: Trước đưa ra sai lầm, có hai: Thứ nhất dựa theo năng mê - sở mê, có hai: Một là năng mê các hoặc, tùy theo chấp một thứ liền phát sanh mười sử, trong lợi có độn tức làm trái sử trên, trải qua ba cõi bốn đế, thành ra tám mươi tám thứ, tuy khắp cả ba cõi cho đến bốn đế, mà tùy đó phát sanh một kiến tức là có thể đầy đủ khởi lên ở một xứ, lý hiển bày lập tức có thể trừ diệt, thì gọi là Thông gọi là lợi sử phiền não. Nếu tư duy hoặc giới trói buộc không như nhau, đã chẳng phải mê lý không thể đối chiếu bốn đế chỉ trải qua ba cõi mà thành mười sử, đầy đủ trước kia mới thành chín mươi tám sử. Từ “Đây tức là v.v...” trở xuống là các pháp mê mờ, tức là bốn thứ bốn đế - bốn thứ Tam bảo. Hai từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là dựa theo năng chấp sở chấp, có hai: Đầu tiên năng chấp tánh kế, có hai: Thứ nhất chính là phân định thuộc về kế chấp, cho dù học Phật pháp, nếu chấp cảnh trí tự thiên nhi nhiên (tự nhiên như vậy), nếu chiếu soi hay không chiếu soi thường là cảnh trí, Ngã kiến không quên ấy là chỉ tăng thêm sanh tử, hoặc nghiệp đã tràn đầy, luân hồi hoàn toàn như ngoại kia. Hai từ “Cho nên, Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn Đại luận chứng minh, luận kia nói về nghĩa ba loại Ngã rằng: Ba loại Ngã phàm phu, đó là ngã mạn danh tự, người học hai loại, vô học một loại. Kiến tức là lợi sử sơ quả lập tức dứt trừ, cho nên nói người hữu học hai loại. Mạn tức là độn sử tứ quả mới hết, cho nên nói vô học một loại. Chỉ tùy theo thế tục phân biệt kia đây, mà có tên gọi của Ngã. Nói ba loại ngữ, tức là ba loại ngữ ngã không như nhau.” Hai từ “Nay phàm v.v...” trở xuống là chánh giáo sở chấp, vì tâm kiến mạn sử dụng lời trong kinh luận, như con sâu ăn mòn thành chữ không biết đúng sai, chỉ tăng thêm kiến mạn tức là không biết sai, vì điều này ngăn cách lý gọi là không biết đúng. Vì thế mờ mịt đúng sai, uống thuốc bất tử mà xảy ra chết non. Từ “Nay không v.v...” trở xuống kết luận là sai. Hai là từ “Tự sanh v.v...” trở xuống là ba cảnh trí kia cũng vậy. Hoặc tăng thêm kiến mạn, đối với trăm ngàn câu phát khởi sai lầm đều như vậy.

Từ “Hai, nói rõ v.v...” trở xuống là dựa theo lý trong, có hai: Đầu tiên là nêu ra tướng, có hai: Thứ nhất nói về lý trong, ở trong cảnh trí của bốn thứ trên, tùy đó sử dụng một loại, mà biết căn bản là diệt trừ

kiến mạn, lập tức tiến hành tinh tiến nghiên cứu cảnh trở thành trí, đối với hoặc có thể phá trừ gọi là hoàn tất, đối với trí không mê đắm gọi là không tạo ra cái mới, chính là thành tựu dường như hiểu rõ mà phát ra chân thật chứng đắc. Ví như những người mù lòa, phẩm Như-lai Tánh trong Đại kinh chép: "Ví như trăm người mù vì chữa trị mắt, đến nơi thầy thuốc tài ba, lúc này thầy thuốc liền lấy kim phi (mũi tên vàng) vạch màng mắt họ ra, lấy một ngón tay chỉ ra, hỏi rằng nhìn thấy hay không? Người mù trả lời rằng: Tôi hãy còn chưa thấy. Tiếp tục lấy hai ngón - ba ngón tay chỉ ra, mới nói là nhìn thấy chút ít". Kinh kia đã thí dụ đầy đủ chỉ ra ba đế còn nói là nhìn thấy chút ít, nay văn chỉ thí dụ vạch ra màng kiến tư chỉ bày ngón tay của chân đế, tuy chẳng phải Phật tánh mà tam dựa theo kiến "Không" được xứng hợp lý trong. Từ "Tuy thấy v.v..." trở xuống gạt bỏ tác ý. Cảnh trí này là tuy dứt trừ hoặc chướng chứng chân, mà chẳng phải chỉ riêng cảnh - chỉ riêng trí, nghĩ bàn không bặt dứt chẳng phải nay vốn luận bàn. Từ "Nay nói v.v..." trở xuống là kết nói về sai lầm.

Từ "kế là nói rõ v.v..." trở xuống là chẳng thể nghĩ bàn, có hai: Đầu tiên là dựa vào trước đây phá trừ chất vấn về tánh. Bốn câu cảnh trí nếu sai, sao nói lập nên đối với cảnh trí, hơn nữa các kinh luận vốn nói về cảnh trí chẳng ngoài bốn câu này. Từ "Đáp kinh v.v..." trở xuống là xa lìa tánh lấy bốn tất-đàn để trả lời, có hai: Đầu tiên giải thích về tướng, có hai: Trước tiên tướng bốn tất-đàn, có hai: Thứ nhất nói về phó cơ bốn tất-đàn, có hai: Một là nói về bốn tướng, cảnh trí bậc Thánh mãi mãi dứt trừ bốn chấp. Nếu chúng sanh đó đối với cảnh trí tự nhiên, có hoan hỷ phát sanh thiện phá bỏ ác đi vào lý cơ thì bậc thánh mới có thể tùy cơ, giới thiệu nói về cảnh trí tự thiên nhi nhiên. Chúng sanh nếu đối với cảnh trí tương đãi - cảnh trí nhân duyên - cảnh trí tuyệt đãi, có bốn cơ tất-đàn, thì bậc Thánh mỗi mỗi tùy theo cơ duyên kia, để thực hiện giới thiệu ba loại như tương đãi v.v... vậy, tất cả khiến cho được lợi ích. Vì thế cho nên trong kinh thực hiện bốn thứ này nói về cảnh trí. Hai từ "Tuy làm v.v..." trở xuống giải thích về xa lìa tình Bậc thánh nói về cảnh trí như tướng thiên nhiên v.v... không bao giờ có bốn chấp nên ái kiến không sanh khởi, vì thế giúp cho người nghe phá trừ Hoặc chướng đi vào đạo, đạt được cảnh trí chân thật. Ba cảnh trí tất-đàn cũng giống như vậy. Từ "Như thế v.v..." trở xuống là nói về khả năng biểu hiện chánh pháp. Nếu biết bốn thứ chấp trước là sai lầm tai hoạ, gọi là nhận thức được đạo diệt. Bốn đế đã rõ ràng thì Tam bảo lập thành, pháp của Chư Phật không pháp nào không hiện tiền. Từ "Nếu dùng v.v..." trở

xuống là tướng chẳng thể nghĩ bàn, có hai: Đầu tiên lại tiếp tục nói về suy tư nhận thức, đối với bốn cảnh trí, xa lìa kế chấp mà tu, bốn tánh đã "không" đi vào "không" dẫn đến chứng đắc, tuy thành tựu lý trong mà chưa dứt ngôn ngữ suy nghĩ. Hai từ "Nếu không v.v..." trở xuống chính là nói về chẳng thể nghĩ bàn, có ba: Đầu tiên dựa theo nghĩa chỉ ra. Hỏi: Ma-ha chỉ quán phá kiến tư giả từng tiết đều gọi là tánh tướng hai không, trong cảnh chẳng nghĩ bàn dựa theo pháp tánh vô minh, xem xét sai lầm của bốn tánh. Kinh Khê nói: "Vốn từ hai "không" làm cảnh của tánh đức, mở rộng xem xét hai "không" làm cảnh của tu đức, vậy thì nghĩ bàn và chẳng thể nghĩ bàn, đều cần phải quán tánh tướng hai "không". Nay văn vì sao sắp xếp trái với các luận nói, mới có thể dùng hai không phân chia đối chiếu hai nơi? Đáp: Hai hoặc Chung riêng cùng ngăn cách Trung đạo, dựa theo nói về quán pháp đều phải hai không. Nay đã nói lược gọi là có còn-mất, Thông hoặc phá xứ tuy có đủ hai không, mà người tiểu thừa được trú nơi tướng Niết-bàn, vì thế cho nên tạm thời mất tên gọi của tướng không. Nếu phá Biệt hoặc nói thuận theo trội hơn thì, chỉ còn lại tướng không mà ở trong đó, chứa đựng nghĩa hai không. Vì sao? Vì quán danh tự bốn thứ cảnh trí, không trú vào bốn câu cũng không thể không trú vào, bốn câu thuộc về tánh - không trú vào thuộc về tướng, đã hiểu rõ tên gọi của bốn thứ cảnh trí, không nói, không nghe, không khởi lên phân biệt, không làm ra tư lương, chẳng lẽ đối với Biệt lý mà còn kế chấp tánh thật hay sao? Nay phân tách hai "không" phá trừ hoặc Chung riêng, tạm thời thuận theo các nói nói về giáo đạo. Tiểu thừa chỉ có người không - Đại thừa đạt được hai "không", trước người sau pháp. Bởi lẽ nay văn không nói về quán pháp, mà lại nương nhờ thứ lớp chỉ ra diệu cảnh trí. Từ "Kim quang v.v..." trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Từ "Đây nói đầy đủ v.v..." trở xuống là dựa vào Đại Bổn. Hai là từ "Long thọ v.v..." trở xuống là dẫn ra tương tự. Đại luận giải thích kinh đều trước phá chấp, sau mới chỉ ra nghĩa. Nay nói về cảnh trí cũng tương tự văn kia, trước hết phá trừ lý ngoại kiến mạn mê hoặc tâm, kế đến gạt bỏ chứng đắc nghĩ bàn của Tiểu thừa, sau mới biểu hiện rõ ràng cảnh trí bốn tất-đàn bất khả tư nghị. Từ "Phàm dựa theo v.v..." trở xuống chính là giải Thích Cảnh trí, có hai: Đầu tiên xác định trước sau.

Từ "Thế là v.v..." trở xuống là dựa vào nghĩa giải thích, có hai: Đầu tiên là giải Thích Cảnh, có hai: Trước là giải thích Thế, có hai: Thứ nhất là giải thích danh nghĩa. Có hai: Một là nêu ra Thế chia làm ba loại, có hai: Đầu tiên thẳng nêu ra ba loại. Đại luận giải thích trong một

trăm lẻ tám Tam-muội, đến giải thích Tam-muội năng chiếu nhất thiết thế gian rằng: “Vì đạt được Tam-muội này, có khả năng soi chiếu ba loại thế gian, đó là thế gian chúng sanh, thế gian trú xứ, và thế gian ngũ ấm”. Vì thế một tông phái sử dụng nghĩa, theo đúng ba thứ thế gian của luận kia, phát triển mười như của Pháp Hoa, khéo léo bàn về ba ngàn, vốn chẳng phải sự hy vọng đạt được của thường tình. Hai từ “Đã có v.v...” trở xuống là nghĩa cần phải đến ba. Từ “Thế là v.v...” trở xuống giải thích ba thông suốt mười cõi giới, có hai: Đầu tiên dựa vào y chánh nói về thế gian. Từ “Mỗi mỗi v.v...” trở xuống dựa theo nhân quả nói về pháp giới. Từ: Nay căn cứ v.v...” trở xuống chỉ ra diệu cảnh, có hai: Đầu tiên chỉ ra diệu nghĩa, có hai: Thứ nhất trình bày ba ngàn duyên khởi, cõi có tướng tánh đến hạng rốt ráo, nhân quả mới đầy đủ, mười cõi đều như vậy thì thành ra trăm pháp, mười cõi có đủ lẫn nhau thành trăm cõi, thì khiến cho nhân quả trở thành ngàn pháp. Như vậy ngàn pháp không ngoài hiểu rõ hay mê hoặc nhân duyên, cho đến chỗ sanh ra pháp thế gian và xuất thế gian. Tiểu thừa nói nhân duyên vô lậu chỉ có thể diệt pháp, vì thế khiến cho bốn Thánh rốt ráo quay về dứt đoạn. Đại thừa nói vô lậu nhân duyên thì thường biểu hiện pháp, vì thế khiến cho bốn thánh rốt ráo quay về thường trụ. Do đó dẫn Đại kinh chứng minh cho nghĩa đại thừa, cần phải hiểu rõ duyên khởi tu tánh đều như vậy, đều do lý đầy đủ mới có sự dụng. Nhưng lại cần phải biết nay nói ngàn pháp tức là ba ngàn, bởi vì dựa theo ba loại giải thích về thế gian, và báo của một cõi cần phải nói về y chánh, chánh lại là giả - thật, lại như tướng ban đầu. Như mặt trời thế gian ấy là ghi nhận đối với đời này, thật pháp của yểu-thọ - hiền - ngu, giả danh của tăng - tục - sĩ - thứ, y báo của áo - cơm - ruộng - nhà, chẳng lẽ tướng ban đầu có thể nói lên ba loại hay sao? Trước sau đã như vậy thì khoảng giữa có thể ví dụ biết được, do đó ngàn pháp ba ngàn chỉ mở rộng và sơ lược như vậy. Nay văn trước nói về ba loại thế gian, nay nói về pháp nhân quả của một ngàn, trước sau cùng biểu hiện nghĩa đó trọn vẹn đầy đủ. Từ “Là các v.v...” trở xuống nêu ra diệu cảnh ba đế. Vì ba ngàn pháp đều là nhân duyên sanh, vì thế cho nên mỗi pháp tức Không - Giả - Trung, ba đế có đủ lẫn nhau chẳng dọc chẳng ngang. Do đó Ngài Kinh Khê nói: “Ba đức - ba đế- ba ngàn, đều bặt dứt nói năng suy nghĩ đó là diệu cảnh”. Hai từ “Cảnh này v.v...” trở xuống là bao gồm ba pháp, có hai: Đầu tiên dựa theo ba người chia ra hai cảnh, một tông phái trình bày quán không ra ngoài hai cảnh, bốn niệm xứ tâm đối với ấm sắc, mà chia làm trong ngoài. Văn này tâm đối với chúng sanh - Phật, mà phân thành tự - tha.

Mười môn không hai lấy tâm đối với y chánh sắc tâm kia mà chia ra trong ngoài, thì y chánh chúng sanh Phật và sắc ấm của mình, đều gọi là ngoại. Kinh Khê đặc biệt thông hiểu văn của hai nơi, lập nên cảnh ngoài. Cần phải biết y chánh chúng sanh - Phật và sắc tâm của mình đều là pháp giới, chẳng có gì không có đủ ba ngàn ba đế, cho nên trong ngoài - tự tha đều là diệu cảnh. Nhưng vì quán cảnh gần mà lại quan trọng, chẳng có gì bằng nội tâm. Do đó các kinh luận thường nói về tâm pháp khắp nơi gồm thâu tất cả. Cần phải biết rằng khắp nơi gồm thâu căn cứ vào không hai, cho nên Tứ niệm xứ chép: "Chỉ là một thức - chỉ là một sắc, sắc của muôn tượng đã thừa nhận tâm có đủ, tâm của ngàn sai ngại gì sắc có đủ? Chúng sanh thành Phật là y báo thành tựu, cõi nước hưng phế há là sự việc người khác hay sao?" Có người không thấu đạt, chỉ chấp riêng là tâm mà không thừa nhận sắc có đủ, nên lập thành chất vấn rằng: sắc có đủ ba ngàn phải tự thành Phật, nơi nào từng thấy cỏ cây thọ ký, đây là nói gì ư, đây là nói gì? Bởi vì nói nghĩa của tâm có đủ thì dễ sáng tỏ, đối với sắc chỉ ra đầy đủ, tướng thì khó biểu hiện. Vì thế nếu giáo văn phần nhiều nói về tâm có đủ là muốn người vâng chịu giáo dựa theo dễ dàng hiểu rõ điều khó. Lấy tâm dụ cho sắc, chính là biểu hiện các pháp từng pháp trọn vẹn đầy đủ. Vì thế nói duy sắc - duy thanh - duy hương - duy vị - duy xúc, hơn nữa nói về duy tâm có thật có quyền, nói về duy sắc chẳng phải quyền mà chỉ riêng thật. Do đó Đại sư vì lập nên Viên Tông, đặc biệt nói về duy sắc, chính là tổ chúng ta một mình bàn luận vượt lên, kiên quyết ẩn kín Viên Tông chỉ giống như nơi khác nói, ý đó thế nào vậy? Nghĩa của duy tâm, nay không phải không thể bàn luận, vì nói về tự tâm và sắc của y chánh. Ba điểm này đều đầy đủ các pháp, thì khiến cho duy tâm không giống với nơi khác. Vì sao? Vì bỗng nhiên nếu không trình bày muôn pháp có đủ lẫn nhau, làm thế nào có thể lập nên tâm có đủ ba ngàn? Kinh Kim Quang Minh chép: "Đối với tất cả các pháp hàm chứa được tất cả, mật nghĩa này sâu sắc có thể dựa vào". Hỏi: Đại ý nói: Sắc do tâm tạo thành - toàn thể là tâm, sao giáo văn nói: Tâm do sắc tạo thành, toàn thể là sắc. Lại nghĩa theo đó nói: "Tâm có đủ ba ngàn, là đối với vô tình lập nên nghĩa Phật thừa", cũng là tâm gồm thâu đâu liên quan đến sắc? Đáp: Dựa theo năng tạo thì tâm gồm thâu pháp dễ dàng hiểu rõ, cho nên thuận theo kinh luận dùng tâm gồm thâu pháp, mà làm quán cảnh, vì thế nói sắc do v.v... Đại sư đã nói: "Chỉ là một sắc mà chia ra hai loại, gọi là hữu phân biệt sắc - vô phân biệt sắc". Ý dựa vào thức tâm để phân biệt sắc, sắc này tạo ra tâm có số lượng bao nhiêu, sao nói: "Xưa nay sắc không

tạo ra tâm"? Đã nói: "Chỉ là một", sao nói:" "Không nói toàn thể là sắc"? Còn lúc đến quả, trong y hiện có chánh - trong chánh hiện có y, sát nói - trần nói, lý nhân quả như nhau mà y chánh sao khác nhau? Lý tánh - danh tự đã có tướng y chánh không hai, duyên gì kiên quyết chấp một bên đầy đủ vậy? Vô tình - Phật thừa là nói theo tâm có đủ căn bản là một thể thuận theo dễ dàng mà quán, đừng dẫn văn này chứng minh sắc không có đủ. Đại sư nói như vậy khiến cho biết đều có đủ, mà nay dựa vào điều này chỉ hạn cuộc ở tâm, là đạt được ý hay không được ý? Muốn cho người ta hiểu rõ hay phù hợp với ngã kiến? Từ "Hỏi tự v.v..." trở xuống là dẫn ra hai kinh trình bày tất cả có đủ, có hai: Đầu tiên Hỏi: Trước lấy mười cõi mà làm cảnh gian, kế đó nói về cảnh thế gian có tự có tha, tha tức là chúng sanh - Phật, tự chính là tâm mình. Chính là dẫn Hoa nghiêm chép "Tâm như người thợ vẽ tạo ra các loại Ấm". Nói là chủng chủng (các loại) há chẳng phải chúng sanh - Phật hay sao? Vì thế căn cứ vào pháp này mà lập ra câu hỏi này. Tâm năng tạo có thể đầy đủ mười cõi, là tạo chúng sanh và Phật, vì sao nói đều có thể đầy đủ mười cõi? Vì biết người thế gian không hiểu rõ nghĩa của ba pháp không sai khác, cho rằng tâm là lý chúng sanh Phật là sự, lý năng tạo sự - tâm tùy theo hiểu rõ duyên tạo Phật, tâm tùy theo mê muội duyên tạo chúng sanh. Cả ba không xa lìa nhau gọi là không sai khác. Giải Thích Cách này trái với kinh, che lấp Viên nghĩa, do đó phát khởi câu hỏi này để sinh ra câu trả lời sau. Hai Trả lời: Trước tiên dẫn ra Tịnh danh thật tướng ấy, tức là thật tướng các pháp. Dựa theo ý kinh này, các pháp của mười cõi đều là thật tướng, quán thân - quán Phật thật tướng đã như vậy, há không thể đều đủ mười pháp giới hay sao? Lại dẫn văn về ba vô sai khác trong Hoa Nghiêm, để chứng minh tất cả đầy đủ. Bồ-tát Như-lai Lâm trong kinh ấy nói: "Tâm như người vẽ giỏi, tạo ra nhiều loại ngũ ấm. Trong tất cả thế gian không gì không từ tâm tạo ra, như tâm - Phật cũng vậy, như Phật - chúng sanh cũng thế, tâm - Phật và chúng sanh ba thứ không hề sai khác: Văn kinh trước chỉ ra tâm tạo tất cả, nhân tiện lấy tâm này dụ cho Phật, nêu ra Phật quyền tạo, giống như tâm thật tạo. Kế đó lại lấy Phật mà dụ cho chúng sanh, nêu ra chúng sanh thật tạo giống như Phật quyền tạo, quyền thật tuy khác nhau nhân quả tạm thời khác nhau. Cả ba đều là năng tạo tất cả thế gian, cho nên có thể kết luận nói ba không hề sai khác. Vì sao lại nói một là năng tạo - hai là sở tạo, sao có thể ba điều này là không hề sai khác? Đây là tông phái hiện nay làm cho mất dần văn kinh kia. Nếu nói nghĩa đó thì lại làm cho người khác không biết, vì kinh này nói về nhân duyên quả báo,

tức là thật tướng; nhân duyên là năng tạo - quả báo là sở tạo. Nghĩa tạo ở đây đã thuộc về thật tướng. Vì thế cho nên nghĩa tạo lý vốn đầy đủ, dùng lý tạo này mới có sự tạo, ba pháp đều như vậy, vì thế cho nên có thể nói lý sự không hai - bổn mạt ảnh hiện lẫn nhau. Lý đã dung hợp lẫn nhau thì sự lẽ nào ngăn cách khác nhau? Ba pháp có đủ lẫn nhau - thay đổi lẫn nhau - gồm thâu lẫn nhau, rất có lý do, tôn chỉ của viên đốn cùng cực ở đây. Ngoài Kinh Khê than: “Không hiểu rõ văn này, làm sao hiểu hết câu kệ: Tâm tạo ra tất cả, ba pháp không sai khác?”

Câu hỏi trước sao có thể tự tha tất cả có đủ mười cõi? Nay đáp chẳng lẽ không thể tất cả có đủ ba đế hay sao? Vì thế biết mười cõi hoặc chung hoặc riêng, đều là ba đế.

Hai là giải thích Âm, có hai: Đầu tiên dựa vào miệng nghiệp đích thực giải thích. Phật trong mười pháp giới: Nay đã nói về cơ, phải trừ bỏ cực quả tự phần chứng trở lại, chỉ là viên cơ đều gọi là cõi Phật, tất cả có thể xưng gọi danh hiệu. Từ “Hỏi v.v...” trở xuống là nói ba nghiệp cùng cơ, có hai: Đầu tiên là câu hỏi khởi lên. Hai từ “Nhưng thông v.v...” trở xuống trả lời giải thích, có hai: Đầu tiên chính là nói cùng thông suốt, chân tịch thường chiếu đâu có phân biệt thân ý và chỉ đi đến miệng? Từ “Mà nay v.v...” trở xuống là đối chiếu Biến hiển bày Viên, có hai: Đầu tiên xưa trình bày biến giới hạn, có sáu: Một. Hướng đến đưa ra. Hai là Tùy tục. Ba - Đưa ra lẫn nhau, có ba: Đầu tiên chính thức giải thích. Bậc Thánh nêu lên quán chắc chắn soi chiếu sắc tâm của chúng sanh, tức là thân ý. Chúng sanh nêu lên Âm thanh, chắc chắn phù hợp nhĩ thức của bậc thánh, đã nghe âm thanh lại quán sát sắc tâm, tức là bậc thánh thuận theo ba nghiệp của căn cơ. Hai từ “Xưa hỏi v.v...” trở xuống thông suốt chất vấn, có hai: Đầu tiên người khác chất vấn. Đưa ra lẫn nhau cùng một loại, sao không gọi là nghe sắc tâm? Hai từ “Xưa đáp v.v...” trở xuống là xưa thông suốt, có ba: Đầu tiên nói về xưa thông suốt, nêu lên quán làm ứng, đã là hai chữ sắc tâm thì rõ ràng ứng rộng, nêu lên Âm làm căn cơ - âm chỉ một chữ, tức là cơ hẹp. Cơ hẹp ứng rộng, nói lên sâu sắc thánh đức. Từ “Nay lại v.v...” trở xuống là hiện tại ghi nhận lời hỏi kế là từng chữ một, rõ ràng cảm ứng có thích hợp có hay không? Nếu cùng ứng cùng cảm, thì không cần nói ứng hai cảm một. Từ “Nay không v.v...” trở xuống là nay vì thông suốt Thánh ba đều ứng - phàm ba đều cảm, chỉ vì dựa theo cho và lấy được lẫn nhau nên nêu miệng ý. Bốn là nghĩa gồm thâu, chỉ có ngôn âm đầy đủ đối với ba nghiệp, cho nên nói nghĩa gồm thâu. Năm - ẩn hiển. Sáu khó dễ, có hai: Đầu tiên tai nạn cấp bách miệng cơ dễ phát. Từ “Lại thứ sáu

v.v...” trở xuống là thệ nguyện sâu sắc thích hợp khẩn cấp xưng gọi. Từ “Nay trình bày v.v...” trở xuống dẫn luận giải thích đầy đủ, có hai: Đầu tiên dùng giác quán so sánh âm thanh, tạm thời dẫn ra Thích luận: “Sự của ba nghiệp chẳng có gì không trọn vẹn có đủ, giác quán vừa mới lay động giống với hơi thở hoàn toàn, đã trở thành thân hành, đã là lời nói căn bản lại trở thành miệng hành, ý nghiệp kín đáo tinh tế hãy còn có thể đầy đủ ba loại, thân miệng biểu hiện thô kệch tất cả đầy đủ có thể biết”. Từ “Chỉ nêu v.v...” trở xuống là nói về Quán Âm trọn vẹn cảm ứng. Đại thánh vừa quán sát chẳng phải chỉ có đầy đủ đối với một loại ba nghiệp, cần phải biết rằng đầy đủ ba nghiệp của trăm cõi giới, bởi vì lấy toàn bộ pháp giới mà làm ứng hợp.

Một âm của chúng sanh đầy đủ trọn vẹn cũng như vậy. Lấy toàn bộ pháp giới để làm cơ cảm, do đó bậc Đại Thánh soi chiếu cùng tận chánh tánh, ranh giới ngọn nguồn đó, khó nghĩ được cảm ứng, đâu thể dùng cái thấy phàm tục của thầy người để suy lường được.

■

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 3

Thứ hai là giải thích quán trí, có hai: Đầu tiên là nêu ra. Từ "Kết cảnh v.v..." trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên là kết thúc cảnh của Thế Âm. Muốn trình bày quán trí trước tiên kết thúc cảnh giới, âm thanh thế gian có vô biên phẩm loại, trần sa chẳng thí dụ được, phải dựa vào thánh giáo kết hợp nêu ra đế cảnh, mới có thể nói về quán. Quán không dựa vào đế thì sai lầm còn gì nghi ngại. Mười cõi là nhân duyên cảnh: Vì mười như là tương tự mười hai nhân duyên, do đó nghĩa không khác nhau. Từ "Hai, nói rõ v.v..." trở xuống chính là trình bày trí của năng quán, có hai: Đầu tiên là nói sơ về các cảnh quán. Đế duyên với tất cả bốn giáo cho nên là bốn, ba đế chỉ riêng Biệt giáo - Viên giáo cho nên là hai, hai đế thêm vào ba kế cho nên là bảy, một thật chỉ riêng Viên cực cho nên là một, không có đế thì thể quên do đó quán cũng không thành lập. Từ "Nay căn cứ v.v..." trở xuống là nay dựa vào ba đế quán ấy, cảnh thuận theo văn mới của Niết-bàn, quán dựa theo nói tức nhau của Trung luận, gột sạch tình lập nên pháp chỉ ra tâm kỳ diệu dung thông, cuối đời Tượng pháp quán môn này là nhất. Đầu tiên nêu ra cảnh chung riêng. Thông đối với Đốn Quán - Biệt đối với Tiệm quán. Từ "Nay đối v.v..." trở xuống nói về quán Tiệm - Đốn, có hai: Đầu tiên nêu ra cả cặp. Từ "Thứ lớp v.v..." trở xuống giải Thích Cả hai, có hai: Thứ nhất trải qua giáo giải thích. Hai là chủng loại quán, có hai: Đầu tiên là Thiên - Viên cùng giải thích, có hai: Thứ nhất dựa theo các bộ giải thích, có năm: Một là dựa vào Anh Lạc nói về ba quán. Thể ở ba Giả nên bốn câu không sanh khởi, ngay nơi tục nhìn thấy chân gọi là từ giả đi vào không quán. Quán ba giả tục đi vào ngay nơi không chân, từ tục đi vào chân lại gọi là hai đế. Đối với không chẳng thể chứng, phân biệt tất cả thuốc - bệnh của ba giả, tùy bệnh trao cho thuốc, cho nên gọi là từ không đi vào giả. Trước dùng chân phá trừ tục, nay dùng tục phá bỏ chân. Hoặc là tục hoặc chân phá bỏ sử dụng đã cân bằng, lại gọi là bình đẳng. Dùng hai phá trước làm thành cặp ngăn trở phương tiện, tức là lấy

hai dụng làm thành cặp soi chiếu phương tiện. Thứ lớp phá - dụng đã lập nên, một tâm ngăn trở - soi chiếu có thể tu, do đó nói hai quán làm những phương tiện. Ba quán đều dùng từ trong tên gọi thù thắng, tâm đã tức trung thì tư nghị quên hết, gọi là đệ nhất nghĩa đế quán. Hai là từ "Đây ba quán v.v..." trở xuống dựa vào Đại phẩm nói về ba trí, có hai: Đầu tiên chính thức nói về tướng của ba trí. Nội pháp nội danh: Pháp tướng mà trong lý giải thích và danh tự năng thuyên. Ngoại pháp ngoại danh: pháp tướng mà trong ngoài là giải thích, và danh năng thuyên. Nếu quán không thành tựu, đối với danh tướng này đều có khả năng thể đạt vô ngã và ngã sở. Vì thế Phật dạy: "Pháp Bà-la-môn Ma-ha Ca-diếp đều biết, pháp Sa-môn đều biết, cho nên nói trong ngoài thường biết, thường hiểu rõ". Nhưng trí Không đó chỉ có thể đạt được chung các pháp vô sanh, không thể tách biệt biết rõ duyên khởi các pháp, do đó không thể sử dụng đạo pháp của chư Phật, phát khởi tất cả hạt giống thiện của chúng sanh. Giả quán có thể như vậy, cho nên sử dụng đạo chủng mà gọi trí đó. Đối với Nhất chủng v.v... nói đến trí Trung quán ấy, thì hiểu rõ tất cả đều là Trung đạo, Trung thì không nghiêng về tuyệt đãi làm nghĩa. Nếu một pháp là Trung, thì tất cả là nhân chủng của chúng sanh, đạo pháp của tất cả Chư Phật. Chẳng có gì không hướng đến, một pháp có bên ngoài không gọi là Trung. Một pháp đã như vậy, thì tất cả các pháp đều như thế, cho nên nói rằng đối với nhất chủng trí, biết tất cả đạo, biết tất cả chủng loại. Nhất tướng v.v... Kết thúc những gì đã nói ở trước mà trở thành ngăn dứt, soi chiếu, cả hai ngăn trở thì một tướng vắng lặng, cả hai soi chiếu thì các loại đều biết. Ngăn che - soi chiếu đồng thời, cho nên gọi là nhất thiết chủng trí. Từ "Thông mà v.v..." trở xuống là đối chiếu ở trên giải thích về chung riêng. Anh lạc là ba quán, Đại phẩm là ba trí, chung thì tên gọi khác nhau- riêng thì chia ra nhân quả. Từ "Ba quán trí v.v..." trở xuống đối chiếu bốn trí của Đại kinh, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra tướng bốn trí. Đại kinh thứ hai mươi lăm chép: "Quán về nhân duyên, trí gồm có bốn thứ, đó là hạ - trung - thượng - thượng thượng. Người hạ trí quán xét không nhìn thấy Phật tánh, vì không thấy cho nên đạt được Bồ-đề hàng Thanh-văn. Người trung trí quán xét không thấy Phật tánh, không thấy Phật tánh cho nên đạt được Bồ-đề Duyên-giác. Người thượng trí quán xét thấy không sáng tỏ, không sáng tỏ cho nên trú ở địa Thập trụ. Người thượng thượng trí quán xét thấy thì hiểu rõ ràng, đạt được A-nậu-bồ-đề". Phụ Hạnh giải thích: "Nhân duyên không sai khác, bốn quán không bằng nhau". Đối chiếu trong Biệt giáo: "Nói rằng trú ở Thập trú địa ấy

là, theo thứ lớp hành trừ Trú đi vào không, cho đến Thập địa mới đi vào Trung đạo. Thứ lớp trú vào ba nơi cho nên gọi là Trú, Trú và Bất liễu hoàn toàn dựa theo giáo đạo". Từ "Niết-bàn v.v..." trở xuống là đối chiếu phía trên phân định về lìa - hợp, bốn giáo chứng tu chỉ trí ba quán, không phân tích thành thể cho nên trở thành bốn. Đại kinh quán xét duyên trình bày bốn trí là, dùng Tạng giáo phân tích "Không" làm hạ trí. Đại phẩm là ba trí - Anh lạc là ba quán vì chọn lấy Tiểu thừa nói về Đại thừa. Nếu dùng ba trí ba quán của hai kinh, dựa vào bốn trí của Đại kinh thì phải tiến hành phân tích không sanh diệt tất cả trí. Nếu dùng bốn trí của đại kinh dựa vào ba trí ba quán của hai kinh ấy, thì phải kết hợp hạ trí - trung trí cùng nhau đi vào không trí. Từ "Nếu đem v.v..." trở xuống là dùng quán trí đối chiếu năm thứ mắt. Hai thứ nhục nhãn - Thiên nhãn là bốn trí, ba trí, cảnh sở quán vốn không luận bàn về khai hợp, Tuệ, Pháp, Phật nhãn cùng với ba quán trí, chủ định đối chiếu đầy đủ với bản thân. Nếu nói về bốn trí cần phải ở tại tuệ nhãn, mà so sánh phân tích thể của hai không trí. Từ "Trung luận v.v..." trở xuống là dùng Trung luận kết thúc bốn câu. Từ "Nếu đem v.v..." trở xuống làđối chiếu bốn giáo giải thích, có hai: Đầu tiên chính là đối chiếu bốn giáo, có hai: Thứ nhất chính là đối chiếu với giáo. Hai từ "Sở dĩ v.v..." trở xuống là đưa ra lý do. Quán cần phải giải thích giáo - trí căn cứ vào quán đạt được, nay nói về quán trí thì phải thường giải thích giáo. Từ "Giáo hẳn v.v..." trở xuống mở rộng nói về bốn tướng, có hai: Đầu tiên bốn giáo chủ, có hai: Thứ nhất nói về giáo chủ một và khác. Văn có hai nghĩa nói về một và khác. Trước là luận vượt quá tiết đoạn, chỉ một vị Phật viên mãn mang đến bốn thứ cơ, nói ra bốn giáo pháp. Kế là từ "Hoặc có thể v.v..." trở xuống dựa theo luận đang phân biệt, tùy cơ sở kiến dựa vào giáo sở thuyên, thể dụng của bốn Phật hơn hay kém khác nhau rất lớn. Từ "Bốn giáo v.v..." trở xuống nói về Bổ xứ Thiên - Viên. Bổ xứ cũng trình bày vượt quá tiết đoạn tương đương phân chia, theo như Giáo chủ có thể biết. Từ "Nếu nói v.v..." trở xuống là bốn giáo pháp, có hai: Đầu tiên là nói lý còn không có một. Hai từ "Đáp lý v.v..." trở xuống là nói về phó duyên nói ra bốn giáo. Trước giải thích chung đề mục, đầu tiên của mười nghĩa đã nói về nghĩa này, chứng lý tuyệt ngôn phủ kín cơ duyên cần phải có giáo, có hai: đầu tiên nói về phó duyên. Từ "Tam Tạng v.v..." trở xuống nói về nói ra bốn giáo, có bốn: Đầu tiên là Tam Tạng, có ba: Thứ nhất trình bày giáo tướng, có hai: Trước hết nói về nguyện hạnh, có hai: Một. Dựa vào đế lập thệ, đầu tiên là người thợ gốm: Hợp lại nói là con người thợ gốm, nhân gặp Đức Phật ấy đi vào

thành khất thực, tướng tốt cao to oai nghiêm, mới phát sanh thiện tâm mà thích thú cúng dường, liền hướng về Đức Phật ấy phát ra lời thề rằng: Nguyện con sẽ thành Phật, hoàn toàn giống Thế tôn trước mắt, cho nên hiện nay là thời pháp trụ của Đức Thích Ca, hóa độ cho người bao nhiêu v.v... đều giống như vị Phật xưa kia. Nói lập tức khởi lên từ bi ấy là phát tâm dứt trừ khổ đau mong muốn mang lại niềm vui cho họ. Nếu không xem xét tỉ mỉ không nghĩ đến kiết tập và nỗi khổ luân hồi, lại không xem xét tỉ mỉ ba vô vi diệt, và không còn khổ đạo, thì không dứt trừ ranh giới khổ đau, chẳng mang lại niềm vui thật sự. Phàm phu ngoại đao không thể tường tận, Nhị thừa không có thệ nguyện, Bồ-tát y đế lập thệ trái với hai loại. Từ "Hành lục v.v..." trở xuống là y thệ khởi hạnh, có hai: Đầu tiên Lục độ bổ sung nguyện. Trong văn đã nói về sáu Tế (che đậy) là Tập, sáu đường là khổ, sáu độ là đạo, che đậy dứt sạch là Diệt. Lược nêu đầu đuôi, bốn thứ giữa theo đây mà biết. Bồ-tát giáo này tự mình điều phục sáu Tế, đối chiếu phá trừ sáu đạo, khiến cho người khác dứt trừ tập xa lìa khổ. Bồ-tát Giới sớ nói: "Bố thí phá trừ ngạ quỷ, trì giới cứu giúp địa ngục, nhẫn nhục cứu giúp súc sanh, tinh tiến dứt trừ Tu-la, thiền định yên ổn trong loài người, trí tuệ chiếu soi chúng cõi trời". Từ "Hành sáu độ này v.v..." trở xuống là thời gian sáu độ đầy đủ. Như vua Thi-tỳ cắt thịt khắp thân đến chỗ chim ưng đổi lấy chim bồ câu, cho đến dùng hết một thân mà không phiền muộn không chết, tự thề mà chân thật cảm được thân hoàn lại như cũ, là tướng bố thí (đàn) trọn vẹn. Như vua Tu-ma-đề dùng thân đến chết giữ gìn giới không vọng ngữ, là tướng trì giới (thi) trọn vẹn. Như vị Tiên nhẫn nhục bị Ca Lợi Vương cắt đứt thân thể, hiền từ nén chịu bất động thực hiện lời thề lập tức cảm ứng máu thay đổi biến thành sữa, là tướng nhẫn nhục (sản đề) trọn vẹn. Như Thái tử Hiếu Thí cầu ngọc như ý vật báu rãi xuống như mưa cứu giúp người nghèo, được ngọc châu rơi xuống biển vạch biển lấy lên, gân cốt đứt gãy hư hoại không hề lơi lỏng bỏ dở, chư thiên hỏi lý do, nói rằng đời đời không ngừng, vì thế giúp đỡ vạch biển nên nước biển giảm bớt nửa, rồng sợ biển khô nên đưa ngọc châu cho Thái tử, là tướng tinh tiến (Tỳ ly da) trọn vẹn. Như Thượng Xà Lê đạt được thiền thứ tư dứt hơi thở ra vào, chim tưởng đó là cây nên đẻ trứng trong búi tóc, xuất định muốn đi sợ chim mẹ không đến, liền tiếp tục đi vào thiền chim bay mới đứng dậy, là tướng thiền định trọn vẹn. Như Đại thần Cù Tần phân vùng Diêm-phù-đề thành bảy phần, thành thị xóm làng núi sông đồng đều vì thế ngừng tranh cãi, là tướng trí tuệ (Bát-nhã) trọn vẹn. Nói Mãn là độ vốn đối trị Tế, hành đợi chờ đầy đủ nguyện.

Nay che đậy đã xa lìa ban cho và dứt trừ được như lòng muốn, tức là biết công lao đó của sáu độ hạn định thoả mãn. Từ "Như đây v.v..." trở xuống nói về thời gian - địa vị, có ba: Đầu tiên dựa theo thời gian nói về hành tướng. Từ cổ xưa đức Thích Ca đến Kế Na Thi Khí Phật. Gọi là sơ tăng kỳ, gần như hướng về địa vị Thanh-văn, thuộc về Ngũ đình tâm và biệt tướng - tổng tướng niệm xứ. Lực quán đã nhỏ bé vì thế không biết thành Phật. Từ Kế Na Thi Khí đến thời Nhiên Đăng Phật, gọi là Tăng kỳ thứ hai, địa vị đang là Noãn pháp. Đã có niềm tin chứng pháp, chắc chắn biết thành Phật, tâm chưa rõ ràng cho nên không nói ra cho người khác nghe. Từ Phật Nhiên Đăng đến Tỳ Bà Thi Phật, gọi là Tăng kỳ thứ ba, địa vị thuộc về Đảnh pháp. Nội tâm hiểu rõ ràng tự biết thành Phật, miệng tự phát ra lời nói không còn sợ khó như dê mập không mỡ: Đại luận nói: "Bồ-tát này tuy có năm dục hấp dẫn mà không sanh ra tham đắm, bởi vì có quán xét về những thứ vô thường, thí dụ như có vị Vương có một đại thần tự che giấu tội lỗi, vua muốn phạt tội, nói rằng: Nếu được con dê mập mà không có mỡ thì sẽ tha tội cho ông. Đại thần có trí, buộc một con dê nuôi ở nơi có đồng cỏ và nguồn nước, mỗi ngày ba lần dùng con sói làm cho khiếp sợ. Con dê tuy được nuôi béo mà không có mỡ. Vua hỏi: Vì sao được như vậy? Trả lời rằng vì việc trên. Bồ-tát cũng như vậy, thấy loài sói vô thường - không, khiến cho mỡ kiết sử tiêu hết mà thân công đức mập lên". Từ "Dùng đây v.v..." trở xuống dựa theo quán nói về địa vị trải qua.

Hỏi: Thanh-văn căn độn hãy còn có thể gấp rút đi vào bảy Hiền bốn Thánh, Bồ-tát lợi trí vì sao ba kỳ mà còn ở Đảnh pháp?

Đáp: Thanh-văn chỉ ở tại một cảnh một môn, tu các niệm xứ cho nên dễ thành tựu Bồ-tát, khắp nơi hướng về tất cả các cảnh giới, mỗi mỗi bốn môn, lại cọng thêm sáu độ huân tu dài lâu, khiến cho mỗi hạnh gồm thâu các chúng sanh làm cho hạt giống giải thoát chín muồi, vì thế trong ba kỳ tất cả người thay đổi cơ duyên được siêu phàm nhập Thánh. Tự thân bờ bên này độ người bờ bên kia, cho nên trải qua kiếp dài lâu chứng đắc địa vị còn dưới thấp. Nói là ba mươi bốn tâm chánh tập đều hết ấy, lập tức chứng La-hán cho đến Bích chi Phật, cũng là ba mươi bốn tâm không gián đoạn mà đạt được, nhưng không dùng chánh tập hết ngay này. Một khi nói đối với tập thì có kiến tư tập và trần sa tập. Bồ-tát tu học các pháp môn nhiều như cát bụi, sửa trị tuệ thấp kém đó, đối với mỗi môn dùng bốn đế quán xét, điều phục chánh sử đó hướng về mỗi mỗi môn thực hành sáu độ xông ướp kiến tư tập. Do đó từ Thọ vương trở xuống ba mươi bốn tâm, đối với trần sa pháp chứng bốn chân

đế, vì thế khiến cho chánh sử và hai tập khí hết cùng lúc, cho nên có thể hai đế đều là rốt ráo, mới khác với đệ tử ba thừa chỉ có sáng tỏ Phật nhãn Phật trí. Từ “Trong đây v.v...” trở xuống dựa theo Phật nói về bổ xứ. Từ “Nếu xét theo v.v...” trở xuống kết luận quán trí. Nếu đối với Tam Tạng nói về con người Quán Âm thì tướng đó như vậy. Ba là phân biệt, có hai: Đầu tiên phân biệt siêu kiếp, có hai: Thứ nhất hỏi - Một vượt lên trên chín kiếp: Bà Sa chép: “Lúc bấy giờ có Đức Phật, hiệu là Đề Sa, có hai đệ tử, một tên gọi Thích Ca, vui mừng tu hạnh lợi tha đã thay đổi cơ duyên thành thục trước, hai gọi là Từ thị, ưa thích tu hạnh tự lợi đã thay đổi cơ duyên thuộc về sau. Đức Phật ấy nghĩ: Cự tuyệt nhiều người thành tựu một người thì khó, cự tuyệt một người thành tựu nhiều người thì dễ. Vì muốn khiến cho Thích Ca thành đạo trước, liền bỏ hai đệ tử đi vào đến giữa núi, thì Bồ-tát Thích Ca theo sau đi vào núi, tìm cầu Bổn sư không thấy dấu vết. đi tiếp thẳng tới, bỗng nhiên nhìn thấy Đức Phật ấy đang trong Bảo khám, nhập Hoả giới định, uy quang to lớn trang nghiêm tốt đẹp lạ kỳ hơn bình thường. Kế đi đến nhấc một chân lên trải qua bảy ngày, nói ra một bài kệ khen ngợi đức Thế tôn ấy: Trời đất cõi này là thất Đa Văn tức là thất của Thiên Vương Đa Văn ở phía Bắc, Thệ cung cõi trời mười phương không có (Thệ cung chính là cung Phạm Vương. Ngoại đạo nghĩ rằng cung ấy là thường còn, Phật vì thế phá bỏ cung ấy, nên gọi là Thệ cung), trâu chúa trượng phu bậc Đại Sa-môn, tìm nơi núi rừng khắp không sánh bằng. Vì vậy tinh tiến vượt qua chín kiếp, thành Phật còn trước Di-lặc”. Hai là trả lời: Phất sa và Đề sa tiếng phạn chịu để chú âm (xa thiết) mà thôi. Di-lặc gặp Phật chắn chắn có vượt qua trên kiếp, e rằng văn Phạm chưa nói đến. Hai là phân biệt trăm kiếp, có hai: Thứ nhất hỏi. Hai là trả lời. Trì giữ pháp môn: Nếu tùy theo vận dụng thực hành đối với pháp môn sáu độ, thì cần phải trăm kiếp. Đây là căn cứ vào đường lối thông thường của lý số mà nói. Nếu công lao tinh tiến gấp bội, cũng đâu hạn cuộc ở tại thời phần. Thứ hai Thông giáo, có hai: Đầu tiên là nói về giáo tướng, có hai: Thứ nhất nêu ra danh số. Nhân vị ba thừa cùng nhau có thể bỏ qua ngôn từ khế hợp chân đế, cùng nhau dứt trừ kiến ái cho nên nhận được tên gọi chung. Nhưng có lợi căn thông suốt đi vào giáo sau, nay phân chia bốn tướng tạm thời thuận theo độn mà giải thích, Bồ-tát giáo trước đến quả mới đoạn, ba thừa không thông suốt vậy. Từ “Việc này v.v...” trở xuống là giải thích về hành tướng, có hai: Đầu tiên gạt bỏ Tam Tạng nói về hạnh vị có hai: Trước tiên đối chiếu sự độ hiển bày Không hạnh, có ba: Thứ nhất gạt bỏ sự chẳng phải độ. Đại luận bác bỏ Bồ-tát Tam tạng nói.

“Đầy đủ ba độc, vì sao có thể nhóm hợp vô lượng công đức? Ví như bình độc tuy chứa đựng cam lồ nhưng ăn đều trúng thực, Bồ-tát tu các công đức thuần tịnh, mới được thành Phật. Nếu lẫn lộn ba độc, vì sao có thể đầy đủ pháp môn thanh tịnh? Thân của Bồ-tát giống như đồ dùng độc hại, đầy đủ phiền não gọi là có độc, tu tập Phật pháp như chứa đựng cam lồ, pháp này dạy dỗ người khác khiến cho người khác mất đi tính mạng thường trú. Bố thí (đàn) có ba phẩm, đó là mạng thượng - thân trung - tài hạ. Cắt thân thể đổi chim bồ câu hãy còn là xả bỏ bậc trung, đã không hiểu rõ không thì làm sao đến được bờ bên kia? Từ “Không thấy v.v...” trở xuống nói về không trở thành Hạnh. Bố thí vốn chữa trị keo kiệt - keo kiệt không thể đạt được, ba sự việc đã không thì tướng bố thí không tồn tại, năng sở đã tiêu tan thì chân không hiện tiền, là chân thật đàn độ. Năm độ dưới năng sở đều không, vậy thì gọi là đạo tướng không hai, dùng không tuệ này gột sạch hai chấp sanh- pháp, do đó làm cho các hành xứng hợp với lý thành tựu trọn vẹn. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống bác bỏ hạn định ba kỳ. Không tâm lập hạnh đời kiếp dài lâu quên hết vất vả, gồm thâu vô lượng chúng sanh trải qua vô lượng kiếp, sao có thể hạn định ba A-tăng-kỳ? Vì dừng lại phát triển cơ cần phải phá trừ Tam Tạng, không phải là hủy bỏ giáo kia tiếp nhận vật. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống dựa theo dứt kiết mà nói về địa vị giống nhau, có hai: Đầu tiên khai triển môn hạnh vị, có hai: Thứ nhất là hạnh dứt kiết. Tiếng Phạn nói Tát-bà-nhã, ở đây nói Nhất-thiết-trí, phát tâm tương ưng cùng với không trí này, tức là có thể đoạn kiến và phá bỏ tư duy, chính là vô sanh người pháp - pháp duyên từ bi, tự hành hóa tha chứa nhóm công hạnh bổ sung cho nguyện, đều tương ứng cùng với bốn đế vô sanh. Do đó thường trong nhân đoạn kết chứng lý.

Từ “Thì có v.v...” trở xuống đoạn kết vị. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống đối chiếu giai cấp tiểu thừa. Tám nhân địa đối chiếu tám nhẫn, nhân ấy là nhẫn vậy. Sau thế đệ thứ nhất đến mười sáu sát-na ngang đạo so được với nhẫn, hãy còn thuộc về Hiền, đến đạo sánh cùng trí thì gọi là Thánh. Hai địa vị cùng thuộc về vô gián Tam-muội, cho nên dùng mười sáu đối chiếu với tám nhân kiến. Bồ-tát giáo này thuận theo đã phân rõ địa, lưu tập nhuận sanh sử dụng từ bi đạo, cùng với chân không quán cả hai thực hành hóa vật. Trước dứt trừ chánh sử nay tiếp cận hai tập, đến nơi Phật địa, kiến tư tập không còn nên rốt ráo chân đế, trần sa tập không còn nên rốt ráo Tục đế. Trong địa thứ bảy có dứt trừ có giữ lại, do đó hết mà không biết. Từ “Vì thế v.v...” trở xuống dựa theo giúp đỡ tập còn lại để lợi tha. Chánh sử đã hết thì tập không lợi ích chúng

sanh, lấy năng lực của thệ nguyện giúp đỡ chúng sanh trong ba cõi. Bởi vì Tạng - Thông giáo đều không bàn nói về thường, thân sanh tử hoàn toàn do hoặc nghiệp, nhị thừa không còn hoặc nghiệp nên không nhận chịu thân sau, Bồ-tát lợi ích vật sợ giống như nhị thừa, cho nên Bồ-tát tạng giáo sử dụng từ bi thệ, giúp đỡ cho chánh sử thọ sanh hóa độ mọi vật. Thông giáo đã đoạn chánh sử dùng thệ nguyện giúp đỡ tập mà làm nhân của sanh, hết - còn không bao lâu cho nên tựa như làn khói nhỏ bé, đã vì lợi ích cho người mà giữ lại hình thể nơi ba cõi, cho nên xưng danh cảm ứng nhìn thấy thường dứt trừ khổ đau mang lại niềm vui.

Từ "Đây là v.v..." trở xuống kết thúc quán có thể thấy được. Thứ ba là Biệt giáo, có hai: Đầu tiên là nói về giáo tướng, có hai: Thứ nhất nêu ra danh số. Giải thích về Trung đạo cho nên khác với Thông giáo, thứ lớp lần lượt cho nên khác với Viên giáo, vì thế gọi là Biệt. Không giống Bát-nhã không giống nhị thừa, hoàn toàn khác nhau với giáo trước, Viên giáo cũng không giống nhau cho nên chưa phân biệt ở sau, không tên gọi không giống nhau ý quyết định ở đây. Từ "Giáo này v.v..." trở xuống giải thích thích về hành tướng, có hai: Đầu tiên dựa theo thứ lớp nói về hạnh vị có hai: Thứ nhất trình bày ý thứ lớp. Tuy nói: chúng sanh thấy nghe hiểu biết thể là Phật tánh, mà hoàn toàn khởi lên làm thành hoặc nghiệp của ba loại, cho nên cần phải sử dụng tánh hiểu biết này, quán Không phá trừ Hữu - Quán giả phá trừ không đối đãi đợi hai loại quân bình, mới soi chiếu bổn tánh hiểu biết của Trung đạo, vì thế gọi là phương tiện. Lần lượt hiển bày lý đã vòng quanh nơi này cho nên trải qua trần kiếp, thuận theo tiêu chí ban đầu, lần lượt tu học hằng sa quán trí, phá trừ hằng sa hoặc nghiệp, hiển bày hằng sa tánh đức của Như-lai tạng, cho nên duyên với vô lượng bốn đế mà phát tâm. Từ "Thập tín v.v..." trở xuống trình bày tướng điều phục dứt trừ, có hai: Đầu tiên là pháp: Thập tín duyên với Trung đạo thông suốt điều phục ba hoặc chướng, tâm đang mê đắm vào có, cần phải trước tiên quán xét không để điều phục dứt trừ bốn trụ, mới loại bỏ dính mắc nơi có. Lại mê đắm thiên về không cho nên quán xét thuốc, bệnh của sáu cõi giới, thành tựu thể phân thành tám môn đạo chủng, lại quán xét nhân duyên hoặc trí của bốn thánh, vô lượng vô tác tám môn đạo chủng. Hai quán đã thành tựu cho nên soi chiếu Trung đạo, lúc này ba quán chỉ thuộc về một tâm, gọi là Biệt giáo hướng về Viên giáo tu pháp này rồi. Hai là dụ: Viên giáo ví như chế biến sắt thép làm ra đồ dùng, Biệt giáo dụ cho đốt nóng vàng làm thành vật dụng. Chế biến nghĩa là nấu vàng, đổ khuôn thuần phác lập tức dung hợp, các thô cặn cáu bẩn tùy đó vận dụng rớt

lại trước tiên. Thiêu nghĩa là rèn đúc, thể của vật hãy còn kiên trì cần phải trừ bỏ bụi đất thô kệch đầu tiên, sau đó điều hòa vàng để loại bỏ cáu bẩn nhỏ nhặt. Viên quán lập tức cùng tận pháp giới, không có ý định trước tiên quán xét hai đế, hai hoặc nghiệp tùy theo vận dụng rơi rụng đầu tiên. Biệt quán lần lượt hiển bày Trung đạo, có ý định trước hết quán xét hai đế, cho nên làm cho hai hoặc chướng loại trừ đầu tiên. Từ “Bồ-tát này v.v...” trở xuống là kỳ hạn chân ứng để lợi ích cho vật, ban đầu tuy lần lượt tu nhưng về sau có thể trọn vẹn ứng. Từ “Đây là v.v...” trở xuống là kết thúc về quán trí.

Hỏi: Biệt giáo hướng về Viên giáo tu tập, sao chỉ kết luận là đưa ra trí của giả quán?

Đáp: Vì sau được tên gọi, vì dựa theo giáo đạo. Như Phụ hành chép: “Một giáo trước sau tuy có đủ ba đế, nếu đi vào chứng đạo không trở lại gọi là Biệt, vì thế cho nên Biệt giáo chỉ nằm ở Giả. Thứ tư là Viên giáo, có hai: Đầu tiên dựa theo hạnh vị là nói về Viên, có hai: Trước tiên mở rộng chỉ ra tướng, có hai: Thứ nhất chính là giải thích hạnh vị, có hai: Một là dựa theo pháp chỉ ra tướng, có hai: Đầu là giáo thuyên lý. Nói tất cả các pháp đều là Trung đạo, một sắc một tâm một nhiễm một tịnh, đều có đủ ba ngàn toàn bộ chẳng phải Không - Giả, chẳng phải nội tức là chẳng phải tánh, toàn bộ tánh trở thành tu; chẳng phải ngoại tức là chẳng phải tu, vì toàn bộ tu thuộc về tánh. Đã mất hai không - giả đó, tu tánh đều dứt, thì nghĩa của Trung đạo hiển bày rồi. hai từ “Quán mười v.v...” trở xuống là giáo thuyên quán, có hai: Đầu tiên chính là nêu ra, có hai: Trước tiên nói về tu quán, có hai: Thứ nhất đối cảnh nêu ra quán. Pháp mà giáo giải thích làm cho sinh ra diệu giải, nay dựa vào diệu giải mà Tu-diệu quán, chúng sanh mười cõi giới là cảnh sở quán. Nước, gương ví như tánh đức ba ngàn, bóng trăng dụ cho tu khởi lên ba ngàn, trong ngoài có không đều là tánh chẳng có thật, mà ba ngàn đế rốt ráo tự rõ ràng như vậy. Từ “Quán trí v.v...” trở xuống là dựa vào quán nói về đế. Đây là quán vô duyên soi chiếu đế vô tướng, dùng đế vô tướng phát ra quán vô duyên, đế và quán là tên gọi khác nhau mà thể đó vốn đồng nhau, vì thế cho nên năng sở là hai, tức chẳng phải hai. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống nói về chứng để giải thích, có hai: Đầu tiên chứng tướng phát tâm. Nếu phát ra chân tâm tương tự tâm - quán tâm và danh tự tâm, tùy theo địa vị dựa vào tức là trình bày ngồi nơi đạo tràng chuyển pháp luân hóa độ chúng sanh, vì thế kinh Phật tạng chép : “Trong thân chúng sanh đã có Như-lai ngồi kiết già. “Lý tức hãy còn như vậy huống gì địa vị trong tu? Từ “Liền ở v.v...” trở

xuống là đức của sơ phát tâm. Từ “Vào Thập tín v.v...” trở xuống là đi vào địa vị. Từ “Văn nói v.v...” trở xuống là dẫn ra văn khen ngợi, có bốn : Một. kinh này khen ngợi chân thật. Hai. Đại phẩm khen ngợi pháp đầy đủ. Ba. Niết-bàn khen ngợi sơ tâm. Bốn là Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là các văn khen ngợi nhãn - trí, có hai: Đầu tiên dựa theo kinh này nêu ra chung. Khai thị ngộ nhập đều là tri kiến Phật. Cảnh đã thấy biết đã đầy đủ trăm cõi, nghiệm xét khả năng thấy biết tức là ba trí, năm mắt, từ trội hơn hẳn gọi là Nhất, như biển có đủ các dòng chảy. Hai là dẫn ra hai văn tách biệt giải thích, có hai: Một là Đại luận nói về trí. nói là mười trí, là thế trí - tha tâm - khổ - tập - diệt - đạo - pháp - tỉ - tận - vô sanh. Mười trí như vậy thông suốt đối với Tam tạng - Tam thừa, chỉ riêng trí như thật thuộc về Diễn giáo. Nay chỉ chứng Viên. Từ “Mắt cũng v.v...” trở xuống là Đại kinh nói về mắt. Đã thấy thô sắc, tức là Phật tánh có đủ tất cả các pháp, tức là quán hành năm mắt từ vượt hơn nhất gọi là Phật nhãn, Nhục nhãn kiến tánh, tốt bằng Phật nhãn, tuệ nhãn kiến không nghiêng lệch kém như nhục nhãn. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống bao gồm nói về người - pháp, có hai “Một là nêu ra sáu cặp Viên. Từ “Dùng không thiếu.” trở xuống là nói hai lợi ích của kinh. Tam điểm Niết-bàn: Đại kinh chép: “Tạng bí mật giống như ba điểm của chữ Y, nếu song song thì không thành Y, dọc cũng không thành. Như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, mới thành Y - ngã cũng như vậy. Pháp của giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân của Như-lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn. Đây chính là ba đức tức một mà ba, gọi là đại Niết-bàn”. Hai là từ “Đó gọi là v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục như văn.

Hai lần hỏi đáp hiển bày Diệu, có ba: đầu tiên nói về vô duyên ban cho và dứt trừ, có hai : Một là căn cứ vào Trung đại trở ngại đến Từ, để hỏi. Hai là dựa vào Tịnh danh thành tựu Từ để trả lời. Phẩm Quán chúng sanh trong văn kinh Thù Vấn Duy ma cật nói: “Tại vì sao quán xét đối với chúng sanh? Duy Ma chép: Ví như nhà ảo thuật thấy những huyễn nhân, như người trí thấy trăng trong nước, như trong gương thấy những hình tượng trước mặt đó. Văn Thù nói: Nếu Bồ-tát thực hiện quán sát-này, làm sao hành từ? Duy Ma nói: Bồ-tát thực hiện quán sát-này rồi, tự nghĩ rằng mình nên vì chúng sanh giải thích như pháp này tức là chân thật từ”. Phẩm kia đã là thông suốt tướng, từ giả đi vào không thấy thấu suốt ba đế tức là Trung đạo vô duyên ban cho và dứt trừ. Hai là nói về Trung đạo kiến lập, có hai: một là dựa theo cả hai “chẳng

phải" đều phá bỏ để hỏi: Hai là nói về Trung đạo thành lập biến khắp để trả lời, có hai: Đầu tiên nói về Trung đạo có thể lập ra bốn đế, Tam bảo thiên - viên, có hai: Thứ nhất sơ lược chỉ ra lỗi mê mờ Trung đạo. Bốn giáo bốn đế là tướng quyền - thật, đều dựa vào Trung đạo chẳng phải quyền chẳng phải thật, mà được kiến lập. Nay đã mê muội điều này thì tất cả đều sai. Từ "Nếu rõ v.v..." trở xuống là rộng rãi nêu rõ hai đức của Trung đạo, có hai: Đầu tiên chỉ ra bốn thứ bốn đế duy tâm, lý mười loại pháp giới quên mất danh ngôn, gọi là Trung đạo. Đạt được lý này cho nên mới lập bày giáo quyền thật, mười pháp giới dung thông thì nói ấy gọi là Viên, mười pháp giới lần lượt thứ lớp nói ra thì gọi là Biệt, sáu pháp giới vô sanh thuyết gọi là Thông, sáu pháp giới sanh diệt thuyết gọi là Tạng. Bốn giáo này đều nói về bốn đế. Nếu nhận thức Trung đạo thì các pháp đều dung, cho nên đối với một tâm có đủ bốn thứ bốn đế. Từ "Sở dĩ v.v..." trở xuống là giải thích nhất thể tam bảo có đủ tiệm, chia làm hai: Đầu tiên dựa theo Viên quán trình bày Tam bảo. Phật chỉ cả cặp chẳng phải (Song phi) ấy là tạm thời thuận theo sơ lược nêu ra. Ngăn che chắc chắn có đủ ba trí viên giác soi chiếu, mới gọi là Phật bảo. Dùng pháp ba đế nói lên Phật không đơn độc. Trong Tăng Bảo nói: "Lý sự hòa ấy là, pháp ba đế trên tánh vốn viên dung, gọi đó là Lý; tùy theo tình sai khác gọi đó là sự. Thật tướng tuệ của Phật có đủ quyền thật, thật tuệ hòa hợp lý có thể nói ra Viên pháp, quyền tuệ hòa hợp sự có thể nói ra Thiên pháp". Do đó văn cú nói về pháp dụng phương tiện chép: "Trí đến chỗ quy định dễ dàng sử dụng Viên pháp, lưu lại thông hiểu chúng sanh như chỗ hoàn bị và chỉ tay, mắt nhìn. Trí đến nơi phép tắc dễ dàng sử dụng thiên pháp, lưu lại thông hiểu chúng sanh, như chỗ thiên hẹp và chỉ tay, mắt nhìn. Nói sự hòa tức là có ba giáo trước: quyền tuệ thuận theo tình soi chiếu đế sai khác, tức là nói về thứ lớp ba đế của Biệt giáo, hoặc nói Tạng - Thông tức là xa lìa hai đế, mới có thể có người thực hành ba giáo, vâng theo pháp tu hành trở thành Tăng Bảo của ba giáo. Nếu thật tuệ đó hòa hợp tùy theo trí, đế, tức là nói ba đế không thứ lớp, mới có thể có người thực hành đốn tu, vâng theo pháp trở thành tăng của nhân quả Viên giáo. Không chỉ khiến cho người theo giáo thành Tăng, mà còn trở thành người thực hành Thiên - Viên, tu tập trở thành Tăng Bảo.

Hỏi : Bốn mươi hai địa vị, từ Đẳng Giác đến hợp lại xếp vào là tăng, Diệu giác là Phật, vì sao nhân quả đều gọi là tăng?

Đáp: Biệt tướng Tam Bảo chính là lấy nhân quả mà làm Tăng - Phật, nay nói về Nhất thể, một người một niệm đầy đủ Tam bảo, bốn

mươi hai địa vị, báo trí của từng địa vị sâu kín ở tại pháp tánh, đều gọi là Nhị bảo, ứng thân từng địa vị một đều gọi là Tăng Bảo. Cho nên Diệu Giác thích ứng nhất có khả năng thống lý đại chúng ba cõi. Thế nên Tăng Bảo thành tựu rốt ráo. Nếu có thể khéo nhận thức Nhất Thể Tam Bảo, thì mặc ý chuyển vận có thể đầy đủ ý nghĩa Tam Bảo trong các giáo Tiệm, để thường hòa hợp đối với sự lý ba đế. Từ "Cho nên, Đại kinh v.v..." trở xuống dẫn ra mặt trăng đáng yêu để trình bày tăng tướng, có hai: Đầu tiên căn cứ vào văn kinh nói về trí - đoạn các Địa, có hai: Trước chính là dẫn ra Niết-bàn, có hai: Thứ nhất tất cả thí dụ các địa, có hai: Một là thuận theo dụ cho trắng - đen nói về thêm bớt, có hai: Đầu tiên đưa ra ánh sáng mặt trăng ví dụ, ánh trăng sáng tỏ thêm lên dụ cho phát trí, ánh trăng tối mờ giảm xuống dụ cho dứt hoặc, dụ tuy trước sau nhưng pháp chính là đồng thời. Từ "Tánh của Tăng v.v..." trở xuống theo Thể Dụng kết hợp, thật tướng thì nhân quả không hai, trí - đoạn thì thêm bớt có khác, các pháp không sanh các pháp không diệt, Tam thiên không có thay đổi. Phiền não diệt đi Bát-nhã sanh ra, vô minh lập tức sáng tỏ. Đại kinh v.v... vì thể vô minh là hiểu rõ ưu việt, cho nên cũng gọi là Minh. Từ "Như vậy v.v..." trở xuống dựa theo pháp từng địa một nói về trí - đoạn, bỏ dụ theo pháp nói về bốn mươi địa, mỗi trí đoạn cho nên nói đều có đủ. Từ "Nếu ngày rằm v.v..." trở xuống là đối chiếu riêng các địa, có hai: Một là dùng cuối tháng, giữa tháng (hối vọng) đối chiếu Diệu Giác, trăng giữa tháng để dụ cho lý thể - trí đức của Diệu Giác cả hai đều tròn đầy cùng cực, cho nên lại nói là Bất sanh; trăng cuối tháng dụ cho Diệu giác chỉ phần đầu tương ưng mà cả hai trí đều rốt ráo tận cùng, cho nên lại nói là Bất diệt. Từ "Ba ngày đầu tháng v.v..." trở xuống dựa theo khai hợp đối chiếu các địa. Hợp trước khai sau, cho nên đối chiếu mười lăm bốn mươi hai, ba ngày đầu trong này tức là có tối - sáng hai lần ba ngày đầu, cho đến mười lăm cũng giống như vậy. Từ "vua cõi người v.v..." trở xuống ví dụ về các Bát-nhã, chỉ nói về nhân vị cho nên đối chiếu mười bốn với bốn mươi mốt địa, trong từng địa một có đủ ba Bát-nhã. Từ "Như đây v.v..." trở xuống kết thúc Tăng thật sự lập nên tất cả nhân quả. Nếu hòa hợp với lý Trung đạo, thì chắc chắn hòa hợp cùng với sự của ba giáo, vậy thì quyền thật y cứ vào quả đều do Trung đạo, chính là phá trừ bốn đế Tam bảo tiệm đốn, có hai: Đầu tiên nêu ra được trước mất sau, Tam bảo bốn giáo và bốn thứ bốn đế, chỉ dựa vào hai loại Trung đạo mà thành lập. Tạng - Thông dựa vào xa lìa đoạn - thường Trung đạo Biệt - Viên dựa vào Phật tánh Trung đạo, tất cả có ngay trong - xa lìa cho nên thành bốn giáo. Ngoại

đạo chấp đoạn - thường đều mê mờ hai chấp này, cho nên mất đi bốn đế Tam bảo của bốn giáo. Ba giáo được mất tại văn có thể thấy. Từ "Truyền truyền v.v..." trở xuống là nói trước nhiều sau ít. Hai là dùng quyền bày thật, có hai: Đầu tiên là dựa theo Viên giáo giải thích phế bỏ tiệm để hỏi. Hai là dựa theo quyền có thể hiển bày thật để trả lời, có hai: Đầu tiên bày ra Tiệm hiển bày Viên, có hai: Thứ nhất dùng quán thí dụ giáo, quán đã theo thứ lớp hiển bày đối với không thứ lớp, giáo cũng dùng ba hiển bày một viên, lợi căn có thể trực tiếp bàn luận, độn căn nên từng bước hiển bày, nay hoặc bốn nói lợi, độn không bỏ sót. Từ "Nếu không v.v..." trở xuống lấy ba hiển bày Viên, có hai: Đầu tiên nêu ra thành lập ba ý. Từ "Tuy nói v.v..." trở xuống dẫn ra văn chứng minh để giải thích. Trong các pháp sâu khác: Tạng - Thông là pháp khác mà không sâu, Viên giáo sâu sắc mà không khác, Biệt giáo cũng khác cũng sâu sắc, cho nên đem pháp chỉ riêng khác cho đến cả hai cũng giúp hiển bày chỉ riêng, sâu sắc. Lộng dẫn: Dẫn khứ thanh, nghĩa là trước kia quanh co sẽ có lối dẫn ra. Nói khai "không" pháp đạo: Nghĩa là ba giáo trước là mở đường thông đến pháp đạo "không" của Viên giáo. Từ "Nếu nhập v.v..." trở xuống là thu quyền về thật, có hai: Đầu tiên phế bỏ ba lập nên Viên giáo. Trước là vì thật lập bày quyền, nay nói về bỏ quyền lập nên thật, pháp ba đời mười phương đều như vậy. Từ "Lại nữa v.v..." trở xuống là quên dứt nói năng, khế hợp lý. Nương ngôn ngữ hiển bày lý - từ thiên đi vào Viên, quyền sai thật đúng. Sợ rằng sai ý thì đúng sai không dứt, cho nên dùng cặp phi bặt dứt nghĩ bàn đó. Quyền đã không sanh thì thật cũng không sanh, do đó hai không sanh khởi rõ ràng đối với diệu khế. Nên biết đây lập nên chẳng phải quyền chẳng phải thật này, chỉ loại bỏ đối với tình của chấp trước ngôn ngữ, các lý khế ngộ đó đường lối không hề khác nhau, chớ cho rằng lý cả hai chẳng phải vượt qua một thật, hai quán tâm nói về hai loại quán.

Hỏi: Trên trình bày các giáo chẳng qua là đối cảnh lập ra so với quán môn, huống chi lại dựa theo cảnh quán của Viên giáo đều là diệu, tại vì sao đến đây lại nói về quán tâm?

Đáp: Trên vì giải thích tên gọi Quán Thế Âm, cho nên dựa theo bốn giáo trình bày đối với quán pháp, đã là Quán Thế Âm, thì chính là dùng chúng sanh khác mà làm cảnh quán. Tâm - Phật - chúng sanh tuy không sai khác, mà cảnh của chúng sanh - Phật cao rộng khó quán sát, nếu dựa vào cảnh của tâm gần kề mà dễ dàng soi chiếu. Tức là đương cơ thời Phật tại thế thuận theo nghe mà ngộ nhập, cảnh không có xa gần. Sau khi Phật diệt độ người sơ học tu quán đòi hỏi phải tập luyện

khó thuận theo dễ, cho nên nay các bộ dựa theo giáo giải thích Trung đạo, dù cho bản thân sáng tỏ về quán, mà sau cần phải lại lập nên một khoa quán tâm. Lại nữa, chúng sanh khác không ra khỏi tâm tánh, nếu quán sát tự tâm, thì có thể thấy rõ chúng sanh trong mười pháp giới, cho nên biết trước quán tâm thành tựu thì dựa vào giáo quán sát Thế Âm. Nay chỉ ra quán tâm ý đó sơ lược như vậy. Trước là nêu lên. Kế là từ "Nói về tâm v.v..." trở xuống là chỉ ra, có hai: Đầu tiên dựa theo nguồn tâm vốn không có cảnh quán, có hai: Thứ nhất là nói vốn không có tâm cảnh, có hai: Một là nói về tánh dứt trăm phi. Nguồn tâm vốn tịnh v.v... ấy là chỉ có tâm hiện tiền đương xứ tức trung, gọi đó là nguồn, xa lìa tất cả các tướng gọi là vốn tịnh. Từ "Vô vi v.v..." trở xuống là bày ra tướng đã xa lìa, đã là như vậy thì làm sao lập nên tâm cảnh? Từ "Tuy là v.v..." trở xuống là nói tâm chẳng phải là bốn vận dụng, hãy còn không thể dùng tri giác mà cầu, chẳng lẽ có thể dùng sanh diệt mà đạt được hay sao? Thế nên không thể lập tâm làm cảnh. Từ "Đâu có thể v.v..." trở xuống là nói đừng sắp bày pháp quán, có ba: Một là pháp - tâm cảnh vốn không có thì quán hướng về đâu mà lập ra. Từ "Cũng như v.v..." trở xuống là dụ, không thể so sánh gượng gạo dựa vào hư không. Ba là từ đây trở xuống kết hợp. Từ "Có nhân duyên v.v..." trở xuống do duyên cảm cần phải lập nên quán tâm có hai: Một là do duyên lập tâm - có mười nhân duyên để tu chứng: Trong không năng sở lập nên cảnh sở quán. Từ "Đã có v.v..." trở xuống căn cứ vào tâm lập nên quán, có hai: Đầu tiên sơ lược lập nên, có ba: Một là pháp. Hai là dụ. ba là hợp. Từ "Nếu thực hiện v.v..." trở xuống là đích thực nêu ra, có hai: Đầu tiên nêu ta Tiệm quán, tuy trình bày hai quán mà hai ý thuộc về Viên giáo, cho nên quán thứ lớp sơ lược chỉ ra mà thôi. Từ "Nếu quán v.v..." trở xuống nêu ra đốn quán, có hai: Đầu tiên trình bày toàn tánh thành tu, có hai: Trước tiên dựa vào pháp thẳng thắn trình bày, có hai: Thứ nhất nêu ra, có hai: Một là đối với một niệm quán tánh ba nhân ba đế chính là chánh nhân, ba quán tức là liễu nhân, tất cả các pháp tức là duyên nhân, có đủ chánh nhân của duyên liễu gọi là ba đế, có đủ liễu nhân của chánh duyên gọi là ba quán, có đủ duyên nhân của chánh liễu gọi là tất cả các pháp. Vì thế Đại kinh nói: "Pháp thân cũng chẳng phải, Bát-nhã cũng chẳng phải, giải thoát cũng chẳng phải. Ba pháp này đưa ra một tức là ba - ba tức là một, chẳng phải dọc chẳng phải ngang cùng ở tại một niệm. Từ "Mười pháp v.v..." trở xuống là quán xét ngàn pháp đều có ba đế, bởi vì ngàn pháp đó đều là nhân duyên sanh, cho nên hướng đến đưa ra một tánh tướng không thể đạt được nên Không, duyên khởi

rõ ràng nên Giả, tánh tuyệt dứt đối đãi nên Trung, một pháp đã vậy thì ngàn pháp đều như thế. Người học cần phải biết rằng ngàn loại ba đế chỉ có một ba đế, nói ngàn chẳng phân tán nói một chẳng hợp lại. Bởi vì viên dung cho nên ngàn pháp đều được ba đế toàn phần. Bởi lẽ do Thể của ba đế là ba đức, gọi là Bí mật tạng, tất cả các pháp không ra ngoài Tạng này, toàn thể tạng này hòa nhập khắp cả các pháp, như vàng thật ở thế gian có đủ sắc màu chói lọi, có đủ năng lực chuyển biến - có đủ tánh chẳng thể thay đổi. Nếu trở thành sư tử, thì toàn bộ lấy các sắc làm đầu làm đuôi làm thành ngực - lưng - bốn chân - răng - móng và các lông, há có một nơi không có đủ ba loại các sắc chăng? Ba loại này há có thể tạm thời phân cách ư? Đạt được ý dụ này thì đối với ngàn loại ba đế, không khởi lên suy nghĩ một - nhiều của hợp lại hay phân tán. Hơn nữa, ngàn pháp này tạm thời chung sơ lược mà nói, rộng ra thì ba ngàn đều nhất nhất ba đế. Vì thế Kinh Khê nói: "Ba ngàn tức là liễu nhân tánh không, ba ngàn tức là duyên nhân tánh giả, ba ngàn chính là chánh nhân tánh trung". Tâm pháp đã như vậy, thì ba ngàn chúng sanh - ba ngàn chư Phật đồng nhất bí tạng, vì thế cho nên mỗi mỗi đều đầy đủ ba đế. Những pháp môn này cùng ở nơi một niệm. Từ "Đây tức v. v..." trở xuống là kết luận. Ngay nơi quán không thứ lớp ấy là, cảnh không thể nghĩ bàn thì cảnh tức là quán, nếu cảnh tự nó là cảnh thì lại khởi lên quán trí, để soi chiếu cảnh này. Đây chính là biệt tu không phải hành tánh đức, cho nên chỉ quán mười thừa là quán sát biệt tướng, ba ngàn Không - Giả - Trung là quán sát tổng thể. Lấy đây làm diệu cảnh, lấy đây để phát tâm, lấy đây an tâm đó, lấy đây có thể phá bỏ khắp nơi, lấy đây thông suốt cửa ải mê đắm, lấy đây điều hòa đạo phẩm, lấy đây hợp lại trợ đạo. Dựa vào đây nói về thứ lớp địa vị, lấy đây chịu đựng duyên khác, lấy đây xa lìa tương tợ ái, ngoài đây ra không có hạnh - ngoài đây ra không có quả, bởi vì lấy lý của đế làm diệu hành, cho nên sau khi chỉ ra ngàn loại ba đế, thì nói rằng đây chính là không thứ lớp quán. Từ "Hoa nghiêm v.v..." trở xuống là dựa vào kinh đích thực nêu ra, có hai: Đầu tiên dẫn ra kinh nêu ra quán, có hai: Thứ nhất trình bày tâm tạo ra tất cả. Mười loại thế gian đều trú nơi chân pháp, chân pháp vô ngại cho nên mười lại dung thông lẫn nhau, dung thông cho nên trăm cõi giới ngàn pháp đầy đủ. Lý này đầy đủ đã có nghĩa tạo, do lý tạo cho nên mới có sự tạo, vì thế một lời tâm tạo chính là hai tạo vậy. Từ "Nếu quán v.v..." trở xuống là quán tất cả đều là ba. Lý tạo sự tạo đều nói về tất cả, sơ lược thì ngàn pháp, mở rộng thì ba ngàn. Nếu quán tâm không thì lý sự ba ngàn không có gì không thể không, quán tâm Giả - Trung thì

lý sự ba ngàn không có gì không là Giả - Trung. Đã ba ngàn không thì không tức là ba quán, cả ba đều thường phá bỏ cho nên chung nói là không. Quán ba ngàn Giả thì Giả tức là ba quán, bởi vì đều lập ra cho nên toàn bộ nói là giả. Quán ba ngàn Trung thì Trung tức là ba quán, bởi vì đều tuyệt đãi cho nên chung quy nói là Trung. Đây chính là ba đức - ba đế - ba ngàn vậy. Từ "Như thế.." trở xuống là kết luận pháp quy về tâm. Từ "Nếu có thể v.v..." trở xuống chỉ ra Tu-là Phật, có hai: Đầu tiên mở rộng dẫn ra văn kinh, có hai: Trước tiên dẫn chứng ngang nhau với Phật, có ba: Một là dựa theo Đại kinh quán sát duyên được Phật. Mười như tức là mười hai nhân duyên, nay quán ngay nơi tánh cho nên thấy ba ngàn tức Không - Giả - Trung, gọi là thượng thượng trí, sơ tâm tu như đây tức gọi là được Phật. Hai là dẫn Kinh Tịnh danh quán các thân Phật, quán cảnh tuy khác mà thật tướng há khác nhau, do đó có thể quán quả Phật ấy từ những thân tâm. Ba là dẫn ra tâm - Phật không sai khác trong Hoa Nghiêm, như trước đích thực đã nói. Từ "Nếu làm..." trở xuống dựa theo kinh khen ngợi quán, có hai: Thứ nhất khen ngợi chánh quán, quán khác so với đây đều biết thiên lệch, Ca diếp chưa nghe trở về trước đều là tà kiến. Từ "Liền khai v.v..." trở xuống khen ngợi là Phật, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Nay tông phái giải thích bốn cách: Một - Đầy đủ bốn địa vị Trú - Hạnh - Hướng - Địa. Hai - Đầy đủ bốn trí gọi là đạo tuệ tức là rốt ráo không, hai là đạo chủng tuệ chẳng thể nghĩ bàn Giả, ba là Nhất-thiết-trí song già Trung đạo, bốn là nhất thiết chủng trí song chiếu Trung đạo. Ba. Đầy đủ bốn môn, tức là Không, Hữu môn bất tư nghì cả hai phi và cùng. Bốn: Bốn quán viên mãn tức là ba quán đều không, ba quán đều Giả, tức ba mà một - tức một mà ba, đều như dưới đây đối chiếu khai thị ngộ nhập. Bốn địa vị theo chiều dọc mà luận ba phần còn lại theo chiều ngang mà giải thích, do đó biết khai thị ngộ nhập v.v... thông suốt cạn thông suốt sâu. Chỗ ngồi - nhà ở - y phục (tòa- thất - y) cả ba đều gọi là Như-lai ấy, bởi vì sử dụng quả pháp để hành vậy. Địa vị tuy cao thấp mà cảnh quán không thể khác nhau, vì thế cho nên bốn oai nghi đều cần phải xây dựng tháp. Từ "Như đây v.v..." trở xuống là kết thành Phật pháp, không phải vốn trình bày khó vượt qua chín cõi giới. Ba là nói về Phổ Môn, có hai: Một khai chương. Hai. Tùy giải thích, có hai: Đầu tiên theo cách chung nói về môn, có hai: Thứ nhất liệt ra. Hai là giải thích, có sáu: đầu tiên sơ lược liệt ra tên gọi về Môn, có ba: Một từ "Liệt kê môn v.v..." trở xuống tất cả dựa theo dụ biểu hiện. Hai từ "Phàm phu thấp kém v.v..." trở xuống tách biệt dựa theo pháp nêu ra, có hai: Đầu

tiên là thế gian, có hai: Một là nêu ra các môn. Ngoại đạo chỉ riêng thế gian cho nên thông đến hoặc khổ, hoặc tức là Tập. Ái trước vào thường lạc ngã tịnh của ba cõi, cho nên nói là bốn Đảo. Kiến hoặc tuy nhiều, mà không ra ngoài có - không cho đến một - khác, tất cả chấp vào bốn câu. Từ "Thiện ác v.v..." trở xuống tóm lại nói đều trở về sanh tử. Hai từ "Nếu đem v.v..." trở xuống là Phật pháp môn, có hai: Đầu tiên nêu ta tất cả năng sở của bốn giáo, thông suốt chân hàm chứa Trung đạo, độn căn đi vào hóa thành thấy không là chân, lợi căn thấu đạt thường trú thấy Trung là chân. Hai từ "Đây thì v.v..." trở xuống trình bày bốn thứ có, đối với giáo quán. Đại Bổn Huyền nói: "Nếu đối với một giáo dùng bốn câu diễn lý, tức là bốn môn, bốn - bốn hợp lại là mười sáu môn. Nếu lấy hạnh làm Môn, thì vâng theo giáo tu quán nhờ suy tư được hội nhập, tức là lấy hạnh làm Môn. Dựa vào giáo phát chân thì lấy giáo làm Môn. Nếu lần đầu nghe giáo như ngựa nhanh nhìn thấy bóng roi, lập tức đi vào đường thẳng; không cần phải tu quán như dựa vào ánh sáng điện liền được thấy đạo, không cần giáo nữa. Hoàn toàn là xưa kia thiện căn luyện tập đã thành thục, nay ở tại giáo môn đạt được đạo gọi là Tín hành, ở tại quán môn đạt được đạo gọi là Pháp hành. Từ "Năng thông v.v..." trở xuống rộng rãi chỉ ra Đại bổn.

Từ "Hai là chỉ cho tướng Môn v.v..." trở xuống là nêu ra tướng Môn, có bốn: Một là Tam tạng: Tục đã thật có thì "không tức" là chân đế, cho nên ở tại Tục đế nói về bốn thứ môn. Bởi vì thông suốt đối với lý, giả nhân không thể đạt được bốn môn này như nhau, chỉ dựa vào năm ấm phân biệt bốn tướng. Thật pháp vô thường là quán hữu môn, ba giả phù hư là quán không môn. Hai môn cùng sử dụng thong dong mà tu, là cũng hai môn quán. Xa lìa tướng không, có bặt ngôn ngữ mà tu, là song phi môn quán. Tùy theo thành tựu bất cứ một quán nào đều được thông hiểu chân. Hai là Thông giáo: Hai đế tức nhau bốn môn không tranh cãi, hoặc quán huyễn có hoặc quán huyễn không, hoặc quán cả cặp còn hoặc quán cả cặp mất, chỉ tùy theo căn tánh, dựa vào một môn tu đều được đi vào đạo. Ba là Biệt giáo: Nói là quán Phật tánh ấy, tin tâm phân biệt là căn bản - thể giác tánh là ba đế, căn chậm lụt không biết tánh có chín loại, dẫn đến khiến cho thể của ba đế không hòa hợp tiếp xúc, tùy vâng theo bắt cứ một môn nào mà tu quán pháp. Người vâng theo hữu môn, quán tánh bổn giác là chân thiện diệu hữu, như tìm bình lọ bồn chậu bị bóng đêm che lấp, không thể hiện rõ. Mười dụ về Phật tạng đều là ý môn này. Người vâng theo không môn, quán xét bổn giác rốt ráo không, vô tướng có thể đạt được. Vì ngã chấp ấy mà không

được nhìn thấy, như cái không của thành Ca-tỳ-la. Thành này vốn là nơi Đức Thích Tôn ra đời, vì sự tàn phá hủy diệt của vua Lưu Ly dòng họ Thích đã không còn mà thành ấp cũng hết không còn, A-nan sầu não, Đức Thế Tôn vui vẻ tự tại. Vì A-nan thưa hỏi, cho nên Đức Phật trả lời rằng: Ông thấy thành Ca-tỳ-la có, Ta thấy thành Ca-tỳ-la là không. Đại Niết-bàn không cũng giống như vậy. Người vâng theo môn cũng là cả hai tức quán tánh bổn giác bất định có hay không, như vàng trong đá người có phước thấy cho nên cũng có, người tội lỗi không thấy cho nên cũng không, có không cả hai chiếu soi có thể chứng nhập. Người bẩm thọ cả hai không phải môn, quán tánh bổn giác chẳng thể có hay không mà suy nghĩ nói ra, bặt dứt ý niệm mà quán mới có thể khéo tỏ ngộ. Bốn là Viên giáo: Chân thiện diệu hữu và rốt ráo không - Cả hai cùng ngăn cùng chiếu - tên gọi há khác với trước ư? Chỉ vì người khác không biết thể của ba đế là ba đức, không dọc không ngang mỗi mỗi có đủ lẫn nhau, dùng ba đế này làm bốn môn. Vì mất ý này, tùy môn đều hiểu rõ gọi là có bốn của bốn. Nay trọn vẹn được ý chỉ, mới đối với bốn môn kia hòa hợp tiếp xúc mà quán, cho nên được gọi là bốn của chẳng bốn. Tuy đặt nên hạnh vị mà đều không thể nghĩ bàn.

Từ “kế luận v.v...” trở xuống là nói về quyền thật. nghiêng về chân là quyền - Trung đạo là thật. Năng thuyên năng quán của hai giáo trước gồm mười sáu Môn, sở thuyên sở chứng chỉ thuộc về thiên chân, cho nên đều là quyền: Giáo đạo năng thuyên năng quán của Biệt giáo đều thứ lớp cho nên là quyền. Thấy lý sở thuyên và địa sở chứng dường như trọn vẹn cho nên là thật. Giáo quán của viên giáo, năng thuyên sở thuyên - năng hành chỗ đến trước sau đều trọn vẹn, cho nên đều là thật.

Từ “kế nói về v.v...” trở xuống là nói về Phổ - bất Phổ, có hai: Đầu tiên phàm tiệm không Phổ, hai là Viên môn là Phổ, có hai: Thứ nhất dựa theo pháp thẳng thấn chỉ ra. Pháp của ba ngàn tức Không - Giả - Trung, chính có thể lấy sở thông mà làm năng thông, ngoài Môn không có lý, năng sở đều mất, nghĩa phổ của diệu môn này thành tựu. Từ “Lại v.v...” trở xuống là dẫn kinh giải thích, có hai: Đầu tiên là các kinh viên môn, có hai: Thứ nhất chỉ riêng bốn môn, có ba: Một. Dựa theo hai kinh cùng hướng nói thuộc về Không, có hai: Đầu tiên dẫn ra Tịnh danh, không chuyên dẫn văn, đã bao gồm giải thích nghĩa. Văn kinh đó nói: “Bồ-tát Thiện ý nói: Sanh tử Niết-bàn là hai, nếu thấy tánh sanh tử thì không có sanh tử, không trói buộc không cởi ra không rõ ràng không diệt mất. Người hiểu rõ ràng đúng là đi vào pháp môn không hai”. Sở

kia giải thích rằng: "Sanh tử là trói buộc như vậy, Niết-bàn là cởi bỏ là diệt mất là hai loại. Nay quán tánh sanh tử vốn có thường tịch, vốn tự không trói buộc mà sao nói về cởi thoát? Lại cũng không rõ ràng chẳng lẽ thuận theo diệt hay sao? Đã không rõ ràng, không còn có hai thứ ấy, đây là đi vào phàp Môn Không hai.

Hỏi: Kinh sớ chỉ lấy một của Trung đạo, không ở tại hai của trói buộc - cởi thoát, rõ ràng diệt đi, nay văn vì sao lại thêm vào chẳng phải một?

Đáp: Vốn nói là Trung, thể bặt dứt đối đãi. Nếu chắc chắn là một nhất định phải đối đãi hai, người khéo nói về Trung thì phải quên Trung. Cho nên, kinh Mạt Đà Ma chính là giải thích Trung đạo, mà bởi vì quên Trung nên gọi là Trung đạo. Vì thế tự chú thích: "Mạt ấy nghĩa là đừng, chớ, chẳng, không. Đà Ma nghĩa là Trung. Tức là đừng chấp trước Trung đạo". Lại nữa, nay văn lấy kinh ấy, Thiện ý đã bàn luận không hai, để kiến lập viên Không giải thích nghĩa Phổ Môn. Nếu đối với ba đế dứt trừ không hết, chẳng phải là rốt ráo Không, thì đâu thành tựu phổ ư? Cho nên biết bốn thứ dựa vào nghĩa sâu sắc cuả Trung đạo đế, phá dụng tự do, không thể chấp văn khó về diệu giải. Từ "Vì sao v.v..." trở xuống giải thích nghĩa kinh, có hai: Một là căn cứ vào bổn kinh giải thích. Nếu chân không hai thì chắc chắn không còn một; cũng gọi là chẳng có, chẳng không ấy là viên giáo Trung đạo. Trung đạo này có thể phá bỏ hai giáo Tạng - Thông chỉ có Tục chỉ có chân. Vì thế nói chẳng có phá trừ Giả, chẳng không phá trừ Không. Lại phá bỏ Biệt giáo phức Tục mà đơn chân, cho nên nói chẳng phá trừ hai - chẳng không phá trừ một. Bởi lẽ ba giáo trước đều lấy hai đế làm ràng buộc - cởi bỏ. Trung đạo Viên giáo thường có đủ ba loại hai đế,có đủ cho nên hòa hợp tiếp xúc, chính lấy ngay hòa hợp tiếp xúc phá trừ không hòa hợp, khiến cho thành tựu không hai. Từ "Nếu vậy v.v..." trở xuống là nói thường hòa hợp cũng dứt trừ, tuy nói Trung đạo Viên giáo mà còn thì thành ra đối đãi. Từ "Đại kinh v.v..." trở xuống ví dụ Niết-bàn để giải thích. Trong kinh Tịnh danh thì sanh tử và Niết-bàn không hai, trong Đại Kinh thì vô minh và minh không hai, hai bỏ đi một cũng mất, nghĩa hai kinh phù hợp. Hai bên và Trung đạo đều đã dứt trừ, gọi là Rốt ráo không. Đây chính là dựa theo Không để nói về Phổ môn. Từ "ba mươi v.v..." trở xuống là tìm Môn Tịnh danh, môn có đủ bốn thứ, chia làm hai: Một. Nêu ra một phẩm các Môn, ba mươi mốt vị Bồ-tát như Diệu Đức - Tịnh Danh, hoặc nói hoặc nín chẳng có gì chẳng phải thật tướng, đương Thể là Môn. Nếu dựa vào văn hiện tại tăng thêm điểm mạnh mà nói, có thể phân chia đối

chiếu bốn môn các không, cho đến Tạng thứ năm không thể nói, đều gọi là Không hai chẳng có gì không phải Phổ Môn. Hai từ "Xét kỹ..." trở xuống nêu ra nghĩa đầy đủ tất cả bốn. Đại sư khéo hiểu rõ hết ý mà cùng cực, thấy mỗi một môn đầy đủ nghĩa bốn môn, như trước đã dẫn sanh tử Niết-bàn. Hai đã tức là Trung - Trung cũng tức là hai, Trung tức là sanh tử gọi là Môn Diệu Hữu, Trung tức là Niết-bàn gọi là Môn Diệu Không, hai tức là Trung đạo - Trung đạo tất nhiên ngăn dứt và soi chiếu, cặp soi chiếu là Môn thứ ba, cặp ngăn dứt tức là Môn thứ tư. Tuy ở tại một môn dựa theo nghĩa mở ra bốn, mà bốn thứ này thảy đều gồm thâu pháp rộng khắp, đều được gọi là Phổ. Còn lại ba mươi Môn đã đều dung hợp hai, mà quy về Không hai đều bốn thứ rõ ràng như thế. Văn thù dùng ngôn ngữ biểu hiện cho vô ngôn, Tịnh danh dùng im lặng làm sáng tỏ vô nói, bởi lẽ chỉ ra Thể của ba đế là bí tạng vốn tuyệt dứt nói năng giải thích. Đã nêu ra ba đế há chẳng phải bốn môn hay sao? Lại do trước ba mươi mốt vị Bồ-tát, đều từ vô nói biểu hiện rõ ràng bốn môn, từng môn nhiệm màu dứt không thể nói suy, cơ duyên đạt được ý tùy theo những điều đã nghe đó, quên cả danh ngôn mà chứng. Người không được ý đó còn cho rằng có nói, không khế hợp vô sanh. Vì thế hai vị Đại sĩ dùng nói, nín để, hiển bày cái gọi là bốn môn xa lìa sự nói năng, thì khiến cho những cơ duyên của bốn môn kia, đều ở tại Môn đó quên mất ngôn nói mà hướng về lý. Phải hiểu rõ vô nói mang đến cơ duyên bốn môn, công lao đó lớn nhất. Do đó các vị Bồ-tát tuy đều dấy lên lời nói mà không bàn luận một chữ. Tịnh Danh ngậm miệng nói rộng về bốn môn, thế thì lúc nói thường im lặng - lúc im lặng thường nói. Nếu không như vậy, tại vì sao nêu ra đủ ba mươi ba môn, mà nói đều có nghĩa bốn môn? Chẳng phải Triền Đà-la-ni (Tổng trì) thì không cùng tận ý chỉ này, và nói tỉ mỉ tường tận đến mức rất sâu sắc đó. Từ "Triệu sư v.v..." trở xuống dựa vào các kinh phân văn đối chiếu bốn, ba mươi ba môn - mỗi một môn có đủ bốn, nghĩa tuy thành tựu, mà văn lại sâu kín.vì muốn làm cho tất cả đều biết, nên hiển rõ văn chỉ ra tướng bốn môn, Triệu Sư chú thích kinh Tịnh Danh rằng: Các vị Bồ-tát nhiều lần nói về pháp tướng Văn thù nói ở vô ngôn: "Sơn Gia (tông phái Thiên Thai) theo đúng Triệu sư xếp vào hai môn. Kinh Tư Ích thì tất cả tức tà tức chánh, tà là tục Hữu - Chánh là chân Không. Kinh Hoa Nghiêm thì tâm đi lại khắp nơi vào trong pháp giới, há chẳng phải Diệu hữu? Lập tức thấu suốt như không há chẳng phải Diệu không? Do đó hai kinh này đều là môn cả hai cũng dùng Tịnh Danh ngăn lại ngôn nói, biểu hiện các pháp đều chẳng phải hai biên, chỉ ra Môn thứ tư văn đó

rất rõ rệt. Vậy thì các kinh dựa vào lý tròn đầy chân thật mở ra cái gọi là bốn môn, sâu mà lại rộng đều là Phổ Môn. Từ "Đại phẩm v.v..." trở xuống tất cả nói về Phổ Môn. Đại phẩm - Pháp Hoa có ba câu nói về Môn, tuy không tách biệt thuộc về số của bốn môn, mà khắp nơi gồm thâu pháp đều là Phổ Môn. Bốn mươi hai chữ - từng chữ đều có đủ ba loại Bát-nhã, chẳng phải dọc chẳng phải ngang mà cao mà rộng, cho nên công đức các chữ thường thâu nhiếp nhau. Trí Môn hay Nhất Môn đều thông suốt thật lý. Nhỏ hẹp khó đi vào nghĩa đó tác thành lẫn nhau, khó đi vào bởi vì hẹp - hẹp cho nên khó đi vào, hơn bốn mươi năm điều phục cơ duyên mới nói ra. Môn này rất mầu nhiệm bảy phương tiện chẳng hề hiểu chẳng thể vào được. Đây chính là rất rộng mà được gọi là hẹp. Từ "Các kinh v.v..." trở xuống là kết luận môn gọi là Phổ. Kinh này mở ra quyền khác hẳn với các bộ, biểu hiện rõ ràng thật lý so với Viên xưa kia như nhau, cho nên cùng với các kinh là nói về Phổ Môn. Bốn tùy, và Quán tâm cùng ở tại Đại Bổn thứ tám giải thích về Thể Trung đạo rõ ràng. Nghĩa là tùy theo căn cơ kia nhiều loại sai khác, đi đến mong muốn - đi đến thích nghi - đi đến đối trị - đi đến giác ngộ, do đó bốn môn khác nhau để nói. Quán tâm: nếu lấy giáo làm môn, tức là hướng về bốn môn tùy theo môn được ngộ, không cần phải tu quán, gọi là người Tín Hành. Nếu nghe mà không ngộ, nên cần phải tu quán, gọi là người Pháp Hành. Bốn giáo bốn môn đều có mười pháp quán, người học nên tìm hiểu. Hai là giải thích riêng về Phổ Môn, có hai: Một là Nêu lên. Hai là từ "Chí lý v.v..." trở xuống là giải thích, có sáu: Một là nói về Trung thích hợp, hai là nêu mười chương. Từ ở "trên đã trải qua v.v..." trở xuống là giải thích khác Thông. Mười cặp Thông giải thích đã dùng mười đơn độc giải thích người Quán Âm , tức là dùng mười đơn lẻ giải thích pháp Phổ Môn, cho nên nói cách chung đã dựa theo pháp hoàn tất. Mười Môn nay ở trong hai Nghiêm, chính là phước đức nói về nhân quả tự - tha trang nghiêm pháp thân. Như vậy là hành của tánh đức, trở lại nghiêm đối với tánh năng sở vốn mất, tức là chẳng phải trang nghiêm mà trang nghiêm. Bốn là phân biệt tướng. Năm là sanh khởi chung, có bảy: Một là Từ bi. tâm Bồ-đề tiểu trí không có thể phát khởi, tâm do niệm rộng rãi cứu giúp, mà phát khởi tâm vô thượng. Hai. Thệ nguyện. Theo giải thích chung từ bi tức là thệ nguyện, không chia làm hai môn. Nay nói hoằng thệ thường hạn định từ bi. Công lực đã khác nhau cho nên cần phải thành lập riêng. Lại từ bi thông thường nói về ban cho và dứt trừ, thệ nguyện dựa vào bốn đế khác nhau nêu ra hạn kỳ yêu cầu. Lại Từ có ở cả phàm phu và tiểu thừa còn thệ chỉ có ở Bồ-

tát. Ba là tu hành. Phước đức, tài của tức là bốn độ trước. Thần thông lực tức là công dụng của thiền định. Trí tuệ chính là Bát-nhã. Bốn. là dứt hoặc, có ba: Một là dẫn ra hai luận, hai là nói về ba đường, tu hành dứt hoặc và đi vào pháp môn. Ba môn này có khai triển có hợp lại, nếu theo luận Thành thật thù dứt tức là giải thoát, đối với vô ngại chỉ lập hai đạo; nếu dựa vào Tỳ-đàm thì đoạn chứng không như nhau đối với phương tiện trở thành ba đạo. Ba từ "Dẫn thích v.v..." trở xuống là dựa vào Thích Luận sử dụng ba đường. Bồ-tát có đoạn cho nên hành đạo vô ngại, quả Phật không đoạn cho nên hành đạo giải thoát. Đã phân chia nhân quả thì không thể hợp lại nói, do đó sử dụng Tỳ-Đàm lấy ba đường làm kế tiếp. Vì thế nay nêu ra chương mục thứ ba Tu hành tức là đạo phương tiện, thứ tư dứt hoặc tức là đạo vô ngại, thứ năm Nhập Pháp môn tức là đạo giải thoát. Năm là Thần Thông. Từ thứ nhất đến thứ năm chính là tự thực hành từ nhân đến quả. Nay nói về Hóa tha không ra ngoài ba bí mật, thứ sáu thần thông tức tương đương thân mật, thứ bảy Phương tiện tức là ý mật, thứ tám Nói pháp tức là miệng mật. Sáu là Cúng Phật. Kết hợp pháp cúng dường với tự hành. Bảy là Độ sanh. Nói đi vào các pháp môn ấy là, dùng Trung đạo thật trí, đi vào quyền môn của hai đế, hóa độ chúng sanh cùng nhau quy về Trung đạo. Sáu là tùy theo chương để giải thích, có hai: đầu tiên là nêu lên. Hai là từ "Bắt đầu từ v.v..." trở xuống là giải thích, có ba: Thứ nhất tạm thời dựa theo mười nghĩa giải thích về Phổ Môn, có mười: Thứ nhất là Từ bi, có hai: Đầu tiên dựa theo thứ lớp ba Từ thông suốt để giải thích, có hai: Một là dựa vào con người để nêu bày ra. Phàm Thánh ba loại Từ bi gồm thâu tất cả, phẩm Phạm Hạnh trong Đại kinh quyển mười bốn chép nói: "Từ có ba thứ: Một là duyên chúng sanh, hai là duyên vào pháp, ba là vô duyên. Chúng sanh duyên: Duyên với tất cả chúng sanh như cha mẹ thân thiết nghĩ nhớ. Pháp duyên: Thấy tất cả các pháp đều từ duyên sanh khởi. Vô duyên: Không trụ vào tướng pháp và tướng chúng sanh". Đại luận quyển hai mươi cũng nói: "Từ có ba loại". Ý văn cùng đại thể giống nhau với Niết-bàn trên. Còn luận quyển năm nói về Bi, cũng có ba loại như chúng sanh v.v... Trong Phụ Hạnh nói: "Dùng ba thứ từ bi để đối chiếu ba đế, nghĩa rất rõ ràng".

■

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 4

Từ “Nếu duyên v.v...” trở xuống là y theo pháp mà phân biệt, có hai: Đầu tiên là phân biệt chúng sanh, và pháp không hoàn bị. Thứ lớp chúng sanh, pháp theo hai thứ Từ bi. Hai giáo Tạng - Thông cho đến Biệt trụ hạnh. Nếu chúng sanh duyên cũng gồm phàm phu ngoại đạo, thì có hai sở duyên sao được gọi là Phổ? Hai là từ “Nếu vô duyên v.v...” trở xuống phân định vô duyên mới là Phổ. Thập hồi hướng bên Biệt giáo - sơ tâm bên Viên giáo, tu Từ bi này đến khi nhập vào Địa - Trú, mới có thể phần chứng, giống như gương sáng không lay động mà biểu hiện ra, đá nam châm không ý nghĩ mà hút vật. Từ bi này mới được gọi là Phổ. Từ “Giải thích riêng v.v...” trở xuống dựa theo ba từ của Viên đốn mà giải thích riêng. Ba là từ một niệm không dọc không ngang, cho nên Đại kinh chép: Từ nếu có- không - chẳng có - chẳng không, gọi là Như-lai Tư, có tức là chúng sanh duyên, không tức là pháp duyên, cả hai chẳng phải (song phi) tức là vô duyên thì tâm Phật trọn vẹn đầy đủ. Nay tu Phật từ, cho nên mỗi Từ đều Chẳng thể nghĩ bàn”. Văn chia làm ba: Đầu tiên là chúng sanh duyên từ, có hai: Thứ nhất nêu chung, có hai: Một là Một tâm duyên với một cõi chẳng phải là Phổ. Hai là từ: Nay quán v.v...” trở xuống là một tâm duyên với mười cõi là Phổ, có hai: Đầu tiên là quán chúng sanh, có ba: Thứ nhất là pháp đối với pháp giới ở duyên không rốt ráo chân thật, vì thế nay chúng sanh là khó nghĩ chân của tục, là thật giả của tục cho nên nói là Giả Danh, chẳng phải chỉ có nhân ngã, gọi là Giả Danh. Tánh mười cõi là một nêu ra một tức là mười, cho nên thành trăm cõi. Tất cả đều có tướng - tánh - thể - lực - tác - nhân - duyên - quả - báo gốc ngọn rốt ráo đẳng do đó có ngàn loại, đâu chỉ có ngàn loại thôi? Chúng sanh - Phật tất cả ngàn đều ngầm kín ở tánh. Hai là dụ. ba là hợp. Một tâm phàm phu có đủ mà không nhận biết, một niệm pháp nhãn bậc thánh trọn vẹn biết được khắp nơi. Từ “Biết ngàn loại tánh tướng này v.v...” trở xuống phát khởi Từ bi trọn vẹn. Nghe tên gọi học theo Từ bi của Phật, tức là trong một niệm quán

sát nhân duyên thiện ác - gốc ngọn khổ vui của chúng sanh trăm cõi, mà khởi lên ý nghĩ từ bi ban cho và dứt trừ. Như trong bốn thứ của mười Như ở Đại Bổn giải thích: “Một là bốn đường, hai là người - trời, ba là nhị thừa, bốn là Bồ-tát - Phật. Nếu chia khổ vui ấy ra thì nên xếp bốn đường vào khổ, đường trời và người là vui. Hoặc sáu phàm là khổ - bốn Thánh là lạc. Hoặc chín cõi giới là khổ - Phật quả là vui: “Nay y cứ v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên nói về quán pháp, có hai: Thứ nhất chỉ ra hai cõi đầu tiên và sau cùng. Địa ngục là rất khổ, cõi Phật là tột đỉnh an vui. Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là nói ngàn pháp trong một niệm. Có hai: Đầu tiên là nói địa ngục có đủ chín cõi còn lại, có hai: Thứ nhất trực tiếp là nói thẳng mười pháp của địa ngục, có hai: Một là nói về mười pháp, có mười: Một. Tánh. Hai. Tướng. Ba là Thể, Đại bổn lấy chung phân tách nhỏ sắc tâm làm thể, nay chọn lấy giác ngộ khổ đau cho nên chỉ cho tâm. Bốn là “Cho đến..” trở xuống là Lực, có thể chịu đựng đao binh hoả hoạn nhiều kiếp dài lâu không ngớt. Năm - Tác: Đã có thể chịu đựng khổ đau thì tất nhiên tùy ý làm ác. Sáu là Nhân: Ba nghiệp hoạt động thành nhân của thói quen xấu. Bảy là Duyên: Nhờ vào các điều ác ngã và ngã sở mà tất cả phương tiện suy tính giúp thành nghiệp tập. Tám là Quả, nhân tập nghiệp dâm dục đã thành tựu, quả ở khổ cụ thấy là cảnh ham muốn, như xưa nhiễm ái. Chín là Báo, thói quen của quả thuộc về tâm cảnh tùy theo tâm biến đổi, nhân của báo đã lập đầy đủ tức nhận chịu thiêu đốt không sai. Mười là Bổn mạt, Đại bổn lấy tướng đầu tiên - báo sau cùng làm gốc ngọn, thì tu tánh đều như vậy. Nay muốn sáng tỏ đối với lý - sự không hai, cho nên lấy tu - tánh mà làm gốc ngọn, toàn tu thuộc về tánh - toàn tánh trở thành tu, mới được gọi là bậc rốt ráo. Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là nói chín cõi còn lại cũng như vậy. Nếu chẳng phải mười pháp thì không thành tựu một cõi. Từ “Cõi tương đương v.v...” trở xuống là nói đầy đủ chín cõi, mười pháp, có hai: Thứ nhất dựa theo Phật pháp khó có đủ để hỏi, cõi có pháp phân biệt vì sao nói có đủ lẫn nhau? Phật pháp xa lìa đắm nhiễm lập tức vượt ra ngoài phàm Thánh, vì sao nói địa ngục có đủ mười pháp ấy? Từ “Đáp Đại kinh v.v...” trở xuống nói về tâm phàm tức Phật để trả lời, có hai: Thứ nhất chính thức là nói về địa ngục có đủ mười pháp của Phật, có mười: Một là Phật tánh. Vua Tiên Dự đại muốn cảm hóa ngoại đạo, trong mười hai năm cúng dường chúng Bà-la-môn năm trăm vị, sau đó giúp họ quy y tin tưởng Đại Thừa Phương Đẳng. Bọn họ không quy y tin tưởng mà chê bai nói không có. Tiên Dự nghe chê bai bèn giết năm trăm người, năm trăm người rơi vào địa ngục liền

sanh ra ba ý nghĩ, ý nghĩ thứ nhất: Đây là nơi nào, mới biết là địa ngục, ý nghĩ thứ hai, Từ nơi nào đến, mới biết là loài người, ý nghĩ thứ ba: Duyên gì đoạ địa ngục, biết rằng chê bai Phương Đẳng. Nhờ điều ấy hối hận lầm lỗi liền sanh đến cõi nước Phật, rốt ráo được thân Phật. Đây chính là Tiên Dự biết rõ người nơi địa ngục có Phật tánh, giết đi làm cho rơi vào địa ngục phát ra trong ba ý nghĩ. Bà Tẩu trước đây giết sinh vật "cúng tế trời", vì thế đoạ địa ngục ở tại địa ngục giáo hóa chín mươi ức người, từ địa ngục vượt ra đến hội Phương Đẳng. Đức Phật dạy: Bà ấy là tốt, Tẩu ấy là cao, người tốt trên cao há đoạ địa ngục ư? Lại dạy: Bà ấy là kiên cường, Tẩu ấy là mềm mỏng, người kiên cường mềm mỏng há đoạ địa ngục ư? Đây là quyền lực to lớn bày tỏ hiện rõ tướng ác, biểu hiện ở tại địa ngục có Phật tánh vậy. Hai. Phật tướng. Ba. Phật thể, ác tâm phẩm Thượng tức là Trung đạo. Bốn. Phật lực, tánh có đủ công dụng to lớn chính là tám tự tại. Năm. Phật tác, ở đây nói từ vô trú vốn lập nên tất cả các pháp ấy là muốn trình bày thuận theo Tu-làm nên cõi Phật. Nhân quả của chín cõi. Cõi giới đều làm trái căn bản lập nên, chỉ riêng nhân quả của Phật thuận theo căn bản mà thực hiện. Vì tánh bổn giác đầu tiên xa lìa trú trước, tức bổn vô trú. Nếu không thuận theo bổn vô trú mà làm, thì chẳng phải nhân duyên quả báo của cõi Phật. Đây là khéo tu, lúc tu này khởi lên, chợt nhiên có thể thực hiện trí hành tuyệt vời của bảy loại phương tiện do đó dụ cho dây gân sư tử bật đứt dây gân trăm loài thú, giọt sữa của sư tử thay đổi sữa của trăm loài thú. Cần phải biết rằng tâm của địa ngục, vốn có đủ tánh của tu tánh ở cõi Phật, như trong Đại bổn lấy tướng - tánh - thể làm ba loại Phật tánh, từ Lực - Tác trở đi là tu của cõi Phật. Tu - tánh này phàm tâm đều có đủ. Đạt được tác ý này thì hiểu rõ các tu đều thuận theo tánh mà phát khởi. Sáu. Nhân: Tức là lý đã hiển bày thuận theo tu, cho nên nói là chánh nhân. Bảy - Duyên: Tức là thuận theo tu có thể giúp đỡ trí hành, cho nên nói là duyên, liễu. Nhưng nói tánh đức ấy là bởi vì tâm địa ngục vốn có vậy. Tám. Quả. Chín. Báo tức là duyên liễu trước đây đã hạn định hai quả, tâm của địa ngục không có gì không đủ. Mười. Phật bổn mạt rốt ráo v.v... Dựa theo tướng tu - tánh đang giải thích, cùng với địa ngục trước không khác nhau. Từ "Đại kinh v.v..." trở xuống là dùng cõi Phật so sánh mười pháp của cõi giới khác. Tuyết sơn là tâm địa cực ác. Diệu dược độc thảo là hai cõi giới đầu tiên và sau cùng. Phật pháp vượt lên trên hơn hẳn mà địa ngục hãy còn có đủ, há không thể có đủ tám cõi giới còn lại hay sao? Từ "Địa ngục v.v..." trở xuống là chín cõi giới còn lại đều chính là mười cõi giới, địa ngục đầy đủ chín cõi giới đã nói như

trên, chín cõi giới tất cả đều có đủ chín cõi giới còn lại, ý có thể đạt được. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là khởi lên từ bi, có hai: Đầu tiên dựa theo mười cõi giới để giải thích, có ba: Thứ nhất đi sâu vào quán sát cảnh thiện ác: có hai: Một là pháp. Bồ-tát tu từ chỉ ở tại một niệm, quán sát khắp cả mười cõi giới, tu đạt được thiện ác đều chính là tánh có đủ, lấy tánh soi chiếu tu toàn bộ bến bờ thiện ác. Hai từ “Như thấy v.v...” trở xuống là dụ. Từ “Vì quán v.v...” trở xuống là mở rộng vận dụng tâm ban cho và dứt trừ, quán sát bảy pháp nhân duyên ở tại chín cõi giới, cho đến quả báo của hai tử đã sinh ra, đều chính là tánh đức cho nên khởi lên đại bi muốn dứt trừ nỗi khổ đó. Quán sát bảy pháp nhân duyên ở tại cõi Phật, cho đến quả báo của hai đức đã sanh ra, đều chính là tánh đức, cho nên khởi lên đại từ muốn ban cho niềm vui đó. Hỏi. Tánh đức thiện ác cho đến khổ lạc, đều là pháp môn bất sanh bất diệt, nay vì sao ban cho và dứt trừ? Đáp: Bàn nói về sự tuyệt diệu này không thể tùy tiện ý kiến, bởi vì ba thứ này Bồ-tát quán sát ở khổ lạc chỉ gọi là tu thành, cho nên giữ lại công lao của ban cho và dứt trừ, không vận dụng sức lực của vô duyên, vì thế cho nên Từ bi đều không gọi là Phổ. Nay biết rõ khổ lạc đã sanh khởi cho đến nhân duyên thường sinh ra, đều là tánh đức, do đó dứt trừ tất cả nỗi khổ không giảm chút nào, ban cho niềm vui không tăng chút nào, mới đạt được Từ bi rộng mở phổ biến vô lượng đời kiếp quên vất vả. Chúng sanh duyên này cùng với vô duyên đó không hai không khác nhau. Ba từ “Mười pháp giới này v.v...” trở xuống là kết thành Từ Bi Phổ. Từ “Hỏi: Cõi địa ngục v.v...” trở xuống là dựa vào địa ngục để phân biệt, có hai: Đầu tiên dựa theo khổ đau sâu nặng gây trở ngại cho niềm vui để hỏi. Hai là dựa theo thừa cơ thay thế khổ đau để trả lời, có hai: Đầu tiên từ “Đáp chúng v.v...” trở xuống thừa cơ chỉ ra nhân. Lấy ý nghĩ thứ ba nhớ lại biết rõ tội lỗi trước kia chắc chắn có tâm hối hận. Đại bậc Thánh cơ hội hiện thân mình nói pháp, hoặc bí mật báo hiệu phát ra khiến cho tâm thiện khởi lên, tức là nhân của niềm vui. Hoặc lập tức được niềm vui như Bà-la-môn, hoặc về sau được niềm vui như Bà Tẩu đã cảm hóa. Hai từ “Lại Bồ-tát v.v...” trở xuống là thay thế nỗi khổ ban cho niềm vui. Thỉnh Quán Âm nói: “Hoặc đi lại chơi đùa nơi địa ngục khởi đại bi thay thế nhận chịu khổ đau”. Hai là pháp duyên từ chúng sanh duyên trước đây nếu duyên với sáu cõi giới chỉ là sanh tử Tục, không được gọi là Phổ. Nhị thừa quán sát đầy đủ mười cõi giới tức là Chân. Bồ-tát là Tục - Phật là Trung đế. Đã thuộc về một niệm, tức là chẳng phải thứ lớp, huống chi lại hòa hợp lẫn nhau mà thành ra trăm cõi giới, càng biểu hiện rõ một Giả tất cả Giả vậy. Chúng

sanh duyên này sao có thể không Phổ? Nay nói về pháp duyên tức là ở tại cảnh này mà quán sát hướng về không. Nhị thừa không Tục - Bồ-tát không Chân, Phật không hai đế. Đã dựa theo trăm cõi giới chính là một không tất cả không, gọi là rốt ráo không. Đầy đủ mà nói thì ba ngàn chính là không, tên gọi pháp duyên này, sao có thể không Phổ: Đầu tiên nói về quán cảnh, có ba: Thứ nhất sâu sắc quán tánh không, có ba: Một là quán ngàn pháp không. Mười cõi giới chắc chắn là trăm thì tánh - tướng có ngàn, quán sát chỗ này đều không suy cho cùng là vô tướng. Hai từ "Mười pháp v.v..." trở xuống quán sát ba ngàn không. Ngàn pháp ở trên đối với Giả - đối với Thật, cho đến đối với y báo thì trở thành ba ngàn. Ba từ "Vô ngã v.v..." trở xuống quán sát hai Thủ-Không. Vô năng quán ngã - vô ngã sở quán, vô trí vô đắc xa lìa hai tướng Thủ. Hai từ "Như huyễn v.v..." trở xuống nêu lên dụ vốn Không. Không chỉ Tục huyễn mà Chân - Trung cũng huyễn, mới là dụ về pháp duyên của Viên gia. Ba từ "Thường tịch v.v..." trở xuống là dẫn chứng Viên không. Ba ngàn thanh trừ tướng tức là giáo hiện tại suy cho cùng quy về nơi không. Từ "Chúng sanh v.v..." trở xuống là pháp khởi từ bi, có ba: Đầu tiên đích thực chỉ ra từ bi, có hai: Thứ nhất trình bày tướng ban cho và dứt trừ. Sanh tử Niết-bàn vốn không có hai tướng, bởi vì không giác ngộ cho nên chỉ khổ đau không có niềm vui. Từ "Cứu họ v.v..." trở xuống là trình bày pháp thường ban cho và dứt trừ. Tức là dùng ba đế như huyễn Từ bi, dứt trừ và ban cho nỗi khổ niềm vui như huyễn của mười cõi giới. Từ "Tịnh danh v.v..." trở xuống dẫn chứng Chân Thật. Nói ba đế "không" Từ tức là Chân Thật. Từ "Nếu duyên v.v..." trở xuống là kết thành Viên Phổ, có thể hiểu được. Ba là Vô duyên từ: Tên gọi khác của Trung quán. Trung thì tuyệt đãi - có duyên chẳng phải là Trung.

Hỏi: Từ bi cần phải đối với khổ lạc của chúng sanh, nếu không có khổ lạc đó sao có thể ban cho và dứt trừ?

Đáp: Đại thừa đã nói về Đồng thể Từ Bi tâm, Phật chúng sanh cả ba không sai khác, danh tự địa vị Viên học ngay nơi tâm - Phật từ ngay nơi tâm - độ chúng sanh ngay nơi tâm. Chúng sanh đã đồng Thể, khổ lạc ban đầu tánh có đủ, cho nên không có năng duyên sở duyên, cũng không thể dứt trừ - Không thể ban cho. Như vậy Từ bi cùng tận thời gian vị lai, dứt trừ tất cả khổ đau mang lại niềm vui rốt ráo. Bàn luận đầy đủ không riêng gì vô duyên như vậy, chúng sanh pháp cũng như thế, vì sao? Bởi vì chúng sanh duyên Giả danh ba đế đều Giả. Pháp duyên không tịch ba đế đều không, vô duyên chính là Trung ba đế tuyệt đãi, ba từ đều chiếu soi viên dung ba đế, há có thể hai Từ chẳng phải Đồng

Thể ư? Chỉ thuận theo thích hợp với niềm vui cho nên lập ra ba môn. Người thích hợp Thủ môn, cho nên nói về chúng sanh duyên. Người thích hợp Xả môn, cho nên nói về pháp duyên. Người thích nghi không thủ, không xả nên nói vô duyên Giải thích điều này chia làm hai: Đầu tiên dựa theo ba quán nêu ra Từ bi, có hai: Thứ nhất trình bày tướng tu, có hai: Một là dựa theo cả hai đều ngăn nói về quán pháp. Nếu duyên với giả danh của sáu cõi giới, Giả này chắc chắn Giả tức là có sở duyên, ngay nơi duyên mười cõi giới Giả chưa chắc là Giả, vì thế duyên tức là chẳng duyên. Nếu duyên với sáu cõi giới như huyễn thì không này chắc chắn không tức là có sở duyên, đã duyên với mười cõi giới không chưa chắc là không, do đó duyên chính là vô duyên. Vì thế nói không duyên tánh tướng mười cõi giới. Chẳng duyên với chân của mười cõi giới, ngay nơi giới hạn là Trung cho nên ngăn dứt hai bên. Đã là ngay nơi giới hạn lại sao là Trung đạo? Trung - Biên mất dấu vết bất khả tư nghị, miễn cưỡng nói là vô duyên. Từ “Như thế v.v...” trở xuống dựa theo cả hai chiếu (song chiếu) giải thích về Từ bi, có ba: Một là pháp. Tâm không nơi gởi gắm tự tại soi chiếu cả hai, không dứt trừ mà khắp nơi dứt trừ - dứt trừ tất cả khổ đau, không ban cho mà khắp nơi ban cho ban cho niềm vui rốt ráo. Từ “Như từ v.v...” trở xuống là dụ, không có giáo dụ cho vô duyên - tương ưng dụ cho ban cho và dứt trừ. Ba từ “Vô duyên v.v...” trở xuống là hợp. Hai từ “Hành giả v.v...” trở xuống trình bày đi vào địa vị, có hai:

Một là dựa theo địa vị giải thích về có chứng đắc. Nên biết rằng lý tánh có đủ ba loại từ bi, toàn tánh khởi tu trở thành ba quán trí, tuy là sáu địa vị nhưng vô duyên không khác, chắc chắn đang chứng ngộ mới rõ ràng ban cho và dứt trừ. Từ “Bất động v.v...” trở xuống dẫn ra dụ để hiển bày vô duyên. Gương sáng như Thể của Từ, hiện rõ ra hình ảnh tức là ban cho niềm vui, nam châm như công năng của Bi, hút sắt tức là dứt trừ khổ đau. Từ “Tam đế v.v...” trở xuống dựa theo ba đế nói về Phổ Môn. Ba đế gọi là Phổ tức là năng thông. Lại nói thông đến Trung đạo ấy là dựa theo chứng đắc làm sở thông. Lại nữa, tức một mà ba là năng thông, tức ba mà một là sở thông, sở thông bặt dứt đối đãi miễn cưỡng gọi là Trung đạo mà thôi.

Hai là Thệ Nguyện Phổ. Có hai: Một. Giải thích tên gọi. Hai từ “Hoằng thệ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa, có hai: Đầu tiên chung nói về tướng Thệ, có ba: Thứ nhất trình bày công dụng của bốn Thệ. Có hai: Một là chung trình bày Thệ trở thành từ bi. Hai đế khổ tập là nhân quả khổ đau, hai đế đạo diệt là nhân quả vui sướng. Từ “Nếu thấy v.v...”

trở xuống là tách biệt trình bày sự ban cho và dứt trừ của Thệ, có bốn: Một là nguyện cứu độ quả. Khổ đau. Từ "Nếu thấy v.v..." trở xuống là nguyện giải thoát nhân của tập. Ba từ "Thanh tịnh v.v..." trở xuống là nguyện an ổn nơi đạo thanh tịnh. Bốn từ "Diệt phiền v.v..." trở xuống là nguyện đạt được Niết-bàn. Hai từ "Sanh tử v.v..." trở xuống nói về bốn Thệ sắp xếp lần lượt, có hai: Một là tóm tắt nêu ra nhân quả trước sau. Hai nguyện dứt trừ khổ đau dựa theo biết rõ khó dễ, dễ tất nhiên ở trước. Hai là nguyện ban cho, niềm vui là trước tu sau chứng, mà làm thứ lớp. Hai từ "Đại kinh v.v..." trở xuống tách biệt chứng do đạo thu được diệt. Sự khoan lay động dụ cho đạo phẩm, sữa đặc dụ cho thiện hữu lậu, bốn vị như lạc v.v... dụ cho bốn giáo diệt, đạo phẩm không phối hợp điều hòa mất đi thiện phương tiện, so sánh quả của bốn diệt, không nói là sữa đặc và bơ chín ấy là văn lược bớt. Ba là trình bày chung yêu cầu của bốn Thệ, có hai: Một là trình bày bốn đế dựa vào một tâm. Hai loại nhân quả thế và xuất thế gian về sự tương tự chẳng phải một, vốn yêu cầu chung đó không ra ngoài tự tâm, tại vì sao? Bởi vì Tập là bốn tâm - khổ là ba thọ, Đạo là định tuệ - Diệt là chứng trí, há chẳng phải bốn đế đều là một tâm ư? Hai là dùng bốn đế ví như bốn hoằng thệ.

Từ "Tiếp nói rõ v.v..." trở xuống trình bày Phổ Bất Phổ, có hai: Đầu tiên Đại sư dựa theo thiên - viên để phân biệt, có hai: Thứ nhất thiên lệch Thệ không Phổ, có ba: Một là hạng phàm phu chán ghét bậc dưới thấp, lập tức quán sáu hành. Nghĩa là chán ghét khổ đau thô trược ngăn cách dưới thấp bàm víu thắng diệu xuất hiện ở trên, vì thế bốn vô lượng dựa theo đây mà ban cho và dứt trừ, hư nguỵ cạn cợt hẹp hòi sao có Phổ được? Hai là Nhị thừa - Nhị thừa cần phải gồm đủ hai giáo. Không nói hàng Bồ-tát ấy là ban cho và dứt trừ phân chia ngang nhau chỉ ở trong cõi giới, do đó quở trách nhị thừa thấy không Phổ kia. Ba là Biệt giáo - Bởi vì thứ lớp cho nên sơ tâm không Phổ. Hai từ "Nếu viên v.v..." trở xuống là Thệ trọn vẹn thường Phổ, có ba: Một là một niệm soi chiếu đầy đủ trình bày ý Phổ. Khổ tập của mười cõi giới - đạo diệt của bốn giáo, tức là quay về một niệm viên đốn mà quán sát. Từ "Biến tri v.v..." trở xuống là biết khắp cả bốn đế nói về tướng Phổ, có bốn: Đầu tiên Tập Phổ, có ba: Thứ nhất biết Tập của phàm phu Sư Nhiếp Đại thừa - gọi là Hữu vi duyên tập, Thể là kiến ái. Hai từ "Nhị thừa v.v..." trở xuống là biết tập của nhị thừa, có ba: Đầu tiên nêu ra tên gọi của ba Tập. Sư Nhiếp đại thừa - gọi là Vô vi duyên Tập. Thể là vô minh. Hai là Tịnh danh chứng minh. Không nhiễm sanh tử mà nhiễm Niết-bàn. Kết tập ấy là thói quen còn lại của kiết sử. Vì trong Tiểu thừa giáo chưa

nói đến biệt hoặc - chánh sử của Thanh-văn, tạm thời nương nhờ, thói quen khác của Thông hoặc mà nói. Ba là Đại kinh chứng minh. Đạo phẩm của nhị thừa so với Đạo thừa, là tà chẳng phải chánh. Ba từ "Cho đến..." trở xuống là biết đầy đủ Tập. Trước trụ là tương tự ái, trên trụ là chân ái. Cũng là ngang nhau: Tức là Vô vi duyên Tập thông suốt đến Đẳng Giác. Nếu Sư Nhiếp Đại thừa - lập nên bốn thứ duyên Tập trên, hai Tập trước lại thêm tự Thể cho đến pháp giới, ý chính của tông phái hiện nay chỉ lập nên hai loại, bởi vì tự Thể pháp giới không khác vô vi, thảy đều là vô minh trong chướng cho nên nếu dựa theo vô vi phân biệt đưa ra hai loại, thì cũng không sai, tức là lấy Địa thứ mười làm Tự Thể, Đẳng Giác làm pháp giới, mở rộng như trong Tịnh danh Sớ Ký. Hai từ "Biến tri khổ v.v..." trở xuống là Khổ Phổ. Lấy nhân đối chiếu quả thì biết rõ không sai lầm. Ba từ "Biến tri đối v.v..." trở xuống là Đạo Phổ, có hai: Một là biết khắp đạo thiên lệch nên không Phổ. Trời người ví dụ lập nên tên gọi của Đạo - Diệt, đạo không tác động đến hoặc - Diệt không vượt ra cõi giới, có tên gọi mà không có nghĩa. Đạo - Diệt của ba giáo tuy có thể tác động vượt ra, nhưng nghĩa Phổ chẳng thành tựu. Hai từ "Viên giáo v.v..." trở xuống là biết Trung đạo Phổ của Viên giáo. Ba ngàn đều Trung thì gọi là Thật tướng. Không tác động mà chuyển vận mới nói là Đại thừa. Lấy điều này làm nhân cho nên gọi là Phổ Đạo. Bốn từ "Cho nên, sở đắc v.v..." trở xuống là Diệt Phổ. Thật tướng ba ngàn rốt ráo để lộ ra nơi chốn, gọi là Viên Diệt. Kiếp hoả dụ cho Trung trí - để lại tro bụi dụ cho vô minh. Ba từ "Sở quán v.v..." trở xuống dựa vào đế giúp đỡ khắp nơi khởi lên Phổ Thệ.

Từ "Riêng dùng v.v..." trở xuống là Chương An sử dụng tu tánh phân định Bồ-tát khởi thệ. Muốn dứt trừ nghiệp ác của chúng sanh trong mười cõi, muốn phát sanh thiện nghiệp của chúng sanh mười cõi giới. Quán sát thiện ác này nếu chỉ tu thành tựu, người không biết tánh có đủ, thì thệ này không Phổ, vì sao? Vì tánh đã viên dung thì sự nhất định gồm thâu khắp nơi, như người bên Biệt giác không biết tánh có chín, vì thế mười chỉ là mười, người bên Viên giáo biết tánh có chín cho nên mười tức là trăm, đâu chỉ riêng từng cõi một gồm thâu rộng khắp hay sao? Cũng giống tánh - tướng thu nhận lẫn nhau, cho nên có thể Như một mà thu nhận mười cõi, dùng Như thu nhận cõi giới - lấy cõi thu nhận Như, mỗi một không giới hạn chồng chất chẳng tận cùng. Cõi giới Như này không ra ngoài thiện ác, thề dứt trừ ác này thì ác nào không dứt trừ, thề sinh ra thiện này thì thiện sao không sinh ra? Do đó biết quán sát tánh thệ nguyện mới Phổ. Chương An phân biệt riêng dùng nghĩa của Sư,

thành tựu luận nói của Sư khiến cho Thiên - Viên trước đây rõ ràng có thể thấy được, do đó nói lời khác nhau mà không nói là nghĩa sai khác. Hóan ấy là thay chỗ. Dùng tánh mười cõi và bốn đế Viên, thay nhau biểu hiện soi chiếu.

Ba là tu hành Phổ, tức chỉ rõ người hành diệu, là dựa theo năm hạnh của Đại kinh. Ba là Tu Hành Phổ. Chỉ ra hạnh diệu ấy, nơi kia dựa theo trình bày thứ lớp hay không thứ lớp. Tạm thời thứ lớp năm hạnh là: Một. Thánh hạnh, gọi là giới định tuệ. Hai. Phạm hạnh, đó là từ bi hỷ xả. Hai hạnh này đều là hạnh tu nhân của Địa Tiền. Ba. Thiên hạnh, gọi là Sơ Địa trở lên chứng được đệ nhất nghĩa Thiên, Lý của thiên nhiên, do lý thành hạnh cho nên gọi là Thiên hạnh. Bốn là hạnh Anh nhi, gọi là thị hiện giống như ba thừa, hạnh của người tu bảy phương tiện. Năm là bệnh hạnh, gọi là thị hiện làm thân của chín đường, hiện tại có tướng của ba chướng. Hai loại này đều là hạnh thuận theo quả khởi lên ứng. Năm hạnh không thứ lớp ấy, ngay trong Đại kinh chép: "Lại có một hạnh gọi là hạnh Như-lai, vốn gọi là Đại thừa Đại bát Niết-bàn, Đại thừa là nhân trọn vẹn - Niết-bàn là quả đầy đủ". Nay văn tuy nêu ra thứ lớp mà ý ở nơi không thứ lớp, vì hạnh Như-lai là Tu hành Phổ.

Bốn là Đoạn hoặc Phổ, có hai: Một là nói về hai quán đoạn không Phổ. Ba thừa Tạng - Thông và Trú - Hạnh bên Biệt giáo đều thuộc về hai quán, Thập hồi hướng tu Viên giáo thuộc về Trung quán sau. Từ "Nếu không v.v..." trở xuống trình bày Trung quán đoạn mới Phổ. Sơ tâm của người bên Viên giáo thấu suốt kiến tư tức là Trung đạo, điêu tàn phá trừ vô minh gọi là nhổ sạch gốc rễ, gốc rễ đã lay động thì cành lá hư hại trước. Quán sát chướng chính là đức gọi là lật đất lên, đã quán Trung đạo thì hai quán tự nhiên thành tựu, ba quán trọn vẹn tu thì chẳng có hoặc nào không phá trừ, vì thế được gọi là Phổ.

Năm là Nhập Pháp Môn Phổ, có hai : Một là nói nghiêng về Tiểu thừa không Phổ. Tu không xứng hợp tánh thì chứng là tầng bậc sai khác. Mình chỉ biết v.v... Trong Hoa Nghiêm - Thiện Tài tìm thiện tri thức, trải qua một trăm mười ngôi thành, các bậc tri thức đã gặp đều nói ta chỉ biết một pháp môn này. Tân kinh nói đến thứ năm mươi gặp Di-lặc, thứ năm mươi ba gặp Văn Thù - Phổ Hiền, thì không trở lại nói chỉ biết một pháp, do đó biết tức là trước tiệm sau đốn. Từ "Nếu nhập v.v..." trở xuống dựa theo viên đốn gọi là Phổ, có ba : Một là pháp. Đại kinh nói hai mươi lăm Tam-muội Vương phá trừ hai mươi lăm hữu hiển bày ở ngã tánh. Tam-muội: Ở đây gọi là Điều Trực Định, mà nói là Vương ấy, trong Diệu Huyền chép: "Không - Giả điều trực không được làm Vua,

cho nên nhị thừa đi vào Không - Bồ-tát ra khỏi Giả, không gọi là Pháp Vương. Trung đạo điều trực cho nên được gọi là”. Hai là dụ. ba là hợp. Xuống dưới ba đế theo lý ở ngoài định, tất cả có nhiều loại trợ đạo thiền định, gọi là quyến thuộc.

Sáu là Thần Thông Phổ, thần thông có sáu thứ, đó là Thiên nhãn - Thiên nhĩ - Tha tâm - Túc mạng - Thân như ý và Lậu tận. Cái gọi là thần thông ấy, trong kinh Anh Lạc chép: “Thần gọi là Thiên tâm - Thông gọi là Tuệ tánh. Tuệ của thiên nhiên soi chiếu thấu suốt không ngăn ngại, cho nên gọi là thần thông”. Nay văn lược bớt nêu ra Thiên nhãn để làm mẫu cho năm thứ còn lại. Đầu tiên nói về Thiên nhãn, có hai: Thứ nhất Thiên giáo chẳng phải Phổ. Đại La-hán thấy đại thiên ấy, theo Đại luận quyển năm chép: “Đại La-hán dụng tâm nhỏ thấy hai ngàn cõi, dụng tâm lớn thấy ba ngàn đại thiên thế giới, Bích Chi Phật cũng như vậy”. Nay nói trăm cõi Phật, trong Đại Bộ Văn Cú cũng chép: “Bích chi Phật thấy trăm thế giới Phật, không bị phong luân làm ngăn ngại, cũng không ngăn cách cõi mình cõi người”. Trước giống như người La-hán thuộc về Tam tạng, ở đây chắc chắn thuộc về Thông giáo. Bồ-tát thấy hà sa cõi Phật ấy, chính xác chỉ riêng Biệt giáo mà nghĩa bao gồm cả Thông giáo. Cần phải biết rằng Thiên nhãn những bậc này nhìn thấy cõi nước, đều nói theo Đồng cư tịnh uế vì thể chất của cõi Hữu dư là một. Từ “Nay viên v.v...” trở xuống Viên giáo là Phổ. Duyên với mười pháp giới ấy là Thiên nhãn trọn vẹn chân thật đầy đủ năm thứ nhãn, thấy sáu đường tức là Nhục nhãn - Thiên nhãn, thấy nhị thừa tức là Tuệ nhãn, thấy Bồ-tát tức là Pháp nhãn, thấy cõi Phật tức là Phật nhãn. Nếu như vậy thì đâu khác gì với Phật nhãn? Đáp: Tịnh danh Sớ chép: “Thấy sắc thô tế của mười pháp giới, gọi là chân thật Thiên nhãn, thấy ba đế không hai gọi là Phật nhãn”. Từ “Mắt thấy v.v...” trở xuống ví dụ năm thần thông còn lại. Trong Thông Diệu nói về nhị thừa dựa vào lìa bỏ nơi hơn hẳn tất cá các nơi, tu mười bốn loại biến hóa phát ra được thần thông. Bồ-tát Sáu độ nhờ thiền đạt được năm loại, lúc ngồi nơi đạo tràng đạt được sáu loại. Bồ-tát Thông giáo nhờ thiền đạt được năm loại, dựa vào Thể của Pháp - Tuệ đạt được sáu loại: Địa tiền bên Biệt giáo dựa vào thiền đạt được năm loại, Đăng địa phát ra sáu loại. Viên giáo không căn cứ sự thiền mà phát ra, chính là chân thật Trung đạo, tự có thần thông tùy ý vận dụng mà phát khởi. Lại nói: Ba luân thay đổi không thể nghĩ bàn.

Bảy là Phương Tiện Phổ, có hai: Một là bỏ Thông lấy Biệt. Ba đạo trong Tỳ-đàm là Phương tiện đạo phục - Vô ngại đạo đoạn - Giải

thoát đạo chứng. Nay lấy vô ngại mà làm Trung đạo, tiến hành điều phục hoặc gọi là tiền phương tiện, ở tại địa vị giải thoát quán sát cơ duyên trao cho pháp đều là hậu phương tiện. Từ:“Nếu Nhị thừa v.v...” trở xuống nói về Phổ - Không Phổ, có hai: Một là giáo Tiểu thừa không Phổ. Tiểu Bồ-tát là hai giáo Tạng - Thông. Không nói Biệt là bởi vì nay chính là nói về Đạo hậu phương tiện, Biệt giáo chứng đắc giống như Viên giáo cho nên không nói đến. Hai là Viên giáo nói về Phổ. Hai đế làm phương tiện: Người Viên giáo tuy quả là đốn quán ba đế, mà chính giữa cần phải là Thật, hai đế là Quyền cho nên cả hai gọi là Phương tiện. Nên biết rằng ba đế là tánh ba nhân, mà duyên liễu thuộc về tu, cho nên cả ba dung thông lẫn nhau xa lìa dọc ngang sai lầm, không giống như Biệt giáo cả ba đều thuộc về tánh không thu nhiếp lẫn nhau. Thế nên Chân thì ba đế đều phá bỏ, Tục thì ba đế đều lập thành. Đã phá bỏ đã lập thành thì nghĩa phương tiện được thành tựu, thu nhận được tất cả phương tiện vậy. Phá bỏ lập thành ở đây nơi nào không thu nhận? Hoặc người hoặc trời hoặc Đại hoặc Tiểu, tất cả trí tuệ đều phá bỏ gồm thâu, những người phước thiện là đều lập thành thu nhận. Lấy phá bỏ lập thành này để phát khởi Trung đạo cả ba không phá bỏ không lập thành, do đó một niệm đầy đủ quán, có đủ tánh có đủ tu hàm chứa quyền hàm chứa thật, nghĩ bàn không dứt mà chẳng gì tạo ra Môn đó. Đi vào Trung đạo rồi cùng soi chiếu các loại ấy là, Đạo tiền tự hành đã lấy hai đế để phát khởi quay về Trung đạo, Đạo hậu lợi tha cũng giống như vậy. Soi chiếu Chân thì dùng Chân thân lợi ích vật, soi chiếu Tục thì dùng ứng thân đi đến cơ. Vì thế hai chữ Thần Biến có chung có riêng, chung thì hai thân đều có thần biến, biệt thì Chân vận dụng thần linh dứt trừ ba khổ chướng đau, ứng thường biến hiện ban cho ba đức vui sướng, đều lấy ba ngàn mà làm thần biến, cho nên nói khắp cả mười pháp giới. Dụng của hai chiếu tăng, thể của hai ngăn hiển, ở pháp thân đó làm gì có tổn giảm. Người Viên giáo từ đầu đến cuối phương tiện đã rõ, do đó đều gọi là Phổ.

Tám là nói Pháp Phổ, có hai: Một là giáo Tiểu thừa không Phổ. Đây cũng chỉ về hai giáo trước, bởi vì nay nói pháp là trong địa vị phần chứng của Biệt giáo Viên giáo, công dụng của Hóa thân. Hai là Viên giáo nói về Phổ. Nhất âm: Tức là một âm trong tám mươi tướng tốt có thể trả lời nhiều tiếng, khác địa phương, khác loài chẳng ai không được lợi ích. Luận Khởi Tín chép: “Viên âm một khi giảng nói các chủng loại khác nhau đều hiểu”.

Chín là Cúng Dường Phổ, có hai: Một là nêu ra, hai là từ “Hoa

Nghiêm v.v...” trở xuống tùy đó giải thích, có hai: Một là giải thích sự cúng dường, căn bản phần chứng ba ngàn của Sự, công dụng mười phương sáu trần của Lý. Thượng hiến Phật: Bày tỏ nhân hướng đến quả. Hai là từ “Lý giải v.v...” trở xuống giải thích Lý cúng dường, có hai: Một là chính thức giải thích. Muôn hạnh xông ướp trí gọi là cúng Phật, trí đầy đủ ba loại nên gọi là tất cả. Trí này là Chánh Thể của chư Phật ba đời trong mười phương, lại gọi là tất cả. Từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng. thức ăn tức là ba đế thường phát ra ba trí, lý Phật - sự Phật đều cung cấp đều cúng dường.

Mười là Thành tựu Phổ, có hai: Một là nêu ra Phổ và Không Phổ để dụ, có hai: Thứ nhất nêu ra ánh sáng đom đóm. Thứ hai nêu ra ánh sáng mặt trời. Cỏ cây rừng rậm nêu chung ba loại cỏ - hai loại cây (ngũ thừa), hoa trái thành tựu sơ lược dụ cho mười loại lợi ích. Từ “Ngoại đạo v.v...” trở xuống là nói về pháp Phổ - không Phổ, có hai: Một là nói về phàm, tiểu, thông, biệt. Từ “Nay Viên v.v...” trở xuống nói về Viên Thánh Từ Tuệ, có ba: Một chính là nói. Hai từ “Hoa Nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn chứng. Nhân chính là phát tâm xứng hợp với tánh, quả thì tùy cơ lợi ích khắp cả. Ba là từ “Thí như v.v...” trở xuống là lập lai dụ. Đây là một mặt đất một cơn mưa trong kinh này chúng sanh nói là khác, ý Thánh không nghiêng về có hai. từ “Phổ Môn v.v...” trở xuống là nói về nghĩa vô lượng của Phổ Môn, có hai: Một là nói về Tịnh danh ba hiệu khó nhận được. Kinh ấy nói: “Pháp của chư Phật tất cả đều như nhau, thế nên gọi là Tam-muội Tam Phật-đà, gọi là Đa-đà-a-già-độ, gọi là Phật Đà. A-nan! Nếu Ta nói rộng ra nghĩa ba câu này, ông ở tại kiếp thọ không có thể nhận lãnh hết, chính là khiến cho chúng sanh đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều học rộng bậc nhất giống như A-nan, được niệm tổng trì. Những người này đều dùng tuổi thọ một kiếp, cũng không thể nhận lãnh được”. Hạng như Tịnh Danh là giống như hạng ở kinh kia, các kinh Đại thừa gọi là ba hiệu, thảy đều khó nhận được. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống là nói ba nghĩa của đề này giống với kinh kia. Chữ Quán của kinh này giống như hiệu Phật Đà thứ ba của kinh kia, vì ở đây nói là Giác Giả. Thế Âm giống hiệu Đa-đà-a-già-độ thứ hai của kinh kia, ở đây nói là Như-lai, bởi vì Thế Âm hiện nay tức là cảnh Như Như. Phổ Môn giống như hiệu Tam Miệu Tam Phật Đà thứ nhất của kinh kia, ở đây nói là Chánh Biến Tri, bởi vì một Thật tướng mở ra mười Môn. Ba nghĩa này nếu nói rộng ra thì kiếp thọ không ai nhận được. Ba nghĩa Chương An dựa vào phẩm chứng minh mười nghĩa. Chương lớn thứ hai giải thích Thể, có hai: Một là sơ lược nêu ra

Thể của phẩm này, có hai: Thứ nhất nêu ra Thể hiện nay. Linh trí là Thỉ giác. Pháp thân ấy là Bổn giác. Cùng là một Giác nơi nào nói về hợp! Chỉ vì vốn mê mờ nên giác trở thành không thể giác, đầy đủ địa vị tên gọi tìm tên gọi của Giác vốn có, công chẳng điều phục dứt trừ thì nghĩa hợp chưa thành tựu. Năm phẩm nhanh chóng điều phục được gọi là Quán hợp, sáu căn hình như hợp, phần chân chứng hợp. Nay Quán Thế Âm hợp với cực quả gần bên cạnh, toàn Bổn làm Thỉ thật sự chẳng phải hai Thể. Vì có không Giác cho nên dựa theo điều phục dứt trừ mà luận đối với hợp. Bổn giác khuôn giữ sanh Thỉ hiểu giải, cho nên gọi là Pháp. Tự nhiên tích tụ ba ngàn diệu đức, cho nên gọi là Thân. Thỉ giác căn bản sáng tỏ cho nên gọi là Linh. Nay có thể dứt trừ - chứng đạt cho nên gọi là Trí. Bổn - Thỉ không hai là đã giải thích về Thể. Hai từ "Hoặc kinh khác v.v..." trở xuống là khác với kinh khác, có hai: Một là dùng ba. Hai đối chiếu giải thích. Kinh khác trình bày ba thân ấy là, Kinh Kim Quang Minh lập nên Hóa thân - Ứng thân - Pháp thân. Lại nói: "Như-lai dạo nơi pháp tánh vô lượng sâu xa, Như-lai là ứng - thường dạo đi là Báo, pháp tánh là Pháp". Tích Môn của kinh này nói: "Chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu thấu đáo hết thật tướng các pháp. Năm Phật tức ứng, năng thấu đáo là Báo, Thật tướng là Pháp". Bổn Môn nói "Như-lai thấy biết như thật về tướng của ba cõi, chẳng phải giống như - chẳng phải khác nhau, Như-lai tức là ứng, thấy biết như thật là Báo, chẳng phải giống như - chẳng phải khác nhau là Pháp". Tịnh danh nói có giải thoát tên gọi chẳng thể nghĩ bàn là Pháp, Trú là giải thoát tức là Báo, có thể để Tu-di vào trong hạt cải là Ứng. Đại phẩm nói ba Bát-nhã cũng là ba thân. Các kinh bậc này đều đồng ý ba thân đối chiếu Thể - Tông - Dụng. Phẩm này chỉ có nghĩa về hai thân ấy là, tên gọi Quán Thế Âm tức là nghĩa của Chân thân, Phổ Môn thị hiện tức là nghĩa của ứng thân, Chân là trí của nội chứng, ứng thân là thân của ngoại hóa. Nếu so sánh các kinh thì Dụng của đương Tông, tuy không có văn về Thể mà có nghĩa về Thể, vì trí không đơn độc lập nên chắc chắn hợp với pháp thân, há có nắp mà không có hộp - có cảnh vật mà không có gương hay sao? Vậy thì ba thân trong các kinh, có thể lấy riêng pháp thân làm Thể. Hai thân trong phẩm này tức là Pháp - Báo phải phù hợp mà làm Thể. Từ "Chỉ đây v.v..." trở xuống là nói về Lý - Trí không hai, có hai: Một là dựa theo thoát khỏi vướng mắc nói về không hai. Trước nói linh trí phù hợp pháp thân ấy là chẳng phải hai vật hợp lại, chỉ có Thể của linh trí này là Pháp thân. Vì Bổn giác không thể giác cho nên đang vướng mắc, gọi là Như-lai Tạng. Bổn giác tự giác cho nên thoát

khỏi ràng buộc, gọi là Đại Pháp Thân. Nay đã thoát khỏi ràng buộc nghiệm biết trí chính là lý. Từ "Nay biết v.v..." trở xuống dựa theo một vật dụ cho không hai. Tánh đức vốn có đầy đủ tướng của quyền thật, người bày phương tiện chẳng phải trí của tánh đức, vì thế cho nên không biết Đồng Thể quyền thật. Linh trí hiện tại đã biết quyền thật, nghiệm biết lý và trí không hai, lý trí hai tên gọi mà chỉ gọi là Nhất Thể, điều đó giống như một vật nếu người ở bên phải vật thì vật thành bên trái của người, nếu người ở bên trái vật thì vật thành bên phải của người, trái phải tên gọi khác nhau mà vật không hẳn khác nhau, do đó hai trí và lý tên gọi khác nhau mà Thể là một. Từ "Nếu nói rõ v.v..." trở xuống là mở rộng dựa vào Đại bổn giải thích. Ba là nói về Tông, có bốn: Đầu tiên chính là nói về Tông của phẩm này, có hai: Thứ nhất chỉ ra sơ lược. Chương Thể đã trình bày Trí phù hợp pháp thân, ấy là Thể thoát khỏi ràng buộc. Thể này mở rộng có ứng của tự tại, Ứng này đối với hai cơ ngầm kín và hiển bày. Thu nhiếp hết ở một phẩm văn kinh chẳng gì không cùng tận, cho nên dùng cảm ứng làm Tông của phẩm này. Từ "Thập giới v.v..." trở xuống là chỉ ra Tướng, có hai: Một là chỉ ra tướng cơ ứng. Thể thoát khỏi ràng buộc ở trên là tri của lặng chiếu, mười cơ nếu hợp tức là chiếu của tịch, liền được Chân trí kín đáo dứt trừ các khổ đau, nếu mười cơ hợp thì tịch của chiếu, mới được ứng tượng hiển bày ban cho các niềm vui. Vắng lặng - soi chiếu không hai mà chỉ là một trí, ban cho và dứt trừ tuy khác đâu cần phải động niệm? Dẫn đến có trước sau tức là hai lần hỏi đáp, nói có trước sau chẳng phải ngay một lúc vậy. Hai từ "Ích văn v.v..." trở xuống là hai lần nêu ra nghĩa của tông yếu. Bảy nạn ba độc hai mong cầu được thoát khỏi, ba mươi ba thân, mười chín lần nói pháp được cứu độ. Văn nghĩa của đoạn này dụ như các mắt lưới, nếu kéo lưới của cảm ứng, thì các mắt lưới chẳng có mắt nào không chuyển động. Đây là Tông Yếu người nào nói là không đúng? Từ "Kinh khác v.v..." trở xuống là giải thích khác nhau so với kinh khác, có hai: Một là chỉ ra nơi khác sử dụng nhân quả, Bộ nói về nhân quả Nhất thừa, Tịnh danh nói về nhân quả cõi Phật, Quán kinh nói về tâm quán, Kim Quang Minh hướng về quả đức, tuy đơn phức không giống nhau, nhưng không ngoài nhân quả. Đây là các kinh nói về tướng của Tông. Từ "Nay phẩm v.v..." trở xuống dựa vào đây nói về lấy và bỏ, có hai : Một là bỏ nghĩa nhân quả thông suốt. Nói không thể như vậy ấy chính là nói về Tông của phẩm này không sử dụng nhân quả. Vì sao? Vì nếu lấy nghĩa suy ra thì ai không có nhân quả? Từ phàm đến Thánh năng cảm sở cảm, nghĩa này thông suốt khắp nơi chẳng phải chính là

Tông này. Nhưng ý kinh không nói đến tức là đưa ra ý không sử dụng nhân quả, bởi do văn kinh không nói về Quán Âm tự hành tu chứng. Theo Như-lai trả lời về nguyên do được tên gọi, chỉ nói lập tức quán sát âm thanh đó, còn không nói về Quán Âm thanh và quán pháp, há có tướng của quán thành tựu đi vào địa vị hay sao? Hoặc kinh Phật Đảnh Thủ lăng nghiêm chép: "Xưa Quán Thế Âm, Phật dạy Ta từ Văn, Tư, Tu đi vào Tam ma địa, ban đầu đối với những gì nhập vào trong văn (Nghe) trôi mất, chỗ vào đã vắng lặng hai tướng động - tĩnh, rõ ràng không sanh. Như thế dần dần tăng thêm nghe hết những gì được nghe, nghe hết mà không trụ, biết và những gì được biết đều không, giác ngộ không cực Viên không và sở không đều diệt, sanh diệt đã diệt nên vắng lặng hiện tiền, bỗng nhiên vượt qua thế gian và xuất thế gian, mười phương đầy đủ rõ ràng đạt được hai loại thù thắng. Một là trên phù hợp với bổn diệu giác tâm của chư Phật mười phương, cùng với các đức Như-lai chung một Từ lực. Hai là dưới phù hợp với tất cả chúng sanh sáu đường trong mười phương, cùng với các chúng sanh chung một Bi ngưỡng. Thậm chí cùng Từ lực cho nên thường hiện rõ ứng thân, cùng Bi ngưỡng cho nên thường ban cho vô úy". Còn kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni : "Xưa Thiên Quang Vương Tịnh Trú Như-lai, vì Ta nói Đà-la-ni Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm này, dùng tay sắc vàng xoa trên đỉnh đầu Ta, nói lời như vậy: Ông nên hành trì tâm chú này, rộng vì tất cả chúng sanh trong đời xấu ác làm lợi lạc rộng lớn. Ta vào lúc này mới trú vào Sơ Địa, một lần nghe chú này liền vượt lên Địa thứ tám, thậm chí thân sanh ra ngàn tay ngàn mắt v.v..." Hoặc hai môn Tích Bổn trong Đại Bộ hiện nay, mở rộng nói về Như-lai tu nhân chứng quả, và trong các kinh nói về nhân quả của Phật - văn đều có thể thấy. Phẩm này không phải thế, cho nên nói văn ý hình như không đến nơi này. Từ "Các nhà chọn cơ v.v..." trở xuống chọn lấy cảm ứng giúp đỡ văn. Bởi vì trong lần trả lời trước kín đáo Ứng hiển bày cơ, giải thích đầy đủ ba nghiệp, xưng danh thường niệm và lễ bái v.v... là văn có nhân. Tránh khỏi bảy loại nạn, xa lìa ba độc căn, là văn có quả. Đến trong lần trả lời sau hiển bày Ứng ngầm kín cơ, vì thế cho nên không nói ba nghiệp hiện rõ nhân, mà cảm các thân nói pháp, đều nói là được độ. Bởi lẽ tùy theo cạn sâu đều có thể được được bờ, văn này có quả. Văn nhân quả này dùng Cảm hướng về thu nhận, có điều gì là thiếu sót? "Thánh tuy không có" v.v... trở xuống là văn tuy không nêu ra Quán Âm tu chứng, mà bàn luận đầy đủ về ngầm kín - hiển bày lợi ích cứu vật vô cùng. Dùng ứng hướng về thu nhận càng không có gì sai lầm. Hỏi: Trước kia giải thích

tên gọi, Chương An thông suốt nói về mười cặp, từ bi - Phước tuệ thuộc về nhân, chân ứng - trí đoạn thuộc về quả. Đến trong phần biệt giải thích, về người, tức là quán trọn vẹn từ đầu đến cuối, giải thích pháp thì mười Phổ từ đầu đến cuối, đến nay nói về Tông, tại vì sao bèn nói Thánh không nhân quả? Đáp: Chung riêng giải thích tên gọi nói về Quán Thế Âm cho đến Phổ Môn, đã là Đẳng Giác, vô thượng người, pháp, đạo lý cần phải nói về phát tâm lập hạnh từ nhân đến quả, chính là chọn lấy pháp tướng tu chứng đã giải thích trong một đời nói giáo. Giải thích về người pháp đây chính là nghĩa mở rộng, hợp lại có nhân quả vậy. Nay nói về Tông Yếu lý cần phải giúp đỡ văn, há có thể đoạt lấy nhân quả kinh khác ư? Cần phải biết rằng nay nói Thánh không nhân quả, chính là văn không có gì không phương hại giải thích tên gọi - nghĩa cầu tự có. Vì thế cho nên nay nói văn không đề cập đến đây. Nên biết rằng nay Tông không chọn lấy nhân quả, chỉ sử dụng cảm ứng sơ lược có ba ý: Một là kinh đã không bàn đến lý của sở chứng, cho nên nhường linh trí phù hợp với pháp thân làm Thể, đã là lý sâu xa thuộc về Thể do đó gồm thâu vật làm Tông. Hai là kinh không bàn về tướng tự tu chứng của bậc Thánh, nếu sử dụng nhân quả thì không giúp đỡ văn. Ba là một phẩm trước sau chỉ giải thích hai ứng ngầm kín và hiển bày đối với hai cơ ngầm kín và hiển bày. Nếu sử dụng cảm ứng thì Tông yếu dễ dàng thành tựu.

Từ “Cảm ứng v.v...” trở xuống là dựa vào Đại Bổn. Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống là xen lẫn phân biệt hiển bày tướng. Gồm có mười một lần hỏi đáp phân ra năm: Một là bốn lần dựa theo cơ phân biệt, có bốn: Đầu tiên là thiện ác đều cảm nói về nghĩa nhỏ yếu, có hai: Thứ nhất - Hỏi: Nếu nói cơ ấy tức là trong Đại Bổn giải thích tên gọi rằng: Cơ nghĩa là nhỏ bé, cho nên dễ nói. Cơ ấy là chuyển động bé nhỏ, trước tiên hiện rõ thuận lợi, chúng sanh có thiện nghiệp sắp phát sanh, thiện nghiệp này hơi hơi sắp chuyển động mà được làm cơ. Nay lấy thiện ví dụ ác, cũng có nghĩa về nhỏ nhẹ chuyển động sắp phát sanh, có thể được làm cơ hay không” hai là Đáp: Không sai ấy là thừa nhận cũng là cơ. Tâm bậc thánh soi chiếu đầy đủ thiện ác không sót, thiện nhỏ bé sắp phát sinh nghĩ rằng muốn mang lại niềm vui, ác nhỏ bé sắp phát sinh nghĩ rằng muốn dứt trừ đau khổ v.v... Hai là tánh thiện kín đáo, ẩn giấu nói lên nghĩa phát sinh, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Không biết tánh thiện có nghĩa có thể sanh hay không? Cho nên nên lên câu hỏi này. Hai là Đáp: Kín đáo ẩn giấu không hiện rõ cho nên phải là Thánh ứng, thiện tánh này vì thế có thể sắp phát sinh. Ba là thiện, ác từ bi, nghĩa liên quan với

nhau, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Nếu thiện đã thành tựu thì không cần phải liên quan đến Thánh, nếu liên quan Thánh ứng thì nên thiện bé nhỏ thành rõ rồi, ác liên quan Thánh ứng cũng là ác bé nhỏ trở thành rõ ràng chăng? Hai là đáp: Thánh há thành tựu cái ác của chúng sanh hay sao? Chỉ vì thiện tánh pháp tự nhiên liên quan với Từ ứng, thì thiện thành tựu được niềm vui, ác liên quan với Bi ứng thì ác diệt lìa khổ, đồng Thể cho nên liên quan chẳng thứ lớp như vậy. Bốn là tướng cảm ứng xứng hợp với giải thích nghĩa thích nghi, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Trí Thánh xét kỹ căn cơ nên sử dụng pháp gì, sao đem giải Thích Cảm nói rằng cơ thích hợp vậy? Hai là đáp: Thích nghi chắc chắn thích hợp đâu hạn cuộc ở tại Ứng, dụ của đáy và nắp không ở một phía nào. Hai là một lần dựa theo ứng phân biệt, có hai: Đầu tiên là dựa theo hai thân không ứng để hỏi. Hai là dựa theo hai thân đều ứng để trả lời. Pháp thân tích tụ vô lượng pháp môn, thường thích ứng các loại quán trí của chúng sanh. Ứng thân tích tụ vô lượng thần biến, thường thích với các loại thấy nghe của chúng sanh. Ba là ba lần đối chiếu nhau phân biệt, có ba: Đầu tiên trình bày cảm ứng chẳng phải nhất - dị, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Không đồng đều cho nên cảm ứng- không khác nhau cho nên tương quan. Hai là trình bày cảm ứng không phải hư - thực, có hai: Một là hỏi: Hai là đáp. Vân vân ấy là nghĩa tùy theo ví dụ trên. Đã chẳng phải một khác cũng chẳng phải hư - thực, như vậy cặp chẳng phải hư- thực và chẳng phải nhất - dị cần phải đạt được ý đó. Tâm - Phật - Chúng sanh là ba vô sai khác, lý vốn không sai khác mà sai khác chiếu dựa theo công dụng của Sự. Lý tam thiên như nhau cho nên bất dị, Sự mê ngộ khác nhau cho nên bất nhất. Ngộ cho nên Phật pháp là ứng, mê cho nên tâm - chúng sanh là cảm. Lý vốn đồng đều cho nên chẳng phải thực, sự tạm thời khác nhau cho nên chẳng phải hư. Vì thế trong Không hai môn nói: "Huyễn cơ huyễn cảm huyễn ứng huyễn phó, do đó tướng khác nhau của Địa - Trú tiền vẫn còn, địa vị chân thật từng phần từng phần giống với Thể Dụng của Phật, còn như rốt ráo thì cảm ứng đều mất, lại đâu nói về nhất dị - hư thực". Từ "Vì người khác v.v..." trở xuống nói về cảm ứng khó nghĩ bàn, có hai: Thứ nhất thuật lại hỏi đáp nơi khác, có hai: Một là nghi ngờ phàm Thánh ngăn cách khác nhau chẳng phải cảm ứng. Khắc phục nói về cảm ứng Thể đó đều tách biệt, tuy cùng nhau lập nên năng sở, mà phàm Thánh chắc chắn phân biệt. Sở cảm là Thánh nhất định chẳng phải năng cảm, sở ứng là phàm xác định chẳng phải năng ứng. Cảm ứng ngăn cách sao gọi là Đạo Giao? Hai là đáp: Năng sở còn mất cho nên Đạo Giao, có hai: Đầu tiên cùng nhau nói về năng

sở. Trước kia lập nên sở cảm - sở ứng không thật, tại vì sao? Bởi vì sở cảm chẳng phải là phàm cho nên không thật, sở ứng chẳng phải là Thánh do đó không thật. Kế đó lập ra năng ứng - năng cảm không thật, tại vì sao? Bởi vì trở lại lấy sở cảm làm năng ứng, sở cảm đã không thật, cho nên năng ứng không thật. Lại lấy sở ứng làm năng cảm, sở ứng đã không thật cho nên năng cảm không thật. Cả hai đã không thật - cả hai cũng chẳng phải khác nhau. Từ "Bất dị v.v..." trở xuống đều nói về còn - mất. Đã không có thật- không có khác, sao gọi là cảm ứng đạo giao? Bởi vì cùng còn cùng mất mà lập ra không khác mà khác, bởi vì sở cảm mà làm năng ứng, sở ứng làm năng cảm, cho nên cảm ứng không khác nhau, mà nay phía Thánh mất từ sở cảm, gọi làm năng ứng, phía phàm mất đi sở ứng, gọi làm năng cảm, cho nên thành tựu mà khác nhau; chính nơi mà khác nhau, cho nên có cảm ứng, ngay nơi không khác nhau đó cho nên được đạo giao. Đây là tình ý Sư xưa giải thích về nghĩa cảm ứng và đạo giao. Từ "Riêng hỏi v.v..." trở xuống là Chương An phá - lập, có hai: Đầu tiên chất vấn nghĩa kia không thành tựu, có hai: Thứ nhất chất vấn nghĩa đã lập không thành tựu, có hai: Một là trình bày còn - mất không thành tựu. Tuy dùng năng sở cùng nói về còn - mất, mà suy xét kỹ Thể trạng đó chỉ ở tại phía Thánh, mất cái cảm của phàm đó lại ở tại bên phàm mất đi cái ứng của Thánh. Bởi vì Thánh đó mất năng ứng không được, phàm mất năng cảm không được. Nếu như vậy thì cảm ứng mãi mãi khác nhau, sao nói là không khác? Từ "Lại cảm v.v..." trở xuống trình bày không khác nhau không thành tựu. Đại ý giống như trước. Từ "Lại hỏi v.v..." trở xuống dùng bốn tánh kết luận sai lầm. Cảm năng ứng tự thuộc về nơi cơ cảm, sở ứng năng tự thuộc về nơi ứng, cho nên là tự tánh. Hai câu kế là tuy liên quan đến cảm ứng, mà nghĩa không liên quan gì bởi vì còn thuộc về tự tánh. Tiếp đến có bốn câu đều từ nơi kia phát sanh, cho nên thuộc về Tha tánh. Thứ ba không chỉ căn cứ vào Tự - không chỉ căn cứ vào Tha, cần phải cả hai hợp lại sanh ra mới thuộc về tánh chung (cọng tánh). Nếu xa lìa Tự - Tha thì thuộc về tánh không có nhân (vô nhân tánh). Từ "Hỏi nếu v.v..." trở xuống trình bày nay có thể khéo khế hợp nhau, có hai: Một là xa lìa bốn câu không có cảm ứng để hỏi. Hai từ "Đáp Thánh v.v..." trở xuống dùng bốn tất-đàn lập thành nhân duyên mà trả lời. Đại Thánh chứng trọn vẹn lý sự ba ngàn, cùng ở tại một tâm cho nên tâm bình đẳng, mỗi mỗi đều hiểu rõ tức không Giả - Trung, cho nên tâm vô trụ. Bậc Thánh đã dùng tâm bình đẳng vô trụ này làm pháp năng ứng, vì thế không trú trước vào sở ứng cơ cảm, chỉ tùy theo mười cõi giới ưa muốn bàn thích nghi phá trừ

ác đi vào lý bốn cơ khế hợp. Tức là lấy thế giới, vị nhân, đối trị, Đệ nhất nghĩa, pháp của bốn thứ tất-đàn tùy ý vận dụng mà ứng. Cảm ứng này há có thể dùng Tự Tha đó mà nghĩ cộng và bất cộng bàn ư? Lại nữa, chúng sanh hướng về tự phát sinh cảm ứng. Có bốn lợi ích ấy, cũng có thể nói rằng tự cảm tự ứng. Nếu đối với ba loại có bốn lợi ích ấy, cũng có thể nói rằng do cảm phát sinh ứng - do ứng phát sinh cảm, cộng năng sinh cảm, cộng năng sinh ứng - lìa hai có cảm, lìa hai có ứng, đều có thể được nói. Đã không có bốn chấp tùy theo cơ nói ra bốn, cho nên các kinh luận bàn về cảm ứng, không ra ngoài bốn thứ này. Từ "Hỏi vọng chấp v.v..." trở xuống là một lần dựa theo cơ phân biệt, có hai : Một là nghi ngờ vọng chấp thiện chẳng phải cơ. Hai là Đáp: Vọng chấp là ác năng cảm. Từ "Hỏi vọng chấp v.v..." trở xuống là hai lần đối chiếu nhau phân biệt, có hai: Thứ nhất chỉ ra diệu ứng tùy theo ý người mà hành động, có hai: Một là hỏi: Hai là đáp. Từ "Hỏi phàm v.v..." trở xuống chỉ rõ bậc chí Thánh dứt trừ tà quy về chánh, có hai : Một là hỏi. Hai là đáp. Bốn là công dụng từ bi lợi ích chúng sanh , có hai: Đầu tiên là nêu lên. Hỏi: Cảm ứng Từ bi là giống nhau hay là sai khác? Nếu điều ấy giống nhau thì sao có thể phân biệt đối chiếu hai chương Tông - Dụng? Nếu điều đó khác nhau, xin đưa ra nghĩa đó. Đáp : Pháp tướng mở ra - hợp lại, cắt giảm lập ra có nhiều cách. Nay văn đã dùng Bát-nhã - Pháp thân hợp làm Thể, chính là đối với Giải thoát phân ra Tông - Dụng, tuy là một đức mà có hai khả năng, cảm ứng thì chung nói liên quan thích nghi, Từ bi thì nói khác về ban cho và dứt trừ. Nếu nói về cảm ứng mà không nói đến Từ bi, thì tựa như Nhân Vương giáng thế mà không có công lao quản lý sửa đổi. Nay nói về cảm ứng thì thu nhận tất cả nghĩa kinh, cho nên lập làm Tông. Kế là nêu ra Từ bi thì nghĩa lợi ích đầy đủ, cho nên lập làm Dụng. Mở ra một thành hai, ý đó sơ lược như vậy. Từ "Hai trí v.v..." trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chính là nói về ẩn hiển, có hai: Một là giải thích sơ lược, có hai: Thứ nhất đối chiếu hai trí giải thích về Dụng, có hai: Trước hết là hỏi. Dụng của Diệu kinh là dứt trừ quyền nghi phát sinh thật tín, chính là thích hợp hai trí đâu chỉ về Từ bi? Hai là đáp: Dụng của hai trí thông suốt kéo dài một bộ, có đủ - Trí - Từ-Bi nay phẩm sử dụng riêng. Hai từ "Nơi khác giải thích v.v..." trở xuống là dựa vào hai thân nói về lợi ích, có hai: Một là thuật lợi nơi khác giải thích hạn chế. Hai từ "Nay nói v.v..." trở xuống là nói nghĩa chính hiện nay, có hai: Đầu tiên là pháp, có hai: Thứ nhất nói về hai thân đều Thường - Gián, có hai: Một là trình bày hai thân đều Thường. Pháp thân dùng lặng chiếu làm Thường, ứng thân dùng chẳng

nghĩ làm Thường. Từ “Nếu nói v.v...” trở xuống trình bày hai thân đều là Gián. Từ “Nên biết v.v...” trở xuống trình bày hai lợi ích không hai khác nhau. Từ “Thí như v.v...” trở xuống là dụ. Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là rộng chỉ. Đại bổn trình bày hai mươi lăm Tam-muội Vương phá trừ hai mươi lăm Hữu, hiển bày tánh ngã chân thường, tất cả có bốn ý: Một. Đưa ra sai lầm của các hữu. Hai. trình bày công đức của bổn pháp. Ba kết luận hành thành tựu Tam-muội. Bốn. Từ bi phá trừ Hữu. Quán Âm tự hành đã phá trừ sai lầm hoặc nghiệp của các Hữu, công đức Tam-muội đều đã thành tựu, chính là dùng từ bi khiến cho người khác phá trừ Hữu, vì thế biết nay sử dụng chính là ý thứ tư vậy. Từ “Vấn quán v.v...” trở xuống bao gồm giải thích về Bổn Tích, có ba: đầu tiên là nói Bổn tích khó biết, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Từ “Như Quán v.v...” trở xuống là nói nhân quả giới thiệu khác nhau, có hai: Một là dẫn ra hai kinh nói còn thuộc về nhân. Hai từ “Hoặc như Quán v.v...” trở xuống dẫn ra một kinh nói đã thành tựu quả. Ba là từ “Hai văn v.v...” trở xuống là sử dụng tất-đàn để hòa hợp quy tụ, có hai: Một là hỏi. Hai từ “Chính là v.v...” trở xuống là giải thích. Hoặc nói đã thành - hoặc nói chưa thành, vì thuận theo cơ duyên khiến cho được lợi ích, đừng cầu thực tế đó. Thứ năm là nói về Giáo tướng, có hai: Đầu tiên là xác định văn tướng, có hai: Một là trình nói rộng về các bộ. Hai là từ “Nay chỗ v.v...” trở xuống chính là chỉ ra phẩm đã lưu truyền, có hai: Một là chỉ ra một phẩm của Diệu kinh. Từ “Mà biệt v.v...” trở xuống là nói lý do lưu hành riêng. Từ “Phẩm này v.v...” trở xuống nói về giáo tướng, có hai: Đầu tiên giống như tướng đề hồ trong Bổn kinh, có hai: Một là nói về ý của phẩm. Tất cả ở tại bỏ quyền bày thật: Tạm thời nêu ra Tích Môn, cũng nên lại nói khai tích hiển bổn. Đây chính là dùng phẩm Phương Tiện đến hết mười chín hàng kệ ở phẩm Phân Biệt Công Đức, đều làm Chánh Tông. Từ sau mười chín hàng kệ trở xuống, đều làm hai môn Bổn Tích Lưu Thông. Từ “Viên nhân v.v...” trở xuống nói về Giáo Vị. Pháp trọn vẹn tức là pháp vốn giải thích về hai môn Bổn Tích. Giáo đầy đủ tức là giáo thường giải thích về hai Bổn Tích. Từ “Hỏi văn v.v...” trở xuống khảo sát tỉ mỉ nghĩa thực thi khai bày của phẩm này, có hai: Đầu tiên khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu thi hành quyền, có hai: Một là dựa theo Phương Tiện trái với Viên để hỏi. Từ “Căn cứ v.v...” trở xuống dựa theo giúp đỡ Thực thi hành Quyền để trả lời, có hai: Một là dựa theo con người thật sự thi hành quyền để trả lời. Bậc thánh Viên giáo có nói nghiêng về là dẫn dắt tiệm cơ, há Phật nói Tiểu thừa khiến cho Phật là Tiểu thừa hay sao? Chính là người năng nói mới phân định

thuộc về Viên giáo. Từ "Lại Phó v.v..." trở xuống dựa theo quyền thường thông suốt Thật để trả lời. Tín hiểu sâu tức là dặn dò để lại rằng người tin tưởng trí tuệ của Như-lai. Nếu người không tin tưởng, tức là người của bảy phương tiện. Từ "Lại hỏi v.v..." trở xuống là khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu mở bày quyền, có hai: Một là dựa theo cơ giống như vườn Nai để chất vấn. Người nói tuy là Viên giáo mà người vâng theo có cả Tiểu thừa, vả lại như vườn Nai thì chẳng lẽ Phật không Viên hay sao? Chỉ y cứ vào người bẩm thọ xếp vào Tam Tạng, nay há không phải như vậy ư? Hai là dựa theo bộ khai bày quyền Tích để trả lời. Tiểu bộ A-hàm chưa khai bày quyền Tích, liền khiến cho Giáo Vị tùy theo cơ thuộc về Tiểu thừa. Nay kinh khai bày biểu hiện rõ ra thì quyền là thật, ngay nơi Tích là Bổn, tuy nói pháp Tiểu thừa mà là thông suốt Viên kinh, há giống như vườn Nai ư? Từ "Hỏi văn trên v.v..." trở xuống là khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu diệu dụng, có hai: Một là dựa theo tướng xả bỏ Dụng trái lại để hỏi. Hai là dựa theo Thể dụng khó suy lường để trả lời. Chánh Tông bỏ Quyền lập Thật cho nên nói là Xả. Lưu Thông là thật thi quyền cho nên phải dùng. Hiển bày thật thể sau đó nói về Quyền Dụng, đây là phương tiện bí mật tuyệt diệu của kinh này.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA SỚ

SỐ 1727

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1728

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ

Đại sư thiên Thai - Trí Giả đời tủy giảng

Học trò là Quán Đảnh ghi

QUYỂN THƯỢNG

Văn này đã nêu riêng ra Đại bộ, có người cũng chia văn làm ba đoạn, nghĩa là từ đầu hỏi trở đi là phần Tựa, Đức Phật trả lời trở đi là phần chánh Tông, từ Trì Địa trở đi là phần Lưu thông. Lại có chỗ nói người kết tập kinh điển trình bày ấy là Tựa, từ Vô Tận Ý bạch Phật trở đi là chánh Tông, từ Trì Địa trở đi là Lưu thông. Nay Sư có lúc cũng chia làm ba đoạn, có lúc không chia làm tên gọi ba đoạn, nhưng chia làm ba chương: Một là Vô tận ý thưa hỏi; Hai là Đức Phật trả lời; Ba là Trì Địa khen ngợi. Hoặc chia làm bốn chương, ba chương như trước, chương bốn là nghe phẩm được lợi ích. Hoặc chia làm hai đoạn, đó là trước sau hai lần hỏi đáp. Chia chương mục nhiều loại là tùy theo ý sử dụng của mỗi người.

Nếu chia chương mục theo câu hỏi và trả lời thì có hai lần hỏi đáp, lần hỏi đáp đầu tiên nói về các nghĩa lợi ích Thọ Vương thầm kín của Quán Âm lần hỏi đáp sau nói về các nghĩa về lợi ích hiển bày Châu Vương của Phổ Môn . Ngay lần hỏi đáp trước chia làm hai: Một. Hỏi. Hai là Đáp. Phần Hỏi chia làm bốn: Một là Thời tiết. Hai là Nêu người. Ba là Kính nghi. Bốn Chính là hỏi.

Một là Nhĩ thời: Nhĩ là nói ngay lúc ấy. Ngay lúc ấy nói về Diệu Âm mở mang truyền bá kinh điển ở phương Đông đã hoàn tất, kế là nói về thời gian mở mang truyền bá kinh điển Quán Âm của phương Tây, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể đại chúng đã nghe Diệu Âm mở

mang truyền bá kinh điển vui vẻ đã xong là lúc thích hợp nghe về sự phát tâm sanh thiện của Quán Âm, cho nên nói là "bấy giờ". Hoặc có thể lúc ấy đại chúng nghi ngờ nhiều vấn đề đối với Diệu Âm, như vì lợi ích nói pháp trên đây phá trừ tình ý nghi ngờ của đại chúng đã xong, tiếp đại chúng nghi ngờ về đức của Quán Âm, đây chính lúc phá trừ nghi ngờ này, cho nên nói là "bấy giờ". Hoặc có thể lúc ấy căn cơ đại chúng đang nghe về Diệu Âm liền đạt được đạo, như Bồ-tát hai cõi đạt được đạo đã xong, đây là lúc tám muôn bốn ngàn người hiểu ra lý lẽ, cần phải nghe về Quán Âm, cho nên nói là "bấy giờ". Chư Phật Như-lai không thể nói pháp uổng công, có bốn tất-đàn nhân duyên như thế mới là nói, chính là lúc giảng nói bốn tất-đàn cho nên nói là "bấy giờ".

Hai là Nêu ra người: Chính là Vô Tận ý. Gọi là Vô Tận: Chẳng phải tận như thế chẳng phải vô tận vì đối với Tiểu thừa nói về tận cho nên nói là vô tận. Tiểu thừa nói tận vì đối với Tận trí, vô sanh trí, tận của diệt sắc lấy không cho nên gọi là vô tận. Lại chép: Sao vô tận gọi là Không bất khả tận - Giả bất khả tận - Trung bất khả tận, vì thế nói là vô tận? Kinh Đại Phẩm chép: "Chính nơi sắc là không - chẳng phải sắc diệt là không - Không cho nên vô tận". Còn kinh Đại Tập giải thích về Vô Tận ý": Từ phương Đông vượt qua mười Hằng hà sa cõi nước vi trần thế giới, cõi nước têngọi là Bất Thuấn - Đức Phật hiệu là Phổ Hiền, toàn các vị Bồ-tát không có tên gọi Nhị thừa, chỉ tu Tam-muội niệm Phật bất diệt bất sanh bất xuất, tâm hạnh bình đẳng giống như hư không, đúng là niệm Phật, ngay lúc thấy Phật liền đầy đủ sáu Ba-la-mật, được Vô sanh nhẫn, đó gọi là không giữ lấy sắc tức là bố thí (đàn), trừ bỏ sắc tướng tức là trì giới (thi), quán sát sắt không còn tức là nhẫn nhục (sạn đề), quán sát sắc vắng lặng tức là tinh tiến (tỳ-lê-da), không lưu hành sắc tức là thiền định (thiền), không hý nói về sắc tức là trí tuệ (Bát-nhã). Thân Tử hỏi: Vì sao ông hiệu là Vô Tận Ý? Đáp: Tất cả các pháp nhân duyên quả báo vô tận, tất cả các pháp bất khả tận, lúc mới phát tâm vô thượng Bồ-đề đã bất khả tận. Ví như hư không bất khả cùng tận, vì Nhất-thiết-trí phát tâm Bồ-đề, há có thể cùng tận ư? Giới định tuệ giải thoát - giải thoát tri kiến - mười lực vô úy v.v... của chư Phật vô tận, nhờ những điều như vậy mà phát tâm cho nên bất khả tận, tánh chúng sanh vô tận, giáo hóa chúng sanh vô tận, biết tất cả pháp tánh vô tận cho nên vô tận, đây gọi là Bồ-tát phát tâm vô tận. Còn Đàn Ba-la-mật vô tận, cho đến phương tiện vô tận, gồm có tám mươi vô tận, tám mươi vô tận đều có thể hàm chứa được tất cả Phật pháp, từ đây được tên gọi là Vô Tận Ý. Lại trong Tịnh Danh chép: "Sao gọi là tận - Gọi

là bất tận hữu vi? Sao gọi là vô tận Bất trụ vô vi? Hoa Nghiêm có mười pháp môn vô tận, các kinh như vậy đều căn cứ theo giả danh, phân biệt tất cả các pháp nhân duyên quả báo, để nói về Vô Tận Ý”. Lại như kinh Thắng Man chép: “Sắc của Như-lai tất cả đều vô tận - trí tuệ cũng giống như vậy, tất cả các pháp thường trú”. Còn kinh Đại Phẩm chép: “Tất cả pháp phát khởi ý là phát khởi không sai lầm, ý là pháp giới ý thì chẳng phải tận chẳng phải vô tận. Vô tận như vậy ví như chẳng phải thường chẳng phải vô thường đây mới là thường”. Còn trong kinh Tịnh Danh chép: “Pháp hoặc là tận hoặc là bất tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là không - không thì chẳng có tận và bất tận, cho nên biết chẳng phải tận chẳng phải vô tận là nghĩa chân thật vô tận”. Còn kinh Đại Phẩm chép: Si như hư không không thể cùng tận, cho đến già chết như hư không không thể tận, sắc không thể tận cho đến thức không thể tận. Các kinh như vậy đều dựa theo Lý Trung đạo, để gọi Vô tận. Thông đạt pháp không - Giả - Trung của ba đế không thể tận, cho nên gọi là Vô Tận Ý Bồ-tát. Cũng gọi là các nghĩa tâm, trí, thức, sắc, thọ, tưởng, hành,v.v...vô tận không thể nói không thể giải thích không thể chuyển tải điều đó”.

Bồ-tát: Tiếng nước ngoài là Ma-ha Bồ-đề Chất-đa-đát-đỏa, Hán dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Tâm hạnh bắt đầu ấy là phiền não sanh ra, nhị thừa là năm phần pháp thân sanh ra, lục độ Bồ-tát là phước đức sanh ra, Biệt - Viên là Trung đạo sanh ra, vì thế Đại Phẩm chép:”Thân Như-lai ấy là không từ một nhân, một duyên sanh ra, thân Như-lai Bồ-tát là chúng sanh sinh ra, cho nên nói chúng sanh phát tâm cầu Phật, nên nói là đại đạo, lợi ích tất cả dùng pháp đạo thành tựu tha, hoặc nói thành tựu chúng sanh”. Giải thích rộng về nghĩa Bồ-tát như phần thọ Ký.

Ba là Kính nghi, chia làm ba: Đứng lên, vén y bày vai phải, chắp tay. Đứng lên (khởi) sách Lễ chép là thưa hỏi, đứng lên xin, nghiệp khởi. Bồ-tát hướng về Phật đầy đủ hai lễ tiết đó cho nên nói là khởi. Quán thích Bồ-tát thường tu hạnh xa lìa cho nên nói là khởi, cũng là khế hợp các pháp Không - Không chính là chỗ ngồi, ở không này chẳng có gì đắm nhiễm nên nói là khởi. Còn Bồ-tát an trụ trong lý không - lý vốn không khởi, vì thương xót chúng sanh cho nên nối tiếp cơ duyên lợi ích do đó nói là khởi. Lại Trung đạo vắng lặng chẳng phải khởi chẳng phải không khởi, mà có thể khởi, có thể không khởi, cái khởi của vô khởi, khởi tức là thật tướng cũng khởi thật tướng của chúng sanh cho nên nói là khởi.

Vén y bày vai phải: Nước ngoài lấy sự vén y để cung kính bày tỏ. Để lộ vai ấy là bày tỏ sự chấp phụng làm tiện lợi, biểu hiện nghi thức đệ tử phụng sự thầy đầy trách nhiệm làm trò, vì thế cho nên lấy sự vén y làm cung kính. Ở Trung quốc thì sự vén y là khinh mạn, nhưng xưa kia có Tu Giả tiên sinh để lộ thịt trên người cảm tạ hướng về Trương Nghi lộ ra hai xương đùi, nên trung quốc cũng không thường là khinh mạn. Giải thích tỉ mĩ là che phủv.v... lộ ra biểu thị hai đế không - Giả, còn biểu thị quyền thật thì thật sự không thể nói, như che phủ bên trái biểu thị có lợi ích thầm kín quyền biến đối với hóa độ tiện lợi, như bày ra bên phải biểu thị có lợi ích hiển bày.

Chắp tay: Trung quốc lấy sự chắp tay vái làm cung kính, nước ngoài chắp tay lại là tôn kính, tay vốn hai phía nay hợp lại thành một, biểu thị không dám tán động chuyên chú hết mực nhất tâm, từng tâm tương xứng cho nên lấy đó biểu thị sự cung kính. Giải thích tĩ mĩ điều ấy thì xưa kia quyền - thật không kết hợp mà nay được kết hợp. Còn năm ngón tay biểu thị cho năm ấm. Kinh Nhân vương chép: “Pháp tánh sắc, thọ, tưởng, hành, thức”, đây tức là thật trí chân thân cũng có năm ấm, ứng hóa nhân duyên cũng có năm ấm, lý tánh của chúng sanh đạt được cũng có năm ấm, quả báo sanh tử của chúng sanh cũng có năm ấm, bậc Thánh vì hóa độ chúng sanh thị hiện có ứng thân năm ấm, mà ấm quyền - thật sai khác. Nếu lý pháp tánh của chúng sanh hiển bày, bậc Thánh cũng ngừng hóa độ trở về chân, thì quyền - thật không hai. Chắp tay biểu thị cho trở về nguồn gốc, đi vào sự lý chẳng phải quyền, chẳng phải thật khế hợp cho nên chắp tay. Hướng Phật: Biểu thị nhân của muôn thiện hướng về quả muôn đức, cũng là người thực hành phần chứng quyền thật hợp lại, hướng về quyền thật rốt ráo hợp lại cho nên nói làhướng Phật.

Bốn là Phát khởi hỏi: Từ đây trở xuống có hai lần hỏi - đáp, lần đầu hỏi về Quán Thế Âm, lần sau hỏi về Phổ Môn. Lần hỏi trước chia làm ba:

1. Khen ngợi.
2. Nêu ra người thưa hỏi.
3. Chính thức thưa hỏi.

Trong Đại Kinh chép: “Ông có hai trang nghiêm để hỏi nghĩa này, Ta có hai trang nghiêm để trả lời nghĩa này. Nay Vô Tận Ý có hai trang nghiêm muốn hiển bày hai loại trang nghiêm của Quán Âm, khởi sự thưa hỏi Như-lai. Như-lai rốt ráo có đủ hai trang nghiêm, thích hợp trả lời nghĩa này”. Thích Luận chép: Hỏi có nhiều thứ - không

hiểu mà hỏi - thử hỏi - ứng cơ mà hỏi. Nay Vô Tận Ý chính là ứng cơ mà hỏi". Thế Tôn: Tức là khen ngợi tôn hiệu, mười hiệu xuất xứ từ Thích Luận, dùng tôn hiệu đó giải thích Quán Thế Âm Bồ-tát này, tức là nêu lên người được hỏi, đầy đủ như trước giải thích.

Nhân duyên gì: Nhân duyên rất nhiều, sơ lược nói về cảnh trí nhân duyên. Nếu dựa vào chúng sanh thì dùng hai cơ thiện ác làm nhân, linh trí từ bi của bậc Thánh làm duyên. Nếu dựa sát vào quán trí thì bi của bậc Thánh là nhân, chúng sanh cơ cảm là duyên.

"Vì sao hiệu là Quán Thế Âm: Như trên đã giải thích.

Thứ hai đức Phật trả lời chia làm ba: Một là trả lời chung. Hai là trả lời riêng. Ba. Khuyến khích trì niệm. Tổng quát trả lời chia làm hai: Một. Nói về cơ. Hai. Nói về ứng. Cơ chia làm bốn: Một là nêu lên nhân số. Hai là nói về gặp khổ. Ba là nghe danh hiệu. Bốn là xưng danh hiệu.

Một là số ấy là cơ trong mười pháp giới thật sự từ vô lượng mà nói về trăm ngàn muôn ức, đây là sơ lược con đường chung. Nghiệp đồng là như một cõi địa ngục đại khái giống nhau, trong đó tốt đẹp hay hạ thấp có gì khác địa ngục. Như một địa ngục lại có trăm ngàn muôn ức phẩm cách sai khác, mỗi phẩm cách lại có trăm ngàn muôn ức người tội, tội nghiệp người này đích thực giống nhau cho nên cùng chịu một thứ tội khổ. Mở rộng ý này trải qua Ngạ quỉ, Súc sanh - Tu-la - Người - Trời cũng đều như vậy. Vì vậy biết số này là nêu lên ý đồng nghiệp lực. Sở dĩ nêu lên nhiều số là trình bày trăm ngàn muôn ức loại nghiệp gặp phải khổ đau mà xưng gọi danh hiệu, trong một lúc có căn cơ thì trong một lúc có thể ứng, đều được giải thoát, huống chi một người một nghiệp một cơ chỉ có đến mà không thể cứu? Đây là nêu ra các cảnh nhiều cơ để nói lên quán sâu sắc ứng rộng lớn.

Hai là nói về gặp khổ: tức là chịu đựng các khổ não. Lời này thành tựu nghĩa trên. Trăm ngàn ở trên là nghiệp lực giống nhau, đây là nói chung các khổ. Một khổ não là một nghiệp: Tất cả có trăm ngàn muôn ức. Trên nói về số giống nhau - dưới nói về nghiệp khác biệt. Sử dụng ý này trải qua trăm cơ tội đồ của mười pháp giới, không thể nói - không thể nói được. Nay nói chịu đựng khổ não ấy, chính là hiện tại gặp phải khổ ách. Khổ này do kiết nghiệp của quả nhiều cho nên nhân cũng nhiều. Đây chính là trả lời chung - văn lược mà ý rộng. Đầy đủ khắp cả mười pháp giới không chỉ có loài người mà thôi. Trong trả lời riêng sau đó văn rộng mà ý hẹp. Đặc biệt nêu ra bảy nạn trong loài người mà thôi, cho nên đây trả lời chung.

Ba là nghe danh hiệu: Ở trên nói về gặp khổ - kế là nói về sanh thiện, thiện ác hợp lại thành cơ. Đây là nói nghe có bốn nghĩa như thọ Ký. Nếu có thể thông suốt bốn loại nghĩa đã nghe đó tức là Văn tuệ, tâm không hề nương cậy, không trú, không chấp trước tức là tư tuệ, nhất tâm xưng niệm danh hiệu tức là Tu tuệ. Văn này tuy hạn hẹp mà ý ba tuệ hiển bày.

Bốn là xưng niệm danh hiệu: Xưng danh hiệu có hai: Một là sự, hai là lý. Nếu dùng tâm giữ niệm thì niệm niệm nối nhau tâm còn lại không gián đoạn, cho nên gọi là Sự nhất tâm. Hoặc có thể như trong kinh Thỉnh Quán Âm nói niệm gắn liền với đếm hơi thở - mười hơi thở không rối loạn gọi là nhất niệm, hoặc có thể vô lượng hơi thở không xen lẫn ý tưởng khác, tâm và ý tưởng tuy dài cũng gọi là một tâm. Tâm tâm quay về dựa vào cũng không có hai ý, cho nên gọi là Sự nhất tâm. Xưng danh: Hoặc có thể xưng niệm tất như văn này hoặc xưng niệm rộng như văn dưới. Nam mô: Là Từ ngữ của qui mạng, đều là Sự nhất tâm xưng danh.

Lý nhất tâm: Thấu suốt tâm này tự - tha chung nhau không có nhân không thể đạt được, Vô tâm - vô niệm tương ứng với không tuệ, đây chính là vô nhất cũng vô tâm biết tướng âm thanh là không - tiếng gọi hướng về không thật, năng xưng sở xưng đều không thể đạt được, đây gọi là vô xưng, đây là Lý nhất tâm xưng danh. Hai là Ứng: Trước là nói về ứng, kế là nói về giải thoát. Ứng có nhiều loại, Ứng của ba giáo - Ứng không nhất thời, Quán Âm bên Viên giáo nhất thời trọn vẹn ứng cơ các ách nạn khẩn cấp ứng ngay, nhất thời liền nghe liền xưng niệm là cơ mau chóng, vừa nghe liền ứng là ứng mau chóng. “Đều được giải thoát”. Là được ứng ban cho lợi ích. “Đều” là chẳng những hiển bày lợi ích cho nhiều cơ chúng, cũng là hiển bày đối với ứng của đầy đủ khắp nơi. Hoặc lúc là cơ mau chóng - ứng mau chóng bình đẳng lợi ích mau chóng thuận theo văn.

Hỏi: Chúng sanh trong mười pháp giới vô lượng - cơ đã vô lượng, vì sao trong một lúc làm cho được giải thoát?

Đáp: Ví như cha mẹ nhớ con tâm tư sâu nặng nhiều trí nhiều tài vật có đủ thế lực to lớn, các con đang gặp nạn liền có thể cùng cứu cho, Bồ-tát cũng giống như vậy, vô duyên từ bi sâu nặng - hai trí quyền thật sâu sắc, Thánh tài vô lượng - sức thần thông rộng lớn, mười pháp giới tuy nhều mà ứng có dư dật. An Lạc Hạnh chép: “Đại lực nhẫn nhục - kho báu trí tuệ, dùng đại từ bi như pháp hóa độ thế gian”, chính là ý này. Lại như rồng độc tội báo còn có thể dùng một mắt mà nhìn khắp tất

cả, vật bị nó nhìn đều chết, huống chi chủng trí viên minh của Bồ-tát ư? Lại như đá nam châm, gương sáng, lại là đi vào sức Tam-muội Vương trong một lúc mười lần lợi ích cho tất cả. Nghĩa này có đủ trong Đại Bổn Huyền Nghĩa. Hỏi: Nhất tâm xưng danh đều được giải thoát, nay thấy xưng niệm đọc to liên tục, như vậy mà không được chút ít hiệu quả nào vậy? Đáp: Kinh chép: "Nhất tâm xưng danh có sự nhất Lý nhất là hai lộ trình", không áp dụng sao có thể cảm đến Thánh? Ví như đến nhìn mặt sau của gương đối trước hang bịt miệng không nói, sao có thể thấy hình, nghe tiếng vang vọng. Hai là tách biệt trả lời chia ba: Một. Miệng cơ cảm ứng. Hai. Ý cơ cảm ứng. Ba. Thân cơ cảm ứng. Nay nơi miệng cơ chia làm hai: Đầu tiên nói về bảy nạn, kế là kết thúc miệng cơ. Có người chép: Thứ tự ba cơ ấy là miệng biểu hiện ở trước âm thanh thành tựu do ý - ý thức thành tựu thân. Bàn luận thông suốt thì miệng cơ cũng thoát khỏi ba loại khổ, nhưng đầu tiên dứt bỏ quả khổ, kế là trừ bỏ nhân khổ, kế đến là mãn nguyện mang lại niềm vui.

Hỏi: Trong đây nói về cứu trừ đau khổ sao bỗng nhiên ban cho niềm vui?

Đáp: Chút phần ban cho niềm vui là muốn dắt dẫn thâu nhiếp.

Hỏi: Vì sao không ban cho nhân của niềm vui đó?

Đáp: Nhân chẳng phải dắt dẫn thâu nhiếp cho nên không ban cho. Lại văn đó ở sau vì nói pháp là ban cho nhân của niềm vui.

Hỏi: Bi môn đã phần nào mang lại niềm vui, Từ môn cũng nên chút phần dứt trừ đau khổ?

Đáp: Bi trước đây hoàn toàn dứt trừ đau khổ đã xong, về sau chỉ ban cho niềm vui. Không có khổ đáng dứt trừ sao nói đến phần ít? Có người giải thích bảy nạn thành hai cặp và một cặp, lửa - nước vô thức làm một cặp, quỷ và khác chủng loại làm một cặp, vua chúa và trộm cướp cùng chủng loại làm một cặp, Quỷ chia ra khứ lai - Vương nói về khinh trọng cho nên thành ra bảy nạn. Lần lượt ấy là lửa nước vô thức làm nạn thì nặng, quỷ tuy có ý thức mà chẳng cùng loại là kế là, vua chúa và trộm cướp có ý thức mà chẳng cùng loại là kế là, vua chúa và trộm cướp có ý thức cùng chủng loại cho nên nhẹ nhàng. Nhưng quỷ - vương xen tạp lẫn nhau đầu tiên lấy quỷ so với vua, vua nhẹ thì quỷ nặng. Lại vua so với quỷ, vua nặng thì quỷ nhẹ. Hai điểm này tương tợ cho nên nêu ra. Có Sư dùng gió làm thành tám nạn, có người chỉ trích điều đó, văn chép: "Xướng danh đều được giải thoát", nạn La-sát không nói gió làm nạn. Nay nói về bậc Thánh phó cơ việc gì phải phân chia như tình ý này, thứ tự việc gì phải không thứ tự? Nay không giống như

trước ấy là bản này nói về phó cơ dứt khổ, đâu có thể lại dùng ban cho niềm vui mở ra điều đó. Nay nói như thứ tự ấy là trước tiên đi vào cõi nước thuận theo phong tục đi đến miệng cơ làm thứ nhất, ý kín đáo thân hiển bày cho là thứ hai. Nếu tìm ý kinh “v.v...Tức thời xem xét tiếng kêu kia, đều được giải thoát”, kinh không nói thứ tự quán cơ, sao có thể thực hiện thứ tự mà giải thích được? Nơi khác đã làm thứ tự bảy nạn, nay trở lại đối với thứ tự đó mà thôi. Đi vào lửa thì có lo lắng về họa cháy thân, mất mạng, rất là nặng nề cho nên ở đầu tiên. Nước trôi chìm xuống nổi lên kéo dài một ít lâu so với lửa, La-sát tuy hung bạo như kinh nói có năm trăm La-sát nữ, năm trăm người vợ phiêu bạt sinh con hưởng thụ niềm vui, thời tiết hãy còn lâu dài, sau đó liền ăn. Đây lại lâu hơn so với nước. Vua nạn chẳng phải lập tức giết, tra cứu tội lỗi hư, thật - thật thì trừng trị, hư thì tha cho, không giống như đối với quỷ nhất loạt gom lại để ăn, do đó lại kế là La-sát. Quỷ đến chọn người không đích thực đã phân biệt, người suy yếu mới gặp nạn - trốn thoát có thể tránh được, không giống như pháp vua nhất định phán quyết sống chết, vì vậy lại kế là vương nạn. Gông xiềng trói buộc thân không chắc mất mạng, nhưng có cái khổ giam cấm nghiêm ngặt, ít hơn đối với quỷ. Trộm cướp tìm kiếm vật quí chuyển đi vật quý thì hết. Nếu có thể lời lẽ nhún nhường hết sức khéo léo thì phương tiện tức là có thể gắng gượng thoát khỏi. Đây là thứ tự xưa nay mà thôi. Thậm chí như trộm cướp hung ác khẩn cấp phát ra đâu khác gì so với lửa thiêu đốt. Hỏi: Các nạn rất nhiều ý gì phân biệt bảy nạn vậy? Đáp: Đây có nơi biểu hiện người lấy sáu loại thành tựu thân, còn vì sáu loại tự làm hại. Như người cùng chung bảy nạn cùng cư trú lại lấy bảy làm nạn. Nay dùng rộng rãi bảy nạn coi như tóm lại biểu thị sáu loại. Lửa - nước - gió tức là biểu thị ba loại bên trong thân. Dao gậy gông xiềng biểu thị Địa chủng. Quỷ - trộm cướp - vua chúa cùng biểu thị Thức chủng. Ba ngàn đại thiên thế giới biểu thị không chủng. Vì sao Không có thể là nạn? Như thân người có nội Không, Thức vây quanh bốn đại chủng cư trú ở trong, đâu khác gì đại thiên thế giới vây bọc đất nước lửa gió, vua chúa - quỷ - trộm cướp cùng cư trú ở trong? Không là nạn ấy là không là lý do của nạn xảy đến. Như thân thể con người khỏe mạnh thì bệnh bên ngoài không xâm nhập, nếu thân yếu ớt thì thường tật bệnh ép ngặt sầu não. Lại như nhà của người không có tường vách, bọn trộm cắp sẽ vào có thể xảy ra nạn, cho nên Không cũng trở thành nạn. Thức chủng là nạn tâm thức vậy. Suy tính bộc phát ái kiến hủy diệt tuệ mạng pháp thân. Như vua chúa, quỷ trộm cướp cướp đoạt tài vật quý báu, đoạn đứt, tổn hại thọ mạng cho

nên Thức chủng là nạn. Vì lẽ vậy không phân biệt nhiều ấy chính là thuận theo biểu thị điều này. Giả như khiến cho đưa ra nhiều các nạn cũng là biểu thị một điều này. Nạn lửa chia làm bốn: Một. Trì danh tức là thiện làm cơ. Hai. Gặp khổ tức là ác làm cơ. Ba. Ứng. Bốn. Kết luận. Trên đây tổng quát nói chịu đựng các khổ não chưa phân định về tướng khổ. Nay tách biệt trả lời cho nên đưa ra nước - lửa v.v... Giải Thích Các nạn ví dụ chia ra ba ý: Một là dựa theo văn. Hai là nêu sự chứng minh. Ba là giải thích quán hành. Dựa theo văn: Trì ấy là miệng để tụng trì - tâm là nắm giữ, nắm giữ để lý không thể mất, tuy chẳng phải miệng trì mà các giác quan cũng có thể là miệng thực hành, cho nên thông thường thuộc về cơ miệng nghiệp. Nếu có - giả sử có - trở lại có đều là từ ngữ không chắc chắn trốn thoát. Còn lại đều là nạn phát khởi mới xưng danh. Trong đây trước trì danh mà gặp nạn, đây hoặc là trước sau cùng nêu ra mà thôi. Nay nói là nạn lửa bất ngờ tàn khốc cần phải sắp xếp trước để nhớ trì chắc chắn không có nạn này. Nếu có thể có điều ấy, đều là làm cho lìa bỏ những gì giữ gìn, lìa bỏ thiện thuận theo ác gọi đó là giả như (thiết). Như nhân duyên của từ đồng nữ, nếu có thể ý chí tu hiếu thuận thì không gặp vành lửa, làm trái lời mẹ cắt tóc chịu đựng cái khổ địa ngục. Đây là giữ gìn hiếu thuận thì không gặp vành lửa. Đây là giữ gìn hiếu thuận không có thể hoàn toàn đưa ra nhiều nhân duyên v. v... Người thực hành trì danh vốn không phải gặp nạn vì duyên sai khác nên bỗng nhiên quên. Giả như đi vào lửa lớn đau khổ có thể hành trì trước, liền được khỏi nạn. Nạn lửa đã nặng nề thì cơ cần phải sâu sắc, cho nên trước trì sau thoát ra, nghĩa đó có thể thấy. Sức oai thần là kết thúc nạn lửa. Kế là dẫn ra chứng cứ: Đời Tấn có Tạ Phu soạn truyện Quán Thế Âm Ứng Nghiệm, Tề Lục Quả lại soạn tiếp, truyện đó chép: “Trong niên hiệu Nguyên Khang nhà Tấn có Trúc Trường Thư ở Lạc Dương vì lửa lan ra đã đến, nhà tranh dưới gió đâu thể nào tránh khỏi, bèn nhất tâm xưng danh gió quay lại, lửa chuyển sang nơi khác mà tắt. Người trong làng thấy biết nông cạn nói là tự nhiên như thế. Nên nhận một ngày có gió, khô ráo, ném bó lửa đốt cháy nhà kia, ba lần ném vào ba lần đều tắt, liền rập đầu sám tạ. Pháp lực quay về Lỗ quận xây dựng tinh xá, ở trên khe núi xin được một xe vừng, giữa đồng trống gặp đám lửa, Pháp Lực mệt mỏi liền nằm nghỉ một chốc, vừa tỉnh dậy đã thấy lửa cháy ập đến, bèn cất tiếng xưng chữ Quán, chưa đến chữ Thế Âm mà ứng thanh lửa tắt. Còn Pháp trí gặp lửa ngoài đồng trống, đầu mặt làm lễ dốc lòng xưng danh hiệu, nơi khác đều đốt cháy mà chỗ Trí dung thân không tổn hại”. Còn Ngô Hưng Quận Sử ở đây đều ghi chép vào truyện

rõ ràng chẳng phải là kia nói để tin. Ba là dựa vào quán hành giải thích: Lửa có nhiều loại - có lửa quả báo - lửa nghiệp - lửa phiền não. Lửa quả báo đến Sơ thiền, lửa nghiệp ở khắp cả ba cõi, lửa phiền não ở khắp cả người ba thừa. Nạn lửa quả báo: Từ địa ngục có, lên đến Sơ thiền đều có nạn lửa quả báo. Như A-tỳ cách xa con tám muôn bốn ngàn trong ngoài thấu suốt trên dưới chen lẫn rất nóng. Tay chân ngạ quỷ bốc khói cử động thân thể cháy khô. Súc sanh nấu luộc nóng bức quay nướng hầm rang. Tu-la cũng có nạn lửa. Thiêu đốt trong loài người hiện tại nhìn thấy. Nếu đến lúc kiếp tận thì Tu-di cháy hết, cung điện chư thiên đều bị hủy hoại hết, từ Sơ thiền trở xuống không tránh khỏi nạn lửa. Tất cả mười lăm Hữu chúng sanh trăm ngàn muôn ức cnghiệp ác khổ não, người trì danh hiệu Quán Thế Âm này thì lửa không thể thiêu đốt, đâu chỉ dừng lại giải thích ở người Diêm-phù-đề ư! Đây giải thích thẳng thắn quả báo mười lăm Hữu, so với giải thích trước về lửa thật đáng cười thay! Chín loại chúng sanh khác, giải thích kia chẳng hề đề cập đến.

Kế là nói về lửa nghiệp ác của A-tu-la: Tùy theo nơi chốn có bỏ ác tu thiện, hoặc năm giới mười thiện phần nhiều bị nạn nghiệp ác, vì vậy kinh chép: "Thiêu đốt các gốc lành không gì hơn sân hận". Tuy sanh cõi Hữu Đảnh mà trên đầu lửa cháy, Thuật Sa-già-ba bị lửa dục thiêu đốt. Kinh Kim Quang Minh chép: Lửa lo buồn rừng rực nay đến thiêu đốt Ta, có thể phá tan nghiệp thiện lìa bỏ trên rớt xuống dưới, đều gọi là lửa". Nếu có thể xưng danh hiệu được xa lìa nghiệp ác, cho nên kinh Thỉnh Quán Âm chép: "Người phá bỏ phạm hạnh làm mười nghiệp ác, trừ hết cấu bẩn khiến cho được thanh tịnh, nhờ sức uy thần của Bồ-tát này".

Kế là nói về lửa phiền não: Nếu người Thanh-văn chán ghét sanh tử, xem nhân quả ba cõi giống như nhà lửa, kết nghiệp bốn đảo chỉ bốc lên khói nóng, trôi lăn sa đọa bị lửa thêu đốt, sanh tử lan tràn ngày đêm không ngừng, thường tìm cầu phương tiện tranh nhau xô đẩy ra khỏi nhà lửa, xưng Quán Thế Âm cơ trở thành cảm ứng, cưỡi trên xe dê mau chóng ra khỏi nhà lửa, nhập vào Niết-bàn Hữu Dư - Vô Dư, liền được giải thoát. Kế là nói về Bích Chi Phật. Kế là nói về thực hành Lục độ. Kế là nói về Thông giáo. Kế là nói về Biệt giáo. Kế là nói về Viên giáo. Kế là nói về người độn căn thuộc cõi Biến dịch. Kế là nói về người lợi căn thuộc cõi Biến dịch. Tất cả có chín loại người thực hành. Lúc tu đạo hoàn toàn bị sự thiêu đốt làm hại của lửa năm trụ phiền não hoặc, tất cả tu phương tiện, phương tiện chưa thành tựu mà nạn lửa

thường ép ngặt, xưng Quán Thế Âm thì phương tiện liền thành tựu chính là được giải thoát. Nhất nhất như vậy thích hợp nghĩa tinh tế thực hiện cơ cảm của pháp môn đó.

Hỏi: Bồ-tát an trú pháp môn nào mà có thể như vậy?

Đáp: Vô lượng pháp môn của Bồ-tát không ra ngoài hai quán Biệt - Viên, căn bản phát khởi từ bi cho nên thường đối với mười loại chúng sanh thùy ứng nhiều loại. Vì sao như vậy? Bởi vì nguyên sơ Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, thấy lửa quả báo thiêu đốt các chúng sanh. Liền phát khởi từ bi thề sẽ độ thoát. Thọ trì cấm giới cũng khởi lên từ bi. Cứu cnghiệp ác lửa. Tu vô lậu quán xương trắng đầy khắp phát ra Hỏa quang Tam-muội, trong tám thắng xứ có Hỏa thắng xứ, trong mười nhất thiết xứ có Hỏa nhất thiết xứ, đều khởi lên từ bi nên biết vì chúng sanh dập tắt lửa phiền não. Lại quán các lửa đều là pháp, do nhân duyên sanh thể đó tức là không. Lại từ lửa không mà quán lửa giả phân biệt nhân duyên. Lại quán lửa Trung - thấy thật tướng lửa. Như vậy lần lượt từng tiết một đều có từ bi thề đảm đương lợi ích chúng sanh. Nay an trú Bổ xứ có lực dụng vô tận, dùng lực bổn thệ xông ướp các chúng sanh không hề lìa bỏ, tùy có cơ cảm liền có thể thùy ứng. Nếu sự cố xảy ra xưng danh hiệu cầu cứu, tức là đối với từ bi trong quả khi xưa mà cứu trừ đau khổ mang lại niềm vui. Lửa nghiệp ác khởi lên liền sử dụng từ bi trong trì giới tu định, lửa phiền não khởi lên liền sử dụng từ bi của vô lậu đi vào Không - đi vào Giả - đi vào Trung, từng tiết một liên quan lẫn nhau. Nếu cơ chúng sanh tranh nhau phát khởi trong một lúc dẫn dắt đến cảm, từ bi ứng khắp nơi đều được giải thoát. Như trong Hoa Nghiêm quyển bốn mươi chép: "Thiện tài đến nước Tiến Cầu, thấy Bà-la-môn Phương Tiện mạng tu khổ hạnh cầu Nhất-thiết-trí, có núi đao lửa bốn phía lửa bao vây, từ trên núi đao tự nhảy vào lửa, nói với Thiện Tài: Người có thể vào đây là thực hành hạnh Bồ-tát. Thiện Tài sinh nghi nói là tà pháp. Phạm thiên nói Thiện Tài, đừng dấy lên niệm này, đây là người đại trí kim cương muốn cạn khô biển ái: Trời Tự Tại chép: Bồ-tát này năm hơi nóng quay nướng thân, khiến tà kiến Ngã diệt, xa lìa các ma Ngã tâm. Lại chép: Lúc Bồ-tát quay nướng thân, cung điện chúng ta giống như đống mực tối đen, Ta liền phát tâm Bồ-đề, cho đến Tha Hóa trời Tự Tại ở trong phiền não được pháp môn tự tại, thậm chí rồng - quỷ - A-tỳ đều phát tâm Bồ-đề xả bỏ niệm ác vốn có. Thiện Tài nghe trong hư không nói rồi liền hối hận sai lầm, lên núi đao đi vào bựng lửa lớn, chưa đến liền được Tam-muội của Bồ-tát an trú, đi vào lửa được vắng lặng an vui Bồ-tát chiếu minh Tam-muội." Núi lửa này ấy gọi là Vô tận pháp môn. Nếu

đi vào môn này có thể biết các pháp, do đó đưa ra pháp môn lửa trong kinh kia như vậy, chứng minh thành tựu pháp môn lửa của Quán Âm từ bi cứu khổ mười thứ lợi ích.

Kế là nói về Bồ-tát vốn tu Viên quán đã phát khởi từ bi: Chỉ quán sát một ngọn lửa có đủ mười pháp giới, tất cả các pháp đi vào môn chữ "lửa" đối với một môn lửa tuy không phân biệt, mà nhận biết rõ tất cả các loại lửa quả báo - lửa nghiệp - lửa phiền não, hiểu rõ ràng thông suốt, từ bi vô duyên che phủ tất cả mọi nơi, đây là môn lửa đi vào Vương Tam-muội. Nếu lửa pháp giới dấy lên thì Bồ-tát dùng bổn địa thệ nguyện, rộng khắp tiếp ứng chúng sanh như đá nam châm hút sắt. Tuy không phân biệt mà phân biệt nói ra, lấy hai mươi lăm Tam-muội cứu lửa quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu lửa tu nhân, hai mươi lăm Tam-muội cứu tất cả lửa phiền não, nhập Không của các hạng Nhị thừa - Thông giáo - Lục độ - Biệt, Viên v.v... Trở lại sử dụng hai mươi lăm Tam-muội cứu lửa ra ngoài Giả của Biệt giáo. Còn dùng hai mươi lăm Tam-muội đầy đủ cứu lửa phiền não của người Viên giáo đi vào Trung. Tuy phải đi vào các loại lửa mà không bị các loại lửa thiêu đốt. Kinh Đại Tập chép: "Giống như hư không lúc nạn lửa phát khởi, chẳng thể thiêu đốt hư không, Bồ-tát cũng như vậy, dùng từ bi bất tư nghị, rộng khắp tiếp thu tất cả đều được giải thoát". Thông thường giải thích về bảy nạn, chỉ giải thích cứu khổ trong loài người mà không giải thích khổ trong hai mươi bốn Hữu và khổ trong Biến dịch, nên chỉ đắc một phần ít Tam-muội Như huyễn, hoàn toàn mất đi công dụng rộng lớn của hai mươi bốn Tam-muội. Thứ hai nạn nước: Cũng chia làm ba ý: Một là nêu theo văn; Hai là dẫn chứng; Ba là giải thích quán. Thuận theo văn chia làm ba:

Một. Gặp nước là có khổ; Hai. xưng danh là thiện; Ba. Được chỗ nông cạn là ứng. Hỏi: Ý nói bị nước lớn cuốn trôi ư? Đáp: Nước ít không trở thành nạn hoặc chơi đùa cho nên xuống nước cũng không thành nạn. Muốn nói nạn này nên nói bị nước lớn cuốn trôi. Nạn lửa sở dĩ chắc chắn không nói lửa lớn, vì lửa ít cũng có thể mất mạng, hoặc cố ý nhảy vào hoặc không cố ý nhảy vào; nhảy vào thì làm hại thân mạng. Đây là đưa ra nạn nặng nề, còn được cứu huống chi nạn nhẹ ư? Vì thế cho nên nói rằng nhảy vào lửa mà không nói nhảy xuống nước. Nói lửa lớn đó mà không nói đến nước lớn, nước nói về nông cạn tức là trở thành ứng, lửa hãy còn ít đang chưa trở thành ứng.

Hai là dẫn chứng: Truyện Ứng Nghiệm chép: "Hải Diêm cùng đi với bạn bị nước nhấn chìm, người này xưng Quán Âm, tình cờ bám

được một tảng đá, mệt mỏi quá như muốn ngủ, mộng thấy hai người chèo thuyền gọi vào, mở mắt quả nhiên thấy có thuyền và người đưa đi đến bờ, không thấy người và thuyền nữa, người này bèn xuất gia làm Sa-môn đại tinh tiến. Lại nữa, Lưu Trừng tùy theo Phí Yêm, làm người chăn nuôi ở Quảng Châu, đi đến cung thuyền dừng lại lại vì gặp gió, mẹ Trừng và hai con từng tiếng liên tục xưng danh Quán Thế Âm, bỗng nhiên thấy hai người đẩy thuyền liền được yên lành. Vợ Trừng ở thuyền khác không vượt sông được. Ba người Đạo Linh nương theo băng vượt qua bến sông Mạnh, gần nữa đoạn đường một người trước rơi xuống một người kế là chìm nghỉm, Linh tiến lùi trên băng chắc chắn chết, không còn nghi ngờ gì, bèn một lòng xưng niệm Quán Thế Âm, chân như vượt qua tấm ván - đêm tối gặp được ánh sáng đỏ thẳng tấp đến bờ". Trường hợp này rất nhiều, đều được Thánh lực che chở.

Ba là dựa theo quán để giải thích: Nước quả báo đến Nhị thiền, nước nghiệp ác có ở cả ba cõi, nước phiền não có ở cả Đại thừa Tiểu thừa. Như địa ngục vạt nóng nước sôi phẩn giải biển mặn sông tro trôi nổi đắm chìm, trong đường ngạ quỹ cũng có lấp sông bít biển, súc sanh chìm ngập sóng đập gây ra tai hại, A-tu-la cũng có nạn nước, trong loài người có thể biết. Nạn nước đến Nhị thiền dâng tràn không bờ bến, lúc này nếu không xưng niệm danh hiệu còn không đến chỗ sông cạn, huống chi mãi mãi tránh được ư? Kế là là nước nghiệp ác: Các điều ác phá hoại thiện nghiệp ấy, đều gọi là sự hủy hoại của nhân duyên ái dục và sóng nước nghiệp ác. Trút vào trong ba đường ác quên mất chánh niệm như buông bỏ phao nổi, kiến, tư như La-sát, thoái thiện vào ác tức là nước trôi, đâu cần phải sóng to gió lớn? Nếu có thể nhất tâm xưng niệm danh hiệu liền được chỗ nông cạn. Kế là nói về nước phiền não: Kinh chép: Sông lớn phiền não có thể cuốn trôi động hương Tượng. Duyên-giác quán sát nước ái dục thêm lớn, rừng dày hai mươi lăm Hữu, nước dâng tràn ngập não loạn Ngã tâm, sóng to gió lớn, có sông xoáy ngược nhấn chìm chúng sanh, tối tăm mù mịt mà không thể vượt ra, bờ Niết-bàn kia làm sao bước lên được ". Cơ của người nhị thừa tu ba mươi bảy phẩm, vận động tay chân ngăn chặn bờ có sanh tử hiểm nguy, đường phía trước xa tít tấp nhất tâm xưng niệm danh hiệu, nếu phát kiến đế Tam-muội đều gọi là chỗ cạn, vô học là bờ bên kia. Kế là Bích-chi-Phật lấn át tập khí là chỗ cạn, Thông giáo chánh tập hết là bờ bên kia. Kế là Biệt giáo dứt trừ bốn trụ là chỗ cạn, dứt trừ vô minh là bờ bên kia. Kế là Viên giáo: Lục căn thanh tịnh là chỗ cạn nhập Đồng luân là bờ bên kia, trong Biến dịch thì dứt từng phần là chỗ cạn, cuối cùng vô minh

không còn mới gọi là bờ bên kia. Lại sơ quả tránh được kiến lưu, Tam quả tránh được Dục lưu, tứ quả tránh được Hữu lưu, cho đến Viên giáo mới tránh được vô minh lưu, Bồ-tát sở dĩ khắp nơi ứng cứu nạn nước, đều là vốn có tu từ bi hai quán Biệt - Viên, ngày nay thành tựu năng lực của Vương Tam-muội. Vì sao như vậy? Bởi vì lúc Bồ-tát tu biệt quán, thấy chúng sanh nổi trôi trong nước quả báo, khởi lên thệ nguyện cứu giúp. Lúc Bồ-tát tu giới - định, dùng thiện chữa trị ác, đối với nước các thiền định - nước quang Tam-muội - nước thắng xứ - nước nhất thiết xứ, đều khởi lên từ bi dùng thiện thay đổi ác. Lại từ nước Giả đi vào Không phát ra chân vô lậu, từ Không ra goài Giả đạt được nước nhân duyên, đi vào nước Trung đạo thấy nước thật tướng, từng tiết pháp môn đều khởi lên từ bi xông ướp các chúng sanh khiến cho thành tựu vương Tam-muội. Vắng lặng mà thường soi chiếu chúng sanh bị nổi trôi trong nước quả báo, xưng danh hiệu làm cơ phù hợp Sự, Từ bi cứu giúp quả báo, nước giới định từ bi cứu giúp nghiệp ác, ba quán từ bi cứu giúp phiền não, tất cả trong một lúc đều được giải thoát. Như Hoa Nghiêm quyển ba mươi tám chép: “Thiện Tài đến cõi nước Hải Môn, Tỳ-kheo Hải Vân nói cho kinh Phổ Nhãn rằng: Mười hai năm nay thường quán sát biển này dần dần càng sâu, oai nghi của thân lớn, châu báu chứa nhóm quán sát như vậy rồi thì thấy đáy biển mọc lên hoa sen lớn, vô lượng trời rồng - tám bộ trang nghiêm trên hoa, có Đức Phật tướng tốt vô biên, đứng trước duỗi tay phải xoa đỉnh đầu tôi, nói cho nghe kinh Phổ Nhãn một ngàn hai trăm năm, “Một ngày vốn được A-tăng-kỳ phẩm vô lượng vô biên. Nếu lấy nước biển làm mực - Tu-di nhóm hợp làm bút, viết chép kinh này không thể nào hết được”. Nên biết rằng pháp môn nước thâu nhiếp tất cả các pháp, cũng như Đại Phẩm môn chữ A đầy đủ tất cả các nghĩa, Quán Âm đối với pháp môn nước thông đạt đã lâu, cho nên có thể khắp nơi tiếp ứng tất cả nạn nước. Lại vốn có tu pháp môn viên quán, vô duyên từ bi khắp ứng tất cả là quán sát môn chữ “nước” mười pháp giới hướng về chữ, “nước” là hướng về không vượt qua, nước còn không thể đạt được, nói gì sẽ hướng về - không hướng về. Mười pháp giới hướng về nước là Tục đế, nước còn không thể đạt được tức là Chân đế, sao nói sẽ có hướng về, không hướng về, tức là cả hai chẳng phải mà hiển rõ Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Như vậy nghĩa của ba đế quán sát chữ “nước” trong mười pháp giới, tức là hướng về vô duyên từ bi khắp nơi xông ướp ba đế - chúng sanh trong mười pháp giới, cho nên có thể ứng trọn vẹn tất cả. Nếu phân biệt quán sát, dùng mười sáu Tam-muội cứu nước quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu nước nghiệp

ác, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu nạn nước đi vào không Hữu lưu của Nhị thừa - Thông - Biệt - Viên. Dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu Biệt giáo ra khỏi Giả, ở trong dòng Hữu khiến cho không vấy nhiễm dịch bệnh. Dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu nạn nước của dòng vô minh thuộc Viên giáo nhập Trung đạo. Tất cả ngay một lúc đều được giải thoát. Thứ ba là nạn La-sát cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn. Hai là Dẫn ra sư. Ba là Giải thích quán. Thuận theo văn lại chia làm hai: Một - Nói về nạn. Hai. Kết luận tên gọi. Trong nạn chia làm năm: Một. Đưa ra số. Hai. là nói về lý do gặp nạn. Ba. Gặp phải khổ đau. Bốn. Nói về cơ. năm Nói về ứng. Về nhân số chỉ nêu ra số chung trăm ngàn không phân định nhiều ít, rõ ràng đi vào biển tìm cầu vật quí kết bạn không chắc chắn, số tuy không nhất định nhưng số cuối cùng không thể một mình hướng tới, vì vậy đưa ra trăm ngàn. Kinh Hiền Ngu chép: “Ruộng vườn sinh sản trăm lần - người buôn đánh giá ngàn lần - làm quan muôn lần, đi vào biển may mắn trở về được vô lượng lần”, do đó đi vào biển. Kế là gặp phải gió là lý do gặp nạn, dẫn ra văn dưới chứng minh. Nay nếu khai bày gió làm chánh nạn, văn dưới chép: Đều giải thoát nạn do La-sát”. Đây há không phải là nạn La-sát hay sao? Nạn do chánh ứng không thuộc về nguyên do ấy, sao chỉ do gió, do gió rơi vào nạn do đi vào biển gặp phải gió. Cầu tìm vật quí đi vào biển bởi tham cầu trân bảo quí giá, xoay vần liên tục lẫn nhau bởi vì nạn gió cấp thiết, cho nên gió là lý do rơi vào nạn. Bảy thứ báu chính là ngọc ngà châu báu là vật quí gần cạnh. Còn châu báu như ý là tối thượng, nay nói Đẳng là các thứ báu loại cao loại thấp. Kinh Lâu Thán chép: “Biển lớn có bảy thứ báu giống như vật báu, một trăm hai mươi loại châu báu thực sự”. Hắc Phong: Xưa nói gió không màu sắc thổi cát đen cho nên như vậy. Có người công kích điều này rằng: Trong cát không có thuyền - trong nước không có cát, chẳng phải là thổi cát đen mà chính là thổi mây đen mà thôi. Nay trở lại ví dụ nạn này, trong nước không có mây - trong mây không có thuyền, sao có thể công kích cát mà phân biệt mây? Gió có thể thổi mây đen vì sao không thể thổi được cát đen? Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Gió đen xuyên thủng ngọn sóng”. Nhân Vương Bát-nhã nói gió có sáu màu sắc: Đen, đỏ, xanh, trời, đất, lửa. Kinh Thọ Ấm nói về năm loại gió. A-hàm cũng chép: “Có gió đen - gió đen thêm nữa rất là khiếp sợ”. La-sát là quỷ ăn thịt người, xác người thối rửa có thể niệm chú nuôi giữ làm cho tươi lại. Lại có quỷ ăn tinh khí, trong tim người có bảy giọt nước ngọt hòa hợp nuôi giữ tinh thần, quỷ ăn một giọt khiến cho người đau đầu, ba giọt thì buồn bực vô cùng, bảy giọt hết cả

thì chết. Một người xưng danh hiệu những người khác đều thoát nạn: Cùng chung thuyền buồn lo cảm thường ngung lại hay tán loạn, tuy miệng không xướng gọi như nhau, mà tâm giúp nhau tìm kiếm phước cho nên đều được cứu giúp quả là đồng đều. Nếu sau đó gặp giặc cướp thì đồng thanh, tức là trên đất liền tâm phần nhiều không thể cùng quyết định, cần phải xưng gọi hiệu lệnh, khiến cho đều nhau khác với tai nạn trên nước, vì sao ngay ở đây kết thúc tên gọi của Quán Âm? Đây chính là dựa vào một người xưng danh hiệu mà dựa vào gồm đủ mọi người trong nhóm, rõ ràng Từ lực che phủ rộng khắp cứu hộ bình đẳng, biểu hiện tên gọi của Quán Âm. Hai là dẫn việc chứng minh - Truyện Ứng Nghiệm chép: "Hơn một trăm người nước ngoài từ nước Sư tử đi biển hướng về Phù Nam, giữa đường, bỗng gặp gió mạnh lạc vào nước quỷ, chúng muốn ăn tất cả. Một nhóm người trên thuyền sợ hãi xưng niệm Quán Âm, trong đó có một Sa-môn Tiểu thừa không tin Quán Âm, không chịu xưng danh hiệu. Quỷ lôi vị Sa-môn này đi, vị Sa-môn quá khổ nên xưng niệm theo cũng được thoát nạn".

Kế là quán giải thích: Không chỉ nói về gió trong thế giới, mà hắc nghiệp cũng gọi là gió. Kinh Hoa Nghiêm nói "Hiềm khích thù hận là gió mạnh thổi bừng lửa của tâm tội lỗi thường khiến cho bốc cháy rừng rực, thổi bừng các người đi buôn lạc vào đường ác, đánh mất căn nhà thiện của loài người và Thánh tài vô lậu". Từ địa ngục lên đến Tam thiền đều có nạn gió của quả báo: Như Kinh Tăng Hộ nói về các loại hình tướng của địa ngục, gió to sóng mạnh nhấn chìm đến mức hủy hoại. Cái ăn của ngạ quỷ như trong đường quỷ gió lạnh cắt xương, nát thân. Loài súc sanh bay chạy, tổ sập, trứng đổ sao có thể nói hết được. Tu-la cũng có nạn gió xảy ra thì các núi va chạm vào nhau, trên đến Tam thiền các cung điện nát vụn thành cát bụi. Lúc đang như vậy ai là người có thể cứu giúp? Chỉ nên một lòng xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng năng lực Vương Tam-muội, hoặc dùng tay che chắn hoặc dùng miệng hút, vô lượng phương tiện khiến cho được giải thoát. Kế là nói nếu tu các thiện ác, gió nghiệp thổi làm hủy hoại thuyền năm giới mười điều thiện, rơi vào nước ba đường quỷ và trong cảnh ái kiến. Đại Kinh chép: "Nữ La-sát hễ sinh ra đứa con nào thì đều ăn hết, ăn con đã hết lại ăn chồng họ, khẩn cấp cần phải xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng lực từ bi có thể khiến cho giải thoát". Kế là nói về người nhị thừa phân biệt vật báu Thánh tài. Vì gió phiền não thổi thuyền tuệ hành, thuyền tu hành rơi vào cảnh kiến ái, vì ái kiến nên bị La-sát làm hại. Nếu thường xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì được thoát khỏi

hai vòng kiến ái, mãi mãi được tránh khỏi hắc nghiệp của hai mươi lăm Hữu.

Kế là nói về Bích Chi Phật - lục độ hạnh - Thông - Biệt - Viên - Biến dịch v.v... Đi vào biển phiền não nhặt vật báu Nhất-thiết-trí, gió dữ tám đảo đã thổi trôi dạt, thuyền các hành rơi vào nước quỷ nhị biên, dùng tâm chánh quán, thể đạt các pháp không sanh không diệt, đi vào trong thật tế, liền được giải thoát. Nghĩa quỷ hợp với chương trước sau cho nên không nói lại. Nạn gió trong pháp giới vô lượng cùng lúc ứng đầy đủ là đều do từ bi của Biệt - Viên xông ướp, Bồ-tát vốn có tu Biệt quán, thấy gió trong sự lập liền khởi lên từ bi tu giới định tuệ, thấy gió nghiệp ác liền khởi lên từ bi lúc tu ba quán, từng tiết từng tiết từ bi khiến cho đi vào trong gió thật tướng của Vương Tam-muội, dùng sự từ bi cứu gió quả báo, dùng định tuệ từ bi cứu gió nghiệp ác, Ba quán từ bi cứu gió phiền não, cho nên có thể dứt trừ mười thứ tai nạn. Nếu thực hiện Viên quán nói về cơ ứng thì chỉ quán môn chữ “Gió” đầy đủ soi chiếu mười pháp giới, ba đế rõ ràng thông suốt không ngăn ngại từ bi che phủ khắp nơi. Nếu phân biệt nói về vương Tam-muội thì, dùng mười bảy Tam-muội cứu gió quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu gió tu nhân, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió phiền não từ Giả đi vào Không của Nhị thừa - Thông - Biệt - Viên, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió vô tri ra khỏi Giả của Biệt giáo, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió vô minh đi vào Trung của Viên giáo. Biến dịch có thể hiểu. Như vậy cứu khắp cả pháp giới, tất cả cùng lúc đều được giải thoát.

Thứ tư nói về nạn dao gậy cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm ba: Một. Gặp phải nạn tức là khổ. Hai. Xưng danh hiệu tức là thiện, Ba. Ứng.

Nay nói đao gậy gẫy từng khúc ấy là nói người cầm dụng cụ giết hại, một gãy một đến tùy theo đến tùy theo mất, càng hiển bày uy lực to lớn.

Hỏi: Nước - lửa sao không làm cho diệt bớt vậy?

Đáp: Dao gậy gãy tiếp tục đến lại nói về Thánh lực, nước - lửa sau khi diệt ai lại mang đến. Đã không mang đến thì diệt hiển bày chỗ nào? Nay chỉ khiến cho dứt bặt nóng bức không thiêu đốt, dòng nước lớn càng thêm nông cạn, còn nói lên uy lực rộng lớn đều có ý đó, không thể nào một ví dụ làm nạn. Hai dẫn ra sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Trong thời Tần Thái Nguyên ở Bành Thành có một

người bị vu oan là cướp, vốn cúng dường tượng vàng đeo trong búi tóc, sau cúi đầu dưới pháp đao chỉ nghe tiếng vàng, đao ba lần gãy mà đầu vẫn vậy. Cởi ra thấy tượng có ba vết đao, do đây được tha. Lại nữa, nước Thục có một người dùng hộp chiên đàn đựng tượng đặt trong búi tóc, gặp Diêu Trường đánh đất Thục. Người này và Diêu Trường gặp nhau, Diêu Trường dùng tay chặt người đó nghe ở cổ có âm thanh, lùi lại sau xem tượng quả nhiên thấy có vết, người đó cảm thấy đau buồn, lẽ nào tổn hại thân mình biến thành làm hại uy dung của bậc Thánh, nên sau càng thêm tinh tiến, Thời Tấn Thái Nguyên có Cao Câu Sách người Dương Kinh, phạm pháp sắp bị hành hình nên một lòng qui mạng, xiềng xích kẹp chặt không thấy nơi nào, hạ đao thì đao gãy, treo cổ thì dây đứt từng khúc, liền bán vợ con và tự mình xây dựng năm tầng tháp ở huyện Kinh.

Thời Tống Thái Thỉ lúc đầu chiến tranh hỗn loạn khắp bốn phương, Thầm Văn Tú chăn nuôi ở Thanh Châu, nói cho người địa phương biết về sự công kích của Tăng Tuấn. Tú đem cây đường lê chúc mừng lôi kéo vợ Tư Mã Thị v.v...” Ba là giải thích quán: Chẳng những dụng cụ giết hại của thế gian gọi là dao gậy, nghiệp ác cũng có thể làm tổn hại nghiệp thiện thân mạng. Những phiền não như sáu trần - ba độc đều gọi là đao tên. Từ địa ngục trở đi thì có núi dao móc xương cây kiếm làm hại thân thể, cưa tách ra mổ xẻ thái nhỏ bừa bãi khổ sở. Ngạ quỷ lại chém chặt nhau làm thương tổn lẫn nhau. Súc sanh tự nhiên có trống mái ngà sừng tự va chạm xung đột nhau, còn bị cắt gãy bóc lột. Tu-la ngày đêm đánh nhau. Vua rồng làm mưa rơi biến thành lưỡi dao. Trong loài người trước đi trên dao sắc bén nhưng lại sợ hãi nạn chém giết, lại có chết đột ngột ngoài biên ải, lại có ngầm dao nơi chợ búa phía Đông. Lúc trời đánh nhau với Tu-la năm tình thất thủ, đều có nỗi khổ của dao gậy lo sợ mất mạng. Nếu có thể xưng niệm Quán Thế Âm, hoặc cảm ứng hình phạt do đao sẽ bị gẫy từng đoạn, hoặc cảm ứng sức lực cân bằng đứng giữa trận chiến khiến cho được yên hòa.

Kế là nói về tu các nhân thiện, vì đao tên ba độc nghiệp ác phá hoại tâm thiện, cắt đứt da Giới - thịt Định - xương Tuệ, tâm tủy vi diệu định tuệ pháp thân, thoái mất rơi rụng mất đường trời - người. Cho đến chánh mạng khó bước lên mà dễ nhào xuống, muôn kiếp không trở lại khởi lên tâm sợ hãi, xưng niệm Quán Thế Âm được cứu hộ, ba độc Không làm tổn hại rõ ràng lên cao thọ hưởng vui sướng, chính là năng lực của Bồ-tát. Kế là trình bày người hàng Thanh-văn chán ngán tai họa sinh tử liền quán sát kiến tư trong ba cõi dữ dội hơn đao tên. Vì vậy Đại

Kinh chép: “Thà suốt đời thân cận hàng Chiên-đà-la, chứ không nên tạm thời gần gũi năm ấm ái giả dối thân thiện, sáu giặc rút đao hướng về đường chánh như là xua đuổi oán hận”. Đại Luận chép: “Giống như lâm trận giữa dao sắc, giặc kết sử chưa dứt não hại chưa trừ, như ở chung phòng với rắn độc, như người bị trói đem đi giết, lúc này làm sao yên lòng ngủ được”. Ngũ Khổ Chương Cú chép: “Mười hai lớp như thành trì - ba lớp như giậu gai - năm người rút dao giữ cổng, lúc này suy nghĩ sợ hãi như vậy nhờ đâu thoát được? Ngay nơi đường chánh, cần phải dốc lòng xưng niệm Quán Thế Âm, ba nghiệp rất đỗi chu đáo thì cơ thành tựu cảm thông suốt, có thể xé toạc tấm phiếu sanh tử vượt qua dòng sông ân ái, không bị dao gậy phiền não làm hại, chúA-dục vua ma vì sao không như thế?” Kế là nói về Bích Chi Phật, tiếp tục nói về lục độ hành, tiếp tục nói về Thông - Biệt - Viên - Biến dịch v.v... Đao tên năm trụ làm hại pháp thân tổn thương Tuệ mạng, nếu có thể xưng danh hiệu thì được Thánh cảm ứng khuyên nhủ xa lìa dao gậy Thông - Biệt thoát khỏi đất của hai tử, há chẳng phải từ lực của Pháp thân ư? Lại tiếp tục nói về cơ - ứng dao gậy khắp cả pháp giới. Bởi vì từ lúc đầu tu quán Biệt - Viên, thấy các dao nhọn tổn thương hủy hoại, liền khởi lên từ bi mình nên cứu hộ. Lúc tu thiện ngăn ác, đối với nghiệp thiện ác lại khởi lên từ bi. Nếu quán sát dao gậy là nhân duyên sanh ra pháp thì lúc tu ba quán, lại khởi lên từ bi lấp đầy hạnh nguyện. Nay an trú trong Vương Tam-muội, vô lượng thần lực dùng bổn sự từ bi hướng về dao gậy quả báo, tu thiện từ bi cứu giúp dao gậy nghiệp ác, ba quán từ bi cứu giúp dao gậy phiền não. Dao gậy là chất ngại thuộc về môn chữ Địa thâu nhiếp, Bồ-tát đối với môn Địa chất ngại hiểu rõ ràng thông suốt như Hoa Nghiêm bốn mươi trình bày: “Đồng nữ Di Đa-la ở trong cung Sư Tử Tràng Vương thuộc thành Sư Tử Phấn Tấn, nơi pháp đường Bảo Tạng trong sáng, trang hoàng pháp đường này không thể nghĩ bàn được, mỗi mỗi trụ lưu ly tường kim cương gương ma-ni, trong các thứ báu - các chuông linh - các cây cối - các hình tượng - các chuỗi anh lạc, ở trong tất cả chất ngại vốn có này, nhìn thấy hết tất cả Như-lai từ sơ phát tâm thực hành Bồ-tát đạo, cho đến thành tựu Đẳng Chánh Giác mà nhập diệt, điều hiện rõ ở trong không có gì không rõ ràng, như ở trong nước trong sạch thấy hình bóng mặt trăng. Pháp môn này gọi là Bát-nhã Phổ Trang Nghiêm pháp môn. Lúc Thiện Tài đi vào Địa pháp môn này, có thể đạt được bất khả nói Đà-la-ni - đại từ đại bi Đà-la-ni môn, có thể làm Phật sự Đà-la-ni, tất cả các pháp không có pháp nào không đầy đủ”. Nên biết rằng môn chữ Địa ứng khắp tất cả khiến cho

được giải thoát. Lại nữa, pháp quán Địa đại chất ngại của Viên quán, thâu nhiếp tất cả mười pháp giới ba đế rõ ràng, hiểu rõ ở trong Địa môn, khởi lên đầy đủ từ bi khắp cả pháp giới, vắng lặng mà thường soi chiếu không có cơ nào không ứng. Nếu muốn phân biệt nói điều đó khiến cho dễ hiểu, sử dụng mười Tam-muội cứu giúp dao gậy quả báo, sử dụng hai mươi bốn Tam-muội cứu giúp dao gậy ba độc, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy phiền não đi vào không, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy vô tri ra ngoài Giả, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy vô minh đi vào Trung, tất cả ngay một lúc đều được giải thoát.

Thứ năm nạn quỷ cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một. Nêu xứ sở; Hai. Nói về gặp nạn tức là khổ; Ba. Xưng danh tức là thiện; Bốn. Ứng. Nói "Đầy trong cõi tam thiên đại thiên là từ ngữ giả thiết. Nếu nói đều hơn nữa, lại từ nơi nào đến? Biết là giả dụ nói như vậy. Nước lửa trên đây sao không giả thiết đầy cả đại thiên vậy? Quỷ có tâm thức kéo dài lẫn nhau cho nên giả thiết nói đầy cả tam thiên đại thiên là thuận tiện, nước lửa vô tâm giả thiết đầy là khó. Vì lẽ đó quỷ sợ Quán Âm có uy có ân, nếu không phải mong ân thì là sợ uy, cho nên nghe danh hiệu còn không thể tăng thêm đối với mắt ác, há dễ cho dấy lên tâm làm hại hay sao? Tâm làm hại - Mắt xấu ác cả hai đều ngưng lại. Kế là dựa vào sự chứng minh điều đó. Tiếp đến giải thích quán: Nếu quả báo nói về nạn quỷ ấy thì đường địa ngục cũng phải có đại lực quỷ tệ ác não loạn các tội nhân. Hạng đại lực trong đường quỷ não loạn đối với tiểu quỷ, quỷ trong đường súc sanh cũng ăn súc sanh. Trong loài người có thể biết, chư Thiên đã dẫn đầu quỷ sao để cho bị quỷ làm não loạn? Như trong A-hàm chép: Có Đại lực quỷ không để ý ngồi nơi giường của Đế Thích, Đế Thích rất giận nên ánh sáng của quỷ chuyển sang mạnh mẽ, Đế Thích lui lại phát khởi từ tâm thì ánh sáng của quỷ tất liền mất đi" Thiên chủ đã bị quỹ làm não loạn, huống chi tứ Vương trong đường Tu-la ư? Những nơi như vậy sợ hãi nạn quỷ xưng niệm Quán Thế Âm, thì không thể tiến hành làm hại được. Kế là nói về tu nhân: Tự có nghiệp ác gọi là quỷ, tự có quỷ khuấy động ba độc, như A-hàm chép: Dâm cũng có quỷ - quỷ đi vào tâm người thì khiến cho người dâm quá mức bình thường". Hoặc quỷ khiến cho sân - khiến cho tà vạy. Nên biết quỷ cũng phá bỏ điều thiện. Đương thể ba độc là quỷ: Dâm phá hoại phạm hạnh, sân phá bỏ từ bi, quỷ tham não loạn giới không trộm cắp, quỷ thèm rượu đến não loạn giới không uống rượu cho

đến thập thiện - các thiền cũng như vậy, đều bị quỷ ác nhiễm làm tổn hại. Nghiệp của trời người con lay động hay không lay động nếu thường xưng danh hiệu thì không thể tiến hành làm hại được. Kế là nói về quỷ phiền não. Kiến tâm là quỷ nam, ái tâm là quỷ nữ. Nếu nói về quỷ này thì có thể đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Chẳng phải tiếp tục nói về giả thiết, tại vì sao? Bởi vì kiến sử trải qua ba cõi có tám mươi tám sử, ái sử trải qua ba cõi hợp lại có chín mươi tám sử, há không tràn đầy khắp nơi hay sao? Quỷ này muốn đến não hại người ba thừa cho đến người thực hành lục độ - Thông - Biệt - Viên v.v... Đại Kinh chép: “Chỉ nguyện Thế Tôn, bậc thầy lương thiện chú nguyện làm cho chúng con trừ bỏ quỷ vô minh”. Lại chép: La-sát ngu si dừng lại ở trong đó há chẳng phải là quỷ phiền não hay sao? Nếu xưng danh tụng niệm quán trí thành tựu, có thể khiến cho trần lao kiến ái tùy ý chuyển biến không thể nào làm hại được. Kế là nói về Biệt - Viên vốn có quán từ bi cơ ứng: Biệt quán Bồ-tát lúc mới phát tâm, thấy các ác quỷ não loạn thế gian không có khả năng cứu giúp trừ diệt như hạng Ngật Noa Ca La não hại Tỳ-xá-ly, vì thế Bồ-tát khởi dậy từ bi để thực hiện ủng hộ nếu tu các điều thiện bị điều ác làm hỏng cũng khởi dậy từ bi khiến cho điều thiện được thành tựu. Nếu quán sát quỷ này cho đến quỷ nghiệp đều là nhân duyên sanh ra pháp từ Giả đi vào Không - ra khỏi Giả đi vào Trung, mỗi mỗi đều từ bi thệ nguyện, đối với các phiền não thấu suốt sâu sắc thật tướng thành tựu Vương Tam-muội, dùng bổn thệ nguyện huân tu pháp thân chúng sanh. Nếu gặp phải nạn quỷ có thể cứu hộ tất cả pháp giới, dùng sự từ bi cứu quỷ quả báo, dùng tu thiện từ bi cứu quỷ nghiệp ác dùng ba quán từ bi cứu các quỷ ác kiến vô minh v.v... tất cả làm cho các quỷ tùy ý ngoan ngoãn theo hầu, không thể trở thành mắt ác nhìn ngó. Như Hoa Nghiêm bốn mươi ba chép: “Thành Ca-tỳ-la Bà, Bà Sa Bà Đà Dạ Thiên, bởi sau khi mặt trời lặn thấy khắp nơi trống không, thấy trên thân đó có tất cả tinh tú hiện rõ trong một lỗ chân lông, thấy chúng sanh đã cảm hóa, hoặc sanh lên cõi trời hoặc được làm nhị thừa, hoặc tu Bồ-tát hạnh nhiều loại phương tiện, phải đều thấy nghe. Lúc bấy giờ Dạ Thiên bày tỏ với Thiện Tài: Tôi hướng về chúng sanh ác phát tâm Đại Từ, với chúng sanh bất thiện phát tâm Đại bi, đối với Thanh-văn Duyên-giác phát tâm an lập Nhất-thiết-trí đạo. Tôi thấy chúng sanh xa lìa đường chánh hướng về nơi nẻo tà, dính mắc các điên đảo hư vọng mê hoặc chịu đựng nhiều khổ não. Tôi thấy như vậy rồi dùng vô lượng phương tiện trừ bỏ tà hoặc đó yên tâm lập nên chánh kiến, cho nên biết pháp thân Bồ-tát dùng thân quỷ Dạ xoa, thường thực hiện như vậy

để an lập chúng sanh, Bồ-tát Quán Âm đối với pháp môn thần này, há không thông suốt, cảm ứng rộng rãi tất cả khiến cho được vô hại. Nếu Viên quán Thức chủng là ái kiến quỷ môn, tất cả pháp hướng về pháp môn quỷ nơi Thức chủng này, thì mười pháp giới ba đế đầy đủ vô duyên từ bi, che phủ rộng khắp tất cả tức là Quỷ môn, Lực Vương Tam-muội thích ứng khắp cả pháp giới. Nếu phân biệt nói về điều ấy thì dùng mười Tam-muội cứu giúp quỷ Sự, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu giúp quỷ nghiệp ác, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp quỷ đi vào không của ba thừa - Thông - Biệt - Viên, cho đến đi vào Trung đạo, tất cả một lúc đều không thể tiến hành làm hại.

Thứ sáu nạn gông xiềng cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một. Nêu lên có tội và vô tội. Hai. Gặp nạn. Ba. Xưng danh. Bốn. Cảm ứng. Phỏng theo trên cho rằng bị làm hại đây chắc chắn đi vào phần chết. Chỗ này trình này về có tội hay vô tội, hoặc là mở rộng kiểm tra chưa xác định, hoặc có thể phân định đi vào hạng đồng phạm. Nếu phân định hay chưa phân định đều bị giam cầm nghiêm ngặt, thì tức nói về tâm bình đẳng của bậc Thánh chủ yếu cứu giúp kẻ tù tội đó, không luận đến có tội hay vô tội. Ở tay gọi là con gáiu (cái còng tay) - ở chân gọi là Giới (cái cùm chân), ở cổ gọi là Già (cái gông cổ), ở thân gọi là tỏa (xiềng xích). Đây tức là tên gọi của ba loại bằng gỗ một loại bằng sắt. Gắn liền tên gọi gắn liền ngăn trở - trói buộc là bao phủ trói buộc thì chắc chắn bị giam giữ, giam giữ mà có trói buộc thì lo buồn sợ hãi cũng sâu sắc, chim chết kêu tiếng đau thương - người chết nói sự hay. Nếu có thể xưng niệm Quán Thế Âm, cửa ải nặng nề sẽ mở ra - các loại sắt gỗ đứt gãy hư hại. Kế là dẫn ra sự việc chứng minh - Truyện Ứng Nghiệm chép: "Cái Hộ người vùng Sơn Dương, giam vào ngục phải chết, ba ngày ba đêm tâm không gián đoạn ngưng xưng danh hiệu mắt nhìn thấy Bồ-tát Quán Âm phát ra ánh sáng chiếu soi, xiềng xích cởi ra cửa ngục thông suốt tìm ánh sáng mà đi, đi được hai mươi dặm ánh sáng mới dừng. Trương Sướng vì trách móc Vương Trưởng Sử, Vương và Sướng giam giữ Đình Úy tụng kinh một ngàn biến, xiềng xích đứt từng đoạn ít ngày thì loại trừ. Hư Thừa tướng v.v... Ba là Quán giải thích: Thể địa ngục là nhà tù, quỷ và súc sanh cũng có rọ lồng giam giữ, Tu-la cũng bị năm thứ trói buộc. Bắc phương và trên cõi trời tự tại nên không có nạn này, rơi xuống là đã trở lại không tránh khỏi tai ách bị giam cầm. Nếu có thể xưng danh hiệu đều được đứt gãy hư hoại. Kế là nói về tu nhân nghiệp ác tức gọi là gông xiềng. Nghiệp ác tuy có năng

lực nhưng không thể theo đuổi người không tạo tác. Nếu có tạo nghiệp thì quả cuối cùng không thể mất đi. Cho nên nói pháp không mất như bản ký kết. Nếu người tu tập các điều thiện bị nghiệp ác che phủ, như núi lớn soi bóng che phủ nơi tâm, khiến cho điều thiện bại hoại gia tăng nghiệp ác, nghiệp ác tức là dẫn đến quả trói buộc không có cách nào có thể giải trừ. Nếu muốn thoát khỏi nghiệp này thì nhờ thời gian có thể cứu giúp, khẩn cấp xưng niệm Quán Âm có thể khiến cho ba nghiệp ác hư hoại. Vì vậy kinh chép: "Vợ con lấy làm xiềng xích cùm kẹp, tiền tài lấy làm lao ngục, vương pháp lấy làm lang sói, che đậy ngăn trở người thực hành không được tu đạo, đối với hiện tại là quả báo trói buộc, ở quá khứ là nghiệp. Kế là nói về hàng Thanh-văn: Phàm phu và ba quả đều là có tội, La-hán là vô tội. Đại Phẩm chép: Ma-ha Na Già tuy có tội vô tội nhưng cùng ở trong ngục ba cõi, sợi dây năm ấm trói buộc ba tướng vô thường kiểm tra đóng chặt đóng dấu niêm phong. Mê hoặc trên quyền thật gọi là cái còng (Nữu), mê hoặc trên định tuệ gọi là cái cùm (Giới), mê hoặc trên Trung đạo gọi là cái gông (Già), mê hoặc trên Pháp thân gọi là xiềng xích, (Tỏa). Những loại như vậy trói buộc người thực hành không thể nào thoát ra được, xưng danh hiệu gắn liền với ý niệm chắc chắn được linh ứng. Nếu phát khởi định tuệ là cùm chân trừ bỏ, nếu phát ra quyền thật thì còng tay trừ bỏ, nếu phá trừ vô minh thì gông cổ trừ diệt, pháp thân hiển bày rõ ra thì xiềng xích đứt đoạn, đi vào vô dư Niết-bàn thì hệ lụy trừ bỏ, tránh khỏi ba tướng thì lìa xa tra xét, vượt ra ba cõi là ra ngoài tù ngục. Chỗ này lại có ý Thông - Biệt. Kế là nói về Bích Chi Phật - Lục độ hành - Thông - Biệt - Viên. Nếu nói về gông xiềng giống như Địa là chất ngại, Biệt - Viên vốn có quán đã khởi lên từ bi nghĩa cảm ứng khắp nơi không khác đối với trước, như ba ngàn đại thiên dùng biểu thị cho Không chủng, vua giặc quỷ v.v... dùng biểu thị cho Thức chủng. Luận về mười loại đó thì Phổ ứng ở đây cũng như trước nói về bổn quán. Nay quán sẽ nói về Bồ-tát thấy chúng sanh dùng Không - Thức thành tựu thân quả báo, trở lại bị Không - Thức làm não hại, lúc tu các điều thiện thì nghiệp của Không - Thức cũng có thể làm hỏng điều thiện. Quán sát Không - Thức có chướng ngại của ba đế. Từng tiết từng tiết như vậy đều khởi lên từ bi. Bi là muốn dứt trừ nỗi khổ cho chúng sanh, Từ là muốn mang lại niềm vui cho chúng sanh. Vì thế. Tịnh Danh chép: "Bồ-tát quán sát bốn đại chủng - Không chủng - Thức chủng cho nên nguyện đều không không, không có bốn đại - không có Không - không có Thức, đây là đi vào Bất nhị pháp môn. Hoặc là Vương Tam-muội có thể tùy ứng khắp cả mười pháp giới, dùng

Sự từ bi cứu nạn báo Không - Thức, dùng tu thiện từ bi cứu nạn nghiệp ác Không - Thức, dùng ba quán từ bi cứu nạn phiền não Không - Thức, cho nên biết Quán Âm đối với pháp môn Không - Thức mà được tự tại”. Hoa Nghiêm ba mươi chín chép: Thiện Trú Tỳ-kheo ở giữa hư không thực hiện Phật sự to lớn, “Nếu thực hiện Viên quán, quán không chủng nhân duyên tánh tướng bổn mạt rốt ráo v.v... thì tất cả mười pháp giới đều khởi lên Không môn, Thức cũng như vậy, khởi lên vô duyên từ bi xông ướp các chúng sanh, mười pháp giới có cơ liền có thể tất cả cùng lúc mà được giải thoát.

Thứ bảy nạn cướp bóc cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn, Hai. Dẫn chứng. Ba là Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một là Nêu lên nơi chỗ hoạn nạn. Hai là Nêu lên người gặp nạn. Ba là Trình bày có cơ. Bốn. Nói về ứng. Nơi chỗ hoạn nạn ấy là trước tiên nói về nơi chốn, tức là cõi nước đại thiên. Kế là nói về nạn tức là cướp bóc đầy cả tam thiên đại thiên là từ ngữ giả thiết. Đất nước rộng rãi giặc cướp nhiều Thánh lực đến có thể cứu giúp hiển bày công năng. Oán là nạn này sâu nặng. Giặc cướp vốn cầu tìm tài sản - oán hận vốn làm mất mạng. Nay oán hận làm gặc cướp chắc chắn tài và mạng cả hai đều có kế hoạch. Nếu quá khứ chảy máu gọi là oán hận, hiện tại cướp đoạt tài sản gọi là giặc cướp. Cướp bóc như thế đầy khắp đầy cả đại thiên hãy còn có thể bảo vệ, người nhẹ nhàng không thể cứu giúp được sao? Hai là nêu người gặp nạn, tức là chủ buôn. Văn này chia làm bốn: Một. Trình bày người chủ. Hai. Có người cùng nhóm. Ba. Mang vật quí. Bốn. Trải qua nguy hiểm. Thương là dạy bảo lường tính. Người này lựa chọn nhận biết đất rẻ dễ dàng hiểu rõ tài lợi thương lượng được thích hợp, có thể làm người chủ chốt của người buôn. Đã có chủ buôn thì có đem theo đồ dùng, vì các người buôn đã trải qua nguy hiểm cách xa, tất nhiên là hàng hóa khó đạt được, cho nên nói vật quý báu. Đường nguy hiểm ấy hoặc có thể rộng vắng vẻ cực kỳ, gọi là đường nguy hiểm. Hoặc gặp nơi cướp bóc xông ra, gọi là đường nguy hiểm vật. Cơ ấy cũng có bốn: Trước tiên trình bày một người an ủi. Hai. Khuyến khích xưng danh hiệu. Ba. Khen ngợi đức độ. Bốn. Mọi người cùng xưng niệm. Sở dĩ an ủi ấy là ngăn lại sự sợ hãi đó. Sở dĩ khuyến khích xưng danh hiệu ấy là tìm kế sách cao hơn. Sở dĩ khen ngợi đức độ ấy là khiến cho ổn định can đảm. Nếu không an ủi thì sợ hãi hoang mang, tuy an ủi ngăn lại sợ hãi, nếu không tìm kế sách thì an ủi trống không có ích gì! Cho nên khuyến khích xưng danh hiệu. Tuy khuyến khích xưng danh hiệu, nếu không khen ngợi tìm kế sách, thì tâm không thể ổn định can đảm cũng không

mạnh mẽ, vì lẽ đó khen ngợi đức độ, cho nên biết Bồ-tát này quyết định có thể giúp cho không sợ hãi. Nhất định quả dựa vào ba nghĩa đã đầy đủ, cùng lúc xưng niệm xướng lên cơ thành tựu được cảm ứng liền được giải thoát. Nam mô nói là qui mạng, cũng gọi là cứu ngã, kế là kết thúc miệng cơ vậy. Nay nói Quán Âm thế lực đã to lớn mà sự gia hộ cũng rộng rãi, há chỉ có bảy nạn mà thôi hay sao? Nên biết rằng khắp cả pháp giới đều có thể cứu hộ được, cho nên nói cao to sừng sững (nguy nguy). Nguy nguy là từ ngữ tiếp tục trình bày sự cao lớn chồng chất. Trình bày lực của Quán Âm vượt ra ngoài phần đoạn sừng sững ứng với hai cõi nước, cho nên nói là nói lại. Vì nghĩa này cho nên nói nguy nguy như thế. Hai là dẫn sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: "Tuệ Đạt vào niên hiệu Long An năm thứ hai đời Tấn, đào cam thảo trên bắc Lũng, lúc rợ Khương đói bắt người để ăn thịt. Đạt bị rợ Khương bắt được nhốt ở trong hàng rào, chọn người béo mập ăn trước, Đạt liền nhất tâm xưng danh tụng kinh. Ăn người khác gần hết, chỉ riêng Đạt và một cháu nhỏ vào ngày mai sẽ bị ăn thịt. Đạt suốt đêm tụng kinh, vẫn mong một cảm ứng, gần sáng rợ Khương đến dẫn đi, bỗng nhiên thấy một con hổ từ lùm cây hiện ra gầm thét. Những rợ Khương chạy túa tán, con hổ do đó gặm hàng rào thành một lỗ hổng thoát đi, Đạt đem cháu nhỏ trốn được thoát nạn. Lại, Bùi An đi đến làm tù binh trở về, phía Nam đến bên sông không thể vượt qua được, nhìn thấy kỵ binh truy tìm ở phía sau chết đến trong khoảnh khắc, bèn xưng niệm Quán Thế Âm, thấy một con sói trắng thong thả đi đến hiện ra ôm lại, ném một cái thì vượt qua bờ Nam, liền mất chỗ của con sói. Kỵ binh cùng nhau truy đuổi ở bờ bắc nhìn thấy than tiếc vô cùng. Đạo Minh ở Vũ Nguyên cướp thuyền, Đạo Nhân thẳng thắng gặp phải nạn giặc cướp v.v..." Ba là Quán giải thích: Nếu nói về quả báo cướp bóc thì từ địa ngục đến cõi trời thứ sáu đều có đấu tranh. Như trong A-hàm chép: "Đao Lợi đánh nhau không bằng Tu-la, tìm cứu viện đến cõi trời thứ sáu". Cướp bóc như vậy biết xưng danh hiệu được thoát khỏi. Kế là lúc tu thiện thì ác sắc là kẻ thù giống như nước và bụi đất, xưng danh hiệu thì ác lùi lại nghiệp thiện được thành tựu, như tối tăm diệt đi thì sáng tỏ nảy sinh. Kế là nói về phiền não là cướp bóc: Tất cả phiền não là oán đối của pháp xuất thế, người đi buôn là thầy yết ma của ba đế, người thọ giới là người buôn, vô tác giới là vật báu rất quí trọng, năm trần là kẻ thù. Hoặc pháp sư là chủ buôn, người buôn là đồ chúng, lý giáo là vật báu rất qúi trọng, cả hai gặp ma sự là kẻ thù. Hoặc Tâm vương là chủ buôn, tâm số là người buôn, trí của chánh quán là vật báu rất quí trọng, giác quán làm kẻ thù. Hoặc Bát-nhã là

chủ buôn, năm độ muôn hạnh là người buôn, thật tướng pháp tánh là vật báu rất quí trọng, sáu che đậy là kẻ thù. Đem ý này trải qua các giáo nghĩa tự tại thực hiện, đều thành tựu xưng danh liền được giải thoát. Kế là dựa vào nạn cướp bóc kết thành cảm ứng từ bi của Biệt - Viên. Ví dụ trước đây có thể hiểu v.v...

■

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA SỚ

QUYỂN HẠ

Thứ hai là từ "Nếu có chúng sanh nào nặng về dâm dục v.v..." trở xuống, là nói về ý cơ. Giải thích phần này chia làm hai: Một. Thuận theo văn. Hai là Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm hai: Một. Chính thức nói về ý cơ. Hai. Kết thúc ý cơ. Ý cơ dựa theo ba độc chia làm ba chương, mỗi chương đều có ba phần: Một là nói có khổ. Hai. mặc niệm, hai phần này tức là nói về cơ. Ba. Nói về lìa bỏ tức là trình bày ba cảm ứng đó. Thường gọi là độc ấy là thực hành xâm phạm làm hại người được dụ như độc, nhưng tên gọi có đơn có phức. Có người giải thích rằng: Ba độc nhiều là không biết đó là lỗi lầm cho nên không cầu Quán Âm ba độc ít là đức phạm hạnh xưng niệm Quán Âm cho nên có thể cảm. Ý nói rằng cách giải thích này trái với văn. Văn chép: Nếu có chúng sanh nặng về dâm dục niệm liền được lìa xa, vì sao đối diện mà làm được trái kinh? Nay trình bày ba độc nhiều, có thể niệm Quán Âm Bồ-tát có lực khiến cho thường được xa lìa, huống chi đối với ít. Đây thì lấy nhiều so sánh ít mà thôi. Đại Luận chép: "Người nữ làm bẩn giới chê bai pháp còn tai họa cho người, không phân biệt cầm thú không tránh tường cao hào rộng, bất kể tiếng tăm, đức hạnh, phá nhà mất nước diệt dòng họ đổ tổ tông, tai họa, kéo dài thân đó, như Thuật Bà già tai họa kéo dài đất nước của họ, như Chu thất bại, khen ngợi Bao Tự". Tịnh trú và thiền kinh trình bày người nặng về dục có con sâu dục, con sâu nam nước mắt chảy ra màu xanh trắng, con sâu nữ nhã ra máu mà hồng đỏ. Lại nói có con quỹ dục quấy nhiễu lay động tâm niệm của họ khiến cho phát sinh điên đảo mê hoặc. Như Đại Kinh chép: "Nếu thói quen gần gũi tham dục là lúc báo ứng chín muồi". Đây là đưa ra tướng đa-dục. Nếu người ít dục thì con sâu, con quỷ ẩn nấp. Không vượt qua điên cuồng say sưa là tướng ít dục, sớ chép: Tự yêu thích là tham - người khác yêu thích là dục .v.v... Người nhiều tức giận nóng nảy thì đời nay đời sau không thích nhìn, như ngựa khát bảo vệ nước uống - như bấn sư tử mẹ, cho nên Di giáo chép: "Giặc cướp công đức không gì

hơn tức giận”. Hoa Nghiêm chép: “Một niệm tức giận nổi lên che chắn trăm cửa pháp sáng, Bồ-tát vì tức giận trái với Từ bi ngăn cách đạo là sự việc nặng nề”. Đại Tập chép: “Một niệm tức giận nổi lên tất cả ma quỷ được thuận tiện”. Niết-bàn chép: “Thói quen gần gũi tức giận, hoặc tâm độc điên đảo cũng nên có quỷ”. Như Kinh Nại Nữ chép: “Sân thì có bọ cạp, con sâu này gọi là tướng đa sân”. Trái với trước là tướng sân ít. Kẻ nhiều ngu si, tà vạy vẽ vời các kiến giải, bác bỏ không có nhân quả chê bai Đại thừa, như trong Đại Kinh, nói cũng như trước đều có sâu và quỷ. Tai họa của ba độc như vậy, muốn lìa xa nơi này cho nên dốc lòng trì niệm Quán Âm, liền được xa lìa. Có người giải thích: Khởi tâm và điều phục xuống trái nhau gọi là xa lìa. Không phải lìa dứt nay cho rằng văn kinh nói là xa lìa sao ý nói là chẳng phải? Nếu căn cứ vào kinh Thỉnh Quán Âm thì sạch hết ba độc căn cơ thành tựu Phật đạo vô ngại. Nay làm mười thứ trình bày cứu giúp ba độc, ba thứ là điều phục hoặc nói về xa lìa, bảy thứ là dứt trừ hoặc nói về xa lìa.

Hỏi: Xa lìa phiền não phải là trí tuệ, chỉ niệm chẳng lẽ được xa lìa hay sao?

Đáp: Kinh nói thường niệm tức là chánh niệm, thể hội thấu đạt tánh phiền não không phải vốn có, sống trong tham dục tức là thật tế, thật tế vắng bặt bốn câu không có năng - không có sở - niệm tánh thanh tịnh, chánh niệm như vậy chẳng phải trí tuệ, thì trải qua nơi nào tìm kiếm trí tuệ? Tuệ này không xa lìa phiền não, cái gì có thể lìa bỏ? Hoặc như bị nạn ắt cần công dụng riêng biệt, trí tuệ phá trừ phiền não ấy, ở đây thì có hoặc để dứt có trí năng đoạn, chẳng phải chỉ riêng hoặc không thể dứt mà tuệ trở lại thành hoặc, há có thể gọi là tuệ dứt hoặc hay sao? Nay chánh niệm này không dùng sắc niệm không dùng phi sắc niệm- như vậy, bốn câu vừa dùng sắc niệm - vừa dùng phi sắc niệm. Như vậy bốn câu hoặc lần lượt nói về phi niệm, hoặc không lần lượt nói về phi niệm, hoặc không lần lượt nói về niệm, hoặc lần lượt nói về xa lìa, hoặc không lần lượt nói về xa lìa.

Kế là Quán giải thích: Bảy thí dụ trên có thể hiểu, nay chỉ hai thứ thuận nghịch dựa theo giới ngoại mà thực hiện, không phân biệt tướng ba độc phần đoạn, nay phân biệt tâm dục của thiện nghiệp gọi là tham. Đại Kinh chép: “Tất cả thiện pháp dục là căn bản”. Nhị thừa ham muốn cái vui Niết-bàn gọi là tham, chán ghét sanh tử gọi là sân, không thấu suốt lý này gọi là si. Khai triển tam độc thì có tám muôn bốn ngàn rõ ràng đầy đủ. Tịnh Danh chép: “Kiết tập chưa hết, hoa vướng lại thân.” Nhị thừa chưa dứt trừ ba độc này, tức là tướng ba độc Biến dịch”. Chưa

dứt trừ biệt hoặc thì Bồ-tát cũng cùng có ba độc này. Cho nên có Bồ-tát tham cầu Phật pháp ở trong hằng sa kiếp chưa hề tạm thời xả bỏ. Nhiều học vấn không thỏa mãn đầy đủ tức là tướng tham. Giặc Ác Nhị thừa không thích nghe tên gọi của nó, cho nên nói thà khởi ba xấu ác, phong hủi, hoang dại vụng về chứ không khởi tâm nhị thừa. Như thí dụ về chặt cành của đại thụ, há chẳng phải tướng sân hay sao? Vô minh chồng chất rất nhiều, trí Bồ-đề của Phật là năng đoạn, lý Phật tánh chưa rõ ràng, chưa rõ ràng điều ấy là tướng si. Vì muốn dứt bỏ ba phiền não nầy, thường niệm Quán Âm tùy cơ ứng phó liền được xa lìa mãi mãi. Xa lìa mãi mãi có hai loại, nếu Bồ-tát này ở trong sanh thân hoàn toàn chưa trừ bỏ biệt hoặc, chính là Biến dịch nói về hoàn toàn chưa xa lìa mãi mãi, nếu trong sanh thân đã lấn át biệt hoặc, ngay trong Biến dịch trừ diệt những gì còn thừa lại nói về xa lìa mãi mãi.

Kế là nói về nghịch nói quán sát ba độc: Tất cả chúng sanh gọi là thiểu dục sân si, vì sao? Vì giận khổ ba đường, tham niềm vui trời người, Nhị thừa chỉ giận sanh tử muốn đạt được niềm vui Niết-bàn, đều gọi là thiểu (ít). Bồ-tát không như vậy, vui mừng cầu mong Phật pháp chẳng phải chỉ cầu mong một Phật pháp, mà lần lượt cầu mong tất cả Phật pháp không thể nói, như biển cả nuốt các dòng chảy còn không thỏa mãn, chẳng những không chịu đựng sanh tử mà cũng không chịu Niết-bàn. Cho nên kinh Đại Phẩm quyển năm chép: "Không chịu như vậy tức là đại sân, năng lực vô minh to lớn trí Phật có thể dứt trừ, Bồ-tát đối với hoặc của lực vô minh to lớn hãy còn tồn tại. Lại nữa, si giống như hư không chẳng thể hết, cho đến già chết giống như hư không chẳng thể hết". Như vậy ba độc tức là ba pháp môn, một là lấy, hai là xả bỏ, ba là không lấy không xả bỏ. Đại từ bi - bốn nhiếp pháp - mười lực vô úy - Tam-muội giải thoát vô thượng Bồ-đề, hạnh tinh cõi nước Phật hóa độ chúng sanh, gọi là pháp môn thủ, tức là đại tham. Tất cả pháp không - chẳng có gì không trụ không trước, Bát-nhã giống như lửa lớn nóng nực bốn phía không thể lấy được, đại Niết-bàn là không, thành Ca-tỳ-la là không, đường dứt ngôn ngữ tâm hành diệt, không dùng bốn câu đạt được Bồ-đề, vô đắc vô chứng tức là pháp môn Xả, gọi là đại sân. Trung đạo chẳng phải phân biệt chẳng phải xả bỏ, không ghét không thích, không đoạn không thường, không có đi không có đến, không sanh ra không diệt đi, như ảnh tượng trong gương không thể thấy mà thấy, thấy mà không thể thấy, chẳng phải có thể thấy chẳng phải không thể thấy, ngăn chặn hai bên cho nên không thể nói năng. Tịnh Danh ngậm miệng tức nói Trung đạo, đây chính là đại si. Vì thế Văn Thù chép: Ta là tham

dục Thi lợi - sân nhuế Thi lợi - tà kiến Thi lợi”. Đây chính là minh chứng cho điều đó, muốn thỏa mãn ba pháp môn này, thường niệm Quán Âm thì thường được mãn nguyện tất cả. Bậc Thánh tự hành hóa tha không có gì không từ ba pháp môn này mà đi vào, xa lìa nơi này. Lại không thể có đạo. Do đó Kinh Vô Hành chép: “Tham dục chính là đạo, tức giận si mê cũng như vậy, trong ba pháp như vậy đầy đủ tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp không ra ngoài muôn hạnh Ba-la-mật, không chịu đựng công dụng to lớn của Tam-muội Trung đạo thật tướng. Ba pháp môn này không thể biểu thị công khai, thương chúng sanh cho nên hoặc là thực hiện thuận nói hoặc là thực hiện nghịch nói có loại trừ - phân biệt lẫn nhau. Đây tức là ý bốn tất-đàn phó duyên lợi ích”. Như trong Hoa Nghiêm thứ bốn mươi hai trình bày: “Hiểm nạn quốc trong thành Bảo Hoa Nghiêm có người nữ tên gọi là Bà Tu Mật Đa, nói pháp môn trong ly dục, tất cả chúng sanh tùy theo chủng loại thấy Ta, Ta đều là hình tượng người nữ đó. Người thấy Ta được hoan hỷ Tam-muội, cùng Ta nói được vô ngại diệu âm Tam-muội, nắm tay Ta được đến cõi chư Phật Tam-muội, người cùng Ta trú ngụ được Giải thoát quang minh Tam-muội, mắt nhìn ta được pháp môn Tịch tịnh, thấy Ta nhíu mày rên rỉ được pháp môn hoại tán ngoại đạo, người A Lê thích hợp Ta được Nhiếp nhất thiết chúng sanh Tam-muội, người A chúng bao bọc Ta được các công đức bí mật tạng, trú ở pháp môn ly dục này rộng ra làm lợi ích”. Đây há chẳng phải nghịch thuận muốn pháp môn dẫn dắt lợi ích chủng loại quần sanh hay sao? Lại nữa, trong Hoa Nghiêm thứ bốn mươi mốt: Mãn Túc Vương trong thành Mãn Trùng, ở nơi chánh điện tiến hành vương pháp, người phạm pháp đó chém chặt đun nấu mổ xẻ phanh ra băm nhỏ, trợn mắt quát mắng khổ sở để trị tội. Thiện Tài sinh nghi, vương quyết định sự việc xong nắm tay Thiện Tài đi vào cung đó, thấy cảnh giới không thể nghĩ bàn không thể thí dụ, nói với Thiện Tài rằng: “Tôi biết pháp môn huyễn hóa, hóa thành chúng sanh mà kiên trì sửa trị, để điều phục tất cả, người đó thấy nghe phát tâm Bồ-đề” Đây há chẳng phải pháp môn sân. Phương tiện bảo Bà-la-môn năm hơi nóng nướng thân tức là pháp môn si như trước đã nói hay sao? Kế là trình bày hai quán Biệt - Viên quán sát ba độc, từ bi cơ cảm cũng như trước có thể biết nên không ghi lại đầy đủ. Thứ ba từ “Nếu có nữ nhân v.v...” trở xuống, trình bày thân nghiệp làm cơ cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn, Hai. Dẫn sự việc chứng minh. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm hai: Một. Ước nguyện thỏa mãn. Hai. Kết thúc khen ngợi cầu mong, lại chia làm hai: Một là cầu

con trai, hai là cầu con gái. Văn chép: Người nữ cầu con trai nếu là không có con trai thì tuyệt tự, có con trai thì cha mẹ điều vui mừng. Tại vì sao chỉ nêu lên người nữ cầu con trai vậy? Giải thích điều đó hoặc chép: Nữ chán ghét thân nữ chứ chẳng phải cầu con. Lại giải thích nữ tánh phần nhiều yêu quí vui mừng chú trọng nghiêng về con trai cho nên nêu lên người nữ. Nay giải thích người nữ vì không có con là đau khổ, bị chồng bỏ đi, vả lại phụ nữ bộ xem thường, người chung quanh chế nhạo. Lại nữa, phụ nữ có bảy cái mất, sáu cái hãy còn có thể nén chịu nhưng không có con bi thảm nhất. Vẻ mặt dữ tợn tánh tình đố kỵ không thể hầu hạ mẹ chồng ham ăn vụng về, không có con mang về. Không có con đã đau khổ cho nên lấy nêu lên người nữ cầu con trai vậy. Cầu con trai - văn chia làm ba: Một là lập nguyện. Hai là tu hành. Ba là đức nghiệp. Nguyện và hạnh giống như văn. Đức nghiệp: Trình bày tầng lớp kẻ sĩ có trăm hạnh, mà trí đứng đầu trong trăm hạnh. Nếu chỉ có trí mà không có phước thì địa vị thấp hèn nên tài sản thiếu hụt phạm vi tiếp xúc khốn đốn, trí và phước hợp lại càng giúp đỡ lẫn nhau, hiển bày phước thì tài sản địa vị lên cao, tuệ thì danh tiếng lừng lẫy vang xa, cho nên nói thường sanh ra con trai phước đức trí tuệ. Cầu con gái trong văn chỉ nói về nguyện và đức nghiệp mà không nói về tu hành ấy vì hành giống như lễ bái cho nên không luận lặp lại. Nguyện đức đã đặc biệt nên cần phải phân rõ tất cả. Người nữ xinh đẹp là thứ nhất của bảy đức, người chỉ xinh đẹp mà không có tướng thì hoặc là thấp hèn cô độc nhạt nhẽo vô vị tướng mạo không đẹp. Nay trình bày dung mạo và dáng vẻ giúp lẫn nhau càng hiển rõ đức đó, xinh đẹp thì làm cho sủng ái - tướng thì dẫn đến bổng lộc cung kính. Vì thế văn chép: Mọi người ái kính. Nếu yêu quí kèm theo khinh mạn thì đâu gọi là đức? Yêu quí mà cung kính cho nên là tướng. Có người giải thích: Vốn có gieo trồng cội rễ công đức là đủ để giải thích nghi ngờ. Mọi người đều cho rằng: Quán Âm có thể làm cho cha mẹ hội tụ gieo trồng trí tuệ xinh đẹp cho đứa trẻ. Nếu như là Quán Âm ban tặng trí tuệ xinh đẹp đó, thì rơi vào sai lầm của vô nhân. Tôi chất vấn lời nói này: Nếu phước tuệ là nghiệp của đứa trẻ, Quán Âm chỉ có thể hội tụ sự thọ sanh đó, đứa trẻ không có sanh duyên với Quán Âm có thể hội tụ cho sanh, đứa trẻ không có phước tuệ Quán Âm cũng có thể khiến cho có. Quán Âm bèn không thể làm cho không có phước, gieo trồng phước sao có thể thích hợp khiến cho không sanh mà sanh? Luận về phước sợ rơi vào vô nhân, nói về sanh sao không sợ rơi vào vô nhân? Nếu như vậy, bậc Thánh hoàn toàn không có thể ban tặng phước tuệ, chỉ có thể làm người môi giới. Điều này

không thể giải thích. Chất vấn về Quán Âm không thể khiến cho đứa trẻ có phước tuệ: Trên nói một người xưng danh hiệu thì nhiều người đều thoát khỏi nạn La-sát. Đây là vô nhân mà không giống như cách giải thích kia, vô cớ sao bỗng nhiên thoát được vậy? Nay nói về Thánh lực vô cùng to lớn không có gì không tham gia, có thể khiến cho người có phước tuệ đời trước nhờ đó sanh ra. Dù do đời trước không gieo trồng thiện duyên, cũng có thể khiến cho người đó tu phước ở trong giai đoạn Trung ấm. Nghĩa này trích từ Kinh Trung ấm. Nay không phân biệt câu này làm ý nghĩa giải thích nghi ngờ. Nếu có lễ bái thì phước không dối uổng, đây là kết luận thành tựu cơ của thân nghiệp, cũng là nghĩa của giải thích nghi ngờ. Kết luận nghĩa có thể hiểu rõ. Giải thích nghi ngờ ấy nếu nói lễ bái nguyện mãn, tự nhiên có lễ bái mà không được nguyện mãn, sao có thể nói là không dối uổng? bởi vì tâm không thành kính thì nguyện không đầy đủ, công lao lễ bái thầm kín giúp đỡ không mất. Điều này có thể là giải thích nghi ngờ.

Hỏi: Lễ bái là cơ của thân nghiệp cũng thích ứng thoát được các nạn nước - lửa hay không?

Đáp: Đây nêu ra nam nữ là nói sự xinh đẹp mà thôi. Kế là dẫn ra sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Có người họ Cách, ngày tám tháng tư sinh ra người gốc ở nước Nguyệt Thị”. Kế là Quán giải thích: Quả báo cầu nam nữ ấy như trong A-hàm chép: “Từ địa ngục giới trở lên cho đến trời cõi Dục đều có nỗi khổ về không có con cái, lễ bái cầu nguyện cũng có thể thõa mãn tâm nguyện”. Kế là trình bày tu nhân nói về nam nữ: Trước tiên phân rõ pháp môn, tiếp đến trình bày cùng với nguyện. Pháp môn ấy là vô minh làm cha - tham ái làm mẹ, sáu căn nam, sáu căn nữ, Thức làm mai mối bán gã sanh ra vô lượng con cháu phiền não, nam nữ này không vất vả nguyện cầu mà tùy ý vận dụng trở thành quyến thuộc. Như ngoại thư lấy trời dương đất âm lắng xuống nổi lên làm nam nữ, huống chi Phật pháp mà không có vậy sao? Hoặc ngay trong nội điển Phật là vua - Kinh giáo là phu nhân, sanh ra tất cả Bồ-tát Phật tử. Lại nữa, thiện quyền phương tiện là cha, trí độ Bồ-tát là mẹ, tất cả các bậc thầy dẫn dắt, không ai không từ đây sanh ra. Lại nữa, từ bi là con gái - thiện tâm là con trai, hoặc thiền định yên lặng tinh tế là con gái, quán sát trí tuệ phân biệt là con trai. Nhị thừa định nhiều mà tuệ ít, Bồ-tát định ít mà tuệ nhiều. Đại Kinh chép: “Nếu nghe pháp Phật tánh của đại Niết-bàn, nên biết người này có tướng trượng phu, chánh quán cương quyết là con trai, vô duyên từ bi hàm chứa bao phủ tất cả là con gái”. Nay mượn nam nữ thế gian đều biểu hiện pháp

môn mà thôi.

Hỏi: Sao có thể dùng nam nữ để biểu hiện pháp môn? Bởi vì không có nam nữ tức là không có pháp môn, như Đại Kinh nói mãi mãi xa lìa mười tướng gọi là đại Niết-bàn. Đại Luận chép: “Không có tướng nam nữ, cho nên gọi là vô tướng”. Tịnh Danh chép: Tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ, như Phật đã nói cũng chẳng phải nam chẳng phải nữ”. An Lạc Hạnh chép: “Cũng không phân biệt là con trai hay là con gái”. Nhập Bất Nhị Pháp Môn chép: “Không có tâm Thanh-văn tức là không ở nơi định, không có tâm Bồ-tát tức là không ở nơi tuệ, tiểu thừa tam tạng duyên theo đế lý, Ta nghe trong giải thoát không có ngôn nói”. Thành luận đi vào Không bình đẳng cũng không có nam nữ, nam nữ dã không hề biểu hiện an trú, cho nên biết không có pháp môn định tuệ vậy?

Đáp: Đại thừa thật tướng không cho rằng có nam nữ và không có nam nữ, thiện xảo phương tiện dùng bốn tất-đàn giới thiệu về có - không. Thiên nữ chép: Không xa lìa văn tự nói nghĩa giải thoát, tánh văn tự xa lìa tức là giải thoát, đều bởi vì văn tự có quá khứ hiện tại và tương lai. Chẳng phải nói là Bồ-đề thật tướng cũng như vậy, chẳng phải có chẳng phải không - chẳng phải hai mà hai, rõ ràng hai pháp này chưa hề xa lìa nhau, giống như một thân có tay trái tay phải, định tuệ cũng như thế. Định tĩnh lặng tuệ soi chiếu, tuy lại là hai phần, nhưng không xa lìa pháp tánh. Nói định tức là có tuệ, nói tuệ tức là có định, giống như người nữ mà có tay phải, cũng như người nam mà có tay trái, định tuệ cũng như vậy. Vô duyên từ đầy đủ chánh quán tuệ mà lấy định làm tên gọi, Trung đạo chủng trí đầy đủ đại từ định lấy trí nêu lên hạng mục, đâu chỉ lý như vậy mà văn hiện nay cũng như thế. Văn chép: “Thường sanh con trai phước đức trí tuệ” lời này tự nhiên đầy đủ hai pháp môn sao vất vả có nghi ngờ mà gọi là con trai. Văn chép: “Thường sanh con gái xinh đẹp có tướng mạo”. Xinh đẹp không tà vạy xấu xí biểu hiện cho Trung đạo chánh quán, xa lìa sự xấu xí của nhị biên, chính là nghĩa của tuệ. Tướng chính là ba mươi hai tướng từ tâm đã gieo trồng, tức là biểu hiện cho nghĩa của định. Tuy đầy đủ hai nghĩa mà gọi là con gái vậy. Do đó biết văn này hoặc là thực hiện hai cách giải thích nam nữ, tức là biểu hiện định tuệ không hai mà hai. Hoặc là thực hiện giải thích về bất nhị, tức là biểu hiện định tuệ hai mà không hai, lý thật sự chẳng phải hai chẳng phải không hai, phó duyên là hai là không hai, tức là biểu hiện văn nghĩa hai pháp môn ở tại đây.

Tiếp đến trình bày ứng cơ mãn nguyện: Quả báo mãn nguyện

như trước đã chép: Tu nhân ấy là nếu dựa vào tu năm giới mà luận thì không giết hại là nhân ái - không trộm cắp là liêm khiết, thuộc về nữ biểu hiện cho pháp Định. Không nói xằng bậy là chất phác thẳng thắn - không dâm dật là chân thực lương thiện - không uống rượu là xa lìa tà vạy mê muội, đây thuộc về nam biểu hiện cho pháp tuệ. Nếu không đạt được nam nữ năm giới này, thì mất đi đường trời người, cô độc rơi vào ở ba đường ác, qui mạng cầu cứu năm giới hoàn toàn đầy đủ tức là con trai nữ nguyện mãn. Mười thiện ví dụ có thể biết. Lúc tu thiền, phương tiện tu tuệ tinh tiến như ba phương tiện là con trai, niệm nhất tâm là con gái. Hoặc ngay nơi rừng thiền chi giác quán hỷ là con trai, lạc nhất tâm là con gái, cho đến Phi Tưởng thiền trong thiền tinh tế thực hiện có thể hiểu rõ. Tiếp đến nói về Thanh-văn nam nữ: Ngũ đình tâm quán, chữa trị tức giận sử dụng Từ - chữa trị tán loạn sử dụng sổ tức, hai cách này là con gái. Chữa trị tham lam sử dụng bất tịnh, chữa trị si mê sử dụng nhân duyên, chữa trị chướng đạo sử dụng niệm Phật, ba cách này thuộc về nam. Lại nữa, thẳng duyên theo đế lý chánh trí quyết đoán gọi là con trai, ra khỏi quán sử dụng pháp duyên từ là con gái. Nếu không đạt được hai pháp này, tức là sẽ đọa lạc vào phàm phu, bị nhà lửa thiêu đốt làm hại, bần cùng cô độc. Nếu được thùy ứng phát sanh nam nữ Ngũ đình tâm thì được đi vào chân, ra khỏi quán phát sanh nam nữ được đi vào Giả, hai nghĩa đã đầy đủ thì không trở lại sợ hãi hai mươi lăm Hữu. Tiếp đến là Bích Chi Phật: Duyên theo phương tiện đạo khởi Từ bi quán gọi là con gái, tuệ quán gọi là con trai. Hoặc là phát chân duyên theo lý gọi là con trai, ra ngoài quán duyên theo Từ gọi là con gái. Bích Chi Phật ví như hươu hãy còn có Từ quay đầu nhìn lại. Nếu không đạt định tuệ như vậy, nhờ đâu mau chóng vượt ra mà thiết tha chăm chỉ cầu pháp? Nếu được thỏa mãn tâm nguyện thì thản nhiên vui sướng. Tiếp theo nói về Lục độ Bồ-tát: Bồ-tát có Từ bi không đoạn hoặc ở nơi sanh tử làm lợi ích cho vật gọi là con gái, thực hành sáu độ phương tiện trí tuệ gọi là con trai. Người nữ pháp ứng sanh con, từ bi pháp ứng nhận chịu sanh tử hóa độ cho vật, hóa độ cho người trước khai phát thiện tâm, tức là nghĩa của sanh con, người trước sanh ra năm độ ấy là sanh ra nữ, người trước sanh ra trí tuệ là sanh ra nam. Nếu nghĩa của định tuệ không thành tựu, thì hạnh Bồ-tát không tồn tại, cho nên cầu Quán Âm mà được thỏa mãn tâm nguyện. Kế là là Thông giáo Bồ-tát: Đã dứt trừ phiền não thì có tuệ của trí đoạn duyên theo đế lý là con trai, từ bi giúp tập khí còn lại đi vào ba cõi gọi là con gái, tại vì sao? Bởi vì giống như pháp nam không sanh biểu thị cho trí tuệ quết đoán dứt trừ đối với phiền não, không sanh vào

ba cõi mà nay trở lại sanh ấy, chính là từ bi giúp tập khí còn lại cho nên được tiếp tục sanh ra, gọi đó là là con gái, cầu nguyện Quán Âm được thỏa mãn tâm nguyện này. Kế là nói về Bồ-tát Thập Tín Biệt giáo: Tu phước đức trang nghiêm năm độ Ba-la-mật là con gái, từ Địa thứ nhất - địa thứ hai trí tuệ trang nghiêm là con trai. Ba mươi tâm gọi là chỗ nam nữ giao tiếp Thánh thai, Sơ địa Trung đạo chánh trí khai phát gọi là con trai sanh ra, tâm về duyên từ mở rộng gọi là con gái sanh ra. Hai loại này cần phải ở tại Sơ địa mới được khai phát, cũng gọi là con trai nữ cùng sanh ra. Nếu không như vậy thì rơi vào cái lỗi sanh tử nhị biên của nhị thừa. Sanh ra nam nữ này là sanh đại hoan hỷ cho nên gọi là Hoan Hỷ Địa. Từ bi che phủ vật - vật chịu ân cho nên gọi là Đại từ đại bi. Đại từ đại bi có thể thành tựu Phật đạo sanh ra Bát-nhã, là tổ mẫu của chư Phật cho nên xưng là Đại nữ. Mười lực vô úy mọi chúng sanh không biết cho nên không gọi là Đại. Kế là Viên giáo dùng vô duyên từ bi gieo trồng nghiệp của ba mươi hai tướng cũng gọi là con gái. Người nữ này xinh đẹp có trí tuệ tương tự Trung đạo làm nam. Người nam này ngay thẳng phước đức, Thập Tín sáu căn thanh tịnh gọi là ở thai - ban đầu trú ở Từ - Trí nam nữ cùng sanh ra. Nếu đạt được nam này không có sợ ái kiến đại bi thuận theo đạo pháp ái, cũng không sợ không có trí tuệ phương tiện trói buộc. Phương tiện và tuệ cùng giải trừ ấy tức là con trai nữ đầy đủ cả hai đều cầu mong ý nguyện thỏa mãn. Biến dịch hai loại có thể hiểu. Lại nữa, từ năm giới mười thiện cùng cõi trời Lục dục trở đi đều không có thiền định, đều là tán tâm tuệ pháp mang thai nam nữ. Nhưng tuệ không có định, ở thiền thứ tư có rừng thiền chi nhất tâm gọi là con trai nữ đầy đủ phước tuệ. Từ định tuệ nam nữ trong ba cõi, nam không có công lao phá trừ hoặc, nữ không có sức lực sanh ra vô lậu. Đây không có công dụng của nam nữ, từ nhị thừa - Thông giáo trở đi, tuệ có công dụng dứt trừ hoặc, tức là con trai đảm nhiệm sự việc, nữ có đức phát sinh vô lậu tiếp nối về sau. Nhị thừa - Thông giáo vốn có định tuệ không có thể phá trừ vô minh thấy Phật tánh, tuy nam mà nữ, Định thì không thể mang con ở nơi Trung đạo giống như phụ nữ không mang thai (thạch nữ), tuy nữ mà nam. Do đó Đại Kinh chép: "Người hàng nhị thừa Định nhiều tuệ ít không thấy Phật tánh, người hàng Bồ-tát bên Thông giáo Tuệ nhiều Định ít cũng không thấy Phật tánh, từ đây về trước chúng ta đều gọi là người tà kiến. Chỉ có Biệt giáo tăng địa chân minh tuệ phát khởi vô duyên Từ thành tựu. Đây mới gọi là chân chánh nam nữ. Sơ trú Viên giáo lúc thấy Trung đạo, định tuệ đầy đủ tướng nam nữ hoàn toàn, mới xứng hợp kinh văn nam thì phước đức - nữ

thì xinh đẹp". Cho nên biết dựa vào sự biểu thị pháp, sao có thể thực hiện mai mối bán gả giải thích về Quán Âm được? Thứ ba từ "Cho nên chúng sanh v.v..." trở xuống, là khuyến khích thọ trì, chia làm ba: Một - Khuyến khích thọ trì. Hai. so sánh lượng. Ba. Kết thúc khuyến khích. Trì như trên nói Quán Âm được tên gọi nhân duyên lực đó rộng lớn, đã không phân rõ hình dạng tính chất tương đối, tức chính là kể ra tên gọi nói về đức. Nếu muốn trở về sùng kính nên phụng trì danh hiệu, cho nên nêu lên trì danh để khuyến khích. Hai là so sánh lượng chia làm bốn: Một. Cơ sở so sánh lượng. Hai. Thưa hỏi. Ba. Trả lời. Bốn. Chính so sánh lượng. Nên lên ba sự nhiều làm cơ sở so sánh lượng, sáu mươi hai ức là nêu lên phước điền nhiều, toàn trọn đời thọ mạng là nêu lên thời tiết nhiều, bốn sự đầy đủ là nêu lên hạt giống nhiều. Xưa chỉ cho ba ý nay trì danh hiệu nhiều, tất cả nêu lên bốn cái nhiều để so sánh. Kế là thưa hỏi - trả lời như văn. Tiếp là chính nêu so sánh: Trở lại nêu lên bốn cái ít để so sánh bốn cái nhiều. Công đức chánh bằng với trì danh ít phước điền ít thời tiết ít hạt giống ít.

Hỏi: Ý gì lấy ít địch với nhiều vậy?

Đáp: Phật nhãn xứng lượng không tăng giảm, bốn cái nhiều sâu nặng gấp bội công đức đích thực ngang nhau như vậy, so sánh lượng không sai lầm. Hỏi: Ý gì sự bằng nhau đó xưa giải thích có năm cách:

1. Nói rằng phước đó thật sự đặc biệt dẫn ra vật để luận bàn, cách giải thích này chính là bàn luận phù phiếm, Quán Âm trở thành không có đức, thật đáng quí trọng.

2. Nói rằng ruộng có cao thấp gây nên bạc màu cằn cỗi, như cúng dường trăm vị Sơ quả. Không bằng nhất quả - nhị quả cho đến vô học; đây cũng chẳng phải ý khen ngợi công đức, chính là lấy thấp so với cao thì pháp tùy đó tốt hay xấu mà thôi.

3. Tâm có đậm nhạt vì thế khiến cho phước không giống nhau.

4. Thời có thể hiểu không có thể hiểu; hai cách giải thích này đều là tâm lực của người trước tạo nên phước, đâu quan hệ gì công đức cao xa của Quán Âm?

5. Người có duyên hay không có duyên, như cung cấp hay phá hủy người đi đường thì tội phước nông cạn, cung cấp hay hủy nhục cha mẹ thì tội phước sâu dày. Nay trình bày một hay nhiều tánh không thể đạt được hai tướng có - không, một thì chẳng phải một, nhiều cũng chẳng phải nhiều, cùng đi vào như thật tế - thật tế chánh bằng nhau không sai khác. trong một giải thích vô lượng cho nên nói sáu mươi hai ức, trong vô lượng giải thích một cho nên nói Quán Âm xoay vần sanh chẳng phải

thật. Chẳng phải thật: Tức là một không có một chân thật - một từ vô lượng sanh ra, nhiều cái không có nhiều chân thật - nhiều từ một sanh ra cho nên lý đích thực đồng đều, cho nên nói trí ấy không sai khác. Vô sở úy là soi chiếu Sự - Lý đó đã rõ ràng không nảy sinh nghi ngờ sợ hãi, cho nên nói là Chánh đẳng. Luận Pháp Hoa chép: "Cuối cùng quyết định biết rõ pháp, pháp tức là pháp tánh chân như Pháp thân, vì thế cho nên sáu mươi hai ức danh hiệu Phật và danh hiệu Quán Âm công đức không sai khác".

Lại, dựa theo quán giải thích: Hai quán phát khởi Trung đạo - hai quán thật sự không bằng nhau mà nói bằng nhau là bởi vì Trung đạo bình đẳng, cho nên nói là Đẳng. Như vậy những người gặp nạn kia hơn hẳn Như-lai cho nên nói là Đẳng v.v... Ba là kết thúc thành tựu lúc xưng danh hiệu phước không thể cùng tận. Đại Phẩm chép: "Một đóa hoa rải ra giữa hư không cho đến tất cả khổ phước đó không cùng tận".

Như văn hỏi đáp thứ hai. Từ "Vô Tận Ý bạch Phật dạy: Bồ-tát Quán Thế Âm dạo ở cõi Ta bà thế nàov.v..." trở xuống, trước hỏi duyên gì được tên gọi, Đức Phật trả lời ba nghiệp chúng sanh hiển bày cơ là cảnh pháp thân linh trí thầm kín cảm ứng, cảnh trí nhân duyên gọi là Quán Thế Âm. Nghĩa này đã xong. Nay hỏi: Vì sao dạo khắp thế giới Ta bà này? Đức Phật trả lời dùng Phổ Môn thị hiện. Ba nghiệp hiển bày cảm ứng - cảm ứng mười nghĩa cơ v.v... của chúng sanh. Một hỏi hai trả lời. Hỏi chia làm ba: Một. Du hóa thế nào là hỏi về thân nghiệp, nói thế nào là hỏi về miệng nghiệp, phương tiện là hỏi về ý nghiệp. Đây là ba nghiệp của bậc Thánh không mong cầu mà khắp nơi ứng với tất cả, cũng gọi là ba không lỗi (lầm) - ba luân hóa độ không nghĩ bàn, cũng gọi là ba bất hộ. Ba bất hộ: là nói Quán Âm an trú trong bất tư nghị viên phổ pháp môn, thật sự không tác ý suy tính trù lượng, lần lượt trải qua tìm kiếm phương pháp thực hành cảm ứng này, tức là không phân biệt cũng không trước sau, tùy ý vận dụng thành tựu giống như gương sáng tùy theo vật đối diện liền hiển rõ cùng lúc đều cảm ứng, cho nên nói ba nghiệp không bao che. ba không lỗi: Căn cơ chúng sanh không giống nhau sâu cạn có khác biệt, Quán Âm tuy không tác niệm xem xét cơ mà không sai lầm phù hợp tương đương người trước, kín hội nhập Sự Lý cho nên nói không lầm. Ba luân bất tư nghị hóa: nếu cũng là thân Phật thì cũng thị hiện tâm Phật, miệng Phật, cho đến thị hiện thân chấp Kim Cương Thần, cũng là tâm miệng Kim Cương, tuy hiện bày rộng rãi sắc thân co cụm lợi vật, mà đối với pháp thân trí tuệ không hề bị giảm bớt. Tịnh danh chép: "Khéo léo có thể phân biệt tướng các pháp, đối với Đệ

nhất nghĩa không lay động; không lay động mà lay động, đây là hóa độ không nghĩ bàn".

Hỏi: Ý nghiệp làm sao có thể thị hiện?

Đáp: Thánh ý không thể nào lường được, nếu muốn thị hiện thì dùng cho côn trùng cũng có thể biết được.

Đức Phật trả lời chia làm ba: Một là Tách biệt trả lời. Hai là trả lời chung. Ba là Khuyến khích cúng dường. Thứ nhất là trả lời riêng cũng trả lời ba câu hỏi. Nói "Đáng dùng" là trả lời về năng lực của phương tiện đó, là hỏi về ý nghiệp, vì sao? Bởi vì nơi ý quán xét cơ nhìn thấy những gì thích hợp đó, nên thị hiện thân nào nên nói giảng pháp nào, tùy đó mà hóa độ. Cho nên biết nói "Đáng dùng" trả lời về ý nghiệp. Hiện thân là trả lời về thân nghiệp, nói pháp trả lời về miệng nghiệp, cho nên biết trả lời đầy đủ ba câu hỏi. Lại nữa, chỉ thực hiện hai lần trả lời bao gồm được đối với ba, nói về hiện thân đó không chỉ có sắc ấm mà thôi, chắc chắn có đủ năm ấm, tức là bao gồm trả lời về ý nghiệp. miệng cũng dựa vào thân tức là bao gồm trả lời về miệng nghiệp. Hoặc như người nói pháp không chỉ giống như cây cối vô tâm, muốn biết trí đang nói khéo léo vận dụng bốn tất-đàn phương tiện, tức là bao gồm miệng nghiệp để trả lời về ý nghiệp. Hai cách giải thích đều nói về trả lời ba câu hỏi.

Từ trong tách biệt trả lời tất cả hiện rõ ba mươi ba thân - mười chín lần nói pháp, thâu tóm lại làm thân mười pháp giới, nhưng văn thiếu hai pháp giới ấy, hoặc là dựa vào phẩm trước nói về thân Bồ-tát, hoặc là người phiên dịch bỏ sót hoặc dựa vào văn Chánh Pháp Hoa của bản cổ xưa, hoặc nói Quán Âm tức là thân Bồ-tát, đâu cần phải tiếp tục hiện thân, hoặc ba cách giải thích đều có khó khăn, nay vì thế không sử dụng. Nay dựa theo bản cổ xưa để nói về nghĩa Bồ-tát, nhưng Bồ-tát một pháp giới hoặc quyền hoặc thật, mà nghĩa các loại ứng hóa không thể thiếu sót, cho nên giải thích về pháp giới Bồ-tát vậy. Lại nữa, không có thân của pháp giới địa ngục ấy, hoặc dựa vào phẩm trước hoặc khổ sâu nặng không có thể độ, hoặc nói hình dạng đó phá hoại người nhìn thấy kinh sợ hãi hùng cho nên không hiện thân. Nay trình bày tách biệt giải thích tuy không tổng quát, nhưng trong trả lời có văn chép: "Dùng đủ mọi thân hình đi khắp các cõi nước", sao có thể nói là không có được? Lại nữa, Thỉnh Quán Âm chép: "Hoặc dạo ở địa ngục vì đại bi thay thế chịu đựng đau khổ, hoặc nói chỉ thay thế chịu đựng đau khổ mà không nói về nói pháp. Nếu dựa vào Phương Đẳng nói Bà Tẩu giáo hóa tức là có nói pháp. Thích luận chép: "Bồ-tát giáo hóa địa ngục phần nhiều thực hiện

thân Phật, ngục tốt nhìn thấy không dám ngăn trở”. Lấy đây mà suy ra, cần có thân pháp giới địa ngục nói pháp. Nếu như vậy, thân mười pháp giới thì là đầy đủ. Nay tất cả dựa theo mười thân, làm bốn câu chọn lọc. Tự có thân một pháp giới hóa độ một pháp giới, tự có thân mười pháp giới hóa độ mười pháp giới, tự có thân một pháp giới hóa độ mười pháp giới, tự có thân mười pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu Diệu Giác Pháp thân thì ứng hóa thật báo độ, làm người nhận sự giáo hóa của Xá Na Phật, thuần các vị Bồ-tát đều cầu Phật đạo lại không có thân khác; đây là một pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu Phương tiện hữu dư độ có năm người cùng sanh ra đều cầu Đại thừa, văn trước chép: Nhưng ở cõi kia cầu Phật trí tuệ ở cõi này làm Phật; cũng là một pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu Đồng cư độ nơi vắng lặng đạo tràng, lúc mới thành Phật trước tiên mở ra đốn nói, đồ chúng vâng theo giới pháp đều là người có kiến tư phiền não, mà người là cơ duyên trọn vẹn cùng cảm được Phật thân, cũng có thể là thân một pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu nơi vắng lặng đạo tràng mà đồ chúng vâng theo giáo pháp ở các pháp giới không như nhau, hoặc là người hoặc là trời rồng thần quỷ v.v... Lại căn tánh Viên - Biệt hai hạng khác nhau, tuy các pháp giới không như nhau mà cùng thấy một thân Phật vì họ nói pháp ấy tức là một pháp giới hóa độ nhiều pháp giới. Nếu có thân của một pháp giới chỉ thấy thân một pháp giới hiện bày thì không được độ, thì thị hiện thân của nhiều loại quyến thuộc vây chung quanh, cùng nhau hòa hợp một duyên, thì gọi là thân nhiều pháp giới hóa độ một pháp giới. Nếu thân Phật - thân Bồ-tát hóa độ khắp nơi làm thân mười pháp giới, lần lượt đi vào các đường, tất cả khiến cho được nhìn thấy, cùng hình tượng đó mà vì họ nói pháp, đây là nhiều pháp giới hóa độ nhiều pháp giới. Sử dụng bốn câu này, trải qua năm vị năm thời hiện thân đều như vậy. Lại nữa, dựa theo pháp nói nhiều ít: như Thiện Tài đi theo một trăm mười vị thiện tri thức hỏi về các pháp môn, thì nhiều người nhiều pháp vì một người mà nói. Như Tịnh Danh chép: “Vì hàng Thanh-văn nói bốn đế, vì hàng Duyên-giác nói mười hai nhân duyên, cho đến vì Phạm Vương nói thắng tuệ, vì Đế Thích nói vô đế, một người sử dụng một pháp vì một người mà nó”. Nếu như Thông giáo nói Bát-nhã thì người ba thừa cùng nhau vâng lãnh, đây thì một pháp vì nhiều người mà nó. Nếu là tất cả không ngăn ngại thì người trong một đường vượt ra sanh tử mở thông tri kiến Phật, đây thì nhiều pháp vì nhiều người mà nói. Lại nữa, nhân quả đối chiếu nhau trình bày nhiều ít: Năm giới mười thiện nhân ít quả cũng ít, Thanh-văn - Ngũ đình tâm - Noãn Đảnh v.v... đi vào hai Niết-bàn,

đây là nhân nhiều quả ít, Bích Chi Phật thấy hoa bay lá rụng liền đạt được đạo, đây là nhân ít quả nhiều, các Bồ-tát muôn hạnh thành tựu quả muôn đức tròn đầy. Đây là nhân nhiều quả cũng nhiều. Quán Âm hiểu rõ nơi hướng về của căn chúng sanh, hoặc thị hiện nhân nhiều ít, hoặc nói pháp nhiều ít, hoặc tu nhân nhiều ít, hoặc chứng quả nhiều ít, hòa hợp với cơ kia nên chắc chắn không có sai lầm. Có người chép: "Hiện nhân thân nói quả pháp, hiện quả thân nói nhân pháp, hiện một thân nói nhiều pháp, hiện nhiều thân nói một pháp, hoặc hiện thân mà không nói pháp". Điều này hạn hẹp so với cơ của mười pháp giới. Xưa giải thích ba mươi ba thân chia làm ba: Một. Bậc Thánh ba thừa. Hai. Bốn chúng. Ba. Tám bộ. Tất cả có đầu ngọn lấy trời người làm đầu ngọn của hàng Thánh, bởi vì hạng đó là chịu đựng căn khí có thể tu học Phật đạo (đạo khí). Đồng nam đồng nữ là đầu ngọn bốn chúng, vì có thể trở thành bốn chúng. Chấp Kim Cương là đầu ngọn tám bộ,vì cùng có đại lực. Nếu như vậy, lực chấp Kim Cương to lớn ý gì làm đầu ngọn?

Đáp: Đây là ở sau cuối để che đậy dấu tích.

Nay nói về ba mươi ba thân văn chia làm tám loại:

1. Thân Thánh.
2. Thân trời.
3. Thân người.
4. Thân bốn chúng.
5. Thân phụ nữ.
6. Thân đồng nam đồng nữ.
7. Thân tám bộ.
8. Thân Kim Cương.

Nói về thứ tự đó phát ra từ ý người mà thôi. Một là nói về bậc Thánh trước tiên nói về Phật: đây là ứng Phật hay là hóa Phật, nhưng bậc Thánh hòa hợp với vật có hai nghĩa. Nếu trong một lúc bỗng nhiên có gọi đó là Hóa, thuận theo giống như trước sau gọi đó là Ứng. Nếu tìm văn này sẽ hiểu rõ của Ứng.

Hỏi: Sao không lấy chân Phật vì chúng sanh nói pháp mà lại lấy Ứng Phật vậy?

Đáp: Thân Phật nhiều chủng loại, nếu Ứng - Hóa chẳng phải chân Phật thì cũng chẳng phải người nói pháp. Chân Phật ấy là dựa vào Diệu giác Pháp thân rốt ráo cực địa Tỳ-lô-giá-na mới gọi là chân Phật. Chân Phật sâu xa không thể nào nói chỉ rõ, làm sao có thể hiểu được, như những gì Diệu Âm thực hiện mà Văn Thù không biết. huống chi hạng Hạ địa phàm phu làm sao chỉ rõ chân thân được. Nếu vì trâu dê gãy

đàn không bằng làm tiếng kêu của ruồi muỗi. Nếu từ Diệu Giác Ứng là Thật báo tướng hảo viên mãn - vô lượng quang minh, giống như chúng sanh bốn mươi mốt Địa ở cõi Thật báo, vì họ nói một pháp của thật đế chánh chân mà giáo hóa họ. Ứng như vậy chẳng phải pháp giới khác kham nhận được. Tại vì sao? Bởi vì các Địa hạng này đã từng phần đi vào vị Địa, không thể dùng thân pháp giới khác để Ứng, cũng không được dùng thân Phật khác để Ứng. Như vậy Ứng ấy chỉ Ứng với cõi kia, chẳng phải cõi khác kham nhận được. Kế là cõi Biến dịch nói về Ứng Phật: Kinh Tiểu thừa chép: “Ngoài ba cõi vô sanh, năm loại ý sanh thân của Đại thừa mới sanh về Phương tiện độ”. Đây tức là ngoài ba cõi thọ sanh sanh về Biến dịch độ. Thích Luận chép: “Thân pháp tánh Bồ-tát sanh ngoài ba cõi, đã có sanh lẽ nào không có Ứng Phật?” Pháp Hoa chép: “Ta ở cõi nước khác làm Phật lại có tên gọi khác” chính là nghĩa này vậy. Ứng Phật này chính là có hai tướng: Một là thị hiện Thắng Ứng thân, ứng của thật báo tướng hải viên mãn như trước nói. Hai là thị hiện Liệt Ứng thân, khiến cho người thấy kém hơn trước. chỉ là hai Phật lại không thị hiện làm các thân nhiều loại. Vì sao như vậy? Bởi vì thị hiện năm loại ý sanh thân khác nhau về lợi - độn, đi đến căn tánh này cho nên thị hiện hai thân, chỉ nói hai loại thứ tự - không thứ tự về Đại thừa, do đó không cần đến thân khác pháp khác để hóa độ. Như người Viên giáo chưa phá trừ vô minh và đã phá trừ từng phần, người Biệt giáo ở trong Hồi hướng và đã phá trừ từng phần vô minh ấy, người này sanh ở cõi kia thì căn lợi, người Biệt giáo chưa tu chưa phá trừ, và Thông giáo đoạn hoặc, người trong Tam Tạng đoạn hoặc sanh về cõi kia đều là căn độn. Phàm Thánh đồng cư độ nói về Ứng Phật: Độ có hai loại, một là tịnh độ - hai là uế độ. Như Phú Lâu na độ - Các độ ở Tây phương, chúng sanh trong đó có đủ ba độc kiến tư, không có tên gọi ba ác,quả báo nghiêm tịnh, đây gọi là Tịnh độ. Như vậy Ta bà có ba ác - bốn thú - gai góc - gò đồi, là tên gọi uế độ. Hoặc là tịnh hoặc là uế đều là Phàm Thánh đồng cư độ. Chúng sanh ở hai độ đều có hai loại, căn lợi trược nặng - căn độn trược nặng, căn lợi trược nhẹ - căn độn trược nhẹ. Trược nặng ấy là như chúng sanh cõi Ta bà thân hình xấu xí thấp bé hèn kém, mạng chỉ có tám mươi hoặc lại trung bình hay non yểu, phiền não hừng hực các kiến tâm cứng cõi cố chấp, thời tiết thô bạo hiểm độc, đây là năm trược nặng nề. Tịnh độ không như vậy, là vì năm trược nhẹ nhàng. Tại vì sao như vậy? Bởi vì không tu nhiều phước đức nên sanh về cõi trược nặng nề, tu nhiều phước đức nên sanh nơi cõi trược nhẹ nhàng. Hoặc sanh trong uế độ có giới và thừa đều chậm, có thừa nhanh

giới chậm, có thừa chậm - giới nhanh, có giới và thừa đều nhanh. Giới nhanh thọ thân trời người, thừa nhanh có cơ cảm đến Thánh. Cơ có hai loại: Một là Đại. Hai là Tiểu. Tiểu cơ thì thị hiện thân Phật tam tạng nói pháp, đại cơ tùy đó dùng thân Phật Xá Na nói pháp, vì thế cho nên giáng thần vào thai mẹ chính là thị hiện hai tướng. Đốn cơ đã cảm liền thấy Xá Na Bồ-tát cùng với trăm ngàn quyến thuộc vây chung quanh nơi thai nói pháp, chúng sanh mười phương đều ở trong thai, ra khỏi thai ánh sáng đầy khắp, nơi vắng lặng đạo tràng, trở thành Lô-xá-na Phật chuyển pháp luân như Nhất thật đế - vô lượng bốn đế v.v... ví như mặt trời mọc soi chiếu núi cao trước, liền nghe đốn giáo thấy Phật tánh được độ thoát. Vì thế kinh Niết-bàn chép: "Trong Tuyết Sơn có loại cỏ tên là nhẫn nhục, nếu trâu bò ăn cỏ ấy liền được đề hồ". Đây là nói điều này. Như người Tiểu cơ cảm đến Phật, chánh niệm đi vào thai mẹ ra đời trong vương cung, sáu năm khổ hạnh ngồi đệm cỏ dưới cây, thành Trưởng lão Tỳ-kheo Phật, ở nơi Lộc Dã Uyển (vườn nai) chuyển pháp luân sanh diệt bốn đế, năm người câu lân v.v... đầu tiên đạt được cam lồ ngộ đạo Tiểu thừa. Đã chẳng phải đề hồ thì không gọi là được độ thoát, cho nên chép: Chỉ xa lìa hư vọng gọi đó là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả, chưa nhận được Đại giáo giống như điếc như câm, trong Đại giáo vô ích, chỉ có lực xông ướp sâu xa, dẫn đến giống như vị nhũ (sữa). Lúc nghe phương tiện nói về ba cõi dứt trừ kiến tư, bấy giờ chuyển vị nhũ thành lạc. Tiếp đến nghe Phương Đẳng bốn loại bốn đế, sử dụng Đại giáo công kích Tiểu giáo hổ thẹn Quyền pháp ngưỡng mộ Thật pháp, khởi tâm kích động mạnh gọi là vị sanh tô. Tiếp đến nghe ba loại bốn đế chuyển giáo của Bát-nhã, tâm đó hơi thuần thục gọi là vị thục tô. Tiếp tục nghe xả bỏ ba phương tiện của Pháp Hoa, chỉ nói về tri kiến nhất thật của Phật, Thanh-văn trừ diệt nghi ngờ được thọ ký làm Phật, Bồ-tát không còn mê hoặc tăng thêm đạo giảm bớt sanh, bấy giờ gọi là vị đề hồ. Người hàng Bồ-tát khắp pháp mê được lìa bỏ, người độn căn cũng giống như nhị thừa, người hàng nhị thừa bắt đầu từ nơi đây được thấy Phật tánh. Vì vậy chép: "Mới thấy thân Ta - nghe những gì Ta đã nói, liền đều tín thọ đi vào Như-lai tuệ" chứng minh người đại cơ trước đều đạt được đề hồ. "Ngoại trừ người trước đây tu tập học pháp Tiểu thừa, Ta nay cũng khiến cho được nghe kinh này đi vào Như-lai tuệ" tức là chứng minh hàng Tiểu cơ bắt đầu ở nơi Pháp Hoa được đi vào đề hồ. Nếu lại có hàng độn căn đối với Pháp Hoa không hiểu ra, lại đã trải qua nơi Bát-nhã điều phục thuần thục cho đến Niết-bàn, nói được ba tu, tức là nói về thường trụ được thấy Phật tánh, chính là vị đề

hồ, đây là cùng ở nơi uế độ thị hiện thân Phật nói về pháp Viên - Tiệm, hoặc thị hiện các loại thân nói pháp Viên - Tiệm. Bốn câu này mở ra nghĩa của năm vị, uế độ đã vậy thì tịnh độ cũng như thế, đã có hai cơ lợi - độn, lẽ nào không nói hai pháp đốn - tiệm để trình bày Ứng thân và nói pháp hay sao? Trong này thuận theo nói về Biệt - Viên căn cứ vào quán khởi lên từ bi, nay khắp cả pháp giới khởi lên ứng v.v... giống như trước đây suy nghĩ biết được.

Hỏi: Kinh chỉ chép: “Dạo đi ở cõi Ta bà”, không nói đến cõi nước như Thật báo - Phương tiện v.v...?

Đáp: Trong phần trả lời tổng quát chép: “Dạo đi các cõi nước”, các là nhiều không chỉ một, lẽ nào chỉ có Ta bà thôi sao? Lại như Đại Bổn, văn chép: “Nếu có thể quán sát sâu sắc thấy Ta ở tại núi Kỳ-xà-quật cùng Thanh-văn - Bồ-tát Tăng. Đây chính là Ta bà mà là Phương tiện độ”. Lại chép: “Liền thấy Ta thuần các Bồ-tát không có hàng Thanh-văn - Duyên-giác, thì đây là Thật báo độ”. Do đó dựa theo cõi nước này trình bày nghĩa không sai lầm.

Hỏi: Hai cõi nước cùng gọi là pháp tánh vì sao khác nhau?

Đáp: Chân đế Trung đạo điều này thì rất khác nhau.

Kế là trình bày đáng dùng thân Bồ-tát được độ thoát. Hoặc Địa thượng - Địa hạ - Tam tạng - Thông - Biệt - Viên v.v... phụ giúp Phật không như nhau, nếu Phật ở cõi Thật báo làm Phật, thì Quán Âm chính là hình tướng Bồ-tát cõi Thật báo, hoặc làm hình tướng Bồ-tát cõi Phương tiện, hoặc làm hình tướng Bồ-tát cõi Đồng Cư, tùy theo hai duyên lợi độn. Tùy theo lợi duyên ấy tức là nhị thừa Pháp Tuệ - Kim Cương Tạng v.v... trong Hoa Nghiêm. Tùy theo độn duyên ấy là hoặc như Di-lặc v.v... Nếu chuyển pháp môn năm vị, pháp môn hưng phế phụ giúp Phật thì Bồ-tát cũng từng tiết từng tiết hưng phế hoặc quyền hoặc thật mở rộng lợi ích cho chúng sanh. Trong này cũng thuận theo nói về Biệt - Viên căn cứ vào quán cơ ứng. Kế là nói về thuận theo dùng thân Bích Chi Phật: Như Văn Thù hai muôn ức kiếp làm Bích Chi Phật, hóa độ chúng sanh hiện thân nói pháp.

Kế là nói đáng dùng thân Thanh-văn: Hoặc làm Tam tạng hoặc làm Thanh-văn Thông giáo, hoặc làm Thanh-văn tùy theo năm vị chuyển giao, trong bí mật ngoài hiện rõ trang nghiêm, bốn khô héo - bốn tươi tốt dẫn dắt lợi ích chúng sanh. Kế là dẫn chứng trong Hoa Nghiêm các vị Bồ-tát Tỳ-kheo đi vào pháp giới kiến, trú pháp môn bất tư nghị tức là nghĩa, thành tựu này. Kế là dẫn ra bốn loại quán - mười hai nhân duyên quán trong Đại Kinh, bổn địa từ bi của Biệt - Viên không

thủ - không xả, nay làm bốn loại bậc Thánh phổ ứng tất cả.

Hỏi: Phật làm sao độ Phật?

Đáp: Đẳng giác Bồ-tát làm thân Phật hóa độ sơ địa Phật, ý nào không được? Giống như người cũng có thể hóa độ người v.v...

Kế là nói về thân Phạm Thiên: Phạm tức là Thiên chủ cõi sắc tên là Thi Khí, Hán dịch nói là Đảnh kế. Anh lạc nói về bốn cõi thiền đều có vương. Ở đây nói là Phạm ấy phải là đỉnh của Sơ thiền, còn có giác quán nói pháp được làm chủ của ngàn cõi giới. Quán Âm tu Bạch sắc Tam-muội không thủ không xả, không thủ cho nên không tùy theo Thiền sanh ra, không xả cho nên thuận theo làm Phạm vương nói về xuất dục, bốn câu hiện thân là dùng Quyền dẫn ra Thật. Đáng dùng thân Đế Thích ấy là Địa này ở Thiên chủ. Nói đầy đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La. Thích Ca nói là Năng, Đề Hoàn chỉ là Đề Bà, Đề Bà tức là Thiên, Nhân Đà La gọi là chủ. Bồ-tát tu nan phục Tam-muội không thủ không xả, nói các loại Thắng luận, bốn câu hiện thân dùng Quyền dẫn ra Thật. Trời Tự Tại là đỉnh của cõi Dục, nói đầy đủ là Bà Xá Bạt Đề, ở đây nói là Tha Hóa Tự Tại, mượn việc làm của người khác để trở thành niềm vui của mình, tức là ma vương. Tịnh Danh chép: "Phần nhiều là giải thoát bất tư nghị, Bồ-tát an trú xích sắc Tam-muội không thủ không xả, thuận theo làm Ma vương, khiến cho các cõi ma chính là cõi Phật, bốn câu hiện thân dùng Quyền dẫn ra Thật". Đại Tự Tại tức là Ma-hê-thủ-la đỉnh của cõi Sắc. Lâu Thán gọi là A-ca-ni-tra, Hoa Nghiêm gọi là Sắc Cứu Cánh. Hoặc có người cho là cõi trời thứ sáu, nhưng các kinh luận phần nhiều gọi là Đại Tự Tại là đỉnh của cõi Sắc. Thích luận chép: "Vượt qua Tịnh Cư Thiên có Bồ-tát Thập trú tên gọi Đại Tự Tại, chủ của Đại thiên giới". Kinh Thập Trú chép: "Ánh sáng của Đại trời Tự Tại hơn hẳn tất cả chúng sanh, Niết-bàn hiến cúng Đại trời Tự Tại tối thắng cho nên chẳng phải cõi trời thứ sáu". Thích Luận chép: "Ma-hê-thủ-la-hán dịch là Đại Tự Tại cởi trâu trắng tám tay ba mắt là các vị Thiên tướng, không biết đây là cùng tên gọi hay chính là chỉ ra vương làm tướng?". Thiên Đại Tướng Quân: Như Kim Quang Minh thì lấy Tán chỉ làm Đại tướng. Đại Kinh chép: "Lực sĩ trong tám Kiện Đề Thiên". Thích Luận gọi là Ma-hê-thủ-la giống như trước. Lại gọi là Cưu-ma-già, ở đây nói là Đồng Tử, cưỡi chim khổng tước nâng gà cầm chuông xách phướn đỏ, Vi nữu Hán dịch là Biến Văn, bốn cánh tay nắm bảo bối cầm vòng tròn cưỡi chim cánh vàng, đều là những đại tướng cõi trời. Không biết Đại tướng quân này xác định là hạng nào phù hợp với bốn câu? Thân Tiểu Vương: Hoặc nói Thiên Vương là Đại

- Nhân vương là Tiểu. Ngay trong Nhân Vương có bốn loại Chuyển Luân Vương tự có Đại - Tiểu, nếu như chẳng phải bốn Luân Vương ấy thì gọi là Túc Tán Vương tự có đại tiểu, Trung Quốc gọi là Đại - nước phụ thuộc (phụ dung) gọi là Tiểu, lưu truyền mãi hướng về lẫn nhau. Nay nói là Tiểu: Tiểu hãy còn vương huống đó là Đại hay sao? Đây cũng có bốn câu, đâu chỉ phước nghiệp thọ báo, đi vào Đồng Cư độ đầy đủ Hóa Tha, cùng nhau tu công đức Từ tâm lợi ích vật, đây là Vương vậy.

Thân Trưởng giả: Phải giải thích mười đức của người Trưởng giả bên trong phù hợp pháp môn.

Cư sĩ: Tích lũy nhiều của cải hàng hóa cư nghiệp dồi dào, lấy đây làm tên gọi vậy.

Tể quan: Tể nghĩa là chủ - quan là nghĩa công năng, nghĩa là ba bậc dùng công năng thường giúp đỡ công việc cho người chủ cho nên nói là Tể quan. Quận huyện cũng xưng là Tể quan, cai quản công việc dân chúng ở dưới vậy.

Bà-la-môn: Xưng là tịnh hạnh, kiếp ban đầu chủng tộc dừng lại nơi thôn dã người tự nhiên nhàn rỗi mà xưng gọi vậy. Mỗi mỗi thân đều có bốn câu căn cứ vào quán. Tiếp đến nêu ra bốn chúng giải thích giống như trước.

Kế là là thân phụ nữ: Không nói về phụ nữ của các Tiểu vương, Vương gia cấm cố không được đi lại phân tán, hóa vật là khó cho nên không làm. Nếu như Diệu Âm thì nói là ở hậu cung của Vương thay đổi làm hình tượng người nữ. Thân đồng nam đồng nữ: Phân biệt hai người con của Diệu Trang Nghiêm Vương để giải thích, trong Hoa Nghiêm - Đồng tử nghịch đất cát chơi đùa vui vẻ. Tiếp nói thân tám bộ: Trên nêu ra Đại oai đức Thiên, nay lại nêu lên hai mươi tám bậc Thiên, hoặc có thể là những tinh tú chủ quản nhân gian vậy. Rồng có bốn loại: Một. Trông coi cung điện cõi trời sắp xếp khiến cho không rơi xuống trần gian, phía trên nhà làm hình dạng rồng mà thôi. Hai. loại nổi mây lên gây nên mưa ích lợi cho trần gian. Ba. Loại rồng đất khơi sông mở ngòi. Bốn. Loại ẩn khuất trông coi kho tàng của Chuyển Luân Vương và người đại phước. Triệu sư chỉ đưa ra ba loại mà không đưa ra Thiên Long. Dạ Xoa ở đây nói là Tiệp Tật, loại này có ba nơi: Hải đảo - không trung - thiên thượng, truyền bá cho nhau giữ gìn không được ăn người. Lúc Phật mới thành đạo cho đến nói pháp truyền nhau xướng to đến trời. Càn-thát-bà Hán dịch là Hương Âm, thần nhạc của Đế Thích, trú nơi hang Kim Cương ở phía nam núi Tu-di, trời muốn tấu nhạc thì tâm loại đó chuyển động. Thập Sư chép: "Thân trú trong núi báu có tướng

đặc biệt, chính là sự tấu nhạc ở trên vậy. A-tu-la có ngàn cái đầu hai ngàn cánh tay, muôn cái đầu hai muôn cánh tay, hoặc ba đầu sáu tay, Hán dịch là Vô Tửu, giữ gìn một giới không uống rượu, nam xấu xí nữ xinh đẹp, chúng cùng nhau trú trong núi, hoặc nói ở đáy biển, phong luân giữ gìn nước như mây ở tại đó. Văn trước chép: "Ở tại bờ biển lớn, có đại lực miệng trách mắng mặt trăng mặt trời, mặt trăng mặt trời vì vậy mất ánh sáng; bàn tay đập Tu-di, Tu-di vì thế lồi lõm, đi vào biển ngang lưng, thấy trời uống cam lộ, mà bốn thiên hạ hái hoa, đặt rượu nếp vào trong bốn biển, chúng sanh trong biển nghiệp lực chủ trì, tiến lên thì mất cam lộ lùi lại thì không thành rượu, liền dứt trừ rượu cho nên nói là Vô Tửu, thần không uống rượu cho nên đạt được đại lực".

Ca-lầu-la: Hán dịch là Kim-sí, đầu và cánh màu vàng theo đó để gọi tên. Loài chim này cùng với loài rồng qui ước "Người đến Tu-di làm cho đứt đoạn, ta đạp biển thấy bùn, ta không bằng nộp con cho người sai bảo cung cấp, ngươi không bằng nộp con để cho ta ăn. Thiên lực giữ Tu-di không thể đứt đoạn cho nên rồng nộp con. Chim do Noãn sanh ra ăn trứng rồng, không thể nào ăn ba loại sanh kia. Thấp sanh ăn hai - thai sanh ăn ba, hóa sanh ăn bốn.

Khẩn-na-la: Thần nhạc đàn sáo của Thiên Đế, nhỏ không bằng Càn-thát-bà, hình dạng tựa như người mà đầu có sừng, cũng gọi là Nghi Thần, cũng là người chẳng phải người. Nay không lấy người chẳng phải người để giải thích về Khẩn-na-la. Đây chính là kết thúc số lượng về tám bộ mà thôi.

Ma-hầu-la: Thập sư chép: "Là rồng đất". Triệu sư chép: "Là loại trăn lớn đi bằng bụng". Tám bộ đều có thể thay đổi hình dạng vốn có mà ở nơi tòa nghe pháp. Thân thần Kim Cương chẳng phải số lượng tám bộ, tay cầm vật báu này hộ trì Phật pháp. Hoặc chép: Ở trong trời cõi Dục - cõi Sắc giáo hóa các trời, tức là Đại quyền Thần. Kinh chép: "Là anh của ta".

Hỏi: Thân cõi trên có thể hóa độ cõi dưới, thân cõi dưới làm sao hóa độ cõi trên?

Đáp: Những việc làm của Bồ-tát thuận theo có thể được độ bèn ứng hiện mà thôi, giống như Vương nghe loài kiến đánh nhau:

Kế là từ "Thành tựu công đức như thế v.v..." là trả lời chung, đây là kết thúc riêng mở ra chung, "thành tựu công đức như thế" là kết thúc riêng, "Dùng các loại thân hình đến các cõi nước" là trả lời chung. Các tên gọi không đồng, ngang thì rộng khắp mười phương, dọc thì xuyên suốt ba độ, tùy cơ biến hiện đâu chỉ có ba mươi ba thân. Tùy ý hóa độ

theo duyên há hạn cuộc ở thế giới Ta bà hay sao? Dùng nhiều loại hình tướng nói chung về thân thị hiện rộng rãi, đến các cõi nước là nói chung về nơi giáo hóa rộng rãi, độ thoát chúng sanh tổng quát nói về được lợi ích rộng rãi. Nói tuy sơ lược mà nghĩa trên rất rộng về phía trước cho nên gọi là trả lời chung. Thiện Tài đi vào pháp giới văn tuy rộng mà nghĩa chưa hẳn bao gồm mười pháp giới. Người của Tông Địa Luận thấy văn nhiều thì xếp vào Viên tông, thấy văn Pháp Hoa sơ lược thì cho là không phải chân tông. Nếu tìm ý này thì chẳng có nghĩa nào không chân thật. Ba từ "cho nên các ông v.v..." trở xuống, là khuyến khích cúng dường. Đức Phật trả lời câu hỏi trước đây là trước chung sau riêng, chưa khuyến khích thọ trì mà chúng sanh kính cúi xin lợi ích thầm kín, chỉ có thể trì danh theo tên chữ mà thôi, vì thế trước đây mở ra ba đoạn trước sau khai hợp tương xứng đối với nghĩa. Đức Phật trả lời câu hỏi sau là riêng trước, chung sau, chưa khuyến khích dường mà chúng sanh đã đội ân lợi ích hiển rõ. Thấy sắc nghe tiếng cho nên khuyến khích cúng dường. Đây là khai hợp tương xứng trước sau, mà chung riêng trước sau ấy là nêu lên lẫn nhau mà thôi. Có người lấy trả lời chung làm khen ngợi công đức phân văn như vậy làm tổn hại đến nghĩa.

Hỏi: Sau khuyến khích cúng dường nhận ý chỉ dâng tặng anh lạc, trước đó khuyến khích trì danh sao có thể không có?

Đáp: Mặc niệm trì danh cho nên văn không rõ ràng, sự cúng dường hiển bày phải cởi chuỗi anh lạc. Lại muốn thành tựu nghĩa thầm kín hiển bày trước là lộ rõ cơ, hơn nữa trì danh mặc niệm tức là thành tựu cơ thầm kín, sau là cơ thầm kín, lại trải qua cúng dường tức là thành tựu cơ hiện rõ, khiến cho hai nghĩa đầy đủ.

Hỏi: Nêu ra ứng lại trở thành hai ứng ư? Đáp: Hai cơ đã đầy đủ chắc chắn biết có ứng, cho nên không nói thêm nữa.

Thứ nhất là khuyến khích chung cúng dường, hai là vâng theo ý chỉ. Thứ nhất lại có hai: Trước là khen ngợi công đức như văn, hai là nêu ra ý cúng dường. Ý ấy là đích thực căn cứ vào năng thí chúng sanh vô úy - từ đức hạnh được tên gọi. Chúng sanh ở nơi sợ hãi được thoát khỏi vì vậy nêu lên tên gọi này. Đức đã vô lượng thì tên gọi cũng nhiều, không thể nói không thể nói được. Trong vâng chỉ cúng dường chia làm sáu: Một là Vâng mạnh. Hai. Không nhận. Ba là Trở lại vâng mạnh. Bốn. Phật khuyến khích. Năm là Thọ nhận. Sáu. Kết luận đức hạnh đó. Kinh văn không chắc chắn, hoặc chúng bảo anh lạc hoặc làm thành chúng bảo châu, đây là phiên dịch giảm bớt độ dài mà thôi. Chúng bảo:

Các thứ báu xen giữa châu ngọc cùng nhau tô điểm nghiêm trang. Nếu dựa vào kinh Anh Lạc, thì từ Sơ Trú là anh lạc bằng đồng quí báu cho đến Đẳng Giác là anh lạc bằng ma-ni, nay địa vị của Vô Tận Ý trên cao, sao bỗng nhiên chỉ có giá trăm ngàn lượng vàng? Đáp: Đây là sơ lược nói trăm họ muôn dân mà thôi, thật sự không thể như vậy. Nếu dựa vào quán giải thích điều ấy thì lấy sự bày tỏ lý đâu được dùng sự mà hiểu được! Cảnh là biểu thị cho lý nhất thật của Trung đạo, dùng rất nhiều pháp môn vô trước trang nghiêm thật tướng giống như chuỗi anh lạc ở trên cổ. "Mở" là biểu thị cho Bồ-tát đối với hạnh nguyện thường xả bỏ, tất cả nguyện hạnh công đức cho đến trí Phật Bồ-đề Niết-bàn, cũng không trú không trước chẳng dựa vào chẳng ỷ lại cho nên nói là "Mở". Kinh Đại Tập chép: Giới định tuệ Đà-la-ni dùng làm anh lạc, trang nghiêm cho pháp thân". Trăm ngàn là mười muôn, đây là biểu thị cho một Địa có muôn công đức, tức là mười muôn. Pháp thí: Xưa chép: "Giống như pháp thí trọng pháp thí, cầu pháp thí, học pháp thí, đều gọi là pháp thí". Vô Tận Ý trọng pháp cho nên thí, nay nói giống như pháp thí, chính là dùng tài vật thông suốt đối với pháp gọi là tài, tức là pháp tài, chính là nhân duyên sanh pháp tức Không - tức Giả - tức Trung, một tâm ba đế đầy đủ tất cả, đối với pháp bình đẳng đối với tài cũng bình đẳng. Người thí như vậy chính là pháp thí. "Chẳng chịu nhận": Sự giải thích Vô Tận Ý vâng mạnh cúng dường, mình chưa vâng mạnh sao bỗng nhiên vội vàng thọ nhận, cũng là sự cần phải khiêm tốn nhường lại. Quán giải thích điều ấy: Không thọ nhận cái dụng rộng lớn của Tam-muội cho nên không thọ nhận cái gì. "Xin Ngài vì thương chúng tôi: Hoặc có thể thỉnh cầu bậc trên xót thương hạng dưới, hoặc có thể địa vị ngang nhau cho nên thương xót lẫn nhau, hoặc có thể mình vì bốn chúng cho nên thí, vì không thọ nhận điều gì mà thọ nhận sự thỉnh cầu thọ nhận. Phật khuyên thưởng": Tức là thương xót tất cả chúng sanh và bốn chúng, chính là Bồ-tát vì chúng sanh cho nên thí - vì chúng sanh cho nên thọ nhận. "Hai phần": Biểu thị cho hai phần Sự - Lý. Nhân dâng lên hai vị Phật: Đem hai nhân hướng về hai quả, lý tròn đầy tức là pháp Phật sự đầy đủ tức là Báo Phật, hai vị Phật biểu thị cho hai quả. Thứ ba từ "Trì Địa nói v.v..." trở xuống, là khen ngợi công đức nghe phẩm này. Văn chép: "Người nghe Quán Thế Âm này, là nghe một đoạn hỏi đáp về lợi ích thầm kín trước đó. Phẩm Phổ Môn: Là nghe một đoạn hỏi đáp về lợi ích hiện rõ". Trong này nói về nghiệp Tự Tại, nếu là nghiệp của phàm phu bị ái làm thấm ướt, nhân duyên hữu lậu không được tự tại. Quán Âm vì điều phục mười pháp giới, thị hiện ba nghiệp này lực từ bi tưới

nhuần tùy theo cảm ứng mà thọ sanh, không bị phiền não hệ lụy, cho nên nói là nghiệp Tự tại, là thuộc về Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Đối với hai đế được tự tại không có gì sánh bằng ấy là nhị thừa tuy thoát ra ba cõi mà hãy còn có pháp bậc thượng chẳng phải không ai sánh bằng (vô đẳng đẳng). Phật là địa vị cao nhất cho nên nói không gì sánh bằng (vô đẳng), phát tâm cầu Phật cho nên nói không có ai sánh bằng (vô đẳng), sánh bằng Phật. Lại dựa theo tâm, trong tâm đầy đủ tám muôn bốn ngàn pháp môn, nếu phát tâm thật tướng tức là sánh bằng tám muôn bốn ngàn pháp môn, cũng là tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật, cũng là tám muôn bốn ngàn trần lao môn làm hạt giống Như-lai. Kinh chép: "Phát tâm, cuối cùng cả hai không sai khác, hai tâm như vậy tâm trước là khó". Nay phát sơ tâm chẳng khác gì hậu tâm, sơ tâm khó cho nên nói là vô đẳng, chẳng khác gì hậu tâm gọi là vô đẳng đẳng. Đây chính là bốn tất-đàn nói về phát tâm. Phát tâm có ba: Một là Danh tự phát, tức là năm hạng đệ tử, hai là tương tự phát, là sáu căn thanh tịnh; Ba là Phần chân phát tâm, tức là từ Sơ Trụ trở lên đến đây. Phát tâm là phát tâm chân thật.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ KÝ

SỐ 1729

(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1729

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ KÝ

Sa-môn Tri Lễ ở Tứ Minh đời Tống soạn

QUYỂN 1

Giải thích Sớ có hai: Một là Giải thích đề mục, có hai: Thứ nhất - Chính là giải thích đề mục. Nghĩa ấy là thích nghi, nghĩa là giải thích văn kinh khiến cho thích hợp, đồng thời là nghĩa lý. Vì đây là Trí Giả nhập Pháp Hoa Tam-muội, ở trong địa vị Quán Hạnh thấy lý đệ nhất nghĩa, dùng lý này giải thích văn kinh này. Sớ ấy là từ của thông ý. Nhưng âm Sơ, chính là nghĩa của sự khơi thông chú giải rành mạch. Hai là có hai người nói và ghi lại. Giải thích Sớ văn, có hai: Một là dự định phân chia chương đoạn, có hai: Đầu tiên nói về ba đoạn của hai nhà chú giải. Phẩm này đã là Sấm sư vì Bắc Lương ngăn trở hết sức được lánh đi, tách biệt truyền lại ở đời, cho nên từ đời Lương - Trần đến nay người giải thích rất nhiều, thế là phân biệt trích lọc văn kinh thành ba đoạn có khác nhau. Hai là từ "Nay, Sư v.v..." trở xuống là nêu ra Thiên Thai có nhiều loại, có hai: Một là nói rộng về nhiều loại phân chia văn. Hai là từ "Nếu làm v.v..." trở xuống là y cứ rộng vào tiết mục hai đoạn. Từ "Căn cứ trước v.v..." trở xuống là chính thức giải thích văn kinh, có hai: Một. Lần hỏi đáp trước, có hai: Một là phân khoa. Từ "Một là bấy giờ v.v... " trở xuống tùy theo đó giải thích, có hai: Một Thưa hỏi, có bốn: Đầu tiên là thời gian, có hai: Một là Giải thích nghĩa chữ. Hai là từ "Tức là v.v..." trở xuống nói về tất-đàn, có hai: Đầu tiên giải thích riêng về Tướng, có bốn: Một là thế giới, phương Đông - phương Tây - tùy cơ ưa muốn. Hai là từ "Hoặc có thể v.v..." trở xuống là vì người,

hoặc có căn tánh nghe về phẩm trước đây rồi được thế giới Tất-đàn, cho nên nói là vui mừng xong; nay nghe phẩm này lần sinh ra nghiệp thiện vốn có. Ba là từ "Hoặc có thể v.v..." trở xuống là đối trị, phá bỏ nghi ngờ hiểu rõ sự việc là thuộc về đối trị, phá bỏ nghi ngờ nhận ra lý là thuộc về đệ nhất nghĩa, nay thuận theo hiểu rõ việc thích hợp với tất-đàn thứ ba. Bốn là từ "Hoặc có thể v.v..." trở xuống là nghĩa đệ nhất. Hai cõi: Nghĩa là Tịnh Quang Trang Nghiêm độ tám muôn bốn ngàn tùy theo Diệu âm; Hoa Đức và bốn muôn hai ngàn Thiên tử cõi này, nhờ Bồ-tát ấy qua lại đạt được đạo, nay tám muôn người phát tâm giác ngộ tại Quán Âm.

Từ "Chư Phật v.v..." trở xuống là nói chung về tất-đàn. Như-lai giống như trống - bốn cơ giống như dùi trống, có đánh vào trống từng tiếng từng tiếng không phát ra lẻ loi, nay chính là lúc bốn cơ hợp với Phật. Hai là nêu người, có hai: Một là Giải thích tên riêng, có ba: Thứ nhất là Trung đạo đối với Tiểu. Tên gọi của Bồ-tát này do chứng đạt Trung đạo mà đặt ra, Trung đạo chắc chắn không nghiêng lệch, nay nghiêng lệch thuận tên Vô Tận là đối với Tiểu thừa, là diệt tất cả pháp chỉ làm nổi bật Trung đạo, vì tánh vô tận. Tiểu thừa tận trí: Nghĩa là mình thấy khổ rồi, dứt tập rồi, chứng diệt rồi - tu đạo rồi, lúc nghĩ như vậy thì trí tuệ vô lậu kiến, minh, giác. Vô sanh trí: Nghĩa là mình đã thấy khổ không thể trở lại tiếp tục thấy, đã dứt tập không thể còn tiếp tục dứt, đã không chứng diệt hết không thể còn tiếp tục chứng, đã tu đạo không thể tu hơn nữa, lúc nghĩ như vậy trí tuệ vô lậu kiến, minh, giác. Từ "Lại nói v.v..." trở xuống là ba đế sáng tỏ trọn vẹn, có hai: Một là nêu chung. Hai là từ "Đại Phẩm v.v..." trở xuống là nêu riêng, có ba: Một là Viên Không vô tận lựa chọn phân tích nêu ra Thể cho nên nói chính sắc là Không. Phải biết rằng Thể Không khai triển thông suốt ba giáo. Thông giáo thì chỉ có Thể sanh tử tức là Không, đây là nghiêng về Không. Biệt - Viên giáo thường là thể Niết-bàn cũng không, đây là ở giữa Không. Lìa xa bờ mé thuộc về Biệt - ngay nơi bờ mé thuộc về Viên, nay ở tại Viên. Viên Trung gọi là Không - không này là Vô tận. Hai là từ "Lại Đại v.v..." trở xuống là Viên Giả vô tận, có hai: Một là dẫn kinh nêu ra tướng, có ba: Đầu tiên Đại Tập dựa theo quyển tám mươi nói về Giả, có hai: Thứ nhất sự tu tập của bổn độ, đây là diệu giả đầy đủ đối với ba quán, bất diệt cho nên Giả, bất sanh cho nên Không, bất xuất cho nên Trung. Vì Không di động ra hai bên. Quán này quán sát Phật, đầy đủ quán sát ba thân, đến địa vị phần chứng gọi là thấy Phật, tất cả Phật pháp chẳng pháp nào không hiện tiền, tạm thời nêu ra

Lục độ mà thôi. Hai là từ “Thân Tử v.v...” trở xuống dựa vào pháp đặt ra tên gọi, có hai: Một là Thân Tử thưa hỏi, Hai là Bồ-tát trả lời. Vốn có nguyện hạnh rõ ràng, nguyện hạnh vô tận, tên gọi từ đây đặt ra. Nhân duyên quả báo tức là dựa vào khổ - tập lập thành thệ nguyện, nhân duyên là tập, quả báo là khổ, vì tất cả đều dựa vào diệt mà đặt ra thệ nguyện, dùng Nhất-thiết-trí và pháp ngũ phần đến Phật quả. Chúng sanh tánh về sau dựa vào đạo đặt ra thệ nguyện, vì thuận theo pháp tánh giáo hóa chúng sanh biết được đạo pháp, đều gọi là phát tâm, biết là đặt ra thệ nguyện. Từ “Lại Đàn v.v...” trở xuống là dựa vào thệ lập hạnh, muôn hạnh đều là Đàn gồm nhiếp ngang nhau, xứng hợp hạnh Ba-la-mật đến quả. Hoặc là nguyện hoặc là hạnh đều vô tác cho nên mới được vô tận. Từ “Phàm bát v.v...” trở xuống là kết thúc nguyện hạnh ở trên, đều chính là pháp giới, vì thế cho nên đều bao gồm tất cả Phật pháp. Từ “Lại Tịnh v.v...” trở xuống là Tịnh Danh dựa theo hai đế nói về Giả, Hữu vi là Tục đế có thể tận cùng, Vô vi là Chân đế không thể tận cùng, trí Tiểu thừa nông cạn, tận cùng nơi hữu vi trú vào nơi vô vi, cho nên quay về hủy diệt trừ bỏ (khôi đoạn). Người bên Viên giáo quán Tục đế tức là Diệu Hữu, cho nên thực hành muôn hạnh, quán Chân đế thường đạt được Chân của Bất không, vì thế cho nên không trú vào ba hố sâu của vô vi, vì thế hai đế đều là thường trụ bất tư nghị Giả, cho nên gọi là vô tận. Ba là Hoa Nghiêm dựa theo Thập Tạng nói về Giả. Tân Kinh quyển hai mươi phẩm Thập Vô Tận Tạng chép: “Bồ-tát có mười loại tạng, ba đời chư Phật đều nói, đó là Tín tạng - Giới tạng - Tàm tạng - Quý tạng - Văn tạng - Thí tạng - Tuệ tạng - Niệm tạng - Trì tạng - Biện tạng”. Cho đến chép: “Mười thứ vô tận tạng này có mười thứ vô tận, khiến cho các vị Bồ-tát rốt ráo Bồ-đề. Mười thứ vô tận là? Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, vì hồi hướng bổn nguyện nghiệp thiện, vì tất cả các kiếp không dứt bặt, vì tận cùng hư không giới tâm đều khai ngộ không giới hạn, vì hồi hướng hữu vi mà không vướng mắc, vì nhất niệm cảnh giới tất cả các pháp không cùng tận, vì tâm đại nguyện không thay đổi khác nhau, vì cố gắng gồm nhiếp chọn lấy các Đà-la-ni, vì được tất cả chư Phật hộ niệm, vì hiểu rõ tất cả các pháp đều như huyễn. Đây là mười thứ pháp vô tận, có thể khiến cho những gì mà tất cả thế gian thực hiện đều được rốt ráo vô tận đại tạng”. Hai là từ “Như các kinh này v.v...” trở xuống là kết thúc kinh nói về Giả. Ba là từ “Lại như v.v...” trở xuống là Viên Trung vô tận, có hai: Một là dẫn kinh nêu ra Tướng, có bốn: Thứ nhất là kinh Thắng-man dựa theo Phật pháp để nói về Trung. Vì tất cả các pháp đều là Phật pháp, pháp không gì không

Trung, Trung cho nên thường trú, thường trú cho nên vô tận. Hai là Đại Phẩm dựa theo pháp giới nói về Trung. Thể của pháp giới là đại tổng tướng cho nên các pháp đều hướng về, như đưa ra cương lĩnh thì hạng mục bé nhỏ đều quay về, tạo ra cảnh giới đều Trung thì pháp nào chẳng nhóm họp; nay chỉ nói ý vì để giải thích kinh, ý là pháp giới thì lý chắc chắn song phi (cả hai chẳng phải). Danh vô tận: Danh thiên ý viên cho nên ví như Chân thường thật không có bờ mé, trái ngược, nay giải thích vô tận trên dưới đều như thế. Ba là Tịnh Danh nêu ra ngay nơi bờ mé là Trung, đương thể Không - Hữu đều là Viên Trung, tánh Trung không thay đổi, há có thể có tận cùng. Vô tận này gột sạch tình của hai bên, vì thế cho nên không tận, và bất tận. Từ "Cho nên, biết v.v..." trở xuống là kết thúc thành tựu Viên Trung là Chân vô tận. Bốn là Đại Phẩm nói các pháp đều Trung. Toàn bộ Thể của tu ác là tánh ác, mười hai nhân duyên cho đến năm ấm, mỗi pháp như hư không thường trú rộng khắp thì chẳng phải nghĩa của đương tông, văn này chớ hiểu như thế. Hai là từ "Như đây v.v..." trở xuống là kết thúc kinh nói về Trung. Ba là từ "Thông đạt v.v..." trở xuống là thuận theo đức lập ra tên gọi, có hai: Một là Chính thức lập ra tên gọi, Ý của năng đạt thuận theo pháp sở đạt, được gọi là Vô Tận. Người học phải hiểu rõ, ý tức là ba đế không phân biệt sở đạt, năng đạt cũng không, nếu điều đó không phải như vậy thì chẳng phải Vô tận ý. Hai là từ "Cũng gọi là v.v..." trở xuống là ví dụ các pháp. Tâm - trí - năm ấm và tất cả các pháp đã chính là ba đế cho nên đều được đặt ra tên gọi Vô Tận. Từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống là giải thích tên gọi thông thường, có ba: Một là Đối chiếu Phạn văn phiên dịch tên gọi. Hai là Dựa theo Hoa ngữ giải thích nghĩa, có hai: Thứ nhất giải thích chúng sanh, có hai: đầu tiên nói chung về nhân quả, năng sanh thật pháp - sở sanh giả nhân, bắt đầu từ người phàm cuối cùng đến người tôn cực, không ai không từ nơi các pháp mà sanh. Hai là nói riêng về Bồ-tát, từ vô tận các hành mà sanh, nên gọi là chúng sanh. Từ "Phát tâm v.v..." trở xuống là giải thích tên gọi khác. Lại dựa theo trên cầu dưới hóa mà giải thích, trước dùng các hành sanh ra người giả là mình, nay dùng đạo pháp thành tựu chúng sanh là người khác. Giải thích mở rộng như trên. Ba là nghi thức cung kính, có hai: Một là Phân kinh; Hai là từ "Đứng dậy v.v..." trở xuống là tùy theo giải thích, có ba: Một là giải thích về khởi, thân có hai: Đầu tiên là Sự giải thích. Lễ tức là cúi mình lễ lạy. Đại sư chép: "Thỉnh nghiệp thì khởi - thỉnh ích thì khởi." Trịnh Thị chú thích: Tôn sư trọng đạo, khởi như hiện tại vén y trước khi thỉnh. Nghiệp là biên chép thành thiên quyển, ích nghĩa là được giới

thiệu mà không hiểu, muốn thầy tiếp tục giải thích rõ ràng. Nay Vô Tận Ý muốn thỉnh cầu việc làm lợi ích người khác của Quán Âm, vì muốn thực hành Bồ-tát lợi ích cho tâm mình, đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Hai là Quán giải thích, có ba: Một là dựa theo Không luận nghĩa khởi, văn có hai ý: Trước là nói về quán Không chẳng vướng mắc các pháp; kế là nói về quán Không tự không mê đắm vào Không, vì thế gọi là khởi. Hai là từ "Lại Bồ-tát v.v..." trở xuống dựa theo Giả luận nghĩa khởi, tức là không khởi lên diệt định hiện rõ các oai nghi. Ba là từ "Lại Trung v. v..." trở xuống dựa theo Trung luận mà khởi. Trung đạo ngăn dứt hay soi chiếu đều dứt đối đãi, cho nên khởi hay chẳng có khởi không gì chẳng phải Trung đạo thật sự, chính là soi chiếu của ngăn dứt, gọi là khởi của không khởi. Khởi này tự mình có thể khởi phát Trung đạo thật sự, cũng có thể khiến cho người khởi phát Trung đạo thật sự.

Từ "Vén y bày vai phải v.v..." trở xuống giải thích nghĩa vén y, có hai: Một là Giải thích về Sự, có hai: Đầu tiên dựa theo cõi nước phía Tây. Hai là từ "xứ này v.v..." trở xuống là dựa theo Trung Hoa. Nói Tu Giả tạ lỗi Trương Nghi ấy là hợp lại nói sai tên chữ của Trương Lộc, vốn là Phạm Tuy người nước Ngụy, ban đầu làm quan nước Ngụy cùng với Trung đại phu Tu Giả đi sứ ở nước Tề, Tề lấy Tuy làm người hiền, thưởng riêng cho vàng và ngọc bích cùng với trâu rượu, Tu Giả ganh tị nên tức giận, đi sứ trở về gièm pha Tuy với tướng Ngụy là Ngụy Tề: Phạm Tuy đem sự việc bí mật của Ngụy nói cho Tề biết. Ngụy Tề rất tức giận, cắt sườn bẻ răng vòng chiếu tre cuộn lại vứt trong nhà xí, Tuy không chết xin người coi nhà xí đưa ra, Tuy đã được thoát, thay đổi họ tên gọi là Trương Lộc, đi theo sứ Tần là Vương Kê, đến nước Tần gặp mặt Chiêu Vương, Chiêu Vương vui sướng bái làm khách công khanh, dần dần chuyển làm Tả Thừa Tướng. Sau đó, Tu Giả đi sứ sang Tần, Tuy bèn mặc áo quần cẩn thận mà ra chống gậy ở đường gặp, Tu Giả nhìn thấy quá đỗi kinh hãi. Hỏi Tuy: Lại nói về Tần ư? Tuy chép: Người trốn đi nơi khác được khỏi chết mà thôi, đâu dám nói đến Tần ư? Lại hỏi Tuy: Tướng Tần Trương quân tử có biết hay chăng? Tuy chép: Chủ nhân ông cũng được tiếp xúc gần gũi. Tu Giả chép: Nay muốn nhờ ông thỉnh cầu yết kiến Trương quân, thế là cùng nhau đến dưới xe. Người giữ cổng kinh hãi đứng lên nghiêm sắc mặt. Tu Giả nghi ngờ. Tuy nhập vào mà không ra. Tu Giả hỏi môn khách biết là tướng Tần thì thất sắc, run rẩy cởi mũ, trần mình bày thịt trên người vén áo xin vào tạ tội. Tuy bèn trách mắng rồi tha cho, cho đến khi Tu Giả đi sứ trở về, Tuy chép: Vì ta báo với vua Ngụy, ra lệnh chém Ngụy Tề, nếu không thì ta đem

quân đánh Ngụy. Ngụy Tề sau đó quả là tự thắt cổ chết, Ngụy Vương chặt đầu chuyển cho Tần. Theo quán Giải thích: Dùng sự biểu hiện Lý đã thành tựu pháp môn, có thể tu quán cho nên gọi là quán giải.

Kế là giải thích về "chắp tay", có hai: Một là Giải thích có hai: Đầu tiên là giải thích về Sự; Hai là quán giải thích, có hai: Một là Biểu hiện quyền thật, xưa chia ra nay hợp lại thuận theo bộ biểu hiện quán, trăm cõi một niệm quyền thật phù hợp không sai. Hai là từ "Lại năm v.v..." trở xuống là biểu thị Sự - Lý. Mê khác ngộ kết hợp, pháp tánh năm ấm phàm Thánh lẽ nào khác ư? Nhưng bậc Thánh ra ngoài ràng buộc mà chúng sanh đang còn đắm nhiễm, tánh ấm trong đắm nhiễm khởi lên ấm sanh tử để làm năng cảm, vì thế khiến cho Thánh nhân ra khỏi ràng buộc của thật ấm khởi lên quyền ấm mà làm năng ứng cảm. Nếu trở lại tánh ứng thì quay về chân, cho nên dùng hai bàn tay biểu thị cho nay mới hợp lại, muốn giúp cho người thực hành tập tức quán sự ấm, kết hợp với tánh ấm. Hai là giải thích "Hướng Phật": Văn chỉ giải thích quán mà lại có hai ý: đầu tiên là nói thẳng về nghĩa hướng Phật, kế đến bao gồm nghĩa chắp tay để trình bày nghĩa của Hướng.

Kế chính là thưa hỏi, có hai: Một là Phân văn lập ý, có ba: Đầu tiên bao gồm chung phần tiết. Hai là từ "Đại Kinh v.v..." trở xuống là hỏi đáp về công đức. Ba là từ "Thích luận v.v..." trở xuống là lựa chọn nêu ra câu hỏi hiện nay. Từ "Thế Tôn v.v..." trở xuống dựa vào văn giải thích nghĩa, có ba: Một là Giải thích khen ngợi. Từ "Quán Thế v.v..." trở xuống là giải thích lời thưa hỏi. Từ "Nhân gì v.v..." trở xuống chính là giải Thích Câu hỏi, có hai: Đầu tiên là hỏi nhân duyên có thể thành tựu, có hai: Một là Phân tách chọn lấy cảnh trí, cảnh là cơ cảm trí là Thánh ứng, cảm ứng gọi là hạn cục - nhân duyên thì thông suốt. Hai là từ "Nếu căn cứ v.v..." trở xuống là Phàm Thánh thông suốt lẫn nhau, nhân gần gũi duyên sơ sài cùng nói về nhân phát ra, cùng nói về duyên trợ giúp. Từ "Gọi là Quán v.v..." trở xuống là hỏi về danh hiệu đã thành lập, nhân duyên là thật pháp, danh hiệu là giả nhân, nắm lấy thật trở thành giả.

Đức Phật trả lời, có hai: Đầu tiên là phân khoa. Hai là từ "Số là v.v..." trở xuống là tùy đó giải thích, có ba: Một là trả lời chung, có hai: Đầu tiên dựa vào văn, có hai: Thứ nhất nói về cơ, có bốn: Trước tiên nêu lên nhân số, có hai: Một là Nêu ra số nhiều, có ba: Một là lặp lại kinh sơ lược chỉ ra, văn kinh vốn nêu ra trăm ngàn muôn ức, chẳng phải nói là mười pháp giới cùng có số này, bởi lẻ dựa vào một nghiệp có số người như vậy. Hai là từ "Như một v.v..." trở xuống là cùng nhận chịu

một khổ đau, lấy khổ đau nghiệm xét người biết cùng một nghiệp. Nếu không phải như vậy sao có thể nhận chịu một loại khổ đau như nhau được? Ba là từ “Đem ý này v.v...” trở xuống lấy ví dụ về các đường. Từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là nói nhiều ý. Phàm Địa phát tâm còn có thể gồm nhiếp rộng khắp, trong quả cứu giúp cho vật lẽ nào có những thiếu sót? “Cảnh nhiều v.v...” là củi cơ nếu nhiều thì lửa ứng chắc chắn cháy mạnh. Hai là gặp khổ nạn, có hai: Một là Thành tựu nghĩa trước hiển bày vô lượng, có hai: Đầu tiên là dùng nghiệp riêng bao gồm chịu đựng như nhau. Trước nói trăm ngàn là nghiệp giống nhau, cùng nhau nhận chịu một khổ nạn. Nay nói các khổ, tức là có nhiều trăm ngàn muôn ức. Từ “Dùng ý này v.v...” trở xuống là lấy ý này trải qua mười pháp giới, từng pháp giới một có nhiều trăm ngàn muôn ức, Hoa Nghiêm nói số cao nhất đến Bất khả thuyết bất khả thuyết. Từ “Nay nói v.v...” trở xuống là đối chiếu trả lời riêng làm nổi bật nghĩa bao gồm rộng khắp, có hai: Một là nói trả lời chung, văn tóm lược mà ý mở rộng. Ở trên nói các khổ nạn thật sự khắp cả mười pháp giới, khổ do hoặc nghiệp tức là nói lên có thể thoát khỏi ba chướng của mười pháp giới, mở rộng há vượt qua nơi này? Hai là Sau đó trả lời riêng, văn mở rộng mà ý thu hẹp trả lời riêng về bảy nạn. Dựa theo quán hạnh giải thích đầu tiên chung cả ba thừa, nay trả lời chung văn bao gồm mười pháp giới. Ba là nghe tên gọi, có hai: Một là Gặp khổ nạn nghe tên gọi cùng nhau làm cơ. Vì quá khứ hiện tại xấu ác cho nên gặp phải các khổ nạn, lại nhờ nghiệp thiện của hai đời mà được nghe tên gọi. Diệu Huyền chép: “Từ Xiển-đề khởi tâm hối cải, lên đến Đẳng Giác đều có thiện ác kèm theo nhau làm cơ. Từ “Nghe có v.v...” trở xuống là bốn Văn, ba Tuệ đều là năng cảm, có hai: Một là Giải thích tướng, có hai: Thứ nhất phân biệt chỉ ra bốn Văn của bốn giáo, năng văn sở văn của ba Tạng giáo đều là Thật Hữu, Thông giáo tức Không, Biệt giáo tức Giả, Viên giáo biết rõ năng sở đều là Pháp giới. Văn đã có bốn thì Tư - Tu cũng vậy. Do đó Đại Bổn sớ giải về Ngã Văn: “Có nghe là nghe, nghe là không nghe; không nghe là nghe, không nghe là không nghe. Từ “Nếu năng v.v...” trở xuống chính là nêu ra ba Tuệ của Viên giáo. Văn Tuệ của ba giáo trước không được Viên Văn, bốn loại văn Tuệ của Viên giáo thông suốt khắp cả, thông suốt bốn loại đều là không nghe là không nghe, tức là Văn mà Tư đâu nương tựa, đâu mê đắm, hai tuệ dẫn dắt hạnh, nhất tâm xưng danh gọi là tu tuệ trọn vẹn. Từ “Văn này v.v...” trở xuống là kết thúc nêu ra. Bốn là xưng danh hiệu, có hai: Một là Trích văn nêu ra Sự - Lý. Hai là từ “Nếu dùng v.v...” trở xuống tất cả nêu ra xưng niệm, có hai: Một là Sự,

có hai: Đầu tiên nói về nhất tâm, có tương tục nhất tâm, có sổ tức nhất tâm. Hai là nói về xưng danh. Nay văn chỉ xưng danh hiệu của Sở quy, không xưng từ ngữ của năng quy, do đó là sơ lược chẳng phải mở rộng. Hai là Lý, có hai: Đầu tiên nói về nhất tâm. Tâm có sanh diệt không gọi là Nhất, nay đạt được tâm tánh chẳng phải bốn câu phát sanh, đã vốn không sanh lại cũng không diệt, mới gọi là Nhất tâm. Nhưng thiết lập Nhất tâm đối chiếu người khác (tha) trở thành hai. Nếu không có Một là không có tâm thì không có nhiều - không có pháp, suy cho cùng không thể được gọi là Lý Nhất Tâm. Nói đạt được tâm này, tức là thể đạt được Nhất tâm trong Sự. Từ "Biết tiếng v.v..." trở xuống nói về xưng danh. Đã đạt được tâm Không, từ nơi tâm sanh ra tất cả đều Không, khiến cho âm hưởng năng xưng sở xưng đều không sanh diệt, cho nên nói là Lý xứng. Sự chưa hẳn là Lý - Lý chắc chắn có đủ sự, lấy đây làm nhân, lẽ nào không cảm đến Thánh. Hai là nói về ứng, có hai: Một là Phân khoa. Hai là từ "Ứng có v.v..." trở xuống thuận theo giải thích, có hai: Thứ nhất nói về tướng Ứng, có hai: Đầu tiên phân định tác ý của ba giáo ích lợi thiên - viên thì Ứng không cùng một lúc, Viên giáo tùy ý vận dụng Ứng trong một lúc rộng khắp tất cả. Từ "Các cơ v.v..." trở xuống nói về tướng Cơ - Ứng nhanh chóng. Quán Âm ứng hiện đi đến chúng sanh trong tâm, chúng sanh cơ cảm Quán Âm trong tâm. Nếu không như vậy thì không rộng khắp không nhanh chóng.

Từ "Đều được v.v..." trở xuống nói về giải thoát, có hai: Một là Dựa theo nhiều cơ hiển bày Ứng đầy đủ, do đó trước đây giải thích về nhân số chép: Đây là đưa ra các cảnh nhiều cơ để hiển bày quán sâu xa ứng rộng lớn. Từ "Hoặc khi v.v..." trở xuống dựa theo ba nghĩa nhanh tiếp tục thuận theo văn. Kinh chép: "Quán Thế Âm Bồ-tát lập tức quán sát âm thanh đó đều được giải thoát". Quán sát như thế nào, có thể khiến cho các khổ nạn rộng khắp đều được giải thoát? Người nói người nghe thích hợp với thiện ác. Hai là từ "Hỏi mười pháp giới v.v..." trở xuống là phân biệt để giải thích (liệu giản), có hai: Một là Trình bày cơ trong mười pháp giới Ứng đều thường rộng khắp, có hai: Thứ nhất vì nhiều cơ nên tai nạn khác nhau. Hai là từ "Đáp thí v.v..." trở xuống dùng bốn Sự trọn vẹn rộng khắp để trả lời, có năm: Một là Dùng bốn thí dụ nêu ra. Hai là từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống dựa theo bốn pháp hợp lại. Ba là từ "An lạc v.v..." trở xuống dẫn các kinh chứng minh. Trí tuệ - bảo tạng chứng minh hai loại tài - trí. Bốn là từ "Lại như v.v..." trở xuống thêm ba thí dụ để hiển bày. Năm từ "Lại là v.v..." trở xuống chỉ ra lực Tam-muội. Trung đạo là vua, gồm nhiếp tất cả hai đế, một tâm

đầy đủ nhập vào mười lợi ích khắp nơi được hưởng. Quán Âm nhập vào Tam-muội này, tức là nhập vào khắp cả tâm tánh của tất cả chúng sanh, thường dùng lực của Tam-muội, mang lại cho họ mười thứ lợi ích, nhưng vì cơ cảm gần gũi hay thưa xa, khiến cho lợi ích có sâu dày hay nông cạn. Vương Tam-muội ở nơi Diệu Huyền thứ bốn mươi và lợi ích ở tại thứ sáu.

Từ "Hỏi nhất v.v..." trở xuống trình bày Sự - Lý nhất tâm đặt ra năng cảm, có hai: Một là Hỏi về xưng niệm lâu dài không có hiệu quả. Hai là Trả lời vì tâm phân tán trái với pháp. Nếu có thể nhất tâm xứng hợp Sự - Lý, điều đó giống như hình đối bóng sanh, tiếng cất lên thì tiếng vang dội lại.

Trả lời riêng, có hai: Một là Phân khoa thuật về ý, có hai: Đầu tiên là phân khoa. Hai là thuật rõ ý, có hai: Một là Thuật rõ ý của Sư khác, có ba: Đầu tiên lập thành ba cơ, có ba: Thứ nhất từ "Có người v.v..." trở xuống xác định ba nghiệp trước sau. Hai là từ "Thông luận v.v..." trở xuống nói về ba cơ dứt trừ và ban cho. Miễn nạn là loại trừ quả, ly độc là loại trừ nhân, đắc tử (sanh con) là mang lại niềm vui. Ba là thuật rõ ba lần lựa chọn, có ba: Một là Hỏi: Sao bỗng nhiên ban cho niềm vui ấy là thuở xưa lấy sự sanh được con làm niềm vui. Đáp: Ban cho niềm vui đôi chút không ngăn ngại Bi môn. Hai là Hỏi: Lễ bái cầu con chỉ ra cầu quả vui sướng, sao không khiến cho cầu giới và các thiện nghiệp làm nhân vui sướng vậy? Đáp: Quả vui sướng, vừa ý có thể dắt dẫn người, chịu khó chịu khổ cầu tu nhân, chẳng phải dẫn dắt tiếp cận pháp, văn đó ở sau là mười chín cách nói pháp nêu bày rộng rãi về tu nhân vậy. Ba. Hỏi cùng với trả lời có thể thấy. Từ "Có người v.v..." trở xuống lập ra bảy nạn, có hai: Một là Nói về cặp hay đơn lẻ (song chích). Quỷ mở ra khứ - lai: Khứ nghĩa là trôi dạt rơi vào cõi nước đó, Lai nghĩa là đến nơi này làm hại người. Vương luận nặng nhẹ: Bị sát hại thì nặng - tra xét giam giữ thì nhẹ. Thể tức là năm khai ra thì thành bảy. Hai là Nói về thứ tự. Quỷ - Vương xen nhau nêu ra là: Ba là nạn cõi nước quỷ, bốn là nạn sắp bị làm hại, năm là nạn đến não loạn, sáu là nạn gông xiềng. Ba và bốn sánh cùng nhau, nạn quỷ ở tại cõi nước sông biển thì nặng, nạn vua chúa ở tại phạm vi thành ấp tựa như nhẹ. Bốn và năm sánh với nhau, nạn vua chúa hoặc là chết cho nên nặng, quỷ não loạn hoặc không chết cho nên nhẹ, tất cả nói về nhẹ - nặng cho nên nói là tương tự, chính là xen lẫn nhau. Từ "Có Sư v.v..." trở xuống lập thành tám nạn, có hai: Một là Một Sư lập ra; Hai là Một Sư phá bỏ. Hai là từ "nay nói rõ v.v..." trở xuống trình bày ý Sư hiện nay, có hai:

Một là Nói về ba cơ, có hai: Thứ nhất bác bỏ sai lầm của người khác, có hai: Đầu tiên bác bỏ tình ý lựa chọn Thánh ứng. Hai là từ "Nay không v.v..." trở xuống bác bỏ Bi môn ban cho niềm vui. Hai là từ "Nay nói v.v..." trở xuống trình bày ý hiện nay, có hai: Một là Tùy theo thế gian đặt ra thứ tự. Cõi nước Ta bà này âm thanh làm Phật sự, miệng cơ là thứ nhất, ý căn sâu xa bí mật khởi lên nhất định là thân đời trước, thân nghiệp thô trước hiển bày ở sau tâm, mà lần lượt sử dụng ba nghiệp há không phải thế ư? Hai là từ "Nếu tìm v.v..." trở xuống là Thánh ứng không có mưu cầu. Tạm thời tùy theo thế tục đặt ra thứ tự như trước, căn cứ vào Thánh không có mưu cầu tức như gõ vào lập tức ứng. Từ "Người khác đã v.v..." trở xuống nói về bảy nạn, có hai: Một là Nói về thứ tự, có hai: Thứ nhất tạm thời cùng như trước đã lập thứ tự, từ nặng đến nhẹ cùng thứ tự trước. Từ "Đến như v.v..." trở xuống cảnh cáo không thể khăng khăng chấp trước. Từ "Hỏi: Các nạn.." trở xuống nói về những gì đã bày tỏ, có hai: Một. Trách nhiều nạn sao chỉ nói bảy nạn. Hai là từ "Đáp: Đây v.v..." trở xuống lấy bảy nạn biểu thị cho sáu loại để trả lời, có hai: Một là Chính thức nêu ra ý bày tỏ, có hai: Thứ nhất - Trình bày tất cả bảy nạn và sáu loại. Kinh nói bảy nạn, không chỉ có ở Sự, cho nên dựa theo quán giải thích tất cả thông suốt ba thừa. Nếu không có gì bày tỏ thì không thể bao gồm sâu xa, do đó dựa theo bảy nạn để biểu lộ sáu loại, ngoài nước - lửa - gió biểu thị ba loại bên trong, dao gậy - gông xiềng ngăn trở bền chắc biểu thị Địa chủng bên trong, vua chúa cùng hữu tình có thể biểu thị Thức chủng, thế giới đại thiên tuy chẳng phải là nạn chính, nhưng là nạn nương vào thì có thể biểu thị cho Không chủng bên trong.

Từ "Thế nào nói v.v..." trở xuống là nêu riêng Không - Thức, có hai: Một là nói về tướng biểu thị. Hai là từ "Không là v.v..." trở xuống là nói đó là nạn, có hai: Một là Không. Tuy chẳng phải nạn chính là mà là lý do của nạn. Nếu nói về quán hành cũng là hai Thức sở quán, Thức khởi lên ái kiến chấn bao gồm ái kiến hai loại Thông - Biệt. Từ "Sở dĩ v.v..." trở xuống là kết luận nêu ra ý chỉ có bảy. Từ "Một là hoả" trở xuống dựa vào nghĩa giải thích văn, có ba: Một là miệng cơ, có hai: Thứ nhất nói về bảy nạn, có bảy: Đầu tiên nạn lửa, có hai: Một là Ý khoa mục, có ba: Thứ nhất tiết đoạn văn kinh. Hai là từ "Trên tổng v.v..." trở xuống là nói rõ ý kinh. Ba là từ "Giải Thích Các nạn v.v..." trở xuống là nêu ra nghĩa về Môn. Từ "Nêu lại văn v.v..." trở xuống tùy đó giải thích, có ba: Một là Dựa theo văn, có bốn: Thứ nhất trì danh, có hai: Đầu tiên giải thích nghĩa văn, có hai: Một là Giải thích trì danh, thuộc về miệng:

Đại Luận chép: “Hơi thở ra vào là thân hành, giác quán là miệng hành, thọ là tâm hành”. Tâm trì theo đã là giác quán, cho nên thuộc về miệng nghiệp. Hai cách giải thích nếu có, chữ Khiêu khứ thanh không nhất định là tướng mạo. Từ “Còn lại đều v.v...” trở xuống nói về trước sau, có hai: Một là nói về cổ xưa, nghĩa là cùng đưa ra nghĩa đó không phải như vậy. Hai là giải thích hiện nay, có ba: Thứ nhất dựa theo nghĩa giải thích. Hai là từ “Như từ v.v...” trở xuống là dẫn ra việc khuyến khích, có hai: Một là dẫn việc chứng minh. Đây là người con trai tên là Từ Đồng Nữ, bán củi nuôi mẹ rất hiếu thuận thành thật. Sau đó muốn vượt qua biển, mẹ ôm lấy chân không muốn con đi, không nghe lời mẹ giằng co giật đứt một nắm tóc của mẹ, trên biển lạc mất bạn bè nhập vào các thành quý báu, thọ nhận vui sướng nhiều năm, đó là nhờ phước báo thực hành hiếu thảo. Về sau nhập vào thành sắt vòng lửa đội trên đầu đây, là quả báo giật đứt tóc mẹ. Nếu chỉ thực hành hiếu thuận thì không gặp phải vòng lửa. Từ “Người thực hành v.v...” trở xuống là khuyến khích nghĩ nhớ giữ gìn. Từ “Hoả nạn v.v...” trở xuống là dựa theo nặng kết thành hai lần gặp phải khổ nạn và ba ứng. Bốn là từ “Oai thần v.v...” trở xuống là kết luận. Từ “Tiếp căn cứ v.v...” trở xuống là nêu ra Sự, có hai: Một là Chỉ ra hai người được lưu truyền. Hai là từ “Kỳ truyện v.v...” trở xuống là nêu ra bốn người được thoát nạn.

Từ “Căn cứ quán v.v...” trở xuống là quán giải thích, có ba: Một là nêu chung. Báo là sự cố về lửa, mắt nhìn thấy thân cảm giác, nghiệp và phiền não chỉ có nghĩa thiêu đốt, làm cho thiện nghiệp thế gian và ba quán bị hư hoại cho nên gọi là lửa, là để xứng với ngay nơi quán hành giải thích.

Hỏi: Ba quán vốn đối chiếu chỉ ở phiền não, cho dù bao gồm xa xôi ngăn cách chỉ đến nơi nghiệp, các sự tướng về lửa hoàn toàn không trở ngại cho quán, làm sao có thể quả báo tham dự vào quán để giải thích được?

Đáp: Kinh nêu ra bảy nạn, chỉ ở trong loài người, người trí sâu xa cùng tận, công lao cứu nạn thuộc về Tam-muội Vương, tức là tánh Ngã chân thường của hai mươi lăm Hữu Quán Âm đã chứng, mới có thể khắp nơi dứt trừ đau khổ cho chúng sanh, ở nơi mỗi một Hữu có mười thứ phá trừ chướng nạn, làm cho tánh Ngã cuối cùng đồng một sâu xa, mới tận cùng cái dụng dứt trừ đau khổ của Đại Sĩ. Nhưng mười thứ phá trừ không ra ngoài ba chướng, nếu tận cùng lý mà nói, đối với mỗi một loại đều phá trừ ba chướng. Nay muốn dễ hiểu thuận theo nghĩa trội hơn mà nói, báo tạm thời ở tại Sự - Nghiệp thuộc về hữu lậu, chỉ riêng hoặc

chướng đạt đến cực điểm, Quán Âm tu tập Vương Tam-muội, thường có thệ nguyện rộng lớn dứt trừ nỗi khổ về ba chướng ở pháp giới, cho nên nay chúng sanh bị nỗi khổ ba chướng ép ngặt, nhất tâm xưng danh đều được giải thoát. Nghĩa đó như vậy, há có thể không nói được các quả báo về lửa hay sao? Nên biết rằng Tổ chúng tôi nói Quán Thế Âm tu trọn vẹn Tam-muội, phát khởi đầy đủ Tăng na nhập vào đầy đủ pháp môn, cứu giúp các tai nạn, ý làm cho người thực hành phỏng theo đó tu tập hội nhập, ba chướng đã nêu ra đâu chỉ có ngay nơi cảnh tu quán bây giờ mà cũng là nghĩa dứt trừ khổ ở tương lai. Cho nên biết chỉ ra đầy đủ bảy nạn cạn sâu, chính là nói về tướng đầu đuôi của quán hành. Hai là từ "Quả báo v.v..." trở xuống chỉ bày phân nhỏ. Nghiệp, báo, phiền não bắt đầu từ Bạc Địa cuối cùng đến Đẳng Giác, đều có đủ ba loại này. Do đó trong Phụ Hạnh nói về cõi Phần Đoạn đến cõi Thật Báo đều có ba đường. Ba đường trong Phần Đoạn đó là kiến tư hoặc là đường phiền não, phiền não tưới nhuần nghiệp gọi là đường nghiệp, cảm quả sanh trong ba cõi gọi là đường khổ. Ba đường trong Phương Tiện đó là hoặc trần sa làm đường phiền não, lấy nghiệp vô lậu gọi là đường nghiệp, sanh tử Biến dịch gọi là đường khổ. Ba đường trong Thật Báo đó là hoặc vô minh làm đường phiền não, nghiệp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu là đường nghiệp, cõi kia Biến dịch gọi là đường khổ. Nay từ nghĩa mạnh mà nói, cho nên dựa theo sự cố về lửa mà làm quả báo, chỉ đến Sơ thiền, nhân của luân hồi, vì là nghiệp lửa, cho nên đến Hữu Đảnh. Ba quán đã phá trừ mới gọi là phiền não, do đó chung cả ba thừa. Kế nữa các nạn ý đó theo đúng như vậy. Ba là từ "Quả báo hoả nạn v.v..." trở xuống tùy theo thứ tự giải thích, có ba: Một là Quả báo về lửa, có hai: Thứ nhất là gặp nạn, có ba: Đầu tiên là nói chung về nơi chốn. Hai là từ "Như A v.v..." trở xuống là nêu riêng tướng. Ba là từ "Phàm nhất v.v..." trở xuống là tổng kết về số. Bốn đường bốn châu báu cõi trời và Sơ thiền, nếu thêm Phạm Vương hợp lại nói là mười sáu, cùng ở Sơ thiền tạm thời nói là mười lăm. Hai là từ "Trì danh này v.v..." trở xuống là cảm ứng, có hai: Một là Cơ duyên thành tựu được thoát khỏi. Hai là từ "Thẳng căn cứ v.v..." trở xuống chỉ ra số bài bác hạn cuộc. Thẳng thắn ngay nơi quả báo mát mẻ của Địa thượng, nghiệm xét đối với cách giải thích trước đây thì điều ấy vốn sai lầm nhiều. Vì đã rõ ràng, bỏ chín phen phá hữu, người khác không nghe tên gọi. Hai là từ "kế nói v.v..." trở xuống là lửa nghiệp ác, có hai: Một là Gặp nạn, có hai: Thứ nhất là nói về tu nhân. Trước đã nói trong hiện báo cầu tránh khỏi khổ ách an ổn cho quả của thân đó, nay luận đến tu hành giới thiện

và định của tám Địa, cầu mong quả vui của trời người ở vị lai. Từ "Phần nhiều bị v.v..." trở xuống nói về gặp phải lửa, có ba: Một là giải thích về tướng. Xưa huân tập phá giới và mười nghiệp ác, vào lúc tu trì khởi lên trở thành chướng nạn, khiến cho nghiệp thiện và các giới định không thể thành tựu, gọi là bị thiêu đốt. "Hữu Đảnh v.v... Như vậy là thiện hữu lậu cao nhất đến Phi tưởng định, chẳng phải lửa nghiệp ác; từ Vô sở hữu trở xuống chính là nghiệp ác. Tạm thời muốn chỉ ra ác chung ở cả ba cõi, cho nên dẫn ra mà thôi. Hai là từ "Thuật Bà v.v..." trở xuống là dẫn chứng, có hai: Một là Dẫn ra sự việc. Thuật Bà Già lửa dâm dục hừng hực khởi lên thiêu đốt thân. Đây chính là nghiệp lửa, thường sanh khởi sự cố về lửa, nghiệm xét ba thứ lửa tánh của nó không khác. Hai là từ "Kim Quang v.v..." trở xuống là dẫn ra kinh. Ba là từ "Năng phá v.v..." trở xuống là bị thiêu đốt. Thiện tăng lên cao đã bị thiêu cháy, chính là tùy theo nghiệp ác lôi kéo rơi xuống dưới. Hai là từ "Nếu có thể v.v..." trở xuống là cảm ứng, có ba: Một là Thành tựu cơ được thoát khỏi. Hai là từ "Cho nên, thỉnh v.v..." trở xuống là dẫn ra tiêu tan khuất phục để chứng minh. Phạm hạnh là tịnh hạnh, nghĩa là các giới Đại - Tiểu là hạnh thanh tịnh của người ba thừa, mười ác là chủ động phá bỏ (năng phá) - phạm hạnh là bị phá bỏ (sở phá). Từ "do Bồ-tát này v.v..." trở xuống sử dụng văn này kết thúc. Ba là lửa phiền não, có hai: Một là Ngay nơi cơ - ứng giải thích, có hai: Thứ nhất nói về cơ cảm thiên - viên, có hai: Đầu tiên là giải thích riêng, có hai: Một là Dựa theo Thanh-văn chỉ ra rộng rãi, nhân của kiến tư - quả của phần đoạn, bốn tâm lưu động ba tướng di chuyển gọi là nhà lửa, cạnh tranh với nhau đun đẩy giành ra khỏi nhà lửa này. Nếu không một lòng xưng niệm Quán Thế Âm, thì chắc sẽ bị rơi rớt lửa dữ thiêu đốt. Quán Âm của giáo này thân ở tại bờ bên này độ người bờ bên kia, cho nên khiến Thanh-văn đạt được hai Niết-bàn. Hai là từ "kế là nói v.v..." trở xuống ví dụ địa vị khác đều là cơ, ngang nơi Thông giáo kiến tư là lửa, Biệt giáo chính là lấy trần sa làm lửa, Viên giáo trước sau vô minh làm lửa. Hai cõi trước cùng gọi là Biến dịch, người chưa có thể điều phục dứt trừ vô minh hoặc, gọi là người độn căn. Nếu có thể điều phục dứt trừ thì gọi người lợi căn, điều phục thuộc về phương tiện - dứt trừ cùng tận là Thật Báo. Từ "Phàm có v.v..." trở xuống là nêu chung, có hai: Một là Tu quán bị thiêu đốt. Chỉ trừ ra người cầu xa lìa quả báo lửa, từ giới thiện trở lên đều gọi là tu đạo, cho nên nói là chín thứ. Ngay cả người bị lửa của năm trụ hoặc thiêu đốt, tu nhân thiền định, cũng bị ba trụ ái hoặc thiêu đốt, huống chi nghiệp của ba độc gồm nhiếp tất cả kiến tư. Từ "Xưng Quán v.v..." trở

xuống là xưng danh hiệu được thoát khổ, tất cả dựa vào bổn pháp mà tu nhất tâm cho đến xưng niệm danh hiệu, nếu cơ ấy thành tựu thì ch có ai không được thoát khổ. Từ “Hỏi Bồ v.v...” trở xuống nói về tiệm đốn từ bi, có hai: Đầu tiên câu hỏi phát khởi. Như trên đã nói về khổ nạn ba chướng trong hai mươi lăm Hữu có mười thứ khiến cho thoát khỏi, chẳng hay Đại Sĩ tu phương tiện gì, chứng pháp môn nào mà đạt được lực như vậy? Từ “Đáp: Bồ v.v...” trở xuống là giải thích nêu ra, có hai: Một là Sơ lược chỉ ra. Hai là từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống mở rộng giải thích, có hai: Một là trình bày dần dần, có hai: Thứ nhất là tu quán bổn thệ, có ba: Đầu tiên là quả báo từ bi. Đã từ nguyên thỉ phát tâm Bồ-đề, hễ là nói thấy, nghe kỳ hạn cuối cùng được dứt trừ cứu giúp. Từ “Thọ trì v.v...” trở xuống là tu nhân từ bi. Lược nói giới cấm, cần phải bao gồm mười hai môn Thiền căn bản, vì nghiệp lửa đó đều có thể phá hoại. Ba là từ “Tu vô lậu v.v...” trở xuống là vô lậu từ bi, có hai: Một là Sự về Định. Nếu căn cứ vào căn bản, ngoài vị của Thiền còn có căn bản tịnh Thiền, đó là sáu Diệu môn - mười sáu Đặc thắng tất cả nói về Thiền. Các loại này cũng gồm chứa vô lậu có thể dứt trừ phiền não. Nay chỉ thuận theo các quán về ánh sáng xương cốt v.v... làm vô lậu ấy là vì chọn lấy trong Sự thiền xuất thế có tên gọi lửa. Giải thích về tướng của quán đó, đây chính là dùng lửa của Sự thiền, diệt trừ lửa của kiến tư. Nhưng Sự thiền có bốn, tức là Quán - Luyện - Huân - Tu. Quán gọi là chín tưởng - tám bối xả - tám thắng xứ - mười nhất thiết xứ. Luyện là chín định thứ đệ. Huân Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn Tu nghĩa là Tam-muội Siêu Việt. Nay ở trong bốn loại chỉ nêu Quán Thiền, trong ba loại không dẫn ra tám bối xả là vì trong tám bối xả không có tên gọi của lửa, đại khái tùy theo phương tiện. Đầu tiên nói xương trắng trải qua thời gian tức là thuộc về xương trắng cấp thứ tám trong chín tưởng, tu tập nhập vào sắc trải qua thời gian. Nói tám sắc là, thấy Địa sắc giống như đất vàng trắng sạch sẽ, thấy Thủy sắc như nước sâu xa trong veo, thấy Hoả sắc như lửa yên lặng không khói, thấy Phong sắc như gió trở lại sạch sẽ không bụi bặm, thấy Thanh sắc như núi vàng đẹp đẽ, thấy màu vàng như hoa chiêm bặc, thấy màu đỏ như sáng mùa xuân, thấy màu trắng như tuyết trắng như đá ngọc sò ốc. Thấy sắc rõ ràng mà không chất ngại.

Tám thắng xứ là:

1. Trong có sắc tưởng ngoài quán sắc ít.
2. Trong có sắc tưởng ngoài quán sắc nhiều.
3. Trong không có sắc tưởng bên trong quán sắc ít.

4. Trong không có sắc tưởng bên ngoài quán sắc nhiều. Cuối bốn câu này đều nói hoặc tốt hoặc xấu thì gọi là thắng tri thắng kiến.

5. Địa thắng xứ.

6. Thủy thắng xứ.

7. Hoả thắng xứ.

8. Phong thắng xứ, đối với các duyên này chuyển biến tự tại quán tâm thuần thục hơn hẳn tám sắc trước đây.

Mười nhất thiết xứ:

1. Thanh nhất thiết xứ.

2. Hoàng nhất thiết xứ.

3. Xích nhất thiết xứ.

4. Bạch nhất thiết xứ.

5. Địa nhất thiết xứ.

6. Thủy nhất thiết xứ.

7. Bạch nhất thiết xứ.

8. Phong nhất thiết xứ.

9. Không nhất thiết xứ.

10. Thức nhất thiết xứ.

Đối với sở quán này phổ biến tức là quán thiền thành tựu.

Từ “Lại quán v.v...” trở xuống là ba quán. Các thứ lửa ấy là lửa báo - nghiệp - phiền não và lửa trong sự Định, đều là cảnh sở quán của ba quán. Vì cảnh này duyên sanh, đầu tiên chính là Không - kế đến Giả - sau là Trung cho nên trở thành Biệt quán, từng tiết từ bi thệ nguyện, dứt trừ lửa của báo - nghiệp và ba hoặc. Từ “Nay trú v.v...” trở xuống huân tu phát khởi ứng, có hai: Một là Theo thệ nguyện đi cứu nạn, có ba: Thứ nhất diệu lực của Chân bi, tức là vô cùng gần gũi đồng Thể từ bi thầm xông ướp chúng sanh, khiến cho thành tựu cơ cảm thị hiện ứng dứt trừ khổ nạn. Từ “Nếu sự v.v...” trở xuống các cơ liên quan đến thệ nguyện. Nếu lúc ba loại lửa của chúng sanh phát khởi, không khác với ban đầu Bồ-tát đã khởi lên, liên quan đến bi của phần quả, dùng thệ nguyện trong nhân để đáp lại. Tăng Triệu nói: “Phát khởi Tăng na ở tâm ban đầu, cuối cùng Đại Bi để đi cứu nạn.

Từ “Nếu các v.v...” trở xuống là ngay một lúc cứu giúp rộng khắp. Biệt giáo tuy tu có thứ tự, mà chứng phải viên dung, do đó mười thứ cơ có thể trong một lúc ứng hiện được. Từ “Như Hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh thành tựu, có hai: Một là dẫn kinh.

Hỏi: Tông phái này phân định về Hoa Nghiêm, lúc Thiện Tài chưa gặp gỡ Di-lặc và Văn-thù trở về trước, đều là Biệt giáo trải qua

Biệt pháp môn. Nay Văn đã nói núi lửa này, gọi là pháp môn Vô tận, nếu nhập vào môn này có thể biết các pháp, môn này há chẳng phải nghĩa viên dung hay sao?

Đáp: Đây là chỉ ở trong pháp môn lửa có thể biết các pháp, không thể đối với pháp môn khác biết được các pháp. Kinh đó chép: "Ta chỉ biết một pháp môn này", cho nên biết vẫn là nói về giáo đạo. Nếu như vậy thì Tam-muội này an trụ để lý nào phá trừ loại hoặc nào? Đáp: Đã nói là pháp môn Vô tận, lại nói là có thể biết các pháp, tức là Trung đạo Tam-muội phá trừ vô minh hoặc. Vì thế trong Thích Thiêm có nói: "Nếu Thiện Tài ở chỗ tri thức đạt được Tam-muội Thật Tướng, thì phá trừ hoặc chướng trong vi tế vô minh, phần nhiều cùng dựa theo giáo đạo không dung hợp, phá trừ vô minh hoặc" (Trên đây đều trong Thích Thiêm). Từ "Nêu lên kinh kia v.v..." trở xuống là kết thúc nêu ra. Quán Âm nếu là Biệt giáo, cứu người ở trong lửa phiền não, tức là giống như tướng phương tiện chỉ bày Bà-la-môn tu tập. Mười thứ lợi ích: Chính là kết hợp tất cả ba loại từ bi trước đó đến nay. Từ "kế nói rõ v.v..." trở xuống là nói về viên đốn, có hai: Một là nói về Bồ-tát vốn tu viên quán từ bi. Sơ tâm quán sát lửa là cảnh bất tư nghị, ngay đối với một pháp môn lửa đầy đủ pháp trong ba ngàn, tuy đều là khắp trong nhau mà mỗi một tướng phân biệt rõ ràng, tức là đối với cảnh này phát tâm Bồ-đề, thề dứt trừ nạn lửa của ba chướng cho chúng sanh, thề mang lại niềm vui của ba thứ lửa cho chúng sanh.

Từ "Nếu pháp v.v..." trở xuống là nói nhập vào địa vị cơ ứng của pháp giới, có hai: Một là giải thích, có ba: Thứ nhất là không mưu cầu mà ứng. Tu đầy đủ chứng trọn vẹn dùng thệ nguyện đầy đủ xông ướp lực dụng trọn vẹn, không lay động mà nhất tâm cứu giúp mười nạn lửa. Hai là từ "Tuy không v.v..." trở xuống là không phân chia mà phân chia. Bi trọn đầy rộng khắp thấu suốt cùng tận mà cứu giúp, thật sự chẳng phải trước sau, ứng hiện cạn sâu chỉ dựa vào cơ cảm. Ba chướng phân chia như nhau là đối với năng lực của hai mươi lăm Tam-muội Vương, mà tự thành tựu nhiều ít. Tránh khỏi lửa quả báo tương đương nơi lực của mười lăm Tam-muội Vương, tu thiện nghiệp hữu lậu tránh khỏi lửa nghiệp ác tương đương lực của hai mươi bốn Tam-muội Vương, liên quan gì đến một vậy? Nếu trừ bỏ nghiệp ác mà không cần Phi Tưởng, hoặc thành tựu nhân thiện mà không cần Địa ngục, vì nhân địa ngục không thành tựu, cho nên nhân của Phi Tưởng không trừ diệt. Vì thế tu nhân nghiệp ác rất cao hay rất thấp cùng luận lẫn nhau không dùng một Tam-muội. Từ nhị thừa trở đi đến trọn vẹn nhập vào Trung,

từng tiết một đều sử dụng lực Vương Tam-muội trong hai mươi lăm Hữu. Từ “Tuy ứng v.v...” trở xuống là nhập vào mà không nhập vào. Tuy nhập vào lửa ba chướng của các Hữu, vì Thể đó rõ ràng ngay nơi Không - Giả - Trung cho nên không có tướng đạt được, sao có năng thiêu và sở thiêu được? Hai là từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết luận. Từ “ Thường đồ v.v...” trở xuống là nêu ra sự được mất của mình và người. Tam-muội Như huyễn phá bỏ cõi Hữu Diêm Phù, đầy đủ nói về mười loại, Sư khác chỉ biết một ích lợi về quả báo, cho nên nói là phần ít. Hai là nạn nước, có hai: Một là Nêu ra nghĩa về Môn, hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là tùy theo Môn giải thích, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét về kinh (khoa kinh). Hai là từ “Hỏi: Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Một là Gặp phải nước, có hai: Thứ nhất là hỏi. Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên là dựa vào nạn nước để trả lời. Hai là từ “Hỏa nạn v.v...” trở xuống là so sánh nạn lửa để trả lời. Hai là xưng danh hiệu. Ba là từ “Nước luận v.v...” trở xuống là được ứng hiện. Hai là dẫn chứng. Ba là quán giải thích, có hai: Một là Nêu ra ba thứ nước. Thuận theo ý trội hơn giống như nạn lửa ở trước. Hai là từ “Như Địa v.v...” trở xuống là giải thích ba loại nước, có ba: Một là Quả báo, có hai : Thứ nhất là gặp nạn. Hai là từ “Thời ấy v.v...” trở xuống là Cơ ứng. Hai là từ “kế là nước các nghiệp v.v...” trở xuống là nghiệp ác, có hai: Thứ nhất là gặp nạn. “Buông bỏ phao nổi”: Đại Kinh chép: “Như người mang phao muốn vượt qua biển cả, có một La-sát xin phao này. Ban đầu thì xin cả phao, người đó không cho. Kế lại xin nửa phao, kế xin một phần ba, cứ tiếp tục cỡ bằng ngón tay, sau cùng cỡ bằng hạt bụi. Người đó nghĩ: Nếu cho bằng hạt bụi, khí sẽ dần dần thoát ra, làm sao vượt qua biển được? Vì thế hoàn toàn không cho. Hộ trì giới cấm cũng giống như vậy, thường có La-sát phiền não làm cho người phá giới. Nếu phá giới căn bản giống như cho tất cả, phá tăng tàn giống như cho một nữa, phá xả đoạ như cho một phần ba, phá ba dật đề như đồng ý cho cỡ bằng ngón tay, phá Đột-cát-la như đồng ý cho bằng hạt bụi. Giới bị phá tuy ít, nếu không phát lộ thì không thể nào vượt sanh tử đến bờ bên kia. Bồ-tát giữ gìn các giới trọng - cấm và Đột-cát-la như nhau không hề sai khác”. Nay nói về nghiệp ác cho nên nói phóng xả. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống là cơ ứng. Ba là phiền não, có hai: Một là nói về cơ, có hai: Thứ nhất nói về nước hoặc, có hai: Đầu tiên trình bày chung về nước trong các Hữu. Bồ-tát Hương Tượng chân tuy đến đáy, nếu chưa đến bờ đâu tránh khỏi lay động? Duyên-giác quán xét Tập mà làm Môn ban đầu, cho nên nói nước Ái thêm lớn các

Hữu. Hai là từ "Nhị thừa v.v..." trở xuống là tách biệt nêu ra cơ của bốn giáo, có hai: Một là Nêu Thanh-văn. Hai là từ "kế là Bích Chi v.v..." trở xuống là ví dụ các địa vị. Bích-Chi-Phật tu hành không lập ra phần quả, quán xét sâu sắc duyên khởi từ lâu gieo trồng ba thứ Đa, phước tuệ đã sâu đậm, chuẩn bị lấn áp hai Tập, tuy chưa phát chân mà bốn Lưu chẳng lay động gọi là được chỗ cạn, liền chứng quả cao nhất an tâm đến bờ bên kia. Bồ-tát bên Thông giáo chính là được chỗ cạn, Tập không còn đến được bờ. Hai cõi Biến dịch cùng lấy hoặc riêng mà làm giữa dòng, Thượng phẩm Tịch Quang mới là bờ bên kia. Từ "Lại nữa v.v..." trở xuống là nêu ra bốn Lưu. Thông thường bốn Lưu chỉ là hoặc của giới nội, nay chọn lấy hoặc riêng mới gọi là Vô minh, cho nên biết chính là không khác với năm trụ, chỉ kết hợp Sắc và Vô Sắc, làm một Hữu Lưu mà thôi. Từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống là nói về ứng. Mười thứ trước đều có tướng tu, đều được mang cơ cầu sự giải thoát; nay nói hai loại tướng tu của Bổn Quán, đều là căn bản thùyứng của Quán Âm, có hai: Một là nêu chung hai quán từ bi. Bao gồm quán riêng lược có hai ý: 1. Sơ tâm lập hạnh của giáo này tuy dựa vào thứ tự lần lượt, để biết giữa thực tế hậu tâm có thể chứng Tam-muội Vương. 2. Muốn dùng tướng trải qua riêng biệt, hiển bày đối với viên dung nhất niệm đầy đủ. Đầu tiên của mười thừa là Ma-ha Chỉ Quán, trước hết nói về thứ tự hiển bày không thứ tự. Nay nói phẩm này, Bổn Quán đều là hai có hai ý. Hai là từ "Sở dĩ v.v..." cho đến trở xuống là nói riêng về Tam-muội tiệm đốn, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất là tiệm tu. Đầu tiên phát tâm trên cầu dưới hóa Tam-muội thủy quang, tức là quán sát xương trắng - một sắc trong tám sắc trải qua thời gian. Các loại như Thủy thắng xứ v.v... ví dụ giống như nói trong nạn lửa. Từ "Nay thành v.v..." trở xuống là đốn ứng, có hai: Một là nương theo thệ đi cứu nạn, từng bước tu nhanh chóng chứng đắc thường xem xét pháp giới, mười thứ cơ duyên trôi nổi trên nước của ba chướng, đối với trong nhân từng tiết thệ nguyện, khiến cho tất cả cơ duyên đều được giải thoát. Hai là từ "Như Hoa v.v..." trở xuống là dẫn kinh chứng minh thành tựu, có hai: Một là Chứng minh. Nhờ vào việc biển cả để quán sát biển ba chướng. Mười hai năm là mười hai duyên, dần dần càng sâu thấy biển mười đức thành tựu mười quán, sanh ra hoa sen lớn là nói lên diệu cảnh. Trời, rồng trang nghiêm là đầy đủ lực dụng tuyệt diệu, có tướng tốt của Phật thường thấy Lô-xá-na. Duỗi cánh tay phải ấy là quyền trí ứng hiện. Xoa đảnh đầu tôi là thật trí cảm hiện, tức là dùng đường cảm ứng giao nhau làm sáng tỏ, ban đầu vốn có phân chia và kết hợp. Thuyết là kinh Phổ Nhãn phân biệt được

quả pháp. Từ một ngày thọ nhận cho đến không thể được hết": Một niệm tâm như mảy bụi hiển bày quyển kinh bằng cõi Đại thiên. Từ "Nên biết v.v..." trở xuống là kết luận. Đã như chữ A có đủ tất cả các nghĩa, nên biết rằng cũng là pháp môn Trung đạo, nhưng dẫn dắt giáo đạo, chỉ biết một pháp môn này mà thôi. Hai là từ "Lại nữa v.v..." trở xuống là Đốn, có hai: Một là Đốn tu mười pháp giới hướng đến nước: Nước là pháp giới, gồm nhiếp tất cả các pháp cho nên nói là hướng về. Đã lập ra năng thú và sở thú, cho nên đó là Tục đế. Nước còn v.v... Nước của sở thú toàn thể là tánh, không có tướng có thể đạt được, không có sở thú cho nên đâu có năng thú. Năng sở đều Không gọi là Chân đế. "Làm sao v.v..." Nước còn không thể đạt được thì không có hướng về, có hướng về đã bặt dứt thì không hướng về tự mất, tức là dùng cả hai đều chẳng phải để hiển bày Trung đạo. Ba đế này cùng một pháp tánh, tức một mà ba - tức ba mà một, là Đế bất tư nghị. Từ "Như đây v.v..." trở xuống là Đốn ứng, có hai: Một là nói về không ứng mà ứng. Đại Kinh chép: "Nếu như Từ có - không - chẳng phải có - chẳng phải không gọi là Như-lai Từ". Há chẳng phải ba đế phát khởi từ bi hay sao?

Trước là vấn nạn chung về chúng sanh trong mười cõi chịu các khổ mà xưng niệm danh hiệu, Bồ-tát liền quán sát âm thanh đó đều được giải thoát. Không quán sát mười pháp giới tức Không - Giả - Trung làm sao có thể ngay một lúc xa lìa các khổ được? Vì ba đế là bổn tánh chúng sanh cũng là nguồn gốc quả Thánh, không hề có hai Thể, cho nên cùng chung Thể Bi mới có thể dứt trừ trọn vẹn.

Hai là nói về không phân mà phân. Đại ý giống như đã nói trong nạn lửa ở trước. Nay dùng bốn Lưu so sánh với nạn của các địa vị, bốn giáo nhập vào Không xa lìa Hữu Lưu, giống như hai lưu Kiến và Dục. Giả đối với hữu lưu không nhiễm ẩm ướt là Giả tuy là Không kia cũng không chấp mắc, gọi là quán Bình đẳng, nghĩa ở chỗ này, trung quán phá trừ vô minh, cũng như thường nói.

■

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ KÝ

QUYỂN 2

Thứ ba là nạn La-sát, có hai: Một là nêu nghĩa môn. Hai là tùy theo môn để giải thích, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là từ "Nhân số v.v..." trở xuống là tùy đó giải thích, có hai: Đầu tiên nói về nạn, có năm: Một là nêu ra số, có hai: Thứ nhất giải thích về nhân số. Nếu trăm hay ngàn - hoặc muôn hay ức, vì số đó trôi nổi trên biển chắc chắn đi bằng thuyền lớn, cho nên nói kết bạn không thể một mình hướng đến. Từ "Hiền Ngu v.v..." trở xuống là trình bày nhập vào biển. Từ "kế gặp gió v.v..." trở xuống là lý do gặp nạn, có ba: Một - Chính là giải thích lý do gặp nạn, có hai: Thứ nhất là chứng minh. Gió chẳng phải chính là nạn theo các Sư xưa thì gió là nạn thứ tám cho nên dựa vào kết luận thì văn chỉ trở thành nạn quỷ. Từ "Lý do nạn v.v..." trở xuống là mở rộng gió là lý do gặp nạn. Nếu liên tục mở rộng điều đó, thì đều là lý do gặp nạn, trong các lý do thì gió là lý do thiết thực nhất, thế nên văn kinh chỉ nói về gió mà thôi. Hai là từ "bảy báu v.v..." trở xuống là trở lại giải thích bảo vật, có hai: Một là Phân biệt Chân ngụy. Hai là Chỉ bày tương tợ Chân. Ba là từ "Hắc phong v.v..." trở xuống tiếp tục giải thích về tướng gió, có hai: Một là người khác giải thích, có ba: Thứ nhất là Sư đời trước đặt ra. Hai là từ "Có người v.v..." trở xuống là người khác công kích. Ba là từ "Nay lại v.v..." trở xuống là hiện tại ví dụ về nạn. Từ "Thỉnh Quán v.v..." trở xuống là hiện nay giải thích, có hai: Một là Kinh nói về màu sắc của gió. Hai là từ "Gió tăng thêm v.v..." trở xuống là gió đen rất kinh hãi. Ba là từ "La-sát v.v..." trở xuống là gặp phải khổ sở. Quỷ La-sát: Vốn là do Thiên Vương Tỳ Sa-môn quản lý, loài đó có hai bộ: Một tên là Dạ-xoa, là quỷ Tiệp Tật, hai tên là La-sát, là quỷ ăn thịt người. Có mặt khắp cả mọi nơi, nhưng nơi ở chủ yếu của loài đó có cõi nước ngoài biển, hoặc người trôi đến cõi nước đó, hoặc quỷ đến đây làm hại người, đều do nhân xấu ác liên quan với nhau. Bốn là từ "Một người v.v..." trở xuống là nói về Cơ. Năm là nói về Ứng. Hai là từ "vì sao v.v..." trở xuống là kết luận

tên gọi. Hai là dựa theo Sự. Ba là quán giải thích có hai: Một là nói về nghĩa của gió không hạn chế, gió trong thế giới và gió quả báo. Hắc nghiệp gọi là gió, đến mất đi thiện nghiệp quý báu của loài người, đều là gió nghiệp ác. Đánh mất tài sản vô lậu là gió phiền não. Phần thứ năm dưới đây lại nói về nạn quỷ, nói đầy đủ nghĩa về ác quỷ của ba chướng. Nay quán hành tạm thời thuận theo nghĩa gió là lý do gặp nạn, mà chỉ ra cần phải đối với sáu loại, nói về Biệt - Viên quán chính là cách thức của tất cả cảnh quán.

Từ "Từ địa v.v..." trở xuống giải thích về gió chung cả ba chướng, có ba: Một là quả báo, có hai: Thứ nhất là gặp phải khổ đau, có hai: Đầu tiên là trên đến Tam thiền. Hai là từ "Như Tăng v.v..." trở xuống là dưới khắp cả các đường. Tỳ-kheo Tăng Hộ nói bốn A-hàm là chúng tri thức, năm trăm người buôn đi vào biển nhặt vật quý, đến ngay chỗ Thế Tôn, thỉnh cầu Tỳ-kheo này ở giữa thuyền nói pháp, Phật biết có ích lợi nên đồng ý, khiến lìa bỏ thuyền trở lại bờ biển lên bộ mà đi. đêm ngủ lại dưới cây, người buôn sáng sớm lên đường quên gọi Tỳ-kheo, vì thế mất bạn. Một mình đi giữa núi rừng, trông thấy già lam của Tăng là trú xứ củA-tỳ-kheo. Hoặc ăn uống hoặc phòng ốc hoặc nhà ấm, hoặc vườn cây cảnh hoặc ruộng đất hoặc thọ dụng, đều là đau khổ đầy đủ trong suốt một ngày đêm, chịu nhiều thứ khổ sở, có hơn một trăm điều. Vì thế Tăng Hộ hỏi, đều trả lời: Nên trở lại thưa hỏi Đức Phật, tự nhiên sẽ biết việc ấy. Khi đã đến chỗ Đức Phật, trình bày đầy đủ những gì nhìn thấy, Đức Phật đều trả lời về việc ấy, biết là Tỳ-kheo phá các giới cấm, hủy hoại thường trụ sử dụng xâm phạm vật của chúng, ở chỗ biển núi kia chịu khổ địa ngục. Người học xem đó đủ để tự răn mình! Từ "Khi biết điều này" trở xuống là nói về cơ ứng. Hai là từ "kế là nói v.v..." trở xuống là nghiệp ác, có hai: Một là gặp nạn. Ba đường y cứ quả - ái kiến y cứ nhân, đều do nghiệp vốn có, khiến cho khởi lên ái kiến rơi vào ba đường. Tâm tham dục giống như phụ nữ La-sát, phá hủy nghiệp thiện giới định như thuận theo ăn thịt con, mất đi báo ứng trời người giống như ăn thịt chồng của họ.

Từ "Cấp bách cần v.v..." trở xuống là cơ ứng. Từ "kế là nói rõ v.v..." trở xuống là phiền não, có hai: Một là Nói về cơ, có hai: Thứ nhất là Thanh-văn. Thánh tài không ngoài bảy loại: 1. Văn; 2. Tín; 3. Giới; 4. Định; 5. Tiến; 6. Xả ; 7. hổ thẹn. Tuệ hành tức là vô thường tích quán, hạnh hành tức là bất tịnh Từ tâm v.v... Hai hành dựa theo địa vị phàm phu đã tu, bảy tài dựa theo địa vị bậc Thánh đạt được. Từ ''kế là nói v.v..." trở xuống là các địa vị. Bát đảo phong: Bích Chi Phật - Lục

độ - Thông - Biệt - Viên quán sát nhập vào không, lấy thường v.v... làm đảo, Giả - Trung Biến dịch lấy vô thường làm đảo, dùng chánh quán nhất tâm gọi là Quán Thế Âm, lập tức ra khỏi cảnh giới ác quỷ của hai bên, tức là có thể đạt đến cồn bãi quý báu của Trung đạo. Nghĩa về quỷ kết hợp với chương trước sau, trước tức là chương này thuận theo văn y cứ về sự, sau tức là chương mục về nạn quỷ thứ năm. Từ "Pháp giới v.v..." trở xuống là nói về ứng, có hai: Một là nêu chung hai quán Từ bi; tách biệt tuy từng bước tu tập mà quả có thể ứng hiện trọn vẹn. Từ "Bồ-tát v.v..." trở xuống là nói riêng về Tam-muội tiệm đốn, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất là lúc tu theo hạnh phát khởi thệ. Hai là từ "Khiến nhập v.v..." trở xuống là nói lúc chứng đạt tùy theo nghiệp liên quan nhau. Từ "Nếu làm v.v..." trở xuống là Đốn, có hai: Một là lúc tu ba đế viên dung. Pháp môn chữ gió: Như Thỉnh Quán Âm Sớ giải thích về chương cú sáu tự. Lấy sáu đường ngang nhau làm Môn Lục Tự. Vì sáu đường, Thể là pháp giới thường thông suốt Thật tướng, cho nên gọi là môn, nay dùng chữ Gió làm môn, nghĩa đó cũng như vậy. Tự là từ ngữ nhóm họp pháp. Từ "Nếu phân v.v..." trở xuống là sử dụng thời gian một niệm sai khác.

Bốn là nạn dao gậy, có hai: Một là nêu Môn. Hai là giải thích, có ba: Một là thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là giải thích nghĩa, có ba: Đầu tiên là gặp phải nạn. Hai là xưng danh hiệu. Ba là từ "Nay nói v.v..." trở xuống là được ứng, có hai: Một là Căn cứ vào văn xoá bỏ để giải thích. Từ "Hỏi v.v..." trở xuống là so sánh với trước để phân biệt giải thích, có hai: Một là Hỏi. Hai là trả lời. Hai là dựa theo chứng đạt. Ba là quán hành, có hai: Một là Nêu chung ba chương. Hai là từ "Từ địa v.v..." trở xuống là giải thích riêng về ba tướng, có ba: Một là Quả báo, có hai: Thứ nhất nói về gặp nạn. Long Vương Sa-Già an trú trong cung điện mình nổi mây tuôn mưa, sáu tầng trời - bốn khu vực Tu-la rồng quỷ chiêu cảm nhìn thấy khác nhau, trời thấy hoa quý báu, người thấy nước trong, Tu-la thấy dao kiếm. Từ "Nếu có thể v.v..." trở xuống nói về cơ ứng. Từ "kế là nói v.v..." trở xuống là nghiệp ác, có hai: Một là Gặp nạn. Nghiệp ác chiêu cảm ba độc rừng rực, gần thì chướng ngại giới định - xa thì gây trở ngại cho ba quán, lời nói suy nghĩ bặt dứt nơi chốn chính là tâm mầu nhiệm. Hai là từ "Khởi bố v.v..." trở xuống là cơ ứng. Ba là từ "kế là nói v.v..." trở xuống là phiền não, có hai: Một là Cơ, có hai: Thứ nhất là Thanh-văn, có hai: Đầu tiên là gặp khổ, có hai: Một là Giải thích về tướng. Hai là từ "Cho nên Đại v.v..." trở xuống là dẫn chứng. Kinh đó chép: "Ví như có vị vua

đựng bốn con rắn độc trong một cái rương nhỏ, sai người nuôi giữ chăm sóc, nếu làm cho một con rắn sanh tức giận, ta sẽ theo pháp xử chết giữa phố. người đó nghe rồi bỏ chiếc rương chạy trốn. Khi ấy nhà vua lại sai năm người Chiên-đà-la cầm dao đuổi theo. Bí mật sai một người giả làm bạn thân, mà nói rằng ông hãy trở về. Người đó không tin tìm đến một ngôi làng, hoàn toàn không thấy bóng người cầu mong vật không được. Liền thuận tiện ngồi xuống đất nghe tiếng nói giữa hư không, đêm nay sẽ có sáu bọn giặc lớn sáu tên đến. Người đó kinh hoàng lại bỏ đi tiếp, cho đến giữa đường gặp một con sông cắt dòng mà đi v.v...” Hợp lại nói rằng nếu con rắn làm hại người thì không rơi vào đường ác, không có năng lực của ba học thì chắc chắn bị năm Ấm Chiên-đà-la làm hại. Nếu không biết rõ Ái là giả thân thiện nói lời dối gạt, quán sát sáu Nhập giống như chùm bọt, bọn giặc ở nơi sáu Trần sáu Nhập, muốn bỏ lại gặp, phiền não trôi lăn nhanh chóng cần phải dùng thuyền bè đạo phẩm, vận động tay chân vượt qua con sông Phần Đoạn. Thập Trú không tránh khỏi chỉ có Phật là rốt ráo. Văn kinh vốn có dụ cho ba thừa trước sau, nay dụ cho pháp quán của Thanh-văn, mười hai nhân duyên liên quan với giới cấm như thành trì, bạch pháp hắc pháp không lay động nghiệp của ba loại, gắn liền với nhau như nhà cửa. Năm dục làm hại như người tuốt dao, nạn ma cảnh xuất hiện như cổng bị canh giữ. Từ “Lúc ấy v.v...” trở xuống là được thoát khỏi. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là các địa vị. Tất cả dùng bổn quán nhất tâm xưng danh liền được giải thoát. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Ứng, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất nói về bổn thệ. Tùykiến, tùy tu đều phát khởi thệ nguyện, trừ bỏ dao gậy ba chướng cho chúng sanh. Từ “Nay trú v.v...” trở xuống là nói về phó cơ, có ba: Một là Tướng của phó cơ. Thần lực Tam-muội xứng với các thệ nguyện căn bản, mỗi pháp có thể dứt trừ. Từ “Đao gậy v.v...” trở xuống là pháp sở trú. Dùng bảy thứ nạn, biểu thị sáu loại bên trong đối với quán môn, Môn của Địa chủng này nay tu thành tựu. Từ “Như hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Sáu loại thu nhiếp khắp tất cả cảnh quán, dao gậy ngăn trở vững chắc thuộc về Môn chữ Địa, cho nên dẫn chứng tường nhà, Địa chủng có thể hiện rõ chư Phật, và có thể phát khởi rõ ràng tất cả công đức định tuệ của Thiện Tài, nên biết là Địa Môn có thể thành tựu ứng hiện rộng khắp. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là Viên tu. Địa là pháp giới, chúng sanh - Phật và y, chánh chẳng có gì không hướng đến nhập vào pháp môn chữ Địa. Nên biết rằng một Trần không gì không đầy đủ ba đế tức là một Trần chẳng có là Không thì tất cả đều Không, Giả - Trung cũng

như vậy. Từ “Khởi trọn vẹn v.v...” trở xuống là Đốn Ứng, có hai: Một là nêu chung. Ba đế từ bi chẳng có gì không gồm nhiếp khắp cả, cho nên có thể cùng lúc khắp nơi dứt trừ các khổ đau. Từ “Nếu muốn v.v...” trở xuống là phân biệt. Bi trọn vẹn nên thường không thể luận bàn riêng . Nếu muốn dễ biết thì đối với cơ mà phân biệt. Bốn châu - bốn đường - bốn vua cõi Đao-Lợi, mười Hữu ở đây có việc về dao gậy, có thể cảm được mười lực Tam-muội Vương. Tu thiện hữu lậu ngăn chặn dao gậy xấu ác cảm được hai mươi bốn lực Tam-muội Vương. Bốn giáo ba quán nhất tâm xưng danh, cảm được hai mươi lăm lực Tam-muội Vương.

Thứ năm là nạn quỷ, có hai: Một là Nêu ra Môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là giải thích theo đó, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là từ “Tam thiên v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có bốn: Một là Nêu ra nơi chốn, có hai: Thứ nhất là giả thiết về Đại thiên. Hai là đối chiếu với trên để phân biệt giải thích. Hai là gặp nạn. Ba - Xưng danh. Bốn là từ “Quỷ sở v.v...” trở xuống là được ứng hiện. Ân và Uy tức là quay trở lại gồm nhiếp hai Môn. Dùng ân gồm nhiếp cho nên tâm làm hại và mắt hung dữ cả hai đều không còn. Dùng uy chiết phục cho nên hung dữ và làm hại cũng như vậy. Hai là dựa theo việc nêu lên mà không giải thích hợp lại chú thích v.v... Nạn La-sát ở trên đã làm sáng tỏ việc đó, vì thế không nói lại. Ba là quán giải thích, có ba: Một là quả báo, có hai: Thứ nhất nói về nạn. Hàng chư Thiên ấy nóng giận tăng thêm các điều ác giúp thêm uy lực cho quỷ, Từ là nguồn gốc của thiện tiêu trừ thế lực của quỷ. Người thực hành nên biết, nếu nặng về nóng giận, thường cùng giống với ác quỷ về sự nghiệp đó. Nếu thường Từ bi, cùng với Phật - Bồ-tát, giống nhau về xuất xứ. Từ “Như thế v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là nói về nghiệp ác, có hai: Một là Nói về nạn, có hai: Thứ nhất quỷ khuấy động ba độc. Tuy là ác quỷ khiến cho người dâm dật, cũng là nghiệp dâm đã dẫn đến, vì điều đó khởi lên nhiều suy nghĩ dâm dật, đến mức khiến cho quỷ dâm dật được thuận tiện; sân giận tà kiến cũng lại như vậy. Lại là nghiệp vốn có chiêu tập lẫn nhau, cho nên đến hôm nay cùng nhau tạo nghiệp gọi là quỷ. Như lửa nghiệp - nước nghiệp - gió nghiệp trước đây, cho nên nay các ác được gọi là quỷ, đều là dùng ba độc mà gọi là nghiệp ác, đâu khác với phiền não. Tùy ý vận dụng khởi lên ấy gọi là phiền não, chợt phát khởi quyết định có thể lay động thân miệng gọi là nghiệp ba độc. Nay đã có thể phá hoại năm giới mười thiện, chắc chắn không phải tùy ý vận dụng tham sân si. Trời người khen ngợi gọi là động nghiệp, bốn thiền

- bốn định gọi là bất động nghiệp. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Một là Cơ, có hai: Thứ nhất nói về nạn, có hai: Đầu tiên là nạn đã gặp, có hai: Trước là nói về Đầy cả đại thiên. Nam tánh cứng rắn lanh lợi như kiến giải suy ra phân định, nữ tánh mềm mỏng như ái vướng mắc mãi không thoát được. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là khắp cả ba cõi. Từ “Quỷ này v.v...” trở xuống là người gặp nạn. Từ cỏ cây bé nhỏ lên tám loại người thực hành, đều bị sự làm hại của quỷ phiền não. Từ “Nếu xưng v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Kiến ái trần lao tức là nhiễm mà lại tịnh, vì thế cho nên kinh Tịnh Danh chọn lấy thí dụ, như người hầu tùy ý sai khiến. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nói về ứng, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất tùy theo tu tập mà lập nguyện. Như Ngật Noa Ca v.v..., tức là duyên khởi của kinh Thỉnh Quán Âm. Tỳ Xá Ly ở đây phiên là Quảng Nghiêm, nhân dân nước đó gặp bệnh đại ác, mắt đỏ như máu, hai tai chảy mủ, thậm chí sáu Thức bế tắt giống như người say, có năm Dạ Xoa tên gọi Ngật Noa Ca La, hút tinh khí của người. Từ “Đối với các v.v...” trở xuống là nương thệ nguyện cứu giúp rộng khắp, có ba: Một là Nêu ra tướng. Tiệm tu đốn chứng Pháp thân tự tại, nạn quỷ ba chướng của pháp giới chúng sanh liên quan với bổn thệ, mỗi pháp đều cứu giúp, có thể khiến cho các quỷ đều trở thành Phật thừa. Hai là từ “Như Hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh. Đây là Bồ-tát trú trong pháp môn Quỷ, có thể dùng thân quỷ mở rộng thực hiện Phật sự, quỷ của ba chướng hoặc là phá trừ, hoặc là sử dụng được tự tại, tất cả nạn quỷ trong một lúc cứu giúp rộng khắp. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết luận ích lợi. Từ “Nếu viên v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là Nói về Viên quán Từ bi. Thức chủng chính là thông suốt bây giờ dựa theo quỷ tu, tách biệt thuận theo ái kiến Thức chủng làm cảnh, một Thức tất cả Thức - tất cả Thức một Thức, chẳng phải một chẳng phải tất cả mà một mà tất cả. Đây là Quỷ môn của mười pháp giới, ba đế dựa vào diệu cảnh này, chân chánh phát tâm mới có thể ứng hiện khắp nơi. Từ “Nếu phân v.v...” trở xuống là nói tùy cơ phân biệt. Việc về quỷ đã có thể não hại đến Đế Thích, cho nên Địa Cư Thiên - bốn châu - bốn đường, cảm đến mười thứ lực Tam-muội Vương. Nghĩa còn lại giống như trước.

Thứ sáu là nạn gông xiềng, có hai: Một là nêu ra Môn. Hai là tùy đó giải thích, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là trích kinh. Hai là từ “Trên là sấp v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có bốn: Một là Nêu ra tội. Hai là từ “Ở tay v.v...” trở xuống là gặp nạn. Ba là

từ “Chim chết v.v...” trở xuống là xưng danh hiệu. Tăng Tử chép: “Khi chim sắp chết tiếng kêu của nó đau thương, con người sắp chết lời nói của họ rất chân thật”. Bốn là được ứng hiện, hai là dựa theo việc, ba là quán giải thích, có hai: Một là Chính nói về gông xiềng, có ba: Thứ nhất là quả báo, có hai: Đầu tiên nói về nạn. Sự việc gắn liền chỉ ở tại bốn đường ba châu. Hai là từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống nói về Cảm. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nghiệp ác, có ba: Một là Nói về nạn. Hai là từ “Nếu muốn v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Ba là từ “Cho nên, kinh nói v.v...” trở xuống là dẫn kinh. Ngục tù giam giữ còn có khi được thả, vợ con tiền tài giam giữ không có ngày thoát khỏi. Người hướng về những gì trong hiện tại, chỉ có vợ con trước mắt và tiền tài cũng là nghiệp vừa là báo. Vì sao? Vì nếu từ hiện tại mà nói thì gọi đó là báo, từ quá khứ mà nói thì gọi là nghiệp. Nên biết rằng ngăn trở nghiệp thiện đều là ác đời trước, ác này hoặc đã thành báo ứng, mới dựa theo báo để ngăn trở, tức là y báo của vợ con và tự mình bây giờ. Nếu chưa thành báo ứng thì nay thuộc về nghiệp đạo, cũng tự có khả năng làm cho nghiệp thiện không thành tựu. Lại, vợ con tiền tài mọi thứ bây giờ không chắc là chướng ngại. Nếu ở đời trước cùng nhau mưu cầu nhân thiện, thì bây giờ có thể làm trợ duyên tu đạo, như vua Diệu Trang Nghiêm nhờ vợ con cho nên thấy Phật ngộ đạo. Hiện tại thấy có người vợ con khuyến khích làm thiện chứa để tiền của thường bố thí. Nay từ nhân ác chiêu cảm, vợ con tiền tài gọi là xiềng xích gọi là lao ngục. Nếu quay về với Quán Âm thì trở thành nghiệp của báo, và chưa thành tựu điều ấy thì nghiệp ác đều dừng lại.

Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Đầu tiên theo giải thích Tiểu thừa, có hai: Trước là nói về nạn. Phàm phu kiến tư đều đang còn, Sơ quả, Nhị quả, Tam quả tư hoặc chưa hết, đều gọi là có tội. La-hán tư hoặc không còn gọi là vô tội. Kinh Đại Phẩm chỉ ra Hữu học - vô học, gọi là Đại Long, cho nên nói là Ma-ha-Na-gia. Người Hữu học còn Tư hoặc gọi là có tội, hàng vô học dứt trừ hết gọi là vô tội, đều chưa phải Vô dư, gọi là cùng nhau ở trong lao ngục. Đã có thân của quả lẽ nào tránh được năm Ấm cho đến ba tướng, như thế gọi là giam giữ. Quyền thật v.v... Đây là dựa theo có tội để nêu ra, ngăn trở đối với hai trí cất nhắc gọi là cái còng (nữu), gây trở ngại cho hai hạnh tiến lên hướng về gọi là cái cùm (giới), Tiểu thừa dùng đoạn - thường để gông Trung đạo, thường ngăn trở năm phần để xiềng xích (toả) Pháp thân, chỉ là kiến tư đối với các chướng ngại, được tên gọi là nữu giới già toả v.v... Hai là từ “Xưng danh v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Từ “Đây lại

có v.v...” trở xuống là nói cả Đại thừa. Nếu đối với tất cả hoặc mà luận về những gông cùm xiềng xích v.v..., Tức là người bên Tạng - Thông giáo. Nếu chính nơi Hoặc sai khác nói về những gông cùm xiềng xích v.v..., tức là người thuộc Biệt giáo - Viên giáo. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nêu các địa vị. Từ “Nếu luận v.v...” trở xuống là nói về Ứng. Tiệm đốn từ bi ở nhân, ban vui cứu khổ trọn vẹn là nói về quả, đều như trên đã nói. Từ “Nếu ba v.v...” trở xuống bao gồm nói về Không - Thức, có hai: Một là Phổ ứng chỉ cho trước kia. Hai là từ “Luận đó v.v...” trở xuống là bổn quán. Nay nói có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất là bổn quán từ bi, có hai: Đầu tiên là tùy theo quán nêu ra. Tất cả phiền não là Thức tạo ra, Thức chính là nạn. Không tuy chẳng phải nạn nhưng có thể xảy ra nạn, cho nên không cũng gọi là nạn. Không là nghiệp: Cũng là nghiệp vì thân có Không ở bên trong, cho nên thường hoạt động tạo ra nghiệp nhân, Không bên ngoài cũng như vậy. Không là hoặc: Đối với cảnh mê ngộ trở thành chướng - trở thành lý, tất cả pháp tà tất cả pháp chánh, mà hướng về từng tiết từng tiết một khởi lên thệ nguyện ban cho và dứt trừ. Từ “Cho nên, Tịnh Danh v.v...” trở xuống là dẫn ra kinh chứng minh. Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn, nói về tướng Bồ-tát: “Bốn chủng khác nhau - Không chủng khác nhau là hai, tánh bốn chủng tức là Không chủng, như lúc trước lúc sau Không, cho nên lúc giữa cũng Không. Nếu người có thể biết các chủng tánh như vậy, đó là nhập vào pháp môn không hai”. Đã nói bốn chủng tánh, tức là Không chủng tánh, ngay nơi tánh nói không thì Không là lý Trung đạo. Đây là dùng lý Trung đạo không đối với Sự có hai. Nơi kia dựa theo năm chủng tức là tánh cho nên không hai. Nay nói sáu chủng chẳng lẽ không tức là tánh; đạt được ý kinh cho nên thêm vào Thức chủng, càng nói lên không hai. Nếu Không - Thức đó không chính là Trung đạo, lấy gì để làm Thể của Tam-muội Vương? Hai là từ “Thành Vương v.v...” trở xuống là nương thệ nguyện ứng phó, có hai: Một là Nêu ra tướng. Hai là từ “Hoa Nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn chứng. Thấy thật tướng Không, có thể ở nơi hư không đặt ra nhiều sự việc, lợi ích cho các chúng sanh. Hai là từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là tu trọn vẹn Không, Thức. Các môn quán pháp phần nhiều mở rộng tâm thức, thuận theo tiếp cận thuận theo yêu cầu vì sơ tâm thay đổi. Căn tánh người không giống nhau, có người thích hợp quán bên ngoài mà được lợi ích, trong bốn niệm xứ, chúng sanh ở cõi dưới phần nhiều mê đắm bên ngoài, cho nên khiến gồm nhiếp cảnh quán quay về nội tâm, chúng sanh ở cõi trên phần nhiều mê đắm nội tâm, vì thế khiến quán

sát Sắc làm mất đi mê đắm bên trong. Nay quán sát Không chủng, cũng là tương tự Sắc, chỉ là một Sắc ngoài Không chẳng có pháp, tất cả mười pháp giới đều hướng về Không môn, Không chính là ba đế, tất cả pháp đều chính là ba đế, ba đế từ bi không chúng sanh nào không gồm nhiếp. Hai là từ "Khởi không v.v..." trở xuống là Từ bi phổ ứng.

Thứ bảy là nạn cướp bóc, có hai: Một là liệt kê Môn. Hai là từ "Nêu lại văn v.v..." trở xuống là giải thích tùy theo, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất chính là giải thích về cướp bóc, có hai: Đầu tiên là xét định văn kinh. Hai là từ "Nạn xứ v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có bốn: Một là Nêu ra nạn xứ, có hai: Thứ nhất nói về Xứ. Từ "kế là nói v.v..." trở xuống là nói về nạn, có hai: Một là Giải thích về đầy cả cõi nước đại thiên. Hai là từ "Oán là v.v..." trở xuống là giải thích cướp bóc. Từ "Hai là nêu v.v..." trở xuống là người gặp nạn, có hai: Một là Nêu ra bốn nghĩa. Từ "Thương là v.v..." trở xuống là giải thích bốn nghĩa, có bốn: Một là Giải thích về thương chủ. Từ "Đã có v.v... trở xuống là giải thích về thương nhân. Ba là từ "Đã trải qua chỗ xa v.v..." trở xuống là giải thích về trọng bảo. Vì người nhiều địa phương xa hiển bày mang theo hàng hóa quý báu. Bốn là từ "Đường hiểm v.v..." trở xuống là giải thích. Lấy hai sự việc xứ và người để giải thích nguy hiểm. Từ "Cơ là v.v..." trở xuống là nói về có cơ duyên, có hai: Một là Nêu ra bốn nghĩa của kinh. Hai là từ "Sở dĩ v.v..." trở xuống là chung giải thích bốn nghĩa, có hai: Một là Nói về ba loại trước giúp đỡ tiến lên, có hai: Thứ nhất là giải thích, có hai: Đầu tiên nói về giả thiết ba nguyên cớ. Nhất tâm xưng danh là kế sách ấy là càng không vượt qua nơi này biết đức có thể dựa vào nhìn đó thì chắc chắn. Hai là từ "Nếu không v.v..." trở xuống nói về không có ba loại không thể tiến lên. Từ "Cho nên biết v.v..." trở xuống là kết luận. Từ "Ba nghĩa v.v..." trở xuống là nói một loại sau có thể cảm được, có hai: Một là Nói về ba nhân cho nên xưng gọi. Hai là từ "Nam mô v.v..." trở xuống là dịch âm Phạm dựa sát vào Hoa ngữ. Bốn là nói về được ứng hiện. Từ "kế là kết v.v..." trở xuống là nhờ vào kết hợp miệng cơ, có hai: Một là Nêu lên kinh. Hai là từ "Nay nói v.v..." trở xuống là nhờ vào kết hợp miệng cơ, có hai: Một là Dựa theo uy lực để trình bày. Hai là từ "Nguy nguy v.v..." trở xuống là dựa theo nghĩa của chữ để biểu hiện. Hai là dựa theo việc chứng minh. Ba là quán giải thích, có ba: Một là Quả báo. Hai là từ "Tu thiện v.v..." trở xuống là nghiệp ác. Tu thiện trị ác, nếu ác nhiều, thiện ít, ác tức là cướp bóc, nếu thiện nhiều ác ít thì ác làm tôi tớ, xu thế như băng tuyết với lửa thì nhiều có thể diệt trừ ít, buộc niệm thành cơ thì ác

bỏ mà thiện còn. Ba là từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Một là nói sơ lược về cơ, có hai: Thứ nhất là nói đầy đủ về tám loại cảm ứng phá hoặc, cho nên nay cướp bóc chỉ nói bốn hạnh. Gặp giặc phiền não đem trải qua bốn giáo, tự gồm nhiếp tám loại. Nói bốn hạnh ấy là: Một là Giới pháp thọ trì. Hai là Nghe và luyện tập giáo lý. Ba - Nghiền ngẫm tu tập chánh quán. Bốn - Chánh đạo và trợ đạo hợp lại thực hành. Người thực hành xuất thế trước phải vâng chịu giới pháp, tùy theo cảnh bảo vệ giữ cho tâm luyện tập giáo pháp, dựa vào giáo hiển bày lý - Xứng với lý để tu quán, dùng chánh đạo dẫn dắt trợ đạo. Nếu không phải bốn hạnh này thì mong gì nhập vào Thánh vị?

Thứ nhất từ “Thương chủ v.v...” trở xuống là ba câu trong Giới nói về Thọ - một câu nói về Trì. Năm trần có thể sát hại tâm giữ gìn bảo vệ, gọi là kẻ thù của giới. Kế là từ “Hoặc pháp v.v...” trở xuống là trong thính pháp. Thầy trò nói nghe đều muốn dựa vào giáo mà biểu hiện lý. Hai loại này đều được gọi là vật quý quan trọng (trọng bảo): Vì giải thích ý chỉ đó được thì đều được - mất thì đều mất, điều đó giống như nhận ra ngón tay mới chính là thấy mặt trăng. Vì thế biết hiểu rõ giáo quả thật là không dễ dàng, huống chi là lý ư? Nhưng mà chủ nhân và đồng nghiệp cả hai điều mừng xen lẫn ma quỷ, hai thứ báu đều mất; thầy vì lợi ích cho nên nói, trò vì danh tiếng cho nên học, hai loại người này đều trở thành nghiệp ma. Hoặc thầy giận dữ với học trò, hoặc học trò oán hận thầy, cũng là hai người gặp phải việc ma. Từ “Hoặc tâm v.v...” trở xuống là trong lúc tu quán, nếu tâm vương chánh thì tâm sở cũng chánh, vương và sở cùng mong cầu vật báu chánh trí, ba độc giác quán có thể cướp đi vật báu này, thật là giặc cướp. Từ “hoặc Bát-nhã v.v...” trở xuống là ở trong chánh đạo và trợ đạo. Chánh quán Bát-nhã dẫn dắt năm trợ hạnh, cùng nhau biểu hiện vật báu về lý. Bát-nhã giống như biết rõ kho vàng, năm Độ là sử dụng công sức đào ra. Giặc sáu Tế làm hại hai nhân này, còn muốn che giấu kho tàng này, đó gọi là giặc cướp. Từ “Tương thử v.v...” trở xuống là trải qua các giáo nói về Cảm. Người thực hành của bốn giáo mỗi pháp phải có đủ bốn, nếu gặp giặc cướp, nhất tâm xưng danh hiệu thì bốn hạnh đều thành tựu. Hai là ví dụ nói về ứng. Ví dụ sáu loại trước đây cho nên lược qua không nói.

Thứ hai là cơ về ý nghiệp, có hai: Một là nêu ra môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là giải thích theo đó, có hai: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là giải thích nghĩa, có hai: Một là Chính thức nói về ý cơ, có hai: Thứ nhất là nêu chung văn kinh. Hai là từ “Thông xưng v.v...” trở xuống là giải thích tất cả nghĩa

của kinh, có ba: Một là Dựa theo kinh luận giải thích ba độc, có hai: Thứ nhất là giải thích chung, có hai: Đầu tiên nói về đơn - phức. Nói tham sân si, đây là ba đơn. Nay từ Phức nêu ra, cho nên nói là dâm dục - sân nhuế - ngu si. Đại Bổn Sớ chép: “Tự ái là dục - ái tha là dâm; tự phẫn là nhuế - phẫn tha là sân, tự mê hoặc là ngu mê hoặc tha là si”. Từ “Có người v.v...” trở xuống là nói về nhiều ít, có hai: Một: Người khác nói về ít. Hai là từ “Ý cho rằng v.v...” trở xuống là nay nói về nhiều, có hai: Một là Đặt ra kinh Tiểu thừa. Hai là từ “Nay trình bày v.v...” trở xuống là nói về nhiều có thể cảm ứng. Sự nhiều ít của độc là bởi huân tập ở mức độ nặng nhẹ tiến lên của cầu mong không thể căn cứ vào cơ có hay không. Người không có cơ duyên thì độc nhiều độc ít đều không mong cầu xa lìa, nếu có cơ duyên đó thì độc nhiều độc ít đều có thể mong cầu lìa bỏ. Người xưa không hiểu chấp rằng nhiều thì không mong cầu, nay trình bày có thể niệm cho dù nhiều cũng lìa xa. Từ “Đại Luận v.v...” trở xuống là giải thích riêng biệt, có hai: Một Chính là giải thích riêng biệt, có ba: Thứ nhất là tham dục, có bốn: Đầu tiên là Đại Luận nói về nhân vốn có, ý giống như kinh này, tội chê bai kinh trải qua các đường ác, cho dù được thân người, dâm dục hừng hực không khác gì cầm thú, nếu không cầu mong xa lìa, thì trở lại sa vào đường khổ không kỳ hạn giải thoát. Hai là từ “Không chọn v.v...” trở xuống là hiện rõ việc nói về sai lầm tai hoạ. Thuật Bà Già duyên đại khái như Huyền Ký. Bao Tự ấy là con gái của nước Bao. U Vương nhà Chu đánh nước Bao, người nước Bao đem Tự dâng tặng, Vua rất đỗi mê hoặc. Ban đầu U Vương cùng chư hầu quy ước, có giặc xâm lược thì lập tức đánh trống đốt lửa, chư hầu đến cứu nguy. Đến khi mê mẫn Bao Tự mà Bao Tự không cười, Vương muốn nụ cười của Bao Tự, thế là đánh trống đốt lửa, chư hầu đều kéo đến mà không có giặc giả gì, Bao Tự mới cười. Lại thích nghe tiếng rách toạc của tơ lụa, khiến xé toạc tơ lụa để vừa ý Bao Tự. Đến khi trình thưa chư hầu và binh lính khuyển Nhung kéo đến, đánh trống đốt lửa, nhưng chư hầu cho rằng như trước kia bị coi là lừa dối, không có ai đến nữa nên bị thua trận.

Ba là từ “Tịnh trú v.v...” trở xuống là hai kinh nói về trùng quỷ, đều là hữu tình, vì cùng chung nghiệp cho nên giúp đỡ con người trở lại mê hoặc. Còn trong A-hàm chép: “Dâm cũng có quỷ, quỷ nhập vào tâm thì khiến cho dâm dật vô độ”. Bốn là từ “Như Đại v.v...” trở xuống là Đại Kinh nói về nhiều ít. Tập quả nếu thành tựu thì báo quả đến nơi nên nói là chín muồi (thục). Như người tai ương đến cùng với pháp lệnh của Vua, tức là có người ác khen ngợi giúp đỡ làm ác, trùng quỷ như người

giúp đỡ, địa ngục như pháp lệnh của Vua, đây là tướng nặng về dục. Nếu trái lại điều này thì gọi là tướng ít. Hai là sân nhuế, có bốn:

Một là Dựa theo dụ nói về tướng sân.

Hai là “Cho nên, kinh Di giáo...” trở xuống là hai kinh nói về chướng đạo. Từ là căn bản của tất cả pháp thiện, sân đã trái với từ gọi là cướp đoạt là chướng ngại. Bách pháp minh môn tức là ngăn trở pháp sở chứng của Biệt - Viên - Địa - Trú. Nhân Vương chép: “Sơ Địa đạt được Bách Pháp Minh Môn, Nhị Địa đạt được ngàn pháp v.v...” Địa Luận chép: “Nhập vào Bách Pháp minh môn tăng thêm trí tuệ, tư duy về nghĩa của các loại pháp môn, cho nên bách pháp ấy, thuận theo Luận Bách Pháp đã nói”. Ba là từ “Đại Tập v.v...” trở xuống là hai kinh nói về ma nghiệp. Phật dùng Từ - Định thường hàng phục ma trời, cho nên biết Sân tâm là ma đã đầu hàng, thói quen gần gũi tức giận là lúc báo ứng chín muồi. Bốn là từ “Hoặc cũng như v.v...” trở xuống là ví dụ có trùng quỷ như trên, nếu trùng quỷ ẩn nấp là tướng Sân ít.

Ba là ngu si có hai: Một là nói về sai lầm tai hoạ. Ba câu nói về tướng của tà si. Như Đại Kinh là hợp lại nói thói quen gần gũi là lúc báo ứng chín muồi. Đây chính là hai quả của tà si và tập báo, Si tâm quen rồi trở thành báo ứng địa ngục chín muồi. Từ “Cũng như trước v.v...” trở xuống là ví dụ về trùng quỷ. Nhiều ít tùy theo người. Từ “Ba độc v.v...” trở xuống là tổng kết về sai lầm. Từ “LìA-dục v.v...” trở xuống là dựa theo hàng phục dứt trừ nói về được xa lìa, có ba: Một là Nêu ra niệm được xa lìa. Từ “Có người v.v...” trở xuống là bác bỏ sai trái nói lên chính đáng, có hai: Một là Người khác hiểu sai về diệt trừ và xa lìa. Vì Sư khác không hiểu rõ thường niệm, có thể làm cho ba độc không được diệt trừ lìa xa. Hai là từ “Nay cho rằng v.v...” trở xuống là hai kinh nói về thanh tịnh tất cả. Kinh nói thẳng về lìa xa, sao riêng biệt giải thích về hàng phục? Nếu vì niệm cho nên chỉ có thể hàng phục là gắn liền niệm với sáu chữ có thể hết sạch độc căn, đến thành tựu Phật đạo cũng chỉ có hàng phục tà. Từ “Nay làm v.v...” trở xuống chính là nói về hàng phục dứt trừ quả báo tu nhân. Bồ-tát Tam Tạng, đây là ba bậc hàng phục hoặc chướng. Thanh-văn - Duyên-giác - Bồ-tát của Thông giáo Biệt giáo Viên giáo - người ở cõi Phương Tiện - người cõi Thật Báo, đây là bảy bậc dứt trừ hoặc chướng. Ba là từ “Hỏi lìa v.v...” trở xuống là dựa theo hỏi đáp để nói về thường niệm, có hai: Một là Dựa theo niệm chẳng xa lìa nạn Hoặc. Hai là từ “Đáp kinh v.v...” trở xuống là dựa theo niệm chính là trí tuệ để giải thích, có hai: Một là Sơ lược nói về đức của chánh niệm, có hai: Thứ nhất là ngay nơi niệm nói về công lao của tuệ.

Các tên gọi như niệm - tưởng - quán - trí v.v... có lỗi có đức có nghiêng về có trọn vẹn cần phải dựa theo sáu câu để xác định Pháp Thể đó, vì vậy niệm Viên - Trung phá bỏ trí Thiên - Tiểu, trí của Viên - Trung phá bỏ niệm thiên - Tiểu, niệm của Thiên - Tiểu tu tập trí Viên - Trung, trí của Thiên - Tiểu tu tập niệm Viên - Trung, niệm của Viên - Trung tức là trí Viên - Trung, trí của Viên - Trung chính là niệm Viên -Trung. Dùng sáu câu này lựa chọn pháp đúng sai, mới hiểu rõ tất cả danh tướng của kinh luận. Người hỏi mơ hồ điều này, vì thế khiến cho chẳng phải niệm mà là ở tại trí. Nay văn đầy đủ này đã nói Thường niệm, biểu hiện chẳng phải hai bên có niệm sanh diệt, niệm của Trung - Chánh cả hai ngăn dứt cả hai soi chiếu. Thể phiền não tánh là thân Quán Âm, không phá trừ phiền não không đặt ra Quán Âm. Phá, lập đã quên, Năng, Sở này bặt dứt đó là Thường niệm, cung kính Quán Âm, không xa lìa ba độc mà lìa xa ba độc. Nếu có Quán Âm có thể sanh khởi duyên niệm, nếu thấy ba độc cần phải diệt trừ lìa xa nó. Đây chính là tăng thêm độc thì chẳng phải xa lìa độc. Từ “Nếu như v.v...” trở xuống là sai lầm về xa lìa niệm nói về tuệ. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống chính là nói về tướng của tu quán, có hai: Một là Quên bặt soi chiếu đều nói về bốn câu. Chánh niệm nhiễm thể này đã bặt dứt quên soi chiếu không trở ngại, tức là soi chiếu ba đế chính là quên bặt ba quán. Tuy dựa theo bốn câu mà chỉ quên bặt ba quán, vì cả hai là chẳng phải cả hai, cũng chỉ là Trung cho nên không dùng sắc niệm quên Tục. Dùng Sắc ví dụ cho tất cả các pháp, không dùng phi Sắc niệm quên Chân. Hợp lại chép: Không dùng Phi sắc - Phi phi sắc niệm, quên cả hai ngăn che Trung, không dùng vừa sắc - vừa phi sắc niệm, quên cả hai soi chiếu Trung. Dựa theo soi chiếu ba đế lại trở thành bốn câu. Cũng dùng Sắc niệm soi chiếu Tục, cũng dùng Phi sắc niệm soi chiếu Chân, cũng dùng Phi Sắc - Phi phi sắc niệm, soi chiếu cả hai ngăn che Trung, cũng dùng vừa sắc - vừa phi sắc niệm, soi chiếu cả hai để soi chiếu Trung. Nên biết rằng khéo quên Giả mới khéo soi chiếu Giả, khéo quên Không mới khéo soi chiếu Không, khéo quên cả hai chẳng phải mới soi chiếu cả hai chẳng phải, khéo quên cả hai cũng là mới soi chiếu cả hai cũng là, không cần phải dùng Không quên Giả - dùng Giả quên Không, cả hai chẳng phải - cả hai cũng là đều biết như vậy. Đây chính là luận đầy đủ về niệm, tức là pháp giới chẳng đức nào không có đủ, cho nên làm thành bốn câu tự tại mà nói. Suốt ngày quên bặt bốn - suốt ngày soi chiếu bốn, như vậy mới là Thường niệm Quán Âm. Từ “hoặc kế v.v...” trở xuống là Tiệm - Đốn có các thứ bốn câu. Thứ tự chẳng phải niệm quên bặt bốn câu, lần

lượt nói về niệm soi chiếu bốn câu, quên bặt - soi chiếu vốn cầu mong xa lìa ba độc, cho nên lần lượt xa lìa cũng có bốn câu. Nếu đạt được ý ba quán của Biệt giáo thì các câu có thể thấy. Vì sao? Vì như lúc soi chiếu Không, chắc chắn cần phải quên bặt Không để bỏ đi chấp mắc, do đó quên bặt - soi chiếu thành tựu thì chắc chắn xa lìa kiến - tư, cho nên không quán này có quên bặt có soi chiếu có xa lìa. Kế là quán Giả - sau cùng quán Trung, đều phải nói về quên bặt - soi chiếu và lìa xa. Nếu cả ba lần lượt quên bặt - soi chiếu - lìa xa, đây là Viên quán như hướng về bốn câu.

Từ "kế là căn cứ v.v..." trở xuống là quán giải thích, có hai: Một là Bảy loại trước chỉ ra ở trên. Từ quả báo trở lên đến Bồ-tát Thông giáo, đều không thể phá trừ Tập của Vô tác. Người bên Biệt giáo tuy phá trừ mà còn ở tâm sau, nay từ Sơ tâm cho nên giống như trước chỉ ra. Hai là từ "Nay chỉ v.v..." trở xuống là ba loại sau đang nói, có hai: Một là Ba độc nghịch thuận chính nêu, có hai: Thứ nhất là dựa theo giới ngoại nêu lên cả hai. Hai là từ "Nay chọn lấy v.v..." trở xuống là dựa vào pháp tướng giải thích rộng ra, có hai: Đầu tiên là nghịch thuận đều nêu ra, có hai: Một là Thuận thì dựa vào phiền não để giải thích. Thứ nhất nói về độc làm hại, có hai: Một là Ba độc trong nhị thừa, có hai: Đầu tiên nói về tướng độc, có hai: Trước hết hợp lại nói về ba độc. Từ "Khai ba v.v..." trở xuống là triển khai thành tám muôn. Đã có ba độc thì phải nói về các phần, bốn phần đều có đủ hai muôn một ngàn, vì thế cho nên thành ra tám muôn bốn ngàn, giới nội đã vậy thì giới ngoại cũng như thế. Vì sao? Vì Đại thừa nói các pháp bất diệt, nói rằng dứt hoặc là chỉ chuyển hữu lậu mà thành vô lậu, nhập vào Giả - nhập vào Trung, tám muôn bốn ngàn tùy theo quán mà chuyển đổi, đến quả mới gọi là tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật. Hai là từ "Tịnh Danh v.v..." trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Trong phẩm Quán Chúng sanh: "Thiên Nữ lấy rải hoa cõi trời lên các vị Bồ-tát - Đại đệ tử, hoa đến chỗ các vị Bồ-tát thì đều rơi xuống, đến chỗ Đại đệ tử thì vướng lại không rơi rụng, thần lực của tất cả các vị đệ tử gạt bỏ hoa mà không thể nào làm cho rơi bỏ. Lúc ấy, Thiên Nữ hỏi Xá-lợi-phất: Vì sao gạt bỏ hoa?

Đáp: Hoa này không bằng pháp cho nên gạt bỏ. Thiên Nữ chép: Đừng nói rằng hoa này không bằng pháp. Vì sao? Vì hoa này không hề phân biệt, Nhân giả tự nảy sanh ý tưởng phân biệt mà thôi". Cho đến chép: "Kết tập chưa hết nên hoa vướng lại nơi thân mà thôi, người không còn kết tập thì hoa không vướng lại". Sớ giải điều đó chép: "Hoa đến chỗ Bồ-tát đều rơi đều đó nói lên Bồ-tát an trú giải thoát không thể

nghĩ bàn, sanh về cõi Thật Báo đã lìa xa biệt hoặc, năm dục hấp dẫn kia vốn không thể lay động, cho nên hoa không vướng vào thân mà đều tự nhiên rơi, đến chỗ các vị Đại đệ tử liền vướng lại không rơi ấy là Nhị thừa chỉ dứt trừ năm dục của giới nội, vì thế năm dục của thế gian vốn không thể nào lay động, vì biệt hoặc chưa dứt trừ, cho nên bị sắc thanh hấp dẫn của giới ngoại làm cho nhiễm ô. Vì thế trách: Kết tập chưa hết thì hoa vướng lại thân, đâu liên quan đến biệt hoặc?

Đáp: Đại Luận chép: "Đối với Thanh-văn kinh nói là tập khí, đối với Ma-ha-diễn nói là chánh sử, chính là biệt hoặc. Từ "Chưa dứt v.v..." trở xuống là ba độc ở Bồ-tát. Cùng có ba độc này ấy là so với Nhị thừa tên gọi giống nhau mà nghĩa khác nhau, trước chỉ là tham Không, nay tham cả Tục - Trung, trước sân với sanh tử, nay sân cả Niết-bàn, trước không đạt được chân, tức là Trung đạo làm si, nay thấy Trung đạo chưa được sáng tỏ là si. Như thí dụ về đại thụ gẫy cành. Trong Đại Luận quyển ba mươi ba chép: "Ví như đầm trống có cây, tên gọi Xa Ma Lê, cành vuông và rộng, rất nhiều chim muông tụ tập trú ngụ, một con chim bồ câu đến sau đâu ở một cành phía trên, cành vuông lập tức về thế mà gãy. Thần đầm hỏi lý do chuyện đó, thần cây đáp: con chim này từ cây kẻ thù của mình đến, ăn hạt cây Ni Câu Loại kia đến đậu, lại trên tôi, chắc là đang vãi phân, hạt rơi xuống đất thì cây ác tiếp tục mọc lên, làm hại chắc chắn không ít, vì thế cho nên lòng dạ buồn rầu, thà rằng gãy một cành để giữ vẹn cái to lớn ấy". Luận kia dụ cho Bồ-tát sợ rằng Nhị thừa hoại diệt tâm Phật thừa. Từ "Muốn trừ v.v..." trở xuống là nói về Cơ ứng, có hai: Một là nói về chánh niệm cơ ứng. Hai là từ "lìa hẳn v.v..." trở xuống là nói giữ trọn phần của cõi trên. Sanh thân của Bồ-tát nếu chưa được nhập vào Trú - Địa Biệt Viên, thì sanh đến cõi Phương tiện, cho nên ở tại Biến dịch nói về toàn bộ chưa lìa bỏ hoặc vô minh. Nếu người còn sanh thân nhập vào trú - địa, tức là sanh về cõi Thật Báo, cho nên đối với Biến dịch trừ bỏ biệt hoặc còn sót lại. Một cõi Biến dịch phân chia ở tại Phương tiện- Thật báo, khác nhau ấy chỉ căn cứ vào sanh thân đối với hoặc Vô minh, vì có xâm nhập - chưa xâm nhập khác nhau.

Từ "kế là nói v.v..." trở xuống là nghịch dựa theo pháp môn để giải thích. Dùng tên gọi phiền não đặt ra tên gọi quán pháp, không thuận theo đường lối thông thường nên nói là nghịch thuyết. Nhưng nếu không biết nghĩa của tánh ác, làm sao ba độc mà trở thành ba quán? Trong đó có hai: Một là nói về độc - quán sắp thành tựu, có hai thứ nhất nói về phàm phu tiểu thừa độc ít. Pháp lược bớt đối với si - người lược

bớt Bồ-tát. Si tùy theo tham - nhuế cũng gọi là ít. Bồ-tát nghiêng về Giả thì ba độc chẳng phải nhiều. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nêu người Viên giáo độc nhiều, có hai: Một là ngay nơi tên gọi của độc nói về Đại. Ngôn ngữ sơ lược giống như trước mà ý thì khác nhau hẳn. Trước kia đối với hai đế nghiêng về luận lấy bỏ, là có thể xa lìa pháp; nay dựa vào ba đế nói về tham sân si, là đạo rốt ráo. Độc của lý tánh không đâu chẳng rộng khắp, cho nên đều gọi là Đại. Năm Bất thọ ấy, đó là thọ cũng không thọ, không thọ cũng không thọ, vừa thọ vừa không thọ, cũng không thọ chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ cũng không thọ. Không thọ cũng không thọ, đều nói là không thọ ấy, tức là quán vô sanh trừ sạch đối với lấy bỏ, bốn loại trước tức là xa lìa bốn câu, một loại sau cho rằng quán cũng tự mất. Vì thế trong Đại phẩm quyển ba chép: Thân tử hỏi Bồ-đề vì sao không thọ?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật không cho nên tự tánh không thọ”. Từ “Vô minh v.v...” trở xuống là nói về si độc, phải luận ngay nơi tánh, khác với chỉ Tu ở trước. Từ “Lại Si v.v...” trở xuống là nói về si v.v... Nếu chẳng phải ngay tánh, chẳng lẽ đều như hư không chẳng thể cùng tận hay sao? Từ “Như đây v.v...” trở xuống là dựa theo pháp môn nói về Diệu, có ba: Một là Nêu ra ba môn. Pháp của lý tánh đức vượt quá một thời gian (tế), hoặc gọi là độc hại, hoặc gọi là công dụng. Nay trình bày ba độc là ba pháp môn, thì Phật - Bồ-tát chẳng có gì không tu chứng. Từ “Đại từ v.v...” trở xuống là giải thích ba tướng. Cảnh kiến tư ba độc của viên quán tức là ba pháp môn gồm nhiếp tất cả các đức, có ba:

Một là Đại tham pháp môn đại từ địa bi: Chư Phật dùng Vô duyên từ bi xông ướp rộng khắp ba nghiệp, hiện bày sắc thân khắp thế giới mười phương, mà làm Phật sự. Tên gọi của Từ Bi tuy giống như trong bốn vô lượng mà thể khác hẳn. Bốn nhiếp là: Một là Bố thí nhiếp. Hai là Ái ngữ nhiếp. Ba. Lợi hành nhiếp. Bốn - Đồng sự nhiếp. Chúng sanh vì tình ái ấy tức là bốn pháp này, dùng bốn tiếp tục dẫn dắt theo với chánh đạo, mà độ thoát được. Thập lực ấy là: Một là Thị xứ phi xứ lực. Hai là Nghiệp lực. Ba. Định lực. Bốn. Căn lực. Năm là Dục lực. Sáu. Tánh lực. Bảy là Chí xứ đạo lực. Tám là Túc mạng lực. Chín là Thiên nhãn lực, Mười là Lậu tận lực. Vô úy tức là bốn vô sở úy: Một là Nhất-thiết-trí vô sở úy. Hai là Lậu tận vô sở úy. Ba là Thuyết chướng đạo vô sở úy. Bốn là Thuyết tận khổ đạo vô sở úy. Ở trong tám chúng nói rộng rãi về tự tha trí đoạn đã quyết định không sai lầm, tức là tướng không còn dẫn đến sợ hãi, cho nên gọi là Vô sở úy. Tam-muội tức là một trăm lẻ tám Tam-muội, giải thích hoàn toàn giống như Pháp Giới Thứ đệ.

Hai là pháp môn Đại sân. Bát-nhã tức là ba Bát-nhã. Bốn bên không thể lấy: Quán chiếu Bát-nhã là vắng lặng mà soi chiếu, không có thể dùng Hữu Thủ. Phương tiện Bát-nhã tức là soi chiếu mà vắng lặng, chẳng có thể dùng Không Thủ. Thật tướng Bát-nhã chẳng phải vắng lặng chẳng phải soi chiếu, không có thể dùng cả hai cũng Thủ, mà vắng lặng mà soi chiếu không thểdùng cả hai chẳng phải Thủ. Thành Ca-tỳ-la giống như trong Huyền Ký.

Ba là Pháp môn Đại Si. Hai môn lấy bỏ trước đó tuy có Trung đạo, mà môn lấy cuối cùng lấy lập pháp làm tông, môn xả cuối cùng làm sạch tướng là chính. Nay hai môn Xả lẽ nào không có đủ ở hai bên, mà cuối cùng lấy cả hai chẳng phải làm thể hay sao? Không ba mà ba - ba môn rõ ràng như vậy, ba mà không ba - từng môn vô cùng kỳ diệu. Một là dựa theo Vô duyên thẳng thắn nêu ra. Hai là nêu ra gương và cảnh tượng khó nghĩ suy. Ba là dẫn ra Tịnh Danh bịt miệng. Ba là dẫn ra nhân chứng kết luận. Kinh chư Pháp Vô Hành chép: "Các Thiên tử Bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi tên là Vô Ngại Thi-lợi, Thượng Thi-lợi hay là Vô Thượng Thi Lợi. Văn-thù nói với các Thiên tử: Dừng lại, dừng lại các Thiên tử! Các người đừng dùng tướng phân biệt, tôi không thấy các pháp là Thượng - Trung - Hạ. Như ông nói về nghĩa của Văn-thù, tôi là Thi lợi Tham dục, thi lợi sân nhuế, thi lợi Ngu si, vì thế cho nên tên tôi là Văn-thù-sư-lợi". Thậm chí chép: "Tôi là phàm phu từ tham dục khởi lên, từ sân nhuế khởi lên, từ ngu si khởi lên, tôi là ngoại đạo là người tà hạnh. Các Thiên tử chép: Vì sao mà tự nói mình là phàm phu là v.v..." Văn-thù chép: Là tánh tham dục sân nhuế ngu si cầu khắp mười phương không thể đạt được, vì tôi không trú trong tánh này, nên nói mình là phàm phu. Văn-thù, vì sao ông gọi là ngoại đạo? Vì tánh các đạo không thể đạt được, tôi đối với tất cả các đạo là bên ngoài. các Thiên tử chép: Vì sao ông là người thực hành tà kiến? Văn-thù chép: Tôi đã biết tất cả các pháp đều là tà - luống dối không thật, vì thế cho nên tôi là người tà hạnh. Lúc nói pháp này một muôn Thiên tử đạt được Vô sanh pháp nhẫn". Từ "Muốn viên mãn v.v..." trở xuống là Thường niệm cảm ứng, có bốn: Một là nói về cơ thành tựu đức hoàn mãn. Hai là từ "Tất cả v.v..." trở xuống nói về các bậc Thánh sở y. Ba là từ "Cho nên, không v.v..." trở xuống là dẫn ra kinh Vô Hành chứng minh. Bốn là từ "Nhất thiết v.v..." trở xuống là kết thúc thành tựu Phật pháp, Hai là từ "Thử tam v.v..." trở xuống là nghịch thuận hợp lại bàn luận, có hai: Một là che phủ vật cả hai nêu ra. Ngay ba phiền não thường nghĩ cầu xa lìa, gọi là thuận thuyết. Thỏa mãn - lìa xa cùng lúc,

chỉ dựa theo Tất-đàn gạt bỏ Thủ để nói mà thôi. Hai là từ "Như Hoa Nghiêm v.v..."trở xuống là dẫn kinh chính là chứng minh, có ba: Một là chứng minh tham dục nghịch thuận. Nói xa lìa biên hạn dục là thuận, tùy loại thấy người nữ là nghịch. Dục là phiền não thế nên nói xa lìa, dục là pháp môn thế nên nói an trú, chính là xa lìa - chính là an trú - chỉ có an trú, xa lìa sâu sắc - an trú sâu sắc, xa lìa cùng cực - an trú cùng cực. Nay Quán Thế Âm chính là ở trong cực điểm an trú xa lìa tham dục, tất cả các cơ cầu mong xa lìa, cầu mong an trú đều phải thường niệm. Hai là từ "Lại bốn v.v..." trở xuống là chứng minh sân nhuế nghịch thuận. Lấy điều phục tất cả là thuận, khổ sở trị tội là nghịch. Nhuế hại phiền não vì thế cho nên phải điều phục, pháp môn sân nhuế vì thế cho nên cần phải thực hành. Nghịch thuận không hai là điều phục thực hành không nghiêng lệch, ví dụ tham dục trước đây nghĩa đó đều giống nhau. Nhưng dục là pháp ưa thích cho nên làm việc thực tế tiếp vật khiến cho xa lìa, sân nhuế làm hại là khổ cho nên dùng sự việc hư huyễn điều hòa người khác khiến cho xa lìa. Nếu cơ duyên đó thích hợp dùng thực tế giết hại, mà được lợi ích, tức là giống như Tiên Dự giết hại Bà-la-môn là môn sân pháp. Đây chính là giả - thật cùng hiện rõ, dụ cho tham - si, cũng có thể giả thiết huyền ảo, nhưng đạt được ý tức nhau của nghịch, thuận, không hạn chế Giả - Thật. Ba là từ "Phương tiện v.v... " trở xuống là chứng minh ngu si giả thật. Như nạn lửa trước đây, có dẫn ra văn kinh nghịch, thuận, đủ lìa như hai độc trước nghĩa đó không khác.

Từ "kế đây v.v..." trở xuống là nói về hai quán Từ Bi. Ví dụ Đại sĩ trước đây, vốn tu quán ba độc đầy đủ - lìa xa, lại thấy chúng sanh vì ba độc sai lầm cho não hại, cũng thấy muốn đầy đủ pháp môn ba độc, cho nên khởi lên từ bi thệ làm cho chúng sanh lìa xa lỗi lầm ba độc đầy đủ công đức ba độc. Nay trở thành Bổ xứ gần cạnh cực điểm ba độc, cho nên có thể tùy ý vận dụng ứng hiện khắp cả pháp giới, rộng khắp khiến cho chúng sanh thành tựu đầy đủ và xa lìa. Nhưng quán tiệm đốn đều quán xét ba độc, đốn thì đầy đủ và xa lìa không hai mà quán, tiệm thì sơ tâm chỉ quán đối với xa lìa, về sau mới đầy đủ và xa lìa tức nhau mà soi chiếu.

Hai là kết nói về ý cơ, văn kinh có thể thấy.

■

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ KÝ

QUYỂN 3

Thứ ba là thân nghiệp cơ ứng, có hai: Một là nêu ra môn. Hai là từ "Nêu lại văn v.v..." trở xuống là theo đó giải thích, có ba: Thứ nhất là dựa theo văn, có hai: Đầu tiên phân kinh có hai: Một là Phân kinh. Hai là từ "Văn nói v.v..." trở xuống là phân biệt giải thích, có hai: Một là Hỏi về chỉ có người nữ cầu con trai, có hai: "Giải thích là v.v..." trở xuống là trả lời về người nữ không có con là đau khổ, có hai: Một là Nơi các giải thích sai lầm. Hai là từ "Nay giải v.v..." trở xuống dựa vào kinh để giải thích, có hai: Một là cầu nguyện, có hai: Thứ nhất là Đại Sư lược bỏ văn, có hai: Đầu tiên giải thích về con trai, có hai: Một là xướng kinh, hai là giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân kinh làm ba nghĩa. Hai là từ "Nguyện cùng v.v..." trở xuống là lược bớt hai giải thích. Một, có hai: Một là sơ lược về nguyện hạnh. Hai là từ "Đức nghiệp v.v..." trở xuống là giải thích về đức nghiệp. Hai là giải thích về cầu con gái, có hai: Một là nói về ý giữ lại và lược bớt. Hai là từ "Nữ nhân v.v..." trở xuống là Chương An bác bỏ sai lầm, có hai: Một là bác bỏ các sai hiển bày nghĩa đúng, có hai: Thứ nhất là thuật lại nơi khác lầm mà lập ra: "Vốn có gieo trồng cội rễ phước đức nên mọi người yêu quý kính trọng". Hai câu này căn cứ vào nghĩa thì hãy còn là đức nghiệp của người nữ, Sư khác sai lầm nói là văn cùng giải thích về con trai, con gái để điều phục nghi ngờ, ý sợ rằng người nghi ngờ, trí tuệ của nam, sự xinh đẹp của nữ, đều do tu tập vun trồng nhân của nhẫn và trí, chẳng phải bậc Thánh có thể ban cho, không tu mà đạt được thì rơi vào lỗi vô nhân, vì thế trích từ ý kia rằng: "Mọi người đều chép: Quán âm chỉ có thể kết hợp với cha mẹ v.v..." Từ "Riêng hỏi v.v..." trở xuống là nói về nghĩa chính này, có hai: Một là vấn nạn phá bỏ, có hai: Thứ nhất đặt ra nghĩa vấn nạn. Phước tuệ thọ sanh đều do duyên phân rõ, Quán âm đã có thể ban cho duyên sanh ra đó, sao không thể ban cho duyên phước tuệ? Hai là từ "Nạn Quán v.v..." trở xuống là dẫn văn chất vấn. Con trẻ không tu nhân, bậc Thánh không thể làm cho có phước tuệ, mọi người không xưng danh hiệu, thì

làm sao được thoát nạn. Đây là dùng văn hiện tại phá trừ chấp không có nhân, không sử dụng nghĩa giải thích về đồng tâm cầu xin phước. Từ "Nay nói rõ v.v..." trở xuống chính là đặt ra, có hai: Một là giải thích. Quán âm sử dụng khắp cả thế giới ba ngàn, đối với các chúng sanh được tự tại hoàn toàn, người không có duyên sanh ra thì khiến cho gieo trồng duyên sanh ra, người không có phước tuệ cũng có thể khiến cho gieo trồng. Những điều này đều thực hiện trong Trung Ấm, cho nên kinh Trung Ấm chép: "Diệu Giác Như-lai dùng năng lực thần túc, đem vô lượng bốn chúng tám bộ, nhập vào trong Trung Ấm hóa hiện ra giảng đường bảy báu - tòa ngồi bảy báu v.v... Chúng sanh Trung Ấm kia từ bảy ngày cho đến một ngày, cuối cùng tất cả khiến cho an trụ trong tuổi thọ. Như-lai đối với Hóa Phật nói pháp giáo hóa, khiến cho bảy mươi tám ức trăm ngàn na do tha chúng sanh Trung Ấm, phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân". Kinh nói rất rộng, hãy còn có thể khiến cho chúng sanh Trung Ấm kia phát tâm Bồ-đề, há không thể khiến cho gieo trồng phước tuệ hay sao? Từ "Nay không v.v..." trở xuống là kết luận. Hai là kết luận khen ngợi, có hai: Hai câu đầu là giải thích, bốn câu văn kinh tuy là câu kết luận, cũng là giải thích chỗ nghi ngờ thì thích hợp cả hai hướng, nếu hai câu văn kinh "Gieo trồng cội đức, mọi người yêu kính" chắc chắn thuộc về câu "Sanh nữ đức nghiệp". Hai là từ "Vấn lễ v.v..." trở xuống là đối chiếu sự lựa chọn giải thích trước đó, có hai: Một là hỏi, Hai là trả lời. Hai là dẫn ra việc. Ba là quán giải thích, có hai: Một là nói về quả báo, có hai: Thứ nhất không có con là đau khổ địa ngục A-tỳ không có ý niệm cầu con, các nơi khác vương vấn nhẹ nhàng nên khổ đau - vui sướng xen lẫn nhau. Chư thiên sáu tầng trời cõi Dục đều có niệm thân ái, vì thế người không có con thì sanh ra khổ não. Từ "Lễ bái v.v..." trở xuống là nói về cơ ứng. Hai là nói về tu nhân, tất cả pháp thiện hữu lậu - vô lậu không ngoài Định - Tuệ, tức là nghĩa về con trai, con gái đều là xưa kia tu tập cùng gọi là tu nhân, không giống như các nạn. Tách biệt dùng thiện của hữu lậu gọi là tu nhân, có hai: Một là Nêu ra chương mục. Hai là từ "Pháp môn v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân rõ pháp môn, có hai: Thứ nhất là lấy sự biểu hiện Pháp, có hai: Đầu tiên chính là biểu hiện Pháp, có hai:

Một là biểu hiện Pháp thế gian, có hai: Thứ nhất nói về khổ - tập. Từ vô thỉ đến nay thường bị si ái, cùng với căn - trần - thức huân tập giúp sức, sanh ra vô lượng con trai, con gái hoặc nghiệp. Quyến thuộc này tất cả chúng sanh không ai có thể xa lìa. Hai là từ "Hoặc ngoại v.v..." trở xuống là đưa ra ngoại thư. Kinh Dịch chép: "Càn đạo

thành nam, khôn đạo thành nữ". Kinh Lễ chép: "Thiên tử và hoàng hậu giống như dương và âm, Thiên tử tu nam dạy bảo hoàng hậu tu nữ thuận theo".

Hai là từ "Nếu căn cứ v.v..." trở xuống là biểu hiện xuất thế pháp, có hai: Một là biểu hiện cha mẹ năng sinh. Phật đối với tất cả mà được tự tại, gọi là Quốc Vương, tôn nghiêm giống như cha, kinh giáo chứa đựng lý mở mang trí tuệ, dưỡng dục giống như mẹ, Phật pháp hòa hợp sanh ra ba thừa Tăng, cho nên kinh chép: "từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, đạt được phần Phật Pháp." Còn quyền trí trải qua duyên có thể thành tựu quả dụng, thật trí sâu xa lý có thể sanh ra quả trí, cho nên tất cả Đức Phật đều do đây sanh ra. Đầu tiên thì quả có thể sanh ra nhân, kế đến thì nhân thường sanh ra quả, cùng nhau thành tựu một nghĩa. Từ "Lại từ v.v..." trở xuống là biểu hiện con trai, con gái sở sanh. Kinh Tịnh Danh chép: "Tâm từ bi là nữ, thiện tâm thành thật là nam". Trước kia y cứ vào văn này đặt ra bi trí, gọi là con trai, con gái, trí Trung đạo sâu xa tức là thiện tâm thành thật vậy. Quả là tương tự pháp này đặt ra các con trai, con gái, đầu tiên là dùng thiền tuệ đối chiếu với con trai, con gái, kế đến phân chia ba thừa để đối với con trai, con gái, sau là dựa theo Phật tánh thấy đối với không thấy, mà chia ra con trai, con gái. Vì sao ? Vì đã lấy thấy tánh làm tướng trượng phu, tức là rõ ràng không thấy là tướng nữ. Lại dựa theo soi chiếu tánh tự có đủ con trai, con gái, Phật tánh chánh quán chắc chắn phá trừ vô minh, là con trai phước đức trí tuệ, Trung đạo từ bi chứa đựng che phủ tất cả, là nữ của có tướng xinh đẹp. Từ "Nay mượn v.v..." trở xuống là kết thúc ý biểu hiện.

Từ "Hỏi: Sao được v.v..." trở xuống là giải thích chất vấn nói về biểu hiện, có hai: Một là Chấp không ngại có chất vấn, có hai: Thứ nhất lập ra lý không có con trai, con gái. Hai là từ "Đại Kinh v.v..." trở xuống là dẫn ra văn không có con trai, con gái, có hai: Một là Đích thực dẫn ra giáo văn, có hai: Thứ nhất dẫn ra văn của Đại thừa. Đại kinh hai mươi tám chép: "Niết-bàn vô tướng, như sắc tướng - thanh tướng - hương vị xúc tướng, sanh trụ hoại tướng, nam tướng - nữ tướng, đây gọi là mười tướng. Kế đến Đại Luận - Tịnh Danh và An lạc hạnh đều nêu ra hai tên gọi con trai, con gái, chẳng phải dùng để hiển bày Vô tướng. Hoặc trong Bất Nhị Môn chép: "Không có định tuệ chính là pháp đã biểu hiện của con trai, con gái". Từ "Tiểu Thừa v.v..." trở xuống là dẫn văn tiểu thừa. Lý vô tướng cho nên không thể nói năng giải thích, Vô tướng tức là chẳng phải tướng con trai, con gái. Vì không bình đẳng, cho nên lìa xa tất cả các tướng con trai, con gái. Từ "Con trai, con gái v.v..." trở xuống

là kết thúc không có gì biểu hiện. Năng biểu hiện con trai, con gái đã không có, thì sở biểu định tuệ ở đâu?

Từ “Đáp Đại thừa v.v...” trở xuống là giải thích ngay chỗ ngăn che mà soi chiếu, có hai: Một là giải thích rộng, có ba: Thứ nhất là nói xin tức nhau, có hai: Đầu tiên căn cứ vào lý diệu bặt dứt. Nếu nói về bặt dứt thì lý còn không thể nói không có tướng con trai, con gái, há có thể được nói về có con trai, con gái hay sao? Hai là từ “Thiện xảo v.v...” trở xuống là che phủ có - không. Nếu đối với chúng sanh có bốn ích lợi ấy là, hoặc nói không có con trai, con gái, hoặc nói có con trai, con gái, do đó dẫn ra Thiên Nữ, không xa lìa văn tự nói về tướng giải thoát, tánh không tức là thoát thì ngại gì văn tự ? Chân chẳng có ba đời mà Tục tức là có, hai đế đã ngay nơi nói năng im lặng không trái nhau. Từ “Phi hữu v.v...” trở xuống là nói về Một là hai vốn hòa hợp, có ba: Một là Pháp Trung đạo cả hai chẳng phải (song phi) thì không có định tuệ, đương thể cùng soi chiếu định tuệ rõ ràng như thế. Nói rằng không hề lìa xa nhau ấy tức là định tuệ không xa lìa pháp tánh. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ. Lẽ nào vì trái phải làm cho một thân khác nhau, lẽ nào có thể một thân mà bỏ đi trái phải? Cả ba hợp lại chỉ có một giác tánh có đức tịch chiếu, gọi là định tuệ, đâu thể hai đức này tạm thời xa lìa giác tánh ư? Ba là từ “Nói định v.v...” trở xuống là nói về định tuệ có đủ lẫn nhau, có hai: Một là dựa theo nghĩa nói về có đủ (cụ), có ba: Thứ nhất là pháp, Nhất giác tĩnh, minh gọi là định tuệ, cho nên hai loại này cuối cùng không bao giờ. Hai là thí dụ trên dùng một thân trái phải, thí dụ cho hai đức không lìa xa một tánh. Hãy còn sợ nói rằng hai đức đó xa lìa nhau, cho nên lấy hai người trái phải để dụ như tu - tánh này. Bất Nhị Môn chép: “Hai và một tánh như nước là sóng, hai cũng không hai cũng như sóng nước”. Nên dùng dụ kia mà suy ra thí dụ này. Ba là từ “Định tuệ v.v...” trở xuống là hợp lại.

Từ “Sao chỉ v.v...” trở xuống là căn cứ vào văn chứng minh giải thích, có hai: Một là Tuệ có Định, con trai vốn biểu hiện cho Tuệ mà bao gồm phước đức, tức là Tuệ có đủ Định. Từ “Văn nói v.v...” trở xuống là Định có đủ Tuệ. Từ tâm gieo trồng tướng: Kinh chép: “Thanh tịnh từ môn sát trần số, cọng sanh nhất diệu tướng của Như-lai”, tức là Từ - Định Vô duyên mà tu tướng đó, đầy đủ lẫn nhau có thể biết. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là tổng kết, có hai: Một là dùng một là hai tức nhau để kết luận văn này con trai, con gái đều có đủ hai đức, tức là biểu thị cho hai pháp Định - Tuệ có đủ lẫn nhau. Nếu không phải Thể là một thì sao có thể có lẫn nhau? Do đó dùng có đủ lẫn nhau, hiển bày đối với

Thể là một, cho nên hai mà không hai tụ vào tản ra tự tại. Từ "Lý thật v.v..." trở xuống là dùng nói tức nhau để kết luận. Lý chẳng phải một là hai mà đi đến duyên làm thành hai thuyết. Như vậy nói năng đâu khác gì không nói năng? Kinh chỉ ra con trai, con gái cùng có đức đó, biểu thị cho Định - Tuệ một hai không khác nhau - nói không khác. Có thể hiểu như vậy thì mới đạt được nghĩa biểu thị pháp của văn kinh.

Từ "kế là nói rõ v.v..." trở xuống là ban cho nguyện, có hai: Một là nêu ra nghĩa Môn, có hai: Thứ Nhất nói về mười thứ cảm ứng, có bốn: Đầu tiên là quả báo. Hai là từ "Tu nhân v.v..." trở xuống là điều lành thế gian, có ba: Một là năm giới, có hai: Thứ nhất là biểu thị hành pháp. Hai là từ "Nếu không v.v..." trở xuống là cầu mong nguyện tròn đầy. Người thực hành nếu bị năm thứ hoặc nghiệp, ràng buộc phá rối tâm trì giới, thì nên nghĩ rằng vị lai cảm đến báo ứng khổ đau liền quy mạng Quán Âm, chướng rút lui giới toàn vẹn cả hai mong cầu lập tức đầy đủ. Hai là từ mười điều thiện: Hoặc giống như năm giới thì nói dối thâu nhiếp bốn loại của miệng, Tửu tức là ba loại của ý, cùng với tuệ thuộc về con trai. Nếu tự thực hiện kỹ càng, không thêu dệt là chân thật thuộc về con trai, không lưỡng thiệt là hòa ái, không ác miệng là mềm mỏng tốt lành thuộc về con gái, không tham si là vô nhiễm - trí tuệ thuộc về con trai, không sân là Từ thuộc về con gái, còn lại giống như năm giới. Ba là từ "Tu thiền v.v..." trở xuống là tám định. Định tức là bốn thiền bốn không đều có tu chứng. Tạm thời nói về Sơ thiền, năm pháp là tu - năm chi là chứng. Tu-lấy lạc dục - tinh tiến - xảo tuệ, ba phương tiện này phân biệt thuộc về con trai, ức niệm - nhất tâm hai phương tiện này vắng lặng tinh tế thuộc về con gái. Nếu chứng các thiền chi thì ba chi Tuệ nhiều thuộc về con trai, hai chi Định nhiều thuộc về con gái.

Nếu nói về Nhị thiền thì có bốn chi: 1. Nội tịnh; 2. Hỷ thuộc về con trai; 3. Lạc; 4. Nhất tâm thuộc về con gái. Tam thiền có năm chi:1. Xả. 2. Niệm. 3. Tuệ thuộc về con trai. Nếu nói về bốn không:1. Không xứ định. 2. Thức xứ định. 3. Vô sở hữu định. 4. Phi hữu tưởng phi vô tưởng định. Bốn Định này tuy không có các thiền chi con trai, con gái, mà có bốn ấm vi tế, thông thường lấy Thọ - Tưởng bốn xứ làm nữ, Hành - Thức làm nam. Nếu nói về bốn vô lượng tâm thì từ bi thuộc nữ, Hỷ xả thuộc nam. Nay tạm thời phân biện sơ qua đầy đủ ở tại Thiền Môn, người cần nên xen xét. Ba là bốn Giáo, có bốn: Một là ba tạng, có ba: Thứ nhất là Thanh-văn, có hai: Đầu tiên là biểu thị hành pháp. Sơ lược nêu ra đình tâm để làm tiêu biểu. Niệm xứ cho đến Chánh đạo từng tiết cần phải nói về nghĩa của con trai, con gái, vì các Đạo phẩm không

ngoài hai pháp Định - Tuệ. Duyên Thẳng đế lý tức là mười sáu hành quán của bốn đế. Xuất quán v.v... là lúc trải qua sự việc, thương xót cho chúng sanh chấp thường vì đó nói về bốn đế, gọi là Pháp duyên từ. Từ "Nếu không v.v..." trở xuống là cầu mong nguyện tròn đầy. Xuất quán con trai, con gái: Pháp duyên tức là con trai chánh trí, từ bi tức là con gái nhu hòa. Đã chứa đựng Không nhập vào Giả thì trải qua sự việc không nhiễm trước cho nên không sợ các Hữu. Hai là Bích Chi Phật, có hai: Một là Biểu thị hành pháp. Duyên phương tiện v.v... Tức là lúc phàm địa tu phước gieo trồng tướng, gọi là phát khởi Từ quán. Tuệ quán: tức là quán xét mười hai nhân duyên vô thường vô ngã phát chân ước định địa vị của đốn chứng, xuất quán có thể sử dụng. Từ của hai duyên sanh - pháp, ví như con hươu quay đầu nhìn lại ấy, trong Đại Luận dụ ba con thú ở trong vòng vây săn bắt cầu vượt ra không như nhau. Thanh-văn như con hoẵng kinh hãi nhảy ra hoàn toàn không biết đến bầy đàn. Duyên-giác như con hươu tuy quay đầu lại nhìn bầy đàn nhưng sợ hãi không dừng lại chờ. Bồ-tát như con voi lớn, tuy gặp đao tên nhưng che chở bầy đàn cùng nhau vượt ra. Từ "Nếu không v.v..." trở xuống là cầu mong nguyện được đầy đủ. Ba là từ "kế là nói v.v..." trở xuống là Bồ-tát, có hai: Một là Biểu thị hành pháp. Phương tiện trí tuệ, hoặc là phần địa thế trí độ thứ sáu, hoặc trí phân rõ tà chánh của sáu độ, hoặc là trí điều phục hoặc chướng trong sự; đây đều là phương tiện. Loại này còn là con trai, con gái năng sanh, cơ đã che phủ cần phải tu sáu Độ và dùng năm - một mà làm con trai, con gái sở sanh. Hai là từ "Nếu không v.v..." trở xuống là cầu mong nguyện được đầy đủ. hai là Thông giáo, có hai; Một là biểu thị pháp. Tiểu thừa giống như ba tạng chỉ nói về Bồ-tát, phàm địa cũng giống như trước, chỉ đối với chân vị lấy trí làm nam, lấy từ làm nữ. Hai là từ "Cầu nguyện v.v..." trở xuống là nguyện đầy đủ. Ba là Biệt giáo, có hai: Một là trình bày tướng sanh của con trai, con gái. Giáo này ngoại phàm là phá trừ kiến tư sở tu, chánh trợ tác ý hướng về không, so với Trung còn gọi là hữu vi hữu lậu, phước năm Độ nghiêm trang cho nên gọi là nữ, nhưng biết Địa thượng vô tác trí trang nghiêm ở tại tâm tánh này, mới duyên tánh này điều phục tất cả vô minh, gọi đó là nam. Tuy duyên với vô tác vì nghiêng về tu Không, mà còn trái với lý Trung đạo, cho nên con trai, con gái cách xa nhau. Nếu nhập vào nội phàm kiến tư phá bỏ xứ, tâm hướng đến Giả - Trung thuận với bổn tánh, gọi là con trai, con gái liền với nhau. Đến địa vị Hồi hướng chính là tu Trung Quán, gọi là mang Thánh thai. Lúc chứng sơ địa ngay nơi ngăn che mà soi chiếu. Từ và Trí hợp lại phát ra gọi là song sinh, đạt

được niệm bất thối không có lỗi lầm về hai bên, phù hợp kỳ hạn vốn có cho nên Địa gọi là Hoan Hỷ. Từ "Từ Bi v.v..." trở xuống là nói về con trai, con gái có năng sanh sở sanh. Từ trí con trai, con gái ở sơ địa đã là nhân chân thật, tùy ý vận dụng có thể sanh ra con trai, con gái ở địa vị phía trên. Địa vị phía trên lại sanh ra con trai, con gái cực quả, vì thế cho nên chư Phật đều lấy sơ địa, làm ông bà cha mẹ (tổ phụ mẫu). Vẫn theo Từ - Trí được tên gọi, cho nên Từ bi gọi là Đại ấy là vì dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui người khác nhận được ân sâu nặng, cho nên gọi là Đại. Thập lực vô úy đã chỉ riêng mình tự chứng, người khác không có thể biết cho nên không gọi là Đại. Bốn là Viên giáo, có hai. Một là Biểu thị pháp. Giáo này đốn tu, tâm ban đầu chính là sử dụng tánh đức Từ - Trí, để làm con trai, con gái, mới phù hợp với văn kinh cả hai có đủ đức nghiệp. Từ không nghiêng về duyên cho nên gọi là xinh đẹp, Từ chính là tướng Phật cho nên gọi là hữu tướng, đầy đủ đức của nữ rồi. Trí xa lìa bên tà cho nên gọi là chất trực, trí chứa đựng muôn thiện cho nên gọi là phước đức, đầy đủ đức của nam rồi. Địa vị tựa như vô minh không che phủ mà che phủ, gọi là ở thai. Từ - trí của Sơ trú không hiển bày mà hiển bày, gọi là song sinh. Chân từ ra khỏi Giả ái kiến chẳng trói buộc, chân Trí hướng đến quả không giống như ái vướng lại, cũng không sợ ấy là Đồng Thể quyền thật, cả hai đều không trói buộc. Hai là từ "Phương tiện v.v..." trở xuống là nguyện mãn. Bốn nói hai phen là phương tiện, Thật báo đồng gọi là Biến dịch, bèn Biến dịch lấy hai cõi là hai loại. Nếu người cõi Thật báo đoạn chứng, tuy chia ra bốn mươi mốt phẩm, nhưng đều là phá trừ đối với chướng quả vô minh, chỉ cầu con trai, con gái Từ - Trí rốt ráo, cho nên đối với cõi này luận, về một loại lợi ích, Người cõi Phương tiện đó căn tuy lợi - độn, pháp phân chia tiệm - đốn mà đều là Đại thừa, cùng cầu Phật trí, cõi này chỉ hướng về Thật báo làm ích lợi, chỉ cầu con trai, con gái Từ - Trí phần chân, vì thế cho nên nói về ích lợi cũng chỉ có một thứ. Từ "Lại nữa v.v..." trở xuống làm ba sai khác để phân biệt giải thích, có ba: Một là trình bày và Định phân tán của trời người, có hai: Thứ nhất là nói về đức của thiền Hữu lậu thiện. Bốn cõi trời ở hư không nhân cũng tu Định, vì tán tâm mạnh cho nên chỉ gọi là nam. Ví như bốn Không này vì Định mạnh cho nên hợp lại nói chỉ có nữ. Các chi của bốn Thiền đã phù hợp với Định - Tuệ thì gọi là con trai, con gái, cùng lúc mà đạt được cho nên nói là Nhất Tâm. Từ "Từ ba cõi v.v..." trở xuống là chê trách không có công chuyển sanh ra. Công đức ba cõi tuy gọi là Định - Tuệ, mà đều là mùi vị của ái, hoặc xen lẫn tà kiến đều thuộc về hữu lậu, vì thế cho nên con trai, con

gái không có dụng chuyển động sanh ra. Từ "Từ Nhị thừa v.v..." trở xuống là nói về trí - đoạn của Tạng giáo và Thông giáo, có hai: Một là trình bày có đức của vô lậu. Từ "Từ Nhị thừa v.v..." trở xuống nói về không có cái mất của Trung đạo. Đại kinh đã dùng thấy Phật tánh ấy gọi là trượng phu, cho nên không thấy tánh đều gọi là người nữ, các Định vô lậu không thể phát sanh trí của Trung đạo, cho nên giống như phụ nữ không sinh (Thạch nữ). Nhị thừa nghiêng về Không gọi là Định nhiều, Bồ-tát nghiêng về Giả gọi là Tuệ nhiều. Định Tuệ này đều không thể nhìn thấy, tánh của ba đức vắng lặng và soi chiếu bình đẳng. Bồ-tát Ca diếp Niết-bàn trước, chẳng lẻ là ngoại đạo hay sao? Gọi là tà kiến vì chưa vượt ra hai bên, so với Trung gọi là Tà. Từ "Chỉ có v.v..." trở xuống nói về Trú, Địa của Biệt giáo,Viên giáo. Tu nhân tuy khác nhau mà chứng đạo là giống nhau, đây chính là tánh đức duyên liễu, nói lên là định tuệ trong quả. Từ "Cho nên biết v.v..." trở xuống là bài bác sự hạn cục của thuyết khác. Thứ ba là khuyên trì, có hai: Một là xét định văn kinh. Hai là từ "Khuyên trì v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Một là khuyên trì. Hai là tìm hiểu suy lường, có hai: Một là Xét định. Hai là từ "So sánh lượng v.v..." trở xuống là giải thích, có bốn: Một là So sánh lượng căn bản. Kinh nêu ra sáu mươi hai ức hằng hà sa không nhiều không ít. Trong kinh Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm chép: "Tam thiên đại thiên thế giới này hiện trú ở thế gian, các Pháp vương tử có sáu mươi hai ức hằng hà sa số, tu pháp lưu truyền phép tắc giáo hóa chúng sanh, thuận theo chúng sanh phương tiện trí tuệ tất cả đều không giống nhau". Đã là Bồ-tát hiện trú nơi cõi Ta bà, vì thế cho nên đặc biệt đưa ra căn bản để so sánh. Hai là hỏi. Ba là trả lời, bốn là chính là tìm hiểu suy lường, có hai: Một là Dựa theo Giáo để giải thích, có hai: thứ nhất dựa theo Phật nhãn chỉ ra sơ lược, có ba: Đầu tiên lấy ít tìm hiểu nhiều. Hai là bắt đầu hỏi và giải thích trả lời, có hai: Một là dùng tình ý con người để hỏi. Hai là từ "Đáp: Phật v.v..." trở xuống là dựa theo Phật nhãn trả lời. Phật nhãn vốn soi chiếu xứng hợp với số lượng pháp giới, tứ sự nhiều pháp giới không tăng lên, tứ sự ít pháp giới không giảm xuống, cho nên nói công đức chính là ngang nhau. Từ "vì sao v. v..." trở xuống đối chiếu thuyết khác giải thích để giải thích rộng ra, có hai: Một là Hỏi. Tuy chỉ ra Phật nhãn xứng hợp với số lượng không sai lầm, nhưng ý đó khó hiểu, cho nên phải bắt đầu hỏi. Trước tiên dẫn ra xưa kia giải thích mới làm sáng tỏ nghĩa hiện nay. Hai là từ "Xưa giải v.v..." trở xuống là trả lời, có hai: Một là thuật lại trước đây giải thích sai, có năm: Thứ nhất là dẫn ra người khác luận bàn. Phước đó thật sự

đặc biệt: nghĩa là phước của sáu mươi hai ức thật sự hơn hẳn Quán Âm, chỉ là phương tiện dẫn ra người khác luận bàn, cách giải thích này rất sai lầm, ý phá trừ có thể biết. Từ "Hai là nói v.v..." trở xuống là ruộng có cao thấp, đối chiếu sự thua kém nói lên sự thù thắng. Không thấy đức chứng lý của Quán Âm, làm sao gọi là khen ngợi? Ba là tâm có sâu đậm và hờ hững. Bốn là lúc hiểu lúc không hiểu. Ý nói là Quán âm tuy ít, lúc xưng danh hiệu tâm hiểu được hiện tiền, sáu mươi ức tuy nhiều, lúc cúng dường tâm hiểu rõ không phát ra, vì thế cho nên nhiều - ít được phước mới như nhau. Hai cách giải thích này đều ở tại trì danh và cúng dường, tốt và xấu của tâm cách xa khen ngợi công đức vậy. Năm là có duyên và không có duyên. Cha mẹ có duyên sanh ra và nuôi nấng, cho nên phước của cung dưỡng sâu dày và tội của phỉ báng nặng nề, người đi đường không có duyên cho nên nông cạn. Văn tuy không gạt bỏ mà lý cũng hoàn toàn sơ sài, há có thể Quan Âm chỉ ủng hộ chúng sanh có duyên hay sao? Từ "Nay nói rõ v.v..." trở xuống là nói về nghĩa hiện nay là đúng, có hai: Một là nói nay lập ra nghĩa, có hai: Thứ nhất dựa theo thực tế để giải thích. Một hay nhiều người - pháp đều không có tánh tướng, hai không đã nói lên một sự thật rõ ràng ở đây, còn thì Giả - Thật tạm thời chia ra, mất thì Một là nhiều rốt ráo như nhau, còn - mất không hai mới chính gọi là như nhau. Từ "Trong một v.v..." trở xuống dùng kệ trong kinh để giải thích. Đưa ra kệ trong Hoa nghiêm để giải thích ý kinh này, vì một và vô lượng đều cùng chung thực tế, cho nên cùng có thể giải thích đầy đủ. Vì nhiều thực tế sanh ra một Quán âm, cho nên chẳng phải một. Vì một thực tế sanh ra nhiều hà sa, cho nên chẳng phải nhiều. Một và nhiều đó đã không có tánh quyết định, cho nên sanh ra chẳng phải thật lẫn nhau. Căn cứ theo Sự - Lý đó thì sự nói là tướng của một và nhiều, Lý nói là Thể của hòa hợp nhau. Cẩn thận chớ lấy nhiều làm Sự - lấy một làm Lý!

Từ "Pháp Hoa v.v..." trở xuống là dẫn ra luận này chứng minh luận vì trì sáu mươi hai ức-hà-sa. Danh hiệu Phật làm đối chiếu số lượng ấy, xưa chép: Luận sai, bởi không hiểu rõ ý luận. Nay dẫn ra đầy đủ văn trong luận và Kinh Khê giải thích, mới biết nghĩa đó.

Luận chép: "Thọ trì danh hiệu Quán Âm, và sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, phước đó bình đẳng là có hai loại nghĩa: Một là vì lực của niềm tin, hai là vì biết tất cả. Năng lực của niềm tin lại có hai: Một là cầu mình như Quán Âm, vì tin tưởng hoàn toàn. Hai là sanh tâm cung kính như công đức kia, mình cũng đạt được. Hai là biết tất cả vì quyết định biết pháp giới, pháp giới ấy gọi là pháp tánh, Bồ-tát sơ địa

có thể chứng nhập thân bình đẳng với tất cả chư Phật. Thân bình đẳng gọi là chân như Pháp thân. Vì thế cho nên thọ trì Quán Âm, cùng với sáu mươi hai ức hằng sa chư Phật, công đức không sai khác". Kinh Khê chép: "Lấy điều này nghiệm xét biết rằng, cần phải dựa vào giải thích đầy đủ. Vì sao? Vì trong hai nghĩa, lực của niềm tin dựa theo Sự - cứu cánh dựa theo Lý, Sự Lý giúp đỡ nhau mới thành tựu sở niệm". Như trong hai năng lực của niềm tin, đã nói cầu thân mình như Quán Âm, tức là chỉ cho hóa thân. Lại chép: Công đức Quán Âm mình cũng đạt được, chính là chỉ về Báo thân nguyện ngang bằng với báo ứng, mới chính là thành tựu niệm. Người chỉ niệm quả đức, đâu cần phải biết đến Lý, vì thế nghĩa kế là chép: Biết những pháp giới v.v... Tiếp tục dẫn ra chứng vị, tức là Sơ địa tạm thời dẫn ra người chứng, khiến cho người nhận biết được, do đó biết nếu niệm ba thân Quán Âm, thì phải lại lấy niệm Phật để đối chiếu. Nếu nói theo niệm Pháp thân thì cho dù dẫn ra Chư Phật mười phương công lao đó cũng như nhau, đâu chỉ sáu mươi hai ức thôi sao? Vì lẽ đó văn trong luận tuy dường như nêu ra kinh, mà chính là tăng thêm câu để giải tích nghĩa, cũng như Phương tiện, đầu tiên thêm vào khó hiểu khó biết, muốn nói về Đại Pháp mới tăng thêm ba câu, mà vì đó giải thích rõ. Nay sáu mươi hai ức Bồ-tát cọng thêm Phật để giải thích. Từ "Lại căn cứ v.v..." trở xuống là dựa theo quán giải thích. Tuy ba thứ quán đều được tên gọi là tu mà Trung là tánh, vì thế cho nên có thể nói hai quán phát ra Trung. Hai quán thật sự không giống nhau ấy là do phá - lập không giống nhau. Tuy chính là không giống nhau mà cả hai đều là đức của Trung đạo. Hai quán và Trung đạo suy cho cùng không khác nhau, Trung đạo đã ngang bằng, hai quán lẽ nào không bằng nhau? Thế nên nói Không thì cả ba đều là không, Giả thì đều Giả, Trung thì đều Trung. Người cầu xin khó được, thật ra không giống nhau, cũng vì hai loại này cùng một pháp tánh cho nên bằng nhau. Ba là kết thành. Đây chỉ nói chung về thọ trì danh hiệu, vì chính là trong so sánh nên nói Nhất thời. Lại dẫn ra cúng Phật một đóa hoa trong Đại Phẩm, vì tương tự Nhất thời trì danh hiệu Quán Âm, điều thiện đó chảy vào biển pháp tánh, cho nên giống như biển không cùng tận. Nói đến nơi hết khổ là hai tử không còn. Bởi nói phước tung hoa khi thành Phật còn không cùng tận.

Đại Chương thứ hai là hỏi đáp, có hai: Một là nêu chương nói rõ ý, có hai: Thứ nhất là nêu chương. Hai là từ "Trước hỏi v.v..." trở xuống là nói rõ ý, có hai: Một là nói rõ khoa trước. Xưng danh thường niệm cho đến lễ bái, ba nghiệp hiện tiền, cho nên nói là hiểu rõ cơ. Bồ-tát

lấy nơi này làm cảnh sở quán. Pháp thân - linh trí tức là hai giác thỉ - bổn, là chân thân chia ra và hợp lại. Hướng về chúng sanh tức là trí năng quán chính là dùng trí này ứng hiện kín đáo dứt trừ khổ đau, ngay nơi cảnh - trí này mà làm nhân duyên, cũng gọi là cảm ứng. Dùng nhân duyên này gọi là Quán Thế Âm, nhờ giải thích đã hiểu. Hai là từ "Nay hỏi v.v..." trở xuống là chỉ ra ý hiện tại chính là nói về ý nghiệp xem xét cơ - thân nghiệp hiện bày tướng - miệng nghiệp nói pháp của Quán Âm, đã làm cho chúng sanh thấy nghe hiểu biết, cho nên nói là hiển ứng. Nhưng lại không nói về tướng ba nghiệp tu hành của chúng sanh. Đây là do thiện vốn có ẩn nấp sâu xa ở trong tâm mới có thể dẫn đến cảm cho nên nói là cơ ẩn tàng. Giải thích tất cả mười cặp tức là hướng về nghĩa của mười thứ lẻ (chích) là pháp - từ - phước - ứng - châu - hiển - quyền - tích - duyên - đoạn. Hai là phân khoa giải thích kinh, có hai: Một là Phân khoa. Hai là từ "Một là vì sao v.v..." trở xuống là giải thích kinh, có hai: Một là Hỏi, có hai: Thứ nhất nêu ra văn về ba nghiệp. Ý hỏi về phương tiện ấy, chẳng phải là phương tiện chọn lý trước đạo mà chính là phương tiện soi xét cơ sau khi chứng. Từ "Đây là v.v..." trở xuống nói về đức của ba nghiệp, có hai: Một là Giải thích chung về ba nghiệp, có hai: Thứ nhất là nêu bày ra ba nghĩa. Hai là từ "Ba bất v.v..." trở xuống là giải thích ba nghĩa, có ba: Một là giải thích ba loại không bảo vệ, có hai: Thứ nhất là Pháp. Mười chữ như Tác Ý v.v... là nghĩa bảo vệ điều đó. Hai chữ Thật - Bất làm sáng tỏ cho tùy ý chuyển vận. Nhưng cần phải không thể bảo vệ cho ba hoặc đó, tức là có thể ba nghiệp tùy ý chuyển vận mà độ chúng sanh. Hai là từ "Thí như v.v..." trở xuống là Dụ. Từ "Ba vô v.v..." trở xuống là giải thích ba loại không sai lầm. Không bảo vệ biểu hiện cho suy tư về nghĩa vắng lặng bặt dứt, không sai lầm làm sáng tỏ điều ấy dừng lai tụ hội phù hợp, đạt được lợi ích ba tất-đàn tức là thông hiểu sự việc, đạt được Đệ nhất nghĩa tức là Lý sâu xa. Ba là từ "Tam luân v.v..." trở xuống là giải thích ba Luân, có hai: Một là Nêu ra tất cả ba Luân. Ứng cơ ba nghiệp xoay chuyển tự tại, thường vì chúng sanh phá trừ ba chướng, nên gọi là Luân. Hai là từ "Tuy âm v.v..." trở xuống là giải thích bất tư nghị hóa, có hai: Một là dựa theo nghĩa giải thích về tướng. Tâm và Thể lìa xa tướng, tức là bổn tánh trí tuệ của Pháp thân. Nay tuy thùy ứng mà chính là bao trùm tất cả các cơ, có thể xứng hợp với ban đầu lìa xa nơi ý niệm suy tư, cho nên đối với Pháp thân không hề giảm bớt. Hai là từ "Tịnh danh v.v..." trở xuống là dẫn kinh chứng minh để giải thích. Phân biệt các pháp chứng minh cho thùy hóa, ở tại nghĩa bất động chứng minh cho bất tư nghị, ngay nơi

lý mà là Sự gọi là bất động mà động.

Từ "Hỏi ý v.v..." trở xuống là nói riêng nêu ra ý, có hai: Một là Hỏi: Hai là Đáp. Nếu tùy theo tự ý không có thể suy lường điều ấy, nếu tùy theo tha ý thì côn trùng cũng biết. Lại nữa, người không có cơ không thể suy lường, người có duyên làm cho biết rõ: Hai là từ "Phật đáp v.v..." trở xuống là trả lời, có hai: Một là Phân chia kinh, có hai: Một là Từ "Biệt v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Thứ nhất trả lời riêng, có hai: Đầu tiên là suy đoán nêu ra ý kinh, có ba: Một là nói về các thân, đều trả lời về ba nghiệp, có hai: Thứ nhất giải thích về tướng, có hai: Đầu tiên lấy ba để trả lời ba. Hai là từ "Lại chỉ v.v..." trở xuống là dựa theo hai trả lời ba, có hai: Một là Hiện thân có đủ ba. Hai là từ "Nếu nói v.v..." trở xuống là nói pháp đầy đủ ba. Không giống như cây cối gió thổi dấy lên âm thanh, miệng bao gồm thân nghiệp nghĩa đó dễ hiểu, vì vậy không nói. Từ "Hai giải thích v.v..." trở xuống là kết thúc nêu ra. Từ "Từ biệt v.v..." trở xuống là dùng các thân, tóm lại đối với mười pháp giới, có hai: Một là Dựa theo nghĩa nêu ra. Nếu căn cứ vào thân nói lý phù hợp như nhau v.v... chỉ dựa theo trong kinh kết luận thì văn thuyết không nhiều, cho nên nói là mười chín, như tám bộ - bốn chúng chỉ kết hợp một thuyết mà thôi. Hai là từ "Mà văn v.v..." trở xuống là văn đầy đủ hay thiếu sót, có hai: Một là Nói về Bồ-tát, có hai: Thứ nhất nói lại bốn cách giải thích của người khác. Hai là từ "Nếu ba v.v..." trở xuống là hiện nay chọn lấy bản xưa. Nếu dựa vào phẩm trước thì phẩm này đâu thiếu sót, nếu nói là rơi sót thì phần còn lại sao không sót, nếu nói Quán Âm tức là Bồ-tát thì không cần phải tiếp tục hiện thân, Bồ-tát Diệu Âm vì sao lại hiện thân? Vì thế chép: Ba cách giải thích đều có khó khăn. Nếu dựa vào bản xưa, thì phẩm này mở rộng về nghĩa Bồ-tát hóa độ cho một pháp giới, thật là không thể thiếu sót. Hai là từ "Lại không v.v..." trở xuống là nói về địa ngục, có hai: Một là Thuật lại ba cách giải thích. Nếu dựa vào phẩm trước cũng có thể làm ví dụ, hai cách giải thích kế là tình ý câu thúc của người mà thôi. Hai là từ "Nay nói rõ v.v..." trở xuống là nói về nghĩa có bây giờ, có hai: Một là Dựa vào trả lời chung nói về Có. Văn đã nói chung hiện bày các loại hình tướng chẳng lẽ có thể không có hình tướng nơi địa ngục hay sao? Hai là từ "Lại thỉnh v.v..." trở xuống là căn cứ vào hai kinh nói về Có. Văn "Dạo chơi năm đường" trong kinh Thỉnh Quán Âm, trước là nói về địa ngục. Kinh Phương Đẳng Đà-la-ni chép: "Bà Tẩu quyền lực to lớn thị hiện làm ng dẫn đầu đoàn người đi buôn, chấp chặt tà kiến giết dê tế trời, đọa vào địa ngục ở trong địa ngục, nói pháp giáo hóa chín mười

ức người tội, sau đến gặp Phật đều giúp cho đắc đạo". Đâu nói chịu khổ thay mà không nói về nói pháp; huống chi luận nói làm nhiều thân Phật, há không nói pháp hay sao? Ba là từ "Nay thông v.v..." trở xuống là dựa theo các thân đối chiếu bốn câu về cơ, có hai: Một là giải thích về tướng, có hai: Thứ nhất nêu chung bốn câu. Kinh nói chúng sinh đáng dùng thân Phật được độ, tức liền hiện thân Phật là chỉ hiện thân Phật, hay là bao gồm các thân khác cùng nhau độ chúng sanh kia? Lại là một pháp giới chỉ có cảm đến nơi Phật, hay là bao gồm các pháp giới khác cùng được cảm đến Phật? Các thân cho đến thần Chấp Kim cương có thể ứng hiện cùng nhau hay đơn độc, có thể cảm đến cùng nhau hay đơn độc không thể chấp trước nghiêng về. Vì thế nay tất cả dựa vào mười pháp giới mà ứng hiện, đối chiếu mười cơ duyên mười pháp giới, Một là nhiều đối nhau thành bốn câu, mới hiểu tướng cảm ứng của văn kinh. Hai là đối chiếu riêng ba tướng. Không chỉ riêng cảm ứng nhiều ít trở thành bốn câu, mà người pháp, nhân quả cũng có nhiều ít, cho nên cần phải tiếp tục lập thành hai loại bốn câu. Một. Bốn câu về cơ ứng, có hai: Thứ nhất là từ "Nếu diệu v.v..." trở xuống là giải thích về bốn câu, có bốn: Đầu tiên là một pháp giới độ một pháp giới. Ba "tức là v.v..." trở xuống là ba cõi đã hiện bày thân Phật, chắc chắn khắp cả ba nơi. Vì từ Đẳng Giác trở xuống đến nơi phàm phu, đều có thể cảm đến Phật, cho nên cần phải là ba cõi để nói về ứng. Đầu tiên cõi Thật Báo năng độ sở độ thuần nhất cảnh giới Phật. Hai là cõi Phương Tiện nói theo nguồn gốc mà nói, cho nên nói là năm người, sanh ở cõi kia rồi ẩn chìm gọi tên khác nhau đó, vì đều cầu Phật, vì lẽ đó cảm ứng cũng thuần là một cảnh giới. Ba là cõi Đồng Cư tạm thời nói về nơi cảnh vắng lặng đầy đủ cơ duyên cảm đến Phật, không nói về hình dáng chủng loại và bao gồm cơ duyên khác nhau, vì thế cho nên cũng thích hợp với câu thứ nhất. Hai là từ "Nếu tịch v.v..." trở xuống là một pháp giới độ nhiều pháp giới. Lại dùng cảnh vắng lặng đối chiếu với câu kế là. Không chỉ riêng hình dạng khác nhau mà cũng chính là căn khác nhau, năng cảm tuy nhiều mà năng ứng chỉ là một.

Hỏi: sao không phải hai vị Tô đối với câu kế là, sao đem vị nhũ ban đầu phối hợp với hai câu vậy?

Đáp: Bổn nói về Phật giới độ cho nhiều pháp giới, Phật của hai Tô hơn kém phù hợp nhau, độn căn thấy Liệt ứng thân hãy còn là nghiêng về Không, thể chẳng phải Phật giới, cho nên dùng một Phật Trung đạo nơi cảnh vắng lặng, độ cho pháp giới Biệt - Viên - Phật - Bồ-tát và hình tướng năm đường, mới gọi là câu một pháp giới độ nhiều pháp giới. Ba

là từ “Nếu có v.v...” trở xuống là nhiều pháp giới độ một pháp giới. Các thời các hội ba thừa tám bộ giúp đỡ thuận theo Thế Tôn cùng nhau hóa độ một cơ, hoặc các vị quyền lực rộng lớn cùng chung thành tựu sự nghiệp hóa độ, hoặc Phật tự hiện thân khắp nơi mà độ một cơ. Nếu có người đáng dùng thân mười pháp giới được độ thoát, thì Quán Âm liền hiện bày mười thân mà nói pháp cho họ nghe. Bốn là từ “Nếu Phật v.v...” trở xuống là nhiều pháp giới độ nhiều pháp giới. Trong văn tạm thời dựa theo làm nên thân mười pháp giới, nhập vào khắp các đường mà làm câu này. Nếu chính là nói về điều này, hoặc có nhiều cơ cùng ở một chỗ thì phải dùng mười thân mà được độ thoát ấy, cũng tùy theo nguyện của họ. Từ “Dùng bốn câu này v.v...” trở xuống là trải qua năm vị. Nếu ngay nơi căn tánh làm cơ năng cảm, ngay nơi thể sở chứng mà làm năng ứng, thì vị sữa chỉ được một pháp giới độ hai pháp giới, vị đề hồ chỉ được một pháp giới độ một pháp giới. Nếu ngay nơi hình tướng làm cảm ứng ấy, thì trong từng vị từng đều có bốn câu. Đã nói đáng dùng thân nào được độ thoát, biết chính là dựa theo hình dạng làm cảm ứng. Người học cần phải biết dựa theo cõi dựa theo vị, đừng đối chiếu câu ấy muốn cho dễ hiểu. Nếu hiểu tướng Một là nhiều của bốn câu, thì tất cả thời - xứ thuận theo tự tại mà thực hiện. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là bốn câu về người - pháp. Bốn câu ở trên lấy người đối với người, bốn câu bây giờ lấy pháp đối với người, đây là do kinh chép: “Mà vì họ nói pháp”, cho nên phải tiếp tục nói về bốn câu người - pháp. Câu thứ nhất nói. Thiện Tài từ trong thành đã trải qua một trăm mười vị, tri thức tức là năm mươi ba người. Tuy chứa đựng người giải thích mà ý ở tại sự nói pháp khác nhau. Câu thứ hai và thứ ba có thể thấy. Câu thứ tư chép: Một đoạ vượt ra sanh tử, mà nói nhiều pháp ấy là bởi lẽ đối với từng pháp từng pháp mở ra tri kiến Phật, vì mở ra mười Giới Như, đều là Thật tướng tức là nhiều pháp không thể nghĩ bàn. Bốn câu này có thể bao gồm pháp nhiều ít, tuy dẫn ra các kinh, nhưng điều biểu hiện đức năng ứng của Quán Âm. Ba là từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là bốn câu về nhân quả. Hai loại bốn câu phía trên đối vơi cơ nói pháp, pháp phải tu chứng từ nhân đến quả. Tự nếu không như vậy thì Tha có hiệu quả gì? Giống như chuyển bốn đế Diệt mình đã chứng, Đạo mình đã tu, cho nên các thân nói pháp mỗi mỗi đều có nhân quả đầu cuối, mới có thể che chở chúng sanh. Vì thế trong bốn câu giới thiệu sơ lược, cảm báo cũng như vậy, cho nên nhân quả đều ít. Thanh-văn trong nhân tất cả chia ra trong ngoài, bậc Thánh có kiến tu trợ hạnh pháp chánh hạnh, khắp cả Tam tạng, mà chỉ chứng được hai loại Niết-bàn, cho nên nhân

nhiều quả ít. Độc giác không vâng chịu hành pháp ba học, chỉ quán xét sự lụi tàn thay đổi lập tức thành tựu quả rồi, có thể đầy đủ các việc thần thông biến hóa, cho nên nhân ít quả nhiều. Bồ-tát tu nhân thời gian lâu dài công hạnh rộng lớn, cho đến thành tựu hai trí muôn đức của quả Phật, cho nên nhân quả đều nhiều. Những việc như vậy đều là tất-đàn thị hiện, tu nhân chứng quả đại khái như vậy. Từ "Quán Âm v.v..." trở xuống là kết thúc chỉ ra, có hai: Một kết luận quy về công năng của bậc Thánh. Hai là từ "Có người v.v..." trở xuống là thuật lại người khác cởi bỏ trói buộc. Tuy nhân quả nhiều lần luận đến một là nhiều giải thích lẫn nhau, nhưng không thể nào biểu hiện thể tướng quyền thật. Nay dùng mười pháp giới ba lần lặp lại bốn câu, so với nghĩa kia khác nhau như hạt bụi và ngọn núi. Từ "Xưa giải thích v.v..." trở xuống là xét định giải thích văn kinh, có hai: Một. Xét định văn kinh, có hai: Thứ nhất là xưa kia xét định, có hai: Đầu tiên chia ra ba cành ngọn. Hai là từ "Nếu vậy.." trở xuống là giải thích thắc mắc và trả lời. Từ "Nay nói rõ v.v..." trở xuống là hiện nay xét định. Từ "Một nói rõ v.v..."trở xuống là giải thích nghĩa, có tám: Một là bậc Thánh, có bốn: Thứ nhất là Phật thân, có ba: Đầu tiên là tướng trạng thùy ứng, có hai: Một Dựa theo thân lựa chọn xác định, có hai: Thứ nhất xác định ứng hóa. Hóa tức là biến hóa, bỗng nhiên mà có thoắt như vậy mà không, đại khái là tướng tạm thời lợi ích cho chúng sanh. Ứng thì ứng đáp với chúng sanh trước sau, như người dân cõi Cực lạc, tuổi thọ không thể tính kể Phật cũng vô lượng. Cõi Ta bà này tuổi thọ ngắn ngủi Phật chỉ tám mươi tuổi, có ngày giáng sanh có lúc nhập diệt, tức là tám tướng của Phật. Nếu tìm những điều ấy, dựa vào nêu ra ba thừa - tám bộ - bốn chúng, đến thần Kim Cương, rõ ràng là tướng của một kỳ hạn hóa vật, biết chẳng phải bỗng nhiên như vậy. Từ "Hỏi: Sao không dùng v.v..." trở xuống là phân biệt chân ứng, có hai: Một là hỏi: Vì hướng đến văn mà hỏi: "Diệu Giác Pháp thân ứng với ba cõi nói pháp bao trùm cơ; đã vốn là chân Phật, sao dùng thùy ứng mới nói pháp? Hai là Đáp: Tuy nói nhiều loại, nhưng đâu vượt ngoài bốn thân Pháp - Báo - Ứng - Hóa? Pháp thân thì xa xăm mà khó chỉ ra, Ứng - Hóa thì gần kề mà dễ thân cận, Báo thân thì vừa xa vừa gần, trí giống như Pháp thân mà hình như thuộc về Thắng Ứng. Bát-nhã Tán chép: "Ứng Hóa chẳng phải bậc chân là bậc này dùng chân pháp mà quyết định Ứng - Hóa, vậy thì tướng của vô tướng mới gọi là chân Phật, thuyết của vô thuyết mới gọi là nói pháp". Dựa theo Diệu Giác Pháp thân v.v... ở đây phải trụ ở thượng phẩm Tịch Quang, mới là chân pháp, Bồ-tát thượng địa cũng không thể nhìn thấy, vì từ Đẳng Giác trở

xuống đều trụ ở quả báo và dựa vào nghiệp thức thấy Phật. Nếu hướng về Diệu Giác đều là Thắng Ứng, do đó nói chân pháp sâu xa. Như Diệu Âm v.v... ấy là hỏi Diệu Âm đến từ phía Đông, trước đó hiện bày hoa sen và tám muôn bốn ngàn thứ báu, Văn-thù thấy rồi lại thưa hỏi Đức Phật. Căn cứ vào đây cũng là không nhận biết tướng ứng, sao bỗng nhiên dẫn chứng không biết chân thân? Đáp: Đây chính là thấy Tích mà không nhận biết Bổn, tức là không biết chân thân vậy. Do đó xuống dưới hỏi rằng Bồ-tát này gieo trồng gốc thiện nào, tu công đức gì, thực hành Tam-muội gì, tức là chân pháp. Từ "Nếu từ v.v..." trở xuống là ngay nơi cõi phân biệt, có ba: Một là Thật báo, có hai: Thứ nhất chỉ ra tướng ứng. Viên mãn tướng tốt ấy là như phẩm Như-lai Tướng Hải và phẩm Tùy Hảo Quang Minh trong kinh Hoa Nghiêm nói về mười thế giới Liên Hoa tạng tướng như số cát bụi mỗi tướng đều dùng diệu tướng trang nghiêm. Nói về nhất thật đế, nếu dựa theo giáo đạo, Thật báo còn có cơ duyên Biệt giáo, cũng nói về vô lượng bốn đế, nay nói theo thật, hai là chỉ ra cơ nghi. Bốn mươi mốt Địa đều giống với Diệu Giác phần về Thể Dụng, cho nên không thể dùng thân của chín pháp giới và thân liệt ứng để ứng hiện. Từ "Lại nữa v.v..." trở xuống là Hữu Dư, có hai: Một là Nói về hữu- vô, có hai: Thứ nhất là Đại - Tiểu thừa hữu vô. Hai cõi Phương tiện và Thật Báo đều nhận chịu Biến dịch sanh tử. Riêng gọi hai cõi này tức là cõi trên từng phần phá thì đây hoàn toàn còn, nên miễn cưỡng chịu tên gọi vậy. Tiểu thừa không nói về thường trụ Phật tánh, kiến tư nếu hết thì quả báo cũng không còn. Đại thừa bàn nói về thường, cho nên ngoài ba cõi lại đặt ra ba cõi, vô minh hoàn toàn phá trừ thì ở cõi Tịch Quang, phá trừ từng phần thì Thật Báo hoàn toàn ở hữu dư. Năm loại ý sanh thân tức là hoàn toàn còn ở đây vậy. Lăng già chỉ nói về ba loại ý sanh thân, tông phái bây giờ dựa theo nghĩa mở ra làm năm loại.

Và ba loại ấy là:

1. Nhập Tam-muội lạc ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý nhập vào Không của nhị thừa.

2. Giác pháp tự tánh ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý ra khỏi Giả của Bồ-tát Thông giáo.

3. Chủng loại câu sanh vô tác ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý tu trung của Bồ-tát Biệt giáo.

Nếu mở ra thành năm loại là: Đối với Tam-muội mở ra hai giáo nhị thừa, đối với các Giác pháp mở ra mười Hạnh của Biệt giáo; hoặc làm thành bảy loại thì hai giáo nhị thừa đều mở ra làm hai. Không nói

về mười Trú của Biệt giáo là vì nghĩa giống như nhị thừa nhập vào không. Nếu nói về chín người sanh về cõi phương tiện lại chọn lấy mười trụ của Biệt giáo, và phân biệt mười Tín của Viên giáo, xếp vào ba loại ý sanh thân, vì chưa dứt trừ vô minh chưa sanh về thật báo. Nói chung ý ấy là vì chưa phát chân, đều là tác ý mà thành, lấy sanh đều từ quả mà nói. Ở đây dựa vào Diệu Huyền và Phụ Hạnh tóm tắt sơ lược mà phân rõ.

Từ "Thích Luận v.v... trở xuống là kinh luận phân định chắc chắn. Từ "Đây ứng v.v..." trở xuống nói về Cơ - Ứng, có hai: Hai là Trình bày chỉ nêu ra hai ứng. Một là nêu ra Thắng ứng.

Hỏi: Thân Thật Báo trước đây mà lại nói ứng này chẳng phải cõi khác kham nhận, đến đây sao nói là viên mãn tướng hải, như Thật Báo trước kia?

Đáp: Ứng kia thật sự cơ và ứng phân chia, kết hợp, Ứng này dường như cơ và ứng chưa kết hợp, ở đây hãy còn tác ý - ở kia thì tùy ý thực sự, năng kiến đã sai khác thì sở kiến lẽ nào là một? Chỉ vì cơ này đã điều phục hoặc vô minh là dứt trừ phần ít, cho nên dùng tướng Báo thân dẫn dắt giúp cho nhập vào chân. Nói rằng như trước ấy là gần giốngThật Báo chẳng phải nói là hoàn toàn giống nhau. Hai là nêu ra Liệt Ứng.

Hỏi: Cõi này một vị Phật, chỉ ra hai thứ tướng mạo hơn kém và tướng tôn đặc - trượng sáu kết hợp của thân ở cõi Đồng Cư, giống nhau và khác nhau thế nào?

Đáp: Hai Ứng ở cõi Phương Tiện, chỉ nói thứ tự và không thứ tự về hai loại Đại thừa - năm loại ý sanh. Cõi đó vâng lãnh giáo pháp tuy có lợi độn, nhưng đều đã vâng chịu Đại thừa học trí tuệ Phật, đều biết thân Phật là tánh Đại Giác, người có thể tu trung quán điều phục vô minh, thấy tướng thì Thắng, nếu đối với hai quán chưa điều phục vô minh, thấy tướng thì kém. Tướng tuy hơn kém mà chỉ có một Tôn Đặc cho nên chẳng phải thân kết hợp. Nếu ở cõi Đồng Cư lúc thuyết về Thông giáo, độn căn chỉ thấy không, cho nên cảm thân trượng sáu; lợi căn thấy bất không, cho nên cảm thân Tôn Đặc. Hai cơ Đại - Tiểu đối với một thân Phật thấy - hiểu có khác nhau, cho nên gọi là thân kết hợp trượng sáu và Tôn Đặc. Đây thuần là Đại thừa nhìn thấy cho nên không gọi là Hợp. Từ: "Vì cớ gì v.v..." trở xuống là trình bày chỉ che phủ hai cơ, có hai: Một là Tổng quát chỉ ra. Hai là từ: "Nếu viên v.v..." trở xuống là tác biệt chỉ ra. Nói người Viên giáo chưa phá trừ vô minh ấy tức là từ Tín thứ bảy trở lên. Nói phá bỏ từng phần trong Nhân Vương Bát-nhã nói về hoặc của mười Địa có ba mươi phẩm, đã ở tại một Địa

tự nhiên có ba phẩm thì biết bốn mươi hai địa vị Thánh bên Viên giáo đều có ba phẩm. Ba phẩm ở Sơ trú tức là ba tâm của Tín thứ mười dùng quán đối chiếu phá trừ. Tâm ban đầu (sơ tâm) dùng quán đối chiếu với Phẩm Thượng, phá trừ tâm khoảng giữa (trung tâm). Tâm khoảng giữa dùng quán đối chiếu với Phẩm Trung, phá trừ tâm sau cuối (hậu tâm). Tâm sau cuối dùng quán đối chiếu với phẩm Hạ, nếu phá phẩm này thì mới gọi là Sơ Trú, sanh về cõi Thật Báo. Nay nói phá trừ từng phần hãy còn sanh về cõi Phương Tiện, tức là tâm khoảng giữa và sau cuối của Tín thứ mười. Như người bậc Đẳng Giác an trú vào tâm sau cuối, trải qua nhiều kiếp, mới phá trừ phẩm Hạ chứng nhập Diệu Giác. Địa vị Hồi hướng của người Biệt giáo thì sơ tâm mười hồi hướng, đều gọi là chưa phá. Hai tâm khoảng giữa và sau cuối của hồi hướng thứ mười, gọi là phần phá. Người Viên Giáo và Biệt giáo này đều tu Trung quán, điều phục phá trừ vô minh tuy sanh về cõi Phương Tiện mà căn của họ đã là lợi căn, cảm thân Thắng Ứng của Phật nói về pháp viên đốn. Trú thứ bảy bên Biệt Giáo đến địa vị mười Hạnh, và Bồ-tát bên Thông giáo nghiêng về quán đối với Giả, Tạng - Thông nhị thừa nghiêng về ở tại nơi Không, những bậc này sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tuy đã biết về Thường, mà cầu trí tuệ Phật hãy còn ngưng trệ ở hai bên, và chưa quán điều phục vô minh hoặc, căn của họ đã là độn căn, chỉ cảm được thân Liệt Ứng nói về pháp tiệm thứ. Ba là cõi Phàm Thánh Đồng cư. Hoặc gọi là cõi Tịnh Uế Đồng cư, nghĩa là Tịnh độ và Uế độ, đều có Phàm Thánh mà cùng cư trú. Giải thích điều này chia làm hai: Một là Giải thích về tướng, có hai: Thứ nhất trình bày chung về hai độ - hai căn, có hai: Đầu tiên nói về hai tướng sở cảm, có ba: Một là Hai cõi Tịnh - Uế. Nói về cõi Tịnh Uế thì có ngang có dọc. Nếu lấy phần đoạn đối chiếu với Biến dịch, làm thành Tịnh - Uế ấy, thì dựa vào theo tất cả hoặc hết hay không hết mà nói, tức là nói về chiều dọc (thụ). Như Thích Luận chép: “Vượt ra ngoài ba cõi cõi nước thanh tịnh, Thanh-văn - Duyên-giác sinh ra trong đó.” Nếu đối với phần đoạn tự nói về Tịnh - Uế, thì dựa năm trược nhẹ nặng đối lập với nhau, tức là nói về chiều ngang . Nay hướng về Cực lạc và cõi nước thanh tịnh tốt đẹp đối chiếu với Kham nhẫn, là theo chiều ngang mà không phải chiều dọc, cho nên giả sử Tịnh độ có cái độc của kiến tư, mà không có tên gọi ác đạo, độc không phải là nhân của khổ, thì kiến và phiền não là hai trược nhẹ, quả báo trang nghiêm thanh tịnh kiếp số tuổi thọ bình thường, chúng sanh ở đây có gì gọi là thấp hèn! Nguyện hạnh của ngài Di Đà gồm nhiếp hết, vì thế mức độ nhẹ không phải là đoạn hoặc mới sanh về trong đó, vì chúng sanh từ thiện năm

nghịch ở thế gian xưng niệm danh hiệu Phật cũng có thể sanh đến, cho nên tướng uế tạp của Ta-bà nhìn thấy tận mắt có thể biết. Đây là nói về chiều ngang của hai cõi Tịnh - Uế, mà hai cõi này đều có phàm - Thánh, phàm giống như trước đây đã nói. Thánh có hai loại, đó là Ứng lai Thanh - có tu đắc Thánh. hai cõi đều như vậy. Hai là hai căn lợi - độn. Cõi có trược sâu nặng thì nói về căn ngộ đạo tự có lợi - độn. Cõi có trược nhẹ nhàng thì căn cũng có lợi - độn, lấy cõi đối với căn cho nên làm thành bốn câu. Ba là năm trược nhẹ - nặng. Thân hình thấp bé tức là chúng sanh trược, thời gian thô kệch nguy hiểm tức là kiếp trược, ba trược còn lại tên gọi hiển bày rõ Tịnh độ không như vậy ấy là, như trong Đại Bổn Sớ Vấn chép: “Đã nói năm trược thì cái gì là năm sạch (thanh)? Đáp: Theo ví dụ về tà chánh ba độc tà là năm trược, chánh là năm thanh, Tịnh độ ở phương khác không có ba độc của tà, thì năm chướng nhẹ nhàng. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là nói về hai hạnh năng cảm. Nói về phước đức ấy tức là ba loại phước vậy Như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chép: “Một là hiếu dưỡng cha mẹ - phụng sự sư trưởng từ tâm không giết hại, tu mười thiện nghiệp. Hai là thọ trì ba quy y - đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ-đề - thân tín nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa khuyến khích người thực hành tinh tiến. Ba loại nghiệp này là chánh Nhân Tịnh độ của chư Phật ba đời.” Sớ đó chép: “Nghiệp thứ nhất gồm có phàm phu nghiệp thứ hai gồm có nhị thừa, nghiệp thứ ba là nghiệp bất cọng của Đại thừa kinh đó chép”: “Người muốn sanh về cõi nước Tịnh độ, nên tu ba phước”: Vì vậy nay chép: Tu nhiều phước đức và tu phước không nhiều, là hạnh của hai cõi, dựa vào phước này mà luận bàn vậy. Từ: “Nếu uế v.v...” trở xuống là tách biệt nêu ra hai căn của Uế độ, có hai: Một là nêu ra bốn câu về thừa - giới, có hai: thứ nhất thiết lập câu về tướng giới luận đến mười giới. Chỉ áp dụng không thiếu sót - không phá hoại - không xuyên thủng - không xen lẫn. Bốn loại này ba việc trước là Giới một việc sau là Định, đều là nhân của trời người. Không giữ lấy - tùy theo đạo - không mê đắm trí như khen ngợi tự tại, tùy theo Định đầy đủ, dùng sáu loại này tuy gọi là Giới, mà thể là ba quán tự thuộc vê nơi Thừa. Thừa nói về năm thừa không chọn lấy trời người, vì hai loại đó tuy gọi là Thừa, mà không động, không xuất Thể là thiện sự hữu lậu thuộc Giới gồm nhiếp, chỉ chọn lấy ba thừa dùng hàng Thanh-văn bao gồm bốn giáo, là nhập vào lý trí tuy phân biệt sâu cạn, mà đều có thể chuyển động vượt ra phiền não sanh tử, cho nên được gọi là Thừa. Nay dùng bốn giới mà đối chiếu với ba thừa, nói về chậm và nhanh để làm thành bốn câu. Hai

là từ: “Giới nhanh v.v...” trở xuống là phân định về sở cảm. Thừa và Giới dựa theo quá khứ, Cơ và Cảm dựa theo hiện tại. Hai là từ: “Cơ có v.v...” trở xuống là nói về hai căn Đại - Tiểu, có hai: Một là Trình bày chung về Đại - Tiểu cảm Phật. Không hỏi về việc Giới có giữ gìn có hủy hoại, chỉ luận đến học hỏi luyện tập về lý Thừa Đại - Tiểu. Vì thế cho nên trong văn thiết lập Giới trình bày Thừa. Do đó kinh Niết-bàn chép: “Người trì hoãn Giới đó không gọi là trì hoãn, người trì hoãn đối với Thừa mới gọi là trì hoãn.” Vì người trì hoãn Giới chỉ làm mất trời người, nếu trì hoãn Thừa đó thì không có đường giải thoát. Thừa chia ra Đại - Tiểu thừa, chỉ cảm được hình tướng và âm thanh của Liệt Ứng Phật. Xưa là người thực hành Trung đạo tu quán, nay là cơ Đại thừa có thể cảm được hình dung và âm thanh của Thắng Ứng Phật. Nói về bậc giáng thần ấy: Xưa kia Như-lai ở nơi Đức Phật Đại Thông, giảng lại Pháp Hoa cho vô lượng chúng sanh làm nhân Nhất thừa, đến giữa chừng lui sụt Đại Tiểu thừa, nhiễm trước năm trần, Đức Phật sợ rơi vào khổ đau, liền dùng Tiểu thừa mà cứu bạt cho họ, hoặc vì vậy khai triển thành ba mà dẫn dắt họ. Như vậy các loại Đại - Tiểu đều thành thục, có thể ở nơi đời này ngộ nhập Phật thừa, vì thế cho nên Như-lai vì một sự việc này mà xuất hiện ở thế gian. Nhưng căn cơ phát khởi đó lại ít sai khác, cho nên từ một đời mà chia ra năm thời kỳ, có cơ có thể đi thẳng vào nơi thật, có cơ chỉ có thể chuyển biến nhập vào nơi thật, tuy hai loại này thành thục ở tại một thời kỳ, mà đối với Hoa Nghiêm mau chóng bàn về Viên - Biệt, che phủ hai loại cơ, cơ này từ đầu liền thấy tướng Thắng Ứng. Nếu ở chặng giữa người luyện tập Tiểu thừa sâu sắc, tuy ở đời này nhập vào một Phật thừa, mà Tiểu thừa thành thục trước, cho nên vì cơ này thị hiện thân Liệt Ứng. Đầu tiên nói về Tam tạng, các vị điều hòa thành thục, đến nơi Pháp Hoa mới mở ra tuệ Phật, cơ này lúc đầu chỉ thấy thân Liệt Ứng, cho nên giáng vào thai mẹ tức là thị hiện hai tướng.

Hỏi: Hoa Nghiêm mau chóng về sau mới lập bày hóa độ Tiểu thừa, giống như kẻ cùng tử gấp rút truy tìm không đến, từ từ nói mới đến. Trước đốn sau tiệm nghĩa đó dễ dàng thành tựu. Nay sao bỗng nhiên nói giáng thần mẫu thai tức là thì hiện hai tướng?

Đáp: Các văn vốn nói về đầu tiên là đốn kế đến tiệm, bởi là nói về lập bày nghi thức cảm hóa. Nay ở đây đã nói về Đại - Tiểu cả hai thuận theo cuối cùng quay về Nhất thừa, mới không còn sự việc xem xét cơ từ đầu đến cuối, như phẩm Phương Tiện chép: “Suy nghĩ không có cơ Đại thừa nên trong ý niệm muốn ngừng giáo hóa, chư Phật

khuyến khích an ủi dò mới thi hành Tiểu thừa.” Kế là văn lại chép: “Từ vô lượng kiếp đến nay khen ngợi pháp Niết-bàn, sanh tử mãi mãi không còn Ta thường nói như vậy. Vì thế cho nên suy nghĩ về cơ sau đó lập ra Tiểu thừa.” Nói những lời này đều là nghi thức, không thể dựa vào đây để chất vấn văn này. Dự định xem xét mọi căn cơ từ đầu cần phải trọn vẹn, là ý của độ thoát cho người. Hai là từ: “Đốn cơ v.v...” trở xuống là nêu riêng Đại - Tiểu được lợi ích, có hai: Một. Tướng lợi ích của cơ Đại thừa. Chúng sanh cùng loại trước tiên thành thục hạt giống Đại thừa thì cảm được thân Thắng Ứng, nhập vào thai, trú trong thai là ra khỏi thai là thành Phật thì tướng đó đều là Thắng, chuyển một thật đế tức là bộ Hoa Nghiêm. Lập tức thuyết ra Viên giáo, đã bao gồm Biệt giáo, cho nên nói là vô lượng. Kinh đó dự định nói về một đời từ trước đến sau, cho nên lập ra thí dụ: “Giống như mặt trời mọc đầu tiên soi sáng trên đỉnh núi cao, kế là chiếu rọi khe núi sâu tối, sau cùng mới soi chiếu đất bằng.” Nghĩa của tông phái này khai triển đất bằng làm thành ba, đối với Niết-bàn là năm loại ý vị (ngưu vị). Cơ Đại thừa là núi cao thường cảm được đốn giáo, ánh mặt trời soi sáng trước, tức là thấy Phật tánh có thứ tự và không thứ tự. Nếu trong Niết-bàn ví như từ trâu sinh ra sữa, lần lượt năm vị, thì đối với ý vị năm thời giáo trong một đời, lần lượt sanh ra nhau. Nay nói về Đốn Cơ, thường thấy Phật tánh, vì thế cho nên bao gồm sử dụng thí dụ của ăn cỏ (thực thảo?), chính là dùng núi tuyết ví như xá Na Phật, nhẫn chịu rơm cỏ ví như mười hai bộ kinh, trâu ăn ví như Cơ Đại thừa tu quán, liền được tinh chất của sữa (đề hồ) ví như thấy Phật tánh.

■

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ KÝ

QUYỂN 4

Từ "Nếu Tiểu v.v..." trở xuống là tướng lợi ích của căn cơ Tiểu thừa, có bốn: Một là lợi ích như sữa (lạc), có hai: Thứ nhất nói về cơ Ứng Tiểu thừa. Tức là người trước tiên thành thục hạt giống tiểu thừa, đầu tiên cảm được Liệt ứng thân, mới thuận theo nhập vào thai cho đến lúc thành Phật, tướng đó đều là Liệt ứng. Câu lân hoặc Câu Nhi hoặc Kiều Trần Như, người đứng đầu năm người này. Bốn người đó tức là A-bệ - Bạt-đề - Ma-ha-nam - Câu-lợi: Ban đầu Thái tử ở tại vườn Nai chứng lý bốn đế, gọi là đạt được cam lộ, đây chính là mặt trời Phật kế đến soi chiếu khe núi sâu tối. Hai là từ "Đã không v.v..." trở xuống là đối chiếu Đại thừa xét kỹ để phân biệt, có hai: Một là Tiến tới đối chiếu Pháp Hoa phân biệt giác ngộ. Giáo đầu tiên đạt được đạo lý tuy nói là cam lộ, nhưng không phải vị của đề hồ thứ năm, chẳng lẽ được độ thoát đối với hai loại sanh tử? Vì thế không gọi là được độ thoát. Do đó nói là Đẳng ấy là dẫn ra kinh này. Chỉ sử dụng một môn giải thoát vượt khỏi sự ràng buộc luống dối của kiến tư, thật ra chưa đạt được tất cả cảnh giới giải thoát khỏi sự dây dưa của hoặc trần sa vô minh, điều ấy đến Linh Sơn mới chứng được sự thoát khỏi này. Hai là từ: "Chưa kham v.v..." trở xuống là lùi lại dựa vào Hoa Nghiêm phân rõ cơ, có hai: Một là đối với Đại thừa gọi vị Nhũ. Trong này chính là dùng sự chứng đạt về sau của Tiểu thừa, gặp Đại thừa không nghe, vì nghiệm xét thuộc về cơ phàm phu, không nhận chịu Đại thừa, vì đui điếc với văn ở tại phần sau của kinh, thời gian đó vẫn dài, nghĩa hướng về thời gian của Phương Đẳng và Bát-nhã, cũng có thể thông suốt ở trước vườn Nai vì thế cho nên Ca Diếp lại thuật về thời gian căn cơ Tiểu thừa được Đại thừa mô phỏng, mê muội buồn rầu ngã xuống đất lấy sau biểu hiện trước. Căn cơ chưa chịu được Đại thừa ý đó rõ ràng như vậy. Tuy có lợi ích lợi thầm kín, mà điều đó giống như kiến ái hiện hành hừng hực, cho nên cơ ở tại Hoa Nghiêm hoàn toàn phát sanh như vị sữa. Từ "Nghe phương v.v..." trở xuống là đối với Tiểu thừa gọi là sữa đặc. Vội vàng đuổi theo giao

cho tài sản thì gọi là oan nói lớn, từ tốn nói quét dọn phẩn uế thì vui vẻ theo đến, mới thực hành Phương tiện nói về sự khổ ba cõi, vì sợ khổ cho nên dứt trừ tập của kiến tư, đã thay đổi phàm trở thành Thánh, gọi là chuyển sữa thành sữa đặc. Từ "kế là nghe v.v..." trở xuống là bơ sống. Bốn giáo đều phát triển bất gồm nhiếp rộng các cơ. Tiểu thừa nghe công kích trách mắng dần dần có thể kính mến Đại thừa, bí mật được lợi ích tất cả, độn căn Bồ-tát lợi ích giống như nhị thừa, điều hòa các cơ này đạt được vị của bơ sống (sanh tô). Nên biết rằng dựa theo giáo nói về năm vị ấy, không chọn lấy đậm nhạt mà chỉ nói về sanh khởi lẫn nhau, vì sữa của đốn cơ chính là tinh chất của sữa (đề hồ). Nếu dựa theo cơ ấy thì nghĩa có đậm nhạt, nhưng ngay đối với ba thừa rất Độn ấy mà nói, vì một loại này đối với Hoa Nghiêm kia hoàn toàn không có ích lợi hiển bày. Như máu tanh và sữa lúc nói về ba tạng, cơ này trở thành sữa đặc (lạc), theo thứ tự dần dần đậm đặc đến nơi vị cao nhất. Từ "kế là nghe v.v..." trở xuống là bơ chín. Không bàn về Tam tạng mà nêu ra đầy đủ khai triển thành ba, người hàng lợi căn nhập vào Viên giáo rất nhiều, Thanh-văn đến đây được thêm vào chuyển thành giáo, đã ở nơi Chân không bàn luận đầy đủ muôn hạnh, cho nên khiến cho độn căn kín đáo đạt được lợi ích riêng biệt, dựa theo điều hòa tiệm cơ gọi là vị của bơ chín . Từ "kế là nghe v.v..." trở xuống là tính chất của sữa (đề hồ), có hai: Một là Pháp Hoa, có hai: Thứ nhất nói về ba thừa đều được thành Phật. Xả bỏ phương tiện bốn đế của ba giáo trước đây, chỉ nói về đạo của Nhất thật vô thượng. Tiếp tục mở ra cửa phương tiện của ba giáo, đều là tướng chân thật Nhất thừa, mới chính là hai diệu đãi và tuyệt của kinh này. Vì bàn về Diệu này, mới khiến cho hạt giống cháy khô của nhị thừa lại sanh ra, nghi ngờ tạm thời của Bồ-tát ba giáo dứt hẳn thế nên chẳng một ai không thành Phật. Từ:"Cho nên nói v.v..." trở xuống là chứng minh một đời đều nhập vào đề hồ. Nếu cơ Đại thừa thành thục trước, là Hoa Nghiêm bắt đầu thấy Phật tức nhập tuệ Phật, nếu cơ tiểu thừa thành thục trước, tức là cần phải dần dần dẫn dắt. Nay nghe mở ra và phế bỏ mới đạt được tuệ Phật, nếu cơ Tiểu thừa thành thục trước, tức là dần dần dẫn dắt. Nay nghe mở ra và phế bỏ mới đạt được tuệ Phật ban đầu đạt được - nay đạt được đều là tuệ Phật, đều ví như đề hồ, nhưng ở kia bao gồm Biệt giáo đến đây thuần là Viên giáo.

Từ "Nếu lại có v.v..." trở xuống là Niết-bàn. Ý mở ra hiển bày Pháp Hoa sáng tỏ, cơ chấp vào Quyền, trận lớn đã phá tan, lại chờ đợi Niết-bàn thu nhận đồng bọn còn sót lại đó, cho nên sau Pháp Hoa lại bàn đến Bát-nhã, điều hòa thành thục tâm đó, khiến cho ở tại Niết-bàn

đạt được vị của đề hồ. Vì thế cho nên kinh kia ngay nơi phần sau của bộ Bát-nhã kết thúc nhóm họp năm vị. Theo thứ tự chép: Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra đại Niết-bàn. Nói về Thắng tam tu ấy, kinh kia nói về ba loại ba tu: 1. Tà. 2. Liệt. 3. Thắng. Tà tức là tà sư thế gian đã dạy về Thường - Lạc - Ngã. Liệt tức là đối với một nữa giáo của Phật phá trừ tà chấp, gọi là vô thường - vô lạc - vô ngã. Thắng tức là dựa vào giáo thù thắng của Phật phá trừ đối với Liệt tu, nói là Thường - Lạc - Ngã. Pháp thân thường hằng không có Biến dịch, dạo qua nhiều giác hoa vui sướng thọ nhận niềm vui, đầy đủ tám tự tại không có thể ngăn dứt. Người tu như vậy nhập vào kho Bí mật tạng, gọi là hơn ba tu.

Từ "Là vì v.v..." trở xuống là kết thúc ví dụ, có ba: Một là Kết luận thân Phật. Hai là từ: "Hoặc chỉ v.v..." trở xuống là ví dụ thân còn lại. Thân Phật đã có thuyết năm thời giáo, nếu nêu ra thân khác, cũng đối với năm thời dẫn dắt các thật hạnh, tùy theo vị mà chuyển giao. Lại phải nói về thị hiện nhiều thân độ cho một người, hoặc một thân độ nhiều người, hoặc một thân độ một người, hoặc nhiều thân độ nhiều người. Dựa vào người đã như vậy, thì người - pháp và nhân quả nhiều ít đối lập với nhau, đều trở thành bốn câu, cho nên ban đầu thầm lập thành ba loại bốn câu, mới hết tướng cảm ứng của Thân thuyết. Ba là từ "Cõi uế v.v..." trở xuống là ví dụ về Tịnh độ. Như thế giới An Lạc, Bồ-tát vô số thì Thanh-văn cũng như vậy. Vì pháp có đốn - tiệm, cho nên con người chia ra Đại - Tiểu, đầy đủ như chín phẩm, sau khi sanh về cõi kia nhập vào địa vị Đại - Tiểu, đều căn cứ vào nghe pháp. Nghiệm xét biết thuận theo Tịnh độ kia mà độ chúng sanh, cần phải nói về hai thuyết loại Thân tiệm - đốn.

Từ "Trong đây v.v..." trở xuống là Bổn quán từ bi. Như trên đã trình bày, thùy ứng hình tướng ba cõi cảm hóa người vật năm thời, uế độ hướng về Thích Ca - tịnh độ dựa theo Di Đà, sự hóa giáo văn của hai Đức Phật đầy đủ rõ ràng, để biểu hiện Quán Âm thị hiện thân Phật cùng với nơi này không khác nhau, vì phân chân rốt ráo cùng chung Thể Dụng. Quả dụng nếu vậy lẽ nào không có nhân ban đầu ư? Vì thế nay lại tìm bổn quán thệ nguyện, là lúc tu quán hạnh của Biệt -Viên giáo, khởi lên thệ nguyện từ bi, kỳ hạn khắp cả pháp giới hiện thân nói pháp độ thoát các chúng sanh. Nay an trú Tịch Quang xông ướp bổn thệ, cùng khắp ba cõi, hình tướng âm thanh lợi ích so sánh với cứu nạn trước đây, trong văn Bổn Thệ đã nói đầy đủ.

Từ "Hỏi kinh v.v..." trở xuống là lựa chọn thể tên gọi của cõi, có hai: Một là Phân rõ tên cõi, có hai: Thứ nhất là hỏi. Tên gọi Ta Bà Hán

dịch là Kham nhẫn, ở trong Đồng cư hãy còn không thể hoàn toàn thanh tịnh, sao có thể đầy đủ dựa vào ba cõi để giải thích được? Hai là trả lời: Bồ-tát nêu ra một dùng làm sự việc để hỏi, Như-lai nói pháp rộng khắp để trả lời, cho nên chép: Dùng thứ loại hình tướng dạo đến các cõi nước. Chiều ngang cùng khắp mười phương - chiều dọc suốt tận ba cõi, cho nên nói là các, đều là nơi ứng thân của Quán Âm dạo qua. Đây là dựa theo Như-lai trả lời xong đối với câu hỏi, căn cứ văn giải thích. Nếu lại dựa theo nghĩa thì tướng đó rõ ràng như thế. Vì sao? Vì kinh nêu ra cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo không xa lìa Ta-bà, cho nên chép: "Nếu nghe trường thọ thâm tâm tin hiểu, tức là thấy Phật thường còn ở núi Kỳ-xà-quật, cùng với Đại Bồ-tát và các chúng Thanh-văn vây quanh nói pháp." Đã nói thường còn ở núi Kỳ-xà-quật, thì nạn lửa cùng khắp như vậy mà cõi này vẫn an ổn, lại làm Bồ-tát cùng các Thanh-vănlàm thính chúng, vậy chẳng phải Ta-bà chính là cõi Phương Tiện hay sao? Lại chép: "Còn thấy thế giới Ta-bà, đất cõi đó bằng lưu ly cho đến lầu gác đình quán đều làm thành từ các thứ báu, chúng Bồ-tát đó đều ở trong đó." Đã nói còn thấy, tức là không phải nơi chốn trước đây chỉ có Bồ-tát, không cùng chung Thanh-văn, tức là thuần nhất Bồ-tát mà làm Tăng. Nghiệm xét biết rằng Ta-bà tức là Thật Báo. Văn này đều là quán của bốn Tín ngay nơi Kham nhẫn mà lại thấy hai cõi. Trí của Quán Âm dạo qua Ta Bà. Lẽ nào để cho một mình ứng với cõi Đồng cư uế trược hay sao? Từ "Hỏi hai v.v..." trở xuống trình bày Thể của cõi, có hai: Một là Hỏi: Đại Luận chép: "Vượt ra ngoài ba cõi Tịnh độ, Thanh-văn - Bích Chi Phật ra đời trong đó, thọ thân pháp tánh không phải phần đoạn sanh ra, tức là cõi Phương Tiện." Đại Phẩm chép: "Pháp thân Phật vì pháp tánh thân của Bồ-tát mà nói pháp, chúng nghe pháp đó chẳng phải là người sanh tử, chỉ nói Bồ-tát không cùng chung nhị thừa, tức là cõi Thật Báo." Hai cõi không giống nhau đều nói là pháp tánh, làm sao phân biệt được? Hai là trả lời: Tiểu thừa thất đoạn dứt không sanh ra ngoài pháp giới, luận nói ra khỏi Pháp giới, lại nói thọ thân, đây là căn cứ vào Đại thừa mà nói. Pháp tánh Đại thừa Thể vốn thường trụ, tức là nguồn gốc của tất cả Sắc - Tâm. Vì sao? Vì Tiểu thừa nói rằng Sắc - Tâm dựa vào kiến tư mà có, cho nên nhân ràng buộc dứt trừ thì quả đó mãi mãi mất. Đại thừa nói Sắc - Tâm dựa vào hoặc sanh diệt, không nhờ vào Hoặc có thể là pháp tánh, kiến tư nếu không còn mà vô minh còn đầy đủ thì đó là Sắc - Tâm pháp tánh thuộc chân đế, Phương Tiện sanh diệt, Vô minh phá bỏ từng phần, từng phần bổn tánh hiển bày, nghĩa thích hợp với sắc tâm pháp tánh thuộc Trung đạo, Thật Báo sanh

diệt, Vô minh cuối cùng không còn, thì trở lại sắc tâm thường trụ thuộc bổn tánh xa lìa tướng sanh diệt, là thường Tịch Quang. Nay nói về cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo, tên gọi pháp tánh giống nhau, dựa theo đoạn hoặc mà luận thì Chân - Trung rất khác nhau. Từ "kế là nói v.v..." trở xuống là Bồ-tát, có hai: Một là Nói về tướng Ứng, có hai: Thứ nhất phụ giúp Phật không giống nhau. Nói về chiều ngang là bốn giáo, nói về chiều dọc thì ba cõi. Đồng Cư bốn giáo đều có giáo chủ, đều có Bồ-tát phụ giúp cảm hóa cơ, Phương Tiện hai giáo - Thật Báo một Viên giáo, đều cần Bồ-tát phụ giúp Phật lưu hợp cơ duyên. Từ "Ứng đến lợi v.v..." trở xuống là đi đến duyên có khác nhau. Sơ lược mà phân, đốn bộ căn lợi - tiệm giáo căn độn. Nếu dựa theo nói về điều ấy thì độn căn Biệt giáo trong đốn - lợi căn viên giáo trong tiệm, pháp đã nói ra tùy theo cơ nghi mà phế bỏ hay phát triển, Bồ-tát phụ giúp Phật cũng tùy theo mà thay đổi. Văn không thể đầy đủ nên theo giáo mà suy nghĩ.

Từ "Trong đây trở xuống là nói về bổn quán. Phật Chương thuật lại sơ lược. Hai là Bích Chi Phật. Nếu nói về Độc Giác, đã không gặp Phật vâng lãnh giáo pháp, sao có thể nói pháp? Muốn cảm hóa chúng sanh chỉ có hiện bày thần thông biến hóa. Nay nói nói pháp, chính là nói về người ở đời Phật vâng lãnh giáo pháp nhân duyên. Ở đây nói về tạm thời nêu ra cũng dẫn dắt loại đó tùy theo vị mà phụ giúp giống như Thanh-văn.

Từ "kế là nói rõ v.v..." trở xuống là Thanh-văn, có hai: Một là nói về sở hiện. Hai là từ "Nội bí v.v..." trở xuống là nói về năng hiện. Trước nêu ra sở hiện hoàn toàn giống như thật hạnh, nay nói về năng hiện biết là quyền lực to lớn (đại quyền). Trong phần này có bốn: Một là Ý năng hiện. Bên ngoài chỉ ra dấu tích quyền biến (quyền tích), ý ở tại trang nghiêm song thọ Niết-bàn. Nói về Song Thọ ấy là, bốn phía đều một đôi, phía Đông một đôi, mà một khô một tươi, phía Nam - Tây - Bắc cũng lại như vậy. Phía Đông khô tươi biểu thị cho Thường - Vô Thường, phía Nam là Lạc - Vô lạc, phía Tây là Ngã - Vô Ngã, phía Bắc là Tịnh - Bất Tịnh, Như-lai ở trung tâm, đầu hướng về phía Bắc mà nằm nhập vào Niết-bàn, tức là biểu thị cho các cặp chẳng phải Thường - Vô Thường v.v... Văn kinh sơ lược nêu ra sáu người trong nhân, tức là Thân Tử - Mục Liên - Không Sanh - Na Luật - Ca Diếp - A-nan và quả của một người, chính là Như-lai. Đây đều là tốt lành có thể trang nghiêm song thọ. Đây là vì Như-lai cùng các vị như Thân Tử đã từ lâu chứng đạt ba đức, muốn làm cho chúng sanh có thể nhập vào bí tạng, bốn đức chân thật của các cặp chẳng phải Thường - Vô thường v.v... ban đầu ở

tại Tam tạng chủ bạn với nhau cùng các thật hạnh, ân cần tu chứng Vô thường - Vô lạc - Vô ngã - Vô tịnh, thành tựu bốn cây khô héo. Kế đến đối với hai vị bơ khen ngợi Viên chỉ trích Thiên hổ thẹn Tiểu kính mến Đại, nói pháp Bồ-tát, dẫn dắt các chúng sanh phá trừ Vô thường, tu học các loại như Thường v.v... thành tựu bốn cây tươi tốt. Đến hội Pháp Hoa và Niết-bàn này, dẫn dắt các chúng sanh, đều cùng nhau chứng đắc nhập vào bốn đức Trung đạo chẳng phải khô chẳng phải tươi thuộc Đại bát Niết-bàn. Kinh nói rõ công lao chủ bạn cảm hóa một đời, nay đã thành tựu chính là lúc Niết-bàn ở giữa Song thọ, mà bày tỏ biểu hiện. Vì thế nói sáu người và Như-lai thường trang nghiêm song thọ. Quán Âm thị hiện thân Thanh-văn, ý đó như vậy.

Từ "kế là dẫn v.v..." trở xuống là người năng hiện. Thiện Tài gặp gỡ các vị thiện tri thức, như Tỳ-kheo Hải Vân - Tỳ-kheo Thiện trú, hiện rõ thân Thanh-văn nói về pháp Biệt - Viên, cơ nhị thừa hỏi vào liền nói Tạng - Thông. Đã trụ pháp môn bất tư nghị thì có pháp nào không nói, đây là kết hợp bốn câu về người - pháp của văn này. Từ "kế là dẫn Đại v.v..." trở xuống là pháp năng hiện. Toàn bộ phần trên dựa theo pháp làm sáng tỏ người năng hiện, nay ở đây chính là thị hiện phép thuật của Tiểu thừa, cho nên dẫn ra bốn loại trí của Đại Kinh quán mười hai nhân duyên đạt được quả của bốn thừa. Quán Âm nếu tu thì nhất tâm dùng bốn trí quán duyên. Nếu tu Viên quán thì nhất tâm dùng bốn trí nhân duyên mà đối với mỗi mỗi loại đều khởi lên thệ nguyện, độ các chúng sanh, không giữ lấy bốn tướng - không xả bỏ bốn pháp. Không giữ lấy cho nên chẳng có - không xả bỏ cho nên chẳng không, cả cặp ngăn che hai bên tức là Vô duyên thệ, cả cặp soi chiếu sanh pháp, chính là bốn là từ bi. Nay hạnh nguyện thành tựu cho nên rộng khắp pháp giới, hiện rõ bốn hình tướng âm thanh ứng với tất cả khắp nơi. Nay ở trong bốn loại chính là chọn lấy trí dưới, làm pháp năng hiện.

Từ "Hỏi v.v..." trở xuống là nương vào phân biệt giải thích (liệu giản), có hai: Một là Hỏi: Vì trước đây phân biệt lấy thân mười pháp giới ứng với cơ mười pháp giới. Một là nhiều thay nhau, tuy thành bốn câu mà cuối cùng có Phật độ cho pháp giới Phật, cho nên có câu hỏi này. Hai là trả lời: trong trả lời Đẳng Giác độ cho hàng Sơ địa là dựa theo nghĩa bên Biệt giáo. Vì Lục Tức bên Viên giáo có nghĩa về Phật rất rộng, Đăng Địa bên Biệt giáo có nghĩa pháp với Phật hiển rõ, vì sao? Vì ba Hiền bên Biệt giáo sử dụng quán pháp vốn tu của ba thừa, nhập vào Địa chứng Trung đạo vượt xa chín cõi. Bắt đầu vốn có phân hợp Thể Dụng giống như Phật, nhưng là phần chứng, thì Hoặc chắc

chắn dày - mỏng - trí nói về cạn sâu. Vì thế cho nên địa vị trên hiện rõ Phật của hóa tha, độ cho Phật của tự hành ở địa vị dưới. Áp dụng ví như trong loài người thầy độ cho đệ tử, cần phải biết rằng Phật là năng độ hoặc hiện rõ tám tướng, hoặc ngồi trên hoa chúa; Phật của sở độ chắc chắn là thân làm nhân, vì oai nghi của Phật chẳng phải vâng lãnh pháp tướng, Phật của bốn giáo đều là vô sư trí. Còn nay như nhau tạm thời nói Đẳng Giác độ cho sơ Địa. Nếu Bổn thấp mà Tích cao, có thể nói Sơ Địa độ cho Đẳng Giác, vì chỉ ra Tích của Phật là thân Diệu giác, chính là do cực quả gia bị vậy.

Từ "Hai nói rõ v.v..." trở xuống thân loài trời, có sáu: Một là Phạm Vương, có hai: Thứ nhất giải thích danh tướng. Hai là từ "Quán Âm v.v..." trở xuống nói về bổn quán. Y - chánh của trời này phần nhiều là sắc trắng, Quán Âm căn cứ vào lúc quán ở tại sắc trắng, ngay trong Không - Giả - Trung an trú vào pháp giới màu trắng, tức là chỗ này có Ngã tánh chân thường gọi là Tam-muội Vương. Chẳng lấy chẳng bỏ: chẳng ấy tướng hữu của thiền này, nghĩa là kiến tư, chẳng lấy tướng Không của thiền này, là trần sa; không lấy tướng vừa có vừa không - tướng chẳng phải có chẳng phải không có của thiền này, là vô minh; thì không rơi vào ba hoặc sanh về ba cõi của thiền này. Vì không bỏ, tức là có thể ứng làm phàm phu - Phạm Vương - Đồng Cư. Lại có thể ứng làm Phương tiện - Đồng cư, tức là trong A-hàm chép: "Đã chứng ba quả sắp nhập vào cõi Phương tiện." Lại có thể ứng làm Thật Báo Phạm Vương, tức là trong Nhân Vương chép: "Chứng bảy Địa cho nên nói Luận Xuất Dục", cũng là ba hoặc Dục. Bốn câu về hiện thân, tức là cảm ứng. Một là nhiều đối lập nhau. Để trở thành bốn câu, lấy quyền dẫn dắt thật, dẫn dắt người thật hành của ba cõi. Đầy đủ như Phật Chương, xuống phía dưới các thân tùy theo ví dụ này. Hai là Đế Thích, ba là Tự Tại, bốn là Đại Tự Tại, năm là Thiên Đại Tướng Quân. Thiếu Thích Tỳ-Sa-môn vì có thể thấy. Từ "Tiểu Vương v.v..." trở xuống là thân loài người, có năm: Một là Tiểu Vương, hai là Trưởng Giả.

Mười đức lớn của người, như Đại Bổn Sớ thứ năm chép: "Trưởng Giả ở thế gian có đủ mười loại thứ đức: 1.Tánh quý. 2. Vị cao. 3. Giàu có. 4. Uy mãnh. 5. Trí sâu. 6. tuổi gà. 7. Hạnh tịnh. 8. Lễ tu. 9. Trên khen ngợi. 10. Dưới quy phục. Giòng họ thì con cháu (duệ) của ba hoàng năm đế, gia đình thì tả điêu hữu sáp. Địa vị thì phụ tá thừa tướng diêm mai a hoành. Tài sản thì đồi đồng núi vàng màu mỡ lãng phí. Uy quyền thì nghiêm trang long trọng không nghiêm túc mà thành. Trí tuệ thì ngực như Vũ Khố quyền biến hiếm thấy vượt hơn hẳn. Tuổi tác thì bạc phơ

góc cạnh nội dung nghi thức vốn khuất phục. Việc làm thì ngọc khuê rõ ràng không dấu vết, thực hiện như lời nói. Lễ nghi thì tiết tháo hạn độ trường học thế gian vốn ngước nhìn cách thức. Trên cao thì một người tôn kính, dưới thấp thì bốn biển đều quy tụ. Bên trong hợp với mười thứ công đức của Như-lai, và mười đức quán tâm, có đủ rõ ràng trong sớ kia. Ba là cư sĩ, bốn là Tể Quan, năm là Bà-la-môn.

Từ "kế là nêu v.v..." trở xuống là bốn chúng. Tỳ-kheo: Hoặc có chỗ nói phiên dịch, có chỗ nói không phiên dịch. Có phiên dịch. Hán dịch là Trừ Cẩn, chúng sanh ở nhân không có pháp nào tự nuôi, được quả báo phần lớn bị đói kém thiếu hụt, xuất gia giới hạnh là ruộng phước tốt lành, có thể sanh ra mọi vật tốt lành trừ bỏ sự đói kém thiếu hụt của nhân quả. Không phiên dịch vì, tên gọi chứa đựng ba nghĩa: 1. Phá ác. 2. Bố ma. 3. Khất sĩ v.v... Tỳ-kheo ni: Tỳ-kheo giống như trước. Ni ấy ở đây phiên ra là nữ. Ưu-bà-tắc Hán dịch là Cận sự nam. Ưu-bà-di Hán dịch là Cận sự nữ. Vì thọ ba quy y và năm giới có thể tiếp cận các việc với hai chúng xuất gia. Còn hai chúng tại gia, hoặc dịch ra là Thanh tín sĩ - Thanh tín nữ. Năm là Phụ Nữ, sáu là Đồng chân, bảy là tám Bộ, có tám: 1. Trời. 2. Rồng. 3. Dạ xoa. 4. Càn-thát-bà. 5. A-tu-la. 6. Ca-lâu-la. 7. Khẩn-na-la. 8. Ma-hầu-la-già. Tám là Kim Cương, có hai: Một là Giải thích tướng. Hai là Hỏi đáp, có hai: Một là Hỏi. Hai là Đáp. Thứ hai trả lời chung, có ba: Một là Trích chương mục nêu ra ý văn, có hai: Thứ nhất là trích chương mục. Hai là nêu ra văn. Hai là từ "Các danh v.v..." trở xuống là dựa vào văn trình bày rộng về nghĩa, có hai: Một là dựa vào văn giải thích có hai: thứ nhất nói về thùy ứng rộng khắp ba cõi. Ngay nơi Đồng cư nói về mười phương cõi khác nhau, dựa theo hai cõi trên thì không khác nhau về cương vực, cho nên Đồng cư đối với Phương tiện. Một là khác mà chia ra, Phương tiện đối với Thật báo hòa hợp - không hòa hợp sai khác, Thật báo đối với Tịch Quang tướng - vô tướng phân biệt. Nếu chủng loại chúng sanh trong Đồng cư, trần sa không ví dụ, Quán Âm đều có thể chỉ ra ba nghiệp đó, mà độ thoát họ. Văn kinh đã liệt ra ba mươi ba thân sơ lược bày tỏ. Muốn sáng tỏ rộng khắp, cho nên nêu chung nói "Dùng đủ loại thân hình đi khắp các cõi độ thoát chúng sanh". Từ "Dùng đủ loại v.v..." trở xuống là căn cứ vào văn nêu chung ba phạm vi rộng. Không trình bày ba phạm vi rộng, chỉ dựa vào sai khác mà trả lời thì trở thành hạn cục sự ứng hóa của Quán Âm vậy. Từ "Nói tuy v.v..." trở xuống là kết luận ở phạm vi rộng.

Từ "Thiện tài v.v..." trở xuống là dựa theo nghĩa biểu hiện nơi

khác hẹp, có hai: Một trình bày văn rộng mà nghĩa hẹp. Hai là quở trách trái nghĩa mà lập Tông. Nếu tìm ý này, một thân Bồ-tát có thể hiện rõ ở mười pháp giới, lại nói "Dùng đủ loại thân hình đi khắp các cõi độ thoát chúng sanh." Ba phạm vi rộng nghĩa rõ ràng không thể nghĩ và nói. Văn kinh trình bày nêu ra Phổ Môn Thị Hiện, ý Phật làm cho biết sự phát sinh rõ ràng của bổn tánh, ngay nơi văn nghĩa nào nói rằng mộng huyễn không chân thật, chính là cương quyết như vậy chê bai ngăn cản diệu điển. Do đó biết rằng Sư này chỉ thấy văn sơ lược mà không suy xét lý đầy đủ, cho nên làm thành sự phân định này vậy. Thứ ba là khuyên cúng dường, có hai: Một là nêu chương mục lập thành ý, có hai: Thứ nhất là nêu lên chương mục. Hai là từ "Phật đáp v.v..." trở xuống là lập ý, có hai: Một là Trình bày trước sau tương xứng, có hai: Thứ nhất nêu ra nay lập thành chương mục, có hai: Đầu tiên là trước sau đều có ba. Hai là đầu tiên thuật về ba loại trước.

Từ "Phật trả lời sau v.v..." trở xuống là nêu ra ba loại hiện nay. Từ: "Mà tổng v.v..." trở xuống nói về tổng biệt đưa ra lẫn nhau. Từ "Có người v.v..." trở xuống là quở trách người khác làm hại nghĩa. Ba trước ba sau từ đầu đến cuối mở ra hợp lại, đều được tương xứng. Nếu lấy sự trả lời chung để khen ngợi công đức ấy, thì làm cho nghĩa của ba loại sau: không thể tương xứng, Phật dùng câu trả lời chung mở rộng câu trả lời tách biệt trước đó. Nếu bỏ câu trả lời chung, thì làm cho ý của ba phạm vi rộng không thể biểu hiện, cho nên nói làm hại nghĩa. Từ "Hỏi sau v.v..." trở xuống là hỏi đáp làm tan nghi ngờ, có hai: Một là Lần lượt, có hai: Thứ nhất nghi ngờ trước đó không phụng chỉ. Hai là trả lời im lặng trở thành cơ, có hai: Một là nói về im lặng. Trước đây khuyến khích trì danh chỉ làm cho tâm niệm, vì thế cho nên nhận ý chỉ nhưng là lặng lẽ sâu xa. Sau đó khuyên cúng dường, chắc chắn mượn vật bên ngoài để bày tỏ lòng dạ bên trong, vì thế cho nên cởi chuỗi anh lạc mà làm pháp thí.

Từ "Lại dục v.v..." trở xuống là cùng nhau trở thành cơ. Trước chỉ bày ba nghiệp đã là biểu hiện cơ, phụng chỉ im lặng lại trở thành cảm ứng sâu xa. Nay chỉ là thiện đời trước tức là cơ sâu xa, phụng chỉ cởi chuỗi anh lạc thì trở thành cảm ứng biểu hiện. Trước sau hiện rõ lẫn nhau, đều có bày tỏ sâu sắc. Hai là Lần lượt, có hai: Một là Hỏi: Vì cơ khó ứng. Hai là Đáp: Lấy cơ biểu hiện ứng. Từ "Đầu tiên khuyên v.v..." trở xuống là dựa vào văn giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân chia văn. Hai là từ "Trước xưng v.v..." trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một là Khuyên cúng dường, có hai: Thứ nhất khen ngợi tốt đẹp, như trong

văn. Hai là từ "Xuất cúng v.v..." trở xuống là đưa ra ý. Nếu trong kinh Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm nói về mười bốn loại công đức vô úy, chính là để cứu bảy nạn, đi đến hai mong cầu tránh được ba độc v.v... là thí vô úy thì phẩm này đã ở tại phần sau của lần hỏi đáp thứ hai, nói về thí vô úy, tựa như sử dụng hiện thân nói pháp làm thí vô úy. Nếu căn cứ vào văn chép: "Ở trong tai nạn khẩn cấp sợ hãi kinh hoàng, thường giúp cho không sợ hãi", cũng có thể chung đầy đủ lần hỏi đáp trước, vậy thì hai thân chân - ứng đều là năng thí, hai lợi ích thầm kín và hiển lộ đều được vô úy. Hai là phụng chỉ, có hai: Một xét định. Hai là từ "Văn kinh v.v..." trở xuống là giải thích có sáu: Một là vâng lệnh, có hai: Thứ nhất giải thích về cởi chuỗi anh lạc, có hai: Đầu tiên là sự giải thích, có hai: Trước hết là văn bình xét về các thứ báu. Hai là từ "Nếu y v.v..." trở xuống là giải thích về giá trị trăm -ngàn, có hai: Một là Hỏi: Kinh lấy sự việc anh lạc biểu thị cho hạnh anh lạc, công đức các Địa trang nghiêm Pháp thân, đã có đẳng cấp sai khác, cho nên dùng vật báu thế gian đắt rẻ để biểu hiện, nay Vô Tận Ý nhập vào địa vị đã cao mà anh lạc hợp sử dụng vật báu vô giá, há có thể chỉ trị giá mười muôn lượng vàng ư? Hai là Đáp: Nói là trăm ngàn ấy, sơ lược đưa ra số nhiều giống như nói trăm họ, há hạn chế chỉ một trăm hay sao? Muôn dân cũng như vậy, dựa theo địa vị giải thích về anh lạc chắc chắn là vô giá.

Từ "Nếu căn cứ v.v..." trở xuống là quán giải thích. Vốn nói là trăm ngàn, chính là lấy sự việc số đếm để biểu thị cho lý quán, há chuyên nhất dựa theo sự xác định số nhiều ít đó hay sao? Cổ là để trang nghiêm cho nên biểu thị Trung đạo, đây là tánh đức. Toàn tánh khởi tu, cho nên hạnh năng nghiêm đều không mê đắm. Hạnh này xứng với tánh như anh lạc ở nơi cổ mà nói là cởi ra, Bồ-tát tuy có tất cả công đức thượng cầu hạ hóa, chưa hẳn không cùng với thường xả ứng hợp lẫn nhau, muốn chỉ ra chúng sanh thường xả bỏ hạnh cho nên mới cởi chuỗi anh lạc mà giúp cho. Đại Tập nói vì trình bày lý hành anh lạc trang nghiêm. Một Địa trở thành muôn, rõ ràng đạt được nhất tâm, mười pháp giới trăm pháp - trăm pháp giới ngàn pháp - ngàn pháp giới muôn pháp, tánh của muôn pháp này vốn đầy đủ. Toàn tánh khởi tu chuyển sang gọi là muôn đức, tức là tam học - lục độ - Tam-muội, tổng trì - thần thông - trí tuệ, tứ đẳng - thứ nhiếp - tam niệm - bát giải thoát, thập lực vô úy - thập địa, thảy đều có thể phần chứng, muôn đức liền thành mười muôn, cho nên biết rằng nói về số không riêng gì sự. Từ "Pháp thí v.v..." trở xuống giải thích về pháp thí, có hai: Một là Xưa áp dụng nặng về pháp thí. Vì coi trọng Thánh pháp cho nên thực hành

tài thí, vậy thì tài pháp phân chia làm hai phái, lý há như vậy ư? Hai là nay trình bày như pháp thí. Pháp là ba đế thường đầy đủ lý tánh, nay Thể của tài chính là tánh, các pháp hướng về tài là hướng về hết mức, tài hãy còn không thể đạt được, làm sao sẽ có hướng về và chẳng phải hướng về. Cho nên tài và pháp không hai không khác. Ngoài tài không có pháp, ngoài pháp không có tài, há chỉ riêng tài như thế ư? Thí và thọ ấy đều Không - Giả - Trung không gì chẳng phải là pháp giới, như vậy mới gọi là dùng tâm pháp giới. Đối trước cảnh pháp giới khởi lên thí pháp giới. Từ "Đối với tài v.v..." trở xuống là dẫn kinh Tịnh Danh, chia một xâu chuỗi anh lạc chia làm hai phần, một phần giúp cho người cầu xin thấp nhất, một phần dâng lên Nan Thắng Như-lai mà bạch rằng: Nếu tâm các thí chủ giúp cho một người cầu xin thấp nhất, giống như tướng phước điền của Như-lai, không hề phân biệt, chẳng khác gì Đại bi không cầu quả báo, vậy thì gọi là đầy đủ pháp thí. Sớ ấy giải thích: Đây chính là quán xét ruộng sở thí nhập vào pháp giới bình đẳng, không có hai tướng trở thành Bi vô duyên, đầy đủ tất cả Phật pháp, không cầu báo của duyên tu, tức là tụ hội đầy đủ pháp thí. Văn trình bày như vậy thì các Sư làm sao có thể chỉ dựa theo nói pháp để nói về pháp thí được? Văn sớ giải thích về kinh ấy thì Cư Sĩ quán xét đối với ruộng bi, pháp giới như Phật, nay Vô Tận Ý đối với ruộng tôn kính, đã xứng hợp pháp thí, chẳng lẽ không bằng với tất cả chúng sanh kia ư? Hai là từ "Không chịu v.v..." trở xuống là không nhận, có hai: Một là Sự giải thích. Hai là Quán giải thích. Không thọ nhận Tam-muội tức là Cứu cánh không, một tâm ba quán phá trừ không gì không cùng khắp. Vì chính là Không cho nên không thọ nhận đối với Có, vì chính là Giả cho nên không thọ nhận đối với Không, vì chính là Trung cho nên không thọ nhận đối với hai bên, soi chiếu Không - Giả cho nên không thọ nhận Trung đạo. Như vậy không thọ nhận ở trong một tâm, mới xa lìa lần lượt cho đến chỉ có Không. Vì nghĩa của năm loại không thọ nhận khai triển rộng khắp, nên phải lựa chọn để giải thích.

Từ "Lại bạch v.v..." trở xuống là tiếp tục vâng lệnh. Ba nghĩa giải thích về thương xót, trước hai là Tự hành - sau một là Lợi tha, đây hãy còn giải thích về Sự, vì Vô Đẳng ấy là lại dựa theo lý quán cầu Quán Âm thọ nhận, vì sao? Vì luận đầy đủ về không thọ nhận thì đối với các pháp chẳng có gì sót lại, cho nên hoàn toàn không thọ nhận tức là thọ nhận tất cả. Vì thế chép: Lấy sự không hề thọ nhận mà thọ nhận các sự thọ nhận. Bốn là Phật khuyến khích. Năm là thọ nhận vật thí. Bổn địa của Quán Âm chỉ có Phật mới biết, nay hiện rõ nhân của thân cần phải

cầu quả báo cao nhất, cho nên tuy thọ nhận vật thí mà trở lại dâng lên ruộng tôn kính. Dùng một xâu chuỗi anh lạc chia làm hai phần ấy là biểu thị cho một hạnh chắc chắn có đủ hai nhân, Lý là hánh nhân, Sự thì duyên liễu. Sự và lý không hai gọi là Diệu nhân, có thể thành tựu quả bất tư nghị của hai thân, Pháp không thêm bớt mà có thể vượt ra khỏi ràng buộc, tánh chính là tu cho nên Báo có đoạn - chứng, nhưng chẳng phải là công trở thành tu tức là tánh. Nếu điều đó như vậy mới gọi là nhân của sự lý hướng về quả của Pháp - Báo. Bất luận Ứng thân ấy là nhân của người hướng đến quả hợp lại biểu thị hai thân, nếu Pháp - Báo thành tựu thì Ứng do đó tự phát ra. Sáu là kết nói về đức. Văn sau là phần Trùng Tụng sư La Thập không phiên dịch, các sư đều nói là trong bản tiếng Phạn có. Ngài Kinh Khê nói: "Đây cũng không lường được ý sâu của sư La Thập. Tục Cao Tăng truyện chép: "Kệ là do Xà Na Quật Đa dịch, lúc Trí Giả sinh ra thì kệ này chưa lưu hành, cho nên không giải thích". Kinh Khê cũng ở trong Phụ Hạnh Ký, dẫn ra văn "Trở lại ở người trước", cho nên biết có giải thích thì lý cũng không hại gì. Gần đây có pháp sư Thức chùa Thiên-trúc, phân tiết văn đó đối chiếu với Văn xuôi, hai loại hỏi đáp dường như phù hợp với nhau. Nay dựa theo sự xét định kia lược bớt kệ này.

Kệ có hai mươi sáu hàng chia làm ba:

1. Một hàng gồm cả tụng hai câu hỏi, có hai: Thứ nhất là một câu khen ngợi công đức Thế Tôn có đủ tướng chính là do sự trang nghiêm của muôn đức, vì thế nên khen ngợi tướng, tức là đức hạnh tốt lành. Kế là từ "nay con v.v..." trở xuống là ba câu gồm hai câu hỏi, có hai: Một là một câu bao gồm hai câu hỏi trên. Trong Văn xuôi câu hỏi trước được gọi là nhân duyên, câu hỏi kế là tướng du hóa của ba nghiệp. Nay đã Trùng Tụng lẽ nào thiếu câu hỏi sau ư? Do đó biết hai chữ "Hỏi kia v.v..." trong câu gồm có chứa đựng câu hỏi tiếp đó. Hai là từ "Phật tử v.v..." trở xuống là hai câu tách biệt tụng về câu hỏi đầu tiên, văn rất rõ rệt.

2. Từ "Đấng đầy đủ v.v..." trở xuống là hai mươi hai hàng hai tụng hai trả lời, có hai: Một là hai câu của người dịch kinh nói ra, lời của biên tập văn, hợp lại làm trực thuyết. Nay người làm kệ, hoặc người biên tập kinh nhân tiện ca tụng, hoặc là Quật Đa dùng kệ phiên ra, nối liền hay phân tán không còn. Hai là từ "Ông nghe v.v..." trở xuống là chánh tụng Đức Phật trả lời, có hai: Một là một hàng rưỡi là tụng thêm phần chung khen ngợi nguyện hạnh. Hai chữ "Ông nghe" là sắc lệnh xem xét tỉ mỉ. Quán Âm hạnh ấy là một tâm ba trí quán xét chủng loại âm thanh

kia, khiến cho vô lượng khổ đau trong một lúc được giải thoát, tức là đã thành tựu hạnh lợi tha. Chân tâm không lay động thùy hiện hình tướng khắp ba cõi, mới gọi là khéo ứng. Khắp nơi lập tức hướng đến cho nên nói là các phương. Hai câu này khen ngợi chung hai thân Chân Ứng đã hạn định. Kế là luận chung về có thể thành tựu hạnh nguyện. Ban đầu nói về tâm bắt đầu mở rộng bốn hoằng nguyện, kế là nêu ra từng hạnh trải qua đời kiếp khó lường, vì thệ nguyện sâu sắc cho nên thời gian dài lâu không lui sụt, vì thời gian dài lâu cho nên gặp Phật được nhiều, theo Phật thực hiện công việc, mới gọi là hầu hạ Phật tu các hạnh của Phật, nơi một Phật đều phát nguyện thanh tịnh. Tâm sau nguyện khác nhau. Nếu không như thế thì sao đạt được chân trí khắp nơi dứt trừ khổ đau cho chúng sanh, sao có thể ứng thân rộng khắp cứu độ cho tất cả.

Từ câu “Ta nói lược ông nghe v.v...” trở xuống là tụng riêng về hai câu trả lời, có hai: Một là Tụng thứ nhất trả lời Quán Âm được tên gọi, có hai: Thứ nhất là một hàng tụng trả lời chung: Đưa ra những lời quan trọng, cho nên nói là “nói lược”. Nghe danh hiệu cho nên cơ miệng nghiệp xưng niệm, nhìn thấy thân cho nên cơ thân nghiệp lễ lạy, tâm niệm ngay thẳng là cơ của ý nghiệp. Trên đã trình bày ứng sâu xa, nay nói nhìn thấy thân thì hai ứng đầy đủ, cũng có thể nhìn thấy đối với thân của diệu trí, không thiếu ứng sâu xa. Văn xuôi trả lời chung cơ chỉ xưng danh hiệu, mà trong trả lời riêng cơ có đủ ba nghiệp, đến bây giờ Trùng Tụng chung trong ba nghiệp, tách biệt chỉ có tâm niệm, văn tươi sáng hiện rõ lẫn nhau, là sự khéo léo của tụng vậy. Hai là từ “Giả sử v.v...” trở xuống là tụng trả lời riêng, có hai: Một là mười hai hàng tụng về bảy nạn, có mười hai: Thứ nhất là một hàng tụng về nạn lửa thứ nhất, như trước sớ giải thích, tiếp xuống dưới các nạn đều có thể ví dụ biết được.

Hỏi: Trong Văn xuôi ở trên cầu lìa xa ba độc, thường niệm Quán Âm. Sớ chép: Thường niệm chính là Chánh niệm, thể đạt phiền não tức là thật tế, không có năng - không có sở. Nay kệ sao chép: Do niệm Quán Âm kia. Đây kia đã phân biệt đâu thể mất năng sở?

Đáp: Giáo của viên diệu không thích hợp với tình cầu, văn hình như trái nhau mà nghĩa quy về một lẽ tức là ở nơi không sai khác mà nói sai khác, lẽ nào có sai khác khác với không sai khác hay sao? Nay văn nói là kia, nghĩa thích hợp hai hướng. Nếu xét theo Phật nói, Quán Âm là kia, tức là thầy trò mà chia ra kia đây. Nếu ngay nơi chúng sanh, niệm Quán Âm kia thì đây chính là cảm ứng mà chia ra kia đây. Thầy trò cảm ứng diệu giáo giải thích điều đó, đều là pháp giới mỗi mỗi viên

dung với nhau, chúng sanh chính là cảm Phật kia trong tâm, chư Phật trở lại ứng chúng sanh kia trong tâm. Người thực hành của giáo này hoặc gặp phải khổ nạn, niệm Quán Âm kia, há nói là năng niệm khác với sở niệm hay sao? Vì biết đều là pháp giới, đạt được Quán Âm kia ngay nơi niệm mà có đủ, đã biết ngay nơi niệm có gì là năng sở? Do đó biết kia - đây tuy phân chia năng sở mà đều bặt dứt. Vì thế cho nên kệ văn tuy chép: "Niệm kia", mà hoàn toàn không trái với chánh niệm ở trên.

Hỏi: Cầu thoát khỏi khổ nạn, tâm niệm Quán Âm thì tất cả cơ duyên đều có thể cảm đến Thánh, nay giải thích "Niệm kia" sao chỉ dựa theo Viên giáo, há quả báo các cơ hoàn toàn không có thể cảm được ư?

Đáp: Lực vương Tam-muội cứu tất cả nạn, đều nói về mười thứ, bắt đầu lìa xa ác báo, cuối cùng nhập vào Tịch Quang, cơ chúng sanh ở mười pháp giới ai không được lợi ích. Sớ giải thích trả lời trước đây, nghĩa này đầy đủ rõ ràng, tụng mở bảy nạn mà làm thành mười hai, tất cả hợp lại vốn có nói về mười thứ cảm ứng, chỉ vì ý của Bộ đang ở tại đề hồ, vì thế cho nên Văn xuôi Phật nêu ra ý cơ, chỉ khiến cho thường niệm, thường niệm nhất định phải bặt dứt đối với phá - lập. Nay nghe Trùng Tụng niệm Quán Âm kia, chắc chắn hợp với nghi ngờ rằng: Trước khiến cho bặt dứt Sở - nay dạy niệm kia, há không trái nhau sao? Do đó cần phải dựa theo viên giáo giải thích phục nạn này. Kia - đây ngay nơi niệm thì năng sở lẽ nào tồn tại? Người học nên biết, Quán Âm ứng vật tuy không bỏ sót vật nào, mà nay tông phái nêu ra người chỉ ở tại diệu quán, vì thế cho nên sớ trước giải thích đối với ý cơ, hoàn toàn bỏ các phạm vi khác, thường giải thích theo Viên giáo, cho đến bây giờ Trùng Tụng "Niệm Quán Âm kia", há có thể khác trước sao?

Từ chỗ hiểu nông cạn của mình nên trái với ý Đại Sư, khuyên người học bây giờ, hoặc nói hoặc làm đừng lìa xa viên quán, một đau khổ một vui sướng thường niệm Quán Âm, đã thành tựu diệu cơ thì viên ứng đâu sai, một ích lợi thật sự niệm niệm thường được hưởng. Hai là "Hoặc trôi dạt v.v..." trở xuống một hàng tụng về nạn nước thứ hai. Ba là từ "Hoặc tại v.v..." trở xuống một hàng cọng thêm tụng về rơi đỉnh Tu-di. Bốn là từ "Hoặc bị v.v..." trở xuống một hàng cọng thêm tụng về rơi xuống núi Kim Cương. Năm từ "Hoặc gặp v.v..." trở xuống một hàng vượt quá tụng là nạn cướp bóc. Sáu từ "Hoặc bị v.v..." trở xuống một hàng tụng là nạn đao trượng. Bảy từ "Hoặc tù v.v..." trở xuống là tụng về nạn u chấp. Tám từ "Chú sớ v.v..." trở xuống tụng thêm nạn nguyền rủa. "Trở lại nơi bổn nhân": Tất cả bùa chú thuốc độc, mới sử

dụng phương pháp quái quỷ muốn làm hại đối với người, người trước tà niệm mới nhận chịu sự làm hại đó, nếu có thể chánh niệm thì trở lại vướng vào chính người đó. Như trong kinh Thí Dụ: “Có một Thanh tín sĩ ban đầu giữ gìn năm giới, thời gian sau già yếu phần nhiều có bỏ quên. Bấy giờ trong núi có Phạm Chí khát nước, từ trước đến nay xin đồ uống ở đó, nhà họ Điền công việc bận rộn không rảnh rang, thấy vậy thì oán hận mà đi. Phạm Chí có thể từ xác chết sai khiến được quỷ, mời được sát quỷ, bảo: Kẻ kia làm nhục ta đến giết chết. Trong núi có vị La-hán, biết sự việc nên hướng đến nhà họ Điền chép: Đêm nay ông thắp đèn sớm chăm chỉ vào ba Tự Quy, miệng tụng giữ kín miệng - thân đừng phạm đến kệ, từ niệm chúng sanh có thể được yên ổn. Chủ nhân như lời dạy bảo thông hiểu nên niệm Phật tụng giới. Quỷ đến biết rằng cầu điều đó thật là sâu xa, không thể nào làm hại được. Pháp thuật của quỷ thần mà người ra lệnh giết đó, cho dù muốn giết nhưng người kia có cái đức không thể giết chết, pháp thuật sẽ trở lại giết chết người sai khiến quỷ đó. Thế là quỷ đó tức giận muốn làm hại Phạm Chí. La-hán che lấp người kia làm cho quỷ không thấy, nhà họ Điền ngộ đạo mà Phạm Chí được cứu sống”. Phụ Hạnh dẫn việc này chép: “Chính là văn chép: “Trở lại nơi bổn nhân” trong kinh Quán Âm”. Chín từ “Hoặc gặp v.v...” trở xuống là trở lại tụng về nạn La-sát. Mười từ “Hoặc thú dữ v.v...” trở xuống tụng thêm nạn ác thú. Mười một từ “Nguyên xà v.v...” trở xuống tụng thêm nạn Xà Hạt (rắn - bò cạp). Mười hai là từ “Mây sấm v.v...” trở xuống tụng thêm nạn mây sấm. Đầy đủ bảy nạn trước mà làm thành mười hai nạn, đều cần phải có dựa theo báo - nghiệp - phiền não của sáu đường, bốn giáo giải thích từng loại một. Nếu nói về nghĩa gì biểu thị thì không ngoài sáu chủng. Tu-di Kim Cương cũng là Địa chủng, Mây sấm thuộc Thủy chủng, Ngoan xà, nguyền rủa là hữu tình đều tiêu biểu cho Thức chủng. Trong nhân Bồ-tát đối với sáu loại này tu quán Biệt - Viên. Nay an trú bên trong như thật của sáu loại, cho nên khắp nơi pháp giới cứu các khổ nạn, đều khiến cho được an trú, ở trong nguồn gốc của sáu loại. Đây là Quán Âm chứng pháp tánh ác đối với ác được tự tại, mới có thể tùy ý vận dụng đi cứu các nạn ở khắp nơi. Lấy điều chủ yếu mà nói thì tất cả y - chánh đều là diệu thân - diệu tâm của Quán Âm, tất cả chúng sanh ở tại sắc - tâm của bậc Thánh mà tự làm thành nạn, cầu cứu ba nghiệp cũng chính là Quán Âm, vì thế cho nên cơ thành tự ngay lập tức mà ứng. Nên lấy nghĩa này quán xét trong từng niệm từng niệm, lo gì không giống như Quán Âm lợi ích cho vật?

Từ “Chúng sanh v.v...” trở xuống một hàng chung tụng về ba độc

- hai cầu. Tất cả chúng sanh phần nhiều đối với tham sân tà kiến bên trong giới, cho đến hoặc của ba độc bên ngoài giới, ngoài thì không có đối với báo được con trai, con gái, trong thì thiếu hụt đối với định tuệ con trai, con gái, dẫn đến nhận chịu tai ách khốn cùng của hai loại sanh tử, vì thế cho nên gọi là vô lượng khổ ép ngặt. Nếu như họ có thể lấy chánh - trợ làm cơ, thì cảm được lực diệu trí của chân thân, cứu giúp cho hai loại khổ của thế gian. Sớ giải thích ba độc - hai cầu trong Văn xuôi, nghĩa bao gồm tất cả, đối chiếu với Trùng Tụng này lại không có gì bỏ sót. Từ "Đầy đủ v.v..." trở xuống là tụng kế là trả lời về Phổ Môn Thị Hiện, có hai: Một là Chánh tụng về Thị Hiện, có hai: Thứ nhất là một hàng tụng vượt lên phần trả lời chung. Trong Văn xuôi trước là tách biệt sau là chung, lấy chung kết luận riêng biệt. Nay tụng trước là chung sau là tách biệt, khai mở chung đưa ra riêng biệt, trước sau biểu hiện lẫn nhau vậy. Trong Văn xuôi trả lời chung: "Dùng đủ mọi thân hình dạo đi các cõi nước, độ thoát chúng sanh". Nay tụng lại nói về lý do của năng ứng, căn cứ vào thần thông lực và trí phương tiện. Nếu không phải là cái dụng toàn thể của ngàn Như, thì không gọi là đầy đủ thần thông lực. Thông tuy có đủ tánh, lại do tu nhiều diệu trí phương tiện, soi chiếu tánh phát ra thông, đạt được Phổ Môn thị hiện tự tại, mười phương không ngoài - ba cõi chẳng phải khác, không xa lìa một tâm ứng hiện khắp nơi các cõi.

Từ "Các loài v.v..." trở xuống là trở lại tụng về trả lời riêng. Trong Văn xuôi trên đây tách biệt nêu ra các thân, thân đều là ba nghiệp. Nay tụng tách biệt chỉ ra ba nghiệp, nghiệp đều rộng khắp tất cả, là sự khéo léo của Trùng Tụng vậy. Văn có ba: Một là một hàng tách biệt tụng về thân nghiệp ứng rộng khắp. Hợp lại nói về mười pháp giới nhưng nêu ra ba đường, lấy dưới thấp so với trên cao. Còn các loại ác thú tất cả chỉ về chín giới, chín giới hướng về Phật đều gọi là ác. Kế là tách biệt nêu ra ba đường cực ác. Hai tử trong chín pháp giới đều có bốn tướng, dần dần làm cho trừ diệt quay về nơi thường tịch.

Từ "Chân quán v.v..." trở xuống là tụng về ý nghiệp quán xét rộng khắp có hai: Một là một hàng nói về bổn quán Từ bi có năm. Chữ quán đều đọc khứ thanh (thanh ba trong Hán cổ, thanh bốn trong Hán hiện đại), trình bày đầy đủ ba quán cho đến từ bi, chân quán Không, thanh tịnh quán Giả. Giả thuận theo Không đạt được không còn vấy nhiễm kiến tư, cho nên gọi là Thanh tịnh. Lại Không chỉ tự mình tịnh - Giả khiến cho người khác tịnh, cho nên gọi là thanh tịnh. Lại là bất tư nghị Giả đầy đủ ba quán lìa xa ba Hoặc nhiễm, cho nên gọi là thanh

tịnh, trong Quảng đại trí tuệ quán là quán trung. Hai ngăn che hai soi chiếu không thiên lệch không đối đãi tức là Bình đẳng đại tuệ. Ba quán này là Tu-lần lượt, hoặc tu không thứ tự, không quán nào không đều lấy từ bi hợp lại vận dụng. Mà Từ bi đó đều gọi là Quán ấy, ý đó có hai: 1. Từ bi là quán giống như bốn vô lượng tâm, gọi là bốn loại thiền, thiền chính là quán. Quán Âm chính là dùng Vô duyên Từ bi, quán sát chúng sanh gọi là Từ bi quán. 2. Pháp của Từ bi chắc chắn sử dụng ba quán, vì ba quán có thể thành tựu nhiều hạnh, sử dụng ba quán dứt trừ đau khổ cho nên gọi là Bi quán, sử dụng ba quán mang lại niềm vui cho nên gọi là Từ quán. Vì thế văn trên chép: "Tức thời quán âm thanh đó, đều được giải thoát;" há chẳng phải Bi tâm sử dụng ở lại ba quán. Tuy có hai cách giải thích nhưng Thể là một. Bồ-tát từ ban đầu cho đến gần cực điểm (lân cực), ba quán Từ bi không hẳn lìa xa niệm, cho nên khiến chúng sanh thường xuyên nguyện tu như vậy thường kính mến quán này. Sớ giải thích về hai ứng sâu kín và hiển lộ trong Văn xuôi, trong nhân hợp lại có Bổn quán Từ bi; sau dịch Trùng Tụng quả nhiên văn đó, tin là Trí Giả nói sâu xa phù hợp với ý Phật.

Từ "Sáng thanh tịnh không nhơ v.v..." trở xuống một hàng là nói về trí quang biến chiếu. Ba quán Từ bi trong nhân lập thệ, trí quang biến chiếu trên quả lợi ích vật xét rõ cơ. Ánh sáng thanh tịnh không nhiễm bẩn soi chiếu tận cùng chánh tánh xem xét ngọn nguồn đó, nếu họ không phá trừ các bóng tối của ba hoặc, thì gió - lửa của hai tử sao có thể lợi ích rộng khắp? Cơ của hai thế gian hỏa tai đến Sơ thiền, dụ cho Đồng Cư sanh tử; phong tai đến Tam thiền, dụ cho Thật Báo sanh tử. Nêu ra hai mà không nói về Thủy tai ấy, trong đó có thể ví dụ biết.

Từ "Bi thể v.v... "trở xuống một hàng tụng về miệng nghiệp tuyên thuyết rộng khắp, có hai: Một là hai câu tụng về hai luân Hóa - Bổn. Tuyên thuyết tuy ở tại miệng, nhưng cần phải mượn thân ý để trao quyền pháp bổn. Câu thứ nhất là pháp hiện hình, vốn có kỳ hạn cứu khổ, cho nên thân nói pháp gọi là Từ Bi thể. Thân này trước sử dụng giới đức cảnh tỉnh người, như trời rung chuyển sấm chớp thì vật không có gì không dẹp yên. Câu kế là Bồ-tát dùng Từ mà làm tâm ý, vô duyên mà che chở đó là diệt, vật không có gì không che chở, ví như vầng mây lớn, hai luân đã thực hiện như vậy có thể trao truyền pháp. Từ "Rưới mưa v.v..." trở xuống hai câu chánh tụng về miệng luân nói pháp. Cam lộ: Trí giả chép: "Thần dược không chết của chư Thiên" . Chí lý đã nói ra hiểu rằng chắc chắn vô sanh, nếu không phải là vô sanh làm sao có thể không chết, bổn tánh thường pháp chẳng nói sao biết được? Ở trong

vầng mây hiền từ tưới xuống cơn mưa đại pháp, chúng sanh thọ nhận thì ngọn lửa ba hoặc dập tắt. Dùng ba phạm vi rộng lớn làm cửa nhập vào Đạo, cho nên thích hợp với nghĩa tách biệt tụng về Phổ Môn. Hai là từ "Tranh tụng v.v..." trở xuống tụng thêm về cơ hiển bày. Trong Văn xuôi Ứng hiển bày để che phủ cơ sâu xa. Sớ dùng hiến thí anh lạc làm nỗi bật nghĩa về cơ hiển bày. Nay gặp Trùng Tụng về cơ hiển bày, càng thấy Thiên Thai sâu xa hợp với Thánh chỉ. Sự việc quan hệ với tòa án cãi kiện thì thân đứng trước chiến trận, tâm lo buồn hình phạt mạng sống nghĩa về chiến tranh tàn phá. Nay và xưa kia bị oán thù lúc này càng hội tụ. Nhất tâm đến mức cảm ứng thì các nạn đều tiêu trừ, cũng có thể ví dụ trước đây sớ giải thích bảy nạn, chung cho ba chướng, tức là nghĩa về tranh tụng v.v... bao gồm các cõi cho đến ba thừa, suy nghĩ điều đó có thể thấy.

Từ "Diệu Âm v.v..." trở xuống ba hàng tụng về hai lần khuyến khích, có hai: Một là Tụng về khuyến khích thọ trì, có hai: Thứ nhất là một hàng nói về trí cảnh thâm diệu, để khuyến khích thường niệm. Trong ba câu có năm chữ Âm, đều là ngôn từ âm thanh xưng niệm xướng đọc của chúng sanh, vì căn cứ vào diệu trí quán của Bồ-tát, cho nên điều trở thành diệu cảnh, ba trí soi chiếu cho nên âm thanh trở thành ba cảnh. Cùng ngăn che Không - Hữu tức là thành Diệu Âm, cùng soi chiếu Không - Hữu tức là thành Thế Âm, Thế chính là hai thế gian, không khác mà khác, hai chữ Âm này là trí cảnh Trung Phạm là bốn loại Từ Bi Hỷ Xả - là bốn quán soi chiếu, tức là thành Tục đế cho nên gọi là Phạm Âm. Xứng với tục soi chiếu cơ hoặc là thành thục hoặc là thoát ra, thời gian không sai khác gọi là Hải Triều Âm. Hai chữ Âm này là trí cảnh Giả. Trí cứu cánh Không vượt ra khỏi tình của chín pháp giới, soi chiếu âm thanh chúng sanh vượt lên trên hai tướng của hai thế gian, vì thế cho nên gọi là Thắng thế Gian Âm, một chữ Âm này là trí cảnh Không. Nói tuy là thứ tự mà quán ở tại một tâm, ngoài trí không có âm, ngoài âm không có trí, cảnh trí sâu xa như nhau suy xét lập tức quên. "Cho nên thường phải niệm": Chính là khuyên trì niệm. Loại âm thanh này tuy là phát ra từ miệng nghiệp của chúng sanh, mà ba trí của Đại Thánh soi chiếu trở thành ba đế, chính là ba thân cho nên khuyến khích người thực hành niệm ba thân này. Nói là thường niệm ấy như Sớ giải thích chép: "Chính là chánh niệm chẳng phá chẳng lập, không có năng có sở, ba đế đều soi chiếu- ba quán đều đã mất, không thứ tự không thiện lệch gọi là Thường - gọi là Chánh, nếu điều đó như thế thì gọi là diệu cơ".

Từ "Niệm niệm v.v..." trở xuống một hàng nói về cảm ứng khó lường. Vì khuyên đừng nghi ngờ, ở trên trước là nêu ra cảnh trí, kế là khuyến khích thường niệm. Nay đầu tiên khuyên nhủ đừng nghi ngờ, kế là bày ra cảm ứng như trái phải biểu hiện lẫn nhau mà thôi. Nói là niệm niệm tức là niệm gắn liền nối tiếp nhau. Niệm tức là trí cảnh thâm diệu của Quán Âm, tuy đạt được thường trụ mà chưa tránh khỏi di chuyển đổi dời, ngay sự chuyển dời chiếu soi cảnh trí thường, vậy thì niệm niệm không lìa xa Quán Âm. Như bài kệ Thị Chúng của Đại Sư chép: "Thật tâm gắn liền với thật cảnh, thật duyên thứ tự phát sanh, thật - thật thay nhau rót vào, tự nhiên nhập vào thật lý. "Nói là thật duyên ấy tức là sát-na niệm. Thứ tự mà phát khởi, mỗi mỗi đều là duyên của thật quán. Niệm gắn liền như vậy chỉ cẩn thận sanh ra nghi ngờ, nghi ngờ nếu sanh ra thì lý cảnh này ngăn cách, cho nên nói về Thánh đức để khuyên nhủ dứt sự nghi ngờ. Cho dù Tu-lâu mà không thành thì cầu mong chưa ứng, cần phải biết rằng Tịnh Thánh giúp đỡ sâu kín không luống dối, ở trong hai tử, như cha như mẹ có thể nương tựa có thể cậy nhờ, niệm niệm duy trì gìn giữ cảm ứng chắc chắn rõ ràng. Nhưng nghi ngờ có ba loại, đó gọi là nghi người - nghi pháp - nghi mình. Nay chỉ đưa ra người thì hai nghi đó có thể dứt trừ, khiến như cho thường niệm lại cảnh cáo sanh nghi ngờ, nghi ngờ không còn thì niệm thành tựu, khuyến khích gìn giữ thì ý đầy đủ.

Từ "Đầy đủ v.v..." trở xuống một hàng tụng về khuyên cúng dường. Đầu tiên nêu ra công đức mới khuyến khích đảnh lễ. Câu đầu nêu chung tất cả công đức, hai câu kế là riêng làm sáng tỏ ánh mắt hiền từ cho đến phước đức tụ hội. Từ là nguồn gốc của thiện - phước thu nhận muôn hạnh, kết thúc chỉ ra Phổ môn khuyến khích tu pháp cúng dường. Lễ đã thuộc về thân mà thân chắc chắn có miệng, chẳng phải ý không thể thực hành, đảnh lễ đã trở thành ba nghiệp cúng dường.

3. Từ "Trì Địa nói v.v..." trở xuống là khen ngợi công đức nghe phẩm này, có hai: Một là Trì Địa khen ngợi công đức, có hai: Thứ nhất giải thích về nghe hai lợi ích nói trên. Kinh nói Trì Địa ấy, trong kinh Bảo Vân chép: "Bồ-tát có mười pháp, tên là Tam-muội Trì Địa, như mặt đất thế gian: 1. Rộng lớn. 2. Chúng sanh dựa vào. 3. Không tốt xấu. 4. Nhận mưa lớn. 5. Sinh ra cỏ cây. 6. Nơi hạt giống nương tựa. 7. sinh ra vật báu. 8. Mọc lên nhiều cây thuốc. 9. Gió không lay động. 10. Sư tử gầm cũng không thể kinh hãi. Bồ-tát cũng giống như vậy, trải qua mỗi pháp đều phù hợp. "Diệu Lạc dẫn kinh đó giải thích về Trì Địa này, kết luận chép": Dùng tám giáo phân định mới thích ứng với kinh này.

Hai là từ "Trong chúng đây v.v..." trở xuống giải thích về nghiệp tự tại. Nghiệp có nhiều thứ, đại khái nói về ba loại: 1. Nghiệp hữu lậu, vì kiến tư làm cho tốt tươi nhận chịu sanh ra ở cõi Phần đoạn; 2. Nghiệp vô lậu; 3. Nghiệp chẳng lậu chẳng vô lậu, cùng là vô minh làm cho tốt tươi, nhận chịu sanh ở cõi Biến dịch. Đây là nói theo tự hành thọ sanh để nói. Nếu là lợi tha thì đều lấy Từ bi tưới nhuần các nghiệp kia, thọ sanh với người khác. Bồ-tát bên ba tạng lấy chúng sanh duyên từ tưới nhuần nghiệp hữu lậu, sinh ra nghiệp Đồng cư. Bồ-tát bên Thông giáo lấy pháp duyên thông từ tưới nhuần thói quen nghiệp hữu lậu, ở cõi Đồng cư thần thông mà thọ sanh. Bồ-tát Pháp thân dùng vô duyên từ tưới nhuần nghiệp bất tư nghị, thuận theo sanh về ba cõi. Nay Quán Thế Âm là bậc Đẳng giác dùng từ bi vô duyên từ bi, tưới nhuần cho nghiệp của Trung đạo tự tại, cho nên nói Trung thuộc về đạo đế. Ứng hiện mười pháp giới cảm đến mười phương, Tịnh độ - Uế độ - Phương tiện - Thật báo giống như chủng loại cơ kia, hiện thân nói pháp, cho nên nói đối với hai đế được tự tại, tức là "Phổ Môn thị thiện thần thông lực" vậy. Người nghe có thể đạt được quán hành chân hành thật giống như công đức mầu nhiệm, cho nên nói không ít. Từ "Vô đẳng v.v..." trở xuống là nghe phẩm này được lợi ích, có hai: Một là dựa theo bốn tất-đàn giải thích về Vô đẳng đẳng. Sớ có bốn tiết, kết luận chép: bốn tất-đàn dùng để nói về phát tâm. Đầu tiên giải thích, có bốn: Một. Thế giới. Nhị thừa có hướng lên trên là pháp có thể bằng nhau. Phật trí vô thượng là pháp không có bằng nhau. Sơ phát đại tâm giống như vô đẳng, ngay trong vô đẳng mà nói đối với đẳng, chỉ là bằng đối với Phật trí, Thể của Đại - Tiểu khác nhau gọi là thế giới vậy. Hai "Lại xét theo tâm v.v..." trở xuống là vì người. Chính là lấy nhân số dùng để biểu thị pháp môn, từng sát-na chẳng có sát-na nào không đầy đủ tám muôn bốn ngàn pháp tịnh - uế, mỗi một pháp này chẳng có pháp nào không phải thật tướng. Nếu duyên các pháp dấy niệm mà tu trần kiếp không giống nhau. Tám muôn trong tánh, nếu chính là Thật tướng vô duyên phát tâm, sát-na có thể bằng tám muôn bốn ngàn pháp rốt ráo. Phát tâm Thật tướng, là sanh ra lý thiện, tức là con người. Ba là từ "Cũng là v.v..." trở xuống là đối trị. Tám muôn bốn ngàn pháp trước sau không thay đổi, mê tức là trần lao - ngộ chính là bờ kia. Nói Ba-la-mật ngược lại trần lao kia, tức là đối trị vậy. Bốn là từ "Cho nên kinh v.v..." trở xuống là đệ nhất nghĩa. Tâm trước khó ấy là ban đầu phá bỏ vô minh thật sự là việc khó khăn, Đại Kinh vốn khen ngợi, chính là ở tại Phần Chân. Vì thế cho nên đảnh lễ sơ phát tâm, chính là phát tâm trú. Địa vị này có thể đầy đủ công đức

chân ứng của bốn mươi mốt địa vị. Tâm này vượt lên hơn hẳn đã không thể bằng nhau, không thể bằng nhau này chẳng khác gì Diệu Giác, đã là chân phát tức là Đệ nhất nghĩa.

Từ "Đây tức là v.v..." trở xuống kết luận bốn Tất-đàn giải thích ở trên. Một và bốn là quả đẳng, hai và ba lý quả như nhau. Lý không hai lẽ nào có đẳng cấp khác nhau? Nhưng dựa theo các văn, ba tuệ - bốn tất-đàn phần nhiều ngay nơi tại vị mà phân rõ, cho nên cần phải giải thích thành bốn, không khác mà khác, dựa theo địa vị mà trình bày. Năm phẩm Văn - Tuệ là vượt quá nhị thừa, quán không hai thành tựu thì phàm tâm giống như Phật, Tiểu quả có phía trên - Đại quả không có ngang bằng, Tiểu - Đại sai khác cho nên làm thế giới. Sơ Tín đến địa thứ bảy thích hợp Tư - Tuệ, trước tiên đã trừ diệt thô cấu phát sinh hiểu rõ, dường như Thật tướng, soi chiếu tám muôn pháp môn với tánh đức đã sanh khởi lý thiện cho nên thuộc về vì người. Tín thứ tám đến địa vị tứ mười thích hợp Tu - Tuệ, trần sa trong ngoài không trừ diệt mà tự bỏ đi, có thể dùng tám muôn công đức trong tánh, đối chiếu phá bỏ tu đối nghịch với tám muôn trần lao, ác của tự - tha phá trừ cho nên thuộc về đối trị. Sơ phát tâm trú nơi ba tuệ thành tựu công đức, ba tánh thoát khỏi trọn vẹn. Bốn mươi hai địa vị có đủ lẫn nhau tuy ngang bằng, mà so sánh về khó dễ đó mới nhập vào công phu sâu sắc, địa vị này mới đạt được, chân tâm khai phát gọi là Đệ nhất nghĩa. Từ "Phát tâm v.v..."trở xuống dựa theo ba tức biểu hiện chân phát. Danh tự phát: Đối với tên gọi năng thuyên, bỗng nhiên rộng mở khai phát hai loại tâm Bồ-đề nguyện hạnh, đối với cảnh trái - thuận tâm này càng mạnh mẽ, hoàn toàn điều phục ba hoặc gọi là quán hành thành tựu. Nếu Danh Tự Tức cho dù có thể siêng năng tu tám pháp thành Thừa, mà vì chưa khai ngộ nên không gọi là phát. Nay phát khởi quán hành xưng là Danh Tự ấy, vì năm phẩm này chẳng phải chân thật chẳng phải tương tự, nhưng là tin hiểu danh tự diệu của thuyên, đối với Diệu ba đế quyết định không nghi ngờ đình trệ, có thể điều phục vô minh không bị cảnh lay động, vì thế cho nên xưng là Danh Tự Phát. Tương Tự Phát: Dựa vào quán cộng thêm công phu, cho nên ba Bồ-đề gấp bội so với khai phát trước đây, tựa như đối với bổn tánh sáu căn sử dụng lẫn nhau, gần giống như Phần Chân, như ví với vàng hãy còn lửa ấm trước kia, cho nên gọi là Tương Tự Phát Bồ-đề tâm. Chân Tâm Phát, một phát, tất cả phát, phát tất cả phương tiện, phát tất cả quán chiếu, phát tất cả chân tánh. Ba Bồ-đề này viên dung thông đạt không trước không sau cũng không cùng lúc, phần chứng ba đức phần đồng quả Phật, cho nên Hoa Nghiêm chép:

"Lúc mới phát tâm thì thành Chánh Giác, vốn có tuệ thân không do người khác ngộ, Pháp thân thanh tịnh mầu nhiệm sâu xa như vậy ứng với tất cả. Ban đầu từ sơ Trú cuối cùng đến Đẳng Giác, đều có Phát địa vị này. Địa vị càng sâu sắc hiển bày tướng của hai Phát trước kia cho nên đến. "Văn kinh kết luận ích lợi chính là ở Chân Phát.

GIẢI THÍCH TRÙNG TỤNG

Sa-môn Tuân Thức chùa Thiên-trúc đời Tống soạn

Thứ hai là trùng tụng, là sau khi Trí Giả viên tịch vòng thời Dạng Đế niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy, ngài Cấp đa đã dịch, mới đưa vào đại bộ, cho nên Sớ thiếu phần giải thích này. Linh Cảm truyện Thiên Nhân nói Nam Sơn: "Sư la thập là Bồ-tát Bát địa, dịch Pháp Hoa thiếu Trùng Tụng về Quán Âm. "Đã trải qua báo ứng sâu xa, tin có văn này. Nay dựa vào hai lần hỏi đáp phía trên, thuận theo văn sơ lược giải thích cố nhiên khó hết lý. Người giải thích chỉ làm cho không sai với văn trên, nội dung chính của con đường lớn đâu cần phải mở rộng khác nhau. Tụng này hai mươi sáu hàng chia làm hai: Một hàng kệ đầu gồm hai câu hỏi hai chương. Kế là hai mươi lăm hàng Kệ trả lời về hai câu hỏi. Trong câu hỏi đầu, một câu khen ngợi công đức, ba câu chánh hỏi. Trong một câu Danh và Thể hợp lại, khen ngợi danh hiệu Thế Tôn vậy. Sở dĩ sơ lược nêu ra tôn hiệu, thì biết chín tôn hiệu phía trên hoàn toàn là tôn quý trong ba đời cần phải khen ngợi, có đủ tướng chất vậy. Tướng diệu mà "đầy đủ diệu" là từ ngợi ca, đầy đủ nghĩa là ba mươi hai tướng đầy đủ tất cả. Lại có thể Diệu tức là hảo, dùng tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm tướng đó, khiến cho diệu hảo. Lại nữa, danh hiệu thật sự cùng khen ngợi Pháp thân, danh hiệu là danh hiệu mầu nhiệm - tướng là tướng mầu nhiệm. Văn trên chép: "Đầy đủ ba mươi hai tướng lấy tám mươi vẻ đẹp dùng để trang nghiêm Pháp thân," chính là ý này. Đầy đủ tướng tốt này tức là có đủ hai trang nghiêm có thể trả lời câu hỏi của mình, cho nên nêu ra mà khen ngợi. Trong phần chánh hỏi câu thứ nhất bao gồm hai câu hỏi. Văn chép: Hỏi lại, tức là hỏi lại sự việc của hai đoạn trước, người nào nói là không phải như vậy?

Kế là hai câu câu riêng biệt hỏi về Quán Âm, mong muốn Phật trả lời trước. Chương đầu thì gần kề lại biểu lộ rá ngoài, cũng có thể ba câu gộp lại hỏi về chương đầu, tự dẫn đến trả lời sau, đã có chân thân lợi ích thầm kín, há không ứng hiện hình tượng biểu hiện đi đến hay sao? Vì vậy có lẽ trong giải thích cùng thừa nhận hai loại, nghĩa là "Nghe tên và thấy thân". Thứ hai trong trả lời chia làm ba ý: Hai hàng kệ đầu trả lời chung về hai chương; mười chín kệ kế là trả lời riêng về hai chương; bốn kệ sau là khuyên trì danh - cúng dường. Trong phần trả lời chung một hàng kệ đầu chính là trả lời, một hàng kế là dựa vào bổn quán từ bi. "Ông nghe hạnh Quán Âm" là trả lời chung chương trước. Quán Âm ngay nơi cảnh trí nhân duyên mà được tên gọi. "Khéo ứng

các chỗ nơi"là trả lời chung về "Phổ Môn thị hiện" ở đoạn sau. Cùng sử dụng ý chung trên, để hiểu rõ. Kế là một hàng kệ trở lại tìm bổn quán Từ thệ, biểu hiện mười thứ lợi ích của trí - đoạn này. Vốn dựa vào vô lượng, tứ đế vô tác bốn đế của Biệt - Viên giáo, khởi lên hạnh nguyện. Do cảnh thệ nguyện sâu rộng, nên thệ rộng sâu như biển, hoằng tức là rộng. "Trải qua đời kiếp" là nói lên thời gian, trong mỗi mỗi kiếp lâu xa, "hầu hạ nhiều ngàn ức", biểu hiện gặp lại nhiều.

Nơi mỗi một chỗ Phật lại phát nguyện khác nhau, như bốn mươi tám nguyện v.v... Mỗi nguyện chứa đựng pháp giới cho nên lại nói là Đại. "Trải qua đời kiếp" dựa theo thời gian (thụ) "hầu hạ nhiều" dựa theo không gian (hoành). Trong mỗi thời gian có không gian, trong mỗi mỗi không gian có thời gian đã trải qua, nói rộng ra v.v... Lấy bổn thệ trong toàn bộ chỗ này, trải qua xuống dưới trả lời riêng mỗi nạn, cho đến sau Phổ Môn thực hiện rộng rãi có thể biết. Thứ hai là trả lời riêng lại có hai: Một hàng kệ đầu là cùng đồng ý nói về hai chương, "Nghe tên" là đồng ý trả lời chương trước, "Thấy thân" là cùng ý trả lời chương sau, hướng về khuyên nhủ lắng nghe nay đồng ý nói. Nói là "Lược nói" ấy tức là trả lời riêng. Tổng quát trả lời chứa đựng nhiều, tức là văn sơ lược mà ý rộng. Trả lời riêng nêu ra đầy đủ, tạm thời dựa vào giới hạn quả báo trong cõi người mà nói về bảy nạn. Phổ Môn tạm thời dựa theo ba mươi ba loại thân, tức là văn rộng mà ý sơ lược. Nay chọn lấy ý sơ lược tin là có khả năng trả lời riêng.

Nghe tên là nghe tên gọi về cảnh trí của Quán Thế Âm. Văn trước dựa theo bốn loại Nghe giải thích thành ba Tuệ, nghĩa và quán song toàn có thể hiểu. "Thấy thân" tức là Phổ Môn thị hiện, hiển ứng với ba nghiệp. "Tâm niệm chẳng luống qua là nói về hai đoạn ứng hiện lợi ích. Tâm niệm thuộc về ý, không nói đến thân - miệng là bấy giờ thuận theo hai cơ thầm kín và hiển bày gồm nhiếp. Hai chương nói thuận tiện, vì sao? Vì chương đầu cơ hiển bày, hoặc là thân - hoặc là miệng đều cần phải có cơ sở của ý, ý thường gồm nhiếp toàn bộ. Vì thế ở trên giải thích về Trì Danh nói "Miệng là tụng trì - tâm là theo trì, bảo vệ lý không mất". Tuy chẳng phải miệng trì giác quán mà là miệng hành, tất cả thuộc về cơ khẩu nghiệp. Ví dụ như tiểu bổn Di Đà chép: "Chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn", cũng không trở ngại miệng cơ. Văn sau đều nói "Sức niệm Quán Âm kia", ví dụ giống như giải thích này. Đoạn sau là cơ thầm kín dựa theo tâm làm thuận tiện, có thể hiểu. "Chẳng luống qua" là dù cho xưng danh đều không có biểu hiện ứng nghiệm, mà lợi ích thầm kín không uổng phí. Thứ hai có mười

tám hàng kệ trả lời chính lại có hai: Mười ba hàng đầu tụng về chương trước, năm hàng kệ tụng kế nói về chương sau. Phần đầu lại có hai: mười hai kệ đầu nói về cơ ứng miệng nghiệp, kế là một hàng lược tụng về cơ ứng hai thứ thân - ý.

Văn trước nêu bảy nạn biểu thị cho sáu đại chủng. Mà nói giả sử khiến cho, là phần nhiều nêu ra các nạn cũng biểu hiện chỗ này. Nay kệ thêm vào đẩy rơi xuống, hai núi - thú dữ - rắn rít bò cạp, bốn loại này đều thuộc về Thức chủng thuộc. Độc dược từ người và côn trùng quái quỷ là thuộc về Thức chủng. Thể thuận theo Trần là thuộc về Địa chủng, mưa đá là thuộc về Thủy chủng. Lại cùng nạn quỷ La-sát. Thêm vào sáu thành mười hai nạn. Đầu tiên một hàng kệ là nạn lửa, văn trên ví dụ làm thành ba khoa giải thích, thuận theo văn Sự chứng quán giải, ở trong quán đầu tiên mở rộng dựa theo mười thứ, gặp khổ xưng danh thành cơ dẫn đến cảm. Kế là dựa vào hai loại Biệt - Viên vốn trú trong pháp môn và Từ Bi thệ nguyện, biểu hiện mười pháp giới lợi ích đầy đủ ở trước. Nay chỉ sơ lược thực hiện một cách giải thích thuận theo văn, còn lại có thể theo đúng như như trên, không thuật lại nữa. Người giảng thuận theo nêu ra đầy đủ ý đó, làm cho nghĩa, quán không che lấp có lợi ích cho người sau này.

Nói "Hầm lửa lớn" ấy ở trên thẳng thắn nói là Đại hỏa. Ở đây thêm vào dùng "hầm", lớn mà lại sâu, ý biểu thị Thánh lực - lửa bất luận nông cạn bé nhỏ, đều có thể trở thành nạn, huống chi hầm lớn ư? Giả sử nạn lửa từ địa ngục đến Sơ thiền, ngọn lửa đỏ đầy trong hầm lớn như vậy, Bồ-tát cũng có thể hoặc thổi tắt, hoặc dùng miệng hút, hoặc dùng tay che khiến cho không thiêu đốt nơi ấy, hoặc làm thành hồ mát lành. Một hàng kệ tiếp là nạn nước, tức ở văn trên nói được chỗ cạn, có thể tránh khỏi nạn. Nếu thêm vào rồng quỷ thì chỗ cạn cũng đáng sợ, gặp duyên chết phần nhiều sâu nặng, so với văn trên lại càng làm sáng tỏ sự ứng hiện của bậc Thánh như vậy.

Kế là một kệ là nạn rơi từ đỉnh Tu-di. "Như mặt trời ở hư không" biểu thị Thánh lực khó nghĩ suy, nhưng chỉ là giả thiết, người nào có thể đến mà lại bị đẩy xuống như vậy? Nếu có việc này thì bậc Thánh không gì không bảo vệ. Đỉnh sanh Nhân Vương có thể lên đến Diệu Cao, vì tham lam đế vị trở lại giáng xuống nhân gian, nếu có thể xưng danh chắc chắn có lý tránh khỏi. Bốn. một kệ về nạn rồi xuống núi Kim Cương. Năm. một kệ về nạn cướp bóc. Sáu. một kệ về nạn vương pháp. Bảy. một kệ về nạn gông xiềng. Tám. một kệ về nạn thuốc độc. Đại từ yêu thương như nhau, theo lý lẽ đều trừ bỏ, mà trở lại vướng vào người

ban đầu ấy là, bị làm hại xưng danh hiệu thì cơ thành tựu cần phải cứu giúp, kẻ chủ động làm hại không có cơ nên ác tâm tự gánh chịu, chẳng phải bậc Thánh khiến cho như thế. Còn thuốc độc, có quỷ, cần phải được người sai phái, nếu không giết hại người khác thì nhất định phải tự làm hại.

Hỏi: Nếu ác tâm tự gánh chịu thì cướp bóc, vì sao chỉ làm cho khởi lên từ? Đáp: Giặc làm hại sự việc hiển rõ, chỉ khiến cho khởi lên. Từ tâm tức làm nổi bật Thánh lực, âm mưu thuốc độc trở lại làm hại mới linh nghiệm. Nhưng giặc cũng có tự làm hại, như lão Tăng ở Đông Lâm bị giặc chém chặt, giặc trở lại dùng gươm tự đâm vào tim ra sau lưng, bè đảng chạy trốn tan tác. Còn thuốc độc không hẳn ví dụ đều trở lại vướng mắc người hại, có chia ra hai loại chiết phục và gồm nhiếp để giải thích. Nếu cả hai đều có cơ thì có thể đúng, nếu người chủ động làm hại không có hai cơ sâu xa và hiển rõ thì chiết phục cũng uổng công giúp. Chín, một hàng nói nạn quỷ La-sát. Nhưng bao gồm rồng độc, trước có rồng biển và quỷ. Ở đây nói lại điều ấy, rồng và quỷ có cả trên đất lẫn dưới nước, trước chỉ có ở dưới nước. Văn trên bốn loại như long v.v... Mười. một hàng kệ về nạn ác thú. Mười một là một hàng tụng về rắn rít bò cạp. Mười hai là một hàng tụng về mưa đá. Muốn ích lợi cho người quán hành, nên khéo dựa vào nghiệp ác phiền não, làm thành pháp môn về các loại như rắn rít hổ báo v.v... để giải thích khiến cho thuận theo đạo lý.

Nếu theo Thỉnh Quán Thế Âm Sớ, tức làm ra ba nghĩa nói về lực dụng tiêu trừ nhiếp phục, đó là dựa theo Sự - dựa theo Hành - dựa theo Lý, đối chiếu quả báo phiền não và pháp môn đã an trú trong này để thông hiểu điều đó, cũng tùy theo có thể hiểu rõ. Cơ ứng về miệng nghiệp đã xong. Thứ hai là một bài kệ tụng chung về thân ý. Hai loại cơ ứng, ba độc tràng đầy dữ dội nên tâm không thể tự tại, gọi đó là "khốn ách". Bốn loài cùng ở, đều nói về khổ. Chim bồ câu nói dâm là khổ nhất, rắn rít nói sân là khổ nhất v.v... Người nữ không có con thì đau khổ như trên đã nói, hoặc chia ra hai câu đối với ý - đối với thân, làm nên tường tận có thể hiểu rõ. Nếu thực hiện quán giải thì mười thứ bị ba độc làm khốn đốn, và dựa theo pháp giới bên ngoài làm thành pháp môn thuận nghịch thuận theo giải thích, thì nên sử dụng ý văn trên để hiểu rõ nghĩa ba độc. Thân nghiệp không có cái vì không tu nhân con trai, con gái, cho đến không có Viên đốn con trai, con gái, tìm văn trên để hiểu rõ. Nếu tâm niệm thân thể cả hai nghiệp trở thành cơ, dứt trừ gốc rễ ba độc đầy đủ hai trang nghiêm, dứt trừ hẳn khổ đau của ba cõi

thế gian mười pháp giới. Vì thế nói "sức diệu trí Quán Âm - cứu được khổ thế gian", cũng thuận theo tiếp tục nói về Biệt - Viên bổn quán, Từ bi v.v... Năm hàng kệ kế trả lời riêng về Phổ Môn thị hiện. Trong này văn hạn hẹp, so với văn riêng ở trên thì đây vẫn thành chung, lại chia làm ba: Một là hai kệ tụng về thị hiện rộng khắp, kế hai kệ tụng về bổn quán, ba là một kệ kết luận thành tựu bậc Thánh là ba nghiệp. Đầu tiên lại có hai: Một là một kệ tụng về thị hiện rộng khắp. Hai là một kệ nêu riêng sự hóa độ. Ba loại pháp giới, văn trên nêu ra thân Thánh, đến Thần Kim Cương thiếu pháp giới địa ngục. Trong này nêu ra kém so sánh với hơn, trở thành nêu ra lẫn nhau. Mỗi một thân nói pháp dựa theo bốn câu như trước. Còn văn trên dựa theo ba cõi làm sở ứng, mười phương ở đây sẽ dựa theo ba cõi để giải thích về mười phương v.v... Kế là hai bài kệ về bổn quán, lại có hai: Đầu là hạnh nguyện, kệ kế là quán thành tựu lợi ích rộng khắp. Kệ đầu lại có ba: Hai câu giải thích về quán, một câu Từ thệ, một câu khuyên nhủ quy y. Hướng đến Chân quán, Liễu "Không" thành tựu Nhất-thiết-trí, quán Thanh tịnh ra khỏi nơi Giả và nhiễm có, không thành tựu Đạo chủng Trí. Trí tuệ rộng lớn tức là Trung đạo quán, cùng khắp đối với các pháp gọi là Quảng, hơn hẳn vượt ra hai bên gọi là Đại. Thể của Trung đạo chính là quán Trí tuệ, cho nên thể này gọi là quán Trí tuệ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thể của Trung đạo? Đáp: Vì thuận theo ý kinh này. Kinh này hợp tịch chiếu với pháp thân làm Thể, cảm ứng làm Tông, có thể làm nên thuyết này. Ba trí thực sự ở trong một tâm, mà đạt được, không thể đồng nhất hay khác nhau.

Bi quán v.v... ấy là thệ nguyện gọi chung là Quán duyên đế mà phát khởi, như mười pháp Chỉ, Quán gọi chung là Quán.

Bài kệ kế là giải thích về ích lợi, lại có hai: Hai câu trước nói về Trí quang, hai câu kế là Từ quang, phá bóng tối soi chiếu thế gian v.v... Ba là một hàng kệ kết thúc thành tựu bậc Thánh. Ba nghiệp biểu hiện ứng rõ, Giới sấm đối với thân nghiệp, "Mây từ" đối với ý nghiệp, "Mưa rơi" đối với miệng nghiệp. Giới xem xét bảy chi của thân nghiệp làm thuận tiện, giới thanh tịnh có thể dứt trừ khổ của ba đường ác, cho nên gọi là Bi thể. Thân lần lượt hiện rõ thần thông làm kinh hãi rung chuyển hữu tình, lại giống như sấm chớp. Trong tâm ái niệm gọi là Từ - che phủ rộng khắp tất cả như mây, không mưu tính mà ứng hiện thích hợp không sai. Lại gọi là diệu ý nghiệp. Miệng luân giảng nói về pháp Thật tướng là mưa xuống cam lộ, ba loại cỏ, hai loại cây bình đẳng được tưới nhuần - sự nóng bức của ba hoặc được mát mẻ trong lành. Giải thích rộng về

ba Vô duyên - ba Bất hộ đều như văn trên, mỗi mỗi ứng tích, mỗi mỗi nói pháp, đều cần phải nói về pháp môn an trú của Bồ-tát Biệt giáo, Viên giáo, mới có Sự dụng. Giải thích về Phổ Môn một lần đã xong. Thứ ba là Bốn hàng kệ khuyến khích trì niệm cúng dường, lại chia làm hai: Một là hai hàng một câu khuyến khích trì niệm. Hai là một hàng ba câu khuyến khích cúng dường. Phần một lại có hai: Một là một hàng nêu ra lại miệng nghiệp cơ ứng trước đây làm lý do khuyến khích. Vì miệng nghiệp trước đây thứ nhất, nêu ra một gồm nhiếp hai, cho nên đặc biệt nêu ra. Quan tụng, quân trận: Nạn nước - lửa ít thấy, sự việc ma quỷ - hổ báo ít vận suy yếu, mới gặp sự việc tranh tụng. Nguồn gốc tranh tụng của người thế gian là do tài sắc ruộng đất nhà cửa tiêu dùng hằng ngày mà có, khuyến khích giữ gìn tức là quan trọng. Dao gậy bị bắt giam cầm có lỗi lầm mới gặp, quân trận - vườn pháp hầu hạ là việc chẳng do nơi mình. Lại còn đâm chọc giằng co nhau dao sắc dày đặt trước mắt, dao gậy văn bản thư tịch là nạn chịu chết, giặc cướp đoạt, nếu có tiền của thì không như việc quân đội, điều này cũng cần phải khuyên nhủ. Kế là một hàng một câu chính là khuyên nhủ, lại có hai: Một là ba câu dựa theo Quyền - Thật để tìm hiểu suy lường. Kế là hai câu kết thúc khuyên nhủ. Trước nêu ra Bồ-tát thật chứng thật sự ích lợi để tìm hiểu suy lường về Bổn, hơn hẳn Quyền thừa Từ trí của chín pháp giới kia, cho nên nói hơn “âm Thanh thế gian”. Chỉ có âm trần một pháp dùng thật trí Phật nhãn quán xét, tức là Thật đế Diệu âm. Quyền trí pháp nhãn quán xét, tức là Tục đế Thế âm. Đây là Thật chứng. Duyên vào Trung đạo tu Từ gọi là Phạm âm, Từ này thường cùng với cơ tụ hội gọi là Hải-triều-âm, ví như không mất đi độ thoát. Đây là thật ích. Cùng với hai là từ sanh - pháp nơi chín pháp kia tác ý ứng vật, há lại tương tự, cho nên nói là hơn hẳn sự tìm hiểu suy lường nói ở kia. Hai câu kết thúc khuyên nhủ. Đầu tiên khuyến khích thường niệm có sự lý hai hàng v.v... Nếu sự lý thực hành thành tựu, tự nhìn thấy hai thân Sắc và Pháp của Bồ-tát. Một câu trở lại khuyên nhủ chấm dứt nghi ngờ. Kế một hàng ba câu là khuyến khích cúng dường. Đầu tiên là một câu khen ngợi về ba nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát. Từ chánh mạng sanh ra cho nên nói là Tịnh Thánh, nói là cùng nhau có thể thọ nhận cúng dường. Chánh mạng Thánh pháp, người vâng lãnh pháp này cho nên gọi người là Thánh, do đó nói Tịnh Thánh Quán Âm. Kế là nêu riêng đức để làm lý do khuyến khích. Từ “Khổ não v.v...” trở xuống là hai câu tụng về đức Thí vô úy ở trên. Nơi khổ não tử ách kinh hoàng sợ hãi, thực hiện lực vô úy làm nơi nương tựa, như con thơ nương dựa cha mẹ, đâu còn gì

đáng sợ, tức là chỉ ra trước đây hiện thân Quyền Thật nói pháp là cha mẹ, che chở con cái ba thừa tránh khỏi tai ách của hai Tử. Từ “Đủ tất cả v.v...” trở xuống là ba câu nêu ra ruộng phước để khuyến khích. “Đủ tất cả công đức” là nêu ra ruộng tôn kính của Báo thân Bồ-tát, “Mắt từ nhìn chúng sanh” là nêu ra ruộng ân đức của Ứng thân, “Biển phước không lường” là khen ngợi chung về hai ruộng. Cao vượt lên như núi gọi là Tụ, sâu rộng không giới hạn gọi là Hải, cũng dựa vào hai ruộng này để khen ngợi Pháp thân. Đảnh lễ chính là khuyến khích dùng ba nghiệp cúng dường, lễ tiết thân mình biểu hiện trách nhiệm, đặc biệt nêu ra chắc chắn đầy đủ ba nghiệp. Cởi chuỗi anh lạc ở văn trên, so với nay chính là đưa ra lẫn nhau mà thôi. Còn khuyến khích việc này rộng khắp tất cả đều được cúng dường. Anh lạc giá trị trăm ngàn lượng vàng người nào có thể giải thích? Lại nữa, năng nghiêm hãy còn coi trọng, sở nghiêm há lại xem thường hay sao? Quán tâm ấy thân nghiệp siêng năng thì thêm lớn phước đức cúng dường Ứng thân, miệng nghiệp siêng năng thì giảng nói Bát-nhã cúng dường Báo thân, ý nghiệp siêng năng thì lĩnh hội nghĩa lý cúng dường Pháp thân v.v... Giải thích Kệ xong.

Tôn giả Từ Vân đời Tống chú giải riêng thành trùng tụng phụ thêm Đại Bộ xếp vào Tạng, mà phương Nam giáo uyển không lưu truyền, gần hai trăm năm rồi. Năm Giáp Ngọ niên hiệu Chí Nguyên, giáo môn nhập vào kinh, trụ tại chùa Hoằng Pháp ở Yến Thành, chờ đợi quay về phương Đông, hãy còn rất quý báo nhưng không dám tự mình giữ kín, liền khắc bản gỗ để tạo thuận lợi cho người học sau này.

Tháng Năm mùa Hạ năm Nhâm Dần, niên hiệu Đại Đức.
Hưng Nguyên trú sơn Tỳ-kheo Tánh Trừng kính ghi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 122

KINH
TAM MUỘI KIM CƯƠNG
LUẬN

SỐ 1730

(QUYỂN THƯỢNG, TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1730

KINH
TAM MUỘI KIM CƯƠNG LUẬN

Sa-môn Nguyên Hiểu nước Tân-La

QUYỂN THƯỢNG

Kinh này lược chia ra bốn môn:

Một: Nói về đại ý.

Hai: Nói về tông chỉ kinh.

Ba: Giải thích tựa đề.

Bốn: Hiển bày rõ ràng về văn nghĩa.

Thứ nhất là nói về đại ý: Nguồn gốc của Nhất tâm kia xa lìa có - không chỉ một thanh tịnh. Biển của ba "không" dung chứa Chân - tục trong suốt tự nhiên. Trong suốt tự nhiên dung hợp hai mà không phải một, chỉ một thanh tịnh xa lìa bên mà chẳng phải trung, chẳng phải trung mà lìa bên, nên pháp bất hữu không tức là trụ vô tướng bất vô - không thể tức là trụ hữu, không là một mà dung chứa hai. Cho nên, Sự chẳng phải chân - chưa hẳn là Tục, Lý chẳng phải Tục - chưa hẳn là Chân, dung hợp cả hai mà không phải một. Vì thế, tánh của Chân - tục ch tánh nào không thể lập ra, tướng của Nhiễm - Tịnh chẳng tướng nào không đầy đủ. Xa lìa bên mà chẳng phải trung, cho nên pháp của có không chẳng pháp nào không tạo tác, nghĩa thị, phi chẳng nghĩa nào mà không có đủ. Như thế chính là không phá bỏ mà không gì không thể phá bỏ, không lập ra ra mà chẳng có gì không thể lập ra. Có thể nói là chí lý của vô lý, rất đúng trong không thể đúng vậy. Đây gọi là đại ý của kinh này. Vì rất đúng trong không thể đúng, nên lời của năng nói khế hợp

mầu nhiệm vòng quanh bên trong. Chí lý của vô lý, cho nên Tông của sở thuyên vượt ra khỏi bên ngoài. Không có gì không thể phá trừ cho nên gọi là Tam-muội Kim Cương. Chẳng có gì không thể lập ra nên gọi là Kinh Nhiếp Đại Thừa. Tất cả nghĩa - tông không ra khỏi hai nơi này, thế nên cũng gọi là Vô Lượng Nghĩa - Tông. Tạm thời nêu ra một phần mục để lên đầu tiên đó, cho nên nói là Muội Kinh Kim Cương Tam.

Thứ hai là phân rõ tông chỉ của kinh: Tông yếu của kinh này có mở có hợp, hợp mà nói thì một ý vị quán hành làm chính. Mở ra mà nói thì mười tầng pháp môn này làm tông chỉ. Nói là quán hành: Quán là luận theo bề ngang (hoành), thông suốt đối với cảnh trí. Hành là hướng đến bề dọc (thụ) kéo dài liên tục nhân quả. Quả là năm pháp viên mãn, nhân nói là sáu hạnh đầy đủ. Trí tức là hai Giác bổn - thỉ, cảnh tức là chân - tục đều dứt. Cả hai dứt mà không mất, hai giác ngộ mà vô sanh. Hành của vô sanh sâu xa hợp cùng vô tướng, pháp của vô tướng thuận theo trở thành lợi ích bổn. Lợi ích đã là lợi ích bổn mà không có đắc nên không động thật tế, tế đã là thật tế mà lìa tánh nên chân tế cũng không. Chư Phật Như-lai ở tại chỗ này mà cất giữ, tất cả Bồ-tát ở trong đó thuận theo nhập vào, như vậy gọi là nhập Như-lai-tạng. Đây là đại ý của sáu phẩm. Đối với quán môn này, từ sơ Tín - Giải cho đến Đẳng Giác, lập ra làm sáu Hạnh, lúc sáu Hạnh đầy đủ, chín Thức chuyển sang hiển bày. Hiển bày vô cấu tức là tịnh pháp giới, chuyển tám thức còn lại mà trở thành bốn trí. Năm pháp đã trọn vẹn thì ba thân đầy đủ, như vậy nhân quả không xa lìa cảnh trí, cảnh trí không hai, chỉ là một vị. Như vậy một vị quán hành lấy làm tông của kinh này. Cho nên, pháp tướng Đại thừa chẳng pháp nào không thể thâu nhiếp, Vô lượng nghĩa tông chẳng nghĩa nào không hội nhập, tên gọi không luống dối xứng hợp với điều nói ở đây, hợp lại luận về một quán lược thuật như vậy.

Mở ra nói mười môn làm Tông: Nghĩa là từ một môn tăng lên đến mười môn, thế nào là một môn? Một niệm dấy động trong một tâm, thuận theo một Thật, tu tập một Hạnh, nhập vào một Thừa, an trụ một Đạo, sử dụng một giác, giác ngộ một Vị. Thế nào là hai môn? Không trụ vào hai bờ vì giải tán hai chúng, không mê đắm hai Ngã vì xa lìa hai bên, thông đạt hai "Không" chẳng rơi vào hai thừa, cùng dung hợp hai Đế không xa cách hai Nhập. Thế nào là ba môn? Tự quy y ba vị Phật mà thọ nhận ba giới, thuận theo ba đại đế đạt được ba giải thoát, Đẳng Giác ba địa, Diệu Giác ba thân, nhập vào ba Nhóm không, dứt trừ ba tâm có. Bốn môn là: Tu bốn chánh cần, nhập vào bốn thần túc, bốn đại duyên lực, bốn nghi dung thường lợi ích, vượt trên bốn thiền, xa lìa

bốn chê bai, bốn trí có ra, trong bốn hoằng địa. Năm môn là: Ở tại năm ấm sanh ra đầy đủ năm, mười ác cho nên gieo trồng năm Căn mà nuôi dưỡng năm Lực, vượt qua biển năm không, leo lên vị trí năm Đẳng, đạt được pháp năm Tịnh, độ chúng sanh năm đường, các loại như vậy v.v... thế nào sáu, bảy, tám, chín môn? Tu đầy đủ sáu độ trừ diệt hẳn sáu Nhập, thật hành bảy Giác phần dập tắt bảy nghĩa khoa, biển tám thức lắng trong, dòng chín Thức sạch sẽ, mới khởi điểm từ Thập Tín cho đến Thập Địa, trăm hạnh đầy đủ, muôn đức tròn vẹn. Các môn như vậy là tông của kinh này, đều ở tại văn kinh, nơi văn sẽ giới thiệu. Nhưng chín môn sau này đều nhập vào một môn, một môn có chín môn, không ra ngoài một quán, cho nên mở ra không thêm thêm một, hợp lại không bớt bớt mười, không thêm không bớt là Tông Yếu.

Thứ ba là giải thích đề mục: Đề mục của kinh này có ba thứ: Một là Gọi là Kinh Nhiếp Đại thừa, Hai là Gọi là Tam-muội Kim Cương, Ba là gọi là Vô Lượng Nghĩa Tông. Hai tên gọi đầu và sau sẽ giải thích ở phần kế. Nay tạm thời giải thích trước một đề mục ở giữa, vì chỉ một tên gọi này ở tại đầu đề, trong đó có hai: Đầu tiên giải thích về Kim Cương, sau đó giải thích Tam-muội. Trong phần đầu cũng có hai: Trước giải thích - sau phân biệt.

Nói về Kim Cương: Dựa vào thí dụ mà gọi, cứng chắc vững chắc làm Thể - xuyên thủng, phá vỡ làm công. Tam-muội Kim Cương nên biết cũng như vậy, thật tế là thể, phá thủng làm năm. Thật tế làm thể ấy là chứng cùng tận cội nguồn của lý, như văn dưới nói là chứng pháp chân thật định. Phá xuyên làm năng có hai nghĩa của nó: 1. Phá trừ các nghi ngờ; 2. Xuyên suốt các định. Phá trừ các nghi ngờ ấy là bắt đầu nói về dứt nghi ngờ, như văn dưới nói quyết định dứt nghi hối. Xuyên suốt các định ấy là định này có công năng khiến cho các Tam-muội khác đều được hữu dụng, như xâu ngọc quý thành chuỗi, được hữu dụng. Như kinh Đại Phẩm chép: “Thế nào gọi là Tam-muội Kim Cương? Vì an trụ Tam-muội này có thể phá tan các Tam-muội”. Luận kia giải thích: “Tam-muội Kim Cương ấy ví như Kim Cương - chẳng vật gì không thể bị phá vỡ. Tam-muội này cũng như vậy, ở trong các pháp, không có pháp nào không thể thông suốt, khiến cho các Tam-muội đều có được công dụng, như xà cừ, mã não, lưu ly, chỉ có Kim Cương có thể xuyên vào”. Xét rằng: “Kinh nói phá các Tam-muội tức phá nói là xuyên. Trong luận nói xuyên nhập giải thích kinh nói là phá cho nên thông hiểu các Tam-muội đều không có tự tánh, khiến cho Tam-muội kia đều xa lìa tự vướng mắc, do vậy được vô ngại tự tại”. Giải thích tên gọi như vậy.

Kế là phân biệt riêng, trong đó có hai: Trước là phân biệt định tuệ. Hỏi: Kim Cương Bát-nhã - Tam-muội Kim Cương đều gọi là Kim Cương, có gì sai khác? Giải thích: Tuệ kia định này đây là sai khác. Lại Kim Cương Bát-nhã thông suốt đối với nhân quả, Tam-muội Kim Cương vị trí còn ở quả địa. Lại, Bát-nhã Kim Cương có ba nghĩa, Thể cứng chắc - Dụng sắc bén - Hình trạng rộng hẹp, Tam-muội Kim Cương chỉ chọn lấy cứng chắc và sắc bén, sai khác như vậy.

Kế là nói với định khác, ở đây có ba thứ:

1. Tam-muội Kim Cương.

2. Kim Cương Luân Tam-muội.

3. Tam-muội Như Kim Cương.

Kinh Đại Phẩm chép: "Thế nào là Tam-muội Kim Cương Luân? An trụ Tam-muội này có thể nắm giữ các phần Tam-muội. Thế nào là Tam-muội Như Kim Cương? An trụ Tam-muội này có thể nối liền thông suốt các pháp cũng không thấy thông suốt". Luận kia giải thích: "Hỏi: Ba thứ Tam-muội vì sao đều nói là Kim Cương? Đáp: Đầu nói là Kim Cương, giữa nói là Kim Cương Luân, sau nói là Như Kim Cương. Như Tam-muội Kim Cương, đức Phật nói: Có thể xuyên suốt các pháp, cũng không thấy sự xuyên ấy. Tam-muội Kim Cương có thể thông suốt đạt được các Tam-muội. Kim Cương Luân Tam-muội có thể nắm giữ các vòng Tam-muội. Nghĩa này đều là đức Phật tự giới thiệu". Luận giả chép: "Như Tam-muội Kim Cương ấy là có thể phá trừ tất cả phiền não kiết sử không còn sót lại, ví như Thích-đề-hoàn-nhân tay cầm Kim Cương phá tan quân đội A-tu-la. Chính là tâm cuối cùng của người học, từ tâm này lần lượt đạt được ba thứ Bồ-đề: Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật Vô thượng Bồ-đề. Tam-muội Kim Cương là có công năng phá trừ tất cả các pháp nhập vào Niết-bàn Vô dư lại không nhận chịu Hữu dư, ví như Chân Kim Cương thật có thể phá tan các núi khiến cho diệt hết không sót lại gì. Kim Cương luân là có thể phá vỡ tất cả các pháp Phật không che lấp, không chướng ngại. Xét rằng: Trong này phá vỡ các pháp Phật ấy là giống như vòng báu của chuyển Luân Thánh Vương có thể phá vỡ, các vương không ai không hàng phục. Vì thế cho nên khác nhau so với hai Kim Cương trước. Hai Kim Cương trước khác nhau thế nào?

Có năm sự sai khác:

1. Dụ khác nhau, nghĩa là Như Kim Cương phá tan quân đội. Kim Cương phá vỡ núi non.

2. Pháp khác nhau, vì trước là phá trừ phiền não, sau là phá vỡ

các pháp.

3. Vị trí khác nhau, vì trước ở tại địa vị học, sau ở tại Vô học.

4. Tên gọi khác nhau, trước gọi là Như Tam-muội Kim Cương, nơi khác gọi là Kim Cương Dụ Định, sau gọi thẳng là Tam-muội Kim Cương, trừ ra Như và Dụ. Vì sao? Vì biểu hiện nhân quả hai Định khác nhau. Nhân có công dụng mà quả không có công dụng, vì giảm bớt lại giảm bớt cho đến vô vi. Còn Như Kim Cương chọn lấy nghĩa tương tự phần ít đó, chỉ phá trừ phiền não mà không phá vỡ pháp khác. Nói là Kim Cương là biểu hiện điều đó hoàn toàn giống như sự sắc bén của Kim Cương, tất cả sắc vật chẳng có gì không thể phá vỡ xuyên suốt, công dụng của Tam-muội nên biết cũng như vậy, tất cả các pháp cũng không pháp nào không thể phá vỡ.

5. Giáo khác nhau, nghĩa là như Tam-muội Kim Cương ở địa vị Hữu học, còn Tam-muội Kim Cương bổn tánh thanh tịnh, không thêm không bớt, tức là trong kinh đã nói về Tam-muội Kim Cương ở địa vị Vô học đó, nay trong kinh này vốn nói về điều này vậy. Nay trong kinh này Đức Phật đã nhập định phá vỡ tất cả các pháp đều không có gì đạt được, vì thế cho nên gọi là Tam-muội Kim Cương. Trong sáu thứ giải thích đây là Trì Nghiệp thích, chọn lấy thí dụ tên gọi là Lân Cận thích. Trước mắt dùng danh mục này thì kinh này là Y chủ thích, vì Định là Chủ.

Kế là thứ hai giải thích về tên gọi Tam-muội, trong đó có hai: Trước là giải thích - sau là phân biệt. Sư xưa chép: "Tiếng Phạm là Tam-muội, Hán dịch nói là chánh Tư, nay thuật lại luận nói này vì văn nghĩa thích hợp". Nghĩa là lúc đang Định đối với cảnh sở duyên xem xét chính là, suy nghĩ quan sát nên gọi là Chánh tư. Như Du-già nói Tam ma địa, nghĩa là đối với sở duyên xem xét chính là quán sát tâm một cảnh tánh.

Hỏi: Định phải là yên ổn bất động - yên ổn bất động trụ ở một cảnh, vì sao lại nói xem xét chính là suy nghĩ quan sát. Công dụng của suy nghĩ quan sát phải tìm tòi chờ đợi. Vì sao nói Định là suy nghĩ quan sát?

Đáp: Nếu vâng giữ một cảnh chính là Định, thì hôn trầm trụ trong cảnh tức là Định. Nếu chính suy nghĩ quan sát là tìm tòi chờ đợi (tầm tứ), thì tà tuệ suy xét tìm tòi lẽ ra không phải là tìm tòi chờ đợi (tầm tứ), nên biết suy nghĩ quan sát (tư sát) có hai thứ đó. Nếu chung cả tà - chánh, ý nói phân biệt gọi là suy nghĩ quan sát, tức là tìm tòi chờ đợi dứt khóat là phân biệt. Nếu chỉ xem xét chính là hiểu rõ duyên cảnh gọi là chánh tư sát, thì chính là dụng của Định mà chẳng phải tầm tứ, vì Định

gồm cả phân biệt và vô phân biệt, dùng xem xét phân biệt tầm tứ kia. Lại, trụ trong một cảnh cũng có hai thứ. Nếu trụ trong một cảnh, hôn mê ám muội không thể xem xét tức là hôn trầm. Nếu trụ trong một cảnh mà không chìm đắm, không trôi nổi xem xét chính là suy nghĩ quan sát thì gọi là Định, cho nên dùng suy nghĩ quan sát phân biệt hôn trầm kia. Cho nên biết rằng không dùng tướng sai khác của an trụ - di động để phân biệt Định hay Tán. Tại vì sao? Vì giải thích về nhanh chóng (tiệp tật) tuy di chuyển mau lẹ mà có Định, niệm không nhạy bén (trì độn), tuy trụ trong cảnh lâu dài mà là Tán. Nay Tam-muội Kim Cương này gọi là chánh tư sát là, không có chánh không thể chánh, đã mất tư chẳng phải tư, chỉ là sai khác đối với phân biệt tà niệm. Lại không giống như đối với hư không vô tư, cho nên gượng gọi là chánh tư. Tên gọi Tam-muội, giải thích sơ lược như vậy.

Kế là phân biệt riêng, trong đó có hai: Trước là các tên gọi riêng, sau là phân biệt. Tên gọi về Định không giống nhau, sơ lược có tám loại: Một là gọi là Tam-ma-hê-đa, Hán dịch là Đẳng dẫn, chuyên xa lìa hôn trầm trạo cử nên gọi là Đẳng, dẫn phát thần thông cùng các công đức cho nên gọi là Dẫn. Lại, Đẳng dẫn này, các vô hối, vui mừng, khinh an, lạc được dẫn ra nên gọi là Đẳng dẫn, do vậy mà không giống như Định của cõi Dục. Hai là gọi là Tam-ma-địa, Hán dịch là Đẳng trì, nghĩa về Đẳng giống như trước, năng chế ngự gìn giữ tâm khiến cho không thể rong ruổi phân tán nên gọi là Đẳng trì. Lại, định tuệ bình đẳng khiến cho không xa lìa lẫn nhau cho nên gọi là Đẳng trì. Trước đây nói Tam-ma-đề cũng chính là Đẳng trì. Ba là gọi là Tam-ma-bạt-đề, Hán dịch là Đẳng chí, bên trong Đẳng trì có thể đến địa vị cao siêu nên gọi là Đẳng chí. Bốn là gọi là Đà-diễn-na, Hán dịch là Tỉnh lự, là vắng lặng, tư lự, còn có thể vắng lặng mà suy nghĩ tản mác. Trước kia nói là Thiền na, hoặc nói Trì-a-na, phương xứ phong tục khác nhau mà nói giống nhau gọi là Tỉnh lự. Năm. Gọi là Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ, làm cho tâm dừng lại cảnh vì thế gọi là Chỉ. Sáu. Gọi là Tâm nhất cảnh tánh, khiến cho tâm chuyên chú vào tánh của cảnh cho nên gọi là Tâm nhất cảnh tánh. Trước kia nói là Nhất tâm là giản lược. Bảy. Gọi là Định, xét định sở duyên nên gọi là Định. Tám. Gọi là Chánh tư, nghĩa như trước giới thiệu. Có sư giải thích: Tên gọi Tam-muội và Tam-ma-đề chỉ là Đẳng trì chẳng phải là tên gọi khác. Giải thích như vậy không đúng, vì sao như? Vì như mười loại Định mà kinh Kim Cổ nói thì, trong ba Địa trước gọi là Tam-ma-đề, trong bảy địa sau gọi là Tam-muội. Như vậy hai tên gọi nếu cùng là Đẳng trì, vì sao thay đổi tên gọi trước sau khác nhau?

Lại, hai tên gọi này vì sao không giống nhau? Nếu do phương xứ phong tục khác nhau vì thế không giống nhau, thì không nên một nơi cùng nói hai tên gọi. Nếu vì người truyền bá trước sau cho nên khác nhau, thì không đồng ý một bản có hai tên gọi này, như Tam-ma-đề và Tam-ma-địa, đây là do trước sau người truyền bá không giống nhau, do đó điều ấy là giống nhau rõ ràng có thể thấy. Tên gọi Tam-muội và Tam-ma-đề cùng ở tại một bản vì sao không khác nhau? Do vậy nên biết rằng như nói trước. Thứ hai là nói về thông cục ấy sơ lược làm thành bốn ví dụ: Một là Định và Đẳng trì, hai tên gọi rộng nhất, có cả lậu và vô lậu, cũng có cả ba cõi và có cả tâm tán loạn trong Cõi Dục, vì sáu vị trí tâm sở trong năm biệt cảnh có Tam-ma-địa cũng gọi là Định. Hai là Tên gọi là Tâm Nhất Cảnh Tánh và Tam-muội, hai tên gọi này rộng thứ hai, tuy có cả Cõi Dục mà không thông hoàn toàn với tâm tán loạn, vì Ban Chu Tam-muội hoặc Cõi Dục quan hệ với chín loại tâm trụ, Tâm nhất cảnh tánh cũng có ở Phương Tiện Tâm của Cõi Dục. Ba là Tam-ma-hê-đa và tên gọi Tĩnh lự, hai thứ này là hẹp, hoàn toàn không thông với tâm Cõi Dục, chỉ giữ lấy sự khinh an vốn hàm chứa lợi ích. Bốn là Tam-ma-bạt-đề và Xa-ma-tha, hai thứ này hẹp nhất, vì đối với Định bên trong Địa có sự phân biệt phân biệt. Vì Xa-ma-tha không thông với Tâm nhất cảnh tánh trong bốn loại Tuệ hành. Tam-ma-bạt-đề không thông với Tam-ma-địa của ba thứ Không - Vô tướng - Vô nguyện. Tám tên gọi rộng hẹp sơ lược thuật ra như vậy. Giải thích tên gọi của đề kết thúc.

Bốn: Hiển bày rõ ràng về văn nghĩa: gồm tám phẩm

Phẩm Thứ 1: **TỰA VỀ KINH**

Trở xuống là phần thứ tư xét định văn để giải thích. Văn có ba phần: 1. Phần Tựa. 2. Phẩm thứ hai xuống dưới sáu phẩm văn khác là phần chánh nói. 3. Từ "Nhĩ thời Như-lai bảo đại chúng rằng v.v..." trở xuống hai tờ có lẽ văn là phần Lưu Thông. Nội dung của phần Tựa có hai thứ Tựa gọi là Thông và Biệt (Từ tôi nghe như vầy, sáu mươi muôn ức - kinh có một trăm bốn mươi mốt chữ, nhưng trong này không thấy có?). Trong Tựa chung thì có sáu việc, ba việc trước nói về truyền thụ tự mình kế thừa, ba sự việc sau chứng minh sự giảng nói của Đại sư. Nói về ba sự việc trước ấy là: 1. Như vầy. 2. Tôi nghe. 3. Nhất thời. Ba việc sau là gì: 1. Giáo chủ. 2. Trụ xứ. 3. Đồ chúng. Trong phần đồ chúng xếp theo thứ tự bốn loại chúng: 1. chúng Thanh-văn. 2. chúng Bồ-tát. 3. chúng Trưởng giả. 4. chúng Tạp loại. Trong đó biết rõ chính là như bình thường đã nói.

Kinh: "Nhĩ thời Tôn giả đại chúng vi nhiễu, vị chư đại chúng nói Đại thừa kinh danh nhất vị chân thật vô tướng vô sanh quyết định thật tế bổn giác lợi hành. Nhược văn thị kinh nãi chí thọ trì tứ cú kệ thị nhân tức vi nhập Phật trí địa, năng dĩ phương tiện giáo hóa chúng sanh, vị nhất thiết sanh tác đại tri thức". Lúc ấy, đức Thế Tôn cùng đại chúng vây quanh, vì các đại chúng nói kinh Đại thừa tên là Nhất vị Chân thật Vô Tướng Vô Sanh Quyết Định Thật Tế Bổn Giác Lợi Hành. Nếu nghe kinh này dù chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, người này liền được nhập vào địa Phật trí, có thể dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, làm bậc đại tri thức cho tất cả chúng sanh.

Luận chép: Từ đây trở xuống là tựa riêng thứ hai, tức là có bốn phần: 1. Phần Oai nghi. 2. Phần Nói kinh. 3. Phần Nhập định. 4. Phần Trùng tụng. Phần oai nghi: Như kinh chép:"Bấy giờ, bốn chúng vây tròn xung quanh," Phần nói kinh như kinh chép: "Vì các đại chúng nói kinh Đại thừa..." Văn kinh này hướng mở ra giống như phần tựa Kinh Pháp Hoa. Như chép: Bấy giờ, bốn chúng vây quanh đức Thế Tôn, nghe nói kinh gọi là "Vô lượng nghĩa." Xét theo như luận trên thì tên gọi tên này, tức là phần mục khác của kinh Pháp Hoa. Ý luận kia cho rằng nói ra ở trước cho nên gọi là phần tựa. Nay xem xu thế văn của kinh này đều là ngôn từ mở đầu của người kết tập kinh, vì thế, xét chuẩn theo đây, đúng là kinh này riêng, ở trước nói rộng, nói xong nhập định, từ định mà xuất, mới nói kinh Tam-muội Kim Cương. Sau khi nói về Tông chỉ của kinh mới nói tên kinh. Nên biết rằng tên gọi Nhất vị Chân thật

v.v... Là phần mục của kinh đã nói rộng ra trước đó. Như vậy đại ý hai kinh tuy giống nhau, mà tướng của văn chính là khác nhau. Đã nói trước đó ấy là nói rộng ra, pháp môn làm ích lợi cho lúc bấy giờ. Đã nói sau đó ấy là sơ lược thâu nhiếp pháp môn vì lợi ích cho đời sau. Vì thế cho nên nói rộng ở trước đó, lấy làm lý do tóm lược kinh. phần nói kinh này tướng văn có hai: Trước là mở đầu tên kinh, sau là khen ngợi công đức kinh. Từ "Nếu nghe v.v... trở xuống là phần thứ hai".

Kinh: "Phật nói thử kinh dĩ kiết già phu tọa, tức nhập Tam-muội Kim Cương thân tâm bất động". Đức Phật nói kinh này xong ngồi xếp bằng liền nhập Tam-muội Kim Cương, thân tâm bất động.

Luận chép: Là phần nhập định thứ ba. Lý do trước khi muốn nói kinh, đầu tiên phải nhập định ấy là biểu hiện chỉ riêng sự vắng lặng, đối với pháp có thể giác ngộ, có thể giảng nói. Lại còn để biểu hiện sự mặc nhiên của Hiền Thánh, sự nói pháp của Hiền thánh tùy theo thời gian mà sử dụng, không xa lìa nhau.

Kinh: "Nhĩ thời chúng sanh trung hữu nhất tỳ kheo danh A-già-đà tùng tòa nhị khởi, hiệp chưởng hồ quỳ dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn": Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ kheo tên là A-già-đà đứng dậy chỗ ngồi, chắp tay quỳ xuống, muốn nói lên nghĩa này bèn nói kệ rằng:

Luận chép: Đây là phần trùng tụng thứ tư. Vì nói lên kinh Nhất vị nói ra ở trước và đại ý nói ra sau đó không khác nhau, cho nên dùng kệ tóm lược tụng về kinh mở rộng trước đó. Do đây phát khởi sau đó tóm lược nói kinh, vì vậy văn sẽ có hai: trước là Tựa - sau là Tụng. Là người kết tập kinh mở đầu để phát ra tụng sau. A-già-đà Hán dịch là Vô Khứ, hoặc dịch là Diệt khứ. Đây là tên thuốc, có thể khiến cho các bệnh đều diệt hết, nên gọi và Vô Khứ. Bồ-tát này cũng giống như vậy, có thể chữa trị các bệnh phiền não cho chúng sanh vì thế lấy tên thuốc làm hạng mục của mình. Trong tám hàng tụng có chia ra hai phần: Bảy tụng trước tụng về nói kinh, một tụng sau tụng về nhập định. Trong phần trước cũng có hai: ba tụng là bói chung, bốn bài tụng là biểu hiện riêng.

Kinh: "Đại từ mãn túc tôn, trí tuệ thông vô ngại, quảng độ chúng sanh cố, nói ư nhất đế nghĩa, giai dĩ nhất vị đạo, chung bất dĩ tiểu thừa, sở nói nghĩa vị xứ, giai tất ly bất thật, nhập chư Phật trí địa, quyết định chân thật tế, văn giả giai xuất thế, vô hữu bất giải thoát": Lạy đấng Đại từ mãn túc, trí tuệ thông suốt vô ngại, vì độ tất cả chúng sanh, nói ra nghĩa lý nhất đế, đều dùng đạo lý nhất vị, hoàn toàn không dùng Tiểu

thừa, ở nơi nghĩa - vị đã nói, thảy đều xa lìa không thật, nhập vào các nơi Phật trí, quyết định ranh giới chân thật, người nghe đều được xuất thế, chẳng có ai không giải thoát.

Luận chép: Nói chung về ba hàng tụng thì có bốn ý: 1. Hai câu khen ngợi đức năng nói. 2. Một hàng tụng khen ngợi giáo năng thuyên. 3. Một hàng tụng khen ngợi nghĩa sở thuyên. 4. Hai câu khen ngợi lợi ích thù thắng của giáo. Trong mục thứ hai nói về Nhất đế nghĩa, ấy nghĩa là nhất tâm dựa vào pháp nhất tâm có hai thứ môn, hai môn sở y chỉ là một chân thật nên gọi là Nhất đế. Nhất vị đạo là chỉ cho Nhất thừa, văn còn lại có thể biết.

Kinh: "Vô lượng chư Bồ-tát, giai tất độ chúng sanh, vị chúng quảng thâm vấn, tri pháp vắng lặng tướng, nhập ư quyết định xứ": Vô lượng các vị Bồ-tát, thảy đều hóa độ chúng sanh, vì chúng thưa hỏi rộng sâu, biết tướng vắng lặng của pháp, nhập vào nơi chốn quyết định.

Luận chép: Từ đây trở xuống bốn hàng tụng hỏi đáp khen ngợi riêng. Năm câu này là khen ngợi thưa hỏi rộng sâu khiến cho biết tướng vắng lặng nhập vào thật tế.

Kinh: "Như-lai trí phương tiện, đương vi nhập Phật nói, thuận theo giai nhất thừa, vô hữu chư tạp vị, do như nhất vũ nhuận, chúng thảo giai tất vinh, tùy kỳ tánh các dị, nhất vị chi phép nhuận, phổ sung ư nhất thiết, như bỉ nhất vũ nhuận, giai trưởng Bồ-đề nha". Trí phương tiện của Như-lai, sẽ nói cho nhập vào thật, thuận theo đều là Nhất thừa, không có các vị xen lẫn, giống như cơn mưa tưới nhuần, cỏ cây thảy đều tốt tươi, tùy theo tánh đó đều khác, pháp của một vị lợi ích, rộng khắp đầy đủ tất cả, như cơn mưa tưới thấm kia, mầm Bồ-đề đều tăng trưởng.

Luận chép: Đây là phần thứ hai khen ngợi đức Phật trả lời về lợi ích thù thắng. Trong đó có ba đó là pháp - dụ - hợp. Như thứ tự đó, bốn câu- hai câu- năm câu cuối tùy đó biết rõ.

Kinh: "Nhập ư Kim Cương vị, chứng pháp chân thật định, quyết định vô nghi hối nhất pháp chi ấn thành". Vào nơi ý vị Kim Cương, chứng được Định chân thật, quyết định dứt trừ nghi hối, ấn định thành tựu nhất pháp.

Luận chép: Đây là phần tụng thứ hai nói về nhập định. Hai câu trên chính là tụng về nhập định ở trước, hai câu dưới là nghịch tụng về sau bắt đầu nói pháp. Giáo nói ra sau đó có hai công năng cao quý: 1. Quyết định dứt trừ nghi ngờ ân hận, như Kim Cương có thể phá vỡ. 2. Ấn định thành tựu nhất thừa, như Kim Cương không hư hoại hai câu dưới nói lên hai nghĩa này, văn phần Tựa xong.

Trong phần Chánh Nói toàn bộ chia ra làm hai: Nghĩa là sáu phẩm trước hiển bày riêng Quán hành, một phẩm Tổng trì chung trừ bỏ tình ý nghi ngờ. Trong phần hiển bày riêng thì chia làm sáu phần: 1. Phẩm Vô Tướng pháp nói về quán Vô Tướng. 2. Phẩm Vô Sanh hạnh nói về hạnh Vô Sanh. 3. Phẩm Bổn Giác Sát dựa vào bổn lợi ích cho chúng sanh. 4. Phẩm Nhập Thật Tế là từ luống dối nhập vào chân thật. 5. Phẩm Chân Tánh không phân rõ tất cả các hạnh đưa ra Chân Tánh Không. 6. Phẩm Như-lai Tạng nói về vô lượng môn nhập vào Như-lai tạng. Như vậy sáu môn Quán Hành rộng khắp tất cả. Vì sao? Vì tất cả các vọng tưởng từ vô thỉ trôi lăn chỉ do tai họa giữ lấy tướng phân biệt. Nay muốn ngược dòng quay về nguồn, thì trước cần phải phá sạch các tướng, cho nên đầu tiên là nói về quán pháp vô tướng. Tuy trừ bỏ các tướng, mà nếu còn tâm quán thì tâm quán hãy còn phát sanh không hội nhập bổn giác, vì thế diệt mất đi tâm sanh. Vì lẽ đó nên thứ hai là nói về hạnh Vô sanh, hạnh đã vô sanh mới hội nhập bổn giác, dựa vào đây cảm hóa chúng sanh khiến cho được lợi ích vốn có. Cho nên thứ ba là nói về bổn giác lợi môn. Nếu dựa vào bổn giác để lợi ích chúng sanh, chúng sanh liền có thể từ luống dối nhập vào chân thật. Cho nên thứ tư nói về nhập vào thật tế, nội hành tức là vô tướng vô sanh, ngoại hóa chính là lợi ích vốn có nhập vào thật tế. Như vậy hai lợi ích đã có đủ muôn hạnh, cùng phát ra chân tánh, đều thuận với chân không. Vì thế cho nên thứ năm nói về Chân Tánh không. Dựa vào chân tánh này có đủ muôn hạnh ấy, nhập vào cội nguồn nhất vị của Như-lai-tạng, cho nên, thứ sáu nói về Như-lai-tạng. Đã quay về cội nguồn của tâm tức là không có gì làm, không có gì làm cho nên không có gì không làm. Vì thế nói sáu môn để thâu nhiếp Đại thừa. Lại, sáu phẩm này cũng có ý khác nhau, nghĩa là phẩm thứ nhất chỉ ra pháp Sở quán, pháp gọi là nhất tâm - Thể của Như-lai-tạng. Phẩm thứ hai nói về hạnh năng quán, hạnh nghĩa là sáu hạnh quán vô phân biệt. Thứ ba là phẩm Bổn giác Lợi nói về môn sanh diệt trong nhất tâm. Thứ tư là phẩm Nhập Thật Tế nói về chân như môn trong nhất tâm. Thứ năm là phẩm Chân Tánh Không cùng trừ bỏ chân - tục mà không làm hỏng hai đế. Thứ sáu là phẩm Như-lai-tạng thu nhận khắp cả các môn cùng chỉ ra một vị. Dùng hai tầng sáu môn này thâu nhiếp nghĩa Đại thừa rộng khắp tất cả. Lại, sáu phẩm này hợp lại thành ba môn, hai phẩm trước thâu nhiếp quán - hạnh trước sau, hai phẩm kế là giáo hóa bổn mạt. Hai phẩm sau là môn thâu nhiếp nhân trở thành quả. Lại, hai phẩm trước bỏ tướng quy về bổn, hai phẩm ở giữa từ bổn phát khởi hạnh, hai phẩm sau cùng nói trở về phát khởi. Dùng hai tầng ba thứ

này thâu nhiếp tất cả Đại thừa. Lại, sáu phẩm này chỉ là hai môn, tướng sanh đều phải bỏ là bổn giác lợi, thật tế chân không là Như-lai-tạng. Lại, môn trước là trừ bỏ vọng hiển bày nhân, môn sau là hiển bày chân thành tựu quả. Như vậy hai lớp hai môn cũng thâu nhiếp Đại thừa rộng khắp tất cả. Lại, sáu phẩm này chỉ là một vị. Vì sao? Vì tướng sanh vô tánh, bổn giác vô bổn, thật tế xa lìa ranh giới, chân tánh cũng không, do đâu có được tánh Như-lai-tạng? Như trong phẩm Như-lai-tạng ở dưới chép: "Thức này thường vắng lặng, vắng lặng cũng vắng lặng". Phẩm Tổng Trì chép: Bảy và năm bất sanh, tám và sáu vắng lặng, chín tướng Không không có". Như vậy một vị không có gì đạt được chính là điểm quan trọng trong tông chỉ của kinh này. Nhưng vì không có gì đạt được cho nên không có gì không thật có, vì lẽ đó các môn không có môn nào không mở bày cho nên làm thành tông chỉ của vô lượng nghĩa. Tuy là một vị mà chia thành sáu môn, cho nên dựa vào sáu phần xét định văn mà giải thích. Trước tiên giải thích tên gọi của phẩm. Nói vô tướng ấy là quán vô tướng, do đó phá bỏ các tướng. Kế đến là nói pháp ấy nghĩa là pháp sở quán, vì là pháp của một tâm. Vô tướng quán ấy là của phần thứ nhất trong sáu phần trước đây. Pháp sở quán là pháp của môn thứ nhất trong sau môn sáu đó. Nay phẩm thứ nhất này nói lên hai nghĩa như vậy, theo đây nên nói là phẩm Vô Tướng Pháp.

Phẩm Thứ 2: **VÔ TƯỚNG PHÁP**

Kinh: "Nhĩ thời Tôn giả tùng Tam-muội khởi như nói thị ngôn". Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất Tam-muội mà nói rằng:

Luận chép: Văn một phẩm này xét định chia ra làm ba phần: 1. Phần xuất định. 2. Phần khởi nói. 3. Phần đắc ích. Hai phần một và ba là lời trình bày của người kết tập kinh. Phần thứ hai đó chính là lời Đức Phật nói. Trong phần một hiển bày ba thứ thành tựu: Một là thuyết pháp thời thành tựu, như "Nhĩ thời" trong kinh. Hai. Nói pháp chủ thành tựu, như "Đức Thế Tôn" trong kinh, có đủ năm sự thông đạt được thế gian kính trọng, đối với pháp rất sâu xa đúng như nghĩa mà nói ra. Ba là Tự tại thành tựu, như "xuất Tam-muội mà nói rằng" trong kinh. Như-lai nhập định không thể kinh động thức tĩnh, ở chỗ Định an trụ hay xuất ra được tự tại.

Kinh: "Chư Phật trí địa nhập thật pháp tướng quyết định tánh cố". Trí địa của chư Phật nhập vào tánh quyết định tướng thật pháp.

Luận chép: Từ đây trở xuống phần thứ hai chính là phát ra lời nói. Trong phần này có hai: Một là Trường hàng, hai là Trùng tụng. Trong phần một là Trường hàng cũng có hai phần: Một. Phần sơ lược nêu ra, Hai. Phần giới thiệu rộng ra. Trong phần sơ lược nêu ra hai thứ nghĩa: Đầu tiên nêu ra quán vô tướng, sau là nêu ra pháp sở quán. Trong phần quán vô tướng có hai câu đó: Trước nêu ra Như-lai tự nhập vào quán vô tướng, sau nêu lên khiến cho người khác nhập vào quán vô tướng. Nói là Tự nhập ấy, như trong kinh chép: "Tới địa của chư Phật nhập vào tánh quyết định, thật tướng pháp". Trí địa của chư Phật nghĩa là trí tương ứng đã nhập vào Tam-muội Kim Cương như trước đây, an trụ nắm giữ tất cả công đức của pháp. Nhập thật pháp tướng: Nghĩa là Phật trí này phá bỏ tất cả các tướng thông suốt thật tướng của các pháp. Quyết định tánh: Là tướng của thật pháp, chẳng phải Phật làm nên, cho nên có Phật tánh, không có Phật tánh tự nhiên như thế. Kế là nói là Cố, lấy quyết định giải thích thành tựu câu trên, vì nếu không quyết định thì chẳng phải thật tướng. Lại thâu nhiếp câu trên mà thành tựu câu dưới, vì Như-lai tự nhập vào tướng thật pháp, cho nên có thể khiến người khác được lợi ích về vô tướng.

Kinh: "Phương tiện thần thông giai vô tướng lợi". Phương tiện, thần thông đều là lợi ích vô tướng.

Luận chép: Đây là câu thứ hai khiến cho người khác được nhập vào. Nói phương tiện ấy là tám tướng phương tiện, nghĩa là từ trời Đâu

suất lùi lại cho đến nhập Niết-bàn. Thần thông là sáu thứ thần thông, tức là ba luân hóa độ chúng sanh. Đều là lợi ích vô tướng: Tám tướng phương tiện sáu thứ thần thông như vậy đều bắt đầu từ tự nhập vào thật tướng mà khởi lên, có thể giúp cho người khác đạt được lợi ích vô tướng cho nên nêu quán vô tướng xong ở trước.

Kinh: "Nhất giác liễu nghĩa nan giải nhập chư nhị thừa chi sở tri kiến, duy Phật Bồ-tát nãi năng tri chi". Nhất giác liễu nghĩa khó hiểu khó nhập, chẳng phải chỗ thấy biết của hàng nhị thừa, chỉ riêng Phật và Bồ-tát mới có thể biết được.

Luận chép: Từ đây trở xuống là phần thứ hai nêu ra pháp sở quán cũng có hai câu: Một là trực tiếp nêu ra pháp sở quán sâu xa, hai là đối với người khác nói về pháp sâu xa này. Nhất giác liễu nghĩa: Là nghĩa của nhất tâm bổn giác Như-lai-tạng, vượt qua pháp sâu xa này thì không bao giờ có pháp sâu nào khác. Nan giải là nghĩa rất sâu xa chẳng phải thấy biết của hàng Nhị thừa. Nan nhập là thể rất sâu xa chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể hội nhập. Chính là dùng câu sau để giải thích câu trước, muốn nói về môn đầu tiên đã nêu ra, Phật trí vốn hội nhập tướng thật pháp ấy, dứt khóat là pháp của nhất tâm bổn giác Như-lai-tạng. Như kinh Lăng nghiêm chép: "Vắng lặng ấy gọi là nhất tâm, nhất tâm ấy gọi là Như Lại tạng". Nay văn này nói tướng thật ấy là nghĩa của vắng lặng, nhất giác liễu nghĩa ấy chính là nghĩa của nhất tâm Như-lai-tạng. Luận Pháp Hoa chép: "Chư Phật Như-lai có thể biết thật tướng rốt ráo của pháp kia." Nói thật tướng ấy là nói về nghĩa thể bất biến của pháp thân Như-lai-tạng. Nay kinh này nói nhất giác ấy là tất cả các pháp chỉ là nhất tâm, tất cả chúng sanh là một bổn giác. Vì nghĩa này cho nên gọi là nhất giác. Đến trong phần nói dưới sẽ tiếp tục phân biệt.

Kinh: "Khả độ chúng sanh giai nói nhất vị". Có thể độ chúng sanh đều nói về một vị.

Luận chép: Đây là nói về đối với người khác đều nói về pháp sâu xa. Có thể độ chúng sanh: Như-lai vốn giáo hóa tất cả chúng sanh không có gì chẳng phải sự trôi lăn của nhất tâm. Đều nói một vị: Tất cả giáo pháp Như-lai đã nói ra không pháp nào không làm cho hội nhập ý vị của nhất giác. Muốn nói về tất cả chúng sanh vốn có nhất giác chỉ vì vô minh tùy theo mộng tưởng trôi lăn, đều thuận theo Như-lai nói về một vị chẳng có gì cuối cùng không quy về nguồn gốc của nhất tâm. Lúc quay về nguồn gốc của tâm đều chẳng có gì đạt được nên nói là một vị, tức là nhất thừa. Đầu tiên văn sơ lược nêu ra hoàn tất tùy theo trước.

Kinh: “Nhĩ thời Giải thoát Bồ-tát tức tùng tòa khởi hiệp chưởng hồ quỳ nhi bạch Phật ngôn”. Lúc ấy, Bồ-tát Giải Thoát liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi chắp tay quỳ gối mà thưa đức Phật rằng:

Luận chép: Từ đây trở xuống là phần thứ hai giới thiệu rộng. Trong đó có hai: Trước là thỉnh, sau là nói. Trong phần Thỉnh có hai: Trước là lời tựa về nghi dung của người, sau là nói về lời phát biểu. Lời tựa có hai câu: Một là Dựa vào thời gian bày tỏ con người. Bồ-tát Giải thoát ấy là khiến cho các chúng sanh giải thoát như nhau; nhờ vào người chủ động hỏi (người năng vấn) bày tỏ pháp đã nói ra (pháp sở thuyết). Hai. Lời tựa về lễ nghi, như trong kinh “nói liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi v.v...”

Kinh: “Tôn giả! Nhược Phật diệt hậu chánh pháp khứ thế tượng pháp trụ thế, ư mạt kiếp trung ngũ được chúng sanh đa chư ác nghiệp luân hồi ba cõi vô hữu xuất thời”. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sau khi đức Phật diệt độ, chánh pháp không còn ở đời, tượng pháp trụ ở thế gian, ở trong kiếp cuối cùng chúng sanh đầy năm thứ vẫn đục rất nhiều ác nghiệp luân hồi trong ba cõi không lúc nào vượt ra.

Luận chép: Đây là đến phần thứ hai phát ra lời nói mà thưa thỉnh. Trong đó có hai: Trước là nêu ra thời gian để thật hiện, sau là thưa thỉnh vì chúng sanh kia giảng nói. Từ đầu đến giữa là thời tượng pháp trụ ở thế gian và trong thời mạt kiếp tức là trước đây rộng nói ra kinh là ích lợi của thời chánh pháp. Nay kinh này là vì hóa độ thời gian tượng pháp, tùy theo thời gian lâu mau mà lập ra giáo pháp khác nhau.

Kinh: “Nguyện Phật từ bi vi hậu chúng sanh giảng nói nhất vị quyết định chân thật linh bỉ chúng sanh đẳng đồng giải thoát”. Cúi mong Đức Phật từ bi vì chúng sanh đời sau giảng nói nhất vị quyết định chân thật khiến cho những chúng sanh kia cùng được giải thoát.

Luận chép: Đây là phần thứ hai chính thức thỉnh cầu giảng nói. Giảng nói nhất vị ấy là thỉnh cầu giảng nói ý vị của nhất giác liễu nghĩa. Quyết định chân thật là thỉnh cầu nói về quán hội nhập tướng của thật pháp, khiến cho các chúng sanh kia cùng được giải thoát làm cho các chúng sanh đời sau cuối của thời tượng pháp cùng một vị rốt ráo giải thoát. Nói theo đây thì, giáo có bốn câu: Một là Chính là giáo hóa chánh pháp bao gồm lợi ích thời gian sau, nghĩa là các kinh trước đó. Hai Chính là giáo hóa tượng pháp bao gồm lợi ích thời gian trước, nghĩa là các kinh này. Ba. Giáo hóa tất cả trước sau, nghĩa là các kinh khác. Bốn. Không lợi ích trước sau, trừ bỏ các giáo trước đây như vậy.

Kinh: “Phật ngôn: Thiện nam tử, nhữ năng vấn ngã xuất thế chi

nhân, dục hóa chúng sanh linh bỉ chúng sanh hoạch đắc xuất thế chi quả, thị nhất đại sự bất khả tư nghị, dĩ đại từ cố dĩ đại bi cố, ngã nhược bất nói tức đọa xan tham, nhữ đẳng nhất tâm đến thính vi nhữ giảng nói". Đức Phật nói: Này người thiện nam! Ông hãy hỏi ta về nhân xuất thế, muốn giáo hóa chúng sanh khiến cho chúng sanh kia được quả xuất thế, là một sự việc lớn lao không thể nghĩ bàn. Vì đại từ, vì đại bi nếu ta không nói thì rơi vào tham tiếc, các ông nhất tâm lắng nghe ta sẽ vì ông giảng nói.

Luận chép: Đây là đến phần thứ hai Như-lai vì đó nói ra. Trong đó có hai: Một là Khen ngợi thưa hỏi và đồng ý nói ra. Hai là Đối với sự thưa thỉnh mà giảng nói. Trong phần khen ngợi thưa hỏi nói về nhân của xuất thế là vì nhập vào quán thật tướng. Quả của xuất thế là một ý vị giải thoát. Là một sự việc lớn lao tức nghĩa giống như Vô thượng. Không thể nghĩ bàn là xa lìa ngôn ngữ bặt dứt nghĩ suy. Như kinh Pháp Hoa chép: "Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở thế gian". Luận giả giải thích: Một đại sự dựa vào bốn loại nghĩa. Bốn loại nghĩa gồm? Một là Nghĩa vô thượng, chỉ trừ ra trí Nhất-thiết-trí của Như-lai, lại càng không có sự việc gì khác, như kinh nói "Muốn mở bày tri kiến Phật, vì làm cho chúng sanh biết được thanh tịnh, chonên xuất hiện ở thế gian". Phật tri kiến ấy là Như-lai có thể chứng vì Như thật trí, cho nên biết nghĩa kia. Hai là Nghĩa đồng, vì Pháp Thân của Phật - Bích chi Phật và các Thanh-văn đều bình đẳng, như kinh nói "Muốn chỉ ra tri kiến Phật cho chúng sanh, cho nên xuất hiện ở thế gian". Pháp thân bình đẳng ấy là vì Phật tánh và Pháp thân không hề sai khác. Ba là nghĩa bất tri, vì các hàng Thanh-văn- Bích chi Phật không thể biết nơi chân thật kia. Không biết nơi chân thật ấy vì không biết rốt ráo chi một Phật thừa, như kinh nói "Muốn làm cho chúng sanh hiểu được tri kiến Phật cho nên xuất hiện ở thế gian". Bốn là Khiến cho chứng được địa vị bất thối chuyển, vì thế thị hiện muốn ban cho vô lượng trí nghiệp. Như kinh chép: "Vì muốn khiến cho chúng sanh nhập vào tri kiến Phật, cho nên xuất hiện ở thế gian". Nay trong văn này nói Nhất đại sự ấy cũng có bốn nghĩa: Một là nghĩa vô thượng, như văn trên nói, vì là trí địa của chư Phật nhập vào tướng của thật pháp. Hai là nghĩa đồng, như kinh nói "Nhất giác liễu nghĩa nan giải nan nhập". Ba. Nghĩa bất tri, vì chẳng phải sự thấy biết của các Thanh-văn. Bốn. Nghĩa khiến cho chứng, có thể hóa độ chúng sanh vì thế đều nói về một vị. Khen ngợi thưa hỏi đã xong. Kế là trong phần đồng ý giảng nói cũng có hai câu: Câu đầu trở lại hiển bày không giảng nói là có sai lầm, câu sau

thuận theo nói về khuyên nhắc lắng nghe đồng ý giảng nói.

Kinh: "Thiện nam tử! Nhược hóa chúng sanh vô sanh ư hóa bất sanh vô hóa kỳ hóa đại yên". Này thiện nam! Nếu giáo hóa chúng sanh mà không chúng sanh nào ở nơi giáo hóa, không chúng sanh nào không giáo hóa, sự giáo hóa đó lớn lao thay.

Luận chép: Từ đây trở xuống chính là phần giảng nói. Trong đó có hai: Trước là nói về quán vô tướng trình bày rộng về lợi ích của vô tướng. sau là nói về tâm nhất giác mở rộng nghĩa về nhất giác trước đây. Trong phần quán vô tướng cũng có hai phần: Một. Trực tiếp nói về tướng của quán hành. Hai. Lặp đi lặp lại quyết định các nghi ngờ hỏi. Trong phần một cũng có hai: Trước là phương tiện quán, sau là nói về chánh quán. Trong phương tiện quán, có bốn câu về điều đó: Một câu đầu là nói về Năng hóa, một câu sau khen ngợi sự giáo hóa rộng lớn, hai câu ở giữa chính là nói về tướng quán. Vô sanh ư hóa: Lúc ban đầu tu quán phá bỏ các tướng "có", ở tướng huyễn hóa diệt sanh tâm về "có". Bất sanh vô hóa: Đã phá bỏ tướng giáo hóa kế là lìa bỏ tướng trống không, đối với không có giáo hóa. "Trống không" cũng bất sanh khởi tâm. Vì sao? Vì chúng sanh xưa nay tâm mê muội lìa bỏ tướng, giữ lấy tất cả các tướng động niệm sanh khởi tâm, nên trước phá trừ các tướng, diệt đi tâm giữ lấy tướng, tuy lại phá trừ xong tướng "có" huyễn hóa, rồi mà còn giữ lấy tánh "không" của sự không có giáo hóa đó, giữ lấy tánh "không" nên đối với "không" mà sanh khởi tâm, vì lẽ đó cũng giải tán tánh "không" của không giáo hóa, lúc bất sanh khởi tâm giữ lấy "không" chẳng thể khác được lĩnh hội Trung đạo không hai, giống như Phật vốn hội nhập thật tướng các pháp. Giáo hóa như vậy cho nên sự giáo hóa đó rộng lớn làm sao!

Hỏi: Phương tiện quán này là thuộc về địa vị nào?

Đáp: Nếu kính mến tin tưởng tu thì quyết định ở Thập Tín, tương tự quán đó ở tại ba mươi tâm, luận về thuần tu đó thì ở tại bốn gốc lành, cho nên sẽ nhập vào sơ Địa tiếp cận phương tiện. Hỏi: Nơi khác nói có ba quán vô tánh. Vì sao trong này chỉ nói hai vô? Đáp: Vô tướng - Vô sanh hợp lại thành một phía, vì tướng - sanh đã giải tán cùng là có. Lại hai quán này đều có tầm tư, vì thế lúc lìa bỏ tánh không có thì không có tầm tư. Do đó hoặc khai ra hoặc hợp lại đều có đạo lý. Đã nói về phương tiện, kế là nói về chánh quán.

Kinh: "Linh bỉ chúng sanh giai ly tâm ngã, nhất thiết tâm ngã bổn lai vắng lặng. Nhược đắc không tâm, tâm bất huyễn hóa, vô huyễn vô hóa tức đắc vô sanh, vô sanh chi tâm tại ư vô hóa". Khiến cho chúng

sanh kia đều xa lìa tâm - ngã, tất cả tâm - ngã xưa nay vắng lặng. Nếu đạt được tâm không thì tâm không thể huyễn hóa, không huyễn không hóa tức là đạt được vô sanh, tâm của vô sanh ở nơi vô hóa.

Luận chép: Đây là nói về tướng chánh quán không hai, vì xa lìa hai thứ sở thủ - năng thủ. Lìa sở thủ: Vì xa lìa tất cả tướng người - pháp. Ở đây có hai thứ: Một là giải tán xa lìa, hai là phai mờ xa lìa. Giải tán xa lìa là trước kia vốn giữ lấy tướng nay dứt trừ đi, như kinh chép: "Khiến cho chúng sanh kia đều xa lìa tâm - ngã". Lìa dứt hết các tướng giữ lấy trước đây xưa nay vốn không, như kinh chép: "Tất cả tâm - ngã xưa nay vắng lặng". Nói tâm ngã ấy tức người gọi là Ngã - pháp gọi là Tâm. Vì tâm là nơi nương tựa chủ chốt của các pháp lúc thấu đạt người và pháp xưa nay không, thì tướng vốn giữ lấy trước đây lúc này không khởi, cho nên hai xa lìa trong một lúc được thành tựu. Đã nói xa lìa sở thủ, vì sao xa lìa năng thủ? Nghĩa là xa lìa tất cả năng thủ phân biệt, ở đây cũng có hai thứ: Một là vốn có xa lìa, hai là bắt đầu xa lìa. Nói vốn có xa lìa ấy là lúc thông suốt tâm - ngã xưa nay không, chính là đạt được tâm bổn giác tâm vắng lặng vắng lặng này vốn xa lìa năng thủ, xa lìa năng thủ cho nên vốn có không huyễn hóa. như kinh nói "Nếu đạt được tâm không, thì tâm không có huyễn hóa." Không huyễn hóa ấy là chẳng phải luống dối. Nói bắt đầu xa lìa ấy là lúc đạt được tâm bổn giác vắng lặng này thì năng thủ phân biệt không trở lại có thể sanh ra, tùy theo tâm đã đạt được không có huyễn hóa. Như kinh nói "Không huyễn không hóa tức là đạt được vô sanh". Như vậy, tâm bắt đầu đạt được vô sanh lĩnh hội lý vô hóa của bổn vắng lặng". Nói tâm của vô sanh tại nơi vô hóa, là giả định nói về tâm cảnh cho nên mượn nói là Tại như vậy. Bắt đầu xa lìa năng thủ là nghĩa về Thỉ giác, vốn có xa lìa Không tâm là nghĩa về Bổn giác. Nghĩa tuy có hai mà trộn lẫn thành nhất giác, cùng xa lìa năng sở xa lìa mới cũ. Như Luận giải thích chép: Vì Thỉ giác ấy tức là đồng với Bổn giác, nên biết giác này vĩnh viễn xa lìa các tướng sanh diệt thỉ chung. Bắt đầu từ Sơ Địa cho đến Phật Địa, chỉ có phần - mãn không như nhau mà thôi. Như Thập Địa Luận trong bổn phần chép: "Tự Thể xưa nay Không - có không hai bất tận, cho đến nói rộng ra". Lại, nhất giác này có nghĩa về Bổn - Thỉ, vì có nghĩa về Bổn giác hiển bày thành tựu. Nói về chân tu cũng có đạo lý vì có nghĩa về Thỉ giác tu thành tựu. Bàn về mới tu cũng có đạo lý, như thiên chấp đó tức là có chưa sạch hết, hãy ngưng nương vào luận trở lại giải thích Bổn. Văn mở rộng về quán Vô tướng xong tùy theo trước.

Kinh: "Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Chúng

sanh chi tâm tánh bổn vắng lặng, vắng lặng chi tâm thể vô sắc tướng, vân hà tu tập đắc bổn không tâm, nguyện Phật từ bi vị ngã giảng nói". Bồ-tát Giải Thoát lại bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm tánh của chúng sanh vốn Vắng lặng, tâm Vắng lặng Thể không có sắc tướng, làm sao tu tập đạt được tâm Không vốn có? Cúi xin Đức Phật từ bi giảng nói cho con nghe.

Luận chép: Từ đây trở xuống là phần thứ hai lặp đi lặp lại quyết định nghi ngờ, có bốn lần hỏi - đáp thứ tự quyết định nghi ngờ. Ý hỏi trong câu hỏi thứ nhất có hai: Một là tâm tánh chúng sanh xưa nay Vắng lặng mà hãy còn động niệm trôi lăn từ vô thỉ, vì sao mới tu mà đạt được tâm vốn có? Hai là Thể của tâm Vắng lặng vô sắc tướng, chúng sanh xưa nay thường giữ lấy tướng có, vì sao luyện tập không có mà đạt được tâm Không? Vì thế nói là vì sao tu tập đạt được tâm Không vốn có. Câu hỏi trong này đã nói về tâm của chúng sanh phải là sáu Thức bằng tâm sanh diệt, vì sao có thể biết nhất tâm bổn giác? Đáp: Khởi Tín Luận chép: "Có pháp có thể khơi dậy tín căn Đại thừa, nghĩa là tâm chúng sanh dựa vào pháp nhất tâm có hai thứ môn, cho đến nói rộng ra". Còn như kinh chép: "Vắng lặng ấy gọi là nhất tâm". Nay văn này chép: "Thể của tâm Vắng lặng không có sắc tướng". Nói có ý trái phải làm cho trở lại giống nhau. Nói vô sắc ấy là không hiển bày sắc của các hình tướng. Vô tướng ấy là vì không có các tướng sanh diệt. Văn này chính là hiển bày tâm chân như môn. Trên nói về tâm của chúng sanh tạm thời đưa ra tâm sanh diệt môn, đưa ra tâm sanh diệt hiển bày chân như môn. Vì điều này cho nên chép: Tánh vốn Vắng lặng. Nhưng hai môn này Thể nó không hai, cho nên đều là pháp của nhất tâm.

Kinh: "Phật ngôn: Bồ-tát! Nhất thiết tâm tướng bổn lai vô bổn, bổn vô bổn xứ, vắng lặng vô sanh. Nhược tâm vô sanh tức nhập vắng lặng, tâm vắng lặng địa tức đắc tâm không. Thiện nam tử! Vô tướng chi tâm vô tâm vô ngã, nhất pháp tướng diệc phục như thị". Đức Phật nói: Bồ-tát! Tất cả tâm tướng xưa nay không vốn có, vốn không có nơi vốn có, Vắng lặng vô sanh. Nếu tâm vô sanh tức là nhập vào Vắng lặng, tâm địa Vắng lặng tức là đạt được tâm Không. Này người thiện nam! Tâm của vô tướng không có tâm - không có ngã, tất cả pháp tướng cũng giống như vậy.

Luận chép: câu trả lời này có hai: Chính thức trả lời - quyết định trả lời. Nói Bồ-tát là từ để gọi Giải Thoát Bồ-tát. Văn dưới từ để gọi cũng đều giống nhau. Nhất thiết tâm tướng: Tất cả tâm và tâm sở động niệm của tám thức tương ứng với hành tướng sai khác. Hoặc là hành

hoặc là tướng đều có bốn tướng. Bổn lai vô bổn, bổn vô bổn xứ: Tất cả tâm tướng thì hạt giống là căn bản, cầu hạt giống căn bản này mãi mãi không thật có. Vì sao? Vì đang lúc này đã là quá khứ. Nếu đang lúc này tức là cũng với quả đều không có đầu đuôi khác nhau, như trâu hai sừng. Nếu đã là quá khứ thì không có tác nhân - không có Thể tánh, giống như sừng thỏ. Đạo lý như vậy thì pháp xưa nay như thế. Vì điều này cho nên nói Bổn lai vô bổn. Còn tâm sanh diệt sanh thì chắc chắn dựa vào nơi vốn có, nơi vốn có đã không tức là không thể được sanh ra. Nói là Bổn xứ, nghĩa là đều có căn, năm sắc căn đó đã là sắc pháp, có phương hay không có phương đều không thật có. Ba sở y còn lại đều là vô sắc pháp, có thời hay không có thời hoàn toàn không thật có. Vì thế cho nên cũng nói Bổn vô bổn xứ, nghĩa là từ xưa đến nay không có nơi vốn có đó, đã không có hạt giống vốn có cũng không có nơi chốn vốn có, nên biết tâm tướng xưa nay không có sanh ra. Vì điều này cho nên chép: Vắng lặng vô sanh. Lúc quán sát như vậy không thể nào sanh khởi, tâm năng quán đó cũng không có sở sanh, lúc này chính là nhập vào Vắng lặng vốn có. Đã nhập vào Vắng lặng tức là nhất tâm, tất cả sở y gọi đó là Địa, cho nên nói là: Tức nhập Vắng lặng. Tâm địa Vắng lặng tuy các chúng sanh trôi lăn xưa nay, thường giữ lấy tướng có, nhưng dựa vào môn này là suy xét tìm tòi quán sát, thì có thật có tâm vốn Không, cho nên nói là: Tức đắc tâm Không. Tâm - Không - Không tâm nói có trái phải, chỉ là nghĩa của nhất tâm bổn giác. Chính là trả lời câu hỏi xong tùy theo trước. Dưới đây là kết thúc trả lời. Tâm vô tướng là nêu Thể của một tâm. Vô tâm vô ngã ấy là kết luận điều đã nói trước đó, trong tâm Vắng lặng vô sanh vô tướng, xa lìa tướng tâm - ngã, tướng của tất cả các pháp cũng như vậy ấy là tiếp tục kết luận về Vắng lặng, chẳng phải trực tiếp xa lìa hai tướng tâm - ngã này, tất cả pháp hữu vi - vô vi còn lại đó cho đến các tướng vô tướng có cao hơn - không có cao hơn trong tâm đều xa lìa hết.

Kinh: "Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Nhất thiết chúng sanh nhược hữu ngã giả, nhược hữu tâm giả, dĩ hà pháp giác linh bỉ chúng sanh xuất ly tư phược"? Bồ-tát Giải Thoát lại bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh nếu có ngã, hoặc có tâm dùng pháp nào hiểu biết khiến cho chúng sanh kia vượt ra xa lìa sự trói buộc này?

Luận chép: Từ đây trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai. Trả lời một câu hỏi trước đây là nói chung về phá trừ môn Hữu tướng. Nay trả lời câu hỏi này là nói riêng xa lìa môn hai trói buộc, nêu riêng hai bệnh

để hỏi về thuốc của bệnh đó. Nói là có ngã ấy là bệnh của chấp người, nếu có tâm là bệnh của chấp pháp. Nói sự trói buộc là phân biệt mà nói về điều đó. Chấp người là sự trói buộc nặng nề, chấp pháp là tướng trói buộc. Nói theo Thông thường thì hai chấp đều có tướng trói buộc nặng nề. Lại hai chấp này đều có hai trói buộc, đó là tương ưng trói buộc và năng duyên trói buộc, trong chương về hai chướng nghĩa đó đã có đủ. Trong phần trả lời có hai: Trước là chữa trị chấp người, sau là điều trị chấp pháp, trong phần chữa trị chấp người trước là chung, sau là riêng.

Kinh: "Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu ngã giả linh quán thập nhị nhân duyên." Đức Phật nói: Này người thiện nam! Nếu có ngã thì dạy quán xét mười hai nhân duyên.

Luận chép: Đây là điều trị chung. Quán xét mười hai chi lược có hai môn: 1. Quán vô tác duyên sanh, chữa trị chấp về tác giả, như nói sự việc này có cho nên việc này có. 2. Quán vô thường duyên sanh, chữa trị bịnh chấp thường trụ, như nói việc này sanh cho nên việc này sanh. Lý do Ngã tồn tại lấy hai môn này làm căn bản, gốc đã nhổ bỏ cho nên cành nhánh cũng khô héo theo.

Kinh: "Thập nhị nhân duyên bổn tùng nhân quả, nhân quả sở khởi hưng ư tâm hành, tâm thượng bất hữu hà huống hữu thân. Nhược hữu ngã giả linh diệt hữu kiến, nhược vô ngã giả linh diệt vô kiến." Mười hai nhân duyên vốn thuận theo nhân quả, nhân quả đã khởi lên phát động ở tại tâm hành, tâm còn không có huống chi có thân. Nếu có ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về có, nếu không có ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về không.

Luận chép: Đây là chữa trị riêng. Chữa trị riêng có hai: Một là so sánh chữa trị ; hai là lần lượt chữa trị. Trong so sánh chữa trị nói là Bổn tùng nhân quả là thuận theo chung đưa ra riêng. Nói chung thì, chỉ có nhân và quả. Từ nhân đưa ra hai và ba, từ quả đưa ra năm và hai. Lại, từ nhân đưa ra mười chi, từ quả nói về hai chi cho nên vốn thuận theo căn bản chỉ là nhân quả. Nhân quả đã khởi lên phát động tại tâm hành ấy là, khởi lên nhân quả thì tâm hành làm căn bản, tâm có thể làm nhân thì tâm nhận lấy quả. Tâm còn không có huống chi có thân là dựa vào đạo lý quán sát đã nói ở trên thì tâm không thật có, huống chi tâm vốn làm nên sắc thân là có ư? Thân tâm còn không có huống chi có ngã sao? Lại, tâm không có cho nên nhân quả cũng Không, nhân quả hãy còn Không huống chi có Ngã ư? Lại, nhân quả Không cho nên mười hai chi là Không. Huống chi là Tác giả - Thọ giả v.v... chăng? Như kinh chép: "Bồ-tát quán mười hai nhân duyên như hư không không thể cùng tận",

là nói về điều này. Đã nói là so sánh phá trừ, thế nào là lần lượt chữa trị? Nghĩa là nếu có Ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về có. Nói về so sánh phá trừ trước đây là diệt đi cái chấp ngã. Nếu không có Ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về không, đây chính là lần lượt phá trừ căn bệnh chấp vô ngã. Vì sao? Vì trước đây phá trừ ngã chấp xa lìa căn bệnh ngoại đạo, mà giữ lấy vô ngã cho nên rơi vào căn bệnh của nhị thừa, nay lần lượt phá trừ cái thấy đắm vào không có, Ngã vốn chẳng phải có huống chi có Ngã là không, cho nên hai quán chung và riêng phá trừ Ngã chấp hoàn tất.

Kinh: "Nhược tâm sanh giả linh diệt diệt tánh, nhược tâm diệt giả linh diệt sanh tánh, diệt thị kiến tánh tức nhập thật tế." Nếu tâm sinh ra thì khiến cho dứt trừ tánh diệt, nếu tâm diệt đi thì khiến cho dứt trừ tánh sanh, dứt trừ tánh thấy này thì hội nhập thật tế.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chữa trị về thấy còn lại tâm. Trong đó có hai: Chính là chữa trị và giải thích lại. Pháp của nhị thừa ... chấp còn lại tâm, cho rằng có tâm sanh diệt vô thường, cho nên phá trừ sanh diệt, diệt đi cái thấy còn lại tâm. Nếu còn lại tâm sanh khởi mà thành bệnh thì phá trừ tánh diệt trước, phải dựa vào sự dứt trừ kia giữ lại sanh ra này. Nếu thấy sau khi dứt trừ mà chấp tâm có hiện hữu, nếu tâm không diệt thì cũng giống như sừng thỏ. Phá trừ cái thấy như vậy khiến cho diệt đi tánh sanh, vì bất sanh mà có diệt đi thì không hợp với lý. Dứt trừ tánh thấy này thì hội nhập thật tế ấy là, phá trừ cái thấy tánh diệt đi chắc chắn không giữ lấy sanh, phá trừ cái thấy tánh sanh ra chắc chắn không giữ lấy diệt, cho nên không giữ lấy sanh - diệt, thì chắc chắn không còn lại tâm.

Kinh: "Hà dĩ cố bổn sanh bất diệt, bất diệt bất sanh, bất diệt bất sanh, bất sanh bất diệt, nhất thiết pháp tướng diệc phục như thị". Tại vì sao vốn có sanh mà không diệt đi, không điệt đi bất sanh ra, bất sanh ra không diệt đi, tất cả pháp tướng cũng giống như vậy.

Luận chép: Đây là giải thích lại. Vì sao thấy tâm sanh thì khiến cho diệt tánh diệt, thấy tâm diệt đi thì khiến cho dứt trừ tánh sanh cho nên nói là tại vì sao? Kế là giải Thích Câu hỏi này. Bổn sanh bất diệt: Cầu tâm sanh khởi trước đây mãi mãi không thật có, không thật có thì có pháp nào mà dứt trừ? Như vậy không giữ lại tánh diệt của tâm trước tức là không có thể giữ lấy sanh khởi của tâm này, cho nên nói là Bất diệt bất sanh, là giải thích lý do khiến cho diệt đi tánh diệt. Kế là nói Bất diệt bất sanh, nói lại bất diệt trước dây nay không có thể sanh khởi. Như vậy không đạt được tánh sanh khởi của tâm này, thì không có thể

giữ lấy tánh diệt đi của tâm này, cho nên nói là Bất sanh bất diệt, là giải thích lý do khiến cho diệt đi tánh sanh. Như đối với tâm pháp không có diệt đi - không có sanh ra, các pháp còn lại đó cũng giống như quán này, cho nên nói là tất cả pháp cũng như thế. Hỏi: Nếu cho tâm sanh thật sự phá trừ sự sanh khởi này, đâu cần phải phá trừ sự diệt đi của tâm trước kia? Đáp: Sanh khởi này là hiện tại phá trừ cái có không dễ dàng, tâm trước tự mình vượt qua hiểu rõ Không chẳng khó gì, cho nên trước tiên phá trừ cái dễ dàng mà bỏ đi cái khó đó. Dựa vào thứ tự này phá trừ tánh sanh hiện tại. Từ đó lập tức bỏ đi cái chấp về diệt sau này, đây gọi là phương pháp hết sức khéo léo của y Vương vậy.

Kinh: "Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Nếu có chúng sanh kiến pháp sanh thời linh diệt hà kiến?" Giải Thoát Bồ-tát lại bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh lúc thấy pháp - sanh thì dạy họ diệt trừ cái thấy nào?

Luận chép: Dưới đây là phần hỏi - đáp thứ ba. Kế là lần hỏi - đáp trước nói về căn bệnh thấy của sự diệt. Nay lần hỏi - đáp này nói lên vị thuốc thấy của năng diệt. Lại, trước đây phá trừ cái thấy của hai thời gian sanh - diệt, nay phá trừ cái thấy của hai bên có - không. Ý câu hỏi này là nói nếu hành giả quán xét, thuận theo ý Đức Phật dạy bảo thì lúc quán pháp sanh khởi khiến cho dứt trừ cái thấy nào? Dứt trừ cái thấy nào ấy là hỏi về ý dạy bảo của Đức Phật, tạm thời nêu ra một bên bao gồm nói rõ về quán diệt.

Kinh: "Phật ngôn: Bồ-tát! Nhược hữu chúng sanh kiến pháp sanh thời linh diệt vô kiến, kiến pháp diệt thời linh hữu kiến. Nhược diệt thị kiến đắc pháp chân vô nhập quyết định tánh, quyết định vô sanh." Đức Phật nói: Bồ-tát! Nếu có chúng sanh lúc thấy pháp sanh thì dạy họ dứt trừ cái thấy về Không, khi thấy pháp diệt thì dạy họ dứt trừ cái thấy về có. Nếu dứt trừ cái thấy này thì đạt được sự "không có" chân thật của pháp và nhập vào tánh quyết định, quyết định vô sanh.

Luận chép: Lúc thấy pháp sanh chính là lúc chính là quán tục pháp do nhân duyên sanh, lúc này có thể xa lìa kiến chấp về Không, cho nên nói khiến cho dứt trừ cái thấy về "không". Lúc thấy pháp diệt chính là lúc chính là quán tục pháp xưa nay vốn diệt, lúc này có thể xa lìa chấp "có", cho nên nói khiến cho dứt trừ cái thấy "có". Vì sao trong này nói là khiến cho dứt trừ ấy là vì Đức Phật dạy bảo thường khiến cho người quán sát dứt trừ. Ý này chính là nói về hành giả tu quán lúc pháp sanh khởi chỉ xa lìa cái thấy "không có" mà không chấp còn sự sanh khởi, lúc quán vắng lặng chỉ xa lìa cái thấy "có" mà không chấp

lấy có sự dứt trừ. Vì sao? Vì nếu chấp còn sanh ư? Thì sanh vốn vắng lặng, nếu chấp lấy diệt ư? Thì diệt tức là sanh khởi. Như dưới đây tụng chép: “Nhân duyên sở sanh nghĩa thị nghĩa diệt phi sanh, diệt chư sanh diệt nghĩa thị nghĩa sanh phi diệt, sở dĩ năng ly nhị biên nhi bất trước trung, như kỳ ly vô thủ hữu không” Nghĩa sanh do nhân duyên là nghĩa diệt chẳng sanh, nghĩa diệt các sanh diệt là nghĩa sanh chẳng diệt, cho nên thường lìa hai bên mà không mê đắm Trung, nếu lìa không lấy có phá có lấy Không, đây là rỗng không, giả dối mà chẳng phải sự “không có” chân thật. Nay tuy xa lìa có mà chẳng còn lại Không, như vậy chính là đạt được sự “không” chân thật của các pháp, cho nên nói là đạt được sự “không” chân thật của pháp. Nghĩa quyết định tánh như trước đã nói. Lúc đạt được chân thật Không, quán tâm bất sanh khởi xa lìa tất cả tâm có - không, cho nên nói là quyết định vô sanh.

Kinh: “Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Linh bỉ chúng sanh trụ ư vô sanh thị vô sanh dư?” Bồ-tát Giải Thoát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Khiến cho chúng sanh kia an trụ nơi vô sanh là vô sanh chăng?

Luận chép: Dưới đây là phần hỏi - đáp thứ tư. Trước nói về chân quán lìa bỏ tướng hai bên, nay hiển bày cái hiểu luống dối không xa lìa sanh trụ nghĩa là có hành giả ít học tu quán ý nói phân biệt, quán pháp bất sanh khởi, có thể nhiếp phục sự tán loạn và trụ cảnh Vô sanh, dấy lên ý niệm như vậy cho là bất sanh khởi, sau lúc xuất định khởi lên tăng thượng mạn, ý nói rằng đã đạt được vô sanh pháp nhẫn. Vì phá trừ căn bệnh này cho nên nêu ra căn bệnh để thưa hỏi: An trụ nơi vô sanh là vô sanh chăng?

Kinh: “Phật ngôn: Trụ ư vô sanh tức thị sanh, hà dĩ cố? Vô trụ vô sanh nãi thị vô sanh.” Đức Phật nói: Trụ nơi bất sanh khởi chính sanh khởi. Vì sao? Vì không an trụ bất sanh khởi chính là vô sanh chăng?

Luận chép: trong phần trả lời có hai: trả lời Sơ lược và giải thích rõ lại. Đây chính là trả lời sơ lược, có hai câu về điều đó, câu trước thuận theo nói về Chính là sanh khởi, an trụ nơi cảnh bất sanh khởi tức là tâm phân biệt phát sinh, câu sau lại giải thích về bất sanh khởi nếu tâm không an trụ vào cảnh bất sanh khởi thì lìa bỏ các sự phân biệt là vô sanh nhẫn. Vì thế biết rằng có an trụ thì chẳng phải vô sanh nhẫn. Như vậy trở lại giải thích, văn sơ lược trả lời xong.

Kinh: “Bồ-tát! Nhược sanh vô sanh dĩ sanh diệt sanh, sanh diệt câu diệt bổn sanh bất sanh, tâm thường vắng lặng, vắng lặng vô trụ, tâm vô hữu trụ nãi thị vô sanh.” Này Bồ-tát! Nếu sanh khởi không có

sanh khởi lấy sanh diệt sanh khởi, sanh diệt đều diệt đi, vốn sanh khởi bất sanh, tâm thường Không vắng lặng, Vắng lặng không có an trụ, tâm không có an trụ mới chính là vô sanh.

Luận chép: Đây là giải thích rõ lại, trong đó có hai: Trước nói rõ chính là sanh, sau nói rõ về vô sanh. Nếu có an trụ tâm sanh khởi ở tại cảnh không có sanh khởi, tức là lấy sanh diệt sanh khởi của cảnh giới đó, cho nên nói là “Nếu sanh khởi, không có sanh khởi, lấy sanh diệt sanh khởi”. Tuy diệt sự sanh khởi của cảnh giới mà giữ lấy cái không diệt của diệt đó, ở nơi cảnh không có diệt đó có thể giữ lấy tâm sanh khởi, sanh và diệt đều còn, chẳng lẽ nói là vô sanh ư? Như vậy hai câu nói rõ chính là sanh khởi ở trước, chân thật vô sanh nhẫn thì không thể như vậy. Bên ngoài không giữ lại đối với cái diệt của sở thủ, bên trong bất sanh khởi cái sanh của năng thủ, vì điều này cho nên nói là “Sanh diệt đều diệt”. Nhưng đều diệt này chẳng phải gọi là trở lại không có, suy xét tìm tòi vốn sanh khởi không đạt được sanh khởi đó, đã không có thể sanh khởi sao có thể trở lại diệt đi? Vào lúc chứng đạt lĩnh hội xưa nay vắng lặng cho nên nói là “Bản sanh bất sanh, tâm thường vắng lặng”. Như vậy Vắng lặng bình đẳng về năng sở, không có tâm năng trụ an trụ vào cảnh Không, cho nên nói là “vắng lặng vô trụ”. Như vậy mới gọi là vô sanh pháp nhẫn cho nên nói là “Chính là vô sanh”. Nói về quán Vô sanh hoàn tất tùy theo trước.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Tâm vô hữu trụ hữu hà tu học vi Hữu học dã vi Vô học dã?” Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm không có an trụ thì có gì tu học, là Hữu học hay là Vô học vậy?

Luận chép: Dưới đây là mở rộng về nghĩa Nhất giác trong đó tám lần hỏi - đáp, xét định chia làm hai phần: Hai lần hỏi - đáp trước là chính là mở rộng về nghĩa Nhất giác Như-lai-tạng, sáu lần hỏi - đáp sau dựa theo luận phát sanh luận trừ bỏ các nghi vấn khó xử lý. Đây là câu hỏi đầu tiên, hỏi về tâm không có an trụ. Nếu hàng người Hữu học tức là chẳng phải không an trụ, nếu hàng người Vô học thì chẳng quán hành. Lại, nếu người Hữu học cần phải có tâm sanh khởi, nếu người Vô học thì chỉ là lý Không.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Vô sanh chi tâm, tâm vô xuất nhập bổn Như-lai-tạng tánh tịch bất động.” Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Tâm bất sanh khởi, tâm không ra vào, tánh Như-lai-tạng vốn vắng lặng không lay dộng.

Luận chép: Trong này trước là hiển bày rõ đạo lý - sau chính là

trả lời câu hỏi. Hiển bày rõ đạo lý là lúc đạt được không an trụ thì tâm không có sanh khởi - tâm thường vắng lặng, không có ra ngoài quán đạt được căn bản không phát khởi cũng chẳng phải bắt đầu nhập vào. Vì điều này cho nên nói "Tâm không có ra vào" Như vậy quán tâm đã không có ra vào, tức là tâm Bổn giác Như-lai-tạng, chính là nói về Thỉ giác chính là giống như Bổn giác. Tâm không có sanh khởi này đã làm Bổn tạng xưa nay tánh vắng lặng không còn khởi lên dao động, làm sao có thể vào ra khởi lên hay dừng nghỉ" Lời nói này lại trở thành nghĩa không có ra vào.

Kinh: "Diệc phi Hữu học, diệc phi Vô học, vô Hữu học bất học thị tức Vô học phi Hữu học thị vi sở học". Cũng chẳng phải Hữu học, cũng chẳng phải Vô học, không có học hay không học thì chính là Vô học, chẳng phải không có học chính là sở học.

Luận chép: Đây chính là thức trả lời ý câu hỏi, trong đó có hai: Trước là ngăn dứt - sau là thừa nhận. Đã chẳng phải bắt đầu nhập vào cho nên chẳng phải Hữu học, cũng không có cuối cùng vượt ra cho nên chẳng phải Vô học. Lại, không có tâm năng trụ cho nên chẳng phải Hữu học, chẳng thể không có tâm không an trụ cho nên chẳng phải Vô học. Đây là câu cùng ngăn dứt dừng lại. Không có học hay bất học thì chính là Vô học: Vì không phân biệt sở học tức là không phải năng học, theo nghĩa này cho nên thừa nhận là Vô học. Đây là dựa vào nghĩa chẳng phải Hữu học để thừa nhận là Vô học. Chẳng phải không có Hữu học chính là sở học: Tuy chẳng phải quán về có an trụ - chẳng phải không có hành vô trụ; vì nghĩa này cho nên thừa nhận là Hữu học. Đã là Hữu học cho nên là sở học của người Hạ địa. Đây theo nghĩa chẳng phải Vô học để thừa nhận là Hữu học. Đây là đều thừa nhận tự tại trả lời.

Kinh: "Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Văn hà Như-lai-tạng tánh tịch bất động?" Giải Thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Sao nói tánh Như-lai-tạng vắng lặng không dao động?

Luận chép: Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ hai: Trước đó nói về thỉ giác không khác với Bổn giác của tánh Như-lai-tạng. Nay là chính là nói về tánh Như-lai-tạng tàng ẩn không dao động. Trong này nói lược về nghĩa của Như-lai-tạng. Môn Như-lai-tạng có hai có ba, nói là ba, như trong kinh Bất Tăng Bất Giảm chép: Trong pháp giới chúng sanh thị hiện ba thứ pháp, đều là chân thật Như không khác nhau không sai lệch. Ba pháp gồm? Một là Như-lai-tạng trong thời gian đầu tương ưng với Thể và pháp thanh tịnh, pháp này như thật không luống dối, không

lìa bỏ không thoát khỏi trí là pháp không thể nghĩ bàn, thời gian đầu từ vô thỉ đến nay có pháp Thể tương ưng thanh tịnh này. Hai là Như-lai-tạng trong thời gian đầu "Bổn tế" không tương ưng với Thể và phiền não ràng buộc pháp không thanh tịnh, thời gian đầu này xa lìa thoát khỏi không tương ưng với phiền não ràng buộc pháp không thanh tịnh, chỉ có những năng đoạn về trí Bồ-đề của Như-lai. Ba là Như-lai-tạng trong thời gian vị lai bình đẳng lâu dài cho đến có pháp, tức là tất cả các pháp căn bản, đầy đủ tất cả pháp vốn có tất cả pháp, đối với pháp thế gian không lìa bỏ không thoát khỏi". Xét rằng: "Là nói lên ba thứ Như-lai-tạng môn. Ba thứ ấy là? Một là thường thâu nhiếp Như-lai-tạng, lúc an trụ tự tánh có thể thâu nhiếp công đức quả địa của Như-lai, vì có thể thâu nhiếp Như-lai gọi là Như-lai-tạng. Hai là vốn thâu nhiếp Như-lai-tạng, nghĩa là phiền não ràng buộc, pháp thân thanh tịnh, tất cả đều ở trong trí của Như-lai, đều là sự thâu nhiếp giữ gìn của Như-lai, Như-lai vốn thâu nhiếp gọi là Như-lai-tạng. Ba là bao phủ che lấp Như-lai-tạng, nghĩa là Pháp thân Như-lai bị phiền não che đậy, Như-lai tự ẩn kín gọi là Như-lai-tạng". Tam tạng Chân Đế thật hiện giải thích như vậy: Hiểu hết văn đó, tức là nói trong thời gian vị lai bình đẳng lâu dài cho đến có pháp ấy là Thể của nhất tâm khắp cả ba thời gian. Nhưng trong hai môn trước, đã nói lên thời gian ban đầu (bổn tế), trong đó nói về các thời gian sau (hậu tế). Còn muốn nói về nghĩa của Như-lai, nghĩa là thời gian vị lai bình đẳng lâu dài ấy chính là nghĩa của Như, nói cho đến có (cập hữu) ấy là nghĩa về Lai. Như trong Luận Phật Tánh chép: "Chân như này là có Như trong chẳng phải Như, không có chẳng phải Như cũng Như. Như của nhị thừa ấy là Như trong chẳng phải Như, là chẳng phải Như trong không có chẳng phải Như. Vì sao? Vì người nhị thừa dựa theo luống dối quán các tướng vô thường cho là Chân Như. Quán luống dối này chỉ là có trong nhân quả địa thì không có, vì thế cho nên Như này hoặc thành tựu hoặc hư hoại. Như của Bồ-tát là xa lìa luống dối, dựa theo tánh chân để quán sát Như cho nên đối với hai nơi nhân - quả không khác nhau chỉ thành tựu, không có hư hoại, cho đến nói rộng ra." Vì thế biết thời gian sau (hậu tế) bình đẳng lâu dài chính là nói lên nghĩa như của Đại thừa. Vốn nói cho đến có (Cập hữu) là nói về nghĩa của Lai, đối tất cả pháp quá khứ nói lên một tâm vị lai, như lúc tất cả không còn năm pháp Thủ Uẩn không đến, quả địa mất đi mà không đến. Một tâm này giống như quả địa hãy còn có không bao giờ quá khứ; cho nên nói cho đến có (cập hữu) chính là nói lên nghĩa Lai. Như luận chép: "Từ an trụ tự tánh đến cùng cực đạt được", chính là nói về điều này. Như

vậy một tâm thông suốt làm nơi y chỉ cho tất cả các pháp nhiễm tịnh, tức là phần vắng lặng xưa nay của các pháp căn bản, hằng sa công đức chẳng có gì không đầy đủ, cho nên nói là "bao trùm tất cả pháp", phần dao động tùy theo duyên hằng sa pháp nhiễm chẳng pháp nào không vốn có, cho nên nói là "Đầy đủ tất cả pháp. Nhưng nêu ra pháp nhiễm để so với thể của tâm là không có thể thông suốt khắp nơi, cho nên xa lìa thoát khỏi. Nếu nêu ra thể của tâm so với các pháp nhiễm, thì khắp các pháp nhiễm chẳng pháp nào không thông suốt. Cho nên nói đối với pháp thế gian không lìa, không thoát. Nghĩa không lìa thoát là nghĩa ẩn tàng. Môn thứ ba này nói chung về nhất tâm, thông suốt đối với động - tĩnh làm chỗ dựa cho nhiễm tịnh. môn thứ hai là nói riêng về phần dao động, nơi nương tựa của pháp nhiễm. môn thứ nhất ấy là hiển bày riêng về phần vắng lặng, nơi nương tựa của pháp tịnh. Trong môn thứ hai nói thời gian đầu (bổn tế) không tương ưng với Thể là, các pháp phiền não trái với tâm Thể gọi là không tương ưng. Thể của nhất tâm dao động tùy theo duyên làm chỗ nương cho pháp kia, là thể của pháp không tương ứng. Nói "Và phiền não ràng buộc, pháp không thanh tịnh" ấy là: Pháp kia có thể dựa vào pháp dựa vào tâm Thể mà xoay chuyển, ràng buộc Thể của tự tâm khiến cho tùy theo nhiễm mà hợp lại giữ lấy pháp của năng y - sở y để làm Thể của Như-lai-tạng thứ hai. "Chỉ có những năng đoạn về trí Bồ-đề của Như-lai": Vì chỉ riêng đạo giải thoát có thể chính là đoạn. Nghĩa này đầy đủ như trong chương về hai Chướng giải thích. Trong môn thứ nhất nói thời gian đầu tương ưng với Thể ấy là vì môn vắng lặng xưa nay đầy đủ hằng sa công đức cùng với tâm tương ưng, là Thể tương ưng của công đức. Nói "Và pháp thanh tịnh" ấy là vì tánh công đức năng y xa lìa pháp nhiễm, hợp lại lấy pháp năng y và sở y để làm Thể cho Như Lại tạng thứ nhất. Pháp này như thật không luống dối, trí không lìa bỏ không thoát khỏi là pháp không thể nghĩ bàn ấy là giải thích về nghĩa tương ưng, vì nghĩa của pháp thân cùng với các pháp công đức tương ưng. Như văn trên chép: "Phật pháp tương ưng không xa lìa không thoát khỏi không dứt trừ không sai khác không thể nghĩ bàn gọi là Pháp thân". Nghĩa này thế nào? Thể của một tâm này sơ lược có năm tướng. Những gì là năm? Một là xa lìa tướng sai khác của sở thủ. Hai là thoát khỏi cái chấp phân biệt của năng thủ. Ba là khắp cả thời gian ba đời không có gì không giống nhau. Bốn là hư không giới không có nơi nào không cùng khắp. Năm là không rơi vào các bên có - không - đồng - khác v.v... Vượt lên tâm hành xứ, qua khỏi ngôn ngữ đạo, hơn hẳn hằng sa chủng loại vốn có công đức cũng có năm nghĩa cùng với

Thể tương ưng: một là mỗi mỗi công đức xa lìa tướng sở thủ cho nên chẳng phải sự xa lìa của Pháp thân, cùng với tướng thứ nhất tương ưng, vì kinh nói.”Bất ly”. Hai là mỗi mỗi công đức thoát khỏi sự chấp năng thủ cho nên chẳng phải sự thoát khỏi của pháp thân, cùng với tướng thứ hai tương ưng, như kinh nói “Bất thoát”. Ba là mỗi một công đức này khắp cả thời gian ba đời xuyên suốt trước đến sau không có gián đoạn, cùng với tướng thứ ba tương ưng cho nên nói “Bất đoạn”. Bốn là mỗi một đức này sánh bằng hư không giới, ngang không có nơi này nơi kia khác nhau, cùng với tướng thứ tư tương ưng cho nên nói “Bất dị”. Năm là mỗi một công đức đều xa lìa các bên chẳng phải cảnh giới suy nghĩ - bặt dứt con đường nói năng, cùng với tướng thứ năm tương ưng, như kinh nói “Bất tư nghị”. Các pháp công đức có năm nghĩa này, cùng với Thể không có sai khác dung thông một ý vị. Từ đạo lý này gọi là tương ưng, chẳng giống như Vương - Sổ phân biệt Thể tương ưng.

Nay trong này nói trí không xa lìa không thoát khỏi, pháp không thể nghĩ bàn ấy là trong các công đức sơ lược nêu ra nghĩa về Giác, trong năm tương ưng sơ lược nói về ba nghĩa, đây là nghĩa thứ nhất Năng nhiếp tạng. Nghĩa về ba thứ Tạng sơ lược thuật ra như vậy. Nói về Nhị môn ấy như Kinh Phu Nhân chép: “Không Như-lai-tạng ấy là hoặc xa lìa hoặc thoát khỏi hoặc khác với tất cả phiền não tạng. Bất Không Như-lai-tạng ấy là không xa lìa không thoát khỏi không khác nhau không thể nghĩ bàn về Phật pháp”. Xét rằng: “Các pháp phiền não đều là luống dối vì cảnh không thật cho nên hư, do Thể tán loạn cho nên vọng, vọng cho nên không có chân, hư cho nên không có thật, không có chân thật cho nên nói gọi là Không. Có thể che phủ Như-lai, gọi là Như-lai-tạng, tức là nghĩa về Không, ẩn kín che phủ chân. Tướng của các cảnh phiền não không thật vốn xa lìa pháp thân cho nên nói là “Hoặc xa lìa”. Ràng buộc của các phiền não thể theo vọng chấp là chỗ thoát khỏi của Pháp thân cho nên nói là “Hoặc thoát”. Nói “Hoặc khác” ấy tức là sự phân biệt sai khác luống dối trước kia trái với tính bình đẳng của Pháp thân. Vì ba nghĩa này không tương ứng, là không có chân thật nên tức là nghĩa không. Nói “Bất không” ấy là, tất cả công đức cùng với Thể tương ưng, Thể chẳng phải vọng cho nên chân, cảnh chẳng phải hư cho nên thật. Vì chân thật cho nên nói tên là Bất Không. Như-lai bị che phủ ẩn kín gọi là Như-lai-tạng, các câu như “Không lìa, không thoát v.v...” là giải thích về nghĩa của Bất Không, nghĩa giống như ba thứ Tạng môn đã nói. Nhưng thể Như-lai-tạng của Bất Không trong này chính là pháp thứ nhất trong ba pháp trước, nghĩa không

trong này là pháp thứ hai kia, mà nghĩa của che phủ ẩn kín trong ba thứ Như-lai-tạng kia hợp lại ở pháp thứ ba. Vì thế trong hai thứ trước hiển bày riêng về hai nghĩa Năng nhiếp và Sở nhiếp, nay hại loại Như-lai-tạng môn này muốn hiển bày nghĩa Không, ẩn tàng che phủ chân thật, nên riêng hai nghĩa Năng che và bị che. Lại nữa hai kinh này cùng hiển bày nghĩa riêng cho nên hai môn hai là ba giải thích khác nhau. Tạm thời kết thúc luận về Thừa mà trở lại giải thích bổn văn.

Kinh: "Phật ngôn: Như-lai-tạng giả sanh diệt lự tri tướng, ẩn lý bất hiển thị Như-lai-tạng tánh tịch bất động." Đức Phật nói: Như-lai-tạng ấy là tướng sanh diệt suy nghĩ hiểu biết, lý ẩn kín không hiển bày là tánh vắng lặng không dao động của Như-lai-tạng.

Luận chép: Tướng sanh diệt suy nghĩ hiểu biết ấy tức là Không Như-lai-tạng. Nhưng trong văn này hiển bày nghĩa Năng ẩn mà không gọi đây là Như-lai-tạng. Nói lý ẩn kín không hiển bày là Như-lai-tạng ấy là Bất Không Như-lai-tạng, dựa theo nghĩa Sở ẩn gọi là Như-lai-tạng. Nói tánh vắng lặng không dao động ấy là hiển bày Tạng tánh này, tuy ẩn kín mà không thay đổi. Tánh này có năm nghĩa, như Vô Tướng Luận chép: "Một là nghĩa chủng loại là nghĩa Tánh, như các loại bình chậu áo quần v.v... tất cả sắc pháp không xa lìa bốn Đại, chủng loại đều lấy bốn Đại làm tánh. Như vậy chúng sanh không vượt ra một cõi giới, đều dùng một cõi giới làm chủng loại, Nhiếp Đại thừa Luận gọi là Thể loại nghĩa, trong Phật tánh luận gọi là Tự tánh nghĩa, nói có nhiều cách mà ý không khác nhau. Hai là nghĩa về nhân là nghĩa Tánh, như trong gỗ có tánh lửa, cùng với lửa làm nhân cho nên gọi là tánh. Như vậy các pháp vô lậu của bậc Bậc Thánh lấy đây làm nhân mà được thành tựu, trong hai Luận kia cùng gọi là về nghĩa về nhân. Ba là nghĩa về sanh là nghĩa Tánh, như luyện vàng thật sanh ra đồ dùng trang nghiêm các thứ này được sanh ra lấy vàng làm tánh; cõi giới này cũng như vậy, có thể phát sinh quả địa của năm Phần pháp thân, nảy sinh pháp Thân thân cõi giới này làm tánh, trong Nhiếp Đại thừa luận cũng gọi là Sanh nghĩa, trong Phật Tánh Luận gọi là Chí Đắc Nghĩa, bởi vì nghĩa của Biệt nhân là ở trước quả, ngay nơi đã nảy sinh gọi là Chí Đắc nghĩa. Bốn là nghĩa về không thay đổi là nghĩa Tánh, giống như tánh quý báu của kim cương tồn tại ngang một kiếp không thêm thêm không bớt bớt. Như vậy cõi giới này an lạc trụ ngang bằng ba đời, thế gian không hư hoại - xuất thế gian không cùng tận, trong hai Luận kia gọi là Chân thật nghĩa, nghĩa chân thật ấy là nghĩa không hư hoại, cho nên nói khác nhau mà ý như nhau. Năm là nghĩa về mật tạng là nghĩa Tánh, như trong đá vàng

(hoàng thạch) có tánh vàng thật, nếu không phá vỡ quặng mỏ thì không có gì lợi ích, thuận theo nung luyện sửa trị thì có công dụng quý báu. Vì thế cho nên tánh kia là nghĩa tàng ẩn kín đáo. Tánh Như-lai-tạng nên biết rằng cũng như vậy, không phá bỏ sự ràng buộc vì bên ngoài, vì ô nhiễm, phá bỏ sự ràng buộc tương ưng trở thành bên trong trở thành thanh tịnh, cho nên biết rằng tánh này là nghĩa của mật tạng. Trong luận Phật Tánh gọi là nghĩa Bí Mật, Luận Nhiếp Đại thừa gọi là Tạng nghĩa, nghĩa như nhau mà nói khác nhau, rõ ràng như vậy có thể thấy. Nay trong văn nói về tánh là bao gồm năm nghĩa này. Vắng lặng không dao động là nói lược về hai thứ sau. Vắng lặng là nghĩa của Mật tạng, không dao động là nghĩa không thay đổi, do đó trên đây chính là mở rộng về nghĩa của Nhất Giác hoàn tất.

Kinh: "Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vân hà sanh diệt lự tri tướng?" Bồ-tát Giải thoát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Sao nói là tướng sanh diệt suy nghĩ hiểu biết?

Luận chép: Từ đây trở xuống có sáu lần hỏi - đáp nhờ luận để sanh khởi giải quyết các nạn nghi. Đây lần hỏi đáp thứ nhất nói về tướng suy nghĩ hiểu biết thường ẩn kín.

Kinh: "Phật ngôn: Bồ-tát! lý vô khả bất nhược hữu khả bất tức sanh chư niệm thiên tư muôn lự thị sanh diệt tướng". Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Lý không có đúng sai, nếu có đúng sai thì nảy sinh nhiều niệm suy nghĩ, là tướng sanh diệt.

Luận chép: Trong câu trả lời có hai lớp: Trước là trả lời sơ lược - sau là mở rộng phát triển. Trong phần sơ lược trả lời hai câu trước nêu ra sở mê. Vốn mê mờ lý tâm hành xứ diệt, cho nên nói "Lý vô khả bất". Khả ấy là đúng, Bất ấy là sai. Lý dứt bốn câu lìa đúng sai, những hành xứ của tâm phân biệt sai trái. Kế là nói về năng mê. Nếu có đúng sai thì sinh ra nhiều niệm ấy là vì có vô minh không hiểu được bình đẳng, lập tức có tâm phân biệt đúng sai, do vậy khởi lên đủ sáu thứ tâm ô nhiễm. Nhiều niệm suy nghĩ là tướng sanh diệt: Sáu thứ tâm ô nhiễm tuy có thô tế nhưng đều trái với bình đẳng, cho nên là tướng sanh diệt. Như trong Khởi Tín luận chép: "Lại, tướng sanh diệt phân biệt ấy sơ lược có hai thứ. Thế nào là hai? Một là thô, vì cùng với tâm tương ưng. Hai là tế, vì cùng với tâm không tương ưng. Lại, thô của trong thô là cảnh giới phàm phu, tế ở trong thô - thô ở trong tế là cảnh giới Bồ-tát, tế ở trong tế là cảnh giới Phật. Hai thứ sanh diệt này dựa vào vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân - dựa vào duyên. Dựa vào nhân ấy là nghĩa của không hiểu biết, dựa vào duyên ấy là nghĩa của vọng tác cảnh giới.

Nếu nhân diệt đi thì duyên diệt, nhân diệt cho nên tâm không tương ưng diệt, duyên diệt cho nên tâm tương ưng diệt”. Xét rằng: “Thô trong này cùng với tâm tương ưng ấy gọi là ba thứ tương ưng nhiễm, tế không tương ưng với tâm ấy là ba thứ không tương ưng nhiễm. Thô trong thô gọi là chấp tương ưng nhiễm - chẳng đoạn tương ưng nhiễm đều ở sáu Thức cho nên cảnh giới phàm phu. Tế ở trong thô ấy gọi là trí phân biệt tương ưng nhiễm ở Thức thứ bảy, Thô ở trong tế gọi là hiện sắc không tương ưng nhiễm thường thấy tâm không tương ưng nhiễm. Tế ở trong tế gọi là nghiệp căn bổn không tương ưng nhiễm. Ba thứ này đều ở vị trí thức thứ tám. Trong này ba thứ tế sanh diệt bị gió vô minh làm cho dao động, vì thế nói “Nhân diệt cho nên tâm không tương ưng diệt”; ba thứ thô sanh diệt, bị gió cảnh giới làm dao động, nên nói duyên diệt thì tâm tương ưng diệt. Trong đó biết đích xác, như trong Luận, Sớ kia giải thích.”Nay kinh này nói “thiên tư” ấy là thâu nhiếp chung phân biệt tế của tất cả không tương ưng nhiễm, “Muôn lự” là chung thâu nhiếp phân biệt thô của tất cả tâm tương ưng nhiễm. Hai thứ này đều là tướng của động niệm, vì điều này cho nên nói là tướng sanh diệt.

Kinh: “Bồ-tát quán bổn tánh tướng, lý tự mãn túc, thiên tư muôn lự bất ích đạo lý, đồ vi động loạn thất tổn tâm vương.” Bồ-tát quán sát tánh tướng vốn có, lý tự nhiên đầy đủ, nhiều niệm suy nghĩ không ích gì cho đạo lý, chỉ làm hỗn loạn mất đi tâm vương lúc đầu.

Luận chép: Dưới đây là mở rộng, trong đó có ba: Một là đối với tướng sanh diệt nói lên lý đầy đủ. Hai là đối với lý đầy đủ nói về nhiễm thiếu sót mất đi. Ba là phân rõ thuận theo lý diệt nhiễm không còn dao động là lợi ích hướng vắng lặng. Trong phần đầu nói là Bồ-tát ấy là từ để gọi Bồ-tát Giải Thoát. Quán sát tánh tướng vốn có ấy là Đức Phật quán xét tánh Bổn giác Như-lai-tạng. Lý tự nhiên đầy đủ là vốn quán xét Bổn giác Như-lai-tạng lý đầy đủ vô lượng tánh công đức. Như trong Luận Khởi Tín chép: “Lại, chân như tự Thể tướng ấy từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả công đức, đó gọi là nghĩa về Tự Thể có ánh sáng trí tuệ rộng lớn, nghĩa về soi chiếu khắp cả pháp giới, nghĩa về chân thật hiểu biết, nghĩa về tự tánh thanh tịnh tâm, nghĩa về thường lạc ngã tịnh, nghĩa về trong lành tự tại không thay đổi. Đầy đủ như vậy vượt quá hằng sa Phật pháp không xa lìa không dứt trừ không khác nhau không thể nghĩ bàn cho đến đầy đủ không có nghĩa nào bị thiếu đi cho nên gọi là Như-lai-tạng, cũng gọi là Như-lai pháp thân. “Nay kinh này nói Lý tự nhiên đầy đủ, nói chung đầy đủ công đức như vậy. Văn đoạn thứ nhất hoàn tất. Kế là nói về sai lầm của động niệm sanh diệt. trong đó nói

chung về không ích lợi mà có tổn hại, như trong Luận kia giải thích mở rộng về nghĩa này nói".

Hỏi: Trước nói chân như Thể đó bình đẳng, xa lìa tất cả tướng, vì sao lại nói Thể có các loại công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật sự có nghĩa về các công đức này, mà tướng không có sai khác, cùng một vị như nhau duy nhất chân như. Nghĩa này nói gì? Vì không có phân biệt xa lìa tướng phân biệt, vì thế cho nên không có hai. Lại vì sao có thể nói về sai khác? Vì dựa vào tướng sanh diệt của nghiệp thức để chỉ ra. Đây vì sao chỉ ra? Vì tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm thật sự không có tướng niệm, mà có vọng tâm bất giác khởi niệm, thấy các cảnh giới cho nên nói là vô minh, tâm tánh không khởi lên chính là nghĩa của ánh sáng trí tuệ rộng lớn. Nếu tâm khởi lên thấy thì có tướng của không thấy, tâm tánh xa lìa thấy tức là nghĩa của soi chiếu khắp cả pháp giới. Nếu có tâm dao động thì chẳng phải chân thật hiểu biết, không có tự tánh chẳng phải thường - chẳng phải lạc - chẳng phải ngã - chẳng phải tịnh, cho đến nghĩa của đầy đủ vượt quá hằng sa các vọng nhiễm bình đẳng. Đối chiếu với nghĩa này cho nên tâm tánh không dao động tức là có nghĩa thị hiện về vượt quá hằng sa, bình đẳng các tướng công đức thanh tịnh. Nếu tâm có khởi lên lại thấy pháp trước đây có thể niệm nhớ, tức là có các thiếu kém. Như vậy pháp thanh tịnh pháp công đức vô lượng tức ngay một tâm này lại không có gì niệm nhớ. Thế nên đầy đủ gọi là tạng Pháp thân của Như-lai. "Nay kinh này nói chỉ làm hỗn loạn là vì tâm có dao động chẳng phải chân thật hiểu biết, không có tự tánh, chẳng phải Thường - Lạc - Ngã - Tịnh v.v... cho nên nói là dao động. Vì tâm khởi lên thấy tức là có các tướng của không thấy, cho nên nói là hỗn loạn. Mất đi tâm vương ban đầu là vô lượng công đức ngay nơi một tâm này, một tâm làm chủ nên gọi là tâm vương. Sanh diệt dao động hỗn loạn làm trái tâm vương này không thể nào quay trở về cho nên nói là mất đi.

Kinh: "Nhược vô tư lự tức vô sanh diệt, như thật bất khởi, chư thức an tịch lưu chú bất sanh, đắc ngũ pháp tịnh, thị vị Đại thừa". Nếu không có lo nghĩ thì không có sanh diệt, như thật sự không khởi lên, các Thức yên ổn vắng lặng nhập vào bất sanh, đạt được năm pháp thanh tịnh đây gọi là Đại thừa.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba thuận theo lý diệt nhiễm không còn dao động chính là vắng lặng. Trong đó có hai: Chính thức hiển bày - trở lại thành tựu. Đây tức là chính thức hiển bày không còn dao động chỉ có vắng lặng. Nếu không có suy xét ấy là bắt đầu từ Sơ

Địa cho đến Phật Địa, dần dần thuận theo một tâm bình đẳng pháp giới, không bao giờ có tất cả suy xét phân biệt. Thì không có sanh diệt: Do suy xét trước đây có tướng sanh diệt, nay không có suy xét không bao giờ có phân biệt, hai thứ sanh diệt cuối cùng xa lìa. Từ đó trở đi thuận theo lý không dao động, cùng tận thời gian vị lai không trở lại còn dao động cho nên nói là như thật sự không khởi lên. Lúc hai thứ sanh diệt rốt ráo chấm dứt, tám chủng Thức dao động đều được trở về vắng lặng yên ổn, sáu nhiễm nhập vào mãi mãi dứt trừ không phát khởi, cho nên nói là các Thức yên ổn vắng lặng nhập vào bất sanh. Nhập vào bất sanh cho nên pháp giới hiển bày trọn vẹn, các Thức yên ổn vắng lặng cho nên bốn trí thành tựu hoàn toàn, vì thế nói là được năm pháp thanh tịnh. Công lao vận tải không gì hơn được nơi này, tổng kết nói đây là Đại thừa. Chính thức nói về không còn dao động thành tựu là vắng lặng đã xong.

Kinh: "Bồ-tát! Nhập ngũ pháp tịnh tâm thức vô vọng, nhược vô hữu vọng tức nhập Như-lai tự giác Thánh trí chi địa, nhập trí địa giả thiện tri nhất thiết tùng bổn bất sanh, tri bổn bất sanh tức vô vọng tưởng". Này Bồ-tát! Nhập vào năm pháp thanh tịnh thì tâm không còn vọng, nếu không có vọng tức là nhập vào địa vị Thánh trí tự giác của Như-lai, nhập vào trí địa là khéo biết tất cả từ lúc đầu bất sanh, biết lúc đầu bất sanh tức là không có vọng tưởng.

Luận chép: Đây là tiếp tục hiển bày tức là có ba câu: Thứ nhất chép: "Nhập vào năm pháp thanh tịnh thì tâm không còn vọng" ấy là lúc quay về nguồn tâm thì không có sự không hiểu biết của vọng niệm. Thứ hai nói "Nếu không có vọng tức là nhập vào địa vị Thánh trí tự giác của Như-lai "Ấy là lúc sự không hiểu biết không còn lập tức nhập vào địa vị viên trí của Thỉ giác, là đối với không hiểu biết hiển bày đầy đủ Thỉ giác. Thứ ba chép: "Nhập vào trí địa ấy là khéo biết tất cả từ lúc đầu bất sanh, biết lúc đầu bất sanh tức là không vọng tưởng" ấy là lúc đầy đủ Thỉ giác có thể biết bốn tướng không hiểu biết động niệm xưa nay bất sanh, tức là biết xưa nay không có vọng tưởng, là hiển bày Thỉ giác không khác Bổn giác. Như trong Khởi Tín Luận chép: "Tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối tiếp nhau không hề lìa niệm cho nên nói là vô thỉ vô minh. Nếu đạt được vô niệm ấy, tức là biết tâm - tướng sanh trụ dị diệt vì những vô niệm, mà thật sự không có khác nhau với thỉ giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập vì xưa nay bình đẳng một Giác như nhau". Xét rằng: Trong này nói "Nếu đạt được vô niệm tức là biết tâm - tướng sanh trụ dị

diệt” ấy chính là hiển bày rõ “Khéo biết tất cả” trong kinh. “Mà thật sự không có khác nhau với thỉ giác” ấy tức là hiển bày “Khéo biết từ lúc đầu bất sanh” trong kinh. “Vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập, vì xưa nay bình đẳng một Giác như nhau” ấy tức là hiển bày “Biết lúc đầu bất sanh tức là không có vọng tưởng” trong kinh. Dụ về trong mộng vượt sông trong này thuận theo giải thích rộng ra vậy.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vô vọng tưởng giả ứng vô chỉ tức”. Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Không có vọng tưởng ấy nên không có dừng lại.

Luận chép: Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ hai nói về không có dừng lại. Ý câu hỏi chép: Vốn không thật có vọng tưởng thì không thật có ý dừng lại. Cái dừng lại (sở chỉ) không có cho nên làm cho dừng lại (năng chỉ) cũng không có. Không có làm cho dừng lại (năng chỉ) cho nên thuận theo không có Thỉ giác. Chất vấn như vậy.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Vọng bổn bất sanh vô vọng khả tức, tri tâm vô tâm vô tâm khả chỉ, vô phân vô biệt hiện thức bất sanh, vô sanh khả chỉ thị tức vô chỉ diệt phi vô chủ. Hà dĩ cố, chỉ vô chỉ cố”. Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Vọng vốn bất sanh không có vọng để chấm dứt, biết tâm không có tâm - không có tâm có thể dừng lại, không có phân biệt không có sai khác hiện tại biết bất sanh, không có sanh khởi để dừng tức là không có dừng cũng chẳng phải không có dừng. Tại vì sao? Vì dừng lại không có dừng lại.

Luận chép: Ý trả lời có hai: Trước là thừa nhận không có dừng lại. Sau là ngăn dứt không có dừng lại. Thừa nhận ấy là vì Thỉ giác không khác với Bổn giác. Ngăn dứt ấy là vì Thỉ giác chẳng phải chỉ là bổn giác. Dừng lại (tức) và chấm dứt (chỉ) trong thừa nhận khác nhau thế nào? Vọng khởi lên dao động cho nên có thể dừng lại, tâm rong ruổi phân tán cho nên có thể chấm dứt, mà vốn không có khởi lên - không có rong ruổi cho nên không thể dừng lại, không thể chấm dứt mà thôi. Vô phân ấy là vì không có tướng phân chia đối với cái thấy. Vô biệt ấy là vì không có cái thấy sai khác đối với tướng. Tướng và thấy đã không có phân biệt, thức hiện tại xưa nay bất sanh khởi, quá khứ vị lai bất sanh khởi, kẻ ngu người trí biết điều đó, dựa theo hiện tại nói về vốn bất sanh khởi. Đã không có những dừng lại (sở chỉ) sự sanh khởi của không hiểu biết (bất giác), thì không có khả năng dừng lại (năng chỉ) sai khác của lúc đầu hiểu biết (thỉ giác), căn cứ vào Không hai môn thừa nhận như vậy. Cũng chẳng phải không dừng lại là chẳng phải không có sự hiểu biết lúc đầu (Thỉ giác) không khác nhau. Vì dừng lại không có dừng lại

ấy là khả năng dừng lại (năng chỉ) không có vọng tâm sanh khởi, tuy sanh khởi không thật có mà chẳng phải chỉ có bất sanh khởi, chẳng phải chỉ có bất sanh khởi cho nên chẳng thể không có những sự dừng lại (sở chỉ), vì lẽ đó chẳng phải không có hiểu biết về khả năng dừng lại (năng chỉ) trả lời như vậy.

Kinh: "Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Nhược chỉ vô chỉ, chỉ tức thị sanh, hà vị vô sanh?". Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu như dừng lại không có dừng lại, thì dừng lại tức là sanh khởi, sao nói là không có sanh khởi?

Luận chép: Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ ba nói về vô sanh quán. Ý chất vấn: Nếu có hiểu biết về khả năng dừng lại, thì nảy sinh quán về khả năng dừng lại, tuy bỏ đi sự dấy lên của không hiểu biết, mà còn tồn tại sự sanh khởi của hiểu biết ban đầu, sao nói là khả năng chứng được vô sanh quán vậy.

Kinh: "Phật ngôn: Bồ-tát! Đương chỉ thị sanh, chỉ dĩ vô chỉ, diệt bất trụ ư vô chỉ diệt bất trụ ư vô trụ, vân hà thị sanh?". Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Đang dừng lại là sanh khởi, dừng lại rồi không có dừng lại, cũng không an trụ vào không có dừng lại, cũng không an trụ vào không có an trụ, cũng không an trụ vào không có an trụ, thế nào là sanh khởi?

Luận chép: Ý trả lời có hai: Trước là cho nhận - sau là lấy đi. Cho ấy là cho phép sanh khởi ở Phương tiện quán, vì sanh khởi tâm năng dừng lại (năng chỉ tâm sanh). Hơn nữa, thời gian của Thế đệ nhất pháp tuy dừng lại Thức sanh khởi không giữ lấy nơi thức, mà tâm năng dừng lại giữ lấy "không có" mà sanh khởi. Lúc đang dừng lại này chính là thừa nhận sự sanh khởi. Vì điều này cho nên nói "Đang dừng lại là sanh khởi". Vượt qua một niệm này tức là không giữ lấy "không có", không giữ lấy "không có" cho nên tâm giữ lấy bất sanh khởi. Vì điều này cho nên nói "Dừng lại rồi không dừng lại". Lúc này xa lìa tất cả phân biệt, không an trụ vào nơi "không có" của không dừng lại (vô chỉ), cũng không giữ lấy tâm tự không có an trụ đó, năng sở vĩnh viễn đoạn tuyệt, bình đẳng và bình đẳng, thế nào là lúc có thật có sự sanh khởi này? Trả lời như vậy.

Kinh: "Giải thoát Bồ-tát như bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vô sanh chi tâm hữu hà thủ xả, trụ hà pháp tướng? Phật ngôn: Vô sanh chi tâm bất thủ bất xả, trụ ư bất tâm, trụ ư bất pháp". Bồ-tát Giải thoát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm không có sanh khởi có gì lấy bỏ, an trụ pháp tướng nào? Đức Phật nói: Tâm không sanh không lấy không bỏ

an trụ vào nơi không tâm (bất tâm), an trụ vào không pháp (bất pháp).

Luận chép: Đây là lần hỏi - đáp thứ tư bỏ đi cái thấy thêm bớt, nghĩa là nhiều người học vẫn còn dấy lên ý niệm này, tâm nhập vào quán giữ lấy lý vô tướng - xả bỏ sự của các tướng. Vì bỏ đi cái thấy tăng thêm này nên nói là "Không lấy, không bỏ". Hoặc dấy lên niệm này: Lúc nhập vào quán hoàn toàn không có pháp sở trụ, cũng không có tâm năng trụ, như vậy chẳng khác đối với cuối cùng vô vi. Trừ bỏ cái thấy giảm bớt này cho nên nói "Trụ ở không tâm, trụ ở không pháp". Tuy chẳng phải có an trụ chẳng phải không an trụ, chẳng phải không có an trụ cho nên có thể nói là an trụ.

Kinh: "Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vân hà trụ ư bất tâm, trụ ư bất pháp? Phật ngôn: Bất sanh ư tâm thị trụ bất tâm, bất sanh ư pháp thị trụ bất pháp". Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là an trụ vào không tâm, an trụ vào không pháp? Đức Phật nói: Bất sanh khởi đối với tâm là an trụ vào không tâm, bất sanh khởi đối với pháp là an trụ nơi không pháp.

Luận chép: Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ năm tiếp tục bỏ đi tình ý nghi ngờ. Lời của tình ý nghi ngờ: Đã nói an trụ tức là tùy theo tâm hay pháp? Nếu không là tâm - pháp thì phải nói là không an trụ, lời nói này rất sâu, làm thế nào tin hiểu được. Nghi ngờ như vậy. Ý trả lời của đức Phật nói: Không giữ lại quán tâm năng chứng - không giữ lại lý pháp sở chứng, cho nên nói bất sanh đối với tâm, bất sanh đối với pháp thì sanh khởi vẫn còn. Đã thường không tồn tại tâm - pháp, không phải hoặc là thất niệm mà tồn tại, cho nên nói là an trụ không tâm, là an trụ không pháp thì an trụ còn thường hằng. Thường hằng không lui sụt cho nên gọi là Trụ, nghĩa về Trụ như vậy, càng thuận với không tâm, sao để cho trái ngược lẫn nhau ở trong đó? Chính là trả lời như vậy, về sau tức là hiển bày trở lại.

Kinh: "Thiện nam tử! Bất sanh tâm pháp tức vô y chỉ, bất trụ chư hành tâm thường vắng lặng vô hữu dị tướng, thí bỉ hư không vô hữu động trụ, vô khởi vô tác vô bỉ vô thử, đắc không tâm nhãn, đắc pháp không thân, ngũ ấm lục nhập tất giai vắng lặng". Này người thiện nam! Bất sanh khởi tâm pháp tức là không có dựa vào dừng, không trụ vào các hành thì tâm thường vắng lặng, không có tướng sai khác ví như hư không kia không có dao động an trụ, không có phát khởi không có tạo tác không có đây không có kia, đạt được con mắt không tâm, đạt được thân pháp không, năm ấm sáu nhập thảy đều là không vắng lặng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai hiển bày lại. Trong đó có

hai: Trước là nói lên xa lìa các tướng rộng khắp ba đời, sau là nói lên thuận theo pháp giới tu đủ sáu độ. Ba câu trong phần đầu nói là pháp dụ hợp. Bất sanh tâm pháp: Trích lại câu chính trả lời trước đó. Tức vô y chỉ: Theo chiều ngang không có sự khác nhau giữa năng y và sở y. Không trụ các hành: Theo chiều dọc không có các hành ở đang hiện tại. Không từng đang là cho nên tâm thường vắng lặng. Không có năng sở cho nên không có tướng sai khác. Từ "thí bỉ v.v..." trở xuống là thứ hai dẫn ra Dụ. "Không có dao động an trụ: Giống như bầu hư không thế gian vô vi thường trụ không có dao động của trước mất sau sanh". Thí như đối với không trụ vào các hành, cũng không có sự an trụ của năng y sở y, so sánh với tức là không có dừng lại dựa vào, không có phát khởi không có tạo tác, tức là đồng với tâm thường thường vắng lặng, không có kia không có đây, không sai khác không có tướng khác nhau, vì thế nêu ra hư không, dụ cho quán Bất sanh. Trong đó hợp lại nói "được với tâm không": Do bất sanh khởi tâm năng quán cho nên đạt được không có gì không thể quán. Đắc pháp không thân: Vì bất sanh khởi pháp sở quán cho nên đạt được pháp thân bình đẳng. Năm ấm giai không. Vì đạt được con mắt không tâm thông hiểu đối với ba đời cho nên năm ấm là không, hợp cùng hư không không phát khởi tạo tác ở trước. Lục nhập tất không: Vì đạt được thân thể pháp không, khắp nơi trong ngoài sáu nhập là không, hợp cùng hư không ở trước, không kia đây.

Kinh: "Thiện nam tử! Tu không pháp giả, bất y ba cõi, bất trụ giới tướng, thanh tịnh vô niệm, vô nhiếp vô phóng, tánh đẳng kim cương, bất hoại tam bảo, không tâm bất động cụ lục ba-la-mật". Này người thiện nam! Người tu pháp không, chẳng dựa vào ba cõi, không trụ vào giới tướng, thanh tịnh vô niệm, không gom lại không phát ra, tánh sánh bằng Kim Cương, không làm hỏng Tam Bảo, không tâm bất động đầy đủ sáu Ba-la-mật.

Luận chép: Là phần thứ hai biểu hiện tu đủ sáu độ. Tu pháp không là: Nhắc lại tâm vắng lặng ở trước. Ở dưới hiển bày riêng đầy đủ sáu độ. Không dựa vào ba cõi cho nên đầy đủ Thí Độ, không trụ vào giới tướng cho nên đầy đủ Giới Độ, thanh tịnh vô niệm cho nên đầy đủ Nhẫn Độ, không gom lại không buông ra cho nên đầy đủ Tinh tiến, tánh sánh bằng Kim Cương cho nên đầy đủ Thiền định, không làm hoại Tam bảo, cho nên đầy đủ Bát-nhã. Tại vì sao? Vì chỉ một tâm quán xét soi chiếu cùng khắp đáng theo, bặt dứt các sự tranh luận cho nên đầy đủ Tam bảo. Nghĩa Tam bảo thành tựu cho nên nói là Bất hoại. Chỉ một không có hành động tạo tác khác nhau mà đầy đủ sáu độ, cho nên nói không

tâm bất động đầy đủ sáu Ba-la-mật.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Lục Ba-la-mật giả giai thị hữu tướng, hữu tướng chi pháp năng xuất thế da? Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã sở nói lục Ba-la-mật giả vô tướng vô vi”. Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Sáu Ba-la-mật, đều là tướng có, pháp của tướng có, có thể xuất thế chăng? Đức Phật nói Này người thiện nam! Sáu Ba-la-mật ta đã nói ấy là vô tướng vô vi.

Luận chép: Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ sáu hiển bày lại nghĩa xuất thế của sáu độ. Người hỏi thừa dịp nghi ngờ mà làm lý do quyết định, nêu ra sự tướng sáu độ thế gian vì nghi ngờ trong tâm xuất thế đầy đủ sáu độ. Trong trả lời có hai: Một là nêu ra sơ lược, hai là giải thích rộng. Đây chính là nêu ra sơ lược. Nói vô tướng ấy là lìa bỏ tướng ba luân: Thí - Thọ v.v... Nói vô vi là lìa bỏ các tướng sanh diệt hữu vi trong ba cõi. Trước ta đã nói một tâm đầy đủ sáu độ là mỗi pháp đều là vô tướng vô vi. Sáu độ này là pháp xuất thế gian, không giống như thế gian hữu tướng hữu vi.

Kinh: “Hà dĩ cố? Thiện nhập ly dục, tâm thường thanh tịnh, thật ngữ phương tiện bổn lợi, lợi nhân thị đàn Ba-la-mật”. Vì sao? Khéo nhập vào xa lìA-dục, tâm thường thanh tịnh, lời nói chân thật phương tiện vốn có lợi ích, lợi ích cho người là Đàn Ba-la-mật.

Luận chép: Dưới đây là giải thích rộng ra. Trong đó có hai: Trước là giải thích riêng. Sau là nói chung. Vì sao: Căn cứ câu hỏi phát khởi, đã có sáu số, tại vì sao là vô tướng? Chuyển sang dựa vào chân như gọi là lìa dục, lìa bỏ dục của ba hữu đã nói rõ. Quán tâm chính là hiểu rõ cho nên nói là khéo nhập. Lại không có vào ra nên nói là tâm thường. Xa lìa cấu bẩn của ba luân cho nên nói là thanh tịnh, tức là ở trên nói không dựa vào ba cõi. Như lý mà nói ra cho nên nói là thật ngữ. Khéo léo thuận tiện dẫn dắt cho nên nói là phương tiện. Tuy không có công dụng mà ứng cơ phát ra lời nói giống như trống cõi trời, là nói đến điều này vậy. Tất cả chúng sanh chỉ một bổn giác, khiến cho các chúng sanh cùng quay về Nhất giác. Vì thế cho nên nói lợi ích mình lợi người, đây gọi là Đàn Ba-la-mật của xuất thế.

Kinh: “Chí niệm cứng chắc, tâm thường vô trụ, thanh tịnh vô nhiễm, bất trước ba cõi, thị thi Ba-la-mật”. Nhớ nghĩ chí niệm bền chắc, tâm thường vô trụ, thanh tịnh không nhiễm, không vướng mắc ba cõi, là Thi Ba-la-mật.

Luận chép: Thương nghĩ đến chúng sanh như con một của mình,

nên nói là chí niệm vững chắc. Thường ở tại thế gian không trụ vào Niết-bàn, cho nên nói là Tâm thường không an trụ. Đây là phòng ngừa sai lầm của hàng nhị thừa. Quán tâm rõ ràng thấu suốt, không xen lẫn các lậu, cho nên nói là thanh tịnh không nhiễm. Trải qua khắp nơi sáu đường thấu suốt đều là vắng lặng, cho nên nói là không mê đắm ba cõi. Đây là ngăn ngại nghiệp ác của phàm phu, là nói về không trụ vào giới tướng phàm Thánh, chính là ở trên nói không trụ giới tướng, đây gọi là Thi Ba-la-mật của xuất thế.

Kinh: "Tu không đoạn kết bất y chư hữu, vắng lặng tam nghiệp bất trụ thân tâm, thị Sằn đề Ba-la-mật". Tu không dứt trừ kiết, không nương vào các Hữu, ba nghiệp vắng lặng, không trụ vào thân tâm, là Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Luận chép: Hai câu trước là an trụ lý Không - xa lìa kết hoặc Hữu, hai câu sau là ba nghiệp vắng lặng hết cả thân tâm, đều là nghĩa của vô sanh pháp nhẫn, tức là ở trước nói Thanh tịnh vô niệm.

Kinh: "Viễn ly danh số, đoạn không hữu kiến, thâm nhập ấm không, thị Tỳ-lê-da Ba-la-mật". Xa lìa các danh số, dứt trừ cái thấy Không - Hữu, đi sâu vào ấm không, là Tinh tấn (Tỳ-lê-da) Ba-la-mật.

Luận chép: Hai câu trên là lìa bỏ, thô tinh nhập vào Không là nghĩa Tiến, tức là ở trước nói không gom lại, không phát ra, đây là tinh tiến độ của xuất thế.

Kinh: "Cụ ly vắng lặng, bất trụ chư không, tâm xứ vô tại đại không, thị thiền Ba-la-mật". Xa lìa vắng lặng, không trụ vào các không, chỗ tâm - chẳng ở Đại Không, là Thiền Ba-la-mật.

Luận chép: Xa lìa vắng lặng là vì ứng hóa thọ sanh khắp nơi ba cõi. Bất trụ chư không ấy là vì không đình trệ vào năm không mà thường hóa hiện khắp mười phương. Đây là nói về Thiền giáo hóa chúng sanh. Chỗ tâm là vô: Tuy thân trải qua ba cõi mà tâm thường trụ ở lý không có (lý vô). Lý vô ấy là lý bặt dứt tướng của ba cõi (tam hữu). Tại Đại Không: Tuy thường hóa hiện ở mười phương mà tâm ở Đại Không. Đại Không ấy là tướng rộng lớn của hư không khắp mười phương. Đây là biểu hiện sự thành tựu của Thiền Phật pháp, thân tuy phát khởi tạo tác mà tâm vắng lặng không dao động, chính là ở trước nói Tánh bằng Kim cương. Nhưng nghĩa về Đại Không đại khái có năm thứ: Một là người - không hai là pháp Không gọi là Đại Không, như kinh Tạp A-hàm Đại Không nói, trong Luận Du-già cũng nói giống như vậy. Hai là Bát-nhã Ba-la-mật Không gọi là đại Không, như kinh Đại Niết-bàn nói, trong kinh Lăng Già cũng nói đồng như vậy. Ba là khí thế giới chẳng gọi là

Đại Không, như kinh Giải Thâm Mật nói, trong Luận Trung Biên cũng nói giống như vậy. Bốn là thức A-lê-da không gọi là Đại Không, như trong Luận mười Địa chép: Năm là Thập phương tướng không gọi là Đại Không, như trong Luận Trí Độ nói. Nay văn kinh này nằm ở thứ năm, tạm thời tùy theo ý thuận tiện thật hiện nói như vậy mà thôi.

Kinh: "Tâm vô tâm tướng, bất thủ hư không, chư hành bất sanh, bất chứng vắng lặng, tâm vô xuất nhập tánh thường bình đẳng, chư pháp thật tế giai quyết định tánh, bất y chư địa bất trụ trí tuệ, thị Bát-nhã Ba-la-mật". Tâm không có tâm tướng, không giữ lấy hư không, các hành bất sanh khởi, không chứng đắc vắng lặng, tâm không có ra vào tánh thường bình đẳng, thật tế của các pháp đều là tánh quyết định, không nương vào các Địa - không trụ vào trí tuệ, là Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận chép: Tâm không có tâm tướng: Vì không giữ lại tướng từ trong quán tâm, chẳng giữ lấy hư không: vì không giữ lấy tánh Không của tâm giả tạo (tâm hư). Đây là tuệ của chứng đạo các hành bất sanh: Vì thấu suốt tất cả các hành xưa nay bất sanh. Không chứng vắng lặng: Vì không mê đắm vô sanh mà thường hóa hiện bên ngoài. Đây là tuệ của giáo đạo. Tâm không xuất nhập tánh thường bình đẳng: Hai đạo trước thường không thể xa lìa nhau, dao động mà thường vắng lặng. Vắng lặng mà luôn dao động, cho nên nói là không có xuất nhập. Dao động vắng lặng thường thường song song không đình trệ một phía, cho nên Tánh thường bình đẳng. Thật tế các pháp đều là tánh quyết định: Giảng nói tướng thường vắng lặng của chứng đạo, cho nên giống như chân tế sánh với pháp tánh. Không nương các địa không trụ ở trí tuệ: Vì không nương tựa mê đắm vào mười tầng pháp giới, không chấp đắm đình trệ vào tuệ vắng lặng soi chiếu nên thường dao động giảng nói về giáo đạo. Trong này chính là đầy đủ Giác Chiếu, đáng nói theo. Nghĩa của bặt dứt tranh luận, chính là ở trước nói Bất hoại Tam Bảo, đây gọi là Bát-nhã Ba-la-mật của xuất thế. Trên đây là văn giải thích về sáu độ xong.

Kinh: "Thiện nam tử! Thị lục Ba-la-mật giả, giai hoạch bổn lợi, nhập quyết định tánh, siêu nhiên xuất thế, vô ngại giải thoát". Này người thiện nam! Đây là sáu Ba-la-mật đều được lợi ích vốn có, nhập vào tánh quyết định, xuất thế vượt ra ngoài, giải thoát không chướng ngại.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói chung. Trong đó có hai: Trước là nói về sáu độ giải thoát y như nhau, sau là nói rõ giải thoát tức là Niết-bàn. Trong phần đầu chép: "Đều được lợi mình nhập tánh

quyết định” ấy là sáu độ lúc bắt đầu tu đều chung Bổn Giác, do đó Bổn Giác hiển bày rõ thành tựu lợi hành vốn có, cho nên nhập vào tánh Như-lai-tạng vốn vắng lặng thanh tịnh không có bắt đầu không có kết thúc không có thay đổi. Như vậy sáu độ đạt được lợi ích vốn có cho nên xa lìa tướng trôi lăn của vọng niệm, do đó nói là xuất thế vượt ra nhập vào pháp tánh. Rộng khắp pháp giới vô tướng vô vi, không trói, không thoát, nên nói là vô ngại giải thoát.

Kinh: “Thiện nam tử! Như thị giải thoát pháp tướng giai vô tướng hành, diệu vô giải bất giải, thị danh giải thoát. Hà dĩ cố? Giải thích chi tướng vô tướng vô hành, vô động vô loạn tịch tịnh Niết-bàn, diệt bất thủ Niết-bàn tướng”. Này người thiện nam! Pháp tướng giải thoát như vậy đều không có tướng hành, cũng chẳng có cởi bỏ nào không thể cởi bỏ, đây gọi là giải thoát. Tại vì sao? Vì tướng của giải thoát không có tướng không có hành, không có động không có loạn thanh tịnh vắng lặng Niết-bàn cũng không giữ lấy tướng Niết-bàn.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói về giải thoát tức là Niết-bàn. Trong đó có hai: Trước là nói về giải thoát, sau chính là Niết-bàn. Trong phần đầu chép: “Đều không có tướng hành” ấy là hành của sáu độ đều cùng chung Bổn Giác, tướng của Bổn Giác lìa tướng lìa tánh, cho nên nói là vô tướng. Hành của sáu độ lìa tu lìa hành, cho nên nói là vô tướng. Hành tướng đều bặt dứt cho nên nói đều không có tướng hành. Pháp tướng giải thoát đã như vậy, có gì khởi bỏ xa lìa ràng buộc, có gì ràng buộc không thể cởi mở. Cho nên nói cũng không có cởi bỏ nào không thể cởi bỏ. Vì sao? Vì sao hành của sáu độ mà nói là Vô tướng hành vậy? Trả lời ý này nói là sáu độ như vậy không những chính là giải thoát, mà cũng chính là Niết-bàn, thế nên nói là vô tướng hành. Tướng giải thoát là không chẳng có hành tướng vô hành: Trích lại giải thoát ở trước. Không động, không loạn vắng lặng Niết-bàn: Nói chính là Niết-bàn, muốn nói như trước đã nói về hành của sáu độ đều không có phát khởi chuyển động cũng không có phân tản hỗn loạn chính là xưa nay vắng lặng Niết-bàn. Đã chính là Niết-bàn, làm sao có tướng hành? Lìa bỏ tướng dao động hỗn loạn cho nên nói là Vắng lặng. Cũng xa lìa tánh vắng lặng cho nên cũng không giữ lấy tướng Niết-bàn. Sáu độ trong này là giải thoát Niết-bàn, bắt đầu từ sơ Địa cho đến Phật Địa. Nói là Niết-bàn chính là thanh tịnh xưa nay Niết-bàn trong bốn loại Niết-bàn, chính là giải thoát không thể nghĩ bàn. Dựa vào nghĩa của tự tánh vô chướng ngại đó, cho nên gọi là vô ngại giải thoát. Hỏi: Nghĩa giải thoát có rất nhiều, có giải thoát trong hai đạo, có giải thoát trong Tam điểm,

có giải thoát trong Ngũ phần Pháp thân, giải thoát trong mười môn giải thoát, trong các môn này là ở môn nào? Giải thoát trong ba việc này, giải thoát chính là Niết-bàn, muốn hiển bày hành của sáu độ - đức của ba việc hạn định thật sự mà nói, Sơ Địa đã đạt được cho đến địa vị Diệu Giác cuối cùng viên mãn, như trong kinh chép: "Nếu có Bồ-tát an trụ Đại Niết-bàn có thể xây dựng nghĩa rộng lớn, cho đến nói rộng".

Kinh: "Giải thoát Bồ-tát văn thị ngữ dĩ, tâm đại hân dịch đắc vị tằng hữu, dục tuyên nghĩa ý nhi nói kệ ngôn: Đại giác mãn túc tôn, vị chúng phô diễn pháp, giai nói ư nhất thừa, vô hữu nhị thừa đạo, nhất vị vô tướng lợi, do như đại hư không, vô hữu bất dung thọ, tùy kỳ tánh các di, giai đắc ư bổn xứ". Bồ-tát Giải thoát nghe lời này rồi, tâm rất vui thích đạt được điều không hề có, muốn nói ra nghĩa ý mà nói kệ: "Đấng Đại Giác mãn túc tôn, vì mọi người giảng nói pháp, đều nói hướng về nhất thừa, không có con đường nhị thừa, một vì lợi ích vô tướng, giống như hư không rộng lớn, chẳng có gì không dung nạp, tùy tánh đó đều khác nhau, đều đạt được chỗ mình".

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai trùng tụng, trong đó ở trước là lời tựa khơi mở của người kết tập kinh điển. Trong phần chánh Tụng có bảy hàng tụng, trong đó có hai: sáu hàng trước là tụng riêng, một hàng sau là tụng chung. Trong phần trước cũng có hai: Một là hai hàng một câu tụng về nêu sơ lược ra trước đó, hai là ba hàng ba câu tụng về giải thích rộng ra ở sau. Trong phần nêu sơ lược ra chép: Trí địa của chư Phật nhập vào tướng thật pháp và tánh quyết định, phương tiện thần thông đều là lợi ích vô tướng. Nay trong tụng này một tụng đều là khen ngợi. Lại chép: Nhất giác liễu nghĩa khó hiểu khó hội nhập, cho đến có thể độ chúng sanh đều nói về một vị. Nay trong tụng này dùng ba nghĩa khen ngợi, đó là một câu trước là khen ngợi về pháp nói ra, hai câu kế là khen ngợi về thí dụ dẫn ra, hai câu sau là khen ngợi về thí dụ kết hợp.

Kinh: "Như bỉ ly tâm ngã, nhất pháp chi sở thành, chư hữu đồng dị hành, giai hoạch ư bổn lợi, diệt tuyệt nhị tướng kiến". Như xa lìa tâm - ngã kia, là vốn thành tựu một pháp, các cõi thật hành đều khác, đều được lợi ích vốn có, dứt sạch cái thấy hai tướng.

Luận chép: Dưới đây là văn tụng về giải thích rộng ra. Trong đó có hai: Năm câu trước tụng về mở rộng quán vô tướng, hai hàng rưỡi sau tụng về mở rộng nghĩa Nhất giác. Trong phần mở rộng vô tướng chính là mở rộng tiếp tục hiển bày. Nay hai câu đầu tụng về văn chính là mở rộng. Trong phần chính là mở rộng trước đó cũng có hai phần: Trước là

quán phương tiện, sau là nói về chánh quán. Nay trong bài tụng này là tụng về văn chánh quán. Nơi kia nói là khiến cho chúng sanh kia đều xa lìa tâm - ngã, cho đến nói rộng ra xa lìa năng sở. Nay hai câu này chính thức tụng về văn này. Nói là Nhất pháp: xa lìa hai bên có - không, chỉ một Trung đạo quán, vì quán này có thể xa lìa cái chấp về tân - ngã. Trong văn hiển bày lại có bốn lần hỏi - đáp, nay hai câu này tụng về hai lần hỏi - đáp ở trước. Nói là các cõi thật hành cùng, khác ấy, trong lần trả lời đầu tiên kia chép: Tất cả tâm tướng xưa nay không có cội gốc. Các văn như vậy tức là cùng thật hành quán tướng chung. Trong lần trả lời thứ hai chép: Nếu có ngã ấy thì khiến cho dứt trừ chấp có, nếu không có Ngã thì khiến cho dứt trừ chấp không. Nếu tâm phát sanh thì khiến cho dứt trừ tánh diệt, nếu tâm diệt thì khiến cho dứt trừ tánh sanh. Các văn như vậy chính là thật hành riêng quán biệt tướng. Thật hành cùng, khác này đã hội nhập vô dị, cho nên nói đều được lợi ích vốn có, như cuối cùng trước đó nói, dứt trừ tánh thấy này tức là hội nhập thật tế. Lại, tụng này nói Diệt sạch cái thấy hai tướng ấy là tụng về hai lần hỏi - đáp sau. Trong lần trả lời thứ ba nơi kia chép: Lúc thấy pháp sanh khởi thì khiến cho dứt trừ cái chấp không có, lúc thấy pháp diệt đi thì nên nói dứt trừ hai chấp. Lần trả lời thứ tư chép: Sanh diệt đều dứt trừ, vốn sanh bất sanh khởi, tâm thường vắng lặng, vắng lặng vô trụ. Nay chính là tụng về điều này cho nên nói dứt bặt hai tướng.

Kinh: "Vắng lặng chi Niết-bàn, diệt bất trụ thủ chứng, nhập ư quyết định xứ, vô tướng vô hữu hành". Niết-bàn vắng lặng, cũng không trụ vào thủ chứng, hội nhập vào nơi quyết định, không có tướng không có hành.

Luận chép: Dưới đây là hai hàng rưỡi tụng về mở rộng Nhất giác, trong phần mở rộng Nhất giác chính là mở rộng hiển bày là. Nay trong tụng này chỉ tụng về hiển bày lại. Trong văn tiếp tục hiển bày, có sáu lần hỏi - đáp. Trong này có hai: Một hàng trước tụng về lần trả lời thứ sáu, một hàng rưỡi kế là tụng về lần trả lời thứ năm. Bốn lần hỏi đáp trước lược qua nhóm khôngng. Trong lần trả lời thứ sáu chép: Nhập vào tánh quyết định, xuất thế vượt ra khỏi, giải thoát không chướng ngại, tướng giải thoát chẳng có tướng, không có hành, không động, không loạn, vắng lặng Niết-bàn cũng không chấp lấy tướng Niết-bàn. Nay trong bài tụng này tụng theo thứ tự ngược lại.

Kinh: "Không tâm vắng lặng địa, tâm vắng lặng vô sanh, đồng Bỉ kim cương tánh, bất hoại ư Tam bảo, cụ lục Ba-la-mật, độ chư nhất thiết sanh". Địa vị Không tâm vắng lặng, tâm vắng lặng bất sanh khởi,

giống như tánh Kim cương kia, không hủy hoại nơi Tam bảo, đầy đủ sáu Ba-la-mật, độ tất cả các chúng sanh.

Luận chép: Đây là tụng về lần trả lời thứ năm. Văn kia chép: Bất sanh khởi tâm - pháp tức là không nương vào dừng, không trụ vào các hành, tâm thường vắng lặng, chẳng có tướng sai khác, cho đến tánh sánh bằng Kim cương, không hủy hoại Tam bảo, tâm vắng lặng không dao động, đầy đủ sáu Ba-la-mật. Nay trong này tụng thuận theo thứ tự.

Kinh: "Siêu nhiên xuất ba cõi, giai bất dĩ tiểu thừa, nhất vị cho pháp ấn, nhất thừa chi sở thành". Vượt hẳn ra ngoài ba cõi, đều không dùng Tiểu thừa, pháp ấn của một ý vị, đã thành tựu nên Nhất thừa.

Luận chép: Một tụng này chung tụng về Đại ý của một phẩm từ trước đến nay, hiểu rõ hết đại ý của văn như trước đã nói.

Kinh: "Nhĩ thời đại chúng văn nói thị nghĩa, tâm đại hân dịch đắc ly tâm ngã nhập không vô tướng, khôi khoách khoáng đãng, giai đắc quyết định đoạn kết tận lậu". Lúc bấy giờ đại chúng nghe nói nghĩa này, tâm rất vui thích được xa lìa tâm - ngã nhập vào Không - Vô tướng, rộng lớn khoáng đãng, đều được quyết định dứt trừ kiết hoặc - không còn các lậu.

Luận chép: Nội dung của một phẩm có trong ba phần: Hai phần trước từ đầu đến cuối nằm ở trước. Đây là toàn văn lúc chúng được lợi ích phần thứ ba. Đắc ly tâm - ngã: Là chứng được hai Không chân như. Dứt kết tận lậu là dứt trừ hai hoặc về kiến - tu. Muốn nói lên được nhập vào Sơ Địa thấy đạo chính là dứt trừ kiến hoặc bao gồm dứt trừ tu hoặc. Nghĩa giống như trong Luận Di-lặc Sở Vấn giải thích, trong đó chính là toàn bộ ở tại chương nói về hai chướng.

■

KINH TAM MUỘI KIM CƯƠNG LUẬN

QUYỂN TRUNG

Phẩm Thứ 3: VÔ SANH HÀNH

Luận chép: Lúc Bồ-tát quán hành thành tựu, biết tự quán tâm thuận theo lý tu hành, chẳng có sanh tâm, chẳng phải không sanh tâm, cũng chẳng có hành, cũng chẳng phải không có hành, chỉ vì lìa bỏ các bên tăng thêm cho nên giả nói là không sanh không đối với có sanh mà sanh tâm, không ở nơi không có sanh mà sanh tâm, vì xa lìa các bên giảm bớt, cũng giả nói là hành. Tuy chẳng phải có hành của hữu hành, mà chẳng phải không có hành của vô hành, thế nên đặt ra tên gọi là phẩm Vô Sanh Hành.

Kinh: "Nhĩ thời Tâm Vương Bồ-tát văn Phật nói pháp xuất ba cõi ngoại bất khả tư nghị, tùng tòa nhi khởi xoa thủ hiệp chưởng dĩ kệ vấn viết". Lúc bấy giờ Tâm Vương Bồ-tát nghe Phật nói về pháp vượt khỏi ba cõi không thể nghĩ bàn, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi vòng chấp tay dùng kệ thưa hỏi.

Luận chép: Hiển bày riêng trong quán hành có sáu phần, thứ nhất là xả bỏ tướng các cảnh hiển bày vô tướng quán đã xong ở trước. Dưới đây là phần thứ hai mất đi tâm sanh khởi đó nói về Vô sanh hành. Ngay trong văn có ba: Một chính là nói, hai là khen ngợi, phần thứ ba đó nói về nghe nói đạt được lợi ích. Trong phần một chánh nói có bốn phần của nó: Một là hướng đến hỏi - đáp lại. Hai là lại nêu lên hỏi - đáp. Ba là Bồ-tát lĩnh ngộ hiểu rõ. Bốn là Như-lai nói về thành tựu. Trong phần một có sáu: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Vấn nạn. 4. Từ chối. 5. Thỉnh cầu. 6. Giải thích. Trong phần một có hai: Trước là lời tựa của người kết tập kinh. Bồ-tát Tâm Vương thuận theo Thể mà lập thành tên gọi, nhưng nghĩa của Tâm Vương sơ lược có hai thứ: Một là tâm của tám thức cai quản các tâm sở nên gọi là Tâm Vương. Hai là pháp của một tâm cai quản toàn bộ nhiều đức cho nên gọi là Tâm Vương. Nay Bồ-tát này nhập vào vô sanh hành chứng đạt một Tâm Vương, từ thể đã chứng dùng lập

thành tên gọi. Nay trong phẩm này nói về vô sanh hành, cho nên Bồ-tát Tâm Vương khởi sự thưa hỏi về pháp thoát ra ba cõi không thể nghĩ bàn, là nêu ra pháp đã nghe để làm căn bản cho sự khởi sự thưa hỏi. Pháp đã nghe đó nghĩa là phẩm trước giới thiệu, nay lại nêu ra sau để thâu nhiếp điều trước đó, nghĩa là cuối cùng tụng chép: Vượt thoát ba cõi cho đến đã thành tựu nên.

Kinh: "Như-lai sở nói nghĩa, xuất thế vô hữu tướng, khả hữu nhất thiết sanh, giai đắc tận hữu lậu, đoạn kết không tâm ngã, thị tức vô hữu sanh, vân hà vô hữu sanh, nhi hữu vô sanh nhẫn". Nghĩa mà Như-lai nói xuất thế chẳng có tướng Có, có thể có tất cả sanh, đều được tận cùng hữu lậu, dứt hẳn tâm - ngã là không, đây chính là không có sanh, vì sao không có sanh, mà lại có vô sanh nhẫn?

Luận chép: Hai tụng này là từ ngữ thưa hỏi, trong đó tụng đầu là lãnh ngộ điều đã nói trước đây, nửa bài tụng trên lãnh ngộ pháp ấn về một vị trước đó, nửa bài tụng sau là lãnh ngộ sự thành tựu về nhất thừa tiếp đó, một tụng sau chính là khởi sự thưa hỏi, trong đó nửa tụng trước là nhắc lại nghĩa Vô sanh, nửa tụng sau hỏi về vô sanh nhẫn, đã không có sanh, thì phải không có tâm nhẫn.

Kinh: "Nhĩ thời Phật cáo Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Thiện nam tử! Vô sanh pháp nhẫn, pháp bổn vô sanh, chư hành vô sanh, phi vô sanh hành, đắc vô sanh nhẫn tức vị luống dối". Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ-tát Tâm Vương: Này người thiện nam! Vô sanh pháp nhẫn, pháp vốn sanh khởi, các hành vô sanh, chẳng phải vô sanh hành đạt được Vô sanh nhẫn tức là luống dối.

Luận chép: Đây là phần thứ hai là trả lời. Ý trả lời có hai: Trước chỉ ra tướng vô sanh nhẫn, sau là nói rõ sai lầm về có đạt được. Vô sanh pháp nhẫn: Thông hiểu pháp vốn vô sanh, vậy thì Định Tuệ các hành cũng vô sanh, chẳng phải đối với vô sanh mà có khả năng hành nhẫn. Do đó nói chẳng phải sanh hành. Trong đó có đạt được hành của khả năng nhẫn thì trái với chân thật nhẫn không có trụ không có hành (vô trụ vô hành), cho nên nói tức là luống dối.

Kinh: "Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Đắc vô sanh nhẫn tức vi luống dối, vô đắc vô nhẫn ưng phi luống dối". Tâm Vương Bồ-tát chép: Bạch Đức Thế Tôn! Đạt được vô sanh nhẫn tức là luống dối, không đạt được vô sanh nhẫn, lẽ ra chẳng phải luống dối.

Luận chép: Đây là phần thứ ba vấn nạn Ý vấn nạn mà chép: Nếu cho rằng có đạt được có nhẫn là luống dối, thì nghĩa là không đạt được vô sanh nhẫn thì lẽ ra chẳng phải luống dối, vì ngược lại với luống dối.

Những người học Đại thừa vô sở đắc, chấp như vậy, tự cho là chẳng phải luống dối, vì hiển bày cái vọng kia cho nên vấn nạn như đây.

Kinh: “Phật ngôn: Bất! Hà dĩ cố? Vô đắc vô nhẫn thị tắc hữu đắc, hữu đắc hữu trụ thị tắc hữu sanh, hữu sanh ư đắc, hữu sở đắc pháp tịnh vi luống dối”. Đức Phật nói: Không phải! Tại vì sao? Không đạt được vô sanh nhẫn tức là có đạt được, có đạt được có an trụ tức là có sanh khởi đối với đạt được, có pháp đã đạt được hoàn toàn đều luống dối.

Luận chép: Đây là phần thứ tư từ chối. Trong đó có hai: Không phải ấy là thẳng thắn từ chối. Từ “Tại vì sao? v.v...” trở xuống là phần thứ hai giải thích về từ chối. Ý từ chối mà chép: Nếu ý kia cho rằng không đạt được vô sanh nhẫn thì tuy không thật có cái có của có đắc - có nhẫn mà còn đạt được cái không của không đắc - vô sanh nhẫn đó. Đã đạt được đối với cái không có thì tâm trụ vào nơi không có, tâm đã có trụ vào tức là có sanh khởi, nghĩa là có tâm sanh khởi đối với có cái đã đạt được, cũng trái với vô sanh không có đạt được, vì thế cho nên nói rằng hoàn toàn là luống dối.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Vân hà vô nhẫn vô sanh tâm nhi phi luống dối?”. Tâm Vương Bồ-tát chép: Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tâm vô sanh nhẫn - bất sanh khởi mà lại chẳng phải luống dối?

Luận chép: Đây là phần thứ năm thỉnh cầu. Truy tìm vấn nạn đến cùng lộ trình mà ý không có thể đến được, vì thế cần phải ngược lên thưa hỏi thỉnh cầu mong được hướng dẫn cho.

Kinh: “Phật ngôn: Vô nhẫn vô sanh tâm giả, tâm vô hình đoạn, do như hỏa tánh, tuy xử mộc trung kỳ tại vô sở quyết định tánh cố, đản danh đản tự, tánh bất khả đắc, dục thuyên kỳ lý, giả nói vi danh, danh bất khả đắc, tâm tướng diệt nhĩ, bất kiến nơi chốn, tri tâm như thị tắc vô sanh tâm”. Đức Phật nói: Tâm vô nhẫn vô sanh ấy là tâm không có hình hài dài ngắn, giống như tánh lửa, tuy ở trong gỗ mà nó thuộc về tánh không có gì quyết định, chỉ là danh từ chỉ là tên gọi, tánh không thật có, muốn giải thích về lý đó, mượn làm tên gọi, tên gọi không thật có, tướng của tâm cũng như vậy, không thấy nơi chốn biết tâm như vậy thì vô sanh.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ sáu giải thích. Trong đó có bốn: Trước khai bày đạo lý vô đắc. Kế đến chỉ ra đạo lý vô sanh. Ba là nêu lên không phải. Bốn là trình bày chính là. Trong phần đầu có ba, đó là Pháp - Dụ và Họp. Đầu tiên nói về tâm vô nhẫn vô sanh ấy là nhắc lại tâm của pháp nhẫn đang hiện tại. Nói rằng tâm vô hình đoạn ấy là nói

rõ tâm không thật có. Hình là nói về Thể, Đoạn là nói về Phần, chính là trong các duyên cầu tìm Thể Phần của tâm, hoặc chính là - hoặc xa lìa đều không có gì đạt được. Do lý này cho nên không có hình hài dài ngắn. Không phải ấy gọi là tướng hình đoạn của vô sắc. Trong dụ về tánh lửa tuy ở trong gỗ là dụ cho tâm nhẫn, tuy ở trong lý mà nó thuộc về không có gì (Vô sở), ngay trong gỗ này có nhiều cực vi, trong đó hoàn toàn không có tánh lửa. Như vậy trong lý có hằng sa pháp môn, ở trong đó tìm tâm không bao giờ có ở đó, như vậy tánh lửa không có lý ở đó, có Phật - không có Phật thì pháp tánh thường như vậy, cho nên nói là tánh Quyết định. Từ "Hỏa tánh danh v.v..." về sau là nghĩa không thật có. Như vậy tánh lửa tuy không thật có mà trong gỗ đó không phải không có tánh lửa. Muốn giải thích lý này nói về tên gọi tánh lửa, mở rộng phân tích tên gọi này chỉ có các chữ, chuyển sang cầu tìm các chữ đều không thật có. Danh tướng của tâm nhẫn nên biết cũng như vậy, cho nên kế là hợp lại mà chép: Tướng của tâm cũng như vậy. Bồ-tát đạt được nhẫn biết tâm như vậy, làm sao có thể ở trong đó thường giữ lấy tâm sanh? Căn cứ điều này cho nên chép: Không có tâm sanh.

Kinh: "Thiện nam tử! Thị tâm tánh tướng hựu như A-ma-lặc-quả bổn bất tự sanh, bất tùng tha sanh, bất cọng sanh, bất nhân sanh, vô sanh. Hà dĩ cố? Duyên đại tạ cố duyên khởi phi sanh, duyên tạ phi diệt, ẩn hiển vô tướng, căn lý vắng lặng, tại vô hữu xứ bất kiến sở trụ, quyết định tánh cố". Này người thiện nam! Tánh tướng của tâm này lại như quả A-ma-lặc, vốn không tự sanh ra, không từ nơi khác sanh ra, không cùng chung sanh ra, không nhân tố sanh ra, không có sanh ra. Tại vì sao? Vì duyên thay thế tàn tạ cho nên duyên phát khởi chẳng phải sanh, duyên rơi rụng chẳng phải diệt, ẩn kín hiển bày không có tướng, gốc rễ lý vắng lặng, tồn tại mà không có nơi chốn, không thấy nơi an trụ, vì tánh quyết định.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói về lý vô sanh. Trong đó có hai: Trước là dụ - sau là hợp. Trong dụ có hai: Trước nói về bốn bất, sau nói về tám bất. Nói về bốn không là vì đối đãi duyên nên không tự sanh, tự gieo hạt nên không từ nơi khác sanh; không tạo tác cho nên chẳng cùng chung sanh, có tác dụng cho nên chẳng thể không có sanh. Lại, lúc chưa sanh không có tự nhiên cho nên không từ tự sanh. Khi đã sanh, đã có nên không cần tự đã không thành tựu, chờ đợi ai có người khác? Tự - tha đã không có, sao có thể có cùng sanh? Có nhân tố mà sanh, đã không thật có, huống chi có không nhân tố mà sanh ư? Như vậy cầu mong sanh khởi đều không có gì đạt được. Nói về không nhân tố

sanh ra và không có sanh ra: Là nói về chẳng thể không có nhân tố mà sanh, gọi là không khả năng sanh ra nhân "không có" mà quả được sanh ra . Từ "vì sao v.v..." trở xuống là giải thích điều phục nghi ngờ. Ý nghi ngờ chép: Ba cái bất như vậy, thứ ba như thế nào? Ý cho rằng quả sanh ra - hạt giống là nhân tố gần, đất - nước là duyên xa. Hai thứ này cùng hợp lại cho nên có quả sanh ra, vì sao lại nói không cùng chung sanh ra? Thế nên hỏi là vì sao? Vì duyên thay thế tàn tạ: Nói về hai duyên kia trước là thay thế, sau là rơi rụng không thể nào tạm dừng. Lúc dừng đã không có thì chẳng có công dụng, công dụng chẳng có cho nên đều không thể sanh ra quả. Như kệ chép: "Các hành đều là sát-na, trụ còn không có huống chi là dụng", do đó lại cầu thay thế tàn tạ, không có sanh không có diệt, Vì sao? Vì đã không có tạm thời an trụ thì không có sanh, vì sanh không có, nên không có diệt vì thế nói duyên phát khởi chẳng phải sanh, duyên rơi rụng chẳng phải diệt. Như vậy suy xét tìm kiếm ẩn kín hay hiển bày đều không thật có. Ẩn kín là hạt giống còn dưới mặt đất, hiển bày là mầm cây đã nẩy ra trên mặt đất. Gốc rễ lý vắng lặng: Suy xét gốc rễ cây đó và lý của thân cây cầu sanh ra nhân của quả cây rốt ráo không bao giờ phát khởi, cho nên nói là vắng lặng. Còn không có nơi chốn, không thấy nơi an trụ, Vì sao? Vì tánh quyết định, nghĩa về tánh quyết định như trước đã nói.

Kinh: "Thị quyết định tánh diệt bất nhất bất dị bất đoạn bất thường bất nhập bất xuất bất sanh bất diệt, ly chư tứ báng ngôn ngữ đạo đoạn, vô sanh tâm tánh diệt phục như thị, vân hà nói sanh bất sanh hữu nhẫn vô nhẫn?". Tánh quyết định này cũng không phải một là không khác - không đoạn - không thường - không vào - không ra - bất sanh - không diệt, xa lìa các loại về bốn sự chê bai đường ngôn ngữ dứt, tâm tánh vô sanh cũng giống như vậy, vì sao nói là sanh - bất sanh - có nhẫn - không nhẫn?

Luận chép: Kế là nói về tám bất. Chẳng phải dứt khoát pháp là như vậy, chỉ riêng bốn bất trước đây cũng đủ bặt dứt tám thứ như một là khác v.v... Vì sao như vậy? Vì quả và hạt giống không phải một, tướng đó không như nhau, mà cũng chẳng khác nhau, xa lìa hạt giống không có quả. Lại, hạt giống và quả không dứt đoạn vì quả nối tiếp hạt giống sanh ra, mà cũng không thường hằng, vì quả sanh ra thì hạt giống diệt đi. Hạt giống không nhập vào quả, vì lúc là quả thì không hạt giống. Không ngoài hạt giống vì khi là hạt giống thì không có quả, không vào trong, không ra ngoài cho nên bất sanh. Không thường hằng không đứt đoạn cho nên không diệt. Không diệt cho nên chẳng thể nói là. Bất sanh

cho nên không thể nói có. Xa lìa hai bên nên không thể nói là vừa có vừa không có. Không thích hợp một là trung cho nên không thể nói là chẳng phải có chẳng phải không. Vì thế nói là xa lìa các loại về bốn sự chê bai ngôn ngữ dứt. Quả A-ma-lặc như vậy bặt dứt nói năng. Tâm pháp nhẫn cũng không khác chỗ này, cho nên nói tâm tánh vô sanh cũng giống như loại này.

Kinh: "Nhược hữu nói tâm hữu đắc hữu trụ cập dĩ kiến giả tức vi bất đắc A-nậu-đa la tam-miệu-tam-Bồ-đề Bát-nhã, thị vi trường dạ". Nếu có người nói tâm có đạt được - có an trụ cho đến nhìn thấy tức là không đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề-bát-nhã, đúng là đêm dài tăm tối.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nêu lên điều không đúng. Nghĩa là có người nói rằng tâm thể của tâm vô sanh nhẫn có thể được an trụ vào vô sanh, và cùng với người có thể nhìn thấy lý Vô sanh, không hiểu rõ tâm tánh, dứt khoát là vọng chấp thường chướng ngại Bồ-đề và Bát-nhã đó là nói về không đạt được tính Bồ-đề thanh tịnh có thể chứng Bát-nhã. Lại, Bồ-đề là bắt đầu khởi lên Bồ-đề. Nói Bát-nhã là nhân của Bồ-đề, không đạt được nhân giác ngộ cho nên là đêm dài tăm tối, vọng tưởng từ vô thỉ là giấc mộng rất lớn.

Kinh: "Liễu biệt tâm tánh giả tri tâm tánh như, thị tánh diệt như, thị vô sanh hành". Phân biệt rõ ràng tâm tánh ấy là biết tâm tánh Như, tánh này cũng Như, là vô sanh hành.

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói rõ điều đúng. Nói liễu biệt tâm tánh tức là dùng tự tâm hiểu rõ tánh của tự tâm. Như kinh chép: "Nếu có thể dùng khả năng giữ lấy tác ý trở lại có thể thông đạt khả năng giữ lấy tác ý, như vậy chính là năng duyên bình đẳng - sở duyên bình đẳng, trí vô lậu phát sanh thông đạt Thánh đế". Biết tâm tánh như: Vì biết tự quán tâm thể tánh bình đẳng. Tánh này cũng như: Là có thể biết dụng, vì tánh dụng bình đẳng, như vậy quán tâm thể dụng bình đẳng, bất sanh - không diệt - không trước - không sau. Vì điều này cho nên nói là vô sanh hành. Trước nói về Vô sanh của bốn bất là nói rõ lý vô sanh, lý thông suốt phàm Thánh. Nay nói về vô sanh của biết Như (tri như) là nói về Vô sanh hành, hành riêng ở Thánh, hành của Thánh cùng một vị với lý, lý thông suốt với khắp cả, bình đẳng với trí, bình đẳng một vị cho nên Bậc Thánh vốn không thể nào khác nhau. Có chung có riêng cho nên bậc Thánh vốn không thể nào giống nhau. Không thể nào giống nhau ấy tức là giống nhau mà khác nhau. Không thể nào khác nhau ấy tức là khác nhau mà giống nhau. Giống nhau ấy là phân rõ giống nhau

đối với khác nhau. Khác nhau ấy là trình bày khác nhau đối với giống nhau. Trình bày khác nhau đối với giống nhau ấy chẳng phải phân chia giống nhau làm khác nhau. Phân rõ giống nhau đối với khác nhau ấy là chẳng phải loại trừ khác nhau làm giống nhau. Vì giống nhau chẳng phải loại trừ khác nhau cho nên không thể nói là giống nhau. Khác nhau chẳng phải phân chia giống nhau cho nên không thể nói là khác nhau. Nhưng vì không thể nói khác nhau cho nên được nói là giống nhau không thể nói giống nhau cho nên được nói là khác nhau. Nói và không nói chẳng hai chẳng khác.

Kinh: "Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Tâm nhược bổn như vô sanh ư hành, chư hành vô sanh, sanh hành bất sanh, bất sanh vô hành, tức vô sanh hành dã". Bồ-tát Tâm Vương chép: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm nếu vốn là Như, vô sanh đối với hành, các hành vô sanh, sanh hành không thể sanh, không thể sanh vô hành, tức là vô sanh hành.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai quay lại chất vấn - trả lời. Trong đó có tám: 1. Đưa ra hành vấn nạn lý; 2. Hỏi vặn lại có chứng đạt; 3. Dựa vào trả lời không có chứng đạt; 4. Hỏi vặn lại có đạt được; 5. Dựa vào trả lời không có đạt được; 6. Nói về không có chứng đắc đạt được; 7. Lại trình bày điều nghi ngờ; 8. Giải quyết sự nghi đó. Đây chính là thứ nhất nêu ra hành vấn nạn lý. Nói tâm nếu vốn là như vô sanh đối với hành ấy là nêu ra nghĩa về hành vô sanh đã nói trước đây, đó chính là trước đây nói "Biết tâm tánh Như, tánh này cũng Như, là vô sanh hành", nghĩa là vô sanh đối với hành của sanh diệt, tức là chính là nêu ra hành tướng của vô sanh. Nói là hành vô sanh ấy là nêu ra lý vô sanh, nghĩa là hành năm ấm của các chúng sanh xưa nay vô sanh. Sanh hành không thể sanh là nói về lý vô sanh khác với hành vô sanh, nghĩa là sanh khởi hành chính là Không không thể sanh chẳng phải do chứng lý diệt tâm không thể sanh. Nói không thể sanh vô hành ấy là hiển bày lý bất sanh tương tự hành vô sanh, nghĩa là môn Bất sanh cũng là vô tâm hành, như vô sanh nhẫn - vô phân biệt hành cho nên thuận theo chính là vô sanh hành phải chăng? Nếu vậy thì tất cả phàm phu không ai chứng đắc vô sanh nhẫn.

Kinh: "Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ dĩ vô sanh nhi chứng vô sanh hạnh da?". Đức Phật nói: Này người thiện nam! Ông dùng vô sanh mà chứng vô sanh hành phải chăng?

Luận chép: Đây là phần thứ hai hỏi vặn lại có chứng đạt. Ý vặn lại mà chép: Lúc Ông nhập vào quán Vô sanh nhẫn vì dựa vào lý các hành vô sanh mà được Vô sanh chăng? Sở dĩ chất vấn ngược lại như thế

là vì kia dùng lý vô sanh phân biệt khác với hành vô sanh mà vấn nạn lý vô sanh cũng là hành vô sanh. Nay hỏi vặn: Lúc ông nhập vào quán lý - hành phân biệt khác nhau, có năng - sở hay chăng?

Kinh: "Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Bất! Hà dĩ cố? Như vô sanh hành tánh tướng vắng lặng, vô kiến vô văn, vô đắc vô thất, vô ngôn vô nói, vô tri vô tướng, vô thủ vô xả, vân hà thủ chứng? Nhược thủ chứng giả tức vi trách luận, vô tránh vô luận nãi vô sanh hành". Bồ-tát Tâm Vương chép: Không thể! Vì sao? Như vô sanh hành tánh tướng là không vắng lặng, không thấy không nghe, không được không mất, không lời không nói, không biết không tướng, không lấy không bỏ, làm thế nào thủ chứng? Nếu thủ chứng tức là tranh luận, không tranh luận chính là Vô sanh hành.

Luận chép: Đây là phần thứ ba vâng mạng trả lời không có chứng đạt. Trong đó có ba: Một là nói về không có chứng đạt; hai là nêu ra cái sai; ba là nói đều đúng. Trong phần một lại có hai: Trước là nêu ra - sau là giải thích. Như vô sanh hành tánh tướng vắng lặng là câu nêu chung. Nói tánh vắng lặng, nghĩa là quán tâm Thể tánh xa lìa tướng sanh diệt, tức là Biết tâm tánh Như đã nói ở trước. Tướng vắng lặng là quán tâm biết dụng, dụng tướng cũng Như, chính nói rằng Tánh này cũng Như ở trước. Xuống dưới dùng mười vô giải thích câu chung này. Không thấy, không nghe: Tâm tánh ít có phẳng lặng, phẳng lặng cho nên bặt dứt sắc chất chẳng phải cái mà hình tượng biểu thị vì ít có cho nên bặt dứt âm thanh chẳng phải cái mà giáo pháp giải thích (sở thuyên) không được, không mất: Là nói Không mà chẳng có gì đạt được, xả bỏ Sanh mà không có gì mất đi. Bốn không có (tứ vô) như vậy giải thích về tánh Vắng lặng. Không lời, không chép: Tâm hành đã vắng lặng không khởi lên nói năng. Không biết không tướng: Tâm hành vắng lặng xa lìa hai phần. Không lấy, không bỏ: Đã không có phân biệt không có tánh đáng giữ lấy - không có tướng đáng bỏ. Sáu như vậy giải thích về tướng Vắng lặng. Trong Vô sanh hành vắng lặng như vậy, vì sao ở trong đó mà lại có thủ chứng? Lúc dấy lên trả lời điều này thì tự biết vấn nạn trước dây không trở thành khó khăn. Nêu ra cái sai nói lên cái đúng. Tìm hiểu thì có thể biết được.

Kinh: "Phật ngôn: Nhữ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề-dạ". Đức Phật nói: Ông đạt được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề hay chăng?

Luận chép: Đây là phần thứ tư hỏi vặn lại có chứng đạt chăng. Hỏi: Bồ-tát chưa đạt được A nậu Bồ-đề, tại vì sao Như-lai hỏi ông đạt

được chăng? Giải thích: Ở đây tuy chưa đạt được Bồ-đề rốt ráo, mà đã chứng đắc Sơ Địa Bồ-đề. Như trong luận Pháp Hoa chép: "Tám đời cho đến một đời đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nghĩa là chứng đạt Sơ Địa Bồ-đề, vì xa lìa sanh tử Phần đoạn trong ba cõi, tùy theo phần có thể thấy chân như Phật tánh gọi là đạt được Bồ-đề, chẳng phải cho là rốt ráo đầy đủ Như-lai phương tiện Niết-bàn". Xét rằng: Là dựa theo chân như Phật tánh gọi tên là Bồ-đề, có thể chứng đạt cái thấy cho nên gọi là đạt được Bồ-đề. Như trong kinh nói các pháp tánh không chính là Bồ-đề. Hán dịch như vậy.

Kinh: "Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Ngã vô đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Bồ-đề tánh trung vô đắc vô thất, vô giác vô tri, vô phân biệt tướng, vô phân biệt trung tức thanh tịnh tánh, tánh vô gian tạp, vô hữu ngôn nói, phi hữu phi vô, phi tri phi bất tri, chư khả pháp hành diệc phục như thị. Hà dĩ cố? Nhất thiết pháp hành bất kiến nơi chốn, quyết định tánh cố bổn vô hữu đắc bất đắc, vân hà đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề?". Bồ-tát Tâm Vương chép: Bạch Đức Thế Tôn! Con không đạt được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Vì sao? Vì trong tánh Bồ-đề không có được - không có mất - không có hiểu - không có biết, không có sự phân biệt, trong chỗ không có phân biệt chính là tánh thanh tịnh, tánh không có pha tạp, không có nói năng, chẳng phải có - chẳng phải không có, chẳng phải biết - chẳng phải không biết, các pháp có thể hành cũng giống như vậy. Tại vì sao? Vì tất cả pháp hành không thấy nơi chốn, tánh quyết định cho nên vốn chẳng có được hay không được, làm sao được A-nậu-da-la Tam miệu Tam Bồ-đề?

Luận chép: Đây là phần thứ năm dựa vào trả lời không có được. Trong dó có ba, đó là nêu ra, giải thích và kết luận. Trong phần giải thích có hai: Trước là nói Bồ-đề vốn đạt được mà tánh không hề đạt được; sau là nói các hành có thật có mà tướng không hề đạt được. Trong phần trước nói về tánh Bồ-đề, nghĩa là tánh chân như là không vô ngại - tánh xa lìa tối tăm che ngăn nên gọi là Bồ-đề. Trong đó vốn không có chân tánh giữ lại, cũng chính là vốn không có vọng tưởng mất đi, cho nên nói là không có được, mất. Như vậy cái hiểu vốn có (bổn giác) xa lìa cái hiểu của suy nghĩ tạo thành, cũng mất đi cái biết bất chợt cho nên nói là vô giác vô tri. Đã không có cái thấy phân biệt xa lìa, tướng sở hành nên nói là không có tướng phân biệt. vì như vậy cho nên nói chẳng bị hoặc làm vẩn đục, bổn tánh xa lìa tạp nhiễm nên nói là Tức tánh thanh tịnh. Chiều dọc chẳng phải sanh diệt làm cho gaín cách-

chiều ngang chẳng phải năng sở làm cho lẫn lộn, cho nên nói là Tánh không xen lẫn. Không có ngôn nói là vì năng ngôn - sở ngôn chẳng có gì không thể bặt dứt. Chẳng có, chẳng không ấy là tuy chẳng phải có Như mà chẳng phải không có Như. Chẳng phải biết, chẳng phải không biết là tuy chẳng phải vốn có hiểu biết mà chẳng phải không thể hiểu biết. Tánh Bồ-đề như thế không có nghĩa để đạt được Từ "Các pháp có thể hành v.v..." trở xuống là kế là hiển bày hành không có khả năng đạt được. Như phẩm trước nói về hành của sáu độ chẳng có gì không phải là khuôn phép chân thật (chân quỹ). Nói khả năng được các pháp cũng như thế ấy là vì giống như Vô đắc trước đây. Tất cả pháp hành ấy là các hành về sáu độ. Không thấy nơi chốn ấy là không nhìn thấy nơi chốn vốn có thể hành như được - mất - hiểu - biết cho đến có - không - biết - không biết v.v... Cùng với Bồ-đề bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, cho nên vốn không có khả năng đạt được hay không thật có. Từ "Làm sao v.v..." về sau là tổng hợp kết luận về Vô đắc.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị, như thị! Như nhữ sở ngôn nhất thiết tâm hành bất quá vô tướng thể tịch vô sanh". Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói tất cả tâm hành chỉ là Vô tướng - thể vắng lặng Vô sanh.

Luận chép: Dưới đây là phần sáu Như-lai nói về thành tựu, trong đó có ba: Một là chính nói về, hai là nêu ra cái sai, ba là nói về chỗ đúng. Trong phần Một cũng có ba: Nói chung về. Nói riêng sau cùng lại kết luận thành tựu. Đầu tiên là nói "đúng thế, đúng thế" ấy là nói về vô chứng ở trước và vô đắc ở sau. Từ "tất cả v.v..." trở xuống là phần hai nói riêng. Nói vô sanh là vô sanh hành, nói về không có năng chứng - năng đắc. Nói về vắng lặng là lý vắng lặng, nói không có sở chứng - sở đắc. Đầu tiên nói về tất cả tâm hành là vì tất cả trí vô phân biệt của xuất thế tương ưng với tâm hành không giữ lấy các tướng chứng đạt lĩnh hội vô tướng. Nói chỉ là vô tướng - thể ở trong vắng lặng sâu xa nhưng vô sanh cho nên nói là thể vắng lặng vô sanh.

Kinh: "khả hữu thức thức, diệc phục như thị. Hà dĩ cố? nhãn nhãn xúc tất giải vắng lặng, thức diệc vắng lặng, vô hữu động bất động tướng, nội vô tam thọ, tam thọ vắng lặng, nhĩ tỷ thiệt thân, tâm ý ý thức cập dĩ Mạt-na A-lê-da diệc phục nư thị, giai diệc bất sanh tâm vắng lặng cập vô sanh tâm". Có thể có thức thức, cũng giống như vậy. Tại vì sao: Vì nhãn - nhãn tiếp xúc đều là không vắng lặng, thức cũng là không vắng lặng, không có tướng động hay bất động bên trong không có ba thọ, ba thọ vắng lặng, nhĩ tỷ thiệt thân, tâm ý - ý thức cho đến Mạt-na, A-lê-da

cũng giống như vậy, cũng đều không thể sanh khởi tâm vắng lặng và tâm vô sanh.

Luận chép: Đây là phần thứ hai thuật về nghĩa vắng lặng, đó là tám thức là không vắng lặng của các thế gian. Trong đó có hai: Một là ví dụ trước, hai là giải thích rộng ra. Đầu tiên chép: Có thể có thức - thức thâu nhiếp chung tất cả tám thức vốn có ở thế gian, như nói xứ xứ, vì thâu nhiếp tất cả nơi chốn. "Cũng như thế ấy là lý Vắng lặng giống như Vô sanh của tâm xuất thế trước đây. Từ "Vì sao? v.v..." trở xuống là phần hai giải thích rộng. Nhãn là nhãn căn, nhãn xúc tức là xúc trong Biến hành, dựa vào ba hòa hợp mà sanh khởi, làm cho ba hòa hợp muốn nói về Tản Không cho nên có ý đưa ra điều đó. Thức cũng Không: Nhãn xúc đã Không thì Nhãn thức không thể phát sanh. Không có nối tiếp nhau chuyển biến dao động cũng không sát-na nào không chuyển biến, cho nên nói là không có tướng động hay bất động. Nói bên trong không có ba thọ: Vì ba thọ sanh khởi xưa nay vắng lặng, trong các tâm sổ xúc - thọ tiếp cận lẫn nhau, có khả năng rất hơn hẳn cho nên đưa ra hai thứ này thông thường điều khiển pháp còn lại. Nhĩ - tỷ - thiệt - thân ấy là nói rằng các loại nhĩ - nhĩ xúc - nhĩ thức v.v... tâm ý ý thức ấy là Thức thứ sáu, vị lai gọi là tâm, quá khứ gọi là Ý, hiện tại gọi là Ý thức, dựa vào tùy theo chuyển môn đưa ra ba tên gọi này, để hiển bày ba đời đều là không vắng lặng. Mạt-na, A-lê-da thứ bảy thứ tám đều giống như Nhãn thức cho nên cũng bất sanh khởi. Văn giải thích rộng xong. Kế là nói Tâm vắng lặng ấy là văn gần kết luận tám Thức vắng lặng và tâm vô sanh là kết luận xa với văn nói Thể vắng lặng vô sanh.

Kinh: "Nhược sanh tâm vắng lặng, nhược sanh vô sanh tâm, thị hữu sanh hành phi vô sanh hành, nội sanh tam thọ tam hành ba cõi". Nếu sanh khởi tâm vắng lặng, hoặc khởi vô sanh tâm, là có sanh hành mà chẳng phải không có sanh hành, bên trong sanh khởi ba Thọ - ba Hành - ba giới.

Luận chép: Đây là phần hai nêu ra cái sai, nghĩa là có sở đắc. Người học Đại thừa không thể là không tám thức thì làm trái sự vắng lặng đó, cho nên nói là sanh khởi tâm vắng lặng. Không biết Vô sanh của tâm xuất thế, nói là có tâm sanh khởi chứng lý vô tướng, cho nên nói là sanh khởi vô sanh tâm. Dứt khóat là Hành trôi lăn của thế gian mà trái với Vô sanh nhẫn hành của xuất thế, vì thế nói là có sanh hành v.v... Nói ba Hành là thân miệng ý dấy lên có cả thiện và bất thiện. Nói ba giới ấy là thân khẩu ý dừng lại chỉ giữ lấy điều thiện đó. Sanh khởi ba hành, ba Giới này làm nhân mà sanh khởi ba cõi thọ nhận đầy đủ ba

thọ, trôi lăn như vậy không thể nào giải thoát.

Kinh: “Nhược vắng lặng sanh tâm bất sanh, bất thường vắng lặng vô công dụng, bất chứng vắng lặng tướng, diệc bất trụ ư vô chứng, khả xứ vô trụ, tổng trì vô tướng. Tức vô tam thọ đẳng tam, tất giai vắng lặng, thanh tịnh vô trụ, bất nhập Tam-muội, bất trụ tọa thiền, vô sanh vô hành”. Nếu vắng lặng sanh khởi tâm bất sanh, tâm thường vắng lặng không công dụng, không chứng tướng vắng lặng, cũng không trụ trong vô tướng, tức là không có các thứ ba như ba Thọ v.v... thảy đều vắng lặng, thanh tịnh vô trụ, không nhập vào Tam-muội, không trụ trong ngồi thiền, vô sanh vô hành.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nói cái đúng: Nói nếu vắng lặng sanh khởi tâm bất sanh: Ngược lại câu “Nếu sanh khởi tâm vắng lặng” trước đây, vì xả bỏ các tâm sanh khởi không giữ lấy sanh khởi. “Tâm thường vắng lặng vô công vô dụng.” Ngược lại câu “Nếu sanh vô sanh tâm” trước đây, vì xa lìa tướng của các sự sanh diệt khởi động cũng không có công dụng tác ý phân biệt. Không thể chứng tướng vắng lặng: Tuy xả bỏ tâm của sanh khởi, mà không giữ lại tướng vắng lặng. Cũng không trụ ở vô chứng: Mặc dù tâm không giữ lấy tướng vắng lặng nhưng không rơi vào sai lầm vô chứng. Có thể ở vô trụ: Là nói chung về xa lìa sai lầm chấp đắm, vì các nơi có thể an trụ đều không thể an trụ. Nơi có thể an trụ ấy là nếu xả bỏ sanh khởi thì có thể an trụ vắng lặng, nếu xả bỏ có chứng đạt thì có thể an trụ vô chứng, như vậy nơi thích hợp đều là Vô trụ. Tổng trì vô tướng: Nói chung đầy đủ công đức, nghĩa là tâm vô sanh nắm giữ đức các hành mà cùng chung một vị tướng Vô sai biệt. Tức không có ba như ba thọ .... Ngược lại câu: “Bên trong sanh tam thọ ...” Trước đây, vì xa lìa tướng nhân quả trôi lăn. Thảy đều vắng lặng: Vì thấu suốt các loại như ba Thọ xưa nay là không. Thanh tịnh vô trụ: Vì tâm thường thấu chẳng trụ vào Không. Chẳng nhập Tam-muội”: Thường quên đi tâm nhập định của thế gian. Không trụ ngồi thiền: Cũng xả bỏ thế gian trụ vào thiền vắng lặng. Nếu thường như vậy thì tâm sanh khởi không có cũng không có hành của phân biệt, cho nên nói là Vô sanh vô hành.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Thiền năng nhiếp động, định chư huyễn loạn, vân hà bất thiền?”. Tâm Vương Bồ-tát chép: Thiền có thể thâu nhiếp dao động làm ổn định các sự huyễn loạn, vì sao không thể thiền?

Luận chép: Đây là phần thứ bảy nói về nghi, ý nghi: Tất cả các thiền định có thể thâu nhiếp ý niệm dao động, làm cho tâm tán loạn

được yên định, vì sao tâm vô sanh hành xuất thế cũng không thể nhập vào, an trụ thiền định? Nếu không thể thiền thì phải dao động. Có nghi ngờ như vậy nên nhân dịp hỏi về điều đó.

Kinh: "Phật ngôn: Bồ-tát! Thiền tức thị động, bất động bất thiền thị vô sanh thiền, thiền tánh vô sanh, ly sanh thiền tướng, thiền tánh vô tướng lý trụ thiền động, tri thiền tánh vô hữu động tĩnh, tức đắc vô sanh, vô sanh Bát-nhã, diệc bất y trụ, tam diệt bất động, dĩ thị cố cố đắc vô sanh Bát-nhã Ba-la-mật". Đức Phật nói: Này Bồ-tát ! Thiền tức là động không động không thiền là vô sanh thiền, thiền tánh vô sanh, lìa sanh khởi thiền tướng, thiền tánh vô trụ, lìa an trụ thiền động, biết thiền tánh không có động tĩnh, tức là đạt được vô sanh, vô sanh Bát-nhã cũng không dựa vào tâm an trụ, tâm cũng không xao động, vì trí này cho nên đạt được Vô sanh Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận chép: Đây là phần thứ tám xử lý sự nghi ngờ. Nói Thiền chính là động: Nghĩa là thiền thế gian tuy chẳng phải tán loạn mà giữ lấy cảnh tướng, giữ lấy tướng thì tâm sanh khởi vì sanh khởi cho nên xao động, xa lìa được thiền của sanh khởi xao động như vậy mới được nhập vào lý định, do đó nói là thiền vô sanh. Lý ổn định như vậy thì tánh không có sanh khởi xao động, cho nên nói là Thiền tánh vô sanh, chẳng phải dứt khóat bất sanh khởi cũng không an trụ vắng lặng, cho nên nói là Thiền tánh vô trụ. Nếu có sanh khởi thì là tướng, có chấp đắm thì là động, nay chính là trái với điều này cho nên nói lìa sanh khởi thiền tướng, lía an trụ thiền động. Các câu trên đây nói về tướng định theo lý. Từ "Biết thiền tánh v.v..." trở xuống là nói về tướng trí theo lý. Chỉ dựa vào một Thể mà nghĩa phân làm hai: Biết thiền tánh không có hữu động là biết thiền tánh không có sanh khởi. Không có tĩnh là không hề an trụ. Tức đắc vô sanh là được lý không có sanh khởi. Vô sanh Bát-nhã là đạt được hành không có sanh khởi. Cũng không dựa vào an trụ ấy là nói rằng trí Vô sanh không dựa vào lý an trụ mà xa lìa năng sở. Tâm cũng bất động tuy không dựa vào lý an trụ mà chẳng phải sanh khởi tâm xao động. Do vào trí như vậy có thể đến bờ bên kia (bỉ ngạn), cho nên nói là Bát-nhã Ba-la-mật. Tám phần trên đây hợp lại thành phần thứ hai quay trở lại chất vấn - trả lời.

Kinh: "Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả ! Vô sanh Bát-nhã ư nhất thiết xứ vô trụ, ư nhất thiết xứ vô ly, tâm vô xứ trụ, vô xứ trụ tâm, vô trụ vô tâm, tâm vô sanh trụ. Như thử trụ tâm tức vô sanh trụ. Tôn giả! Tâm vô sanh hành bất khả tư nghị, bất tư nghị trung khả bất khả nói?". Bồ-tát Tâm Vương chép: Bạch Đức Thế Tôn! Vô sanh Bát-nhã không

trụ ở Nhất thiết xứ, không lìa Nhất thiết xứ, tâm không trụ xứ, không có xứ trụ tâm; không án trụ không có tâm, tâm bất sanh khởi an trụ. Như vậy an trụ tâm tức là bất sanh khởi an trụ. Bạch Đức Thế Tôn! Tâm không có sanh hành không thể nghĩ bàn có thể giảng nói hay không?

Luận chép: Đây là phần thứ ba lãnh ngộ hiểu rõ. Nhất thiết xứ là tất cả mọi nơi chân - chân tục - động - tịnh v.v... Nói không trụ ấy là đối với tất cả mọi nơi này chẳng có gì đạt được. Nói không lìa ấy là đối với tất cả nơi này không có gì không đạt được. Vì sao? Vì tất cả nơi chốn kia thảy đều không phải như thế – chẳng phải không thể như thế. Tâm không trụ xứ là không có sở trụ xứ. Không có xứ trụ tâm là không có tâm năng trụ. Không trụ không tâm là hợp cùng hai câu trước, vì tâm không có nơi chốn, có an trụ. Tâm bất sanh khởi an trụ ấy là chẳng thể không có tâm bất sanh khởi không an trụ. Như an trụ tâm ấy là kết luận đối với tất cả nơi chốn không thể an trụ cho đến nơi xa lìa trước đó. Nghĩa về không xa lìa giả thiết lập ra an trụ. Tức bất sanh khởi an trụ ấy là kết luận, tâm không có nơi chốn an trụ cho đến tâm bất sanh khởi an trụ" trước đó, vì trụ tức là vô trụ, vô trụ chính là trụ. Tâm vô sanh hành không thể nghĩ bàn ấy là xa lìa nói năng bặt dứt suy tư. Trong không thể nghĩ bàn là có thể thuyết hay không là vì xa lìa nói năng cũng lìa luôn sự xa lìa nói năng. Vì xa lìa nói năng cho nên nói năng không thể nói. Lìa cả sự xa lìa nói năng cho nên cũng có thể nói được. Nói có thể nói ấy là không phải không thể như vậy. Không thể nói là chẳng phải đúng như vậy. Vì thế nói chung rằng "Khả bất khả nói", nluống dống nói nói giảng nói hay không có thể, nên biết rằng suy nghĩ đó cũng hay không có thể, chỉ nêu ra một phía phỏng theo biểu hiện mà thôi.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị như thị!". Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy!

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói rõ thành tựu. Như sự lĩnh hội hiểu rõ trước đó không phải dứt khóat phù hợp với đạo lý, cũng chính là kính mến xứng với lời Phật dạy, cho nên nói lặp lại "đúng vậy, đúng vậy". Phần Trường Hàng về chánh nói ở trước đã xong.

Kinh: "Tâm Vương Bồ-tát văn như thị ngôn thán vị tằng hữu nhi nói kệ ngôn". Tâm Vương Bồ-tát nghe nói như vậy khen ngợi không hề có mà nói kệ rằng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai dùng kệ khen ngợi giảng nói. Trong đó có hai: Trước là lời tựa - sau là bài tụng. Nghe nói như vậy ấy là nghe Đức Phật nói về nội dung của một phẩm này.

Kinh: "Mãn túc đại trí tôn, giảng nói vô sanh pháp, văn sở vị tằng văn, vị nói nhi kim nói". Đấng đầy đủ đa trí tuệ, nói rộng về pháp vô sanh, nghe điều không hề được nghe, chưa nói mà nay nói.

Luận chép: Dưới đây là ba bài tụng không phải văn tụng riêng mà là khen ngợi chung. Trong đó có bốn: Pháp - dụ - hợp và kết. Đây là phần thứ nhất Pháp nói. Khen ngợi "Chưa nói mà nay nói" ấy là tuy trước đó nói rộng, bây giờ kinh này nói giảng lược nghĩa phong phú - văn đơn giản lý tận tường. Dường như sự vi diệu này trước đây chưa nói ra.

Kinh: "Do như tịnh cam lộ, thời thời nãi nhất xuất, nan ngộ nan tư nghị, văn giả diệc phục nan, vô thượng lương phước điền, tối thượng thắng diệu dược, vị độ chúng sanh cố, nhi kim vị giảng nói". Giống như cam lộ thanh tịnh, thường mà một lần xuất hiện, khó, gặp khó nghĩ bàn, người nghe cũng giống khó, ruộng phước tốt lành vô thượng, vị thuốc tuyệt diệt trên hết, vì cứu độ cho chúng sanh, mà nay vì đó giảng nói.

Luận chép: Dưới đây hai câu là phần thứ hai về Dụ. Nói Cam lộ ấy là vị thuốc của sự bất tử, để dụ cho kinh này có khả năng vượt ra sanh tử. Kế bốn câu là phần thứ ba kết hợp, ruộng phước tốt Vô thượng là khen ngợi người có khả năng nghe, thuốc hay tốt trên hết là kết hợp với pháp được nghe. Hai câu sau cuối là phần thứ tư kết luận.

Kinh: "Nhĩ thời chúng trung văn nói thử dĩ giai đắc vô sanh vô sanh Bát-nhã". Lúc bấy giờ trong chúng hội nghe tụng nói này xong đều đạt được vô sanh - vô sanh Bát-nhã.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lúc chúng hội được ích lợi. Địa tiền phàm phu nghe nói phẩm này đạt được Vô sanh nhẫn nhập vào Sơ Địa.

Phẩm Thứ 4: **BỔN GIÁC LỢI**

Luận chép: Tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay nhập vào đêm dài vô minh dấy lên mộng lớn vọng tưởng, Bồ-tát tu quán lúc đạt được vô sanh, thông suốt chúng sanh xưa nay vắng lặng dứt khóat là vốn có hiểu biết (bổn giác), nằm giường Nhất Như dùng lợi ích vốn có này làm lợi ích chúng sanh. Phẩm này nói lên đạo lý này cho nên gọi là Phẩm Bổn Giác lợi.

Kinh: "Nhĩ thời Bồ-tát Vô Trụ văn Phật sở nói nhất vị chân thật bất khả tư nghị, tùng viễn cận lai thân Như-lai tòa chuyên niệm đế thính, nhập thanh bạch xứ thân tâm bất động". Lúc ấy, Bồ-tát Vô Trụ nghe Đức Phật giảng nói về một vị chân thật không thể nghĩ bàn, từ xa đến gần tiếp cận ngồi tòa Như-lai chuyên chú ý niệm chăm chú lắng nghe, nhập vào chỗ thuần khiết thân tâm không xao động.

Luận chép: Nói riêng về quán hành, trong sáu phần, dưới đây là phần thứ ba nói về Bổn giác lợi. Dựa vào vô sanh hành có thể hội nhập bổn giác, mới có thể hóa hiện khắp ích lợi cho tất cả. Căn cứ vào nghĩa này cho nên kế là giảng nói về điều đó.

Ngay nơi văn có ba: Một là nói rộng về bổn giác lợi ích, hai là dùng kệ khen ngợi, ba là lúc ấy chúng hội được lợi ích. Trong phần Một có hai: 1. Dựa vào xao động nói về yên tĩnh, sơ lược nêu lên tông chỉ của bổn lợi. 2. Từ nhỏ nhiệm đến lớn rõ nói rộng về nghĩa lý của bổn lợi. Trong phần một có ba: Một là nhờ vào thân di động để nêu lên bổn lợi. Hai là Căn cứ ngôn ngữ trở lại để nêu lên bổn lợi Ba là phát ra ánh sáng khen ngợi chúc mừng bổn lợi. Trong phần đầu nói Bồ-tát Vô Trụ là, vị này tuy thông hiểu bổn giác vốn không phát khởi xao động, mà không an trụ vắng lặng thường khởi lên hóa hiện rộng khắp. Dựa vào đức đặt tên hiệu gọi là Vô Trụ. Đức của Vô Trụ khế hợp với bổn lợi, do đó dựa vào vị này để nói lên tông chỉ đó. Nói một vị chân thật không thể nghĩ bàn là vì phẩm trước nói Tâm vô sanh hành không thể nghĩ bàn v.v... Từ từ đến gần bên tòa của Như-lai: Chỗ ngồi trước đó cách xa tòa của Đức Phật, nghe phẩm trước xong dời đến chỗ gần hơn, biểu thị thời gian trước đó chưa nghe pháp sâu xa, đại vị ở tại phàm phu ngu dốt cách xa quả Phật, nay nghe Đức Phật giảng nói đạt được lợi ích về bổn giác, tự biết sẽ được quả Phật, đang gần kề. Chuyên niệm lắng nghe, thân tâm bất động nơi thanh bạch: Lúc đã gần cạnh tòa ngồi Đức Phật thì chuyên chú niệm hướng về lắng nghe, nhập vào nơi thanh tịnh minh bạch vốn có, thuận theo hiểu biết vốn có (bổn giác), yên tĩnh nên thân

tâm không xao động, vì vậy chính là nói lên lúc nhập vào hiểu biết ban đầu thông suốt vốn có không hề xao động được vô sở đắc.

Kinh: "Nhĩ thời Phật cáo Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhữ tùng hà lai kim chí hà sở? Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhữ hàng hà lai kim chí vô bổ sở". Lúc bấy giờ Đức Phật nói với Bồ-tát Vô Trụ: Ông từ đâu đến nay đến nơi nào? Bồ-tát Vô Trụ chép: Bạch Đức Thế Tôn! Con từ chỗ không có ban đầu đến nay đến nơi không có ban đầu.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai dựa vào lời nói quay trở lại. Trong đó có ba: Hỏi - Đáp và Nói rõ thành tựu. Thứ hai là ý trả lời nói về địa vị phàm phu đến địa vị bậc Thánh, lúc đến địa vị bậc Thánh ngoái lại tìm xem mình từ xưa đến nay thế nào. Khi xưa ở vị phàm phu mới bắt đầu hướng đi tự tin rằng tâm mình vốn không hề khởi lên xao động, vì vậy căn bản khởi động không thật có, nay đến địa vị hàng Thánh lúc đạt được vô sanh chứng thật biết rõ tự tâm xưa nay không có sanh khởi, vì căn bản của sanh khởi là vô sở đắc. Do đó biết rằng bắt đầu từ nơi không vốn có mà đến, nay nơi đã đến cũng là nơi không vốn có (vô bổn sở). Đã nêu không vốn có (vô bổn), nên biết là không cuối cùng (vô mạt). Vô bổn mạt là không đến không tới (vô lai vô chí). Chỉ nương nhờ thuận theo từ ngữ của Đức Phật hỏi để giả định gởi gắm lời của đến - tới. Tuy không có đến - tới mà chẳng phải hoàn toàn không có đến - tới. Vì do nơi đến tới để nói về đến tới, vì chỗ đến - nơi tới như nhau không vốn có.

Kinh: "Phật ngôn: Nhữ bổn bất tùng lai, kim diệc bất chí sở, nhữ đắc bổn lợi không thể nghĩ bàn, thị Đại Bồ-tát Ma-ha tát". Đức Phật nói: Ông vốn không từ đầu đến, nay cũng không tới nơi nào, ông đạt được lợi ích vốn có không thể nghĩ bàn, là bậc Đại Bồ-tát.

Luận chép: Đây là phần nói về thành tựu. Ý nói về thành tựu rằng: Nơi tới - nơi đến đã như nhau không từ đầu thì không có đến - tới, Vì sao? Vì nơi đến không khác đối với nơi tới, vốn không có từ đâu đến, nơi tới đã giống nhau đối với nơi đến cho nên nay không có tới (vô sở chí). Lại, nơi đến đã không có từ đầu cho nên không có đến không thể đến (vô lai bất lai), nay nơi đã tới cũng không có từ đầu cho nên không có tới không thể tới (vô chí bất chí). Đã không có đến - không có tới (vô lai vô chí) xưa nay vắng lặng, cho nên chép: Ông đạt được lợi ích vốn có không thể nghĩ bàn. Đã đạt được lợi ích vốn có về tự lợi lợi tha, cho nên nói là Đại Bồ-tát.

Kinh: "Tức phóng tại quang biến chiếu đại thiên thế giới nhi nói kệ ngôn: Đại tai Bồ-tát, trí tuệ mãn túc, thường dĩ bổn lợi, lợi ích chúng

sanh, ư tứ oai nghi, thường trụ bổn lợi, đạo chư quần thứ, bất lai khứ khứ". Tức thì phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thế giới đại thiên mà nói kệ: Thật lớn thay Bồ-tát! Trí tuệ được đầy đủ, thường dùng lợi vốn có, lợi ích cho chúng sanh, đối với bốn oai nghi, thường trụ lợi vốn có, dẫn dắt các chúng sanh, không đến mà cứ đi.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba Như-lai phát ra ánh sáng biểu hiện ngợi khen Bồ-tát. Trong đó có hai: Trước là tựa của người kết tập kinh điển: Lý do phát ra ánh sáng lớn soi chiếu đại thiên thế giới ấy là để biểu hiện đạt được trí tuệ rộng lớn ánh sánh soi chiếu thế gian tăm tối khiến cho được sáng suốt, chứng thật thành tựu Như-lai đã khen ngợi trước đó. Thật lớn thay Bồ-tát là đặc biệt khen ngợi Bồ-tát Vô Trụ. Trí tuệ đầy đủ ấy là vì không có gì biết mà không có gì không biết. Ở bốn oai nghi thường trụ bổn lợi là như trước đã từng bày từ xa đến gần bên cạnh tòa ngồi Như-lai, vì vậy thị hiện lợi ích hiểu biết vốn có (bổn giác lợi). Bất lai khứ khứ là vắng lặng mà thường cảm hóa. Nói không đến là tùy theo sự dẫn dắt giáo hóa khiến cho được xuất thế không còn trở lại. Nói khứ khứ là tùy theo đạt được không lui sụt lần lượt vượt ra mà đến Thiện Thệ.

Kinh: "Nhĩ thời Bồ-tát Vô Trụ nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Dĩ hà lợi chuyển, nhi chuyển chúng sanh nhất thiết tình thức nhập úm ma la?". Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Trụ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Dùng lợi ích nào xoay chuyển tất cả tình thức của chúng sanh nhập vào Án ma la?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng rộng về nghĩa của bổn lợi. Trong đó có hai: Một là trực tiếp mở rộng, hai là hiển bày lại. Trong phần đầu trực tiếp mở rộng trước là hỏi - sau là trả lời. Dùng lợi nào chuyển: Là hỏi về nghĩa chủ động giáo hóa chuyển vận lợi ích, hỏi về câu "dẫn dắt các chúng sanh" ở trước. Mà chuyển chúng sanh v.v... Là hỏi về nghĩa được giáo hóa chuyển vận các thức, hỏi về câu "Mà cứ đi: "Khứ khứ" trước đây. Tất cả tình thức tức là tám Thức. Úm-ma-la: Là Thức thứ chín. Nghĩa về chín Thức của Tam Tạng Chân Đế căn cứ vào văn này thành lập, như chương kia giải thích.

Kinh: "Phật ngôn: Chư Phật Như-lai thường dĩ nhất giác, nhi chuyển chư thức nhập úm ba la. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh bổn giác, thường dĩ nhất giác như chúng sanh, linh bỉ chúng sanh giai đắc bổn giác, giác chư tình thức vắng lặng vô sanh. Hà dĩ cố? Quyết định bổn tánh bổn vô hữu động". Đức Phật nói: Chư Phật Như-lai thường lấy Nhất giác mà chuyển đổi các Thức nhập vào Án-ma-ba-la. Tại vì sao?

Vì tất cả chúng sanh vốn có hiểu biết, thường lấy Nhất giác để giác ngộ các chúng sanh, khiến cho chúng sanh kia đều đạt được hiểu biết vốn có, giác ngộ các tình thức vắng lặng không có sanh khởi. Tại vì sao? Vì quyết định bổn tánh vốn không có xao động.

Luận chép: Là phần trả lời chính là mở rộng về nghĩa của bổn lợi. Trong đó có hai: Trước là nêu ra - sau là giải thích. Chư Phật Như-lai thường dùng Nhất giác: Là nêu ra căn bản của năng hóa. Mà chuyển các thức nhập Án-ma-la: Là nêu ra sự chuyển đổi sở hóa. Trong giải thích có hai: Chính là giải thích - quay lại giải thích. Trong chính là giải thích nói Nhất thiết chúng sanh bổn giác ấy là giải thích về Nhất giác căn bản của năng hóa, tất cả chúng sanh cùng một hiểu biết vốn có cho nên nói là Nhất giác Thể của Chư Phật ở đây chính là thường cảm hóa rộng khắp (năng phổ hóa) cho nên nói là "thường dùng". Vì dùng bổn giác này làm cho người khác giác ngộ, cho nên nói là thường dùng nhất giác giác ngộ cho chúng sanh. Khiến chúng sanh kia đều được bổn giác: Là giải thích về câu: Được giáo hóa chuyển đổi nhập vào: Bổn giác chính là Thức Án-ma-la. Đắc bổn giác: Là giải thích nghĩa Nhập vào. Lúc nhập vào bổn giác ngộ, các tám Thức xưa nay vắng lặng, giác ngộ hoàn toàn cho nên các Thức không thể sanh khởi, vì thế nói là các Thức vắng lặng vô sanh. Câu này chính là giải thích về câu chuyển đổi các Thức. Văn này hiển bày đầy đủ hai Giác bổn - thỉ. Nói là Nhất thiết chúng sanh bổn giác v.v... ấy là nghĩa về Bổn giác, giác ngộ các tình thức vắng lặng vô sanh ấy là nghĩa về Thỉ giác, là hiển bày Thỉ giác tức là giống như Bổn giác. Từ "Vì sao? v.v..." về sau là thứ hai quay lại giải thích. Giải thích Thỉ giác trước đây vốn giác ngộ vắng lặng, tuy các tám Thức này tùy theo duyên mà động chuyển, nhưng cầu mong tánh ổn định đều không có gì đạt được, cho nên nói là Quyết định bổn tánh vốn không có xao động, vốn không có xao động cho nên vốn là vắng lặng.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Khả nhất bát thức giai duyên cảnh khởi như hà bất động?". Bồ-tát Vô Trụ chép: Có thể tám Thức của một chúng sanh đều là duyên cảnh phát khởi, như thế nào không dao động?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng nói lại. Trong đó có hai. Trước là giảng nói Thỉ giác, sau là diễn Bổn giác. Trong phần đầu cũng có hai: Một là Giảng nói các Thức Vắng lặng; hai là Giảng nói các Thức Vô sanh. Trước là sự giác ngộ của Thỉ giác, sau là Thỉ giác của khả năng giác ngộ. Trong phần đầu thì có sáu phần hỏi - đáp trong đó có ba: Một là Hai lần hỏi đáp trước chính thức nói về Vắng lặng. Hai là

Hỏi đáp lần thứ ba là nói về Tướng không giống nhau. Ba là ba lần hỏi đáp sau nói về Tướng không khác nhau. Lần hỏi đáp đầu tiên này nói về không có khởi lên xao động. Nói Khả nhất: Là nói rằng tất cả, nghĩa là tất cả chúng sanh vốn có tám thức; đều duyên cảnh khởi: Trong bốn duyên tạm thời nêu ra duyên duyên để vấn nạn về không dao động (bất động).

Kinh: "Phật ngôn: Nhất thiết cảnh bổn không, nhất thiết thức bổn không, không vô duyên tánh như hà duyên khởi?". Đức Phật nói: Tất cả cảnh vốn không, tất cả Thức vốn không, không có tánh duyên thì làm sao duyên khởi?

Luận chép: Tạm thời xả bỏ cảnh duyên, nói lên Thức không có khởi.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhất thiết cảnh không như hà kiến? Phật ngôn: Kiến tức vi vọng, hà dĩ cố? Nhất thiết muôn hữu vô sanh, vô tướng, bổn bất tự danh, tất giai vắng lặng, nhất thiết pháp tướng diệc phục như thị, nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị, thân thượng bất hữu vân hà kiến?". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tát cả cảnh không thì làm sao thấy? Đức Phật nói: Thấy tức là vọng, tại vì sao? Vì tất vả muôn hữu không có sanh - không có tướng, vốn không tự nơi tên gọi, thảy đều vắng lặng, tất cả pháp tướng cũng như vậy, tất cả thân chúng sanh cũng như vậy, thân hãy còn chẳng thể có thì làm sao thấy?

Luận chép: Dưới đây là hỏi đáp lần thứ hai nói về thấy là vọng vì vọng cho nên là chân không, nghĩa là cảnh là không cho nên thấy có cảnh tức là vọng, thấy cũng là không cho nên suy nghĩ có thấy cũng là vọng. Trong giải thích có hai, chung và riêng: Nói chung: Ấm giới đều có vốn không từ nơi tên gọi - Ngã là các sắc, chỉ do vọng tâm gọi là các sắc, vì thế cho nên tất cả thảy đều là không vắng lặng. Trong nói riêng cho rằng tất cả pháp tướng cũng giống như thế: Nghĩa là pháp tướng sáu trần bên ngoài như núi sông. Tất cả chúng sanh thân cũng như thế: Thân năm ấm bên trong như sắc - thọ v.v... thân thể hãy còn không làm sao có dụng thấy?

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhất thiết cảnh không, nhất thiết thân không, nhất thiết thức không, giác diệc ứng không. Phật ngôn: Khả nhất giác giả bất hủy bất hoại, quyết định tánh phi không phi bất không vô không bất không". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tất cả cảnh là không, tất cả thân là không, tất cả Thức là không, hiểu biết cũng phải là không. Đức Phật nói: Có thể tất cả hiểu biết ấy không phá hủy không làm hỏng, quyết định tánh chẳng phải là không - chẳng phải không là không -

không có là không - không thể là không.

Luận chép: Dưới đây là lần thứ ba nói về tướng không giống nhau của hiểu biết - không hiểu biết (giác bất giác). Ý hỏi rằng Giác cũng nên là Không: Từ duyên sanh ra Thức đã là không, từ duyên khởi lên Giác cũng là không, Thức đã là không cho nên thấy đó là vọng, Giác cũng là không cho nên Giác đó cũng vọng. Đức Phật trả lời ý nói rằng tất cả hiểu biết ấy, không làm hỏng đạo lý cho nên chẳng phải có thể là không, không giữ lại tự tánh cũng chẳng phải không thể là không, vì thế trong giác không có là không - không thể là không. Các Thức không như thế, vọng giữ lấy các pháp không phù hợp với chân lý, có thể là không - có thể xả bỏ, như vậy không giống nhau, sao có thể tương tự lẫn nhau? Quyết định tánh: Nghĩa là chân như tánh không thể phá hoại được, vì tánh tự nhiên như thế. Nói không hủy: Không giữ lấy tướng có dùng cản trở không. Nói không hoại: Không tính toán tánh không có, dùng tổn hại chân thật. Nghĩa là không hủy hoại đối với tánh quyết định.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Chư cảnh diệc nhiên phi không tướng phi vô không tướng. Phật ngôn: Như thị bỉ khả cảnh giả tánh bổn quyết định, quyết định tánh căn vô hữu nơi chốn. Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Giác diệc như thị vô hữu nơi chốn. Phật ngôn: Như thị giác vô xứ cố thanh tịnh, thanh tịnh vô giác vật vô xứ cố thanh tịnh, thanh tịnh vô sắc". Bồ-tát Vô Trụ chép: Các cảnh cũng như vậy chẳng phải tướng là không - chẳng phải tướng chẳng có không. Đức Phật nói: Như vậy có thể cảnh kia là tánh vốn quyết định, gốc rễ quyết định tánh không có nơi chốn. Bồ-tát Vô Trụ chép: Giác cũng như vậy không có nơi chốn. Đức Phật nói: Như vậy Giác không có nơi chốn cho nên thanh tịnh, thanh tịnh không có sắc Giác, không có nơi chốn cho nên thanh tịnh, thanh tịnh không có Sắc.

Luận chép: Dưới đây là ba lần nói về tướng không sai khác. Trong đó hai lần trước nói về tướng giống nhau của Giác và Cảnh, lần hỏi đáp sau hiển rõ tướng giống nhau của Giác và thức. Trong phần đầu lần trước nói về Cảnh giống như Giác, nói là các cảnh vọng xưa nay không có, đã không có điều đó, sao có tướng là không? Đã chẳng phải có là không, sao có thể không có là không. Vì thế nói "phi không tướng phi vô không tướng". Theo điều này mà nói thì không khác với Giác. Trong trả lời nói Tánh vốn quyết định: Trình bày vốn không có cho nên chẳng phải tướng là không. Không có nơi chốn: Trình bày chẳng phải có là không cho nên chẳng phải không có là không. Lần hỏi đáp sau trình bày Giác giống như cảnh. Giác cũng như vậy: Giác cũng là duyên sanh, vì

tánh vốn là không. Trong trả lời nói Thanh tịnh vô giác: Lý của Giác là không xa lìa tất cả tướng cho nên nói là thanh tịnh. Giác tánh đã là không - trong là không không có Giác, như trong sắc là không không có tướng của Sắc. Trước nói về Cảnh giống như Giác ấy là lấy nghĩa về Cảnh chẳng phải là không chẳng phải không là không đồng với nghĩa về Giác trước đây chẳng phải là không chẳng phải không là không. Nay nói về Giác giống như cảnh ấy là dùng lý vô tướng là không của Giác tánh đồng với nghĩa vô tướng là không của Cảnh. Hai văn không giống nhau cần phải biết như vậy.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Tâm nhãn thức diệc phục như thị không thể nghĩ bàn. Phật ngôn: Tâm nhãn thức diệc phục như thị không thể nghĩ bàn, hà dĩ cố sắc vô nơi chốn thanh tịnh vô danh bất nhập ư nội, nhãn vô nơi chốn thanh tịnh vô kiến bất xuất ư ngoại, tâm vô nơi chốn thanh tịnh vô thượng vô hữu khởi xứ, thức vô nơi chốn thanh tịnh vô động vô hữu duyên biệt, tánh giai vắng lặng". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tâm - nhãn - thức cũng giống như thế không thể nghĩ bàn. Đức Phật nói: Tâm - nhãn - thức cũng giống như thế không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì sắc không có nơi chốn, thanh tịnh không tên gọi không thể nhập vào bên trong, nhãn không có nơi chốn, thanh tịnh không trông thấy không thể vượt ra bên ngoài; tâm không có nơi chốn, thanh tịnh không gì hơn không có xứ khởi lên, thức không có nơi chốn, thanh tịnh không dao động không có duyên khác nhau, tánh đều là không vắng lặng.

Luận chép: Đây là lần thứ ba nói về Thức giống như Giác. Tâm nhãn thức: Nghĩa là tâm chứa nhóm hạt giống nhãn thức và hạt giống này đã khơi dậy nhãn thức. Sơ lược đưa ra hai thứ này nêu lên tánh là không đó. Về sau dựa sát vào bốn duyên nói về nhãn thức là không. Sắc không nơi chốn: Vì tánh của Sắc tự là không. Thanh tịnh vô danh: Vì trong là không không có Sắc. Không nhập ở trong: Vì không cùng với nhãn căn làm thành cảnh giới, là nói về sở duyên duyên là không. Nhãn không có nơi chốn thanh tịnh không có thấy: Vì trong nhãn tánh là không không có nhãn căn. Không ra ở ngoài: Vì không có năng lực thật hành đối với cảnh giới sắc, là nói về tăng thượng duyên là không. Tâm không nơi chốn thanh tịnh vô thượng: Trong hạt giống là không không có hạt giống, vì đứng đầu trong bốn duyên không có nơi chốn khởi lên: Vì nơi chốn không tự khởi lên Thức, là nói về nhân duyên là không. Thức không có nơi chốn, thanh tịnh không động: Vì đã không có ba duyên thì nhãn thức không thể khởi lên. Không có duyên khác nhau: Dùng vô duyên sắc liễu biệt Thức, là nói về Đẳng vô gián duyên và

nhãn thức là không. Duyên ấy là duyên của diệt trước đây, biệt ấy là biệt của kết thúc; sanh sau này. Hai thứ này đều là không cho nên nói là vô hữu. Như vậy bốn duyên và thức đều là không, tổng kết nói là Tánh đều vắng lặng. Như nói nhãn thức và bốn duyên đều là không cho đến ý thức thuận theo như vậy mà nói, gọi là pháp không có nơi chốn thanh tịnh không tên gọi không nhập vào bên trong, ý không có nơi chốn thanh tịnh không nhìn thấy không vượt ra bên ngoài, tâm không có nơi chốn, thanh tịnh không gì hơn, không có xứ khởi lên, thức không có nơi chốn, thanh tịnh không dao động không có duyên khác nhau, tánh đều là không vắng lặng. Ý trong này ấy là Thức thứ bảy. Tâm trong này ấy là Thức thứ tám, là nói về tám Thức, đều hoàn toàn là không vắng lặng cho nên đồng với tất cả Giác Không.

Kinh: "Tánh vô hữu giác giác tắc vi giác. Thiện nam tử! Giác tri vô giác chư thức tắc nhập, hà dĩ cố? Kim cương trí địa, giải thoát đạo đoạn, đoạn dĩ nhập vô trụ địa, vô hữu xuất nhập, tâm xứ vô tại, quyết định tánh địa, kỳ địa thanh tịnh như tịnh lưu ly, tánh thường bình đẳng như bỉ đại địa, giác diệu quán sát như tuệ nhật quang, lợi thành đắc bổn như đại pháp vũ, nhập thị trí giả thị nhập Phật trí địa, nhập trí địa giả chư Thức bất sanh". Tánh không có giác - giác tức là giác. Này người thiện nam! Giác biết là không có giác thì các thức lập tức hội nhập, tại vì sao? Vì Kim cương trí địa, giải thoát đạo đoạn, đoạn rồi nhập vào vô trụ địa, không có ra vào, tâm xứ không tồn tại, quyết định tánh địa, địa đó thanh tịnh như lưu ly trong suốt, tánh thường bình đẳng như mặt đất kia, khéo hiểu biết quán sát như ánh sáng mặt trời trí tuệ, lợi ích thành tựu đạt được căn bản như cơn mưa đại pháp, người nhập vào trí này là nhập vào Phật trí địa, nhập vào trí địa ấy thì các Thức bất sanh khởi.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói về các Thức bất sanh khởi. Muốn trình bày lúc đầu tùy theo vô minh mà các Thức sanh sanh khởi nay thuận theo Thỉ giác trở về nguồn tâm. Lúc quay về nguồn tâm các Thức không khởi lên, Thức không khởi lên cho nên Thỉ giác đầy đủ trọn vẹn. Trong đó có hai: Sơ lược nêu ra và mở rộng giải thích. Trong phần nêu ra cũng có hai: Đầu tiên nói Tánh không có giác giác tức vi giác: Là nêu lên chương Thỉ giác viên mãn. Giác biết không có giác thì các thức liền nhập: Là nêu lên chương các thức bất sanh. Nói Tánh không có giác: Nghĩa là trong Không Tánh không những không có Thức mà cũng không có Thỉ giác. Giác ngộ biết lý không có giác tức là trí của Thỉ giác cho nên nói là Giác tức là giác. Nói Giác biết là không có giác: Nhắc lại Thỉ giác trước đó, lúc thỉ giác đầy đủ thì tám Thức không khởi

lên, vì thuận theo Giác không có giác không có các Thức. Vì thuận theo Giác cuối cùng quay về nguồn tâm, cho nên nói các Thức liền hội nhập. Từ “Vì sao?” về sau trong phần giải thích có hai: Trước nói về nhân đầy đủ, sau hiển rõ về quả trọn vẹn. Kim cương trí địa: Nói là địa vị Đẳng giác đầy đủ nhân của Thỉ giác, Kim cương dụ cho Định - nghĩa như trước đã nói, nay dựa theo nhân của Giác gọi là Kim cương gọi là Kim cương trí. Giải thoát đạo đoạn: Nhân của Bất sanh đầy đủ. Nhưng trong này Đoạn có hai nghĩa của nó. Nếu đối với sanh đạt được Vô minh trụ địa, tức là Kim cương tâm làm Vô gián đạo, Diệu Giác sơ tâm là Giải thoát đạo. Lúc Vô gián đạo cùng với vô minh đều còn, Giải thoát đạo khởi lên mới có thể chính thức đoạn. Nếu đối với hạt giống hý luận của các Thức hý luận, thì tâm trước đó là vô gián đạo, cùng với hạt giống kia cùng khởi lên cùng diệt đi, một niệm sau cuối Kim cương dụ Định là Giải thoát đạo, chính thức đoạn hạt giống. Nay dựa theo phần nghĩa đoạn hạt giống đó cho nên nói Kim cương giải thoát đạo đoạn. Lúc này hiện có Dị thục Thức ấy là do hạt giống đã sanh ra niệm trước đó, vì sanh khởi nhân quả không cùng một thời gian. Sau này Dị thục không tiếp tục sanh khởi ấy là lúc này đã đoạn tất cả hạt giống. Vì vậy biết Hán dịch Giải thoát đạo đoạn chính là nhân của các Thức bất sanh. Kế đến hiển bày quả đó. Trong đó có hai: Trước là nói về Giác viên mãn, sau là nói về Thức bất sanh. Trong phần đầu chép: Đoạn rồi nhập vô trụ địa: Kim cương giải thoát đoạn hạt giống rồi, liền nhập địa vô trụ của Diệu Giác. Ngoài hai đế tồn tại độc lập không có hai cho nên nói là vô trụ. Tâm của Vô trụ cùng dứt hết hai đế cho nên nói không có khác nhau giữa xuất tục nhập chân đã không có xuất nhập - không tồn tại Không Hữu cho nên nói Tâm xứ không tồn tại. Nơi chốn không tồn tại chỉ là Nhất tâm. Thể của Nhất tâm xưa nay vắng lặng cho nên nói là Quyết định tánh địa. Lúc nhất tâm hiển bày thì tám Thức đều xoay chuyển, cho nên ở tại lúc này bốn trí viên mãn. Vì sao? Vì chính nhất tâm này xa lìa ám muội trở thành sáng suốt, rõ ràng trong sáng không hình ảnh nào không thể chiếu rọi cho nên nói là địa đó thanh tịnh. Như lưu ly trong suốt: là hiển bày nghĩa của Đại viên cảnh trí: Ngay nơi nhất tâm này xa lìa hai bên thông suốt tự tha bình đẳng không hai cho nên nói là Tánh thường bình đẳng. Như đại địa kia: Là hiển nghĩa của Bình đẳng tánh trí. Nhất tâm như vậy không có gì quán xét (vô sở quán) cho nên đối với các pháp môn không có gì không thể quán sát, vì thế nói là Giác diệu quán sát. Như ánh sáng mặt trời trí tuệ: Là nói về nghĩa của Diệu quán sát trí: Như vậy nhất tâm không có nghĩa gì tạo tác (Vô sở

tác) cho nên đối với sự việc lợi tha không có gì không thể thật hiện, vì thế nói là lợi thành tựu bổn như mưa pháp lớn. Cơn mưa tưới thấm muôn vật khiến cho quả hạt thành tựu; trí này cũng như vậy, sự việc lợi tha thành tựu làm cho đạt được bổn giác, là nói về nghĩa của Thành sở tác trí. Bốn trí đã trọn vẹn là Thỉ giác đầy đủ. Từ “người nhập vào trí địa này v.v...” về sau là kế là nói về các Thức bất sanh. Đạt được bốn trí này chính là địa vị của Diệu Giác, cho nên nói là nhập vào Phật trí địa. Lúc này đã quay về cội nguồn của Nhất tâm, vì các làn sóng của tám Thức không thể tiếp tục khởi động, nhập vào trí địa ấy thì các Thức bất sanh khởi vậy. Hai phần trên đây giảng nói về Thỉ giác hoàn tất.

Kinh: “Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Như-lai sở nói nhất giác thánh lực tứ hoằng trí địa, tức nhất thiết sanh bổn căn giác lợi. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh tức thử thân trung bổn lai mãn túc?”. Bồ-tát Vô Trụ chép: Như-lai đã nói về Nhất giác Thánh Lực - tứ hoằng trí địa, chính là tất cả chúng sanh vốn có gốc rễ lợi ích giác ngộ. Tại vì sao? Vì tất cả chúng sanh ngay trong thân này xưa nay đầy đủ.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng nói về nghĩa của Bổn giác. Trong đó có hai: Một là chính thức trình bày, hai là xả bỏ mê đắm. Trong phần một cũng có hai: trước là nói về lý không có hai của Bổn giác, sau là chỉ ra môn nhập chứng của trừ chướng, trong phần trước cũng có hai: Đầu là hỏi, sau là trả lời. Trong phần hỏi Nhất giác Thánh lực tứ hoằng trí địa ấy là tiếp thu lần lượt nghĩa của bốn trí đã nói trước đây. Thỉ giác viên mãn tức là giống như Bổn giác, Bổn - Thỉ không hai cho nên gọi là Nhất giác. Không có việc gì không làm cho nên nói là Thánh lực. Trong nhất giác đều là bốn đại trí địa nắm giữ các công đức, cho nên nói là Trí địa. Như vậy bốn trí giống nhau một tâm, lượng đều không có gì không hoàn bị, cho nên gọi là Hoằng trí. Như vậy Nhất giác chính là Pháp thân, pháp thân tức là chúng sanh Bổn giác, cho nên nói tất cả chúng sanh vốn có gốc rễ lợi ích giác ngộ. Xưa nay vốn có vô lượng tánh đức xông ướp tâm chúng sanh làm nên hai thứ nghiệp, cho nên gọi là Bổn lợi. Căn cứ vào nghĩa Bổn giác không hai cho nên không có một chúng sanh nào vượt ra ngoài pháp thân, vì vậy nói tức trong thân này xưa nay vốn đầy đủ.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh bổn lai vô lậu, chư thiện lợi bổn, kim hữu dục thứ vi vị hàng phục”. Đức Phật nói: Đúng vậy! Vì sao? Vì tất cả chúng sanh xưa nay vô lậu là căn bản của các thiện, lợi, nay có dục giữ lấy mà vì chưa hàng phục.

Luận chép: Đây là trả lời đồng ý các câu hỏi. Trình bày trong Bổn

giác có vô lượng tánh đức không bị ba lậu làm cho nhiễm động, cho nên nói là Xưa nay vô lậu. Lấy đây làm căn bản sinh các điều thiện, ích lợi, cho nên nói là căn bản của các thiện, lợi. Tuy có Bổn giác mà do khách trần dục giữ lấy che phủ, cho nên nay chưa đạt được Bổn giac chính mình mà thôi.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Nhược hữu chúng sanh vị đắc bổn lợi, do hữu thái tập, vân hà hàng phục nan phục? Phật ngôn: Nhược tập nhược độc hành, phân biệt cập dữ nhiễm, hồi thần trụ không quật, hàng phục nan điều phục, giải thoát ma sở phược, siêu nhiên lộ địa tọa, thức ấm bàn Niết-bàn". Bồ-tát Vô Trụ chép: Nếu có chúng sanh chưa đạt được lợi ích vốn có, còn có sưu tập, làm sao hàng phục điều khó hàng phục? Đức Phật nói: Hoặc là tập - hoặc là độc hành phân biệt cùng với đấm nhiễm, quay lại tinh thần an trụ hang trống, hàng phục cái khó điều phục, thoát khỏi sự trói buộc của ma, vượt ra ngoài ngồi nơi đất trống, thức - ấm nhập vào Niết-bàn.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chỉ ra môn trừ chướng hội nhập chứng. Trong đó cho hai: Trước hỏi - sau đáp. Trong Hỏi nói tập ấy là trình bày ba Hữu muốn giữ lấy quả sanh tử cho nên nói là Thái (thu thập) các phiền não này cùng với tâm tương ưng cho nên nói là Tập (Nhóm họp). Từ vô thỉ đến nay hiện hành không ngớt cho nên nói là khó phục. Trị đạo mới sanh khởi lực đó còn yếu kém, làm sao có thể điều phục, nghi ngờ như vậy. Trong trả lời có ba: Trước là đưa ra Sở phục, sau nói khả năng điều phục đạt được những thắng lợi. Hoặc tập, hoặc riêng làm: Tâm hành của chúng sanh thô tế không chắc chắn, hoặc lúc phiền não tương ưng cho nên Tập, hoặc lúc tâm hành xa lìa hoặc chướng cho nên riêng. Lúc xa lìa phiền não hãy còn có pháp chấp phân biệt, lúc phiền não đều còn thì bị đấm nhiễm bởi phiền não, vì thế nói là phân biệt cùng với nhiễm. Kế là nói về Năng phục: Nói là nương vào kinh Phật, hồi chuyển tâm thần, gạt tướng người pháp an trụ lý hai không, cho nên nói là hồi chuyển tâm thần trụ nơi hang trống. Tâm này mới khởi lên mà thuận với đạo lý, cho nên có năng lực hơn hẳn. Hoặc chướng kia từ vô thỉ mà trái ngược đạo lý cho nên không thể nào địch nỗi. Do đó nói Hàng phục sự khó điều phục, là nói về Địa tiền điều phục trừ diệt hai chướng. Căn cứ vào đây điều phục đạo nhập vào địa của đoạn đạo, dần dần bạt trừ hạt giống cho đến mãi mãi không còn. Lúc không bao giờ còn thì xa lìa bốn loại ma, cho nên nói Giải thoát ma ràng buộc. Kế đến nói về hàng phục đạt được những thắng lợi có hai, đó là Bồ-đề quả cùng với quà quả. Bồ-đề quả là vượt khỏi nơi làng

xóm của năm ấm hữu lậu ngồi nơi đạo tràng đạt được vô thượng giác, cho nên nói vượt ra khỏi ngồi nơi đất trống. Nói quả quả ấy là dùng vô thượng giác chứng đại Niết-bàn, giác ngộ các Thức đều hội nhập, cho nên nói Thức ấm bát Niết-bàn.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Tâm đắc Niết-bàn độc nhất vô bạn, thường trụ Niết-bàn ưng đương giải thoát". Bồ-tát Vô Trụ chép: Tâm đạt được Niết-bàn chỉ có một chẳng bè bạn, thường an trụ Niết-bàn sẽ hướng về giải thoát.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai xả bỏ mê đắm. Trong đó có hai: Trước là nói về vô trụ để xả bỏ sự mê đắm của có an trụ, sau là chỉ ra vô đắc để trừ diệt cái chấp của có đạt được. Trong phần đầu có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi nói chỉ có một là lúc tám Thức chuyển đổi trở thành một Giác. Nói không bè bạn là hai chấp về người - pháp xa lìa không còn. Giác của không bè bạn thường an trụ vào Niết-bàn Trí của thường an trụ thoát khỏi tất cả ràng buộc; có dấy lên cái chấp này cho nên thật hiện câu hỏi này.

Kinh: "Phật ngôn: Thường trụ Niết-bàn thị Niết-bàn phược. Hà dĩ cố? Niết-bàn bổn giác lợi, lợi bổn Niết-bàn. Niết-bàn giác phần tức bổn giác phần Giác tánh bất dị Niết-bàn vô dị, giác bổn vô sanh Niết-bàn vô sanh, giác bổn vô diệt Niết-bàn vô diệt. Niết-bàn bổn cố vô đắc Niết-bàn, Niết-bàn vô đắc vân hà hữu trụ? Thiện nam tử! Giác giả bất trụ Niết-bàn. Hà dĩ cố? Giác bổn vô sanh ly chúng sanh cấu, giác bổn vô tịch ly Niết-bàn động. Trụ như thị địa tâm vô sở trụ, vô hữu xuất nhập úm ma la". Đức Phật nói: Thường an trụ Niết-bàn là Niết-bàn ràng buộc. Tại vì sao? Vì Niết-bàn vốn là giác lợi, lợi ích vốn là Niết-bàn. Niết-bàn giác phần chính là căn bản giác phần. Giác tánh không thể khác Niết-bàn không khác nhau, giác bổn bất sanh khởi Niết-bàn bất sanh khởi, giác bổn không diệt đi, Niết-bàn không diệt Niết-bàn vốn có cho nên không đắc Niết-bàn, Niết-bàn không đạt được làm sao có an trụ? Này thiện nam! Giác là không an trụ Niết-bàn. Tại vì sao? Vì giác vốn bất sanh khởi xa lìa chúng sanh cấu nhiễm, giác vốn không vắng lặng xa lìa Niết-bàn xao động. An trụ nơi như vậy thì tâm không có gì an trụ (vô sở trụ), không có ra vào hội nhập úm ma la.

Luận chép: Đây là phần trả lời chính là xả bỏ cái chấp về có an trụ. Trong đó có hai: Đầu tiên sơ lược phá trừ chấp trước, sau đó rộng ra hiển bày rõ lý. Trong phần đầu nói Thường trụ Niết-bàn là Niết-bàn trói buộc ấy là giả sử có Giác thường an trụ vào Niết-bàn tức là chấp trước ràng buộc đối với Niết-bàn, làm sao thường an trụ là giải thoát

được? Từ "Vì sao.." về sau mở rộng hiển bày rõ đạo lý. Lý không có an trụ vì vậy có an trụ là trái với lý. Tâm trái với lý chẳng phải ràng buộc thì là gì? Ý giải thích như vậy. Trong đó có hai: Trước là dựa theo Bổn giác để trình bày vô trụ, sau là dựa theo Thỉ giác để hiển bày rõ Vô trụ. Nghĩa về Vô dị này có bốn loại của nó: 1. Lý vốn không khác nhau. Vì như kinh nói "Niết-bàn vốn là giác lợi, lợi vốn là Niết-bàn", là nói về Niết-bàn, là vốn có giác lợi. Giác lợi vốn có này là nguồn gốc Niết-bàn, Thỉ giác đó chính là đồng với Bổn giác, vì thể không khác nhau cho nên không đạt được. 2. Giác phần không khác nhau. Như kinh nói "Niết-bàn giác phần tức bổn giác phần", là nói về các đức của Niết-bàn chính là đức của bổn giác, không khác nhau - không đạt được như trước giải thích. 3. Một vị không khác nhau. Như kinh nói "Giác tánh không thể khác Niết-bàn không khác", là nói về giác tánh đồng nhất vị không có tướng sai khác, tức là không có sai khác về Niết-bàn. 4. Không hai không khác nhau. Như kinh nói "Giác vốn vô sanh, Niết-bàn vô sanh, giác vốn vô diệt Niết-bàn vô diệt", là nói về Bổn giác vốn không có sanh diệt, tức là không có sanh diệt của Niết-bàn. Căn cứ theo bốn loại đạo lý vô dị này vốn không có khác nhau cho nên không có đắc Niết-bàn, là nói về nghĩa không có "năng đắc" Niết-bàn giác. Kế đến nói Niết-bàn vô đắc. Là nói về nghĩa Niết-bàn, không có "sở đắc". Đã không có năng đắc, sở đắc, thì đâu có khả năng trụ, sở trụ? Vì đều này cho nên chép: Làm sao có an trụ? Chính là hiển bày rõ thường trụ không thể thích hợp đạo lý. Kế đến dựa theo Thỉ giác để nói về vô trụ, trước nêu ra - sau giải thích. Nói Giác giả: Nghĩa là người bắt đầu giác ngộ. Trong giải thích nói Giác vốn vô sanh ấy là giác ngộ biết rõ sanh tử xưa nay bất sanh khởi, cho nên xa lìa mê đắm sự cấu nhiễm của sanh tử. Nói giác vốn vô tịnh ấy là giác ngộ biết rõ Niết-bàn vốn không vắng lặng, cho nên xa lìa nhập vào sự xao động của Niết-bàn. Tâm không có sở trụ: Vì không trụ vào sanh tử và Niết-bàn. Không có xuất nhập: Vì không thấy Tục hữu và chân Không. Nhập Úm-ma-la: Vì Thể của nhất tâm xa lìa hai bên quay về nguồn tâm này cho nên gọi là Nhập. Như vậy vô trụ mới được giải thoát, vì thế trụ (chấp) Niết-bàn không thể xa lìa ràng buộc.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Úm-ma-la thức thị hữu nhập xứ, xứ hữu sở đắc thi đắc pháp dã". Bồ-tát Vô Trụ chép: Thức Úm-ma-la là có nơi nhập vào, nơi có những gì đạt được là đạt được pháp vậy.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai xả bỏ chấp trước về có đạt được. Trong đó có bốn: 1. Chính thức nói về vô đắc. 2. Tiếp tục xả bỏ

tính ý nghi ngờ. 3. Lĩnh ngộ hiểu rõ. 4. Nói về thành tựu. Trong phần một có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Dựa theo lời nói về Nhập trước kia như nói nghĩa "giữ lấy", nói rằng Vô cấu thức tức có chỗ sở nhập, lúc nhập vào chứng đắc cho nên có sở đắc. Có dấy lên nghi ngờ này cho nên thật hiện câu hỏi này.

Kinh: "Phật ngôn: Bất! Hà dĩ cố? Thí như mê tử thủ chấp kim tiền nhi bất tri hữu, du hành thập phương kinh ngũ thập niên, bần cùng khốn khổ chuyên sự cầu sách, nhi dĩ dưỡng thân nhi bất sung túc. Kỳ phụ kiến tử hữu như thị sự nhi vị tử ngôn: Nhữ chấp kim tiền hà bát thủ dụng, tùy ý sở tu giai đắc sung túc. Kỳ tử tỉnh dĩ nhi đắc kim tiền tâm đại vui mừng nhi vị đắc tiền. Kỳ phụ vị ngôn: Mê tử! Nhữ vật hân dịch, sở đắc kim tiền thị nhữ bổn vật, nhữ phi hữu đắc vân hà khả hỷ?". Đức Phật nói: Không thể! Tại vì sao? Vì ví như người con mê muội tay cầm tiền vàng mà không biết là có, lang thang khắp nơi trải qua năm mươi năm trời, nghèo túng khốn khổ chuyên việc tìm kiếm để mà nuôi thân nhưng không đầy đủ. Người cha thấy con có việc như vậy nên gọi người con chép: Con cầm tiền vàng sao không lấy sử dụng, tùy ý cần thứ gì đều được đầy đủ. Người con tỉnh ngộ rồi mà lại được tiền vàng, lòng rất vui sướng nên mà cho rằng mình được tiền. Người cha chép: Này con mê muội! Con chớ vui mừng, tiền vàng có được là vật con vốn có, chẳng có gì đạt được thì vì sao đáng mừng?

Luận chép: Đây là phần trả lời chính là nói về nghĩa của Vô đắc. Trong đó có ba: Đó là pháp - dụ - hợp. Đầu tiên nói "không thể" là chung về không phải có đạt được. Từ "Vì sao? v.v..." trở xuống là Dụ nói về Vô đắc. Trong đó có bốn loại Dụ: 1. Dụ về người mê không biết có tiền vàng lang thang nghèo khổ. 2. Dụ về người cha chỉ ra cho con có tiền vàng khiến cho được đầy đủ. 3. Dụ về vui mừng được tiền vàng. 4. Dụ về nói cho biết không phải có đạt được. Trong dụ đầu nói người con mê muội nghĩa là các chúng sanh mê mờ nguồn tâm của mình, Như-lai vô cùng thương xót xem giống như con một, cho nên dụ là người con mê muội. Cùng tử nơi Pháp Hoa chỉ hạn cuộc dụ cho Thanh-văn, trong kinh này dụ cho tất cả chúng sanh. Tay cầm tiền vàng..." là dụ cho các vọng thức năm sự phiền não ràng buộc chấp trước phân biệt, bao phủ tâm thanh tịnh của mình cho nên không biết là có. "Đi rảo mười phương..." vì biến kế năm tướng và năm sự. "Trải qua năm mươi năm": Là thọ nhận năm Ấm sanh ra năm mươi ác. Bần "Nghèo" do là ít có điều thiện thế gian. "Túng" là vì hoàn toàn không có tài vật xuất thế. Khốn đốn là hoặc đọa tam đồ, khổ sở là hoặc sanh trong trời - người chịu khổ đau

nhẹ hơn. “Chỉ biết cầu xin” là cầu niềm vui thế gian làm phước nghiệp. “Ma dùng nuôi thân” là thọ nhận niềm vui trời người mà thọ dụng. “Mà không sung túc” ấy là thọ nhận niềm vui thế gian càng tăng thêm khát ái, hưng thịnh thì có suy tàn, vì lợi ích vô nghĩa. Trong Dụ thứ hai người cha thấy con: Đức Phật quay về nguồn tâm đồng thể đại bi, vì các chúng sanh làm người cha hiền từ. “Có sự việc như vậy” là có như Dụ đầu đã nói “Mà bảo con rằng”: Là vì chúng sanh nói về giáo pháp Đại thừa. “Người giữ tiền vàng sao không đem dùng” là chỉ rõ có tâm thanh tịnh nên tin hiểu. “Tùy ý cần dùng đều được sung túc” là nếu sử dụng tâm thanh tịnh thì Bổn giác thắng lợi, Pháp thân tuệ mạng được đầy đủ trọn vẹn. Trong Dụ thứ ba người con tỉnh ra: Nghe giáo pháp Đại thừa mà sanh ra tin hiểu, địa vị ở nơi Địa tiền, “Rồi lại được tiền vàng” là được nhập vào sơ địa chính là thông suốt địa vị, chứng thấy Phật tánh lợi ích Bổn giác. “Tâm rất vui mừng” là trong Hậu đắc trí niệm đang hiện tiền được sanh khởi niềm vui cực độ. Mà cho rằng mình được tiền là: Xuất quán thất niệm trong tâm hữu lậu cho nên khởi lên chấp pháp, nói là có đắc. Trong Dụ thứ tư “Tiền vàng có được là vật vốn có của ngươi”: Là chỉ ra lợi ích của Bổn giác đã chứng được đó xưa nay thuộc về ông chứ không phải mới có. Ngươi không phải có được sao có gì đáng vui?” Là đã vốn thuộc về ngươi chứ không phải nay mới đạt được, vì thế không nên đối với cái đạt được sanh tâm mê đắm. Ngươi chớ vui quá là ngăn dứt sự phân biệt, cho rằng có đạt được mà sanh khởi mê đắm vui mừng thích thú.

Kinh: “Thiện nam tử! Úm-ma-la giả diệc phục như thị, bổn vô xuất tướng, kim tắc phi nhập, tích mê cố phi vô, kim giác cố phi nhập”. Này người thiện nam! Úm-ma-la cũng giống như vậy, vốn không có tướng vượt ra, nay thì chẳng phải nhập vào, xưa mê muội nên chẳng phải không có, nay giác ngộ vì thế chẳng phải nhập vào.

Luận chép: Đây là phần thứ ba về Hợp. Trong đó có hai: Chung kết hợp và riêng kết hợp. Trong phần kết hợp chung nói úm ma la: Hán dịch là Vô Cấu, Bổn giác vốn thanh tịnh - tánh không hề chuyển biến thay đổi giống như tiền vàng kia tánh không có thay đổi. Lại nữa. Kim (vàng) có bốn nghĩa về Dụ. Thường lạc ngã tịnh trong Bổn giác là hợp chung với nghĩa kim Tiền (tiền vàng) trong bốn Dụ. Trong hợp riêng có bốn câu. “Vốn không có tướng ra” là hợp dụ thứ nhất câu “tay cầm tiền vàng” Nay tức không phải vào là hợp dụ thứ ba câu: “Mà được tiền vàng” Xưa mê nên không phải không có, là hợp với thứ hai, câu “con cầm tiền vàng sao không lấy sử dụng”. “Xưa mê cho nên không sử

dụng, mà tay cầm vì thế chẳng phải không có. Nay giác ngộ nên không phải là hội nhập hợp với dụ thứ tư câu: Là vật con vốn có, chẳng phải đạt được". Nay giác ngộ vốn có không ngoài tự tâm, đã vốn có không ngoài sao có thể nhập vào, chẳng phải có nhập vào cho nên chẳng phải có đạt được.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Bỉ phụ tri kỳ tử mê vân hà kinh ngũ thập niên thập phương du lịch bần cùng khốn khổ phương thỉ các ngôn? Phật ngôn: Kinh ngũ thập niên nhất niệm tâm động thập phương du lịch viễn hành biến kế". Bồ-tát Vô Trụ chép: Người cha kia biết con mình mê muội vì sao trải qua năm mươi năm rong ruỗi khắp mười phương, nghèo cùng khốn khổ rồi mới bảo cho biết. Đức Phật dạy: Trải qua năm mươi năm, một niệm tâm động, mười phương, suy nghĩ khắp nơi đi xa.

Luận chép: dưới đây là tiếp tục xả bỏ tình ý nghi ngờ. Ba lần hỏi đáp lần lượt xả bỏ nghi ngờ, đây là lần thứ nhất. Hỏi dựa vào Dụ mà nghi ngờ. Đáp ngay nơi pháp để xả bỏ. Ý trả lời nhưng chép: Trải qua năm mươi năm, dụ cho Nhất niệm tâm động. Đi khắp mười phương, dụ cho dự định đi xa. Đây tức là trong khoảng một niệm suy nghĩ khắp cả các pháp, chính là ở tại niệm này người cha đã nói cho biết, lúc nói cho biết liền được tỉnh ngộ, lúc ở niệm cuối cùng đạt được không có gì đạt được, như giác ngộ tiền vàng mà không có gì đạt được. Vì lẽ đó người cha nói cho biết chẳng phải là trải qua thời gian dài, chỉ là hiển rõ một niệm có đủ năm mươi ác nghiệp, vì thế trong Dụ nói là trải qua năm mươi năm mà thôi. Ý trả lời như vậy. Nghĩa này là thế nào? Đó là do lực của vô minh mà khởi lên bốn tướng, vì lực của bốn tướng vô minh hòa hợp, thường dao động một tâm sanh trụ - dị - diệt, một tâm đã dao động lôi kéo bốn tướng này, vì thế cho nên nói tên là Nhất niệm tâm động. Như Luận khởi Tín chép: "Tự tánh thanh tịnh tâm vì gió vô minh dao động v.v...", cho đến nói rộng ra, trong đó chính là biết rõ, như ý kia giải thích.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Vân hà nhất niệm tâm động? Phật ngôn: nhất niệm tâm động ngũ ấm cụ sanh, ngũ ấm sanh trung cụ ngũ thập ác". Bồ-tát Vô Trụ chép: Thế nào là một niệm tâm dao động? Đức Phật nói: Một niệm tâm dao động năm ấm sanh khởi đầy đủ, trong năm ấm sanh khởi có đủ năm mươi ác nghiệp.

Luận chép: Đây là phần thứ hai xả bỏ nghi ngờ thứ hai, nói lên sự chữa trị ác, muốn nói về một niệm bốn tướng thâu nhiếp các sanh tử vì đầy đủ năm ấm có năm mươi ác nghiệp. Thế nào là năm ấm có đủ năm mươi ác nghiệp? Đó là Thức ấm có tám, tức là tám Thức. Hai ấm Thọ

Tưởng tùy theo Thức đều có tám. Hành ấm có chín, tám là tương ưng, một là bất tương ưng. Sắc ấm có mười bảy hợp lại thành năm mươi. Nói mười bảy là năng tạo bốn đại, sở tạo mười ba, đó là năm căn - năm trần - pháp xứ vốn thâu nhiếp có ba thứ Sắc, như Luận Hiển Dương chép: “Đó là Luật nghi sắc - Bất luật nghi sắc và Định tự tại sở sanh sắc. “Tạm thời ngay nơi một môn lập thành năm mươi, như vậy năm mươi là ác thật sự, đều là trôi lăn trái với Niết-bàn, hướng về Niết-bàn kia là chân thật thiện.

Kinh: “Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Viễn hành biến kế, du lịch thập phương, nhất niệm sanh tâm sanh cụ ngũ thập ác, vân hà linh bỉ chúng sanh vô sanh nhất niệm? Phật ngôn: Linh bỉ chúng sanh, an tọa tâm thần, trụ kim cương địa tịnh niệm vô khởi, tâm thường an thái, tức vô nhất niệm”. Bồ-tát Vô Trụ chép: Đi xa khắp nơi suy nghĩ, mười phương nhiều lần đi lại, một niệm tâm sanh khởi có đủ năm mươi ác, làm sao khiến chúng sanh kia bất sanh khởi một niệm? Đức Phật nói: Khiến chúng sanh kia an tọa tâm thần trụ trong Kim cương địa, niệm vắng lặng bất sanh khởi, tâm thường yên ổn, chính là không có một tâm niệm.

Luận chép: Đây là lần thứ ba xả bỏ nghi ngờ thứ ba là nói đạo có khả năng chữa trị. “Khiến cho chúng sanh” là tất cả chúng sanh từ Thập Tín trở xuống. An tọa tâm thần là từ Thập Trụ trở lên an tâm vào ba Không quyết định không lui sụt gọi là An tọa. Trụ kim cương địa là từ Sơ trụ trở lên chứng được pháp thân, xa lìa các sự diệt hoại, giống như Kim cương. Niệm vắng lặng không khởi là trong địa vị Đẳng Giác giác ngộ sự động niệm đó xưa nay vắng lặng yên tĩnh khiến cho không thể khởi lên. Tâm thường an thái là đến địa vị Diệu Giác được thấy nguồn tâm không khởi lên không diệt đi, vốn không động niệm, không có bắt đầu không có kết thúc. Không khởi lên - không diệt đi cho nên Thường. Không có động niệm cho nên An. Không bắt đầu không kết thúc cho nên không có gì không thể thư thái. Tu hành như vậy đạt được rốt ráo giác ngộ, tức là không có bốn tướng sanh tử trong một niệm. Vì điều này cho nên nói tức không có một niệm. Vì nói lên nghĩa này, trong Luận Khởi Tín giải thích chép: “Bậc sơ phát ý đến Bồ-tát, Đẳng giác đối với niệm khác niệm tướng chẳng khác nhau để xả bỏ chấp tướng, phân biệt thô thiển cho nên gọi là Tương tự giác. Như Bồ-tát pháp thân, giác ngộ đối với sự an trụ niệm, niệm tướng vô trụ, vì lìa phân biệt niệm tướng thô nên gọi là Tùy phần giác. Như Bồ-tát địa tận cùng đầy đủ phương tiện một niệm tương ưng, giác ngộ tâm ban đầu khởi tâm không có tướng ban đầu, vì xa lìa niệm nhỏ nhiệm, được thấy tâm tánh, tâm chính

là thường trụ gọi là Rốt ráo giác". Xét rằng: Trong này được thấy tâm tánh - tâm chính là thường trụ, tức là giải Thích Câu Tâm thường an thái của kinh này. Những câu còn lại giải thích theo đúng như trước tùy đó biết được. Phần lớn trên đây giảng nói về Bổn giác đã hoàn tất.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ ngôn: Bất khả tư nghị! Giác niệm bất sanh kỳ tâm an thái, tức bổn giác lợi, lợi vô hữu động, thường tại bất vô, vô hữu bất vô, bất vô bất giác, giác tri vô giác bổn lợi bổn giác, giác giả thanh tịnh vô nhiễm, bất kiến bất dịch, quyết định tánh cố, không thể nghĩ bàn. Phật ngôn: Như thị". Bồ-tát Vô Trụ chép: Không thể nghĩ bàn! Giác niệm bất sanh khởi thì tâm đó yên ổn, chính là lợi ích Bổn giác, lợi ích không có lay động, thường tồn tại chẳng thể không có, không có chẳng thể không có, chẳng thể không có - bất giác, giác ngộ biết rõ không có giác ngộ vốn có lợi ích vốn giác ngộ, giác ấy thanh tịnh vô nhiễm, bất biến bất dịch, vì quyết định tánh, không thể nghĩ bàn! Đức Phật nói: Đúng như vậy!

Luận chép: Đây là phần thứ ba lãnh ngộ hiểu rõ và phần thứ tư nói về thành tựu. Bất khả tư nghị là tổng kết sự lãnh ngộ khen ngợi rất mực. Xuống dưới là lãnh ngộ hiểu rõ, trong đó có hai: Trước là câu nói lãnh ngộ, sau là nghĩa lý lãnh ngộ. Nói giác niệm bất sanh thì tâm an thái: Lãnh hội câu nói Tịnh niệm không khởi tâm thường an thái ở trước, đây là nơi rốt ráo của Thỉ giác. Xuống dưới là lãnh hội nghĩa lý chép: Tức bổn giác lợi là lãnh hội không có nghĩa Thỉ giác khác với Bổn giác. Như luận giải thích: "Nếu đạt được vô niệm tức là biết tâm tướng sanh trụ dị diệt, vì những vô niệm ấy cho nên thật sự không khác nhau về Thỉ giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập nên xưa nay bình đẳng cùng chung một giác". Xét chép: Thật sự không khác với Thỉ giác là giải Thích Câu "Tức bổn giác lợi" trong kinh. Bốn tướng có cùng lúc đều không tự lập nên xưa nay bình đẳng là giải thích về "lợi vô hữu động" trong kinh. Như vậy Thỉ giác ngộ biết rằng không có khác nhau, vì có thật có thường còn chẳng thể không có. Nói Thường tại là thẳng thắn cho rằng chẳng thể không có. Nhưng trong này nói thường, mà không có đương có, cho nên nói không có mà chẳng thể không có. Đã không đương ở có Thỉ giác, tuy chẳng thể không có giác, mà chẳng thể có giác, nên nói chẳng thể không có Bất giác. Giác biết đạo lý không có giác ngộ như thế, tức biết Thỉ giác không thể khác với Bổn giác. Giác biết không có giác là lợi ích vốn có là giác ngộ. Người giác ngộ biết điều ấy rốt ráo như vậy, xa lìa sự che lấp của vô minh cho nên thanh tịnh không còn cấu nhiễm. Thanh tịnh là xưa nay trong sạch. Vô nhiễm

ấy là nay xa lìa đắm nhiễm. Không bao giờ có sanh trụ dị diệt cho nên Bất biến bất dịch. Bất dịch là không có sanh - trụ. Bất biến ấy là không có dị - diệt. Nếu là như vậy thì tức là giống như Chân - tế khác nào pháp tánh, cho nên nói là vì tánh Quyết định. Đã bình đẳng như nhau xa lìa ngôn ngữ bặt dứt suy tư, nên nói là Bất khả tư nghị. Trước đã nói Bất khả tư nghị, nay lại nói Bất khả tư nghị là cũng không thể nghĩ bàn đối với điều không thể nghĩ bàn. Phật nói: Như vậy là văn phần thứ tư kể rõ thành tựu, như những gì lãnh ngộ hiểu rõ trước đây, không trái với lý.

Kinh: "Bồ-tát Vô Trụ văn thị ngữ dĩ đắc vị tằng hữu nhi nói kệ ngôn: Tôn giả đại giác tôn, nói sanh vô niệm pháp, vô niệm vô sanh tâm, tâm thường sanh bất diệt, nhất giác bổn giác lợi, lợi chư bổn giác giả, như bỉ đắc kim tiền, sở đắc tức phi đắc". Bồ-tát Vô Trụ nghe lời này rồi được điều không hề có mà nói kệ: Bạch Đức Thế Tôn bậc Đại giác, nói về pháp sanh vô niệm, vô niệm vô sanh khởi tâm, tâm thường sanh khởi bất diệt, lợi ích bổn giác nhất giác, lợi ích các bổn giác ấy, như người kia được tiền vàng, chỗ được thì chẳng phải mới được.

Luận chép: Đây là phần thứ hai dùng kệ khen ngợi. Trong bài tụng có ba: Hai câu đầu khen chung về năng nói, kế đến có bốn câu tụng về pháp nói trước đó, sau có hai câu tụng về Dụ nói kia. Đầu tiên nói nói pháp sanh vô niệm: Giảng nói về các chúng sanh thành tựu pháp vô niệm rốt ráo giác ngộ. Vô niệm vô sanh tâm: Không có ý niệm sanh tử thành tựu tâm vô niệm. Nói Tâm thường sanh bất diệt: sơ lược tụng về văn giảng nói. Văn ấy nói Tâm thường an thái cho đến thường tồn tại chẳng thể không có, sanh khởi nói là Tại, diệt đi nói là vô. Vì thế Nhất giác bổn giác lợi, lợi các bổn giác là các chúng sanh kia chẳng có ai không có bổn giác, cho nên nói là các Bổn giác. Hai câu sau cùng tụng về bốn dụ ở trước, toàn bộ tụng có thể biết.

Kinh: "Nhĩ thời đại chúng văn nói thị ngữ giai đắc bổn giác lợi-Bát-nhã Ba-la-mật". Lúc bấy giờ đại chúng nghe nói lời này đều được lợi ích về Bổn giác - Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nghe pháp được lợi ích. Tùy theo nghĩa lý đã giảng nói thuận theo được lợi ích cho nên được lợi ích về Bổn giác, Thỉ giác - Bát-nhã bình đẳng không khác nhau, giống như trước giải thích.

Phẩm Thứ 5: **NHẬP THỰC TẾ**

Luận chép: Nói Thật tế ấy gọi là lìa bỏ giả dối, nghĩa của rốt ráo lìa huyễn rốt ráo nên gọi là Thật tế. Dựa vào giáo tu tập lý, lý phù hợp - hành phù hợp, cho nên gọi là Nhập. Nhưng Thật tế lấy vô tế (không có bờ mé) làm ranh giới, hai Nhập là nhập của Vô nhập nên gọi là phẩm Nhập Thật tế.

Kinh: "Ư nhị Như-lai tác như thị ngôn: Chư Bồ-tát đẳng bổn lợi thâm nhập khả độ chúng sanh". Ngay lúc đó Đức Như-lai nói lên như vậy: Các Bồ-tát đi sâu vào lợi ích vốn có - có khả năng độ cho chúng sanh.

Luận chép: Nói riêng phần thứ ba dựa vào vốn có lợi ích cho người trong sáu phần của Quán Hành đã hoàn tất. Dưới đây là phần thứ tư từ luống dối nhập vào thật tế. Lại, phẩm trước nói về môn tâm sanh diệt, nay phẩm này nói về môn tâm chân như. Ngay trong văn có bốn: 1. Sơ lược nêu ra Đại ý. 2. Mở rộng hiển bày đạo lý. 3. Thân Tử lĩnh ngộ hiểu rõ. 4. Đại chúng đương thời được lợi ích. Trong phần đầu có hai: Trước là mở bày khiến cho nhập vào phương tiện, sau là chỉ ra thật tế nhập vào. Trong phần khai bày phương tiện có nêu chung và riêng mở bày. Đây là văn nêu chung lên khiến cho nhập vào đại ý.

Kinh: "Nhược hậu phi thời ưng như nói pháp thời lợi bất câu, thuận bất thuận nói phi đồng phi dị tương ưng như nói, dẫn chư tình trí lưu nhập Tát-bà-nhã hải, vô linh khả chúng ấp bỉ hư phong, tất linh bỉ thứ nhất vị thần khổng". Nếu sau này trái thời, ứng với như thật nói pháp thì lợi ích, thời gian không thể đều có, thuận hay không thuận mà giảng nói chẳng phải giống chẳng phải khác tương ưng như nói, dẫn dắt các tình ý - trí thức trôi lăn nhập vào biển Tát-bà-nhã, không làm cho chúng sanh nào phải nhận lấy làn gió giả dối kia, thảy đều khiến cho họ mong mỏi một vị và hang động thần tiên.

Luận chép: Đây là phần thứ hai mở bày riêng về phương tiện. Trong đó trước mắt khai bày bốn thứ phương tiện: 1. Phương tiện Tri thời. 2. Thức cơ phương tiện. 3. Dẫn nhập phương tiện. 4. Phương tiện Xuất ly. Phương tiện Tri thời: Như kinh nói "Nếu sau này trái thời, ứng với... không thể đều có". Sau này có ba nghĩa: vì sau khi Đức Phật diệt độ, vì sau khi chánh pháp diệt mất, vì năm trăm năm sau trong năm lần năm trăm. Nói trái thời là thời gian chẳng phải thuần thục, chẳng phải thời gian dễ dàng giác ngộ, các dị kiến hưng thịnh là tướng trái thời. Nếu ở thời gian không hợp như vậy cứ mãi thuận theo chân như

nói pháp thì không thích hợp thời gian kia không có lợi ích gì. Thời gian và lợi ích không song song cho nên nói là không thể đều có; đây là phương tiện tri thời. Phương tiện Thức cơ: như kinh nói "Thuận bất thuận nói phi đồng phi dị tương ưng như nói". Thuận bất thuận nói: Nếu cứ thuận theo mà nói thì tâm họ không thể dao động tà chấp, nếu chỉ nói không thuận theo thì không khởi chánh tín, vì muốn làm cho họ được tâm chánh tín trừ diệt tà chấp vốn có, cần phải thuận theo hoặc không thuận theo mà nói. Lại, thẳng thắn thuận theo lý giảng nói thì bất sanh khởi chánh tín, vì trái với ý của ho, không thuận theo lý giảng nói, há sanh khởi chánh giải hay sao! Vì trái với lý, để đạt được tín hiểu cho nên thuận hay không thuận mà giảng nói. Nếu lúc các kiến giải khác nhau nổi lên tranh luận, hoặc cùng thấy "có" mà giảng nói, thì khác với cái thấy "không", hoặc cùng chấp "không" mà giảng nói, thì khác với chấp "có", những cái giống nhau - những cái sai khác càng dấy lên sự tranh cãi đó. Lại, cả hai giống với hai cái kia thì tự bên trong tranh cãi lẫn nhau, nếu khác với hai cái kia thì tranh cãi lẫn nhau với hai. Vì thế cho nên chẳng phải giống nhau - chẳng phải khác nhau mà giảng nói. Chẳng phải giống nhau là như lời nói mà giữ lấy, đều không thể chấp nhận. Chẳng phải khác là được ý mà nói thì chẳng có gì không được. Vì chẳng khác nhau cho nên không trái với tình ý của họ. Vì chẳng giống nhau cho nên không trái với lý, hợp lý hợp tình không trái nhau cho nên nói là Tương ưng như nói. "Như" là như vậy. Phương tiện Dẫn nhập: Như kinh nói "Dẫn các tình trí chảy vào biển Tát-bà-nhã". Các tình là tình ý ham muốn Đại, Tiểu sai khác. Các trí là thấy biết sai khác về Không - Hữu. Dẫn dắt tiếp nhận chúng đều thuận theo dòng đạo, khiến cho hòa nhập vào biển cả của Nhất giác Nhất-thiết-trí, vì nghĩa vô thượng Bồ-đề sâu rộng, như trăm dòng sông cùng chảy ra biển lớn, biển lớn sâu rộng một vị như nhau, như vậy gọi là phương tiện Dẫn nhập. Phương tiện Xuất ly: Như kinh nói "chẳng khiến cho chúng sanh nhận lấy gió giả dối, đều mong được một vị, và hang động thần tiên". Ấp là châm (rót rượu, trà, nước v.v...), là nghĩa của Thủ Nạp (chọn lấy, tiếp thu). Nói Hư phong: Nghĩa là gió thường di động trong hư không, có thể làm dậy sóng; dụ cho các cảnh giới dao động theo làn sóng của các Thức, có thể độ cho chúng sanh ôm nhận lấy gió của cảnh giới, nên từ trước đến nay bị các làn sóng của các Thức, xoay chuyển nay không khiến cho nhận lấy thì làn sóng thức ngừng yên. Thứ ấy là Thứ cơ (ngõ hầu, cơ hồ), là nghĩa của hy vọng. Nói Thần khổng: Nghĩa là hang động của thần tiên, là nơi xa lìa chốn thành ấp ồn ào, vô sự, nhàn nhã, vắng

lặng, sống lâu, dụ cho tòa nhà bất tử của Đại Niết-bàn, viên tịch bình đẳng cho nên gọi là một Vị, khiến cho chúng sanh kia mong mỏi Đại Niết-bàn, làn sóng dừng lại vượt các Thức khỏi dòng xoay chuyển, như vậy gọi là phương tiện xuất ly.

Kinh: "Thế gian phi thế, trụ phi trụ xứ, ngũ không xuất nhập, vô hữu thủ xả. Hà dĩ cố? Chư pháp không tướng, pháp tánh phi vô, phi vô bất vô, bất vô bất hữu, vô quyết định tánh, bất trụ hữu vô, phi bỉ hữu vô phàm thánh chi trí, nhi năng trắc ẩn, chư Bồ-tát đẳng, nhược tri thị lợi tức đắc Bồ-đề". Thế gian chẳng phải thế gian, An trụ chẳng phải nơi an trụ, ra vào năm không; không có gì lấy bỏ. Tại vì sao? Vì tướng không của các pháp và pháp tánh chẳng phải không có, chẳng phải không có - chẳng thể không có, chẳng thể không có - không thể là có, không có tánh quyết định, không trụ vào có - không, chẳng phải trí của phàm thánh có - không kia, mà có thể đo lường yên ổn. Các vị Bồ-tát, nếu biết rõ lợi ích này thì được Bồ-đề.

Luận chép: Đây là chỉ ra đạo lý hội nhập. Trong đó có bốn: 1. Nói Sơ lược. 2. Giải thích lại. 3. Chấp trước nghiêng lệch không thích hợp. 4. Người thông hiểu được lợi ích. Trong phần đầu nói "Thế gian chẳng phải thế gian: Vì năm pháp thế gian không hề vốn có. An trụ chẳng phải nơi an trụ: Vì thường an trụ Niết-bàn không đạt được gì. Người tu quán hành lúc thông hiểu năm không, ra có vào không nên nói là xuất nhập. Lúc nhập vào "không", chẳng giữ lấy tánh không, tuy chẳng giữ lấy "không" mà chẳng thể xả bỏ "không". Vì điều này cho nên nói là không có lấy bỏ. Đã nhập vào năm không, vì sao không giữ lấy? Nếu không giữ lấy điều ấy thì thế nào là không xả bỏ? Vì để trả lời cho câu hỏi này. Thứ hai là giải thích về tướng không của Chư pháp - pháp tánh chẳng phải, không có, do đó nói về Nhập không, chẳng phải không có, chẳng thể có, chẳng thể không, cho nên không có lấy bỏ. Nói chẳng không là lý pháp tánh, vì không giống như sừng thỏ. Nói chẳng thể không có nghĩa là người quán hành mà không xả bỏ, không xả bỏ điều ấy vì chẳng phải lý không có. Nói chẳng thể có ấy nghĩa là người quán hành cũng không thể giữ lại, không giữ lại vì chẳng phải lý có. Pháp tánh như vậy chẳng phải nhất định có - không, thế nên người thông hiểu không trụ vào hai bên, do đó nói là không có tánh quyết định - Không thể an trụ ở có, không. Căn cứ vào đạo lý này cho nên không có lấy bỏ. Trong phần thứ ba nói "Chẳng phải trí phàm thánh có, không" ấy là phàm phu giữ lại có mà lìa bỏ đối với không, Nhị Thừa lìa bỏ có mà hướng về vắng lặng, như vậy không xa lìa trí có - không

mà có thể so lường an ổn pháp tánh ấy, không có điểm này cho nên nói là “chẳng phải”. Trong phần thứ tư nói “Các Bồ-tát”: Bồ-tát Địa tiền nếu biết pháp tánh chẳng có - chẳng không, lúc mới phát tâm thì thành tựu Chánh giác, vì thế cho nên thiết thật nói là Tức đắc Bồ-đề nghĩa là ngay khi phát tâm vào lúc biết rõ pháp tánh, lúc này lập tức đạt được vô thượng Bồ-đề; nghĩa này trích từ phẩm phát Tâm Công Đức trong kinh Hoa Nghiêm. Các văn trên đây đều nói Quyết định tánh, tại vì sao trong này chính là nói vô quyết định tánh thì không trái ngược lẫn nhau ư? Vì sao? Vì nghĩa về Vô quyết định vô có thay đổi chắc chắn.

Kinh: “Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ-tát danh viết Đại Lực tức tùng toà khởi tiền bạch Phật ngôn: Tôn giả! Như như sở nói ngũ không xuất nhập, vô hữu thủ xả, vân hà ngũ không nhi bất thủ xả?”. Lúc bầy giờ trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên gọi Đại lực liền từ chỗ ngồi đứng lên đến trước bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như như đã giảng nói là năm không ra vào, không có lấy bỏ, vì sao năm vô mà chẳng lấy bỏ?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói rộng về đạo lý. Trong đó chính là chia ra làm bốn môn: 1. Nói nghĩa về Thật tế. 2. Nói về nghĩa Thú nhập. 3. Mở bày tầng bậc, địa vị nhập vào. 4. Chỉ ra phương tiện nhập vào. Trong phần đầu cũng - có bốn: 1. Nói về năm không. 2. Nói về ba không. 3. Nói về không là Chân. 4. Nói về Chân là Như. Trong phần một có hai: Trước hỏi - sau đáp. Người hỏi tên gọi là Đại lực: Người này được nhập vào pháp môn Thật tế, rộng khắp tất cả pháp giới, chẳng có việc gì không được đại tự tại, hoàn toàn nên gọi là Đại Lực, vì thế đối với môn này khai phát hiển dương: Nói Như Như là vì lời Đức Phật giảng nói phù hợp như lý, Như trước là nghĩa xác đáng (đương nghĩa), Như sau là đạo lý. Trước là lãnh hội - sau là thưa hỏi. Hỏi có hai nghĩa:1. Hỏi về pháp môn năm Không. 2. Hỏi về nghĩa không có lấy bỏ.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Ngũ không giả tam hữu thị không, lục đạo ảnh thị không, pháp tướng thị không, danh tướng thị không, tâm thức nghĩa thị không. Bồ-tát như thị đẳng không, không bất trụ không, không vô không tướng, vô tướng chi pháp hữu hà thủ xả, nhập vô thủ địa tức nhập tam không”. Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Năm không là: Ba hữu là không, hình ảnh sáu đường là không, pháp tướng là không, danh tướng là không, nghĩa về tâm thức quả là không. Này Bồ-tát, năm không như vậy, không không bất trụ không, không không chẳng có tướng không, Pháp có gì lấy bỏ, nhập vào nơi không có chấp lấy tức là

nhập vào ba không.

Luận chép: Như thứ tự đó trả lời hai câu trước. Năm không, tức là hiển bày rõ ba thứ Chân như. Ba thứ ấy? Đó là: 1. Chân như Lưu chuyển. 2. Chân như Thật tướng. 3. Duy thức Chân như. Nghĩa này đầy đủ như Hiển Dương Luận giải thích. Trong này hai Không trước chính là hai thứ Chân như trước, ba không sau là Chân như thứ ba. Nghĩa này như thế nào? Đầu tiên "Tam hữu là không": Vì ái trước ba cõi nên trôi lăn trong ba cõi (tam hữu- ba cõi), ba cõi xoay vòng không có tánh trước sau, sát-na không an trụ - Không không có gì đạt được, tức là trôi lăn Chân như môn. Thứ hai là "Hình ảnh sáu đường là không": Vì nghiệp thiện ác đều có hai phẩm, quả báo sáu đường giống như, vốn của nó hiện ra hình ảnh, hình ảnh không lìa nguồn gốc Không, không có gì đạt được, tức là Thật tướng Chân như môn. Ba không sau là thứ ba Duy thức Chân như môn: Hai thứ trước là xả bỏ tên gọi và nghĩa sở thủ, vì tên gọi và nghĩa là khách của nhau cho nên không trở thành là thật. Một loại sau là xả bỏ tâm thức năng thủ, vì khách chủ (năng - sở) đối đãi lẫn nhau không thể riêng lập. Đạo lý về duy thức rất khó có thể hội nhập, do đó khai bày ba không để xả bỏ năng sở đó. Năng sở không cho nên đạt được vô phân biệt. Từ "Bồ-tát v.v... " trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai. "Các không như thế...". Chung đưa ra năm Không phân biệt rõ lý trí đó. Không bất trụ Không: Vì Không trí không an trụ cùng với lý bình đẳng. Không vô không tướng: Bởi vì Không lý không có tướng cùng với trí bình đẳng. Lý trí bình đẳng không có tướng của năng sở, đâu cho phép lấy bỏ ở tại trong đó được. cho nên nhập vào trong đó tức là nhập vào ba Không. Nơi không có giữ lấy: Nghĩa là Thập Địa v.v...

Kinh: "Đại lực Bồ-tát ngôn: Vân hà tam không? Phật ngôn: tam không giả không tướng diệt không, không không diệt không, sở không diệc không. Như thị đẳng không bất trụ tam tướng, bất vô chân thật, văn nôn đạo đoạn, không thể nghĩ bàn v.v..." Đại Lực Bồ-tát chép: Thế nào là ba không? Đức Phật nói: Ba không ấy là tướng không cũng không, không- không cũng không, sở không cũng không. Ba không như vậy không trụ vào ba tướng, chẳng thể không có chân thật, đường ngôn ngữ dứt, không thể nghĩ bàn.

Luận chép: Một lần hỏi - đáp này là nói về hai Không. Không tướng cũng Không: Không tướng chính là xả bỏ Tục hiển bày Chân, tướng của bình đẳng cũng không, tức là hòa hợp Chân lẫn Tục. Nghĩa của Không Không giống như nung chảy vàng thật làm thành vòng xuyến trang nghiêm. Như kinh Niết-bàn chép: "Thị hữu thị vô thị gọi

là không không, thị thị phi thị danh - không không (là có là không có thì gọi là không không, là vậy chẳng phải vậy thì gọi là không không)". Đây là nói về tướng sai khác vô hữu vô thị phi của Tục đế, là nghĩa của không, không: Không đối với bình đẳng không, nói lên Tục sai khác. Do đó sai khác này gọi là Không không, Không không cũng không: Không, không chính là tục đế sai khác, cũng không trở lại hòa hợp với Tục trở thành chân, giống như nung chảy đồ vật trang nghiêm trở lại làm thành bình vàng. Trong phần thứ ba chép: "Sở không cũng không": nghĩa là trong Không đầu tiên Không vốn hiển bày Tục, trong Không thứ hai Không vốn nói lên Chân, hai Không này Không hai cho nên nói là cũng Không, là hòa hợp một Đế hiển bày một pháp giới. Một pháp giới ấy gọi là Nhất Tâm. Nhưng trong môn Không đầu tiên vốn xả bỏ Tục ấy là tướng sở chấp, trong không thứ hai vốn hòa hợp Tục ấy là tướng Y tha. Tục có hai thứ tướng cho nên cái xả bỏ - cái hòa hợp chẳng phải là một. Lại, trong môn đầu tiên xả bỏ Tục đã hiển bày Chân, trong Không thứ hai hòa hợp Tục để hiển bày Chân. Hai môn này Chân chỉ là một không có hai, Chân chỉ có một loại thành tựu trọn vẹn thật tánh (viên thành thật tánh), vì lẽ đó xả bỏ hay hòa hợp vốn hiển bày chỉ có một. Không thứ ba ấy là chẳng phải Chân - chẳng phải Tục - chẳng phải Nhị- chẳng phải Nhất. Lại, ba không này - Không đầu tiên hiển bày Trung đạo Tục đế, Không thứ hai hiển bày Trung đạo Chân đế, Không thứ ba hiển bày nghĩa Trung đạo của chẳng phải Chân - chẳng phải Tục - Không phải bên - Không phải giữa. Nói "các Không Như thế" là nêu chung ba Không, không trụ vào Tục tướng, không trụ vào Chân tướng, cũng không trụ vào nơi tướng của không có hai, vì vậy nói là không trụ ba tướng. Như vậy không an trụ rốt ráo hiển bày Thật cho nên nói là không thể chân thật. Tuy chẳng thể không có chân thật mà chẳng phải là có chân thật. Vì như vậy nên đường Văn ngôn dứt. Nói là Đạo đoạn cũng không thể gởi gắm cho nên cũng nói rằng Bất khả tư nghị (không thể nghĩ bàn).

Kinh: "Đại lực Bồ-tát ngôn: Bất vô chân thật là tương ứng hữu" Bồ-tát Đại lực chép: Chẳng thể không có chân thật là tương ứng với có.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba nói về nghĩa Không, chẳng thể không có chân thật mà chẳng thể có chân thật. Trước hỏi - sau trả lời, ý hỏi mà chép: hễ nói về có - không chắc chắn cũng tương đối, chẳng thể có thì chắc chắn là không, chẳng thể không thì là có. Nếu nói chẳng thể không có lý của chân thật thì phải là có lý chân thật. Tất cả

những người học thường có chấp này, vì xả bỏ chấp kia nên có lời hỏi này.

Kinh: "Phật ngôn: Vô bất trụ vô, bất vô bất hữu chi pháp, bất tức trụ vô, bất vô chi tướng, bất tức trụ hữu, phi dĩ hữu vô nhi thuyên đắc lý. Bồ-tát! Vô danh nghĩa tướng không thể nghĩ bàn, hà dĩ cố? Vô danh chi danh bất vô ư danh, vô nghĩa chi nghĩa bất vô nghĩa". Đức Phật nói: Không có không thể trụ vào không có, chẳng thể không có - chẳng thể có, pháp chẳng thể có không thể tức thì trụ vào không có, tướng chẳng thể không có không thể lập tức trụ vào có, chẳng thể dùng có - không mà giải thích được lý: Này Bồ-tát! Tướng không có danh nghĩa không thể nghĩ bàn, tại vì sao? Vì danh của vô danh chẳng thể không có nơi danh, nghĩa của vô nghĩa chẳng thể không có nơi nghĩa.

Luận chép: Trong trả lời có hai: 1. Chính là trả lời. 2. Khen ngợi sâu sắc. Trong phần đầu nói "Chẳng có không thể trụ vào không có": Trong câu "chẳng thể không có chân thật" nói ở trước mới là tên gọi của không có, không thể trụ vào nghĩa không, thế nên tên gọi của chẳng thể không có trụ vào nghĩa không, cũng không thích hợp đối với nghĩa có. Vì điều này cho nên nói chẳng thể không có, chẳng thể có", là nói về danh của vô danh không thích hợp với nghĩa của hữu nghĩa. "Pháp chẳng thể có, không thể tức liền trụ vào không có: Tuy hòa hợp Tục thành Chân mà không giữ lấy pháp Chân không. Tướng chẳng thể không có không thể tức liền trụ vào có" Tuy hòa hợp Chân trở thành chân của Tục mà không giữ lấy Tục có. Vì Chân - Tục không thể trụ vào có - không, nên chẳng thể không có lý vô nhị của chân thật. Vì Chân tục chẳng thể không có hai đế. Nên chẳng thể có lý vô nhi của chân thật. Cho nên chép: Chẳng thể dùng có, không mà truyên bày được lý. Tức là nói về nghĩa của vô nghĩa không thể tương xứng với danh của vô danh. Từ "Bồ-tát v.v... " trở xuống là phần thứ hai khen ngợi sâu sắc. Trong đó có hai: Thẳng thắn khen ngợi - Giải thích khen ngợi - Danh của vô danh chẳng thể không có ở danh": Đức Phật đã nói về danh không thích hợp với nghĩa của có nghĩa (hữu nghĩa) cho nên là danh của không có danh (vô danh), mà thích hợp với nghĩa của không có nghĩa (vô nghĩa) cho nên nói là chẳng thể không có ở danh. Nghĩa của vô nghĩa chẳng thể không có ở nghĩa: Nghĩa về Thể của Phật không tương xứng với danh của có danh (hữu danh) cho nên nghĩa của không có nghĩa (vô nghĩa), mà xứng hợp với danh của không có danh (vô danh) cho nên nói không thể ở nghĩa. Như vậy chẳng thể có danh - nghĩa mà cũng chẳng thể không có danh - nghĩa, căn cứ vào lý này nếu không thể nghĩ bàn

được vậy.

Kinh: "Đại lực Bồ-tát ngôn: Như thị danh nghĩa, chân thật như tướng Như-lai như tướng, như bất trụ như, như vô như tướng, tướng vô như cố, phi bất Như-lai, chúng sanh tâm tướng diệc Như-lai, chúng sanh chi tâm ưng vô biệt cảnh". Bồ-tát Đại lực chép: Danh - nghĩa như vậy chân thật như tướng, tướng Như của Như-lai, Như không trụ vào Như, Như không có tướng Như, tướng không có Như, nên chẳng phải không Như-lai, tâm tướng chúng sanh - tướng cũng Như-lai, tâm của chúng sanh nên là không có cảnh riêng biệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ tư nói về nghĩa Chân chẳng thể có Như mà chẳng có không thể Như. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi cũng có hai: trước là lập ra đạo lý, sau là hỏi về những điều nghi ngờ. Nói danh nghĩa Như thị: Như trước đã nói về tướng không thể nghĩ bàn của danh - nghĩa. Danh - nghĩa tương xứng không trái ngược không thay đổi cho nên gọi là chân thật. Danh - nghĩa như vậy xa lìa năng sở bình đẳng một vị cho nên gọi là Như Tướng. Danh -nghĩa như vậy bình đẳng Như tướng của Thể chư Phật Như-lai cho nên nói là Như-lai như tướng. "Như không trụ vào Như": là nói về Như danh của không có danh (vô danh) thích hợp đối với Như nghĩa của không có Như (vô Như). "Như không có tướng Như, - tướng không có Như": Tướng Như của không có tướng Như (vô như tướng) xứng hợp đối với Như danh của không có danh (vô danh), tương xứng thích hợp năng sở bình đẳng, như vậy nên hoặc là danh - hoặc là nghĩa chẳng phải không là Như-lai. Tướng không có Như: Tướng Như không có Như, Như tướng chính là vô tướng làm Tướng. Nên biết rằng "Như không có tướng Như" là trình bày chẳng thể có vô tướng của Như. "Tướng không có Như vô": Là nói chẳng thể có Như của vô tướng. Thể tướng của Như tuy là chẳng thể có mà cũng là thể tướng chẳng thể không có Như (vô như). Như vậy tướng Như của không có tướng Như (vô như tướng) mới tương xứng Như danh của không có danh (vô danh). "Chúng sanh tâm tướng - tướng cũng Như-lai:" Nghĩa là tâm tướng phân biệt của các chúng sanh - tướng chính là chẳng phải tướng - không có gì không thể bình đẳng, vì thế cho nên tướng kia cũng là Như-lai. Trên đây chính thức lập ra đạo lý bình đẳng. Kế đến chép: Tâm của chúng sanh nên là không có cảnh riêng biệt: Là hỏi về những điều nghi ngờ. Tâm tướng chúng sanh đã là Như-lai, thì tâm chúng sanh lẽ ra không có cảnh riêng biệt. "Không có cảnh riêng biệt" ấy tức là không có phân biệt. Không có phân biệt cho nên thuận theo không có nhiễm ô. Không có nhiễm ô cho nên lập tức

không có ba cõi . Có dấy lên nghi ngờ này cho nên nêu câu hỏi này.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị chúng sanh chi tâm thật vô biệt cảnh, hà dĩ cố? Tâm bổn tịnh cố lý vô uế cố; dĩ nhiễm trần cố danh vi ba cõi, ba cõi chi tâm danh vi biệt cảnh, thị cảnh luống dối cảnh luống dối tùng tâm hóa sanh, tâm nhược vô vọng, tức vô biệt cảnh". Đức Phật nói: Như vậy tâm chúng sanh thật sự không có cảnh phân biệt, tại vì sao? Vì tâm vốn thanh tịnh cho nên lý không uế tạp, vì nhiễm bụi nhơ cho nên gọi là ba cõi, tâm của ba cõi gọi là cảnh phân biệt, cảnh này luống dối từ tâm hóa sanh, tâm nếu không có vọng thì không có cảnh phân biệt.

Luận chép: Đây là trả lời những điều nghi ngờ, trước là cho, sau đoạt. Cho là y cứ vào tự tánh thanh tịnh, vốn không nhiễm ô. Đoạt là dựa theo tùy người khác nhiễm ô, vì có cảnh phân biệt. Tự tánh thanh tịnh: Như Luận Thật Tánh dẫn kinh chép: "Từng niệm từng niệm tâm thiện diệt không trụ vào, không bị phiền não làm cho ô nhiễm, từng niệm từng niệm tâm bất thiện diệt đi không trụ vào, không bị phiền não làm cho ô nhiễm, phiền não không tiếp xúc tâm - tâm không tiếp xúc phiền não, vì sao không tiếp xúc với pháp mà thường có thể ô nhiễm tâm?" Cho đến giải thích rộng tra, chính là môn nhiễm mà không thể nhiễm. Tùy tha nhiễm: Trong kinh Phú Nhân chép: "Tự tánh thanh tịnh tâm khổ có thể hiểu biết rõ ràng, tâm kia bị phiền não làm cho ô nhiễm cũng có thể hiểu biết rõ ràng", chính là môn không thể nhiễm mà lại nhiễm. Tâm vốn thanh tịnh nên lý không uế tạp: Lý tự tánh tịnh tâm của Bổn giác chẳng phải nhập vào nơi của các trần uế tạp. Từ "Vì nhiễm trần v.v... " về sau làm mất đi những câu hỏi đó. Trong đó trước là hiển bày không giác ngộ mà nhiễm trần, sau là đối với không giác ngộ sơ lược chỉ ra Thỉ giác. Trong Bất giác nói "Vì nhiễm trần nên gọi là ba cõi": Trụ địa phiền não sơ lược có ba thứ, đó là Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa. Vì trụ địa này khởi lên ái ba cõi, ái ba cõi cho nên tâm ba cõi phát sanh, do vọng tâm này, thay đổi làm thành cảnh luống dối. Vì điều này cho nên từ tâm hóa sanh. Kế đến nói về Thỉ giác. Nếu Tâm không có vọng: Vì dựa vào lý quán hành nên vọng tâm bất sanh khởi. Tức không có cảnh phân biệt: Vì vọng tạo thành cảnh giới nên tùy theo tâm mà diệt. Bốn môn trên đây hợp lại làm phần thứ nhất mở rộng nghĩa về Thật Tế.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Tâm nhược tại tịnh chư cảnh bất sanh, thử tâm tịnh thời ưng vô ba cõi. Phật ngôn: Như thị! Bồ-tát, tâm bất sanh cảnh, cảnh bất sanh tâm, hà dĩ cố? Sở kiến chư cảnh duy sở kiến tâm, tâm bất huyễn hóa tức vô sở kiến". Đại Lực Bồ-tát chép: Nếu

Tâm đang tịnh thì các cảnh không thể sanh, lúc tâm này thanh tịnh thì sẽ không có ba cõi. Đức Phật nói: Đúng vậy! Này Bồ-tát, tâm không thể sanh cảnh, cảnh không thể sanh tâm, tại vì sao? Vì các cảnh sở kiến ấy chỉ là tâm sở kiến, tâm không thể huyễn hóa tức là không có cảnh sở kiến.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai tức là mở rộng về nghĩa Thú Nhập. Trong đó có bốn: 1. Nói chung về Thú Nhập. 2. Hiển bày riêng về thú nhập. 3. Xa lìa sai lầm về Nhập. 4. Lìa bỏ ngằn mé của Nhập. Trong phần Một có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi chép: "Lúc tâm này thanh tịnh, thì sẽ không có ba cõi": Là từ Sơ Địa trở lên chứng cái thấy vốn là thanh tịnh, tùy theo những thích ứng có thể diệt đi, không có ba cõi. Sự tướng ba cõi: Hoặc ở tại Sơ Địa hoặc là Địa thứ tám mà đạt được diệt đi không có ba cõi. Tự tánh Ba cõi: Là trong địa vị Đẳng Giác mà được diệt đi không có, tập khí của ba cõi đến địa vị Diệu Giác mới diệt sạch không còn. Nghĩa này đầy đủ như chương về Nhị Chướng giải thích. Trong phần trả lời chung thừa nhận cho nên nói như thế. Lúc ba cõi dứt sạch không còn thì tâm cảnh không thể sanh khởi lẫn nhau, Vì sao? Vì chỉ là tâm vọng thấy thay đổi tạo thành cảnh giới, lúc tâm không luống dối thì không thể dấy lên cảnh, cảnh giới không có cho nên tâm không thể sanh khởi.

Kinh: "Bồ-tát nội vô chúng sanh, tam tánh vắng lặng, tắc vô kỷ chúng diệc vô tha chúng, nãi chí nhị thập diệc sanh tâm, đắc như thị lợi tức vô ba cõi". Bồ-tát bên trong không có chúng sanh, ba tánh vắng lặng, không có chúng của mình cũng không có chúng của người, cho đến hai hòa nhập cũng không thể sanh khởi tâm, đạt được lợi ích như vậy tức là không có ba cõi.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói riêng về thú nhập. Trong đó có hai: 1. Nêu chung ra số. 2. Hỏi đáp hiển bày riêng. Đây là văn phần đầu. Trong không có chúng sanh: Nghĩa là địa vị Thập Trụ đạt được Nội nhân Không. Ba tánh vắng lặng: Trong địa vị Thập Hạnh đạt được Nội pháp Không. "Thì không có chúng của mình cũng không có chúng của người: Địa vị Thập Hồi Hướng đạt được Bình đẳng Không khắp mọi nơi xả bỏ chúng tự - tha - người - pháp. Nói Chúng là chúng sanh gọi là chúng, pháp của năm Ấm cũng gọi là năm chúng, là tương tự Không chưa được Chân chứng. Cho nên hai nhập: Là cùng nêu ra số Địa tiền và Địa thượng hòa nhập.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà nhị nhập bất sanh ư tâm, tâm bổn bất sanh vận hà hữu nhập? Phật ngôn: Nhị nhập giải nhất vị

lý nhập, nhị vị hành nhập. Lý nhập giả thâm tín chúng sanh bất dị chân tánh, bất nhất bất cọng, đản dĩ khách trần chi sở ế chướng, bất khứ bất lai ngưng trụ giác quán, đế quán Phật tánh bất hữu bất vô, vô kỷ vô tha phàm Thánh không hai, kim cương tâm địa kiên trụ bất di, vắng lặng vô vi hữu phân biệt, thị danh Lý nhập". Đại Lực Bồ-tát chép: Vì sao hai nhập bất sanh ở tâm, tâm vốn bất sanh làm sao có nhập? Đức Phật nói: Hai nhập - một gọi là Lý nhập hai gọi là Hành nhập. Lý nhập là tin sâu sắc rằng chúng sanh không khác chân tánh, không là Một là không chung nhau, chỉ vì các chướng ngại che động khách trần, không đi không đến ngưng lại an trụ giác quán, quán sát kỹ càng Phật tánh chẳng phải có - không phải không có, không có mình - không có người khác phàm Thánh không hai, nơi tâm Kim cương kiên quyết an trụ không di động, vắng lặng vô vi không có phân biệt, đây gọi là Lý nhập.

Luận chép: Dưới đây là hỏi - đáp nói riêng. Trong phần hỏi có hai: trước hỏi - sau chất vấn. Trong phần đáp cũng có hai: Trước đáp - sau khơi thông. Trong đáp có ba: Nhắc lại số nêu ra tên gọi lần lượt phân rõ tướng. Trong này nói Lý nhập: Thuận theo lý tin hiểu chưa được chứng hành nên gọi là Lý nhập, địa vị ở Địa tiền. Hành nhập: Chứng lý tu hành nhập vào vô sanh hành nên gọi là Hành nhập, địa vị ở Địa thượng. Trong văn Lý nhập có bốn câu. Từ "Tín sâu sắc v.v... " trở xuống cho đến "bị chướng che lấp", là Thập Tín nhập vào. Bất nhất: Nghĩa là tướng chúng sanh không khác chân tánh nhưng không phải là một. Bất cọng: Vì không phải vừa là một vừa là khác. Câu thứ hai nói "Không đến, không đi lắng đọng an trụ giác quán", là Thập Trụ nhập vào, hiểu rằng chúng sanh Không cho nên không đến không đi, đối với môn nhân không an trụ tâm vắng lặng đó giác ngộ xét kỹ Phật tánh không có đi - đến (khứ lai). Câu thứ ba nói "Quán kỹ Phật tánh chẳng phải có chẳng phải không", là Thập Hạnh nhập vào, đã đạt được pháp không dựa vào môn pháp Không quán sát kỹ càng Phật tánh, vì chẳng thể có pháp tướng, chẳng thể không có Không tánh. Câu thứ tư chép: "Không có tự, tha phàm Thánh không hai v.v... ", là nói về vị thập Hồi Hướng, lý nhập đã đạt được - tự tha bình đẳng Không nên tâm giống như Kim cương kiên quyết an trụ không lui sụt. Trong kinh Phạm Võng gọi là Thập Kim Cương, trong kinh Nhân vương gọi là Thập Kiên Tâm, là tên gọi khác của Thập Hồi Hướng.

Kinh: "Hành nhập giả tâm bất khuynh ỷ, ảnh vộ lưu dịch, ư sở hữu xứ tịnh niệm vô cầu, phong cổ bất động do như đại địa, quyên ly tâm ngã cứu độ chúng sanh, vô sanh vô tướng bất thủ bất xả". Hành nhập là

tâm không nghiêng về nương dựa, hình ảnh không có trôi lăn thay đổi, đối với tất cả nơi chốn ý niệm vắng lặng không có mong cầu, gió lay chẳng động giống như mặt đất, vứt bỏ xa lìa tâm ngã cứu độ chúng sanh, không có sanh khởi - không có tướng trạng - không lấy không bỏ.

Luận chép: Đây là nói về hành chứng nhập của Địa thượng - Tâm chẳng ngã nghiêng, dựa dẫm: Vì như lý trí tâm không níu bám duyên, vì thế tâm bám víu kéo duyên không thể sanh khởi. Ảnh không trôi lăn thay đổi: Cảnh như lý xa lìa ba thời gian (tam thế), vì thế cảnh tượng chuyển đổi không còn hiện nữa. Tất cả phước lạc thế gian cho đến quả Bồ-đề đại Niết-bàn, đối với tất cả điều này đều không mong cầu, vì thông suốt bình đẳng không có bên này bên kia, cho nên không bị gió cảnh giới làm cho dao động, là nói về tự lợi hành nhập. Từ "Bỏ lìa v.v..." trở xuống là khiến cho người khác nhập vào thật hành, vì chứng hai Không xa lìa tướng người - pháp, có thể rộng khắp mọi nơi cứu độ tất cả. Tuy tâm bất sanh khởi, cũng không có cảnh tướng, nhưng không giữ lấy tánh vắng lặng đó mà thường không xả bỏ đối với tất cả chúng sanh. Vì điều này cho nên nói là không lấy không bỏ. Hai hành như vậy gọi là hành nhập.

Kinh: "Bồ-tát! Tâm vô xuất nhập, vô xuất nhập tâm, nhập bất nhập cố cố danh vi nhập". Này Bồ-tát! Tâm không có ra vào, không có ra vào tâm, vì vào không vào, cho nên gọi là nhập vào.

Luận chép: Đây là phần thứ hai khơi thông các vấn nạn kia. Tâm chứng lý xa lìa sanh diệt không trước không sau cho nên tâm không có ra vào. Đã không có ra vào cũng không có tâm ra vào của ngày xưa cho nên không có ra vào tâm. Lìa bỏ ngày xưa có ra tâm, nhập vào tâm, tâm nhập vào cái không thể ra vào này nên nói là Nhập bất nhập nên gọi là nhập. Như vậy vấn nạn trước đây hiểu được dễ dàng.

Kinh: "Bồ-tát! Như thị nhập pháp, pháp tướng bất không, bất không chi pháp, pháp bất hư khí, hà dĩ cố? Bất vô chi pháp, cụ túc công đức, phi tâm phi ảnh, pháp nhĩ thanh tịnh". Này Bồ-tát! Như vậy nhập vào pháp, pháp tướng chẳng thể không, pháp chẳng thể không pháp chẳng thể giả dối bỏ đi, tại vì sao? Vì pháp chẳng thể không có, đầy đủ công đức, chẳng phải tâm chẳng phải ảnh, pháp nhĩ thanh tịnh.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba xa lìa sai lầm về chủ động nhập vào. Trong đó có hai: Sơ lược và giải thích rộng. Đây chính là nói lược. Như vậy nhập vào pháp: Nghĩa là hội nhập thật tế không có pháp ra vào, là chẳng thể không có pháp - năng sở bình đẳng xa lìa các sai lầm tai họa - đầy đủ các công đức. Phi tâm phi ảnh: Vì tâm - cảnh bình

đẳng xa lìa năng sở. Pháp nhĩ thanh tịnh: Vì xa lìa các tướng không có trước - không có sau.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà phi tâm phi ảnh pháp nhĩ thanh tịnh? Phật ngôn: Không như chi pháp, phi tâm thức pháp, phi tâm sử sở hữu pháp, phi không tướng pháp, phi sắc tướng pháp, phi tâm bất tương ưng pháp, phi tâm vô vi tương ưng pháp, phi sở hiện ảnh, phi sở hiển thị, phi tự tánh phi sai khác - phi danh - phi tướng nghĩa, hà dĩ cố? Như cố. Phi như chi pháp, diệc vô vô như, vô hữu vô như, phi vô như hữu, hà dĩ cố? Căn lý chi pháp, phi lý phi căn, ly chư tranh luận, bất kiến kỳ tướng. Bồ-tát như thị tịnh pháp, phi sanh chi sở sanh sanh, phi diệt chi sở diệt diệt”. Bồ-tát Đại Lực chép: Thế nào là chẳng phải tâm - chẳng phải ảnh - pháp nhĩ thanh tịnh? Đức Phật nói: Pháp của Không Như, chẳng phải pháp của tâm thức, chẳng phải các pháp của tâm sai khiến sở hữu, chẳng phải pháp Không tướng, chẳng phải pháp Sắc tướng, chẳng phải pháp bất tương ưng của tâm, chẳng phải pháp tương ưng tâm vô vi, chẳng phải các ảnh tượng hiện bày, chẳng phải những gì hiển bày, chẳng phải tự tánh - chẳng phải sai khác - chẳng phải danh - chẳng phải tướng nghĩa, tại vì sao? Vì là Như, nên pháp “không phải Như”, cũng không có, không có Vô như, chẳng phải Vô Như có, tại vì sao? Vì pháp của căn - lý, chẳng phải lý - chẳng phải căn, xa lìa các sự tranh luận về không thấy tướng đó. Này Bồ-tát, tịnh pháp như vậy, là chỗ sanh của chẳng phải sanh mà sanh, chỗ diệt của chẳng phải diệt mà diệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ nhất mở rộng giải thích về xa lìa sai lầm. Đầu tiên hỏi - kế là đáp - thứ ba lĩnh hội - thứ tư nói về. Trung phần đáp có hai: Trước là giải thích về câu “chẳng phải tâm, chẳng phải ảnh”, sau là giải thích về câu “Pháp nhĩ thanh tịnh”. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là trình bày nhập vào pháp lìa bỏ các tâm ảnh, sau là trình bày tâm ảnh không gì không phải Như lý. Trong phần đầu chép: “Pháp của Không Như”: Là lúc hội nhập thật tế xa lìa các tướng nói là không, năng sở bình đẳng nói là Như. Như vậy nhập vào pháp lìa bỏ các tâm ảnh. Tâm ảnh sai khác đại khái có sáu cặp: 1. Tâm và tâm sở là một cặp. 2. Hư không và sắc là một cặp. 3. Bất tương ưng hành và các vô vi là một cặp. 4. Ảnh hưởng cùng với bản chất là một cặp. 5. Tự tánh sai khác là một cặp. 6. Danh ngôn cùng với tướng nghĩa là một cặp. Trong sáu cặp này thì một cặp đầu tiên là chủng loại của tâm năng duyên, năm cặp sau là chủng loại ảnh sở duyên. Lìa bỏ sáu cặp này cho nên chẳng phải tâm ảnh. Như thứ tự các câu đó có sáu cặp: Chẳng phải tâm

thức pháp": Vì lìa bỏ tám thức tâm. "Chẳng phải tâm sử sở hữu pháp: Vì lìa bỏ sáu địa vị tâm sở hữu pháp. Chẳng phải không tướng pháp": Lìa bỏ vô sắc tướng hư không pháp. "Chẳng phải sắc tướng pháp": Lìa bỏ ba thứ sắc: Hiển, hình và biểu. "Chẳng phải tâm bất tương ưng pháp": Lìa bỏ hai mươi bốn bất tương ưng Hành. "Chẳng phải tâm vô vi tương ưng pháp": Lìa bỏ bảy loại vô vi pháp còn lại. Dựa vào tâm sở hiển bày cho nên gọi là tâm vô vi. Tướng của ba thứ vô vi tương ưng pháp cho nên gọi là Tương ưng pháp. Cũng lìa bỏ ba thứ Chân như pháp ấy là vì trong môn nhập chứng không có ba sai khác. "Chẳng phải ảnh hiện": Vì lìa bỏ ảnh tượng của phần đồng pháp vốn có, đã hiển hiện của phương tiện quán. "Chẳng phải sở hiển thị": Cũng lìa bỏ những pháp cốt toả của bản chất đã hiển thị của ảnh tượng. "Chẳng phải tự tánh": Vì lìa bỏ tự tánh của các sắc tâm v.v... "Chẳng phải sai khác": Vì lìa bỏ các tướng sai khác của vô thường. "Chẳng phải danh": Vì lìa bỏ các tướng năng thuyên danh, cú, văn. "Chẳng phải tướng nghĩa": Vì lìa bỏ tướng sở thuyên về danh và nghĩa của danh thích đáng. Tại vì sao lìa bỏ tướng sáu cặp này: Vì năng sở bình đẳng không có sai khác cho nên nói là Vì như. Từ "Pháp chẳng phải Như v.v... " về sau là phần thứ hai nói về tâm -ảnh- pháp không có gì không thể như lý. "Pháp chẳng phải như": Nghĩa là trước đây pháp tướng vốn chẳng phải sáu cặp. "Cũng không có vô như": Vì Như lý thông suốt khắp nơi. "Không có Vô Như": Vì không có một pháp nào có tướng mà không như lý ấy. "Chẳng phải Vô như có": Giả sử có pháp vô Như có thể được làm có. Đã chẳng phải pháp của không phải Như thì không thật có là có. Từ "Vì sao?.."trở xuống là giải thích về nghĩa chẳng phải có (phi hữu). Căn ấy là gốc cây (thụ căn) dụ cho hạt giống. Lý ấy là thớ gỗ (mộc lý) dụ cho hiện pháp. Như quả Am la nói trong dụ trước kia. Lìa các tranh luận về không thấy tướng đó: Vì cầu mong giác tuệ không có gì đạt được. Hai phần trên đây mở rộng về chẳng phải tâm - ảnh. Từ "Tịnh pháp như vậy v.v... " trở xuống là kế đến mở rộng về pháp nhĩ thanh tịnh. Là chỗ sanh của phi sanh mà sanh. Câu dưới cũng vậy. Vì lìa tướng diệt nên thể chẳng phải diệt: Vì lìa bỏ tướng sanh cho nên Thể chẳng phải sanh. Cũng vậy pháp thanh tịnh lìa bỏ tướng hữu vi vô sanh vô diệt vô thỉ vô chung. Căn cứ vào nghĩa này cho nên pháp nhĩ thanh tịnh.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị pháp tướng bất hợp thành bất độc thành, bất ki bất bạn, bất tụ tán bất sanh diệt, diệc vô lai tướng cập dĩ khứ tướng, không thể nghĩ bàn". Đại Lực Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn! Như vậy pháp tướng không hòa hợp mà

thành - không riêng rẽ mà thành, không ràng buộc không phụ hoạ, nhóm không tán bất sanh diệt, cũng không có tướng xảy ra cho đến tướng lìa bỏ, không thể nghĩ bàn.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Chẳng hợp thành ấy là chẳng phải tâm- chẳng phải tâm sở, vì tâm và tâm sở Thể khác nhau tương ưng. Chẳng riêng lẽ thành ấy là chẳng phải tự tánh - chẳng phải sai khác, vì hai nghĩa này riêng không có hai Thể. Chẳng buộc ràng là vì chẳng phải danh, chẳng phải nghĩa, danh nghĩa làm khách lẫn nhau. Chẳng phụ họa là chẳng phải ảnh, chất, vì ảnh chất tương tự nhau mà làm bạn. Chẳng tụ tán là vì chẳng phải Không - chẳng phải sắc, vì nhóm hợp là sắc - tán hoại là Không. Chẳng sanh diệt là vì chẳng phải bất tương ưng - chẳng phải vô vi, vì bất tương ưng thành là sanh khởi, các vô vi pháp diệt đi mà hiển bày. Đây là lĩnh hội nghĩa về lìa bỏ sáu cặp nói trước đây. Cũng không có tướng đến là vì sanh ra từ chỗ sanh của phi sanh. Cho đến tướng mất là vì chỗ diệt của phi diệt. Là lĩnh hội về "Pháp nhĩ thanh tịnh" nói sau đó. Đầu tiên nói Bất khả tư nghị: là như của chẳng phải như, lìa tâm mà nói. Sau nói bất khả tự nghị là lìa tâm của tâm cũng lìa bỏ cả hai.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị! Bất khả tư nghị, bất khả nghị. Tâm tâm diệc như thị, hà dĩ cố? Như bất dị tâm tâm bổn như cố". Đức Phật nói: Đúng vậy! Không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn Tâm tâm cũng như vậy, tại vì sao? Vì Như chẳng khác tâm - tâm vốn là Như.

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói về thành tựu. Như thứ tự đó nói về về hai thứ câu Bất tư nghị kia. Cái gọi là Tâm ấy, nghĩa là tâm nhập vào chứng thật, tâm của vô tâm nhập vào nơi không thể nhập vào cho nên Bất tư nghị. "Như chẳng khác tâm" là giải thích Bất tư nghị ở trước, "Vì tâm vốn Như" là giải thích bất tư nghị ở sau.

Kinh: "Chúng sanh Phật tánh bất nhất bất dị, chúng sanh chi tánh bổn vô sanh diệt, sanh diệt chi tánh tánh bổn Niết-bàn, tánh tướng bổn như như vô động cố". Phật tánh và tánh chúng sanh không phải một không phải khác, tánh của chúng sanh vốn bất sanh diệt, tánh của sanh diệt là tánh vốn có Niết-bàn, tánh tướng vốn là Như Như không có biến động.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ tư lìa bỏ ngằn mé đã Nhập. Trong đó có hai: Trước là nói về Phật tánh lìa bỏ ngằn mé một khác, sau là hiển bày Như Như lìa bỏ ngằn mé Hữu - Vô. Trong phần đầu có hai: trình bày Sơ lược và nói rộng. Đây chính là nói lược, trong này cũng có hai. Trước là lìa bỏ một khác, sau là giải thích lìa bỏ khác. Lìa một khác:

Nghĩa là vì chúng sanh cùng Phật tánh không một mà cũng không phải khác. Nói Phật tánh ấy là Chân như Phật tánh. Như trong kinh Niết-bàn chép: "Phật tánh ấy gọi là Đệ nhất nghĩa Không, hoặc là một hoặc là khác đều có sai lầm". Tánh của chúng sanh vốn bất sanh diệt: Dưới đây giải thích nghĩa về lìa khác vì nghĩa của không một (bất nhất dễ dàng có thể thấy. Câu này trình bày con người không khác nhau Phật tánh. "Tánh của sanh diệt là tánh vốn có Niết-bàn": Là nói về sanh tử không khác Niết-bàn. Tánh tướng vốn như như không động: Là tánh người của chúng sanh (nhân tánh) sanh diệt mà pháp tướng xưa nay là Như cho nên không khác.

Kinh: "Nhất thiết pháp tướng tùng duyên vô khởi, khởi tướng tánh như như vô sở động, nhân duyên tánh tướng tướng bổn không vô, duyên duyên không không vô hữu duyên khởi, nhất thiết duyên pháp hoặc tâm vọng kiến, hiện bổn bất sanh duyên bổn vô cố, tâm như pháp hoặc tâm vọng kiến, hiện bổn bất sanh duyên bổn vô cố, tâm như pháp lý tự thể không vô, như bỉ không vương bổn vô trụ xứ, phàm phi chi tâm vọng phân biệt kiến". Tất cả pháp tướng từ duyên không khởi lên, khởi lên tướng tánh Như Như không hề bị biến động, nhân duyên tánh tướng - tướng vốn là không không có, duyên duyên Không Không không có duyên khởi, tất cả duyên pháp mê hoặc tâm vọng nhìn thấy, hiện tại vốn bất sanh - duyên vốn không có, Lý của Tâm - Như - Pháp tự Thể không có, như chúa tể hư không kia vốn không có trụ xứ, tâm của phàm phu vọng phân biệt mà thấy.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói rộng. Trong đó chỉ mở rộng về nghĩa lìa bỏ mé khác. Tất cả pháp tướng từ duyên mà sanh ra, tất cả quả pháp từ duyên mà có cho nên chính là không có sanh khởi, khởi lên tướng tánh Như Như không hề bị biến động. Xuống dưới nói về năng khởi các duyên cũng Không. Nhân duyên tánh tướng, tướng vốn vắng lặng không có: Vì hạt giống nhân duyên không gì vốn có. Duyên duyên không không không có duyên khởi: Sở duyên duyên pháp chẳng phải một mà rất nhiều chẳng gì không đều là Không cho nên nói Không Không. Vì vậy cho nên không có năng khởi của duyên. Tất cả duyên pháp hoại tâm vọng kiến: Nghĩa là Tăng thượng duyên và vô gián duyên chỉ là tâm vọng nhìn thấy cho nên cũng Không. Hiện vốn bất sanh duyên vốn không có: Kết thành hai không, Duyên vốn hiện rõ quả xưa nay bất sanh, năng khởi các duyên xưa nay không có. Lý của tâm như pháp tự thể vắng lặng không có: Trước nói về nhân quả là pháp sở thủ, pháp sở thủ không có cho nên tâm năng thủ cũng Không. Như

nói của phápsở thủ đạo lý Không, Thể của tâm năng thủ cũng vậy. Bên trên là pháp nói, dưới đây dẫn thí dụ. Nói không vương là Không có hai thứ: 1. Không giới, nghĩa là Sắc sáng tỏ - tối tăm. 2. Không vương, nghĩa là pháp hư không làm nơi nương dựa cho tất cả Sắc. Như vị vua là nơi nương tựa của mọi người dân vì thế nói hư không gọi là không vướng. Như thế không vướng vốn không có trụ xứ mà phàm phu vọng suy nghĩ phân biệt, hư không nơi này -hư không nơi kia chỉ là luống dối thấy chấp. Không có đây, kia, nhân quả các pháp nên biết rằng cũng thế, vọng tâm giữ lấy không có nhân - không có quả, đều là dựa theo nhân quả biến kế sở chấp, mà làm thí dụ về chỗ vọng thấy này.

Kinh: "Như như chi tướng bổn bất hữu vô, hữu vô chi tướng kiến duy tâm thức. Bồ-tát! Như tâm chi tánh, bất vô tự thể, tự thể bất hữu, bất hữu bất vô. Bồ-tát! vô bất vô tướng, phiênngôn nói địa, hà dĩ cố? Chân như phi pháp hư khóang vô tướng, phi nhị sở cập". Tướng của Như Như vốn chẳng thể có - không tướng của có - không nhìn thấy chỉ là Tâm thức. Này Bồ-tát! Tánh của tâm Như, chẳng thể không có tự thể, tự thể chẳng thể có, chẳng thể có - chẳng thể không có. Này Bồ-tát! Không có gì chẳng thể không có tướng, chẳng phải nơi ngôn nói, tại vì sao? Vì pháp của Chân Như rộng rãi khóang đãng không có tướng, chẳng phải nơi đạt đến của hai sở hành tầm tứ.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói về pháp Như Như lìa bỏ ngằn mé có - không. Trong đó có bốn: Câu đầu tiên chính thức nói về Như Như lìa bỏ ngằn mé. Câu kế là trở lại đưa ra có ngằn mé là vọng. Thứ ba dẫn ra tâm lìa bỏ ngằn mé làm ví dụ. Thứ tư trở lại trình bày Như Như xa lìa ngôn từ. Trong phần thứ ba nói "Tánh của tâm Như": Cũng như Thể tánh của nhất tâm vậy. "Chẳng thể không có tự thể": Nghĩa là vì lìa bỏ ngằn mé không có tự Thể giống như sừng thỏ. "Tự thể chẳng thể có": Nghĩa là lìa bỏ ngằn mé có tự Thể giống sừng trâu. Chẳng phải nói là Tha tướng không có cho nên chẳng thể có - do đó nói tự Thể chẳng thể có mà thôi. "Chẳng thể có, chẳng thể không có": Chẳng thể có tức là chẳng thể không có, chẳng thể không có tức là chẳng thể có. Căn cứ vào nghĩa này cho nên lại kết hợp trình bày vậy. Tâm - Pháp như nhất chẳng thể có - chẳng thể không có, lý của Như Như cũng giống như vậy, vì thế cho nên đầu câu nói là Tâm Như. Từ "Không có gì chẳng thể không có tướng, không phải chỗ ngôn nói v.v... " trở xuống là phần thứ tư trở lại nói về đạo lý Như Như xa lìa ngôn từ. "Không có gì chẳng thể không có tướng": Nói về "Vốn chẳng thể có không có" trong câu đầu tiên, vì chẳng phải là nơi các loại lời lẽ yên ổn đạt tới. "Chẳng phải

hai sở hành hiểu kịp": Vì chẳng phải sở hành của hai thứ tầm, tứ. Hai pháp tầm, tứ là ngôn ngữ đạt tới. Chẳng phải là hai sở hành này cho nên không phải chỗ của ngôn từ nói năng.

Kinh: "Hư không cảnh giới, nội ngoại bất trắc, lục hành chi sĩ nãi năng, tri chi". Cảnh giới hư không, trong ngoài không thể suy lường, người có đức hạnh của sáu hành mới có thể biết được.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ ba về tầng bậc địa vị của Nhập. Trong đó có bốn: 1. Nói về sở nhập sâu xa. 2. Nêu ra hành của vị năng nhập. 3. Nói riêng về tầng bậc địa vị. 4. Đối chiếu nói về tâm Nhập. Trong phần đầu chép: "Hư không cảnh giới": Nghĩa là pháp của Như Như rộng rãi khóang đãng không có tướng cho nên gọi là Hư không. Nội ngoại chẳng thể lường: Nghĩa là hai mươi tám bậc Thánh nội đạo và chín mươi lăm loại trong ngoại đạo, hạng phàm Thánh này không thể nào suy lường được. Trong phần thứ hai nói "Bậc sĩ của sáu hành mới có thể biết": Là nêu ra tầng bậc địa vị hai Nhập của hàng Bồ-tát.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà lục hành nguyện vi nói chi. Phật ngôn: Nhất giả thập tín hành, nhị giả thập trụ hành, tam giả thập hạnh hành, tứ giả thập hồi hướng hành, ngũ giả thập địa hành, lục giả đẳng giác hành. Như thị hành giả nãi năng tri chi". Bồ-tát Đại Lực chép: Thế nào là sáu hành, nguyện giảng nói cho điều đó! Đức Phật nói: Một là thập Tín hành, hai là thập Trụ hành, ba là thập Hạnh hành, bốn là thập Hồi hướng, năm là thập Địa hành, sáu là Đẳng Giác hành. Người thật hành như vậy mới biết được.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nói riêng về tầng bậc địa vị. Chỉ có hiển bày hành vị mà không nói về quả vị đó, cho nên không chọn lấy địa vị của Diệu Giác. Trong sáu Hành này thì bốn địa vị trước là Lý nhập của tầng bậc dưới thấp, hai địa vị sau là Hành nhập sai khác. Trong đó nghĩa sơ lược ở kinh Bổn Nghiệp, nghĩa phân biệt rộng, xuất xứ từ giáo Hoa Nghiêm.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Thật tế giác lợi vô hữu xuất nhập, hà đẳng pháp tâm đắc nhập thật tế? Phật ngôn: Thật tế chi pháp pháp vô hữu tế, vô tế chi tâm tắc nhập thật tế". Bồ-tát Đại Lực nói: Thật tế giác lợi không có ra vào, pháp - tâm hạng nào có thể hội nhập thật tế? Đức Phật nói: Pháp của thật tế - pháp không có ranh giới, tâm không có ranh giới thì hội nhập thật tế.

Luận chép: Đây là phần thứ tư đối chiếu nói về tâm Nhập. Trong câu hỏi nói "Thật tế giác lợi không có ra vào": Nêu lên hai địa vị sau đạt được hai lợi hành và lý tương xứng với nghĩa không có ra vào. Pháp

tâm hạng nào có thể hội nhập thật tế: Trong đó chính là hỏi về tâm - pháp năng nhập. Trong trả lời nói "Pháp của thật tế pháp không có ranh giới": Là nêu lên pháp sở nhập. Vì pháp như thế không có ranh giới (vô tế), chiều dọc thì không có thời gian trước sau không có bắt đầu không có cuối cùng cho nên lìa bỏ thời gian ba đời, chiều ngang thì không có ranh giới, đây kia không chính giữa không bên cạnh cho nên lìa bỏ nơi chốn sáu phương; rất sâu không có bến bờ không có giới hạn nào không thể xa lìa, rộng lớn không có ranh giới không có nơi nào không thể cùng khắp. Đầy đủ bốn nghĩa này cho nên nói là vô tế. Tâm của năng nhập cũng có đủ bốn nghĩa, cho nên đối với thật tế không có nơi nào không thể hội nhập. Nên biết rằng thật tế xa lìa ngằn mé năng sở, tâm cũng như thế xa lìa ranh giới năng sở, tức là không có hội nhập đó mới có thể hội nhập được, thì gọi là nghĩa không thể nghĩ bàn.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vô tế tâm trí, kỳ trí vô nhai, vô nhai chi tâm, tâm đắc tự tại, tự tại chi trí đắc nhập thật tế; như bỉ phàm phu nhuyến tâm chúng sanh, kỳ tâm đa suyễn dĩ hà pháp ngự linh đắc kiên tâm đắc nhập thật tế?". Bồ-tát Đại Lực nói: Tâm trí không có ranh giới, trí đó không bến bờ, tâm không bến bờ, tâm được tự tại, trí của tự tại được hội nhập thật tế, nếu như phàm phu kia tâm chúng sanh yếu hèn, tâm đó nhiều vội vã thì dùng pháp gì điều khiển làm cho tâm được vững chắc có thể hội nhập thật tế?

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ tư về phương tiện hội nhập. Nhập phương tiện: Địa vị ở tại bốn địa vị Địa tiền, phương tiện quán bên trong môn lý nhập. Trong đó có hai: Trước là nói về phương tiện năng nhập, sau là nói về phương tiện thắng lợi. Trong phần đầu cũng có hai: Trước sơ lược - Sau mở rộng. Trong phần sơ lược trước là hỏi, trong hỏi cũng có hai: 1. Lĩnh hội đối với trước đây. 2. Hỏi đối với sau đó. Trong lĩnh hội nói "vô tế" là vì Thể của tâm không có ranh giới. Vô nhai là Dụng của trí không có bến bờ.

Kinh: "Phật Ngôn: Bồ-tát! Bỉ tâm suyễn giả dĩ nội ngoại sử, tùy sử lưu chú, trích lịch thành hải, thiên phong cổ lãng, đại long kinh hãi, kinh hãi chi tâm cố linh đa suyễn. Bồ-tát! Linh bỉ chúng sanh tồn tam thủ nhất, nhập Như-lai thiền, dĩ thiền định cố tâm tắc vô suyễn". Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Tâm kia là vì kiết sử trong ngoài, tùy theo kiết sử trôi lăn rót vào. Nhỏ giọt dần thành biển, gió trời làm nổi sóng, rồng lớn kinh hãi, tâm kinh hãi cho nên khiến nhiều vội vã. Này Bồ-tát! Khiến cho chúng sanh kia giữ lại Ba là vâng theo một, nhập vào Như-lai thiền, vì thiền định cho nên tâm sẽ không có vội vàng.

Luận chép: Trong phần trả lời có hai: Trước là đưa ra các tướng sửa trị chướng, sau là chỉ rõ phương tiện có thể sửa trị. Trong phần đầu nói "Tâm suyễn" là tâm kinh sợ không yên ổn hơi thở ra vào rất nhanh nói là đa suyễn, để dụ cho sáu Thức thay đổi biến động không dừng. Nội ngoại sử: Vì bốn sử Mạt-na bên trong duyên với tự ngã, sáu sử ý thức bên ngoài duyên theo các cảnh. Tùy sử chảy rót: Nghĩa là các tiểu tùy phiền não như phẫn hận v.v... những đại tùy phiền não chìm xuống nổi lên đó, và trung tùy phiền não vô tàm quý tùy theo các sử di chuyển chứa nhóm rót vào Thức hiện tại. Nhỏ giọt dần thành biển: Bởi các sử, tùy Hoặc vốn có tất cả hiện hành đều xông ướp Thức hiện tại chứa nhóm sâu rộng. Gió trời làm nổi sóng: Nghiệp lực sở cảm cảnh giới sáu trần mặc ý chuyển vận hiện hành cho nên gọi là gió trời kích động, biển cả tùy miên khơi dậy làn sóng bảy Thức cho nên nói làm cho nổi sóng. Rồng lớn kinh hãi: Năng lực Vô minh trụ địa của nó lớn nhất trụ ở đáy biển tùy miên của bổn thức cho nên gọi là Rồng lớn. Như vậy vô minh trái với vắng lặng thường, có thể tăng thêm tâm của thô động cho nên nói là kinh hãi. Do các duyên này làm cho tâm thường gấp gáp. Đây là khiến cho biết những tướng sửa trị về chướng. Từ đây trở xuống là chỉ ra phương tiện có thể sửa trị đó. Giữ lại ba là phương tiện có thể ngăn dứt gió trời. Giữ lại một là phương tiện có thể chế phục rồng lớn. Nhập Như-lai thiền ấy là phương tiện chủ yếu sửa trị thường vội vàng.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Hà vị tồn tam thủ nhất nhập Như-lai thiền? Phật ngôn:Tồn tam giả tồn giải thoát, thủ nhất giả thủ nhất tâm như, nhập Như-lai thiền giả lý quán tâm như, nhập như thị địa tức nhập thật tế". Đại Lực Bồ-tát chép: Cái gì là giữ lại ba là vâng theo một là nhập vào Như-lai thiền? Đức Phật nói: Giữ lại ba là giữ lại ba giải thoát, vâng theo một là vâng theo một tâm như, nhập vào Như-lai thiền ấy là lý quán tâm như, nhập vào nơi như vậy tức là nhập vào thật tế.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai mở rộng hiển bày phương tiện. Có ba lần hỏi - đáp. Trong lần đầu tiên này nêu chung lên số. Thủ nhất tâm như: Trong pháp Nhất tâm có hai chủng loại. Nay trước tiên vâng theo môn tâm chân như, để chế phục thế lực của con rồng lớn vô minh, vì vô minh chính là không nhận ra Nhất tâm Như. Trong này Thủ ấy là lúc nhập vào vắng lặng tuân giữ cảnh Nhất Như, lúc đi ra không đánh mất tâm của Nhất vị, cho nên nói là Thủ Nhất. Như trong phần Thập Hạnh của kinh Bổn nghiệp chép: "Thập là vì tự tại xoay bánh xe Đại pháp. Đó gọi là Bồ-tát Tam bảo. Bồ-tát lúc bấy giờ ở tại trí Trung đạo đệ nhất là giác bảo, tất cả các pháp bất sanh khởi dao động qua

lại tức là pháp bảo; thường lưu động trong sáu đường hòa hợp cùng với chúng sanh sáu đường, gọi là Tăng bảo, đưa chuyển tất cả chúng sanh chảy vào biển cả Phật pháp". Xét rằng: Ba thời không mất đi một vị Trung đạo chính là công dụng tuân giữ một của pháp quán này. Pháp quán này ở tại địa vị Thập Hạnh. Các môn khác về sau hiển rõ nên trong này không luận đến.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Tam giải thoát pháp thị hà đẳng sự, lý quán Tam-muội tùng hà pháp nhập? Phật ngôn: Tam giải thoát giả hư không giải thoát - kim cương giải thoát - Bát-nhã giải thoát. Lý quán tâm giả tâm như lý tịnh vô khả bất tâm. Đại Lực Bồ-tát ngôn: Vân hà tồn dụng vân hà quán chi? Phật ngôn: Tâm sự không hai thị danh tồn dụng, nội hành ngoại hành xuất nhập không hai, bất trụ nhất tướng tâm vô đắc thất, nhất bất nhất địa tịnh tâm lưu nhập, thị danh quán chi". Bồ-tát Đại Lực chép: Pháp của ba giải thoát là sự việc như thế nào lý quán Tam-muội từ pháp nào hội nhập? Đức Phật nói: Ba giải thoát ấy là Hư không giải thoát - Kim cương giải thoát - Bát-nhã giải thoát. Lý quán tâm ấy là tâm như lý thanh tịnh không có gì có thể chẳng là tâm. Bồ-tát Đại Lực chép: Thế nào còn dụng, thế nào quán sát? Đức Phật nói: Tâm và sự không hai thì gọi là còn dụng, nội hành ngoại hành ra vào không hai, không trụ vào một tướng thì tâm không có được mất, nơi một không một mà tâm thanh tịnh trôi lăn hội nhập thì gọi là quán sát.

Luận chép: Hai lần hỏi đáp này nói riêng về quán hành. Trong phần trả lời trước nói "Ba giải thoát": Tức là ba tuệ thâu nhiếp tám giải thoát cho nên gọi là Giải thoát. Như trong phần Thập Trụ của kinh Bổn Nghiệp chép: "Sáu là được chư Phật che chở. Gọi là tám giải thoát quán: Văn tuệ đạt được hai tướng nội giả - ngoại giả không thật có, là một giải thoát, Tư tuệ bên trong năm ấm pháp - bên ngoài tất cả pháp không thật có là hai giải thoát, Tu tuệ sáu quán đầy đủ sắc giới năm ấm Không là ba giải thoát, bốn Không năm ấm và diệt định quán không thật có; năm là giải thoát như tướng. "Xét rằng: Tám giải thoát quán sơ lược có hai môn: Nếu căn cứ sự tướng chỉ có Tu tuệ quán, thì chung cả Nhị Thừa, như nơi khác giải thích. Nếu dựa theo ba tuệ quán Nhân Không - Pháp Không, là quán Đại thừa Như văn đây nói. Giải thoát đầu tiên là trong có sắc tướng, bên ngoài quán các sắc, nghĩa là bên trong còn các sắc, pháp tướng năm ấm quán sát Nội Ngã Không, bên ngoài còn các sắc quán sát chúng sanh Không, Không này dễ dàng nhập vào là sở đắc của văn Tuệ, vì thế nói "Văn tuệ đắc nội giả, ngoại giả hai tướng không thật có". Không xả bỏ các sắc, dùng quán không

có tựa như hư không cho nên không xả bỏ sắc tướng, giải thích đây là Hư không giải thoát. Giải thoát thứ hai: Bên trong không có sắc tướng - ngoài quán sát các sắc. Trong xả bỏ các pháp tướng năm ấm sắc... bên ngoài quán tất cả núi sông đều không, các pháp cõi Dục không có pháp nào không là Không, Không này khó hiểu - là pháp quán của Tư Tuệ, vì thế nói là "Tư Tuệ pháp năm ấm bên trong tất cả pháp, bên ngoài không thật có". Suy xét tìm tòi phân tích làm rõ các pháp trong ngoài, giống như Kim cương san bằng các sắc pháp, vì thế cho nên gọi là Kim cương giải thoát. Sáu thứ giải thoát sau đều là Tu tuệ. Quán tất cả các pháp của hai cõi trên đều Không cho nên nói là Tu Tuệ. Sáu quán đều là Tu tuệ dựa vào Định mà phát khởi, vì thế cho nên gọi chung là Bát-nhã giải thoát. Sáu thứ trong đó sai khác về tướng. Thứ ba gọi là Tịnh giải thoát: Thân tác chứng năm ấm cõi sắc sáng ngời sạch sẽ vắng lặng, quán tất cả đều Không vì thế gọi là Tịnh giải thoát. Tự bên trong đã chứng gọi là thân tác chứng, nói là "Đầy đủ sắc giới ngũ ấm không là ba giải thoát". Thứ tư gọi là Không xứ giải thoát: Vì quán không xứ năm ấm đều không, cho đến Phi Tưởng giải thoát cũng như thế. Quán diệt định pháp cũng không thật có, cho nên gọi là Diệt tận giải thoát, đều từ những xả bỏ để lập ra lên tên gọi đó, vì vậy nói là "Bốn không năm ấm và diệt định quán đều không thật có". Năm là giải thoát như tướng. Như vậy ba tuệ quán Nhân Không - Pháp Không, chế phục lìa bỏ hai ràng buộc hiện hành của hai chấp cho nên gọi là giải thoát. Đã xả bỏ tất cả giả pháp trong ngoài, có thể ngăn dứt các cảnh gió tự nhiên thổi đến kích động. Trong Lý quán nói "Tâm như lý tịnh không có gì không thể là tâm: Vì thuận theo lý vô tướng nên tâm không có phân biệt. Trong phần trả lời sau nói "Tâm sự không hai gọi là còn dụng": Đây gọi là còn lại ba công dụng hơn hẳn khả năng. Nếu người chưa đạt được ba công dụng giữ lại ba, tâm yên lặng quán Không vượt qua sự thất niệm, giữ lấy ngã và Ngã sở đắm vào cảnh trái thuận, gió tự nhiên làm cho dao động nên tâm và sự đều khác nhau. Nếu người có thể tu tập thành thục ba giải thoát, ra khỏi quán vượt qua sự quán khí thế hãy còn không giữ lấy tướng của tự - tha, không đắm vào cảnh tốt - xấu, vì vậy không bị gió trời kích động. Vào ra cùng quên tâm - sự không hai, như vậy mới gọi là công dụng giữ lấy ba, là quán như tu ở tại địa vị Thập Tín, dụng còn lại được thành tựu ở tại địa vị Thập Trụ, như trong phần Thập Trụ vị của kinh Bổn Nghiệp lập ra pháp quán này. Từ "Nội hành v.v... " về sau là trả lời câu hỏi thứ hai để trình bày tướng quán. Nội hành là tiến hành nhập vào quán vắng lặng chiếu soi. Ngoại hành là tiến hành ra khỏi

quán cảm hóa người khác. Hoặc là ra hoặc là vào không mất đi Trung đạo cho nên nói là Không hai. Như trong phần thập Hướng của kinh Bổn Nghiệp chép: "Hòan toàn dùng tuệ tự tại cảm hóa tất cả chúng sanh, đó gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Trong chốn Bát-nhã mà quán sát, thấu suốt tất cả các pháp mà không có hai, tuệ đó từng bước chuyển nhập vào Thánh địa cho nên gọi là Tương tự đệ nhất nghĩa quán, mà không phải thật sự Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán", cho đến nói rộng ra. Không thể trụ nhất tướng là vì hai đế quán. Tâm không có được mất là vì bình đẳng quán. Vì dựa vào hai thứ phương tiện quán này, tiến vào trong dòng nước pháp tuôn chảy của sơ Địa, cho nên nói nơi một, không là một mà tịnh tâm lưu nhập..." Như kinh đó nói chép: "Tam quán ấy là từ Giả nhập vào Không gọi là Nhị đế quán, từ Không nhập vào Giả gọi là Bình đẳng quán, là hai quán phương tiện đạo. Dựa vào hai Không quán này được nhập vào Trung đạo đệ nhất nghĩa quán, cả hai soi chiếu hai đế tâm tâm vắng lặng tiến vào trong dòng nước pháp tuôn chảy của Sơ Địa", cho đến nói rộng ra. Xét rằng: Hai đế quán trong này là xả bỏ Tục quán sát Chân, chính là phương tiện của Chánh thể trí. Bình đẳng quán là dung hòa Chân quán sát Tục, tức là phương tiện của Hậu đắc trí. Quán sát tục như huyễn hóa không giữ lấy được, mất không thích hợp không chối bỏ cho nên gọi là Bình đẳng. Nói nơi một, không là một là tên gọi khác của Sơ Địa. Vì sao như vậy? Vì Sơ Địa tức là Thập địa, ngay một lúc lập tức nhập vào mười tầng pháp giới. Thập Địa chính là Sơ Địa, vì thẳng thấn dùng khắp nơi đầy đủ (biến mãn) làm Sơ môn nhập vào. Vì Thập Địa chính là Sơ địa cho nên gọi là Nhất, Sơ Địa chính là Thập Địa cho nên Bất nhất. Vì thế cho nên gọi là "nơi một, không là một". Dựa vào hai phương tiện để làm sạch tâm đó, từ đây trôi lăn nhập vào một nơi Một là không phải một. Vì điều này cho nên nói Tịnh tâm lưu nhập. Trong này chỉ mở rộng hai quán trước sau, một quán ở giữa theo đó có thể biết được.

Kinh: "Bồ-tát! Như thị chi nhân bất tại nhị tướng, tuy bất xuất gia bất trụ tại gia cố, tuy vô pháp phục bất cụ trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa, bất nhập Bố tát năng dĩ tự tâm vô vi tự tứ nhi hoạch Thánh quả, bất trụ nhị thừa nhập Bồ-tát đạo, hậu đương mãn địa thành Phật Bồ-đề". Này Bồ-tát! Người như vậy không còn hai tướng, tuy chẳng xuất gia mà không trụ ở tại gia, tuy không có pháp phục, không thể giữ gìn đầy đủ giới Ba-la-đề-mộc-xoa, không nhập vào bố tát mà có thể dùng tự tâm vô vi tự tứ mà đạt được Thánh quả, không trụ Nhị thừa mà nhập vào đạo Bồ-tát, về sau sẽ đầy đủ địa vị thành tựu Bồ-đề quả Phật.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ hai về phương tiện thắng lợi. Trong đó có bốn: 1. Thắng lợi đạt được quả. 2. Thắng lợi được cung cấp. 3. Thắng lợi không có tai họa. 4. Thắng lợi không trụ lại. Đây chính là thắng lợi thứ nhất đạt được quả. Trong phần đầu cũng có bốn loại thắng lợi: 1. Thắng lợi lìa bỏ ngằn mé, vì không rơi vào tướng hai bên đạo tục. Như kinh nói "Người như thế ... cho đến "không trụ ở tại gia". 2. Thắng lợi tự tại, vì không bị sự ràng buộc của giáo môn và giới luật, có thể dùng tự tâm phân định đạo lý, vắng lặng thuận theo tự nhiên mà không có gì không làm. Như kinh nói "Tuy không có pháp phục v.v..." cho đến "Mà được Thánh quả". 3. Thắng lợi nhập đạo, như kinh nói "Không trụ Nhị thừa mà nhập Bồ-tát đạo". 4. Thắng lợi đạt được quả, vì như kinh nói "Về sau sẽ viên mãn thành tựu Bồ-đề quả Phật".

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị chi nhân phi xuất gia phi bất xuất gia, hà dĩ cố nhập Niết-bàn trạch, trước Như-lai y, tọa Bồ-đề tòa? Như thị chi nhân nãi chí Sa-môn nghi ưng kính dưỡng. Phật ngôn: Như thị hà dĩ cố? Nhập Niết-bàn trạch tâm khởi ba cõi, trước Như-lai y nhập pháp không xứ, tọa Bồ-đề tòa đăng chánh giác nhất địa. Như thị chi nhân tâm siêu nhị ngã, hà huống Sa-môn nhi bất kính dưỡng?". Đại Lực Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn! Người như vậy chẳng phải xuất gia - chẳng phải không xuất gia, tại vì sao nhập vào nhà Niết-bàn, mặc áo Như-lai, ngồi tòa Bồ-đề? Người như vậy cả đến Sa-môn nên thuận theo cung kính hầu hạ Đức Phật nói: Đúng vậy, vì sao? Vì nhập vào nhà Niết-bàn tâm vượt khỏi ba cõi, mặc áo Như-lai nhập vào chỗ pháp Không, ngồi tòa Bồ-đề bước lên Nhất địa Chánh giác. Người như vậy tâm vượt trên hai ngã, huống chi Sa-môn mà không cung kính hầu hạ?

Luận chép: Dưới đây là thắng lợi thứ hai được cung dưỡng. Vì đạt được ba đức thù thắng có thể làm ruộng phước, tiếp nhận sự cung dưỡng của tất cả đạo tục. Ngay nơi văn có ba: Đầu tiên nói về ruộng phước bậc Bồ-tát, kế đến biểu hiện Nhị thừa không thấy, sau cùng biểu hiện Bồ-tát thường thấy. Trong phần đầu chính là nói rõ ba thứ ruộng phước: Vào nhà Niết-bàn tâm khởi trên ba cõi là còn lại ba cái dụng của ba giải thoát, ba cõi vắng lặng gọi là nhà Niết-bàn là nơi thanh tịnh yên tâm dừng ở. Quán ba giải thoát nhập vào ba cõi Không mà không giữ lấy sự chứng, trở lại khởi trên thế tục tâm cảm hóa khắp nơi ba cõi cho nên nói là tâm vượt khỏi ba cõi. Tâm vượt khỏi ba cõi mà không nhiễm sắc trước tức là còn lại dụng. Mặc áo Như-lai, vào xứ pháp không tức là quán tuân thủ Nhất tâm như. Nghĩa là khi trải qua ba cõi hóa độ khắp

nơi, mặc áo nhẫn nhục mà không mệt chán, trở về nhập vào pháp không tuân giữ Nhất tâm như, Như kinh Pháp Hoa chép: "Áo nhu hòa nhẫn nhục". "Ngồi tòa Bồ-đề bước lên Chánh giác nhất địa" là tâm Lý quán của Như-lai thiền, gọi là ngồi ở pháp Không, tiến tu phương tiện đạt được chân quán bước lên Sơ Địa Chánh giác, như kinh Pháp Hoa chép: "Các Pháp Không làm tòa". Như vậy ba địa vị đều quán hai không, người ngã - pháp ngã hai chấp này điều phục diệt sạch cho nên nói Tâm siêu vượt nhị ngã. Vượt trên hai Ngã cho nên Đoạn đức đầy đủ, tu tập ba Quán cho nên Trí đức cũng đầy đủ, vì thế thường có thể làm ruộng phước cho đạo tục.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Như bỉ nhất địa cập dữ không hải, nhị thừa chi nhân vi bất kiến dã. Phật ngôn: Như thị! Bỉ nhị thừa nhân vị trước Tam-muội, đắc Tam-muội thân, ư bỉ không hải nhất địa, như đắc tửu bệnh hôn túy bất tỉnh nãi chí số kiếp do bất đắc giác, tửu tiêu thỉ ngộ phương tu thị hành, hậu đắc Phật thân". Đại Lực Bồ-tát chép: Như Nhất địa kia cùng với biển Không, người Nhị thừa không thấy. Đức Phật nói Đúng vậy! Người hàng Nhị Thừa mê đắm Tam-muội, được Tam-muội thân, đối với biển Không Nhất địa kia, như bệnh được rượu mê mẫn say sưa không tỉnh ngộ cho đến nhiều kiếp hãy còn không thể nào giác ngộ, tỉnh rượu mới hiểu ra - mới tu tập hạnh này, về sau đạt được thân Phật.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai người Nhị thừa không thấy. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong câu hỏi nói Nhất địa, đó là Địa đã bước lên. Thập Địa chính là Sơ Địa gọi là Nhất Địa. Biển Không là Không của ba quán trước đã nhập vào sâu thẳm rộng lớn nên gọi là biển. Trong phần trả lời nói Như thị là vì thừa nhận không thấy, xuống dưới giải thích lý do không thấy của hàng Nhị thừa. Đắm vào vị Tam-muội: Vì vui mừng đắm vào tĩnh lự thiền định mà hướng đến vắng lặng. Đắc Tam-muội thân: Như những niềm vui hướng về nhập định diệt tâm, nhờ đó nhập vào Niết-bàn khôi thân diệt trí, trí tâm diệt sạch nơi chốn nên thể diệt định sanh ra ngăn dứt tâm pháp của tâm. Như vậy gọi là Đắc Tam-muội thân. Mừng vui vắng lặng huân tập ở trong bổn Thức, vì vậy không hiểu ra biển Không Nhất địa. Như người bệnh nghiện rượu say sưa, chẳng tỉnh cho đến nhiều kiếp còn không được biết: Người hàng Tu-đà-hoàn trụ tám muôn kiếp, cả đến La-hán trụ hai muôn kiếp, hàng Phật Bích Chi trụ mười ngàn kiếp, trụ ở tại Niết-bàn mà không giác ngộ. Nay toàn bộ cùng nói là cho đến nhiều kiếp: Rượu mới tu hành này: tùy theo vui mừng đắm vào đó huân tập dày mỏng, trạng thái mê đắm mất dần và chấm dứt có thể trở lại khởi tâm, lúc tâm

khởi lên thì tâm quay lại nhập vào Đại thừa, mới tu tập ba thứ quán hành như trước. Như kinh Lăng già tụng rằng: "Ví như người mê mẫn say sưa, tỉnh rượu sau đó hiểu ra, đạt được Thể vô thượng của Phật, là Pháp thân chân thật của mình" cho đến giải thích rộng.

Kinh: "Như bỉ nhân giả tùng xả Xiển-đề tức nhập lục hành, ư hành địa sở nhất niệm tịnh tâm, quyết định minh bạch, Kim cương trí lực, A-bệ-bạt-trí, độ thoát chúng sanh, từ bi vô tận". Như hạng người kia thuận theo xả bỏ Xiển-đề lập tức nhập vào sáu hành, hướng về nơi hành địa nhất niệm tịnh tâm, quyết định rõ ràng, trí lực Kim cương, A-bệ-bạt-trí, độ thoát chúng sanh, từ bi không cùng tận.

Luận chép: Đây là nói về người thuộc chủng tánh Bồ-tát, thuận theo xả bỏ chướng ngại bất tín của Xiển-đề, lập tức nhập vào Thập Tín - bậc đầu tiên của sáu hành, ở tại nơi Hành Địa tu tập liền phát khởi một niệm tâm thanh tịnh, tức là Sơ phát tâm của Thập Trụ. Quyết định rõ ràng: Nghĩa là các hành trong sáng của địa vị Thập Hạnh. Kim cương trí lực: Nghĩa là trí lực vững chắc của Thập Hồi Hướng. A-bệ-bạt-trí: Nghĩa là từ sơ Địa trở lên thật sự chứng đạt không còn lui sụt. Độ thoát chúng sanh từ bi vô tận: Chính là hạnh lợi tha ở tại địa vị trước, vì để phân biệt hàng Nhị thừa không thể thật hiện.

Kinh: "Đại Lực Bồ-tát ngôn: Như thị chi nhân ưng bất trì giới, ư bỉ Sa-môn ưng bất kính ngưỡng. Phật ngôn: Vị nói giới giả bất thiện mạn cố, hải ba lãng cố, như bỉ tâm địa bát thức hải trừng, cửu thức lưu tịnh phong bất năng động, ba lãng bất khởi, giới tánh đẳng không, trì giả mê đảo. Như bỉ chi nhân, thất lục bất sanh, chư tập diệt định, bất ly tam Phật nhi phát Bồ-đề, tam vô tướng trung thuận tâm huyền nhập, thâm kính tam bảo bất thất oai nghi, ư bỉ Sa-môn bất vô cung kính. Bồ-tát! Bỉ nhân giả bất trụ thế gian động bất động pháp, nhập tam nhóm không, diệt tam hữu tâm". Đại Lực Bồ-tát chép: Người như vậy lẽ ra không trì giới, đối với Sa-môn kia cũng không nên kính mến. Đức Phật nói: Là vì người nói giới khinh mạn bất thiện, vì sóng nước biển khơi, như nơi tâm kia, biển tám thức lắng trong, dòng chín Thức sạch sẽ, gió không thể xao động, sóng nước không tung lên, giới tánh đều là không, người trì giữ mê muội trái lại. Giống như hạng người kia, mạt na - ý thức bất sanh khởi, các tập diệt định, không lìa ba Phật mà phát khởi Bồ-đề, trong ba vô tướng thuận theo tâm sâu xa nhập vào, rất tôn kính Tam bảo không làm mất oai nghi, đối vơi Sa-môn kia không thể không cung kính. Này Bồ-tát! Bậc Nhân giả kia không trụ vào pháp động, bất động của thế gian, nhập vào ba nhóm không diệt sạch tâm ba cõi.

Luận chép: Đây là thắng lợi thứ ba xa lìa tai họa, nghĩa là xa lìa tai họa nhân quả của phàm phu. Trong đó đầu tiên hỏi "Nên là không trì giới": Vì như trước nói rằng "Không thể trì đầy đủ giới Ba-la-đề-mộc-xoa". Đối với Sa-môn kia cũng nên không kính ngưỡng: Đã không trì giới cho nên không cần phải cung kính người trì giới. Trong trả lời có hai: Trước là thừa nhận câu hỏi trước đó, kế đến làm mất đi câu hỏi sau. Trong phần đầu chép: "Vì người nói giới": Vì người nói giới chính là các vị Thanh-văn. Cậy mình trì giới coi thường những người phá giới, vì thế nói khinh mạn bất thiện, là vì người này chưa đạt được các pháp không. Trong biển cả tùy miên, sóng bảy Thức xoay chuyển, cho nên nói "Sóng nước biển khơi", là nêu lên sai lầm của người trì giới. "Như tâm địa kia": Nghĩa là tâm của Bồ-tát chứng các pháp Không nhập vào đại địa. Hai chấp tùy miên phân biệt khởi lên bên trong Thức thứ tám đều đã diệt sạch không còn, cho nên nói "Biển tám thức lắng trong". Trí vô phân biệt chứng nhập Bổn giác từng địa thêm lớn xa lìa các tạp nhiễm, cho nên chép: Dòng chín thức trong sạch. Bổn giác chính là thức thứ chín cho nên tâm vô phân biệt chẳng phải cảnh làm cho dao động vì thế "gió không thể dao động", không thể dao động cho nên nhiễm bảy Thức bất sanh khởi, do đó nói "Sóng nước không tung lên". Người này đã chứng tất cả Pháp Không, bảy chi giới tánh thông suốt đều vắng lặng, cho nên nói "Giới tánh đều không". Nhưng người hàng Thanh-văn không đạt được pháp Không, chấp có giới tánh cậy vào tự mình có thể trì giữ, cho nên nói "Người trì giữ mê trái lại". Đây là trả lời câu hỏi trước nói không trì giới mà lại không phải sai lầm. Từ "Như kia v.v..." trở xuống kế là trả lời câu hỏi sau để trình bày không có khinh mạn. "Thất, lục bất sanh": Vì Mạt-na thức bốn Hoặc không hiện hành cho nên hạt giống Kiến Hoặc đã đoạn diệt. "Các tập diệt định": Các thức sanh khởi từng tâm đã nhóm hợp đều diệt sạch không còn sau đó nhập vào Lý định. "Không lìa ba Phật mà phát Bồ-đề": là nói từ khi phát tâm đến nay tâm cung kính rộng khắp sanh khởi, Như-lai-tạng Phật là các chúng sanh dựa vào nơi ấy phát tâm cho nên không thể khinh mạn. "Trong ba vô tướng thuận tâm sâu xa hội nhập": Lúc đạt được Hành Nhập nhổ sạch gốc rễ vô minh, như trước đã nói thuận theo nhất tâm pháp mà đi sâu vào trong ba giải thoát. Do nghĩa này cho nên rất tôn kính Tam bảo. Nghĩa là hình tượng Phật, pháp thuần khiết vốn có... bốn loại Tăng v.v... chẳng có gì không tôn kính, cho nên đối với Sa-môn không thể không cung kính. Vì dựa vào ba Phật mà phát tâm cho nên nhổ sạch gốc rễ kiêu mạn trừ bỏ chủng loại vô minh. Trên đây nói về

lìa bỏ các nhân tai họa đó, từ đây xuống dưới là nói về xa lìa tai họa của các quả đó. “Không trụ ở pháp động bất động của thế gian: Quả giàu có vui mừng của trời người cõi Dục gọi là pháp Động, vì quả thiện phân tán, Quả vắng lặng yên tĩnh của cõi sắc và vô sắc gọi là Pháp Bất động, vì quả thiện ổn định. Đối với nơi ấy không mê đắm cho nên nói là không trụ. Nhập ba nhóm không: Như trước đã nói, xoay vòng liên tục thêm vào cho nên gọi là nhóm. Không phải chỉ không mê đắm cũng làm cho bất sanh khởi, vì điều này cho nên nói là “diệt sạch tâm ba cõi”.

Kinh: “Đại Lực Bồ-tát ngôn: Bỉ nhân giả ư quả mãn túc đức Phật, Như-lai-tạng Phật, hình tượng Phật, như thị Phật sở nhi phát Bồ-đề tâm, nhập tam tụ giới bất trụ kỳ tướng, diệt tam hữu bất cư tịch địa, bất xả khả chúng nhập bất điều địa, không thể nghĩ bàn”. Đại Lực Bồ-tát chép: Bậc Nhân giả ấy hướng về vị Phật đầy đủ công đức quả vị viên mãn, vị Phật trong Như-lai-tạng, vị Phật bằng hình tượng, đối với các vị Phật như vậy mà phát tâm Bồ-đề nhập vào ba nhóm giới không trụ vào tướng đó, diệt sạch tâm ba cõi không ở chỗ vắng lặng, không xả bỏ được chúng nhập vào chỗ không điều hòa, không thể nghĩ bàn.

Luận chép: Đây là Phần thắng lợi thứ tư không có trụ lại. Trong đó có hai: Trước là lĩnh ngộ những điều nói ở trên, sau là nói lên không có trụ lại. Trong phần lĩnh ngộ có hai câu - Trước là lĩnh ngộ câu “Không lìa ba vị Phật”. Vị Phật đầy đủ công đức, quả vị viên mãn: Là Thỉ giác rốt ráo muôn đức tròn đầy. Như-lai-tạng Phật: Là vì tất cả chúng sanh vốn có Bổn giác. Hình tượng Phật: là vàng - đồng - bùn - gỗ có thể biểu hiện tôn tượng, cho nên, nhân quả sự lý không có điều gì rơi sót. “Nhập ba nhóm giới, không trụ vào tướng đó: Là lĩnh ngộ câu “Giới tánh đều không” trước đây. Bốn duyên nhập vào giới, không mê đắm tướng giới, ba nhóm bốn duyên sẽ nói trong phẩm sau. Từ đây trở xuống chính là nói về thắng lợi vô trụ. Tuy trở lại nhập vào ba Không nhóm, diệt sạch tâm ba cõi mà không dừng lại nơi vắng lặng. Sáu độ trải rộng khắp nơi cư trụ của chúng sanh nhiều vội vã gọi là nơi không điều hòa. Từ các hoặc giữ lại dựa vào nghiệp không trói buộc hướng về nơi ấy thọ sanh nên gọi là Nhập. Nói Lưu hoặc: Nghĩa là không nhanh chóng diệt hết. Như người tiểu thừa ở trong thời gian ba vô số đại kiếp dần dần mà dứt trừ, lúc đạt được Bồ-đề mới dứt sạch hoàn toàn. Không thể cho rằng từ Kim cương trở xuống là hoàn toàn không dứt trừ nên gọi là Lưu!

Kinh: “Nhĩ thời Xá Lợi Phật, tùng tòa nhi khởi tiền nói kệ ngôn: Cụ túc Bát-nhã hải, bất trụ Niết-bàn thành, như bỉ diệu liên hoa, cao

nguyên phi sở xuất, chư Phật vô lượng kiếp, bất xả chư phiền não, độ thế nhiên hậu đắc, như nê hoa sơ xuất, như bỉ lục hành địa, Bồ-tát chi sở tu, như bỉ tam nhóm không, Bồ-đề chi trực đạo". Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất, đứng lên chỗ ngồi bước đến phía trước nói kệ: Biển Bát-nhã Vốn tràn đầy, thành Niết-bàn không dừng lại, như hoa sen tuyệt diệu kia, không sinh ra từ cao nguyên, chư Phật trong vô lượng kiếp, không bỏ các phiền não, cứu độ thế gian chứng đạt sau, như hoa mọc lên từ bùn, như địa vị sáu hành kia, là pháp tu của Bồ-tát, như ba nhóm không nơi ấy, là đường thẳng đến Bồ-đề.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba Thân tử lĩnh ngộ hiểu rõ đề làm cho chúng Tiểu thừa phát tâm rộng lớn. Trong đó có hai: 1. Lĩnh ngộ hiểu rõ. 2. Thuật về thành tựu. Trong phần Một cũng có hai: Ba tụng ở trước tụng về những điều giảng nói trước đây, hai tụng sau đó bày tỏ tự mình phát tâm. Trong phần đầu có ba: 1. Hai tụng trước tụng về vô trụ đạo; 2. Có hai câu tụng về địa vị sáu hành; 3. Hai câu cuối cùng tụng về Tam Nhóm không. Trong phần mốt nói "Biển Bát-nhã đầy đủ" ấy là vì ba giải thoát có đủ ba Tuệ. Không trụ thành Niết-bàn: Vì diệt sạch tâm ba cõi không cư trụ vắng lặng. Bất sanh từ cao nguyên": Như người Nhị thừa kia lìa bỏ bùn phiền não, tám muôn kiếp... không thể phát tâm. Không bỏ các phiền não": Vì không giống như hàng Nhị thừa trong nhị nhị sanh gấp rút đoạn hết". Như hoa mọc tử bùn: Vì từ các hoặc giữ lại nhập vào nơi không điều hòa, ở tại trong đó tu tập đầy đủ Bồ-tát hạnh. Dựa vào đây có thể chứng được quả vị Bồ-đề cho nên nói là "Hành ba nhóm". Ở tại văn có thể biết.

Kinh: "Ngã kim trụ bất trụ, như Phật chi sở nói, lai sở hoàn phục lai, cụ túc nhiên hậu xuất, phục linh chư chúng sanh, như ngã nhất vô nhị, tiền lai hậu lai giả, tất linh đăng chánh giác". Nay con trụ nơi không trụ, như những điều Đức Phật nói, nơi đến tiếp tục đến, đầy đủ rồi mới vượt ra, trở lại khiến các chúng sanh, như con hoàn toàn không hai, người đến trước - người đến sau, đều khiến bước lên chánh giác.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói tự mình phát tâm. Trong đó có hai: Đầu là hai câu nói về địa vị phát tâm hiện tại, sau là một tụng rưỡi nói về hạnh tu tập sau đó. Con nay trụ nơi không trụ: là hiện nay nghe Đức Phật giảng nói xong phát tâm rộng lớn chính là trụ ở tâm không trụ, vào chỗ vắng lặng. "Nơi đến tiếp tục đến": Là nơi từ vô thỉ trôi lăn đến con lìa bỏ trước đây, nay vẫn tiếp tục đến để nhập vào ba cõi cứu độ chúng sanh, bến bờ định lực vươn dài nên sự thọ thân tùy theo những nơi thích hợp đó mà thị hiện. "Đầy đủ rồi sau ra": Sau khi tất cả

hạnh Bồ-tát đầy đủ mới vượt ra xa rồi thân này đạt được thân Phật. Nói người trước là người gốc lành đã thành thục từ quá khứ. Nói người sau là người ở đời vị lai mới thành thục gốc lành. Vì vậy cùng tận thời gian vị lai không dừng nghỉ.

Kinh: "Nhĩ thời Phật cáo Xá-lợi-phất ngôn: Bất khả tư nghị! Nhữ đương ư hậu thành Bồ-tát đạo, vô lượng chúng sanh siêu sanh tử hải". Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Xá-lợi-phất biết: Không thể nghĩ bàn! Ông sẽ thành tựu đạo Bồ-tát về sau này, vô lượng chúng sanh vượt qua biển cả sanh tử.

Luận chép: Phần thứ hai nói về thành tựu, ấn chứng những điều giảng nói đó.

Kinh: "Nhĩ thời đại chúng giai ngộ Bồ-đề, chư tiểu chúng đẳng nhập ngũ không hải". Lúc ấy đại chúng đều giác ngộ Bồ-đề, các chúng Tiểu thừa đều nhập vào biển năm không.

Luận chép: Đây là phần lớn thứ tư nói đại chúng đương thời được lợi ích. Nói đại chúng là chúng Đại thừa. Ngộ Bồ-đề là tâm thức tỉnh nhập vào nhất địa bồ-đề. Các Tiểu chúng gọi là chúng Thanh-văn, được nhập vào ba thứ môn chân như.

■

LUẬN KINH TAM-MUỘI KIM CƯƠNG

QUYỂN HẠ

Phẩm Thứ 6: CHÂN TÁNH KHÔNG

Luận chép: Pháp của chân như đầy đủ các công đức, cùng với các hạnh đức mà làm bổn tánh, cho nên nói là chân tánh, như vậy chân tánh bặt dứt các danh tướng. Vì điều này cho nên nói là Chân Tánh Không. Lại, Chân Tánh này xa lìa tướng - xa lìa tánh. Xa lìa tướng là lìa tướng luống dối. Xa lìa tánh là lìa tánh chân. Xa lìa tướng luống dối cho nên tướng luống dối là Không. Xa lìa chân tánh cho nên chân tánh cũng Không. Vì điều này nên nói là Chân Tánh Không. Nay trong phẩm này nói rõ hai nghĩa này, do đó dựa vào nghĩa đây lập thành tên gọi của phẩm.

Kinh: "Nhĩ thời Xá-lợi-phất nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Tu Bồ-tát đạo vô hữu danh tướng, ba cõi vô nghi, vân hà nhiếp thọ vi chúng sanh nói, nguyện Phật từ bi vị ngã giảng nói!". Bấy giờ Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tu đạo Bồ-tát không có danh tướng, ba giới pháp không có nghi dung, làm sao nhiếp thọ nói cho chúng sanh, cúi xin Đức Phật từ bi nói cho chúng con nghe!

Luận chép: Nói riêng về Quán Hạnh có sáu phần, trong đó phần thứ tư xả bỏ luống dối hội nhập thật tế hoàn tất. Dưới đây là phần thứ năm nói về các Thánh Hạnh đưa ra Chân tánh không. Ngay trong phẩm này có hai phần lớn: Một là Vì người lợi căn giảng nói mở rộng nhiều văn. Hai là vì người độn căn thâu nhiếp sơ lược ít văn. Trước tiên trong phần giảng nói mở rộng thì có sáu phần: 1. Nói về Tam tụ giới từ chân Tánh mà thành tựu. 2. Nói về Đạo phẩm hành từ chân tánh mà lập nên. 3. Nói về Như-lai giáo thích hợp như lý giảng nói. 4. Nói về địa vị Bồ-tát từ bổn lợi sinh ra. 5. Nói về Đại Bát-nhã bặt dứt các nhân duyên. 6. Nói về Đại thiền định vượt lên trên các danh số.

Đầu tiên trong ba giới pháp văn có năm phần: 1. Thưa hỏi; 2. Trả lời; 3. Thỉnh cầu; 4. Giảng nói; 5. Lĩnh ngộ hiểu rõ. Đây tức là phần một

thưa hỏi: Nói “Tu Bồ-tát đạo không có danh tướng”: Là nêu lên chung các hạnh. Ba cõi không có dung nghi: Là nhắc lại riêng giới hạnh, như phẩm trước nói “Nhập ba cõi không trụ ở tướng đó” vậy đứng trước ba giới pháp không có tướng trạng - không có nghi dung, làm sao tự nhiếp thọ và nói cho người khác? Lúc này Xá-lợi-phất đã bắt đầu nhập vào Đại thừa, lần đầu phát khởi tu hạnh lấy giới làm căn bản, do đó thưa hỏi hạnh đầu tiên của trong ba học. Lại, Thân Tử này từ thân mà sanh ra, nay trong phẩm này nói các hạnh - pháp từ pháp thân sanh ra, cho nên nương nhờ Thân Tử mà phát ra thưa hỏi.

Kinh: “Phật ngôn Thiện nam tử! Nhữ kim đế thính vi nhữ giảng nói Thiện nam tử! Thiện bất thiện pháp tùng tâm hóa sanh, nhất thiết cảnh giới ý ngôn phân biệt, chế chi nhất xứ chúng duyên đoạn diệt, hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhất bổn bất khởi, tam dụng vô thỉ, trụ ư như lý, lục đạo môn đỗ, tứ duyên như thuận ba cõi cụ túc”. Đức Phật nói: Này người thiện nam! Nay ông lắng nghe vì ông giảng nói. Này người thiện nam! Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa hiện sanh ra, tất cả cảnh giới ý nghĩ ngôn từ phân biệt, chế ngự điều đó một nơi thì các duyên đoạn diệt, vì sao? Này người thiện nam! Một nguồn gốc không khởi lên, ba công dụng không thi hành, an trụ vào như lý, cửa sáu đường chặn kín, bốn duyên thuận theo Như thì ba giới pháp đầy đủ.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời sơ lược trong đó có hai: Trước là trả lời chung cả câu hỏi. Pháp thiện, bất thiện từ tâm hóa sanh”: Vì nhân hành ba nghiệp đều do tâm dấy lên. “Tất cả cảnh giới ý, ngôn phân biệt”: Vì cảnh của sáu đường chẳng có gì không phải là ý thay đổi. Do tâm loạn động không thể nào chế ngự, thay đổi dấy lên nhân quả trôi lăn trong biển khổ. Vì vậy muốn vượt qua biển khổ, tu Bồ-tát đạo chế ngự tâm nhất như dứt diệt các duyên, cho nên Bồ-tát tu không có danh tướng”. Từ “Vì sao? v.v...” trở xuống kế là trả lời riêng cho câu hỏi. Tuy tiếp tục chung mà biệt hạnh chưa nghe, cho nên lại hỏi là tại vì sao? Một bổn không khởi”: Căn bản của ba giới pháp là một Bổn giác xưa nay vắng lặng cho nên nói không khởi. Ba dụng không thi hành: Đã nương vào bổn giác thành tựu cái dụng của ba giới pháp, thì dụng xa lìa oai nghi thi hành làm tướng, nên không có thi hành tạo tác. Vì thuận theo trụ vào một nguồn gốc, cho nên nói là trụ ở như lý. Đã an trụ như lý tiêu trừ nhân hữu cho nên nói cửa sáu đường khép kín. Đối với lý nhất như đầy đủ năng lực bốn duyên, có thể thuận theo Nhất Như tức là có đủ ba giới pháp, cho nên nói bốn duyên Như, thuận ba giới pháp đầy đủ.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Vân hà tứ duyên như thuận ba cõi cụ túc?”. Xá-lợi-phất chép: Thế nào là bốn duyên thuận theo Như thì ba giới pháp có đủ?

Luận chép: Đây là phần thứ ba tiếp tục thỉnh cầu.

Kinh: “Phật ngôn: Tứ duyên giả nhất vị tác trạch diệt lực thủ duyên nhiếp luật nghi giới, nhị giới bổn lợi tịch căn lực sở tập khởi duyên nhiếp thiện pháp, tam vị bổn tuệ đại bi lực duyên nhiếp chúng sanh giới, tứ vị nhất giác thông trí lực duyên thuận ư như trụ, thi vị tứ duyên. Thiện nam tử! Như thị tứ đại duyên lực bất trụ sự tướng, bất vô công dụng, ly ư nhất xứ tức bất khả cầu. Thiện nam tử! Như thị nhất sự thông nhiếp lục hạnh thị Phật Bồ-đề tát Bát-nhã hải”. Đức Phật nói: Bốn duyên là: Một là Tác trạch diệt lực thủ duyên nhiếp luật nghi giới, hai là Bổn lợi tịnh căn lực sở tập khởi duyên nhiếp thiện pháp giới, ba là Bổn tuệ đại bi lực duyên nhiếp chúng sanh giới, bốn là Nhất giác thông trí lực duyên thuận ở Như trụ, đây gọi là bốn duyên. Này người thiện nam! Như vậy bốn duyên lực rộng lớn không trụ vào sự tướng, chẳng thể không có công dụng, xa lìa đối với một xứ thì không thể mong cầu. Này người thiện nam! Như vậy một sự thâu nhiếp tất cả sáu hạnh là biển Tát-bà-nhã Bồ-đề Phật.

Luận chép: Đây là phần thứ tư giảng nói rộng ra. Trong đó có hai: 1. Chính thức trả lời nói về nhân duyên của giới pháp; 2. Thừa dịp hiển bày thâu nhiếp tất cả các hạnh. Trong phần đầu nói bốn duyên: Nghĩa là trong một tâm Bổn giác lợi đầy đủ bốn lực dụng làm duyên cho ba giới pháp: 1. Diệt y chỉ duyên; 2. Sanh y chỉ duyên; 3. Nhiếp y chỉ duyên; 4. Ly y chỉ duyên. Diệt y chỉ: Nghĩa là trong bổn giác tánh vắng lặng công đức trái với tự tánh các phiền não, dùng duyên này thành tựu Nhiếp luật nghi giới. Sanh y chỉ: Nghĩa là trong Bổn giác tánh thiện công đức cùng với tự tánh các gốc lành thuận nhau dùng duyên này thành tựu Nhiếp thiện pháp giới. Nhiếp y chỉ: Nghĩa là trong Bổn giác tánh thành tựu tự tánh Đại bi không bỏ tất cả chúng sanh, dùng duyên này thành tựu Nhiếp chúng sanh giới. Ly y chỉ: Nghĩa là trong Bổn Giác tánh thành tựu tự tánh Bát-nhã lìa bỏ tất cả sự tướng, dùng nhân duyên này làm cho ba nhóm giới lìa bỏ sự tướng thuận theo Như mà an trụ. Ba thứ trước là duyên riêng, một loại sau là Duyên chung. Lúc Bồ-tát phát tâm thọ trì, ba nhóm giới, thuận theo lợi ích bổn giác mà thọ trì, vì bốn duyên này vốn có đầy đủ ba giới pháp. Đại ý như vậy. Kế làm hiểu rõ văn đó: Một gọi là Tác trạch diệt lực thủ duyên: Bổn giác vốn lìa bỏ sự ràng buộc của phiền não, nêu lên thể mà làm trạch diệt giải thoát, có

năng lực thường giữ lấy Biệt giải thoát giới, Như tựa như đá nam châm dẫn lối giữ lấy đối với kim châm, tuy không tác ý mà có lực dụng, nên biết rằng đạo lý trong này cũng như vậy. Hai là Bổn lợi tịnh căn lực sở tập khởi duyên: Nghĩa là Bổn giác xưa nay tánh công đức thanh tịnh cùng với đức của các hạnh làm căn bản, từ căn lực này khởi lên các thiện pháp, làm duyên của sự nhóm họp khởi lên pháp thiện, ngay nơi duyên này thành tựu Nhiếp thiện pháp giới. Ba gọi là Bổn tuệ đại bi lực duyên nhiếp chúng sanh giới: Nghĩa là tuệ soi chiếu tục trong bổn giác chính là Đại Bi thường lợi ích chúng sanh dùng duyên này thành tựu Nhiếp chúng sanh giới. Bốn gọi là Nhất giác thông trí lực duyên thuận ở Như trụ: Nghĩa là trí soi chiếu thông suốt tánh trong Bổn giác khiến cho ba nhóm giới đều thuận theo Như an trụ. Như vậy thể của bốn duyên đầy khắp pháp giới do đó thâu nhiếp muôn hạnh cho nên nói là Đại Lực. Tuy có Đại Lực mà cùng một vị lìa bỏ các danh tướng sự dụng sai khác, cho nên nói là “Không trụ sự tướng”. Tuy không có sự tướng mà có được công năng thường thâu nhiếp tất cả hạnh đức xuất thế, cho nên nói là “Chẳng thể không có công dụng”. Lý do như vậy cho nên chỉ là Bổn giác. Trong pháp Tục không có nghĩa như vậy, vì thế nói là “Lìa đối với một xứ thì không thể mong”. Trên đây riêng trình bày duyên của ba nhóm giới. Từ đây xuống là nói về thâu nhiếp tất cả muôn hạnh đó. Bắt đầu từ Thập Tín cho đến Đẳng Giác, sáu địa vị như vậy vốn có các hạnh, đều là sự thâu nhiếp thành tựu của Nhất giác, cho nên nói “Một sự thâu nhiếp tất cả sáu hạnh”. Chẳng những Bồ-tát quay về Bổn giác này, mà chư Phật đầy đủ trí cùng quay về biển này, cho nên nói là biển Tát-bà-nhã Bồ-đề Phật”.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Bất trụ sự tướng, bất vô công dụng, thị pháp chân không thường lạc ngã tịnh, siêu ư nhị ngã, đại bát Niết-bàn kỳ tâm bất hệ, thị đại lực quán”. Xá-lợi-phất chép: Không trụ vào sự tướng, chẳng thể không có công dụng, là pháp chân Không thường - lạc - ngã - tịnh, vượt lên trên hai ngã, nhập đại Niết-bàn tâm đó không vướng mắc, là đại lực quán.

Luận chép: Đây là phần thứ năm lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong đó có hai: trước là lĩnh ngộ vốn thuận theo Nhất Như, chính là Pháp thân có đủ bốn đức vượt hơn tướng người - pháp là Đại Niết-bàn. Sau là lĩnh ngộ tâm thường thuận theo Như, tùy theo Như lìa bỏ vướng mắc mà chẳng có gì không là năng lực Đại tự tại.

Kinh: “Thị quán giác trung ưng cụ tam thập thất đạo phẩm pháp. Phật ngôn: Như thị! Cụ tam thập thất đạo phẩm pháp, hà dĩ cố? Tứ

niệm xứ - tứ chánh cần - tứ như ý túc - ngũ căn - ngũ lực - thất giác - bất chánh đạo đẳng, đa danh nhất nghĩa, bất nhất bất dị, dĩ danh số cố đản danh đản tự, pháp bất khả đắc, bất khả chi pháp nhất nghĩa vô văn, vô chi tướng chân thật không tánh, không tánh chi nghĩa như thật như như, như như chi lý cụ nhất thiết pháp. Thiện nam tử! Trụ như lý giả quá tam khổ hải". Trong quán này giác ngộ nên đầy đủ pháp của ba mươi bảy đạo phẩm. Đức Phật nói: Đúng vậy! Đầy đủ pháp của ba mươi bảy đạo phẩm? Tại vì sao? Vì bốn niệm xứ - bốn chánh cần - bốn như ý túc - năm căn - năm lực - bảy giác chi - tám chánh đạo như nhau, nhiều tên gọi mà cùng một nghĩa, không một không khác, vì danh số chỉ là tên chỉ là chữ, pháp không thật có. Pháp không đạt được đồng nhất nghĩa không có văn tự, tướng không có văn tự chân thật tánh Không, nghĩa của tánh không như thật Như như, lý của Như như đầy đủ tất cả các pháp. Này người thiện nam! Người an trụ Như lý vượt qua biển ba khổ.

Luận chép: Đây là phần lớn thứ hai nói về Đạo phẩm hành từ chân tánh mà lập nên. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong câu hỏi nói "Trong quán giác ngộ này": Là năng thuận theo quán - sở thuận theo Bổn giác, năng sở bình đẳng trong quán giác ngộ nên đầy đủ hạnh của ba mươi bảy đạo phẩm. Trong phần trả lời có hai: Trước đồng ý - Sau giải thích. Từ "Vì sao? v.v... trở xuống là phần thứ hai giải thích. Trong đó có hai: Giải thích Trực tiếp - tiếp tục hiển bày. Trong phần đầu nói "Nhiều tên mà một": Nghĩa của từng mục về ba mươi bảy đạo phẩm chỉ một quán giác mà không có hai pháp. "Không một không khác": Vì quán giác không một nhưng không khác, dựa theo Bất dị môn cho nên nói là Nhất nghĩa. Từ "Vì danh số v.v..." trở xuống là tiếp tục hiển bày. Trong đó có bốn: 1. Xả bỏ dị nghĩa. 2. Hiển bày nhất nghĩa. 3. Nói về nhất nghĩa có đủ tất cả các pháp. 4. Nói về nhất nghĩa xa lìa các sai lầm. Trong phần Đầu nói "Vì danh số chỉ là danh, chỉ là tự pháp không thể được": Nghĩa là thế gian tu đạo phẩm hạnh pháp tùy theo danh số cho nên có ba mươi bảy phẩm, giác tuệ của Bồ-tát mưu cầu nghĩa của từng mục ba mươi bảy pháp đều không thật có. Trong phần thứ hai nói "Pháp không thể được đồng nhất nghĩa không có văn tự": Nghĩa là lúc mưu cầu Biệt pháp đó không được, vì pháp này đồng nhất vị bặt dứt các văn tự ngôn ngữ. Trong phần thứ ba nói "Tướng của không có văn tự, chân thật vô tánh": Không đạt được pháp riêng là vì tâm năng quán bặt dứt các văn tự ngôn ngữ xa lìa tướng sai khác. Nghĩa của tánh Không như thật Như như": Tâm năng quán này xa lìa các tướng nghĩa. Vì chẳng khác với lý Như như của Thật tướng. Như

vậy lý Như như của Bổn giác chính là đầy đủ các pháp tu thành tựu đạo phẩm, giống như đúc vàng thì tượng có đủ tướng mạo đẹp đẽ, cho nên nói lý Như như đầy đủ tất cả pháp. Đã an trụ Như lý đầy đủ các công đức, tức là xa lìa tất cả sai lầm tạp nhiễm. Nói người an trụ ở như lý vượt qua biển khổ ba cõi: Đây là phần thứ tư xa lìa các sai lầm tai họa. Trong này sơ lược nói về nghĩa của đạo phẩm. Trong đó chính là dùng bốn câu phân biệt: 1. Thâu nhiếp ba mươi bảy phẩm để làm mười pháp; 2. Thâu nhiếp mười pháp để làm bốn pháp; 3. Thâu nhiếp bốn pháp để làm một nghĩa; 4. Nói một nghĩa có đủ ba mươi bảy phẩm.

Thứ nhất Thâu nhiếp ba mươi bảy phẩm để làm mười pháp ấy là trong Trí Độ Luận chép: "ba mươi bảy phẩm mười pháp làm căn bản cho đến nói rộng ra", nên biết rằng mở bày mười pháp lập thành ba mươi bảy phẩm. Nói về thể pháp đó chỉ có mười pháp, những gì là mười? Đó là Giới - Tư - Thọ - Niệm - Định và Tuệ, Tín, Cần, An, Xả. Thế nào là mở bày mười pháp thành ba mươi bảy phẩm? Mở bày Giới thành ba: Là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tư kể ra lập thành một, gọi là Chánh tư duy. Thọ cũng lập thành một, gọi là Hỷ giác phần. Mở bày Niệm thành bốn: Là Niệm căn - Niệm lực - Niệm giác, Chánh niệm. Mở bày định thành tám: Gọi là Bốn Như Ý túc, Định căn, Định lực, Định giác, Chánh định. Tuệ cũng lập thành tám: Đó là Bốn Niệm xứ, Tuệ căn, Tuệ lực, Trạch pháp giác phần cùng với Chánh kiến. Cần cũng lập thành tám: Đó là Bốn Chánh cần - Tinh Tiến căn - Tinh tiến lực - Tinh tiến giác phần và Chánh tinh tiến. Trong Tín lập thành hai: Tín căn - Tín lực. An và Xả đều có một, gọi là Ỷ giác phần và Xả giác phần. Nói cách chung là có năm trường hợp đó: 1. Mở bày tám có ba, đó là Định - Tuệ - Cần, hai mươi bốn pháp kia thuộc về ba thứ này. 2. Mở bày bốn có một, gọi là Niệm, cho nên bốn pháp kia được một Niệm. 3. Mở bày ba có một, gọi là Giới, cho nên ba pháp kia được một Giới. 4. Mở bày hai có một, gọi là Tín, Tín hai pháp kia. 5. Lập thành một có bốn, Tư - Thọ - An - Xả đều thuộc về tự tánh. Như vậy mười pháp thuộc về ba mươi bảy phẩm.

Thứ hai thâu nhiếp mười pháp thành bốn loại: 1. Giới thuộc về Sắc pháp, gọi là Biểu - Vô biểu; 2. Tư và Thọ được Biến hành tâm sở thâu nhiếp; 3. Niệm - Định - Tuệ thuộc về tâm sở Biệt cảnh; 4. Bốn pháp như Tín - Cần v.v... thuộc về tâm sở Thiện.

Thứ ba Thâu nhiếp bốn pháp thành một nghĩa: Giác tuệ suy xét tìm cầu bốn pháp như vậy thì một sắc pháp đầu có phương sở - không có phương sở đều không có gì đạt được, ba tâm sở sau có thời hay - không

có thời đều không thật có. Vậy thì tuy chẳng phải không có pháp mà pháp bình đẳng một vị không thể nào có pháp để đạt được, nên biết rằng bốn pháp chính là một nghĩa, cho nên chép: "Nhiều tên mà một nghĩa"

Thứ tư nói về một nghĩa có đủ ba mươi bảy phẩm: Nghĩa của năng sở bình đẳng đồng một vị. Quán thân đều không là bốn Niệm xứ, xa lìa biếng nhác là bốn Chánh cần, xả bỏ suy tư vắng lặng diệt sạch là Như ý túc, lìa bỏ các thứ bất tín tức là căn lực, dứt sạch các vô minh tức là bảy giác phần, xa lìa tám tà pháp tức là tám Chánh đạo, như vậy xa lìa tất cả tạp nhiễm, một nghĩa có đầy đủ vô lượng công đức, cho nên nói "Trong quán giác này nên đủ pháp của ba mươi bảy đạo phẩm". Lại nói "Lý Như như đầy đủ tất cả pháp".

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Nhất thiết muôn pháp giai tất văn ngôn, văn ngôn chi tướng tức phi vi nghĩa, như thật chi nghĩa bất khả ngôn nói, kim chư Như-lai vân hà nói pháp?". Xá-lợi-phất chép: Tất cả muôn pháp đều là, tướng văn tự ngôn ngữ tức không phải nghĩa, nghĩa của Như thật không thể giảng nói, nay các Đức Như-lai nói pháp thế nào?

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ ba nói về ngôn giáo xcủa Phật là ứng Như lý nói: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi nói "Tất cả muôn pháp: "Tức là các ngôn từ giảng nói của thế gian đã an lập các pháp, pháp như ngôn từ đều không có gì đạt được, chỉ có văn tự ngôn ngữ thì chẳng phải là nghĩa. Thật nghĩa của các pháp bặt dứt các giảng nói nay Đức Phật nói pháp nếu là văn tự ngôn ngữ thì không có thật nghĩa, nếu có thật nghĩa thì không phải văn tự ngôn ngữ vì thế hỏi: "Vậy Đức Phật làm thế nào nói pháp?

Kinh: "Phật ngôn: Ngã nói pháp giả dĩ nhữ chúng sanh tại sanh nói cố, nói bất khả nói, thị cố nói chi. Ngã sở nói giả nghĩa ngữ phi văn, chúng sanh nói giả văn ngữ phi nghĩa, phi nghĩa ngữ giả giai bất không vô, không vô chi ngôn, vô ngôn ư nghĩa, bất ngôn nghĩa giả giai thị nói dối, như nghĩa ngữ giả thật không bất không, không thật bất thật ly ư nhị tướng, trung gian bất trung, bất trung chi pháp ly ư tam tướng, bất kiến nơi chốn, Như như như nói, như vô vô hữu, vô hữu ư vô, như vô hữu vô hữu vô ư hữu, hữu vô bất tại, nói bất tại cố bất tại ư như, như bất hữu như vô như nói". Đức Phật nói: Ta nói pháp ấy vì ông và chúng sanh đang sanh mà nói, nói chẳng thể nói, cho nên nói điều đó. Điều Ta đã nói ấy là nói về nghĩa, chẳng phải văn, điều chúng sanh nói là nói về văn chẳng phải nghĩa, chẳng phải nói về nghĩa ấy đều là trống rỗng không có, lời nói trống rỗng không có, không có lời nói về nghĩa, không

thể nói về nghĩa ấy đều là nói dối, như nghĩa mà nói ấy thật trống rỗng mà không thể trống rỗng, trống rỗng thật mà không thể thật xa lìa hai tướng, trung gian và không trung gian, pháp của không trung gian xa lìa ba tướng, không thấy nơi chốn, Như Như như nói, như không có - không cái có, không có chẳng còn, nói không còn cho nên không còn đối với như, như không có như chẳng thể không có như mà nói.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Trong đó có hai: Trước là lý do của Phật nói, sau là nói lên sự khác nhau của văn nghĩa. Trong phần đầu nói "Vì ông, chúng sanh tại sanh khởi mà nói": Ông gọi là Thân tử, chúng sanh tức là tất cả phàm phu. Nói về vô vi tức là còn pháp thể, nói về hữu vi tức là sanh khởi pháp tướng. Như vậy nói về còn - sanh khởi không thể nói về thật nghĩa, ta nói khác với kia, "Vì vậy nói điều đó" đây là lý do Đức Phật giảng nói giáo pháp. Kế là trong phần hiển bày tướng văn nghĩa không giống nhau, trước là nêu hai chương - sau là giải thích hai chương. Trong phần nêu lên nói "Nghĩa ngữ chẳng phải văn": Vì ngôn ngữ tương xứng với thật nghĩa cho nên không phải dứt khóat văn là không. Ngữ không phải nghĩa: Ngôn ngữ chỉ có văn trống rỗng cho nên không liên quan gì nghĩa thật. Thứ hai là trong phần giải thích - Đầu tiên giải thích về chương sau. Nói "Thảy đều là không": Vì dứt khóat có văn không chẳng có Thật nghĩa, là giải thích về văn ngữ. "Không có nói về nghĩa": Vì không có giải thích bàn luận đối với nghĩa Như thật, là giải thích phi nghĩa. Trở xuống là tổng kết, nói "Đều là nói dối": Vì tuy không phải trái với suy tưởng nhưng xa cách với nghĩa, giống như không thấy nói là thấy, thấy nói là không thấy v.v... Từ "Như nghĩa v.v..." trở xuống là tiếp tục hiển bày. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là giải thích về chẳng phải văn, sau là giải thích về Nghĩa ngữ. Giải thích về chẳng phải văn. Nghĩa là chẳng phải là không vì chẳng phải văn là không, vì chẳng phải không có nghĩa: Giải thích về nghĩa ngữ: Vì nghĩa phù hợp với ngữ, vì ngữ giống như nghĩa. Đầu tiên trong giải thích nói "Thật không bất không": Nghĩa là nói về chân như Thật tướng cũng không, vì như trước giảng nói "tướng không cũng không". "Nói về Thật không, mà không mất đi lý thật Tướng đó cho nên nói Bất không vì tuy không phải có thật nhưng không phải không có thật, Không thật, bất thật": Nghĩa là nói về lý chân Như là Thật cho nên nói Không thật, mà không giữ lại lý Chân không đó cho nên nói Bất thật, vì tuy không phải không có Không mà không phải có Không. Lìa hai tướng trung gian, không trung gian: Ngữ Bất không xa lìa đối với Không tướng, ngữ của Bất Thật xa lìa đối với Thật tướng cho nên nói

là xa lìa hai tướng. Nhưng giữa hai tướng Không - Thật không thể tồn tại cái ở giữa của không phải hai (Phi nhị), cho nên nói là Trung gian, không trung gian. Đã xa lìa hai bên cũng không rơi vào giữa, cho nên nói là lìa ba tướng. Chỗ Tâm ngôn hành không vượt qua ba tướng, nhưng ở đây đức Phật nói xa lìa ba tướng, tức là ở trong đó tâm ngôn hết cách, cho nên nói là "Không thấy nơi chốn". Như vậy khéo hợp với nghĩa của hết đường nói năng, cho nên không giống như văn không có nghĩa. Đây là giải thích về chẳng phải văn vậy. Như như như nói: Là giải thích về nghĩa ngữ, một Như trên là khế hợp xác đáng, hai Như dưới là nghĩa lý, như trước nói "Viễn ly tam tướng" khế hợp xác đáng nghĩa lý Như như mà nói. Vì lẽ đó Đức Phật nói chính là nghĩa ngữ, không giống như phi nghĩa của thế gian nói. Từ "Như vô" trở xuống là phần thứ hai tiếp tục hiển bày, trước là nói về chẳng phải văn, sau là nói về nghĩa ngữ. Trong phần đầu nói "Như vô vô hữu vô hữu ư vô": Nghĩa là lý chân Như tuy không phải là có mà Như vốn không nên khiến cho không cái có, nghĩa là khiến cho không có pháp có ở trong pháp không, Vì sao? Vì Như vốn chẳng phải có, không đối với có nào mà rơi vào không vậy? Vì vậy phù hợp với lời nói "Thật không bất không". Như vô hữu vô hữu vô ư hữu": Nghĩa là lý chân Như tuy không phải không có mà Như vốn là không nên khiến có cái không có đó: Nghĩa làm cho có pháp không ở trong pháp có, Vì sao? Vì Như vốn chẳng phải không có, có đối với không nào mà rơi vào có vậy? Vì vậy phù hợp với lời nói "Không thật bất thật". Hữu vô bất tại: Như chẳng có cái có chẳng có cho nên có chẳng tồn tại, Như không cái không có cho nên không có tồn tại, cả hai đã không còn, sao có thể có ở giữa? Chính là hợp với lời nói "Lìa bỏ ba tướng" Như nghĩa đã như vậy hợp với nghĩa ngữ, vì thế cho nên lời Đức Phật nói là Thật chẳng phải văn suông. Như vậy tiếp tục hiển bày giải thích về chẳng phải văn. Đức Phật nói về danh ngôn như vậy thích hợp với lý, cho nên Hậu đắc trí có tên gọi như vậy. Tư duy chân như thì có thể tự mình quán sát Chân như lý thể cho nên còn toàn câu trong bốn câu. Trong phần thứ hai tiếp tục nói về Nghĩa ngữ chép: "Nói không thể tồn tại, nên không thể tồn tại ở Như": Vì lời Đức Phật đã nói có - không chẳng còn, không còn có - không đối với lý Chân Như, có chẳng còn ấy là vì không có Như, không có chẳng còn ấy là vì chẳng thể không có Như, thì tương xứng với chẳng thể có Như - chẳng thể không có Như mà nói, cho nên chép: "Như chẳng thể có Như Chẳng thể không có Như mà nói, vì vậy trước đó nói Như như như nói. Như vậy hiển bày giải thích lại về nghĩa ngữ. Phần thứ ba trong sáu phần kết thúc.

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Nhất thiết chúng sanh tùng nhất Xiển-đề chi tâm trụ hà đẳng vị đắc chí Như-lai - Như-lai thật tướng? Phật ngôn: Tùng Xiển-đề tâm nãi chí Như-lai - Như-lai thật tướng trụ ngũ đẳng vị". Xá-lợi-phất chép: Tất cả chúng sanh từ tâm Nhất Xiển-đề trụ vào địa vị bậc nào được đến Như-lai, Như-lai thật tướng? Đức Phật nói: Từ Tâm Xiển-đề cho đến Như-lai - Như-lai thật tướng trụ vào địa vị của năm bậc.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ tư nói về địa vị Bồ-tát từ Bổn lợi sinh ra. Trong đó có hai: Trước hỏi - kế đến trả lời. Trong phần trả lời có 3: 1/ Đưa ra số nêu chung lên; 2/ Giải thích riêng; 3/ Nói chung. Đây chính là nêu chung năm đẳng vị: Đẳng là nói về tầng bậc. Từ tâm Xiển-đề: Trước khi chưa phát tâm vô thượng Bồ-đề đều gọi là Xiển-đề, vì không có niềm tin quyết định đối với Đại thừa. Nhưng Nhất Xiển-đề sơ lược có hai thứ: 1/ Phát đại nguyện nhất Xiển-đề. Đó gọi là người thường không nhập Niết-bàn; 2/Vô đại tính nhất Xiển-đề: Loại này cũng có hai: Một Biệt nhất xiển để: Nghĩa là người khởi lên đại tà kiến dứt mất gốc lành, Hai là Thông nhất Xiển-đề: Nghĩa là người chưa phát tâm Đại thừa không có niềm tin Đại thừa cho đến quả Nhị thừa đều xếp vào vị trí Xiển-đề này. Trong văn này dựa theo loại cuối cùng này cho nên nói là từ tâm nhất Xiển-đề cho đến Như-lai có năm bậc địa vị, người chưa nhập vào Thập tín đều gọi là Xiển-đề. Trong này trước tiên nói về giới hạn thích hợp của năm địa vị: Thứ nhất địa vị Tín ở Thập tín hạnh, tuy chưa được bất thối mà phát tâm Đại thừa, kinh Bổn Nghiệp gọi là Bồ-tát Tín tướng. Thứ hai địa vị tư ở Ba mươi tâm tư duy, suy lường đạo lý duy thức của các pháp đều đủ mà chưa chân thật chứng, tu vô phân biệt. Thứ ba địa vị tu ở Thập Địa hạnh, vì được chân thật tín tu đối trị mười chướng. Thứ tư địa vị ở Đẳng giác hạnh vì nhân hạnh đã đầy đủ mà chưa đến quả địa. Thứ năm địa vị Xả ở tại Diệu giác địa, vì không giữ lấy vắng lặng mà đại bi hóa độ rộng khắp. Lý do lập ra năm bậc địa vị ấy nghĩa là biểu hiện sự sai khác về địa vị còn lui sụt và không lui sụt, sự sai khác về địa vị chứng và không chứng, sự sai khác về địa vị đồng đẳng và không đồng đẳng, sự sai khác về địa vị nhân đầy đủ, sự sai khác về địa vị về quả trọn vẹn, như thứ tự đó lập thành năm bậc địa vị. Đại ý như vậy. Kế là giải thích văn đó.

Kinh: "Nhất dã tín vị, tín thử thân trung chân như hạt giống, vi vọng sở ế, xả ly vọng tâm, tịnh tâm thanh bạch, tri chư cảnh giới ý ngôn phân biệt". Một là địa vị Tín: Tin hạt giống chân như trong thân này, bị vọng tưởng che lấp, lìa bỏ vọng tâm thì tâm tịnh thuần thiết, biết các

cảnh giớitừ ý ngôn phân biệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai riêng giải thích: Trong phần đầu có hai: Trước là Tín - sau là Giải. Đầu tiên nói về Tín: Nói là tin có ba thứ Phật tánh: Tin thử hạt giống chân như ở trong thân này là tin trụ ở tự tánh chân như của Phật tánh, là tin hạt giống của Đệ nhất nghĩa Không, tức là hạt giống Trung đạo A-nậu-Bồ-đề. Tự tánh tịnh tâm xưa nay pháp là như vậy cho nên gọi là Chân như. Cho quả của ba thân mà làm chánh nhân cho nên gọi là Hạt giống. Chưa phát tâm an trụ gọi là trụ tự tánh, chưa vượt ra các chướng vì bị vọng che lấp. Nói xả ly vọng tâm là tin tưởng dẫn lối đưa ra Phật tánh. Từ địa vị Thập Tín cho đến Đẳng Giác dần vượt ra các chướng không tin - không biết, tùy đó xả bỏ tâm thô vọng phân biệt. Nói tịnh tâm thuần khiết: Là tin tưởng đến được Phật tánh, nghĩa là sau khi đến đạo lìa bỏ tất cả cấu nhiễm nên tự tánh tịnh tâm hiển hiện rõ ràng. Chữ tín ở câu trên nối liền hai câu dưới vậy. “Biết các cảnh giới ý ngôn phân biệt”: Đã tin tưởng ba thứ Phật tánh, cũng biết rõ lý Duy thức, biết tâm vốn giữ lấy tất cả cảnh giới chỉ là ý ngôn phân biệt mà tạo thành, nếu lìa bỏ phân biệt thì không hề có gì.

Kinh: “Nhị giả tư vị tư giả quán chư cảnh giới duy thị ý ngôn, ý ngôn phân biệt tùy ý hiển hiện, sở kiến cảnh giới phi ngã bổn thức, tri thử bổn thức phi pháp phi nghĩa phi sở thủ phi năng thủ”. Hai là địa vị Tư, Tư là quán xét các cảnh giới chỉ là ý ngôn, ý ngôn phân biệt tùy theo ý mà hiển hiện, cảnh giới nhìn thấy chẳng phải Thức vốn có (bổn thức) của Ngã, biết thức vốn có nầy không phải pháp - không phải nghĩa, không phải sở thủ - không phải năng thủ

Luận chép: Đây là nói về địa vị tư, cũng có hai câu: Trước là nói về quán vô tướng tầm tư, sau là nói về vô sanh như thật trí. Đầu tiên là nói về Quán: Là suy nghĩ quán sát. Chỉ là ý ngôn: Vì ngoại cảnh đã giữ lấy không hề có gì. Tùy ý hiển hiện: Tức giống như tướng phần bên ngoài không lìa bỏ cái thấy. Chẳng phải là thức vốn có của ngã. Lìa bỏ Thức rồi cảnh giới nhìn thấy bên ngoài đã không phải là thức của Ngã cho nên không hề có gì. Trong này nói Bổn Thức ấy: Gọi là Thức thứ sáu là nguồn gốc của ba cõi. Như Bồ-tát Đề Bà đã nói tụng: “Ý thức nguồn gốc của ba cõi, các trần cảnh là nhân của nó, nếu thấy trần cảnh chẳng phải có, hạt giống có tự nhiên diệt mất”. Trên đây là nói chung về không có tướng tầm tư và Như thật trí. Từ đây trở xuống là nói về đạo lý vô sanh đó. Tri bổn thức này không phải pháp, chẳng phải nghĩa: Vì không phải pháp năng thuyên, không phải nghĩa sở thuyên, biết danh và nghĩa sở thuyên, biết danh và nghĩa làm khách lẫn nhau. Không phải

sở thủ không phải năng thủ: Trần cảnh vốn giữ lấy đã không có, vì thế chủ động giữ lấy không thể thành tựu. Nghĩa của chủ động giữ lấy chắc chắn chờ đợi cái bị giữ lấy đã không có cái chờ đợi thì không có sự chủ động chờ đợi. Đây là nói chung về Vô sanh tầm tư và Như thật trí. Bắt đầu từ Thập Giải trở lên cho đến Thế đệ nhất pháp tu quán Tầm tư Như thật trí này. Trong đó cũng có tu tuệ quán sát, nhưng đều chưa lìa bỏ Tư quán sát phân biệt nên gọi chung là địa vị Tư.

Kinh: “Tam giả tu vị, tu giả thường khởi năng khởi khởi tu, đồng thời thiên dĩ trí đạo bài chư chướng nạn xuất ly cái triền”. Ba là địa vị Tu, Tu-là thường phát khởi và cái bị phát khởi tu tập đồng thời, trước là dùng trí dẫn dắt loại bỏ các chướng nạn vượt khỏi sự ràng buộc của phiền não.

Luận chép: Đây là nói về địa vị Tu. Cũng có hai câu: Trước nói về tướng tu, sau nói về nhân Tu. Nói Tu tướng: Nghiã là Chánh Thể trí chỉ quán vận dụng cả hai lại không có ra vào nên nói là Thường khởi. Nói năng khởi: Nghĩa là Chỉ chủ động phát khởi, vì thế thường phát khởi quán. Kế là nói Khởi: Nghĩa là Quán được phát khởi. Chỉ và Quán không xa lìa cho nên nói là Đồng thời, vì Chỉ tướng quán Như cần phải cùng lúc; là nói về tướng Tu. Kế là nói về Nhân đó, sở dĩ đạt được Tu vận dụng cả hai như vậy là vì Gia hạnh trước tiên loại bỏ các chướng nạn. Nói trí đạo: Nghĩa là Gia hạnh trí - ý ngôn phân biệt không lìa bỏ danh ngôn cho nên gọi là Trí dẫn dắt. Bảy Địa trở lên trong tất cả các Địa đều có Gia hạnh trước là điều phục chướng. Loại bỏ các chướng nạn: Là vì thô trọng khuất phục giảm bớt. Xuất ly triền cái: Là vì không khởi lên ràng buộc hiện hành.

Kinh: “Tứ giả Hành vị, Hành giả ly chư hành địa, tâm vô thủ xả cực tịnh lợi căn, bất động tâm như quyết định thật tánh, đại bát Niết-bàn duy tánh không đại”. Bốn là địa vị Hành, Hành là lìa bỏ các Hành địa, tâm không có lấy bỏ, lợi căn rất thanh tịnh, tâm bất động như Thật tánh quyết định, nhập Đại Niết-bàn chỉ là tánh “Không” rộng lớn.

Luận chép: Đây là địa vị Đẳng Giác. Cũng có hai câu: Trước là nói về tình trạng địa vị, sau là nói về Hành đó. Trong phần đầu nói “Lìa các Hành địa”: Vì Hành vượt hơn Thập Địa. Tâm không thủ xả: Vì hiểu rõ cùng với Phật như nhau, cho nên giải thích địa vị này gọi là Đẳng Giác hành. Kế là tổng kết. Nói “Lợi căn thanh tịnh”: Nghĩa là tâm Bổn giác hiển bày nhân thành tựu đầy đủ. Kế đến là nói trong Hành nói “Tâm bất động như thật tánh quyết định”: Vì địa vị này được nhập vào Tam-muội Kim Cương. Đại bát Niết-bàn chỉ là tánh Không rộng lớn.

Vì vắng lặng vô vi nhất tướng Như kinh Bổn Nghiệp chép: "Nhập vào Tam-muội Kim Cương một tướng vô tướng vắng lặng vô vi gọi là Vô Cấu Địa".

Kinh: "Ngũ giả xả vị, xả giả bất trụ tánh không chánh trí lưu dịch, đại bi như tướng, tướng bất trụ như, tam miệu tam Bồ-đề hư tâm bất chứng, tâm vô biên tế, bất kiến nơi chốn, thị chí Như-lai". Năm là địa vị xả, xả là không trụ vào tánh không chánh trí trôi lăn thay đổi, Đại bi Như tướng - tướng không trụ vào Như, Tam-miệu-tam-Bồ-đề, tâm như hư không không chứng, tâm không có giới hạn, không thấy nơi chốn, là đến Như-lai.

Luận chép: Đây là nói về Phật địa. Cũng có hai câu: Trước là nói về nghĩa của xả, tức là dùng ba nghĩa hiển bày tướng xả đó. Không trụ ở tánh không, chánh trí chuyển dời: Vì không trụ vào Niết-bàn nguôi thân bặt trí mà trí chẳng thể diệt mất, tùy theo trí nối tiếp trôi lăn thuận theo căn thay đổi để làm Phật sự. Đại bi Như tướng tướng không trụ vào Như: Vô duyên Đại Bi không giữ lấy tướng sai khác của người - pháp, cho nên nói là Như tướng. Thường trải qua sáu đường chưa hề dừng nghĩ, cho nên nói là Tướng không trụ vào Như. Tam miệu Hán dịch là Chánh, Tam ấy nói là Đẳng, Bồ-đề nói là Giác tức là Viên mãn vô thượng Bồ-đề. Không trụ vào trong đó tâm như hư không không chứng. Trong ba nghĩa này hai nghĩa trước không trụ vào Niết-bàn cho nên xả, một nghĩa sau không giữ lấy Bồ-đề cho nên xả. Kế là nói về tình trạng địa vị. Tâm không giới hạn: Quay về một nguồn tâm thì thể của tâm rộng khắp, khắp cả mười phương cho nên không giới hạn, khắp cả ba đời cho nên không thời; tuy khắp cả ba đời mà không khác nhau về xưa - nay, tuy rộng khắp mười phương mà không có nơi này nơi kia. Vì điều này cho nên nói là "Không thấy nơi chốn." Như vậy quả cuối cùng cao nhất không chung với quả vị khác, chỉ có người vâng theo Như là đến nơi sẽ đến. Vì điều này cho nên nói "Là đến Như-lai". Trên đây nói riêng về địa vị của năm bậc hoàn tất.

Kinh: "Thiện nam tử! Ngũ vị nhất giác tùng bổn lợi nhập, nhược hóa chúng sanh tùng kỳ bổn xứ". Này người thiện nam! Năm địa vị đồng một Giác thuận theo Bổn lợi nhập vào, nếu hóa độ chúng sanh thì thuận theo nơi căn bản đó.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói chung. Trong đó có hai: 1. Nói trực tiếp về thuận theo căn bản (tùng bổn). 2. Tiếp tục hiển bày lại. Đây là cửa thứ nhất (sơ môn). Các hạnh của năm địa vị không lìa bỏ Bổn giác, chẳng có gì không đều từ Bổn lợi mà thành tựu. Lúc thành tựu

hạnh thuận theo trước nhập vào sau, cho nên gọi là Nhập. Nhập là tự lợi hóa là lợi tha, hai hạnh như vậy đều từ căn bản (bổn xứ).

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Vân hà tùng kỳ bổn xứ? Phật ngôn: Bổn lai vô Bổn, xứ ư vô xứ, không tế nhập thật, phát Bồ-đề nhi mãn thành thánh đạo, hà dĩ cố? Thiện nam tử! Như thủ chấp bỉ không bất đắc phi bất đắc". Xá-lợi-phất chép: Thế nào là thuận theo chỗ căn bản đó? Đức Phật nói: Xưa nay không có chỗ ban đầu (bổn xứ), ở nơi giới hạn rỗng không, không có nơi chốn mà nhập vào thật, phát khởi Bồ-đề mà thành tựu tựa đầy đủ Thánh đạo, tại vì sao? Này người Thiện Nam! Vì giống như tay nắm hư không kia, không được mà chẳng phải không được.

Luận chép: Đây là phần hiển bày lại. Trong trả lời có hai: Trước là pháp - sau là Dụ. Bốn câu nói pháp, hai câu trước nói về Bổn xứ vô xứ, hai câu sau nói thuận theo thành tựu nhân quả. "Vì sao" là nêu lên nghi ngờ phát khởi, tại vì sao? Nếu vốn là không có nơi chốn thì phải không được nhập vào, nếu có thể nhập vào thì chẳng phải là không có nơi chốn ban đầu (bổn xứ). Để xả bỏ nghi ngờ này cho nên dẫn ra thí dụ giải thích. "Tay nắm lấy hư không": Tay nắm dụ cho hạnh của năng nhập, hư không dụ cho căn bản của sở nhập. "Không thể được": Là vì hư không chẳng có hình thể để nắm bắt. "Không phải không được": Là vì bên trong nắm tay chẳng thể không có hư không. Bổn lợi cũng như vậy, xưa nay tánh không có nơi chốn ban đầu cho nên không thể được. Ban đầu của không có ban đầu chẳng thể không có cho nên chẳng phải không thể được.

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Như tôn sở nói, tại sự chi tiên thủ dĩ bổn lợi, thị niệm vắng lặng, vắng lặng thị như, tổng trì chư đức, cai la muôn pháp, viên dung không hai, không thể nghĩ bàn, đương tri thị pháp tức thị Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú". Xá-lợi-phất chép: Như những điều Thế Tôn đã nói, đối với sự việc trước nhận lấy vì Bổn lợi, niệm nầy vắng lặng, vắng lặng là Như, nắm giữ tất cả các đức, thu thập trọn vẹn muôn pháp, dung hợp đầy đủ không hai, không thể nghĩ bàn được, nên biết pháp này chính là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, là câu chú rất thần diệu, là câu chú rất sáng tỏ, là câu chú sáng tỏ cao nhất, là câu chú không có gì sánh bằng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ năm nói về Đại Bát-nhã viên dung vô nhị. Trong đó có hai: 1. Thân Tử kính xin thưa hỏi. 2. Đức Như-lai nói về thành tựu. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là lĩnh ngộ về Bổn lợi viên dung Đức Phật đã nói, sau là nói chính là Đại Bát-

nhã Độ. Nói "Đối với sự việc trước tiên nhận lấy vì Bổn lợi": Là lĩnh ngộ lời Đức Phật nói, hễ mỗi khi muốn phát biểu lời nói, làm Phật sự thì trước tiên giữ lấy lợi ích của Bổn giác đó, niệm sanh tử này xưa nay vắng lặng, như vậy vắng lặng tức là Như lý, trong lý thâu nhiếp toàn bộ các đức Bổn - Thỉ, cũng chính là thu thập trọn vẹn các pháp sanh tử, dung hợp hoàn toàn không hai, vì thế cho nên rất sâu xa không thể nghĩ bàn. Trong này tuy đầy đủ vô lượng công đức, mà Thể đó chỉ là Bổn giác và Thỉ giác bình đẳng không hai, cho nên nói Chính là Ma-ha Bát-nhã. Bát-nhã như vậy cùng tận nguồn gốc tâm tánh cho nên nói là Ba-la-mật. Nói riêng có hai thứ đạt đến: Ở địa vị Đẳng giác đến được bờ bên kia của muôn hạnh, và ở thời gian Diệu Giác đến được bờ bên kia của muôn đức. Ở địa vị Đẳng Giác sơ lược có hai đạt đến: 1. Có thần lực rộng lớn hàng phục sự oán hận của ba thứ ma, như kinh nói "Là đại thần chú". 2. Có đại minh soi chiếu khắp nơi xét kỹ cảnh giới của bốn loại mắt, như kinh nói "Là chú rất sáng". Trong địa vị Diệu Giác cũng có hai đạt đến: 1. Bốn trí đầy đủ năm mắt trọn vẹn, chiếu soi cùng tận pháp giới không thể nào thêm nữa, như kinh nói "Là chú rất sáng vô thượng". 2. Ba thân vốn biểu hiện vô thượng Bồ-đề càng không có bậc nào khác với Chư Phật , như kinh nói "Là chú không gì bằng". Chú là cầu nguyện. Như thần chú thế gian có uy lực rộng lớn, tụng chú cầu đảo thần linh không phước nào không chiêu tập - không họa nào không lùi bước. Nay Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật này cũng giống như vậy, đầy đủ bốn đức trước có thần lực rộng lớn, bên trong thì chẳng có đức nào không thể đầy đủ, bên ngoài thì không có tai họa nào không thể xa lìa. Nếu tâm chí thành tụng câu danh ngôn này kính ngưỡng cầu xin chư Phật - Bồ-tát và Thần nhân, tùy theo những sự cầu nguyện đó không có gì không thể thành tựu. Y cứ vào nghĩa này cho nên gọi là Chú. Như trời Đế-thích tụng câu danh ngôn này đẩy lùi chiến sự của quân đội Tu-la, trong này sẽ nói.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị như thị! Chân như không tánh, tánh không trí hỏa thiêu diệt chư kết, bình đẳng bình đẳng, Đẳng Giác tam địa, Diệu Giác tam thân, ư cửu thức trung giảo nhiên minh tịnh vô hữu chư ảnh". Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng như vậy! Chân như không tánh, lửa trí của tánh Không đốt cháy diệt hết các kết sử, bình đẳng và bình đẳng, Đẳng Giác ba Địa, Diệu Giác ba Thân, ở trong chín Thức sáng ngời trong sáng không có các hình ảnh.

Luận chép: Dưới đây là Như-lai thuật về thành tựu. Trong đó có ba: Trước là nói chung kế là nói riêng, sau cùng tức là tổng kết thành

tựu. Nói chung về thành tựu là: “Đúng vậy đúng vậy”! Trong phần riêng cũng có hai: Trước là nói về về nghĩa đạt đến nhân đầy đủ, sau là nói về về nghĩa đạt đến quả tròn vẹn. Trong phần đầu tức là nói về Đẳng Giác tam Địa. Những gì gọi là Đẳng Giác tam Địa? Đó là: 1. Địa vị trăm kiếp; 2. Địa vị ngàn kiếp; 3. Địa vị muôn kiếp. Như kinh Bổn Nghiệp chép: “Phật tử Ma-ni Anh Lạc Tự là một người trong tánh Đẳng Giác, người đó tên gọi Kim Cương Tuệ Bồ-tát, trụ vào đỉnh cao tịch định dùng lực đại nguyện an trụ thọ mạng trăm kiếp, tu ngàn Tam-muội rồi nhập vào Tam-muội Kim Cương, giống như tánh của tất cả các pháp, hai đế - một đế đồng nhất phù hợp tướng; trở lại an trụ thọ mạng ngàn kiếp học theo oai nghi của Phật, cho đến nhập vào hành xứ của Phật, ngồi nơi đạo tràng của Phật, siêu độ ba thứ ma; tiếp tục an trụ thọ mạng muôn kiếp, hóa hiện thành tựu quả Phật, cho đến hiện rõ giống như chư Phật quá khứ (Cổ tích) thường hành Trung đạo, Đại Lạc vô vi mà sanh, diệt làm dị”. Nay văn này nói “Chân như Không tánh”: Tức là thứ nhất đồng nhất hợp tướng, nghĩa là cùng với tất cả các pháp có - không chính là pháp của hai đế cùng dung hòa một đế, vì một đế tức là đồng một hợp tướng; như vậy gọi là chân Như không Tánh. “Lửa trí của tánh Không đốt hết các kiết sử”: Tức là thứ hai siêu độ tam ma. Diệt các kết: Là dứt trừ ma phiền não - diệt sạch phiền não, ma ấm không trói buộc - là dứt trừ hai ma, ma trời tự hàng phục, chỉ có ma sanh tử Biến dịch không thể nghĩ bàn mà thôi. “Bình đẳng Bình đẳng”: Tâm thức là thứ ba thường hành Trung đạo không rơi vào hai bên cho nên nói Bình đẳng, vì nói lên thường hành cho nên nói hai lần Bình đẳng. Đẳng Giác tam địa: Tổng hợp ba Địa trước. Trong này hai Địa trước là thuật về Đại thần chú, Địa thứ ba thuật về Đại minh chú. Từ “Diệu Giác v.v...” trở xuống là nói đạt đến quả tròn vẹn. Nói ba thân. Một gọi là Pháp thân, hai là Ứng thân, ba là Hóa thân. Đạo của ba thân tất cả chư Phật giống nhau, là thuật về câu “Vô đẳng đẳng chú”. Ở trong chín Thức sáng ngời trong sạch không có hình ảnh: Là thuật về câu Vô thượng minh chú: Địa vị Đẳng Giác trước còn có sanh diệt chưa đạt tới tận cùng nguồn tâm, cho nên ở tại tám Thức. Nay đạt đến Diệu Giác xa lìa hẳn sanh tử quay về cùng tận nguồn cội nhất tâm của Bổn giác, cho nên nhập vào trong Thức thứ chín trong sáng. Lại, nhân vị trước có nghĩa nương nhờ theo duyên, cho nên tâm đó hiện bày tướng của ảnh tượng. Nay quay về nguồn tâm là Thể của bản chất kia, do vậy các ảnh tượng của tất cả các tướng hết sạch. Căn cứ điều này cho nên nói “Không có các ảnh”. Như kinh Bổn nghiệp chép: “Phật tử Thủy Tinh Anh Lạc trong ngoài sáng

suốt thường an trụ Diệu Giác sâu thẳm trong sáng gọi là Nhất-thiết-trí Địa, thường ở nơi Trung đạo, trên tất cả các pháp vượt trên bốn loại ma, chẳng phải có - chẳng phải không - sạch sẽ tất cả các tướng, lập tức hiểu rõ Đại giác thay đổi cùng tận Thể thần, hai thân thường trụ để hóa độ người có Duyên". Xét rằng: Kinh ấy lập ra hai thân là: 1. Thân Pháp tánh. 2. Ứng thân - hóa thân - Pháp thân, vì hợp hai thân còn lại là một thân. Nay trong kinh này mở bày thân này làm thành hai cho nên nói là ba thân, ba cùng với hai bình đẳng và bình đẳng. Trên đây nói riêng về nghĩa đạt đến bờ bên kia.

Kinh: "Thiện nam tử! Thị pháp phi nhân phi duyên, trí tự dụng cố, phi động phi tĩnh, dụng tánh Không cố, nghĩa phi hữu vô, không tướng không cố. Thiện nam tử! Nhược hóa chúng sanh, linh bỉ chúng sanh quán nhập thị nghĩa, nhập thị nghĩa giả thị kiến Như-lai". Này người thiện nam! Pháp này chẳng phải nhân chẳng phải duyên, vì trí tự sử dụng, chẳng phải động chẳng phải tĩnh, vì dụng của tánh là không, nghĩa chẳng phải có - không, vì không cả tướng Không. Này người Thiện nam! Nếu giáo hóa chúng sanh, khiến cho chúng sanh kia quán xét nhập vào nghĩa này, người nhập vào nghĩa này là thấy Như-lai.

Luận chép: Đây là chung về thành tựu viên dung không hai. Phía trên dựa theo môn từ đơn giản nhập vào sâu sắc để nói lên sự sai khác về nhân đầy đủ quả trọn vẹn. Nếu dựa vào môn một pháp không hai thì nhân quả không hai là tâm cảnh không khác. Nhân quả không hai cho nên nói chẳng phải nhân. Tâm cảnh không khác cho nên nói là chẳng phải duyên. Vì sao? Vì như trước đã nói, nhân quả - tâm cảnh ấy chỉ là Tự dụng của một trí trọn vẹn (Viên trí), đã chỉ là Tự dụng thì đâu nhân đâu duyên vậy? Lại, dụng của Trí này ở tại địa vị Đẳng Giác gọi là Chiếu Tịch Tuệ, vì chưa lìa bỏ tướng động của sanh diệt. Đến địa vị Diệu Giác gọi là Tuệ Tịch Chiếu, vì đã trở về sự vắng lặng rốt ráo của Thức thứ chín. Nhưng nay dựa vào môn không hai trí đó, không phải trước có động - không phải sau có tịch, vì dụng của động tĩnh là sử dụng tánh Không. Nếu y cứ vào nghĩa này thì tánh Không là không có, vì không có động - tĩnh, như vậy cũng không đúng, cho nên nói là chẳng phải có, chẳng phải không. Chẳng phải có có thể như vậy, thế nào là chẳng phải không? Vì tướng Không cũng không. Như vậy nói về thành tựu viên dung không hai. Từ "Nếu hóa v.v..." trở xuống là khuyến khích hội nhập nghĩa này.

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Như-lai nghĩa quán bất trụ chư lưu, ưng ly bốn thiền nhi siêu hữu đảnh. Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Nhất thiết

pháp danh số, bốn thiền diệc như thị. Nhược kiến Như-lai giả, Như-lai tâm tự tại, thường tại diệt tận xứ, bất xuất diệc bất nhập, nội ngoại bình đẳng cố". Xá-lợi-phất chép: Quán nghĩa Như-lai không trụ vào các sự trôi lăn, phải lìa bỏ bốn thiền mà vượt lên Hữu Đảnh. Đức Phật nói: Đúng như vậy! Tại vì sao? Vì tất cả các pháp đều là danh số, bốn thiền cũng như vậy. Nếu thấy Như-lai là tâm Như-lai tự tại, thường ở nơi diệt tận, không ra cũng không vào, vì trong ngoài bình đẳng.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ sáu nói về Đại thiền định vượt trên các danh số. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi nói các lưu: Đó gọi là ba cõi trôi lăn qua lại không dừng nghĩ. Hữu Đảnh: Gọi là Phi tưởng Xứ đỉnh của ba cõi. Trong phần trả lời có hai: Chung đồng ý - thành tựu riêng. Trong phần riêng cũng có hai: Sơ lược nói giải thích rộng. Trong phần sơ lược có hai câu: Trước là nói Thiền thế gian không lìa bỏ danh số, sau là nói thiền xuất thế vượt quá danh số kia nếu thấy Như-lai: Như trước đã nói về nhập vào quán Như-lai. Như-lai tâm tự tại: Vì quán tâm Như-lai xa lìa các trói buộc. Thường ở chỗ diệt tận: Vì pháp tâm và tâm sở bất sanh khởi. Không ra cũng không vào: Vì tâm thể như lý không có khởi diệt, cho nên thường đạt được không ra vào ấy là vì quán nội tâm và ngoại cảnh bình đẳng. Văn trình bày sơ lược xong.

Kinh: "Thiện nam tử! Như bỉ chư thiền quán giai vi cố tưởng định, thị như phi phục bỉ, hà dĩ cố? Dĩ như quán như thật, bất kiến quán như tướng, chư tướng dĩ vắng lặng, vắng lặng tức như nghĩa, như bỉ tưởng thiền định, thị động phi thị thiền, hà dĩ cố? Thiền tánh ly chư động, phi nhiễm phi sở nhiễm, phi pháp phi ảnh, ly chư phân biệt bổn nghĩa nghĩa cố. Thiện nam tử! Như thị quán định nãi danh vi thiền". Này thiện nam! Như các thiền quán kia đều là định cố Tưởng, Như này không phải trở lại các Tưởng định kia. Vì sao? Vì dùng Như quán như thật, không thấy quán tướng Như, các tướng đã vắng lặng, vắng lặng chính là nghĩa Như. Như của Tưởng thiền định kia là động chẳng phải là thiền, tại vì sao? Vì tánh thiền xa lìa các động, chẳng phải nhiễm, chẳng phải bị nhiễm, không phải pháp - không phải ảnh, xa lìa các phân biệt vì nghĩa vốn là nghĩa. Này người thiện nam! Quán định như vậy mới gọi là thiền.

Luận chép: Đây là phần thứ hai giải thích rộng. Trong đó có bốn: 1. Đối chiếu tướng để nói về xa lìa tướng; 2. Đối chiếu động để hiển bày xa lìa động; 3. Kết luận về nghĩa; 4. Kết luận về danh. Trong phần đầu tiên trước là nêu lên các thiền giữ lấy tướng. "Các thiền quán": Là tám thứ thiền thế gian. Nói "định Cố Tưởng": Là không thể lìa bỏ chấp

trước xa xưa từ vô thỉ mà vọng tưởng giữ lấy các tướng. Trở xuống là nói về xa lìa tướng. Như này không phải trở lại các Tưởng định kia: Vì nhập vào Như-lai quán năng sở bình đẳng gọi là Như. Dùng Như quán như thật: Vì trí bình đẳng thông suốt như thật. Không thấy quán tướng Như: Không thấy tướng sai khác của trí năng quán và Như sở quán vì bình đẳng một vị. Đã quên tướng thấy năng sở không khởi dậy cho nên nói là các tướng đã vắng lặng. Vắng lặng không sai khác cho nên chính là nghĩa Như. Từ "Như v.v..." là đối chiếu động hiển bày xa lìa động. Trước là nêu lên cái động đó, nghĩa là thiền thế gian giữ lấy tướng tâm khởi lên tức là động niệm. Động niệm chẳng phải tĩnh cho nên không phải chân thật thiền. Xuống dưới là nói thiền chân thật xa lìa các tướng động niệm. Không phải nhiễm làkhông năng nhiễm, không động niệm. Không phải sở nhiễm: Vì chẳng động sở nhiễm xưa nay vốn tĩnh. Nói phi pháp: Vì không phải tâm pháp năng duyên. Không phải ảnh: Vì không phải ảnh tượng sở hiện. Căn cứ vào nghĩa này cho nên xa lìa các động niệm. Lìa các phân biệt, vì nghĩa vốn là nghĩa: Là phần thứ ba kết luận về nghĩa. Lìa phân biệt: Là kết luận về nghĩa xa lìa tướng, vì xa lìa phân biệt không giữ lấy tướng. Vì nghĩa vốn là nghĩa: Là kết luận về nghĩa xa lìa động, vì xưa nay tĩnh không khởi lên động. Quán định như vậy mới gọi là thiền: Là phần thứ tư kết luận về danh Xa lìa tướng - xa lìa động mới đạt được tên gọi là Thiền đó là thiền, vì thiền là tên gọi của Tĩnh lự. Thế gian kia đặt tên gọi là Thiền ấy là thiền giả hiệu chứ không phải thiền chân thật. Trong nội dung một phẩm này có hai phần, đây là chỉ người lợi căn giảng nói mở rộng nhiều văn, văn của sáu phần ở trước đã xong.

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Bất khả tư nghị, Như-lai thường dĩ như thật nhi hóa chúng sanh, như thị thật nghĩa đa văn quảng nghĩa, lợi căn chúng sanh nãi khả tu chi, độn căn chúng sanh nan dĩ thố ý, vân hà phương tiện linh bỉ độn căn đắc nhập thị đế?". Xá-lợi-phất chép: Không thể nghĩ bàn! Như-lai thường lấy Như thật mà giáo hóa chúng sanh, thật nghĩa như vậy văn nhiều nghĩa rộng, chúng sanh hạng lợi căn mới có thể tu tập, chúng sanh hạng độn căn khó mà dụng tâm, phương tiện thế nào làm cho hạng độn căn kia có thể nhập vào đạo lý này?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai vì hạng độn căn mà văn ít thâu nhiếp sơ lược. Nhưng lợi - độn - rộng - lược có hai thứ môn. Nếu luận về thăm dò hiểu rõ thì lợi căn sơ lược mà độn căn mở rộng vì hạng lợi căn nghe một mà biết mười. Hạng độn căn nghe mười mới hiểu mười. Nếu như nhau nói - hiểu thì lợi căn mở rộng mà độn căn sơ

lược, vì hạng lợi căn nghe nhiều mà hiểu nhiều, hạng độn căn ít đọc mà lại nắm giữ toàn bộ. Nay ý văn này dựa theo môn sau này. Trong văn có năm: 1. Hỏi; 2. Trả lời; 3. Thỉnh cầu; 4. Giảng nói; 5. Đại chúng nghe giảng nói đạt được lợi ích. Đây chính là văn phần đầu, trong đó có hai: Trước là lĩnh ngộ những gì giảng nói trước đây, sau là thưa hỏi những điều nghi ngờ. Thố ấy là giữ lại ý (tồn ý). Văn nhiều nghĩa rộng hạng độn căn tài năng hẹp hòi khó mà giữ lại ý.

Kinh: "Phật ngôn: Linh bỉ độn căn thọ trì nhất tứ cú kệ tức là nhập thật đế, nhất thiết Phật pháp nhiếp tại nhất kệ trung". Đức Phật nói: Khiến cho hạng độn căn kia tiếp nhận ghi nhớ một bài kệ bốn câu tức thì nhập vào thật đế, tất cả Phật pháp thâu nhiếp vào trong một bài kệ.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Như-lai có biện tài vô ngại tự tại, nói một bài kệ thâu nhiếp mọi Phật pháp, nội dung quan trọng của Phật pháp ở tại bốn câu này. Làm cho hàng độn căn đọc tụng nắm giữ một bài kệ mà thường nhớ nghĩ tư duy, cho đến biết khắp tất cả Phật pháp, đây gọi là phương tiện khéo léo của Như-lai.

Kinh: "Xá-lợi-phất ngôn: Vân hà nhất tứ cú kệ, nguyện vi nói chi!". Xá-lợi-phất chép: Một bài kệ bốn câu như thế nào, xin nguyện nói cho con bài kệ đó!

Luận chép: Đây là phần thứ ba thỉnh cầu.

Kinh: "Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Nhân duyên sở sanh nghĩa, thị nghĩa diệt phi sanh, diệt chư sanh diệt nghĩa, thị nghĩa sanh phi diệt". Ngay sau đó Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ: Nghĩa do nhân duyên sanh, là nghĩa diệt chẳng phải sanh, diệt hết các nghĩa sanh diệt, là nghĩa sanh chẳng phải diệt.

Luận chép: Đây là phần thứ tư giảng nói. Nghĩa bốn câu này có riêng có chung. Riêng thì trình bày nghĩa về hai môn, chung tức là hiển bày pháp của một tâm. Như vậy tất cả Phật pháp trong một tâm - hai môn, không có gì không thể thâu nhiếp. Nghĩa này như thế nào? Hai câu trước dung hòa Tục thành Chân hiển bày nghĩa bình đẳng. Hai câu sau dung hòa Chân trở thành Tục hiển bày môn sai khác. Nói một cách chung, Chân - Tục không hai mà không giữ lấy một vì không hai chính là một tâm, không giữ lấy một cho nên đưa ra Thể là hai, như vậy gọi là một tâm - hai môn đại ý như vậy. Kế là giải thích về văn đó. "Nghĩa do nhân duyên sanh," là đưa ra tất cả các pháp Thế đế. "Là nghĩa diệt": Là dung hòa Tục thành Chân, nghĩa là vì nghĩa sự sanh ấy xưa nay vắng lặng. Nói không phải sanh: Hiển bày nghĩa sanh ra đó là lý do của diệt, vì nghĩa sanh ra đó tức là chẳng phải sanh, cầu tìm

nghĩa sanh ra đó thì không thành tựu được, vì thế cho nên nghĩa sanh ra tức là vắng lặng. Diệt các nghĩa sanh diệt: Là nêu lên pháp vắng lặng của Chân đế. Là nghĩa sanh: Là dung hòa Chân trở thành Tục, nghĩa là vì pháp vắng lặng từ duyên mà sanh khởi. Nói không phải diệt: Hiển bày vắng lặng đó là lý do của sanh khởi, vì vắng lặng đó không phải vắng lặng, cầu tìm nghĩa vắng lặng không thể nào đạt được, vì thế cho nên vắng lặng từ duyên sanh ra. Vắng lặng là sanh ấy là sanh của Bất sanh vậy. Sanh nghĩa là diệt ấy là diệt của Bất diệt. Diệt của Bất diệt cho nên diệt tức là sanh. Sanh của Bất sanh cho nên sanh chính là vắng lặng. Hợp lại mà chép: Sanh chính là vắng lặng mà không giữ lấy diệt, diệt tức là sanh mà không trụ vào sanh, sanh diệt không hai là động tịch không khác, như vậy gọi là pháp của một tâm. Tuy thật sự không hai nhưng không giữ lấy một, đưa ra thể tùy duyên sanh động, đưa ra Thể tùy duyên vắng lặng. Căn cứ vào đạo lý này sanh là vắng lặng - vắng lặng là sanh. Không ngăn cách không trở ngại - không đồng nhất, không khác nhau, đây gọi là nghĩa tổng biệt của một bài kệ.

Kinh: "Nhĩ thời đại chúng văn nói thị kệ thiêm đại vui mừng, giai đắc diệt sanh, diệt sanh Bát-nhã tánh không trí hải". Lúc bấy giờ đại chúng nghe nói kệ này đều rất vui mừng, đều đạt được diệt sanh, diệt sanh Bát-nhã, biển trí tánh Không.

Luận chép: Đây là phần thứ năm nghe giảng nói được lợi ích, tức là hiển bày đạt được hiểu rõ đạo lý tổng - biệt. Gọi là Diệt ấy vì được diệt đi nghĩa sanh ở hai câu trên; kế đến nói là sanh ấy vì được sanh ra nghĩa diệt ở hai cầu dưới, là nói về hai nghĩa đạt được. Diệt sanh Bát-nhã: Là hiển bày hai câu hiểu biết đạt được, là dựa vào Biệt môn mà được lợi ích. Tánh Không trí hải: Là tổng hợp lại mà quán, hoặc là diệt - hoặc là sanh không giữ lấy tự tánh, trí không của tự tánh sâu rộng vô biên, như vậy gọi là Biển Trí tánh không, là dựa vào môn chung mà được lợi ích.

Phẩm Thứ 7: **NHƯ LAI TẠNG**

Luận chép: Chân và Tục không hai, pháp của Nhất thật là chỗ trở về của chư Phật gọi là Như-lai-tạng. Nay trong phẩm này nói về vô lượng pháp và tất cả hạnh chẳng có gì không quy về nhập vào Như-lai-tạng, vì thế dựa vào sự hội nhập để lập thành tên gọi.

Kinh: "Nhĩ thời Phạm Hạnh trưởng giả tùng bổn tế khởi nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Sanh nghĩa bất diệt, diệt nghĩa bất sanh, như thị như nghĩa, tức Phật Bồ-đề, Bồ-đề chi tánh tức vô phân biệt, vô phân biệt trí phân biệt vô cùng, vô cùng chi tướng duy phân biệt diệt, như thị nghĩa tướng không thể nghĩ bàn, bất tư nghị trung nãi vô phân biệt". Lúc bấy giờ trưởng giả Phạm Hạnh đứng dậy khỏi chỗ ngồi mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa sanh không diệt mất, nghĩa diệt bất sanh ra, nghĩa Như như vậy, tức là Bồ-đề Phật quả, tánh của Bồ-đề thì không có phân biệt, trí không có phân biệt - phân biệt vô cùng tận, tướng của vô cùng tận chỉ là phân biệt diệt đi, nghĩa - tướng như vậy không thể nghĩ bàn, trong không thể nghĩ bàn chính là không có phân biệt.

Luận chép: Trong phần nói riêng về Quán hành có sáu phần, nói lên tất cả hạnh phát ra chân tánh Không ở trước đã xong. Dưới đây là phần thứ sáu nói về vô lượng pháp nhập vào Như-lai-tạng, ngay nơi văn có hai: 1. Nói về các pháp các hạnh cùng nhập vào một nơi. 2. Hiển bày Hạnh - nhập, trí nhập sai khác về nhân quả. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là nói về các pháp nhập vào một thật nghĩa, sau là nói về các hạnh nhập vào một Phật đạo.Trong phần trước có bốn:1. Hỏi; 2. Trả lời; 3. Lĩnh ngộ; 4. Nói rõ. Trong phần hỏi có hai: Trước là lĩnh ngộ điều giảng nói trước đây, sau là hỏi về những điều nghi ngờ. Trong này người hỏi tên là Phạm Hạnh: Hình dạng người này tuy là nghi dung phàm tục, mà tâm an trụ nhất vị, dùng nhất vị này thâu nhiếp tất cả vị, tuy trải qua trần tục cấu bẩn của các vị, nhưng không mất đi tịnh hạnh thanh tịnh của một vị. Trong này hiển bày nghĩa như vậy, cho nên khiến phát ra câu hỏi đó. Từ bổn tế khởi: Nghe những đều Đức Phật giảng nói lập tức nhập vào ranh giới của mình (bổn tế), nay muốn phát ra câu hỏi nên từ chỗ ấy đứng dậy. Nghĩa sanh không diệt: Là lĩnh ngộ nửa dưới, vì nghĩa này sanh ra chẳng phải diệt mất. Nghĩa diệt bất sanh ra: Là lĩnh ngộ nửa trên, vì nghĩa này diệt đi chẳng phải sanh ra. "Nghĩa Như như vậy": Lĩnh ngộ chung toàn bài kệ, vì bất diệt bất sanh không có hai nghĩa. Như vậy không có hai nghĩa là đạo lý chư Phật đã giác ngộ cho nên chép: "Tức là Phật Bồ-đề". Giác ngộ thuận theo không có hai là

không chia ra - không khác nhau cho nên nói “Tức là vô phân biệt”. Do không có sự phân biệt đó mà năng không có gì không thể phân biệt, cho nên nói là vô phân biệt trí phân biệt vô cùng. Sở dĩ phân biệt vô cùng là vì chỉ do diệt trừ các phân biệt, cho nên nói tướng vô cùng chỉ là diệt đi phân biệt. Nghĩa - tướng như vậy xa lìa ngôn ngữ bặt dứt suy tư nên Bất tư nghị. Vì trong Bất tư nghị bặt dứt tâm tư ngôn ngữ, chính là không có phân biệt. Như vậy lĩnh ngộ nghĩa lý bài kệ đã nói ở trước.

Kinh: “Tôn giả! Nhất thiết pháp số vô lượng vô biên, vô biên pháp tướng nhất thật nghĩa tánh, duy trụ nhất tánh kỳ sự vân hà?”. Thưa Tôn giả! Tất cả pháp số nhiều vô lượng vô biên, vô biên pháp tướng một tánh Thật nghĩa, chỉ trụ vào một tánh - sự việc đó như thế nào?

Luận chép: Đây chính là thức hỏi về những điều nghi ngờ. Giáo Tiểu thừa có tám muôn pháp uẩn, số lượng của một uẩn kể ra là một ngàn. Nay Đại thừa giáo không chỉ là tám muôn cho nên nói số nhiều vô lượng vô biên. Vô biên giáo pháp đã giải thích nghĩa tướng lại không khác nhau, hướng về chỉ một Thật nghĩa. Giáo pháp rất nhiều chỉ trụ vào một tánh rất khó có thể hiểu được việc đó thế nào?

Kinh: “Phật ngôn: Trưởng giả! Bất khả tư nghị, ngã nói chư pháp, vi mê giả cố, phương tiện đạo cố, nhất thiết pháp tướng nhất thật nghĩa trí, hà dĩ cố? Thí như nhất thị khai tứ đại môn, thị tứ môn trung giai quy nhất thị, như bỉ chúng thứ tùy ý sở nhập, chủng chủng pháp vi diệc phục như thị”. Đức Phật nói: Này Trưởng giả! Không thể nghĩ bàn, Ta nói các pháp là vì người mê, vì vậy là đạo phương tiện, vì tất cả pháp tướng đồng một trí thật nghĩa, tại vì sao? Vì thí như một ngôi thành mở ra bốn cổng lớn, trong bốn cổng này đều quy về một ngôi thành, như nhiều người kia tùy ý nhập vào, các thứ pháp vị cũng giống như thế.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Trong đó có ba: Là pháp - Dụ - Hợp. Đầu tiên là pháp - nói rằng “Ta nói các pháp”. Nghĩa là ba thừa giáo và một thừa giáo. Vì người mê muội: Là vì người chưa đạt được nhất vị ấy nói ra. Vì Phương tiện đạo: Do đều là phương tiện nhập vào một vị, cho nên lúc nhập vào Chánh quán không cần đến ngôn giáo. Nhất thiết pháp tướng nhất thật nghĩa trí: Vì tướng nhập vào của các giác pháp chỉ là trí Chánh quán về một Thật nghĩa. Trong Dụ nói một thành thị: Là dụ cho một thật nghĩa. “Mở ra bốn cổng”: Là dụ cho bốn thứ pháp, đó là ba thừa giáo và một thừa giáo. Trong bốn cổng này đều quy về một chợ: Vì dựa vào bốn giáo ấy đều trở về một thật. Như dân chúng tùy ý nhập vào: Là tùy theo căn cạn - sâu thuận theo nhập vào một giáo. Vì lẽ đó một ngôi thành dụ cho một thật, làm nơi nhập

vào của nhân dân, là nơi quay về của các chúng sanh. Trong Hợp nói chủng chủng pháp: Là hợp với bốn cổng. Kế là nói vị: Nghĩa là vị vốn hướng về hợp với một thành thị.

Kinh: "Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Pháp nhược như thị ngã trụ nhất vị ưng nhiếp nhất thiết chư vị". Phạm Hạnh trưởng giả chép: Pháp nếu như vậy thì con trụ vào một vị sẽ thâu nhiếp tất cả các vị.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Nhiếp các vị: Là thâu nhiếp vị của các giáo quy về một thật.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị như thị! Hà dĩ cố? Nhất vị thật nghĩa, vị như nhất đại hải, nhất thiết chúng lưu vi hữu bất nhập. Trưởng giả! Nhất thiết pháp vị do bỉ chúng lưu, danh số tuy thù kỳ thủy bất dị, nhược trụ địa hải tức quát chúng lưu, trụ ư nhất vị tức nhiếp chư vị". Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy! Vì sao? Vì một vị thật nghĩa, vị giống như một biển lớn, tất cả các dòng sông không có dòng sông nào không thể hội nhập. Này Trưởng giả! Tất cả pháp vị giống như các dòng sông kia, danh số tuy khác nhau mà nước đó không khác. Nếu trụ vào biển lớn tức là bao gồm các dòng sông, trụ vào một vị chính là thâu nhiếp các vị.

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói về thành tựu. Trong đó có hai: Nói chung về - riêng thành tựu. Trong phần riêng có ba: Đó là Pháp - Dụ - Hợp. Trong Hợp có hai: 1. Hợp cùng các dòng sông kia trước dùng pháp kết hợp - sau thì trích lại thí dụ. 2. Kết hợp bao gồm các dòng sông, trước đưa ra thí dụ đó - sau dùng pháp hợp lại.

Kinh: "Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Chư pháp nhất vị, vân hà tam thừa đạo kỳ trí hữu dị?". Phạm Hạnh trưởng giả chép: Các pháp đồng một vị, vì sao nói đạo ba thừa trí đó có khác nhau?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói về tất cả các hạnh nhập vào một Phật đạo, trước là hỏi - sau là trả lời. Đây là hỏi về sự sai khác.

Kinh: "Phật ngôn: Trưởng giả! Thí như giang hà hòai hải đại tiểu dị cố, thâm thiển thù cố, danh văn biệt cố thủy tại giang trung danh vi giang thủy, thủy tại hòai trung danh vi hòai thủy, thủy tại hà trung danh vi hà thủy, câu tại hải trung duy danh hải thủy, pháp diệc như thị câu tại chân như duy danh Phật đạo". Đức Phật nói: Này trưởng giả ví như sông lớn - sông nhỏ - biển nhỏ - biển lớn vì lớn nhỏ khác nhau, vì sâu cạn khác nhau, nên danh văn khác nhau, nước ở trong sông lớn gọi là nước sông lớn, nước ở trong biển nhỏ gọi là nước biển nhỏ, nước ở trong sông nhỏ gọi là nước sông nhỏ, cùng ở trong biển lớn chỉ gọi là nước biển lớn, pháp cũng như vậy cùng ở tại chân như chỉ gọi là Phật đạo.

Luận chép: Là phần thứ hai trả lời có Dụ có Hợp. Trong phần đầu nói Giang hà hòai: Là dụ cho hạnh ba thừa, Hải dụ cho Phật đạo. Lớn nhỏ khác: Là dụ cho tâm ba thừa rộng hẹp không giống nhau. Sâu cạn khác: Là dụ cho trí ba thừa hơn kém có khác nhau. Tùy theo hai nghĩa trước nên tên gọi đó điều khác nhau. "Đều ở trong biển lớn chỉ gọi là nước biển lớn": Là dụ cho ba thừa đó cùng nhập vào Chân như pháp Không của Thập Địa, chỉ gọi là Phật đạo không có tên gọi ba thừa. Nên biết rằng hạnh ba thừa sai khác, đều ở trong phương tiện đạo của Địa Tiền, không có gì không chung quy nhập vào Chân như chánh quán, cho nên ba thừa cuối cùng quy về không có sai khác. Như các giáo pháp cùng hòa nhập đồng nhất vị, nói về Hợp - Dụ ở nơi văn có thể thấy.

Kinh: "Trưởng giả! Trụ nhất Phật đạo tức đạt tam hạnh phạm hạnh. Trưởng giả ngôn: Vân hà tam hạnh? Phật ngôn: Nhất tùy sự thủ hạnh, nhị tùy thức thủ hạnh, tam tùy như thủ hạnh". Này Trưởng giả! Trụ vào một Phật đạo tức là đạt được ba thật hành phạm hạnh. Trưởng giả chép: Sao là ba thật hành? Đức Phật nói: Một là hành tùy theo sự giữ lấy, hai là tùy theo Thức giữ lấy, ba là hành tùy theo Như giữ lấy hạnh.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ hai sự sai khác nhân quả, hành nhập vào, trí nhập vào sai khác về nhân quả. Trong đó có bốn: 1. Sự sai khác của Hạnh nhập vào; 2. Sự sai khác của Trí nhập vào; 3. Sự dụng của nhân nhập vào; 4. Thường trụ của quả nhập vào. Trong phần đầu có ba: 1. Nêu chung lên. Trụ ở một Phật đạo: Từ sơ Địa trở lên gọi là Trụ Phật đạo, vì có đủ ba thứ trí - đạt được ba hạnh. 2. Thưa hỏi; 3. Trả lời. Trong phần trả lời có hai: Riêng trình bày Chung giải thích. Trong phần riêng trình bày chép: Hành tùy theo sự mà giữ lấy nghĩa là thật hành dựa vào bốn đế, mười hai duyên khởi, tùy theo sự việc của nhân quả mà giữ lấy đạo phẩm. Hành tùy theo thức giữ lấy: Nghĩa là các chúng sanh chỉ là một tâm tạo tác thật hành, tùy theo lý Duy Thức mà giữ lấy bốn nhiếp. Hạnh tùy Như giữ lấy: Nghĩa là tất cả các pháp thảy đều bình đẳng thật hành tùy theo bình đẳng Như mà giữ lấy sáu độ thuộc về tâm cho nên gọi là Thủ, không phải gọi là Thủ phân biệt của năng sở.

Kinh: "Trưởng giả! Như thị tam hạnh tổng nhiếp chúng môn, nhất thiết pháp môn vô bất thử nhập, nhập thị hạnh giả bất sanh không tướng, như thị nhập giả khả vị nhập Như-lai, nhập Như-lai giả nhập nhập bất nhập". Này Trưởng giả! Như vậy ba hành thâu nhiếp toàn bộ nhiều môn, tất cả pháp môn không có gì không nhập vào nơi này, nhập vào

sự thật hành này là không thể sanh khởi không tướng, như vậy nhập vào là có thể nói nhập vào Như-lai, nhập vào Như-lai là nhập vào nơi nhập vào không thể nhập vào.

Luận chép: Đây là chung giải thích về ba hành . Tùy sự hành: Là cùng chung Tiểu thừa môn. Tùy Thức hành: Là chỉ có Đại thừa môn hai thứ này là Sai khác môn. Loại thứ ba là Bình đẳng môn. Căn cứ vào đạo này thâu nhiếp toàn bộ nhiều môn. Lại, Đạo phẩm là hành môn, không an trụ ở sanh tử, Tứ nhiếp là hành môn không an trụ Niết-bàn, tùy theo Như - Độ hành bình đẳng không có hai môn. Tất cả pháp môn đều từ hành này nhập vào, người nhập vào hành này không thể sanh không tướng: Nghĩa là tuy tùy theo Như thật hành mà thường tùy theo sự - tùy theo Thức hành, không giữ lấy tướng không mà an trụ vắng lặng vậy. Có thể nói là nhập vào Như-lai: Là tuy tùy theo Sự - Thức mà thường tùy theo Như. Giữ lấy bình đẳng thật hành cho nên có thể nói là chủ động nhập vào (năng nhập) Biển Như-lai-tạng. Nhập nhập bất nhập: Là vì nhập vào chỗ nhập vào đó mà tâm ở tại không nhập vào (bất nhập). Năng nhập - sở nhập bình đẳng không sai khác cho nên nói là Bất nhập, vì tuy không sai khác khác nhau mà cũng không phải là một. Dựa theo quán tâm mượn gọi là Nhập tâm. Như vậy tâm nhập vào không giữ lại tướng nhập vào cho nên nhập vào nơi nhập vào đó hướng về không nhập vào (nhập - nhập bất nhập) vậy.

Kinh: “Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Bất khả tư nghị, nhập Như-lai-tạng như miêu thành thật vô hữu nhập xứ, bổn căn lợi lực lợi thành đắc bổn, đắc bổn thật tế kỳ trí kỉ hà?”. Phạm Hạnh trưởng giả chép: Không thể nghĩ bàn, nhập vào Như-lai-tạng giống như mầm non thành tựu quả trái, không có nơi vào, khả năng ích lợi của gốc rễ, ích lợi thành tựu đạt được nguồn gốc, đạt được nguồn gốc thật tế trí đó bao nhiêu?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai sự sai khác của trí nhập vào, trước là hỏi - sau là trả lời. Trong phần Hỏi có hai: Trước là lĩnh ngộ điều nói trước đây, sau là hỏi những điều nghi ngờ. “Như mầm thành quả: Như tương tự mầm hạt lúc trở thành bông trái, không có người năng nhập - không có nơi sở nhập, nhập Như-lai-tạng nên biết cũng như vậy. Mầm hạt (miêu) dụ cho lợi ích vốn có (bổn lợi) - quả hạt (thật) dụ cho đạt được cái vốn có (đắc bổn), vì lúc nhập vào bình đẳng không hề có nơi chốn nhập vào.

Kinh: “Phật ngôn: Kỳ trí vô cùng, lược nhi ngôn chi kỳ trí hữu tứ, hà giả vi tứ? Nhất giả định trí sở vị tùy như, nhị giả bất định trí sở vị phương tiện tồi phá, tam giả Niết-bàn trí sở vị trừ điện giác, tứ giả rốt

ráo trí sở vị nhập thật cụ túc đạo. Trưởng giả! Như thị tứ đại sự dụng, quá khứ chư Phật sở nói, thị đại kiều lương, thị đại tân tế, nhược hóa chúng sanh ưng dụng thị trí". Đức Phật nói: Trí đó vô cùng tận, sơ lược mà nói trí đó có bốn, những gì là bốn? Một là Định Trí đó gọi là tùy Như, hai là Bất Định Trí đó gọi là phương tiện làm cho sụp đổ, ba là Niết-bàn trí đó gọi là giác ngộ trừ bỏ như điện chớp, bốn là Rốt ráo Trí đó gọi là nhập vào thật tế có đầy đủ đạo. Này Trưởng giả! Bốn sự dụng rộng lớn như vậy chư Phật quá khứ đã giảng nói, là chiếc cầu lớn, là bến sông lớn, nếu hóa độ chúng sanh phải sử dụng trí này.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Trong đó có ba: Đó là nêu chung lên - riêng giải thích và chung trình bày. Trong phần Nêu chung lên chép: Trí đó vô cùng: Là đã thấu suốt không giới hạn cho nên trí đó cũng không cùng tận, chỉ vì nghĩa loại tương đối, chung sơ lược mà nói có bốn loại mà thôi. Trong phần hiển bày nói riêng Định Trí: Là Bình đẳng tánh Trí chỉ ở chánh quán không dấy lên phương tiện cho nên gọi là Định Trí. Đối trị cái chấp về ngã và ngã sở của mạt na thức tùy theo quán bình đẳng cho nên nói là Tùy Như. Bất định trí: Là Diệu Quán Sát Trí ở tại Thức thứ sáu phương tiện tiến tới nhận lấy cho nên gọi là Bất định. Thời gian phương tiện đạo suy xét tìm cầu làm cho sụp đổ các tướng danh - sự cho nên nói là "phá cho sụp đổ". Trí này thật tế thông suốt phương tiện chánh quán chỉ vì khác với Định Trí cho nên sơ lược nêu lên phương tiện mà thôi. Niết-bàn trí: Là Thành Sở Tác Trí thường hiện rõ tám tướng mà làm Phật sự nêu lên tướng cuối cùng gọi là Niết-bàn Trí. Trừ diệt năm Thức mà đạt được trí này vì nghĩa này cho nên gọi là "Giác ngộ trừ bỏ ánh chớp": Nghĩa là năm Thức vừa khởi lên, cũng vừa diệt đi giống như ánh chớp điện. Rốt ráo trí: Là Đại Viên Cảnh Trí, chỉ riêng địa vị rốt ráo đạt được trí này, vì thế đối với tất cả các cảnh không có cảnh nào không cùng tận. Nhập vào một thật nghĩa cho nên gọi là Nhập Thật, không có cảnh nào không hiện rõ gọi là Cụ Túc Đạo. Trong phần chung trình bày nói bốn sự dụng lớn: Là vì dụng không có gì không hoàn bị. Lời chư Phật nói: Là vì đạo của chư Phật như nhau. "Chiếc cầu lớn": Là vì dùng bốn trí này chuyên chở người ba thừa khiến cho đến được bờ bên kia của Nhất thừa. "Bến sông lớn": Là bởi vì sử dụng bốn trí này trải qua khắp nơi sáu đường chỉ ra đạo lý xuất thế vượt qua sông Ái. Vì thế cho nên người giáo hóa cần phải sử dụng trí này vậy.

Kinh: "Trưởng giả! Dụng thị đại dụng, phục hữu tam đại sự, nhất giả ư tam Tam-muội nội ngoại bất tương đoạt, nhị giả ư đại nghĩa khoa

tùy đạo trạch diệt, tam giả ư như tuệ định dĩ bi câu lợi. Như thị tam sự thành tựu Bồ-đề, bất hành thị sự tức bất năng lưu nhập bỉ tứ trí hải, vi chư đại ma sở đắc kỳ tiện. Trưởng giả! Nhữ đẳng đại chúng nãi chí thành Phật thường đương tu tập vật linh tam thất!". Này Trưởng giả! Dụng là công dụng rộng lớn, lại có ba việc lớn. Một là đối với ba Tam-muội trong ngoài không giành giật lẫn nhau, hai là đối với nghĩa về Đại xét định thuận theo đạo chọn lựa diệt đi, ba là đối với Như tuệ định lấy Bi cùng lợi ích. Ba sự việc như vậy thành tựu Bồ-đề, không thật hành sự việc này thì không có thể trôi lăn nhập vào biển bốn trí kia, làm cho các đại ma đạt được sự thuận tiện đó. Này Trưởng giả! Đại chúng các ông cho đến thành Phật thường nên tu tập đừng làm cho tạm thời mất đi!

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba nhập vào nhân của sự dụng. Trong đó có hai: Trường hàng và Trùng tụng. Trong phần Đầu có ba: Sơ lược trình bày, tiếp tục hiển rõ, ba là lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong phần thứ nhất có bốn: 1. Nêu chung lên; 2. Riêng giải thích; 3. Hợp lại trình bày; 4. Kết luận khuyến khích. Trong phần nêu chung lên nói Dụng là đại dụng: Là nêu lên đại dụng của bốn trí đã nói trước đây, địa vị đang là Địa Thượng cho đến Phật quả. Lại có ba việc lớn: Là ba việc có thể thành tựu bốn trí. Đây là còn trong bốn địa vị của Địa Tiền, Thật hành ba sự việc này là: Thứ nhất Định - kế đến Tuệ, thứ ba là Định Tuệ đều thật hành Đại Bi làm Thể. Thứ nhất nói Định: Tức là ba Tam-muội. Ở đây có nhiều môn trái phải nói khác nhau, hoặc nói là Không - vô tướng - vô nguyện, hoặc nói là Vô tác - Vô tướng - Không không, hoặc nói là Không - Vô tác - vô tướng, tùy ý sắp xếp lập ra đều không có gì chướng ngại. Hoặc gọi là ba giải thoát, vì chỉ ở tại Vô lậu. Hoặc gọi là ba Tam-muội, vì cũng có cả Hữu lậu. Nghĩa riêng trong đó văn sau sẽ nói, nhưng nói "Nội ngoại không tương đoạt": Là nội thức và ngoại cảnh cùng nhau ngay lúc đó phát ra, giữ lấy tướng nghịch thuận làm mất đi các gốc lành, nay thấu suốt đều là Không cho nên không khiến làm mất đi. "Đối với khoa Đại nghĩa tùy theo đó chọn lọc": Nghĩa là đối với bốn Đại và ba pháp môn thuận theo lý mà chọn lọc, làm cho sụp đổ các tướng - điều phục diệt sạch hạt giống hý luận của bổn thức. Ba Tam-muội trước điều phục các ràng buộc hiện hành, ở đây tuệ chọn lựa, rút gọn điều phục giảm hạt giống, do vậy lúc bốn trí thành tựu thì có thể nhổ sạch hạt giống chuyển được tám Thức "Đối với như tuệ định dùng bi làm lợi": Tuệ và định trước đây đều thuận theo Như lý, vì thế cho nên nói tên là Như Tuệ Định. Trong đó cũng tu Đại Bi tương ưng với tự lợi - lợi tha cho nên nói là đều lợi. Vì sao? Vì nếu lìa bỏ Đại Bi dứt

khóat tu định tuệ, sẽ rơi vào nơi nhị thừa ngăn cách đạo Bồ-tát. Giả sử chỉ khởi lên Bi mà không tu định tuệ, thì rơi vào tai họa của phàm phu không phải Bồ-tát đạo, cho nên tu ba sự xa lìa hai bên, tu Bồ-tát đạo thành tựu Vô thượng giác, vì thế chép: Ba sự như thế thành tựu Bồ-đề. Nếu người không cùng thật hành ba sự này, thì trụ vào sanh tử và mê đắm Niết-bàn, không có thể trôi lăn nhập vào biển lớn bốn trí, tức làm cho bốn ma đạt được cơ hội thuận tiện. Đây là hợp lại trình bày, xuống dưới chính là khuyến Tu-làm môn thứ tư.

Kinh: "Phạm Hạnh Trưởng giả ngôn: Vân hà tam Tam-muội? Phật ngôn: Tam Tam-muội giả, sở vị không Tam-muội - vô tác Tam-muội - vô tướng Tam-muội, như thị Tam-muội". Phạm Hạnh Trưởng giả chép: Sao gọi là ba Tam-muội? Đức Phật nói: Ba Tam-muội ấy, đó gọi là không Tam-muội - vô tác Tam-muội - vô tướng Tam-muội Tam-muội như vậy.

Luận chép: Đây là phần thứ hai tiếp tục hiển bày, có hai lần hỏi và trả lời hiển rõ hai môn trước. Đây là hiển rõ môn thứ nhất, là ba sai khác sơ lược có ba nghĩa: 1. Vì Thể dụng tướng; 2. Vì tâm nhân quả; 3. Vì Thức kiến tướng. Thể dụng tướng: Là tất cả các pháp thế gian không có pháp nào vượt qua ba thứ này, pháp thể Không cho nên lập ra Không Tam-muội, không có tác dụng cho nên lập vô tác Tam-muội, không có tướng trạng cho nên lập Vô tướng Tam-muội. Tâm nhân quả: Là nhân quả vốn khởi lên hưng thịnh đối với tâm hành, tâm hành Không cho nên lập ra Không Tam-muội, các nhân không có sở hữu cho nên thiết lập Vô tác Tam-muội, các quả không thật có cho nên lập ra Vô tướng Tam-muội. Thức kiến tướng: Các Thức tự thể là Không cho nên lập ra Không Tam-muội, xả bỏ kiến phần cho nên lập ra Vô tác Tam-muội, xả bỏ tướng phần cho nên lập ra Vô tướng Tam-muội. Đây là môn thứ ba thuận theo văn "Nội ngoại chẳng đoạt lẫn nhau" ở trước.

Kinh: "Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Vân hà ư đại nghĩa khoa? Phật ngôn: Đại vi tứ đại, nghĩa vị ấm giới nhập đẳng, khoa vị bổn thức, thị vi ư đại nghĩa khoa". Phạm Hạnh trưởng giả chép: Sao gọi là đối với đại nghĩa khoa? Đức Phật nói: Đại gọi là bốn Đại, Nghĩa gọi là các loại ấm - giới - nhập v.v... Khoa gọi là bổn thức, đây là đối với Đại - Nghĩa - Khoa.

Luận chép: Đây là hiển bày môn thứ hai. Sở dĩ bốn Đại mà lại biệt lập ấy là để hiển bày ban đầu tu tập trước tiên chọn thô cảnh, nghĩa là trong các pháp thì sắc pháp thô nhất, những chi thể bên trong, những núi sông bên ngoài... quán các pháp này không lìa bốn Đại, quán bốn

Đại này đều không thật có, vì có phương sở - không có phương đều không thành tựu. Như vậy chọn lọc giản lược xong. Kế là quán nhỏ nhiệm. Nghĩa là ấm - giới - nhập, vì có sơ lược - mở rộng và trung gian, sơ lược thâu nhiếp quán năm ấm, mở rộng quán mười tám giới, giữa sơ lược và mở rộng quán mười hai nhập, quán sát tất cả đều không thật có. Kế là nói những pháp... nghĩa là pháp môn còn lại như mười hai chi v.v... Như vậy giản lược chọn lựa lực quán sát, thì có thể điều phục giảm bớt hạt giống danh ngôn hý luận từ vô thỉ bên trong Bổn thức, lúc bắt đầu điều phục giảm bớt cho đến dứt trừ diệt hết. Vì lẽ đó trước đây nói tùy đạo trạch diệt.

Kinh: "Phạm Hạnh trưởng giả ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị trí sự, tự lợi tự nhân, quá ba cõi địa, bất trụ Niết-bàn, nhập Bồ-tát đạo. Như thị pháp tướng thị sanh diệt pháp dĩ phân biệt cố, nhược ly phân biệt pháp ưng bất diệt". Phạm Hạnh trưởng giả chép: Không thể nghĩ bàn! Trí sự như vậy, lợi mình lợi người, vượt quá địa vị phàm phu, không trụ vào Niết-bàn, nhập vào Bồ-tát đạo. Pháp tướng như vậy là pháp sanh diệt vì phân biệt. Nếu lìa bỏ phân biệt thì pháp thuận theo không diệt.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong đó có hai: Đầu tiên lĩnh ngộ quán hành, sau đó hiểu rõ cảnh giới. Trí sự như vậy: Là ba thứ sự dụng như vậy có thể thành tựu bốn trí. Tự lợi lợi người: Hai sự trước là tự lợi, sự thứ ba là lợi tha. Quá ba cõi địa: Là hai định tuệ trước đây khác nhau phàm phu. Không trụ Niết-bàn: Là Đại Bi thứ ba khác nhau nhị thừa, lìa bỏ hai bên kia nhập vào Bồ-tát đạo. Từ "Như thị v.v..." trở xuống là hiểu rõ cảnh giới kia, nghĩa là sự đầu tiên tức kiến tướng các thức của cảnh định. Tiếp là pháp đại nghĩa của cảnh giới trí; pháp tướng như vậy đều là pháp sanh diệt. Vì sao? Vì do vọng phân biệt dao động biển tâm. môn yên lặng xưa nay nếu lìa bỏ phân biệt không có những nhân đó do đâu sanh diệt? Vì điều này cho nên nói "Pháp thuận theo không diệt".

Kinh: "Nhĩ thời Như-lai dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn: Pháp tùng phân biệt sanh, hoàn tùng phân biệt diệt, diệt chư phân biệt pháp, thị pháp phi sanh diệt". Lúc bấy giờ Đức Như-lai muốn nói ra nghĩa nầy liền nói bài kệ: Pháp từ phân biệt sanh ra, cũng từ phân diệt đi, diệt đi các pháp phân biệt, pháp này không phải sanh diệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai dùng kệ tụng lại. Trong đó có hai: 1. Như-lai sơ lược nói ra. 2. Trưởng giả giảng nói rộng ra. Nay trong tụng này đã nói là pháp, nghĩa là pháp của một tâm, vì nếu vọng phân biệt thì dao động biển tâm, hoặc là sanh - hoặc là diệt tất cả các

tướng chẳng có tướng nào không đều từ phân biệt mà tạo thành. Nếu căn cứ vào Bổn Giác thì môn vắng lặng xưa nay xa lìa các phân biệt cho nên là pháp chẳng phải sanh diệt. Nghĩa là từ xưa nay diệt các phân biệt, không có nhân sanh diệt, do đó chẳng phải sanh diệt. Nếu giả sử sanh và diệt đều được dấy lên từ phân biệt ấy thì trong Du-già nói.

Làm sao mà hiểu được? Như suy nghĩ kia trong Sở Thành Địa chép: “Không diệt đi Tha dụng - không tự diệt đi dụng”. Hỏi: Như các duyên có cho nên sanh, cũng các duyên có cho nên diệt đi chăng? Đáp: Các duyên có cho nên sanh, sanh rồi tự nhiên diệt, như vậy trái ngược nhau sao nói là hòa hợp? Giải thích: Đạo lý nhân duyên như luận kia nói, đạo lý Duy thức như kinh này nói. Cho nên cả hai đều có đạo lý.

Kinh: “Nhĩ thời Phạm Hạnh trưởng giả văn nói thị kệ tâm đại hân dịch dục tuyên kỳ nghĩa nghi nói kệ ngôn: Chư pháp bổn vắng lặng, vắng lặng diệc vô sanh, thị chư sanh diệt pháp, thị pháp phi vô sanh, bỉ tức bất cọng thử, vi hữu đoạn thường cố, thử tức ly ư nhị, diệc bất tại nhất trụ”. Lúc ấy Phạm Hạnh trưởng giả nghe nói kệ này tâm vô cùng vui mừng muốn tuyên bày nghĩa đó bèn nói kệ: Các pháp vốn là vắng lặng, vắng lặng cũng bất sanh ra, đều là các pháp sanh diệt, pháp này chẳng phải bất sanh, kia thì không cùng với đây, là vì có đoạn thường, đây tức là xa lìa hai, cũng không trụ vào nơi một.

Luận chép: Dưới đây là Trưởng giả mở rộng bài tụng có tám hàng kệ, tức làm thành năm phần: 1. Hai tụng chính thức giảng nói nghĩa trước đó; 2. Hai tụng phá các tà giải; 3. Một tụng nói rõ bản thân chính thức chọn lấy; 4. Hai tụng lễ người chánh nói; 5. Một tụng thỉnh cầu nói điều chưa nghe. Đây chính là phần thứ nhất chính thức giảng nói kệ trước. Trong đó có ba: 1. Hai câu giảng nói nữa dưới bài kệ kia; 2. Hai câu giảng nói nữa trên bài kệ kia; 3. Một tụng chung giảng nói hai nghĩa. Phần đầu nói các pháp vốn vắng lặng: Nói là các pháp ấm - giới v.v... xưa nay vắng lặng. Vắng lặng vô sanh: Không những các pháp xưa nay vắng lặng, mà lý của vắng lặng cũng vô sanh. Trong phần thứ hai nói các pháp sanh diệt này: Là nói ấm giới cùng các pháp thế tục. Pháp này chẳng phải vô sanh: Là vì từ phân biệt tác động mà có sanh khởi, là dựa vào môn chân tục chẳng phải một để hiển bày nghĩa động tĩnh không tạp loạn. Trong phần thứ ba chép: “Kia tức không cùng đây”: Là nói pháp vắng lặng vô sanh kia không cùng nhau song song với pháp sanh diệt này. “Vì có đoạn thường”: Nếu kia cùng với đây cùng chung có thì pháp này sanh diệt tức là có bên Đoạn, pháp kia thường tịch tức là có bên Thường, giống như nhị thừa sai lầm trái với Trung đạo. Nhưng

nghĩa một bài kệ của Đức Phật đã nói không rơi vào Đoạn - Thường. "Đây chính lìa cả hai": Vì chẳng thể không có động tĩnh. "Cũng không trụ ở một": Là vì không giữ tánh của một thật - một tâm. Lìa cả hai ấy là đưa ra Thể động - tĩnh chẳng phải hai pháp. Nên biết là sự việc không thể nghĩ bàn.

Kinh: "Nhược nói pháp hữu nhất thị tướng như mao luân, như diệm thủy mê đảo, vị chư luống dối cố. Nhược kiến ư pháp vô, thị pháp đồng ư không, như manh vô nhật đảo, nói pháp như quy mao". Nếu như nói pháp có một, tướng này giống như vành lông, như lửa - nước, mê mờ đảo ngược làm các luống dối. Nếu thấy đối với pháp không, là pháp giống trống rỗng, như mù không có mặt trời, nói pháp giống như lông rùa.

Luận chép: Đây là phần thứ hai phá các tà giải. Tà giải tuy nhiều mà đại tà có hai, dựa vào giáo sâu thẳm như lời nói giữ lấy nghĩa tự cho là rốt ráo khó có thể cảm hóa: 1. Nghe Phật đã nói về động - tĩnh không hai, liền cho là Một là một thật một tâm, do vậy phỉ báng xả bỏ đạo lý hai Đế. 2. Nghe Phật đã nói về hai môn Không - Hữu, suy nghĩ có hai pháp mà không có một thật, do đó phỉ báng xả bỏ Trung đạo không hai. Hai thứ tà giải này uống thuốc trở thành bệnh rất khó có thể chữa trị. Nay hiển bày sai lầm kia, trong hai tụng này lần lượt biểu hiện điều đó. Đầu tiên nói "Nếu nói pháp có một": Nghĩa là như trước nói cho rằng có một thật, vì như tự mình suy nghĩ nói là có một pháp. Tướng này như vòng lông luân: Nghĩa là người kia vốn nghĩ rằng một thật pháp tướng, như người mắt quáng gà (ế) đã nhìn thấy vành lông. Như lửa nước mê đảo: Nghĩa là như con hươu khát nước thấy ngọn lửa nói là nước nên chạy nhanh mà tìm cầu thì dứt khóat là mê mờ điên đảo; nghĩ rằng có một tâm cũng như thế. Làm các điều luống dối: Con hươu khát nước nhìn thấy nước - người mắt kém nhìn thấy vành lông; người có học nghĩ rằng một; các suy nghĩ như vậy luống dối như nhau. Kế là phá trừ thấy không có. "Nếu thấy pháp là không": Nghĩa là như trước nói nghĩ rằng có hai Đế, vì thế không có pháp của một tâm. "Pháp ấy giống như hư không": Người kia nghĩ rằng một tâm giống như lý không, ngoài lý không vốn không có một thật. "Như người mù ngược lại nói không có mặt trời": Nghĩa là như sinh ra đui mù nghèo túng xin ăn vốn không hề thấy ánh sáng vầng mặt trời, người có mắt đó mới cho biết là có mặt trời, người mù nói là không có - không tin có mặt trời, dứt khóat là điên đảo; suy nghĩ kia cũng như vậy, vì người kia xưa nay chỉ học về Không - Hữu mà không hề nghe đến Trung đạo không hai, vì tuy có người giải mà không thể tin nhận. Vốn dùng vầng mặt trời dụ cho Trung đạo ấy

là vầng mặt trời tròn vẹn đầy đủ có ánh sáng lớn, chỉ trừ người mù ra không có ai không nhìn thấy; một tâm cũng như vậy, tròn đầy rộng khắp không thiếu sót - có ánh sáng lớn của Bổn giác thỉ giác soi chiếu, trừ người không tin ra không có ai không thể nhập vào. Nói pháp như lông rùa: Người kia không thấy nói một tâm pháp chỉ có danh mà không có Thể giống như lông rùa, không khác gì người mù nói không có vầng mặt trời vậy.

Kinh: "Ngã kim văn Phật nói, tri pháp phi nhị kiến, diệc bất y trung trụ, cố tùng vô trụ thủ". Nay con nghe Đức Phật nói, biết pháp chẳng phải hai thấy, cũng không theo Trung an trụ, thuận theo vô trụ giữ lấy.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nói rõ bản thân chính thức giữ lấy. Biết pháp thấy chẳng có hai: Vì biết pháp Trung đạo không phải cái thấy của sự hiểu biết về có - không, tức là lìa bỏ điên đảo thứ hai về không có mặt trời. Cũng không nương Trung đạo mà trụ: Tuy lìa bỏ hai bên mà cũng không giữ Trung đạo một thật để an trụ. Tức là lìa bỏ cái vọng thứ nhất về vành lông và nước, như vậy lìa bỏ sai lầm về hai bên kia. Thuận theo sự giải thích về giáo pháp vô trụ của Đức Phật lĩnh ngộ hiểu rõ ý chỉ vô trụ đã giải thích, cho nên nói thuận theo vô trụ mà giữ lấy.

Kinh: "Như-lai sở nói pháp, tất tùng ư vô trụ, ngã tùng vô trụ xứ, thị xứ lễ Như-lai, kính lễ Như-lai tướng, đẳng không bất động trí, bất trước vô nơi chốn, kính lễ vô trụ thân". Pháp Như-lai đã nói ra, tất cả thuận theo vô trụ, con thuận theo nơi vô trụ, nơi này đảnh lễ Như-lai, cung kính lễ tướng Như-lai, trí bất động như hư không, không vướng mắc không nơi chốn, cung kính lễ thân vô trụ.

Luận chép: Đây là phần thứ tư kính lễ người năng nói. Trong đó có ba: 1. Một tụng kính lễ người năng nói; 2. Hai câu kính lễ trí năng nói; 3. Hai câu kính lễ thân năng nói. Trong phần đầu chép: Pháp của Như-lai nói giảng đều thuậ theo vô trụ: Nghĩa là vì giáo pháp của Phật thuận theo vô trụ. "Con thuận theo vô trụ nơi này đảnh lễ Như-lai": Dựa vào giáo pháp đạt được từ nơi vô trụ, càng biết Như-lai là bậc đáng tôn trọng nhất, ở tại nơi này kính lễ bậc năng nói. Trong nầy nói vô trụ: Không trụ vào hai đế cũng không ở tại Trung tuy không ở tại Trung mà lại lìa bỏ hai bên, như vậy gọi là Vô trụ xứ. Trong phần thứ hai nói Như-lai tướng: Không dùng tướng hảo làm tướng của Như-lai, dùng trí bất động làm tướng của Như-lai. Nói Đẳng Không: Nghĩa là trí của Như-lai vô lượng vô biên như cõi hư không - không nơi nào không cùng khắp.

Nói Bất Động: Thông suốt khắp tất cả không giới hạn bởi ba đời, vì đời kiếp có thời gian qua đi mà trí dụng không thể thay đổi. Trong phần thứ ba nói không vướng mắc: Vì Pháp thân lìa bỏ hai bên. Không nơi chốn: Vì ở trung gian không nơi an trụ, cho nên nói Kính lễ thân vô trụ.

Kinh: "Ngã ư nhất thiết xứ, thường kiến chư Như-lai, duy nguyện chư Như-lai, vị ngã nói thường pháp!". Con ở tại tất cả xứ, thường thấy các Đức Như-lai, chỉ nguyện xin các Như-lai, nói cho con về Thường Pháp!

Luận chép: Đây là phần thứ năm thưa hỏi về những điều chưa nghe. Trong đó nửa trên tự nói rõ về thường đối diện, hai câu dưới cầu thỉnh nói về Thường pháp. Tự nói rõ ý là vì con lìa bỏ các bên đạt được trí vô trụ, thường trong mỗi một hạt bụi thường thấy vô lượng chư Phật ở mười phương. Mười phương thế giới trong các hạt bụi không nơi nào không thấy vô lượng chư Phật, cho nên chép: "Tất cả xứ thường thấy các Như-lai". Như trong kinh Hoa Nghiêm chép: "Ở trong một hạt bụi, thấy hết vô lượng Phật, như trong một hạt bụi, tất cả trần cũng vậy". Vì có lực như vậy thì có thể nghe về Thường pháp, cho nên nguyện xin nghe giảng nói về Thường pháp.

Kinh - "Nhĩ thời Như-lai nhi tác thị ngôn: Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng đế thính, vi nhữ chúng đẳng nói ư thường pháp". Lúc ấy Đức Như-lai liền nói lời như vậy: Nay các người thiện nam tử! Các ông lắng nghe, Ta vì những người như các ông nói về Thường pháp.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ tư chép: Hội nhập vào quả thường pháp. Trong đó có ba: 1. Như-lai giảng nói; 2. Trưởng giả giảng nói; phần thứ ba đó là đại chúng được ích lợi. Trong phần đầu có hai: Đồng ý giảng nói - Chính thức giảng nói. Đây chính là đồng ý giảng nói.

Kinh: "Thiện nam tử! Thường pháp phi Thường pháp, phi nói diệc phi tự, phi đế phi giải thoát, phi vô phi cảnh giới, ly cluống dối đoạn tế, thị pháp phi vô thường, ly chư thường đoạn kiến, liễu kiến thức vi thường, thị thức thường vắng lặng, vắng lặng diệc vắng lặng". Này thiện nam! Thường pháp không phải Thường Pháp, không giảng nói cũng không phải chữ, không đế không giải thoát, không phải không có - không cảnh giới, xa lìa các ranh giới vọng - đoạn, là pháp không phải vô thường, xa lìa các cái thấy thường - đoạn, rõ ràng thấy Thức là thường Thức này thường vắng lặng, vắng lặng cũng vắng lặng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chính thức giảng nói. Trong đó có hai: Trước là nói về quả Thường, sau là chỉ ra nhân Thường.

Trong phần đầu hai câu về pháp thường - Phật thường. Trong câu đầu nói Thường pháp không phải thường pháp: Nghĩa là Thể Pháp thân thầy của Đức Phật xa lìa tướng sanh diệt cho nên nói là Thường pháp, lìa bỏ tánh thường trụ cho nên không phải thường pháp. Không nói cũng không phải danh tự: Vì bặt dứt danh ngôn năng thuyên. Không đế không giải thoát: Vì vượt lên trên thật nghĩa sở thuyên. Chẳng phải không có không cảnh giới - lìa giới hạn vọng đoạn: Không phải rốt cuộc không có cũng không phải có cảnh, không phải có cảnh cho nên xa lìa cảnh vọng chấp, mà lại không phải không có cho nên xa lìa cảnh đoạn kiến. “Tế” (giới hạn) là tên gọi khác của cảnh giới. Pháp ấy chẳng vô thường - lìa các thường đoạn kiến: Không phải vô thường cho nên lìa bỏ các đoạn kiến, mà là pháp cho nên xa lìa các thường kiến, vì thường kiến giữ lấy không phải là pháp. Đã nói về pháp Thường - kế đến nói về Phật Thường. Thấy rõ thức là thường: Đối với Thường pháp kia cuối cùng rõ ràng nhìn thấy, lúc rõ ràng nhìn thấy thì các Thức là thường, Vì sao? Vì trước kia tùy theo vô minh dao động tâm vốn vắng lặng, nay thuận theo rõ ràng nhìn thấy quay về nguồn gốc vắng lặng. Thức ấy thường vắng lặng: Các Thức xưa bất sanh diệt, không có sanh diệt cho nên tánh thường vắng lặng. Nay vào lúc rõ ràng nhìn thấy thì vĩnh viễn diệt mất như vậy là Thức vắng lặng, cho nên chép: Vắng lặng cũng vắng lặng. Vì sao? Vì Thức vắng lặng kia là pháp không có thường, cho nên diệt đi cái kia mới đạt được Thường. Đến phẩm Tổng Trì dưới đây nghĩa này sẽ biểu hiện. Lại, tánh này xưa nay vắng lặng không giữ lấy Thường tánh cho nên nói cũng vắng lặng.

Kinh: “Thiện nam tử! Tri pháp vắng lặng giả, bất tâm vắng lặng, tâm Thường vắng lặng, đắc vắng lặng giả, tâm thường chân quán”. Này người thiện nam! Người biết pháp vắng lặng, tâm không thể vắng lặng, tâm thường vắng lặng, người đạt được vắng lặng, tâm thường chân thật quán.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai chỉ ra nhân thường đó. Trong đó có hai: Riêng trình bày - Chung kết luận. Trong phần riêng cũng có hai: Trước là chân chứng quán, sau là phương tiện quán. Trong phần đầu chép: “Người biết pháp vắng lặng”: Là từ Sơ Địa trở lên biết tất cả các pháp xưa nay vắng lặng. Đã biết không có khởi lên cho nên không diệt mất tâm. Không diệt mất tâm ấy vì thường vắng lặng là biểu hiện vắng lặng của những cái biết. “Người đắc tâm vắng lặng thường chân quán”: Là trình bày tâm thường trụ của năng chứng, tùy theo lý sở chứng lìa bỏ tướng sanh diệt, mà thường không mất chân thật soi chiếu quán.

Kinh: “Tri chư danh sắc duy thị si tâm, si tâm phân biệt, phân biệt chư pháp cánh vô dị sự xuất ư danh sắc. Tri pháp như thị bất tùy văn ngữ, tâm tâm ư nghĩa bất phân biệt ngã”. Biết các danh sắc chỉ là tâm si mê, tâm si mê phân biệt, phân biệt các pháp lại không sự gì khác ngoài danh sắc. Biết pháp như vậy không tùy theo văn tự ngôn ngữ, tâm tâm đối với nghĩa không thể phân biệt Ngã.

Luận chép: Đây là phần thứ hai nói về phương tiện quán đó. Trong đó có hai: Trước trình bày chỉ là Thức tầm tư, sau hiển bày Như thật trí đó. Trong phần đầu nói tại không sự gì khác ngoài ở danh sắc: Danh nói là bốn uẩn, sắc là sắc uẩn, các bất tương ưng đều là giả kiến lập, vì: Lìa bỏ danh sắc này lại không có biệt Thể, các sự hữu vi đều là do danh sắc thâu nhiếp. Như vậy các pháp chỉ do tâm mà thật hiện, lìa tâm không có cảnh - lìa cảnh chẳng có tâm. Như vậy gọi là Duy Thức tầm tư. Như trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Tâm như hoạ sĩ giỏi, hoạ các loại ngũ âm, trong tất cả thế gian, không pháp nào không làm, như tâm - Phật cũng vậy, như Phật - chúng sanh vậy, tâm - Phật và chúng sanh, là ba không sai khác”. Vì thế đã nói về tầm tư, kế là hiển bày Như thật trí. Biết pháp như thế không tùy theo văn ngữ: Là tầm tư danh này đã dẫn dắt Như thật trí. Tâm tâm đối với nghĩa không phân biệt ngã: Là tâm tư nghĩa này đã dẫn dắt Như thật trí. Hai Ngã về Người, Pháp đều không có nghĩa, cho nên ở trong đó không phân biệt.

Kinh: “Tri ngã giả danh tức đắc vắng lặng, nhược đắc vắng lặng tức đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề”. Biết Ngã là giả danh thì đạt được vắng lặng, nếu đạt được vắng lặng tức là được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Luận chép: Đây là phần thứ hai chung kết luận. Kết luận hai thứ trước đây phương tiện trước mà đạt được chân quán, lại kết luận chân quán đạt được Bồ-đề quả.

Kinh: “Nhĩ thời trưởng giả Phạm Hạnh văn nói thị ngữ nhi nói kệ ngôn: Danh tướng phân biệt sự, cập pháp danh vi tam, chân như chánh diệu trí, cập bỉ thành ư ngũ; ngã kim tri thị pháp, đoạn thường chi sở hệ, nhập ư sanh diệt đạo, thị đoạn phi thị thường, Như-lai nói không pháp, viễn ly ư đoạn thường”. Lúc ấy Phạm Hạnh trưởng giả nghe nói lời này bèn nói kệ: Danh tướng phân biệt sự, và pháp gọi là ba, chân như chánh diệu trí, và kia trở thành năm, con nay biết pháp này, là hệ lụy đoạn - thường, nhập vào đường sanh diệt, là đoạn không là thường, Như-lai nói Không, xa lìa nơi đoạn - thường.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai Trưởng giả giảng nói nói ra.

Trong đó gồm tám tụng tức là có ba ý: Đầu tiên hai tụng rưỡi phân định ý giáo của Phật; kế đến có năm tụng phá trừ chấp trước hai bên; cuối cùng hai câu, cũng không hai quán. Trong phần đầu có hai: Trước hai tụng nói về rơi vào giáo hai bên, sau hai câu hiển bày lìa bỏ giáo hai bên. Trong phần đầu nói Danh tướng: Nghĩa là danh - cú - tự. Cú (câu) là danh tạo thành Tự là tư chất của Danh, đều là năng biểu Danh hợp lại làm Danh tướng vậy. Phân biệt sự: Nghĩa là các tâm hữu lậu - tâm pháp - sự. Nói và pháp: Nghĩa là trừ hai pháp tướng vốn có ở trước. Danh cú sở thuyên - phân biệt sở duyên: Nghĩa là sắc bất tương ưng cùng các pháp tướng trong mười sắc xứ và pháp xứ. Ba cái này là một loại nói về tướng tạp nhiễm, cho nên nói riêng danh làm ba vậy. Nói Chân như: Nghĩa là cảnh Chánh trí. Chánh diệu trí: Là hai trí lúc đầu và sau đó (bổn hậu). Nói và kia: Là cùng ba thứ trước kia; hai thứ này cùng ba thứ kia hợp lại thành ra năm sự, là đưa ra pháp tướng giáo môn của ba thừa. "Nay con biết pháp này là hệ lụy đoạn, thường: Là trình bày giáo môn kia đã nói năm sự không lìa bỏ sự mê đắm hai kiến Đoạn - Thường. Vì sao? Vì bốn loại pháp kia kèm theo tướng sanh diệt không lìa bỏ cảnh mê đắm của Đoạn kiến. Pháp chân như đó là tánh thường trụ không lìa bỏ cảnh đã giữ lấy của Thường kiến cho nên nhập vào đường sanh diệt. Là đoạn không phải là thường: Là riêng trình bày ba thứ trước và pháp chánh trí đều kèm theo bốn tướng nhập vào đường sanh diệt, dứt khóat là bên Đoạn khác với bên Thường; tức là hiển bày chân như nhập vào đường Thường có, dứt khóat là bên Thường khác với bên Đoạn vậy. Như-lai nói không pháp - Xa lìa ở đoạn thường: Là nói về một thừa giáo - nói về ba pháp Không - xa lìa sai lầm về hai bên Đoạn Thường. Vì sao? Vì như trước đã chép: Không tướng cũng Không, Không - Không cũng không, sở không cũng không. Như vậy ba không không làm hỏng Chân - Tục không giữ lại Chân - Tục, tuy lìa bỏ động - tĩnh mà không trụ vào trung gian, cho nên xa lìa bên Đoạn - bên Thường.

Kinh: "Nhân duyên vô bất sanh, bất sanh cố bất diệt, nhân duyên chấp vi hữu, như thái không trung hoa, do thủ thạch nữ tử, tất cánh bất khả đắc". Nhân duyên không có bất sanh, bất sanh cho nên không diệt, nhân duyên chấp trước là có, như hái hoa giữa hư không, giống như lấy con của Thạch nữ tử, rốt cuộc không thật có.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai phá trừ chấp trước hai bên. Trong đó có hai: 1. Bốn tụng phá trừ chấp trước bên Hữu; 2. Một tụng làm mất đi mê đắm bên Không. Trong phần đầu có hai: Hai tụng rưỡi trước là phá trừ chấp Hữu đó, một tụng rưỡi sau là chỉ ra Chân Không

kia. Trong phần trước cũng có hai: Một tụng rưỡi đầu trừ nhân duyên chấp, tiếp một tụng phá trừ ba duyên còn lại. Trong phần đầu nói Nhân duyên không có bất sanh: Nghĩa là tất cả hạt giống cùng với dị thục Thức trong bổn Thức hoặc chính là - hoặc lìa bỏ đều không thật có. Chính là như dị thục lìa bỏ giống như sừng thỏ, không chính là - không lìa bỏ cũng không hề vốn có, như các thứ bình lọ nhà cửa v.v... vì chỉ có danh. Do đạo lý này không có sanh - không có diệt, nhưng dựa vào ngôn giáo ba thừa mà người học nhất định chấp rằng thật sự có hạt giống nhân duyên; không khác gì người ngu muốn hái hoa giữa hư không, cũng giống như muốn lấy con của Thạch nữ (phụ nữ vô sanh), cùng với nhân duyên kia mãi mãi không thật có. Trong này hoa giữa hư không dụ cho hạt giống nhiễm, vì ngắt hái diệt đi; con của Thạch nữ là dụ cho hạt giống tịnh, vì giữ lấy nuôi dưỡng.

Kinh: "Ly chư nhân duyên thủ, diệc bất tùng tha diệt, cập ư kỉ nghĩa đại, y như cố đắc thật". Lìa bỏ các nhân duyên thủ, cũng không từ nơi khác diệt, và nơi nghĩa Đại chính nó, theo Như cho nên được Thật.

Luận chép: Đây là phá trừ ba duyên còn lại. Nếu như có lìa bỏ các hạt giống nhân duyên giữ lấy ba duyên còn lại nghĩ rằng thuận theo kia sanh nên dấy lên cái chấp như vậy cũng không thích ứng với lý, vì như kinh nói "Cũng không từ nơi khác". Hán dịch nơi khác: Nghĩa là Tăng thượng duyên và Sở duyên duyên. Như Nhãn Thức sanh ra dựa vào Nhãn duyên Sắc, như vậy Nhãn Sắc cùng với Thức đồng một lúc mà không phải tánh của Thức cho nên gọi là nơi khác. Đẳng vô gián duyên tuy là loại như Thức mà thể đã Diệt. Hoặc là Tha - hoặc là Diệt đều không có tự tánh, vì thế cho nên Thức sanh ra cũng không từ nơi kia. Kế đến nói và ở nghĩa đại của chính nó: Lại có suy nghĩ nói rằng các pháp uẩn giới v.v... trong đời vị lai đều có Thể của chính nó mà chưa sanh hiện, thuận theo Thể của chính nó này mà sanh ra hiện tại, vì ngăn dứt suy nghĩ này cho nên nói cũng không thuậ theo nghĩa đại chính nó. Câu trên nói đến Bất tùng (không thuận theo) xuyên suốt đối với câu dưới tại đây. Hán dịch Nghĩa: Gọi là ấm - giới - nhập, Đại là bốn đại. Như trước đã chép: Nghĩ rằng các pháp này vốn có tự Thể. Vì điều này cho nên nói nghĩa đại của chính nó vậy. Dựa theo Như nên được Thật: Nghĩa là mình có thể phát trừ các chấp về có ấy dựa vào Như lý phá trừ cho nên đạt được thật nghĩa.

Kinh: "Thị cố chân như pháp, thường tự tại như như, nhất thiết chư muôn pháp, bất như thức sở hóa, ly thức pháp tức không, cố tùng không xứ nói". Cho nên pháp chân như ấy, thường tự tại như như, tất cả

các loại muôn pháp, không giống như Thức hóa hiện, lìa thức pháp liền Không, cho nên từ nơi Không mà nói.

Luận chép: Đây là phần thứ hai chỉ ra pháp chân không. Nói vì thế: Là chấp có trước đây đều là luống dối, người có thể phá trừ điều đó cho nên đạt được chân thật, chân như không dao động - vọng pháp không thành tựu vậy. Do thức hóa hiện: Nghĩa là suy nghĩ của Thức. Những suy nghĩ về tướng lý kia không hề có gì, dứt khóat thuận theo tình mà có cho nên gọi là Sở hóa. Vì các pháp không phải như sự hóa hiện của Thức, pháp xa lìa Thức thì trống rỗng không hề có gì, vì thế cho nên Ngã thuận theo nơi Không mà nói về Như.

Kinh: "Diệt chư sanh diệt pháp, nhi trụ ư Niết-bàn, đại bi chi sở đoạt, Niết-bàn diệt bất trụ". Diệt đi các pháp sanh diệt, mà an trụ vào Niết-bàn, Đại Bi làm cho mất đi, Niết-bàn diệt mà không trụ.

Luận chép: Văn trên đã phá trừ chấp có của phàm phu, tụng này cũng làm mất đi trụ vào Không của nhị thừa. Nghĩa là người hàng nhị thừa diệt đi các pháp sanh diệt của thân - trí nhập vào nơi Niết-bàn ở trong đó trụ tám muôn kiếp cho đến mười ngàn kiếp an trụ, nhưng do chư Phật đồng Thể Đại Bi làm mất đi Niết-bàn kia khiến cho trở lại khởi tâm, lúc tâm phát khởi thì Niết-bàn liền diệt đi, như chủ buôn đứng đầu diệt đi Hóa Thành đó, vì thế cho nên ở trong đó không tiếp tục an trụ. Lúc người kia không có tâm thì không có thể phá trừ chính là, trực tiếp hiển bày chư Phật làm mất đi Niết-bàn kia, căn cứ vào đây chặn lại chí hướng của người chưa nhập vào nơi kia. Trên đây đã phá trừ hai bên có - không.

Kinh: "Chuyển sở thủ năng thủ, nhập ư Như-lai-tạng" chuyển đổi sở thủ năng thủ, hòa nhập Như-lai-tạng.

Luận chép: Đây là phần thứ ba chỉ ra không có hai quán. Vì đã phá trừ cái chấp hai bên của phàm Thánh, nay chuyển đổi hai chúng phàm Thánh kia khiến cho nhập vào quán năng sở bình đẳng. Trên đây là tám tụng trưởng giả giảng nói vậy.

Kinh: "Nhĩ thời đại chúng văn nói thị nghĩa, giai đắc chánh mạng nhập ư Như-lai - Như-lai-tạng hải". Lúc bấy giờ đại chúng nghe giảng giải về nghĩa này, đều đạt được chánh mạng nhập vào nơi Như-lai - biển cả Như-lai-tạng.

Luận chép: Đây là phần thứ ba đại chúng được lợi ích. Đắc chánh mạng: Vì lìa bỏ hai bên có - không mà đạt được Trung đạo chánh tuệ mạng. Nhập Như-lai: Vì đã nhập vào phần hạng của Như-lai trí. Vào biển Như-lai-tạng: Vì hòa nhập vào nghĩa lý sâu rộng của Bổn Giác.

Phẩm Thứ 8: **TỔNG TRÌ**

Luận chép: Trong này giải quyết nghi ngờ trong các phẩm trước, nắm giữ toàn bộ nghĩa lý chính yếu mà không quên mất cho nên thuận theo điều đã làm gọi là Tổng Trì. Lại, Địa Tạng Bồ-tát đã đạt được Văn nghĩa Đà-la-ni, nắm giữ toàn bộ văn nghĩa vốn có trong các phẩm và ghi nhớ mới khởi lên nghi của đại chúng mà lần lượt phát ra câu hỏi khéo léo giải quyết các nghi ngờ, vì thế thuận theo người chủ động thưa hỏi (năng vấn) gọi là Tổng Trì.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát tùng chúng trung khởi chí vu Phật tiền hợp chưởng hồ quỳ nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Ngã quán đại chúng tâm hữu nghi sự do vị đắc quyết tâm hữu nghi sự do vị đắc quyết, kim giả Như-lai dục vị trừ nghi, ngã kim vị chúng tùy nghi sở vấn, nguyện Phật từ bi thùy ai thích hứa! Phật ngôn: Bồ-tát ma-ha-tát! Nhữ năng thị cứu độ chúng sanh thị đại bi mẫn không thể nghĩ bàn, nhữ đương quảng vấn vị nhữ giảng nói". Lúc ấy, Bồ-tát Địa Tạng từ giữa chúng hội đứng lên đến trước Đức Phật chấp tay quỳ gối mà thưa Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con quán xét tâm đại chúng có điều nghi ngờ trừ diệt, nay con vì hội chúng tùy theo nghi ngờ chưa thưa hỏi, nguyện xin Đức Phật từ bi rũ lòng thương xót xem xét đồng ý! Đức Phật nói: Này Đại Bồ-tát! Ông có thể như vậy cứu độ chúng sanh là rất thương xót không thể nghĩ bàn, ông nên hỏi rộng ra Ta sẽ vì ông giảng nói.

Luận chép: Nội dung Chánh nói toàn phần có hai: Nói riêng về quán hành đã xong ở trước. Từ đây về sau là phần thứ hai giải quyết toàn bộ các nghi ngờ, theo vào văn có bốn: 1. Thỉnh cầu; 2. Đồng ý; 3. Giải quyết; 4. Lĩnh ngộ. Ở đây thưa hỏi cùng với trả lời là phần thỉnh cầu và đồng ý. Người chủ động thỉnh cầu (năng thỉnh) này hiệu gọi Địa Tạng, là người đã đạt được Đồng Thể Đại Bi, sinh ra và nuôi lớn gốc lành cho tất cả chúng sanh, giống như mặt đất sanh ra các loại cỏ cây, dùng Đà-la-ni nắm giữ các công đức, làm thuận lợi cho tất cả mà không cùng tận, như kho báu không dùng hết. Căn cứ vào hai nghĩa này gọi là Địa Tạng. Nay trong phẩm này giải quyết những nghi ngờ sanh ra tín hiểu. Nêu ra các thứ báu giải quyết dứt trừ để giúp cho mọi người cầu pháp. Nghĩa thích hợp tên gọi đó cho nên chủ động thỉnh cầu thưa hỏi (năng thỉnh vấn).

Kinh: "Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp vân hà bất duyên sanh? Nhĩ thời Như-lai dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn: Nhược pháp duyên sở sanh, ly duyên khả vô pháp, vân hà pháp tánh vô,

nhi duyên khả sanh pháp?". Địa Tạng Bồ-tát chép: Tất cả các pháp vì sao không từ duyên sanh? Lúc bấy giờ Đức Như-lai muốn nói ra nghĩa này liền nói kệ: Nếu pháp từ duyên sanh, lìa duyên hẳn không có pháp vì sao pháp tánh không có, mà duyên có thể sanh pháp?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba giải quyết nghi ngờ. Trong đó có hai: 1. Sáu phẩm sáu nghi ngờ trở lại lần lượt mà giải quyết; 2. Một phẩm ba nghi ngờ thuận theo thứ tự mà xả bỏ. Trong phần đầu cũng có hai: 1. Giải quyết riêng: Tổng hợp xác định. Đầu tiên trong phần giải quyết riêng - giải quyết riêng biệt sáu nghi ngờ, từ sau đến trước dần dần lùi lại mà giải quyết. Nay ở đây hỏi và trả lời giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Như-lai-tạng. Phẩm kia nói "Nhân duyên không có bất sanh, bất sanh nên bất diệt", trong đó chấp có chủ thể sanh (năng sanh) nhân duyên mà nghi ngờ quả đó sao không từ duyên sanh ra? Vì thế thừa dịp nghi ngờ kia để hỏi về duyên sanh. Như-lai nói một tụng chính là giải quyết nghi ngờ này. Trong đó nữa trên xác định cái chấp vốn có kia nữa dưới thừa dịp kia phá bỏ duyên sanh đó. Ý này chính thức lập ra duyên bất sanh ra pháp vì hướng về pháp vô giống như hướng về sừng thỏ. Căn cứ vào tỉ lượng giải quyết nghi ngờ kia.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Pháp nhược vô sanh vân hà nói pháp pháp tùng tâm sanh? Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Thị tâm sở sanh pháp, thị pháp năng sở thủ, như túy nhãn không hoa thị pháp nhiên phi bỉ". Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: Pháp nếu bất sanh ra vì sao nói pháp, pháp từ tâm sanh ra? Ngay sau đó Đức Thế Tôn liền nói kệ: Tâm này vốn sanh ra pháp, là pháp từ năng thủ sở thủ, như mắt say thấy hoa Không, pháp này như vậy không phải kia.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm chân Tánh Không. Phẩm kia chép: "Ta nói pháp ấy là vì ông, chúng sanh còn ở nơi sanh khởi mà nói, cho nên nói pháp". Dựa theo điều này nghi ngờ: Nếu dựa vào văn kia thì Đức Phật có nói pháp, pháp đã nói đó từ tâm Phật sanh ra, vì sao lại nói pháp không có sanh ra vậy? Để xả bỏ nghi ngờ này thì có hai lần: 1. Trực tiếp xả bỏ; 2. Trở lại giải quyết. Đây chính là trực tiếp xả bỏ. Chép: Tâm này vốn sanh ra pháp là pháp từ năng sở thủ: Là nay ông vốn nghĩ rằng tâm đã sanh ra pháp, dứt khóat là vọng tâm năng thủ - sở thủ, như say rượu thì mắt nhìn thấy những hoa đốm. Pháp này cũng vậy, chẳng phải pháp kia: Là ông vốn nghĩ rằng tâm đã sanh ra pháp như hoa đốm, pháp này cũng như thế, chẳng phải pháp đã nói kia, giống như ông đã nghĩ rằng sanh ra. Ý này chính là nói pháp không mà ông chấp không hề vốn có là sở

thủ cho nên giống như hoa giữa hư không. Pháp Ta đã nói lìa dứt danh ngôn, không còn suy nghĩ, sở thủ, năng thủ, đều không thể nói.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Pháp nhược như thị, pháp tức vô đãi, vô đãi chi pháp ưng tự thành. Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Pháp bổn vô hữu vô, tự tha diệc phục nhĩ, bất thủy diệc bất chung, thành bại tức bất tại". Bấy giờ, Bồ-tát Địa Tạng chép: "Nếu Pháp như thế thì không có đối đãi, pháp không đối đãi thì nên tự thành tựu". Lúc ấy, Thế Tôn bèn nói kệ: "Pháp vốn không Hữu, Vô, Tự, Tha cũng như vậy, không thủy cũng không chung, thành bại liền chẳng trụ".

Luận chép: Đây là lần hai giải quyết nghi. Có hai, trước hỏi sau đáp. Ý hỏi: Nếu các pháp từ ngôn giáo của Phật nói ra không phải sở thủ nên không như hoa đốm ở hư không, cuối cùng không có thì chính tức là pháp này nên tự nhiên thành, vì không có đối đãi, cũng như chân như. Đểgiải quyết nghi này nên Phật nói kệ. Ý nói kệ: Pháp của Ta nói bặt dứt danh ngôn, vốn không hề có-Hữu-Vô-Tự -Tha-trước sau-hoặc là thành - hoặc là bại tức là không thể an trụ, vì sao có thể nói tự nhiên thành tựu vậy? Là hiển bày người kia vì có sai lầm trái ngược nhau, nói là pháp không có thành bại, vì không có đối đãi, như không có sở thủ, lại như Chân Như. Do đạo lý này người kia chất vấn không được, chất vấn không được cho nên những nghi ngờ được giải quyết.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp tướng tức bổn Niết-bàn, Niết-bàn cập không tướng diệc như thị, vô thị đẳng pháp, thị pháp ưng như. Phật ngôn: vô như thi pháp, thị pháp thị như". Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: tất cả các pháp tướng chính là vốn có Niết-bàn, Niết-bàn và tướng Không cũng như thế, không có các pháp này, pháp này thuận theo Như. Đức Phật nói: Không có pháp như vậy, pháp này là Như.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Nhập Thật Tế. Phẩm kia nói "Đại Lực Bồ-tát chép: Tâm tướng chúng sanh, tướng cũng Như-lai, tâm của chúng sanh phải không có biệt cảnh. Đức Phật nói: Tâm của chúng sanh như thế, thật sự không có biệt cảnh. Vì sao? Vì tâm vốn tịnh, lý không có uế nhiễm". Căn cứ vào văn này dấy lên ý niệm này chép: Tâm vốn thanh tịnh chính là Như lý, xưa nay thanh tịnh tự tánh là Niết-bàn, nếu giả sử Niết-bàn cũng trống rỗng không có, thì phải là tà không có (tà vô) không thể là Như lý. Để xả bỏ nghi ngờ này cho nên nói đều là Như. Ngay nơi văn có bốn: 1. Thưa hỏi; 2. Đồng ý; 3. Lĩnh ngộ; 4. Nói về. Đầu là thưa hỏi ý chép: Nếu theo nghĩa Không, thì tất cả các pháp tướng chính là xưa nay

thanh tịnh là Niết-bàn. Lại dung hợp Niết-bàn và tướng Không đó, tức là không có sai khác giữa Niết-bàn và Không, là pháp cùng một vị, là pháp thuận với Như. Trái với người kia đã chấp cho nên dấy lên câu hỏi này. Thứ hai trong phần trả lời đồng ý với Như đã hỏi.

Kinh: "Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị! Như thị như tướng phi cọng bất cọng, ý thủ nghiệp thủ tức giai vắng lặng, tâm vắng lặng pháp câu bất câu thủ diệc ưng vắng lặng". Địa Tạng Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn! Như vậy tướng Như không phải giống nhau - không thể giống nhau, ý giữ lấy - nghiệp giữ lấy thì đều là không vắng lặng, tâm pháp là không vắng lặng đều giữ lấy hay không đều giữ lấy cũng tùy theo vắng lặng.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lĩnh ngộ hiểu rõ. Để gạt chế phục chất vấn, lại nghe trước nói dấy lên chất vấn này chép: Xưa nay Niết-bàn đã là Nhất Như, nếu dung hợp Niết-bàn và tướng Không đó là Như thứ hai. Như vậy hai Như là giống nhau hay không giống nhau? Nếu nói giống nhau (cọng) thì không phải Như lý, vì có hai thứ song song. Nếu không giống nhau thì tức là không thể không nữa, vì chỉ có một Như. Để xả bỏ chất vấn này cho nên nói Phi cọng bất cộng. Phi cọng: Là vì không có hai Như. Phi bất cọng: Là vì có hai xả bỏ. Cái xả bỏ tuy là hai mà nơi xả bỏ không có hai, do đó người kia đã chất vấn đều không thuận theo lý. "Ý giữ lấy nghiệp giữ lấy tức đều vắng lặng: Là hiển bày hai cái xả bỏ, nơi xả bỏ không có hai. Nói Ý thủ: Đã gọi là Niết-bàn, vì duyên với những gì giữ lấy (sở thủ) của tâm vắng lặng. Nói Nghiệp thủ: Tức là sanh tử, vì đã giữ lấy các nghiệp của phiền não. Hai thứ này đều là không, vắng lặng không có hai. Tâm pháp vắng lặng đều hoặc không đều giữ lấy cũng tùy theo vắng lặng": Là nói về một tâm pháp cũng không giữ lại một, sanh tử Niết-bàn là không vắng lặng không có hai, không có hai nơi là một tâm pháp, dựa vào một tâm pháp có hai thứ môn, nhưng đều giữ lấy hai môn tức là không đạt được tâm vì hai đạt được một. Nếu phế bỏ hai môn không đều mà giữ lấy cũng không đạt được tâm vì không có gì không phải tâm. Do nghĩa này cho nên có hai tâm pháp đều giữ lấy hay không cùng giữ lấy lẽ ra đều vắng lặng.

Kinh: "Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Nhất thiết vắng lặng pháp thị pháp tịch bất không, bỉ tâm bất không thời, thị đắc tâm bất hữu". Ngay sau đó Đức Thế Tôn lại nói kệ: Tất cả các pháp Vắng lặng, là pháp tịch mà chẳng Không, lúc tâm kia không thể Không, là đạt được tâm không có.

Luận chép: Đây là phần thứ tư Như-lai nói về thành tựu. Tất cả

pháp vắng lặng: Pháp của Sanh tử - Niết-bàn tất cả đều là không vắng lặng. Là pháp tịch chẳng không: Tâm - pháp không có hai vì không phải hoàn toàn không có pháp, tuy không phải là không có pháp mà không thể là có. Vì thế cho nên lúc hiểu rõ tâm không thể là Không, là lúc có thể biết tâm chẳng thể có. Vì lẽ đó trước đây nói "Đều, không, đều giữ lấy, đều tùy theo vắng lặng" ấy không trái với đạo lý vậy.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Thị pháp phi tam đế, sắc không tâm diệc diệt, thị pháp bổn diệt thời, thị pháp ưng thị diệt. Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Pháp bổn vô tự tánh, do bỉ chi sở sanh, bất ư như thị xứ, nhi hữu bỉ như thị". Lúc bấy giờ Địa Tạng Bồ-tát chép: Pháp này không phải ba đế, sắc - không - tâm cũng diệt mất, lúc pháp vốn có này diệt mất, pháp này thuận theo vậy diệt đi. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ: Pháp vốn không có tự tánh, do kia mà được sanh ra, không ở tại nơi như vậy, mà có nơi kia như thế.

Luận chép: Đây là phần thứ tư giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Bổn Giác Lợi. Phẩm kia chép: "Bồ-tát Vô Trụ chép: Tất cả cảnh không, tất cả thân không, tất cả thức không. Giác cũng nên không. Phật dạy: Nhất giác có thể vậy, vì tánh quyết định không hủy, không hoại, không phải không, không phải chẳng thể không, chẳng có không, chẳng thể không". Căn cứ vào văn nói về này, đối với nơi kia sanh ra nghi ngờ: Nếu một tâm này cũng không thể là có cho nên vắng lặng, thì tại vì sao trước đây nói một Giác không thể hủy hoại do đó không giống như Không của sắc tâm kia. Nay nhân tiện nghi ngờ này cho nên dấy lên câu hỏi này. Pháp này không phải ba đế: Tức là tụng trước nói, là một tâm pháp chẳng phải Sắc- tâm - Không cho nên chẳng phải ba đế. Nhưng ba Đế môn sơ lược có ba thứ: 1. Sắc đế tâm đế Đệ nhất nghĩa đế; 2. Hữu đế Vô Đế và Trung đạo đệ nhất nghĩa đế; 3. Như trong phẩm này văn sau đã nói. Nay ý câu hỏi này tạm thời dựa vào môn thứ nhất. Sắc, không, tâm cũng diệt: Vì pháp này đã không phải ba đế thâu nhiếp, Sắc tướng vốn không thì tâm cũng vắng lặng, lúc sắc tâm và pháp vốn có này vắng lặng thì một tâm pháp cũng thuận theo đồng vắng lặng; chính là kệ trước đây chép: "Vì tâm không có". Tức là trước đây nói chẳng giống Không ấy, chỉ là bàn luận giả dối. Như vậy nghi ngờ ngay trong tụng đối chiếu ở đây nói về sự bất đồng đó. Pháp vốn không tự tánh: Là pháp của Sắc tâm vốn không có tự tánh. Do kia mà được sanh ra: Là do tâm của Bổn Giác kia sanh ra. Những sắc tâm sanh ra là tướng sai khác, tâm Bổn Giác kia lìa tướng lìa tánh, không thể ở nơi sai khác như thế mà có như một Giác lìa tướng kia. Vì thế cho nên lúc tướng sai khác của

Sắc tâm này Không thì không thể nào cùng xả bỏ lìa tướng một Giác. Do đạo lý này nên trước đây không phải luận nói luống dối.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp vô sanh vô diệt, vân hà bất nhất? Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Pháp trụ xứ vô tại, tướng số không cố vô, danh nói nhị dữ pháp, thị tức năng sở thủ". Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: Tất cả các pháp bất sanh ra không diệt đi, vì sao không thể là một? Thế là Đức Thế Tôn liền nói kệ: Pháp trụ và xứ không còn, tướng số không nên không có, danh nói hai cùng với pháp, là chính năng thủ sở thủ.

Luận chép: Đây là phần thứ năm giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Vô sanh hạnh. Phẩm kia nói "Duyên khởi chẳng phải sanh, duyên dứt chẳng phải diệt, ở nơi có không có, không thấy chỗ sở trụ, bởi ví tánh quyết định, tánh thị quyết định này, chẳng thể là một là khác". Có căn cứ vào văn kia mà khởi lên nghi ngờ: Các pháp Sắc tâm không có sanh ra - không có diệt đi, tức là Thật tánh quyết định bình đẳng, đây chính là về chiều ngang không có sự sai khác của Sắc tâm, về chiều dọc không có sự phân biệt của sanh diệt, không có sai khác - không có phân biệt, phải là một vị, không khác nhau có thể như thế vì sao không thể là một? Đối chiếu trong tụng bây giờ nói về nghĩa "không thể là một". Pháp trụ xứ không còn: Vì các pháp an trụ và nơi vốn an trụ đều không vốn có. Tướng số không nên không có: Những tướng Sắc tâm - những số nhất dị thảy đều trống rỗng cho nên không có. Tướng và số đã không có, sao có thể có một. Lại không có Sắc cho nên chính là không có tâm tướng. Đã không phải khác nhau, thì như thế nào là một mà lại có hai của danh nói? Cho đến có pháp đã nói ấy, đây chính là năng thủ vọng tâm sở thủ chẳng phải Như thật nghĩa, có Một là hai thứ. Nói Danh thuyết Danh là giải thích về Dụng, ý thức vốn giữ lấy. Nói là âm thanh lời nói, nhĩ thức vốn hiểu rõ. Nếu nói là một tức là có hai thứ này, trong đó cũng có pháp của sở thuyên. Những số như vậy vọng tâm vốn giữ lấy, không phải thật nghĩa kia, có số như vậy, vì sao trong đó còn một vị?

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Nhất thiết chư pháp tướng, Bất trụ ư nhị ngạn, diệc bất trụ trung lưu, tâm thức diệc như thị, vân hà chư cảnh giới, tùng thức chi sở sanh? Nhược thức năng hữu sanh, thị thức diệt tùng sanh, vân hà vô sanh thức năng sanh hữu sở sanh? Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Sở sanh năng sanh nhị, thị nhị năng sở duyên, câu bổn danh tự vô, thủ hữu không hoa huyễn, thức sanh ư vị thời, cảnh bất thị thời sanh, ư cảnh sanh vị thời, thị thời thức diệc diệt, bỉ tức bổn câu

vô, diệc bất hữu vô hữu, vô sanh thức diệc vô, vân hà cảnh tùng hữu?”. Lúc ấy Địa Tạng Bồ-tát chép: Tướng tất cả các pháp, không trụ vào hai bờ, cũng không trụ vào giữa dòng, tâm thức cũng như vậy, vì sao các cảnh giới từ Thức sanh ra? Nếu Thức có thể sanh ra, thì Thức cũng thuận theo sanh ra, vì sao bất sanh ra thức mà lại sanh các hữu sở sanh? Ngay lúc đó Đức Thế Tôn liền nói kệ: Hai Thức năng sanh sở sanh, chính là hai duyên năng sở, đều vốn không có tên gọi, lấy có hoa đốm hư không, Thức sanh ở tại lúc sau, cảnh bất sanh ra lúc này, bởi lúc cảnh sanh chưa có, lúc này Thức cũng diệt mất, chính vốn có kia đều không, cũng chẳng thể có - không cái có. Bất sanh ra thức cũng không, vì sao cảnh thuận theo có?

Luận chép: Đây là phần thứ sáu giải quyết nghi ngờ khởi lên trong phẩm Vô Tướng pháp. Phẩm kia chép: “Thế nào là tướng suy nghĩ sanh diệt? Phật dạy: Theo ý không có không thể. Nếu không thể tức là sanh các niệm, thì ngàn muôn nghĩ suy là tướng sanh diệt”. Nay dựa vào sau này nói trở lại nghi ngờ văn kia. Nếu Thức có thể sanh ra, cảnh không thể, cảnh tướng trở lại sanh ra thức của các niệm tức là tâm thức. Có sanh ra có diệt, vì sao nói không trụ vào hai bờ? Nếu các tâm thức bất sanh ra không diệt đi, vì sao các Thức có thể sanh ra cảnh giới? Thừa dịp nghi ngờ như vậy nêu lên câu hỏi như vậy. Không trụ ở hai bờ: Là vì không có sanh ra - không có diệt đi. Không trụ ở giữa dòng: Vì mà không phải là một (nhi bất thị nhất). Tâm thức đã như thế không có sanh ra không có diệt đi, vì sao những gì sanh ra có thể từ thức mà không thể là cảnh giới vậy? Nếu Thức có thể sanh ra cảnh thì Thức cũng từ cảnh sanh ra? Vì sao bất sanh thức, mà có thể sanh hữu sở sanh? Vì xả bỏ nghi ngờ này cho nên nói ra ba bài tụng. Văn của ba tụng thì phân định thành hai: Một tụng đầu chỉ ra đạo lý đó, hai tụng sau phá trừ cái chấp tướng sanh. Trong phần đầu nói “Là hai năng sở duyên”: Nghĩa là ông vốn nghĩ rằng Thức là năng sanh, Cảnh là sở sanh, dứt khóat là vọng lấy năng duyên sở duyên đều là xưa nay chỉ có tên gọi mà không có tự Thể. Nếu giữ lấy làm có thì như giữ lấy hoa đốm hư không và giữ lấy hình tượng huyễn ảo để làm thật có. Vì thế cho nên không khác với không có sanh ra không có diệt đi. Trong phần sau phá trừ nói “Thức sanh ư vị thời - cảnh bất vị thời sanh” là nói về lúc Thức năng sanh chưa có - cảnh giới sanh lúc ấy không thể sanh. Lúc cảnh sanh chưa có, thời này thức cũng diệt: Là nói về lúc cảnh năng sanh chưa có thì Thức sở sanh đó vào lúc này cũng diệt đi. Diệt ấy là vắng lặng, nghĩa là xưa nay không có vậy. Chính vốn kia đều không, cũng chẳng thể có, không

cái có: Là hai năng sanh kia xưa nay đều không có, đã không có năng sanh cũng không thể làm cho có, cho nên nói chẳng thể có, không thể làm cho có vì vậy thời gian sau không có sanh ra, cho nên nói là không cái có. Không có sanh thức cũng không: Nghĩa đã không có sanh ra, sao có thể có Thức? Thức không có cho nên cảnh không thuận theo mà có. Trong này chính là có hai thứ tỉ lượng:1. Thức bất sanh, vì không có năng sanh, như đối với hạt giống cháy; 2. Cảnh bất khởi, vì không có nơi thuận theo, như thuận theo lông rùa. Sáu phần trên đây giải quyết riêng về nghi ngờ đã hoàn tất.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Pháp tướng như thị nội ngoại câu không, cảnh trí nhị chúng bổn lai vắng lặng, Như-lai sở nói thật tướng chân không, như thị chi pháp tức phi tập dã". Lúc bấy giờ Địa Tạng Bồ-tát chép: Pháp tướng như vậy trong ngoài đều vắng lặng cảnh-trí hai chúng xưa nay vắng lặng, thật tướng chân Không Như-lai đã nói, pháp như vậy chính là không phải Tập.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai xác định chung những điều đã nói. Xác định chung sáu phần giải quyết không phải bệnh mà là thuốc. Trong đó có hai: Trước là xác định không phải bệnh sau xác định là thuốc. Trong phần đầu cũng có hai: Xét kỹ câu hỏi - xác định đồng ý. Trong phần Hỏi nói "Pháp tướng như thị": Chung lĩnh hội sáu phần pháp tướng giảng nói trước đây. Nói Nội ngoại: Là Thức bên trong - Cảnh bên ngoài. Nói Nhị chúng: Là vì cảnh -trí rất nhiều. Nói Phi tập: Vì không phải tại hoạ nhóm họp sanh tử tạp nhiễm, vì không giống như ác nghiệp giữ lấy Không trở lại nhóm họp các tai hoạ.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị! Như thật chi pháp vô sắc vô trụ, không phải sở tập phi năng tập, phi nghĩa phi đại, nhất bổn khoa pháp tâm công đức tụ". Đức Phật nói: Đúng vậy! Pháp như thật không có sắc không an trụ, không phải sở tập - không phải năng tập, không phải nghĩa - không phải Đại, khoa pháp của một Bổn giác quy tụ công đức sâu thẳm.

Luận chép: Đây là Như-lai xác định đồng ý. Nói vô sắc: Là vì không phát sanh căn bệnh mê đắm vào có. Vô trụ: Là vì cũng lìa bỏ tại họa tệ hại giữ lấy Không. Không phải sở tập: Vì Khổ đế là không. Chẳng phải năng tập: Vì tập đế là không. Chẳng phải năng tập: Vì Tập đế là không. Không phải nghĩa: Vì lìa bỏ nghĩa sai khác về các ấm giới. Không phải đại: Vì lìa bỏ tướng năng tạo của địa - thủy v.v... Khoa pháp của một bổn: Là một Bổn Giác, lấy đây làm gốc rễ thường sanh ra các hành và các công đức. Nhưng Khoa có hai thứ: 1. Khoa về tạp nhiễm, nghĩa là các Thức căn bản, nghĩa như trên đã nói; 2. Khoa về thuần tịnh,

nghĩa là một Bổn giác, như văn này nói. Trong Thức căn bản kia chứa nhóm tất cả hạt giống tạp nhiễm. Trong Bổn Giác này chỉ có tánh sâu thẳm quy tụ công đức. Lìa bỏ tướng lìa bỏ tánh nên gọi là sâu thẳm, vượt quá hằng sa số cho nên gọi là nhóm.

Kinh: "Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Bất khả tư nghị, bất tư nghị tụ, thất ngũ bất sanh, bát lục vắng lặng, cửu tướng không vô, hữu không vô hữu, vô không vô hữu, như tôn sở nói pháp nghĩa giai không, nhập không vô hành bất thất chư nghiệp, vô ngã ngã sở năng sở thân kiến, nội ngoại kết sử tất giai vắng lặng, cố nguyện diệc tức, như thị lý quán tuệ định chân như, tôn giả thường nói thật như không pháp tức lương dược dã". Địa Tạng Bồ-tát chép: Không thể nghĩ bàn, không nghĩ bàn được Tụ, Thức thứ bảy và năm Thức bất sanh khởi, Thức thứ tám và Thức thứ sáu vắng lặng, tướng Thức thứ chín vắng lặng không có, có là không mà không còn có, không có là không lại không còn có nữa, như Đức Thế Tôn đã nói pháp nghĩa đều vắng lặng, nhập vào vắng lặng không có hành không mất các nghiệp, không có Ngã và Ngã sở - năng sở thân kiến, kết sử trong ngoài thảy đều vắng lặng, nguyện trước đây cũng dứt bặt, chân như tuệ định lý quán như vậy, Đức Thế Tôn thường nói Như - Không pháp này chính là thuốc hay.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai xác định là Thuốc. Trong đó cũng có hai: Trước là Bồ-tát kỹ lưỡng thưa hỏi, trong thưa hỏi có ba: 1. Lĩnh ngộ gom nhóm công đức sâu thẳm ở trước; 2. Thừa dịp hiển bày đi sâu vào lý quán; 3. Thưa hỏi Kỹ lưỡng về thắng đức của vị thuốc hay. Trong phần đầu cũng có ba: Tổng hợp nêu lên - Hiển bày riêng - Sau trở lại kết luận chung. Bất tư nghị tụ: Là nêu chung công đức lìa bỏ tướng - lìa bỏ tánh. Trong phần hiển bày riêng trước là nói về lìa bỏ tướng - sau là hiển rõ về lìa bỏ tánh. Trong đầu tiên nói Thất ngũ bất sanh: Là hợp lại nói về Không của hai thứ Mạt Thức thường trong Hành thức thì Thức thứ bảy là cuối cùng, không thường trong Hành thức thì năm Thức là cuối cùng. Bát lục vắng lặng: Là hợp lại nói về Tịch của hai thứ Bổn Thức. Thường trong Hành thức thì Thức thứ tám là căn bản, không thường trong Hành thức thì Thức thứ sáu là căn bản. Kế đến hiển rõ về lìa bỏ tánh. Cửu tướng không vô: Vì tướng Thức thứ chín cũng không giữ theo tánh. Hữu không vô hữu: Là tiếp tục thành tựu lìa bỏ tướng, pháp có tướng của tám Thức không hề có gì. Vô không hề có gì: Là tiếp tục thành tựu lìa bỏ tánh, tánh vô tướng của chín Thức không hề có gì cho nên một tâm như vậy lìa bỏ tướng- lìa bỏ tánh, tức là quy tụ vô lượng vô đức, như vậy gọi là Bất tư nghị tụ. Như Thế Tôn nói pháp

nghĩa đều không: Là phần thứ ba tổng kết về lìa tướng lìa tánh vậy. Kế đến nói về lý quán, trong đó có hai: Riêng trình bày - Tổng kết. Trong phần riêng trình bày thì có ba câu: Nhập không vô hành không mất các nghiệp ấy là Không Tam-muội, nghĩa là lý quán nhập vào Không mà không có hành của năng sở, tuy không có năng sở mà không mất đi các nghiệp về sáu độ. Kế là nói về Vô tướng Tam-muội. Không có ngã, ngã sở năng sở thân kiến: Là lìa bỏ các tướng phiền não thuộc về Kiến, vì lìa bỏ tướng Ngã - Ngã sở và tướng năng kiến- sở kiến. Nội ngoại kết sử thảy đều vắng lặng: Là lìa bỏ các tướng kết sử thuộc về Ái, vì các kết phần bên trong (nội môn) - các sử phần bên ngoài (ngoại môn)- phiền não ba cõi trống rỗng các tướng; như vậy gọi là Vô tướng Tam-muội. Cho nên, nguyện cũng dứt: Là nói về Vô nguyện Tam-muội. Vì pháp trong ba cõi đều là vắng lặng, cho nên tâm nguyện cầu tự nhiên vĩnh viễn bặt dứt; như vậy gọi là Vô nguyện Tam-muội. Như thị lý quán tuệ định chân như: Là câu tổng kết. Ba thứ như trước đều là lý quán vì không nghiêng vê Chỉ quán - năng sở không có hai. Tôn giả thường nói pháp Như Không chân thật tức là thuốc hay: Là phần thứ ba kỹ lưỡng thưa hỏi. Pháp Không như vậy có đủ các công đức chữa trị các kết sử, vì thế cho nên thích ứng chính là thuốc hay.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Không cố không tánh vô sanh tâm thường vô sanh, không tánh vô diệt tâm thường vô diệt, không tánh vô trụ tâm diệc vô trụ, không tánh vô vi tâm diệc vô vi, không vô xuất nhập ly chư đắc thất, ấm giới nhập đẳng giai tất diệc vô, tâm như bất trước diệc phục như thị. Bồ-tát! Ngã nói chư không phá chư hữu cố". Đức Phật nói: Đúng như vậy! Tại vì sao? Vì Không cho nên tánh Không không có sanh ra nên tâm thường bất sanh ra, tánh Không chẳng có diệt đi nên tâm thường không diệt đi, tánh Không, chẳng có an trụ nên tâm cũng không an trụ, tánh Không, không có hành động vô vi cũng không là vô vi không không có ra vào lìa bỏ được mất, các ấm giới nhập thảy đều cũng không có, Tâm Như không vướng mắc cũng giống như vậy. Này Bồ-tát! Ta nói các Không vì phá trừ các cái có.

Luận chép: Đây là Như-lai xác định đồng ý. Trong đó có ba: 1. Chung đồng ý. Nói không cố ý là nguyên nhân là vị thuốc hay, chỉ y cứ vào Không cho nên Có lập tức sanh bệnh. Từ "Không tánh v.v... " trở xuống là phần thứ hai đồng ý riêng. Trong đó có hai: trước là nói về uống thuốc Không do đó lìa bỏ tại hoạ về quả trôi lăn, sau là nói về uống thuốc Không cho nên chữa trị nhân của bệnh thủ trước. Trong phần đầu nói "Không tánh vô sanh tâm thường vô sanh": Là vì tâm nhập vào

Không giống như Không không có sanh ra. Lại tùy theo không có diệt đi nên tâm thường không diệt đi. Sanh diệt chính là nghĩa của Vô thường cho nên đảo lại hai tên gọi kia làm Thường vậy. Tâm cũng không trụ: Không những không có tướng đầu và sau mà cũng không có tướng trụ vào trung gian; đây là nói riêng về lìa bỏ ba tướng. Tâm cũng vô vi: Là chung hiển bày lìa bỏ ba tướng hữu vi kia, là nói về uống thuốc Không xa lìa căn bệnh Vô thường. Kế đến nói về cũng xa lìa căn bệnh của Thủ trước. Vô xuất nhập: Là không có sự khác nhau của vượt ra quán - nhập vào quán. Ly đắc thất: Là cũng xa lìa tướng của được mới- mất cũ. Tâm như không chấp mắc cũng giống như thế, Tâm của năng quán cũng như lý Không, không giữ lấy tướng ra-vào - được - mất, không vướng vào pháp của các ấm - giới - nhập, là nói về uống thuốc Không xa lìa căn bệnh chấp trước. Ta nói các Không vì phá các hữu: Là phần thứ ba kết thúc xác định. Chính nơi thật tế lý Không không có hai, nhưng nói các Không là năm - ba hạng, vì để phá trừ căn bệnh của những người mê đắm vào có, tùy theo bệnh rất nhiều cho nên nói về Không cũng như thế. Lại, lý thật chẳng phải Không chẳng thể Không, chỉ vì phá trừ Có nên gượng nói là Không, không phải Không nói về tánh Không còn lại. Dùng hai ý này kết luận giáo pháp về các Không.

Kinh: "Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Tri hữu phi thật như dương diệm thủy, tri thật phi vô như hoả tánh vương, như thị quán giả thị nhân trí da". Bồ-tát Địa Tạng nói: Bạch Đức Thế Tôn! Biết có chẳng phải thật như ngọn lửa nổi lên nước (dương diệm thủy), biết thật chẳng phải không có như tánh lửa lớn, người quán như vậy là người trí chăng?

Luận chép: Sáu phẩm sáu nghi ngờ lùi lại lần lượt mà giải quyết, giải quyết riêng - chung xác định đã hoàn tất ở trước. Dưới đây là phần thứ hai trong một phẩm ba nghi ngờ theo thứ tự mà xả bỏ, trong đó có ba, nghĩa là trong một phẩm Như-lai-tạng lại khởi lên ba nghi ngờ lần lượt xả bỏ. Nghi ngờ thứ nhất: Nói về trưởng giả Phạm Hạnh kia tụng chép: "Nếu nói pháp có một, như mê muội trái ngược nước lửa". Lại nói "Nếu thấy pháp không có như người mù đảo điên nói không có mặt trời". Có khi căn cứ vào tụng kia nói mà sanh khởi nghi ngờ: Trưởng giả là người phàm tục phân định nói ra như vậy, là vọng kiến chăng, hay là chân trí vậy? Dấy lên nghi ngờ như vậy không bằng lòng tin nhận. Để xả bỏ nghi ngờ kia nên đưa ra việc kia hỏi, dụ về ngọn lửa và nước như trước đã nói. Biết thật chẳng phải vô: Là có thể biết một thật nghĩa -tánh chẳng phải không có. Người kia nói cho rằng không có thật, vì như người mù mê đảo nói là không có mặt trời, thì biết Trưởng giả, biết rõ

thật chẳng phải không có. Nghĩa của chẳng phải không có giống như tánh đứng đầu của lửa, nghĩa là như trong gỗ có tánh hoả đại, phân tích tìm cầu mà không đạt được tánh lửa, nhưng thật thì chẳng thể không có tánh lửa trong gỗ, đi sâu vào mà tìm cầu thì lửa nhất định hiện rõ, một tâm cũng như vậy, phân tích các tướng không thật có tánh của tâm, mà thật thì chẳng thể không có tâm trong các pháp, tu đạo tìm cầu thì một tâm hiển hiện. Như vậy tướng của tánh lửa ẩn kín mà thế lực rộng lớn tựa như vua chúa, cho nên gọi là đứng đầu. Trưởng giả như vậy xa lìa quán hai bên, là người trí chăng? Thưa hỏi như vậy.

Kinh: "Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Thị nhân chân quán, quán nhất vắng lặng, tướng dữ bất tướng đẳng dĩ không thủ, dĩ tu không cố bất thất kiến Phật, dĩ kiến Phật cố bất thuận tam lưu". Đức Phật nói: Đúng vậy! Tại vì sao? Vì là người chân thật quán, quán một vắng lặng, tướng và chẳng phải tướng đều dùng Không mà giữ lấy, vì tu Không cho nên không mất đi sự thấy Phật, vì thấy Phật cho nên không thuận theo ba Lưu.

Luận chép: Dưới đây là Như-lai giải quyết nghi ngờ. Trong đó có hai: Giải quyết Trực tiếp và giải thích về giải quyết. Nói Như Thị: Là xác định đúng là người trí. Từ "Vì sao v.v... " trở xuống giải thích đúng là trí đó. Trong đó có hai: Sơ lược giải thích và giảng nói rộng. Trong phần đầu nói Quán một vắng lặng: Là quán về nghĩa vắng lặng của một tâm pháp. Tướng cùng bất tướng đều giữ lấy không: Là quán có tướng Tục và không có tướng Chân đều không còn, dung hòa làm một, vì tu Không như vậy chính là thuận với tâm Phật. Thường thấy thân Phật, lúc này từng mất đi cho nên nói Không mất sự thấy Phật. Vì thường thấy Phật càng thêm quán Không, quán Không thêm thêm lên thì xa cách ngược lại các cái có, cho nên nói không thuận theo ba. Ba Lưu thâu nhiếp đầy đủ các phiền não của ba cõi, gọi là Dục lưu - Hữu lưu và Vô minh lưu. Đây gọi là ba lưu nghĩa như thường lệ giải thích.

Kinh: "Ư đại thừa trung tâm giải thoát đạo nhất thể vô tánh, dĩ kỳ vô tánh cố không, không cố vô tướng, vô tướng cố vô tác, vô tác cố vô cầu, vô cầu cố vô nguyện, dĩ thị nghiệp cố tịnh tâm, dĩ tâm tịnh cố kiến Phật, dĩ kiến Phật cố đương sanh tịnh độ. Bồ-tát ư thị thâm pháp tam hóa cần tu tuệ định viên thành tức siêu ba cõi". Ở trong đại thừa ba giải thoát đạo một Thể vô tánh, vì vô tánh cho nên Không, Không cho nên Vô tướng, Vô tướng cho nên Vô tác, Vô tác cho nên Vô Cầu, vì Vô Cầu cho nên Vô Nguyện, theo nghiệp này cho nên tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh cho nên thấy Phật, vì thấy Phật cho nên sẽ sanh về Tịnh độ.

Bồ-tát đối với pháp sâu xa này siêng năng tu ba Không (tam hóa) thành tựu trọn vẹn định tuệ thì vượt ra ba cõi.

Luận chép: Đây là phần thứ hai giảng nói rộng ra. Trong đó có hai: Trước là nói về thắng lợi của ba giải thoát đạo, sau là hiển rõ về thắng lợi của ba hóa cần tu. Trong phần đầu nói Nhất thể vô tánh: Là đối chiếu ba giải thoát môn có tánh nhưng Thể khác nhau của hàng Tiểu thừa kia, hiển bày rõ quán hành đồng nhất Thể của hàng Đại thừa Bồ-tát. Lúc quán tâm chứng được vô tánh thuận theo nghĩa giả định nói ra lập nên ba giải thoát. Dựa theo nghĩa quên đi Thể tánh đó lập nên Không giải thoát, quên ngay phần nghĩa (nghĩa môn) về thể tướng lập nên Vô tướng giải thoát, quên ngay phần nghĩa (nghĩa môn) về Thể dụng lập nên Vô tác giải thoát, cũng gọi là Vô nguyện giải thoát, vì hiển bày rõ chỉ có một quán không hề sai khác, đối với Thể tánh tướng - dụng của tất cả các pháp, không có gì không xả bỏ - không có gì không dung hòa. Vì thế cho nên lập ra ba giải thoát môn. Theo nghiệp này nên tâm tịnh: Là vì quên đi tất cả thể - tướng dụng, tâm thường thanh tịnh vượt ra quán trải qua Tục pháp xa lìa các đắm nhiễm, tâm xa lìa đắm nhiễm có thể thấy Báo thân Phật, thấy Báo thân Phật cho nên được sanh đến Tịnh độ. Đây là thắng lợi của ba giải thoát đạo. Bồ-tát đối với pháp sâu xa này, siêng tu ba hóa: Nghĩa là ở nơi pháp Không siêng năng tu tập ba Không. Ba Không là gì? Không tướng cũng Không là Hóa tu thứ nhất, Không Không cũng Không là Hóa tu thứ hai, sở Không cũng Không là Hóa tu thứ ba; nghĩa như trước nói cho nên không phân tách bàn luận. Siêng năng tu tập ba Hóa thì thông suốt một tâm, thông suốt một tâm cho nên tuệ - định thành tựu trọn vẹn, địa vị thành tựu trọn vẹn thì vượt ngoài ba cõi. Đây là thắng lợi của siêng năng tu tập ba hóa.

Kinh: "Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Như-lai sở nói vô sanh vô diệt tức thị vô thường, diệt thị sanh diệt, sanh diệt diệt dĩ, vắng lặng vi thường, thường cố bất đoạn, thị bất đoạn pháp ly chư ba cõi động bất động pháp, ư hữu vi pháp như tị hoả khanh, y hà đẳng pháp nhi tự kha trách nhập bỉ nhất môn?" Địa Tạng Bồ-tát chép: Như-lai đã nói vô sanh vô diệt tức là vô thường, diệt đi sanh diệt này, sanh diệt đã diệt đi, vắng lặng là thường, thường cho nên không dứt, pháp không dứt này xa lìa các pháp động và bất động trong ba cõi, đối với pháp hữu vi giống như tránh hầm lửa, dựa vào pháp như thế nào mà tự trách mắng nhập vào một môn kia?

Luận chép: Dưới đây là xả bỏ nghi ngờ thứ hai trong phẩm Như-Lai-Tạng đó. Phẩm kia nói "Thấy rõ thức là thường, Thức này thường

vắng lặng, vắng lặng cũng vắng lặng”. Có căn cứ vào văn kia mà sanh ra nghi ngờ: Như vậy pháp vắng lặng thường trụ tuy có thể vui mừng nhưng quả là phẳng lặng ít thấy. Tâm của chúng sanh thô thiển khó điều hòa, như thế nào điều hòa tâm có thể hướng đến môn kia? Thừa dịp nghi ngờ như vậy dấy lên câu hỏi như vậy. Trong câu hỏi có hai: Đầu tiên nêu lên quả xa, sau là hỏi về nhân nhập vào. Trong phần đầu nói “Vô sanh vô diệt -tức là vô thường”: Tức là lĩnh ngộ lời nói ở trước: Thức này thường vắng lặng, vì xưa nay vắng lặng, là vô sanh vô diệt, mà vốn chẳng phải thường cho nên là vô thường. Diệt sanh diệt này - sanh diệt diệt rồi - vắng lặng thường: Tức là lĩnh ngộ lời nói trước đây: Vắng lặng cũng vắng lặng. Lại chép: Rõ ràng thấy Thức là thường. Từ “Đối với hữu vi pháp v.v... ” trở xuống là phần thứ hai chính là hỏi: Hướng về nhập vào môn kia phương tiện trước đây tuy có nói, phương tiện chánh quán mà lại nói sơ lược cho nên lại thỉnh cầu giảng nói rộng ra.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát ư tam đại sự kha trách kỳ tâm, ư tam đại đế nhi nhập kỳ hạnh, Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Vân hà tam sự nhi trách kỳ tâm, vân hà tam đế nhi nhập nhất hạnh? Phật ngôn: Tam sự giả nhất vị nhân, nhị vị quả, tam vị thức. Như thị tam sự tùng bổn không vô, phi ngã chân ngã vân hà ư thị nhi sanh ái nhiễm? Quán thị tam sự vi hệ sở phiêu, phiêu lưu khổ hải, dĩ như thị sự thường tự kha trách. Tam đế giả nhất vị Bồ-đề chi đạo thị bình đẳng đế phi bất đẳng đế, nhị vị đại giác chánh trí đắc đế tam vị tuệ định môn nhị hành nhập đế phi tạp hạnh nhập đế. Dĩ thị tam đế nhi tu Phật đạo, thị nhân ư thị pháp vô bất đắc chánh giác, đắc chánh giác trí lưu đại cực từ, kỉ tha câu lợi, thành Phật Bồ-đề”. Đức Phật nói: Bồ-tát đối với ba việc lớn trách mắng tâm đó, đối với ba đế lớn mà nhập vào hạnh đó. Bồ-tát Địa Tạng chép: Thế nào là ba việc mà trách tâm thế nào là ba đế mà nhập vào một hạnh? Đức Phật nói: Ba sự việc ấy một gọi là Nhân, hai gọi là Quả, ba gọi là Thức. Ba việc như vậy thuận theo căn bản là không có, không phải Ngã hay chân Ngã làm sao đối với nơi này mà sanh ra ái nhiễm? Quán xét ba việc này bị trói buộc làm cho dao động, trôi nổi trong biển khổ, vì ba việc như vậy mà thường tự mình trách mắng. Ba đế ấy, một gọi là đạo Bồ-đề là Bình đẳng đế chẳng phải không đế bình đẳng, hai gọi là Đại giác chánh trí đạt được đế không phải tà trí đạt được đế, ba gọi là tuệ định không khác nhau thật hành nhập vào đế chẳng phải lẫn lộn thật hành nhập vào đế. Dùng ba đế này mà tu Phật đạo, là người đối với pháp này không ai không thật có chánh giác, đạt được chánh giác trí trôi lăn vô duyên Từ hết sức rộng lớn, mình và người đều lợi ích, thành tựu Bồ-đề quả Phật.

Luận chép: Văn này có bốn: 1. Thưa hỏi; 2. Trả lời; 3. Thỉnh cầu; 4. Giảng nói. Trong phần giảng nói có hai: Trước là nói về phương tiện trách mắng chán ghét (kha yếm), sau là chỉ ra phương tiện hướng nhập. Trong phần đầu nói Nhân là nhân của năm Giới - mười điều Thiện. Quả là quả giàu có vui sướng của trời người. Thức ấy là chủ động nắm giữ nhân quả chính là căn bản Thức. Chúng sanh nghĩ rằng đây là nội ngã của mình, nhưng là tánh Không cho nên chẳng phải là Ngã, lý của Vô Ngã mới là Chân Ngã, do đó đối với cái chẳng phải Ngã không nên ái nhiễm. Quán tâm nổi trôi bởi các sự hệ lụy: Nghĩa là vì bốn ràng buộc che chắn lý định tâm, khiến cho ba sự việc này nổi trôi trong biển khổ. Bốn ràng buộc là? Như trong phẩm Đối Pháp Luận Đế chép: "Hệ có bốn thứ là Tham dục thân hệ, sân nhuế thân hệ, giới cấm thủ thân hệ, ở đây thật chấp thủ thân hệ, vì thường chương ngại định ý tánh thân cho nên gọi là Hệ. Vì sao? Vì từ thân này có thể ngăn cách định tâm tự tánh cho nên gọi là Hệ. Không ngăn cách Sắc thân tại vì sao thường làm nhân cho bốn loại tâm hỗn loạn? Nghĩa là vì tham ái các loại tài vật làm nhân khiến cho tâm tán loạn. Đối với sự đấu tranh không chánh hạnh làm nhân khiến cho tâm tán loạn. Đối với khó thật hành giới cấm khổ não làm nhân khiến tâm tán loạn. Không thể như chánh lý suy xét tìm tòi cảnh giới làm nhân khiến cho tâm tán loạn. Vì y chỉ kia đều kiến chấp khác nhau, đối với những cảnh đã biết không thể như chánh lý ước đoán nhiều loại vọng sanh chấp trước, nói là chỉ có nơi này là chân - còn lại đều là ngu vọng, từ đây là nhân khiến cho tâm phân tán dao động. Phân tán dao động ở đâu? Nghĩa là đối với định tâm như thật tri kiến. "Vì các sự việc ấy, luôn tự trách mình": Vì trách mắng bốn ràng buộc thường dao động mà chán ghét làm cho trôi lăn ba việc. Đã nói phương tiện trách mắng chán ghét, thế nào là phương tiện hướng vào? Đó gọi là xem xét tỉ mỉ đối với ba đế. Một gọi là Đạo Bồ-đề là bình đẳng đế chẳng phải không bình đẳng đế, nghĩa là Đức Phật đã chứng tánh Bồ-đề thanh tịnh không có gì không thông suốt yên ổn cho nên gọi là Đạo. Tất cả hữu tình đều cùng tánh này không một ai không thể quay về, là Đạo rốt ráo cho nên nói Bình đẳng không phải bất bình đẳng, đây chính là đối trị phân biệt hướng về của hàng nhị thừa. Hai gọi là Đại giác chánh trí đạt được đế không phải từ trí đạt đước đế, nghĩa là quả Nhất-thiết-trí của bậc Đại Giác chỉ chứng đạt Bình đẳng chánh trí đã đạt được, không phải duyên sâu kín đế rộng lớn có các cảnh tà trí đã đạt được, đây chính là đối trị cái chấp của các ngoại đạo. Ba gọi là tuệ định không khác nhau thật hành nhập vào đế chẳng phải lẫn lộn thật hành nhập vào đế,

nghĩa là lúc đạt được chánh trí nhập vào bình đẳng, tuệ định dung hợp trọn vẹn không có tướng thật hành riêng biệt, mới là chân thật nhập vào bình đẳng đế, không phải giống như tâm phân biệt của thế gian, vương - sở Thể sai khác Tuệ - Định hành khác nhau, vì lẫn lộn thật hành như vậy không phải chân thật nhập vào, đây chính là đối trị hạng tăng thượng mạn của thế gian quán hành chưa chứng nói là chứng. Ba thứ như vậy gọi chung là Đế. Quán sát xem xét tỉ mỉ cảnh sở quán. Lần lượt đối trị ba thứ chấp khác nhau như vậy, mới có thể chính là tu tập một Phật đạo cho nên chép: "Dùng ba đế này mà tu Phật đạo". Kế là nói về quả đã đạt được của tu đạo. Người đối với pháp này không ai đắc chánh giác: Là nói lên quả Trí đức của tự lợi, đối với ba pháp mà tu Phật đạo, chẳng có ai không đạt được quả Chánh giác. Đắc chánh giác trí trôi lăn từ tâm rất lớn: Là nói lên quả Ân đức của lợi tha, trôi lăn rộng khắp vô duyên. Từ rộng lớn cùng cực, vì khắp nơi tất cả pháp giới không đâu không được lợi ích. Mình người đều lợi thành Phật Bồ-đề: Là tổng kết hai đức trước, hai lợi đầy đủ trọn vẹn, thành tựu quả vị Đẳng Giác.

Kinh: "Địa Tạng Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Như thị chi pháp tức vô nhân duyên, nhược vô duyên pháp nhân tức bất khởi, vân hà bất động pháp nhập Như-lai?". Bồ-tát Địa Tạng nói: Bạch Đức Thế Tôn! Pháp như vậy tức là không có nhân duyên, nếu pháp không có duyên thì nhân sẽ không khởi lên, thế nào là pháp bất động nhập vào Như-lai?

Luận chép: Dưới đây là xả bỏ nghi ngờ thứ ba trong phẩm Như-lai-tạng kia. Như phẩm kia tụng cuối cùng nói "Chuyển sở thủ năng thủ - nhập vào Như-lai-tạng". Có căn cứ vào giảng nói ở đây mà nghi ngờ nơi kia: Đế bình đẳng của Đạo Bồ-đề trong phẩm này chính là năng lực nhân duyên không đối đãi trong phẩm Như-lai-tạng, vì sao phẩm kia chuyển đổi nhân của năng sở mà có thể được nhập vào pháp Như-lai-tạng? Có dấy lên nghi ngờ này cho nên thừa dịp hỏi về nơi kia không có vô nhân duyên: Là do bình đẳng cho nên không thuận theo nhân duyên. Lại, bình đẳng cho nên lập tức không có duyên nào khác, duyên khác không có cho nên nhân không thể khởi lên, vì sao đối với kia không có pháp khởi động, mà sử dụng nhân duyên được nhập vào Như-lai? Nếu sử dụng năng lực của nhân để nhập vào, thì chính là đối đãi vì nhân duyên không phải là bất động.

Kinh: "Nhĩ thời Như-lai dục tuyên thử nghĩa nhi nói kệ ngôn: Nhất thiết chư pháp tướng, tánh không vô bất động, thị pháp ư thị thời, bất ư thị thời khởi, pháp vô hữu dị thời, bất ư dị thời khởi, pháp vô động bất động, tánh không cố vắng lặng, tánh không vắng lặng thời, thị pháp thị

thời hiện, ly tướng cố tịch trụ, tịch trụ cố bất duyên". Lúc bấy giờ Đức Như-lai muốn nói ra nghĩa này nên nói kệ: Tướng của tất cả các pháp, tánh Không không có bất động, pháp này ở tại lúc này, không khởi lên vào lúc này, pháp không có lúc khác nhau, không khởi lên vào lúc khác, pháp không có động - bất động, tánh Không cho nên vắng lặng, vào lúc tánh Không vắng lặng, pháp này lúc này hiện rõ, lìa tướng cho nên tịch trụ, tịch trụ vì thế không duyên.

Luận chép: Dưới đây chính là Như-lai thức giải quyết những nghi ngờ. Nói ra sự bình đẳng bất động đó mà có nghĩa được nhập vào. Trong tám bài tụng thì có hai phần: Ba hàng trước giảng nói sơ lược, năm hàng sau giảng nói rộng ra. Trong phần sơ lược có hai: Hai hàng trước nói về nghĩa Bất động, một hàng tụng sau nói về nghĩa Đắc nhập. Hai hàng trước có ba: Đó là nêu lên - giải thích - kết luận. Hai câu đầu tiên nêu lên nghĩa Bất động. Bốn câu tiếp giải thích về nghĩa Bất động. "Pháp này ở lúc này, ở lúc này không khởi": Thị thời là nói đến đời này (thử thể), đời này tức là hiện tại bây giờ. Thời gian hiện tại không bao giờ có tạm trụ, tinh tế trừ bỏ dĩ vãng và vị lai thì không có phần giữa, như trừ bỏ thời gian không có nơi trung gian, cho nên ở tại lúc này không thể nào có khởi lên. Pháp không có lúc khác, ở lúc khác không khởi: Nói lúc kháclà điều mà người ta gọi là quá khứ - vị lai. Vị lai chưa có cho nên không có nghĩa của Khởi. Quá khứ đã không còn cũng không có nghĩa của Khởi. Căn cứ vào đạo lý này nên pháp không có khởi động. Đã không có cái động của sanh khởi thì cũng không vĩnh cửu trụ vào bất động, cho nên nói "Pháp không có động, bất động - tánh không nên vắng lặng", hai câu này là kết luận nghĩa Bất động. Kế đến một hàng tụng sau nói về nghĩa Đắc nhập. "Tánh không khi vắng lặng": Lúc rõ ràng thấy tánh Không vắng lặng, pháp bất động lúc này hiển hiện. Hiển hiện nơi tâm cho nên nói là đắc nhập. Như vậy nữa trên nói về nghĩa Đắc nhập. Nhưng ở đây nói về pháp xa lìa tất cả các tướng, xa lìa các tướng cho nên vắng lặng mà an trụ, an trụ vắng lặng cho nên không bao giờ thuận theo duyên. Vì thế cho nên tuy có nhập vào mà không phế bỏ nghĩa Ly duyên. Như vậy nữa dưới hiển bày nghĩa Ly duyên vậy.

Kinh: "Thị chư duyên khởi pháp, thị pháp duyên bất sanh, nhân duyên sanh diệt vô, sanh diệt tánh vắng lặng, duyên tánh năng sở duyên, thị duyên bổn duyên khởi, cố pháp khởi phi duyên, duyên vô khởi diệc nhĩ, nhân duyên sở sanh pháp, thị pháp thị nhân duyên, nhân duyên sanh diệt tướng, bỉ tức vô sanh diệt". Đều là các pháp duyên khởi, pháp này duyên với bất sanh, nhân duyên sanh diệt không có, sanh diệt tánh

không vắng lặng, duyên tánh năng duyên sở duyên, duyên này vốn là duyên khởi, cho nên pháp khởi không duyên, duyên không khởi cũng vậy, nhân duyên vốn sanh ra pháp, pháp này đều là nhân duyên, tướng sanh diệt của nhân duyên, kia chính là bất sanh diệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai giảng nói rộng ra. Trong đó có hai: Ba tụng trước này mở rộng về nghĩa Bất động, hai tụng sau đó giảng nói về nghĩa Đắc nhập. Trong phần đầu cũng có hai: Đó là hai tụng trước mở rộng vốn không đạt được để nói về Bất động, một tụng sau đuổi theo cuối cùng không đạt được nói về Bất động. Trong phần trước có ba: Đó là nêu lên - giải thích về kết luận. Đầu tiên chép: "Đều là các pháp duyên khởi, pháp này duyên với bất sanh": Là nêu lên các quả pháp duyên đó bất sanh khởi. Kế là có bốn câu giải thích về nghĩa Bất sanh. "Nhân duyên sanh diệt không có": Là nói về các nhân duyên sanh diệt không dừng lại (trụ) cho nên không có công năng sanh ra quả. "Sanh diệt tánh Không vắng lặng: Vì không dừng lại cho nên không có sanh diệt, tánh Không vắng lặng do đó cũng bất sanh ra quả. "Duyên tánh năng, sở duyên": Hạt giống nhân duyên ẩn nấp sâu xa gọi là Tánh, gốc rễ tăng thượng duyên thường đối diện cảnh giới cho nên gọi là năng duyên, gốc rễ vốn duyên với cảnh giới đã đối diện cho nên gọi là Sở duyên. Lần lượt duyên pháp diệt cho nên không luận đến. Như vậy hạt giống tánh duyên cùng hai duyên năng sở đó đều là sự phát khởi của bổn duyên, cho nên chép: "Duyên này vốn là duyên khởi". Duyên này chính là nguồn gốc đó, các duyên cũng giống như trước nói. Sanh diệt tánh là không cho nên không có công dụng sanh ra. Căn cứ vào ba nghĩa này nên duyên không có nghĩa sanh ra. Nên pháp khởi không phải duyên": Là kết luận quả pháp khởi lên không phải sanh ra từ duyên: "Duyên không khởi cũng vậy": Kết luận về duyên không có khởi lên cũng giống như quả đó. Kế là có một tụng đuổi theo rốt ráo không đạt được, để nói về Bất động. Pháp do nhân duyên sanh - pháp ấy là nhân duyên": Là nói về các quả pháp cũng là nhân duyên, vì hướng về pháp sanh sau mà làm duyên. Các quả pháp này đã là nhân duyên tức là giống như trước chép: Sanh diệt tánh là không cho nên chép: "Tướng sanh diệt của nhân duyên kia chính là vô sanh diệt. Lúc trước sơ lược nói vì trực tiếp nói về quả Không, lúc này mở rộng dựa sát vào nhân duyên mà nói là muốn hiển bày nhân quả bất động của các pháp tức là đạo Bồ-đề bình đẳng, không phải ngoài pháp này cầu tìm Bồ-đề khác, là nói về đại ý của kệ này. Như pháp sư Tăng Triệu nói: Đạo xa vời quá chăng, xúc sự mà chân thật; Thánh xa vời quá chăng, Thể đó chính là

thần rồi!"

Kinh: "Bỉ như chân thật tướng, bổn bất ư xuất một, chư pháp thị thời, tự sanh ư xuất một, thị cố cực tịnh bổn, bổn bất nhân chúng lực, tức ư hậu đắc xứ, đắc đắc ư bổn đắc". Như kia là tướng chân thật, vốn không quay về ẩn hiện, các pháp ở tại lúc này, tự sanh ra từ ẩn hiện, vì thế vốn là cực tịnh, vốn không nhờ vào các lực, thì đối với nơi hậu đắc, đạt được cái được vốn được.

Luận chép: Hai tụng này là giảng nói về nghĩa Đắc nhập. Trong đó có hai: 1. Một tụng đối với các pháp có biến động nói về Như bất động. 2. Hai câu nói về xa lìa duyên pháp có nghĩa Đắc nhập. Hậu đắc xứ: Gọi là Đạo hậu xứ. Trong phần sơ lược giảng nói trước đây nói "Vắng lặng thời" chính là Hán dịch xứ của hậu đắc. Đã là vắng lặng sao có xứ thời, nhưng xa lìa Thời xứ cho nên gởi gắm vào Thời Xứ mà thôi. Đắc đắc ư bổn đắc: Rốt ráo Thỉ Giác cho nên gọi là Đắc, đây là Năng đắc. Rốt ráo Thỉ Giác cũng đồng với Bổn Giác. Vì điều này cho nên nói là Đắc ở đắc vốn có. Trên đây là phần thứ ba giải quyết nghi ngờ xong.

Kinh: "Nhĩ thời Địa Tạng Bồ-tát văn Phật sở nói, tâm địa khóai nhiên, thời chư chúng đẳng vô hữu nghi giả, tri chúng tâm dĩ nhi nói kệ ngôn: Ngã tri chúng tâm nghi, sở dĩ ân cố vấn, Như-lai đại từ thiện, phân biệt vô hữu dư, thị chư nhị chúng đẳng, giai tất đắc minh liễu, ngã kim ư liễu xứ, phổ hóa chư chúng sanh, như Phật chi đại bi, bất xả ư bổn nguyện, cố ư nhất tử địa, nhi trụ ư phiền não". Bấy giờ, Bồ-tát Địa Tạng nghe những điều Đức Phật đã nói, tâm địa thư thái, lúc ấy các chúng đều không có người nghi ngờ, biết rõ tâm chúng rồi bèn nói kệ: Con biết tâm mọi người nghi, cho nên tha thiết thưa hỏi, Như-lai hết sức yêu thương, phân tích không có gì còn, các hàng trong hai chúng này, thảy đều hiểu được rõ ràng, con nay ở nơi hiểu rõ, hóa độ khắp mọi chúng sanh, như đại bi của Đức Phật, không xả bỏ nơi bổn nguyện, nên đối với nơi con đỏ, mà trụ trong phiền não.

Luận chép: Đây là phần thứ tư lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong ba bài tụng này thì có hai phần: Một bài tụng rưỡi trước là kết luận về lời ích giải quyết nghi ngờ ở trước, một tụng rưỡi sau là trình thưa về hạnh hóa độ rộng khắp sau này. Nhất tử địa: Là từ Sơ Địa trở lên, đã chứng tất cả chúng sanh bình đẳng nhìn các chúng sanh như nhìn con một; đây gọi là Thanh tịnh tăng thượng ý lạc, nương vào dụ bày tỏ gọi là Nhất tử địa. Mà trụ ở phiền não: Bồ-tát tuy đạt được các pháp bình đẳng, mà dùng lực phương tiện không xả bỏ phiền não, nếu xả bỏ tất cả phiền não tùy

miên nhân tiện vào Niết-bàn là trái với bổn nguyện. Như trong Du-già Luận Tam Ma Sất Đa Quyết Trạch chép: "Diệt tận Đẳng chí nen nói là vô lậu, vì cùng với phiền não không tương ưng, vì không phải tương ưng, vì không có sở duyên, vì không phải sanh ra từ các phiền não, là xuất thế gian tất cả phàm phu không có thể thật hành, chỉ ngoại trừ đã nhập vào Viễn Địa Bồ-tát. Bồ-tát tuy có thể khởi lên pháp xuất thế làm cho hiện rõ ở phía trước, nhưng bởi lực phương tiện thiện xảo cho nên không xả bỏ phiền não". Xét rằng: Trong này nói Bất xả: Là không phải rốt ráo xả, như hàng La-hán, cho nên nói là Bất xả không phải hoàn toàn bất xả, cho nên nói là Bất xả. Trong này thảy đều nói rõ, như chương Nhị Chướng giải thích, vì Bất xả cho nên nói là Trụ phiền não, do vậy không nhập vào Niết-bàn mà hóa độ rộng khắp mười phương giới. Trong một quyển kinh này nói có ba phần, phần thứ hai là chánh Nói hoàn tất ở tại nơi trước vậy.

Kinh: "Nhĩ thời Như-lai nhi cáo chúng ngôn: Thị Bồ-tát giả không thể nghĩ bàn, hằng dĩ đại bi bạt chúng sanh khổ; nhược hữu chúng sanh trì thị kinh pháp, trì thị Bồ-tát danh, tức bất đoạ ư ác thú, nhất thiết chướng nạn giai tất trừ diệt; nhược hữu chúng sanh vô dư tạp niệm chuyên niệm thị kinh như pháp tu tập, nhĩ thời Bồ-tát thường tác hóa thân nhi vị nói pháp, ủng hộ thị nhân chung bất tạm xả, linh thị nhân đẳng tốc đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Lúc ấy, Đức Như-lai liền nói cho mọi người biết: Vị Bồ-tát này không thể nghĩ bàn, thường dùng Đại bi bạt trừ khổ đau cho chúng sanh; nếu có chúng sanh trì kinh pháp này, trì danh hiệu Bồ-tát này, thì không đoạ vào đường ác, tất cả chướng nạn thảy đều trừ diệt; nếu có chúng sanh không còn lại những ý niệm tạp loạn chuyên chú niệm tụng kinh này như pháp tu tập, lúc ấy Bồ-tát thường hiện Hóa thân mà vì họ nói pháp, ủng hộ người này thường không lúc nào lìa bỏ, khiến cho người này cùng mau chóng đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba gọi là phần Lưu Thông. Trong đó có sáu: 1. Khen ngợi người lưu thông; 2. Khuyến khích chúng hội lưu thông; 3. Lập thành tên gọi lưu thông; 4. Thọ trì lưu thông; 5. Sám hối lưu thông; 6. Vâng hành lưu thông. Đây chính là phần thứ nhất khen ngợi người lưu thông. Khen ngợi chủ thể (năng) lưu thông kinh này là vị Bồ-tát có bốn loại thắng đức: 1. Công đức Đại bi hóa độ rộng khắp tất cả; 2. Công đức riêng lợi ích cho người trì kinh này; 3. Công đức hóa thân nói pháp; 4. Công đức làm cho đạt được cực quả.

Kinh: "Nhữ đẳng Bồ-tát nhược hóa chúng sanh giai linh tu tập như

thị Đại thừa quyết định liễu nghĩa". Bồ-tát các ông nếu hóa độ chúng sanh đều khiến cho tu tập Đại thừa quyết định liễu nghĩa như vậy.

Luận chép: Đây là phần thứ hai khuyến khích chúng hội lưu thông. Quyết định liễu nghĩa: Là nói về sâu xa nhất cùng cực nhất, không có thể hơn được nữa.

Kinh: "Nhĩ thời A-nan tùng toà nhi khởi tiền bạch Phật ngôn: Như-lai sở nói Đại thừa phước tụ quyết định đoạn kết vô sanh giác lợi không thể nghĩ bàn, như thị chi pháp danh vị hà kinh, thọ trì thị kinh đắc kỉ sở phước, nguyện Phật từ bi vi ngã giảng nói!" Lúc ấy A-nan từ chỗ ngồi mà đứng lên về phía trước thưa với Đức Phật: Như-lai đã nói về Đại thừa phước tụ - quyết định đoạn kết - vô sanh giác lợi không thể nghĩ bàn, pháp như vậy gọi là kinh gì, thọ trì kinh này được bao nhiêu phước, nguyện xin Đức Phật từ bi giảng giải nói ra cho con!

Luận chép: Dưới đây là phần thứ ba lập thành tên gọi lưu thông. Trước là thưa hỏi - sau là trả lời. Trong phần thưa hỏi cũng có hai: Trước lĩnh ngộ - sau thưa hỏi. Trong phần lĩnh ngộ thì nói về bốn loại công năng thù thắng của kinh này: 1. Thường khiến cho người thọ trì đạt được vô lượng phước, như kinh nói "Đại thừa phước tụ". 2. Thường làm cho người thọ trì vĩnh viễn dứt trừ các kết sử, như kinh nói "Quyết định đoạn kết". 3. Tông chỉ đã giải thích là Bổn giác lợi, như kinh nói "vô sanh giác lợi". 4. Giáo thường giải thích khó có thể suy lường, như kinh nói "Bất khả tư nghị". Kế là trong phần thưa hỏi - hỏi về hai sự việc: Trước là hỏi về tên kinh, vì biết nội dung quan trọng của kinh; sau là hỏi về phước thọ trì, vì trì kinh cầu phước.

Kinh: "Phật ngôn: Thiện nam tử, thị kinh danh giả không thể nghĩ bàn, quá khứ chư Phật chi sở hộ niệm, năng nhập Như-lai Nhất-thiết-trí hải, nhược hữu chúng sanh trì thị kinh giả tức ư nhất thiết kinh trung vô sở hy cầu, thị kinh điển pháp tổng trì chúng pháp, nhiếp chư kinh yếu, thị chư kinh pháp pháp chi hệ tông, thị kinh danh giả danh nhiếp Đại thừa kinh, hựu danh Tam-muội Kim Cương, hựu danh vô lượng nghĩa tông". Đức Phật nói: Này người thiện nam, tên gọi kinh này là không thể nghĩ bàn, được chư Phật quá khứ hộ niệm, có thể hòa vào biển Nhất-thiết-trí của Như-lai; nếu có chúng sanh thọ trì kinh này thì tức là ở trong tất cả các kinh không có gì cầu tìm mong mỏi, kinh này là pháp chuẩn mực nắm giữ toàn bộ các pháp, thâu nhiếp các kinh quan trọng, là tông chỉ gắn liền với các kinh pháp, tên kinh này gọi là Nhiếp Đại thừa Kinh, còn gọi là Tam-muội Kim Cương, lại gọi là Vô Lượng Nghĩa Tông.

Luận chép: Dưới đây là trong phần trả lời có hai, vì như thứ tự

đó trả lời hai câu hỏi. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là khen ngợi danh nghĩa, sau là chính thức lập nên tên gọi. Trong phần trước cũng có hai: Đầu là chung khen ngợi tên gọi, sau là hiển bày riêng về nghĩa. Từ "Năng nhập v.v... " trở xuống là hiển bày riêng nghĩa, tức là hiển rõ ba nghĩa. Từ "Năng nhập Như-lai trí hải" cho đến "Vô sở hy cầu": Là nói về nghĩa của tên gọi Tam-muội Kim Cương, không có pháp nào không thể làm hỏng - không có lý nào không thể cùng tận, do vậy khiến cho hòa vào biển trí của Như-lai, vượt qua đây càng không có gì hy vọng. "Kinh này... các kinh quan trọng": Là hiển bày nghĩa của tên gọi Nhiếp Đại thừa Kinh. Là tông chỉ các kinh pháp: Là hiển bày nghĩa của tên gọi Vô Lượng Nghĩa Tông. Nghĩa hai tên gọi này có gì sai khác? Ấy là trước nói về nghĩa thâu nhiếp rộng các kinh, sau nói về tông chỉ cao nhất của các kinh. Kế đến lập thành ba tên gọi trong đó thảy đều biết rõ, trong hai môn ở văn trước đã nói rộng ra.

Kinh: "Nhược hữu nhân thọ trì kinh điển giả tức danh thọ trì bách thiên chư Phật, như thị công đức thí như hư không vô hữu biên tế, không thể nghĩ bàn, ngã sở chúc luỹ duy thị kinh điển". Nếu có người thọ trì kinh điển này ấy chính gọi là thọ trì trăm ngàn chư Phật, công đức như vậy ví như hư không không có giới hạn, không thể nghĩ bàn được, Ta đã nhiều lần dặn dò chỉ có kinh điển này.

Luận chép: Đây là trả lời câu hỏi thứ hai. Trong đó chính là hiển bày bốn loại thắng đức: 1. Trì Phật thắng đức, vì kinh này thường thâu nhiếp tâm của chư Phật, như kinh nói "Thọ trì bách thiên chư Phật".2. Quảng đại thắng đức, như kinh nói "Vô hữu biên tế". 3. Sâu xa thắng đức, như kinh nói "Bất khả tư nghị". 4. Vô tỉ thắng đức, như kinh nói "Chỉ có kinh điển này".

Kinh: "A-nan ngôn: Vân hà tâm hành, vân hà nhân giả thọ trì thị kinh? Phật ngôn: Thiện nam tử! Thọ trì thị kinh giả thị nhân tâm vô đắc thất, thường tu phạm hạnh, nhược ư hý luận, thường lạc tịnh tâm, nhập ư tụ lạc, tâm thường tại định, nhược xứ cư gia, bất trước tam hữu". A-nan chép: Tâm hành thế nào, người ấy thọ trì kinh nầy thế nào? Đức Phật nói: Này người thiện nam! Người thọ trì kinh này là người mà tâm không có được - mất, thường xuyên tu các phạm hạnh, nếu ở nơi hý luận, tâm thường thanh tịnh yên vui, nhập vào chốn Tu-lạc, tâm thường đang định; nếu chung sống ở nhà không đắm vào ba cõi.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ tư thọ trì lưu thông. Trong đó có hai: 1. Chính thức nói về thọ trì; 2. Lặp đi lặp lại tiếp tục hiển bày. Trong phần đầu cũng có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần hỏi

cũng có hai: Trước là hỏi về tâm hạnh của người thọ trì kinh sau hỏi về phước lợi của người thọ trì kinh. Trong phần trả lời lần lượt trả lời hai câu hỏi này. Trong phần đầu chính là nói về năm loại tâm hạnh: 1. Tâm vô đắc thất: Là vì không quán sát đúng sai tốt xấu của người khác. 2. Thường tu phạm hạnh: Vì bên trong tu hạnh thanh tịnh của xa lìa tướng. 3. Thường lạc tịnh tâm: Vì quyết định bởi động hay bất động. 4. Tâm thường tại định: Vì nơi ở nhiễm tạp mà không thể nhiễm tạp.

Kinh: "Thị nhân hiện thế hữu ngũ chủng phước: Nhất giả chúng sở tôn kính, nhị giả thân bất hạnh yểu, tam giả biện đáp tà luận, tứ giả lạc độ chúng sanh, ngũ giả năng nhập Thánh đạo. Như thị nhân giả thọ trì thị kinh". Người này đời hiện tại có năm loại phước: 1. Được mọi người tôn kính; 2. Thân không bất ngờ chết non; 3. Giải thích đối tà luận; 4. Vui mừng hóa độ chúng sanh; 5. Có thể nhập vào Thánh đạo. Như vậy người ấy thọ trì kinh này.

Luận chép: Đây là trả lời câu hỏi thứ hai, tùy theo năm hạnh trước đạt được năm phước này. Được mọi người tôn kính: Là vì người đó không quan sát sự đúng sai tốt xấu của mọi người. Thân không bất ngờ yểu: Là vì người đó thường tu hạnh xa lìa tướng. Giải thích tà luận: Là vì tâm vui với yên tĩnh. Vui độ chúng sanh: Là vì nhập vào - tản ra thường an định. Năng nhập Thánh đạo: Là vì không mê đắm ba cõi.

Kinh: "A-nan ngôn: Như bỉ nhân giả độ chúng sanh đắc thọ cúng bất? Phật ngôn: Như thị nhân giả năng vị chúng sanh tác đại phước điền, thường hành đại trí quyền thật câu diễn thị tứ y tăng, ư chư cúng dường mãi chí đầu mục tủy não diệc giai đắc thọ hà huống y thật nhi bất đắc thọ? Thiện nam tử! Như thị nhân giả thị nhữ tri thức, thị nhữ kiều lương, hà huống phàm phu nhi bất cúng dường?". A-nan chép: Như điều kia người ấy độ các chúng sanh được thọ nhận cúng dường hay không? Đức Phật nói: Người như vậy có thể vì chúng sanh làm ruộng phước lớn, thường thật hành đại trí quyền thật cùng giảng nói về Tứ y Tăng, đối với các thứ cúng dường cho đến đầu mắt tủy não cũng đều có thể thọ nhận huống chi y phục thật phẩm mà không có thể thọ nhân? Này người thiện nam! Người như vậy là tri thức của ông, là chiếc cầu của ông, huống chi phàm phu mà không cúng dường?

Luận chép: Dưới đây là lặp đi lặp lại tiếp tục hiển bày. Trong đó có hai: Trước là nói về Thể của ruộng phước, sau là nói về công năng sanh khởi phước. Đây chính là phần đầu vậy. Tứ y Tăng: Y thứ nhất là có đủ tánh phiền não, địa vị ở tại Địa Tiền, ba Y còn lại địa vị ở tại Địa Thượng. Như kinh Niết-bàn đã nói nhiều về điều đó.

Kinh: “A-nan ngôn: Ư bỉ nhân sở thọ trì thị kinh, cúng dường thị nhân đắc kỉ sở phước? Phật ngôn: Nhược phục hữu nhân trì dĩ mãn thành kim ngân nhi dĩ bố thí, bất như ư thị nhân sở thọ trì thị kinh nhất tứ cú kệ, cúng dường thị thân”. A-nan chép: Đối với người ấy đã thọ trì kinh này, cúng dường người này đạt được bao nhiêu phước? Đức Phật nói: Nếu có người cầm theo vàng bạc đầy thành để mà bố thí, không bằng đối với sự thọ trì một bài kệ bốn câu trong kinh này mà, cúng dường người này.

Luận chép: Đây là thứ hai nói về người trì kinh thường sanh ra nhiều phước. Dùng vàng bạc đầy thành giúp cho người không trì kinh thì phước đạt được không bằng phước đạt được từ sự cúng dường một bữa ăn một tấm áo cho người trì một bài kệ bốn câu trong kinh này.

Kinh: “Thiện nam tử! Linh chư chúng sanh trì thị kinh giả tâm thường tại định bất thất bổn tâm, nhược thất bổn tâm tức đương sám hối, sám hối chi pháp thị vi thanh lương”. Này người thiện nam! Người khiến cho các chúng sanh trì kinh này tâm thường ở trong định không mất đi tâm vốn có, nếu mất đi tâm vốn có thì nên sám hối, pháp sám hối thật là mát mẻ.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ năm sám hối lưu thông. Trong đó có hai: Trước là khen ngợi công đức sám hối, hai là hiển bày lại. Trong phần đầu nói mát mẻ: Dứt trừ nhân bất thiện vẫn đục nên trong trẻo, xa lìa quả sanh tử nóng bức phiền muộn cho nên mát mẻ.

Kinh: “A-nan ngôn: Sám hối tiên tội bất nhập ư quá khứ dã Phật ngôn: Như thị! Do như ám thất nhược ngộ minh đăng ám tức diệt hĩ. Thiện nam tử! Vô nói hối tiên sở hữu chư tội nhi dĩ vi nói nhập ư quá khứ?”. A-nan chép: Sám hối tội trước không nhập vào quá khứ. Đức Phật nói: Đúng vậy! Giống như căn phòng tối nếu gặp đèn sáng thì bóng tối lập tức tan biến. Này người thiện nam! Không nói sám hối các tội lỗi vốn có trước kia mà lại cho là nói nhập vào quá khứ?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai tục hiển bày lại. Trong đó có hai lần hỏi - đáp. Lần đầu nói về đạo lý sám hối đó, lần sau nói về hành pháp sám hối đó. Trong lần hỏi này ý chép: Sám hối tội lỗi trước kia gọi là sám hối, thì tội lỗi trước kia không nhập vào quá khứ hay chăng? Nếu trước kia không phải bây giờ do đó nhập vào quá khứ ấy, vì sao đối với tội lỗi không có mà lại có sám hối vậy? Trong phần trả lời nói như vậy: Vì như vậy tội lỗi trước kia không nhập vào quá khứ, không thể đối với không có mà lại có sám hối. Vì sao? Vì những tội lỗi đã gây ra trước kia hun đúc ở tại bổn Thức, hạt giống thường trôi lăn tùy ở hiện

tại, do lý này mà không nhập vào quá khứ. Tạm thời bây giờ sám hối, có thể chữa trị lúc sanh ra khiến cho hạt giống tội lỗi kia không thể trôi lăn hiện tại, như đèn vào lúc phát sanh thì bóng tối trong căn phòng mới diệt mất. Vì hạt giống tội lỗi không đến từ hiện tại này, lúc này mới nói làm cho nhập vào quá khứ, mà không nói sám hối tội lỗi đã gây ra trước kia vậy. Tội lỗi vốn có trước kia không phải sám hối mà dứt trừ được, vì không có thể khiến cho tội lỗi kia không phải có ở trước, nhưng tội lỗi đó có trước kia làm cho không đến được hiện tại, không đến được hiện tại là do sự thật hành của sám hối. Điểm này cùng với nghĩa của dứt trừ kết sử khác nhau là vì nghĩa kia dựa theo đạo lý sanh diệt, làm cho điều chưa phát sanh không đến được hiện tại, vì ở đây dựa sát vào lý tương tục, làm cho điều có trước kia không đến được hiện tại. Lại, dứt trừ kết sử ấy là dứt trừ hẳn hạt giống; sám hối tội lỗi trước kia ấy làm cho khuất phục giảm bớt hạt giống, vì dụng tăng cường không đến được hiện tại. Dựa theo nghĩa này nói là nhập vào quá khứ vậy.

Kinh: "A-nan ngôn: Vân hà danh vi sám hối? Phật ngôn: Y thử kinh giáo nhập chân thật quán, nhất nhập quán thời chư tội tất diệt, ly chư ác thú, đương sanh tịnh độ, tốc thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". A-nan chép: Thế nào gọi là sám hối? Đức Phật nói: Dựa vào kinh giáo này nhập vào chân thật quán, lúc chuyên nhất nhập vào quán thì các tội lỗi đều dứt trừ, xa lìa các đường ác sanh về Tịnh độ, mau thành tựu quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

Luận chép: Đây là phần thứ hai thực hành pháp sám hối. Trong phần trả lời có hai: Trước nói về hành pháp, sau chỉ ra thắng lợi. Trong phần đầu nói "Dựa vào kinh giáo này nhập chân thật quán": Nghĩa là dựa vào giáo chỉ của kinh Tam-muội Kim Cương phá bỏ tướng các pháp gọi là nhập vào chân thật. Đây là tương tự chân quán của Địa Tiền. Lúc chuyên nhất nhập quán này, các tội đều diệt: Tất cả tội chướng đều từ vọng tưởng sanh ra, nay phá bỏ các tướng nhập vào quán sát chân thật, lập tức phá bỏ tất cả cảnh giới vọng tưởng, cho nên các tội lỗi cùng lúc diệt sạch không còn. Kế là nói về thắng lợi thì có hai câu: Lìa các đường ác sẽ sanh về Tịnh độ: Là nói về Hoa báo, Chóng thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề: Là nói về quả báo.

Kinh: "Phật nói thị kinh dĩ, nhĩ thời A-nan cập chư Bồ-tát tứ bộ đại chúng giai đại vui mừng, tâm đắc quyết định, đảnh lễ Phật túc, vui mừng phụng hành". Đức Phật nói kinh này xong, lúc ấy A-nan và các Bồ-tát cùng bốn bộ đại chúng đều rất vui sướng, tâm được quyết định, đầu lạy dưới chân Phật, vui vẻ vâng hành.

Luận chép: Đây là phần thứ sáu vâng hành lưu thông. Trong đó có bốn câu: "Đều rất vui mừng" là vì nghe pháp nên vui mừng. Tâm đắc quyết định là vì xa lìa các nghi hoặc. Đảnh lễ chân Phật, trọng pháp kính người. Vui mừng vâng hành: Lúc thật hành càng vui thích.

Giáo Kim Cương sâu thẳm mà lại tinh vi, nay kế thừa niềm tin sơ lược ghi lại, nguyện cầu gốc lành này rộng khắp pháp giới, lợi ích cho tất cả không ai thiếu sót!.

Kính vì phúc đức không bờ mé, cung thất ngưng khánh chúc, không khí trần ai mãi mãi dừng, chính quyền dân chúng được thái bình, mặt trời soi phúc hưởng công bằng, bốn biển cùng khơi thông tuổi thọ, núi cao to cùng nhau cao mãi. Lại nguyện, nước mắt mẹ goá đạt tới tôi tớ cửa Phật, biến đổi rên rỉ trở thành tiếng ca hướng về, hằng năm có khắc chạm lâu dài, bản in làm ý niệm coi trọng, kinh này trích từ Cù Cung, phát khởi nguyện nhân trừ tật bệnh. Lại nguyện, phổ biến rộng khắp pháp giới hàm sinh, đời đời không nghe âm thanh bệnh tật, không ở trong bào thai, thường dạo chơi nơi cõi nước thanh tịnh tuyệt diệu của Chư Phật.

Ngày mồng 5 tháng 8 năm Giáp Thìn - Ưu-bà-tắc Trịnh Án ghi.

■